ABHIDHAMMA PIṬAKA

VÔ TỶ PHÁP TẠNG

Bộ Sách Chú Giải

ABHIDHAMMAṬṬHA SAṄGAHA

TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP

Tập II - Chương V

VITHĪMUTTA SAṄGAHA

TỔNG HỢP THOÁT LY LỘ TRÌNH

BHŪMICATUKKA – PAṬISANDHICATUKKA

KAMMACATUKKA – MARAṆUPPATTICATUKKA

Địa Giới Tứ Phần – Tái Sinh Tứ Phần

Nghiệp Lực Tứ Phần – Tử Vong Khởi Sinh Tứ Phần

(Hiệu Đính và Tái Bản Lần Thứ Nhất)

Tác Giả: SADDHAMMA JOTIKA MAHĀ THERA

Dịch Giả: SANTAKICCO MAHĀ THERA

(Đại Trưởng Lão TỊNH SỰ)

Biên Tập: Bhikkhu PASĀDO

P.L. 2566 D.L. 2022

ABHIDHAMMA PIṬAKA
VÔ TỶ PHÁP TẠNG

Bộ Sách Chú Giải

ABHIDHAMMAṬṬHA SAṄGAHA
TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP

Tập II: Chương V

VITHĪMUTTA SAṄGAHA
TỔNG HỢP THOÁT LY LỘ TRÌNH
BHŪMICATUKKA – PAṬISANDHICATUKKA
KAMMACATUKKA – MARAṆUPPATTICATUKKA
Địa Giới Tứ Phần – Tái Sinh Tứ Phần
Nghiệp Lực Tứ Phần – Tử Vong Khởi Sinh Tứ Phần
(Hiệu Đính và Tái Bản Lần Thứ Nhất)



Tác Giả: SADDHAMMA JOTIKA MAHĀ THERA
Dịch Giả: SANTAKICCO MAHĀ THERA
(Đại Trưởng Lão TỊNH SỰ)
Biên Tập: Bhikkhu PASĀDO

P.L. 2566 **D.L. 2022**

ABHIDHAMMAṬṬHA SAṄGAHA
By SADDHAMMA JOTIKA MAHĀ THERA

Volume II – Chapter V: VITHĪMUTTA SAṄGAHA
TỔNG HỢP THOÁT LY LỘ TRÌNH

Edited into Vietnamese and first edition
By Bhikkhu PASĀDO

Copyright©2022 by Bhikkhu PASĀDO
All rights reserved
ISBN 979-888680346-4
May 2022

Published by Library of **CATUDDISA SAṄGHA VIHĀRA**
5044 Old Shipps Store Road, Bealeton, VA 22712 – USA.

Printed by Gorham Printing
3718 Mahoney Drive,
Centralia, WA 98531 – USA.

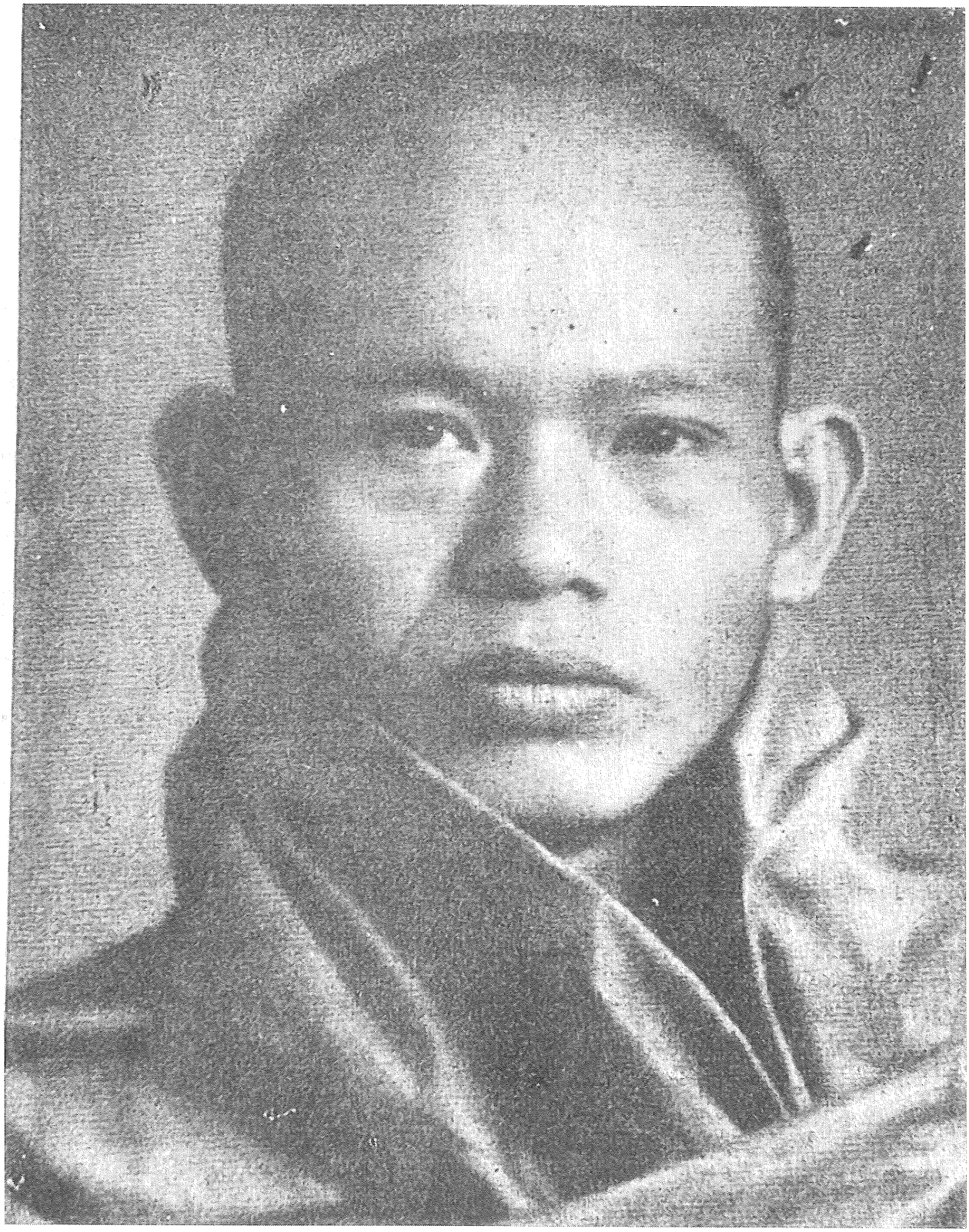

Venerable SADDHAMMA JOTIKA MAHĀ THERA
(1912 – 1966)



SANTAKICCO MAHĀ THERA
Đại Trưởng Lão Tịnh Sự
(1913 – 1984)

MỤC LỤC

Lời Mở Đầu ----------1
Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp Cửu Chương Thi Tập----------9
• CHƯƠNG THỨ NĂM – VITHĪMUTTASAṄGAHA-
TỔNG HỢP THOÁT LY LỘ TRÌNH – PHẦN I----------23
• ANUSANDHI – PAṬIÑÑĀ – PHẦN LIÊN KẾT VÀ THỆ NGUYỆN ----------23
• ĐỊA GIỚI TỨ PHẦN (BHŪMICATUKKA) ----------23
- Bài Kệ Tổng Hợp (Kathāsaṅgaha) ----------26
- Tứ Thống Khổ Địa Giới (Apāyabhūmi) ----------26
- Phân Loại Vô Gián Địa Ngục ----------40
- Bàng Sinh Địa Giới (Tiracchānabhūmi) ----------71
- Lãnh Vực Ngạ Quỷ Địa Giới (Pettivisayabhūmi) ----------80
- ATuLa Địa Giới (Asurabhūmi) ----------98
- Phân Tích Cả Tứ Thống Khổ Địa Giới Hình Thành Khổ Thú (Duggati)
Một Cách Trực Tiếp Và Gián Tiếp ----------106
- Giải Thích Việc Phân Loại Về Khổ Thú (Duggati) Và Thiện Thú (Sugati) ---------107
- Thất Thiện Dục Địa Giới (Kāmasugatibhūmi) ----------108
- Nhân Loại Địa Giới (Manussabhūmi) ----------109
- Lục Dục Thiên Giới (Devabhūmi) ----------121
- Trình Bày Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới ----------121
- Trình Bày Tam Thập Tam Thiên Giới ----------130
- Trình Bày Dạ Ma Thiên Giới (Yāmābhūmi) ----------146
- Trình Bày Đâu Suất Đà Thiên Giới (Tusitābhūmi)----------148
- Trình Bày Hóa Lạc Thiên Giới (Nimmānaratibhūmi) ----------149
- Trình Bày Tha Hóa Tự Tại Thiên Giới (Paranimittavasavattibhūmi) ----------149
- Mười Sáu Hữu Sắc Thiên Giới (Rūpabhūmi) ----------155
- Tứ Vô Sắc Thiên Giới (Ārūpāvacarabhūmi) ----------171
- Trình Bày Phân Loại Về Kiếp (Kappa) Và Sự Hiện Hành Về Kiếp
Bị Hoại Diệt Và Kiếp Hình Thành Mới Lại ----------182
• TÁI SINH TỨ PHẦN (PAṬISANDHICATUKKA) ----------216
- Trình Bày Số Lượng Tuổi Thọ Người Dục Giới (Kāmapuggala) ----------217
- Trình Bày Sáu Thể Loại Hữu Sắc Giới Tái Sinh ----------218
- Trình Bày Bốn Thể Loại Vô Sắc Giới Tái Sinh ----------220
• GIẢI THÍCH RỘNG THÊM PHẦN Ý NGHĨA TỪNG MỖI ĐIỀU HỌC PĀLI ĐÃ CÓ
ĐƯỢC TRÌNH BÀY Ở PHẦN TRÊN ----------221
- Trình Bày Chú Giải (Vacanatha) Và Lời Giải Thích Trong Mười Một Nhóm Người
Tái Sinh Với Tâm Thẩm Tấn Câu Hành Xả Quả Dị Thục Thiện ----------222
- Trình Bày Số Lượng Tuổi Thọ Nhân Loại Dục Địa Giới ----------228

- Sự Tác Hành Diễn Biến Người Dân Bắc Câu Lư Châu ----------234
- Trình Bày Sự Tác Hành Nhân Loại Trong Nam Thiệm Bộ Châu ----------236
- Trình Bày Thời Gian Đức Phật Ariya Mettreyya Sẽ Xuất Hiện Trong Cõi Nhân Thế (Manussaloka) ----------238
- Thụ Nạn Khổ Già Atula (Vinipātika Asurā) ----------239
- Trình Bày Sáu Thể Loại Hữu Sắc Giới Tái Sinh (Rūpāvacarapaṭisandhi 6) --------243
- Trình Bày Tứ Thể Loại Vô Sắc Giới Tái Sinh (Arūpapaṭisandhi) ----------248
- Trình Bày Sự Khốn Khổ Quanh Quẩn Trong Vòng Luân Hồi ----------249
• Vấn Và Đáp Về Địa Giới Tứ Phần ----------251
• Vấn Và Đáp Về Tái Sinh Tứ Phần ----------302
• Lời Sở Nguyện Và Kinh UDAYA – Phẩm UPASĀKA ----------311
• KAMMACATUKKA – NGHIỆP LỰC TỨ PHẦN
TRÌNH BÀY 16 LOẠI NGHIỆP LỰC ĐƯỢC PHÂN THÀNH BỐN NHÓM ----------312
I. SỰ VỤ TỨ PHẦN (KICCACATUKKA)----------320
II. TUẦN TỰ KHAI QUẢ TỨ PHẦN (PĀKADĀNAPARIYĀYACATUKKA)----------346
III. THỜI GIAN KHAI QUẢ TỨ PHẦN (PĀKAKĀLACATUKKA)----------357
IV. TRÚ XỨ KHAI QUẢ TỨ PHẦN (PĀKAṬṬHĀNACATUKKA)----------385
• TRÌNH BÀY NGŨ THIỆN NGHIỆP LỰC HỮU SẮC GIỚI (RŪPĀVACARA KUSALAKAMMA) ----------547
• TRÌNH BÀY TỨ THIỆN NGHIỆP LỰC VÔ SẮC GIỚI (ARŪPĀVACARA KUSALAKAMMA)----------549
• NGHIỆP LỰC TỨ PHẦN (KAMMACATUKKA)
VẤN VÀ ĐÁP VỀ NGHIỆP LỰC TỨ PHẦN----------579
• MARAṆUPPATTICATUKKA – TỬ VONG KHỞI SINH TỨ PHẦN
TRÌNH BÀY BỐN TRƯỜNG HỢP SỰ TỬ VONG ----------657
- Trình Bày Điềm Tướng Hiện Khởi Khi Cận Tử Lâm Chung ----------657
- Sự Hiện Hành Dòng Tâm Thức Khi Cận Tử Lâm Chung ----------658
- Trình Bày Việc Sinh Khởi Tâm Tái Sinh Trong Kiếp Sống Mới ----------658
- Trình Bày Cảnh Của Tâm Tái Sinh Dục Giới (Kāmapaṭisandhicitta) ----------659
- Trình Bày Cảnh Của Tâm Tái Sinh Hữu Sắc Giới (Rūpapaṭisandhicitta) Và Tâm Tái Sinh Vô Sắc Giới (Arūpapaṭisandhicitta) ----------659
- Trình Bày Tâm Tái Sinh Sinh Khởi Nối Tiếp Từ Tâm Tử ----------660
- Việc Sinh Khởi Tâm Hữu Phần Và Tâm Tử ----------661
- Việc Luân Chuyển Tuần Hoàn Trong Vòng Luân Hồi ----------661
- Câu Kệ Trình Bày Việc Chỉ Dẫn Phương Thức Làm Cho Tiệt Diệt Vòng Luân Hồi----------661
• GIẢNG GIẢI TUẦN TỰ Ý NGHĨA THEO PHẦN PĀLI BỘ TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP TRONG PHẦN TỬ VONG KHỞI SINH TỨ PHẦN (MARAṆUPPAT TICATUKKA)----------662
• KỆ TÓM TẮT (NIGAMAKATHĀ) ----------731
• LỜI SỞ NGUYỆN (PARĀRATANĀ) ----------732

- TỬ VONG KHỞI SINH TỨ PHẦN (MARAṆUPPATTICATUKKA)
  VẤN VÀ ĐÁP VỀ TỬ VONG KHỞI SINH TỨ PHẦN ----------732
- PHỤ LỤC ----------744
- LỜI PHỤC NGUYỆN CỦA DỊCH GIẢ ----------751
- PHƯƠNG DANH THÍ CHỦ CÚNG DƯỜNG ----------754
- KINH SÁCH ĐÃ ĐƯỢC PHÁT HÀNH VÀ SẼ PHÁT HÀNH ----------760

----------00000----------

LỜI MỞ ĐẦU

(Ngài Đại Trưởng Lão **Saddhamma Jotika**)

Lẽ thường khó mà bảo quản được vật báu có giá trị cao quý, nó cần phải nương vào người có sự hiểu biết trong việc bảo quản, có sự quan tâm để ý đến và phải là người có Phước Báu Ba La Mật. Khi hội đủ cả ba đặc tính này rồi, mới có khả năng bảo quản được vật có giá trị quý báu ấy, cho được bền vững lâu dài mà không bị hư hoại. Nếu thiếu đi người mà có phẩm hạnh như đã được đề cập đến ở đây, tài sản có giá trị cao quý ấy có thể hẳng là bị hư hoại đi. Chẳng hạn như người mà được tiếp nhận tài sản của thừa kế từ nơi người Mẹ người Cha hoặc Quyến Thuộc, một vài người có khả năng quản lý tài sản của cải ấy cho được thành tựu một cách tốt đẹp xuyên suốt cho đến hàng con cháu. Tất cả sự việc này là cũng do bởi người ấy đã hội túc duyên với đủ cả ba thể loại ân đức ấy. Một vài người khi đã tiếp nhận của di sản mà đã được truyền thụ lại không có khả năng để quản lý trông nom tài sản của cải ấy cho được bền vững lâu dài; hoặc với tâm không có sự hiểu biết trong việc bảo quản; hoặc không có sự quan tâm để ý đến trong việc bảo quản khiến cho bị tổn thất hư hoại đi; hoặc là người vô phúc thiểu âm đức để bảo quản tài sản ấy để cho phải bị nạn hỏa tai, hoặc bị nạn đạo tặc, hoặc bị nạn thủy tai, hoặc bị nạn Vua Quan tịch thu. Điều này như thế nào thì trong lãnh vực tri kiến hiểu biết ở điều trọng yếu, truyền thống đạo đức tốt đẹp cũng giống như vậy. Nếu thiếu đi người có sự hiểu biết trong việc bảo quản, tri kiến hiểu biết ở điều trọng yếu, hay là truyền thống đạo đức hẳng là thường luôn bị hư hoại đi. **Trái lại thay vào đó, tri kiến hiểu biết và truyền thống đạo đức lại có liên quan đến việc dưỡng nuôi Ái Dục (Taṇhā), Ngã Mạn (Māna) và Tà Kiến (Diṭṭhi).** Do bởi lý do này mới cần phải có người có sự hiểu biết và có sự quan tâm để ý đến trong việc bảo quản điều tốt đẹp này; đến để trông nom, gìn giữ và bảo hộ điều tốt đẹp này cho được tồn tại bền vững lâu dài.

Trong thời buổi hiện tại này, truyền thống đạo đức và tri kiến hiểu biết ở trong lãnh vực Phật Giáo hẳng là đã bị tiêu hoại đi chẳng phải là không ít. Tất cả sự việc này là cũng do bởi người dân trong những quốc độ ấy **không có sự thẩm thấu hiểu biết, hoặc không có sự quan tâm để ý đến việc bảo quản, hoặc chính thực bản thân mình là vô phước vô phần để sẽ được trông nom gìn giữ.** Chẳng hạn như ở trong đất nước Ấn Độ, thoạt đầu thì tri kiến hiểu biết trong lãnh vực Phật Giáo quả là tốt đẹp, việc tu tập về Pháp Hành An Chỉ và Minh Sát Tuệ thật là tốt đẹp, hoặc truyền thống đạo đức ở phần trau giồi tu tập một cách thường nhiên thật là tốt đẹp, và đã có sự tiến hóa cực thịnh ở trong thời kỳ ấy. Tuy nhiên trong thời buổi hiện tại này, những sự tiến hóa về các sự việc ấy đã bị tiêu hoại đi đến nỗi gần như đã bị hoại diệt. Khi đã được nhìn thấy sự hiện hành của tất cả người dân hiện hữu ở nơi quốc độ ấy trong thời điểm này rồi, chắc có lẽ hoàn toàn không thể tin được rằng đã từng là đất nước có nền Phật Giáo cực thịnh trước kia, là bởi do có được tiếp xúc từ tri kiến hiểu biết và truyền thống đạo đức thông qua việc thực hành theo Giáo Pháp của cái cũ và cái mới, mà liên quan với việc dưỡng nuôi làm thỏa mãn phần lớn về Ái Dục, Ngã Mạn, và Tà Kiến. Sự hiện hành như vậy, chẳng phải chỉ có riêng biệt là ở trong đất nước Ấn Độ không thôi, thậm chí ở trong đất nước khác mà đã từng có sự phát triển với tri kiến hiểu biết

(Pháp Học) và việc tu tập về Pháp Hành An Chỉ và Minh Sát Tuệ (Pháp Hành), truyền thống đạo đức và xuyên suốt cho đến lễ nghĩa của người dân ở trong đất nước ấy, cũng có sự việc này sự việc nọ và cũng bị tiêu hoại đi tương tự như nhau. Thêm vào đó hết tất cả lại thay thế với phần đức tin sai khác, phần tri kiến hiểu biết sai khác, phần truyền thống đạo đức sai khác thì những thế hệ trẻ sau này không có ai có thể hiểu biết được một cách thấu đáo với sự việc xảy ra, đua nhau hiểu biết đi theo tri kiến của người có quyền lực đang hiện bày trong thời lúc hiện tại này.

Tri kiến hiểu biết (Pháp Học) và việc trau giồi tu tập (Pháp Hành) trong lãnh vực Phật Giáo có ân đức cao quý đó, chính là tri kiến hiểu biết trong Tạng Vô Tỷ Pháp và việc tu tập về Pháp Hành An Chỉ và Minh Sát Tuệ. Sự việc Bần Đạo đề cập đến như vậy, chẳng phải vì Bần Đạo là vị Giáo Thọ giảng dạy Tạng Vô Tỷ Pháp mới có đề cập đến như vậy. Việc Bần Đạo đề cập tại đây là thể theo sự thật, là theo nền tảng của Phật Ngôn và thành quả Chú Giải Phụ Chú Giải mà đã được gặt hái từ sự nghiên cứu Tạng Vô Tỷ Pháp và tu tập Thiền Minh Sát Tuệ đã đang hiện bày ở trong hàng Phật Tử, đó là nền tảng xác chứng hiện thực, do đó không cần phải đề cập dông dài cho thêm nhiều chi tiết nữa. Còn thành quả của việc gặt hái từ sự nghiên cứu Tạng Vô Tỷ Pháp và tu tập Thiền Minh Sát Tuệ sẽ bị hư hoại đi là của người không chính chắn tu tập, luôn cả không có tâm thức thanh tịnh, cũng thường hằng có là lẽ thường nhiên, tuy nhiên không phải là số lượng nhiều. Chí đến trong thời kỳ của Đức Phật, khi mà Bậc Chánh Đẳng Giác vẫn đang còn hiện hữu thì thành quả này bị hư hoại đi, cũng vẫn có ở trong cả hạng người xuất gia và tại gia.

Chính việc nhận thấy của Bần Đạo như đã đề cập đến tại đây, làm thành nguyên nhân khiến cho Bần Đạo gắng sức nỗ lực giảng dạy và soạn tác những kinh điển mà có liên quan với Tạng Vô Tỷ Pháp và phương hướng tu tập Thiền Minh Sát Tuệ trong thời gian mười hai năm qua, với hy vọng sẽ làm cho người có tâm vui thích học hỏi Giáo Pháp của bậc Chánh Đẳng Giác được thấu hiểu đến phần Giáo Pháp thậm thâm vi tế, tức là Tạng Vô Tỷ Pháp này vậy. Quyển kinh sách này đã được hoàn thành cũng nhờ vào sự hợp tác của các học viên trong lãnh vực biên soạn; **Guṇavaṇṇī, Komesa** là những người giúp đỡ về phương diện tài chánh và cũng có rất nhiều học viên đã hợp cùng nhau trong việc đóng góp. Bần Đạo xin được **tùy hỷ công đức (Anumodanā)** và xin có lời chúc phúc như tiếp theo đây:

Te attha laddhā sukhitā **Viruḷhā Buddhasāsane**
Arogā sukhitā hontu **Saha sabbehi ñātibhi.**

Cầu xin tất cả Quý Ngài cho được thành người am tường việc tiến hóa lợi ích, và cho có được Thân Tâm an lạc; cho được thành người tăng tiến phát triển sung thiện và cho có được chứng đạt Đạo Quả trong Phật Giáo; và cho được thành người không có ốm đau bệnh tật, sầu khổ ưu não bất luận trong trường hợp nào, và chỉ có Tâm an lạc với tất cả thân bằng quyến thuộc của Quý Ngài cả bên Nội và bên Ngoại đồng cùng nhau hết cả thảy.

Saddhamma Jotika Dhammācariya
Ngài Giáo Thọ Sư Chánh Pháp Quang Minh
Ngày 15 Tháng Bảy Phật Lịch 2503
----------00000----------

PHI LỘ

(Ngài Đại Trưởng Lão Tịnh Sự)

Chúng tôi phiên dịch Tạng Vô Tỷ Pháp (Tạng Diệu Pháp) cũng không ngoài ra Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp, Níp Bàn. Chỉ về Pháp Hữu Vi cho chúng ta thấy rõ Vô Thường, Khổ Não và Vô Ngã để làm bàn đạp, qua rồi mới hoàn toàn rốt ráo rất thật tự nhiên, nêu danh là Níp Bàn (**Nibbāna**) không Luân Hồi Sinh Tử chi cả.

Nhưng chúng ta muốn hiểu thấu, Đắc Chứng chắc phải nhờ Học Hành đầy đủ, hầu tránh khỏi sai lầm và mê tín. Vì thế nên chúng tôi cố gắng đem lối kinh nghiệm uyển chuyển rất nhiều lần đa cách.

Nay in ra để giúp Quý Bạn đồng tìm.

Mong lợi ích kiến thức cùng nhau tiến hóa.

Santakicco Mahā Thera

(Đại Trưởng Lão Tịnh Sự)

----------00000----------

KỆ TÓM TẮT (NIGAMAKATHĀ)

Ettāvatā ca marammaratthe marammajātikehi TÒTID ÙDUNMIEN tihavayehi mātāpitūhi Buddhasakarāje chapannāsādhikacatusatdvisahasse cūlasaka rāje pañcasattatyādhikadvisatekasahasse sampayutte phaggunamāsajunha pakkha attha niyaṃ angavāre vijātena jātiyā catucattālīsahāyanikena upasampadabhàvena catuvīsativassīkena dhammācariyoti laddhalañchakena Saddhammajotikanāmena mayā rakkhaṅghositārāme Abhidhammahāvidhayā laye Abhidhammaganapāmok kha bhāvena nānāpakaraṇāni vācetvā visesa tosātathakathātīkaṃ Abhidhamma pīṭakaṃ vācetvā viharantena Abhidhammikānaṃ atthāya.

Dịch nghĩa với nội dung: Bần Đạo được sinh ra vào Phật Lịch 2456, Niên Lịch Thái Lan (sau Công Nguyên 638 năm) là 1275, đúng với Ngày Thứ Ba, Tháng Tư, ngày mùng 8 Âm Lịch, trong Xứ Miến Điện. Người mẹ có tên **Tòtid** và Người Cha có tên **Ūdunmien**, có tuổi thọ được 44, có tuổi đạo 24, và có danh xưng ở trong xã hội là Ngài Chánh Pháp Quang Minh **(Saddhamma Jotika)** An Cư Kiết Vũ và giảng dạy những kinh điển, đặc biệt thù thắng là giảng dạy Tạng Vô Tỷ Pháp cùng với Chú Giải, Phụ Chú Giải ở tại Trường Đại Học Vô Tỷ Pháp của **Chùa Chung Cáo Thị (Rakkhaṅghositārama)** Tỉnh **Dhonpuri,** ở vị trí là Viện Trưởng Khoa Vô Tỷ Pháp.

KINH VÔ NGÃ TƯỚNG
(ANATTALAKKHAṆA SUTTA)

Tôi đã đặng nghe như thế này:
Một thuở kia Phật Ngài đang ngự
Rừng Đạo Sĩ gần thành Ba Na Si
Lúc Thế Tôn, Ngài thuyết Pháp
Để độ bọn năm Thầy
Này Tỳ Khưu tất cả
Sắc thân Vô Ngã.
Này các Thầy Tỳ Khưu,
Nếu Sắc thân mà Hữu Ngã,
Thời chẳng có sự Khổ Đau,
Lại phải tùy theo ý muốn,
Mới cho là Sắc Uẩn của Ta.
Bảo như thế này đừng như thế nọ.
Bởi vậy này các Thầy Tỳ Khưu,
Sắc thân Vô Ngã, mới có sự Khổ Đau.
Lại cũng không theo ý muốn,
Chớ cho là Sắc Uẩn của Ta.
Bảo như thế này đừng như thế nọ.
Thọ Uẩn Vô Ngã,
Này các Thầy Tỳ Khưu,
Nếu Thọ Uẩn mà Hữu Ngã,
Thời chẳng có sự Khổ Đau.
Lại phải tùy theo ý muốn,
Mới cho là Thọ Uẩn của Ta.
Bảo như thế này đừng như thế nọ.
Bởi vậy này các Thầy Tỳ Khưu,
Thọ Uẩn Vô Ngã, mới có sự Khổ Đau.
Lại cũng không theo ý muốn,
Chớ cho là Thọ Uẩn của Ta.
Bảo như thế này đừng như thế nọ.
Tưởng Uẩn Vô Ngã,
Này các Thầy Tỳ Khưu,
Nếu Tưởng Uẩn mà Hữu Ngã,
Thời chẳng có sự Khổ Đau.
Lại phải tùy theo ý muốn,
Mới cho là Tưởng Uẩn của Ta.
Bảo như thế này đừng như thế nọ.

Bởi vậy này các Thầy Tỳ Khưu,
Tưởng Uẩn Vô Ngã, mới có sự Khổ Đau.
Lại cũng không theo ý muốn.
Chớ cho là Tưởng Uẩn của Ta.
Bảo như thế này đừng như thế nọ.
Hành Uẩn Vô Ngã,
Này các Thầy Tỳ Khưu,
Nếu Hành Uẩn mà Hữu Ngã,
Thời chẳng có sự Khổ Đau.
Lại phải tùy theo ý muốn.
Mới cho Hành Uẩn của Ta,
Bảo như thế này đừng như thế nọ.
Bởi vậy này các Thầy Tỳ Khưu,
Hành Uẩn Vô Ngã, mới có sự Khổ Đau.
Lại cũng không theo ý muốn.
Chớ cho là Hành Uẩn của Ta.
Bảo như thế này đừng như thế nọ.
Thức Uẩn Vô Ngã,
Này các Thầy Tỳ Khưu,
Nếu Thức Uẩn mà Hữu Ngã,
Thời chẳng có sự Khổ Đau.
ại phải tùy theo ý muốn.
Mới cho là Thức Uẩn của Ta,
Bảo như thế này đừng như thế nọ.
Bởi vậy này các Thầy Tỳ Khưu,
Thức Uẩn Vô Ngã, mới có sự Khổ Đau.
Lại cũng không theo ý muốn.
Chớ cho là Thức uẩn của Ta,
Bảo như thế này đừng như thế nọ.
Này các Thầy Tỳ Khưu, Suy xét như thế nào,
Sắc Uẩn vững bền, hay là không bền vững ?
Bạch Đức Thế Tôn, Sắc Uẩn không bền !
Những chi không bền, thời khổ não hay yên vui ?
Bạch Đức Thế Tôn,
Những chi không bền là khổ não !
Hằng có sự đổi thay.
Vậy chớ chấp theo thường thức,
Ta như vầy như vậy,
Hay là nhân vật của Ta chăng ?
Bạch Đức Thế Tôn, chẳng nên theo như thế !

Này các Thầy Tỳ Khưu,
Suy xét như thế nào,
Thọ Uẩn vững bền, hay là không bền vững ?
Bạch Đức Thế Tôn, Thọ Uẩn không bền !
Những chi không bền, thời khổ não hay yên vui ?
Bạch Đức Thế Tôn,
Những chi không bền là khổ não !
Hằng có sự đổi thay,
Vậy chớ chấp theo thường thức,
Ta như vầy như vậy,
Hay là nhân vật của Ta chăng ?
Bạch Đức Thế Tôn, chẳng nên theo như thế !
Này các Thầy Tỳ Khưu,
Suy xét như thế nào,
Tưởng Uẩn vững bền, hay là không bền vững ?
Bạch Đức Thế Tôn, Tưởng Uẩn không bền !
Những chi không bền, thời khổ não hay yên vui ?
Bạch Đức Thế Tôn,
Những chi không bền là khổ não !
Hằng có sự đổi thay,
Vậy chớ chấp theo thường thức,
Ta như vầy như vậy,
Hay là nhân vật của Ta chăng ?
Bạch Đức Thế Tôn, chẳng nên theo như thế !
Này các Thầy Tỳ Khưu,
Suy xét như thế nào,
Hành Uẩn vững bền, hay là không bền vững ?
Bạch Đức Thế Tôn,
Hành Uẩn không bền !
Những chi không bền, thời khổ não hay yên vui ?
Bạch Đức Thế Tôn,
Những chi không bền là khổ não !
Hằng có sự đổi thay,
Vậy chớ chấp theo thường thức, Ta như vầy như vậy,
Hay là nhân vật của Ta chăng ?
Bạch Đức Thế Tôn, chẳng nên theo như thế !
Này các Thầy Tỳ Khưu,
Suy xét như thế nào,
Thức Uẩn vững bền, hay là không bền vững ?
Bạch Đức Thế Tôn,

Thức Uẩn không bền !
Những chi không bền, thời khổ não hay yên vui ?
Bạch Đức Thế Tôn,
Những chi không bền là khổ não !
Hằng có sự đổi thay,
Vậy chớ chấp theo thường thức,
Ta như vầy như vậy,
Hay là nhân vật của Ta chăng ?
Bạch Đức Thế Tôn, chẳng nên theo như thế !
Bởi vậy này các Thầy Tỳ Khưu,
Mỗi những điều vật chất,
Nào quá khứ, hiện tại, vị lai,
Hoặc bên trong bên ngoài,
Hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu,
Hoặc gần hoặc xa, thế chỉ là Sắc Uẩn.
Đều chẳng phải của Ta !
Cách nào cũng chẳng phải là Ta.
Tất cả nên hiểu biết,
Nương theo Trí thật thấy cao siêu.
Mỗi những điều hứng chịu,
Nào quá khứ, hiện tại, vị lai,
Hoặc bên trong bên ngoài,
Hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu,
Hoặc gần hoặc xa, thế chỉ là Thọ Uẩn.
Đều chẳng phải của Ta !
Cách nào cũng chẳng phải là Ta.
Tất cả nên hiểu biết,
Nương theo Trí thật thấy cao siêu.
Mỗi những điều nhớ tưởng,
Nào quá khứ, hiện tại, vị lai,
Hoặc bên trong bên ngoài,
Hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu,
Hoặc gần hoặc xa, thế chỉ là Tưởng Uẩn.
Đều chẳng phải của Ta !
Cách nào cũng chẳng phải là Ta.
Tất cả nên hiểu biết,
Nương theo Trí thật thấy cao siêu.
Mỗi những điều tạo tác,
Nào quá khứ, hiện tại, vị lai,
Hoặc bên trong bên ngoài,

Hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu,
Hoặc gần hoặc xa, thế chỉ là Hành Uẩn.
Đều chẳng phải của Ta !
Cách nào cũng chẳng phải là Ta.
Tất cả nên hiểu biết,
Nương theo Trí thật thấy cao siêu.
Mỗi những điều tạo tác,
Nào quá khứ, hiện tại, vị lai,
Hoặc bên trong bên ngoài,
Hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu,
Hoặc gần hoặc xa, thế chỉ là Thức Uẩn.
Đều chẳng phải của Ta !
Cách nào cũng chẳng phải là Ta.
Tất cả nên hiểu biết,
Nương theo Trí thật thấy cao siêu.
Này các Thầy Tỳ Khưu,
Bậc Thinh Văn Thánh Quả,
Đã đặng nghe Pháp này, nên chán tất cả Uẩn.
Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức,
Khi chán nản đặng rồi,
Thì lòng nhiễm nhơ phai lảng,
Do phai lảng đó, Tâm mới đặng rảnh rang.
Liền phát sinh giải thoát tri kiến,
Đến Bậc Thinh Văn Tứ Quả,
Vẫn biết rỏ rệt như thế này,
Đây là kiếp chót của Ta,
Phạm Hạnh Ta nay đều hoàn bị,
Việc đáng làm Ta đa xong xuôi,
Nào việc khác chẳng còn chi nữa,
Đức Thế Tôn, Ngài thuyết pháp rồi,
Năm Thầy Tỳ Khưu tất cả,
Lòng rất hớn hở vui mừng,
Với lời vàng của Đức Phật.
Đây là quy phạm của Phật nói ra,
Cả năm Thầy đều giải thoát,
Xa lìa Tứ Lậu, Pháp Thủ cũng phai.
Đại Trưởng Lão Tịnh Sự (Thế Danh: Võ Văn Đang)
Thứ Năm ngày 17 tháng 08 – 1962 / 2505 P.L.
Ngày 16 tháng 7 Năm Nhâm Dần (Âm Lịch)
Viên Giác Tự - Xã Long Hồ - Tỉnh Vĩnh Long

TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP CỬU CHƯƠNG THI TẬP

Do Đại Trưởng Lão **TỊNH SỰ** soạn tác

Mùa Thu – Năm Mậu Thân (P.L.2511 / D.L. 1968)

Chương Thứ Nhất: TÂM TỔNG HỢP

1. Cúi đầu làm lễ Phật Đà,
Lạy ngôi Pháp Bảo luôn và Thánh Tăng,
Tôi xin bày tỏ luận phần
DIỆU PHÁP LÝ HỢP sẽ phân nhiệm mầu.
2. Bốn Pháp Siêu Lý cao sâu,
Tính theo tóm tắt ban đầu Tâm Vương.
Tâm Sở Sắc Pháp cùng nương,
Níp Bàn vô thượng là phương tuyệt đoàn.
3. Mười hai Bất Thiện sẽ toan,
Tâm Tham có tám chứa chan theo phần,
Tâm Sân hai thứ khó dằn,
Tâm Si một cặp cộng bằng mười hai.
4. Vô Nhân mười tám chẳng sai,
Quả Bất Thiện bảy, Quả lành tám Tâm.
Tâm Hạnh ba thứ đồng lâm,
Cộng chung mười tám chẳng cầm nổi Nhân.
5. Trừ trên ba chục ngoài hơn,
Năm mươi lẻ chín hẹp đơn đón phần.
Rộng thời chín chục một tăng.
Là Tâm Tịnh Hảo xét phân biết rành.
6. Tính theo Thọ Trì, trợ lành,
Dục Giới Tịnh Hảo kể thành hăm tư.
Đại Thiện có tám chẳng dư,
Đại Quả, Đại Hạnh đều như tám lòng.
7. Dục Giới mười một Cõi trong,
Năm mươi lẻ bốn tánh mong Dục nhiều.
Nhị Thập Thiện, Bất Thiện nêu,
Mười một Giống Hạnh, Quả nhiều hăm ba.
8. Những Tâm Sắc Giới như là,
Tính theo Thiền Định thời mà năm Tâm,
Chia phân Thiện, Quả chớ lầm,
Với cùng Giống Hạnh kể nhẫm mười lăm.
9. Cõi Vô Sắc Giới những Tâm,
Bốn Thiện, bốn Quả hiệp lăm cộng cùng.

Giống Hạnh bốn thứ kể chung,
Thành mười hai thứ hoành tung vô hình.
10. Bốn Tâm Thánh Đạo nhân linh,
Quả mầu cũng bốn phát minh Thánh Đoàn.
Cộng chung tám tánh tính toan,
Đó là Xuất Thế Níp Bàn Cảnh quy.
11. Lấy trên chia giống bốn chi,
Mười hai Bất Thiện, Thiện thì hăm dư.
Tám Quả ba chục sáu cư,
Giống Hạnh hằng số hai mươi đủ tròn.
12. Dục Giới năm chục bốn son,
Mười lăm Sắc Giới nước non y phần.
Mười hai Vô Sắc thường năn,
Xuất Thế có tám cận thân Níp Bàn.
13. Tâm Vương dón rộng hai đàng,
Hẹp thời tám chục lại tràn chín dư,
Rộng thời trăm với hai mươi,
Lại thêm lẻ một cả Chư Thánh Thoàn.
14. Rộng theo Thiền Định phân ban,
Mỗi Tâm Xuất Thế thiền thang năm từng,
Năm lần cái tám là chừng,
Nhân rộng cộng lại số ngừng bốn mươi.
15. Tính theo Sắc Giới chẳng dư,
Sơ Thiền tới Ngũ sắp như của Phàm.
Tâm Vô Sắc Giới đã hàm,
Khép vào Thiền Ngũ kể làm thứ năm.
16. Vậy nên mới đếm tới hăm,
Và ba số lẻ cao thâm Ngũ Thiền.
Sơ, Nhị, Tam, Tứ mỗi riêng,
Đều là mười một rộng tuyên số này.
Tính theo bốn Giống đủ đầy,
Ba mươi lẻ bảy Thiện gây Nhân lành.
Năm mươi hai lẻ Quả rành,
Hai mươi Giống Hạnh chẳng lành mười hai.
Tâm Vương lược tỏ gọn thay,
DIỆU PHÁP LÝ HỢP nghĩa này **Pāli**.
Đây là Phẩm Nhứt sơ chi,
Phân bày mười bảy kệ thì nghĩa suông.

Chương Thứ Hai: TÂM SỞ TỔNG HỢP

(Tâm Sở Phối Hợp và Tâm Vương Hợp Đồng)

1. Pháp chi phụ thuộc Tâm Vương,
Đồng sinh, đồng diệt, đồng nương Cảnh đồng.
Năm mươi hai lẻ Pháp Tông,
Ấy là Tâm Sở bởi vòng Tứ chung.
2. Nêu danh tùy trạng lập dùng,
Mươi ba Vô Ký chẳng lành mười tư,
Hăm lăm Tịnh Hảo chẳng dư,
Ba phân hiệp lại đủ như số kìa.
3. Sau đây bày tỏ hiệp chia,
Tâm Sở Phối Hợp đem về Tâm Vương,
Ở nhiều ở ít tùy phương,
Năm mươi hai lẻ hoặc tường chung riêng.
4. Biến Hành bảy thứ khắp liên,
Biệt Cảnh sáu thứ tùy duyên hiệp vào.
Mười bốn Bất Thiện hiệp nhau,
Hăm lăm Tịnh Hảo tương giao ít rời.
5. Biệt Cảnh thứ lớp chừa nơi,
Sáu mươi lẻ sáu, năm mười lẻ năm,
Mười một, mười sáu phân nhầm,
Bảy mươi, hai chục là Tâm không hòa.
6. Về phần Hiệp đặng tính ra,
Năm mươi lăm lẻ, sáu và sáu mươi.
Bảy chục, tám lẻ ba dư,
Năm mươi lẻ một, sáu mươi chín riêng.
7. Si Phần Bất Thiện hiệp nguyên,
Tham ba, hiệp tám, Sân phiền có tư,
Hiệp Sân hai thứ chẳng dư,
Hôn Thùy hiệp với năm lười trợ duyên.
8. Hoài Nghi hiệp với nghi chuyên,
Bất Thiện mười bốn theo nguyên chẳng lành.
Mười hai Bất Thiện vương đành,
Tâm Sở Phối Hợp chẳng lành phân năm,
9. Mười chín Tịnh Hảo biến Tâm,
Hiệp năm mươi chín Tâm Vương thanh nhàn.
Giới Phần mười sáu hiệp chan,
Đẳng Phần hăm tám hiệp đoàn chẳng dư.
10. Trí Huệ hiệp với bốn mươi,
Và thêm lẻ bảy cả Chư Thánh Phàm.

Hăm lăm Tịnh Hảo phân làm,
Bốn phần trợ hiệp phụ hàm Phối Ưng.
11. Bất Định mười một sẻ trưng,
Ngã, Tật, Não, Hận, Thụy Miên, Hôn Trầm.
Đẳng Phần hai thứ Sở Tâm,
Giới Phần ba thứ hoặc lâm hoặc về.
12. Dư ra bốn chục một kê,
Về phần nhứt định hằng kề chẳng ly,
Từ đây trái lại vậy thì,
Tâm Vương chủ hiệp mỗi kỳ bao nhiêu.
13. Xuất Thế băm sáu Sở nêu,
Đáo Quãng băm bảy, hiệp nhiều băm lăm.
Dục Giới Tịnh Hảo bốn hăm,
Đặng ba mươi tám rất Tâm Sở nhiều.
14. Bất Thiện hặm bảy Sở chiêu,
Vô Nhân mười tám Sở nêu thập nhì.
Tâm Vương dón rộng cũng thì,
Sở Ngũ thập nhị hợp nghi năm dài.
15. Xuất Thế Thiền rộng ngũ bày,
Ba mươi lẻ sáu, năm, ngoài bốn, ba,
Thứ năm, thứ tứ cũng là,
Ba mươi ba lẻ đủ ra ngũ phần.
16. Đáo Quãng cũng hiệp năm lần,
Băm lăm, băm bốn giữa cần băm ba,
Thiền tứ băm nhị đủ ra,
Thiền Ngũ ba chục bớt mà số hai.
17. Dục Giới Tịnh Hảo ít sai,
Đôi thời thập nhị, sắp bày hạnh trung.
Ba mươi mỗi cặp phải dùng,
Sau bày số lẻ đặng từng lớp chia.
18. Thiện tám, bảy, bảy sáu kìa,
Hạnh năm, bốn, bốn ba lìa Quả tam,
Hai, hai chót một đủ hàm,
Dục Tịnh Vương Chủ phân làm mười hai.
19. Đáo Quãng Dục Hạnh đã bày,
Giới Phần không hiệp Thánh đây đẳng lìa.
Đại Quả, Giới, Đẳng rẻ chia,
Đều không đặng hiệp sớm khuya chút nào.
20. Xuất Thế bởi Thiền khác nhau,
Đáo Quãng do đẳng thấp cao phân từng.

Dục Giới Tịnh Hảo chia xưng,
Giới Phần Trí Huệ, Hỷ mừng mới ra.
21. Mười hai Bất Thiện bảy là,
Mười chín, mười tám với mà hai mươi.
Hăm mốt, hai chục chẳng dư,
Hăm hai, thập ngũ hiệp như bảy phần.
22. Biến Hành Bất Thiện bốn thân,
Với mười Vô Ký có hằng bất lương,
Trừ Dục, Thắng Giải, Hỷ phương,
Ba Tâm hoặc ở theo phường tùy duyên.
21. Vô Nhân mười tám bốn thiên,
Mười hai, mười một kế liền thập trơn,
Chót thời có bảy ít hơn,
Vô Nhân Vương Chủ hiệp đơn bốn phần.
22. Biến Hành bảy thứ mỗi hằng,
Biệt Cảnh sáu thứ giúp mần vừa công.
Hợp Đồng theo rộng đã xong,
Tâm Vương phân đoạn dắn chồng hăm ba.
23. Tùy theo bày tỏ hiệp hòa,
Phối – Đồng hai cách đã mà phân vân.
Năm mươi hai lẻ Sở Phần,
Đều chia theo trợ nên cần hiểu thông.
Đây là Phẩm Nhị vừa xong,
DIỆU PHÁP LÝ HỢP của trong Sở Đoàn,
Hăm lăm bài Kệ hoàn toàn,
Ai là Học Giả luận bàn xét suy.

Chương Thứ Ba: LINH TINH TỔNG HỢP

1. Đã bày chân tướng phần Danh,
Năm mươi ba lẻ chỉ rành rộng phân.
Về phần tom góp tỏ lần,
Hợp Đồng sáu đoạn ân cần kể ra.
2. Thọ Nhân với Sự Môn và,
Lại thêm Cảnh Giới cùng là Phù Căn,
Nương theo thứ lớp của văn,
Hợp Đồng tom góm sáu phần biểu ghi.
3. Tam Thọ Lạc, Khổ Xả chi,
Ngũ Thọ, Ưu Hỷ thêm thì đủ năm.
Hiệp chia khéo tính chớ lầm,

Phân bày Ngũ Thọ đã hàm cả ba.
4. Mỗi Thọ có mấy kể ra,
Khổ một, Lạc một, Ưu mà đặng hai.
Lục Thập Nhị Hỷ rộng thay,
Năm mươi lăm lẻ Xã đầy chẳng hơn.
5. Thâm Sân Si Bất Thiện Nhân,
Vô Tham, không giận với dơn chẳng mờ.
Là ba Nhân Thiện đáng mơ,
Trạng ra sáu thứ căn cơ của lòng.
6. Vô Nhân mười tám long đong,
Một Nhân một cặp ở trong Si hồn.
Hai Nhân, hai chục, hai tồn,
Ba Nhân bốn chục thêm dồn bẩy rơi.
7. Việc làm mười bốn thập nơi,
Đầu Thai thứ nhứt hộ đời vân vân.
Một Sự một Sở lên lần,
Tới năm công chuyện sở bằng cũng năm.
8. Một Sự một Sở những Tâm,
Sáu mươi lẻ tám, đôi công hai lòng.
Chín Tâm ba Sở làm xong,
Tám Tâm bốn chuyện năm công hai chàng.
9. Tám nương sáu Cửa Ngũ ban,
Hoặc là một Cửa năm màng sáu Môn.
Cả hai sáu Cửa ngoài khôn,
Có phần chẳng dựa nương Môn cửa nào.
10. Một Cửa ba chục sáu tao,
Ngũ Môn ba thứ, Lục hào băm dư,
Hoặc sáu hoặc khỏi có mười,
Không nương Cửa nẻo lối từ chín Tâm.
11. Trọn quớ Cảnh Dục hăm lăm,
Sáu leo Đáo Quãng hơn hăm chế bày,
Níp Bàn có tám quyết nay,
Ăn chừa Xuất thế đặng rầy hai mươi.
12. Chỉ trừ La Hán đạo cư,
Cùng là Quả tột nữa mười là năm.
Nuốt trọn đặng có sáu Tâm,
Hợp Đồng Cảnh Giới dón trong bảy phần.
13. Dục Giới mười một Cõi gần,
Bao nhiêu bảy Giới tùy cần sáu Căn,
Bốn Giới, Sắc Giới ba Căn,

Một Giới Vô Sắc không thân phù trần.
14. Bốn mươi ba lẻ hằng hằng,
Nương nhờ căn Sắc làm bằng chỗ mong,
Bốn mươi hai lẻ hoặc không,
Tứ Quả Vô Sắc khỏi vòng dựa ai,
Tới đây vừa chấm dứt bài
DIỆU PHÁP LÝ HỢP nêu bày Phẩm Ba,
Hợp Đồng tóm góm chỉ ra,
Dón bày để nhớ giải mà sẽ thêm.

Chương Thứ Tư: LỘ TRÌNH TÂM TỔNG HỢP

1. Nói về Lộ Tâm Hợp Đồng,
Là Tâm sinh diệt phân lòng trước sau,
Và bài Thế Giới thấp cao,
Với cùng Người hạng, Tâm vào bấy nhiêu.
2. Tâm sinh hai lúc theo chiều,
Đầu Thai lại với biểu nêu hằng ngày,
Tùy theo sau trước hiện bày,
Điều nương phải pháp chẳng thay khác ngoài.
3. Tâm sinh năm Cửa đàng dài,
Lộ thời bảy chặn, mười gia thất lòng.
Thứ thời kể hết cho xong,
Năm mươi bốn lẻ làm công ngũ đàng.
4. Về phần Lộ Ý dắn thang,
Đường ba khoảng chặn Tâm sang có mười.
Thứ thời bốn chục một dư,
Sẽ bày Kiên Cố đặng như nối chuyền.
5. Sau Thiện Thọ Hỷ Huệ liền,
Nhị Tâm nối đặng Hỷ Thiền băm hai,
Sau đôi Thiện Xả Trí Giai,
Thập Nhị Định Thánh Xả thay với Phàm.
6. Sau hai Hạnh Huệ vui hàm,
Tám Tâm Thiền Hạnh Hỷ làm nối sinh
Sau hai Tâm Hạnh Xả lanh,
Sáu Tâm La Hán Thiền thanh hiện bày.
7. Dục Giới Nhân Cảnh thực đầy,
Rất trường rất rõ việc đây dư làm,
Mới là phải có Mót kham,
Vậy thêm hai cái hưởng dùng Cảnh dư.

8. Việc Thực Dục Giới bảy người,
Thần Thông một lượt cả chư Pháp mầu.
Bao nhiêu Thực khác tùy lâu,
Rất nhiều cũng đặng biết đâu tại phần.
9. Lộ Tâm La Hán đặng cần,
Bốn mươi lẻ bốn sau phần trung sơ,
Thời đặng năm chục đủ cơ,
Lộ Phàm Ngũ Thập lẻ lơ bốn chừ.
10. Lộ Tâm Dục Giới tám mươi,
Lộ Tâm Sắc Giới sáu mười bốn hơn,
Lộ Vô Sắc Giới gọn trơn,
Bốn mươi hai lẻ theo dơn vô hình.
Đây là Phẩm Tứ của Kinh
DIỆU PHÁP LÝ HỢP phân minh nói về
Lộ Tâm tương hợp các bề,
Chỉ bày tóm tắt đầu đề bấy nhiêu.

Chương Thứ Năm: THOÁT LY LỘ TRÌNH TỔNG HỢP
(Phi Lộ Hợp Đồng)

1. Lộ Tâm vừa đã tỏ bày,
Phi Lộ sẽ nói sau đây hai Phần.
Đầu Thai là sự rất cần,
Với cùng Bình Nhựt lần lần chỉ ra.
2. Sơ Quả, Nhị Quả Phàm gia,
Đều không sinh đặng đến mà Thánh Cư.
Bao nhiêu tám Thánh trọn như,
Vô Tưởng thời chẳng Ác Tư không vào.
3. Ngoài đây các Cõi nêu sau,
Hai mươi mốt Cõi ra vào tùy duyên,
Thánh Phàm cao thấp bởi tiền,
Do căn đào tạo đắc Thiền hoặc không.
4. Số thọ Tha Hóa tính xong,
Chín tỷ cai nhị với chồng một kinh.
Lại thêm sáu triệu tuế linh,
Của năm Nhân Loại Phàm Tình cộng cân.
5. Đầu Thai, Hữu Phần Xả thân,
Ba Tâm một thứ mỗi lần như nhau.
Vẫn đồng làm việc chung trào,
Cảnh thời giống Cảnh trước sau cũng là.

6. Bốn Tâm Hiệp Thế Trí mà,
Cho mười sáu Quả đó là bậc cao.
Mười hai bởi thấp khác nhau,
Đầu Thai, Bình Nhựt tính vào kể chung.
7. Bốn Tâm không hiệp Trí cùng,
Cho mười hai Quả cũng tùng theo cao,
Thấp thời có tám như sau:
Về phần Quả, Thiện kể vào Vô Nhân.
8. Đáo Quãng cho quả đồng chân,
Đầu Thai, Bình Nhựt tùy nhân của mình.
Phân ra cao thấp tợ in,
Nhân nào Quả nấy chẳng chinh khác tầng.
9. Cõi Vô Sắc Giới tử luân
Đầu Thai đặng tám, Thiền tầng chẳng lui.
Bốn Quả Sắc Giới giữ nuôi,
Bốn Tâm Đại Quả Trí luôn không Thiền.
10. Sắc Giới mãn Kiếp sinh liền,
Đặng mười bảy Quả Phật truyền chẳng sai.
Trừ ra Tâm Quả có hai,
Vô Nhân lòng đấy Đầu Thai bậc hèn.
11. Lẽ thường luân chuyển hằng phen,
Đầu Thai, Hữu Phần lên thang Lộ Trình.
Nối nhau cho đến bỏ mình,
Liền như nước chảy tợ in xe vòng.
12. Vậy nên Hiền Trí xét xong,
Vô Thường, Khổ Não, Ngã không quyết hành.
Trau giồi tu niệm đành rành,
Bỏ Phàm chứng Thánh cao thanh Níp Bàn.
Đây là Phẩm Ngũ rõ ràng,
DIỆU PHÁP LÝ HỢP Phi Đàng đồng chung.

Chương Thứ Sáu: SẮC PHÁP TỔNG HỢP

1. Trước kia bày tỏ Sở, Vương,
Với cùng nhiều thứ Bình Thường, Đầu Thai.
Đã bày năm Phẩm các bài,
Sau đây Sắc Pháp theo loài tỏ ra.
2. Hợp Đồng của Sắc năm là,
Dón bày chia rẻ với mà căn cơ.
Phân Bọn nhiều ít theo thơ,

Lại thêm thứ lớp tính sơ năm Phần.
3. Kinh năm, đại tứ Cảnh bằng,
Trạng hai, Ý một, Mạng Căn, Thực Đoàn.
Cũng là chung một cộng toan,
Cả đây mười tám của Ban rõ bày.
4. Đặc ba, Hư một, tiêu vài,
Tứ Tướng có bốn cộng lại nên mười.
Đó là Sắc Phần ngoại dư,
Kêu rằng không rõ chẳng từng rõ đâu.
5. Cả trên hăm tám chớ lầm,
Nương nhờ Trí Giả thậm thâm phân bày.
Trong ngoài nhiều cách hơn đây,
Theo vừa phải lẽ đặng rầy chia ra.
6. Sắc Nghiệp mười tám nhưng mà,
Sắc Tâm thập ngũ cũng là ít hơn,
Âm Dương thập với ba đơn,
Vật Thực rất ích gọn trơn thập nhì.
7. Bốn Sắc Tứ Tướng cũng thì,
Cố nhiên phải có khỏi ghi để vào.
Chẳng chung nền tảng cùng nhau,
Hoặc khi phải kể đến cao hơn thường.
8. Căn cơ phân Bọn cho tường,
Nghiệp chín, Tâm sáu, Âm Dương bốn mùa.
Vật Thực hai Bọn kém thua,
Cộng phần hăm mốt chẳng đưa thường hòa.
9. Các hàng Trí Thức chỉ ra,
Hư Không, Tứ Tướng đâu mà hiệp chung.
Chỉ làm cho rả Bọn cùng,
Hai Phần này chẳng chịu hùng với nhau.
10. Chúng sinh chết đổi thân sau,
Kế từ Kiếp mới khi vào Đầu Thai,
Đều là Sắc mới không sai,
Hiện bày ra có không sài cũ đâu.
11. Hăm tám Dục Giới trọn sâu,
Hăm ba Sắc Giới chớ đâu đặng nhiều.
Vô Tưởng mười bảy Sắc nêu,
Cõi Vô Sắc Giới phiêu phiêu không hình.
12. Đặc biệt Tiêu Biểu với Thinh,
Dị Diệt chẳng có đang hình Hóa Sinh.
Còn khi Bình Nhựt đủ rành,

Bao nhiêu các Sắc không đành bớt ra.
13. Các bậc Đại Giác bởi mà,
Tìm đường diệt Khổ ấy là Vô Vi.
Chẳng sinh chẳng diệt hằng thì,
Cho nên đều gọi tên ghi Níp Bàn.
14. Như Lai thành Đạo các hàng,
Siêu Lý bốn Pháp dạy tràng chúng sinh.
Tâm Vương, Tâm Sở nêu danh,
Với cùng Sắc Pháp cao thanh Níp Bàn.
Đây là Phẩm Sáu hoàn toàn,
DIỆU PHÁP LÝ HỢP chỉ toàn Sắc hình,
Giúp cho người học phát minh,
Pháp mầu quý báu chớ khinh coi thường.

Chương Thứ Bảy: VỊ TẬP TỔNG HỢP

1. Bao nhiêu Chân Tướng hiện bày,
Bảy mươi hai lẻ với rầy các phương.
Sau đây hòa cộng hợp tương,
Gồm chung những Pháp trạng mường tượng nhau.
2. Kể theo Thể Tướng Pháp cao,
Lậu, Bộc, Phối, Phược mỗi nào cũng ba,
Thủ hai cái Tâm đây mà,
Tính theo Siêu Lý phân ra Pháp mầu.
3. Căn bản Phiền Não sáu lâu,
Thập Triền có tám chớ đâu đủ mười.
Phiền Não thập trọn chẳng dư,
Hợp Đồng Bất Thiện là như chín phần.
4. Sáu Nhân Thiền nhánh năm thân,
Đạo thời thập nhị cả Phần hai bên.
Căn nền mười sáu vững bền,
Lực mà có chín cũng nên mạnh rồi.
5. Pháp Trưởng có bốn đủ thôi,
Tứ Thực cũng bốn góc chồi như nhau.
Thiện cùng Bất Thiện tính vào,
Hợp Đồng bảy đoạn lưỡng tao cộng hòa.
6. Dục, Tâm, Hành Xả, Tín và
Hỷ mừng Chánh Kiến, Tịnh mà Tư Duy,
Thật chân Tinh Tấn với thì,
Ba Phần về Giới cũng ghi để vào.

7. Với cùng Chánh Niệm quý cao,
Lại thêm Chánh Định sái nào mười tư,
Bảy Phần tương hợp chẳng dư,
Thành ba mươi bảy đồng cư trợ đường.
8. Giới Phần, Hành Xả, Tâm Vương,
Tịnh, Dục với Hỷ, chỉnh nương một phòng.
Cần, Niệm, Định, Huệ suông vòng,
Cửu, Bát, Tứ, Ngũ, Tín công hai nền.
9. Trợ Đạo hiệp cả Thánh trên,
Nhưng Tầm với Hỷ chẳng lên cao Thiền.
Người hành Lục Tịnh tùy duyên,
Pháp nào hợp đặng đáng yên nương nhờ.
10. Sắc Pháp, Thọ, Tưởng dón sơ,
Sở dư năm chục với cờ Tâm Vương.
Phân làm Ngũ Uẩn cho tường,
Sắc, Thọ, Tưởng với Hành trương Thức rành.
11. Phân ra tùy sự lập danh,
Phàm Phu Thủ Uẩn bởi sinh trong Đời.
Níp Bàn Ngoại Uẩn vơi vơi,
Trái cùng tương đối hữu thời vân vân.
12. Cũng vì bởi có Lục Căn,
Với cùng Lục Cảnh nhập bằng mười hai.
Sinh thêm Lục Thức trong ngoài,
Thời mười tám Giới hiệp bày có ra.
13. Luân Hồi ba lẻ đó là,
Gọi rằng Khổ Đế, Ái mà tập Nhân.
Níp Bàn Diệt Đế tuyệt đơn,
Tâm Sở Bát Thánh, chánh chân Đạo Đế.
14. Tâm Vương, Đạo Quả đồng kề,
Bao nhiêu Tâm Sở chung bề với nhau.
Hiệp cùng Bát Chánh sinh vào,
Điều ngoài Tứ Đế thấp cao cũng trừ.
Đây là Phẩm Thất lời dư,
DIỆU PHÁP LÝ HỢP đồng như cộng hòa.

Chương Thứ Tám: PHÁT THÚ (DUYÊN SINH – DUYÊN HỆ)

1. Sinh ra những Pháp Hữu Vi,
Ắt là phải có cái chi trợ cùng.
Vậy nên bày tỏ nương chung,

Các Duyên Quả hợp sẽ tùng theo đây.
2. Năm Nhân Quá Khứ lớn thay,
Năm Quả Hiện Tại Đời này có ra.
Bây giờ Nhân đặng năm mà,
Vị Lai Quả cũng thời là có năm,
3. Nếu mà hai Gốc bặt tăm,
Luân Hồi ba lẽ nương nằm ở đâu.
Chúng sinh già chết khổ sầu,
Bởi do Tứ Lậu khởi đầu Vô Minh,
4. Luân Hồi ba lẽ đã trình,
Vô chung vô thủy thường gìn xây lăn.
Cho nên Chư Phật gọi rằng,
Mười hai luân chuyển kêu bằng Liên Sinh.
5. Danh phò Danh đặng sáu thiên,
Danh phò Danh Sắc, Phật truyền có năm.
Danh phò Sắc một chớ lầm,
Sắc phò Danh một nghĩa nhầm Kệ trên.
6. Chế Định cùng với Sắc tên,
Trợ cho Danh Pháp đặng nên hai Phần.
Danh sắc đồng trợ chín Nhân,
Giúp nhau tính cả gồm phân sáu miền.
7. Bất Ly còn hiện hai Duyên,
Chia năm Duyên nhỏ sinh Tiền – Câu Sinh,
Đoàn Thực - Hậu Sinh phân rành,
Lại thêm Sắc Mạng Quyền thành là năm.
8. Bao nhiêu những Pháp thường tầm,
Thời gian Nội Ngoại theo lầm Hửu Vi,
Với cùng tuyệt đối cả thì,
Hay là các Pháp chẳng chi phân thời.
9. Chế Định, Danh Sắc nơi nơi,
Và ba phần Pháp bày lời trong Kinh,
Tức là Đại Xứ Quán Minh,
Đều trong hăm bốn thoang thinh Duyên này.
10. Nối sau Nhãn Thức Lộ đây,
Đường Tâm Ý Thức nhì rầy kể ba.
Thinh Danh Chế Định đặng mà,
Vừa phân biệt tiếng chẳng ra lý gì.
11. Thứ tư Lộ Ý nối đi,
Tướng Nghĩa Chế Định vậy thì sẽ ra.
Văn Chương ý nghĩa cả là,

Trong Đời các vật biết mà tùy duyên.
Đây là Phẩm Tám vừa yên,
DIỆU PHÁP LÝ HỢP tỏ duyên tương đồng.

Chương Thứ Chín: NGHIỆP XỨ (ĐỀ MỤC CHỈ QUÁN)

1. Sẽ bày Tịnh Tuệ hai Phần,
Pháp Chỉ, Pháp Quán là căn Tu Hành.
Phân ra thứ lớp rõ rành,
Nương nhờ Thiền Định đắc thành tiêu diêu.
2. Thắng Trí Thiên Nhãn Pháp nhiều,
Phải lên Lộ Định đến nêu Ngũ Thiền.
Vọng cầu Xuất Định vừa yên,
Nhập vào các Pháp mới liền có ra.
3. Hào Quang, Hỷ, Tịnh Tín mà,
Cần, Lạc, Huệ, Niệm, Xả và Ái thương.
Trong mười một mạnh quá cường,
Thành ra Phiền Não của đường quan chân.
4. Níp Bàn, Đạo – Quả, Thánh nhân,
Đắc rồi suy xét Nghiệp dơn đã trừ.
Với mà Phiền Não còn dư,
Có người chẳng xét thiệt hư chi nào.
5. Nương theo thứ lớp Tu trau,
Thất Tịnh mới đến Đạo cao Thánh từng.
Bởi nên bốn Đạo gọi xưng,
Kêu là Huệ thấy Cảnh trưng Níp Bàn.
6. Phần sau Đề Quán rõ ràng
Luân Hồi sẽ khỏi ai màng Tu theo,
Sẳn cây đặng quả lúc trèo,
Không căn thì cũng đặng gieo giống lành.
Đây là Phẩm Chín lượt rành,
DIỆU PHÁP LÝ HỢP thật hành nương theo

----------00000----------

PARAMATTHAJOTIKA - SIÊU LÝ QUANG MINH
MAHĀABHIDHAMMATTHA SAṄGAHA MAHĀṬĪKĀ
TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP ĐẠI PHỤ CHÚ GIẢI

CHƯƠNG THỨ NĂM - VITHĪMUTTASAṄGAHA
TỔNG HỢP THOÁT LY LỘ TRÌNH

NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO SAMMĀSAMBUDDHASSA
CUNG KÍNH ĐỨC THẾ TÔN - ỨNG CÚNG - CHÁNH ĐẲNG GIÁC

TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP PHẦN PĀLI NGỮ VÀ LỜI DỊCH THUẬT ĐỂ HỌC THUỘC LÒNG

ANUSANDHI – PAṬIÑÑĀ
PHẦN LIÊN KẾT VÀ THỆ NGUYỆN

1. Vithīcittavasenevaṃ pavattiyamudīrito pavattisaṅgaho nāma sandhiyaṃ dānaṃ vuccati

Đã nói đến sự diễn tiến của Tâm qua lộ trình. Nay xin nói đến sự diễn tiến của Tâm Thức vào Thời Tái Sinh.

Tôi (Giáo Thọ Sư **Anuruddha**) đã có trình bày biểu hiện sự hiện hành của Tâm cùng với mãnh lực của Lộ Trình Tâm trong **Thời Kỳ Bình Nhật (Thời Kỳ Chuyển Khởi – Pavattikāla)** qua phần đã có đề cập đến trong Chương Thứ Tư, bây giờ Tôi sẽ trình bày biểu hiện sự hiện hành của Tâm Thoát Ly Lộ Trình ở trong Thời Kỳ Tái Sinh **(Paṭisandhikāla)** tiếp theo đây:

TRÌNH BÀY MẪU ĐỀ TAM VỀ BỘ TỨ PHẦN (CATUKKA)

2. Catasso bhūmiyo catubbidhā paṭisandhi cattāri kammāni catudhā maraṇuppatti ceti vithīmuttasaṅgahe cattāri catukkāni veditabbāni.

Trong sự tổng hợp của Tâm Thoát Ly Lộ Trình,có bốn thể loại, bốn thứ cần được biết, tức là bốn Địa Giới, bốn sự Tái Sinh, bốn Nghiệp Báo, và bốn nguyên nhân của sự Tử Vong.

Trong Tổng Hợp Thoát Ly Lộ Trình nên hiểu biết về bốn thể loại, đó là:

1. Địa Giới Tứ Phần (Bhūmicatukka),
2. Tái Sinh Tứ Phần (Paṭisandhicatukka),
3. Nghiệp Báo Tứ Phần (Kammacatukka) và
4. Tử Vong Khởi Sinh Tứ Phần (Maraṇuppatticatukka).

ĐỊA GIỚI TỨ PHẦN (BHŪMICATUKKA)

TRÌNH BÀY TỨ ĐỊA GIỚI MỘT CÁCH GIẢN LƯỢC

3. Tattha apāyabhūmi kāmasugatibhūmi rūpāvacarabhūmi arūpāvacara bhūmi ceti catasso bhūmiyo nāma.

Trong bốn thể loại đó, gọi là Tứ Địa Giới, tức là:

1. Thống Khổ Địa Giới (Apāyabhūmi),

2. Thiện Dục Địa Giới (Kāmasugatibhūmi),

3. Hữu Sắc Thiên Giới (Rūpavacarabhūmi), và

4. Vô Sắc Thiên Giới (Arūpavacarabhūmi).

TRÌNH BÀY TỨ THỐNG KHỔ ĐỊA GIỚI (APĀYABHŪMI)

4. Tāsu nirayo tiracchānayoni pettivisayo asurakāyo ceti apāyabhùmi catubbidhā hoti.

Trong bốn thể loại Địa Giới đó, Tứ Thống Khổ Địa Giới tức là:

1. Địa Ngục Địa Giới (Niraya),

2. Bàng Sinh Địa Giới (Tiracchānabhūmi),

3. Ngạ Quỷ Địa Giới (Pettivasaya), và

4. A Tu La Địa Giới (Asurakāyo).

TRÌNH BÀY BẢY THIỆN DỤC ĐỊA GIỚI (KĀMASUGATIBHŪMI)

5. Manussā cātumahārājikā tvātiṃsā yāmā tusitā nimmānarati paranimmita vasavattī ceti kāmasugatibhūmi sattavidha hoti.

Có bảy Thiện Dục Địa Giới, đó là:

1. Nhân Loại Địa Giới (Manussabhūmi),

2. Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới (Cātumahārājikābhūmi),

3. Đao Lợi Thiên Giới (Tvātimsabhūmi),

4. Dạ Ma Thiên Giới (Yāmābhūmi),

5. Đâu Suất Đà Thiên Giới (Tusitābhūmi),

6. Hóa Lạc Thiên Giới (Nimmānaratibhūmi),

7. Tha Hóa Tự Tại Thiên Giới (Paranimmitavasavattibhūmi).

TRÌNH BÀY MƯỜI MỘT DỤC ĐỊA GIỚI (KĀMABHŪMI)

6. Sā panāyamekādasavidhāpi kāmāvacarabhūmicceva sankhaṃ gacchati.

Hết cả mười một Địa Giới như đã có đề cập đến ở trên thường được gọi Dục Địa Giới **(Kāmāvacarabhūmi)** với trường hợp như thế này.

TRÌNH BÀY MƯỜI SÁU HỮU SẮC PHẠM THIÊN GIỚI (RŪPABHŪMI)

7. Brahmapārisajjā brahmapurohitā mahābrahmā ceti paṭhamajjhāna bhūmi.

1. Phạm Chúng Phạm Thiên Giới (Brahmapārisajjābhūmi),

2. Phạm Phụ Phạm Thiên Giới (Brahmapurohitābhūmi), và

3. Đại Phạm Thiên Giới (Mahābrahmābhūmi)

Cả ba Phạm Thiên Giới này gọi là Sơ Thiền Phạm Thiên Giới **(Paṭhamajjhāna bhūmi).**

8. Parittābhā appamāṇābhā ābhassarā ceti dutiyajjhānabhūmi.

1. Thiểu Quang Phạm Thiên Giới (Parittābhābhūmi),

2. Vô Lượng Quang Phạm Thiên Giới (Appamāṇābhābhūmi), và

3. Biến Quang Phạm Thiên Giới (Ābhassarābhūmi),

Cả ba Phạm Thiên Giới này gọi là Nhị Thiền Phạm Thiên Giới **(Dutiyajjhāna bhūmi).**

9. Parittasubhā appamāṇasubhā subhakiṇhā ceti tatiyajjhānabhūmi.

1. Thiểu Tịnh Phạm Thiên Giới (Parittasubhābhūmi),

2. Vô Lượng Tịnh Phạm Thiên Giới (Appamāṇasubhābhūmi), và

3. Biến Tịnh Phạm Thiên Giới (Subhakiṇhābhūmi),

Cả ba Phạm Thiên Giới này gọi là Tam Thiền Phạm Thiên Giới **(Tatiyajjhāna bhūmi).**

10. Vehapphalā asaññasattā suddhāvāsā ceti catutthajjhānabhūmiti rūpāvacarabhūmi solahavidhā hoti.

1. Quảng Quả Phạm Thiên Giới (Vehapphalābhūmi),

2. Vô Tưởng Hữu Tình Phạm Thiên Giới (Asaññasattabhūmi), và

3. Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới (Suddhāvāsabhūmi),

Cả bảy Phạm Thiên Giới này gọi là Tứ Thiền Thiên Giới **(Catutthajjhānabhūmi),** kết hợp lại thành mười sáu Hữu Sắc Thiên Giới **(Rūpāvacarabhūmi).**

11. Avihā atappā sudassā sudassī akaniṭṭhā ceti saddhāvāsabhūmi pañcavidhā hoti.

Có Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới, đó là:

1. Vô Phiền Phạm Thiên Giới (Avihābhūmi),

2. Vô Nhiệt Phạm Thiên Giới (Atappābhūmi),

3. Thiện Hiện Phạm Thiên Giới (Sudassābhūmi),

4. Thiện Kiến Phạm Thiên Giới (Sudassībhūmi), và

5. Sắc Cứu Cánh Phạm Thiên Giới (Akananiṭṭhābhūmi).

TRÌNH BÀY TỨ VÔ SẮC PHẠM THIÊN GIỚI (ARŪPABHŪMI)

12. Ākāsānañcāyatanabhūmi Viññānañcāyatanabhūmi Ākincaññāyatana bhūmi Nevasaññānāsaññāyatanabhūmi ceti arūpabhūmi catubbidhā hoti.

Có Tứ Vô Sắc Phạm Thiên Giới đó là:

1. Không Vô Biên Xứ Thiên Giới (Ākāsānañcāyatanabhūmi),
2. Thức Vô Biên Xứ Thiên Giới (Viññānañcāyatanabhūmi),
3. Vô Sở Hữu Xứ Thiên Giới (Ākincaññāyatanabhūmi), và
4. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Thiên Giới (Nevasaññānāsaññāyatanabhūmi).

BÀI KỆ TỔNG HỢP (KATHĀSAṄGAHA) TRÌNH BÀY VIỆC PHÂN HẠNG NGƯỜI (PUGGALA) VÀ ĐỊA GIỚI (BHŪMI) THEO KỆ TỔNG HỢP (GĀTHĀSAṄGAHA)

13. Puthujjanā na labbhanti suddhāvāsesu sabbathā sotāpannā ca sakadā gāmino cāpi puggalā.

1. Tứ Phàm Phu (Puthujjanā),
2. Bậc Thất Lai (Sotāpannā – Tu Đà Hườn),
3. Bậc Nhất Lai (Sakadāgāmī – Tư Đà Hàm),

Cả sáu hạng Người này không sinh được trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới **(Suddhāvāsabhūmi)** dù với bất luận Lộ Trình Tâm Thức nào.

14. Ariyā nopalabbhanti asaññāpāyabhūmisu sesaṭṭhānesu labbhanti ariyānariyāpi ca.

Các Bậc Thánh Nhân không có sinh trong Hữu Tình Vô Tưởng Phạm Thiên Giới và Tứ Thống Khổ Địa Giới. Các Bậc Thánh Nhân hay không phải Bậc Thánh Nhân sinh được trong những Địa Giới còn lại. Tám **Bậc Thánh Nhân (Ariyapuggala)** không có sinh ở trong Hữu Tình Vô Tưởng Phạm Thiên Giới và Tứ Thống Khổ Địa Giới **(Apāyabhūmi).** Trong hai mươi mốt Địa Giới còn lại, đó là:

1. Bảy Thiện Dục Địa Giới (Kāmasugatibhūmi),
2. Mười Hữu Sắc Phạm Thiên Giới (Rūpabhūmi),
3. Tứ Vô Sắc Phạm Thiên Giới (Arūpabhūmi),

chí đến tám **Bậc Thánh Nhân (Ariyapuggala)** và ba hạng **Phàm Phu [Puthujjanā** – trừ Khổ Thú **(Duggati)]** cũng sinh được (vừa theo thích hợp).

Idamettha Bhūmicatukkaṃ

Tại đây đã trình bày xong phần Địa Giới Tứ Phần **(Bhūmicatukka)** trong Tổng Hợp Thoát Ly Lộ Trình **(Vithīmuttasaṅgaha).**

Kết Thúc Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp Phần Pāḷi Ngữ
Và Lời Dịch Thuật Để Học Thuộc Lòng

TỨ THỐNG KHỔ ĐỊA GIỚI (APĀYABHŪMI) CÂU PHÂN TÍCH (PADACCHEDA), CÂU LIÊN HỆ (PADASAMBANDHA) CHÚ GIẢI (VACANATTHA) VÀ LỜI GIẢI THÍCH TRONG KỆ TỨ THỐNG KHỔ ĐỊA GIỚI

Lời nói rằng **Thống Khổ Địa Giới (Apāyabhūmi),** khi phân tích câu này ra có được như vầy **Apa + Aya + Bhūmi.** Khi kết hợp lại với nhau thành **Apāyabhūmi.** Tại nơi đây, **Apa** gọi là "sự không có"; **Aya** gọi là "Thiện Nghiệp Lực".

Bhūmi gọi là "chỗ nương trú, chỗ sở y, chỗ nương tựa". Xuất nguyên từ ngữ căn **Bhū,** theo nghĩa đen là một nơi có loài Hữu Tình sinh sống.

Theo Phật Giáo, quả địa cầu chỉ là một điểm nhỏ không đáng kể trong dãy vũ trụ bao la, không phải là Địa Giới duy nhất có sinh linh. Con người cũng không phải là một loài Hữu Tình duy nhất. Hệ thống tinh tú vô cùng tận, mà số lượng loài Hữu Tình cũng vô cùng tận. Thai bào cũng không phải là con đường tái sinh duy nhất. Bằng cách đi xuyên qua, chúng ta không thể vượt đến mức tận cùng của thế gian, Đức Phật đã dạy như vậy.

Trình bày Chú Giải **(Vacanattha)** rằng:

1. Tividhasampattiyo ayanti gacchanti pavattanti etenāti = Ayo – Cả ba thể loại tài sản **(Sampatti),** đó là sự an vui ở nơi Nhân Loại, sự an vui ở nơi Thiên Giới, sự an vui ở nơi Níp Bàn, thì thường được sinh khởi do bởi Thiện Nghiệp Lực. Bởi nhân ấy, Thiện Nghiệp Lực ấy mới gọi là **Aya.**

2. Ayato Apagato = Apāya – Không có nền tảng của Thiện Nghiệp Lực (tức là không có cơ hội tạo Thiện Nghiệp Lực), gọi là **Apāya.**

3. Bhavanti Sattā Etthāti = Bhūmi – Tất cả chúng Hữu Tình thường sinh ở tại trú xứ ấy, bởi nhân ấy, trú xứ ấy mới gọi là **Bhūmi.**

4. Apāyo eva bhūmi = Apāyabhūmi - Chính ở nơi mà không có cơ hội tạo Thiện Nghiệp Lực làm thành chỗ nương trú của tất cả chúng Hữu Tình, mới gọi là **Apāyabhūmi** (Thống Khổ Địa Giới).

Như vậy, **Apa + Aya** sự việc bất hạnh, không có hạnh phúc là **Apāya.** Từ ngữ này hàm xúc một trạng thái tinh thần, mà cũng là một Địa Giới, một nơi sinh sống trải qua với nhiều sự sinh hoạt. Có Tứ Thống Khổ Địa Giới, đó là:

1. Địa Ngục Địa Giới (Nirayabhūmi),

2. Bàng Sinh Địa Giới (Tiracchānabhūmi),

3. Ngạ Quỷ Địa Giới (Pettabhūmi), và

4. A Tu La Địa Giới (Asurakāyabhūmi).

Tiếp theo đây sẽ trình bày một cách tuần tự tất cả Tứ Thống Khổ Địa Giới như sau:

CÂU PHÂN TÍCH (PADACCHEDA), CÂU LIÊN HỆ (PADASAMBANDHA) CHÚ GIẢI (VACANATTHA) VÀ LỜI GIẢI THÍCH TRONG KỆ ĐỊA NGỤC MỘT CÁCH CHI TIẾT

Lời nói rằng **Địa Ngục (Niraya),** khi phân tích câu này ra có được như vầy **Ni + Aya.** Tại nơi đây, **Ni** là Câu Phủ Định, dịch là "không có". **Aya** dịch là "sự tiến hóa hoặc sự an vui". Khi kết hợp lại với nhau thành **Niraya.**

Trình bày Chú Giải **(Vacanattha)** rằng:

1. Ayati vaddhatīti = Ayo – Sự an vui, sự hạnh phúc thường tăng tiến lên, bởi nhân ấy, sự an vui, sự hạnh phúc ấy mới gọi là **Aya.** Một phần khác nữa:

2. Ayitabbo sāditabboti = Ayo – Tất cả chúng Hữu Tình khao khát có sự an vui, sự hạnh phúc với mãnh lực từ nơi **Tham Ái (Lobha),** bởi nhân ấy, sự an vui, sự hạnh phúc ấy mới gọi là **Aya.**

3. Natthi ayo etthāti = Nirayo – Sự an vui, sự hạnh phúc mà không có trong Địa Giới nào, bởi nhân ấy, Địa Giới đó mới gọi là **Niraya (Bất Lạc, Khả Yếm, Khổ Cụ).** Như vậy, **Niraya** là Khổ Cảnh, hoặc là Địa Ngục.

Theo Phật Giáo, có rất nhiều cảnh đau khổ gọi là Địa Ngục, và tại những nơi đó loài Hữu Tình phải trả những Bất Thiện Nghiệp Lực đã tạo ra trong thời quá khứ. Những Khổ Cảnh này không phải là Địa Ngục trường cửu mà ở trong đó loài Hữu Tình phải chịu sự thống khổ vô cùng tận. Đến lúc trả xong hết Nghiệp Lực xấu ác, thì loài Hữu Tình bất hạnh cũng có thể tái sinh vào một Địa Giới khác, an vui hạnh phúc, do nhờ vào các Thiện Nghiệp Lực đã từng có kiến tạo trong thời quá khứ.

TÁM HẦM ĐẠI ĐỊA NGỤC (MAHĀNARAKA)

Còn Gọi Bát Nhiệt Địa Ngục, Đó Là:

1. Sañjīvanaraka: Đẳng Hoạt Địa Ngục,
2. Kālasuttanaraka: Hắc Thằng Địa Ngục,
3. Saṅghātanaraka: Chúng Hợp Địa Ngục,
4. Roruvanaraka (Dhūmaroruva): Hào Khiếu Địa Ngục,
5. Mahāroruvanaraka (Jālaroruva): Đại Khiếu Địa Ngục,
6. Tāpananaraka: Viêm Nhiệt Địa Ngục,
7. Mahātāpananaraka (Patāpana): Đại Nhiệt Địa Ngục,
8. Avīcinaraka: Vô Gián Địa Ngục.

NĂM HẦM DU TĂNG ĐỊA NGỤC (USSADANARAKA)

1. Gūthanaraka: Phẩn Nị Địa Ngục,
2. Kukkulanaraka: Nhiệt Khối Địa Ngục,
3. Simpalīvananaraka: Đại Châm Thọ Lâm Địa Ngục,
4. Asipattavananaraka: Đại Kiếm Diệp Lâm Địa Ngục,
5: Vettaranīnaraka: Khôi Hà Địa Ngục.

Trong từng mỗi hầm Đại Địa Ngục có đến 16 hầm **Du Tăng Địa Ngục (Ussada naraka)** làm thành phần phụ gia, do đó hết cả thảy có 128 hầm **Du Tăng Địa Ngục (Ussadanaraka).**

Ghi chú: Việc tính đếm thành 128 hầm đây, là tính theo 4 phương hướng, tức là trong từng mỗi hướng có 4 hầm **Du Tăng Địa Ngục (Ussadanaraka:** gồm có **Lô Ổi Tăng, Thi**

Phẩn Tăng, Phong Nhận Tăng và Liệt Hà Tăng) = 16 hầm nhỏ x 8 hầm lớn = 128 hầm. Nếu tính theo hết cả 8 hướng thì trong từng mỗi Đại Địa Ngục có 32 hầm Du Tăng Địa Ngục thành phần phụ gia = 32 hầm nhỏ x 8 hầm lớn = 256 hầm. Trong hết cả thảy năm hầm Du Tăng Địa Ngục, **Đại Kiếm Diệp Lâm Địa Ngục (Asipattavananaraka)** và **Khôi Hà Địa Ngục (Vettaranīnaraka)** cho kết hợp lại với nhau và tính thành một thì mới đếm được thành bốn hầm.

Tại nơi đây, từ ngữ **Ussada** dịch là "có rất nhiều"; như có lời Chú Giải rằng: **Ussīdanti nānādukkhā etthāti = Ussadā** – Khổ đau có nghĩa là các sự thống khổ có rất nhiều ở trong Địa Ngục Địa Giới này, mới gọi là **Ussada (Du Tăng:** sự thống khổ ngày càng gia tăng; càng bị tăng thêm sự thống khổ). Và 128 hầm **Du Tăng Địa Ngục (Ussadanaraka)** cũng còn được gọi là **Cūlanaraka – Tiểu Địa Ngục).**

VỊ TRÍ TÁM HẦM ĐẠI ĐỊA NGỤC (MAHĀNARAKA)

Tám hầm Đại Địa Ngục nằm ở phía dưới Cõi Nhân Loại, trực thẳng hướng với **Nam Thiệm Bộ Châu (Jambūdvīpa),** tiếp giáp với nền mặt địa cầu nơi mà nhân loại nương trú có bề dầy là hai trăm bốn mươi ngàn do tuần (240,000 do tuần). Một nửa lớp ở phía trên là lớp đất thường nhiên, được gọi là **Pamsupaṭhavī – Trần Thổ** có bề dầy một trăm hai mươi ngàn do tuần (120,000 do tuần). Một nửa lớp ở phía dưới là lớp đá, được gọi là **Sīlāpaṭhavī – Thạch Địa (Thạch Quyển)** có bề dầy một trăm hai mươi ngàn do tuần (120,000 do tuần).

Cả tám hầm Đại Địa Ngục này nằm ở bên trong lớp đất thường nhiên. Theo tuần tự, riêng từng mỗi hầm cách nhau là 15,000 do tuần. Tức là:

1. Tính từ nền đất Nam Thiệm Bộ Châu xuống đến hầm Đại Địa Ngục thứ nhất, có tên gọi **Sañjīvanaraka – Đẳng Hoạt Địa Ngục,** cách nhau là 15,000 do tuần,

2. Tính từ Đẳng Hoạt Địa Ngục xuống đến hầm Đại Địa Ngục thứ hai, có tên gọi **Kālasuttanaraka – Hắc Thằng Địa Ngục,** cách nhau là 15,000 do tuần,

3. Tính từ Hắc Thằng Địa Ngục xuống đến hầm Đại Địa Ngục thứ ba, có tên gọi **Saṅghātanaraka – Chúng Hợp Địa Ngục,** cách nhau là 15,000 do tuần,

4. Tính từ Chúng Hợp Địa Ngục xuống đến hầm Đại Địa Ngục thứ tư, có tên gọi **Roruvanaraka (Dhūmaroruva) – Hào Khiếu Địa Ngục,** cách nhau là 15,000 do tuần,

5. Tính từ Hào Khiếu Địa Ngục xuống đến hầm Đại Địa Ngục thứ năm, có tên gọi **Mahāroruvanaraka (Jālaroruva) – Đại Khiếu Địa Ngục,** cách nhau là 15,000 do tuần,

6. Tính từ Đại Khiếu Địa Ngục xuống đến hầm Đại Địa Ngục thứ sáu, có tên gọi **Tāpananaraka – Viêm Nhiệt Địa Ngục,** cách nhau là 15,000 do tuần,

7. Tính từ Viêm Nhiệt Địa Ngục xuống đến hầm Đại Địa Ngục thứ bảy, có tên gọi **Mahātāpananaraka (Patāpana) – Đại Nhiệt Địa Ngục,** cách nhau là 15,000 do tuần,

8. Tính từ Đại Nhiệt Địa Ngục xuống đến hầm Đại Địa Ngục thứ tám, có tên gọi **Avīcinaraka – Vô Gián Địa Ngục,** cách nhau là 15,000 do tuần.

Ghi chú: Như đã có được đề cập đến, cả tám hầm Đại Địa Ngục này là các tầng hầm ở phía dưới nền mặt địa cầu, có nghĩa là khi tuần tự cứ đến mỗi 15,000 do tuần hình thành ra một tầng hầm.

Mặt địa cầu này có bề dầy là 240,000 do tuần, nằm ở phía trên tảng băng đá có bề dầy là 480,000 do tuần (Thủy Quyển). Tảng băng đá này nằm ở phía trên lớp khí quyển có bề dầy là 960,000 do tuần. Mỗi một do tuần, khi tính theo đơn vị dặm thì ước lượng khoảng độ 13 dặm; khi tính theo ki lô mét thì ngang bằng 20 ki lô mét. Từ nơi lớp khí quyển này chuyển thành lớp hư không, gọi là **Hetthimaajjatākāsa (Hạ Tầng Hư Không).** Lớp hư không ở phía trên từ nơi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Địa Giới trở đi thì gọi là **Uparimaajjatākāsa (Thượng Tầng Hư Không).**

VỊ TRÍ NĂM HẦM DU TĂNG ĐỊA NGỤC (USSADANARAKA)

Còn Du Tăng Địa Ngục, đó là các hầm địa ngục nhỏ, ở cùng vị trí với Đại Địa Ngục, cũng có rừng rậm, núi đồi, đại dương, sông Hằng, các cù lao nhỏ, và cũng có hoang đảo nơi mà không có con người sinh sống.

DIÊM VƯƠNG VÀ CHÚA NGỤC (YAMARĀJA – NIRAYAPĀLA)

Ngài **Diêm Vương (Yamarāja)** là vị Chủ Quản hạng **Thiên Cung Ngạ Quỷ (Vimānikapeta),** đôi khi cũng có được thụ hưởng sự an vui, tức là được trú ngụ ở trong Thiên Cung, có Thiên Mộc Như Ý, có vườn hoa tiên cảnh, có tiên nữ múa ca hầu hạ; đôi khi cũng có cảm thụ sự đau khổ chính từ nơi Nghiệp Quả Dị Thục mà phải hiện hữu ở trong Địa Ngục ấy. Như có kệ dẫn chứng phần **Pāḷi** ngữ được trích ở trong Bộ Ngũ Thập Thượng Phần Chú Giải **(Uparipaṇṇāsa Aṭṭhakathā)** và Tam Pháp Tăng Chi Bộ Chú Giải **(Tikaṅguttara Aṭṭhakathā)** rằng: **Yamarājā nāma vemānikapetarājā ekasmiṃ kāle dibbavimāna dibbakapparukkha dibbauyyāna dibbanātaka dibbasampattiṃ anu bhavati ekasmiṃ kāle kammavipākanaṃ.**

Lời nói rằng Quả Dị Thục của Nghiệp Báo đó chính là Quả Dị Thục Bất Thiện Nghiệp Lực. Có lời giải thích cặn kẽ rằng: vị Chủ Quản hạng Thiên Cung Ngạ Quỷ này, thời gian khi vẫn còn ở Nhân Loại đã là người tạo tác Thiện Nghiệp Lực cùng với Bất Thiện Nghiệp Lực; khi đã mệnh chung thì được hóa sinh trong Thiên Giới ở Bậc Tứ Đại Thiên Vương. Là do Tâm Tái Sinh Vô Nhân Thiện Thú **(Sugati Ahetuka Paṭisandhi)** cũng có, hoặc là do Tâm Tái Sinh Nhị Nhân cũng có **(Duhetuka Paṭisandhi)** và hoặc là do Tâm Tái Sinh Tam Nhân cũng có **(Tihetuka Paṭisandhi)** tương tự với hết tất cả **Chúng Thiên Thụ Khổ Nạn Giả (Vinipātika Devatā).** Tất cả cũng do bởi mãnh lực của Thiện Nghiệp Lực. Vị Chủ Quản hạng Thiên Cung Ngạ Quỷ này mới có cơ hội sẽ được chứng đạt Đạo Quả. Còn trong thời bình nhật, đôi khi cũng có được thụ hưởng Quả Dị Thục của việc Thiện, đôi khi cũng phải thụ hưởng Quả Dị Thục của việc Bất Thiện, tương xứng vừa theo với Nghiệp Báo mà bản thân mình đã có tạo ra. Vị Chủ Quản hạng Thiên Cung Ngạ Quỷ nào đã đạt Thánh Đạo

thì vị Chủ Quản hạng Thiên Cung Ngạ Quỷ ấy sẽ hằng luôn được thụ hưởng sự an vui của Thiện Sự, tính kể từ thời điểm lúc vừa chứng đạt Thánh Đạo trở đi. Xin tất cả Quý Học Giả nên hiểu biết như vầy.

Như có kệ dẫn chứng phần **Pāḷi** ngữ được trích ở trong Bộ Ngũ Thập Thượng Phần **(Uparipaṇṇāsa)** và Tam Pháp Tăng Chi Bộ Phụ Chú Giải **(Tikaṅguttara Ṭikā)** rằng: **Kammavipākanti akusalakammavipākaṃ vemānika petā hi kanha sukkhavasena missakakammaṃ katvā vinipātikadevatā viya sukkhena kammunā paṭisandhiṃ ganhanti. Tathā hi te maggaphalabhāgino honti, pavattiyaṃ pana kammānurūpaṃ kadāci puññaphalaṃ kadāci upannaphalaṃ paccānubhāvanti. Yesaṃ pana ariya maggo uppajjati, tesaṃ maggādhigamato patthāya puññaphalameva uppajjatīti datthabbaṃ.**

Trong từng mỗi hầm Đại Địa Ngục không phải chỉ có một Ngài Diêm Vương. Sự thật là hiện hữu đến bốn Ngài, có nghĩa là mỗi một cửa có một Ngài, và có cả thảy bốn cửa thì có bốn Ngài. Do đó, khi tổng hợp lại có cả thảy là 32 Ngài Diêm Vương. Như có kệ dẫn chứng phần **Pāḷi** ngữ được trích ở trong bộ Ngũ Thập Thượng Phần **(Uparipaṇṇāsa)** và trong Tam Pháp Tăng Chi Bộ Chú Giải **(Tikaṅguttara Aṭṭhakathā)** rằng: **Na cesa ekova hoti, catūsu pana dvāresu cattāro janā honti.**

Trong cả thảy tám hầm Đại Địa Ngục ấy, mỗi hầm có bốn cửa, tổng hợp lại có 32 cửa. Trong từng mỗi cửa có bốn hầm Du Tăng Địa Ngục, tổng hợp lại có 128 hầm Du Tăng Địa Ngục. Trong từng mỗi cửa có một Ngài Diêm Vương, tổng hợp lại có 32 Ngài Diêm Vương. Như có kệ dẫn chứng phần **Pāḷi** ngữ được trích ở trong Bộ Chú Giải Tổng Hợp Kinh **(Suttasaṅgaha Aṭṭhakathā)** và bộ Chú Giải Kinh Thiên Sứ **(Devadūta Sutta Aṭṭha kathā)** rằng: **Tattha ekekassa cattāri cattāri dvārāni hontu, ekasmiṃ dvāre cattāro cattāro ussadaniriyā ekeko ca yamarājā.**

Các vị **Chúa Ngục (Nirayapāla)** này không phải là Hữu Tình Địa Ngục, vì lẽ việc hóa sinh của vị Chúa Ngục ấy, là không phải hóa sinh do từ nơi Bất Thiện Nghiệp Lực **(Akusalakamma)**, nhưng mà là hóa sinh do từ nơi Đại Thiện Nghiệp Lực **(Mahākusala kamma)** ở bậc thấp, làm thành Chư Thiên ở bậc Tứ Đại Thiên Vương có chủng tộc là hạng Quỷ dữ. Như có kệ dẫn chứng phần **Pāḷi** ngữ được trích ở trong Bộ Phụ Chú Giải Ngữ Tông **(Kathāvatthu Anuṭīkā)** và Bộ Ngũ Thập Thượng Phần Phụ Chú Giải **(Uparipaṇṇāsaṭīkā)** rằng: **Anerayikā nirayapālā anirayagati samvattaniyaka kamma nibbattito, nirayūpapatti saṃvattaniyakammato hi aññeneva kammunā te nibbattan ti rakkhasajātikattā.**

Nếu có người vấn hỏi rằng:

- Do bởi nguyên nhân nào mà tất cả các vị Chúa Ngục không phải là Hữu Tình Địa Ngục nhưng tại sao lại hóa sinh ở trong Địa Ngục Địa Giới ấy ?

Thì trả lời rằng:

- Tất cả các vị Chúa Ngục mà phải bị hóa sinh ở trong Địa Ngục Địa Giới ấy, là do bởi trong khoảng thời gian mà vẫn còn hiện hữu sinh mạng ở trong Cõi Nhân Loại, nhưng lại chỉ có Tâm hoan hỷ duyệt ý ở trong việc sẽ làm não hại hoặc sát hại tất cả chúng hữu

tình. Cho dù có việc tạo tác bất luận loại **Thiện Nghiệp Lực (Kusalakamma)** nào, mà đối với loại Tâm Thức ấy cứ vẫn duy trì sự hoan hỷ duyệt ý ở trong chức năng của việc làm não hại, hành hạ, trừng phạt người khác; làm cho chúng hữu tình khác ở trong cảm thọ bất an buồn khổ.

Bởi do đó, Thiện Nghiệp Lực bậc thấp mà pha lẫn với "lòng tham muốn dục vọng" **(Nikkanti Taṇhā – Tham Ái)** ở trong chức năng như đã có được đề cập đến vậy, mới làm cho hóa sinh ở trong Địa Ngục Địa Giới, và làm thành vị Chúa Ngục có thân xác to lớn thích hợp để sẽ làm việc trừng phạt, hành hạ bọn Hữu Tình Địa Ngục. Bởi thế, hạng Chúa Ngục này mới có thân xác to lớn, lực lưỡng, có sức mạnh hơn tất cả Hữu Tình Địa Ngục, và có việc hiện bày cử chỉ hành động rất hung ác, có khả năng làm cho chúng sinh địa ngục kinh hồn khiếp đảm sợ hãi. Bọn quạ và bọn chó, v.v. hóa sinh ở trong Địa Ngục Địa Giới này, cũng có thể dạng hình thù to lớn đáng khiếp sợ trong cùng một cách hành xử.

Xin tất cả Quý Học Giả nên hiểu biết theo kệ dẫn chứng phần **Pāḷi** ngữ được trích ở trong Bộ Phụ Chú Giải Ngữ Tông **(Kathāvatthu Anuṭīkā)** và Bộ Ngũ Thập Thượng Phần Phụ Chú Giải **(Uparipaṇṇāsaṭīkā)** rằng: **Yam pana vadanti Anerayikānaṃ tesaṃ kathaṃ tattha sambhavo ti nerayikànaṃ ghàtaka bhàvato, nerayika sattaghātanā yogagaṃ hi attabhāvaṃ nibbattenti kammaṃ tādisanikantivināmitaṃ niraya tatthāneyeva nibbatteti, te ca nerayikehi adhikatarabalārohaparināhā ativiya bhayānakasantāsakurūratarapayogā ca honti, eteneva tattha kākasunakhā dīnampi nibbatti samvannitāti datthabbaṃ.**

Bọn chim kên kên, quạ, diều hâu, chó ở trong loại Địa Ngục ấy, có nghĩa đó chính thực là chim kên kên quỷ dữ, quạ quỷ dữ, diều hâu quỷ dữ và chó quỷ dữ. Còn thân xác và việc hiện bày cử chỉ hành động của bọn này thì độc ác đáng khiếp sợ, không khả năng hiển lộ lên được, tức là chim kên kên, v.v. đó là bọn Bàng Sinh thông thường.

Như có kệ dẫn chứng phần **Pāḷi** ngữ được trích ở trong Bộ Chú Giải Bất Cộng Trụ điều thứ tư **(Catutthapārājika Aṭṭhakathā)** rằng: **Gijjhāpi kākāpi kulalāpīti etepi yakkha gijjhā ceva yakkhakākā ca yakkhakulalā ca paccetabbā, pākatikānaṃ pana gijjhādīnaṃ āpāthampi etaṃ rūpaṃ nāgacchati.**

NĂM LOẠI THIÊN SỨ (DEVADŪTA) TRÍCH TRONG BỘ NGŨ THẬP THƯỢNG PHẦN CHÁNH TẠNG PĀLI NGỮ VÀ CHÚ GIẢI (UPARIPAṆṆĀ PĀLI – AṬṬHAKATHĀ)

Tất cả Nhân Loại đang hiện hành ở trong Cõi Thế Gian này, mỗi ngày thường có tập khí tâm tính sai biệt lẫn nhau trong việc cư xử tốt và không tốt, đôi khi nhiều đôi khi ít, có rất nhiều thể loại sai khác; tuy nhiên đặc biệt ở tại đây sẽ đề cập một cách giản lược chỉ có bốn thể loại, vừa thích hợp đối với việc cư xử của tất cả chúng Nhân Loại ấy, đó là:

1. Một số người trong thế gian này có tập khí tâm tính ưa thích làm nhiều Thiện Sự,
2. Một số người có tính khí ưa thích trong cả hai Thiện Sự và Bất Thiện Sự bằng nhau,

3. Một số người có Tâm ưa thích đi ở trong Bất Thiện Sự hơn Thiện Sự,

4. Một số người chỉ có duy nhất loại Tâm ưa thích thiên hướng trong Bất Thiện Sự.

Tất cả bốn thể loại Nhân Loại này, hạng Người ở trong thể loại thứ nhất, trong sát na cận tử lâm chung thường có được nghĩ tưởng đến nhiều về Thiện Sự, bởi do đó, **nhóm hạng Người này thường sẽ thoát khỏi việc đi tái sinh ở trong cả Tứ Thống Khổ Địa Giới (Apāyabhūmi).**

Còn hạng Người ở trong thể loại thứ hai ấy, nếu tự bản thân mình cố gắng nghĩ tưởng cho được nhiều về Thiện Sự; hoặc không là như thế ấy, bất luận một người thân quyến nào đi đến giúp đỡ nhắc nhở nghĩ tưởng đến Thiện Sự, cũng có khả năng giúp cho thoát khỏi việc đi tái sinh ở trong Thống Khổ Địa Giới một cách tương tự. Trừ phi tự bản thân mình không cố gắng nghĩ tưởng đến Thiện Sự mà mình đã có được làm rồi đó, và không có người thân quyến nào chực chờ trợ niệm cho, mà chỉ có sự buồn phiền thương tiếc và sầu bi ưu não ở trong của cải tài sản. Khi là như thế ấy sẽ không có đạo lộ để thoát khỏi Thống Khổ Địa Giới được.

Còn hạng Người ở trong thể loại thứ ba ấy, tự bản thân đã có tạo ra **Bất Thiện Hạnh Nghiệp Lực (Akusala Ācinnakamma)** nhiều hơn Thiện Nghiệp Lực thì thường sẽ không có thể nghĩ tưởng đến Thiện Nghiệp Lực ấy được, chỉ ngoại trừ được đón nhận sự giúp đỡ ở nơi người khác. Tuy thế, sự giúp đỡ qua việc nhắc nhở trợ niệm ở nơi người khác đó, phải là sự giúp đỡ một cách đặc biệt mới sẽ thoát khỏi Thống Khổ Địa Giới được. Nếu như sự giúp đỡ một cách phổ thông khái quát thì người ấy sẽ không có khả năng để chuyển đổi ý niệm mà đón bắt Cảnh ở phần Thiện Nghiệp Lực ấy được. Khi đã là như vậy, hạng người này thường sẽ phải bị đọa vào Thống Khổ Địa Giới một cách đoan chắc.

Còn hạng Người ở trong thể loại thứ tư ấy, thường thì không thoát khỏi việc phải bị đọa vào Thống Khổ Địa Giới ấy được, chỉ ngoại trừ **Bậc Chánh Đẳng Giác (Sammāsam buddho), Bậc Chí Thượng Thinh Văn Giác (Aggasāvaka), Bậc Đại Thinh Văn Giác (Mahāsāvaka)** mới sẽ giúp đỡ được. Và việc sẽ được đón nhận sự giúp đỡ từ những Bậc này thì người ấy tất phải có **Hậu Báo Thiện Nghiệp Lực (Kusala Aparāpariyavedaniya kamma)** có rất nhiều hiệu năng, tức là **Thiện Nghiệp Lực (Kusalakamma)** mà bản thân đã từng có kiến tạo giữ lấy ở trong các đời quá khứ. Do đó, nếu hạng Người này mà phải bị đọa vào Địa Ngục rồi thì sẽ bị đọa thẳng ngay vào nơi Địa Ngục, không có cơ hội để sẽ được diện kiến với Ngài Diêm Vương cho việc thẩm vấn.

Còn hạng Người thứ hai và thứ ba, nếu như phải bị đọa vào Địa Ngục thì có cơ hội được diện kiến với Ngài Diêm Vương cho việc thẩm vấn và tra hỏi về câu chuyện năm loại **Thiên Sứ (Devadūta)** trước tiên, và sau đó mới sẽ phải đón nhận cảm thụ đau khổ ở trong Địa Ngục ấy. Khi hạng người ấy đã đọa xuống Địa Ngục thì tất cả các vị Chúa Ngục dẫn con người mà bị đọa xuống Địa Ngục ấy đến gặp Ngài Diêm Vương.

LỜI VẤN HỎI CỦA NGÀI DIÊM VƯƠNG BAO GỒM VỀ NGŨ THIÊN SỨ:

+ Thiên Sứ thứ nhất: đó là **sự sản sinh,** tức là trẻ sơ sinh vừa mới chào đời.

+ Thiên Sứ thứ hai: đó là **sự lão mại,** tức là người già nua.

+ Thiên Sứ thứ ba: đó là **sự ốm đau,** tức là người ốm đau bệnh hoạn.

+ Thiên Sứ thứ tư: đó là **người bị trừng phạt bởi theo Pháp Luật,** tức là **người bị thi hành án lệnh của Vua Quan.**

+ Thiên Sứ thứ năm: đó là **sự tử vong,** tức là **tử thi.**

Khi Ngài Diêm Vương đã nhìn thấy hạng người ấy rồi, mới đề cập đến rằng: "Này người kia ! Bây giờ Ta sẽ hỏi người rằng, khi người vẫn còn ở trong Cõi Nhân Loại ấy, có từng được thấy trẻ sơ sinh vừa mới chào đời hay không ?"

Hữu Tình Địa Ngục trả lời rằng:

- Tôi đã từng nhìn thấy.

Ngài Diêm Vương mới vấn hỏi tiếp rằng:

- Trong sát na đã được nhìn thấy trẻ sơ sinh ấy, tự bản thân người có nghĩ tưởng đến rằng "tự bản thân này cũng sẽ phải bị tái sinh lại nữa như vậy, và đã từng có được nỗ lực kiến tạo **Xả Thí (Dāna), Trì Giới (Sīla), Tu Tập (Bhāvanā),** và khi sẽ làm thành được đạo lộ thì sẽ giúp đỡ bản thân mình cho được thoát khỏi khổ đau từ **sự sinh** mà làm thành chủng tử khởi sinh hay không ?

Hữu Tình Địa Ngục khi đã được nghe lời vấn hỏi của Ngài Diêm Vương như vậy rồi, nếu trong sát na ấy có được sự nghĩ tưởng truy niệm đến Thiện Sự thì ngay tức thì sẽ được thoát khỏi Địa Ngục, và được đi tái sinh Cõi Nhân Loại hoặc Thiên Giới. Nếu như trong sát na ấy không có sự nghĩ tưởng truy niệm đến Thiện Sự được, thì trả lời rằng:

- Quả thật là Tôi từng có được nhìn thấy trẻ sơ sinh, nhưng lại không có nghĩ tưởng đến điều chi cả, mà chỉ có sự vui mừng, hân hoan duyệt ý, và cứ mải khắn khít chạy theo thường tình của thế gian mà thôi.

Ngài Diêm Vương mới đề cập tiếp theo rằng:

- Nếu như thế, đó là sự dể duôi của người, đó là lòng tham ái của người đã có tạo ra rồi. Sự dể duôi lòng tham ái mà có khởi sinh đều do chính từ nơi tự bản thân người cả thảy, không phải do bởi người Mẹ người Cha, Vợ Con, Bạn Hữu, Bậc Thầy Tổ, hay là do tất cả Chư Thiên đến mà tạo ra cho người. Do đó, người sẽ phải bị thụ lãnh quả báo điều mà người đã có tạo ra với tự bản thân mình, không có người nào sẽ phải thụ lãnh khổ đau thế cho người được. Tự người đã có tạo ra thể loại nào rồi, người sẽ phải là người thụ lãnh quả báo của thể loại ấy vậy.

Rồi thì Ngài Diêm Vương lại tiếp tục vấn hỏi nữa rằng:

- Nếu như thế, người đã có từng nhìn thấy người già nua, người ốm đau bệnh hoạn, người phải bị thi hành án lệnh của Vua Quan và một tử thi, hay không ?"

Hữu Tình Địa Ngục trả lời rằng:

- Tôi đã từng nhìn thấy.

Ngài Diêm Vương mới vấn hỏi tiếp theo rằng:

- Trong sát na mà người đã có nhìn thấy người già nua, người ốm đau bệnh hoạn, và người phải bị thi hành án lệnh của Vua Quan hoặc là một tử thi ấy, tự bản thân người có từng nghĩ tưởng đến rằng "tự bản thân này cũng sẽ có sự già nua, sự ốm đau bệnh hoạn, sẽ

phải bị thi hành án lệnh của Vua Quan và có sự tử vong là lẽ thường nhiên, cùng một thể loại với người mà ngươi đã có được nhìn thấy đó. Và rồi, trong khi người vẫn còn hiện hữu sinh mạng ở trong Cõi Nhân Loại, đã nỗ lực tinh cần kiến tạo **Xả Thí (Dāna), Trì Giới (Sīla), Tu Tập (Bhāvanā),** tạo tác **Thiện Nghiệp Lực (Kusalakamma)** để làm thành chỗ nương tựa cho chính bản thân mình, và có khả năng giúp đỡ cho mình được thoát khỏi những khổ đau, hay không ?"

Khi Hữu Tình Địa Ngục đã được nghe lời vấn hỏi, lần thứ nhì, lần thứ ba, lần thứ tư và lần thứ năm. Nếu như nghĩ tưởng truy niệm đến Thiện Sự thì thường là được thoát khỏi Địa Ngục. Nếu như không nghĩ tưởng truy niệm đến Thiện Sự được thì trả lời đến Ngài Diêm Vương cùng một thể loại như đã có đề cập ở trong phần Thiên Sứ thứ nhất.

Khi là như vậy, Ngài Diêm Vương sẽ cố gắng giúp đỡ cho được nghĩ tưởng đến rằng, Hữu Tình Địa Ngục này là người đã có được kiến tạo việc Thiện chi, bởi do theo lẽ thường nhiên người mà đã kiến tạo Thiện Sự đó, lại thường hồi hướng việc Thiện Sự đó cho đến Ngài Diêm Vương. Do đó, nếu như người nào kiến tạo Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập, rồi lại hồi hướng phần Phước Báu ấy cho đến Ngài Diêm Vương thì Ngài Diêm Vương sẽ thường nghĩ tưởng đến Thiện Sự ấy bởi do Ngài đã từng được đón nhận phần Phước Báu từ ở người ấy. Nếu như người nào kiến tạo Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập rồi, lại không có hồi hướng phần Phước Báu cho đến Ngài Diêm Vương, Ngài Diêm Vương sẽ không có khả năng để sẽ nghĩ tưởng đến Thiện Sự của người ấy được. Nếu như Ngài Diêm Vương giúp đỡ cho được nghĩ tưởng đến mà không được, lại ngồi lặng thinh; khi là như vậy, tất cả các Chúa Ngục sẽ dẫn dắt Hữu Tình Địa Ngục ấy ra ngoài trừng phạt vừa theo với Bất Thiện Nghiệp của chúng sinh Địa Ngục ấy đã có tạo tác ra. Giả sử như là Ngài Diêm Vương đã nghĩ tưởng được Thiện Nghiệp Lực của Hữu Tình Địa Ngục ấy thì cũng thường nói cho được biết đến.

Khi Hữu Tình Địa Ngục ấy có được nghe lời kể đến của Ngài Diêm Vương rồi, cũng sẽ nghĩ tưởng được rằng:

- Ta đây cũng đã từng có kiến tạo Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập ở thể loại này, như vậy, như vậy..

Khi nghĩ tưởng đến được Thiện Nghiệp Lực của mình như vậy, ngay trong sát na ấy cũng thoát khỏi Địa Ngục. Do đó, việc giúp đỡ trợ niệm vào trong Thiện Nghiệp Lực của Ngài Diêm Vương mới làm thành **Tác Nhân,** và việc nghĩ tưởng đến trong Thiện Nghiệp Lực của chính chúng sinh Địa Ngục mới làm thành **Hệ Quả;** và việc có được nghĩ tưởng đến Thiện Nghiệp Lực của mình mới làm thành **Tác Nhân** và việc thoát ra khỏi nơi Địa Ngục làm thành **Hệ Quả.**

Kết Thúc Câu Chuyện Về Năm Thể Loại Thiên Sứ

CHÚ GIẢI (VACANATTHA) VÀ LỜI GIẢI THÍCH MỘT CÁCH QUẢNG NGHĨA TÁM HẦM ĐẠI ĐỊA NGỤC MỘT CÁCH TUẦN TỰ

1. SAÑJĪVANARAKA – ĐẲNG HOẠT ĐỊA NGỤC

Saṃ punappunaṃ jīvanti etthāti = Sañjīvo: Các Hữu Tình Địa Ngục thường luôn hiện hữu (chết đi sống lại) trong Địa Ngục ấy, do vậy Địa Ngục ấy gọi là **Đẳng Hoạt.**

Jalitāvudhahatthehi Khanditāpi nerayikā
Jīvantā yamhi punāpi Sañjīvoti pavuccate

Vị Chúa Ngục với tay cầm vũ khí có màu sắc sáng chói, chặt chém các Hữu Tình Địa Ngục. Những loại Hữu Tình Địa Ngục ấy cho dù bị chém cho đến chết đi rồi cũng hóa sinh trở lại nữa trong Địa Ngục nào thì Địa Ngục ấy gọi là **Đẳng Hoạt.**

2. KĀLASUTTANARAKA – HẮC THẰNG ĐỊA NGỤC

Kālasuttaṃ thapetvā tacchanti etthāti = Kālasutto: Các Chúa Ngục đánh đập với sợi dây đen, rồi đẽo gọt hoặc đốn chặt Hữu Tình trong Địa Ngục ấy, bởi nhân ấy, Địa Ngục ấy gọi là **Hắc Thằng**.

(Vā) Kālasuttāni pātetvā vāsiparasukudārī ādīhi tacchanti ettha nibbatte satteti = Kālasutta: (Hoặc) một nghĩa nữa, các Chúa Ngục đánh đập với sợi dây đen, rồi cũng đẽo gọt hoặc đốn chặt Hữu Tình trong Địa Ngục ấy, với dụng cụ sát hại, có búa rìu, cuốc, dao, cưa, v.v. bởi nhân ấy, Địa Ngục ấy gọi là **Hắc Thằng.**

Kālasuttena tacchanti Yamhi nirayapālakā
Anubandhā papatante Kālasutto pavuccate

Các Chúa Ngục đánh đập với sợi dây đen, rồi đẽo gọt hoặc đốn chặt Hữu Tình Địa Ngục đang té ngã bởi do vị Chúa Ngục đuổi bắt ở trong Địa Ngục nào thì Địa Ngục ấy gọi là **Hắc Thằng.**

3. SAṄGHĀTANARAKA – CHÚNG HỢP ĐỊA NGỤC

Samghātenti etthāti = Saṅghāto: Núi sắt thường nghiền nát Hữu Tình mà hóa sinh trong Địa Ngục ấy một cách mãnh liệt, bởi nhân ấy, Địa Ngục ấy mới gọi là **Chúng Hợp.**

(Vā) Mahantā jalitā ayopabbatā samghātenti cunnavisunnaṃ karonti ettha nibbatte satteti = Saṅghāto: (Hoặc là) một nghĩa nữa, núi sắt to lớn có màu sắc cháy đỏ rực thường nghiền nát Hữu Tình mà hóa sinh trong Địa Ngục ấy cho trở thành bột mịn, bởi nhân ấy, Địa Ngục ấy gọi là **Chúng Hợp**.

Ayomayapathabyaṃ yamhi Patimattaṃ pavesite
Ayosesā samghātenti Saṃghātoti pavuccate

Núi sắt có ngọn lửa nghiền nát các Hữu Tình Địa Ngục đang chôn vùi lún xuống trong nền sắt cho đến ngang thắt lưng trong Địa Ngục nào, Địa Ngục ấy gọi **Chúng Hợp.**

4. RORUVANARAKA – (DHŪMARORUVA - CŪLARORUVA) HÀO KHIẾU ĐỊA NGỤC – (KHIẾU HOÁN Hoặc TIỂU HÀO KHIẾU)

Mahāravaṃ ravanti etthāti = Roruvo: Các Hữu Tình Địa Ngục khóc la với âm thanh vang dội ở trong Địa Ngục ấy, bởi nhân ấy, Địa Ngục ấy gọi là **Hào Khiếu.**

(Vā) Mahantehi saddehi niccakālaṃ ravanti ettha nibbattā sattāti = Roruvo: (Hoặc) một nghĩa nữa, các Hữu Tình trong Địa Ngục ấy thường đua nhau khóc la không ngừng với âm thanh vang dội suốt trọn thời gian, bởi nhân ấy, Địa Ngục ấy gọi **Hào Khiếu.**

Dhūmehi pavisitvāna Sedamānā dayāvahaṃ
Mahāravaṃ ravantettha Vuccate dhūmaroruvo

Các Hữu Tình Địa Ngục bị khói lửa làm nóng bức, thường khóc la với âm thanh vang dội đáng thương xót ở trong Địa Ngục nào, bởi do khói lửa xông vào cả cửu khiếu, Địa Ngục này gọi là **Hào Khiếu.**

5. MAHĀRORUVANARAKA (JĀLARORUVA)
ĐẠI KHIẾU ĐỊA NGỤC (VÕNG ĐẠI KHIẾU)

Mahanto roruvo = Mahāroruvo: Địa Ngục có sự khóc la với âm thanh vang dội hơn cả Tiểu Khiếu Địa Ngục, gọi là **Đại Khiếu.**

Jālāhi pavisitvāna Dayhamānā dayāvahaṃ
Mahāravaṃ ravantettha Vuccate jālaroruvo

Các Hữu Tình Địa Ngục phải bị lửa thiêu đốt cháy, khóc la với âm thanh vang dội đáng thương xót ở trong Địa Ngục ấy, bởi do ngọn lửa xông vào cả cửu khiếu, Địa Ngục này gọi là **Võng Đại Khiếu** hay là **Đại Khiếu Địa Ngục.**

6. TĀPANANARAKA (CŪLATĀPANA)
VIÊM NHIỆT ĐỊA NGỤC (TIỂU VIÊM NHIỆT)

Tāpetīti = Tāpano: Các Hữu Tình Địa Ngục đang bị thiêu nóng bức, bởi nhân ấy, Địa Ngục ấy gọi là **Viêm Nhiệt.**

(Vā) Niccale satte tāpeti etthāti = Tāpano: Lửa Địa Ngục thường thiêu đốt cháy các Hữu Tình Địa Ngục đang bị ghim chặt ở trong Địa Ngục ấy, bởi nhân ấy, Địa Ngục ấy gọi là **Viêm Nhiệt.**

Jalite ayasūlamhi Niccalaṃ nisidāpite
Tāpeti pāpake pane Tāpanoti pavuccate

Địa Ngục hiện hữu các Hữu Tình hạng người dâm loạn, bị cho ngồi ghim chặt ở trong cây giáo sắt nung nóng đỏ rồi cho lửa thiêu đốt cháy, bởi nhân ấy, Địa Ngục ấy gọi là **Viêm Nhiệt.**

7. MAHĀTĀPANANARAKA (PATĀPANA)
ĐẠI VIÊM NHIỆT ĐỊA NGỤC (QUANG HÀO NHIỆT)

Ativiya tāpetìti = Mahātāpano: Địa Ngục mà các Hữu Tình bị thiêu đốt vô cùng nóng bức, bởi nhân ấy, Địa Ngục ấy mới gọi là **Đại Viêm Nhiệt.**

(Vā) Mahanto tāpanoti = Mahātāpano: (Hoặc là) một nghĩa nữa, các Hữu Tình Địa Ngục bị lửa thiêu đốt vô cùng nóng bức hơn cả Tiểu Viêm Nhiệt Địa Ngục, bởi nhân ấy, Địa Ngục ấy gọi là **Đại Viêm Nhiệt.**

Ayaselaṃ āropetvā **Hetthā sūlaṃ patāpiya**
Pāpake yo patāpeti **Patāpanoti vuccate**

Địa Ngục nào mà các Hữu Tình hạng người dâm loạn cho lên trên ngọn núi sắt đang nung đỏ rồi cho rớt xuống đến ngọn giáo ở phía dưới với mãnh lực của ngọn gió và lửa thiêu đốt, bởi nhân ấy, Địa Ngục ấy gọi là **Quang Hào Nhiệt** hay là **Đại Viêm Nhiệt.**

8. AVĪCINARAKA – VÔ GIÁN ĐỊA NGỤC

Natthi vīci etthāti = Avīci: Khoảng cách từ nơi ngọn lửa, Hữu Tình Địa Ngục và sự thống khổ không có gián đoạn ở trong Địa Ngục ấy, bởi nhân ấy, Địa Ngục ấy mới gọi là **Vô Gián.**

(Vā) Sattānaṃ vā aggijālānaṃ vā dukkhavedanānaṃ vā natthi vīci antaraṃ etthāti = Avīci: (Hoặc) một nghĩa nữa, khoảng cách các Hữu Tình Địa Ngục và ngọn lửa, sự thụ lãnh thống khổ không có sự gián đoạn, bởi nhân ấy, Địa Ngục ấy mới gọi là **Vô Gián.**

Jālānaṃ sattānaṃ yattha **Natthi dukkhassa antaraṃ**
Bālānaṃ nivāso so hi **Avīcīti pavuccate**

Khoảng cách từ nơi ngọn lửa, các Hữu Tình Địa Ngục và sự thống khổ không có sự gián đoạn trong Địa Ngục nào, bởi nhân đó, Địa Ngục ấy làm thành nơi thường trú của các loài Ác Hữu Tình, mới gọi là **Vô Gián.**

Kết Thúc Cả Tám Hầm Đại Địa Ngục

MỘT CÁCH TUẦN TỰ NĂM HẦM DU TĂNG ĐỊA NGỤC NHƯ SAU:

1. GŪTHANARAKA – PHẪN NỊ ĐỊA NGỤC

Avīcimhā pamuttāpi **Amuttā sesapāpino**
Paccanti pūtike gūthe **Tasseva samanantare**

Các Hữu Tình Địa Ngục khi vẫn còn dư sót ở phần Bất Thiện Nghiệp Lực **(Akusala kamma)** thì cho dù đã thoát khỏi nơi Vô Gián Đại Địa Ngục, cũng vẫn chưa thoát khỏi hẳn hoàn toàn, mà vẫn còn phải tiếp tục bị thụ lãnh thống khổ, đó chính là bị hành phạt ở trong Địa Ngục Phân Thối hiện hữu nối tiếp với Vô Gián Đại Địa Ngục.

2. KUKKULANARAKA – NHIỆT KHỐI ĐỊA NGỤC

Pūtigūthā pamuttāpi **Amuttā sesapāpino**

Paccanti kukkule unhe Tasseva samanantare

Các Hữu Tình Địa Ngục khi vẫn còn dư sót ở phần Bất Thiện Nghiệp Lực, cho dù đã thoát khỏi nơi Địa Ngục Phân Thối, cũng vẫn chưa thoát khỏi hẳn hoàn toàn, mà vẫn còn phải tiếp tục bị thụ lãnh thống khổ, tức là bị hành phạt ở trong Địa Ngục Tro Nóng, đích thị là hiện hữu nối tiếp với Phẩn Nị Địa Ngục.

3. SIMPALIVANANARAKA – ĐẠI CHÂM THỌ LÂM ĐỊA NGỤC

Kukkulunhā pamuttāpi Amuttā sesapāpino
Paccanti simpalīdāye Tasseva samanantare

Các Hữu Tình Địa Ngục khi vẫn còn dư sót ở phần Bất Thiện Nghiệp Lực, cho dù đã thoát khỏi nơi Địa Ngục Tro Nóng, cũng vẫn chưa thoát khỏi hẳn hoàn toàn, mà vẫn còn phải tiếp tục bị thụ lãnh thống khổ, tức là bị hành phạt ở trong Địa Ngục Rừng Cây Gạo Gai, đích thị là hiện hữu nối tiếp với Nhiệt Khối Địa Ngục.

4. ASIPATTAVANANARAKA – ĐẠI KIẾM DIỆP LÂM ĐỊA NGỤC

Simpalimhā pamuttāpi Amuttā sesapāpino
Papaccanti asipatte Tasseva samanantare

Các Hữu Tình Địa Ngục khi vẫn còn dư sót ở phần Bất Thiện Nghiệp Lực, cho dù đã thoát khỏi nơi Địa Ngục Rừng Cây Gạo Gai, cũng vẫn chưa thoát khỏi hẳn hoàn toàn, mà vẫn còn phải tiếp tục bị thụ lãnh thống khổ, tức là bị hành phạt ở trong Địa Ngục Rừng Cây Lá Kiếm, đích thị là hiện hữu nối tiếp với Đại Châm Thọ Lâm Địa Ngục.

5. VETTARANĪNARAKA – KHÔI HÀ ĐỊA NGỤC

Asipattā pamuttāpi Amuttā sesapāpino
Papaccanti jārodake Tasseva samanantare

Các Hữu Tình Địa Ngục khi vẫn còn dư sót ở phần Bất Thiện Nghiệp Lực, cho dù đã thoát khỏi nơi Địa Ngục Rừng Cây Lá Kiếm, cũng vẫn chưa thoát khỏi hẳn hoàn toàn, mà vẫn còn phải tiếp tục bị thụ lãnh thống khổ, tức là bị hành phạt ở trong Địa Ngục Sông Nước Mặn Có Cây Mây Gai, đích thị là hiện hữu nối tiếp với Đại Kiếm Diệp Lâm Địa Ngục.

TÁM HẦM DU TĂNG ĐỊA NGỤC TRÍCH TRONG BỘ THẾ GIAN CHẾ ĐỊNH (LOKAPAÑÑATTI)

1. Hầm Địa Ngục tràn đầy với lửa than cháy đỏ gọi là **Mộc Thán Địa Ngục (Angārakāsuniraya).**

2. Hầm Địa Ngục nước sắt gọi là **Thiết Vị Địa Ngục (Loharasaniraya).**

3. Hầm Địa Ngục tro nóng gọi là **Nhiệt Khối Địa Ngục (Kukkulaniraya).**

4. Hầm Địa Ngục nước lửa sôi gọi là **Nhiệt Tuyền Địa Ngục (Aggisamodaka niraya).**

5. Hầm Địa Ngục nồi đồng gọi là **Hỏa Khanh Địa Ngục (Lohakumbhīniraya).**

6. Hầm Địa Ngục phân thối gọi là **Phẩn Nị Địa Ngục (Gūthaniraya).**

7. Hầm Địa Ngục rừng cây gạo gai gọi là **Đại Châm Thọ Lâm Địa Ngục (Simpali vananiraya).**

8. Hầm Địa Ngục sông nước mặn có cây mây gai gọi là **Khôi Hà Địa Ngục (Vettaranīniraya).**

Từng mỗi hầm **Đại Địa Ngục (Mahānaraka)** có 32 Du Tăng Địa Ngục **(Ussada naraka)** tức là từng mỗi hầm có 4 Du Tăng Địa Ngục x 8 hướng = 32 hầm.

Từng mỗi hầm Đại Địa Ngục có 32 Du Tăng Địa Ngục, và 8 hầm Đại Địa Ngục thì có 8 x 32 = 256 hầm Du Tăng Địa Ngục.

PHÂN LOẠI VỀ VÔ GIÁN ĐỊA NGỤC TRÍCH TRONG CHÚ GIẢI TƯƠNG ƯNG (SAMYUTTA AṬṬHAKATHĀ) VÀ CHÚ GIẢI TĂNG CHI BỘ KINH (AṄGUTTARA AṬṬHAKATHĀ) Ở PHẦN LỤC XỨ (SALĀYATANA)

1. Pahāsaniraya – Ngu Lạc Địa Ngục
2. Aparājitaniraya – Chế Thắng Địa Ngục
3. Abbudaniraya – Phôi Điểm Địa Ngục
4. Nirabbudaniraya – Số Mục Địa Ngục
5. Ababaniraya – Cự Đại Địa Ngục
6. Ahahaniraya – Tĩnh Tội Giới Địa Ngục
7. Atataniraya – Thống Khổ Địa Ngục
8. Kumudaniraya –Liên Hoa Địa Ngục
9. Sogandhikaniraya – Liên Mục Địa Ngục
10. Uppalaniraya – Thanh Liên Địa Ngục
11. Pundarikaniraya – Bạch Liên Địa Ngục
12. Mahāpadumaniraya – Đại Liên Hoa Địa Ngục

VIỆC PHÂN TÍCH TỘI LỖI CÁC HỮU TÌNH PHẢI BỊ ĐỌA ĐỊA NGỤC

1. Hạng Vua Chúa, bậc Đại Thần, và hạng người có nhiều quyền lực **[Thân Lực (Kāyabala), Tài Lực (Bhogabala), Quyền Lực (Ānābala)],** vào thời gian hiện hữu ở trong Nhân Thế hành hạ, làm khổ với người thấp kém hơn mình một cách bất chánh phi pháp; hoặc nhóm đạo tặc cướp đoạt và phá hại nhà cửa thị thành cho đến việc sát tử, gom lấy tài sản của cải rồi bỏ đi. Hạng người mà đã đề cập đến tại đây, khi chết đi đa số là phải bị thụ lãnh thống khổ ở trong **Đẳng Hoạt Địa Ngục (Sañjīvanaraka).**

2. Hạng người hành hạ, làm khổ hoặc sát hại vị Tỳ Khưu, Sa Di, Đạo Sĩ hoặc đạo phủ thủ mà có nhiệm vụ sát hại Chư Tỳ Khưu, Sa Di, người Ác Giới **vô liêm sỉ (Alajjī).**

Hạng người mà đã đề cập đến tại đây, khi chết đi đa số là phải bị thụ lãnh thống khổ ở trong **Hắc Thằng Địa Ngục (Kālasuttanaraka).** Một trường hợp khác nữa, sát hại Cha Mẹ cũng phải bị thụ lãnh thống khổ ở trong **Hắc Thằng Địa Ngục (Kālasuttanaraka).** (Trình bày ở trong Túc Sinh Truyện **Sankicca**)

3. Hạng người có nhiệm vụ hành hạ, đầy đọa voi, ngựa, bò, trâu, v.v. và hạng người mà hành hạ, làm khổ loài hữu tình để tạo lợi ích riêng tư cho mình một cách không có lòng từ ái thương xót chúng sinh. Và nhóm người thợ săn chim, thợ săn hươu nai, những hạng loại như vậy, v.v. Hạng người mà đã đề cập đến tại đây, khi chết đi đa số là phải bị thụ lãnh thống khổ ở trong **Chúng Hợp Địa Ngục (Saṅghātanaraka).**

4. Hạng ngư dân và hạng người đốt cháy rừng già là nơi nương trú của tất cả hữu tình hoặc hạng người giam cầm loài hữu tình như là chim chóc, v.v. rồi mới đem giết cho chết đi. Hạng người nhậu rượu say sưa, làm tổn hại đến người khác một cách không thích hợp. Hạng người mà đã đề cập đến tại đây, khi chết đi đa số là phải bị thụ lãnh thống khổ ở trong **Tiểu Hào Khiếu Địa Ngục (Cūlaroruvanaraka)**

5. Hạng người trộm cắp tài sản của cải của Mẹ Cha, bậc Thầy Tổ; hoặc trộm cắp của vị Tỳ Khưu, Sa Di, Đạo Sĩ, Nữ Tu, làm cho phải lâm vào sự khó khăn khổ sở; hoặc trộm cắp lễ vật mà người ta cúng dường đến Tam Bảo; hoặc lường gạt lấy của cải của người ta đem làm của mình; và hạng người mà trộm cắp lấy một trong hai mươi lăm thể loại trường hợp trộm đạo. Hạng người mà đã đề cập đến tại đây, khi chết đi đa số là phải bị thụ lãnh thống khổ ở trong **Đại Khiếu Địa Ngục (Mahāroruvanaraka).**

6. Hạng người thiêu đốt nhà cửa, cốc liêu, điện thờ, tu viện, ngôi giảng đường, đền đài, phá hủy Bảo Tháp. Hạng người mà đã đề cập đến tại đây, khi chết đi phải bị thụ lãnh thống khổ ở trong **Tiểu Viêm Nhiệt Địa Ngục (Cūlatāpananaraka).**

7. Hạng người có sự hiểu biết rằng: "Chánh Pháp thì không tốt đẹp, không có thiết thực lợi ích chi cả". Còn với Tà Pháp thì lại hiểu biết rằng: "Tốt đẹp và hữu ích."

+ Hoặc hạng người có **Đoạn Kiến (Ucchedadiṭṭhi),** tức là có sự hiểu biết rằng: "Chết rồi là hư vô, không có cái chi tái sinh lại nữa."

+ Và hạng người có **Thường Kiến (Sassatadiṭṭhi),** tức là có sự nhận thấy rằng: "Khi làm chó, làm người, làm người nghèo, làm người giàu, làm Chư Thiên, làm Phạm Thiên, những hạng loại như vậy, v.v. rồi cũng quay trở lại làm chó nữa, làm người nữa, làm người nghèo nữa, làm người giàu nữa, làm Chư Thiên nữa, làm Phạm Thiên nữa, không thay đổi."

+ Và hạng người có **Vô Hữu Kiến (Natthidiṭṭhi),** tức là có sự hiểu biết rằng: "Việc kiến tạo Thiện Phước, việc hành trì Giới Luật, việc tiến tu Chỉ Quán thì chẳng có được thọ Quả Phước Báu. Việc sát hại hữu tình, trộm đạo của cải cũng chẳng gặt hái Quả khổ đau."

+ Và hạng người có **Vô Nhân Kiến (Ahetukadiṭṭhi),** tức là có sự hiểu biết rằng: "Làm người, làm hữu tình, làm người giàu, làm người nghèo, làm người xấu xí, làm người hữu bệnh, vô bệnh; làm người có tuổi thọ lâu dài, tuổi thọ ngắn; làm người thông minh, làm người si độn; tất cả những điều này là không có nguyên nhân, tự nhiên mà có."

+ Và hạng người có **Vô Hành Kiến (Akiriyadiṭṭhi),** tức là có sự hiểu biết rằng: "Tất cả loài hữu tình làm những điều chi cũng không có Quả báo, đang hiện hữu cũng không có nguyên nhân."

+ Và hạng người rủ rê, khuyến dụ người khác cho tin theo tư kiến của mình.

Hạng người đã đề cập đến tại đây, khi chết đi phải bị thụ lãnh thống khổ ở trong **Đại Viêm Nhiệt Địa Ngục (Mahātāpananaraka)** hoặc **Khôi Hà Du Tăng Địa Ngục (Vettaranīussadanaraka)** – tùy theo mãnh lực có nhiều hay ít của Nghiệp Lực.

THẬP VÔ HỮU KIẾN (NATTHIDIṬṬHI)

Tại nơi đây, có mười thể loại Vô Hữu Kiến mà Đức Thế Tôn đã có trình bày ở trong Túc Sinh Truyện **Nemirāja,** như thế này:

1. Natthi dinnaṃ: là không có Quả báo của việc Xả Thí cho ra.

2. Natthi yitthaṃ: là không có Quả báo của việc cúng dường Tam Bảo.

3. Natthi hutaṃ: là không có quả báo của việc cúng dường Chư Thiên.

4. Natthi sukatadukkatānaṃ kammānaṃ phalavipāko: là không có Quả báo của Nghiệp Lực tốt và Nghiệp Lực xấu.

5. Natthi mātā: là không có Ân Đức của người Mẹ.

6. Natthi pitā: là không có Ân Đức của người Cha.

7. Natthi samanabrāhmanā: là không có Sa Môn, Bà La Môn, Bậc Giới Đức và bậc hành giả.

8. Natthi sattā opapātikā: là không có Hữu Tình Hóa Sinh, tức là Chư Thiên, Phạm Thiên, Ngạ Quỷ, **Atula** và Hữu Tình Địa Ngục.

9. Natthi ayaṃ loko: là không có thế gian này, tức là kiếp sống hiện tại này.

10. Natthi paraloko: là không có thế gian sau, tức là kiếp sống sau.

Với hạng người nào, nếu như có bất luận một trong những mười thể loại của Vô Hữu Kiến này, khi chết đi phải bị thụ lãnh cảm thọ thống khổ trong **Đại Viêm Nhiệt Địa Ngục (Mahātāpananaraka)** hoặc **Khôi Hà Du Tăng Địa Ngục (Vettaranīussada naraka)** (trích trong Túc Sinh Truyện **Nemirāja**).

8. Trong những hạng người giết Mẹ Cha, Bậc Vô Sinh, làm chảy máu bàn chân của Đức Phật (Chích Huyết Thân Phật), làm chia rẽ Tăng Đoàn tức là xúi giục Tăng Đoàn đang đoàn kết hòa hợp cho chia rẽ lẫn nhau.

+ Và hạng người phá hủy bảo tháp Đức Phật, hình tượng Đức Phật, cội cây Bồ Đề giác ngộ bằng với Tâm nghĩ tưởng tạo tác điều tổn hại.

+ Và hạng người chỉ trích, quở trách Tăng Đoàn, Bậc Thánh Nhân, Bậc có Ân Đức đối với mình, người chấp thủ **Tam Chuẩn Xác Tà Kiến [Niyatamicchādiṭṭhi: Natthika (Vô Hữu), Ahetuka (Vô Nhân), Akiriya (Vô Hành)].**

Hạng người mà đã đề cập đến tại đây, khi chết đi phải bị thụ lãnh thống khổ ở trong **Vô Gián Đại Địa Ngục (Avīcimahānaraka)** hoặc **Hỏa Khanh Du Tăng Địa Ngục (Loha kumbhīussadanaraka)** - tùy theo mãnh lực có nhiều hay ít của Nghiệp Lực.

9. Hạng nữ nhân hủy diệt thai nhi của chính mình, khi chết đi phải bị thụ lãnh thống khổ ở trong **Khôi Hà Du Tăng Địa Ngục (Vettaranīussadanaraka)** (trích ở trong Túc Sinh Truyện **Sankicca**).

10. Hạng nữ nhân vui thích ngoại tình và cướp giật Chồng của tha nhân. Hạng nam nhân vui thích ngoại tình với Vợ tha nhân. Những hạng người này, khi chết đi phải bị thụ lãnh thống khổ trong **Đại Châm Thọ Lâm Du Tăng Địa Ngục (Simpalivana ussadanaraka).** Tiếp theo thì vẫn còn phải bị thụ lãnh thống khổ ở trong **Hỏa Khanh Địa Ngục (Lohakumbhīnaraka)** – là nơi có nước nóng tợ như lửa - tùy theo mãnh lực có nhiều hay ít của Nghiệp Lực (trích ở trong Túc Sinh Truyện **Sankicca**).

Một trường hợp khác nữa, Đức Thế Tôn có trình bày trong Túc Sinh Truyện **Nemirāja** (Vua **Nemi**) rằng: "Hạng nữ nhân vui thích ngoại tình và cướp giật Chồng tha nhân, khi chết đi phải bị thụ lãnh cảm thọ thống khổ một cách đặc biệt tất cả chỉ ở trong phần **Chúng Hợp Địa Ngục (Saṅghātanaraka).** Còn hạng nam nhân vui thích ngoại tình với Vợ tha nhân, hạng người này khi chết đi phải bị thụ lãnh cảm thọ thống khổ trong **Mộc Thán Địa Ngục (Angārakānaraka)** – tức là hầm Địa Ngục với lửa than cháy đỏ."

LỜI VẤN ĐÁP HỮU QUAN ĐẾN ĐỊA NGỤC TRÍCH TRONG TÚC SINH TRUYỆN NEMIRĀJA VETTARANĪNARAKA – KHÔI HÀ ĐỊA NGỤC

+ Vấn: Đức Vua **Nemi** ngự lãm được nhìn thấy loài Hữu Tình bị hành hạ thống khổ ở trong dòng sông **Vettaranī** thì hốt hoảng kinh hãi, liền phán hỏi Thiên Tử **Mātalī** rằng: Các loài Hữu Tình này đã tạo tác loại **Ác Nghiệp Lực (Pāpakamma)** chi vậy ?

+ Đáp: Thiên Tử **Mātalī (Mātalīdevaputta)** bẩm bạch cho biết rằng: Các loài Hữu Tình nào khi hiện hữu ở trong Cõi Thế Gian này mà đã sống tạo tác theo Ác Pháp, thường luôn hành hạ khổ não sân hận với người cô thế, các loài Hữu Tình ấy có Ác Nghiệp Lực nghiêm trọng như vầy, mới phải bị đọa vào trong dòng sông **Vettaranī** này.

Vua **Nemi** thấy tội nhân sa xuống,
Dòng sông sâu, liền hỏi **Mātalī:**
"Ta kinh hoàng thấy cảnh tượng đằng kia,
Những kẻ này phạm tội chi, xin nói,
Mà ngày nay bị sa vào sông thối ?"
Thần đáp, nếu tội chín, quả liền sinh:
"Ai trong đời ỷ sức mạnh riêng mình,
Lại ức hiếp kẻ nghèo nàn, yếu đuối,
Kẻ ác kia đã gây bao tội lỗi,
Bị thả vào dòng nước **Vettaran.**

ĐỊA NGỤC CHÓ ĐỐM

+ **Vấn:** Đức Vua vấn hỏi rằng: Chó đỏ, chó đốm, kên kên; bầy chim quạ có hình dạng đáng kinh sợ, bay lượn và mổ cắn ăn loài Hữu Tình Địa Ngục. Sự kinh hãi đang hiện bày đến với Trẫm, bởi do nhìn thấy các loài Hữu Tình ấy mổ cắn ăn loài Hữu Tình Địa Ngục. Trẫm xin vấn hỏi Ngài rằng: Các loài Hữu Tình ấy, do tạo điều Ác chi mà phải bị bầy chim quạ mổ cắn ăn, Ngài là bậc liễu tri quả dị thục của loài Hữu Tình đã tạo ra Ác Nghiệp Lực ấy, xin nói ra cho Trẫm là người chưa có được hiểu biết ?

+ **Đáp:** Thiên Tử **Mātalī** tâu rằng: Loài Hữu Tình ấy có sự bủn xỉn keo kiệt, đã chửi mắng Sa Môn, Bà La Môn, đã hành hạ khổ não, sân hận Sa Môn Bà La Môn, đó là hạng người có Ác Nghiệp Lực nghiêm trọng, bởi do đó, bầy chim quạ mới mổ cắn ăn loài Hữu Tình ấy.

Bầy chó đen, đàn kên kên cùng quạ,
Đang đợi mồi kinh khủng, lúc Ta trông,
Mā ta lī, Ta kinh hãi ở trong lòng,
Tội lỗi chi họ gây ra, xin nói,
Quạ rình ai ? **Mā ta lī** xin đáp lại.

Nếu tội chín muồi và quả phải mang,
Những kẻ xan tham, sân hận, nói sàm,
Làm tổn hại Bà La Môn, Ẩn Sĩ,
Những kẻ ác đã gây bao tội thế,
Nay làm mồi cho diều quạ, Ngài xem !

ĐỊA NGỤC NỀN ĐẤT SẮT

+ **Vấn:** Đức Vua vấn hỏi rằng: Loài Hữu Tình Địa Ngục ấy, đã tạo tác loại Ác Nghiệp Lực chi mới phải bị hành hạ khổ não với thanh sắt đốt cháy đỏ mà nhìn thấy như vậy ?

+ **Đáp:** Thiên Tử **Mātalī** tâu rằng: Loài Hữu Tình Địa Ngục ấy, khi còn ở trong Cõi Nhân Thế **(Manussaloka)** đã tạo tác việc Ác, có nghĩa là hành hạ khổ não, gây tổn hại đến hạng Nữ Nhân là người có tạo tác Thiện Sự (Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập), mới dẫn đến cảm thọ thống khổ mà được nhìn thấy như vầy.

Mình rực lửa khi họ nằm phủ phục,
Đống than hồng vùi dập, lúc Ta trông,
Mā ta lī, Ta hoảng sợ ở trong lòng.
Tội lỗi chi những kẻ này phạm phải,
Thần quản xa, nói cho Ta biết với,
Nay nằm vùi dập dưới đống than hồng ?

Mā ta lī, Thần điều ngự, tỏ tường,
Nếu tội lỗi chín muồi mang kết quả:
Những kẻ này trên đời đầy gian trá,

Hành hạ người vô tội, gây đau thương,
Cả nữ nhi cùng với bọn nam nhân,
Những kẻ ác đã tạo bao tội lỗi,
Nay nằm vùi dưới đống than đỏ ối.

ĐỊA NGỤC HẦM THAN CHÁY ĐỎ

+ Vấn: Loài Hữu Tình Địa Ngục ấy đã tạo tác loại Ác Nghiệp Lực chi mới dẫn đến khóc la rên siết ở trong đống than cháy đỏ ấy vậy ?

+ Đáp: Thiên Tử **Mātalī** tâu rằng: Loài Hữu Tình Địa Ngục ấy đã cố gắng lường gạt tài sản của công chúng; có nghĩa là đã thực hiện việc quyên góp tài sản của công chúng, viện cớ rằng sẽ lấy đi trùng tu và nâng cấp công trình xây dựng cho được thêm kiên cố. Rồi họ lại đem đi thực hiện việc hối lộ cho vị lãnh đạo, dùng lấy tài sản loại ấy cho thành của riêng mình một cách xấu xa, nói dối rằng "thâu hoạch được chừng này, chi tiêu chừng này" và họ đã rơi vào trong cách thức tạo tác việc lừa đảo công chúng. Bởi do loại Ác Nghiệp Lực nghiêm trọng này mới dẫn đến khóc la rên siết ở trong đống than cháy đỏ ấy vậy.

Những kẻ kia nằm hố than vật vã,
Gầm thét lên, thân cháy, lúc Ta trông.
Mā ta lī, Ta hoảng sợ ở trong lòng,
Bọn này phạm tội chi, cho Ta rõ,
Lại nằm vùng vẫy trong hầm lửa đỏ ?

Mā ta lī, Thần điều ngự, đáp lời,
Nếu quả mang khi tội đà chín muồi:
Những người trước đám đông dân chúng
Làm chứng nhân sai, nợ nần lật lọng,
Làm hại người như vậy, tấu Chúa Quân,
Những ác nhân này phạm tội bất nhân,
Nay nằm đó vẫy vùng trong hố lửa.

HỎA KHANH ĐỊA NGỤC THỨ NHẤT

+ Vấn: Loài Hữu Tình Địa Ngục ấy đã tạo tác việc Ác chi mới phải bị đọa ở trong Hỏa Khanh Địa Ngục vậy ?

+ Đáp: Loài Hữu Tình Địa Ngục ấy đã thực hiện Ác Hạnh, đã hành hạ khổ não sân hận đến Sa Môn, Bà La Môn là các vị có Giới Đức, mới phải bị đọa trong Hỏa Khanh Địa Ngục.

Khói lửa rực trời một hầm than đỏ,
Ta thấy kìa chảo sắt thật gớm ghê,
Khi Ta nhìn, lòng sợ hãi tràn trề,

Mā ta lī, nói cho Ta biết với,
Tội lỗi chi những kẻ này mắc phải,
Bị thả vào chảo sắt quá khổng lồ ?

Mā ta lī, Thần điều ngự, đáp Vua:
Nếu tội lỗi chín muồi mang kết quả:
Kẻ làm hại Bà La Môn, Hiền Giả,
Kẻ xấu xa làm hại bậc Thiện Nhân,
Những ác nhân mang Ác Nghiệp Lực vào thân,
Nay phải chịu đầu rơi vào chảo sắt !

HỎA KHANH ĐỊA NGỤC THỨ HAI

+ **Vấn:** Loài Hữu Tình Địa Ngục ấy đã tạo tác việc Ác chi mới phải bị nằm chặt đứt đầu vậy ?

+ **Đáp:** Loài Hữu Tình Địa Ngục ấy khi vẫn còn sinh mạng đã đi bắt chim rồi đem giết. Với loại Ác Nghiệp Lực nghiêm trọng này, mới dẫn đến bị nằm chặt đứt đầu.

Cổ bị tóm thả vào trong chảo sắt,
Đầy nước sôi sùng sục thật kinh hồn.
Mā ta lī, Ta sợ hãi từng cơn,
Tội lỗi nào những kẻ này mắc phải,
Giờ đây đầu nát tan nằm chịu tội ?

Mā ta lī, Thần điều ngự, đáp Vua:
Nếu tội chín muồi nên quả trổ ra:
Đó là những ác nhân trên Hạ Giới,
Bắt chim muông, rồi lại còn sát hại,
Và sát sinh như vậy, hỡi Quân Vương,
Do ác hành gây bao tội đau thương,
Nay nằm đó với cổ đầu siết chặt.

ĐỊA NGỤC SÔNG TRO NÓNG

+ **Vấn:** Loài Hữu Tình Địa Ngục ấy đã tạo tác việc Ác chi mà đến khi uống nước thì nước lại hóa thành tro nóng vậy ?

+ **Đáp:** Loài Hữu Tình Địa Ngục ấy có công ăn việc làm không được trong sạch, đã bán lúa gạo pha trộn với cát hoặc đất, v.v. cho người mua. Bởi do đó, loài Hữu Tình Địa Ngục ấy mới có sự nóng nảy hơn cả lửa đốt cháy; đến khi khát nước thì uống nước vào nước hóa thành tro nóng vậy.

Dòng sông kia sâu thẳm, bờ nông cạn,

Dễ đi qua bờ bên ấy, Thế Nhân
Nóng như thiêu, liền uống, nhưng vừa dùng,
Nước thành trấu lửa, khi Ta nhìn thấy,
Mā ta lī, lòng Ta đầy kinh hãi,
Nói cho Ta, tội lỗi của Thế Nhân,
Sao vừa uống, nước thành trấu đỏ bừng ?

Mā ta lī, Thần quản xa, đáp lại,
Nếu tội chín muồi và nay mang trái:
Đây những kẻ trộn gạo với trấu tro,
Đem bán gian cho những người đi mua,
Nên giờ phải chịu khát thiêu cổ họng,
Nhưng uống vào, nước hóa thành trấu nóng.

ĐỊA NGỤC ĐỦ CÁC LOẠI VŨ KHÍ

+ **Vấn:** Loài Hữu Tình Địa Ngục ấy đã tạo tác việc Ác chi mới bị trừng trị phải nằm trên ngọn giáo vậy ?

+ **Đáp:** Loài Hữu Tình Địa Ngục ấy khi vẫn còn sinh mạng, là hạng người lừa đảo gạt gẫm tài sản tiền bạc của người ta, và đục tường khoét vách, cướp bóc, trấn lột, đoạt lấy đồ đạc vàng bạc chí đến cả loài gia súc lấy đem về nuôi mạng. Khi đã tạo tác việc xấu ác như vậy, mới dẫn đến phải bị trừng trị nằm trên ngọn giáo này vậy.

Bao gươm giáo cung tên đâm xuyên thủng,
Hai bên sườn những kẻ nọ thét gào.
Mā ta lī, Ta kinh hãi, nói mau,
Tội lỗi chi những kẻ kia đã tạo,
Nên nay phải chịu biết bao gươm giáo,
Phải nằm kia hứng lấy mọi cung tên ?"

Mā ta lī, Thần điều ngự, đáp liền:
Tội lỗi chín muồi và nay trả quả,
Kia những Thế Nhân lòng đầy gian trá,
Đã lấy của người để sống giàu sang,
Trâu, dê, cừu, ngựa, thóc lúa, bạc vàng.
Những ác nhân này gieo trồng tội báo,
Nên giờ đây nằm hứng bao gươm giáo.

ĐỊA NGỤC ĐỒNG THỊT

+ **Vấn:** Đức Vua **Nemi** ngự lãm được nhìn thấy một loài Hữu Tình Địa Ngục bị vị Chúa Ngục thắt cổ họng với sợi dây sắt cháy đỏ rực, rồi kéo lôi thân xác đi cho nằm xuống trên nền đất làm bằng tấm thiết sắt cháy đỏ rực, rồi đánh đập với đủ các loại vũ khí. Và lại có một nhóm khác nữa đã bị vị Chúa Ngục cắt chặt thân xác ra thành từng mảnh, rồi quăng vứt bỏ; mới liền vấn hỏi Thiên Tử **Màtalī** rằng: Loài Hữu Tình Địa Ngục ấy đã tạo tác loại Nghiệp chi mới phải bị như thế vậy ?

+ **Đáp:** Thiên Tử **Mātalī** tâu rằng: Loài Hữu Tình Địa Ngục ấy đã từng là hạng người sát hại cừu, sát hại heo, sát hại cá, v.v. Khi đã sát hại xong rồi lại lấy đem đi bày bán ở trong nhà bán thịt. Đó là hạng người có nhiều loại Nghiệp Lực xấu ác mới dẫn đến bị cắt chặt thân xác thành từng mảnh, rồi quăng vứt bỏ như vậy.

Những kẻ này bị cột cổ là ai ?
Kẻ xé thịt, người chặt xương từng mảng,
Mā ta lī, lòng Ta đầy kinh hoảng,
Nói cho Ta tội tạo bởi chúng sinh,
Đang nằm kia thân bị xé tan tành ?

Mā ta lī, Thần quản xa, đáp lại:
Nếu tội chín muồi và nay mang trái,
Dân chài, hàng thịt, săn bắn hươu nai,
Kẻ giết trâu dê đem bán ở đời,
Những ác nhân đã gây bao tội ác
Nay nằm kia với tấm thân tan nát.

ĐỊA NGỤC TIỂU PHẨN

+ **Vấn:** Đức Vua **Nemi** ngự lãm được nhìn thấy một loài Hữu Tình Địa Ngục đang ăn phân và nước tiểu, mới vấn hỏi rằng: Loài Hữu Tình Địa Ngục ấy đã tạo tác loại Nghiệp chi, mới dẫn đến phải bị ăn phân phẩn và nước tiểu làm thành vật thực, như thế vậy ?

+ **Đáp:** Thiên Tử **Mātalī** tâu rằng: Loài Hữu Tình Địa Ngục ấy đã tạo ra sự thống khổ, hành hạ khổ não bạn hữu, v.v. thường luôn áp đặt người khác trong sự hành hạ khổ não. Đó là hạng người có loại Nghiệp Lực xấu ác, sân hận với bạn hữu như vậy, mới dẫn đến phải bị ăn tiểu phẩn.

Hố hôi đầy phân bẩn ở đằng kia,
Mùi thối xông lên, bao người chết đói,
Ăn đồ dơ ! Lòng Ta đầy kinh hãi,
Khi Ta nhìn, hãy nói, **Mā ta lī,**
Những Thế Nhân kia mắc tội lỗi chi,
Nay Ta thấy ăn toàn đồ dơ thối ?

Mā ta lī, Thần quản xa, đáp lại:

Nếu tội chín muồi nay quả phải mang,
Những kẻ tinh ma ích kỷ hại nhân,
Sống với bạn mà đem lòng hại bạn,
Những ác nhân này đã gây nghiệp chướng,
Nay ăn đồ dơ bẩn tội tình thay.

ĐỊA NGỤC MÁU MỦ

+ Vấn: Một loài Hữu Tình Địa Ngục đã bị áp đảo mãnh liệt bởi sự đói và khát, không có khả năng chịu đựng được sự đói khát, mới phải ăn máu mủ; liền vấn hỏi rằng: Loài Hữu Tình Địa Ngục ấy đã tạo tác loại Nghiệp Lực chi ?

+ Đáp: Loài Hữu Tình Địa Ngục ấy, khi vẫn còn sinh mạng ở trong Cõi Nhân Thế, đã sát hại người Mẹ, người Cha và Bậc Vô Sinh; gọi là bị phạm vào Cực Trọng Tội của hàng tại gia thế tục. Khi đã có loại Nghiệp Lực xấu ác như vậy mới phải bị dẫn đến thụ lãnh thống khổ và ăn máu mủ làm thành vật thực.

Hố đằng kia đầy máu đỏ hôi tanh,
Mùi thối xông lên, kìa đám sinh linh,
Khát thiêu họng, uống vào ! Ta kinh hãi,
Khi Ta nhìn, **Mã ta lĩ,** hãy nói,
Bọn người kia đã tạo lỗi lầm chi,
Nên giờ đây phải uống dòng máu kia ?

Mã ta lĩ, Thần quản xa, đáp lại:
Nếu tội chín muồi và nay mang trái,
Những kẻ này đã giết Mẹ hoặc Cha,
Ngũ nghịch trọng tội mà đã gây ra,
Bọn ác này đã tạo ra trọng tội,
Nay phải uống đằng kia dòng máu thối.

ĐỊA NGỤC LƯỠI CÂU SẮT

+ Vấn: Một loài Hữu Tình Địa Ngục bị vị Chúa Ngục lấy lưỡi câu đang cháy thành lửa đỏ, to bằng thân cây thốt nốt, móc vào lưỡi và kéo lôi thân xác cho nằm xuống trên nền kim loại đang cháy thành lửa đỏ và rồi lấy cái móc sắt cắm vào da tựa như cắm vào da bò vậy. Loài Hữu Tình Địa Ngục ấy không thể chịu đựng sự thống khổ ấy được, mới đua nhau vùng vẫy giống như cá giãy giụa ở trên cạn, ai ai cũng khóc la rên siết; mới liền vấn hỏi rằng: Loài Hữu Tình Địa Ngục ấy đã tạo tác loại Nghiệp Lực chi vậy ?

+ Đáp: Loài Hữu Tình Địa Ngục ấy, khi hiện hữu ở trong Cõi Nhân Loại, đã là hạng người đánh giá hàng hóa; có nghĩa là thụ nhận tiền thù lao của người mua, cho nên với hàng hóa có giá cao thì đánh giá thấp, làm cho người mua tạo ra việc gian lận tội lỗi bởi do có sự

lợi lộc, che giấu sự gian lận bằng với lời lẽ ngọt ngào dễ nghe. Giống như người câu cá bọc lưỡi câu cho được kín mít với miếng mồi, rồi đem thả câu cá dẫn đến việc sát hại luôn. Không có một người nào sẽ giúp bảo vệ cho sự gian lận của hạng người ấy được. Loài Hữu Tình Địa Ngục ấy đã tạo tác loại Nghiệp Lực xấu ác này, mới phải bị thụ lãnh thống khổ với lưỡi câu móc vào lưỡi.

Kìa lưỡi xuyên ngang bằng cái móc câu,
Như trăm mũi gai trên gỗ cắm vào,
Ai vẫy vùng như cá nằm trên cạn ?
Khi thấy người đang thét gào lảm nhảm,
Ta kinh hoàng, hãy nói, **Mā ta lī,**
Tội lỗi chi phạm bởi đám người kia,
Nay nằm đó nuốt móc câu như vậy ?

Mā ta lī, Thần quản xa, đáp lại:
Nếu tội chín muồi và quả phải mang,
Những Thế Nhân kia buôn bán chợ hàng,
Tranh giành mua rẻ vì tham tư lợi,
Tưởng đâu che được bao trò gian dối,
Như người câu cá, những kẻ dối đời,
Phải lâm nguy, bởi Nghiệp cũ theo hoài,
Bọn gian ác nay đà gây tội ấy,
Đang nằm kia, nuốt móc câu như vầy.

ĐỊA NGỤC NÚI SẮT

+ **Vấn:** Đức Vua là bậc Đại Giác Hữu Tình (Bồ Tát) ngự lãm đã nhìn thấy loài nữ Hữu Tình Địa Ngục có thân xác bị đập bể vỡ, có âm bộ xấu xa, vấy bẩn, nhơ nhớp với máu và mủ; bị chặt đứt đầu giống như đàn bò bị sát hại bởi chặt đứt ở phần trên đầu, rồi ôm bưng với cả hai tay và khóc la. Thân xác loài nữ Hữu Tình Địa Ngục ấy bị chôn vùi ở trong nền mặt đất đến ngang thắt lưng, và thường luôn bị ngọn núi lửa cháy đỏ rực nổi lên từ bốn phương hướng luân phiên nhau đến nghiền nát loài nữ Hữu Tình Địa Ngục ấy, cho thành nát vụn đi; rồi tái hiện cái đầu mới lại, hiện hành như vậy mãi luôn mà không gián đoạn; mới liền vấn hỏi rằng: Loài nữ Hữu Tình Địa Ngục ấy đã tạo tác loại Nghiệp Lực chi mới phải thường luôn bị chôn vùi ở trong phần nền đất vậy ?

+ **Đáp:** Thiên Tử **Mātalī** tâu rằng: Tất cả loài nữ Hữu Tình Địa Ngục ấy, khi còn là **cô tiểu thư (Kūladhītu)** ở trong **Cõi Nhân Thế (Manussaloka),** có sở hành bất tịnh, có nghĩa là có hành vi cử chỉ bất chánh, tức là loại nữ nhân ấy thuộc dòng giống xảo quyệt vô loại, từ bỏ Chồng, và đem lòng dạ của mình làm vui lòng với nam nhân khác. Khi đã mạng vong thì hóa sinh ở trong Địa Ngục này, mới phải bị ngọn núi lửa đi đến từ cả bốn phương hướng luân phiên nhau nghiền nát cho thành phấn bụi.

Những nữ nhân, tơi tả, đứng giơ tay,
Gào thét lên, khốn khổ, máu bôi đầy.
Như thú trong lò, thân vùi đến ngực,
Còn nửa người trên lửa thiêu rừng rực.
Ta kinh hoàng cho biết, **Mā ta lī,**
Đám nữ nhân kia phạm ác chi,
Nay phải đứng chôn vùi trên mặt đất,
Nửa người trên lửa đang thiêu hừng hực ?
Phần nằm sâu dưới đất đến nửa người.

Mā ta lī, khi ấy vội đáp lời:
Nếu tội chín muồi và nay mang trái,
Những kẻ kia cao sang trên thế gian,
Đời sống dâm ô, gây Nghiệp bất nhân,
Phản bội, trốn chồng, làm việc vô luân,
Để thỏa mãn những tấm lòng tham dục,
Họ phung phí cuộc đời trong trụy lạc,
Giờ đây mình rực lửa đứng chôn thân.

HỮU TÌNH ĐỊA NGỤC CÓ ĐẦU CHÚI XUỐNG

+ **Vấn:** Loài Hữu Tình Địa Ngục có cái đầu chúi xuống phía dưới bởi do vị Chúa Ngục nắm bắt loài Hữu Tình ấy, rồi ấn mạnh cho cái đầu đi chúi xuống ở trong Địa Ngục. Bởi nhân chi loài Hữu Tình Địa Ngục ấy mới phải bị vị Chúa Ngục nắm bắt thân thể, rồi ấn mạnh cho cái đầu đi chúi xuống vậy ?

+ **Đáp:** Thiên Tử **Mātalī** tâu rằng: Loài Hữu Tình Địa Ngục ấy, khi vẫn còn sinh mạng ở trong Cõi Nhân Thế **(Manussaloka),** đã là hạng người liên hệ với **Hành Vi Bất Đoan Nghiệp Lực (Durācārakamma),** có nghĩa là qua lại với vợ tha nhân và trộm cắp vật phẩm cao quý, mới phải bị đọa xuống Địa Ngục này, thụ lãnh cảm thọ thống khổ với thời gian rất lâu dài. Loài Hữu Tình Địa Ngục ấy có hành vi tạo tác xấu ác; thường là không có người đến để giúp đỡ, bảo hộ loài Hữu Tình Địa Ngục là hạng người đã thực hiện Ác Nghiệp Lực như vậy. Bởi do đó, loài Hữu Tình Địa Ngục ấy mới phải bị thụ lãnh thống khổ.

Sao những kẻ kia bị người lôi cẳng,
Và thả vào dòng nước **Na ra ka ?**
Lòng kinh hoàng, **Mā ta lī,** nói ra,
Tội lỗi chi những Thế Nhân tạo vậy,
Nên ngày nay trôi vào dòng sông ấy ?

Mā ta lī, Thần điều ngự, đáp lời:
Nếu Nghiệp nhân mang quả đã chín muồi,

Những kẻ kia trên thế gian độc ác,
Trộm báu vật, tư thông Vợ người khác,
Nên giờ đây bị thả xuống dòng sông,
Chịu khổ hình trong Địa Ngục muôn năm,
Không an lạc cho người gây tội lỗi,
Vì nó luôn bị Nghiệp Lực mình rượt đuổi,
Những ác nhân này gây bao lỗi lầm,
Nên nay bị thả xuống dòng sông này.

ĐỊA NGỤC RỪNG CÂY GẠO

+ **Vấn:** Khi Đức Vua **Nemi** ngự lãm được nhìn thấy loài Hữu Tình Địa Ngục lớn nhỏ, một vài bọn kết hợp tình trạng có thân hình kỳ dị hiện bày ở trong Địa Ngục. Loài Hữu Tình Địa Ngục ấy đã tạo tác việc Ác chi mà có sự thống khổ cùng cực, thụ lãnh cảm thọ thống khổ một cách đau đớn như thế vậy ?

+ **Đáp:** Thiên Tử **Mātalī** tâu rằng: Loài Hữu Tình Địa Ngục ấy, khi vẫn còn sinh mạng ở trong Cõi Nhân Thế **(Manussaloka),** đã là hạng người có sự thấy sai (Tà Kiến), chấp lầm, thường luôn khắn khít với Thập **Tà Kiến (Micchādiṭṭhi),** đó là: không có quả báo của việc Xả Thí cho ra, không có quả báo của việc cúng dường, không có quả báo của việc cúng tế, không có quả báo của việc tốt xấu, không có người Mẹ người Cha, không có Sa Môn Bà La Môn, không có Hóa Sinh hữu tình, không có thế gian này (kiếp sống hiện tại), không có thế gian tới (kiếp sống vị lai), rủ rê người khác cho có sự hiểu biết theo Tà Kiến như vầy. Bởi do đó, loài Hữu Tình ấy mới phải bị thụ lãnh cảm thọ thống khổ đau đớn cùng cực.

Ta chứng kiến bao Nghiệp Nhân gây Quả,
Thật kinh hoàng trong lòng Địa Ngục, khi trông,
Mā ta lī, Ta sợ hãi trong lòng,
Tội lỗi chi những Thế Nhân phạm phải,
Nên ngày nay bị trầm luân khổ hải,
Rất đau thương, thống thiết, khó vượt qua ?

Mā ta lī, Thần điều ngự, đáp Vua:
Nếu tội chín muồi và nay mang trái,
Bọn Ác Tà Kiến kia trên thế gian,
Đặt lòng tin vào vọng tưởng hư danh,
Buộc Tha Nhân phải tín ngưỡng theo mình,
Vì Tà Kiến đã gây bao tội lỗi,
Nên ngày nay phải chịu bao khổ hải,
Rất đau thương, thống thiết, khó vượt qua.

LOÀI HỮU TÌNH ĐANG THỤ LÃNH THỐNG KHỔ TRONG MỘT PHẦN LÃNH THỔ ĐỊA NGỤC VÔ GIÁN TỘI LỖI VÀ VIỆC THỤ LÃNH THỐNG KHỔ TRONG NGU LẠC ĐỊA NGỤC (PAHĀSANIRAYA)

Trong Cõi Nhân Thế (**Manussaloka**), với hạng người có sự vui mừng, duyệt ý và say đắm trong cả Ngũ Dục Lạc; có việc vũ múa, ca hát, diễn kịch, và các nghệ thuật sân khấu; vào vai nam diễn viên chính cũng có, nữ diễn viên chính cũng có; khóc lóc, cười giỡn, ca hát, vũ múa, và khiêu vũ. Tùy thuộc vào câu chuyện mình trình diễn, đã làm cho khán giả khởi sinh lên sự vui thích cũng có, sầu khổ cũng có, đôi khi khởi sinh lên sự nô đùa khắn khít cho đến quên cả mình. Cứ mãi say mê ngắm nhìn vai kịch của nam diễn viên chính, nữ diễn viên chính đang khi trình diễn trước mắt. Hạng người vũ múa hoặc hạng người diễn kịch nghệ thuật sân khấu này đây, khi chết đi phải bị thụ lãnh thống khổ ở trong **Ngu Lạc Địa Ngục (Pahāsanaraka)**. Trong sát na bị thụ lãnh thống khổ ở trong Địa Ngục ấy y như thể là đang vũ múa hay là ca hát vậy. Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng được trích ở trong Chú Giải Tương Ưng Bộ Kinh **(Samyutta Aṭṭhakathā)**, ở phần Lục Xứ **(Salāyatana)** như sau: **Pahāso nāma nirayoti visuṃ pahāsanāmako nirayo nāma natthi, avīcisseva pana ekasmiṃ kotthāse naccantā viya gāyantā viya ca natavesaṃ gahetvāva paccanti.**

TỘI LỖI VÀ VIỆC THỤ LÃNH THỐNG KHỔ TRONG CHẾ THẮNG ĐỊA NGỤC (APARĀJITANIRAYA)

Trong Cõi Nhân Thế **(Manussaloka)**, với hạng người thường luôn có sự vui mừng, duyệt ý trong việc đánh đấm với nhau (tạo ra chiến tranh với nhau). Với hạng người này, khi chết đi phải bị thụ lãnh thống khổ ở trong **Chế Thắng Địa Ngục (Aparājitanaraka).** Trong sát na bị thụ lãnh thống khổ ở trong Địa Ngục ấy y như thể là đang cưỡi voi hoặc đang cưỡi ngựa, buộc súc vật vào cỗ xe, cầm nắm năm loại binh khí, chém giết lẫn nhau suốt trọn thời gian, và không ngừng nghỉ. Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng được trích ở trong Chú Giải Tương Ưng Bộ Kinh **(Samyutta Aṭṭhakathā)**, ở phần Lục Xứ **(Salāyatana)** như sau: **Aparājito nāma nirayoti ayaṃpi na visuṃ eko nirayo, avīcisseva pana ekasmiṃ kotthāse pañcāvudha sannaddhā phalakahatthā hatthi assarathe āruyha saṅgāme yujjhantā viya paccanti.**

TỘI LỖI VÀ VIỆC THỤ LÃNH THỐNG KHỔ TRONG CẢ MƯỜI HẦM ĐỊA NGỤC CÓ PHÔI ĐIỂM ĐỊA NGỤC v.v. ABBUDANARAKA

Với hạng người khi vẫn còn hiện hữu ở trong Cõi Nhân Thế **(Manussaloka)**, đã nói ra lời quở trách chỉ trích, xem nhẹ khinh thường Bậc Thánh Nhân với điều bất chánh, sai trật. Khi chết đi mới phải bị thụ lãnh thống khổ ở trong cả mười hầm Địa Ngục, có **Phôi Điểm Địa Ngục (Abbudanaraka)**, v.v.

Như có tích truyện kể rằng: Trong thời kỳ Bậc Chánh Đẳng Giác vẫn còn tại thế, có vị Tỳ Khưu **Kokālika** đã nói ra lời chê trách rằng: Hai Bậc Chí Thượng Thinh Văn Giác **(Aggasāvaka)** đó là Ngài Trưởng Lão **Sārīputta** và Ngài Trưởng Lão **Moggallāna** đã vi phạm điều học Bất Cộng Trụ **(Pārājika Sikkhāpāda)** mà Đức Phật đã có tác ý ban hành. Khi vị Tỳ Khưu **Kokālika** chết đi, phải bị thụ lãnh thống khổ trong **Đại Liên Hoa Địa Ngục (Mahāpadumanaraka)** bởi do tội lỗi từ nơi việc nói lời không chân thật (Tội Cáo Gian).

GIẢI THÍCH TÊN GỌI MƯỜI HẦM ĐỊA NGỤC CÓ PHÔI ĐIỂM ĐỊA NGỤC v.v. ABBUDANARAKA

Tại nơi đây, với tên gọi là **Phôi Điểm Địa Ngục (Abbudanaraka), Số Mục Địa Ngục (Nirabbudanaraka), Cự Đại Địa Ngục (Ababanaraka),** v.v. ở đây, chỉ là tên gọi của việc tính đếm mà thôi. Tương tự như việc đếm trăm, ngàn, mười ngàn, trăm ngàn, triệu, mười triệu. Như thế, việc gọi tên các thể loại Địa Ngục, này là Phôi Điểm, này là Số Mục, này là Cự Đại cũng tương tự với việc tính đếm như đã có đề cập đến rồi vậy.

Ước tính về tuổi thọ ở trong Phôi Điểm Địa Ngục, là việc tính đếm với số lượng của hạt mè (hạt vừng), đó là bốn trăm chín chục triệu sáu trăm ngàn (490,600,000) hạt mè. Và hết tất cả số lượng hạt mè này, cứ một trăm năm của Nhân Loại lấy ra và vứt bỏ đi một hạt, cho đến khi hết tất cả bốn trăm chín chục triệu sáu trăm ngàn hạt mè mới bằng với tuổi thọ Phôi Điểm Địa Ngục. Còn tuổi thọ của Số Mục Địa Ngục nhiều hơn hai mươi (20) lần tuổi thọ Phôi Điểm Địa Ngục. Còn tuổi thọ Cự Đại Địa Ngục nhiều hơn hai mươi (20) lần tuổi thọ Số Mục Địa Ngục. Còn tuổi thọ Tĩnh Tội Địa Ngục, Thống Khổ Địa Ngục, Liên Hoa Địa Ngục, Liên Mục Địa Ngục, Thanh Liên Địa Ngục, Bạch Liên Địa Ngục, Đại Liên Hoa Địa Ngục, cũng tuần tự theo với số lượng tuổi thọ nhiều hơn hai mươi (20) lần lẫn nhau.

(Trích ở trong Chánh Tạng **Pāḷi** và Chú Giải của Tăng Chi Bộ Kinh).

SỰ THỐNG KHỔ VÀ SỰ SỐNG TRONG ĐỊA NGỤC MỘT CÁCH BẤT ĐỊNH
1. TỲ KHƯU DEVADATTA

Tỳ Khưu **Devadatta** đã thực hiện việc hãm hại Bậc Chánh Đẳng Giác, Ngài là Bậc kiên định, bất dao động đối với Thế Gian Pháp. Do đó, Tỳ Khưu **Devadatta** mới phải bị hóa sinh đọa thẳng vào trong Vô Gián Đại Địa Ngục. Trong sát na bị thụ lãnh thống khổ trong Vô Gián Đại Địa Ngục ấy, có thân hình cao ước tính một trăm do tuần, từ lỗ tai trở lên chìm vào trong mảnh sắt cháy đỏ và dùng để kê đầu. Phần phía dưới, kể từ mắt cá chìm vào trong mảnh sắt cháy đỏ; có cây đinh to ước tính bằng cây thốt nốt đóng vào cả hai phía cánh tay và dính chặt vào vách. Có ngọn giáo sắt đâm phía bên trái thủng đến phía bên phải, đâm phía trước thủng đến phía sau, thủng từ trên đầu xuống cho đến phía dưới và không có nhúc nhích, cựa quậy được. Và rồi có ngọn lửa thiêu đốt suốt trọn thời gian, không ngừng nghỉ cho đến khi được thoát khỏi Vô Gián Đại Địa Ngục.

Trong thời vị lai vào một trăm ngàn **Đại Kiếp (Mahā Kappa),** sẽ được trở thành vị **Độc Giác Phật (Pacceka Buddha)** có tên gọi **Aṭṭhissara,** còn về phần **Pháp Toàn Thiện (Pāramī – Ba La Mật)** thì đã có kiến tạo được hai **A Tăng Kỳ (Asaṅkheyya).**

Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng được trích ở trong Chú Giải Kinh Pháp Cú **(Dhamma pada Aṭṭhakathā)** và **Vua Milinda Sở Vấn Kinh (Milinda Pañhā)** như sau:

Niccale Buddhe aparaddhabhāvena niccalova hutvā avìcimhi paccatiso hi ito satasahassakappamatthake Aṭṭhissaro nāma Paccekabuddho bhavissati. (Chú Giải Kinh Pháp Cú)

Devadatto mahārāja cha kotthāse kate kappe atikkante pathamakotthāse saṅghaṃ bhindi, pañca kotthāse niraye paccitvā tato muccitvā Aṭṭhissaro nāma Paccekabuddho bhavissati. (Vua Milinda Sở Vấn Kinh)

2. KỆ NGÔN TỲ KHƯU DEVADATTA CÚNG DƯỜNG ĐỨC PHẬT TRONG SÁT NA ĐANG BỊ ĐẤT RÚT XUỐNG

Imehi atthihi tamaggapuggalaṃ Devātidevaṃ naradammasārathiṃ
Samantacakkhuṃ satapuññalakkhanaṃ Pānehi Buddhaṃ saranaṃ gatosmi

Con xin cúng dường Đức Phật, Ngài là Bậc Chí Thượng Nhân **(Aggapuggala),** Ngài là Bậc Thiên Chủ tối thượng hơn cả Chư Thiên, Ngài là Bậc Điều Ngự Trượng Phu (Bậc Đánh Xe Điều Ngự Muôn Loài), Ngài là Bậc Toàn Tri Tuệ Nhãn, Ngài có hàng trăm Phúc Tướng. Với tất cả xương cốt này cùng với sinh mạng của con xin cho được đến Đức Phật Ngài là chỗ nương nhờ của con.

3. TÍCH TRUYỆN ĐỨC VUA DAṆḌAKĪ

Trong đất nước **Bārānasī,** có một vị Vua trị vì Vương Quốc, Ngài có tên gọi là **Daṇḍakī,** và tên gọi của kinh thành là **Kumbhavatī.** Hầu hết tất cả dân chúng ở trong thành **Kumbhavatī** cùng với Đức Vua **Daṇḍakī** đều là nhóm người **Tà Kiến (Micchā diṭṭhi).** Trong thời gian ấy, một vị Đạo Sĩ danh xưng là **Kisavaccha,** vị này là bậc đã có được chứng đắc Bát Thiền cùng với Thắng Trí và đã nương trú ở cạnh bên bờ sông **Godhāvarī.** Lần hồi về sau, vị Đạo Sĩ này đã chuyển đến ở trong kinh thành **Kumbha vatī** và đã nương trú ở trong vườn ngự uyển của Đức Vua **Daṇḍakī.** Qua sự hộ độ của một vị Đại Tướng Quân, Ngài Đạo Sĩ này hằng luôn được đón nhận sự an vui thoải mái.

Trong kinh thành **Kumbhavatī,** có một ả kỹ nữ đang ở vị trí là một cung phi của Đức Vua **Daṇḍakī.** Đến một ngày kia, ả kỹ nữ này bị Đức Vua **Daṇḍakī** nổi giận và đã cách chức ra khỏi vị trí. Khi cô nàng đã bị tẫn xuất ra khỏi vị trí, bèn rảo bước vào trong khu vườn ngự uyển, và đã lần đi đến trú xứ của Ngài Đạo Sĩ **Kisavaccha** đang trú ngụ.

Ngay khi vừa được nhìn thấy Đạo Sĩ **Kisavaccha,** cô ta đã liền khởi sinh sự nghĩ suy sai trật rằng: "Gã Đạo Sĩ này là kẻ ty liệt. Nếu là như thế thì hết tất cả những điều bất hạnh xui rủi mà hiện đang có ở trong toàn thân của Ta đây, nếu như Ta lấy đem đổ lên trên thân

xác của kẻ ty liệt này, thế rồi sẽ làm cho Ta được đón nhận lại những điều kiết tường." Khi ả kỹ nữ đã nghĩ suy như vậy xong thì cầm lấy cây đánh răng để chà răng, rồi lấy nước dơ mà đã đánh xong cùng với cây đánh răng đổ lên trên đầu của Ngài Đạo Sĩ đang tĩnh tọa nơi ấy. Rồi tự bản thân đã quay đi tắm rửa, gội đầu, làm vệ sinh cá nhân, và làm cho bản thân được hoàn toàn sạch sẽ. Khi ả kỹ nữ đã thực hiện xong sự việc này thì không bao lâu sau, Đức Vua **Daṇḍakī** lại có sự nghĩ tưởng đến và đã truyền lệnh cho đi tìm kiếm cô ta để vào chầu, tiếp theo là phong chức cho cô ta được nhận lại chức vị thuở ban đầu. Việc nghĩ tưởng của Đức Vua **Daṇḍakī** ấy, không có liên quan gì với hành động đã tạo tác của ả kỹ nữ này chút nào cả, duy nhất chỉ là việc nghĩ tưởng với mãnh lực phiền não, mà đó chỉ là lẽ thường nhiên.

Sau đó thì không được bao lâu, Đức Vua **Daṇḍakī** lại phát sinh lên sự nổi giận đến một người khác nữa, đó là vị Bà La Môn Quân Sư, dẫn đến việc tẫn xuất ra khỏi chức vụ Quân Sư, cũng tương tự với việc cách chức vị trí của ả kỹ nữ đó vậy. Khi vị Bà La Môn Quân Sư đã bị tẫn xuất ra khỏi chức vụ này rồi, đã vào tìm đến ả kỹ nữ và đã vấn hỏi đến sự việc mà cô ta đã bị thất sủng khỏi vị trí và đã làm thế nào mới được quay trở vào đón nhận lại chức vị như xưa. Ả kỹ nữ đã kể đến hành động của mình đã làm đến vị Đạo Sĩ mà đang nương trú ở trong vườn ngự uyển cho vị Bà La Môn Quân Sư nghe. Khi vị Bà La Môn Quân Sư đã được rõ biết, liền vội vã đi vào trong vườn ngự uyển, và đã hành động cũng tương tự y như lời chỉ bảo của ả kỹ nữ. Tiếp đến không lâu, Đức Vua **Daṇḍakī** cũng truyền lệnh cho vị Bà La Môn Quân Sư này vào chầu, và đã giao phó trọn vẹn chức vụ mà ông ta đã từng có được làm như xưa.

Tại đây, sự việc mà vị Bà La Môn Quân Sư đã được quay trở vào và được đón nhận lại chức vụ như xưa; trường hợp đó, không phải là phát sinh từ nơi hành động mà ông ta đã tạo tác đến vị Đạo Sĩ ấy. Mà đó chỉ là việc phát sinh từ nơi sự cố gắng của tự bản thân ông ta đã từng tìm kiếm cơ hội để cho mình sẽ được quay vào đón nhận chức vụ ban đầu, và đích thị là việc hiện hành theo bản chất tâm tánh thế tình của Đức Vua **Daṇḍakī,** đó là chỉ có sự nổi giận lên một chốc lát, và khi nguôi ngoai cơn thịnh nộ thì thường sẽ nghĩ tưởng đến người mà mình đã từng có dùng tới, và đó cũng là lẽ thường nhiên.

Đến một ngày, Đức Vua **Daṇḍakī** đã đón nhận văn thư tấu trình về biến cố xảy ra từ ở nông thôn là có khởi sinh việc tạo phản. Khi Đức Vua **Daṇḍakī** đã rõ biết được tin tức từ nơi văn thư tấu trình ấy, đã triệu tập tất cả triều thần binh lính và các chư hầu lại, để mà sẽ diệt trừ bọn tạo phản. Bởi có vị Bà La Môn Quân Sư, là người cũng đang có hội hợp ở tại nơi đó, vị Bà La Môn bèn quỳ xuống, xin được vấn hỏi Đức Vua **Daṇḍakī** rằng: "Lần này, Bệ Hạ sẽ xuất chinh để diệt trừ bọn tạo phản, Đức Ngài có mong ước là sẽ dành lấy sự chiến thắng đối với bọn tạo phản hay là phải bị thua bại ?"

Đức Vua **Daṇḍakī** đã trả lời rằng: "Trẫm sẽ phải chiến thắng cho bằng được."

Vị Bà La Môn bèn quỳ tâu lên rằng: "Nếu như Bệ Hạ có sự mong ước là sẽ diệt trừ được bọn tạo phản và cho có được sự chiến thắng một cách mau lẹ, thì ngay lúc này, có một kẻ ty liệt đang nương trú ở trong vườn ngự uyển của Đức Ngài. Kính xin Bệ Hạ cùng với tất cả quân binh, trước khi sẽ xuất chinh để chiến đấu trừng trị hết tất cả bọn tạo phản này

thì hãy thực hiện việc tẩy uế vật bất tịnh hiện đang có ở trong thân thể, rồi đổ xuống lên trên thân xác của kẻ ty liệt. Rồi sau đó, cùng nhau hết tất cả luôn cả quan quân, quay trở về tắm rửa, làm vệ sinh cá nhân cho được sạch sẽ tươm tất. Rồi mới hẵng là kéo quân ra đi chinh phạt với bọn tạo phản đó, thì sẽ làm cho Đức Ngài có được sự chiến thắng đối với phía tạo phản một cách dễ dàng. Quả thật là việc trừng trị đó, bên phía lãnh thổ của Bệ Hạ đối với bên phía bọn tạo phản, sớm hay muộn gì, cũng sẽ phải có được sự chiến thắng thôi. Cho dù là như thế, cũng kính xin Đức Ngài và hết tất cả quân binh, hãy tẩy uế vật bất tịnh hiện đang có ở trong thân thể của mình, và đổ xuống lên trên thân xác của kẻ ty liệt này trước đi đã, rồi mới hẵng xuất chinh."

Về phía Đức Vua **Daṇḍakī,** khi đã được nghe lời tấu trình của vị Bà Là Môn Quân Sư như vậy rồi, liền có sự đồng ý với lời bẩm bạch này, mới truyền lệnh cho tất cả quân binh đi đến nơi trú ngụ của vị Đạo Sĩ. Khi Đức Vua cùng với đoàn quân đã đi đến và tập hợp lại ở tại trú xứ của vị Đạo Sĩ, thì Đức Vua và tất cả quân binh, từng mỗi người đã cầm lấy cây đánh răng để chà răng và rồi lần lượt từng mỗi người với Đức Vua cùng đoàn quân, đã lấy nước dơ đã đánh xong và cây đánh răng đổ lên trên thể xác của Ngài Đạo Sĩ ấy, quả là nhiều vô số, chồng chất lên nhau thành một khối đống lớn, và ngập kín cả thân xác của Ngài Đạo Sĩ kể từ ở trên đầu trở xuống dưới, xong rồi quay trở về và xuất chinh.

Còn vị Đại Tướng Quân, là người hộ độ cho Ngài Đạo Sĩ ấy, sau khi Đức Vua **Daṇḍakī** đã kéo quân quay đi rồi, đã rủ người tùy tùng mà có lòng quý trọng, tôn kính với niềm tịnh tín ở nơi Ngài Đạo Sĩ, đã đi đến giúp đỡ thu dọn và lấy đem đi hết cả những cây đánh răng mà đã đổ ngập lên cả thân xác Ngài Đạo Sĩ, khi đã dọn dẹp xong thì sắp xếp việc mang nước đến để cúng dường Ngài Đạo Sĩ tắm rửa làm vệ sinh cá nhân.

Sau khi Ngài Đạo Sĩ đã tắm rửa, làm vệ sinh cá nhân sạch sẽ tươm tất xong, đã ân cần nói với vị Đại Tướng Quân rằng: "Việc mà Đức Vua **Daṇḍakī** cùng với tất cả dân chúng đã tạo ra việc xấu ác đến bằng chừng ấy đó đối với Bần Đạo, riêng bản thân Bần Đạo không có sự sân hận buồn lòng nào đến Đức Vua **Daṇḍakī** và dân chúng cả, cho dù chỉ là một chút ít; nhưng ngay bây giờ, tất cả Chư Thiên lại có sự phẫn nộ đối với Đức Vua **Daṇḍakī** và dân chúng rất nhiều. Tính kể từ ngày hôm nay trở đi cho đến ngày thứ bảy, kinh thành **Kumbhavatī** mà có ranh giới rộng sáu mươi do tuần này đây, sẽ bị tiêu diệt và hoàn toàn sụp đổ tất cả. Do đó, xin Ngài Đại Tướng Quân hãy cùng với tất cả bà con quyến thuộc mau vội tản cư tránh nạn trước đi."

Về phía Ngài Đại Tướng Quân, khi đã biết được hung tin như vầy ở nơi Ngài Đạo Sĩ, liền có sự kinh sợ vô cùng, mới vội đi cấp báo tin này đến Đức Vua **Daṇḍakī** cho được hay biết, rồi tự bản thân cùng với gia đình và bạn bè thân hữu mà có niềm tin vào sự loan báo của Ngài Đạo Sĩ, ai ai cũng lo rủ nhau chạy tản cư ra khỏi kinh thành **Kumbhavatī.** Còn về phần Ngài Đạo Sĩ **Kisavaccha** ấy; sau khi Ngài Đại Tướng Quân, là người đã hộ độ cho Ngài đã tản cư ra khỏi kinh thành **Kumbhavatī** xong rồi, thì Bậc Giác Hữu Tình (Bồ Tát) có tên gọi là **Sarabhanga,** là Bậc Giáo Thọ Sư của Ngài đang trú ở tại bên bờ sông **Godhāvarī** biết được sự kiện nghiêm trọng sẽ phát khởi lên ở trong kinh thành **Kumbhavatī** và Ngài Đạo Sĩ **Kisavaccha** là vị đệ tử của Ngài Bồ Tát vẫn còn đang trú ở trong kinh thành

Kumbhavatī thì sẽ không thoát khỏi điều nguy hại. Bởi do đó, Ngài Đạo Sĩ (Bồ Tát) **Sarabhanga** mới liền sai bảo hai vị Đạo Sĩ cho đến đón Ngài Đạo Sĩ **Kisavaccha** ra khỏi kinh thành **Kumbhavatī,** bằng cách Nhập Thiền Định, hiện bày Thắng Trí rồi bay trên hư không.

Về phía Đức Vua **Daṇḍakī,** khi Ngài Đại Tướng Quân đến tấu trình cho hay biết điều tai họa sẽ phát sinh lên đến với Đức Vua và tất cả dân chúng ấy thì Đức Vua lại nghĩ rằng điều ấy là không có thật, do đó, mới không có sự nghi ngờ rằng tai họa nghiêm trọng như vậy sẽ phát sinh lên được, nên tâm trí vẫn cứ thản nhiên.

Tất cả Thiên Chúng có sự phẫn nộ trong hành động của Đức Vua **Daṇḍakī** và dân chúng đã đua nhau tạo tác việc xấu ác đến Ngài Đạo Sĩ ấy, khi thời gian đã đến thì cùng nhau đã làm cho mưa rơi xuống khắp cả kinh thành **Kumbhavatī** có phạm vi rộng tới sáu mươi do tuần. Lần thứ nhất với trận mưa thông thường. Tiếp đến là trận mưa với những hạt cát, rồi đến trận mưa với những bông hoa, rồi đến trận mưa với bạc tiền và vàng ròng, và trận mưa với những vật trang sức điểm tô trang hoàng thân xác của Chư Thiên. Khi dân chúng đã được nhìn thấy vật có giá trị, từ trên hư không rơi xuống như vầy, ai ai cũng có Tâm phấn khởi duyệt ý, vội vã chạy nhanh ra khỏi nhà của mình, để mà nhặt lấy các loại vật có giá trị này và cất giữ lấy làm thành tài sản của mình. Khi dân chúng đang bị kích động, chạy ra quanh quẩn lượm nhặt các loại vật có giá trị này thì chính ngay sát na ấy và ở tại nơi đó, đã phát sinh lên những vũ khí và than lửa cháy đỏ, đã rơi xuống và tiếp chạm vào tất cả dân chúng luôn cả Đức Vua **Daṇḍakī** dẫn đến sự mạng vong khắp hết cả đất nước. Khi tất cả dân chúng cùng với Đức Vua **Dandakī** đã bị mạng vong rồi, đã phải bị thụ lãnh thống khổ ở trong **Nhiệt Khối Du Tăng Địa Ngục (Ussada Kukkulanaraka),** tức là Địa Ngục Tro Nóng, có tro nóng xông vào hết cả cửu khiếu. Còn phía trên đầu thì có than lửa cháy đỏ rơi xuống.

Bất Thiện Nghiệp Lực **(Akusalakamma)** của dân chúng và Đức Vua **Daṇḍakī** đã tạo lên đây, đó là loại Bất Thiện Nghiệp Lực rất nghiêm trọng, đáng lẽ sẽ phải bị thụ lãnh thống khổ ở trong Đại Địa Ngục, nhưng lại không phải là như vậy, mà trái lại chỉ có thụ lãnh thống khổ ở trong **Nhiệt Khối Du Tăng Địa Ngục.** Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã được trích ở trong Túc Sinh Truyện **Sarabhanga** như sau:

Kisaṃ hi vacchaṃ avakira Daṇḍakī	Thuở nọ tan tành cả quốc gia
Ucchimemūlo sajano saraṭṭho	Vì làm ô nhục Thánh **Kisa**
Kukkula nāme nirayamhi paccati	**Danda** đọa xuống **Kukku** địa
Tassa phuliṅgāni patanti kāye.	Ngập cả than hừng hóa bụi ra.

Bởi do: "Dan da ki phỉ báng **Ki Sa**
Ngài chẳng tội tình, chẳng xấu xa.
Như chặt cọ dừa từ gốc rễ
Hoàn toàn hủy diệt thế kia mà.

4. TÍCH TRUYỆN HOÀNG HẬU MALLIKĀDEVĪ

Vương Phi của Đức Vua **Pasenadikosala** có tên gọi là **Mallikā.** Trong sát na Hoàng Hậu vẫn còn hiện hữu ở trong Cõi Nhân Thế **(Manussaloka),** đã có được kiến tạo rất nhiều Thiện Phước. Trong một ngày nọ, vào lúc Hoàng Hậu vẫn còn cảm thấy hân hoan hạnh phúc thì Hoàng Hậu đã nói lời vọng ngữ đến Đức Vua **Pasenadikosala.** Về sau khi đến thời gian bị lâm trọng bệnh, Hoàng Hậu vẫn còn thường luôn nghĩ đến Thiện Phước đã từng có được kiến tạo đến. Tuy nhiên đến khi cận tử lâm chung, Hoàng Hậu lại không có khả năng để sẽ truy niệm đến Thiện Phước mà mình đã từng có được kiến tạo đến, mà trái lại chỉ có nghĩ tưởng đến lời vọng ngữ đã có nói ra với Đức Vua **Pasenadikosala,** khiến tâm trí khởi sinh lên sự bứt rứt khôn nguôi mãi cho đến mạng vong. Khi đã mạng vong rồi thì bị hóa sinh ở trong **Vô Gián Đại Địa Ngục (Avīcimahānaraka)** với thời gian là bảy ngày của Nhân Loại. Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng được trích để ở trong Chú Giải Kinh Pháp Cú **(Dhammapada Aṭṭhakathā)** như sau: **Sā maraṇakāle evarūpaṃ mahā pariccāgaṃ anussaritvā tameva pāpakammaṃ anussarantì kālaṃ katā avīcimhi nibbatti.**

5. TÍCH TRUYỆN ĐỨC VUA CORANĀGA

Trong Đảo Quốc **Lankā** (Tích Lan) có một vị Vua trị vì Vương Quốc, Ngài có tên gọi **Coranāga,** đó là hạng người không có sùng tín ở trong Phật Giáo **(Buddhasāsanā).** Bởi do đó, Đức Vua đã phá hủy đến cả mười tám Đại Tu Viện, và đã hành hạ bức hại đến tất cả Chư Tỳ Khưu, Sa Di, Cận Sự Nam, Cận Sự Nữ, và các bậc Hiền Trí mà đã có lòng tôn kính Phật Giáo ở trong thời gian đó. Khi Đức Vua đã tạo tác việc xấu ác như vầy thì tâm trí Vương Phi của Đức Vua đã khởi sinh lên sự bất duyệt ý, mới thực hiện việc hãm hại Đức Vua với việc lấy thuốc độc bỏ vào trong vật thực của nhà vua. Khi Đức Vua **Coranāga** đã thọ dụng vật thực đã được pha chế với thuốc độc thì liền băng hà và đi hóa sinh ở trong **Địa Ngục Thủy Diệt Siêu Sinh (Lokantarikanaraka).** Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng được trích để ở trong Bộ Đại Chủng Tộc Chư Phật **(Mahāvaṃsa)** như sau: **Attano bhariyāya dinnaṃ visaṃ bhakkho mato kira lokantarika nirayaṃ pāso so uppajjittha.**

6. MỘT VÀI ĐỊA NGỤC NGƯỜI ĐÃ SÁT HẠI PHỤ MẪU PHẢI BỊ THỤ LÃNH THỐNG KHỔ

Với hạng người mà đã sát hại người Mẹ, người Cha thì gọi là **Bất Cộng Trú Nhân (Pārājikapuggala),** được dịch là **Người bị tuyệt lộ sinh lại làm người.** Bởi vì hạng người như vậy, khi chết đi đa số là phải thụ lãnh thống khổ ở trong Vô Gián Đại Địa Ngục **(Avīcimahānaraka)** và không có khả năng để sẽ tái sinh lại làm người một cách dễ dàng. Tuy nhiên có một vài người mà đã sát hại người Mẹ, người Cha và Bậc Vô Sinh rồi, đã phải bị thụ lãnh thống khổ trong Địa Ngục Máu Mủ cũng có. Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng có được trình bày để trong Túc Sinh Truyện **Nemirāja** như sau: **Ye Mātaraṃ Pitaraṃ vā jīvaloke Pārājikā Arahante hananti te luddhakammā pasavetvà pāpaṃ te me janā lohitapubba bhakkhāti.**

7. TÍCH TRUYỆN ĐỨC VUA NĀLIKERA

Trong khoảng thời gian xa xưa, có một Quốc Độ tên gọi là **Aṅga,** kinh thành của Quốc Độ này có tên gọi là **Dantarūpa.** Đức Vua trị vì Vương Quốc, Ngài có tên gọi **Nāḷikera.** Đức Vua **Nāḷikera** là vị vua không có niềm tin về **Tội - Phước (Pāpa – Puñña)** Bởi do đó, Đức Vua đã sát hại một vị Đạo Sĩ, Ngài là vị có Giới Đức và là Bậc Pháp Sư, rồi lấy thi thể đem vứt bỏ cho chó ăn. Khi Đức Vua **Nāḷikera** đã tạo tác Bất Thiện Nghiệp Lực **(Akusalakamma)** một cách nghiêm trọng như vậy, mới phải bị đất rút. Khi Đức Vua **Nāḷikera** đã bị đất rút xuống, đã phải bị thụ lãnh thống khổ ở trong Du Tăng Địa Ngục, có tên gọi là **Cẩu Súc Địa Ngục (Sunakkhanaraka),** có thân hình cao ba dặm **(Gāvuta),** và có chó đen với thân to bằng con voi cắn ăn. Bất Thiện Nghiệp Lực **(Akusalakamma)** mà Đức Vua **Nāḷikera** đã tạo ra đó, đáng phải bị thụ lãnh thống khổ ở trong Đại Địa Ngục, nhưng lại không phải là như vậy, mà trái lại chỉ có thụ lãnh thống khổ ở trong Du Tăng Địa Ngục. Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng có được trình bày để trong Túc Sinh Truyện **Sarabhanga** như sau:

Yo saññate pabbajite ahethayi	**Nà li** đầy hốt hoảng rơi vào,
Dhammaṃ bhaṇante samaṇe adūsake	Địa Ngục trong nanh vuốt chó ngao
Taṃ Nāḷikeraṃ sunakhā parattha	Vì nhạo báng Hiền Nhân, Đạo Sĩ,
Saṅgamma khādanti vibhandamānaṃ	Pháp Sư chẳng phạm lỗi lầm nào.

8. TÍCH TRUYỆN ĐỨC VUA AJJUNA

Trong khoảng thời gian xa xưa, có một Quốc Độ tên gọi **Mahiṃsaka,** Đức Vua trị vì Vương Quốc có tên gọi **Ajjuna.** Đức Vua **Ajjuna** này là vị **Tà Kiến (Micchādiṭṭhi).** Khi ấy, có một vị Đạo Sĩ tên gọi **Aṅgīrasa,** dòng tộc của Ngài là **Gotama.** Theo thông lệ, Ngài Đạo Sĩ này là một vị thường luôn có **Pháp Nhẫn Nại (Khantidhamma)** và thường xuyên trau giồi hạnh Tinh Tấn. Tuy nhiên Ngài Đạo Sĩ này đã bị Đức Vua **Ajjuna** sát hại qua việc dùng cung tên bắn chết đi. Khi Đức Vua **Ajjuna** đã dùng tên bắn Ngài Đạo Sĩ dẫn đến sự mạng vong, rồi thì mãnh lực Bất Thiện Nghiệp Lực **(Akusalakamma)** mà Đức Vua **Ajjuna** đã tạo tác mới thành tác nhân dẫn đến phải bị đất rút và đã bị thụ lãnh thống khổ ở trong Du Tăng Địa Ngục có tên gọi **Địa Ngục Cán Giáo (Sattisūlanaraka).**

Trong việc thụ lãnh thống khổ của Đức Vua **Ajjuna** đây, là có sự việc rớt xuống từ ở trên cao với cái đầu chúi rơi xuống, còn ở phía dưới thì có ngọn giáo dựng đứng lên. Trong sát na đang rớt xuống với tình trạng cái đầu chúi xuống đó thì ngay trong sát na đó, vị Chúa Ngục dùng kiếm chém cũng có, dùng ngọn giáo phóng tới cũng có. Bất Thiện Nghiệp Lực mà Đức Vua **Ajjuna** tạo tác đây, đáng phải bị thụ lãnh thống khổ ở trong Đại Địa Ngục, nhưng lại không phải là như vậy, mà trái lại chỉ có thụ lãnh thống khổ ở trong Du Tăng Địa Ngục tên gọi là Địa Ngục Cán Giáo. Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng có được trình bày để trong phần Túc Sinh Truyện **Sarabhanga** như sau:

Atthajjuno niraye sattisūle	Cũng vậy **Aj ju na** giết ngay
Avaṃsiro patito uddhaṃ pādaṃ	Thánh nhân thanh tịnh, luyện tu dầy
Aṅgīrasaṃ Gotamaṃ heṭhayitvā	**An gi,** nên bị chúi đầu xuống
Khantiṃ tapassiṃ cirabrahmacāriṃ	Hành hạ xác thân chốn đọa đầy.

Tộc trưởng **Ke ka, Aj ju na,**
Tan tành vì hại **Go ta ma.**
Dù ngàn tay, vóc người cường tráng,
Thiện xạ lẫy lừng một thuở xa.

9. TÍCH TRUYỆN ĐỨC VUA MAJJHA

Vào thuở xa xưa, có một Quốc Độ tên gọi là **Majjha** và Đức Vua trị vì Vương Quốc này có tên gọi là **Majjha.** Đức Vua **Majjha** cùng với quần thần của nhà vua và một phần dân chúng của đất nước này, là những hạng người **Tà Kiến (Micchādiṭṭhi).** Khi ấy, có một vị Đạo Sĩ tên gọi là **Mātaṅga,** Ngài Đạo Sĩ này có đông đảo tùy tùng, và có danh thơm vang lừng khắp cả đất nước. Còn Đức Vua **Majjha** và tất cả quần thần, đó là những hạng người Tà Kiến, khi đã được nghe Ngài Đạo Sĩ này có đông đảo đồ chúng và lại có danh thơm vang lừng khắp cả đất nước như vậy thì sinh tâm bất toại nguyện. Khởi lên lúc ban đầu, chỉ nói những lời chê trách chỉ trích và biểu lộ cử chỉ khinh miệt xem thường Ngài Đạo Sĩ, tiếp nối về sau đã sát hại vị Đạo Sĩ này đi, là bởi do bị xúi xiểm của nhóm Bà La Môn tùy tùng. Khi vị Đạo Sĩ đã bị sát hại xong, tất cả đồ chúng của Ngài Đạo Sĩ đã cùng rủ nhau tản cư đi đến sinh sống ở một đất nước khác, chỉ còn ở lại là nhóm quần thần tùy tùng và tất cả dân chúng của Đức Vua **Majjha**. Khi Đức Vua **Majjha** và quần thần đã đồng tâm với nhau sát hại Ngài Đạo Sĩ ấy dẫn đến sự mạng vong, rồi thì với mãnh lực Bất Thiện Nghiệp Lực này mới khiến cho có trận mưa rơi, mà những giọt nước mưa này lại hóa thành những hạt tro cháy đỏ rực, đã đụng chạm vào dân chúng và tất cả loài hữu tình cùng với Đức Vua **Majjha,** đi đến sự diệt vong hết cả thảy, chỉ còn lại mảnh đất hoang vắng và rừng già mà thôi. Những hạng người này, khi đã đi đến sự tử vong rồi, phải bị thụ lãnh thống khổ ở trong **Nhiệt Khối Du Tăng Địa Ngục (Ussadakukkulanaraka).** Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng có được trình bày để trong phần Túc Sinh Truyện **Sarabhanga**:

Upahacca manaṃ majjho	**Ka la bu** cháy tại Diêm Cung
Mātaṅgasmiṃ yasassine	Giữa khổ đau thê thảm, hãi hùng
Sapārisajjo ucchinno	Vì đã hại Hiền Nhân đức hạnh
Majjhāraññaṃ tadā ahu	"Bậc Thầy Nhẫn Nại" tiếng vang lừng.

"Maj jha vì bậc trí **Tan ga,**
Phải rớt từ trên bảo tọa kia,
Đất nước trở thành hoang phế địa,
Chúa Tôi đều phải hóa ra ma."

10. TÍCH TRUYỆN ĐỨC VUA DASABHĀTIKA

Thuở nọ có một Quốc Độ tên gọi là **Andhakavinda.** Đức Vua trị vì Vương Quốc có anh em đến mười vị. Ngài trưởng cả trị vì chính ngay Vương Quốc **Andhakavinda.** Còn chín vị còn lại, từng mỗi vị đều có tiểu quốc để trị vì. Tuy nhiên cả mười vị Vua này là hạng người không có sùng tín ở trong **Phật Giáo (Buddhasāsanā).** Bởi do đó, mới xem thường khinh miệt và bức hại một vị Đạo Sĩ tên gọi là **Kaṇhādīpāyana,** Ngài là Bậc có Giới Đức. Tiếp theo đó, đã đồng tâm với nhau sát hại vị Đạo Sĩ này đi.

Khi cả mười vị Vua trị vì đất nước đã đồng tâm với nhau mà sát hại vị Đạo Sĩ ấy đi rồi, tiếp đến không bao lâu, cả mười vị Vua này nẩy sinh lên sự kình cãi và gây sự lẫn nhau, đã dùng chày đả thương và sát hại lẫn nhau, dẫn đến cả mười vị Vua này đều tử vong. Khi cả mười vị Vua trị vì đất nước này đã mệnh chung, đã phải bị thụ lãnh thống khổ ở trong Du Tăng Địa Ngục. Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng có được trình bày để trong Túc Sinh Truyện **Sankicca** như sau:

Kaṇhādīpāyanā sajja	Dân chúng **Vish Nu** tộc tấn công,
Isi andhakavidayo	**Di pa ya** ấy Hắc Hiền Nhân,
Aññoññaṃ musala hantvā	Cùng tộc **Andha** tìm Địa Ngục,
Sampattā yamasādhanaṃ	Giết nhau dùng giáo trượng tranh hùng.

11. TÍCH TRUYỆN ĐỨC VUA UPAVARA

Trong khoảng thời gian bắt đầu kiến lập kiếp sống mới, tức là Kiếp sống đang được hiện hành vừa chỉ trong một khoảnh khắc mới đây, gọi là **Kiến Lập Kiếp Sơ (Vaṭṭathāyī kappa),** đó là kiếp sống mà tất cả loài Hữu Tình được hiện sinh và kiến tạo nhà cửa xóm làng cho thành hình một đoàn thể vững chắc. Trong khoảng thời gian ban đầu của kiếp sống này **(Kiếp Sơ),** toàn thể tất cả loài Hữu Tình vừa mới hiện sinh có tuổi thọ lâu dài đến một **A Tăng Kỳ (Asaṅkheyya)** năm. Việc tính đếm tuổi thọ của loài Hữu Tình với một A Tăng Kỳ năm đó, có phương cách cho việc tính đếm như vầy, tức là: Đặt con số 1 đứng trước, rồi tiếp thêm cho đủ 140 con số 0 đến cuối hàng, gọi là một A Tăng Kỳ năm. Trong khoảng thời gian ấy, có một Quốc Độ tên gọi **Cetiya,** kinh thành gọi tên **Sotathiya.** Đất nước này có nhà Vua trị vì nối tiếp với nhau lên đến số lượng là mười một vị, tính kể từ Đức Vua **Mahāsammuti** thuộc dòng **Sát Đế Lỵ (Khattiya)** là vị đầu tiên cho đến vị thứ mười một có tên là Đức Vua **Upavara.** Trong khoảng thời gian của Kiếp Sơ, từng mỗi vị Vua trị vì Vương Quốc và trải qua đã được tất cả là mười Vị, cùng với hết tất cả dân chúng, họ đều là những người an trú ở trong **Đức Hạnh (Sīladhamma – Giới Pháp)** một cách tốt đẹp, có nghĩa là hết tất cả họ là những người thực hành Thập **Thiện Hạnh (Sucarita),** tuyệt nhiên không có một người nào thực hành điều **Bất Thiện Hạnh (Duccarita),** và ngay cả không hề được nghe, được đề cập đến việc thực hành Bất Thiện Hạnh. Trong thời gian đó, họ là những người không hề hay biết đến câu chuyện về việc Bất Thiện Hạnh là chi cả. Rồi một ngày nọ, tất cả dân chúng được nghe tin thông báo rằng: Đức Vua **Upavara,** Ngài là vị đang trị vì đất nước này sẽ phán lời vọng ngữ." Dân chúng mới đua nhau nhốn nháo, bàn tán xôn

xao ầm ĩ rằng: "Lời vọng ngữ này là lời thế nào nhỉ ?" vì lẽ họ chưa từng được nghe nói đến, nó sẽ là màu trắng hay là đen, hay là bất luận trường hợp nào. Và họ đã đua nhau chú tâm để chờ lắng nghe tin thông báo ấy ở trong khắp mọi nơi của đất nước.

Đức Vua **Upavara** Ngài này đã hội đủ ân đức với bốn thể loại thần thông lực, đó là:

1. Đi lại trên hư không (bởi Pháp Thắng Trí),

2. Có bốn vị Thiên Tử hằng luôn canh phòng cả bốn phương hướng với cánh tay phải cầm thanh gươm.

3. Long thể có mùi hương chiên đàn.

4. Miệng tỏa hương thơm như mùi hương sen.

Trong khoảng thời gian Phụ Vương Đức Vua **Upavara** còn đang trị vì đất nước ấy thì có một vị Bà La Môn Quân Sư tên là **Kapila.** Vị Bà La Môn Quân Sư này có người em trai tên gọi **Korakalambha.** Bà La Môn **Korakalambha** là một bạn hữu rất yêu thương với Đức Vua **Upavara,** bởi vì khoảng thời gian Đức Vua **Upavara** khi Ngài vẫn còn niên thiếu, đã có đi học hành các môn nghệ thuật ở kinh thành **Takkasilā** và **Korakalambha** đã có được cùng học chung, nên kể từ thời gian ấy họ rất là khắn khít mật thiết với nhau. Trong sát na mà Đức Vua **Upavara** vẫn còn đang học ở nơi ấy, đã có lời hứa đoan chắc với Bà La Môn **Korakalambha** rằng: "Nếu như, khi nào Ta được lên ngôi Vua thì sẽ tấn phong **Korakalambha** cho làm vị **Quân Sư lãnh đạo (Purohita).**"

Tiếp đến, khi đã được lên ngôi Hoàng Đế rồi, chức vụ cũ Quân Sư mà vị Bà La Môn **Kapila,** là anh trai của **Korakalambha,** vẫn đang còn giữ lấy, sẽ không thể nào làm việc cách chức được, và Bà La Môn **Kapila** lại có người con trai sẽ phải được tiếp nối kế nghiệp chức vụ này. Do đó, Đức Vua **Upavara** sẽ không thể nào thực hiện việc tấn phong cho **Korakalambha** được, vì lẽ sai trái với Pháp Luật hiện hành. Ngoại trừ, vị Bà La Môn **Kapila** là người anh trai sẽ đồng ý từ chức cho thì mới sẽ được, vì chiếu theo luật lệ khi tấn phong chức vị Quân Sư. Không thể nào lấy người em đặt để trước người anh được.

Bà La Môn **Kapila** cũng đã từng trình tấu với Đức Vua **Upavara** rằng: "Nay Hạ Thần đã quá lão rồi, không còn khả năng để tiếp tục làm quốc sự được nữa, xin được nhường trao chức vụ này đến cho Nam Nhi, rồi tự bản thân mình sẽ ra đi và xuất gia làm Đạo Sĩ, đến trú ngụ ở trong vườn ngự uyển, thực hành đề mục **Hoàn Tịnh (Kasiṇa)** và chứng đắc Thiền Định cùng Thắng Trí."

Khi sự kiện đã hiện hành như vậy, **Korakalambha** cũng không có được cơ hội để sẽ được giữ lấy chức vụ Quân Sư theo ước nguyện của mình, mới đi vào chầu Đức Vua **Upavara** để mà bàn tính và đã quỳ tâu vấn hỏi rằng: "Khi nào sẽ tấn phong cho Hạ Thần, bởi vì đã từng có cam đoan rằng: "Nếu như Bệ Hạ được ngôi Vua ở thời điểm nào thì sẽ tấn phong cho Hạ Thần ở trong chức vụ Quân Sư ở thời điểm ấy." Bấy giờ, anh trai của Hạ Thần là Bà La Môn **Kapila** đã xuất gia làm thành Đạo Sĩ, và chức vụ Quân Sư cũng đã rơi vào người con trai đang nắm giữ lấy ở thời điểm này."

Khi **Korakalambha** quỳ tâu Đức Vua **Upavara** trong một giọng điệu trách vấn và bắt bẻ như vậy, Đức Vua **Upavara** mới trả lời rằng:

- Xin đừng có lo lắng, Trẫm không có nuốt lời hứa mà đã từng có giao ước.

Korakalambha mới vặn vẹo vấn hỏi lại rằng:

- Bằng phương cách nào thì Hạ Thần sẽ được tấn phong ?

Đức Vua **Upavara** trả lời rằng:

- Trẫm sẽ nói lời vọng ngữ rằng: **Korakalambha** là anh trai, còn Ngài Đạo Sĩ là em trai.

Korakalambha nhìn thấy có được cơ hội mới quỳ xuống vấn hỏi rằng:

- Khi nào thì Bệ Hạ sẽ nói lời vọng ngữ này ?

Đức Vua lại trả lời rằng:

- Sẽ nói lời vọng ngữ nội trong hạn định ngày thứ bảy kể từ hôm nay.

Về phía con trai của Bà La Môn **Kapila,** khi đã được biết tin về sự việc bàn tính giữa **Korakalambha** với Đức Vua **Upavara,** liền đem câu chuyện này đi trình báo với Thân Phụ của mình, cho hay biết trước khi đến ngày hạn định.

Còn Bà La Môn **Korakalambha** cũng vào chầu Đức Vua **Upavara** giả vờ quỳ tâu rằng: "Hiện bây giờ, vị Bà La Môn anh trai đã đi xuất gia rồi, đã thành tựu Thiền Định và Thắng Trí, do đó, nếu Ngài công bố với dân chúng rằng "Hạ Thần là anh trai, còn bản thân người anh lại là em trai như vậy," thì cả bốn Thần Lực mà đã từng được có sẽ bị hoại diệt đi, và sẽ phát khởi lên sự hiện bày giống như là đất rút; những trường hợp này giả sử như là có thật, là chỉ có thể hiện hành với mãnh lực Thiền Định và Thắng Trí của vị Đạo Sĩ. Bởi do đó, giả sử rằng những câu chuyện mà thuộc loại này mà có hiện bày đến với Bệ Hạ thì xin đừng có hốt hoảng tinh thần, vì lẽ câu chuyện đó phát sinh là do từ nơi Thần Lực của vị Đạo Sĩ, không tìm thấy sự thật ở nơi nào khác được. Hạ Thần đến tấu trình để nhắc nhở trước như vầy, bởi vì Hạ Thần lo ngại rằng khi những sự kiện này khởi lên thì Bệ hạ sẽ hốt hoảng tinh thần rồi lại nói hỏng đi. Nếu như Bệ Hạ nói ngược lại mà Hạ Thần sẽ không có được chức vụ Quân Sư, bổng lộc của Hạ Thần đáng lẽ là có được thì trái lại sẽ mất đi tất cả. Còn Bệ hạ cũng sẽ mất đi lời nói mà đã có hứa khả.

Đức Vua **Upavara** mới trả lời rằng:

- Điều này không đáng lo âu ! Nhất định Trẫm sẽ phải nói và không có đổi lời nói.

Khi đến ngày đã hạn định việc công bố, dân chúng ở khắp cả đất nước cùng rủ nhau đến tụ hợp chật ních ở trước Hoàng Cung, để chờ nghe lời truyền vọng ngữ của Đức Vua **Upavara.** Ngài Đạo Sĩ **Kapila** cũng có đến hiện diện ở tại nơi đó. Khi đã đến thời gian nói lời vọng ngữ, Đức Vua **Upavara** đã bay lên ở giữa hư không, Ngài Đạo Sĩ cũng bay lên và ngồi tĩnh tọa trên bệ đài ở giữa hư không.

Bấy giờ, Ngài Đạo Sĩ mới quỳ vấn hỏi Đức Vua **Upavara** rằng:

- Hôm nay, Bệ Hạ sẽ nói lời vọng ngữ thật chăng ?

Đức Vua **Upavara** trả lời rằng:

- Thật vậy !

Ngài Đạo Sĩ khi đã được nghe câu trả lời của Đức Vua **Upavara** như thế đó, mới ngỏ lời khuyên bảo rằng:

- Xin chớ nên nói lời vọng ngữ, mà xin hãy nói lời đúng theo sự hiện thực là tốt hơn ! Rằng ai là Anh và ai là Em !

Đức Vua đã không đồng ý nghe theo lời khuyên bảo của Ngài Đạo Sĩ, mới trả lời với Ngài Đạo Sĩ rằng:

- **Korakalambha** là Anh, còn Ngài Đạo Sĩ là Em !

Khi Đức Vua **Upavara** vừa dứt lời nói vọng ngữ, tức thì cả bốn Thần Lực đang hiện hữu ở trong nhà vua liền biến mất, hoại diệt đi. Thân thể đang bay lượn ở giữa bầu trời thì bị rớt xuống mặt đất. Mùi hương ở nơi thân và mùi hương ở nơi miệng đã từng tỏa ra giống như hương hoa chiên đàn và hương hoa sen cũng khiến trở nên mùi hôi thúi xông tỏa ra ở tại nơi đó.

Ngài Đạo Sĩ lại có lời khuyên bảo lần thứ hai rằng:

- Xin Bệ Hạ hãy nói lời đúng theo sự hiện thực rằng: ai là Anh và ai là Em ?

Khi Đức Vua **Upavara** đã được nghe lời khuyên bảo lần thứ hai của Ngài Đạo Sĩ thì sự kinh hãi đã phát sinh lên ở nhà vua, liền nhìn sang diện mạo **Korakalambha** với sự biểu lộ cho thấy rằng: "Sẽ đổi lời nói được không ?" **Korakalambha** cũng biểu lộ cử chỉ rằng: "Cả bốn Thần Lực đã biến mất đó, quả là không có thật. Đó chẳng qua chỉ là sự vận hành với mãnh lực của Ngài Đạo Sĩ tạo ra cho hiện bày. Xin Bệ Hạ hãy cứ giữ lời."

Bởi do đó, lần thứ hai Đức Vua **Upavara** mới phát lên lời nói vọng ngữ. Khi Đức Vua **Upavara** đã nói lên lời nói vọng ngữ thành lần thứ hai thì Đức Vua **Upavara** đã bị đất rút xuống chỉ đến mắt cá. Ngài Đạo Sĩ lại khuyên bảo đến lần thứ ba và tiếp tục cho đến cả lần thứ bảy. Đức Vua vẫn cứ một mực giữ lời nói. Trong sự việc nói lời vọng ngữ của Đức Vua **Upavara** đã hiện bày như sau:

+ Lần thứ nhất, cả bốn Thần Lực bị biến mất đi.
+ Lần thứ hai, bị đất rút xuống đến mắt cá.
+ Lần thứ ba, bị đất rút xuống đến đầu gối.
+ Lần thứ tư, bị đất xuống đến mông.
+ Lần thứ năm, bị đất rút xuống đến rốn.
+ Lần thứ sáu, bị đất rút xuống đến ngang ngực.
+ Lần thứ bảy, bị đất rút xuống đến đầu.

Và khi ấy, lửa ở Vô Gián Đại Địa Ngục bốc cháy xông lên, làm thành tấm màn đen bao trùm lấy thân xác của Đức Vua **Upavara,** kể từ ở trên đầu suốt cho đến bàn chân và rồi chìm sâu xuống lòng đất.

Trong sự việc nói lời vọng ngữ của Đức Vua **Upavara** đây, quả thật là không đáng phải có tội lỗi nghiêm trọng đến nỗi bị đất rút xuống, và phải bị thụ lãnh thống khổ ở trong Vô Gián Đại Địa Ngục. Vì lẽ lời nói vọng ngữ này chỉ là nhỏ nhoi, và chỉ vì không có lòng tôn kính đối với lời khuyên bảo của Ngài Đạo Sĩ. Do đó, khi có được thẩm sát xem xét rồi thì quả là không đáng phải đón nhận Quả tội nghiêm trọng đến như vậy. Nếu sẽ đem so sánh với thời buổi hiện tại này thì lời nói vọng ngữ và không có lòng tôn kính đối với lời khuyên bảo cũng đã có cùng khắp mọi nơi. Tính kể từ hạng người ở bậc hạ lưu chí đến bậc thượng lưu, nếu như lời nói vọng ngữ và không có lòng tôn kính đây, mà nghiêm trọng cho đến nỗi phải bị đất rút xuống; và trong thời buổi này thì người nói lời vọng ngữ lại có quá nhiều vô số, và đất cũng sẽ rút hết những hạng người này thì sẽ không còn chỗ trống nữa.

Sự thật là, việc nói lời vọng ngữ và không có lòng tôn kính đối với lời khuyên bảo của hạng người ở thời buổi này, cho dù sẽ không có đón nhận Quả tội một cách nghiêm trọng như Đức Vua **Upavara** thì quả thật vậy; tuy nhiên những tội lỗi này sẽ không bị mất đi ở trong thời vị lai **(Samparāyikabhava – Vị Lai Kiếp)** tức là vào kiếp sống vị lai những hạng người này phải đón nhận tội lỗi tương xứng đến việc nói lời vọng ngữ và việc không có lòng tôn kính đối với lời khuyên bảo đó vậy, không có sự ngoại lệ. Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng có được trình bày để trong Túc Sinh Truyện **Cetīya** như sau:

Sarājā iminā patto antalikkha caro pure
Pāvekkhi paṭhaviṃ jacco hīnattho pattaparisāyaṃ
Tasmāhi chandāgamanaṃ nappasaṃ santi paṇḍitā
Aduṭṭhacittiṃ bhāseyya giraṃ saccūpasaṃ hitaṃ .

Chuyện kể bị nguyền bởi Trí Nhân,
Vị Vua từng bước giữa không trung,
Chìm thân, bị rút vào lòng đất,
Quả trổ ngày quy định số phần.
Vậy Trí Nhân không thể tán đồng,
Dục Tham xuất hiện ở trong lòng,
Người nào ly Dục, Tâm thanh tịnh,
Lời nói sẽ luôn giữ vững vàng.
(Đây là hai bài Kệ phát xuất từ Trí Tuệ Tối Thắng của Đức Phật)

12. TÍCH TRUYỆN NÀNG REVATĪ

Vào thời kỳ của Đức Phật, có một Quốc Độ tên gọi là **Kāsī,** kinh thành có tên gọi là **Bārāṇasī.** Trong kinh thành **Bārāṇasī** có một gia đình hai vợ chồng, với người chồng tên **Nandiya,** và người vợ tên **Revatī.** Anh chồng **Nandiya** là người có Tâm sùng tín ở trong **Phật Giáo (Buddhasāsanā);** thường luôn làm việc từ thiện, **Xả Thí (Dāna)** cúng dường đến Chư Tỳ Khưu Tăng và người nghèo khổ. Còn cô vợ không có Tâm sùng tín ở trong Phật Giáo và cũng không có Tâm hoan hỷ ở trong việc Xả Thí Thiện Hạnh. Với mãnh lực **Xả Thí (Dāna)** mà chàng **Nandiya** thường luôn hay làm, vì thế ở trong **Đao Lợi Thiên Giới (Tvātimsādevaloka)** đã khởi sinh lên hiện bày một tòa Thiên Cung, để sẵn dành thành chỗ trú xứ cho chàng **Nandiya,** và sau khi chàng **Nandiya** đã mệnh chung, lìa khỏi nơi Cõi Nhân Loại thì đã hóa sinh trú vào trong tòa Thiên Cung đó. Còn cô vợ **Revatī,** sau khi anh chồng đã quá vãng thì tất cả mọi việc Xả Thí mà người chồng đã từng có thường xuyên làm việc từ thiện khi vẫn còn sinh mạng đó, thế là sau khi người chồng đã ra đi rồi, cô nàng đã không có quan tâm để ý đến để mà thay thế anh chồng, để sẽ tiếp tục chăm lo việc từ thiện Xả Thí, mà trái lại còn bỏ bê công việc Xả Thí Thiện Hạnh ấy nữa.

Về phía những **người thọ thí (Patiggāhaka)** là người đã thường xuyên thọ nhận vật Xả Thí từ nơi chàng **Nandiya** đó, cho dù chàng **Nandiya** đã có quá vãng đi, cũng y vậy tất cả những người thọ thí họ không ngừng nghỉ để đi đến thọ nhận vật thí, và vẫn duy trì đứng

chờ đón như xưa. Tuy nhiên họ đã bị cô nàng **Revatī** xua đuổi đi và nói lời biếm nhẻ khinh miệt. Khi cô nàng **Revatī** đã xua đuổi và nói lời biếm nhẻ khinh miệt đến những **người thọ thí (Patiggāhaka),** đó là Chư Tỳ Khưu Tăng và người nghèo khổ, mà họ đã từng thọ nhận tất cả vật Xả Thí như thế, Đức Thiên Vương **Vessavana** (hay là **Kuvera** – một trong Tứ Đại Thiên Vương, vị Chủ Quản hàng Dạ Xoa) mới truyền bảo hai vị **Dạ Xoa (Yakkha)** xuống bắt cô nàng **Revatī.**

Này đứng lên, **Re va ti** ác tánh,
Cửa đưa vào Địa Ngục đã mở toang,
Hỡi Nữ Nhân đủ các thói xan tham,
Ta sẽ dẫn ngươi vào miền Ác Thú,
Nơi kẻ đến phải khóc than sầu khổ,
Kẻ bị giam vào ngục chịu đau buồn.
Nói vậy xong, hai quỷ dữ mắt hồng,
Thân đồ sộ, là Diêm Vương Sứ Giả,
Re va tī, mỗi tay cầm một gã,
Khởi hành lên Hội Chúng của Chư Thiên.

Dẫn đến Đao Lợi Thiên Giới để cho được nhìn thấy tòa Thiên Cung mà chàng **Nandiya** đang trú ngụ. Cả hai vị Dạ Xoa sau khi đã nhận được lệnh từ nơi Đức Thiên Vương **Vessavana,** liền vội đi lo xử trí theo chỉ thị của Đức Thiên Vương, tức là mỗi vị đến chụp bắt và xách mỗi bên cánh tay của cô nàng **Revatī,** rồi dẫn đi đến **Đao Lợi Thiên Giới (Tvātiṃsādevaloka)** cho cô ta được nhìn thấy Thiên Tử **Nandiya** đang thụ hưởng an lạc ở trong tòa Thiên Cung mà đã được phát sinh từ việc Xả Thí Thiện Hạnh ấy. Cô nàng **Revatī** liền vấn hỏi:

Lâu đài ai tấp nập cả bày Tiên,
Đang lấp lánh như mặt trời sáng chói,
Cõi Thiên cung được bao vây bằng lưới,
Dệt vàng đang chiếu tựa ánh chiêu dương.
Đoàn Tiên Nữ tẩm đệ nhất chiên đàn,
Tô điểm đẹp cho Tiên cung mọi mặt,
Vẻ tráng lệ, lâu đài như vầng nhật,
Ai sinh Thiên, đang hưởng cảnh lâu đài ?

Hội Chúng Thiên đồng bảo với cô nàng **Revatī** rằng:

Xưa ở thành Ba La Nại một người,
Có tên gọi là **Nan di ya** cư sĩ,
Không xan tham, chàng cúng dường hậu hỉ,
Đây lâu đài Chàng, Tiên Nữ cả đoàn,
Đang sáng bừng như ánh mặt trời quang.
Đoàn Tiên Nữ tẩm chiên đàn đẹp nhất,
Đang làm đẹp cho lâu đài mọi mặt,
Vẻ diễm kiều không khác ánh mặt trời,

Chàng sinh Thiên đang hưởng cảnh lâu đài.
Cô nàng **Revatī** vội liền đáp lại:
Ta là vợ **Nan di ya** thuở trước,
Nữ chủ nhân nắm quyền gia tộc,
Nay muốn cùng chàng hưởng cảnh lâu đài.
Ta chẳng mong nhìn Địa Ngục trần ai.

Sau khi cả hai vị Dạ Xoa đã dẫn cô nàng **Revatī** cho được nhìn thấy Thiên Tử **Nandiya** và tòa Thiên Cung của chàng ta xong rồi, sau đó liền quăng cô nàng **Revatī** vào trong **Phẩn Nị Du Tăng Địa Ngục (Samsavaka Ussadanaraka** – Địa Ngục đầy phân thối).

Đây Địa Ngục dành cho người độc dữ,
Trong Thế Gian nơi loài người trú ngụ,
Phước đức không hề được chính ngươi làm,
Những kẻ nào đầy sân hận xan tham,
Tính ác độc không thể nào đạt tới,
Cảnh đồng cư với bậc ở Thiên Giới.

Khi rơi vào Phẩn Nị Du Tăng Địa Ngục, cô nàng **Revatī** lại vấn hỏi:

Cái chi đây để lộ đám phân thối ?
Cái chi đây mùi xú uế thúi hôi,
Phân chi đó đang bồng bềnh trôi chảy ?
Sam sa ka bách trượng sâu là đấy,
Re va tī sẽ cháy mấy ngàn năm.
Những Ác Hành nào về Ngữ, Ý, Thân,
Khiến Ta đến **Sam sa ka** bách trượng ?
Các vị Chúa Ngục đáp lời:
Người lữ hành, Bà La Môn, Trưởng Thượng,
Ngươi đều đem lời dối trá phỉnh lừa,
Đấy chính là Ác Nghiệp tạo ngày xưa.
Vậy Ngục **Sam sa ka** sâu bách trượng,
Chính là nơi **Re va tī** trả Quả,
Và bị thiêu đốt cả mấy ngàn năm."
Ngục tốt đem chặt đứt cả tay chân,
Chúng cắt cả đôi tai cùng chiếc mũi,
Và sau đó bầy quạ diều ùa tới,
Xâu xé người đang giãy giụa đằng kia.

Tất cả các vị Chúa Ngục ở trong Địa Ngục ấy, đã cùng rủ nhau đến chụp lấy thân xác và đã đánh đập. Cô nàng **Revatī** đã bị Chúa Ngục đánh đập và đã thụ lãnh cảm thọ thống khổ một cách nghiêm trọng, đã phải khóc la và rên siết với mọi trường hợp hiện bày. Cô nàng **Revatī** kêu gào van xin các vị Chúa Ngục đưa nàng về lại Nhân Thế:

Tốt lành thay nếu Ta được đưa về,
Ta sẽ tạo Phước nhiều nhờ Xả Thí,

Sống chế ngự, tự điều thân, hoan hỷ,
Những người làm như vậy Quả Phước tràn,
Và ngày sau không trạo hối muộn màng.
Các vị Chúa Ngục trả lời:
Ngày xưa ngươi sống buông lung phóng dật,
Nên ngày nay phải khổ đau than khóc,
Phải chịu bao nghiệp Quả chính ngươi làm.
Cô nàng **Revatī** liền nói:
Ai từ trên Thiên Giới xuống trần gian,
Phải nói vậy cùng Ta khi được hỏi:
"Nên cúng dường cho những bậc giữ Giới,
Thức uống ăn, y áo với tọa sàng.
Còn kẻ nào đầy sân hận xan tham,
Và ác tánh không thể nào cộng trú,
Với những bậc lên Thiên Giới, Thiện Thú.
Vì từ đây Ta trở lại làm người,
Giữ Giới và hào phóng, sống trong đời,
Ta sẽ thực hiện biết bao Thiện Sự,
Do Xả Thí, công bằng, Tâm chế ngự.
Lòng Tín thành, Ta sẽ lập vườn hoa,
Và đắp đường trong khoảng đất hoang sơ,
Xây hồ nước, giếng đào cho dân chúng.
Ngày Mười Bốn, Ngày Rằm và Mồng Tám,
Đặc biệt ngày nửa tháng có liên quan,
Bát Quan Trai là Giới Luật tám phần.
Bố Tát Giới, Ta sẽ luôn phòng hộ,
Không phóng dật và giữ gìn đức độ,
Chuyên cúng dường, việc Ta thấy thật lòng.

Các vị Chúa Ngục khi đã nghe những lời rên siết của cô nàng **Revatī** này, thay vì sẽ thương xót và xúc cảm, trái lại mắng nhiếc cô ta rằng: "Khi vẫn còn hiện hữu ở trong Cõi Nhân Thế **(Manussaloka)** tại sao người lại không có Tâm Tàm Quý với việc xấu ác ? Tạo tác việc xấu ác một cách ty liệt đến các vị thọ thí, tức là Chư Tỳ Khưu và người nghèo khổ, là những người đã từng thọ thí và lễ cúng dường ở nơi chàng **Nandiya** đã từng tạo Thiện Hạnh một cách thường luôn. Người lại từ bỏ nó đi, không thực hiện theo con đường cao quý và tốt đẹp như chàng **Nandiya** đã có làm. Đến khi phải thụ lãnh Quả báo của việc Ác thì lại khóc la và rên siết như vầy, chẳng có tầm cầu điều lợi ích chỉ cả đâu."

Khi vị Chúa Ngục đã nói vừa dứt, nắm lấy cả hai chân nhấc lên, còn cái đầu ấy thì buông thõng xuống và quăng vào trong Phẩn Nị Du Tăng Địa Ngục, để cho tiếp tục phải bị thụ lãnh thống khổ ở trong chỗ ấy.

Trong khi nàng giãy giụa, hét đau thương,

Chúng liền thả chân nàng, đầu lộn xuống,
Vào Địa Ngục kinh hoàng sâu trăm trượng.

Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng có được trình bày ở trong Tích Truyện Lâu Đài của **Revatī** - Thiên Cung Sử Ký **(Vimānavatthu)** như sau:

Iccevaṃ vippalapantiṃ **Phandamānaṃ tathā tathā**
Khipiṃsu niraye ghose **Uddhaṃ pādaṃ avaṃ siraṃ**

Ngày xưa Ta vốn biển lận, xan tham,
Phỉ báng nhiều Ẩn Sĩ, Bà La Môn,
Và lừa phỉnh Chồng Ta bằng lời dối,
Nay cháy trong Ngục kinh hoàng u tối.

Ghi chú: Với hạng người mà phải bị thụ lãnh thống khổ ở trong Đại Địa Ngục, bởi vì đa số những hạng người này, khi vẫn còn hiện hữu ở trong Cõi Nhân Thế **(Manussa loka)** đã tạo tác việc bức hại, lăng nhục, sỉ vả các Bậc Sa Môn, Bà La Môn.

Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng có được trình bày để ở bộ Chú Giải Túc Sinh Truyện như sau: **Mahānirayayesu kira yebhuyyena dhammika Samaṇa Brahmaṇesu vatā parādhā paccanti** – Các loài Hữu Tình phải bị thụ lãnh thống khổ trong Đại Địa Ngục hoặc Du Tăng Địa Ngục đây, việc thụ lãnh thống khổ trong Địa Ngục ấy có sự việc không xác định. Một vài người phải bị thụ lãnh thống khổ chỉ có bảy ngày. Một vài người phải bị thụ lãnh thống khổ cho đến suốt cả Kiếp cũng có. Tất cả những sự việc đều là tùy thuộc vào **Nghiệp Lực (Kamma)** của loài Hữu Tình đó.

Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng có được trình bày để ở trong Phụ Chú Giải Bảo Tháp Ngọc Maṇi **(Maṇisāramañjūsāṭīkā)** như sau: **Apāyesu hi kammameva pamanaṃ.** – Cõi Thống Khổ tùy thuộc là chính do bởi Nghiệp Lực.

13. TÍCH TRUYỆN ĐỨC VUA AJĀTASATTU

Đức Vua **Ajātasattu,** dù cho Ngài là vị đáng sẽ được chứng đắc Quả vị Vô Sinh **(Arahattaphala)** chính ngay trong kiếp sống đó **(Pacchimabhavikapuggala),** thế nhưng Ngài lại người kết giao với người xấu ác, tức là đi kết giao với Tỳ Khưu **Devadatta,** là một **Ác Hữu (Pāpamitta),** là một kẻ nghịch đối với Bậc Chánh Đẳng Giác. Bởi nhân đó, Đức Vua **Ajātasattu** mới khởi sinh lòng tham, sân hận và tà kiến, cho đến thực hiện việc sát tử Đức Vua **Bimbisāra** là Phụ Vương của mình. Theo lệ thường, với hạng người đã tạo ra Nghiệp Sát Phụ thì phần đa số là phải bị đọa vào trong Vô Gián Đại Địa Ngục **(Avīcimahā naraka).** Tuy nhiên với Đức Vua không phải bị như vậy. Sự việc như thế này là vì trong thời kỳ mà Đức Vua trị vì Vương Quốc ấy, Ngài đã đoạn giao với Tỳ Khưu **Devadatta,** quay trở lại tu dưỡng đạo đức trở thành bậc Thiện Nhân, thực hiện việc quy ngưỡng đến Bậc Chánh Đẳng Giác cùng với tất cả Chư vị Thánh Tăng Thinh Văn, khởi sinh niềm tịnh tín cúng dường Xả Thí Tứ Vật Dụng thiết yếu, dẫn đến thành Bậc Hộ Trì Tam Bảo. Bởi do đó, khi Đức Vua đã băng hà, mới không phải bị đọa vào trong Vô Gián Đại Địa Ngục, thế nhưng

phải bị thụ lãnh thống khổ ở trong **Hỏa Khanh Địa Ngục (Lohakumbhī niraya),** đó là phần phụ gia thay thế của Vô Gián Đại Địa Ngục.

Việc thụ lãnh thống khổ ở trong **Hỏa Khanh Địa Ngục (Lohakumbhīniraya)** hiện bày như sau: từ từ chìm xuống, chìm xuống từng mỗi lần một chút ít, cho đến đụng vào đáy nồi bằng đồng đang sôi. Tính về thời gian lâu dài đến ba mươi ngàn năm (30,000) của Địa Ngục này. Khi sẽ phải ngoi lên từ ở đáy nồi thì cũng sẽ từ từ ngoi lên, ngoi lên từng mỗi lần một chút ít. Tính về thời gian cũng lại lâu dài đến ba mươi ngàn năm (30,000) của Địa Ngục này vậy. Kết hợp lại thời gian thụ lãnh thống khổ của Đức Vua **Ajātasattu** ở trong **Hỏa Khanh Địa Ngục (Lohakumbhīniraya)** có hạn định là sáu mươi ngàn (60,000) năm mới sẽ thoát ra khỏi nơi Địa Ngục ấy được. Tiếp đến ở trong thời vị lai có được hai A Tăng Kỳ và một trăm ngàn Đại Kiếp **(Mahā Kappa)**, mới sẽ được thành Bậc Độc Giác Phật có tên gọi là **Vijitāvī.**

Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng trình bày để ở trong bộ Chú Giải Phẩm Giới Uẩn **(Sīla khandhavagga Aṭṭhakathā)** đã có đề cập đến như sau: **Ajātasatturāja lohakumbhī yaṃ nibbattitvā tiṃsavassasahassāni adho patanto heṭṭhimataḷaṃ patvā tiṃsavassa sahassāni uddhaṃ gacchanto punapi uparīmataḷaṃ pāpuṇitvà muccissati anāgate pana Vijitāvī nāma Paccekabuddho hutvā parinibbāyissati.**

Kết Thúc Phần Trình Bày Một Cách Quảng Nghĩa Về Địa Ngục

BÀNG SINH ĐỊA GIỚI (TIRACCHĀNABHŪMI) CÂU PHÂN TÍCH (PADACCHEDA), CÂU LIÊN HỆ (PADASAMBANDHA) CHÚ GIẢI (VACANATTHA) VÀ LỜI GIẢI THÍCH MỘT CÁCH QUẢNG NGHĨA TRONG KỆ BÀNG SINH ĐỊA GIỚI

Chú Giải **(Vacanattha): Tiro añjantīti = Tiracchāna:** Loài Hữu Tình đi với phần thân (như là đầu, lưng, v.v) nằm ngang gọi là loài Bàng Sinh; hoặc một ý nghĩa nữa, loài Hữu Tình mà bị cản trở việc tiến hóa Đạo Quả gọi là loài Bàng Sinh.

Ở tại đây, giải thích rằng tất cả những loài Hữu Tình, như là Nhân Loại, khi bước đi thường đi một cách thẳng đứng, tức là cái đầu ngẩng lên phía trên. Còn loài Bàng Sinh ấy, khi bước đi thường đi với phần thân nằm ngang, tức là cả hai cánh tay phải dùng làm chân cẳng, cái đầu đặt ở phía trước, và cúi khòm xuống phía dưới. Còn loại Bàng Sinh chim chóc ấy, cho dù thật sự là có hai cái chân giống với Nhân Loại, nhưng trong sát na khi đi thì thân hình lại không có được đứng thẳng, vẫn là bước đi với phần thân nằm ngang tương tự như vậy, bởi do đó mới gọi là loài Bàng Sinh. Một trường hợp khác nữa, trong chủng loại của loài Bàng Sinh này, cho dù đó sẽ là bậc Giác Hữu Tình (Bồ Tát) đi nữa, mà nếu đã thọ sinh vào một trong những loại Bàng Sinh này đi rồi, tất phải bị tách rời Đạo Quả một cách đoan chắc, bởi vì đã là chủng loại của loài Bàng Sinh. Bởi do đó, những loài Hữu Tình này mới gọi là loài Bàng Sinh. Như vậy, từ ngữ **Tiracchāna - Bàng Sinh** bao gồm hai từ ngữ **Tiro** - xuyên qua, và **Acchāna** - đi.

Loài Bàng Sinh được gọi như vậy vì lẽ thường khi đi thì những Hữu Tình Bàng Sinh đi với thân mình nằm ngang mặt đất. Người Phật Tử có niềm tin rằng loài Hữu Tình đi tái sinh vào Cõi Bàng Sinh là vì đã có tạo ra Bất Thiện Nghiệp Lực. Tuy nhiên, nếu như cũng đã có tích trữ Thiện Nghiệp Lực thích nghi trong thời quá khứ, khi lìa khỏi Cõi Bàng Sinh Địa Giới, cũng có thể tái sinh trở lại vào Cõi Nhân Loại, hoặc những Cõi Giới khác.

Một cách chính xác, phải nói rằng Nghiệp Báo đã biểu hiện dưới hình thức Bàng Sinh cũng có thể biểu hiện trở lại dưới hình thức Nhân Loại, hoặc ngược lại. Cũng ví như luồng điện có thể biểu hiện kế tiếp dưới nhiều hình thức như ánh sáng, hơi nóng, động lực, v.v. Như vậy, không phải động lực phát sinh do hơi nóng, cũng không phải do ánh sáng. Cùng thế ấy, không phải Nhân Loại trở thành Bàng Sinh, hoặc Bàng Sinh trở thành Nhân Loại.

Một con thú có thể sinh trưởng trong trạng thái sung sướng an lạc, nhờ vào Thiện Nghiệp Lực đã có tích trữ trong thời quá khứ. Lắm khi có những con thú, nhất là chó hoặc mèo, tuy vẫn mang hình thức Bàng Sinh, tuy nhiên lại có một kiếp sống đầy đủ tiện nghi an lạc, sung sướng hơn cả nhiều người. Âu cũng do bởi Nghiệp Lực đã có tạo ra. Chính do Nghiệp Lực đã có tạo nên tính chất của Sắc Tướng. Hình thể như thế nào cũng do hành động Thiện hoặc Bất Thiện trong thời quá khứ. Vả lại, điều này hoàn toàn tùy thuộc vào sự hiểu biết của chúng ta về thực tại phát triển đến mức độ nào.

PHÂN TÍCH TỪ NGỮ TIRACCHĀNA THEO PHẦN CHIẾT TỰ

Từ ngữ **Tiracchāna (Bàng Sinh)** nếu chiết tự ra thì như thế này, tức là **Tira añja yu (Ana)** hoặc **Āna tira** làm thành câu danh hiệu **(Upasaggapada). Añja** là ngữ căn, **Yu (Ana)** hoặc **(Āna)** là tiếp vĩ ngữ.

CHÚ GIẢI TỪ NGỮ TIRACCHĀNAYONI

Tiracchānānaṃ yoni = Tiracchānayoni – Sản Sinh Xứ của những loài Bàng Sinh gọi là Bàng Sinh Sản Sinh Xứ **(Tiracchānayoni).** Tại nơi đây, từ ngữ **Yoni** được dịch là **Jāti** (Sản Sinh Xứ, Căn Nguyên), vì lẽ tất cả những loài Bàng Sinh này không có chỗ nương trú một cách riêng biệt. Bởi do đó, Giáo Thọ Sư **Anuruddha** mới gọi là **Tirac chānayoni (Bàng Sinh Sản Sinh Xứ).** Và loài Bàng Sinh này có hai thể loại, tức là: một thể loại Bàng Sinh mà được nhìn thấy với con mắt thông thường, và một thể loại Bàng Sinh mà với con mắt bình thường không thể nhìn thấy được. Ý nghĩa là: loài Bàng Sinh này mà có loại Hữu Tình thuộc nhóm to lớn và cũng có loại thuộc nhóm nhỏ bé, tí xíu. Trong tất cả những loài Bàng Sinh này, có cả thảy là bốn loại nhóm, và phân chia theo loại nhóm chân cẳng, có như sau:

1. Apadatiracchāna – Vô Túc Bàng Sinh: loại nhóm Bàng Sinh không có chân cẳng, tức là rắn, cá, giun đất, v.v.

2. Dvipadatiracchāna – Nhị Túc Bàng Sinh: loại nhóm Bàng Sinh có hai chân, tức là chim và gà.

3. Catuppadatiracchāna – Tứ Túc Bàng Sinh: loại nhóm Bàng Sinh có bốn chân, tức là bò, trâu, v.v.

4. Bahuppadatiracchāna – Đa Túc Bàng Sinh: loại nhóm Bàng Sinh có nhiều chân, tức là con rít (rết), con sâu cuốn chiếu, v.v.

Tất cả các loài Bàng Sinh đã có được đề cập đến, khi phân tích theo chỗ nương trú, thì một vài loại nhóm nương trú ở trên mặt đất, nhưng có một vài loại nhóm thì nương trú ở dưới nước. Còn các loại nhóm nương ở sống trong nước thì nhiều hơn loại nhóm nương ở trên đất liền.

Có phần **Pāḷi** dẫn chứng có được trình bày để ở trong Chánh Tạng Tăng Chi Bộ Kinh thuộc Phẩm Nhất Chi **(Ekaṇguttara)** như sau: **Appakā bhikkhave te sattāye thalajā athakho eteva sattā bahutarā ye odakḍ – Dịch nghĩa là:** Này Chư Tỳ Khưu, loài Hữu Tình nào sinh ở trên đất liền thì loài Hữu Tình ấy có số lượng ít oi. Thế nhưng sự thật là, loài Hữu Tình nào mà sinh ở trong nước thì loài Hữu Tình ấy có số lượng nhiều.

Trong phần **Pāḷi** dẫn chứng này, Đức Phật Ngài đã có trình bày rằng: "Loài Hữu Tình sinh ở trên đất liền thì có số lượng ít oi, và sinh ở trong nước thì số lượng nhiều ấy", Đức Phật đã không có ý định chỉ nhắm một cách riêng biệt duy nhất chỉ là loài Bàng Sinh, mà cũng kể luôn cả với Nhân Loại, bởi vì ở tại đây, từ ngữ "loài Hữu Tình" có ý nghĩa đến cả loài Bàng Sinh cùng luôn cả Nhân Loại mà đang hiện hữu ở trong Cõi Nhân Thế và không có tác ý để hạn định rằng: "Loài Hữu Tình hiện hữu ở trên đất liền và ở trong nước thì có số lượng bằng chừng ấy.." mà chỉ có tác ý trình bày rằng: "Tất cả loài Hữu Tình ở trên đất liền và ở trong nước thì quả là đếm không xuể" **(Sattanikāyo Ananto** – Số lượng Hữu Tình là vô hạn định**).**

Nương theo Phật Ngôn này, Bậc Đại Giáo Thọ Sư **Buddhaghosa (Phật Âm)** đã có xác minh để ở trong Bộ Chú Giải Tăng Chi Bộ Kinh "Hoàn Thành Điều Ý Nguyện" **(Manorathapūraṇī Aṇguttara Aṭṭhakathā)** rằng: "Sự thật là tất cả những loài Hữu Tình mà hiện hữu ở trong Cõi Nhân Thế **(Manussaloka)** ấy, quả là đếm không xuể, cũng như thế loài Hữu Tình mà sinh ở trong nước cũng có số lượng rất nhiều vô số kể." Chính tự Ngài đã có được nhìn thấy là có một loài cá tên gọi **Nandiyavaṭṭa (Ái Luân)** sinh sống ở trong Đại Dương, nằm ở khoảng giữa Đảo Quốc **Laṅkā** với **Suvaṇṇabhūmi** (Xứ Vàng). Và **Suvaṇṇabhūmi** ấy, hiện bây giờ gọi là tỉnh **SaThôn,** nằm bên phía dưới của nước Miến Điện." Một bờ đại dương này thì tiếp giáp với Đảo Quốc **Laṅkā,** và một bờ bên kia thì tiếp giáp với **Suvaṇṇabhūmi** đo khoảng cách thì được 700 do tuần. Khoảng giữa Đảo Quốc **Laṅkā** với **Suvaṇṇabhūmi** có thương buôn thường xuyên lui tới để bán buôn. Trong khoảng giữa của đại dương có chiều dài tới 700 do tuần này, loài cá tên **Nandiyavaṭṭa (Ái Luân)** đã bơi nổi lên cho được nhìn thấy thành từng đàn, nối tiếp với nhau một cách chật ních và sát khít với nhau từng mỗi con một, kể từ bờ của Đảo Quốc **Laṅkā** cho tới bờ của **Suvaṇṇabhūmi** có số lượng là bao la rộng lớn, không có khả năng để sẽ ước tính được rằng trải rộng ra cho đến được ngần nào, mà chỉ có thể ước tính được chiều dài đến nơi bờ của **Suvaṇṇabhūmi** là 700 do tuần. Khi tất cả thương buôn đã dùng thuyền buồm để vượt qua

từ nơi Đảo Quốc **Laṅkā** đi tới **Suvaṇṇabhūmi** ấy đã ăn cá trọn cả bảy ngày, và mỗi ngày đã đi được 100 do tuần.

Tiếp theo đây, là sẽ giải thích đến câu chuyện về Chúa Tể loài Rồng (Long Vương), loài **Điểu Nhân (Kinnarā** – loài nửa mình người và nửa mình chim), loài **Sư Tử Vương (Rājasīha)**, loài **Kim Sí Điểu (Garula)**, loài Kình Ngư.

CÓ 1024 THỂ LOẠI LONG VƯƠNG - CÓ BỐN PHÂN LOẠI LONG VƯƠNG

1. Kaṭṭhamukha (Cương Thổ Độc Tố): Loài Long Vương này có một loại nọc độc, nếu như cắn vào người nào rồi thì hết cả toàn thân của người đó sẽ cứng đơ. Các bộ phận như là cánh tay, v.v. sẽ co vào và duỗi ra không được, và rất là đau nhức.

2. Pūtimukha (Xú Khí Độc Tố): Loài Long Vương này có một loại nọc độc, nếu như cắn vào người nào rồi thì vết thương mà bị cắn đó sẽ thối rữa và có nước vàng tươm chảy ra.

3. Aggimukha (Hỏa Tai Độc Tố): Loài Long Vương này có một loại nọc độc, nếu như cắn vào người nào rồi thì hết cả toàn thân của người ấy sẽ nóng sốt và vết thương nơi đã bị cắn sẽ trở thành dấu vết giống như bị lửa đốt cháy.

4. Satthamukha (Lôi Đả Độc Tố): Loài Long Vương này có một loại nọc độc, mà khi cắn vào người nào rồi thì cũng giống như bị sét đánh vậy.

Trong tất cả bốn phân loại Long Vương đã có đề cập đến rồi đây thì có bốn loại cách thức tạo ra mối nguy hại của từng mỗi thể loại Long Vương, đó là:

1. Daṭṭhavisānāgarāja (Giảo Độc Long Vương): có loại Long Vương nếu như đã bị cắn rồi thì nọc độc lan tỏa khắp cơ thể.

2. Diṭṭhivisānāgarāja (Kiến Độc Long Vương): có loại Long Vương dùng vào đôi mắt rồi phún nọc độc ra qua đường con mắt.

3. Phuṭṭhavisānāgarāja (Xúc Độc Long Vương): có loại Long Vương có nọc độc khắp cả cơ thể rồi dùng thân thể tiếp xúc cọ chạm thì phát sinh ra nọc độc và tiết chảy ra.

4. Vātavisānāgarāja (Phún Độc Long Vương): có loại Long Vương dùng vào hơi thở phun nọc độc và nọc độc này sẽ bay tỏa đi ra.

Từng mỗi loại Long Vương có bốn cách thức tạo ra mối nguy hại, do đó có cả thảy là mười sáu cách thức tạo ra mối nguy hại (4 x 4 = 16).

Khi phân tích việc gây ra những phản ứng của nọc độc lại có thêm bốn chủng loại nữa, đó là:

1. Āgatavisa na ghoravisa: Có loại nọc độc lan tỏa ra một cách nhanh chóng nhưng không có dữ dội mãnh liệt.

2. Ghoravisa na āgatavisa: Có loại nọc độc mạnh nhưng nọc độc ấy lan tỏa ra một cách từ từ.

3. Āgatavisa ghoravisa: Có loại nọc độc lan tỏa ra một cách nhanh chóng và rất mãnh liệt.

4. Na āgatavisa na ghoravisa: Có loại nọc độc lan tỏa ra từ từ và không có mãnh liệt.

Kết hợp cách thức tạo ra mối nguy hại có 64 thể loại.

Trong từng mỗi thể loại của tất cả 64 thể loại này, lại được phân chia làm thành bốn chủng loại nữa theo việc sản sinh, đó là:

1. Aṇḍajanāgarāja (Noãn Sinh Long Vương): loài Long Vương sinh ở trong quả trứng.

2. Jalābujanāgarāja (Thai Sinh Long Vương): loài Long Vương sinh ở trong thai bào.

3. Saṃsedajanāgarāja (Hãn Sinh Long Vương): loài Long Vương sinh ra từ nơi mồ hôi.

4. Opapātikanāgarāja (Hóa Sinh Long Vương): loài Long Vương vừa sinh ra liền to lớn ngay.

Kết hợp lại có 256 thể loại Long Vương.

Trong từng mỗi thể loại của tất cả 256 thể loại Long Vương này lại sinh khởi ra thành hai chủng loại, đó là:

1. Jalanāgarāja (Thủy Chủng Long Vương): loài Long Vương sinh trong nước.

2. Thalajanāgarāja (Địa Chủng Long Vương): loài Long Vương sinh đất liền.

Kết hợp lại có 512 thể loại Long Vương.

Trong từng mỗi thể loại của tất cả 512 thể loại Long Vương này lại phân chia ra thành hai chủng loại nữa, đó là:

1. Kāmarūpīnāgarāja (Thụ Dục Long Vương): loài Long Vương có thụ hưởng ngũ dục.

2. Akāmarūpīnāgarāja (Bất Thụ Dục Long Vương): loài Long Vương không có thụ hưởng ngũ dục.

Kết hợp lại có tất cả 1024 thể loại Long Vương.

NĂM THỂ LOẠI ĐẶC TƯỚNG LONG VƯƠNG THƯỜNG HIỆN BÀY

Với loài Long Vương có thần lực thường luôn có khả năng hóa thân cho thành con người được. Tuy nhiên dù cho việc hóa thân để sẽ được làm thành con người có thật đi nữa, năm thể loại đặc tướng cũng vẫn thường luôn có khả năng để hiện bày. Đó chính là việc hiện bày thân tướng loài Long Vương nguyên thủy của mình. Năm thể loại đặc tướng ấy, đó là:

1/ Trong sát na Tái Sinh thì phải hiện bày thân tướng hình thù là loài Long Vương.

2/ Trong sát na đang lột xác thì thân tướng hình thù vẫn giữ nguyên dạng là loài Long Vương.
3/ Trong sát na loài Long Vương đang giao hợp với nhau thì vẫn giữ hình thù của loài Long Vương.
4/ Trong sát na ngủ nghỉ đó, nếu như bất luận thời lúc nào đang ngủ nghỉ mà thất niệm thì ngay sát na ấy cũng trở lại nguyên hình là loài Long Vương.
5/ Trong sát na tử vong thì cũng vẫn phải hiện bày là loài Long Vương.

Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã trình bày để ở trong bộ Chú Giải Kinh Pháp Cú **(Dhammapada Aṭṭhakathā),** trong bộ Chú Giải Tương Ưng Bộ Kinh **(Samyutta Aṭṭhakathā),** trong bộ Chú Giải Tạng Luật - Đại Phẩm **(Vinaya Mahā Vagga Aṭṭha kathā)** như sau: **Nāgassa pana pañcasu sabhāvapātukammaṃ hoti paṭisandhi kāle tacajahana kāle, sajātiyā methunakāle vissaṭṭhaniddokka maraṇakāle cutikāleti** – Việc khởi sinh hiển lộ một cách thông thường về thân hình của loài Long Vương vào trong năm thời điểm, đó là:

1/ Trong sát na Tái Sinh,
2/ Trong sát na đang lột xác,
3/ Trong sát na loài Long Vương đang giao hợp với nhau,
4/ Trong sát na ngủ nghỉ mà thất niệm,
5/ Trong sát na tử vong.

VỚI NGƯỜI KHÔNG CÓ THỰC HIỆN HÀNH ĐỘNG ĐIỀU NGUY HẠI ĐẾN ĐẠO QUẢ NHƯNG CŨNG BỊ XẾP VÀO TRONG CHỦNG LOẠI BÀNG SINH

Theo thông thường, hết tất cả Chư Thiên đều là người đáng có được Đạo Quả cả, nhưng lại bị xếp vào chủng loại Bàng Sinh ấy, là vì xuất gia không được. Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng trình bày để ở trong bộ Chú Giải Đoạn Trừ Luật Nghi **(Kaṅkhāvitaraṇī Aṭṭhakathā),** trong bộ Chú Giải Luật Tổng Hợp **(Vinayasaṅgaha Aṭṭhakathā)** có nêu rằng: **Yassa upasampadā paṭikkhittā so tiracchānagato nāma** – Bậc Chánh Đẳng Giác Ngài khước từ việc thọ Cụ Túc Giới đối với người nào, thì người ấy gọi là Bàng Sinh. Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng trình bày để ở trong bộ Chú Giải Tạng Luật – Đại Phẩm **(Vinaya MahāVagga Aṭṭhakathā)** như sau: **Antamaso sakkaṃ devarājānaṃ upādāya koci amanussajātiyo sabbo imasmiṃ atthe tiracchāna gatoti veditabbo.** – Tất cả các bậc Trí Giả nên hiểu biết rằng "Người mà không có sinh chủng là Nhân Loại, cho dù sẽ là Thiên Chủ Đế Thích đi nữa, cũng phải bị xếp vào trong chủng loại Bàng Sinh."

[**Chú Thích:** Nên hiểu biết rằng: "chỉ với tích truyện có liên quan với phần **Luật Chế Định (Vinayapaññatti),** và không có ý nghĩa **Devā – Chư Thiên** sẽ phải là **Tiracchāna – Bàng Sinh.** Tất cả ở trong phần Chú Giải ấy có lời đề cập với từ ngữ rằng **imasmiṃ atthe** (trong nội dung này, tích truyện này).]

TUỔI THỌ LONG VƯƠNG

Tuổi thọ Long Vương thì bất định, có khi có tuổi thọ lâu dài, có khi có tuổi thọ ngắn ngủi. Với nhóm mà có tuổi thọ lâu dài ấy, chí đến cả năm vị Phật xuất hiện ở trong thế gian này cũng có, và một vị Long Vương duy trì được tuổi thọ ấy như là vị Long Vương tên gọi là **Kāla.** Vị Long Vương **Kāla** này, có tuổi thọ tính kể từ Đức Phật **Kakusandho** cho đến Đức Phật **Samana Gotama** (Sa Môn Cồ Đàm), và lại tiếp tục có tuổi thọ cho đến Đức Phật **Ariya Mettreya.**

Kết Thúc Câu Chuyện Về Long Vương

ĐIỂU NHÂN – KINNARĀ
(Kinnara: Nam Điểu Nhân – Kinnarī: Nữ Điểu Nhân)

Chú Giải (Vacanattha): Kucchito naro = Kinnaro (Narasadisattā) – Loài Hữu Tình đáng ghê tởm nhưng lại giống với con người, gọi là **Điểu Nhân (Kinnarā).** Có thân hình tương tự với con người, chỉ khác biệt ở một vài điểm, như là cả hai cánh tay giống với con người, nhưng cả hai lòng bàn tay thì giống với chim. Còn đầu, khuôn mặt, mắt, mũi giống với con người. Có vành môi rộng cho đến cổ và miệng rộng duỗi dài ra giống với ngựa. Chân, lòng bàn chân và móng chân giống như chim. Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có trình bày để ở trong bộ Phụ Chú Giải Minh Nghĩa **(Veyyākaraṇakārikāṭikā)** rằng: **Gīvato paṭṭhāye yāvamukhā assa mukha saṇthāno gīvato paṭṭhāya yāvapādā pakkhisaṇthāno pañcasu thāṇesu pakkhijātiko.** - Ở trong Túc Sinh Truyện **Bhallātiya** đã có trình bày như sau "Loài Điểu Nhân thì có tuổi thọ đến 1,000 năm" và thông thường loài Điểu Nhân ấy thường vô cùng sợ hãi về nước. Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có trình bày để ở trong bộ Chú Giải Túc Sinh Truyện **Bhallātiya** rằng: **Kinnarā nāma udakabhìrukā honti** - Thông thường tất cả các loài Điểu Nhân thường rất sợ hãi về nước.

Có bảy loại Điểu Nhân, đó là:

1. **Devakinnarā – Thiên Điểu Nhân:** loại Chư Thiên Điểu Nhân.
2. **Candakinnarā – Nguyệt Điểu Nhân:** loại Điểu Nhân Mặt Trăng.
3. **Dumakinnarā – Mộc Điểu Nhân:** loại Điểu Nhân ở cây cối.
4. **Daṇdamāṇakiṇṇarā – Can Điểu Nhân:** loại Điểu Nhân ở nơi cây gậy.
5. **Kontakinnarā – Thương Điểu Nhân:** loại Điểu Nhân ở nơi ngọn giáo.
6. **Sakunakinnarā – Ưng Điểu Nhân:** loại Chim Diều Hâu Điểu Nhân.
7. **Kaṇṇapāvuraṇakinnarā – Nhĩ Điểu Nhân:** loại Điểu Nhân ở lỗ tai.

Kết Thúc Câu Chuyện Về Điểu Nhân

SƯ TỬ VƯƠNG – RĀJASĪHA

Có bốn thể loại về Sư Tử Vương, đó là:

1- Tiṇasīha - Thảo Sư Tử Vương,

2- Kāḷasīha - Hắc Sư Tử Vương,

3- Paṇḍusīha – Huỳnh Sư Tử Vương,

4- Kesarasīha – Điểm Sư Tử Vương.

Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có trình bày để ở trong bộ Chú Giải Tăng Chi Bộ Kinh **(Aṇguttara Aṭṭhakathā)** rằng: **Sīhoti cattāro sīhā tiṇasīho kāḷasiho paṇḍusīho và Kesarasīho.** Trong tất cả bốn thể loại Sư Tư Vương này có được giải thích như sau:

1. Tiṇasiha – Thảo Sư Tư Vương: có thân hình màu đỏ giống như chân chim bồ câu, to bằng với con bò tơ và ăn cỏ làm thành vật thực.

2. Kāḷasīha – Hắc Sư Tử Vương: có thân hình màu đen, to bằng với con bò tơ và ăn cỏ làm thành vật thực.

3. Paṇḍusīha – Huỳnh Sư Tử Vương: có thân hình giống như màu lá cây chín vàng, to bằng với con bò tơ và ăn thịt làm thành vật thực.

4. Kesarasīha – Điểm Sư Tư Vương: có môi, đuôi và chân màu đỏ.

Kể từ ở trên đầu xuống chí lưng có ba lằn sọc nổi màu đỏ và ba vòng xung quanh ở bàn tọa. Trên gáy có lông phủ xuống chí đến vai và có màu giống như mền vải len. Phần thân hình còn lại ngoài ra những điểm này toàn là màu trắng và ăn thịt làm thành vật thực.

Có năm chỗ nương trú của loài Điểm Sư Tư Vương, đó là:

1. Hang động vàng,
2. Hang động bạc,
3. Hang động ngọc Ma Ni,
4. Hang động ngọc kim cương,
5. Hang động ngọc mã não.

Loài **Điểm Sư Tử Vương (Kesarasīha)** này, đặc biệt chỉ ở trong khu rừng tuyết phủ Bắc Ấn Độ **(Himavanta)**, có thân hình to lớn bằng với con trâu mộng. Ba loài Sư Tử Vương còn lại ở trong khu rừng già của dãy Hy Mã Lạp Sơn hoặc cũng có ở trong khu rừng rậm và thẳm sâu. Còn về tuổi thọ thì bất định, đôi khi có đến 200 hoặc 300 năm cũng có. Trong các loài Bàng Sinh, loài Sư Tử Vương này cũng được xếp vào hàng Bàng Sinh.

Kết Thúc Câu Chuyện Về Sư Tử Vương

CÂU CHUYỆN KIM SÍ ĐIỂU VƯƠNG

Kim Sí Điểu Vương có thân tướng hình thù giống như chim, do đó mới được xếp vào trong chủng loại của loài chim. Trong tất cả loài chim, Kim Sí Điểu Vương là loài chim to lớn nhất ở trong hết tất cả chủng loại chim, trú ngụ ở khu rừng cây gạo ở trong tầng thứ hai của **Tu Di Sơn (Siṇeru).** Tu Di Sơn có năm tầng lớp vòng quanh. Tầng lớp thứ nhất ở trong đại dương **Sīdantara,** là chỗ nương trú của Long Vương. Chúa Kim Sí Điểu Vương có thân hình to cao 150 do tuần. Mỗi bên của cả đôi cánh rộng năm mươi do tuần, đuôi dài sáu mươi do tuần, cổ dài ba mươi do tuần, miệng rộng chín do tuần, chân dài mười hai do tuần. Chúa Kim Sí Điểu Vương khi đang bay thì mãnh lực của việc vỗ cả đôi cánh phát sinh

thành luồng cuồng phong mãnh liệt tỏa rộng ra cho đến 700 hoặc 800 do tuần. Thông thường loài Kim Sí Điểu Vương ấy thường ưa thích ăn Long Vương làm thành vật thực. Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có trình bày để ở trong bộ Chú Giải Tăng Chi Bộ Kinh **(Samyutta Aṭṭhakathà)** rằng: **Supaṇṇarājā diyaḍḍhayojanasatiko tassa dakkhiṇa pakkho paññāsayojanīko hoti tathā vāmapakkho, piñchavaṭṭī satthiyojanikā gīvā timsa yojanikā mukhaṃ navayojanaṃ pādā dvàdasayojanikā tasmiṃ supaṇṇavātaṃ kātaṃ āraddhe sattaṭṭhayojanasataṭṭhānaṃ nappahotīti.**

Kết Thúc Câu Chuyện Về Kim Sí Điểu Vương

CÂU CHUYỆN VỀ VOI TƯỢNG

Có mười chủng loại Voi, đó là:

1/ Kālavara – Hắc Tượng: voi có màu đen thông thường.

2/ Gangeyya – Hằng Hà Tượng: voi sông Hằng.

3/ Pandara – Bạch Tượng: voi có màu trắng.

4/ Tamba – Xích Tượng: voi có màu đỏ.

5/ Pingala – Huyết Dụ Tượng: voi có màu da mật (nâu sậm đen).

6/ Gandha – Hương Tượng: voi có hương thơm.

7/ Mangala – Kiết Tường Tượng: voi có điềm lành.

8/ Hema – Huỳnh Tượng: voi có màu xám tro.

9/ Uposatha – Bố Tát Tượng: voi có màu trang nhã.

10/ Chaddanta – Chiến Tượng: voi sinh ở trong bờ hồ **Chaddanta** (một trong mười giống voi chiến, thân hình có màu trắng như bạc, miệng và chân có màu đỏ; sinh sống trong khu rừng ở bờ hồ Hy Mã).

+ Sức lực 10 nam thanh niên bằng với sức lực một con Hắc Tượng.
+ Sức lực 10 con Hắc Tượng bằng với sức lực một con Hằng Hà Tượng.
+ Sức lực 10 con Hằng Hà Tượng bằng với sức lực một con BạchTượng.
+ Sức lực 10 con Bạch Tượng bằng với sức lực một con Xích Tượng.
+ Sức lực 10 con Xích Tượng bằng với sức lực một con Huyết Dụ Tượng.
+ Sức lực 10 con Huyết Dụ Tượng bằng với sức lực một con Hương Tượng.
+ Sức lực 10 con Hương Tượng bằng với sức lực một con Kiết Tường Tượng.
+ Sức lực 10 con Kiết Tường Tượng bằng với sức lực một con Huỳnh Tượng.
+ Sức lực 10 con Huỳnh Tượng bằng với sức lực một con Bố Tát Tượng.
+ Sức lực 10 con Bố Tát Tượng bằng với sức lực một con Chiến Tượng.

Kết Thúc Câu Chuyện Về Voi Tượng

Ghi chú: Câu chuyện về tám chủng loại Kình Ngư đã có được trình bày để ở trong Bộ **Duyên Sinh Phát Thú (Paccayajotika Paṭṭhāna)** do đó không có trình bày ở tại đây.

NHỮNG BIỂU CẢM (SAÑÑĀ) THƯỜNG HIỆN BÀY ĐỐI VỚI BÀNG SINH

Có ba thể loại biểu cảm thường hay hiện bày đối với tất cả loài Bàng Sinh, đó là:

1. Kāmasaññā – Dục Thụ Tưởng: biết rõ việc thụ hưởng dục lạc.

2. Gocarasaññā – Thông Hành Tưởng: biết rõ việc ăn uống.

3. Maraṇasaññā – Tử Vong Tưởng: biết rõ việc tử vong.

Còn về **Pháp Tưởng (Dhammasaññā)** ấy, chỉ có một vài nhóm Bàng Sinh, như là Bậc Giác Hữu Tình (Bồ Tát) mới khởi sinh hiện bày lên được. Ngoài trường hợp ấy ra phần đa số các loài Bàng Sinh chỉ có ba thể loại biểu cảm như đã có đề cập đến rồi vậy. Trong hết tất cả ba thể loại ấy, phần đa số hiện bày là Tử Vong Tưởng, vì lẽ có rất nhiều mối nguy hại có liên quan với sinh mạng đối với tất cả các loài Bàng Sinh. Đó là phần đa số các loài Hữu Tình bé nhỏ thường hay bị các loài Hữu Tình to lớn bức hại, sát hại dùng để ăn làm thành vật thực, như là thằn lằn giết ăn các loài sâu bọ, mèo giết ăn thằn lằn, hổ báo sát hại mèo để ăn, v.v. Tại đây là việc sắp xếp mối nguy hại phải bị nhận lấy giữa các loài Hữu Tình Bàng Sinh lẫn nhau. Ngoài sự việc này ra, vẫn còn có mối nguy hại liên quan với sinh mạng ở những phương diện khác nữa, như là việc đói khát ở trong việc tìm kiếm vật thực để mà ăn lại có sự vất vã khổ sở ở trong chỗ nương trú. Hơn thế nữa, lại còn bị một nhóm người thường hay bức hại hoặc sát hại v.v. Bởi do đó, tuổi thọ nhóm Bàng Sinh có thân hình bé nhỏ có khi chỉ có một tuần cũng có; loài chó có tuổi thọ phần nhiều là mười cho đến mười lăm năm; bò, trâu, ngựa có tuổi thọ từ hai mươi cho đến ba mươi năm cũng có; hoặc có tuổi thọ chỉ bằng với con người cũng có; tuổi thọ loài voi từ sáu mươi năm cho đến một trăm năm cũng có; một cách bất định. Tóm lại tuổi thọ các loài Bàng Sinh không thể nào xác định một cách chắc chắn được.

Kết Thúc Việc Trình Bày Một Cách Quảng Nghĩa Về Loài Bàng Sinh

LÃNH VỰC NGẠ QUỶ ĐỊA GIỚI (PETTIVISAYABHŪMI)
CÂU PHÂN TÍCH (PADACCHEDA), CÂU LIÊN HỆ (PADASAMBANDHA) CHÚ GIẢI (VACANATTHA) VÀ LỜI GIẢI THÍCH MỘT CÁCH QUẢNG NGHĨA TRONG LÃNH VỰC NGẠ QUỶ ĐỊA GIỚI

Sukhamussayato pākatthaṃ entity = Petā – Loài Hữu Tình gọi là Ngạ Quỷ **(Peta)** vì lẽ thường đi đến trú xứ xa cách khỏi tất cả mọi sự an lạc.

Petānaṃ samūho = Petti – Tất cả hội chúng Ngạ Quỷ gọi là Loài Ngạ Quỷ.

Pettiyā visayo = Pettivisayo – Trú xứ mà hóa sinh ra tất cả hàng Ngạ Quỷ gọi là Lãnh Địa Ngạ Quỷ **(Pettivisaya).**

Như vậy, từ ngữ **Peta** bao gồm với hai từ ngữ **Pa + Ita.** Theo ngữ nguyên, những loài Hữu Tình đã quá vãng, hay những loài Hữu Tình hoàn toàn không có sự an vui, hạnh phúc. **Peta** – Ngạ Quỷ, không phải chỉ là Ma Quỷ vô hình vô sắc tướng. Mặc dù mắt thường của

Nhân Loại không thể nhìn thấy những loài Hữu Tình này, tuy nhiên, họ cũng có sắc hình thể tướng (Sắc Pháp). Có một loại Ngạ Quỷ không có một Cõi Giới riêng biệt cho mình, mà thường sống trong các bụi cây rừng già, ở những nơi ô uế bẩn thỉu, v.v.

Tại đây, từ ngữ mà gọi **Peta** có nghĩa là các Hữu Tình khi đã mạng chung rồi đều gọi với nhau là **Peta – Ma Quỷ** cả. Tuy nhiên đặc biệt ở tại nơi đây, chỉ có ý nghĩa với loài Hữu Tình thành Ngạ Quỷ.

Rằng theo phần chiết tự văn phạm ở trong từ ngữ gọi là **Peta,** khi phân tích ra có như vầy: **Pa + I + Ta. Pa** là câu danh hiệu **(Upasaggapada), I** là ngữ căn **(Dhātu), Ta** là tiếp vị ngữ **(Paccaya).** Thông thường tất cả Ngạ Quỷ không có chỗ nương trú một cách riêng biệt, do đó những loài Ngạ Quỷ ấy mới có trú xứ cùng khắp mọi nơi, như là nương theo rừng già, theo dãy núi, vực thẳm, ốc đảo, biển cả, đại dương, bãi tha ma. Bởi nguyên nhân ấy, Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** mới có trình bày rằng: **Pettivisayo – Lãnh Địa Ngạ Quỷ.**

Lời nói rằng **Peta** ấy, tức là ma quỷ, dạ xoa và ngạ quỷ, v.v. mà tất cả mọi người dùng để nói với nhau ở khắp mọi nơi, và Ngạ Quỷ có nhiều hạng loại với nhau. Một vài loại là hàng Ngạ Quỷ nhỏ bé, một vài loại là hàng Ngạ Quỷ to lớn, và Ngạ Quỷ này biến hóa thân hình cho thành **Cảnh Duyệt Ý (Iṭṭhārammaṇa)** hoặc là **Cảnh Bất Duyệt Ý (Aniṭṭhārammaṇa)** cũng được. Về phía Cảnh Duyệt Ý thì làm cho nhìn thấy là Chư Thiên, làm thành người nam, người nữ, đạo sĩ, vị Trưởng Lão, Tỳ Khưu, Tu Nữ. Nếu là phía Cảnh Bất Duyệt Ý thì làm cho nhìn thấy là bò, trâu, voi, chó; thân tướng hình thù đáng khiếp sợ, có cái đầu to lớn, con mắt lồi ra, và đôi khi cũng không có hiện bày rõ ràng, chỉ làm cho nhìn thấy là màu đen, màu đỏ, màu trắng. Trong tất cả những hàng Ngạ Quỷ này, một vài hạng loại phải bị thụ lãnh thống khổ lâu dài của việc phải chịu nhịn đói, nhịn khát. Một vài hạng loại đi vào ăn các vật thực thừa thãi mà ở nhà người quăng vứt bỏ trong những nơi bẩn thỉu. Một vài hạng loại thì ăn đàm dãi, nước miếng, và phân phẩn. Còn hạng Ngạ Quỷ mà nương trú theo dãy núi, đó là đỉnh **Linh Thứu Sơn (Gijjhakūta),** thì không phải chỉ có chịu sự nhịn đói vật thực, mà còn phải bị thụ lãnh thống khổ tương tự với loài Hữu Tình Địa Ngục nữa vậy.

NHƯ ĐÃ CÓ TRÌNH BÀY TRONG BÀI KINH HẠNG LOẠI (LAKKHAṆA) THUỘC CHÁNH TẠNG PĀLI TƯƠNG ƯNG BỘ KINH TIẾP THEO ĐÂY:

Có mười hai chủng loại Ngạ Quỷ được trích ra trong **Kinh Thế Gian Chế Định (Lokapaññatti)** và **Kinh Lục Thú Giải Minh (Chagatidīpanī)**

1/ Vantāsapeta – Thực Thóa Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ ăn nước miếng, đàm dãi, vật nôn mửa, làm thành vật thực.

2/ Kunapāsapeta – Thực Tử Thi Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ ăn tử thi của Người hoặc loài Hữu Tình, làm thành vật thực.

3/ Gūthakhādakapeta – Thực Phẩn Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ ăn các loại phân phẩn, làm thành vật thực.

4/ Aggijālamukhapeta – Cự Khẩu Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ thường luôn có ngọn lửa bốc cháy ở trong miệng.

5/ Sūcimukhapeta – Châm Khẩu Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ có miệng bằng lỗ chui kim.

6/ Taṇhattitapeta – Ái Bức Hại Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ thường luôn bị bức hại do bởi Ái Dục **(Taṇhā)** làm cho phải bị đói bụng, khát nước.

7/ Sunijajhāmakapeta – Thán Thân Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ có thân mình đen giống như củi than.

8/ Satthangapeta – Châm Thủ Chỉ Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ có móng tay, móng chân dài và sắc bén như dao.

9/ Pabbatangapeta – Sơn Thân Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ có thân hình to cao giống như quả núi.

10/ Ajagarangapeta – Mãng Xà Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ có thân hình giống như con trăn.

11/ Vemānikapeta – Thiên Cung Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ phải bị thụ lãnh thống khổ ở trong khoảng thời gian ban ngày, nhưng vào ban đêm thì lại được thụ hưởng an lạc ở trong Thiên Cung.

12/ Mahidhidakapeta – Đại Thế Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ có nhiều thần lực.

TRÌNH BÀY CHÚ GIẢI MƯỜI HAI CHỦNG LOẠI NGẠ QUỶ THEO THỨ TỰ:

1. Vantaṃ asati bhakkhatīti = Vantāso – loại Ngạ Quỷ gọi là **Vantāsa** – Thực Thóa là vì ăn nước miếng, vật nôn mửa, đàm dãi, v.v.

2. Kuṇapaṃ arati dakkhatīti = Kuṇapāso – loại Ngạ Quỷ gọi là **Kuṇapāsa** – Thực Tử Thi là vì ăn tử thi của Người hoặc loài Hữu Tình.

3. Gūthaṃ khādatīti = Gūthakhadako – loại Ngạ Quỷ gọi là **Gūthakhādāka** – Thực Phẩn là vì ăn phân phẩn.

4. Aggijālā mukhato etassāti = Aggijālamukho – loại Ngạ Quỷ gọi là **Aggijāla mukha** – Cự Khẩu là vì có ngọn lửa bốc cháy ở trong miệng.

5. Sūcipamānaṃ sukhaṃ etassāti = Sūcimukho – loại Ngạ Quỷ gọi là **Sūci mukha** – Châm Khẩu là vì có miệng bằng lỗ kim.

6. Taṇhāya aṭṭhito pūḷitoti = Taṇhāhaṭṭito – loại Ngạ Quỷ gọi là **Taṇhāhaṭṭita** – Ái Bức Hại là vì bị bức hại do bởi Ái Dục, tức là phải bị đói bụng, khát nước.

7. Suṭṭhu nissesena jhāmo = Sunijjhāmo, Sunijjhāmo viyāti = Sunijjhāmako – Thân cây bị lửa đốt sạch hết cành nhánh, cuống lá và thân cây chẳng còn dư sót chi cả, chỉ còn lại gốc cây, gọi là **Sunijjhāmaka** – Thán Thân tức là thân cây bị đốt cháy, loại Ngạ Quỷ gọi là **Sunijjhāmaka** – Thán Thân là vì đen đủi giống như thân cây bị đốt cháy.

8. Satthasadisaṃ aṅgaṃ etassāti = Satthaṅgo – loại Ngạ Quỷ gọi là **Satthaṅga** – Châm Thủ Chỉ là vì có móng tay, móng chân dài và sắc bén giống như dao.

9. Pabbatappamaṇo aṅgo etassāti = Pabbataṅgo – loại Ngạ Quỷ gọi là **Pabba taṅgo** – Sơn Thân là vì thân hình bằng quả núi.

10. Ajagarasadiso aṅgo etassāti = Ajagaraṅgo – loại Ngạ Quỷ gọi là **Ajaga raṅgo** – Mãng Xà là vì thân tướng hình thù giống như con trăn.

11. Vimāne nibbattoti = Vemāniko – loại Ngạ Quỷ gọi là **Vemānika** Thiên Cung là vì hóa sinh ở trong Thiên Cung, nhưng ban ngày phải bị thụ lãnh thống khổ, và ban đêm thì được thụ hưởng an lạc.

12. Mahatiyā iddhiyā samannāgatoti = Mahiddhiko – loại Ngạ Quỷ gọi là **Mahiddhika** – Đại Thần Lực là vì có nhiều thần lực.

TRÚ XỨ MƯỜI HAI LOẠI NGẠ QUỶ CÙNG VỚI CHÚA TỂ NGẠ QUỶ

Ở dưới chân dãy Hy Mã Lạp Sơn có một khu rừng tên gọi **Vijjhātavī,** là thủ phủ nương trú của mười hai chủng loại Ngạ Quỷ mà đã có được đề cập đến. Trong tất cả những mười hai chủng loại Ngạ Quỷ này thì **Đại Thần Lực Ngạ Quỷ (Mahiddhikapeta)** là Chúa tể tất cả loại Ngạ Quỷ. Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng trình bày để ở trong Kinh Thế Gian Chế Định rằng: **Yattha petanagare petamahiddhiko sabba petānaṃ issariyādhi paccaṃ karoti** – Thủ phủ hàng Ngạ Quỷ này là tại khu rừng **Vijjhātavī** và khu rừng **Vijjhātavī** này đích thị tọa lạc trong dãy Hy Mã Lạp Sơn. Thủ phủ là khu rừng **Vijjhātavī** đây có Đại Thần Lực Ngạ Quỷ là vị Chúa tể thống trị trông coi tất cả loại Ngạ Quỷ.

BỐN CHỦNG LOẠI NGẠ QUỶ ĐƯỢC TRÍCH RA TRONG BỘ CHÚ GIẢI VÀ PHỤ CHÚ GIẢI NGẠ QUỶ SỬ KÝ (PETTAVATTHU)

1/ Paradattujīvikapeta – Tha Hy Thí Mạng Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ có việc nuôi mạng là phải nương nhờ vào vật thực của người khác xả thí cho.

2/ Khupapipāsikapeta – Vô Thực Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ bị bức hại với việc phải bị đói bụng, khát nước.

3/ Nijjhāmataṇhikapeta – Ái Dục Thiêu Đốt Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ thường luôn bị nóng bức do bởi ngọn lửa thiêu đốt.

4/ Kālakañcikapeta – A Tu La Ngạ Quỷ: tên gọi của A Tu La thành Ngạ Quỷ.

A Tu La Ngạ Quỷ này có thân tướng hình thù to cao ba dặm **(Gāvuta)**, mà chỉ có chút ít về sức lực vì có rất ít máu và thịt, có màu sắc hao hao với lá cây khô, con mắt lồi ra giống với mắt của con cua, và có miệng bằng lỗ kim ở ngay giữa cái đầu.

[Giải Thích câu chuyện về A Tu La Ngạ Quỷ này đã được trích ra trong Bộ Chú Giải Phẩm Vật Thực Đi Bên Đường **(Pātheyyavagga Aṭṭhakathā)**]

TRÌNH BÀY CHÚ GIẢI VỀ TỨ CHỦNG LOẠI NGẠ QUỶ ĐÃ VỪA TRÌNH BÀY

1. Parehi dattaṃ upanissāya jīvatīti = Paradattupajīviko: loại Ngạ Quỷ gọi là **Paradattupajīvika – Tha Hy Thí Mạng** là vì có việc nuôi mạng do phải nương nhờ vào vật thực của người khác xả thí cho.

2. Khudā ca pipāsā ca = Khuppipāsā, Khuppipāsāhi pilito = Khuppipāsiko: việc đói bụng với việc khát nước gọi là **Khuppipāsa – Vô Thực,** loại Ngạ Quỷ gọi là **Khuppipāsa – Vô Thực** là vì bị bức hại với việc đói bụng và khát nước.

3. Nijjhāmena taṇhā etassāti = Nijjhāmataṇhiko: loại Ngạ Quỷ gọi là **Nijjhāmataṇhika – Ái Dục Thiêu Đốt** là vì có xác thân bị Ái Dục, tức là thường luôn bị đói bụng và khát nước, là chính do bởi đang bị ngọn lửa thiêu đốt ở trong cửa miệng vậy.

4. Loại A Tu La Ngạ Quỷ này, không cần phải trình bày lời Chú Giải **(Vacanattha)** vì lẽ đó là tên của A Tu La. Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng để ở trong Bộ Chú Giải Phẩm Vật Thực Đi Bên Đường **(Pātheyyavagga Aṭṭhakathā)** rằng: **Kāla kañcikāti tesaṃ asurānaṃ nāmaṃ** – Từ ngữ **Kālakañcika** đây, đích thị tên gọi tất cả A Tu La làm thành Ngạ Quỷ.

MỘT VÀI CHỦNG LOẠI NGẠ QUỶ BẬC GIÁC HỮU TÌNH KHÔNG CÓ ĐI HÓA SINH

Tất cả những Bậc Giác Hữu Tình (Chư Bồ Tát), tính kể từ khi đã được Đức Phật thọ ký trở đi thì thường không có đi hóa sinh vào trong ba chủng loại Ngạ Quỷ, đó là:

1/ Khuppipāsakapeta – Vô Thực Ngạ Quỷ,

2/ Nijjhāmataṇhikapeta – Ái Dục Thiêu Đốt Ngạ Quỷ,

3/ Kālakañcikapeta – A Tu La Ngạ Quỷ.

đã có được đề cập đến. Nếu như sẽ phải bị hóa sinh thì duy nhất chỉ có hóa sinh làm hàng **Tha Hy Thí Mạng Ngạ Quỷ (Paradattupajīvika).**

[Việc Bậc Giác Hữu Tình (Bồ Tát) không có đi hóa sinh vào ba chủng loại Ngạ Quỷ này, là đã có trích dẫn ở trong Bộ Chú Giải Thí Dụ Kinh **(Apādāna Aṭṭhakathā,** Bộ Chú Giải Kinh Tập **(Suttanipāta Aṭṭhakathā)** và Bộ Chú Giải Chủng Tộc Chư Phật **(Buddha vaṃsa Aṭṭhakathā).]**

CÒN CÓ CÁC ĐỊA GIỚI KHÁC NỮA MÀ CÁC BẬC HỮU TÌNH (CHƯ BỒ TÁT) KHÔNG CÓ HÓA SINH TÍNH KỂ TỪ KHI ĐÃ ĐƯỢC ĐỨC PHẬT THỌ KÝ, Đó Là:

1. Không có tái sinh làm người hoang dã (chưa khai hóa).
2. Không có tái sinh làm Thiên Tử Ác Ma **(Māradevaputta).**
3. Không có tái sinh làm Vô Tưởng Phạm Thiên **(Asaññasattabrahma).**
4. Không có tái sinh làm Tịnh Cư Phạm Thiên **(Suddhāvāsabrahma).**
5. Không có tái sinh ở trong các Bộ Châu **(Cakkavāla** – Tiên Thiên Vũ Trụ) khác.
6. Không có tái sinh làm Vô Sắc Phạm Thiên **(Arūpabrahma).**
7. Không có tái sinh làm người nữ.

8. Không có tái sinh làm người nô lệ.

9. Không có tái sinh làm người đui mù, tai điếc, câm nín.

10. Không có tái sinh làm người bệnh phong hủi.

11. Không chuyển đổi giới tính.

12. Không tạo Ngũ Vô Gián Nghiệp Lực **(Pañcānantariyakamma).**

13. Không có hóa sinh trong **Địa Ngục Thủy Diệt Siêu Sinh (Lokantarika naraka).**

14. Không có hóa sinh trong **Vô Gián Đại Địa Ngục (Avecīmahānaraka)** và không có thành **Vô Thực Ngạ Quỷ (Khuppipāsikapeta), Ái Dục Thiêu Đốt Ngạ Quỷ (Nijjhāmataṇhikapeta)** và **A Tu La Ngạ Quỷ (Kālakañcikapeta).**

15. Không có tái sinh thành loài Hữu Tình nhỏ hơn chim dồng dộc (giống chim cùng họ với chim sẻ, mình nâu, đầu vàng, làm tổ ở trên cành cây) và không có tái sinh thành loài Hữu Tình mà lớn hơn tượng voi.

16. Không làm thành Bậc Thánh Nhân trong khoảng bốn **A Tăng Kỳ (Asaṅ kheyya)** và một trăm ngàn **Đại Kiếp (Mahākappa).**

+ Ghi chú: Tất cả những loại Ngạ Quỷ này, ngoài mười hai chủng loại và bốn chủng loại (như đã có được trình bày ở phần trên) này ra, vẫn còn có những chủng loại Ngạ Quỷ khác nữa, như là: **Sūcilomapeta – Châm Mao Ngạ Quỷ** là loại Ngạ Quỷ có lông giống như mũi kim; **Kharalomapeta – Thô Mao Ngạ Quỷ** là loại Ngạ Quỷ có lông thô nhám; **Dīghanakhapeta – Trường Thủ Chỉ Ngạ Quỷ** là loại Ngạ Quỷ có móng tay và móng chân dài, v.v.

HAI MƯƠI MỐT LOẠI NGẠ QUỶ TRÍCH TRONG TẠNG LUẬT (VINAYA PIṬAKA) VÀ KINH HẠNG LOẠI (LAKKHAṆA) THUỘC CHÁNH TẠNG PĀLI TƯƠNG ƯNG BỘ KINH

1/ Aṭṭhisaṅkhasikapeta – Cốt Tử Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ có xương dính với nhau thành từng khúc, nhưng có thịt.

2/ Maṃsapesikapeta – Thi Nhục Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ có thịt thành từng mảnh, nhưng không có xương.

3/ Maṃsapiṇḍapeta – Khối Nhục Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ có thịt thành khối thịt, đống thịt.

4/ Nicchaviparisapeta – Vô Bì Nam Ngạ Quỷ: loại Nam Ngạ Quỷ không có da.

5/ Asilomapeta – Kiếm Mao Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ có lông nhọn như lưỡi kiếm.

6/ Sattilomapeta – Thương Mao Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ có lông như ngọn giáo.

7/ Usulomapeta – Tiễn Mao Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ có lông dài như mũi tên.

8/ Sūcilomapeta – Châm Mao Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ có lông như mũi kim.

9/ Dutiyasūcilomapeta – Châm Mao Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ thứ hai cũng có lông như mũi kim.

10/ Kumbhaṇḍapetā – Cao Hoàn Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ có tinh hoàn **(aṇḍa)** rất to lớn.

11/ Gūthakūpanimuggapeta – Phân Một Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ chìm ở trong phân phẩn.

12/ Gūthakhādakapeta – Thực Phẩn Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ ăn phân phẩn.

13/ Nicchavitakapeta – Vô Bì Nữ Ngạ Quỷ: loại Nữ Ngạ Quỷ không có da.

14/ Duggandhapeta – Xú Khí Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ có mùi hôi thối.

15/ Ogilinīpeta – Xí Nhiên Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ có thân hình như lửa than hồng.

16/ Asīsapeta – Vô Thủ Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ không có đầu.

17/ Bhikkhupeta – Tỳ Khưu Tướng Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ có thân tướng hình thù giống như vị Tỳ Khưu.

18/ Bhikkhunīpeta – Tỳ Khưu Ni Tướng Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ có thân tướng hình thù giống như vị Tỳ Khưu Ni.

19/ Sikkhamānapeta – Nữ Học Pháp Tướng Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ có thân tướng hình thù giống như vị Nữ Học Pháp.

20/ Sāmaṇerapeta – Sa Di Tướng Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ có thân tướng hình thù giống như vị Sa Di.

21/ Sāmaṇerīpeta – Sa Di Ni Tướng Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ có thân tướng hình thù giống như vị Sa Di Ni.

+ Ghi chú: Loại Ngạ Quỷ Rắn (Xà Ngạ Quỷ) và loại Ngạ Quỷ Quạ (Ô Nha Ngạ Quỷ) đã được trích ra ở trong Bộ Chú Giải Kinh Pháp Cú **(Dhammapada Aṭṭhakathā)** ấy, loại Ngạ Quỷ Rắn có thân hình dài hai mươi lăm do tuần, còn loại Ngạ Quỷ Quạ có thân hình to lớn hai mươi lăm do tuần.

TIẾP THEO ĐÂY SẼ TRÌNH BÀY ĐẾN SỰ SINH HOẠT CÁC HÀNG NGẠ QUỶ TÍCH TRUYỆN ATULA NGẠ QUỶ (KĀLAKAÑCIKAPETA)

Một hôm, **A Tu La Ngạ Quỷ (Kāḷakañcika)** khát nước quá, mới vội bước ra đi để tìm kiếm nước uống. Ngay tại nơi ấy, có dòng sông Hằng đang trôi chảy, và dòng sông Hằng này có chiều rộng là một do tuần và sâu một do tuần. Khi A Tu La Ngạ Quỷ **(Kāḷa kañcika)** đã đi đến thì đã nghe được tiếng nước ở trong dòng sông đang chảy, mới biết được rằng đấy là con sông và liền bước xuống để mà sẽ uống được nước ở trong dòng sông ấy. Thế nhưng khi đã vừa bước xuống, thay vì sẽ được uống nước vừa theo nguyện vọng của mình thì với mãnh lực của Nghiệp Báo, nước sông ấy đã hóa thành mảnh đá cứng, và có khói xông tỏa lên khắp mọi nơi. Tuy nhiên **A Tu La Ngạ Quỷ (Kāḷakañcika)** vẫn cứ nghe được âm thanh của tiếng nước đang trôi chảy mãi thì mới vừa đi vừa nhìn ngó xem coi dõi theo âm thanh của nước đang trôi chảy ấy, kể từ lúc hoàng hôn chập tối cho đến khi mặt trời đã mọc lên, rằng chỉ là nghe âm thanh của nước đang trôi chảy nhưng vẫn không thấy được nước ở nơi nào cả.

Trong chính ngay sáng ngày hôm đó, có một nhóm Chư Tỳ Khưu ước độ ba mươi vị, đang bước trên lộ đường ấy để sẽ đi trì bình khất thực, và đã được nhìn thấy A Tu La Ngạ

Quỷ **(Kāḷakañcika)** đang đi tìm kiếm nước khắp mọi nơi. Khi tất cả Chư Tỳ Khưu đã được nhìn thấy như thế, thì mới bước đến để vấn hỏi rằng:

- Ngươi đang đi tìm kiếm cái chi vậy ?

A Tu La Ngạ Quỷ **(Kāḷakañcika)** trả lời rằng:

- Tôi đang đi tìm kiếm nước uống.

Chư Tỳ Khưu cũng đáp lời lại rằng:

- Chính ngay trước mắt của ngươi ấy là dòng sông ngươi chẳng nhìn thấy hay sao ?

A Tu La Ngạ Quỷ **(Kāḷakañcika)** đáp lời rằng:

- Không nhìn thấy ! Mà chính ngay trước mắt của Tôi đây, Tôi đã có được nghe âm thanh của tiếng nước đang trôi chảy mãi, nhưng không có được nhìn thấy một giọt nước nào cả. Tôi đã đi theo âm thanh của tiếng nước đang chảy đây để tìm kiếm nước uống, kể từ lúc hoàng hôn chập tối cho đến khi mặt trời đã mọc lên mà vẫn chưa tìm thấy được một giọt nước.

Tất cả Chư Tỳ Khưu mới bảo cho A Tu La Ngạ Quỷ **(Kāḷakañcika)** hãy nằm xuống ngay tại nơi ấy, rồi các Quý Ngài đã cùng nhau lấy bình bát múc nước ở dòng sông đến đổ vào miệng của A Tu la Ngạ Quỷ. Cả ba mươi vị đã luân phiên với nhau đổ nước vào miệng như thế, nhưng nước đổ vào ở trong miệng ấy thì chỉ có vào được một chút ít, bởi vì A Tu La Ngạ Quỷ có miệng nhỏ bằng lỗ kim.

[Lời giải thích đến sự sinh hoạt của loại Ngạ Quỷ này đã có được trích ra từ trong Bộ Chú Giải Xua Tan Mê Mờ **(Sammohavinodanī Aṭṭhakathā)**]

TÍCH TRUYỆN NGẠ QUỶ HEO RỪNG (SUKĀRA)

Trong thời kỳ Giáo Pháp Đức Chánh Đẳng Giác **Kassapa,** đã có một vị Tỳ Khưu có hạnh thu thúc về Thân **(Kāyasaṃvara – Điều Phục Tự Thân)** nhưng lại không có hạnh thu thúc về Lời **(Vacīsaṃvara – Phòng Hộ Ngôn Ngữ),** nên đã mạ lỵ các vị Tỳ Khưu khác. Vị Tỳ Khưu ấy, khi đã vừa dứt sinh mạng phải đi thụ lãnh thống khổ ở trong Địa Ngục liên quan với việc không thu thúc về Lời. Khi thoát khỏi việc thụ lãnh thống khổ ở trong Địa Ngục ấy rồi, phải đi hóa sinh làm Ngạ Quỷ Heo Rừng, có thân hình là người, da dẻ thì hồng hào giống như vàng ròng, có cái đầu là heo với cái miệng lại giống với mõm lợn rừng, và đã có tuổi thọ rất lâu dài, suốt trọn cho đến thời kỳ Giáo Pháp của Đức Ngài Chánh Đẳng Giác Sa Môn Cồ Đàm **(Samaṇa Gotama)** này, và đã nương trú gần kinh thành **Rājagaha**, dưới chân **Linh Thứu Sơn (Gijjhakūta).** Ngạ Quỷ Heo Rừng này luôn bị đói khát giày vò.

Đến một hôm, Ngạ Quỷ Heo Rừng này đã gặp được Ngài Trưởng Lão **Nārada,** là Bậc Thinh Văn của Đức Phật Sa Môn Cồ Đàm. Ngài Trưởng Lão với tay cầm y bát, đã khởi hành từ sáng sớm để đi trì bình khất thực. Trong lộ trình đi đến kinh thành **Rājagaha,** Ngài Trưởng lão đã nhìn thấy Ngạ Quỷ Heo Rừng trên đường, và khi vấn hỏi về loại Hạnh Nghiệp Lực nào mà Ngạ Quỷ Heo Rừng đã tạo ra, với lời kệ như sau:

Nhà ngươi vàng rực khắp toàn thân,
Chiếu ánh sáng ra khắp mọi vùng.

Song miệng ngươi như mồm lợn đực,
Nghiệp chi ngươi tạo kiếp xưa chăng ?

Ngạ Quỷ Heo Rừng mới kính bạch với Ngài Trưởng Lão rằng:

- Sự việc con đây phải bị hóa sinh làm Ngạ Quỷ Heo Rừng có thân hình và cái đầu lại không có được giống với nhau, đó là do quả báo phải bị thụ lãnh từ nơi việc không có thu thúc về Lời. Còn thân hình của con là người và có da dẻ hồng hào giống như vàng ròng, đó là quả báo do con đã có tạo hạnh thu thúc về Thân.

Xưa con điều phục khéo về Thân,
Nhưng Khẩu con lại không hộ phòng !
Vì thế hình hài con vậy đó,
Nā ra da thấy rõ con cùng !

Do đó, kính xin Ngài Đại Đức hãy nên có hạnh thu thúc về Thân và thu thúc về Lời vừa khéo tốt đẹp, để sẽ không phải bị thành giống như con vậy.

Nā ra da, vậy hãy xem đây,
Con muốn trình Tôn Giả việc này:
Đừng phạm Ác Tà về Khẩu Nghiệp,
E Ngài sẽ hóa mõm heo vầy !

(Lời giải thích về tích truyện Ngạ Quỷ Heo Rừng này đã được trích ra từ trong Chánh Tạng **Pāḷi** Ngạ Quỷ Sử Ký).

TÍCH TRUYỆN THIÊN CUNG NGẠ QUỶ
(PĀTALIPUTTAPETA – NGẠ QUỶ THÀNH PĀTALIPUTTA)

Trong thời kỳ Giáo Pháp của Đức Phật Ngài Sa Môn Cồ Đàm **(Samaṇa Gotama)** đây, có hai kinh thành, với một kinh thành có tên là **Sāvatthi** và một kinh thành nữa có tên là **Pātalīputta.** Có một nhóm thương buôn thường luôn đi bán buôn ở giữa kinh thành **Sāvatthi** và **Pātaliputta** với Xứ Vàng **(Suvaṇṇabhūmi).** Trong một thời, tất cả những thương buôn ở trong cả hai kinh thành **Sāvatthi** và **Pātaliputta,** ai ai cũng đã rủ nhau cùng đem hàng hóa của mình chất lên tàu và rời khỏi cả hai kinh thành hướng về Xứ Vàng để bán buôn. Trong khi tàu ra đến giữa đại dương, có một thương buôn lâm trọng bệnh và đã dẫn đến chấm dứt sinh mệnh ở chính ngay khoảng giữa đại dương ấy. Trong sát na mà người thương buôn đang lâm trọng bệnh ở ngay trong tàu ấy, lại có tâm thức thường luôn nghĩ tưởng đến người vợ nhà. Mặc dù trong sát na khi vẫn còn có sinh mạng, người thương buôn này là người có tâm sùng tín ở trong việc tạo Phước Báu. Vị ấy vẫn không được sinh lên Cõi Thiên Giới, do bởi luyến ái với người mình yêu, do đó, khi vừa chấm dứt sinh mạng ở chính ngay khoảng giữa đại dương ấy, đã đi hóa sinh làm **Thiên Cung Ngạ Quỷ (Vemānikapeta)** cũng ở chính ngay khoảng giữa đại dương đó.

Riêng về phần người vợ đã lên tàu du hành đi đến Xứ Vàng. Bấy giờ vị Quỷ Thần muốn chiếm hữu cô nàng, liền chận đường đi của chiếc tàu, và đã làm cho chiếc tàu không đi được. Tất cả mọi người ở trên chiếc tàu đã thực hiện việc rút thăm và đã ba lần chiếc thăm

lại rơi vào tay của cô nàng mà Quỷ Thần này đang mong ước. Chẳng bao lâu sau khi cô nàng bị thả xuống biển thì chiếc tàu lại ra đi, tiến nhanh về hướng Xứ Vàng. Thế rồi vị Quỷ Thần đã đem cô nàng này về Thiên Cung của mình và thụ hưởng hạnh phúc bên cô nàng. Một năm sau, cô nàng nẩy sinh Tâm ưu phiền bất mãn và đã cầu xin với vị Quỷ Thần để được trở về lại kinh thành **Pātaliputta.** Đáp lời khẩn cầu của cô nàng, Quỷ Thần đã nói:

Nàng đã thấy bao Địa Ngục rồi,
Các miền Bàng Sinh, Quỷ và Người.
A Tu La lại với Thiên Thần,
Nàng đã nhận ra Nghiệp Lực chín muồi.
Ta sẽ đưa nàng về Phố cũ,
Bình an, hành Thiện Sự trên đời.
Cô nàng vội hoan hỷ đáp lại:
Ngài muốn Tôi an lạc, Dạ Xoa,
Ngài muốn Tôi lợi ích sâu xa,
Tôi xin thực hiện lời Ngài dạy,
Ngài đối với Tôi chính Đạo Sư.
Tôi đã thấy bao miền Địa Ngục,
Các miền Bàng Sinh, Quỷ, Người ta,
A Tu La với Thiên Thần nữa,
Tôi đã nhìn xem Nghiệp Báo mà.
Tôi nguyện thực hành nhiều Thiện Sự,
Ngay khi vừa đến chốn quê nhà.

Sau đó vị Quỷ Thần này đã đem cô nàng cùng du hành qua không gian, rồi đã đặt cô nàng xuống ngay giữa kinh thành **Pātaliputta,** và đã ra đi về lộ trình cũ của mình. Lúc bấy giờ, thân bằng quyến thuộc của cô nàng cùng với nhiều người khác đã được trông thấy cô nàng, tất cả đều hân hoan và đã được nghe kể lại câu chuyện này.

Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có được trình bày để ở trong bộ Chú Giải Ngạ Quỷ Sử Ký **(Petavatthu Aṭṭhakathā)** rằng: **So katakusalo devalokaṃ anuppajjitvā itthiyā patibandhacittāya pana samuddamajjhe vimānapeto hutvā nibbatti.**

TÍCH TRUYỆN MỘT NỮ NGẠ QUỶ
(UTTARAMĀTU – NGƯỜI MẸ UTTARA)

Sau khi bậc Đạo Sư đã diệt độ, và vào thời kỳ Đại Hội Kiết Tập Kinh Điển lần thứ nhất đang diễn tiến, Ngài Đại Trưởng Lão **Mahā Kaccāyana** cùng với mười hai vị Tỳ Khưu đồng cư trú trong khu rừng kế cận bên kinh thành **Kosambi,** và trong kinh thành **Kosambi** này, có một thanh niên tên gọi là **Uttara.** Thanh niên **Uttara** này rất tôn kính và sùng tín với Ngài Đại Trưởng Lão **Mahā Kaccāyana,** mới sắp bày việc kiến tạo dựng lên một tịnh thất **(Kuti)** để cúng dường đến Đức Ngài Đại Trưởng Lão này, cùng với việc sắp đặt vật thực cúng dường đến Ngài Đại Trưởng Lão hằng mỗi ngày. Về phía người Mẹ của thanh

niên **Uttara** lại là người rất là bủn xỉn keo kiệt. Khi nhìn thấy con trai sắp bày việc kiến tạo tịnh thất **(Kuti)** và thường luôn cúng dường vật thực đến Ngài Đại Trưởng Lão như vậy thì khởi sinh lên việc không hài lòng. Đến một hôm bà ta mới phát lời nguyền rủa rằng: "Vật thực nào mà đã có được cúng dường đến Ngài Đại Trưởng Lão này đây thì từ đây cho đến thời vị lai xin cho các vật thực này mà đã thành thực phẩm đến Ngài Đại Trưởng Lão, hãy biến thành máu đi."

Khi thanh niên **Uttara** đã kiến tạo xong ngôi tịnh thất thì chuẩn bị cho việc khánh thành. Trong việc khánh thành ngôi tịnh thất này, thanh niên **Uttara** có sự sở cầu ước muốn là có được một trăm lông đuôi chim công, kết xâu lại thành hình cánh quạt, để sẽ tô điểm trang hoàng ngôi tịnh thất cho xinh đẹp và cúng dường đến Ngài Đại Trưởng Lão. Tất cả mọi sự việc mà thanh niên **Uttara** đã được thực hiện thì người Mẹ không hề có sự hài lòng dù chỉ là chút ít. Thế nhưng đến khi thanh niên **Uttara** muốn có lông đuôi chim công, dùng để sắp bày việc tô điểm trang hoàng ngôi tịnh thất cho được xinh đẹp ấy, bà Mẹ coi bộ vui mừng và đã tán thành cùng với sự hoan hỷ duyệt ý tùy hỷ công đức **(Anumodanā)** với điều này. Bà ta đã hoan hỷ cúng dường một bó lông đuôi chim công trong ngày lễ khánh thành ngôi tịnh thất. Khi bà ta chấm dứt sinh mạng thì đã đi hóa sinh làm Ngạ Quỷ, nhưng với mãnh lực Thiện mà bà ta đã có sự hoan hỷ duyệt ý cúng dường lông đuôi chim công đến Ngài Đại Trưởng Lão, đã làm cho bà ta có mái tóc thật dài đen mượt, uốn lượn óng ả rất đẹp và thướt tha. Tuy nhiên với mãnh lực mà bà ta đã có phát lời nguyền rủa rằng: "Vật thực nào mà đã có được cúng dường đến Ngài Đại Trưởng Lão thì xin cho vật thực ấy hãy biến thành máu đi", vì thế, khi Nữ Ngạ Quỷ này khởi lên sự khát nước, liền vội bước đến dòng sông Hằng để sẽ được uống nước, và khi vừa đến thì nước ở trong dòng sông đã biến thành máu hết cả.

Sau khi đã đi lang thang suốt năm mươi năm dài bị đói khát giày vò, và đến một hôm, Nữ Ngạ Quỷ đã được diện kiến với Ngài Đại Trưởng Lão **Kankhārevata** ở tại một nơi cạnh bên dòng sông Hằng ấy. Nữ Ngạ Quỷ mới bước đến Ngài Đại Trưởng Lão và xin được uống nước.

Khi một Tỳ Khưu đến nghỉ trưa,
Và ngồi trên bến nước Hằng hà.
Gần người, Nữ Quỷ hình ghê rợn,
Dáng điệu rụt rè, tiến bước ra.
Mái tóc Nữ Quỷ ấy thật dài,
Thả ra chấm đất, được buông lơi.
Che thân bằng các chum tóc ấy,
Nữ Quỷ thưa Trưởng Lão chuyện đời.

Nữ Ngạ Quỷ mới bước đến Ngài Đại Trưởng Lão và xin được uống nước:

Năm mươi năm đã giã từ trần,
Con chẳng biết chi về uống ăn,
Trưởng Lão cho con xin chút nước,
Hiện con đang khát mước muôn phần.

Khi Ngài Đại Trưởng Lão đã được nghe lời của Nữ Quỷ đến xin nước để được uống, liền nói rằng:

- Nước thì hiện đang có ở trong sông Hằng, với nhân nào mới không được uống, và vì sao lại phải đến xin với bần đạo vậy ?

Đây dòng nước mát của sông Hằng,
Chảy xuống từ miền núi Tuyết Sơn,
Hãy lấy nước kia và uống gấp,
Sao ngươi xin nước ở trên dòng ?

Nữ Ngạ Quỷ đáp lời rằng:

- Nước ở trong dòng sông quả thật không có, mà chỉ có toàn là máu thôi !

Trưởng Lão, xin thưa, nếu chính con,
Tự tay lấy nước ở dòng sông,
Nước hóa thành máu, và vì thế,
Con khẩn cầu Ngài chút nước trong.

Khi Ngài Đại Trưởng Lão đã được nghe lời thưa của Nữ Ngạ Quỷ như vậy thì khởi sinh sự nghi hoặc, vì chính tự nơi Ngài đã nhìn thấy nước ở trong dòng sông, nhưng làm sao Nữ Ngạ Quỷ lại chỉ nhìn thấy toàn là máu thôi, mới vấn hỏi Nữ Ngạ Quỷ rằng:

- Trong kiếp trước kia, ngươi đã tạo tác Nghiệp chi đến nỗi khi nhìn thấy nước cả dòng sông đều toàn là máu như vậy ?"

Ngày xưa đã phạm Ác Hạnh nào,
Do Ngữ, Ý, Thân đã phạm vào.
Từ Nghiệp Quả chi, tay ấy chạm,
Nước sông Hằng hóa máu, vì sao ?

Nữ Ngạ Quỷ mới trả lời rằng:

- Trong kiếp trước kia, con đã có phát lời nguyền rủa rằng:"Vật thực nào mà đã có được cúng dường đến Ngài Đại Trưởng Lão này đây, thì từ đây cho đến thời vị lai xin cho các vật thực này mà đã thành thực phẩm đến Ngài Đại Trưởng Lão, hãy biến thành máu đi." Bởi do đó, con mới chỉ nhìn thấy nước ở trong dòng sông đều toàn là máu cả. Kính xin Ngài Đại Đức hãy vì lòng bi mẫn xót thương đến với con, hãy lấy nước cho con được uống một lần để giải cứu con thoát khỏi cơn khát.

Nam tử của con, **Ut ta ra,**
Xưa vốn là cư sĩ tại gia,
Đem cúng các Sa Môn thực phẩm,
Tọa sàng, dược liệu, áo cà sa.
Lòng con sôi động bởi xan tham,
Thúc giục, nên con nguyền rủa chàng:
"Bất cứ vật chi Ta chẳng muốn,
Ngươi đem dâng cúng các Sa Môn.
Ut ta ra, thứ ấy, Ta cầu,
Thành máu cho ngươi ở kiếp sau."

Do Nghiệp Quả này, tay chạm phải,
Nước sông Hằng hóa máu từ lâu !
Ngài Đại Trưởng Lão liền đáp lời rằng:
- Sẽ tìm nước giúp cho ngươi vậy.

Khi Ngài Đại Trưởng Lão hứa với Nữ Ngạ Quỷ này xong, liền cân nhắc suy nghĩ rằng: "Nếu sẽ lấy nước cho bà ta một cách trực tiếp thì Nữ Ngạ Quỷ sẽ không có khả năng để sẽ uống được vừa theo sự mong cầu, là vì với mãnh lực Bất Thiện mà bản thân đã có tạo tác." Vì thế, Ngài Đại Trưởng Lão mới nghĩ suy rằng: "Ta phải đi trì bình khất thực mới được. Và khi đã trì bình khất thực xong rồi, thì sẽ phải sắp bày việc cúng dường đến Chư Tỳ Khưu Tăng, và sẽ rót nước cầu siêu hồi hướng phần Thiện Công Đức này cho đến Nữ Ngạ Quỷ. Và khi Nữ Ngạ Quỷ khởi lên phần **tùy hỷ công đức (Anumodanā)** thốt lên lời **Sādhu – Lành Thay** bà ta mới sẽ uống được nước vừa theo sở cầu sở nguyện vậy."

Ngài Đại Trưởng Lão nghĩ suy như vậy xong, liền ra đi trì bình khất thực. Khi đã có được vật thực từ nơi việc trì bình, mới sắp bày vật thực cùng với nước uống và đem cúng dường đến Chư Tỳ Khưu Tăng xong, và rót nước cầu siêu hồi hướng Phước Báu **(Puññā)** đến cho Nữ Ngạ Quỷ này.

Về phần Nữ Ngạ Quỷ, khi đã thọ nhận việc hồi hướng phần Phước Báu từ nơi Ngài Đại Trưởng Lão đã làm xong, liền khởi lên phần **tùy hỷ công đức (Anumodanā)** đã thốt lên lời **Sādhu – Lành Thay, Sādhu – Lành Thay,** v.v Khi bà ta đã khởi lên **tùy hỷ công đức (Anumodanā)** thốt lên lời **Sādhu – Lành Thay, Sādhu – Lành Thay,** v.v nhiều lần như vậy, và với mãnh lực của việc khởi lên tùy hỷ công đức và đã thốt lên lời **Sādhu – Lành Thay** của bà ta, đã làm cho bà ta được thoát khỏi lãnh địa của hàng Ngạ Quỷ và đã đi hóa sinh vào trong Cõi Tứ Đại Thiên Vương, có Thiên Cung và phát sinh Thiên Thực. Sau khi đã đón nhận được Quả Phước Báu của Thiên Giới, bà ta đã đi đến trình báo cho Ngài Đại Trưởng Lão rằng bản thân đã được đón nhận Quả Phước an lạc và cũng vừa thoát khỏi mọi sự khổ đau.

(Tích truyện này đã được trích ra trong Chánh Tạng **Pāḷi** Ngạ Quỷ Sử Ký và Chú Giải).

TÍCH TRUYỆN NGẠ QUỶ CANH GIỮ TÀI SẢN

Có một thanh nữ, vị này là một nữ thương buôn sinh sống ở trong kinh thành **Sāvatthi.** Đến một hôm, người thanh nữ này đã rời khỏi kinh thành **Sāvatthi,** để cùng với rất nhiều nữ bạn hữu khác, đã rủ nhau đi bán buôn ở tỉnh lỵ khác nữa. Trong chuyến đi bán buôn ở các tỉnh lỵ lần này của vị thanh nữ, vị thanh nữ này đã thực hiện việc buôn bán có được lợi nhuận với số lượng tiền lên đến năm trăm đồng tiền xưa **(Kahapāna:** đồng tiền dùng ở trong xứ Ấn Độ, trị giá khoảng năm đồng Anh Kim). Khi việc bán buôn đã có được sự lợi nhuận vừa đủ với sự mong cầu thì ai ai cũng cùng rủ nhau quay trở về nhà của mình ở kinh thành **Sāvatthi.** Trong khoảng giữa của lộ trình đang đi, chẳng may đã gặp phải một bọn cướp. Tất cả những nữ bạn hữu mà đã đi cùng với nhau, đã cùng rủ nhau để chạy trốn bọn cướp, và đã mang theo tiền bạc ở bên mình. Còn vị thanh nữ này khi gặp bọn cướp, cô

ta đã đem hết tất cả năm trăm đồng tiền lợi nhuận từ việc buôn bán chôn vào trong một bụi rậm, rồi bản thân cũng chạy trốn bọn cướp, và đã ẩn núp ở trong khu vực gần với chỗ nơi chôn cất tiền.

Về phía bọn cướp, khi đã đi đến và đã đi lục lạo khắp nơi để tìm kiếm tiền bạc ở trong chỗ mà vị thanh nữ cùng với tất cả những nữ bạn hữu đã cùng rủ đi với nhau, vì thấu hiểu được rằng tất cả những cô gái này sẽ quăng bỏ tiền bạc và đã chạy thoát thân. Tuy nhiên họ đã không tìm thấy được, và đang khi lục lạo tìm kiếm ở nơi đó thì đã bắt gặp được vị thanh nữ này, mới cùng nhau túm bắt lấy và kéo lôi ra, hăm dọa và cưỡng ép cô ta để chỉ chỗ chôn giấu và giao nộp tiền. Thế nhưng vị thanh nữ đã không chịu khai ra, bọn cướp mới cùng xúm với nhau đánh đập cô nàng này cho đến mạng vong. Khi vị thanh nữ đã bị bọn cướp đánh cho đến mạng vong, với mãnh lực của tâm thức đã ưu tư và lo lắng đến số tiền năm trăm mà cô ta đã chôn giấu mới phải đi hóa sinh làm Ngạ Quỷ canh giữ tài sản ở chính ngay chỗ mà bản thân mình đã chôn giấu tiền bạc.

Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có trình bày để ở trong bộ Chú Giải Ngạ Quỷ Sử Ký rằng: **Sā dhanalobhena tattheva peto hutvā nibbatti.** – Bởi do luyến tiếc vào tài sản mà người thanh nữ ấy đã phải hóa sinh làm Ngạ Quỷ.

Và Đức Phật đã thốt lên một câu kệ về tích truyện này:

Các Bậc Chánh Nhân thường nhiếp phục,
Những điều **bất lạc** bằng **hân hoan**,
Những điều **thù oán** bằng **Từ Ái**,
Nhiếp phục **khổ đau** với **lạc an**.

TÍCH TRUYỆN NGẠ QUỶ RẮN

Trong kinh thành **Bārāṇasī** có một bá hộ giàu có với số tài sản là bốn trăm triệu đồng. Vị bá hộ này đã đem số lượng bốn trăm triệu đồng tiền của mình đi chôn ở một nơi bí mật tại khu vực thuộc bờ sông Hằng. Tiếp đến vị bá hộ này đã lâm trọng bệnh, và trong sát na đang lâm trọng bệnh ấy, đã có sự ưu tư, lo lắng, nghĩ tưởng đến tài sản của mình đã chôn giấu. Khi chấm dứt sinh mạng thì đã đi tái sinh làm con rắn nằm ở trên miệng lỗ hang mà mình đã chôn giấu tài sản ấy. Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có trình bày để ở trong bộ Chú Giải Túc Sinh Truyện **Ekanipātasaccakira** rằng: **Tasmiṃ pana kāle bārāṇasīvāsī eko ca seṭṭhi nadītīre cattālīsakoṭidhanaṃ nidahitvā va maranto dhanataṇhāya dhana piṭṭhe sappo hutvā nibbatti** - Trong thời ấy, tại Xứ **Bārāṇasī** có một bá hộ, sau khi chôn giấu số tiền bốn trăm triệu tại bờ sông, do luyến tiếc tài sản lúc lâm chung, vị ấy đã sinh làm con rắn nằm ở trên đống tài sản của mình.

TÍCH TRUYỆN NGẠ QUỶ CHUỘT

Trong kinh thành **Bārāṇasī** có một bá hộ giàu có với số tài sản là ba trăm triệu đồng. Vị bá hộ này đã đem số lượng ba trăm triệu đồng tiền của mình đi chôn ở một nơi bí mật tại

khu vực thuộc bờ sông Hằng. Khi vị bá hộ chấm dứt sinh mạng, và với mãnh lực **Tham Ái (Lobhataṇhā),** thì đã đi tái sinh làm con chuột ở trên miệng lỗ hang mà mình đã chôn giấu tài sản ấy. Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có trình bày để ở trong bộ Chú Giải Túc Sinh Truyện **Ekanipātasaccakira** rằng: **Apaso tasmiṃyeva padese tiṃsakotiyo nidahitvā maranto dhanataṇhāya tattheva undūro nibbattati** – Với mãnh lực Tham Ái, khi đã mạng chung thì phải đi tái sinh làm loài chuột nằm ở trên đống tài sản của mình.

TÍCH TRUYỆN 84,000 NGẠ QUỶ

Trong khoảng thời gian rất lâu dài thuộc trở về quá khứ, tính thụt lùi kể từ thời **Hạnh Vận Kiếp (Bhaddakappa)** này khởi đi cho đến Kiếp thứ chín mươi hai. Trong Kiếp thứ chín mươi hai này có một Bậc Chánh Đẳng Giác đã xuất hiện ở trong thế gian, và Ngài có hồng danh là **Phussa.** Đức Phật Ngài có ba anh em sống chung với nhau. Ba anh em này là những người thịnh vượng giàu có với rất nhiều của cải tài sản. Tiếp đến, khi người Anh Cả, là Ngài **Phussa** đã ra đi xuất gia và đã thành tựu viên mãn Quả vị Bậc Chánh Đẳng Giác. Cả hai người em trai đều có đức tin và rất sùng tín với Phật Giáo. Thế rồi, cả hai người em trai đã đồng ý với nhau là đem hết tất cả của cải tài sản giao cho hai vị Thủ Trưởng, tức là vị **Bộ Trưởng Ngân Khố (Rathamantri)** và vị Bộ Trưởng Quản Lý Phúc Lợi, đó là vị thu giữ thuế lệ phí. Cả hai vị Thủ Trưởng này là những vị kế thừa nhận lãnh trách nhiệm và phải trông nom quả phúc lợi của hai anh em này. Khi cả hai anh em đã bàn giao những sự việc lớn nhỏ của mình cho cả hai vị Thủ Trưởng này một cách rạch ròi ngăn nắp xong, đã dắt dẫn một ngàn người tùy tùng đi đến trú xứ của Đức Phật **Phussa** để thọ trì Thập Giới suốt trọn thời gian ba tháng an cư.

Về phía cả hai vị Thủ Trưởng, sau khi đã đón nhận những công việc bàn giao lớn nhỏ từ nơi hai anh em đã xong, đã chuẩn bị sắp bày vật thực để cúng dường hằng mỗi ngày đến Đức Phật **Phussa** cùng với cả hai anh em và một ngàn người tùy tùng. Trong việc nấu nướng vật thực đây, phải dùng đến số người phụ giúp việc lên đến 84,000 người. Những người vợ của cả hai vị Thủ Trưởng và các gia quyến cũng cùng đến để phụ giúp trong công việc này.

Sau khi việc nấu nướng những vật thực đã xong, thay vì sẽ sắp đặt việc cúng dường vật thực đến Đức Phật và Chư Tăng Thinh Văn trước, trái lại họ đã cùng rủ với nhau ăn những vật thực ấy trước, và ăn như vậy thường luôn mỗi ngày. Khi những người này đã chấm dứt sinh mạng, trong khoảng giữa 90 Kiếp, tính thụt lùi kể từ Kiếp này khởi đi, với Bất Thiện Nghiệp Lực mà họ đã có tạo ra đây quả là không rõ biết được rằng những hạng người này đã đi tái sinh thành cái chi rồi, duy nhất chỉ được biết là ở trong thời kỳ Giáo Pháp của Đức Phật **Kakusandho,** Đức Phật **Konāgamano,** Đức Phật **Kassapo** thì từng mỗi người trong những hạng người này đã hóa sinh làm Ngạ Quỷ với nhau và luôn cả việc phải chịu đói khổ vật thực. Bởi do đó, khi đến thời kỳ Giáo Pháp của Đức Phật **Samana Gotama** (Sa Môn Cồ Đàm) những hàng Ngạ Quỷ này mới có cơ hội để đi đến diện kiến với Đức Phật và đã quỳ tác bạch rằng:

- Tất cả chúng con đây đã phải chịu thống khổ trong thời gian rất lâu dài rồi, với việc phải chịu đói khổ vật thực tính kể từ thời gian mà Đức Phật đã có xuất hiện là đã trải qua đến ba vị. Chúng con đã chưa từng có được ăn vật thực nào cả. Kính xin Ngài hãy mở lòng bi mẫn đối với tất cả chúng con, để cho chúng con có được vật thực mà ăn dùng.

Khi Đức Phật đã lắng nghe được câu chuyện này rồi, mới có lời phán dạy đến tất cả hàng Ngạ Quỷ ấy rằng:

- Thân quyến của các ngươi mà đã từng là vị Thủ Trưởng trông coi gìn giữ quả phúc lợi ở vào thời kỳ ấy, đến ngay hiện tại này đã là Đức Vua **Bimbisāra.** Bởi do đó, nếu như Đức Vua **Bimbisāra** có thực hiện Thiện Công Đức Hạnh ở vào thời lúc nào thì nhà vua có lẽ sẽ ban phát phần Thiện Công Đức Hạnh ấy qua việc hồi hướng cho.

Khi tất cả nhóm Ngạ Quỷ đã được nghe Đức Phật Ngài phán dạy ấy rồi, đồng cùng nhau vui mừng hân hoan và nghĩ rằng: "Chắc chắn là mình sẽ được đón nhận vật thực từ nơi Đức Vua **Bimbisāra** rồi."

Về phía Đức Vua **Bimbisāra** ấy, những khi mà nhà vua đã có thực hiện Thiện Công Đức Hạnh nào xong, nhà vua lại không có hồi hướng phần Phước Báu ấy một cách đặc biệt chỉ cho đến thân bằng quyến thuộc đã quá vãng, mà chỉ hồi hướng một cách phổ quát chung chung, tức là chỉ hồi hướng cùng khắp hết tất cả mọi nơi, và không chỉ riêng cho một ai. Bởi do đó, những hàng Ngạ Quỷ ấy mới không có cơ hội sẽ có được **tùy hỷ công đức (Anumodanā).** Không có phần Thiện Công Đức để làm Tác Nhân và việc đón nhận vật thực đó là Hệ Quả cũng không có thể khởi sinh lên được. Trong một đêm hôm, họ mới bèn kéo nhau đi đến kêu la khóc than và đã hiện bày thân khổ tướng ở ngay trước long nhan của Đức Vua **Bimbisāra.**

Khi Đức Vua **Bimbisāra** ngự lãm nhìn thấy cùng với được nghe âm thanh khóc la của tất cả những hàng Ngạ Quỷ ấy thì có sự hốt hoảng và vô cùng kinh sợ. Khi vừa sáng tinh mơ, nhà vua đã vội đi diện kiến và quỳ vấn hỏi Đức Phật rằng:

- Vào đêm hôm này, Trẫm đã có được nghe tiếng khóc la dị thường, thế nhưng không được biết rằng âm thanh ấy là cái chi ? Vì thế, kính xin Ngài hãy tỏ lòng bi mẫn giúp giải thích tất cả nội dung chi tiết của câu chuyện đã có hiện khởi lên vào đêm hôm này để cho Trẫm được tỏ tường.

Đức Phật mới có lời phán truyền lại rằng:

- Âm thanh khóc la mà Đại Vương đã có được nghe vào đêm hôm này, đó là âm thanh của hàng Ngạ Quỷ, đó là những thân quyến của Đại Vương kể từ thời kỳ của Đức Phật có hồng danh là **Phussa.** Sự việc mà họ đã đi đến kêu la khóc than là cũng bởi những khi Đại Vương đã có thực hiện Thiện Công Đức Hạnh nào xong, lại không từng hồi hướng phần Thiện Phước ấy chỉ cho đến những bọn họ vậy. Bọn họ đã cùng nhau chờ đợi để sẽ được đón nhận việc **tùy hỷ công đức (Anumodanā)** về phần Thiện Công Đức Hạnh đó là Tác Nhân, và để sẽ được đón nhận Hệ Quả Phước Báu là có vật thực từ ở Đại Vương. Vì lẽ việc đói khổ vật thực của bọn họ đã là quá lâu dài rồi. Bởi do đó, kế tiếp đây, nếu như Đại Vương có thực hiện bất luận Thiện Công Đức Hạnh nào, xin Đại Vương hãy hồi hướng những phần Thiện Phước ấy một cách đặc biệt chỉ cho đến với bọn họ. Thế là, Đức Vua **Bimbisāra** đã

vội sắp bày việc thực hiện một Đại Lễ Xả Thí Thiện Công Đức Hạnh, và rồi liền vội hồi hướng phần Thiện Phước ấy một cách đặc biệt chỉ cho đến tất cả hàng Ngạ Quỷ đã là thân quyến của mình.

Về phía những hàng Ngạ Quỷ ấy, sau khi đã được đón nhận việc hồi hướng cho phần Thiện Phước từ nơi Đức Vua **Bimbisāra** ấy xong, tất cả bọn họ đã cùng nhau **tùy hỷ công đức (Anumodanā)** và cùng nhau với việc thốt lên lời **Sādhu, Sāādhu** – Lành thay, Lành thay. Sau khi bọn họ đã cùng nhau thốt lên những lời **Sādhu, Sādhu** – Lành thay, Lành thay thì cũng liền thoát khỏi việc làm thành Ngạ Quỷ. Và hết tất cả mỗi bọn họ với nhau đều được đi tái sinh làm Chư Thiên ở trong tầng Trời Tứ Đại Thiên Vương.

LOẠI NGẠ QUỶ ĐƯỢC ĐÓN NHẬN PHẦN PHƯỚC BÁU

Trong hết cả thảy những hàng Ngạ Quỷ đã có đề cập đến thì có được mười hai nhóm bọn, cũng có bốn nhóm bọn và cũng có hai mươi mốt nhóm bọn. Như thế, tất cả những hàng Ngạ Quỷ này, **hàng Ngạ Quỷ sẽ có cơ hội để được đón nhận phần Phước Báu từ nơi thân quyến hồi hướng cho, là chỉ có duy nhất loại Ngạ Quỷ Tha Hy Thí Mạng - Paradattupajīvika.** Còn những loại Ngạ Quỷ khác mà ngoài ra loại này, không có khả năng sẽ nhận được phần Thiện Phước của thân quyến hồi hướng cho, là bởi do những loại Ngạ Quỷ này ở cách xa khỏi quần thể nhân loại. Tuy nhiên đối với loại Ngạ Quỷ Tha Hy Thí Mạng ấy, là loại Ngạ Quỷ sống ở trong những khu dân cư, như là có một vài người bị sát hại ở trong thời hiện tại, hoặc cũng có người bị tử vong một cách thông thường, nhưng chính vì có sự ưu não ái luyến mà phải bị tái sinh làm Ngạ Quỷ ở trong những khu dân cư, và hiện bày bản thân cho những thân quyến hoặc những người khác được nhìn thấy. Theo dân gian họ định đặt nói với nhau là Ma hoặc Quỷ. Những loại Ma hoặc Quỷ đây, cũng đích thị chính là loại Ngạ Quỷ Tha Hy Thí Mạng vậy. Tuy nhiên cho dù là loại Ngạ Quỷ Tha Hy Thí Mạng sẽ là hàng Ngạ Quỷ sinh ở trong tất cả những khu dân cư đi nữa, thế nhưng nếu như không có sự hiểu biết về việc thân quyến hồi hướng phần Phước Báu cho thì cũng không có khả năng sẽ đón nhận được phần Phước Báu ấy được, cũng giống như nhau. Tất cả sự việc này là cũng bởi nếu như không có sự hiểu biết thì cũng không có khả năng sẽ **tùy hỷ công đức (Anumodanā)** và thốt lên lời **Sādhu – Lành Thay.** Khi không có khả năng sẽ tùy hỷ công đức **(Anumodanā)** và thốt lên lời **Sādhu – Lành Thay** thì cũng coi như thế là không có được đón nhận phần Phước Báu của thân quyến hồi hướng cho, vì đó là thông lệ của tất cả hàng Ngạ Quỷ sẽ phải là như thế. Bởi do đó, nhóm bọn Ngạ Quỷ Tha Hy Thí Mạng đây, cũng không nhất định hẳn thật là sẽ thường luôn được đón nhận phần Phước Báu từ nơi thân quyến đã hồi hướng cho.

CÂU CHUYỆN LOÀI HỮU TÌNH ĐÃ TỬ VONG RỒI LẠI KHÔNG ĐƯỢC ĐÓN NHẬN PHẦN PHƯỚC BÁU

Tất cả những loài Hữu Tình khi đã quá vãng rồi, có một số đã phải đi tái sinh ở trong Địa Ngục, cũng có một số thành Bàng Sinh, cũng có một số thành Ngạ Quỷ sinh sống ở cách xa khỏi quần thể nhân loại, cũng có một số thành Chư Thiên, và cũng có một số thành Phạm Thiên. Còn tất cả những thân bằng quyến thuộc sinh sống thuộc về sau, cho dù có rủ nhau tạo Phước Báu rồi cũng thường luôn hồi hướng cho đến những hạng người này đi nữa, cũng không thành tựu bất luận quả lợi ích nào đến với người mà đã đi thọ sinh ở trong những Cõi Giới như thế đó được. Mà có thể chỉ thành tựu quả lợi ích chỉ cho đến người hồi hướng mà thôi. Như là một người thân của mình đã đi đến sự tử vong và tái sinh làm con chó ở trong nhà, cho dù có thật là quyến thuộc sẽ tạo Phước Báu rồi hồi hướng cho đi nữa, nhưng quả Phước Báu ấy cũng không thành tựu điều lợi ích chi cho đến con chó ấy được cả, chí đến là Chư Thiên hoặc là Phạm Thiên cũng giống như nhau. Chỉ biết được rằng quyến thuộc của mình đã có tạo Phước Báu và rồi đã có hồi hướng phần Phước Báu cho mà thôi. Phước Báu ấy cũng không thành tựu bất luận quả lợi ích nào luôn cả cho đến tất cả Chư Thiên và Phạm Thiên.

Còn người đã tạo Phước Báu rồi hồi hướng cho đến quyến thuộc đã quá vãng đi rồi, cho dù quyến thuộc ấy sẽ không có được đón nhận phần Phước Báu do đã hồi hướng cho thì Phước Báu mà người đã có tạo ra rồi đem hồi hướng cho đó cũng không mất đi đâu cả, vẫn tồn tại Phước Báu thường luôn dính theo với người đã tạo, luôn cả ở trong kiếp sống này, kiếp sống sau và những kiếp sống kế tiếp. Bởi do đó, khi thời gian tạo Phước Báu rồi hồi hướng phần Thiện Công Đức cho đến người đã quá vãng đi rồi, người tạo Phước nên kiêng tránh việc vui chơi, liên hoan linh đình, cười giỡn; chẳng hạn như có việc chiêu đãi tiệc rượu với nhau trong sát na ấy, hoặc có buổi tiệc trò biểu diễn, tức là các cuộc vui thú ăn chơi. Dù cho sẽ tạo Phước Báu ở nơi nhà hoặc là ở Tu Viện đi nữa thì trước tiên người làm Phước nên thọ trì Giới Luật, làm cho Tâm được an tịnh và phải tiến hóa đề mục **Tử Tùy Niệm (Maraṇānussati),** đề mục **Bất Tịnh (Asubha)**, hoặc là với đề mục Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã để cho Tâm Thiện **(Kusalacitta)** khởi sinh. Việc tạo Phước Báu theo như đã vừa đề cập nơi đây thì người tạo Phước có được rất nhiều Phúc Đức (Đại Phúc Đức), tức là có được một trăm phần trăm (100%) Phước Báu và người đã quá vãng đi rồi, nếu như có tâm **tùy hỷ công đức (Anumodanā)** thì cũng được đón nhận một trăm phần trăm (100%) phần Phước Báu ấy đều đồng như nhau với người đã tạo ra Phước Báu.

Nếu như người làm Phước mà không có được thực hành theo như đã vừa đề cập đến rồi đây, mà chỉ cứ mải say mê ở trong các sự vui thú ăn chơi sai khác, Tâm Thức trong sát na ấy cũng không có được an tịnh và Thiện Pháp cũng khởi sinh chỉ có được chút ít. Bởi do đó, việc tạo Phước Báu mà pha trộn với sự vui thú ăn chơi như thế thì người tạo Phước thường có được phúc đức của việc làm Phước ấy chỉ là chút ít nhỏ nhoi, không có khả năng có được Phước Báu cùng tột. Về phía người đón nhận phần Phước Báu của thân quyến hồi hướng cho cũng không được đón nhận quả Phước cùng tột đều đồng như nhau. Tức là Thiện Pháp mà sinh khởi trong bản tánh của người tạo Phước chỉ có mười phần trăm (10%) nhưng Bất Thiện Pháp lại có chín mươi phần trăm (90%); và nếu như người làm Phước đột nhiên mạng chung vào trong sát na ấy, thì sẽ phải bị thọ sinh vào một trong của Tứ **Thống Khổ**

Địa Giới (Apāyabhūmi) và không nên nghĩ suy rằng sẽ thành là Chư Thiên hoặc Nhân Loại được.

Lại nữa, bất luận Phước Báu nào mà người đã có được tạo ra ở trong kiếp sống hiện tại này rồi, và có được hồi hướng phần Phước Báu ấy cho đến các bậc là người Cha, người Mẹ, bậc Thầy Tổ, con cái, người Chồng, người Vợ, bạn bè thân hữu mà đã quá vãng đi rồi ở trong kiếp sống hiện tại này; và luôn cả với các bậc là người Cha, người Mẹ, bậc thầy Tổ, con cái, người Chồng, người Vợ, bạn bè thân hữu mà đã quá vãng đi rồi ở trong kiếp sống quá khứ; dù là như vậy, thì quả Phước Báu cũng thường được thành tựu quả lợi ích cho đến các bậc ấy, cho được đón nhận quả Phước Báu mà đã được hồi hướng cho đó một cách viên mãn, đều đồng như nhau cả thảy với các bậc đã được là người Cha, Mẹ ở trong kiếp sống hiện tại. **Lại nữa, tuổi thọ của hàng Ngạ Quỷ là bất định, tùy thuộc vào Nghiệp Lực đã tạo.**

Kết Thúc Việc Trình Bày Một Cách Quảng Nghĩa Về Lãnh Vực Ngạ Quỷ Địa Giới

ATULA ĐỊA GIỚI (ASURABHŪMI)
CÂU PHÂN TÍCH (PADACCHEDA), CÂU LIÊN HỆ (PADASAMBANDHA) CHÚ GIẢI (VACANATTHA) VÀ LỜI GIẢI THÍCH MỘT CÁCH QUẢNG NGHĨA TRONG PHẦN CẢNH GIỚI ATULA (ASURAKĀYAPADA)

Chú Giải **(Vacanattha): Na suranti issariyakīladīhi na dibbantīti = Asurā** - Những loài Hữu Tình nào không có sự huy hoàng sáng chói về sự tự do và sự vui chơi thoải mái, bởi do đó, những loài Hữu Tình ấy gọi là **Asura – Atula.**

Asurānaṃ kāyo = Asurakāyo - Quần thể tất cả hàng **Atula** gọi là **Asurakāya** – Cảnh Giới **Atula.**

Đúng theo nghĩa đen của từ ngữ **Asura – Atula** là hạng Hữu Tình không có sự an vui và không có những cuộc vui chơi, những thú tiêu khiển giải trí. Hạng Hữu Tình cũng nên phân biệt với một hạng **Atula** khác nữa, trước kia đã từng sống ở trong Cõi Tam Thập Tam Thiên, và nay là thành phần đối nghịch với Chúng Thiên Tam Thập Tam.

Trong câu Chú Giải này giải thích rằng: "Loài Hữu Tình gọi là **Atula** ấy, là vì không có sự huy hoàng sáng chói về sự tự do và sự vui chơi thoải mái". Ở tại đây, từ ngữ nói rằng "huy hoàng sáng chói" không có ý nghĩa đến sự sáng chói về hào quang phát ra từ Thân, nhưng có ý nghĩa đến sự huy hoàng sáng chói về sự sinh hoạt. Ví dụ như tất cả những con người sinh hoạt hằng ngày ở trong Cõi Nhân Thế này; có một vài người đã tạo tác điều **Ác Hạnh (Duccarita),** có hành vi phạm pháp với Nhà Nước, và đã bị phạt tù đày ở trong nhà lao. Những hạng người này thường phải bị thọ lãnh thống khổ với rất nhiều trường hợp, như là phải chịu đói khát trong việc ăn uống, cho dù sẽ có được vật thực thì chỉ là loại vật thực xấu xa tồi tệ; chí đến vải để sẽ mặc sẽ vấn; chỗ nằm chỗ ngủ, tất cả toàn là không tốt hết cả thảy. Thêm vào đó vẫn còn phải bị xiềng xích với gông cùm ở nơi chân nữa. Họ phải bị đón nhận sự thống khổ và vô cùng vất vả chính ngay ở trong sự sinh hoạt như vầy; mới gọi là

không có sự huy hoàng sáng chói về sự tự do và sự vui chơi thoải mái; không giống với hạng người sống ở bên ngoài. Tức là hạng người thịnh vượng giàu có với rất nhiều của cải tài sản. Những hạng người này thì thường được đón nhận sự an lạc, sự thoải mái trong việc sinh hoạt mà đã được phát sinh từ nơi việc có những tài sản của cải ấy một cách đầy đủ sung túc. Do đó mới gọi hạng người này rằng là hạng người có sự huy hoàng sáng chói về sự tự do và sự vui chơi thoải mái; và đó là sự đối nghịch lại bên phía hạng người phải bị gông cùm ở trong nhà lao tù như đã có được đề cập đến rồi vậy. Bởi do đó, từ ngữ nói rằng **Asura – Atula** thì từ ngữ mà phù hợp với lời Chú Giải này, phải là **Kāḷakañcikapeta – Atula** Ngạ Quỷ. Thông thường loại **Atula** Ngạ Quỷ này không có Địa Giới **(Bhūmi),** chỗ nương trú một cách riêng biệt; sống lang thang vật vờ theo các trú xứ sai khác ở ngay trong Cõi Nhân Thế **(Manussaloka)** này, chẳng hạn như là sống trong khu rừng già, biển cả, đại dương, núi đồi, ốc đảo và vực thẳm. Chính vì thế, Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** mới trình bày được rằng **Asurakāyo** – Cảnh Giới **Atula** đích thị chính là quần thể của hàng **Atula** Ngạ Quỷ còn gọi là **Asurabhūmi – Atula** Địa Giới.

Ghi chú: Sự khổ sở vất vả của loại **Atula** Ngạ Quỷ này đã có được trình bày để ở trong nhóm bọn Ngạ Quỷ rồi, nên ở tại đây không phải trình bày lại nữa, ngay cả các loại **Atula** Ngạ Quỷ khác cũng phải chịu đón nhận sự khổ sở vất vả y như nhau.

SỰ PHÂN TÍCH VIỆC GỌI LOÀI HỮU TÌNH LÀ ATULA THEO NỘI DUNG Ý NGHĨA TỪ NGỮ ATULA

Có ba chủng loại **Atula**, đó là:

1/ Deva Asurā – Thiên Atula: hạng Chư Thiên gọi là Atula, có sáu chủng loại.

2/ Petti Asurā – Quỷ Atula: hàng Ngạ Quỷ gọi là Atula, có ba chủng loại.

3/ Niraya Asurā – Địa Ngục Atula: loài Hữu Tình Địa Ngục gọi là **Atula**, chỉ có một chủng loại.

CÓ SÁU CHỦNG LOẠI THIÊN ATULA (DEVA ASURĀ)

1. Vepacitti Asurā – Chúa Tể Atula Thiên.

2. Subali Asurā – Hữu Cường Lực Atula.

3. Rāhu Asurā – Thần Rāhu Atula (**Atula** ngậm mặt trời, mặt trăng, gây ra nguyệt thực, nhật thực).

4. Pahā Asurā – Sát Đấu Atula.

5. Sambarati Asurā – Phòng Vệ Atula.

6. Vinipātika Asurā – Thụ Khổ Nạn Giả Atula.

Trong hết cả thảy sáu chủng loại **Atula** này, thì: **1. Chúa Tể Atula Thiên, 2. Hữu Cường Lực Atula, 3. Thần Rāhu Atula, 4. Sát Đấu Atula, 5. Phòng Vệ Atula,** kết hợp cả năm nhóm này lại gọi là **Atula**, bởi vì thành phía đối kháng với Chư Thiên ở tầng Trời Tam Thập Tam **(Tvātiṃsā** – Đao Lợi). Cho dù lãnh địa nương trú của cả năm nhóm Chư

Thiên này, có thật sẽ là nương trú ở dưới chân **Tu Di Sơn (Siṇeru)** đi nữa, tuy nhiên cũng được liệt kê vào ở trong nhóm Chư Thiên ở tầng Trời Tam Thập Tam. Còn hạng Chư Thiên gọi là **Thụ Khổ Nạn Giả Atula (Vinipātika Asurā)** ấy, tức là Ngạ Quỷ Mẹ của **Pīyankara (Piyankaramātā),** Ngạ Quỷ Mẹ của **Uttara (Uttaramātā),** Ngạ Quỷ bạn hữu của **Phussa (Phussamittā),** Ngạ Quỷ **Dhammaguttā,** v.v.

Loại Thụ Khổ Nạn Giả **Atula**, tức là Ngạ Quỷ Mẹ của **Piyankaramātā,** v.v. mà gọi là **Atula** đó, là bởi vì loại Thụ Khổ Nạn Giả **Atula** này; rằng nói theo thân tướng hình thù nhỏ hơn Chư Thiên ở trong tầng Trời Tam Thập Tam; rằng nói theo mãnh lực cũng yếu hơn và lãnh địa nương trú của loại Thụ Khổ Nạn Giả **Atula** này, là sống lang thang nương trú cùng khắp ở trong Cõi Nhân Thế, chẳng hạn như sống theo khu rừng già, theo núi đồi, cây cối, và miếu thờ do con người tạo dựng lên, mà chính đó là trú xứ của tất cả **Địa Cư Thiên (Bhummaṭṭha Devatā).** Như thế, loại Thụ Khổ Nạn Giả **Atula** này cũng đích thị chính là nhóm tùy tùng của hạng Địa Cư Thiên vậy. Nếu đem liệt kê vào ở trong nhóm Chư Thiên cũng có thể liệt kê vào ở trong nhóm Chư Thiên ở tầng **Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới (Cātumahārājikā).**

CÓ BA CHỦNG LOẠI NGẠ QUỶ ATULA (PETTI ASŪRA), Đó Là:

1. Kāḷakañcikapeta Asurā – Ngạ Quỷ Atula

2. Vemānikapeta Asurā – Thiên Cung Ngạ Quỷ Atula

3. Āvudhikapeta Asurā – Vũ Khí Ngạ Quỷ Atula

Tất cả ba nhóm Ngạ Quỷ này thì:

1. Loại Ngạ Quỷ Atula (Kāḷakañcikapeta Asurā) là loại Ngạ Quỷ **Atula** được sắp vào trong từ ngữ nói rằng **Asurakāyo** – Cảnh Giới **Atula** đã có đề cập đến ở phía trên. Bởi do đó, trong điều thứ nhất của câu Chú Giải **(Vacanattha)** đã có đề cập rằng: **Na suranti issariyakīladihi na dibbantīti = Asurā** - ý nghĩa của câu Chú Giải này là lập ý chỉ lấy duy nhất riêng biệt của nhóm Ngạ Quỷ **Atula** này thôi, không có chủ ý đến các nhóm Ngạ Quỷ khác. Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có trình bày để trong Bộ Phụ Chú Giải **Jināḷankāra ṭīkā** rằng: **Asurakāyoti yasmā asurā nāma kālakañcikapetā, tasmā te petesu paviṭṭhā.**

2. Loại Thiên Cung Ngạ Quỷ Atula (Vemānikapeta Asurā) là nhóm Ngạ Quỷ đã phải bị thụ lãnh thống khổ ở vào ban ngày, nhưng ở vào ban đêm thì thụ hưởng sự an lạc. Sự an lạc mà đã có được thụ hưởng ở trong khoảng thời gian nửa đêm ấy, tương tự với sự an lạc mà có ở trong tầng Trời Tam Thập Tam. Chính do bởi nương vào việc thụ hưởng sự an lạc ở trong khoảng thời gian nửa đêm ấy, tương tự với Chư Thiên ở tầng Trời Tam Thập Tam đây, mà ở tại đây mới được gọi là **Atula.**

3. Loại Vũ Khí Ngạ Quỷ Atula (Āvudhikapeta Asurā) là nhóm Ngạ Quỷ chém giết sát hại lẫn nhau với các loại vũ khí. Loại Ngạ Quỷ gọi là **Atula** ấy, bởi vì thành phía đối kháng với Chư Thiên ở tầng Tam Thập Tam Thiên Giới (Đao Lợi Thiên Giới) về cách sinh hoạt. Bởi vì Chư Thiên ở tầng Tam Thập Tam Thiên Giới ấy, có sự thương yêu lẫn

nhau; còn nhóm Vũ Khí Ngạ Quỷ **Atula**, về cách sinh hoạt, chỉ có việc chém giết sát hại lẫn nhau.

CÓ MỘT ĐỊA NGỤC ATULA (NIRAYA ASŪRA), Đó Là:

Một nhóm Ngạ Quỷ phải bị thụ lãnh thống khổ ở trong **Địa Ngục Thủy Diệt Siêu Sinh (Lokantarikanaraka).** Địa Ngục Thủy Diệt Siêu Sinh này, tọa lạc khoảng giữa của cả ba Bộ Châu **(Cakkavāḷa – Tiên Thiên Vũ Trụ)** có khu vực tiếp giáp nối liền với nhau. Rằng theo phần chu vi của các Bộ Châu, từng mỗi Bộ Châu có hình dáng bao tròn với nhau cả ba Bộ Châu; do đó, khi cả ba Bộ Châu có ranh giới đến tiếp giáp nối liền với nhau như vậy thì xuất hiện lên một lỗ trống ở ngay chính giữa. Tỷ dụ giống như là ta lấy ba cái ly thủy tinh đặt chung vào nhau làm thành ba góc thì thường là có lỗ trống ở ngay khoảng chính giữa của cả ba cái ly thủy tinh đã đặt chung vào nhau như thế nào; khi cả ba Bộ Châu đã tiếp giáp nối liền nhau làm thanh ba góc rồi, cũng thường có lỗ trống khởi lên ở ngay khoảng chính giữa của cả ba Bộ Châu như thế ấy. Bởi do đó, chính trong lỗ trống ở ngay khoảng chính giữa của cả ba Bộ Châu này, đó là Địa Ngục Thủy Diệt Siêu Sinh, đó là chỗ nương trú của loài Hữu Tình mà gọi là Hữu Tình Địa Ngục Thủy Diệt Siêu Sinh. Bên trong lỗ trống này tối mịt, phía dưới có nước cực lạnh. Nếu như bất luận một Hữu Tình Địa Ngục nào rớt vào trong nước này, xác thân của Hữu Tình Địa Ngục ấy sẽ rã tan ngay tức thì, tương tự như là lấy muối bỏ vào trong nước vậy. Muối thường sẽ tan biến đi như thế nào, xác thân của Hữu Tình Địa Ngục mà rớt xuống ở trong Địa Ngục Thủy Diệt Siêu Sinh này cũng sẽ rã tan, hủy diệt hết tất cả như thế ấy.

Tất cả những Hữu Tình Địa Ngục Thủy Diệt Siêu Sinh sống ở trong Địa Ngục này, đời sống của những loài Hữu Tình này tương tự với loài dơi sống bám móc theo vách tường, và đang trèo đi dọc theo vách tường. Như thế, các loài Hữu Tình Địa Ngục này cũng đua nhau bám theo bờ tường thành ở bên trong lỗ trống ngay chính giữa của cả ba Bộ Châu mà có ranh giới tiếp giáp nối liền với nhau. Khi các loài Hữu Tình Địa Ngục này đang bám theo bờ tường của các Bộ Châu ấy, họ đang có sự đói và khát. Bởi do đó, ngay sát na đang trèo đang leo theo bờ tường của các Bộ Châu, nếu như bắt gặp được bất luận một Hữu Tình Địa Ngục nào khác, liền nghĩ tưởng sai trật rằng "ta đã thấy được vật thực khác bọn khác nhóm" thì lập tức nhảy vào cắn với nhau. Khi hai bên nhảy vào cắn với nhau phải bị buông tay ra khỏi chỗ bám. Khi là như vậy, loài Hữu Tình Địa Ngục đang cắn với nhau đó, đã bị rớt xuống vào ở trong nước đang hiện hữu ngay phía dưới.

Việc gọi tên loài Hữu Tình Địa Ngục Thủy Diệt Siêu Sinh này là **Atula**, bởi vì thành phía đối kháng với Chư Thiên ở tầng Tam Thập Tam Thiên Giới (Đao Lợi Thiên Giới) theo sự việc của **Cảnh Duyệt Ý (Iṭṭhārammaṇa)** và **Cảnh Bất Duyệt Ý (Aniṭṭhā rammaṇa).** Cảnh của Chư Thiên ở tầng Tam Thập Tam Thiên Giới được thụ hưởng toàn thuộc về phía Cảnh Duyệt Ý hết cả thảy. Còn Cảnh của loài Hữu Tình Địa Ngục Thủy Diệt Siêu Sinh đang thụ lãnh là Cảnh Bất Duyệt Ý.

[Loài Hữu Tình Địa Ngục Thủy Diệt Siêu Sinh gọi là Atula đây, có được trích ở trong Bộ Chú Giải Chủng Tộc Chư Phật (Buddhavaṃsa Aṭṭhakathā)].

Tại đây, **Asurakāyabhūmi – Thân Atula Địa Giới,** nếu như sẽ liệt kê thì nó được liệt kê vào ở trong **Ngạ Quỷ Địa Giới (Pettibhūmi).** Tuy nhiên việc Ngài Giáo Thọ Sư lại sắp đặt vào **Asurakāyabhūmi – Thân Atula Địa Giới**, là cũng do ở trong tất cả những hàng Ngạ Quỷ này, lại có một nhóm Ngạ Quỷ đặc biệt nữa. Vì thế, loại Ngạ Quỷ đặc biệt này, Ngài Giáo Thọ Sư mới gọi là **Asurakāya – Thân Atula.** Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có trình bày để ở trong bộ Chú Giải Tương Ưng Bộ Kinh, bài Kinh **Dasuttara (Saṃyuttanikāya dasuttarasutta Aṭṭhakathā)** rằng: **Petti visaye neva asurakāyo gahito.**

SỰ KIỆN LỊCH SỬ CHƯ THIÊN TẦNG TAM THẬP TAM THIÊN GIỚI ĐÃ THỰC HIỆN CUỘC CHIẾN TRANH VỚI NĂM NHÓM ATULA THIÊN

Từ xa xưa vào trong thời kỳ bắt đầu kiến lập kiếp sống mới, tức là kiếp sống đang được hiện hành vừa chỉ trong một khoảnh khắc mới đây, gọi là **Kiến Lập Kiếp Sơ (Vaṭṭathāyīkappa),** lúc ấy ở tầng Tam Thập Tam Thiên Giới ấy (Đao Lợi Thiên Giới) là chỗ nương trú của tất cả Chư **Atula** Thiên **(Deva Asurā).** Tiếp đến, thanh niên **Māgha** được hóa sinh làm Thiên Chủ **(Indra)** ở trong tầng Trời ấy. Đến một hôm, Thiên Chủ **Māgha** đã triệu tập một cuộc hội hợp với tất cả Chúng Thiên ở trong tầng Tam Thập Tam Thiên Giới (Đao Lợi Thiên Giới), và đã thiết đãi một bữa tiệc rượu. Khi bữa tiệc rượu đã trải qua một cách viên mãn theo đúng sở nguyện của Ngài Thiên Chủ, là bậc Tối Cao của tất cả Chư Thiên đến tụ tập đông đảo chật ních với nhau ở trong lúc ấy. Kế tiếp, có một nhóm Chư Thiên ở trong tầng Tam Thập Tam Thiên Giới đã uống quá say mèm bí tỉ, và nhóm Chư Thiên này đích thị chính là nhóm Chúa Tể **Atula** Thiên **(Vepacitti Asurā).**

Về phía Ngài Thiên Chủ **Māgha**, khi đã nhìn thấy nhóm Chư Thiên này đã quá say sưa, vừa đúng theo ý muốn của mình đã dự định sắp bày, và gặp được cơ hội thích đáng để sẽ bắt tay hành động việc loại trừ nhóm Chư Thiên này cho ra khỏi tầng Tam Thập Tam Thiên Giới (Đao Lợi Thiên Giới). Vì thế, Ngài Thiên Chủ **Māgha** cùng với Thiên Chúng tùy tùng, sau khi đã chuẩn bị xong, liền xúm hợp lực với nhau túm bắt nhóm Chúa Tể **Atula** Thiên và đã quăng xuống phía dưới chân Tu Di Sơn với uy vũ Thần Lực của Ngài Thiên Chủ **Māgha** và Chúng Thiên tùy tùng.

Ngay phía dưới Tu Di Sơn này, có một thủ phủ tương tự với thủ phủ hiện hữu ở tầng **Tam Thập Tam Thiên Giới (Tvātiṃsā Devaloka).** Khi Chúa Tể **Atula** Thiên **(Vepacitti Asurā)** cùng với đồng bọn đã bị túm bắt và đã bị quăng xuống ngay phía dưới chân Tu Di Sơn ấy, thì ra trong sát na ấy, Chúa Tể **Atula** Thiên cùng với đồng bọn hãy còn đang quá say mèm, luôn cả của việc hành động ấy đã được thực hiện với uy vũ Thần Lực; do đó, Chúa Tể **Atula** Thiên cùng với đồng bọn mới không có sự hay biết chút nào cả. Tiếp đến, khi tác dụng của chất say đã được hóa giải đi, Chúa Tể **Atula** Thiên cùng với đồng bọn cũng vẫn chưa hay biết rằng mình đã bị túm bắt và đã bị quăng xuống ở ngay phía dưới chân Tu Di Sơn cho dù bất luận trường hợp nào. Tất cả sự việc này là cũng bởi phía dưới chân Tu Di

Sơn ấy có một thủ phủ tương tự với thủ phủ của tầng Tam Thập Tam Thiên Giới. Vì thế, Chúa Tể Atula Thiên cùng với đồng bọn mới không có sự thắc mắc và nghi ngờ một chút nào cả, cứ vẫn sống một cách bình thường giống như đã từng sinh sống ở trong thủ phủ của tầng Tam Thập Tam Thiên Giới vậy.

Cả hai thủ phủ này có điểm cần lưu ý đến thì sẽ có sự nhận biết được rằng có sự khác biệt với nhau, đó là ở phần cây cối; là vì ở trong thủ phủ của tầng Tam Thập Tam Thiên Giới có loại cây tên gọi là **Pāricchattaka** (tức là **cây san hô**), nhưng ở thủ phủ **Atula** phía dưới chân Tu Di Sơn thì có cây **Pāṭalī** (tức là **cây so đũa**). Tuy nhiên tên gọi của cả hai thủ phủ này lại có tên gọi giống nhau là **Ayujjhapura (Bất Chiến Đấu Thủ Phủ).** Vì thế, Chúa Tể **Atula** Thiên cùng với đồng bọn không có sự nghi ngờ bất luận trường hợp nào. Tiếp đến, khi đến mùa trổ hoa, cây hiện hữu ở trong thủ phủ phía dưới chân Tu Di Sơn đã nở rộ hoa ra, khi ấy Chúa Tể **Atula** Thiên cùng với đồng bọn nhìn thấy được loại hoa này rồi, tức thì khởi sinh Tâm có sự nghi ngờ rằng không đúng với cây hiện hữu ở trong thủ phủ của tầng Tam Thập Tam Thiên Giới. Loại cây mà hiện hữu ở trong thủ phủ tầng Tam Thập Tam Thiên Giới là loại cây San Hô, nhưng cây ở tại đây là cây So Đũa, liền biết được rằng: "Trong sát na mình cùng với đồng bọn có dự bữa tiệc rượu ở trong tầng Tam Thập Tam Thiên Giới ấy, mình và đồng bọn đã có sự say mèm bí tỉ; do đó, mới tạo thành cơ hội để cho Ngài Thiên Chủ cùng với đồng bọn thực hiện việc túm bắt và quăng xuống đến ở trong lãnh địa này vậy." Khi Chúa Tể **Atula** Thiên cùng với đồng bọn đã nhận thức được rồi, thì có sự căm tức phẫn nộ tột độ đến Ngài Thiên Chủ, mới tập hợp lại với nhau để sẽ thực hiện một cuộc chiến tranh với Ngài Thiên Chủ **Māgha,** để sẽ tranh giành đòi lấy lại thủ phủ **Ayujjhapura (Bất Chiến Đấu Thủ Phủ)** ở trong tầng Tam Thập Tam Thiên Giới mà trước kia là thuộc của mình.

Việc nhất tề tụ tập lại với nhau là nhất định sẽ thực hiện cuộc chiến tranh với Ngài Thiên Chủ. Chúa Tể **Atula** Thiên mới thành lập một đội quân binh, gọi tên là **Đội Quân Atula.** Lãnh địa ở phần phía dưới của Tu Di Sơn ấy, tính kể từ trên mặt đại dương trở lên được chia ra làm năm tầng lớp. Từng mỗi tầng lớp có hình dạng địa hình vòng tròn bao quanh núi, tương tự với cầu thang xoắn ốc, và có cả thảy năm tầng địa hình vòng tròn bao quanh núi. Tính kể từ phần dưới trở lên của mỗi tầng địa hình vòng tròn bao quanh núi, thì thường xuyên cần phải có Chư Thiên bảo hộ canh phòng. Vì thế, phần dưới cùng của Tu Di Sơn mà được tính là tầng thứ nhất ấy, có Chư Thiên với thân hình giống với loài Rồng Chúa, được gọi là **Long Vương (Nāga)** thường xuyên bảo hộ canh phòng.

+ Kế tiếp, lên đến tầng thứ hai có Chư Thiên gọi là **Kim Sí Điểu (Garula)** thường xuyên bảo hộ canh phòng.

+ Tầng thứ ba có Chư Thiên gọi là Thiên Chúng Ác Dạ Xoa **(Kumbhaṇḍa** – một loại Ác Dạ Xoa tùy tùng của Ngài Tứ Thiên Vương **Virulhaka)** thường xuyên bảo hộ canh phòng.

+ Tầng thứ tư có Chư Thiên gọi là Quỷ Thần Dạ Xoa **(Yakkha)** thường xuyên bảo hộ canh phòng.

+ Tầng thứ năm có Chư Thiên ở tầng Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới thường xuyên bảo hộ canh phòng.

Khi lãnh địa của Tu Di Sơn có địa hình năm tầng lớp vòng tròn bao quanh núi này đây, và ở mỗi tầng lớp lại có cả Chư Thiên Dạ Xoa canh phòng; do đó, khi nhóm Chúa Tể **Atula** Thiên khởi xuất đội quân binh đi chiến đấu với Ngài Thiên Chủ, phải khởi xuất đội quân binh đi theo thứ tự tầng lớp của Tu Di Sơn. Khi đội quân **Atula** đã kéo quân binh đến tầng thứ nhất thuộc lãnh địa của Chư Thiên Long Vương bảo hộ canh phòng, tất cả Chư Thiên Long Vương cùng rủ nhau làm theo nhiệm vụ của mình là canh phòng lãnh địa đó, và đã kéo quân ra ngăn cản, v.v. Tuy nhiên Chư Thiên có nhiệm vụ bảo hộ canh phòng ở cả năm lãnh địa này, không có Thần Lực hoặc năng lực chỉ có vừa đủ để sẽ làm việc chiến đấu với đội quân **Atula**, mới dẫn đến sự bại trận ở từng mỗi tầng lớp Chư Thiên canh phòng và cùng rủ nhau bỏ chạy trốn hết cả mỗi tầng lớp. Đội quân **Atula** đã tuần tự tiến lên các tầng trên, và cho đến đích thân Ngài Thiên Chủ phải kéo quân ra để mà chiến đấu lại.

Trong việc chiến tranh giữa Ngài Thiên Chủ với **Atula** ấy, không giống với việc chiến tranh ở trong Cõi Nhân Loại. Việc chiến tranh ở trong Cõi Nhân Loại thì có sự tử vong, bị thương nặng và không nặng, chẳng hạn như là đứt cánh tay, cụt chân, thân xác bị thương tích chảy máu ra, v.v. Còn việc chiến tranh ở trong tầng Tam Thập Tam Thiên Giới không có sự tử vong và bị thương tích, có thể giống như là hình tượng đấu với hình tượng. Nếu như bên nào chiến đấu không nổi do bởi quân binh ít hơn thì rủ nhau chạy trốn vào trong thủ phủ, rồi rủ nhau đóng kín cửa thành hết cả bốn phương hướng. Phía bên chiến thắng cũng lui binh, vì không có khả năng sẽ phá hủy cửa thành để mà vào được bên trong. Việc chiến tranh giữa Thiên Chủ **Māgha** với **Atula** đây, luân phiên nhau chiến thắng và bại trận. Đôi khi Ngài Thiên Chủ là bên bại trận. Ngài Thiên Chủ với Thiên Chúng tùy tùng cùng rủ nhau núp vào trong thủ phủ và đóng cửa kinh thành. Đội quân **Atula** cũng phải kéo quân binh quay trở về, vì không có khả năng đánh phá cửa thành để vào được bên trong. Đôi khi Ngài Thiên Chủ là bên chiến thắng, đánh đội quân **Atula** tan tác và thua bại, rồi Ngài Thiên Chủ kéo đội quân áp sát truy đuổi theo cho đến thủ phủ của nhóm **Atula**. Nhóm **Atula** cũng rủ nhau núp vào trong thủ phủ và đóng kín cửa thành hết cả bốn phương hướng. Tương tự như nhau, Ngài Thiên Chủ cũng không có khả năng đánh phá cửa thành để mà vào được bên trong; mới đành phải kéo quân binh quay trở về. Do bởi nguyên nhân này, thủ phủ của hai phía mới có tên gọi là **Bất Chiến Đấu Thủ Phủ (Ayujjhapura)** (Dịch nghĩa là thủ phủ có khả năng bảo vệ tác nhân nguy hại mà khởi sinh từ bên ngoài, không cho xâm nhập vào.)

Tại đây, việc trình bày sự kiện lịch sử của Chư Thiên ở tầng Tam Thập Tam Thiên Giới phải thực hiện cuộc chiến tranh với nhau, đã có được trích trong Bộ Phụ Chú Giải Nội Dung Cốt Yếu Giải Minh **(Sāratthadīpanīṭīkā)** và Bộ Chú Giải Pháp Chín Chi Tăng Chi Bộ Kinh **(Navaṇguttara Aṭṭhakathā).**

Việc thực hiện cuộc chiến tranh lẫn nhau giữa Ngài Thiên Chủ **Māgha** với nhóm **Atula**, được tính vốn dĩ kể từ thời kỳ bắt đầu kiến lập kiếp sống mới, tức là kiếp sống đang được hiện hành vừa chỉ trong một khoảnh khắc mới đây, gọi là **Kiến Lập Kiếp Sơ (Vaṭṭathāyīkappa),** cho đến thời kỳ Đức Phật, và luôn mãi cho đến ngay hiện tại này. Ngài

Thiên Chủ với nhóm **Atula** cứ mãi thường luôn thực hiện cuộc chiến tranh với nhau. Vào thời kỳ của Đức Phật có khởi sinh lên một câu chuyện, và Đức Phật Ngài đã có trình bày để ở trong Chánh Tạng **Pāḷi** - Tương Ưng Bộ Kinh, phần Đại Phẩm **(Mahāvagga – Sampayutta)** rằng: "Trong đất nước **Majjhima,** có một hồ sen tên gọi là **Sumāgadha.** Phía trong hồ này có hoa sen đang hé nở khắp mọi nơi. Ở ven bờ hồ sen có một thanh niên đang ngồi nghỉ ngơi về thể xác. Trong sát na anh ta đang ngồi nghỉ ngơi đó, người thanh niên này trầm ngâm nghỉ đến các sự kiện rằng: "Mặt trời, mặt trăng, các loại cây cối hiện hữu ở trong thế gian, suốt cho đến tất cả sự vật có trong lục địa, đại dương, v.v. những thứ loại này khởi sinh từ đâu vậy ?"

Vào sát na anh ta đang trầm ngâm nghỉ đến các sự kiện ấy thì trước mặt của người thanh niên ấy xuất hiện một đạo quân binh đông đảo gồm với bốn đội quân binh chủng lực, đó là Tượng binh, Kỵ binh, Xa binh, và Bộ binh; đang bị bại trận đối với quân thù và cùng rủ nhau chạy trốn trên đường lộ đến hồ sen. Khi cả bốn đội quân binh chủng lực bỏ chạy đến hồ sen, hết tất cả mọi người ở trong đội quân binh đều biến hóa thân hình thu nhỏ lại và rút vào ở trong hoa sen, để không cho bên phía kẻ thù kéo nhau rượt đuổi ở phía sau được nhìn thấy. Khi nhóm **Atula** biến hóa thân hình để ẩn núp vào ở trong hoa sen, rồi cùng rủ nhau một cách lén lút trốn chạy, và lần bước đi mãi về đến thủ phủ của mình tọa lạc ở ngay phía dưới chân Tu Di Sơn.

Thanh niên đang ngồi ở nơi đó, khi được nhìn thấy sự kiện vượt ngoài khả năng của anh ta mà đáng phải nhìn thấy như vậy, liền có sự kinh ngạc tột độ, rồi có sự hồi tưởng khởi lên rằng: "Có lẽ ta đây chắc đã điên mất rồi !" bởi được nhìn thấy điều dị thường quái lạ xảy ra hơn sự việc bình thường. Thế là anh ta đem sự kiện theo như mình đã có được nhìn thấy, và đã đi đến vấn hỏi với Đức Phật.

Đức Phật Ngài có lời phán dạy lại rằng:

- Câu chuyện mà ngươi đã có được nhìn thấy đó, đó là sự thật ! Đội tàn quân bại trận trốn chạy ấy, đó là đội quân binh của bên phía **Atula** đang bị đội quân binh của Ngài Thiên Chủ đánh cho tan tác và đang bị truy nã rượt đuổi theo. Đội quân **Atula** này mới cùng rủ nhau biến hóa thân hình rồi ẩn núp vào ở trong hoa sen trước, để không cho đội quân binh của Ngài Thiên Chủ đang kéo quân rượt đuổi theo sẽ được nhìn thấy, rồi sau đó cùng rủ nhau một cách lén lút trốn chạy, và lần bước đi mãi về đến thủ phủ của mình tọa lạc ở ngay phía dưới chân Tu Di Sơn.

TÁC NHÂN TỘI LỖI LÀM CHO PHẢI TÁI SINH TRONG ATULA ĐỊA GIỚI

Có một vài người sống ở trong thế gian này, dù cho là người có danh vị và có tài sản vừa theo thích hợp, hoặc là to lớn đi nữa; tuy nhiên những hạng người này có Tâm Bất Thiện hoặc là người hy thiểu kiến văn; do đó, mới không có khả năng sẽ chọn lọc được rằng: **"Hạng người nào đáng sẽ được khen ngợi tán thán, và hạng người nào không đáng được khen ngợi tán thán".** Khi là như vậy, họ đã sử dụng quyền lực và tài sản của cải vào trong con đường sai trật, tức là với hạng người có Đức Hạnh thanh cao tốt đẹp, có Giới Pháp

đáng được khen ngợi tán thán thì trái lại họ sử dụng quyền lực về Thân để áp bức bắt nạt, dùng quyền lực về Lời để nói lời khinh miệt, chỉ trích. Còn với hạng người không có Đức Hạnh tốt đẹp, **Ác Hạnh (Duccarita),** Ác Giới Pháp thì trái lại họ khen ngợi tán thán. Hạng người này, khi lìa khỏi thế gian này thì thường đi tái sinh vào trong **Atula** Địa Giới.

Kết Thúc Việc Trình Bày Một Cách Quảng Nghĩa Câu Chuyện Cảnh Giới A Tu La

PHÂN TÍCH CẢ TỨ THỐNG KHỔ ĐỊA GIỚI HÌNH THÀNH KHỔ THÚ (DUGGATI) MỘT CÁCH TRỰC TIẾP VÀ GIÁN TIẾP

Cả bốn chủng loại này, đó là Địa Ngục, Bàng Sinh, Ngạ Quỷ và **Atula** mà gọi với tên là "Thống Khổ Địa Giới" như đã có được trình bày ở phần trên; cả Tứ Thống Khổ Địa Giới này được gọi là **Khổ Thú Địa Giới (Duggatibhūmi),** là bởi do thành sinh thú của tất cả loài Hữu Tình với sự khổ sở vất vả. Như có câu Chú Giải **(Vacanattha)** rằng: **Duk khena gantabbāti = Duggati** – Địa Giới thành sinh địa của tất cả loài Hữu Tình với sự khổ sở vất vả, gọi là Khổ Thú Địa Giới.

Trong hết cả Tứ Thống Khổ Địa Giới này thì Địa Ngục, Ngạ Quỷ, **Atula** được gọi là Khổ Thú một cách trực tiếp. Còn loài Bàng Sinh gọi là Khổ Thú ấy, chỉ là việc gọi một cách gián tiếp, là vì có một vài nhóm Bàng Sinh, chẳng hạn như có Long Vương, Sư Tử Vương, Chiến Tượng **Chaddanta,** những loại này đều có rất nhiều Thần Lực và có sự an vui; bởi do đó, loài Bàng Sinh mới không có được sắp đặt một cách trực tiếp vào trong Khổ Thú Địa Giới. Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có trình bày để ở trong Bộ Chú Giải **Netti** rằng: **Apāyaggahaṇena tīracchānayoniṃ dīpeti, duggatiggahaṇena petti visayaṃ dīpeti – dịch nghĩa rằng:** Bậc Chánh Đẳng Giác lập ý khải thuyết sinh chủng của loài Bàng Sinh với từ ngữ là **Apāya – Thống Khổ;** và lập ý khải thuyết đến cả ba loại: Địa Ngục, Ngạ Quỷ, **Atula** với từ ngữ là **Duggati – Khổ Thú.**

Tuy nhiên một vài bộ Kinh, chẳng hạn như bộ Chú Giải **Netti,** khi trình bày đến cả ba nhóm Địa Ngục, Ngạ Quỷ, và **Atula** đây thì Ngài chỉ có dùng duy nhất với từ ngữ **Petti** là bao gồm hết cả về Địa Ngục và **Atula**, bởi vì tất cả loài Hữu Tình sống ở trong thế gian này, thường sinh khởi ở trong kiếp sống mới với việc hiện bày về thân tướng có được to lớn ngay tức thì. Nếu sinh ở trong Địa Ngục Địa Giới gọi là loài Hữu Tình Địa Ngục. Nếu sinh ở trong Ngạ Quỷ Địa Giới gọi là loài Hữu Tình Ngạ Quỷ. Nếu sinh trong **Atula** Địa Giới gọi là loài Hữu Tình **Atula**. Sự việc mà Ngài gộp chung lại với nhau và chỉ gọi duy nhất là "loài Ngạ Quỷ"đó, là vì Ngài có ý muốn nói đến thân tướng hình thù của cả ba nhóm loài Hữu Tình này đều tương tự như nhau thuộc về loại Cảnh Bất Duyệt Ý. Và một trường hợp khác nữa, những loài Hữu Tình này, khi mệnh chung từ nơi kiếp sống cũ và sinh khởi ở trong kiếp sống mới đó, hiện bày thân tướng to lớn ngay tức thì. Và bởi nương vào lý do này mà Ngài mới kết hợp lại và chỉ gọi duy nhất là loài Ngạ Quỷ.

GIẢI THÍCH VIỆC PHÂN LOẠI VỀ KHỔ THÚ (DUGGATI)

VÀ THIỆN THÚ (SUGATI)

1. Khổ Thú (Duggati) và phân loại về Khổ Thú: Duggati khi chiết tự ra thành **Du + Gati, Du** = dịch nghĩa là "xấu xa, không tốt đẹp"; **Gati** = dịch nghĩa là "sinh thú của loài Hữu Tình."

CÓ BỐN THỂ LOẠI SINH THÚ (GATI), Đó Là:

1/ Gatigati – Sinh Thú Địa Giới: Cõi Giới thành sinh thú của loài Hữu Tình.

2/ Nibbattigati – Sản Sinh Sự: Sự sản sinh của loài Hữu Tình.

3/ Ajjhāsayagati – Phẩm Tính Sinh Thú: Tánh tình tập khí đang hiện hành.

4/ Vibhāvagati - Ảnh Hưởng Sinh Thú: Sự sinh khởi từ nơi việc tích tập (tích lũy kết tập).

Tại đây, từ ngữ nói rằng **Gati** tức là **Gatigati (Sinh Thú Địa Giới).** Như có câu Chú Giải **(Vacanattha)** để ở trong Bộ Chú Giải Năm Mươi **(Paṇṇāsa Aṭṭhakathā)** rằng: **Sukatadukkatakammavasena gantabbāti = Gati** – Địa Giới mà tất cả loài Hữu Tình nương trú vào để sống, bởi do mãnh lực từ nơi Nghiệp Báo ở phần Thiện và Bất Thiện đã có tạo tác ra, gọi là **Sinh Thú.**

Từ ngữ nói rằng **Duggati** (Khổ Thú) có câu Chú Giải **(Vacanattha)** để ở trong Bộ Chú Giải Ngũ Thập Thượng Phần **(Paṇṇāsaka Aṭṭhakathā)** rằng: **Dukkhassa gatipati saraṇanti = Duggati** – Địa Giới gọi là Khổ Thú, do bởi thành Sản Sinh Xứ của sự khổ sở vất vả. Hoặc một trường hợp khác nữa, **Dukkhena gantabbāti = Duggati** - Địa Giới mà loài Hữu Tình nương trú để sống mà một cách khổ sở vất vả, gọi là **Khổ Thú.**

PHÂN LOẠI VỀ KHỔ THÚ

Có ba thể loại về Khổ Thú, đó là:

1. Agāriyapatipattiduggati – Thế Tục Ác Hạnh Khổ Thú.

2. Anāgāriyapatipattiduggati – Xuất Gia Ác Hạnh Khổ Thú.

3. Gatiduggati – Sinh Thú Khổ Thú.

Trong cả ba trường hợp Khổ Thú này, người cư sĩ tại gia tạo tác Ác Hạnh với mãnh lực của Phiền Não, gọi là **Agāriyapatipattiduggati –Thế Tục Ác Hạnh Khổ Thú.**

Tỳ Khưu, Sa Di ở trong Phật Giáo, đã thực hiện Tà Hạnh, tức là phá hủy đức tin đã đang có ở trong bản tánh của người Phật Tử làm cho sầu khổ ưu não **(Kuladūsana – Biếm Gia Tử)** và tự bản thân làm thầy bói, thầy thuốc **(Anesana – Tà Mạng).** Tỳ Khưu, Sa Di đã thực hiện Tà Hạnh như đã có đề cập đến nơi đây, gọi là **Anāgāriyapatipatti duggati – Xuất Gia Ác Hạnh Khổ Thú.**

Còn Sinh Thú Khổ Thú ấy, tức là người cư sĩ tại gia và Tỳ Khưu, Sa Di đã thực hiện Ác Hạnh như đã có được đề cập đến, đến khi mệnh chung phải bị đi tái sinh ở trong cả Tứ Thống Khổ Địa Giới, gọi là Sinh Thú Khổ Thú.

(Phân loại cả ba trường hợp Khổ Thú này, là đã có được trích ở trong bộ Chú Giải Ngũ Thập Căn Nguyên - **Mūḷapaṇṇāsaka Aṭṭhakathā)**

2. Thiện Thú (Sugati) và phân loại về Thiện Thú: Sugati khi chiết tự ra thành **Su + Gati, Su** = dịch nghĩa là "tốt đẹp"; **Gati** = dịch nghĩa là "sinh thú của loài Hữu Tình." Như có câu Chú Giải **(Vacanattha)** để ở trong bộ Chú Giải **Netti** rằng: **Sandarā gati = Sugati** – Địa Giới thành sản địa tốt đẹp, an vui của loài Hữu Tình, gọi là **Thiện Thú (Sugati).**

PHÂN LOẠI VỀ THIỆN THÚ

Có ba thể loại về Thiện Thú, đó là:

1. Agāriyapatipattisugati – Thế Tục Thiện Hạnh Thiện Thú.

2. Anāgāriyapatipattisugati – Xuất Gia Thiện Hạnh Thiện Thú.

3. Gatisugati – Sinh Thú Thiện Thú.

Trong cả ba trường hợp Thiện Thú này, người cư sĩ tại gia tạo tác Thiện Hạnh ở trong Thập Thiện Nghiệp Lực Đạo **(Dasa Kusalakammapada)**, gọi là **Agāriyapatipatti sugati** – Thế Tục Thiện Hạnh Thiện Thú.

Tỳ Khưu, Sa Di ở trong Phật Giáo trau giồi bất luận một thể loại nào về tu học Kinh Luật **(Ganthadhūra)** và Pháp Hành Thiền Minh Sát Tuệ **(Vipassanādhūra),** hoặc là với cả hai thể loại, gọi là **Anāgāriyapatipattisugati** – Xuất Gia Thiện Hạnh Thiện Thú. Còn Sinh Thú Thiện Thú ấy, tức là người cư sĩ tại gia và Tỳ Khưu, Sa Di đã có trau giồi tu tập một cách thiện hảo như đã có được đề cập đến, đến khi mệnh chung được đi tái sinh ở trong Cõi Nhân Loại **(Manussaloka)** và Cõi Thiên Giới **(Devaloka)**, gọi là Sinh Thú Thiện Thú.

(Phân loại cả ba trường hợp Thiện Thú này, là đã được trích ở trong Bộ Chú Giải Ngũ Thập Căn Nguyên - **Mūḷapaṇṇāsaka Aṭṭhakathā)**

Kết Thúc Việc Trình Bày Về Cả Tứ Thống Khổ Địa Giới

THẤT THIỆN DỤC ĐỊA GIỚI (KÀMASUGATIBHŪMI)

Có bảy Thiện Dục Địa Giới, đó là:

1. Nhân Loại Địa Giới (Manussabhūmi),

2. Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới (Cātumahārājikābhūmi),

3. Đao Lợi Thiên Giới (Tvātimsabhūmi),

4. Dạ Ma Thiên Giới (Yāmābhūmi),

5. Đâu Suất Đà Thiên Giới (Tusitābhūmi),

6. Hóa Lạc Thiên Giới (Nimmānaratibhūmi),

7. Tha Hóa Tự Tại Thiên Giới (Paranimmitavasavattibhūmi).

CHÚ GIẢI (VACANATTHA) VỀ THIỆN DỤC THÚ (KĀMASUGATI)

Kāmasahacaritā sugati = Kāmasugati – Thiện Thú Địa Giới cùng câu sinh với Dục Ái **(Kāmataṇhā)**, gọi là Thiện Dục Thú. Có hai mươi bảy Thiện Thú Địa Giới, kể từ Nhân Loại Địa Giới cho đến Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Thiên Giới. Trong hết cả hai mươi bảy Thiện Thú Địa Giới này, Thiện Thú Địa Giới cùng câu sinh với Dục Ái, đặc biệt duy nhất chỉ có bảy Thiện Thú Địa Giới, đó là một Cõi Nhân Loại, và sáu Cõi Thiên Giới. Tại đây, từ ngữ nói rằng "cùng câu sinh với Dục Ái" đó, tức là tất cả loài Hữu Tình sinh khởi ở trong cả bảy Thiện Dục Địa Giới **(Kāmasugatibhūmi)** này, đích thị là có sự liên hệ với Dục Ái, có nghĩa là:

+ Mong muốn được nhìn thấy sự vật hữu sinh mạng và vô sinh mạng,
+ Mong muốn được nghe âm thanh của sự vật hữu sinh mạng và vô sinh mạng,
+ Mong muốn được ngửi mùi hơi của sự vật hữu sinh mạng và vô sinh mạng,
+ Mong muốn được nếm các vị của sự vật hữu sinh mạng và vô sinh mạng,
+ Mong muốn được xúc chạm sự vật hữu sinh mạng và vô sinh mạng.

Và trong sát na đang nhìn thấy, đang lắng nghe âm thanh, đang ngửi mùi hơi, đang nếm các vị, đang xúc chạm, lại có sự hoan hỷ duyệt ý. Bởi do chính với điều này mà gọi là "câu sinh với **Dục Ái (Kāmataṇhā).**

Lẽ thường, tất cả loài Hữu Tình sẽ được sinh làm Người, được làm Chư Thiên đó, là phải hiện hành với mãnh lực của **Xả Thí (Dāna), Trì Giới (Sīla), Tu Tập (Bhāvanā),** ở phần Tâm Đại Thiện **(Mahākusalacitta)** mà tất cả loài Hữu Tình đã có được kiến tạo thích hợp để ở trong những kiếp sống trước trước; tuy nhiên vì sao tại đây lại đề cập nói rằng "tất cả loài Hữu Tình mà được sinh làm Người, được làm Chư Thiên đó, là có liên hệ từ nơi Dục Ái vậy ?"

Quả thật là, tất cả loài Hữu Tình mà được sinh làm Người, được làm Chư Thiên đó, thường phải câu sinh từ nơi Tâm Đại Thiện hết cả. Thế nhưng ngặt là Tâm Đại Thiện dắt dẫn loài Hữu Tình cho được sinh làm Người và Chư Thiên đây, vẫn còn ở trong nhóm của ba mươi mốt Cõi Giới mà được gọi là **Hành Quả Luân Hồi (Saṃsāravaṭṭa).** Cả ba mươi mốt Cõi Giới hoặc Hành Quả Luân Hồi này, Ngài đã sắp đặt vào trong **Khổ Đế (Dukkhasacca).** Vì thế, toàn thể loài Hữu Tình mà đã sinh khởi bất luận ở một Địa Giới nào trong ba mươi mốt Cõi Địa Giới này đây, sẽ không thể nào vượt thoát ra khỏi Khổ Đế ấy được. Chí đến, Nhân Loại và Chư Thiên có thật là đã được sinh từ nơi Tâm Đại Thiện đi nữa, thế nhưng vẫn còn ở trong nhóm Khổ Đế này, tức là có sự Sinh Diệt hoặc là Sinh, Lão, Bệnh, Tử, v.v.

Lẽ thường, Khổ Đế ấy, nếu không có nguyên nhân thì thường không thể nào sẽ tự khởi sinh lên được. Khổ Đế thường phải nương tựa vào cái nền tảng, đó là Tập Đế **(Samudayasacca)** mới sẽ hiện khởi lên được. Tập Đế là căn gốc của Khổ Đế hình thành ra Nhân Loại và Chư Thiên đây, đích thị chính là **Dục Ái (Kāmataṇhā)** vậy. Vì thế mới có câu Chú Giải **(Vacanattha)** trình bày rằng: **Kāmasahacaritā sugati = Kāmasugati** – dịch nghĩa là "Cõi Thiện Thú câu sinh với Dục Ái, gọi là Dục Thiện Thú".

NHÂN LOẠI ĐỊA GIỚI (MANUSSABHŪMI)

CHÚ GIẢI (VACANATTHA) VÀ LỜI GIẢI THÍCH MỘT CÁCH QUẢNG NGHĨA TRONG NHÂN LOẠI ĐỊA GIỚI (MANUSSABHŪMI)

1. Mano ussannam etesanti = Manussā – Tất cả loài Hữu Tình gọi là Nhân Loại **(Manussa)** bởi do có Tâm được khai hóa và kiên cường dũng cảm.

Trong câu Chú Giải này, từ ngữ nói rằng Nhân Loại; nếu tính theo phần trực tiếp, đó là **Phần Chánh Yếu (Mukhayanaya)**, tức là loài người sống ở trong **Nam Thiệm Bộ Châu (Jambūdvīpa).** Nếu tính theo phần gián tiếp, đó là **Phần Mối Tương Hệ (Sadi sūpacāranaya),** tức là kể luôn loài người sống ở trong cả ba Bộ Châu còn lại.

Tại đây, có lời giải thích rằng: "Tâm Thức của con người sống ở trong Nam Thiệm Bộ Châu, và Tâm Thức của con người sống ở trong cả ba Bộ Châu ấy thì không giống nhau." Tức là con người sống ở trong Nam Thiện Bộ Châu, là người có Tâm Thức kiên cường gan dạ và hiện hành ở cả hai phía, phía Thiện Hảo và phía Bất Thiện.

Về phía Thiện Hảo thì có khả năng làm cho thành tựu Bậc Chánh Đẳng Giác, Bậc Độc Giác Phật, Bậc Chí Thượng Thinh Văn Giác, Bậc Đại Thinh Văn Giác, Bậc Thinh Văn Thông Thường, Bậc Chuyển Luân Vương, được thụ hưởng **Phúc Lộc Thiền (Jhāna lābhī),** và **Phúc Lộc Thắng Trí (Abhiññālābhī)**. Về phía Bất Thiện, ví dụ như sát hại người Mẹ, người Cha, Bậc Vô Sinh và chích huyết thân Phật tức là làm chảy máu bàn chân của Đức Phật, và **phá hòa hợp Tăng Đoàn (Saṅghabhedaka).** Còn Tâm Thức của người sống ở trong cả ba Bộ Châu ấy thì không có khả năng sẽ tạo tác như vậy và luôn cả ở hai phía, phía Thiện Hảo và phía Bất Thiện.

Vì thế, từ ngữ nói rằng Nhân Loại, đó là con người, và nếu nói theo phần trực tiếp (Phần Chánh Yếu) là nói đến người ở trong Nam Thiệm Bộ Châu. Còn người ở trong cả ba Bộ Châu mà được gọi là Nhân Loại ấy, là chính do bởi có thân tướng hình thù tương tự với người ở trong Nam Thiệm Bộ Châu. Bởi do đó, mới là nói theo ở phần gián tiếp vậy (Phần Mối Tương Hệ). Con người sống ở trong Nam Thiệm Bộ Châu, đó là Bộ Châu duy nhất mà chúng ta đang sinh sống hằng ngày ở đây, được gọi là Nhân Loại **(Manussa)** (tức là con người) đó thì chẳng có chi đặc biệt để phải trình bày. Tất cả sự việc này, là cũng do bởi có sự hiện hành ở trong tiến trình của cả hai phía, phía Thiện Hảo và phía Bất Thiện; và cũng có sự hiển lộ một cách rõ ràng là Đức Phật, Chư Độc Giác Phật, v.v. chỉ có sinh khởi duy nhất ở trong Bộ Châu này; và việc tạo tác **Ngũ Nghịch Cực Trọng Nghiệp Lực (Pañcānantarikakamma),** tức là việc sát hại người Mẹ, người Cha, v.v. cũng chỉ có duy nhất ở trong Bộ Châu này.

2. Một trường hợp khác nữa, câu Chú Giải **(Vacanattha)** nói rằng: **Kāranā kāranaṃ manati jānātīti = Manusso** – Người Nam Thiệm Bộ Châu được gọi là Nhân Loại **(Manussa)** là vì có sự hiểu biết ở trong các sự vật với **nguyên nhân thích đáng và không thích đáng.**

Câu Chú Giải này giải thích rằng: "Lẽ thường, tất cả sự vật ở trong thế gian này thường chỉ hiện hữu ở hai thể loại, đó là vật hữu sinh mạng và vô sinh mạng. Vật hữu sinh mạng cũng được hiện hữu ở nhiều phân loại. Vật vô sinh mạng cũng được hiện hữu ở nhiều

phân loại. Cả hai thể loại sự vật này, hữu sinh mạng và vô sinh mạng, thường được phát sinh từ chính những nguyên nhân riêng biệt của nó."

Người Nam Thiệm Bộ Châu, khi có được tiếp xúc nhìn thấy tất cả các sự vật hiện hữu ở trong thế gian này; thường có sự quán sát, truy cứu, tìm kiếm từng mỗi nguyên nhân riêng biệt làm cho phát sinh những sự vật này. Chẳng hạn như sự vật này thường được phát sinh từ chính nguyên nhân này, chẳng phải được phát sinh từ nguyên nhân nào khác. Hoặc những loại Pháp này thường là nguyên nhân của chính những loại Pháp này, và những loại Pháp này chẳng phải là nguyên nhân của những loại Pháp nào khác. Tỷ dụ giống như trong sát na mà đang bước đi dọc theo đường lộ và có được nhìn thấy cây xoài, cây sầu riêng, và cây cam thì liền có sự hiểu biết được rằng "cây xoài này có được là chính từ nơi hạt giống cây xoài và chẳng phải có được từ ở hạt giống cây sầu riêng" như vầy chẳng hạn. Tỷ dụ điều này như thế nào thì người Nam Thiệm Bộ Châu có được sự hiểu biết ở trong mọi sự vật **với nguyên nhân thích đáng và không thích đáng,** cũng dường như thế ấy vậy.

Trong câu Chú Giải này, từ ngữ nói rằng **Kārana** dịch nghĩa là "nguyên nhân". Tại đây, có hai thể loại nguyên nhân, đó là: một thể loại nguyên nhân ở phần **Danh Pháp (Nāma),** và một thể loại nguyên nhân ở phần **Sắc Pháp (Rūpa).** Nguyên nhân ở phần Danh Pháp, tức là có sự liễu tri việc sinh khởi thuộc về nội phần của tất cả loài Hữu Tình ở trong kiếp sống hiện tại này và luôn cả ở trong tất cả những kiếp sống đã trải qua thuộc quá khứ. Nguyên nhân ở phần Sắc Pháp, tức là có sự bất liễu tri về thân tướng hình thù của tất cả sự vật hữu sinh mạng và vô sinh mạng. Các nguyên nhân sai biệt theo như đã có được đề cập đến ở tại đây **thì người Nam Thiệm Bộ Châu thường có sự hiểu biết, có sự nhận thức về bất luận sự vật nào, vừa theo thích hợp một cách lệ thường và không cần sự thúc đẩy hoặc sai bảo.** Trong câu Chú Giải này đã có trình bày cho thấy được rằng: "Người ở trong ba Bộ Châu còn lại, cho đến Chư Thiên và suốt cho đến cả Chư Phạm Thiên, cũng có sự hiểu biết, cũng có sự nhận thức về **nguyên nhân thích đáng và không thích đáng;** tuy nhiên có phần yếu kém hơn, không có được bằng với người ở trong Nam Thiện Bộ Châu."

Tại đây, người Nam Thiệm Bộ Châu tức là người sinh sống hằng mỗi ngày ở trong đất nước có lãnh thổ đất đai tiếp giáp nối liền với chúng ta, và không có bị ngăn cách bởi đại dương; đó là Á Châu, Âu Châu, Phi Châu.

3. Một trường hợp khác nữa, câu Chú Giải **(Vacanattha)** nói rằng: **Atthānatthaṃ manati jānātīti = Manusso** – Người Nam Thiệm Bộ Châu được gọi là Nhân Loại **(Manussa)** là vì có sự hiểu biết ở trong các sự vật với **việc hữu ích và vô ích.** Câu Chú Giải giải thích rằng: "Lẽ thường, tất cả loài Hữu Tình ở trong thế gian này, khi quả báo đã hiện khởi lên rồi, cho dù sẽ là đáng hân hoan duyệt ý, hay là không đáng hân hoan và bất duyệt ý đi nữa thì thường cả hai thể loại này chỉ có được khởi sinh là từ nơi Thân Hành, Ngữ Hành, và Ý Hành. Với Thân Hành, Ngữ Hành, Ý Hành Thiện sẽ có được quả báo an vui và hữu ích. Nếu với Thân Hành, Ngữ Hành, Ý Hành Bất Thiện sẽ có quả báo khổ đau và vô ích.

Người Nam Thiệm Bộ Châu có sự hiểu biết, có sự nhận thức rằng: "Với loại Thân Hành, Ngữ Hành, Ý Hành Thiện này sẽ có được sự lợi ích, tức là hữu ích. Với loại Thân Hành, Ngữ Hành, Ý Hành Bất Thiện này thì không có sự lợi ích, tức là vô ích."

Trong câu Chú Giải này, từ ngữ nói rằng **Attha** dịch nghĩa là "quả báo", đích thị chính là thành điều lợi ích. Tại đây, có hai thể loại quả báo thành điều lợi ích, đó là: **1. Lợi Ích Hiệp Thế, 2. Lợi Ích Siêu Thế.**

+ **Lợi Ích Hiệp Thế:** tức là lợi lộc, danh vị, khen ngợi, hạnh phúc; hoặc là Nhân Sản, Thiên Sản, Phạm Thiên Sản.

+ **Lợi Ích Siêu Thế:** tức là Pháp Thiện và sự liễu tri ở trong Pháp Thiện; hoặc thành Bậc Thánh Nhân và Bậc Hiền Triết, kể từ Bậc Chánh Đẳng Giác trở xuống.

Các quả báo thành điều lợi ích theo như đã có được đề cập đến ở tại đây thì người Nam Thiệm Bộ Châu thường có sự hiểu biết, có sự nhận thức vừa theo thích hợp một cách lệ thường, tùy thuộc vào niềm **Tịnh Tín (Saddhā), Tinh Tấn (Viriya), Trí Tuệ (Paññā), Ba La Mật (Pāramī)** và sự giao thiệp.

Trong câu Chú Giải này đã có trình bày cho thấy được rằng: "Người ở trong ba Bộ Châu còn lại, cho đến Chư Thiên và suốt cho đến cả Chư Phạm Thiên, cũng có sự hiểu biết, cũng có sự nhận thức ở trong sự vật với **việc hữu ích và vô ích;** tuy nhiên có phần yếu kém hơn, không có được bằng với người ở trong Nam Thiệm Bộ Châu."

4. Một trường hợp khác nữa, câu Chú Giải **(Vacanattha)** nói rằng: **Kusalākusalaṃ manati jānātīti = Manusso** – Người Nam Thiệm Bộ Châu được gọi là Nhân Loại **(Manussa)** là vì có sự hiểu biết ở trong các sự vật về phần **Thiện Hảo và Bất Thiện.** Câu Chú Giải giải thích rằng: "Lẽ thường, tất cả loài Hữu Tình thường chỉ có ba thể loại tác hành; đó là tác hành tạo tác về Thân, tác hành nói năng với Lời, tác hành nghĩ suy và quán sát với Ý; dù cho sẽ là hữu ích hoặc là vô ích đi nữa, và khi suy xét theo Tục Đế thì chỉ có ba thể loại này, nhưng nếu suy xét theo **Thực Tính (Sabhāva)** thì chỉ có hai: đó là **Thiện (Kusala)** và **Bất Thiện (Akusala).** Thân Hành, Ngữ Hành, Ý Hành liên hệ với **Xả Thí (Dāna), Trì Giới (Sīla) và Tu Tập (Bhāvanā)** là Thiện. Thân Hành, Ngữ Hành, Ý Hành liên hệ với Thập Ác Hạnh **(Duccarita)** là Bất Thiện."

Người Nam Thiệm Bộ Châu có sự hiểu biết, có sự nhận thức rằng: "Với loại Thân Hành, Ngữ Hành, Ý Hành này, là Thiện. Với loại Thân Hành, Ngữ Hành, Ý Hành này, là Bất Thiện." Trong câu Chú Giải này, từ ngữ nói rằng **Kusala - Akusala** đích thị chính là Thiện và Bất Thiện. Tại đây, Thiện có hai thể loại, đó là: **Thiện Hiệp Thế (Lokiya kusala),** và **Thiện Siêu Thế (Lokuttarakusala).**

+ Thiện Hiệp Thế tức là việc phóng khí Xả Thí, thọ trì Giới Luật, tu tiến **An Chỉ Tu Tập (Samathabhāvanā)** và **Minh Sát Tuệ Tu Tập (Vipassanābhāvanā).**

+ Thiện Siêu Thế tức là cả **Tứ Thánh Đạo (Ariyamagga)** khởi sinh từ nơi việc tiến tu Thiền Minh Sát Tuệ và có khả năng sát tuyệt Phiền Não **(Kilesa).**

Bất Thiện tức là **Tham (Lobha), Sân (Dosa), Si (Moha),** v.v. tức là:

+ **Tham (Lobha):** có sự tham muốn ở trong cả Ngũ Dục Lạc (Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc), chẳng hạn như mong muốn xem phim ảnh, mong muốn nghe ca hát, mong muốn ngửi các mùi thơm, mong muốn ăn vật thực có vị ngon ngọt, mong muốn xúc chạm ở trong các vật tốt đẹp và nghĩ tưởng đến đối tượng, là Cảnh vật hữu sinh mạng và vô sinh mạng, ở cả nội phần và ngoại phần.

+ **Sân (Dosa):** tức là sự sân hận, sự buồn lòng, bất toại nguyện, ưu não, và hận thù.

+ **Si (Moha):** tức là sự lầm lạc si mê; có nghĩa là sự bất tín, không tin tưởng do bởi đang phê phán bình phẩm với mãnh lực hoài nghi về Phật Bảo, Pháp Bảo, Tăng Bảo, Tâm Thức không an tịnh, có sự phóng dật ở trong các Cảnh.

Người Nam Thiệm Bộ Châu có sự hiểu biết, có sự nhận thức trong các sự vật ở phần Thiện và Bất Thiện như đã có được đề cập đến, vừa theo thích hợp một cách lệ thường, tùy thuộc vào tập tục tín ngưỡng, tùy theo niềm **Tịnh Tín (Saddhā), Tinh Tấn (Viriya), Trí Tuệ (Paññā), Ba La Mật (Pāramī)** và sự giao thiệp. Vì thế, sự hiểu biết, sự nhận thức ở trong các sự vật về phần Thiện và Bất Thiện của người Nam Thiệm Bộ Châu có sự sai khác với nhau theo phong tục tập quán, v.v. có như vầy: "Người Nam Thiệm Bộ Châu mà có lòng tôn kính Phật Giáo và có sự quan tâm ở trong Pháp Bảo, có niềm **Tịnh Tín (Saddhā), Tinh Tấn (Viriya), Trí Tuệ (Paññā), Ba La Mật (Pāramī)** và sự giao thiệp tốt đẹp, đa số thường có sự nhận thức trong các sự vật ở phần Thiện và Bất Thiện. Còn người Nam Thiệm Bộ Châu mà có sự tôn kính ở những tập tục tín ngưỡng khác và không có sự quan tâm ở trong Pháp Bảo, không có niềm **Tịnh Tín (Saddhā), Tinh Tấn (Viriya), Trí Tuệ (Paññā), Ba La Mật (Pāramī)** và không có sự giao lưu với Bậc Hiền Trí thì thường chỉ có chút ít nhận thức trong các sự vật ở phần Thiện và Bất Thiện." Và sự khác biệt là chỉ có bấy nhiêu đấy thôi.

Trong câu Chú Giải **(Vacanattha)** ở điều thứ tư này, đã có trình bày cho được nhìn thấy rằng: "Người ở trong ba Bộ Châu còn lại, cho đến Chư Thiên và suốt cho đến cả Chư Phạm Thiên, cũng có sự hiểu biết, cũng có sự nhận thức ở trong các sự vật ở phần **Thiện và Bất Thiện;** tuy nhiên có phần yếu kém hơn, không có được bằng với người ở trong Nam Thiệm Bộ Châu."

Như thế, khi tổng kết lại các câu Chú Giải ở điều 2, 3, và 4 của từ ngữ nói rằng **Manussa** có được như vầy: **Kāranākāranaṃ atthānatthaṃ kusalākusalaṃ manati jānātīti = Manussa** - Người Nam Thiệm Bộ Châu gọi là Nhân Loại **(Manussa)** là vì có sự hiểu biết ở trong các sự vật với **nguyên nhân thích đáng và không thích đáng,** có sự hiểu biết ở trong các sự vật với **việc hữu ích và vô ích,** và có sự hiểu biết ở trong các sự vật về phần **Thiện và Bất Thiện.** Bậc Giáo Thọ có sự liễu tri một cách tinh tường về Văn Phạm **Pāḷi** đã có trình bày câu Chú Giải **(Vacanattha)** về từ ngữ nói rằng **Manussa** trong một trường hợp khác nữa, đó là:

5. Manuno apaccāti = Manussā – Tất cả con người được gọi là Nhân Loại, là do bởi làm con của Đức Vua **Manu.** Trong thời **Kiến Lập Kiếp Sơ (Vaṭṭathāyī Kappa),** tất cả dân chúng đã có sự hội hợp lại để bình bầu tôn vinh Ngài Giác Hữu Tình (Bồ Tát) nhận lãnh vị trí bậc Quốc Vương trị vì đất nước; và đã hiến dâng danh xưng đến Ngài là Đức Vua **Mahāsammata.** Đức Vua **Mahāsammata** có tên gọi cũ của Ngài là **Manu.** Khi Đức Vua **Mahāsammata** đã chấp chính vị trí của bậc Quốc Vương trị vì đất nước một cách viên mãn, đã thiết lập và ban hành kỷ cương đạo đức và quy tắc luật lệ theo đường lối của Vương Pháp, để cho tất cả dân chúng tuân hành theo Pháp Luật một cách đúng đắn, không cho vi phạm vượt ra ngoài khỏi Pháp Luật mà Ngài đã thiết lập.

Vì thế, tất cả dân chúng đã cùng đồng tâm với nhau thực hành theo các điều luật đó một cách nghiêm chỉnh khắp cả đất nước, tức là điều nào đã có nghiêm cấm không cho làm và điều nào đã được cho phép họ làm, đã cùng rủ nhau chỉ thực hành theo điều mà Đức Vua đã có cho phép làm. Còn điều luật mà Đức Vua đã nghiêm cấm không cho thực hiện hoặc làm thì họ đã xa lánh và tuân hành theo các điều luật mà đã nghiêm cấm một cách đúng đắn với mọi trường hợp. Không có một ai đã vi phạm và tất cả đều tuân hành theo pháp luật mà Đức Vua đã có ban hành. Ví tựa như tất cả những đứa con ngoan hiền thường luôn làm theo lời giáo huấn của người Cha. Vì thế, ở tại đây tất cả những hạng người này được gọi là **Nhân Loại (Manussa)** do bởi làm con của Đức Vua **Manu,** đích thị chính là nhà vua được gọi với danh xưng **Mahāsammata** ở trong thời kỳ Kiến Lập Kiến Sơ vậy. Với luật pháp trật tự và thủ tục nghiêm minh này mà đã được Đức Vua **Manu** thiết lập thành một đạo luật, và đã trở thành một niêm luật đạo đức được lưu truyền tiếp nối mãi cho đến ngày hôm nay. Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có trình bày để trong Bộ Kinh **Manuvaṇṇarā dhammasattha** rằng là:

Yasassinaṃ sarājinaṃ Lokasīmānurakkhinaṃ
Ādibhūtaṃ pathaviyaṃ Kathayanti manuti yaṃ
Evañca manunāmiko Paṇḍito mudubyattvā.

Dịch nghĩa rằng: Đức Vua **Mahāsammata** đây, mà tất cả dân chúng cùng rủ nhau gọi Ngài là Đức Vua **Manu.** Đức Vua **Manu** Ngài có đại uy danh. Triều đại Đức Vua có quần thần đông đảo. Ngài là bậc hộ trì thế gian, tức là đã làm cho tất cả Nhân Loại có được nề nếp kỷ cương đạo đức và Ngài là vị vua đầu tiên. Đức Vua **Mahāsammata** với danh xưng Vua **Manu** đây, là bậc có tiên thiên thông tuệ sắc sảo và tinh nhuệ, thuần thục và tinh thông ở trong việc hành xử phán xét.

Như vậy, từ ngữ **Manussa – Nhân Loại,** theo nghĩa đen là loài Hữu Tình đã có được sự nâng cao về sự khai hóa, hoặc đã có sự phát triển về **Tâm Trí (Mano ussannaṃ etesaṃ).** Theo từ ngữ **Sanskrit (Bắc Phạn)** gọi là **Manushya**, có nghĩa là con cháu của Đức Vua **Manu.** Được gọi như vậy, là vì Nhân Loại đã trở thành văn minh tiến bộ, là cũng do nhờ vào Đức Minh Quân **Manu,** một bậc hiền minh thánh trí nhìn xa hiểu rộng. Cõi Nhân Loại là Địa Giới mà ở trong đó có cả hai thể loại, hạnh phúc và đau khổ, lẫn lộn với nhau. Chư vị Giác Hữu Tình (Bồ Tát) thường luôn chọn đi tái sinh vào trong Địa Giới này, là vì tại đây có rất nhiều điều kiện thuận lợi và thích nghi để hành những Pháp nhu thiết hữu ích, nhằm thành tựu Đạo Quả Giác Ngộ Toàn Tri Diệu Giác. **Kiếp sống cuối cùng của Chư Giác Hữu Tình (Bồ Tát) thường luôn là ở Nhân Loại Địa Giới.**

NGƯỜI NAM THIỆM BỘ CHÂU CÓ BA ÂN ĐỨC CAO QUÝ HƠN, TIẾN HÓA HƠN NGƯỜI BẮC CÂU LƯ CHÂU (UTTARAKURUKĀ) VÀ CHƯ THIÊN TẦNG TAM THẬP TAM THIÊN GIỚI (TVĀTIṂSĀ)

Ba Ân Đức **(Guṇa)** Người Nam Thiệm Bộ Châu, đó là:

1/ Sūrabhava – Dũng Tâm: có Tâm Thức kiên cường dũng cảm trong việc thực hiện Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập.

2/ Satimanta – Cường Niệm: có Niệm kiên định vững chắc trong Ân Đức Tam Bảo.

3/ Brahmacariyavāsa – Thực Hành Phạm Hạnh: thực hành đời sống Phạm Hạnh tức là có được xuất gia.

Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng mà Bậc Chánh Đẳng Giác đã khải thuyết để ở trong Chánh Tạng **Pāḷi** Tăng Chi Bộ Kinh – Phần Chín Chi rằng: **Tīhi bhikkhave ṭhānehi jambudīpakā manussā uttarakuruke manusse adhiganhanti deve ca tvātiṃse katamehi tīhi ṭhānehi ? Sūrā ca satimanto ca, idha brahmacariyavāso cāti - Dịch nghĩa rằng:** Này Chư Tỳ Khưu ! Người Nam Thiệm Bộ Châu là người có ân đức cao quý và tiến hóa hơn người Bắc Câu Lư Châu và Chư Thiên tầng Tam Thập Tam Thiên Giới ở ba thể loại. Đó là: Tâm Thức kiên cường dũng cảm ở trong việc thực hiện các Thiện Sự, có Niệm kiên định vững chắc ở trong Tam Bảo, và thực hành đời sống Phạm Hạnh, tức là có được xuất gia.

NGUYÊN NHÂN BẬC GIÁC HỮU TÌNH (BỒ TÁT) KHÔNG SỐNG TRỌN TUỔI THỌ TRONG THIÊN GIỚI

Trong hết cả ba thể loại Ân Đức này thì **Idha brahmacariyavàso** tức là việc thực hành đời sống Phạm Hạnh; có nghĩa là việc xuất gia, việc thọ trì Bát Giới, Cửu Giới, Thập Giới; và chỉ có cơ hội duy nhất để sẽ được thực hiện là chính ở trong Nam Thiệm Bộ Châu này của chúng ta mà thôi. Ở trong Thiên Giới không có cơ hội để thực hành đời sống Phạm Hạnh được. Bởi do đó, với bậc Giác Hữu Tình (Bồ Tát) mà Ba La Mật hãy vẫn còn non yếu thì trong sát na được tái sinh ở trong các Thiên Giới mà có tuổi thọ lâu dài, mới không muốn sống trọn hết tuổi thọ **(Āyukappa)** của các Thiên Giới ấy; và với **Chú Nguyện (Adhiṭṭhāna)** làm cho chấm dứt tuổi thọ, rồi đi tái sinh làm Nhân Loại ở trong Nam Thiệm Bộ Châu. Việc tử vong của bậc Giác Hữu Tình (Bồ Tát) với sự biểu thị như vậy, gọi là **Quyết Định Thời Tử Vong (Adhimuttikālakiriyā).**

Như có **Pāḷi** dẫn chứng đã có trình bày để trong bộ Chú Giải Trường Bộ Kinh – Đại Phẩm **(Mahāvagga Aṭṭhakathā – Dīghanikāya)** rằng: **Aññadā pana dīghāyuka deva loke nibbattā bodhisattā na yāvatāyukaṃ tiṭṭhanti, kasmā ? Tatthā Pāramīnaṃ dup pūra nīyatta. – Dịch nội dung chính rằng:** Lẽ thường, việc kiến tạo Ba La Mật (Pháp Toàn Thiện) trong các Thiên Giới rất là khó khăn. Vì thế, Bậc Giác Hữu Tình đã đi tái sinh trong Thiên Giới có tuổi thọ lâu dài mới quyết định không sống suốt trọn cả tuổi thọ.

NGƯỜI BẮC CÂU LƯ CHÂU CÓ BA ÂN ĐỨC CAO QUÝ HƠN, TIẾN HÓA HƠN NGƯỜI NAM THIỆM BỘ CHÂU (JAMBŪDĪPA) VÀ CHƯ THIÊN TẦNG TAM THẬP TAM THIÊN GIỚI (TVĀTIṂSĀ)

Ba Ân Đức **(Guṇa)** Người Bắc Câu Lư Châu, đó là:

1. Không chấp thủ vàng bạc cho rằng là của mình.
2. Không dính mắc hoặc chấp thủ cho rằng là con trai, chồng, vợ của mình.
3. Thường luôn có tuổi thọ lâu dài đến một ngàn năm.

NƠI THỌ SINH NGƯỜI BẮC CÂU LƯ CHÂU

Lẽ thường, người Bắc Câu Lư Châu có việc thọ trì Ngũ Giới làm thành Thường Nhiên **(Niccasīla – Thường Nhiên Giới);** do đó, sau khi mệnh chung thì những hạng người này thường đi tái sinh ở trong Thiên Giới. Như có **Pāḷi** dẫn chứng đã có trình bày để ở trong Bộ Chú Giải Tăng Chi Bộ Kinh – Phẩm Chín Chi **(Navaṅguttara Aṭṭhakathā)** và Phụ Chú Giải Nội Dung Cốt Yếu Giải Minh **(Sāratthadīpanīṭīkā)** rằng: **Gatipi nibadhā tato cavitvà sagge yeva nibbattanti - Dịch nghĩa rằng:** Một cách đoan chắc rằng, trú xứ nhất định của người Bắc Câu Lư Châu sau khi đã mệnh chung thì sẽ được đi tái sinh trong Thiên Giới.

GIẢI THÍCH ĐẶC BIỆT TRONG VẤN ĐỀ TRÚ XỨ NGƯỜI BẮC CÂU LƯ CHÂU ĐI THỌ SINH

Một cách đoan chắc rằng, sau khi đã mệnh chung ở Địa Giới cũ của mình, người Bắc Câu Lư Châu nhất định được đi tái sinh ở trong Thiên Giới. Tuy nhiên nếu như, đến khi mệnh chung từ ở Thiên Giới ấy rồi, có thể phải đi tái sinh trong cả Tứ Thống Khổ Địa Giới, hoặc ở một Bộ Châu khác, hoặc cũng có thể ở bất luận một Địa Giới nào khác. Vì thế, việc người Bắc Câu Lư Châu không có bị đọa vào Thống Khổ Địa Giới, đó cũng chỉ là một Địa Giới duy nhất từ ở kiếp sống cũ đang nương ở thôi.

Chú Giải **(Vacanattha)** về từ ngữ nói rằng **Manussabhūmi: Manussānaṃ bhūmīti = Manussabhūmi** – Trú xứ hoặc chỗ nương trú của tất cả con người, gọi là Nhân Loại Địa Giới. Theo phần Văn Phạm có một trường hợp khác nữa, đó là: **Manussānaṃ nivāsā = Manussā** – Trú xứ hoặc chỗ nương trú của tất cả con người, gọi là Nhân Loại.

Trong cả hai thể loại của hai câu Chú Giải này thì từ ngữ nói rằng Nhân Loại Địa Giới **(Manussabhūmi)** và Nhân Loại **(Manussā),** tức là trú xứ hoặc là chỗ nương trú của tất cả con người, cũng giống như nhau vậy. Có sự khác biệt với nhau chỉ là ở phần Văn Phạm mà thôi. Việc phân tích về sự khác biệt với nhau theo phần Văn Phạm ấy có như vầy, tức là từ ngữ nói rằng Nhân Loại Địa Giới **(Manussabhūmi)** là một từ ngữ ghép **(Samāsapada** - Hợp Âm). Khi phân tích từ ngữ này có được hai từ ngữ, đó là: **Manussa + Bhūmi = Manussabhūmi** – Trong từ ngữ này, loại trừ vĩ tố ngữ cách **(Vibhatti)** ra. **(Vibhatti** = vĩ tố ngữ cách, một sự phân chia trong Văn Phạm **Pāḷi**). Còn từ ngữ nói rằng **Manussā** ấy, là từ ngữ **Nivāsataddhitapada:** thuộc về Văn Phạm **Pāḷi**, với **"Ā"** có ý nghĩa là hậu tố ngữ cách **(Paccaya),** và loại trừ vĩ tố ngữ cách.

TRÚ XỨ NHÂN LOẠI

Nhân Loại sống và nương trú ở mặt phía trên của quả địa cầu và hiện hữu ở cả bốn phương của Tu Di Sơn **(Sīṇeru)**, có Tu Di Sơn nằm ở giữa của cả bốn Bộ Châu. Phần diện tích còn lại ngoài ra từ nơi lục địa mà Nhân Loại đang nương trú, tức là cả Tứ Đại Bộ Châu với 2,000 Tiểu Bộ Châu và bảy tầng lớp núi bao bọc ấy, đều toàn là biển cả mênh mông hết cả thẩy. Nền lục địa của bốn phương hướng tức là cả Tứ Đại Bộ Châu này, chính là chỗ nương trú của Nhân Loại, có tên gọi là:

1. Pubbavidehadvīpa – Đông Thắng Thần Châu.

2. Aparagoyānadvīpa – Tây Ngưu Hóa Châu.

3. Jambūdvīpa – Nam Thiệm Bộ Châu.

4. Uttarakurudvīpa – Bắc Câu Lư Châu.

Nhân Loại sống và nương trú ở trong cả Tứ Bộ Châu này có sự hạn định về tuổi thọ, như sau: Loài người sống và nương trú ở trong Nam Thiệm Bộ Châu có tuổi thọ bất định, theo sự việc tăng giảm lẫn nhau; chẳng hạn như là bất luận thời kỳ nào **(Samaya)** người Nam Thiệm Bộ Châu có Thân, Ngữ, Ý kết hợp với **Giới Pháp (Sīladhamma)** sống trong đạo đức thì thời kỳ đó của người Nam Thiệm Bộ Châu có tuổi thọ lâu dài đến một A Tăng Kỳ **(Asaṅkheyya)** năm. Cách tính A Tăng Kỳ ấy cũng tương tự với cách tính tuổi thọ của loài Hữu Tình Địa Ngục đã có được giải thích ở trong tích truyện của Đức Vua **Upavara**. Còn thời kỳ nào người Nam Thiệm Bộ Châu có Thân, Ngữ, Ý không có được kết hợp với Giới Pháp, sống phi đạo đức thì thời kỳ ấy con người Nam Thiệm Bộ Châu có tuổi thọ tuần tự thoái giảm xuống từng chút ít và cho đến khi chỉ còn mười tuổi thọ.

Còn người sống và nương trú ở trong Đông Thắng Thần Châu luôn luôn có tuổi thọ là 700 năm. Người sống và nương trú ở ở trong Tây Ngưu Hóa Châu luôn luôn có tuổi thọ là 500 năm. Người sống và nương trú ở trong Bắc Câu Lư Châu luôn luôn có tuổi thọ là 1,000 năm.

Một Đại Bộ Châu cũng có thêm 500 Tiểu Bộ Châu làm thành phần phụ gia. Kết hợp lại có 2,000 Tiểu Bộ Châu. Người sống và nương trú ở trong 2,000 Tiểu Bộ Châu này cũng có tuổi thọ nhiều hoặc ít, là tùy theo người mà sống và nương trú ở trong những Đại Bộ Châu ấy. Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có trình bày để ở trong Bộ Chú Giải Tương Ưng Bộ Kinh rằng: **Jambūdīpavāsīnaṃ āyuppamānaṃ natthi, Pubbavidehā naṃ sattavassa satāyukā, Aparagoyānavāsīnaṃ pañcavassasatāyukā, Uttarakuru vāsīnaṃ vassasa hassāyukā, tesaṃ tesaṃ Parittadīpavāsīnampi tadanugatikāva.**

Ghi chú: Việc giải thích một cách tỷ mỷ cặn kẽ về phần Nhân Loại Địa Giới này sẽ được giải thích tiếp thêm trong đoạn cuối phần **Địa Giới Tứ Phần (Bhūmicatukka).**

Kết Thúc Việc Trình Bày Nhân Loại Địa Giới

PHẬT NGÔN LẬP Ý TRÌNH BÀY VỀ VẤN ĐỀ CÕI THẾ GIAN

Ayaṃ kho Ānanda mahāpaṭhavī udake patiṭṭhitā, udakaṃ vāte patiṭṭhitaṃ, vāto ākāsaṭṭho hoti – (Trích ở trong Chánh Tạng **Pāḷi** Tăng Chi Bộ Kinh). **Dịch nghĩa**

rằng: Này **Ānanda,** nền mặt quả địa cầu nằm ở trên nước, nước nằm ở trên gió, gió nằm ở trên hư không.

CÕI THẾ GIAN DỰA THEO PHẬT NGÔN CÓ Ý NGHĨA TUẦN TỰ NHƯ VẦY:

1. Nền mặt quả địa cầu có bề dầy hai trăm bốn mươi ngàn do tuần (240,000). Một nửa lớp ở phía trên là lớp đất thường nhiên, được gọi **Pamsupaṭhavī – Trần Thổ** có bề dầy một trăm hai mươi ngàn do tuần (120,000). Một nửa lớp ở phía dưới là lớp đá, được gọi **Sīlāpaṭhavī – Thạch Địa (Thạch Quyển)** có bề dầy một trăm hai mươi ngàn do tuần (120,000).

2. Nằm ở trên mặt nước. Nước tiếp giáp với quả địa cầu này là tảng băng đá, có bề dầy bốn trăm tám chục ngàn do tuần (480,000 – Thủy Quyển).

3. Tảng băng đá này nằm ở phía trên tầng lớp khí quyển hư không và có bề dầy chín trăm sáu mươi ngàn do tuần (960,000 - Mỗi một do tuần, khi tính theo đơn vị dặm thì ước lượng khoảng độ 13 dặm; khi tính theo ki lô mét thì ngang bằng 20 ki lô mét.)

4. Nối tiếp từ nơi lớp khí quyển này chuyển thành lớp hư không trống rỗng, chỉ có một màn đen tối mịt, không có nước, không có gió và có bề dầy vô hạn lượng; gọi là **Hetthimaajjatākāsa (Hạ Tầng Hư Không).** Lớp hư không ở phía trên từ nơi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Địa Giới trở đi gọi **Uparima ajjatākāsa (Thượng Tầng Hư Không).**

5. Tu Di Sơn có chiều cao một trăm sáu mươi tám ngàn do tuần (168,000). Một nửa thì ở trong mặt đại dương, và có số lượng tám mươi bốn ngàn do tuần (84,000). Một nửa kia nổi ở trên mặt đại dương, và có số lượng tám mươi bốn ngàn do tuần (84,000). Kết hợp cả hai lại là hai trăm năm mươi hai ngàn do tuần (252,000).

6. Bề rộng và chiều dài của đỉnh núi là tám mươi bốn ngàn do tuần (84,000), và có hình dáng bao trùm phủ trọn vẹn nền quả địa cầu với Thất Bảo Sơn.

7. Dọc theo tứ phía của sườn núi; phía mặt trời hiển lộ (hướng Đông) là bạc; phía mặt trời lặn (hướng Tây) là ngọc thạch anh; phía dưới (hướng Nam) là ngọc lục bảo; phía trên (hướng Bắc) là vàng, và ở phía ấy có màu sắc của nước ở trong đại dương hoặc là của hư không, màu sắc của cây cối hoặc là của lá cây. Ở trong những hướng ấy cũng có màu sắc thạch anh tím, màu sắc thủy tinh, màu thiên thanh, và ánh sắc vàng ròng, phù hợp theo màu sắc của sườn núi.

8. Từ ở đoạn giữa Tu Di Sơn trở xuống cho đến phía dưới đại dương, có năm tầng tường thành bao bọc tròn ở bên ngoài. Đó là:

+ Tầng thứ nhất hiện hữu ở phía dưới mặt nước, là chỗ nương trú Long Vương.
+ Tầng thứ hai là chỗ nương trú Kim Sí Điểu.
+ Tầng thứ ba là chỗ nương trú **Thiên Chúng Ác Dạ Xoa (Kumbhaṇḍadevatā).**
+ Tầng thứ tư là chỗ nương trú Chư Thiên.
+ Tầng thứ năm là chỗ nương trú Tứ Đại Thiên Vương.

9. Ở ngay nền móng Tu Di Sơn ấy có ba quả núi nhỏ nằm liên kết ở ba phía. Nền móng Tu Di Sơn trụ vững vàng ở trong khoảng trống chính giữa trung tâm của cả ba quả núi

nhỏ ấy. Phía trên nền móng Tu Di Sơn có một lỗ trống với bề rộng là mười ngàn do tuần, và nơi đó tạo thành cái hầm trú ẩn của Chúng A Tu La.

10. Núi của Bộ Châu nằm chắn giữa **Tiểu Thế Giới (Cūlalokadhātu).** Từng mỗi Tiểu Thế Giới có chiều cao một trăm sáu mươi bốn ngàn do tuần (164,000), chỉ thấp hơn Tu Di Sơn bốn ngàn do tuần (4,000). Một nửa ở trong mặt đại dương, và có số lượng tám mươi hai ngàn do tuần (82,000). Một nửa kia nổi ở trên mặt đại dương, và có số lượng tám mươi hai ngàn do tuần (82,000), bên trong khu vực của Núi Bộ Châu. Còn bề rộng và chiều dài bằng với nhau, tức là một triệu hai trăm lẻ ba ngàn bốn trăm năm mươi do tuần (1,203,450). Đo chu vi lọt lòng ở bên trong có được ba triệu sáu trăm mười ngàn ba trăm năm mươi do tuần (3,610,350).

11. Chu vi Tu Di Sơn có bảy tầng lớp Thất Bảo Sơn bao bọc.

+ Tầng lớp thứ nhất gọi là núi **Yugandhara** cao tám mươi bốn ngàn do tuần (84,000).

+ Tầng lớp thứ hai gọi là núi **Īsadhara** cao bốn mươi hai ngàn do tuần (42,000).

+ Tầng lớp thứ ba gọi là núi **Karavika** cao hai mươi mốt ngàn do tuần (21,000).

+ Tầng lớp thứ tư gọi là núi **Sudassana** cao mười ngàn năm trăm do tuần (10,500).

+ Tầng lớp thứ năm gọi là núi **Neminadhara** cao năm ngàn hai trăm năm mươi do tuần (5,250).

+ Tầng lớp thứ sáu gọi là núi **Vinataka** cao hai ngàn sáu trăm hai mươi lăm do tuần (2,625).

+ Tầng lớp thứ bảy gọi là núi **Assakaṇṇa** cao một ngàn ba trăm mười hai do tuần lẻ năm (1,312.5).

Mỗi tầng lớp núi ấy nằm cách xa với nhau hoặc là nằm sát khít với nhau, hoặc là chiều sâu của lòng đại dương **Sīdhantara** nằm ở ngay giữa trung tâm Thất Bảo Sơn, và bằng một phân nửa chiều cao của mỗi tầng lớp núi ấy. Có ý nghĩa khi tính đếm thì:

+ Núi **Yugandhara** cách xa với núi **Īsadhara** là bốn mươi hai ngàn do tuần (42,000). Bề dầy của núi **Yugandhara** là bốn mươi hai ngàn do tuần (42,000). Đại dương **Sīdhantara** nằm ở giữa núi **Yugandhara** với núi **Īsadhara,** và có độ sâu là bốn mươi hai ngàn do tuần (42,000).

+ Sáu tầng lớp còn lại cũng có thể tính đếm trong cùng một phương thức tương tự như vầy.

12. Núi **Yugandhara** với Tu Di Sơn cách xa với nhau là tám mươi bốn ngàn do tuần (84,000). Trong khoảng giữa của cả hai núi này có độ sâu của đại dương **Sīdhantara** là tám mươi bốn ngàn do tuần (84,000).

13. Khoảng cách ở giữa Núi Bộ Châu với Tu Di Sơn là bốn trăm bảy mươi bảy ngàn bảy trăm hai mươi lăm do tuần (477,725).

+ Khoảng cách ở giữa Núi Bộ Châu với núi **Assakaṇṇa** là ba trăm chín ngàn sáu trăm chín mươi ba do tuần với ba phần tư (309,693. 3/4).

+ Khoảng cách ở giữa khu vực Giác Ngộ (Bồ Đề Đạo Tràng) ở trong đất nước Ấn Độ với Núi Bộ Châu phía dưới (hướng Nam) của Nam Thiệm Bộ Châu là một trăm bốn ngàn bảy trăm năm mươi lăm do tuần (104,755).

+ Khoảng cách ở giữa khu vực Giác Ngộ (Bồ Đề Đạo Tràng) với Tu Di Sơn là ba trăm bảy mươi hai ngàn chín trăm ba mươi tám do tuần với ba phần tư (372,938.3/4).

Có hai đại dương hiện hữu ở trong Bộ Châu này, đó là:

1. Đại dương ở bên trong **(Antosamuddā – Nội Giới Đại Dương)**, tức là đại dương **Sīdhantara** với bảy tầng lớp.

2. Đại dương ở bên ngoài **(Bahisamuddā – Ngoại Giới Đại Dương)**, tức là đại dương nằm khoảng giữa của Núi Bộ Châu với núi **Assakaṇṇa.**

+ Khoảng cách ở giữa núi **Assakaṇṇa** với Tu Di Sơn là hai trăm bốn mươi chín ngàn hai trăm bảy mươi lăm do tuần (249,275).

14. Đại dương hiện hữu ở trong khoảng giữa Nam Thiệm Bộ Châu với Tây Ngưu Hóa Châu, hoặc là khoảng giữa Tây Ngưu Hóa Châu với Bắc Câu Lư Châu, hoặc là Bắc Câu Lư Châu với Đông Thắng Thần Châu; với những thể loại này có bề rộng bằng với nhau là sáu trăm mười ba ngàn chín trăm năm mươi do tuần (613,950). Nước ở trong trung tâm điểm của đại dương nằm ở khoảng giữa của từng mỗi một Bộ Châu với nhau thường luôn có ba loại sóng nước, đó là:

1. Sóng **Mahinda** cao sáu mươi do tuần.

2. Sóng **Gangā** cao năm mươi do tuần.

3. Sóng **Rohaṇī** cao bốn mươi do tuần.

Như có sự trình bày của Ngài Giáo Thọ Sư để ở trong Bộ Chú Giải Xua Tan Mê Mờ **(Sammohavinodanì Aṭṭhakathā)** rằng: **Mahāsamudde kira Mahindavīci nāma saṭṭhi yojanāni uggacchati, Gangāvīci nāma pannāsam, Rohanīvīci nāma cattālīsa yojanāni uggacchati.**

15. Trong hết cả Tứ Đại Bộ Châu thì Đức Phật Ngài có lập ý gọi tên của từng mỗi Bộ Châu ấy, là vì từng mỗi Bộ Châu có lãnh thổ đất đai tiếp giáp nối liền với nhau và không có bị đại dương xen kẽ. Vì thế, mới sắp đặt thành một Đại Bộ Châu. Trong từng mỗi Đại Bộ Châu có đại dương bao bọc hết cả bốn mặt.

16. Đối với Đại Bộ Châu mà được gọi tên là Nam Thiệm Bộ Châu, tức là Á Châu, Âu Châu, Mỹ Châu. Còn năm trăm Tiểu Bộ Châu làm thành phần phụ gia hiện bây giờ, đó là: Bắc Mỹ, Nam Mỹ, Anh Quốc, Úc Châu, Đảo Quốc Tích Lan, Nhật Bản, v.v.

17. Với Tiểu Bộ Châu làm thành phần phụ gia, cho dù ngay thời điểm hiện tại này quả thật đã có được phát triển và phồn thịnh, vô cùng rộng lớn và vĩ đại đi nữa; tuy nhiên vào thời kỳ bắt đầu kiến lập kiếp sống mới, tức là kiếp sống đang được hiện hành vừa chỉ trong một khoảnh khắc mới đây, gọi là **Kiến Lập Kiếp Sơ (Vaṭṭathāyīkappa)** thì không thể tìm thấy có được lục địa rộng lớn và có con người nương trú một cách đông đúc chật ních giống như hiện bây giờ.

18. Mặt trời, mặt trăng là chỗ nương trú của **Nhật Thiên Tử (Suriyadevaputta)** và **Nguyệt Thiên Tử (Candimadevaputta)** cùng với Thiên Chúng tùy tùng, đang thường luôn tuần du xung quanh Tu Di Sơn ở độ cao bằng với đỉnh núi **Yugandhara** ấy, và cách xa Cõi Nhân Thế **(Manussaloka)** bốn mươi hai ngàn do tuần (42,000).

19. Bởi do nương vào dông gió ở độ cao mà đã thổi đưa mặt trời, mặt trăng và tất cả các hành tinh có được vận hành xung quanh Tu Di Sơn. Dông gió ở độ cao **(Verambha vāta)** theo từ ngữ **Sanscrit** gọi là luồng dông gió **(Pavāha).** Luồng dông gió ở độ cao hiện hữu ở trong mức độ của mặt trời đang cực mạnh hơn cả ở trong mức độ của mặt trăng.

20. Trong bộ Phụ Chú Giải Nội Dung Cốt Yếu Giải Minh **(Sāratthadīpanīṭīkā)** đã có trình bày đến tám hầm Đại Địa Ngục hiện hữu ở phía bên trong lớp đất thường nhiên, được gọi **Pamsupaṭhavī – Trần Thổ**, trực thẳng hướng với Nam Thiện Bộ Châu **(Jambū dvīpa).** Từng mỗi hầm Đại Địa Ngục có năm hầm Du Tăng Địa Ngục bao bọc xung quanh làm thành phần phụ gia. Kết hợp cả Đại Địa Ngục và Tiểu Địa Ngục vào với nhau thì có diện tích rộng mười ngàn do tuần (10,000), cao mười ngàn do tuần (10,000) có hình dáng tứ trụ.

21. Bên trong tám hầm Đại Địa Ngục thường luôn không có Chúa Ngục **(Niraya pāla),** bởi vì ở trong đó không có trú xứ để ở, và trú xứ để ở của các hạng Chúa Ngục ấy là ở trong Du Tăng Địa Ngục.

22. Đặc biệt là từng mỗi hầm Đại Địa Ngục thì có bề rộng, chiều dài và độ cao là một trăm do tuần, hoàn toàn bằng sắt và có độ dầy là chín do tuần.

23. Trú xứ hay là các dụng cụ hành hạ tra tấn, v.v. tất cả những sự vật này đều toàn là bọn **Sắc Quý Tiết Duyên Nghiệp Lực (Kammapaccayauturūpa)** hết cả thảy. **(Sắc phát sinh từ nơi Quý Tiết có Bất Thiện Nghiệp Lực làm thành Pháp Bảo Hộ.)**

LỤC DỤC THIÊN GIỚI (DEVABHŪMI)
TUẦN TỰ TRÌNH BÀY SỰ VIỆC LIÊN QUAN VỚI SÁU CÕI THIÊN GIỚI THEO CHÚ GIẢI VÀ PHỤ CHÚ GIẢI

Chú Giải **(Vacanattha)** về từ ngữ **Deva: Pañcahi kāmeguṇehi dibbanti kiḷantīti = Deva** - Người nô đùa chơi giỡn với hết tất cả ngũ dục lạc, gọi là Chư Thiên.

Có ba chủng loại Chư Thiên, đó là:

1/ Sammutideva – Thế Tục Thiên (Danh Thiên): tức là Đức Vua (còn gọi là Thiên Tử), Hoàng Hậu cùng với Hoàng Tử và Công Chúa.

2/ Uppattideva – Sinh Khởi Thiên (Sinh Thiên): tức là tất cả Chư Thiên và Phạm Thiên.

3/ Visuddhideva – Thanh Tịnh Thiên (Tịnh Thiên): tức là tất cả các Bậc A La Hán Vô Sinh.

Đối với câu Chú Giải này lập ý chỉ trình bày đến Sinh Khởi Thiên là các bậc ở trong Lục Dục Thiên Giới.

TRÌNH BÀY TỨ ĐẠI THIÊN VƯƠNG THIÊN GIỚI

Chú Giải **(Vacanattha):**

1. Cattāro mahārājāno = Catumahārājā – Bốn vị Vua Trời của Hội Chúng Thiên, gọi là Tứ Đại Thiên Vương. Tứ Đại Thiên Vương ấy, đó là: **1.** Vua **Dhataraṭṭha, 2.** Vua **Viruḷhaka, 3.** Vua **Virūpakkha, 4.** Vua **Kuvera** hoặc Vua **Vessuvaṇṇa.** Trú xứ của các Ngài Tứ Đại Thiên Vương này là nằm ở đoạn giữa của Tu Di Sơn, và ngang với đỉnh núi **Yugandhara.**

1. Vua **Dhataraṭṭha (Trì Quốc Thiên Vương):** ở hướng Đông Tu Di Sơn, Ngài là vị cai quản tất cả Thiên Chúng Càn Thát Bà **(Gandhabba).** [Còn gọi là Đông Trì Quốc Thiên Vương]

2. Vua **Viruḷhaka (Tăng Trưởng Thiên Vương):** ở hướng Nam Tu Di Sơn, Ngài là vị cai quản tất cả Thiên Chúng Ác Dạ Xoa **(Kumbhaṇḍa).** [Còn gọi là Nam Tăng Trưởng Thiên Vương]

3. Vua **Virūpakkha (Quảng Mục Thiên Vương):** ở hướng Tây Tu Di Sơn, Ngài là vị cai quản tất cả Thiên Chúng Long Vương **(Nāgadevatā).** [Còn gọi là Tây Quãng Mục Thiên Vương]

4. Vua **Kuvera** hoặc Vua **Vessuvaṇṇa (Đa Văn Thiên Vương):** ở hướng Bắc Tu Di Sơn, Ngài là vị cai quản tất cả Quỷ Thần Dạ Xoa **(Yakkhadevatā).** [Còn gọi là Bắc Đa Văn Thiên Vương]

Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có trình bày để ở trong Kinh Tạng **Pāḷi** phần Đại Phẩm **(Mahāvaggasuttanta)** rằng:

Purimaṃ disaṃ dhataraṭṭho	**Dakkhiṇena viruḷhako**
Pacchimena virūpakkho	**Kuvero uttaraṃ disaṃ**
Cattāro te mahārājā	**Samantā caturo disā**

Dịch nghĩa rằng: Vua **Dhataraṭṭha** (Trì Quốc Thiên Vương) ở hướng Đông Tu Di Sơn, Vua **Viruḷhaka** (Tăng Trưởng Thiên Vương) ở hướng Nam Tu Di Sơn, Vua **Virūpakkha** (Quảng Mục Thiên Vương) ở hướng Tây Tu Di Sơn, Vua **Kuvera** hoặc Vua **Vessuvaṇṇa** (Đa Văn Thiên Vương) ở hướng Bắc Tu Di Sơn. Cả Tứ Đại Thiên Vương ấy ở bao bọc hết cả bốn hướng Tu Di Sơn.

Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có trình bày để ở trong Phụ Chú Giải Siêu Lý Giải Minh **(Paramatthadīpanīṭīkā)** rằng: **Tattha dhataraṭṭho gandhabbānaṃ rājā hoti, Viruḷhako kumbhaṇḍānaṃ, Virūpakkho nāgānaṃ Kuvero yakkhānaṃ.**

Dịch nghĩa rằng: Trong số lượng cả Tứ Đại Thiên Vương ấy, thì:

+ Vua **Dhataraṭṭha** là vị Chủ Quản Thiên Chúng Càn Thát Bà **(Gandhabba).**

+ Vua **Viruḷhaka** là vị Chủ Quản Thiên Chúng Ác Dạ Xoa **(Kumbhaṇḍa).**

+ Vua **Virūpakkha** là vị Chủ Quản Thiên Chúng Long Vương **(Nāgadevatā).**

+ Vua **Kuvera** hoặc Vua **Vessuvaṇṇa** là vị Chủ Quản Quỷ Thần Dạ Xoa **(Yakkha devatā).**

Tất cả bốn vị Vua Trời này là các bậc hộ trì Cõi Nhân Thế, vì thế, mới gọi là **Tứ Hộ Thế Thiên Vương (Catulokapāla).** Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có trình bày để ở trong bộ Chú Giải **Netti** rằng: **Lokaṃ pālentīti = Lokapālā, cattāro mahārājāno - Dịch nghĩa**

rằng: Các vị Chư Thiên hộ trì Cõi Nhân Thế, gọi là Hộ Thế Thiên"; đích thị chính là các Ngài Tứ Đại Thiên Vương ấy vậy.

Với người có sự hiểu biết, có sự nhận thức về các thể loại văn chương thuộc về thế gian thì gọi các Ngài Tứ Đại Thiên Vương này là Vua **Inda**, Vua **Yama,** Vua **Veruṇa,** Vua **Kuvera.** Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có trình bày để ở trong bộ Chú Giải **Netti** rằng: **Lokiyā pana indayamavaruṇkuverā lokapālāti vadanti – Dịch nghĩa rằng:** Với những người có sự nhận thức ở trong văn chương thuộc về thế gian đã gọi cả Tứ Hộ Thế Thiên này là **Inda, Yama, Veruṇa, Kuvera.**

2. Catūsu mahārājesu bhatti etesanti = Catumahārājikā – Tất cả Hội Chúng Thiên mà gọi các Ngài là Tứ Đại Thiên Vương, là bởi vì có nhiệm vụ làm người phụng dưỡng phục vụ cho hết tất cả các Ngài Tứ Đại Thiên Vương.

Giải thích rằng: Tất cả các Chư Thiên ở trong Cõi Tứ Đại Thiên Vương này, đều là Chúng tùy tùng ở dưới quyền lực của tất cả các Ngài Tứ Đại Thiên Vương đây; với nguyên nhân này, những bậc Chư Thiên này mới được gọi là các Ngài **Tứ Đại Thiên Vương**. Một trường hợp khác, có câu Chú Giải rằng: **Catumahārāje bhavāti = Catu mahārājikā** – Các bậc Chư Thiên được gọi là Tứ Đại Thiên Vương, là bởi vì được sinh khởi trong trú xứ ở nơi của các Ngài Tứ Đại Thiên Vương đang cai quản.

Giải thích rằng: Trú xứ mà tất cả các Ngài Tứ Đại Thiên Vương đang cai quản đó, tọa lạc ở đoạn giữa của Tu Di Sơn, ngang với ngọn núi **Yugandhara,** đi trở xuống cho đến nền mặt quả địa cầu của Nhân Loại, và diện tích ngang bằng với ngọn núi **Yugandhara** ấy. Có lãnh thổ mở rộng ở trong hư không tiếp giáp đến biên địa Bộ Châu và Thất Bảo Sơn, suốt cho đến cùng khắp cả đại dương. Lãnh thổ mà các Ngài Tứ Đại Thiên Vương đang cai quản đây, gọi là **Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới (Catumahārājikābhūmi).**

Như có câu Chú Giải rằng: **Cātumahārājikānaṃ nivāsāti = Catumahārājikā)** – Trú xứ các Ngài Tứ Đại Thiên Vương cùng với tất cả Chúng Thiên tùy tùng, gọi là Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới.

CHƯ THIÊN Ở DƯỚI QUYỀN LỰC CAI QUẢN CỦA TỨ ĐẠI THIÊN VƯƠNG:

1. Pabbataṭṭhadevatā – Sơn Cư Thiên: Chư Thiên nương trú dọc theo núi đồi.

2. Ākāsaṭṭhadevatā – Không Cư Thiên: Chư Thiên nương trú trong hư không.

3. Khiḍḍadosikadevatā – Ngoạn Lộng Bất Cố Tử Hoạt Chư Thiên: Chư Thiên bị mạng vong vì mê say duyệt ý trong việc nô đùa chơi giỡn đến cả việc quên thọ dụng vật thực.

4. Manopadosikadevatā – Ý Sân Chư Thiên: Chư Thiên bị mạng vong do bởi sự sân hận.

5. Sītavalāhakadevatā – Hàn Lãnh Chư Thiên: Chư Thiên làm cho hư không khởi sinh mát lạnh.

6. Uṇhavalāhakadevatā – Viêm Nhiệt Chư Thiên: Chư Thiên làm cho hư không khởi sinh nóng nực.

7. Candimadevaputtadevatā – Nguyệt Thiên Tử: Chư Thiên trú trong mặt trăng.

8. Suriyadevaputtadevatā – Nhật Thiên Tử: Chư Thiên trú trong mặt trời.

Như có phần **Pāḷi** đã có trình bày để ở trong bộ Chú Giải Xua Tan Mê Mờ **(Sammohavinodanī Aṭṭhakathā)** rằng: **Cātumahārājikā nāma sinerupabbatassa vemajjhe honti, pabbataṭṭhāpi ākāsaṭṭhāpi, tesaṃ paramparā cakkavāḷa pabbataṃ pattā, khiḍḍāpadosikā manopadosikā sītavalāhaka uṇhavalāhakā candimadeva putto suriyadeva puttoti ete sabbepi cātumahārājika devalokaṭṭhakā eva - Dịch nghĩa rằng:** Trú xứ của các Ngài Tứ Đại Thiên Vương ấy, tọa lạc ở khoảng giữa của Tu Di Sơn, kể từ ở đoạn giữa Tu Di Sơn đi trở xuống cho đến Cõi Nhân Thế **(Manussaloka)** ấy. Có hai nhóm Chư Thiên hiện hữu, đó là: nhóm hiện hữu ở trên núi đồi, và nhóm hiện hữu ở trong hư không. Trú xứ những nhóm Chư Thiên này là nối tiếp nhau cho đến bao bọc vòng quanh núi Bộ Châu. Tầng Trời Tứ Đại Thiên Vương này hiện hữu nhiều nhóm với nhau. Chính những nhóm Chư Thiên gồm có như là "Ngoạn Lộng Bất Cố Tử Hoạt Chư Thiên, Ý Sân Chư Thiên, Hàn Lãnh Chư Thiên, Viêm Nhiệt Chư Thiên, Nguyệt Thiên Tử, Nhật Thiên Tử" cũng được sắp vào trong **Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới** này vậy."

Tất cả Chư Thiên trong Tầng Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới hiện hữu được ba nhóm, đó là:

1. Bhummaṭṭhadevatā – Địa Cư Thiên: Chư Thiên trú trên mặt quả địa cầu.

2. Rukkhaṭṭhadevatā – Mộc Cư Thiên: Chư Thiên trú trên các cây cối.

3. Ākāsaṭṭhadevatā – Không Cư Thiên: Chư Thiên trú trên khoảng hư không.

1. Địa Cư Thiên tức là Chư Thiên nương trú dài theo các trú xứ như là núi đồi, sông nước, đại dương, dưới đất, nhà cửa, bảo tháp, giảng đường và cửa ngõ, v.v. Còn các Ngài Tứ Đại Thiên Vương cùng với một số Chư Thiên ở ngay vòng quanh bao bọc ở đoạn giữa Tu Di Sơn ấy thì có những tòa Thiên Cung của mình một cách riêng biệt. Đối với những Địa Cư Thiên khác, bất luận vị Thiên Tử nào không có tòa Thiên Cung riêng biệt của chính mình để nương trú, và nếu như vị ấy đi đến nương trú ở các tự viện, nhà cửa, núi đồi, đại dương, sông nước thì cũng coi như là các trú xứ ấy là Thiên Cung của mình.

2. Mộc Cư Thiên hiện hữu được hai nhóm, đó là: một nhóm có Thiên Cung ở trên cây, một nhóm kia cũng ở trên cây nhưng không có Thiên Cung. Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có trình bày để ở trong bộ Phụ Chú Giải Nội Dung Cốt Yếu Giải Minh **(Sārattha dīpanī ṭīkā)** rằng: **Rukkhadibbavimāneti ca sākhaṭṭha kavimānaṃ sandhāya vuttaṃ, rukkhassa uparinibbataṃ hi vimāna rukkha paṭibandhitā rukkhavimānanti vuccati sākhaṭṭhakavimānaṃ pana sabbasākha sannissitaṃ hutvā titthati - Dịch nghĩa rằng:** Với từ ngữ nói rằng **Rukkhavimāna** – Mộc Thiên Cung, có ý nghĩa là Thiên Cung hiện hữu ở trên ngọn cây. Quả thật là Thiên Cung hiện khởi lên trên ngọn cây đây mà gọi là Mộc Thiên Cung, vì được đặt để dính liền với ngọn cây. Còn **Sākhaṭṭhavimāna** – Chi Thiên Cung là Thiên Cung làm chỗ nương ngụ hiện hữu ở cùng khắp các cành nhánh của thân cây.

3. Không Cư Thiên: nhóm Chư Thiên này có tòa Thiên Cung một cách riêng biệt của chính mình làm thành chỗ nương trú. Chẳng hạn như là mặt trời, mặt trăng, và tất cả vì

tinh tú mà chúng ta đã có được nhìn thấy đó, đích thị chính là tòa Thiên Cung, là chỗ nương trú của tất cả các vị Không Cư Thiên. Cả nội tại và ngoại vi của tòa Thiên Cung ấy đã được kết hợp với bảy loại bảo vật cùng phát sinh với mãnh lực **Thiện Nghiệp Lực (Kusalakamma),** đó là: ngọc lục bảo, ngọc trai, ngọc san hô, ngọc mani, ngọc kim cương, bạc và vàng. Tất cả những tòa Thiên Cung này, có một số tòa Thiên Cung chỉ có được kết hợp với hai loại bảo vật, có một số tòa Thiên Cung được kết hợp với 3 – 4 – 5 – 6 loại bảo vật, và có một số tòa Thiên Cung được kết hợp với đủ cả bảy loại bảo vật; cũng do bởi từ nơi Thiện Nghiệp Lực của mình đã có được kiến tạo tích lũy. Và tất cả những tòa Thiên Cung này cũng thường luôn vận chuyển xoay quanh tròn của Tu Di Sơn. Một vài bộ Kinh đã có đề cập đến rằng: Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới này chỉ hiện hữu có hai nhóm, đó là Địa Cư Thiên và Không Cư Thiên. Còn Mộc Cư Thiên ấy được sắp vào trong Địa Cư Thiên. Như có phần **Pāḷi** đã có trình bày để ở trong bộ Chú Giải Kinh Pháp Cú, bộ Chú Giải Chủng Tộc Chư Phật và bộ Chú Giải và Phụ Chú Giải Tương Ưng Bộ Kinh – phần Phẩm Hữu Kệ rằng:

1. Bhūmitale rukkhagacchapabbatādìsu bhummaṭṭhādevatā (Dhammapada Aṭṭhakathā).

2. Bhūmāti bhūmaṭṭhapāsāṇapabbatāvanurakkhādīsuṭhitā (Buddhavamsa Aṭṭhakathā).

3. Bhūmāti bhūmavāsino (Sagāthāvaggasampayutta Aṭṭhakathā).

4. Bhūmavāsinoti bhūmipaṭiladdhavuttino, etena rukkhapabbatanivāsino pi gahitā honti (Sagāthāvaggasampayutta ṭīkā).

CÓ BỐN NHÓM CHƯ THIÊN Ở TỨ ĐẠI THIÊN VƯƠNG THIÊN GIỚI CÓ TÂM HUNG BẠO TÀN ÁC, Đó Là:

1. Yakkho, Yakkhinī: tức là Quỷ Thần Nam Dạ Xoa, Quỷ Thần Nữ Dạ Xoa.

2. Gandhabbo, Gandhabbī: tức là Thiên Nam Càn Thát Bà, Thiên Nữ Càn Thát Bà (còn gọi là Hương Thần, Tầm Hương Hành, Hương Ấm).

3. Kumbhaṇḍo, Kumbhaṇḍī: tức là Thiên Nam Ác Dạ Xoa, Thiên Nữ Ác Dạ Xoa.

4. Nāgo, Nāgī: tức là Nam Long Vương, Nữ Long Vương.

1. Quỷ Thần Dạ Xoa (Yakkha): hiện hữu hai nhóm; đó là:

+ Một nhóm có thân hình xinh đẹp và có hào quang, là một chủng loại Hữu Tình không phải là người, và nhóm này là loại **Quỷ Thần Dạ Xoa (Devatāyakkha).**

+ Một nhóm kia có thân hình xấu xa đáng ghê tởm, không có hào quang, và nhóm này là loại **Bàng Sinh Dạ Xoa (Tiracchānayakkha).**

Loại Quỷ Thần Dạ Xoa này, đôi khi có sự duyệt ý trong việc hành hạ não hại loài Hữu Tình Địa Ngục cho phải bị khốn khổ; vì thế, khi đã có Tâm nghĩ tưởng khởi lên muốn sẽ hành hạ não hại loài Hữu Tình Địa Ngục trong phút giây nào thì ngay phút giây đó hóa thân thành Chúa Ngục và đi vào Cõi Địa Ngục, lần lượt hành phạt các loài Hữu Tình Địa

Ngục vừa theo sự duyệt ý của mình. Hoặc là, khi có sự mong muốn đi ăn thịt loài Hữu Tình Địa Ngục thì cũng hóa thân làm loài Dạ Xoa Kên Kên, loài Dạ Xoa Quạ, rồi đi đến chụp bắt các loài Hữu Tình Địa Ngục ấy và ăn ngay. Những loại Quỷ Thần Dạ Xoa này ở trong quyền lực cai quản của Vua **Kuvera** hoặc Vua **Vessuvaṇṇa** (Bắc Đa Văn Thiên Vương).

2. Thiên Càn Thát Bà (Gandhabbadevatā): tức là Chư Thiên đi thọ sinh ở bên trong các loại cây có hương thơm và nương ngụ mãi ở trong đó (do đó còn gọi là Hương Thần), cho đến khi thân cây đó sẽ bị mục đổ đi, hoặc bị dông bão quật ngã cây đi, hoặc bị con người chặt đốn lấy đi để xây nhà, dựng tịnh thất, làm thuyền tàu. Cho dù bất luận là trong những sự việc này đi nữa thì các loài Thiên Càn Thát Bà (Hương Thần) này cũng không chịu rời bỏ trú xứ của mình đi, cũng vẫn khắn khít nương ngụ mãi ở trong cây ấy. Bởi do đó, bất luận trong nhà ở nào, nơi tịnh thất nào, chỗ tàu thuyền nào mà có Thiên Càn Thát Bà đến ám ngụ nương ở nơi đó thì đôi khi vị Thiên Càn Thát Bà này sẽ hiện bày, cho thị hiện đến với người đang nương ngụ ở trong trú xứ nơi ấy. Hoặc nếu không có hiện Bày, cho thị hiện thì cũng sẽ thường hay làm các việc quậy phá, tạo ra những việc khó khăn trở ngại, làm cho sinh khởi đến với người đang nương ngụ nơi ấy. Chẳng hạn như làm khởi sinh sự ốm đau bệnh hoạn, hoặc gây ra điều nguy hại đến tài sản của cải của những người ấy, dẫn đến sự tiêu tan sụp đổ đi, v.v. Chính những hạng Thiên Càn Thát Bà này mà chúng ta gọi với nhau, đích thị là "loài yêu tinh ám ngụ ở thân cây to" hoặc là "Thần vệ nữ của thuyền tàu". Như có câu Chú Giải rằng: **Paṭisandhivasena gandha rukkhesu appenti upagacchan tīti = Gandhabbā** - Tất cả Chư Thiên được gọi là Càn Thát Bà (Hương Thần), là do bởi mãnh lực của sự Tái Sinh thì thường hay nhập vào và khắn khít ám ngụ ở những loại cây có hương thơm.

CÓ MƯỜI NHÓM THIÊN CÀN THÁT BÀ SINH TRONG CÂY CÓ HƯƠNG THƠM, Đó Là:

1. Mūlagandhabba – Căn Cái Càn Thát Bà: sinh trong rễ cây.

2. Sāragandhabba - Mộc Nhục Càn Thát Bà: sinh trong lõi cây.

3. Phegguganddhabba - Chất Mộc Càn Thát Bà: sinh trong giác cây.

4. Tacagandhabba – Ngoại Tằng Càn Thát Bà: sinh trong vỏ cây.

5. Papaṭikagandhabba – Ngoại Bì Càn Thát Bà: sinh trong lớp vỏ khô ở bên ngoài của cây.

6. Rasagandhabba - Hoa Lộ Thủy Càn Thát Bà: sinh trong nước hoa.

7. Paṇṇagandhabba - Diệp Binh Càn Thát Bà: sinh trong lá cây.

8. Pupphagandhabba – Hoa Ngạc Càn Thát Bà: sinh trong bông hoa.

9. Phalagandhabba - Quả Thực Càn Thát Bà: sinh trong trái cây.

10. Kandhagandhabba – Căn Đế Càn Thát Bà: sinh trong gốc rễ.

CẢ MƯỜI NHÓM THIÊN CÀN THÁT BÀ NÀY GỌI LÀ MỘC TÀI DẠ XOA (KAṬṬHAYAKKHA)

Trong chỗ nương ngụ của Thiên Càn Thát Bà và Mộc Cư Thiên có sự khác biệt với nhau, đó là: Với vị **Mộc Cư Thiên (Rukkhaṭṭhadevatā)** đến nương ngụ vào thân cây cũng tương tự với vị Thiên Càn Thát Bà. Tuy nhiên có sự khác biệt với nhau về cách thức nương ngụ, đó là khi vị Mộc Cư Thiên đến nương ngụ vào thân cây đó, và nếu như thân cây mà mình đang nương ngụ bị đổ ngã xuống, hoặc bị con người chặt đốn đi thì vị Mộc Cư Thiên cũng sẽ chuyển đi và tiếp tục đi đến nương ngụ vào một thân cây khác. Chính là việc đó, là điều trái ngược và khác biệt với vị Thiên Càn Thát Bà, như đã có được trình bày ở phía trên rồi vậy.

Có một nhóm Thiên Càn Thát Bà sinh khởi ở trong hình tướng của Nhân Loại, tức là nhóm Thiên Càn Thát Bà làm thành một vài nhóm người nữ, là do đã từng có tạo tác **Bất Thiện Nghiệp Lực (Akusalakamma)** trong kiếp sống quá khứ; vì thế, mới phải sinh trong hình tướng của hạng nữ nhân. Nhóm Thiên Nữ Càn Thát Bà này mà trong kinh điển **Veda (Kinh Vệ Đà)** đã có gọi là **Yoginī – Nữ Đạo Sĩ.** Còn hạng nữ nhân mà bị Thiên Càn Thát Bà đi đến nương sinh (nhập vào), với hạng nữ nhân này thì Ngài cũng vẫn gọi tương tự là Nữ Đạo Sĩ, nhưng ở dân gian thì gọi với nhau là "người bị ma ám".

Có hai nhóm người mà bị ma ám nhập vào, đó là:

+ Nhóm thứ nhất bị bọn Thiên Càn Thát Bà đi đến nương sinh, là kể từ khi vẫn còn ở trong thai bào của người Mẹ (hạng nhập vào từ ở thai bào).

+ Nhóm thứ hai, là khi đã được phát triển to lớn rồi, bọn Thiên Càn Thát Bà mới đến nương sinh (ám nhập vào). Và hạng nữ nhân này mà đã bị bọn Thiên Càn Thát Bà ám nhập vào, một khi khởi sinh sự bất duyệt ý không hài lòng bất luận với một người nào rồi, và đến khi có được cơ hội thuận lợi bất luận vào thời điểm nào liền sai bảo xui khiến cho Thiên Càn Thát Bà đang ở trong xác thân của mình đây, cho đi gây ra bao sự khốn khổ, tạo ra bao điều ám hại xấu xa đến với người mà hạng nữ nhân ấy đã không có được ưa thích.

Hạng nữ nhân mà đã bị Thiên Càn Thát Bà ám nhập vào rồi, vào trong thời bình nhật thì mọi sự sinh hoạt, chẳng hạn như là việc thọ dụng vật thực, việc đi làm, tạo tác những cử chỉ, v.v. cũng tương tự giống với bao người thông thường vậy. Nhưng khi đến thời gian của ngày có mặt trăng được tròn đầy (Ngày Trăng Rằm của thời kỳ thượng huyền), với mãnh lực Thiên Càn Thát Bà đã ám nhập ở trong thân xác ấy, đã làm cho hạng nữ nhân này đi ra ngoài vơ vẩn đó đây tìm kiếm vật thực ở trong lúc nửa đêm khuya. Trong sát na đang đi vơ vẩn tìm kiếm vật thực ấy, có những tia sáng phát xuất ra từ ở xác thân do bởi thần lực của Thiên Càn Thát Bà. Bởi do đó, Thiên Càn Thát Bà này mới có tên gọi là **Juṇhā – Sáng Lạng. Dịch nghĩa là** "Chư Thiên có sự sáng lạng, rực rỡ".

Như có câu Chú Giải rằng: **Jusanti dibbantīti = Juṇhā** – Thiên Càn Thát Bà có tên gọi **Juṇhā** – Sáng Lạng vì là người làm phát xuất ra những tia sáng cho được hiện bày. Tại đây, cả ba từ ngữ nói rằng "Nữ Đạo Sĩ, Sáng Lạng và Ma ám" đều có cùng một ý nghĩa như nhau. Và tất cả Thiên Càn Thát Bà mà đã có đề cập đến rồi đây, đều ở dưới quyền lực cai quản của Vua **Dhataraṭṭha (Đông Trì Quốc Thiên Vương).**

3. Thiên Ác Dạ Xoa (Kumabhaṇḍadevatā): là một nhóm Chư Thiên mà được gọi với nhau là Ác Dạ Xoa; có đặc điểm hình tướng với thân bụng to, mắt có sắc màu đỏ và to lộ ra. Chư Thiên Ác Dạ Xoa nương trú ở hai nơi, một nơi là ở trong Cõi Nhân Thế và một nơi là ở trong Cõi Địa Ngục.

Thiên Ác Dạ Xoa nương trú trong Cõi Nhân Thế, có nhiệm vụ bảo vệ ở những nơi rừng già, núi đồi, cây cối, ao hồ, sông nước, bảo tháp Phật, bảo điện Tam Bảo, cây thuốc quý, cây có bông hoa hoặc có mùi thơm. Chẳng hạn như núi **Vepulla** có ngọc **Maṇi,** và cây xoài có tên gọi là **Abbhantara,** v.v. Những nơi mà Thiên Ác Dạ Xoa đang trông nom bảo vệ ấy, giả sử rằng có một ai xâm phạm và đi vào ở bên trong khu vực nơi mình đang trông nom bảo vệ do các Ngài Tứ Đại Thiên Vương đã có được định chế ở nơi đó, thì Thiên Ác Dạ Xoa sẽ chụp bắt lấy người ấy và ăn đi một cách vô tội.

Như có câu Chú Giải rằng: **Ratanādīni rakkhitvā asanti bhakkhantīti = Rak khasā** - Nếu có một ai đi đến và lấy các tài sản như là ngọc **Maṇi,** v.v. thì thường là Chư Thiên có tên gọi Ác Dạ Xoa đang bảo vệ các tài sản đó, sẽ chụp bắt ăn lấy người ấy.

Còn nhóm Ác Dạ Xoa đang ở trong Cõi Địa Ngục đó, tức là hạng Ác Dạ Xoa Chúa Ngục, đích thị chính là Ác Dạ Xoa Quạ, Ác Dạ Xoa Chó, Ác Dạ Xoa Kên Kên , v.v. có nhiệm vụ chực chờ để trừng phạt xử tội, và chụp bắt ăn lấy loài Hữu Tình Địa Ngục. Đối với các hàng Dạ Xoa Chúa Ngục như là Dạ Xoa Quạ, Dạ Xoa Chó, Dạ Xoa Kên Kên mà đã có được trình bày tại đây, đó là nhóm Thiên Dạ Xoa. Những hàng Thiên Ác Dạ Xoa này ở trong sự cai quản của Vua **Viruḷhaka** (Nam Tăng Trưởng Thiên Vương).

4. Thiên Long Vương (Nāgadevatā): hiện hữu với hai chủng loại, đó là **Sĩ Địa Chủng Loại (Vasundharā)** và **Thiên Địa Chủng Loại (Bhummadeva).** Chư Thiên Long Vương thường nương trú hai nơi, một nơi là dưới lớp đất thường nhiên, và một nơi dưới chân núi. Bởi do nương trú hai nơi này nên được gọi là **Địa Thiên Chủng (Paṭhavī devatā).**

Tất cả Chư Thiên Long Vương này, đôi khi cũng có sự nô đùa vui chơi với các trò chơi, và trong sát na mà Chư Thiên Long Vương đang nô đùa vui chơi và cười giỡn đó thì dẫn đến sự địa chấn mãnh liệt và làm cho quả địa cầu phải rung chuyển. Tuy nhiên cũng chẳng phải luôn là như vậy, là vì đôi khi cũng có những nguyên nhân khác nữa, và đã làm cho quả địa cầu phải bị rung chuyển vậy. Chư Thiên Long Vương thường có kiến thức **(Vijjā)** liên quan đến các học thuật về các câu kệ thần chú . Trong **bài Kinh Phạm Võng (Brahmajālasutta)** đã có trình bày tên gọi về các câu kệ chú thuật này như là **Phong Thủy Chú Thuật (Vatthuvijjā)** hoặc **Địa Lý Chú Thuật (Bhūmivijjā).** Những hạng Chư Thiên Long Vương này, một khi du hành ở trong Cõi Nhân Thế **(Manussaloka),** đôi khi ở trong nguyên hiện trạng hình tướng của mình, có đôi khi biến hóa làm con người, làm chó, làm hổ báo, hoặc làm sư tử và du hành. Nhóm Chư Thiên Long Vương này có tập khí tâm tính vui thích trong việc hành hạ trừng phạt nhóm Hữu Tình Địa Ngục, cũng cùng một kiểu loại với tất cả nhóm **Quỷ Thần Dạ Xoa (Yakkhadevatā)** và **Thiên Ác Dạ Xoa (Kumabhaṇḍa devatā).** Bởi do đó, đôi khi cũng có đi vào trong Cõi Địa Ngục để hành hạ trừng phạt nhóm Hữu Tình Địa Ngục, và hóa thân làm Dạ Xoa Kên Kên, Dạ Xoa Chó và đi chụp bắt và ăn

lấy loài Hữu Tình Địa Ngục. Những hàng Chư Thiên Long Vương này ở trong sự cai quản của Vua **Virūpakkha** (Tây Quảng Mục Thiên Vương).

Theo như đã vừa đề cập đến thì cả bốn nhóm Chư Thiên ở tầng Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới này, chẳng phải chỉ đi hành hạ não hại ở nhóm Hữu Tình khác làm cho phải bị cảm thọ khốn khổ, mà chí đến trong cùng một đồng bọn với nhau cũng vẫn thường có việc hành hạ não hại lẫn nhau và làm cho phải bị cảm thọ khốn khổ như nhau. Vì thế, hết cả Tứ Đại Thiên Vương là những bậc có quyền lực cai quản, mới sắp bày đặt để vị thủ lãnh để trông nom, và ngăn cấm không cho đi hành hạ não hại các loài Hữu Tình khác, luôn cả việc kình cãi lẫn nhau. Đôi khi ở trong Cõi Nhân Thế có rất nhiều người bị tử vong một cách khác thường, nếu như có việc sắp đặt thiết lễ cúng tế và cúng dường đến các Ngài Tứ Đại Thiên Vương thì các điều nguy hại mà đang hiện bày ở ngay trong sát na ấy cũng sẽ được thuyên giảm đi. Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có được trình bày để ở trong bộ Ngạ Quỷ Sử Ký rằng:

Cattāro ca mahārāje **Lokapāle yassasine**
Kuveraṃ Dhataraṭṭhañca **Virūpakkhaṃ Viruḷhakaṃ**
Ye ceva pūkhitā honti **Dāyakā ca anipphalā.**

Với mọi quan tâm, người có lòng
Phải dâng lễ cúng các gia tông,
Các vong linh những người quyến thuộc,
Cùng với Chư Thiên lẫn Thổ Thần.
Trì Quốc, Đa Văn, Quảng Mục Vương,
Thiên Vương Tăng Trưởng giữ cõi trần,
Tứ Thiên Vương được người tôn kính,
Thí chủ không mất quả Phước phần.
Bởi vì kêu khóc sầu bi thảm,
Thương tiếc than van chẳng ích chi,
Bất lợi vô ích người quá cố,
Khi thân nhân quen thói lệ thừa.
Song lễ vật này được cúng dâng,
Khéo bày an trú ở Chư Tăng,
Quả này hiện tại và sau nữa,
Lợi lạc lâu dài với cổ nhân.

Dịch nghĩa rằng: Các Ngài Tứ Đại Thiên Vương, đó là Vua Đa Văn, Vua Trì Quốc, Vua Quảng Mục, Vua Tăng Trưởng, là các Bậc có đại uy danh và có rất nhiều Thiên Chúng tùy tùng, là các Bậc bảo hộ canh phòng tất cả Nhân Loại; và bất luận người nào đã có thực hiện việc cúng dường đến các Ngài với **các lễ vật thanh tịnh (Amissa)** thì người ấy thường sẽ không mất đi quả phước báu trong việc cúng dường ấy mà chắc thật sẽ có được việc đáp lễ qua việc đón nhận sự an vui và sự hạnh phúc.

Tóm lại thì, tất cả các Chư Thiên ở trong tầng Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới ấy, hiện hữu với rất nhiều bọn nhóm; chẳng hạn như có một vài nhóm với hình tướng xinh đẹp,

một vài nhóm lại xấu xa ghê sợ; một vài nhóm có sự sùng tín ở trong Phật Giáo, một vài nhóm lại không có sùng tín; một vài nhóm ưa thích hành hạ não hại với loài Hữu Tình khác, một vài nhóm lại hộ trì Phật Giáo, bảo hộ Thế Gian, canh phòng các trú xứ, gìn giữ các bảo ngọc, v.v. Việc trình bày những việc hiện hành của Chư Thiên tầng Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới đây, đã có được trích lược trong bộ Chú Giải và Phụ Chú Giải Tạng Vô Tỷ Pháp, bộ Chú Giải Trường Bộ Kinh, bộ Chú Giải Túc Sinh Truyện và bộ Kinh Vệ Đà.

Kết Thúc Việc Trình Bày Chư Thiên Tầng Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới

TRÌNH BÀY TAM THẬP TAM THIÊN GIỚI

Chú Giải **(Vacanattha): Tettiṃsajanā nibbattanti etthāti = Tettiṃsā** - Cõi Thiên Giới làm thành chỗ nương sinh của số lượng ba mươi ba người, như thế mới được gọi là Tam Thập Tam Thiên Giới.

Tettiṃsa evaniruttinayena = Tāvatiṃsā - Từ ngữ nói rằng **Tettiṃsa** đích thị với tên gọi là **Tāvatiṃsa** (Đao Lợi), đó là theo phần Ngữ Pháp Học.

Giải thích trong cả hai câu Chú Giải đó là: Tầng Thiên Giới thứ hai có tên gọi là **Tāvatiṃsa** ấy, bởi do có ý nghĩa làm thành chỗ nương sinh của ba mươi ba người. Nguyên nhân làm cho khởi sinh việc gọi tên tầng Thiên Giới này là **Tāvatiṃsa** đó, đã có tích truyện sẽ được kể một cách vắn tắt như sau:

Một thuở nọ trong thời quá khứ, có một thôn làng tên gọi **Macalagāma.** Trong thôn làng này có một nhóm người với danh xưng là nhóm **Sahapuññakārī (Câu Hành Phước)** dịch nghĩa là nhóm người cùng nhau kiến tạo Phước báu. Nhóm này hiện hữu với nhau ba mươi ba người, tất cả đều là thanh niên và người trưởng nhóm có tên gọi là thanh niên **Māgha.** Cả ba mươi ba chàng thanh niên này cùng rủ nhau giúp đỡ, làm vệ sinh dọn dẹp sạch sẽ với con đường lộ ở trong khu vực của thôn làng ấy. Và một khi có đường lộ ở bất luận nơi nào mà bị hư hỏng, bị suy sụp thì họ cũng giúp đỡ, sửa chữa và trùng tu cho được tốt đẹp, để cho đem lại sự thuận tiện, thoải mái đến những cư dân trong việc đi lại. Cùng nhau tạo dựng nhà cửa, đổ đầy lu nước để cho dân chúng đi lại trên đường lộ ấy có được chỗ nương nhờ trong việc ăn uống. Kiến tạo ngôi giảng đường tại ngã tư đường lộ để cho tất cả dân chúng có được chỗ nương nhờ trong việc nghỉ ngơi. Đến khi tất cả ba mươi ba chàng thanh niên này mệnh chung thì đều được đi tái sinh trong tầng Thiên Giới thứ hai. Thanh niên **Maghā** ấy đã được tái sinh thành Ngài Thiên Vương Đế Thích; còn ba mươi hai thanh niên kia thì từng mỗi người đã cùng nhau đi tái sinh thành bậc Thiên Chủ lãnh đạo, có tên gọi là **Pajāpati, Varuṇa, Īsāna,** v.v. Với nhân này, chính tầng Thiên Giới thứ hai này mới có danh xưng là **Tettiṃsa.**

Sự việc gọi tên **Tettiṃsa** thành **Tāvatiṃsa** chỉ là sự hiện hành theo phần Văn Phạm mà có như vầy: là **Te** đổi thành **Tāva,** trừ **T** ra và **Tiṃsa** thì vẫn giữ như cũ. Khi kết hợp lại thành **Tāvatiṃsa.** Một trường hợp nữa, đổi chữ **e** thành **à** và **T** thì vẫn giữ như cũ. Con chữ **T** thứ hai đổi thành **V** và **Tiṃsa** thì vẫn giữ như cũ. Khi kết hợp lại thì thành **Tāvatiṃsa.**

Có lời vấn hỏi rằng: Trong các Bộ Châu khác, ngoài Bộ Châu chúng ta đang ở đây, cũng có tương tự tầng Thiên Giới thứ hai, như thế tầng Thiên Giới thứ hai hiện hữu ở trong các Bộ Châu khác đó, cũng sẽ có danh xưng là **Tāvatiṃsa** tương tự hay không ?

Điều này giải đáp rằng: Tầng Thiên Giới thứ hai hiện hữu trong các Bộ Châu khác cũng có danh xưng tương tự là **Tāvatiṃsa;** tuy nhiên chỉ là thể loại **Ruḷhīsaññā – Khởi Sinh Tưởng** có nghĩa là "xin vay mượn danh xưng của tầng Thiên Giới thứ hai hiện hữu trong Bộ Châu của chúng ta đây để mà định đặt danh xưng.

TRÌNH BÀY CHÚ GIẢI VÀ LỜI GIẢI THÍCH THEO MỘT CÁCH THỨC KHÁC NỮA TRONG TỪ NGỮ TĀVATIṂSA

Tāva paṭhamaṃ tiṃsati pātubhavatīti = Tāvatiṃso – Nền lục địa nào hiện khởi ở trong thế gian lần đầu tiên và trước hơn hết các lục địa khác, như thế, nền lục địa ấy mới gọi là Tam Thập Tam (Đao Lợi).

Giải thích rằng: Khi thế gian đã hoàn toàn bị hoại diệt, và đã có việc bắt đầu khởi tạo lại một thế gian mới khác nữa với trận đại hồng thủy qua một cơn mưa trút xuống một cách rất nặng nề. Cơn mưa ấy đã trút xuống đến nỗi lấp đầy những nơi bề mặt của thế gian đã bị hoại diệt. Trong lớp nước mưa đầu tiên ấy thì trong sạch và tinh khiết. Tiếp nối sau một thời gian lâu dài, lượng nước mưa ấy đã dần dần phát sinh lên cặn cáu bẩn đục, cho đến ở ngay trung tâm khởi lên một khối lớn đất. Và rồi nước mưa ấy cũng từ từ giảm xuống, tuần tự rút xuống cạn khô, cho đến được nhìn thấy nền lục địa hiện khởi nhô lên. Nhìn thấy được nền lục địa xuất hiện lần đầu tiên đây, chính là đỉnh Tu Di Sơn, mà đích thị là chỗ nương trú của Chư Thiên ở tầng thứ hai vậy. Vì thế nền lục địa này, mới được gọi là **Tāvatiṃsa (Tam Thập Tam)** dịch nghĩa là "đích thị chính nền lục địa hiện khởi lần đầu tiên này mà chúng ta gọi tên là **Tāvatiṃsa (Tam Thập Tam).**

Tầng lục địa Tam Thập Tam tọa lạc ở trên đỉnh Tu Di Sơn này, nếu đo thẳng xuống cho đến đoạn giữa của núi, đó là chỗ nương trú của Chư Thiên tầng Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới và có khoảng cách xa nhau là bốn mươi hai ngàn do tuần (42,000). Và từ tầng Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới xuống cho đến nền lục địa Nhân Loại nương trú, lại có khoảng cách xa nhau bốn mươi hai ngàn do tuần (42,000). Kết hợp lại khoảng cách chiều cao từ đỉnh Tu Di Sơn xuống cho đến nền lục địa Cõi Nhân Thế thì có chiều cao tám mươi bốn ngàn do tuần (84,000).

Khoảng cách xa nhau từ tầng Tam Thập Tam Thiên Giới đi đến tầng Dạ Ma Thiên Giới, hoặc là từ tầng Dạ Ma Thiên Giới đi đến tầng Đâu Suất Đà Thiên Giới, hoặc là từ tầng Đâu Suất Đà Thiên Giới đi đến tầng Hóa Lạc Thiên Giới và từ tầng Hóa Lạc Thiên Giới đi đến tầng Tha Hóa Tự Tại Thiên Giới thì cả năm tầng Trời này đều có khoảng cách bằng nhau, tức là theo thứ tự của từng mỗi tầng Trời thì có khoảng cách xa đều nhau bốn mươi hai ngàn do tuần (42,000).

Trên đỉnh Tu Di Sơn này có hình dáng tròn. Nếu đo theo bề rộng thì có bề rộng tám mươi bốn ngàn do tuần (84,000) và chiều cao cũng cao bằng ngần ấy. Có thủ phủ tên gọi

Sudassana (Thiện Kiến) tọa lạc ở ngay chính giữa của Tu Di Sơn. Thủ phủ Thiện Kiến này có bề rộng mười ngàn do tuần (10,000), có tường thành bao bọc cả bốn phía. Từng mỗi phía có hai trăm năm mươi cửa, và kết hợp lại cả bốn phía thì có một ngàn cửa thành. Lãnh địa trên đỉnh Tu Di Sơn thành tựu với cả bảy bảo vật, còn từng mỗi hướng phía dọc theo sườn núi của cả bốn phía thì; về hướng phía Đông là ngân bảo, về hướng phía Tây là ngọc thạch anh, về hướng phía Bắc là kim bảo, về hướng phía Nam là ngọc lục bảo. Vì thế, ai ở trong tầng Thiên Giới này, nếu sẽ đặt bàn chân xuống bất luận chỗ nào, thì bàn chân sẽ không bao giờ tiếp chạm với mặt đất được.

Sắc màu của nước biển đại dương, sắc màu của cây cối, và sắc màu vùng trời trên hư không mà ở trong từng mỗi Bộ Châu ấy thì thường không có sắc màu giống nhau. Tất cả sự việc này chính là vì tất cả những sắc màu này phải nương sinh từ ánh sáng của các loại ngọc bảo hiện hữu dọc theo sườn núi Tu Di Sơn vậy. Đối với Nam Thiệm Bộ Châu này, tọa lạc ở hướng phía Nam Tu Di Sơn, và bên sườn núi ở hướng phía Nam Tu Di Sơn này đều toàn là ngọc lục bảo. Ánh sắc của ngọc lục bảo khi chiếu rọi tiếp chạm với mặt đại dương và bầu trời, xuyên thấu qua các tầng cây và thế là hiện hữu ở trong hướng phía này với việc hiện bày loại sắc màu xanh lục của ngọc lục bảo. Hướng phía Bắc Câu Lư Châu ấy, nước ở trong đại dương, bầu trời, và các lá cây có loại sắc màu vàng; là vì Bắc Câu Lư Châu ấy tọa lạc ở hướng phía Bắc Tu Di Sơn, và sườn núi ở hướng phía ấy được thành tựu với kim bảo. Vì thế, sắc màu của nước biển, sắc màu bầu trời và sắc màu của các lá cây mới có sắc màu vàng của kim bảo. Hướng phía Đông Thắng Thần Châu ấy, tọa lạc ở hướng phía Đông Tu Di Sơn, và hướng phía ấy được thành tựu với ngân bảo. Vì thế, sắc màu của nước ở trong đại dương, sắc màu bầu trời, và sắc màu của các lá cây ở trong Bộ Châu ấy mới có sắc màu bạc của ngân bảo. Hướng phía Tây Ngưu Hóa Châu ấy, tọa lạc ở hướng phía Tây Tu Di Sơn, và sườn núi ở hướng phía ấy được thành tựu với ngọc thạch anh. Vì thế, sắc màu của nước ở trong đại dương, sắc màu bầu trời, và sắc màu của các lá cây ở trong hướng phía ấy mới có sắc màu giống với ngọc thạch anh.

Chư Thiên ở trên tầng Tam Thập Tam thiên Giới này hiện hữu được hai nhóm, đó là: **Địa Cư Thiên (Bhummaṭṭhadevatā)** và **Không Cư Thiên (Ākāsaṭṭhadevatā).**

Địa Cư Thiên tức là ba mươi hai vị Thiên Chủ, Nhật Thiên Tử, Nguyệt Thiên Tử cùng với tất cả Thiên Chúng tùy tùng, năm nhóm Thiên A Tu La hiện hữu ở dưới Tu Di Sơn này, cũng đều là ở trong nhóm Địa Cư Thiên như nhau. Không Cư Thiên tức là Chư Thiên ở trong Thiên Cung bay lơ lửng giữa hư không, kể từ đỉnh Tu Di Sơn suốt cho đến tiếp giáp ranh giới của núi Bộ Châu. Một vài Thiên Cung vẫn còn là Thiên Cung bỏ trống, vì vẫn chưa có Chư Thiên đến trú ngụ. Ở ngay trung tâm điểm của thủ phủ Thiện Kiến có tòa cung điện **Vejayanta (Chiến Thắng Bảo Điện),** là chỗ nương trú Vua **Sakka** (Đế Thích). Tọa lạc ở hướng phía Đông thủ phủ có một hoa viên tên gọi vườn hoa **Nanda (Hỷ Lâm Viên),** rộng một ngàn do tuần. Bên trong hoa viên này có hai hồ hoa sen với, một hồ có tên gọi là **Mahānandā (Đại Hoan Hỷ),** và một hồ có tên gọi **Cūḷanandā (Tiểu Hoan Hỷ).** Bao bọc vòng quanh hồ sen với bờ hồ đã được trải rắc đá, làm thành chỗ ngồi để nghỉ ngơi. Trải rắc

đá vòng quanh ở nơi hồ nào rồi, thì tên gọi của việc trải rắc đá ấy là dựa theo tên gọi của chính hồ sen ấy vậy.

Hướng phía Tây có hoa viên tên gọi vườn hoa **Cittaralatā,** rộng năm trăm do tuần, hiện hữu với hai hồ hoa sen, một hồ có tên gọi **Vicittarā,** và một hồ có tên gọi **Cūḷacittar.** Hướng phía Bắc có hoa viên tên gọi vườn hoa **Missaka,** rộng năm trăm do tuần, hiện hữu với hai hồ hoa sen, một hồ có tên gọi **Dhammā,** và một hồ có tên gọi **Sudhammā.** Hướng phía Nam có hoa viên tên gọi vườn hoa **Phārusaka,** rộng bảy trăm do tuần, hiện hữu với hai hồ hoa sen, một hồ có tên gọi **Bhaddā,** một hồ có tên gọi **Subhaddā.**

Những hoa viên ở cả bốn nơi này, là tụ điểm nô đùa vui chơi giải trí và nghỉ ngơi của tất cả Chư Thiên nương trú ở tầng Tam Thập Tam Thiên Giới này. Về hướng phía Đông Bắc thủ phủ Thiện Kiến, có hai khu hoa viên với một khu hoa viên có tên gọi vườn hoa **Puṇḍarika,** và không có sự hiện bày rộng lớn bao nhiêu; một khu hoa viên kia có tên gọi vườn hoa **Mahāvanna,** có bề rộng bảy trăm do tuần. Cả hai khu hoa viên này, với vườn hoa **Puṇḍarika** có cây **Pāricchattaka** hay là **Pārijāta** (Cây San Hô – tên cây hoa trong vườn thượng uyển thuộc bảo điện tòa thiên cung Ngài Thiên Vương Đế Thích) cao một trăm do tuần, có tán nhánh cây rộng lớn năm mươi do tuần. Khi đến mùa trổ hoa thì hương thơm lan tỏa xa đến một trăm do tuần. Phía dưới cây San Hô có bảo thạch tọa **Paṇḍukambala** (ngai vàng của Ngài Thiên Chủ Đế Thích) và bảo thạch tọa này rộng năm mươi do tuần, dài sáu mươi do tuần, dầy mười lăm do tuần, có màu sắc đỏ hồng giống như hoa dâm bụt **(Japā)** và có đặc tính đàn hồi co dãn được, tức là xẹp xuống trong sát na ngồi và nổi phồng lên, trở lại thường nhiên trong sát na đứng dậy. Có ngôi giảng đường là điểm tụ hội để Thính Pháp có tên gọi giảng đường **Sudhammā (Đế Thích Thiện Pháp Đường),** có bảo tháp bằng ngọc lục bảo với tên gọi **Cūḷāmaṇī (Tiểu Ngọc Như Ý Bảo Tháp)** và cao một trăm do tuần.

Bên trong tòa bảo tháp có tôn trí thờ Ngọc Xá Lợi Răng Nhọn Bên Phải của Bậc Chánh Đẳng Giác cùng với búi tóc của Ngài đã cắt liệng bỏ trong lúc xuất ly để tu hành. Lại nữa, vườn hoa **Mahāvanna** là vườn ngự uyển của Vua Trời **Sakka** (Đế Thích Thiên Vương) đến ngự lãm để vui chơi duyệt ý, và có hồ hoa sen rộng một do tuần với tên gọi **Sunandā** cùng với một trăm tòa Thiên Cung.

TRÌNH BÀY NHỮNG CẢNH DUYỆT Ý (IṬṬHĀRAMMAṆA) HIỆN HỮU TRONG TẦNG TAM THẬP TAM THIÊN GIỚI

Tất cả Chư Thiên mà đã được tái sinh trong tầng Tam Thập Tam Thiên Giới (Đao Lợi Thiên Giới) này, đều toàn là người đã đang thụ hưởng **Thiên Sản (Dibbasampatti)** là thành quả Phước Báu đã đang gặt hái từ nơi **Thiện Nghiệp Lực (Kusalakamma)** có được kiến tạo ở trong thời quá khứ. Vì thế, các thể loại Cảnh đã đang được đón nhận ở trong tầng Tam Thập Tam Thiên Giới này, mới toàn là những Cảnh khả ái và xinh đẹp hết cả. Từng mỗi vị của Chư Thiên Nam đều có sắc thân hình tướng ở trong lứa tuổi khoảng độ hai mươi tuổi như nhau. Từng mỗi vị của Chư Thiên Nữ cũng đều có sắc thân hình tướng ở trong lứa tuổi khoảng độ mười sáu tuổi như nhau cả. Sự lão mại tức là tóc bạc, răng gẫy, mắt mờ, tai

điếc, thịt da nhăn nheo. Với những thể loại này đã không hề có đối với Chư Thiên ở tầng Tam Thập Tam Thiên Giới, và họ chỉ có duy nhất là luôn mãi xinh đẹp, khỏe khoắn, và mỹ lệ. Sự ốm đau tức là sự bệnh hoạn đau nhức cũng không hề có. Thọ dụng vật thực thì thuộc thể loại vi tế vào hàng **Tịnh Thực (Sudhābhojana).**

Với nhân này, ở trong nội thân mới không có những phần bất tịnh phân phẩn và tiểu tiện. Chư Thiên Nữ cũng không có bất tịnh kinh nguyệt và không có phải hoài thai. Còn **Địa Cư Thiên Nữ (Bhummaṭṭhadevatādhītu)** thì có một số vị cũng giống với hạng nữ nhân bình thường, là vì vẫn có kinh nguyệt và phải hoài thai.

Lẽ thường tất cả Chư Thiên ở trong Cõi Thiên Giới ấy, với hàng Thiên Nam Tử và Thiên Nữ Tử **(Puttadhītu)** khi đi tái sinh thì không giống với người ở Cõi Nhân Loại. Khi sẽ đi tái sinh, tất cả Thiên Nam Tử và Thiên Nữ Tử thường là hóa sinh ở trong lòng của tất cả Chư Thiên. Nếu hàng Thiên Nữ sẽ đi tái sinh làm thê thiếp, thường là hóa sinh ở trong bộ đệm nơi thụy phòng. Chư Thiên có trách nhiệm trang điểm với những phục trang, vận mặc trang sức v.v. thường là hóa sinh ở vòng quanh thụy phòng. Nếu sẽ làm **phục dịch viên (Veyyāvaccakara)** thường là hóa sinh ở trong nội phủ của Thiên Cung. Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có trình bày để ở trong Bộ Chú Giải bài **Kinh Đế Thích Sở Vấn Kinh (Sakkapañhāsuttanta Aṭṭhakathā)** và Bộ Chú Giải Ngũ Thập Căn Nguyên **(Mūḷapaṇṇā saka Aṭṭhakathā)** rằng: **Devānaṃ dhītā ca puttā ca aṅke nibbattanti pādaparicārikā itthiyo sayane nibbattanti tāsaṃ maṇḍana pasādhana kārikā devatā sayanaṃ parivāretvā nibbattanti veyyāvaccakarā antovimāne nibbattanti**

+ Tất cả Chư Thiên một khi đi hóa sinh ở bên trong tòa Thiên Cung của bất luận một vị Thiên Chủ nào rồi thì trở thành vị Thiên Nam Tử hoặc Thiên Nữ Tử phụ thuộc vào chỗ mới vừa nương sinh ấy, hoặc trở thành phục dịch viên của vị Thiên Chủ tòa Thiên Cung ấy, và không có một vị Thiên Chủ nào khác sẽ đi đến để tranh cãi và giành giật lấy đi được.

+ Nếu như vị Thiên Nam Tử hoặc vị Thiên Nữ Tử lại đi hóa sinh ở ngoại vi, nằm ở khoảng giữa ranh giới của hai tòa Thiên Cung của hai vị Thiên Chủ ấy thì sẽ khởi sinh lên việc tranh cãi lẫn nhau, để giành giật lấy vị Thiên Tử mới vừa nương sinh ấy, cho thuộc quyền sở hữu của mình.

+ Nếu như hai bên không có khả năng để sẽ quyết định được rằng vị Thiên Tử vừa mới nương sinh ấy sẽ là của ai thì cùng rủ nhau đi đến tòa Thiên Phủ của Đức Thiên Vương Đế Thích **(Sakka)** là vị Thượng Thủ thù thắng hơn tất cả Thiên Chúng. Nếu như Thiên Cung của bất luận vị Thiên Chủ nào mà ở gần hơn hết thì Ngài Thiên Vương **Kosīya** (cái tên thứ mười sáu (16) trong hai mươi (20) cái tên của Thiên Vương Đế Thích) sẽ phán quyết cho thuộc về vị Thiên Chủ ấy. Thế thì cuối cùng là vị Thiên Tử nào mà vừa mới hóa sinh ở gần Thiên Cung của vị Thiên Chủ nào thì sẽ thuộc về vị Thiên Chủ ấy.

+ Nếu như vị Thiên Tử vừa mới hóa sinh ấy lại hiện khởi ở ngay chính giữa cách đều nhau của hai Thiên Cung thuộc hai vị Thiên Chủ ấy, và vị Thiên Tử vừa mới nương sinh lại quay mặt nhìn hướng về Thiên Cung của vị Thiên Chủ nào thì Ngài Thiên Vương **Kosīya** sẽ phán quyết cho thuộc về vị Thiên Chủ ấy.

+ Nếu như vị Thiên Tử vừa mới hóa sinh ấy lại không quay mặt hướng nhìn về bất luận một Thiên Cung nào thì Ngài Thiên Vương **Kosīya** sẽ phán quyết lấy và cho thuộc về của mình, để cho được chấm dứt việc tranh cãi và giành giật của các vị Thiên Chủ ấy.

Một vài vị Thiên Chủ có tới năm trăm (500), bảy trăm (700), một ngàn (1,000) vị thê thiếp làm Thiên Cung Nữ hầu hạ phục vụ. Vấn đề này đã có trình bày để cho thấy được rằng số lượng Chư Thiên mà không có tòa Thiên Cung làm chỗ nương trú cho riêng mình thì quả là có rất nhiều. Và ở trong Cõi Thiên Giới này cũng hiện hành na ná y như thể với Cõi Nhân Loại, tức là cũng có việc kình cãi, cãi vã lẫn nhau; và cũng có người phán xử giải quyết sự việc y như nhau. Thiên Nam Tử và Thiên Nữ Tử mà ở trong Cõi Thiên Giới này cũng có việc đi tìm kiếm lẫn nhau, giao du qua lại và thăm hỏi với nhau, cũng tương tự y như ở trong Cõi Nhân Loại. Cần nên hiểu biết được qua tích truyện về Thiên Nam Tử có tên gọi **Pañcasīkha,** là một chàng nhạc sĩ Càn Thát Bà khảy nhạc cụ. Thiên Nam Tử này tinh thông trong việc khẩy đàn với cây đàn có tên gọi **Beluva,** và thông thạo trong việc ca hát, và đã đem lòng yêu thương Thiên Nữ Tử **Sūriyavacchasā**, là ái nữ của một vị Thiên Chủ có tên gọi **Timbaru** (Vua Càn Thát Bà).

Một hôm, Thiên Nam Tử **Pañcasīkha** đã tìm đến Thiên Nữ Tử **Sūriyavacchasā,** đã khảy ngón đàn và hát lên với nội dung như sau:

Yaṃ me atthi kataṃ puññaṃ **Arahantesu tādisu**
Taṃ me sabbangakalyāni **Tayā saddhiṃ vipaccataṃ**

Mọi công đức Ta làm, dâng lên Bậc La Hán,
Ôi Kiều Nữ toàn thiện, Nàng là Quả của Ta.
Công đức khác của Ta, đã làm trên đời này !
Ôi Kiều Nữ toàn thiện, Nàng là Quả của Ta.

Dịch nghĩa là: Những Thiện Sự nào mà tôi đã từng kiến tạo tương ứng thích hợp đến với bậc A La Hán Vô Sinh, là bậc có nhiều Ân Đức; xin cho những Thiện Sự ấy hãy thành tựu quả Phước viên mãn đến với tôi cùng với Thiên Nữ Tử có danh xưng **Sūriya vacchasā** với mọi trường hợp.

Tuy nhiên Thiên Nữ Tử **Sūriyavacchasā** ấy, đã đem lòng yêu thương với Thiên Nam Tử **Sikhanti,** con trai Thiên Tử **Mātalī** (vị quản xa Ngài Thiên Vương Đế Thích). Khi cả hai bên không có được sự trực tiếp yêu thương nhau như vậy thì Đức Thiên Vương **Kosīya** lập ý quán sát thấy rằng vị Thiên Nam Tử **Pañcasīkha** là người có việc phúc thiện, có công lao, và đã có tạo ra nhiều công đức hạnh hữu ích đến cho Ngài rất nhiều, nên mới phán quyết đưa Thiên Nữ Tử **Sūriyavacchasā** cho đến vị Thiên Nam Tử **Pañcasīkha.**

Có một vài vị Thiên Nam Tử, cho dù có tòa Thiên Cung là của riêng mình nhưng lại thiếu vắng đi người bạn đường phối ngẫu, và như thế, đã làm cho phát sinh sự buồn chán trong mọi sự sinh hoạt của mình, không có sự vui tươi và hân hoan duyệt ý giống với các vị Thiên Nam Tử mà có đủ cả đôi bạn đường phối ngẫu. Còn các vị Thiên Nam Tử khác mà có đủ cả đôi bạn đường phối ngẫu thì thường rủ nhau đi tìm kiếm sự an vui lạc thú ở trong cả bốn khu vực cùng với Chư Thiên tùy tùng của mình.

Lại nữa, Chư Thiên tùy tùng, tòa Thiên Cung và các Cảnh Sắc, là phần tài sản của tất cả Chư Thiên ấy; cũng có sự khác biệt với nhau về mặt xinh đẹp giữa lãnh vực thù thắng và hạ liệt, là cũng do tùy thuộc vào Thiện Nghiệp Lực mà mình đã có tích phúc tạo thành tương xứng. Bởi thế, hào quang phát xuất ra từ nơi thân tướng và sắc phục cùng với những vật trang sức của tất cả Thiên Nam Tử và Thiên Nữ Tử, luôn cả tòa Thiên Cung là chỗ nương trú của mình, cũng có sự sai biệt với nhau. Một vài vị có hào quang chói sáng đến mười hai do tuần, và nếu như vị nào có nhiều phước báu hơn nữa thì có hào quang chói sáng đến cả một trăm do tuần. Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có được trình bày để ở trong Bộ Chú Giải Kinh Tạng - Đại Phẩm **(Suttanta Mahāvagga Aṭṭhakathā)** rằng: **Yā sā sabba devatānam vatthālaṅkāravimānasarīrānaṃ pabhā dvādasayojanāni pharati, mahāpuññānaṃ pana sarīrabbabhā yojanasataṃ pharati.**

Có lời vấn hỏi rằng: Tất cả những Chư Thiên ở cả sáu tầng Thiên Giới này, sẽ có được nhìn thấy lẫn nhau hay không ?

Điều này có lời giải đáp như sau: Chư Thiên ở tầng trên cao thường nhìn thấy được Chư Thiên ở tầng thấp hơn mình. Tuy nhiên Chư Thiên ở tầng dưới thấp sẽ không thể nhìn thấy được Chư Thiên ở tầng cao hơn mình. Là vì, lẽ thường tất cả Chư Thiên ở tầng trên cao ấy, có thân tướng rất là vi tế hơn cả Chư Thiên ở tầng dưới thấp hơn. Trừ khi các Chư Thiên ở tầng trên cao ấy, sẽ biến hóa thân tướng cho thành thô thiển đi, lúc bấy giờ Chư Thiên ở tầng dưới thấp hơn mới sẽ có được nhìn thấy. Tất cả sự việc này hiện hành tuần tự theo từng thứ bậc với nhau.

Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có được trình bày để ở trong Bộ Chú Giải Kinh Tạng – Đại Phẩm **(Suttanta Mahāvagga Aṭṭhakathā)** rằng: **Heṭṭhā heṭṭhā hi devatā uparūparidevānaṃ oḷāsikaṃ katvā māpitameva attabhāvaṃ passituṃ sakkonti.** Giữa Chư Thiên và Nhân Loại cũng tương tự như vậy. Nhân Loại không có khả năng sẽ được trông thấy Chư Thiên. Là vì, Chư Thiên có thân tướng vi tế, và trừ khi các Chư Thiên ấy sẽ biến hóa sắc thân thành thô thiển đi, lúc bấy giờ nhóm người ở Cõi Nhân Loại mới có khả năng sẽ được nhìn thấy.

Lại nữa, đã có được đề cập đến ở đoạn trên rằng: Tất cả các Cảnh Sắc hiện hữu ở trong tầng Tam Thập Tam Thiên Giới này đều toàn là Cảnh Duyệt Ý hết cả thảy. Và các Thiên Nam Tử với Thiên Nữ Tử ở trong tầng Thiên Giới này đều là những vị thụ hưởng từ những tài sản, các vật dụng với những vật trang sức đều thuộc về Thiên Giới cả. Ở Chư Thiên thì, một cách khác biệt với Nhân Loại, là không có vật uế trược bẩn thỉu nào sẽ phát tiết ra từ ở cửu khiếu như là ở Cõi Nhân Loại đầy tràn với các vật bất tịnh uế trược và thường luôn phát tiết ra từ ở cửu khiếu.

Như thế, tất cả Chư Thiên một khi đã ngửi thấy mùi của Nhân Loại thì sẽ có sự cảm thức như thế nào ?

Đáp rằng: Tất cả Chư Thiên khi đã ngửi thấy mùi của Nhân Loại ở cách xa đến một trăm do tuần ở trong sát na nào thì ngay sát na ấy sẽ có cảm giác tương tự với mùi chó bị thối rữa. Ngay cả là Đức Chuyển Luân Vương, cho dù là trong một ngày với hai lần cho việc tắm rửa, với ba lần cho việc thay đổi hoàng bào, và việc thoa sức toàn thân với các hương

liệu tuyệt hảo có được như vậy đi nữa; thế mà, nếu như tất cả Chư Thiên đã ngửi thấy mùi của Đức Chuyển Luân Vương ở trong khoảng cách xa là một trăm do tuần trong thời điểm nào rồi, thì cũng tương tự với việc ngửi thấy mùi chó bị thối rữa mà lấy đem cột đặt ở nơi cổ vậy.

Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có được trình bày để ở trong bộ Chú Giải Kinh Tạng – Đại Phẩm **(Suttanta Mahāvagga Aṭṭhakathā)** rằng: **Divasassa dvikkhattuṃ nahatvā vatthāni tikkhattuṃ parivattetvā alaṅkatapaṭimaṇḍitānaṃ cakkavatti ādīnampi manussānaṃ gandho yojanasate ṭhitānaṃ devatānaṃ kaṇṭhe āsatta kuṇapaṃ viya bādhatī** - Sự xinh đẹp diễm lệ và sự lạc thú thuộc về Thiên Sản ở trong tầng Tam Thập Tam Thiên Giới này thì không có tài nào miêu tả cho hết được. Những tài sản hiện hữu ở trong Cõi Nhân Thế, cho dù đó sẽ là tài sản của Đức Chuyển Luân Vương hoặc của vua chúa, bá hộ, gia chủ đi nữa, cũng không thể nào lây đem đi so sánh với Thiên Sản thuộc về Thiên Giới ấy được. Nói đến các cảnh duyệt ý hiện hữu ở trong tầng Tam Thập Tam Thiên Giới ấy thì có cảnh duyệt ý hiện hữu ở trong hoa viên **Nanda** (Hỷ Lâm Viên) là loại cảnh duyệt ý tuyệt hảo, thù thắng hơn hẳn tất cả các cảnh duyệt ý hiện hữu ở các trú xứ khác trong tầng Tam Thập Tam Thiên Giới. Bởi vì nếu như bất luận vị Thiên Nam Tử hoặc Thiên Nữ Tử nào khởi sinh sự sầu khổ, khóc than, ưu não, sợ hãi về sự chết sẽ phải đón nhận; và nếu như được vào đến nơi Hỷ Lâm Viên này rồi, thì những thể loại về sự sầu khổ, khóc than, ưu não ấy cũng được diệt mất hết cả. Vì thế, dù cho bất luận vị Thiên Tử nào hoặc Nhân Loại đi nữa, mà nếu như vẫn chưa từng vào đến bên trong Hỷ Lâm Viên này rồi, thì coi như người ấy vẫn chưa được biết đến sự lạc thú tuyệt hảo thù thắng hiện hữu ở trong tầng Tam Thập Tam Thiên Giới.

Như có phần **Pāḷi** đã có được trình bày để ở trong Chánh Tạng **Pāḷi** Tương Ưng Bộ Kinh – Phẩm Hữu Kệ **(Sagāthāvaggasaṃyutta)** có nêu rằng:

Na te sukhaṃ pajānanti Ye na passanti nandanaṃ
Āvāsaṃ naradevānaṃ Tidasānaṃ yassasinaṃ
Chúng không biết đến Lạc, Nếu không thấy "Hoan Hỷ",
Chỗ trú cả Nhân, Thiên, Chốn Thiên Giới lừng danh.

Dịch nghĩa rằng: Với những người nào mà vẫn chưa từng đi đến Hỷ Lâm Viên, chính là địa điểm vui chơi túc nguyện duyệt ý của những vị Thiên Nam Tử, Thiên Nữ Tử hữu duyên hữu phước và xinh đẹp, và có nhiều Thiên Chúng tùy tùng ở trong tầng Tam Thập Tam Thiên Giới này; những hạng người đó được gọi là người vẫn chưa hội đủ phước duyên đối với việc thụ hưởng sự lạc thú trong các Dục Lạc hiện hữu ở trong Thiên Giới này vậy. Lại nữa, Hỷ Lâm Viên này không phải đặc biệt chỉ có duy nhất ở trong tầng Tam Thập Tam Thiên Giới ấy, mà trong từng mỗi tầng Thiên Địa Giới khác cũng có tương tự như vậy; và trong việc gọi tên là Hỷ Lâm Viên ấy, bởi vì chính tại nơi ấy đích thị cũng là địa điểm khả hỷ khả ái vậy. Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có được trình bày để ở trong Bộ Chú Giải Kinh Tạng – Đại Phẩm **(Suttanta Mahāvagga Aṭṭhakathā)** rằng: **Sabbesu deva lokesu hi nandavanaṃ atthiyeva.**

Trong Bộ Phụ Chú Giải Nội Dung Cốt Yếu Giải Minh **(Sāratthadīpanīṭīkā)** đã có được trình bày để rằng: Trong cả sáu khu hoa viên mà hiện hữu ở trong tầng Tam Thập Tam Thiên Giới này đều có các cây **Thiên Mộc Thần** (còn gọi là **Kiếp Ba Thọ**), và trong từng mỗi một hoa viên thì hiện hữu đến một ngàn cây **Thiên Mộc Thần (Dibbarukkha).**

Như có **Pāḷi** trình bày rằng: **Taṃ pana dibbarukkhasahassapaṭimaṇḍitaṃ tathā nandavanaṃ phārusakavanañca.**

Ở bên trong hoa viên **Cittaralatā** có cây thân dây leo tên gọi **Āsāvatī.** Cứ mỗi một ngàn năm của tầng Tam Thập Tam Thiên Giới này mới trổ sinh trái quả một lần. Phía bên trong trái quả có một loại nước tên gọi là Thiên Tịnh Thủy. Thiên Tịnh Thủy hiện hữu ở phía bên trong trái quả này chính là loại rượu của nhóm Chư Thiên ở tầng Tam Thập Tam Thiên Giới. Bất luận vị Thiên Tử nào khi đã uống vào rồi thì sẽ khởi sinh sự chếnh choáng ngà ngà say, và thần lực của cơn say này đã làm cho ngủ bí tỉ với thời gian dài đến bốn tháng thì mới sẽ dã được rượu và tỉnh cơn say. Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có được trình bày để ở trong Chánh Tạng **Pāḷi** Túc Sinh Truyện và Thí Dụ Kinh **(Apadāna)** rằng:

Āsāvatī nāma latā Jātā cittalatāvane
Tassā vassasahassena Ekaṃ nibbattate phalaṃ

Dịch nghĩa là: Cây Thiên Dây Leo tên gọi **Āsāvatī** này hiện hữu ở trong hoa viên **Cittaralatā** và cứ một ngàn năm thì cây thiên dây leo này mới trổ sinh trái quả một lần. Hoa của cây thiên dây leo này cũng là loại Thiên Hoa.

TRÌNH BÀY TÍCH TRUYỆN NGÀI THIÊN VƯƠNG INDRA CÓ DANH HIỆU ĐẾ THÍCH (SAKKA)

Chú Giải **(Vacanattha)** về từ ngữ nói rằng **Sakka: Sakkaccaṃ dānaṃ dadātīti = Sakko** - Gọi tên Vua Trời Đế Thích **(Sakka)** là vì có việc phóng khí xả thí một cách tôn kính. Hoặc một trường hợp khác nữa: **Asure jetaṃ sakkuṇātīti = Sakko** - Gọi tên Vua Trời Đế Thích là vì có khả năng chiến thắng đối với nhóm bọn Thiên A Tu La.

Đức Thiên Vương Đế Thích hoặc còn được gọi với cái tên Vua **Kosīya Amrinda** đây, là vị cai quản tất cả Chúng Thiên Tử ở tầng Tam Thập Tam Thiên Giới và Chúng Thiên Tử ở tầng Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới. Cả hai Thiên Giới này, Tam Thập Tam Thiên Giới là chỗ nương trú Đức Vua **Kosīya Amrinda,** và Ngài ngự tại tòa Thiên Cung bằng vàng có tên gọi **Vejayanta,** có chiều cao một ngàn do tuần. Ngoại vi tòa Thiên Cung **Vejayanta** này có dựng cột cờ, và cột cờ này đã được trang hoàng với bảy thể loại bảo vật, với chiều cao ba trăm do tuần. Có chiếc long xa dành cho Vua **Kosīya** ngự và cũng có cái tên gọi tương tự là **Vejayanta.** Phần trước của chiếc long xa này là tọa vị của viên quản xa có tên gọi Thiên Tử **Mātalī.** Tọa vị này có chiều dài năm mươi do tuần. Ở phần giữa là chỗ ngự Vua **Kosīya** với chiều dài năm mươi do tuần. Phần cuối cùng cũng có chiều dài năm mươi do tuần. Tổng cộng chiều dài long xa **Vejayanta** này là một trăm năm mươi do tuần. Còn bề rộng thì năm mươi do tuần. Đo giáp vòng quanh thân chiếc long xa được bốn trăm do tuần. Ngai vàng là chỗ Vua ngự đã được thiết lập sẵn ở bên trong long xa này với bảy

thể loại bảo vật, với chiều cao một do tuần, bề rộng một do tuần, và được che với cây lọng trắng to lớn ba do tuần. Có một ngàn con tuấn mã **Sindhava** (loài ngựa thuộc giống **Sindh**) cùng với vật dụng trang hoàng được buộc vào cái càng của long xa. Và tuấn mã **Sindhava** này không phải là một loài Hữu Tình Bàng Sinh, mà đích thị chính là một vị Thiên Tử ở tầng Tam Thập Tam Thiên Giới đã hóa thân.

Đôi khi Đức Thiên Vương Đế Thích cũng dùng voi tượng làm phương tiện du hành. Tên gọi voi tượng này là **Erāvaṇa,** và cũng chẳng phải là loài voi tượng Bàng Sinh, mà chính là loại voi tượng được hình thành với việc hóa thân của một vị Thiên Tử ở trong tầng Tam Thập Tam Thiên Giới một khi Đức Thiên Vương Đế Thích có sở ý để sẽ dùng làm voi tượng. Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có được trình bày để ở trong Bộ Phụ Chú Giải Nội Dung Cốt Yếu Giải Minh **(Sāratthadīpanī ṭīkā)** rằng: **Sakkassa pana erāvano nāma hatthī diyaḍḍhayojanasatiko, sopi devaputtoyeva, na hi devalokasamim tiracchāna gatā honti** – Voi **Erāvaṇa** này có thân hình to lớn một trăm năm mươi do tuần và có ba mươi ba cái đầu.

+ Từng mỗi cái đầu có bảy cái ngà voi, và kết hợp 33 cái đầu lại có 231 cái ngà voi (33 x 7 = 231). Từng mỗi cái ngà dài năm mươi do tuần.

+ Trong từng mỗi cái ngà voi có bảy hồ hoa sen, và kết hợp 231 ngà voi lại có 1,617 hồ (231 x 7 = 1,617).

+ Từng mỗi hồ hoa sen có bảy bụi hoa sen, và kết hợp 1,617 hồ lại có 11,319 bụi hoa sen (1,617 x 7 = 11,319).

+ Từng mỗi bụi hoa sen có 7 hoa sen, và kết hợp 11, 319 bụi hoa sen có 39, 233 hoa sen (11,319 x 7 = 79,233).

+ Từng mỗi hoa sen có bảy cánh sen, và kết hợp 79, 233 hoa sen lại có 554, 631 cánh sen (79,233 x 7 = 554,631).

+ Từng mỗi cánh sen bảy vị Thiên Nữ, và kết hợp 554, 631 cánh sen lại có 3, 882, 417 vị Thiên Nữ (554, 631 x 7 = 3,882,417).

Các Thiên Nữ này đang múa hát ở bên trong 231 ngà voi và với từng mỗi cái ngà có chiều dài là năm mươi do tuần, để kính cúng dường dâng đến Đức Thiên Vương Đế Thích đang ngự lãm. Trên đỉnh khối u ở ngay chính giữa đầu của voi **Erāvaṇa** với tên gọi **Sudassana (Thiện Kiến)** có tháp kiệu chóp nhọn **(Maṇḍapa)** cao mười hai do tuần và rộng năm mươi do tuần. Phía bên trong tháp kiệu này có bảo tọa bằng ngọc **Maṇī** với bề rộng một do tuần, và đó là nơi ngự lãm của Vua Đế Thích. Vòng quanh tháp kiệu có cắm những cán cờ ở trong khoảng cách sát khít với nhau từng mỗi lá cờ có chiều dài một do tuần. Có những cái chuông hình lá bồ đề đã được treo để ở dưới cuối của mỗi cán cờ. Đến khi có gió thổi lên thì phát ra loại âm thanh tương tợ như âm thanh của tiếng khảy đàn. Đức Thiên Vương Đế Thích này, cho dù là Ngài có cả đôi mắt quả thật cũng tương tự với các vị Chư Thiên khác, tuy nhiên Nhãn Mục Vua Trời Đế Thích ấy lại có khả năng nhìn thẩm thấu được các vật thể ở rất xa và tương đương với ngàn con mắt vậy. Vì thế, Ngài mới có một danh hiệu khác nữa là **Sahassakkha – Đấng Thiên Nhãn Vương.**

Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có được trình bày để ở trong Bộ Chú Giải Túc Sinh Truyện **Sarabhaṅga (Sarabhaṅgajataka Aṭṭhakathā)** rằng: **Sahassa nettānaṃ devā naṃ dassanūpacārātikkamanasamatthoti sahassanettoti.**

LẠI NỮA, VỚI NGƯỜI SẼ THÀNH ĐỨC THIÊN VƯƠNG INDRA LÀ PHẢI HỘI ĐỦ BẢY THỂ LOẠI PHÁP (THẤT CẤM TÚC GIỚI), Đó Là:

Phụng dưỡng Mẹ Cha,
Tôn kính bậc trưởng thượng trong gia tộc,
Nói lời ngọt ngào, dễ nghe,
Không nói lời xúi giục đâm thọc,
Không có sự bủn xỉn, keo kiệt,
Có lòng trung thực,
Tự kiềm chế sự phẫn nộ sân hận.

Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có được trình bày để ở trong Bộ Chú Giải Túc Sinh Truyện **Ekanipāta (Ekanipātajataka Aṭṭhakathā)** rằng:

Mātāpetttibharaṃ jantuṃ	**Kule jeṭṭhāpacāyinaṃ**
Saṇhaṃ sakhilasambhāsaṃ	**Pesuṇeyyappahāyinaṃ**
Maccheravinaye yuttam saccaṃ	**Kodhābhibhuṃ naraṃ**
Taṃ ve devā tāvatimsā	**Āhu sappuriso iti.**
Ai hiếu dưỡng Mẹ Cha,	Kính trọng bậc gia trưởng,
Nói những lời nhu hòa,	Từ bỏ lời hai lưỡi,
Chế ngự lòng xan tham,	Là con người chân thực.
Nhiếp phục được phẫn nộ,	Với con người như vậy,
Chư Thiên Tam Thập Tam,	Gọi là Bậc Chân Nhân.

(Chú thích: Thuở xưa, khi Ngài Thiên Chủ Đế Thích hãy còn làm người ở Cõi Nhân Loại, Ngài đã chấp trì và thực hành Thất Cấm Túc Giới. Nhờ chấp trì Thất Cấm Túc Giới này, Ngài đã đạt địa vị danh hiệu Đế Thích **(Sakka).** Thế nào là Thất Cấm Túc Giới ?

1. Cho đến trọn đời, Tôi hiếu dưỡng Mẹ Cha.
2. Cho đến trọn đời, Tôi kính trọng bậc gia trưởng.
3. Cho đến trọn đời, Tôi nói lời nhu hòa.
4. Cho đến trọn đời, Tôi không nói lời hai lưỡi.
5. Cho đến trọn đời, với Tâm ly cấu uế và xan tham, Tôi sống trong gia đình với Tâm bố thí, với bàn tay sạch sẽ, hoan hỷ Xả Thí, nhiệt tâm đáp ứng các yêu cầu, hoan hỷ phân phối Vật bố thí.
6. Cho đến trọn đời, Tôi nói lời chân thực.
7. Cho đến trọn đời, Tôi không phẫn nộ; nếu Tôi có phẫn nộ thì Tôi sẽ mau chóng diệt trừ sự phẫn nộ ấy.)

TRÌNH BÀY SỰ TÍCH VỀ ĐẾ THÍCH THIỆN PHÁP ĐƯỜNG

Trong phần trước như đã có được đề cập đến, là Tam Thập Tam Thiên Giới này có rất nhiều địa điểm xinh đẹp và đặc thù, chẳng hạn như thủ phủ **Thiện Kiến (Sudassana),** bốn khu công viên và hai khu hoa viên đặc biệt nữa, đó là vườn hoa **Puṇḍarika** và vườn hoa **Mahāvanna.** Vườn hoa **Mahāvanna** ấy, là một hoa viên dành để nghỉ ngơi và một nơi túc nguyện duyệt ý của Đức Thiên Vương Đế Thích. Các thể loại này được sắp thành những địa điểm nhằm chỉ mang lại sự lạc thú ở trong lãnh vực Hiệp Thế mà thôi. Còn vườn hoa **Puṇḍarika** ấy, là một hoa viên đặc thù, có vị thế rất trọng yếu hơn hẳn các hoa viên khác, là vì đã định đặt được những Thánh Địa tôn nghiêm ở tại nơi ấy, chẳng hạn như bảo tháp **Cūḷāmaṇī (Tiểu Ngọc Như Ý Bảo Tháp),** bảo thạch tọa **Paṇḍukambala** ở ngay phía dưới cây san hô, là tọa vị mà Bậc Chánh Đẳng Giác đã từng ngự trên đó và đã khải thuyết bảy bộ kinh điển Tạng Vô Tỷ Pháp, và một ngôi giảng đường tụ hội Thiện Pháp **(Sudhammā devasabhā)** là địa điểm tất cả Chư Thiên đi đến tụ hội để được Thính Pháp.

Kế tiếp đây, sẽ trình bày đến tích truyện có liên quan với ngôi Giảng Đường Thiện Pháp (còn gọi là Đế Thích Thiện Pháp Đường) một cách đặc biệt, được có như vầy:

Đế Thích Thiện Pháp Đường này, là địa điểm tụ hội tất cả Thiên Nam Tử và Thiên Nữ Tử có sự quan tâm đến Pháp Bảo, đã cùng rủ nhau đi đến tụ hội lại để Thính Pháp và bàn luận với nhau về Phật Pháp ở tại nơi này mỗi khi có Đức Thiên Vương **Indra** làm chủ tọa. Đế Thích Thiện Pháp Đường này được hoàn thành với đủ cả bảy loại bảo vật, có chiều cao năm trăm do tuần, có bề rộng ba trăm do tuần, và đo chu vi giảng đường được 1,200 do tuần. Nền móng của ngôi giảng đường được hoàn thành với ngọc thạch anh, cột được hoàn thành với kim bảo, bộ khung mái nhà có xà ngang, rui mè, mái nhà, trần nhà, v.v. những thể loại này được hoàn thành với đủ cả bảy loại bảo vật. Lợp mái nhà với đá ngọc bích **(Indanīla – ngọc xa phia xanh**). Ở trên trần nhà và xuôi theo cây cột được trang hoàng với những điêu khắc chạm trổ các hoa văn, và được hoàn thành với ngọc san hô. Cạnh góc mái nhà có hình kim sí điểu đã được hoàn thành với ngân bảo. Ngay trung tâm nội điện ngôi giảng đường được đặt để Pháp Tòa dành để thuyết giảng Pháp Bảo, cao một do tuần và được hoàn thành với đủ cả bảy loại bảo vật cùng với cây lọng trắng cao ba do tuần. Ở cạnh bên chỗ ngồi Pháp Tòa Đức Thiên Vương **Kosīya**, kế tiếp là tọa vị theo thứ bậc của ba mươi hai vị Thiên Chủ lãnh đạo, gồm có Vua **Pajāpati,** Vua **Varuṇa,** Vua **Īsāna,** v.v. Kế tiếp theo là tọa vị của các bậc Đại Thiên khác và các vị Tiểu Thiên ở khắp mọi nơi. Đế Thích Thiện Pháp Đường này tọa lạc ở ngay sát cạnh bên cây San Hô.

Cứ hằng mỗi năm cây San Hô này lại trổ hoa một kỳ. Khi gần đến thời kỳ sắp khai hoa, lá cây ấy trổ sắc màu trắng ngà. Khi tất cả Chư Thiên nhìn thấy lá cây San Hô trổ sắc màu trắng ngà thì từng mỗi vị đều có sự hân hoan duyệt ý, chả là chẳng bao lâu nữa sẽ rủ nhau đi ngắm hoa San Hô trổ, và thế là thường lui tới để xem chừng. Khi đã đến thời kỳ khai hoa, lá cây lúc bấy giờ đã rụng xuống hết cả, và thân cây chỉ còn lại duy nhất là hoa khai nở nhụy cùng khắp mọi nơi, với sắc màu tươi đỏ của hoa San Hô, tỏa ánh sắc phổ chiếu khắp cả vùng lân cận rộng đến năm trăm do tuần, cùng với mùi hương thơm bay thuận theo

chiều gió đến một trăm do tuần. Hoa San Hô này không cần phải trèo lên cây để mà hái hoặc là phải dùng cây sào hái lượm với bất luận trường hợp nào.

+ Có một ngọn gió tên gọi **Kantana – Đoạn Hoa Phong** làm nhiệm vụ thổi cho những bông hoa ấy phải tự rơi rụng xuống hết. Và khi những bông hoa đã rơi rụng xuống hết thì cũng cần phải lấy đồ chứa đựng như là thùng, hộp v.v. đến chực chờ để hứng lấy.

+ Có một ngọn gió với tên gọi **Sampaṭicchana – Tiếp Thụ Phong** làm nhiệm vụ hứng lấy những bông hoa ấy và không cho rơi xuống đụng đến mặt đất.

+ Tiếp theo đó có một ngọn gió tên gọi **Pavesana – Đáo Đạt Phong** làm nhiệm vụ thổi lấy những bông hoa ấy cho vào trong giảng đường Thiện Pháp.

+ Có một ngọn gió tên gọi **Samijjhana – Khai Phóng Phong** làm nhiệm vụ thổi lấy những bông hoa cũ ra ngoài.

+ Và có một ngọn gió tên gọi **Santhaka – Chỉnh Túc Phong** làm nhiệm vụ sắp đặt những bông hoa ấy cho được ngay ngắn chỉnh tề, không để cho gom lại với nhau thành một khối đống.

Quy chế tụ hội để Thính Pháp trong giảng đường Thiện Pháp ấy, là khi đã đến thời điểm để được nghe **Pháp Thoại (Dhammadesanā)** thì Đức Thiên Vương **Amarinda** lập ý thổi ốc tù và có tên gọi **Vijayuttara – Thắng Minh.** Chiếc ốc tù và này có chiều dài khoảng độ 120 hắc tay. Âm thanh ốc tù và ngân vang dội cùng khắp cả hai phía, trong và ngoài thủ phủ Thiện Kiến, và mỗi một lần thổi lên thì âm thanh chiếc ốc tù và vang dội mãi suốt cả bốn tháng của Cõi Nhân Loại. Tất cả Thiên Nam Tử và Thiên Nữ Tử ở trong tầng Tam Thập Tam Thiên Giới này, khi đã được nghe âm thanh ốc tù và ngân vang lên thì ai ai cùng rủ nhau đi đến tại giảng đường này. Hào quang phát xuất ra từ ở thân tướng và ánh sáng của trang phục và vật trang sức chói sáng tỏa khắp cả giảng đường. Khi Đức Thiên Vương **Kosīya** lập ý thổi ốc tù và để thông báo đến toàn thể tất cả Thiên Chúng xong, Ngài đã cùng với bốn vị **Thiên Hậu (Mahesī)** liền ra khỏi tòa Thiên Cung **Vejayanta,** ngự lên voi **Erāvaṇa** và có đám đông Thiên Chúng vây quanh đi theo với Ngài ước chừng ba mươi sáu triệu vị, đã cùng nhau đi đến Đế Thích Thiện Pháp Đường. Đối với vị thuyết giảng Pháp Thoại ấy, tức là Ngài Phạm Thiên có danh xưng **Sunaṅkumāra** đã thường luôn ngự đến đây để thuyết giảng, tuy nhiên cũng có đôi lúc chính tự Đức Thiên Vương **Kosīya** đã có sự khải thuyết, hoặc là bất luận vị Thiên Tử nào có sự hiểu biết và liễu tri về Thiện Pháp thì cũng làm thành vị Pháp Sư trong việc thuyết giảng này vậy. Lại nữa, ngôi Giảng Đường Thiện Pháp này, không phải đặc biệt chỉ có duy nhất ở trong tầng Tam Thập Tam Thiên Giới ấy mà chí đến ở trong bốn tầng Thiên Giới ở phía trên nữa cũng vẫn có ngôi Giảng Đường Thiện Pháp tương tự như vậy.

TÍCH TRUYỆN NGÀI THIÊN VƯƠNG INDRA ĐÃ LẬP Ý KIẾN TẠO THIỆN PHÚC TRONG PHẬT GIÁO

Đức Thiên Vương **Indra** hoặc Đức Thiên Vương Đế Thích, Ngài đã là vị Chủ Tể tất cả Chúng Thiên ở tầng Tam Thập Tam Thiên Giới này trong khoảng thời gian mà Giáo Pháp

của Đức Phật Sa Môn Cồ Đàm **(Samaṇa Gotama)** vẫn chưa có xuất hiện. Như thế, sự xinh đẹp, hào quang và Thiên Cung của Ngài bị thua kém hơn một vài vị Thiên Tử ở bậc Thiên Chủ lãnh đạo; và Ngài chỉ có duy nhất là có quyền lực tối cao mà thôi. Tiếp đến, khi mà Giáo Pháp của Đức Phật Sa Môn Cồ Đàm đã có được xuất hiện, thì lúc bấy giờ sự xinh đẹp mỹ lệ của Thiên Cung và hào quang của Thiên Vương Đế Thích mới có được thành tựu viên mãn. Tất cả sự việc này cũng do bởi mãnh lực **Thiện Nghiệp Lực (Kusalakamma)** mà chính Ngài đã ngự xuống và đã cúng dường đến Ngài Đại Trưởng Lão **Mahā Kassapa** (Đại Ca Diếp). Như có tích truyện như sau:

Vào sát na Đức Thiên Vương **Indra** đang thụ hưởng Thiên Sản ở trong tầng Tam Thập Tam Thiên Giới ấy, Ngài đã ngự lãm nhìn thấy một vài vị Thiên Tử ở Bậc Thiên Chủ lãnh đạo lại có hào quang và tòa Thiên Cung xinh đẹp mỹ lệ hơn hẳn của mình rất nhiều, cho dù Ngài là bậc có quyền lực tối cao.

Ngài mới nhủ lòng nghĩ suy rằng: Bởi nguyên nhân nào mà nhóm Thiên Tử này lại có hào quang và tòa Thiên Cung xinh đẹp mỹ lệ hơn hẳn của mình rất nhiều vậy ?

Ngài liền thấu hiểu được rằng: "Sự việc là như vậy, là cũng bởi nhóm Thiên Tử này đã có kiến tạo Thiện Phúc ở trong Phật Giáo vào trong thời kỳ Giáo Pháp vẫn còn đang bảo hành trụ thế. Vì thế, Thiện Nghiệp Lực nào mà người đã có tạo ra tích lũy ở trong thời kỳ Phật Giáo vẫn còn hiện hữu thì Thiện Nghiệp Lực ấy thường có quả phước báu sung mãn thù thắng hơn cả Thiện Nghiệp Lực mà đã có tạo ra ở trong thời kỳ xa lìa Phật Giáo."

Đối với Ngài Thiên Vương có hào quang yếu kém, có tòa Thiên Cung lại thua kém hơn về phần xinh đẹp mỹ lệ ấy, là cũng do Thiện Nghiệp Lực mà Ngài đã có tạo ra và tích lũy, đã tiến hành ở trong thời kỳ xa lìa Phật Giáo. Khi Ngài đã được liễu tri như vậy thì đã nỗ lực tìm kiếm cơ hội để lập ý kiến tạo Thiện Phúc ở trong Phật Giáo cho bằng được.

Đến một hôm, với Thiên Nhãn Lực Ngài đã nhìn thấy Ngài Đại Trưởng Lão **Mahā Kassapa** (Đại Ca Diếp) vừa xuất khỏi **Thiền Diệt (Nirodhasamāpatti – Diệt Thọ Tưởng Định)** và đang định đi trì bình khất thực tế độ người nghèo khổ ở tại một thôn làng. Khi Ngài Thiên Vương đã thấu hiểu như vậy, liền có sự túc nguyện duyệt ý tột cùng, vì việc đi tìm kiếm cơ hội để sẽ kiến tạo Thiện Phúc trong Phật Giáo thì nay đã đến rồi. Ngài Thiên Vương mới rủ Thiên Hậu **Sujātā** ngự xuống Cõi Nhân Thế cùng với phần **Tịnh Thực (Sudhābhojana)** dành để cúng dường đến Ngài Đại Trưởng Lão. Khi đã ngự xuống ở Cõi Nhân Thế, liền hóa thân thành hai vợ chồng già nua dệt vải trong túp lều ở đầu đường lộ mà Ngài Đại Trưởng Lão sẽ đi qua.

Khi Ngài Đại Trưởng Lão đã xuất khỏi Thiền Diệt, liền khởi lên tác ý là sẽ đi trì bình khất thực tế độ người nghèo khổ ở tại thôn làng ấy, mới chuẩn bị y áo và ôm bình bát bước đi. Khi đã đến tại thôn làng ấy, Ngài liền dừng lại và đứng ở đàng trước căn nhà đầu tiên. Ngài Thiên Vương **Amarinda** đang cải dạng, khi vừa trông thấy Ngài Đại Trưởng Lão đứng ở đàng trước cửa túp lều của mình thì vội nhanh bước ra và bảo cho nàng **Sujātā** hãy mang lấy vật thực đến để sẽ bỏ vào trong bình bát. Nàng **Sujātā** liền lấy phần Tịnh Thực đã được chuẩn bị sẵn đem đến cho đức lang quân và Ngài Thiên Vương **Amarinda** nhận lấy phần Tịnh Thực ấy rồi bỏ vào trong bình bát của Ngài Đại Trưởng Lão.

Ở trong phút giây đầu tiên, Ngài Đại Trưởng Lão không có quán sát để biết được rằng hai vợ chồng đang đặt bát đây là Ngài Thiên Vương **Indra** và Thiên Hậu. Ngài nghĩ rằng là những người nghèo khổ thông thường giống với bao người khác vậy. Đến khi đón nhận phần vật thực mà Ngài Thiên Vương **Indra** đã cúng dường thì mùi hương thơm của vật thực ấy vừa tiếp xúc với lỗ mũi, Ngài tức thì liễu tri được rằng "đây không phải là phần vật thực thông thường, đây là loại Tịnh Thực, và hai vợ chồng già nua ấy cũng chẳng phải là người bình thường, đích thị chính là Thiên Vương **Indra** cùng với Thiên Hậu cải dạng trá hình."

Khi đã liễu tri được như thế, Ngài Đại Trưởng Lão đã quở trách Thiên Vương **Indra** rằng:

- Trong sự việc Bần Đạo đi trì bình khất thực tế độ tại nơi đây, là không có tác ý chú tâm để sẽ đi tế độ với hạng người đã có nhiều phước báu như là Ngài **Amarinda** đây. Bần Đạo lập ý chú tâm sẽ đi tế độ là chỉ với người nghèo khổ. Bởi nguyên nhân nào mà Ngài mới làm như vậy ?"

Đức Thiên Vương **Indra** mới tác bạch rằng:

- Kính bạch Tôn Giả, cũng giống như nhau, đệ tử đây cũng là hạng người nghèo khổ vậy. Vì lẽ, cho dù là đệ tử có thực sự là đấng Tối Cao trong tầng Tam Thập Tam Thiên Giới đi nữa, tuy vậy nhưng mà hào quang hoặc là Thiên Cung của đệ tử đó vẫn thua kém xa với các vị Thiên Tử khác nhiều lắm vậy. Tất cả sự việc này đích thị chính là do đệ tử đã không có được kiến tạo Thiện Phúc trong thời kỳ Phật Giáo vẫn còn hiện hữu vậy. Đến bấy giờ, đệ tử đã được hội kiến với Đức Tôn Giả, mới cần phải kiến tạo Thiện Nghiệp Lực ngay trong thời còn Giáo Pháp, để cho hào quang phún tủa nơi thân tướng và Thiên Cung của đệ tử có sự chiếu sáng rực rỡ một cách thành tựu viên mãn. Cũng chính do bởi nguyên nhân này mà đệ tử mới phải cải dạng trá hình để làm như vậy.

Nhờ vào việc cúng dường xả thí đến **Bậc Lậu Tận (Khīṇāsava)** là Ngài Đại Trưởng Lão **Mahā Kassapa** (Đại Ca Diếp) và khi đã quay trở lên và về đến Đao Lợi Thiên Giới ấy thì hào quang ở thân tướng của Ngài Thiên Vương và hào quang từ nơi Thiên Cung khởi phát lên chói sáng rực rỡ và xinh đẹp mỹ lệ một cách thành tựu viên mãn với trường hợp như vầy.

TRÌNH BÀY CÂU CHUYỆN THIÊN VƯƠNG ĐẾ THÍCH THÀNH BẬC DỰ LƯU VÀ TRONG THỜI VỊ LAI SẼ ĐẠT ĐẾN ĐỨC CHUYỂN LUÂN VƯƠNG TRONG CÕI NHÂN THẾ

Đức Thiên Vương Đế Thích **(Sakka)** sau khi đã được nghe Giáo Pháp từ nơi Đức Thế Tôn khải thuyết ở trong nội dung của bài **Kinh Phạm Võng (Brahmajālasutta)** vừa chấm dứt thì Ngài Thiên Vương đã thành đạt Quả vị Dự Lưu **(Sotāpanna – Quả Thất Lai)** và sẽ sống trong Đao Lợi Thiên Giới cho đến chấm dứt tuổi thọ. Và khi sát na Tử khởi sinh và lìa khỏi Đao Lợi Thiên Giới ấy thì sẽ đi tái sinh làm Bậc Chuyển Luân Vương ở trong Cõi Nhân Thế, và tuần tự sẽ thành đạt Quả vị thứ hai, đó là **Bậc Nhất Lai (Sakadāgāmī).** Sau khi mệnh chung lìa khỏi Cõi Nhân Loại thì sẽ đi tái sinh ở trong Đao Lợi Thiên Giới

một lần nữa, và tuần tự sẽ thành đạt Quả vị thứ ba, đó là bậc Bất Lai **(Anāgāmī).** Khi vừa chấm dứt tuổi thọ ở trong Đao Lợi Thiên Giới ấy thì sẽ đi tái sinh ở trong Ngũ **Tịnh Cư Phạm Thiên Giới (Suddhāvāsa),** kể từ tầng **Vô Phiền Phạm Thiên Giới (Avihabhūmi)** cho đến tầng **Sắc Cứu Cánh Phạm Thiên Giới (Akananiṭṭhā bhūmi)** và sẽ Viên Tịch Níp Bàn **(Parinibbāna)** ngay ở trong tầng Phạm Thiên Giới đó.

Tích truyện được trình bày ở tại đây, là đã được trích lược ở trong bài **Kinh Đế Thích Sở Vấn Kinh (Sakkapañhāsutta),** Đại Phẩm thuộc Chánh Tạng **Pāḷi** và Chú Giải.

TRÌNH BÀY TÍCH TRUYỆN THẦN ATULA RĀHŪ (ASURINDARĀHŪ)

Ở trong Đao Lợi Thiên Giới này vẫn còn có một vị Thiên Tử tên gọi **Asurinda rāhū,** có thân tướng to cao hơn tất cả các vị Thiên Tử hiện hữu ở trong cả Lục Dục Thiên Giới. Thân tướng của **Thần Atula Rāhū** có chiều cao 4,800 do tuần, khoảng cách của hai bả vai có bề rộng 1,200 do tuần, giáp vòng châu thân to 600 do tuần, lòng bàn tay và lòng bàn chân to 200 do tuần, mũi to 300 do tuần, miệng rộng 300 do tuần, mỗi ngón tay dài 50 do tuần, khoảng cách cả đôi mắt cách xa nhau 50 do tuần, vầng trán rộng 300 do tuần, cái đầu to 900 do tuần. Sự to cao **Thần Atula Rāhū** này, giá như đi xuống chỗ sâu thăm thẳm ở trong lòng đại dương ấy thì nước ở trong đại dương chỉ vừa ngập đến đầu gối. Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có được trình bày để ở trong Bộ Chú Giải Kinh Tạng – Đại Phẩm rằng: **Rāhu asurindo pana pādantato yāva kesantā yojanānaṃ cattārisahassāni aṭṭha ca satāni honti, tassa dvinnaṃ bāhānaṃ antaraṃ dvādasayojanasatikaṃ, bahalatthena chayojanasatikaṃ, hatthāpāda talāni puthulato dviyojanasatāni, tiyojanasatikā nālikā, tathā mukhaṃ, ekekaṃ aṅguli pabbaṃ paññāsa yojanaṃ, tathā bhamu kantaraṃ, nalāṭaṃ tiyojana satikaṃ, sīsaṃ navayojanasatikaṃ, tassa mahā samuddaṃ otiṇṇassa gambhīraṃ udakaṃ jānupamānaṃ hoti.**

Lịch sử có liên quan với sự to cao **Thần Atula Rāhū** cùng với thần lực của Đức Thế Tôn như sau: **Thần Atula Rāhū** này đã thụ hưởng ngôi vị Phó Vương **(Uparāja** – Phó Vương, Đông Cung Thái Tử) ở trong **Atula** Địa Giới, ở dưới chân Tu Di Sơn. **Thần Atula Rāhū** khi được nghe lời ca tụng thinh danh và tán thán ân đức thù thắng về Đức Ngài Đại Bi Chánh Đẳng Giác ở trong tất cả trú xứ của Chư Thiên; và khi được nhìn thấy tất cả Chúng Thiên đều rủ nhau đi đến trú xứ của Đức Phật, liền khởi lên nghĩ suy rằng: "Ta đây có thân hình to cao như vầy, nếu sẽ phải đi đến trú xứ của Đức Phật Ngài với thân hình nhỏ bé kia, và Ta sẽ phải cúi khom người của Ta xuống để ngắm nhìn Đức Phật như thế ấy. Thế là Ta sẽ không thể cúi khom người của Ta xuống được."

Thần Atula Rāhū nghĩ suy như vậy xong, thời không có đi đến trú xứ của Đức Phật. Thời gian trôi đi và đến một ngày nọ, **Thần Atula Rāhū** đã được nghe tất cả Chư Thiên lại ca tụng tán thán uy dũng thần lực của Bậc Chánh Đẳng Giác là vô song, vô cùng tận; mới liền khởi lên nghĩ suy rằng: "Đức Phật ở nơi ấy, là bậc Đại Hùng vô song, bậc Đại Lực tuyệt luân tối thượng như thế nào vậy ? Mà Chư Thiên mới ca tụng dữ dội như vậy. Ta sẽ cố

gắng đi xem qua một lần cho biết, nhưng mà sẽ phải cúi khom người xuống, sẽ phải quỳ xuống để ngắm nhìn, phải làm như thế nào mới sẽ nhìn thấy được Bậc Giáo Chủ này đây ?"

Thần Atula Rāhū suy nghĩ như vậy xong, và cũng có đề cập đến việc sẽ đi đến trú xứ của Đấng Đại Bi Lực. Thời lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn Ngài cũng đã thấu hiểu được tính khí **Thần Atula Rāhū** mới nghĩ suy rằng: **Rāhū** sẽ đi đến trú xứ của Như Lai trong lần này thì Như Lai sẽ thị hiện với oai nghi đứng, hay là sẽ thị hiện oai nghi ngồi, hoặc sẽ thị hiện oai nghi đi, hay là sẽ thị hiện với oai nghi nằm, phải cân nhắc suy xét **(Parivitakka)** với trường hợp nào đây !

Ngài lại suy nghĩ tiếp rằng: "Với người đứng hoặc ngồi thì cho dù là thấp cũng hiện bày y như là cao. Vì vậy, Như Lai sẽ thị hiện với oai nghi nằm đối với **Thần Atula Rāhū,** để cho **Thần Atula Rāhū** nhìn thấy Như Lai ở trong oai nghi nằm này vậy."

Khi tác ý suy nghĩ như vậy vừa xong thì Đức Phật có lời chỉ dạy với Đại Đức **Ānanda** rằng:

- Này **Ānanda** ! Ngươi hãy sửa soạn chuẩn bị chỗ ngủ của Như Lai ở trong khu vực cạnh bên Hương Thất này đi. Và Như Lai sẽ nằm nghỉ ở tại nơi ấy.

Đại Đức **Ānanda** sau khi đã thụ nhận lời dạy của Đức Phật, liền sửa soạn chuẩn bị chỗ ngủ của Đức Thế Tôn ở trong khu vực của Hương Thất. Và Đức Phật đã nằm nghỉ trong dáng con sư tử đang nằm ở tại địa điểm ấy.

Về phía **Thần Atula Rāhū,** khi vừa đi đến trú xứ của Đức Phật, đã phải ngẩng mặt lên để ngắm nhìn Đức Phật, y như đứa trẻ con ngửa mặt lên nhìn mặt trăng ở trong hư không vậy. **Đấng Hộ Trì Thế Gian (Lokanātha)** mới có lời vấn hỏi rằng:

- Này **Thần Atula Rāhū** ! Ngươi đi đến đặng nhìn thấy Như Lai vì lẽ nào vậy ?

Thần Atula Rāhū mới quỳ bạch rằng:

- Kính bạch Đấng Đại Bi Lực, Con đây đã không được thấu hiểu rằng Đức Phật Ngài là bậc Đại Hùng vô song, bậc Đại Lực tuyệt luân tối thượng như vầy. Con đây cứ tưởng rằng khi đi đến sẽ không thể nào phải cúi khom người xuống được. Và vì thế Con đây mới lơ là thờ ơ, đã không đi đến trú xứ của Đức Thế Tôn.

- Này **Thần Atula Rāhū** nên biết ! Như Lai đang khi kiến tạo tất cả các Pháp Toàn Thiện **(Pāramī – Ba La Mật),** Như Lai đã không hề cúi mặt, chùn bước đang khi hoàn thành viên mãn các Pháp Toàn Thiện. Như Lai luôn ngẩng mặt lên đang khi hoàn thành viên mãn các Pháp Toàn Thiện. Không có ưu sầu não hại, quyết không chùn bước nản lòng. Do bởi nhân này, với người có sở nguyện sở cầu sẽ được nhìn thấy Như Lai đây, sẽ không phải cúi mặt xuống để ngắm nhìn giống như ngươi vừa có suy nghĩ như vầy.

Khi vừa dứt lời như vậy, Đức Thế Tôn đã ban bố thời Pháp Thoại đến **Thần Atula Rāhū.** Và **Thần Atula Rāhū** đã đi đến xin được nương nhờ và quy ngưỡng Đức Thế Tôn.

Kết Thúc Việc Trình Bày Chư Thiên Tầng Tam Thập Tam Thiên Giới

TRÌNH BÀY DẠ MA THIÊN GIỚI (YĀMĀBHŪMI)

Chú Giải (**Vacanattha**): **Dukkhato yātā apagatāti = Yāmā** – Các Chư Thiên được gọi Dạ Ma, là bởi do đã xa lìa sự gian nan thống khổ, còn có nghĩa là tiêu diệt sự thống khổ. **Yā:** Ngữ Căn **(Dhātu)** + **Ma:** Tiếp Ngữ **(Paccaya)**.

Một trường hợp nữa: **Dibbasukhaṃyātā payātā sampattāti = Yāmā** - Chúng Thiên nào đạt đến sự tịnh lạc thì Chúng Thiên đó gọi là Dạ Ma. **Yā:** Ngữ Căn **(Dhātu)** + **Ma:** Tiếp Ngữ **(Paccaya)**.

Cả hai câu Chú Giải này, lập ý nói đến Chư Thiên hiện hữu ở trong tầng Dạ Ma Thiên Giới này. Nếu lập ý nói đến tầng Thiên Giới này thì có câu Chú Giải trình bày như vầy: **Yāmānaṃ nivāsā = Yāmā (Nivāsataddhita** – Trú Xứ - Theo Văn Phạm **Pāḷi**) Thiên Giới thành chỗ nương trú của tất cả Chư Thiên đã xa lìa hoặc đã tiêu diệt sự gian nan thống khổ và đạt đến sự an lạc thuộc Thiên Giới, do đó, Thiên Giới ấy gọi tên là Dạ Ma Thiên Giới.

Cả ba câu Chú Giải đã được trình bày tại đây, là việc trình bày theo từ ngữ **Pāḷi,** vì thế, từ ngữ Dạ Ma trong câu Chú Giải này, lập ý đề cập đến tất cả Chư Thiên hiện hữu ở trong tầng Trời thứ ba thuộc Thiên Giới, là vì những hạng Chư Thiên ấy là những vị đã xa lìa hoặc đã tiêu diệt sự gian nan thống khổ và đích thị là có sự an lạc thuộc Thiên Giới. Bởi do đó, những hạng Chư Thiên ấy mới được gọi là Dạ Ma. Trú xứ hiện hữu của tất cả nhóm Chư Thiên Dạ Ma mà được gọi tên Dạ Ma Thiên Giới ấy, đích thị là được gọi theo tên gọi của các vị Chư Thiên ấy vậy.

Lại nữa, chức vị Thiên Vương là bậc lãnh đạo Tối Cao cai quản tất cả Chúng Thiên ấy, quả là không chỉ có duy nhất ở trong tầng Tam Thập Tam Thiên Giới ấy thôi, mà chí đến ở trong từng mỗi tầng Thiên Giới khác nữa, cũng vẫn có tương tự một vị Thiên Tử ở chức vị Thiên Vương đặng cai quản tất cả Chúng Thiên như nhau.

+ Đấng Thiên Vương cai quản Chúng Thiên trong tầng Thiên Giới thứ ba ấy có danh xưng **Suyāma** hoặc **Yāmā.**

+ Đấng Thiên Vương cai quản Chúng Thiên trong tầng Thiên Giới thứ tư ấy có danh xưng **Santussita.**

+ Đấng Thiên Vương cai quản Chúng Thiên trong tầng Thiên Giới thứ năm ấy có danh xưng **Sunimmita** hoặc **Nimmita.**

+ Đấng Thiên Vương cai quản Chúng Thiên trong tầng Thiên Giới thứ sáu ấy có danh xưng **Paranimmitta.**

Vì thế, tầng Thiên Giới thứ ba mà được gọi Dạ Ma Thiên Giới ấy, là gọi theo danh xưng Đấng Thiên Vương Tối Cao như đã có đề cập đến rồi vậy. Như có câu Chú Giải đã có được trình bày để rằng: **Yāmanāmakassa devarājassa nibbattoti = Yāmo** – Thiên Giới thành chỗ nương trú của Đấng Thiên Vương có danh hiệu Dạ Ma, do bởi nhân ấy, Thiên Giới ấy mới được gọi tên Dạ Ma Thiên Giới.

Tầng Dạ Ma Thiên Giới này tọa lạc trong hư không, do đó, mới không có nhóm Địa Cư Thiên mà chỉ có một nhóm duy nhất là nhóm Không Cư Thiên. Còn Thiên Cung, Thiên Sản và thân hình tướng dạng của các Chư Thiên ở tầng Dạ Ma Thiên Giới này rất là thanh lương diễm lệ và tuổi thọ rất lâu dài hơn cả Chư Thiên ở tầng Tam Thập Tam Thiên Giới. Lãnh vực của tầng Dạ Ma Thiên Giới này trải rộng ra ngang bằng với tường thành của Bộ

Châu, và Thiên Cung là chỗ nương trú của Chư Thiên trong tầng Trời này hiện hữu ở cùng khắp mọi nơi.

Kết Thúc Việc Trình Bày Chư Thiên Tầng Dạ Ma Thiên Giới

TRÌNH BÀY ĐÂU SUẤT ĐÀ THIÊN GIỚI (TUSITĀBHŪMI)

Chú Giải **(Vacanattha): Niccaṃ tusanti ettha nibbattā devāti = Tusitā** - Thiên Giới gọi tên Đâu Suất Đà đó, là vì làm cho tất cả Chúng Thiên đi tái sinh ở trong Thiên Giới ấy thường luôn có sự an vui và hoan hỷ duyệt ý.

Giải thích rằng: Tầng Thiên Giới thứ tư này là trú xứ xa lìa sự buồn bực trong lòng và chỉ có mang lại sự hoan hỷ duyệt ý cùng với sự vui vẻ trong lòng đến với tất cả những người hiện hữu ở trong Thiên Giới này. Như thế, Thiên Giới này mới được sắp thành một loại Thiên Giới tuyệt hảo thù thắng.

Lại nữa, từng mỗi vị Giác Hữu Tình (Bồ Tát), trước khi đi tái sinh trong Cõi Nhân Thế và hoàn thành viên mãn Bậc Tối Thượng Toàn Tri Diệu Giác trong kiếp sống cuối cùng ấy, thường là tái sinh ở trong tầng Đâu Suất Đà Thiên Giới này. Tất cả các Bậc Chánh Đẳng Giác khi sẽ đi tái sinh trong thời vị lai, chẳng hạn như Đức Ngài **Ariya Mettreyya** cùng với nhị vị khi sẽ đi tái sinh thành **Bậc Chí Thượng Thinh Văn Giác (Aggasāvaka)** ấy thì trong thời gian này cũng tương tự như vậy, là đang thụ hưởng Thiên Sản trong Đâu Suất Đà Thiên Giới. Tiếp đến trong thời vị lai, khi Nhân Loại đạt đến 80,000 năm tuổi thọ thì Đức Ngài **Ariya Mettreyya** cùng với nhị vị mà sẽ thành đạt Quả vị Chí Thượng Thinh Văn Giác, sẽ tử vong lìa khỏi Đâu Suất Đà Thiên Giới và đi hạ sinh trong Cõi Nhân Thế, và chứng đắc Quả vị Toàn Tri Diệu Giác, tiếp theo là Quả vị Chí Thượng Thinh Văn Giác.

Điều này cũng là lý do để nói được rằng tầng Đâu Suất Đà Thiên Giới này, là một Thiên Giới tuyệt hảo thù thắng hơn cả các tầng Thiên Giới khác vậy. (Trích ở trong Bộ Chú Giải Vị Lai Chủng Tộc **(Anāgatavaṃsa Aṭṭhakathā).**

TRÌNH BÀY MỘT PHẦN CHÚ GIẢI KHÁC NỮA CỦA TỪ NGỮ ĐÂU SUẤT ĐÀ (TUSITĀ)

Attano sirisampattiyā tusaṃ pītaṃ itā gatāti = Tusitā - Những hạng Chư Thiên nào đi đến cùng với sự an vui và hoan hỷ duyệt ý trong phần tài sản hảo kiết tường **(Sirimaṅgala)** của mình, vì thế, những hạng Chư Thiên ấy có tên gọi Đâu Suất Đà. Trong câu Chú Giải này, từ ngữ nói rằng Đâu Suất Đà lập ý chỉ lấy danh xưng của Chư Thiên ấy thôi. Một trường hợp nữa: **Tusitānaṃ nivāsā = Tusitā** - Trú xứ thành chỗ nương trú của Chư Thiên đi đến cùng với sự an vui và hân hoan duyệt ý ở trong phần tài sản hảo kiết tường của mình, vì thế, trú xứ ấy có tên gọi Đâu Suất Đà.

Câu Chú Giải này lập ý nói đến Trú Xứ Thiên Giới. Tầng Đâu Suất Đà Thiên Giớ này cách xa với tầng Trời Dạ Ma 42,000 do tuần. Chư Thiên trong Thiên Giới này chỉ có

một nhóm duy nhất là nhóm Không Cư Thiên. Thiên Cung, Thiên Sản và thân tướng của tầng Chư Thiên này cực kỳ thanh lương thù thắng hơn hẳn tầng Dạ Ma Thiên Giới, với cả tuổi thọ cũng lâu dài hơn.

Kết Thúc Việc Trình Bày Chư Thiên Tầng Đâu Suất Đà Thiên Giới

TRÌNH BÀY HÓA LẠC THIÊN GIỚI (NIMMĀNARATIBHŪMI)

Chú Giải **(Vacanattha): Yathārucite bhoge sayameva nimminitvā nimminitvā ramanti etthāti = Nimmānaratī** - Tất cả Chư Thiên sinh ở trong Thiên Giới ấy, thường luôn tự biến hóa ra cả Ngũ Dục Lạc vừa theo sở nguyện sở cầu của chính mình, rồi thì có sự túc nguyện duyệt ý ở trong những thể loại Cảnh ấy, vì thế, Thiên Giới ấy mới có tên gọi Hóa Lạc Thiên Giới. Một trường hợp nữa: **Nimmāne rati etesanti = Nimmānaratino** - Chư Thiên có tên gọi Hóa Lạc Thiên đó, là vì có sự túc nguyện duyệt ý ở trong cả Ngũ Dục Lạc do chính mình đã tự biến hóa ra.

Nimmānaratīnaṃ nivāsā = Nimmānaratī - Thiên Giới thành chỗ nương trú của Chư Thiên có sự thường luôn thụ hưởng cả Ngũ Dục Lạc bởi do chính mình đã tự biến hóa ra, vì thế Thiên Giới ấy có tên gọi Hóa Lạc Thiên Giới.

Giải thích rằng: Trong cả bốn Thiên Giới này, kể từ Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới, Tam Thập Tam Thiên Giới, Dạ Ma Thiên Giới, Đâu Suất Đà Thiên Giới, tất cả Chư Thiên thường luôn có đôi bạn đường phối ngẫu của mình. Tuy nhiên trong tầng Hóa Lạc Thiên Giới và tầng Tha Hóa Tự Tại Thiên Giới thường không có đôi bạn đường phối ngẫu. Thiên Nam Tử hoặc Thiên Nữ Tử hiện hữu ở trong tầng Hóa Lạc Thiên Giới này, bất luận vào thời điểm nào mà có sự sở nguyện sở cầu thụ hưởng Ngũ Dục Lạc lẫn nhau thì vào thời điểm ấy tự mình phải tự biến hóa ra một Thiên Nam Tử hoặc Thiên Nữ Tử để cho mình được thụ hưởng Ngũ Dục Lạc.

Hóa Lạc Thiên Giới này ở cách xa Đâu Suất Đà Thiên Giới 42,000 do tuần, và cũng chỉ có một nhóm duy nhất là nhóm Không Cư Thiên. Sự thanh lương và sự diễm lệ của tòa Thiên Cung và thân tướng Chư Thiên ấy thù thắng hơn cả Chư Thiên hiện hữu ở trong tầng Đâu Suất Đà Thiên Giới với cả tuổi thọ cũng lâu dài hơn.

Kết Thúc Việc Trình Bày Chư Thiên Tầng Hóa Lạc Thiên Giới

TRÌNH BÀY THA HÓA TỰ TẠI THIÊN GIỚI (PARANIMMITAVASAVATTIBHŪMI)

Chú Giải **(Vacanattha): Attano ruciṃ ñatvā parehi nimmitesu bhogesu vasaṃ vattanti etthāti = Parinimmitavasavattī** - Tất cả Chư Thiên tái sinh trong Thiên Giới ấy, thường luôn thụ hưởng cả Ngũ Dục Lạc, do bởi một Thiên Tử khác thấu hiểu được sự sở

nguyện sở cầu của mình rồi biến hóa ra cho, vì thế, Thiên Giới ấy mới có tên gọi Tha Hóa Tự Tại Thiên Giới. Một trường hợp khác:

Parinimmitesu bhogesu vasaṃ vattentīti = Paranimmittavasavattino - Tất cả Chư Thiên tên gọi Tha Hóa Tự Tại vì thụ hưởng cả Ngũ Dục Lạc do bởi vị Thiên Tử khác biến hóa ra cho.

Parinimmitavasavattìnaṃ nivāsā = Parinimmitavasavattī - Thiên Giới thành chỗ nương trú của Chư Thiên được thụ hưởng Ngũ Dục Lạc do bởi vị Thiên Tử khác biến hóa ra cho, vì thế, Thiên Giới ấy có tên gọi Tha Hóa Tự Tại Thiên Giới.

Giải thích rằng: Thiên Nam Tử và Thiên Nữ Tử hiện hữu trong tầng Tha Hóa Tự Tại Thiên Giới này, bất luận vào thời điểm nào có sự mong cầu thụ hưởng cả Ngũ Dục Lạc thì vào thời điểm ấy có vị Thiên Tử phục vụ sẽ biến hóa ra để giải quyết cho vừa theo sở nguyện sở cầu của mình, vì thế, tất cả Chư Thiên hiện hữu trong tầng Tha Hóa Tự Tại Thiên Giới mới không có đôi bạn đường phối ngẫu của mình, cũng tương tự với Chư Thiên ở tầng Hóa Lạc Thiên Giới vậy.

Tha Hóa Tự Tại Thiên Giới này tọa lạc cách xa Hóa Lạc Thiên Giới 42,000 do tuần. Chư Thiên hiện hữu trong Cõi Thiên Giới này chỉ có một nhóm duy nhất là nhóm Không Cư Thiên. Sự thanh lương và sự diễm lệ của Thiên Cung và thân tướng thù thắng hơn cả Chư Thiên hiện hữu ở trong tầng Hóa Lạc Thiên Giới với cả tuổi thọ cũng lâu dài hơn.

Kết Thúc Việc Trình Bày Chư Thiên Tầng Tha Hóa Tự Tại Thiên Giới

VỊ CAI QUẢN KHẮP CẢ LỤC DỤC THIÊN GIỚI

Vị Thiên Tử có quyền lực tối thượng và thù thắng hơn tất cả Chư Thiên, đó là Thiên Tử Ma **Vasavattī** trong tầng Tha Hóa Tự Tại Thiên Giới, là vị cai quản khắp cả Lục Dục Thiên Giới. Vị Thiên Tử Ma này là vị Thiên Tử tà kiến, không có sự sùng tín ở trong Phật Giáo; là vị đã thường luôn chực chờ đặng gây ra biết bao điều trở ngại, đã tạo ra biết bao việc cản trở đối với Bậc Chánh Đẳng Giác; đã được tính kể từ khi xuất gia viễn ly thế tục **(Mahābhinikkhamana – Đại Xuất Gia)** suốt cho đến **Viên Tịch Níp Bàn (Pari nibbāna).** Và tiếp nối theo, là sau khi Bậc Chánh Đẳng Giác đã Viên Tịch Níp Bàn trải qua được ba trăm năm, vào trong thời kỳ của Đức Vua **Asoka,** bậc Hộ Pháp Vương trị vì Vương Quốc ở trong thủ phủ **Pātalīputta.** Đức Vua có lòng sùng tín ở trong Phật Giáo. Ngài đã cho kiến tạo lên những Thánh Địa tôn nghiêm, gồm có bảo tháp tôn thờ Đức Phật và các Tự Viện, với số lượng của từng mỗi thể loại là 84,000 (bảo tháp và tự viện).

+ Với 84,000 Tự Viện để làm thành việc cúng dường đến **Pháp Uẩn (Dhamma khandha)** có số lượng 84,000 Pháp Uẩn.

+ Và lập ý kiến tạo lên những đại bảo tháp tôn trí Ngọc Xá Lợi Bậc Chánh Đẳng Giác thuần túy là chỉ dành cho có chỗ nơi lễ bái cúng dường.

Khi việc kiến tạo đã được hoàn thành viên mãn thì tiến hành Đại Lễ Khánh Thành các Thánh Địa tôn nghiêm mà đã có được kiến tạo, trong thời gian là bảy tháng bảy ngày.

Trong sát na đang tiến hành cuộc Lễ ấy, vị Thiên Tử Ma này đã đi quấy nhiễu, thực hiện việc phá khuấy cuộc Lễ ấy cho bị hư hại đi bằng với nhiều hình thức của Thần Lực của mình. Tuy nhiên việc phá khuấy của vị Thiên Tử Ma này đã không thành, vì Ngài Đại Trưởng Lão **Upagutta** đã thực hiện việc cản ngăn chống lại với Thiên Tử Ma, và đã trừng phạt cùng với sự nhiếp phục Thiên Tử Ma từ bỏ sự ương ngạnh. Kết quả là Thiên Tử Ma cuối cùng rồi cũng từ bỏ Tà Kiến và đã quay trở lại sùng tín trong Phật Giáo, chí đến sẽ đạt thành sở nguyện Quả vị Phật trong thời vị lai.

VIỆC THỤ HƯỞNG DỤC LẠC CỦA THIÊN NAM TỬ VÀ THIÊN NỮ TỬ TRONG KHẮP CẢ SÁU TẦNG THIÊN GIỚI

Vấn đề này có hai trường hợp ý kiến, đó là: một trường hợp ý kiến thuộc Nhất Ban Giáo Sư **(Keci Ācariya),** và một thể loại ý kiến khác nữa thuộc Chú Giải Sư **(Aṭṭhakathā cāriya)**. Ý kiến của Nhất Ban Giáo Sư (thiểu số và cổ xưa) đã có trình bày rằng:

+ Việc thụ hưởng Dục Lạc nhóm Chư Thiên ở cả hai tầng Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới và Tam Thập Tam Thiên Giới thì hiện bày trong việc hành xử cũng tương tự theo cùng một phương thức với nhóm người ở Cõi Nhân Loại vậy.

+ Việc thụ hưởng Dục Lạc nhóm Chư Thiên tầng Dạ Ma Thiên Giới thì việc thụ hưởng với hình thức xử sự là hôn và ôm chặt thân thể lẫn nhau.

+ Việc thụ hưởng Dục Lạc nhóm Chư Thiên tầng Đâu Suất Đà Thiên Giới, chỉ có việc dùng bàn tay tiếp chạm với nhau là thành tựu mãn nguyện sự việc.

+ Việc thụ hưởng Dục Lạc nhóm Chư Thiên tầng Hóa Lạc Thiên Giới qua việc nhìn thấy và mỉm cười với nhau là thành tựu mãn nguyện sự việc.

+ Việc thụ hưởng Dục Lạc nhóm Chư Thiên tầng Tha Hóa Tự Tại Thiên Giới, là dùng vào ánh mắt (thị lực) ngắm nhìn là thành tựu mãn nguyện sự việc.

Còn ý kiến của Ngài Chú Giải Sư đã có trình bày rằng: Việc thụ hưởng Dục Lạc của nhóm Chư Thiên ở khắp cả sáu tầng Thiên Giới ấy hiện bày trong việc hành xử cũng tương tự theo cùng một phương thức với nhóm người ở Cõi Nhân Loại, và không có điều chi là khác biệt dị thường cả.

Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có được trình bày để ở trong Bộ Chú Giải Kinh Phúng Tụng **(Saṅgītisuttanta Aṭṭhakathā)** rằng: **Channampi kāmāvacarānaṃ kāmā pākatikā evaṃ - Dịch nghĩa rằng:** Việc thụ hưởng Dục Lạc của Chư Thiên ở khắp cả Lục Dục Thiên Giới đó, đích thị là hiện bày trong việc hành xử một cách bình thường, và tất cả cũng tương tự theo cùng một phương thức với nhóm người ở Cõi Nhân Loại cả thảy. Và Ngài đã có viện dẫn đề cập đến rằng: Theo ý kiến của Nhất Ban Giáo Sư thường không cách nào hiện hành được ở trong thế gian này. Là vì theo lẽ thường việc thụ hưởng Dục Lạc ấy, nếu như không có việc tiếp xúc đụng chạm về thể xác lẫn nhau thì việc thụ hưởng Dục Lạc ấy không thể nào thành tựu mãn nguyện đi được.

Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có được trình bày để ở trong Bộ Chú Giải **(Suttantapāthikavagga Aṭṭhakathā)** rằng: **Etaṃ pana natthīti paṭikkhittaṃ, na hi**

kāyena aphussantassa phoṭṭhabbaṃ kāmakiccaṃ sādheti - Dịch nghĩa rằng: Bậc Đại Chú Giải Sư đã đồng ý bác bỏ cấm chỉ ý kiến của nhóm Nhất Ban Giáo Sư ấy đi. Vì thật sự, phương thức của việc thụ hưởng Dục Lạc ở trong **Cảnh Xúc (Phoṭṭhabbārammaṇa)** như vầy, sẽ không có khả năng làm cho thành tựu mãn nguyện sự việc đối với người mà không có được tiếp xúc đụng chạm về thể xác lẫn nhau.

Ngài Giáo Thọ Sư Phụ Chú Giải Tạng Luật Thập Tam Chương **(Terasakaṇḍa vinayaṭīkā)** đã đề cập đến việc xác nhận theo ý kiến của Ngài Chú Giải Sư qua phần **Pāḷi** đã có trình bày như sau: **Manussā viya hi te dvayaṃ dvayaṃ samāpattivaseneva methunaṃ paṭisevanti** - Nhóm Chư Thiên ở trong Lục Dục Thiên Giới thường hay thụ hưởng trong việc tà hạnh, chính là với mãnh lực từ nơi việc tiếp xúc thể xác của đôi phối ngẫu với nhau, cũng cùng một phương thức tương tự với nhóm người ở Cõi Nhân Loại.

Trong Bộ Chú Giải Ngữ Tông **(Kathāvatthu Aṭṭhakathā)** đã có trình bày rằng: **Tesaṃ devānaṃ sukkavissaṭṭhi nāma natthi - Dịch nghĩa rằng:** Sự xuất tinh thường không có đối vối các Chư Thiên.

Trong Bộ Phụ Chú Giải Tạng Luật Thập Tam Chương **(Terasakaṇḍa vinayaṭīkā)** đã có trình bày rằng: **Therena vuttaṃ - Dịch nghĩa rằng:** Ngài Giáo Thọ Trưởng Lão **Hộ Pháp (Dhammapāla)** đã có đề cập rằng: Tinh dịch tức là chất lỏng chứa **tế bào sinh dục đực (Sukkadhātu)** thường không hề có đối với **Bậc Lậu Tận (Khīṇāsava)** và tất cả Chư Phạm Thiên.

Sự giao hợp trong **việc tà hạnh (Methunadhamma)** thường chỉ có duy nhất ở trong Cõi Dục Địa Giới. Nhưng khi đề cập về Người thì không có sự hiện hành hết tất cả, tức là Bậc Alahán Vô Sinh và Bậc Bất Lai đã diệt trừ tuyệt **việc giao hợp tà hạnh (Asad dhamma).** Các nhóm Hữu Tình Địa Ngục và nhóm **Ái Dục Thiêu Đốt Ngạ Quỷ (Nijjhā mataṇhikapeta)** cũng không có việc giao hợp tà hạnh. Là vì các nhóm Hữu Tình Địa Ngục và nhóm Ái Dục Thiêu Đốt Ngạ Quỷ này phải bị thụ lãnh cảm thọ thống khổ do bởi ngọn lửa thiêu đốt xác thân suốt trọn thời gian thụ lãnh khổ đau, do đó, mới không có cơ hội để sẽ nghĩ tưởng đến các sự việc này được. Các nhóm Hữu Tình khác ngoài ra những nhóm vừa kể trên thì thường luôn có việc giao hợp tà hạnh. Có câu kệ Phật ngôn trình bày **việc giáo giới (Ovāda)** trong vấn đề thọ hưởng Dục Lạc như vầy:

Peteyyasukhasamyuttaṃ **Pipāsachātapīḷitaṃ**
Dutiyasādhakaṃ kāmaṃ **Jeguccheyyuṃ na kiṃ Budhā**

Dịch nghĩa rằng: Vì sao các Bậc Trí Tuệ **(Paṇḍita)** sẽ không có sự chán ghét ghê tởm trong việc thụ hưởng Dục Lạc mà có liên quan với việc có đôi bạn đường phối ngẫu ? Do bị áp lực hành hạ của lòng khát khao dục vọng thường luôn bức bách để phải nghĩ tới điều này, và sự lạc thú khi đã được đón nhận từ việc thụ hưởng này thì cũng tương tự y như với sự lạc thú của nhóm Ngạ Quỷ thường luôn đói khát vậy.

TRONG CẢ HAI ĐỊA GIỚI, CÕI NHÂN THẾ VÀ THIÊN GIỚI ĐÂY, CÕI ĐỊA GIỚI NÀO CÓ NHIỀU BẬC THÁNH NHÂN HƠN

Đáp rằng: Ở trong Thiên Giới có nhiều Thánh Nhân hơn trong Cõi Nhân Thế. Giải thích rằng, trong thời kỳ của Đức Phật thì những vị cư sĩ tại gia và các bậc xuất gia hiện hữu ở trong những kinh thành **Sāvatthī, Rājagaha, Vesālī, Kosambi, Kapilavatthu,** v.v. Những hạng người này khi đã được nghe Pháp Thoại của Bậc Chánh Đẳng Giác rồi, đã chứng đắc được Quả vị Thất Lai cũng có, Quả vị Nhất Lai cũng có, v.v. Trong từng mỗi quốc độ, có số lượng hàng chục triệu **(Koṭi),** và khi những hạng người này đã thân hoại mạng chung lìa khỏi Cõi Nhân Loại rồi, đã đi tái sinh ở trong cả Lục Dục Thiên Giới ấy.

Còn tất cả Chư Thiên hiện hữu ở trong cả Lục Dục Thiên Giới ấy, khi đã có được cơ hội trong việc nghe những Pháp Thoại, về bảy bộ Kinh điển Tạng Vô Tỷ Pháp, **Kinh Chuyển Pháp Luân (Dhammacakkappavattanasutta), Kinh Đại Hội (Mahāsamaya sutta), Kinh Đại Niệm Xứ (Mahāsatipaṭṭhāna), Kinh Vô Ngã Tướng (Anattalakkhaṇa sutta), Kinh Hành Tâm Xả (Samacittasutta)** v.v. từng mỗi vị đã được chứng đắc Quả vị Thất Lai, Quả vị Nhất Lai; với số lượng nhiều vô số kể. Vì thế, Bậc Thánh Nhân mà sinh ở trong cả Lục Dục Thiên Giới này, không tài nào để có thể đếm được số lượng là bao nhiêu cả. Đối với cả hai nhóm Bậc Bất Lai và Bậc Alahán Vô Sinh đây thì không thể nào đếm tính được ở trong số lượng này. Là vì Bậc Bất Lai thì không tái sinh ở trong Cõi Nhân Thế, và Bậc Alahán Vô Sinh thì lại viên tịch Níp Bàn rồi. Do đó, Bậc Thánh Nhân mà hiện hữu ở trong Cõi Nhân Thế ấy, sẽ nói được rằng là có số lượng ít hơn là Bậc Thánh Nhân mà hiện hữu ở trong Cõi Thiên Giới.

Về việc Bậc Thánh Nhân ở trong Cõi Nhân Thế mà có số lượng ít hơn ở trong Thiên Giới ấy, là cũng do ở trong Cõi Nhân Thế này, phần thiểu số chỉ có một số ít người là có lòng tôn kính với Phật Giáo, chỉ có một số ít người là có sự quan tâm để ý đến trong việc thực hành Thiền Minh Sát Tuệ, **và việc sẽ được thành tựu Bậc Thánh Nhân ấy, phải cần hội đủ bảy yếu tố (Thất Chi Pháp), đó là:**

1/ Phải là người Tam Nhân **(Tihetukapuggala),**

2/ Phải từng có được việc kiến tạo Pháp Toàn Thiện (Ba La Mật) mà liên quan với Thiền Minh Sát Tuệ **(Vipassanā)** ở trong đời trước,

3/ Phải có sự kiên trì nỗ lực ở trong kiếp sống hiện tại này,

4/ Phương thức tiến tu thực hành Thiền Minh Sát Tuệ **(Vipassanādhura)** phải trung thực chân chánh, đúng theo nền tảng của Chánh Tạng **Pāḷi** và Chú Giải,

5/ Phải có trú xứ thích hợp với việc tu tập,

6/ Phải lìa xa hoặc không có mười Pháp ràng buộc **[Palibodha:** sự bế tắc, sự trở ngại, sự ngăn trở; đó là: **1. Mẹ (Mātā), 2. Cha (Pita), 3. Vợ (Bhariyà), 4. Con (Putta), 5. Quyến Thuộc (Ñāti), 6. Bạn Hữu (Mitta), 7. Của Cải (Dhana), 8. Lợi Lộc (Lābhāsak kāra), 9. Danh Vị (Yasa), 10. Ngũ Dục Lạc (Kāmaguṇa: Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc)]**

7/ Phải có thời gian thích hợp.

Như thế, quả thật là, chỉ có một số ít người có sự quan tâm để ý đến trong việc thực hành Thiền Minh Sát Tuệ. **Và cũng quả thật là khó,** khi tìm kiếm được người mà hội đủ cả bảy yếu tố như đã vừa đề cập đến ở phần trên. **Và cũng quả thật là, có người với sự hiểu biết, nghĩ suy sai trật rằng:** "Nếu như Ta đã tiến tu Thiền Minh Sát Tuệ, sẽ làm cho

Ta thành người có danh thơm tiếng tốt, sẽ được tôn kính và tín cẩn đối với khắp tất cả mọi người, làm cho việc mưu sinh của Ta sẽ được cải thiện một cách dễ dàng".

Sự hiểu biết sai trật như vậy, chẳng phải lập ý để nói rằng sẽ hiện hành đến với tất cả mọi người, mà chỉ lập ý ở trong phần đa số người mà thôi. Với nhân này, mới nói được rằng "Bậc Thánh Nhân hiện hữu ở trong Cõi Nhân Thế thì có số lượng ít hơn là Bậc Thánh Nhân hiện hữu ở trong Thiên Giới". Có Phật Ngôn dùng làm dụng cụ **phán đoán (Vinicchaya)** về năm điều, có tên gọi là **Cần Miễn Chi Phần (Padhāniyaṅga),** dùng làm mực thước để bản thân tự xét đoán rằng: kiếp này Ta có sẽ được thành tựu Bậc Thánh Nhân hay không ?" Năm điều ấy là:

1/ Phải có niềm tịnh tín, sự sùng tín ở trong Phật Bảo, Pháp Bảo, Tăng Bảo, và vị Giáo Thọ Sư chỉ dạy Thiền Minh Sát Tuệ (Đức Tin).

2/ Phải có thân thể cường tráng khỏe mạnh, không ốm đau bệnh hoạn.

3/ Phải có Tâm lương thiện, không có mánh khóe gian giảo, không có lừa Thầy phản bạn đồng tu với nhau.

4/ Phải có sự kiên trì quyết tâm rằng cho dù máu và thịt của ta đây sẽ có phải khô cạn đi, có thể chỉ còn da, gân, xương đi nữa thì Ta cũng quyết sẽ không chịu từ bỏ sự kiên trì ấy được.

5/ Trước hết hành giả trau giồi tu tập phải cho đạt đến **Sinh Diệt Trí (Udayabbaya ñāṇa).**

Phật Ngôn đã đề ra năm nguyên tắc trên đây dùng để cho bản thân tự xét đoán cho chính mình. Khi bản thân người nào đã tự xét thấy rằng hội đủ cả năm điều này thì nên vững tâm nhất định rồi cũng sẽ chứng đắc được Đạo Quả ngay trong kiếp sống này. Giả như bất luận có một điều nào bị khiếm khuyết rồi thì coi như là không có hy vọng chứng đắc Đạo Quả trong kiếp sống này vậy.

SỰ TIẾN TRIỂN PHẬT GIÁO TRONG CÕI NHÂN THẾ VÀ THIÊN GIỚI

Khi sẽ nói đến sự tiến triển **Phật Giáo (Buddhasāsanā)** hiện hữu trong Cõi Nhân Thế với Thiên Giới, ắt hẳn sẽ phải nói được rằng Phật Giáo ở trong Thiên Giới ấy, thì có sự tiến triển phồn thịnh huy hoàng hơn nhiều ở trong Cõi Nhân Thế. Vì lẽ, trong sự việc Phật Giáo sẽ có được sự tiến triển thịnh đạt, chánh yếu là cũng phải nương vào Phật Giáo Đồ. Bất luận ở trong trú xứ nào mà có đông đảo Phật Giáo Đồ thì ắt hẳn là Phật Giáo tại trú xứ ấy có được sự tiến triển thịnh đạt. Và Bậc Thánh Nhân hiện hữu trong Thiên Giới ấy, lại có số lượng nhiều hơn Bậc Thánh Nhân ở trong Cõi Nhân Loại thì điều này trình bày cho thấy được rằng Phật Giáo ở trong Thiên Giới có sự tiến triển thịnh đạt hơn nhiều, cũng chính là do có nhiều Bậc Thánh Nhân hơn.

Còn ở trong Cõi Nhân Loại ấy, thật sự Phật Giáo Đồ quả là có rất ít. Tuy vậy vẫn có điều đặc thù khác biệt với Thiên Giới, là ở trong Cõi Nhân Thế thì có **Pháp Học (Pariyattisāsanā),** tức là việc giảng dạy và việc học hành Tam Tạng, việc thuyết giảng Giáo Pháp và việc Thính Pháp. Cả bốn điều này thường luôn hiện hữu một cách đầy đủ; tuy nhiên

ở trong Thiên Giới thì chỉ có hai thể loại, đó là việc thuyết giảng Giáo Pháp và việc Thính Pháp. Một trường hợp khác nữa, là ở trong Thiên Giới thì không có Hội Chúng Tăng Đoàn, và duy nhất chỉ có ở trong Cõi Nhân Thế thôi.

Trên đây là Lục Dục Thiên Giới, tất cả đều là những Cõi Giới hữu phúc nhất thời. Chúng Thiên sống ở trong những Cõi Giới này, đã được miêu tả là có cuộc sống hạnh phúc và đã được thụ hưởng nhiều lạc thú tạm bợ nhất thời. Và trên cả sáu tầng Lục Dục Thiên Giới này, các Địa Giới thuộc Sắc Giới và Vô Sắc Giới của các Bậc Phạm Thiên, với những vị Phạm Thiên đã từ bỏ mọi Tham Dục, sống đời sống Phạm Hạnh cao thượng, và đang thụ hưởng những quả phúc lộc Thiền.

Kết Thúc Việc Trình Bày Tất Cả Lục Dục Thiên Giới

MƯỜI SÁU HỮU SẮC PHẠM THIÊN GIỚI (RŪPABHŪMI) TUẦN TỰ TRÌNH BÀY VÀ LỜI GIẢI THÍCH VỀ MƯỜI SÁU HỮU SẮC PHẠM THIÊN GIỚI

Chú Giải **(Vacanattha): Rūpābrahmānaṃ avacarā bhūmi = Rūpāvacara bhūmi** - Sản Địa của tất cả Chư Phạm Thiên, được gọi tên Hữu Sắc Phạm Thiên Giới.

Lại một trường hợp nữa: **Rūpāvaracabhūmi rūpassa bhavo = Rūpaṃ** - Sản Địa của Quả Dị Thục Sắc Giới, được gọi tên Hữu Sắc Phạm Thiên Giới.

Rūpāvacarabhūmi rūpassa bhavo = Rūpaṃ - Thiên Giới làm thành chỗ nương sinh của nhóm Hữu Sắc, được gọi tên Hữu Sắc Phạm Thiên Giới.

Mười sáu Hữu Sắc Phạm Thiên Giới này, làm thành chỗ nương trú của tất cả nhóm Chư Phạm Thiên, do đó, từ ngữ nói rằng Phạm Thiên **(Brahma)** ấy có ý nghĩa là chi ? và bao gồm với nhóm người nào vậy ? Từ ngữ nói rằng Phạm Thiên ấy, có ý nghĩa "người có sự tiến hóa với ân đức đặc thù, gồm có Thiền Na, v.v." Gọi là Phạm Thiên tức là tất cả Thiên Chúng ở trong tầng Phạm Thiên Giới. Như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Brūhanti vaḍḍhanti atipaṇītehi jhānādi guṇe hīti = Brahmāno** - Tất cả Thiên Chúng mà có sự tiến hóa với ân đức đặc thù, có Thiền Na, v.v. ở phần thanh lương tuyệt hảo, vì thế, tất cả Thiên Chúng ấy được gọi là Phạm Thiên.

Giải thích rằng: Sự tiến hóa hiện hữu ở hai thể loại, đó là:

+ Một thể loại là sự tiến hóa với con đường Thế Tục,

+ Một thể loại là sự tiến hóa với con đường Đạo Pháp.

Sự tiến hóa với con đường Thế Tục ấy, tức là việc thành tựu viên mãn với tài sản của cải, danh vị, người tùy tùng, trú xứ nương nhờ, các vật dụng tiêu dùng, và việc có tri thức sự hiểu biết ở trong kiến thức của thế gian, việc có thọ mệnh miên trường, có sự an lạc về thân tâm, có sức khỏe dồi dào; với những thể loại này thì được gọi là "có sự tiến hóa với con đường Thế Tục."

Sự tiến hóa với con đường Đạo Pháp, tức là việc tiến hóa với các thể loại Thiện Pháp; gồm có Giới, Định, Tuệ; hoặc là Thiền Na, Thắng Trí, Đạo, Quả, Níp Bàn; hoặc là việc tiến

hóa với Pháp Học, Pháp Hành, và Pháp Thành; với những thể loại này thì được gọi là "có sự tiến hóa với con đường Đạo Pháp."

Đối với người mà được gọi là Phạm Thiên ấy, thường có sự tiến hóa với cả hai thể loại, con đường Thế Tục và con đường Đạo Pháp. Sự tiến hóa với con đường Thế Tục của nhóm Phạm Thiên ấy, là việc có thọ mệnh miên trường, da dẻ hồng hào xinh đẹp, có sự an lạc thanh khiết, có thể lực khỏe mạnh, có Thiên Cung tuyệt mỹ diễm lệ làm thành chỗ nương trú, có hoa viên làm thành chỗ vui chơi giải trí, có Thiên Chúng tùy tùng vừa theo thích hợp. Thể loại tài sản của các vị Phạm Thiên này thường là vi diệu thù thắng hơn tất cả của nhóm Chư Thiên ở Lục Dục Thiên Giới.

Sự tiến hóa ở trong con đường Đạo Pháp của Chư Phạm Thiên, là việc có Giới, Định, Tuệ; hoặc sự đắc chứng Thiền Định, Thắng Trí, và **Tứ Pháp Phạm Trú (Brahma vihāradhamma** – Tứ Vô Lượng Tâm gồm Từ, Bi, Hỷ, Xả). Việc tiến hóa với ân đức đặc thù có Thiền Na, v.v. ở phần thanh lương tuyệt hảo như đã có được đề cập tại đây, vì thế mới được gọi là Phạm Thiên.

TRÌNH BÀY BA TẦNG SƠ THIỀN PHẠM THIÊN GIỚI (PAṬHAMAJHĀNABHŪMI 3)

1. PHẠM CHÚNG PHẠM THIÊN GIỚI (BRAHMAPĀRISAJJĀBHŪMI)

Chú Giải **(Vacanattha): Parisati bhavā = Pārisajjā** - Nhóm Chúng Phạm Thiên hiện hữu ở trong hàng bộc chúng, gọi là **Bộc Tòng (Pārisajja:** người nô bộc tùy tùng), tức là nhóm Chúng Phạm Thiên thông thường, không có quyền lực chi là đặc biệt cả.

Brahmānaṃ pārisajjā = Brahmapārisajjā - Nhóm Phạm Thiên là hàng bộc chúng của vị Đại Phạm Thiên, gọi là Phạm Chúng Thiên, có ý nghĩa nhóm Phạm Chúng Thiên này là hàng bộc tòng của vị Đại Phạm Thiên.

Trong cả bốn Hữu Sắc Phạm Thiên Giới, gồm có: tầng Sơ Thiền Phạm Thiên Giới, tầng Nhị Thiền Phạm Thiên Giới, tầng Tam Thiền Phạm Thiên Giới, tầng Tứ Thiền Phạm Thiên Giới (trừ Vô Tưởng Hữu Tình Phạm Thiên Giới). Với cả bốn tầng Phạm Thiên Giới này, trong tầng Phạm Thiên Giới thứ nhất chia ra thành ba bậc Phạm Thiên, đó là:

1/ Phạm Thiên làm bộc tòng, trông nom phục vụ cho vị Phạm Thiên Trưởng Chúng, gọi là Phạm Chúng Thiên.

2/ Phạm Thiên làm cố vấn bàn bạc cho vị Phạm Thiên Trưởng Chúng, gọi là Phạm Phụ Thiên.

3/ Phạm Thiên là vị lãnh đạo, làm Trưởng Chúng, gọi là Đại Phạm Thiên.

Cả ba nhóm Phạm Thiên này, hiện hữu ở mỗi tầng của cả bốn Hữu Sắc Phạm Thiên Giới ấy. Từ ngữ nói rằng Phạm Chúng Thiên là tên gọi của một nhóm Phạm Thiên tái sinh trong tầng Sơ Thiền Phạm Thiên Giới và lãnh địa chỗ nương trú, sản địa chỗ nương nhờ của nhóm Phạm Thiên này cũng được gọi tên Phạm Chúng Thiên Giới. Tất cả sự việc này là cũng bởi lấy chính ngay danh vị của vị Phạm Thiên sinh sống ở trong chỗ ấy mà đặt tên gọi

cho trú xứ đó vậy. Như thế, đó là **cách thức gọi tên theo danh vị (Thānayūpacāra naya)**, tức là đặt tên một cách gián tiếp, không phải đặt tên một cách trực tiếp.

Câu Chú Giải của từ ngữ nói rằng Phạm Chúng Thiên mà thành tên gọi của Phạm Thiên Giới có như vầy: **Brahmapārisajjānaṃ nibbattāti = Brahmapārisajjā** – Phạm Thiên Giới mà thành sản địa, chỗ nương nhờ của nhóm Phạm Thiên là hàng bộc chúng của vị Phạm Thiên Trưởng Chúng, như thế, gọi là Phạm Chúng Thiên Giới.

2. PHẠM PHỤ PHẠM THIÊN GIỚI (BRAHMAPUROHITĀBHŪMI)

Chú Giải **(Vacanattha): Pure ucce ṭhāne ohanti tiṭṭhantīti = Purohitā** - Người có chức vị cao cấp, có vị trí là người chỉ đạo hướng dẫn trong tất cả mọi công việc của vị Đại Phạm Thiên, gọi là **Quân Sư.** Một trường hợp khác nữa: **Pure agge dhīyate thapiyoteti = Purohito** - Người đã được đón nhận việc phong tặng cho ở trong chức vị là bậc chỉ đạo, gọi là Quân Sư. Cả hai câu Chú Giải này, có ý nghĩa "người có chức vị Quân Sư" **Brahmānaṃ purohitā = Brahmapurohitā** - Nhóm Phạm Thiên ở chức vị Quân Sư của vị Đại Phạm Thiên, gọi là Phạm Phụ Thiên.

Từ ngữ nói rằng Phạm Phụ Thiên đây, đích thị là tên gọi của nhóm Phạm Thiên được sinh trong tầng Trời Sơ Thiền Phạm Thiên Giới ấy. Lãnh địa chỗ nương trú, sản địa chỗ nương nhờ của nhóm Phạm Thiên này cũng được gọi tên Phạm Phụ Thiên Giới; tức là lấy danh vị của vị Phạm Thiên đang nương ngụ ở trong trú xứ đó, cũng chính là dùng để đặt tên gọi cho lãnh địa chỗ nương trú ấy vậy.

Câu Chú Giải của từ ngữ nói rằng Phạm Phụ Thiên Giới mà thành tên gọi của Phạm Thiên Giới có như vầy: **Brahmapurohitānaṃ nibbattāti = Brahmapurohitā** - Phạm Thiên Giới thành sản địa, chỗ nương nhờ của nhóm Phạm Thiên làm hàng Quân Sư của vị Đại Phạm Thiên, gọi là Phạm Phụ Thiên Giới.

3. ĐẠI PHẠM THIÊN GIỚI (MAHĀBRAHMABHŪMI)

Chú Giải **(Vacanattha): Brūhati parivaddhatīti = Brahmā** - Người có sự tiến hóa với ân đức đặc thù, có Thiền Na, v.v. gọi là Phạm Thiên, tức là người có sự tiến hóa ở trong Thiền Na, Thắng Trí; và có thọ mệnh, màu sắc da dẻ, sự an vui, và sức lực có nhiều hơn Nhân Loại và tất cả Chư Thiên ở sáu tầng Lục Dục Thiên Giới.

Mahanto brahmā = Mahābrahmā - Phạm Thiên cao quý và trọng đại, được gọi là **Đại Phạm Thiên.** Tức là vị Phạm Thiên cao quý và trọng đại hơn tất cả Chư Phạm Chúng Thiên và Phạm Phụ Thiên.

Có ba nhóm Đại Phạm Thiên, đó là:

1/ Đại Phạm Thiên có hào quang chiếu sáng rộng đến nhất thiên vũ trụ **(Cakka vāla)** nên được gọi **Nhất Thiên Đại Phạm Thiên (Sahassabrahma).**

2/ Đại Phạm Thiên có hào quang chiếu sáng rộng đến nhị thiên vũ trụ nên được gọi **Nhị Thiên Đại Phạm Thiên (Dvisahassabrahma).**

3/ Đại Phạm Thiên có hào quang chiếu sáng rộng đến tam thiên vũ trụ nên được gọi **Tam Thiên Đại Phạm Thiên (Tisahassabrahma).**

Mahābrahmānaṃ nibbattāti = Mahābrahmanā - Thiên Giới thành sản địa, chỗ nương nhờ của nhóm Đại Phạm Thiên, gọi là Đại Phạm Thiên Giới. Từ ngữ nói rằng Đại Phạm Thiên Giới ấy, là tên gọi của nhóm Phạm Thiên cao quý, trọng đại hiện hữu ở trong tầng Sơ Thiền Phạm Thiên Giới, và lãnh địa trú xứ của nhóm Phạm Thiên cũng gọi là Đại Phạm Thiên Giới, tức là lấy danh vị của vị Phạm Thiên đang nương ngụ ở trong trú xứ đó, cũng chính là dùng để đặt tên gọi cho lãnh địa chỗ nương trú ấy vậy, tương tự cùng một phương thức với việc đã được trình bày ở phần trên.

VỊ TRÍ TỌA LẠC BA TẦNG SƠ THIỀN PHẠM THIÊN GIỚI

Vị trí tọa lạc cả ba tầng Sơ Thiền Phạm Thiên Giới này, chẳng phải được thiết lập theo tuần tự của từng thứ bậc. Mà sự thật là, cả ba tầng Sơ Thiền Phạm Thiên Giới này được tọa lạc trong cùng một bề mặt phẳng với nhau, và cũng tương tự như với bề mặt phẳng của nhóm người ở Cõi Nhân Loại. Và tọa lạc ở khoảng giữa hư không, cách xa tầng Tha Hóa Tự Tại Thiên Giới của Dục Thiên Giới ước lượng 5,508,000 do tuần, với đầy đủ các tòa Thiên Cung, hoa viên, hồ sen. Tất cả cũng đều được tọa lạc trên cùng một bề mặt phẳng với nhau, đã được thành tựu với bảy thể loại bảo vật, và có hào quang tỏa chiếu ra vô cùng xinh đẹp. Trong ba tầng Sơ Thiền Phạm Thiên Giới này đã được phân chia lãnh thổ ra nhiều phần riêng biệt. Một phần là chỗ nương trú của Phạm Phụ Thiên, còn một phần kia là chỗ nương trú của Phạm Chúng Thiên; và tất cả đều ở trong cùng một bề mặt phẳng với nhau. Tuy nhiên việc gọi tên, chẳng phải lập ý nhắm theo tuần tự thứ bậc của Thiên Giới để mà đặt để mà đích thị chính là đi theo chức vị của vị Phạm Thiên ở trong tầng Sơ Thiền Phạm Thiên Giới này vậy. Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có trình bày để ở trong Bộ Chú Giải Tâm Pháp Phân Tích **(Dhammahadayavibhaṅga Aṭṭhakathā)** rằng: **Ime tayopi janā paṭhamaj jhāna bhūmiyaṃ ekatale vasanti - Dịch nghĩa rằng:** Cả ba hạng Phạm Thiên này đích thị chính là ở trong cùng một bề mặt phẳng của tầng Sơ Thiền Phạm Thiên Giới ấy.

Và ở trong cả ba tầng Sơ Thiền Phạm Thiên Giới ấy chỉ có duy nhất một vị Đại Phạm Thiên là bậc cao quý và trọng đại. Sự việc biết được như thế, là bởi do nương vào ý nghĩa ở trong bài **Kinh Phạm Võng (Brahmajālasutta)** mà Bậc Chánh Đẳng Giác đã có khải thuyết rằng: "Khi đến thời kỳ nọ, thế gian bị hủy diệt do bởi lửa thiêu hoại (Đại Hỏa Tai), hoặc do bởi trận hồng thủy (Đại Thủy Tai), hoặc do bởi trận cuồng phong (Đại Phong Tai). Từng mỗi tầng của tầng Sơ Thiền Phạm Thiên Giới này đã lần lượt bị hủy diệt đi. Và trải qua một thời gian rất lâu dài, thế gian này diễn tiến tới giai đoạn được cấu thành mới trở lại. Trong tầng Sơ Thiền Phạm Thiên Giới chỉ có duy nhất một vị Đại Phạm Thiên khởi sinh lên trước tiên; còn hai nhóm Phạm Phụ Thiên và Phạm Chúng Thiên này thì được khởi sinh lên sau."

Một trường hợp khác nữa, Đức Phật Ngài lập ý khải thuyết để ở trong bài Kinh **Brahmasaṅyutta** rằng: **Tatra sudaṃ bhikkhave brahmā (Mahābrahmanā) ca brahma**

parisā ca brahmapārisajjā ca ujjhāyanti khīyanti... Theo phần **Pāḷi** đã có trình bày ở nơi đây, và khi xét theo phần Văn Phạm **Pāḷi,** sẽ thấy được rằng: Câu **Pāḷi** này đã lập ý chỉ đề cập đến Đại Phạm Thiên ấy, là dùng theo cách Đơn Số **(Ekavacana).** Còn phần **Pāḷi** lập ý đề cập đến Phạm Phụ Thiên và Phạm Chúng Thiên ấy, là dùng theo cách **Phức Số (Bahuvacana).** Với nhân này, mới suy đoán được rằng "Đại Phạm Thiên thì duy nhất chỉ có một vị ở trong tầng Sơ Thiền Phạm Thiên Giới."

TRÌNH BÀY BA TẦNG NHỊ THIỀN PHẠM THIÊN GIỚI (DUTIYAJHĀNABHŪMI 3)

1. THIỂU QUANG PHẠM THIÊN GIỚI (PARITTĀBHĀBHŪMI)

Chú Giải **(Vacanattha): Parittā ābhā etesanti = Parittābhā** - Vị Phạm Thiên có hào quang yếu kém hơn vị Phạm Thiên ở cấp trên, gọi là Thiểu Quang Phạm Thiên.

Parittābhānaṃ nibbattāti = Parittābhā - Phạm Thiên Giới thành sản địa của vị Thiểu Quang Phạm Thiên, được gọi là Thiểu Quang Phạm Thiên Giới.

2. VÔ LƯỢNG QUANG PHẠM THIÊN GIỚI (APPAMĀNĀBHĀBHŪMI)

Chú Giải **(Vacanattha): Appamāṇā ābhā etesanti = Appamāṇānāābhā** - Vị Phạm Thiên có hào quang không thể ước lượng được, vô số lượng, được gọi Vô Lượng Quang Phạm Thiên.

Appamāṇābhanaṃ nibbattāti = Appamāṇābhā - Phạm Thiên Giới thành sản địa của các vị Vô Lượng Quang Phạm Thiên, được gọi Vô Lượng Quang Phạm Thiên Giới.

3. BIẾN QUANG PHẠM THIÊN GIỚI (ĀBHASSARĀBHŪMI – QUANG ÂM PHẠM THIÊN GIỚI)

Chú Giải **(Vacanattha): Sarati nissaratīti = Sarā** - Hào quang phún tỏa chiếu sáng ra từ khắp châu thân, được gọi là Biến Quang (Quang Âm, Biến Chiếu).

Ābhā sarā etesanti = Ābhassarā - Vị Phạm Thiên có hào quang phún tỏa chiếu sáng ra từ khắp cả châu thân, được gọi là Biến Quang Phạm Thiên (Quang Âm, Biến Chiếu). Một trường hợp khác nữa:

Ābhā saranti niccharanti etesūti = Ābhassarā - Hào quang phún tỏa chiếu sáng ra từ khắp cả châu thân của vị Phạm Thiên ấy, vì thế, vị Phạm Thiên ấy được gọi là Biến Quang Phạm Thiên (Quang Âm Phạm Thiên).

Những vị Biến Quang Phạm Thiên (hoặc Quang Âm Phạm Thiên) này có sự sung mãn hỷ ở trong tầng Thiền của mình, và đã thường luôn được hiện hành với mãnh lực **Pháp Hỷ (Pītidhamma).** Với nhân này, mới làm cho Tâm Thức của nhóm Phạm Thiên này có sự

tinh khiết cực điểm. Khi Tâm Thức đã có sự tinh khiết thì **Sắc Tâm (Cittaja rūpa)** là Sắc nương sinh từ nơi Tâm làm xuất sinh xứ, cũng có được sự tinh khiết. Và chính với mãnh lực Sắc Tâm tinh khiết này đã làm tác nhân cho thấy được Sắc Quý Tiết **(Utujarūpa),** là Sắc làm cho ánh sáng hào quang được hiện bày mới có sự tinh khiết một cách tương tự như nhau. Vì thế, trong sự việc nhóm Biến Quang Phạm Thiên có hào quang phún tỏa chiếu sáng ra từ khắp cả châu thân đây, là đã được hiện hành với mãnh lực Sắc Quý Tiết nương sinh với mãnh lực Sắc Tâm, được gọi đích thị là **Sắc Quý Tiết Duyên Tâm (Cittapaccaya utujarūpa)** đã có được sự tinh khiết mà hiện khởi lên.

Ābhassarānaṃ nibbattāti = Ābhassarū – Phạm Thiên Giới thành sản địa của nhóm Biến Quang Phạm Thiên, được gọi là Biến Quang Phạm Thiên Giới (hoặc Quang Âm Phạm Thiên Giới).

Từ ngữ nói rằng Thiểu Quang Phạm Thiên Giới, Vô Lượng Quang Phạm Thiên Giới, Biến Quang Phạm Thiên Giới, cả ba tên gọi này là việc gọi tên một cách trực tiếp của vị Phạm Thiên. Còn đối với Phạm Thiên Giới cũng được gọi tên tương tự với cách thức gọi tên của vị Phạm Thiên ấy và đó là **cách thức gọi tên theo danh vị (Thānayūpacāranaya),** cũng cùng một cách thức với nhóm Sơ Thiền Phạm Thiên Giới, và đã có trình bày ở phần trên rồi.

Vị trí tọa lạc cả ba tầng Nhị Thiền Phạm Thiên Giới này được tọa lạc ở khoảng giữa hư không, cách xa tầng Sơ Thiền Phạm Thiên Giới 5,508,000 do tuần. Cả ba tầng Phạm Thiên Giới này cũng đều được tọa lạc trên cùng một bề mặt phẳng với nhau, và đã được thành tựu với bảy thể loại bảo vật, với đầy đủ các tòa Thiên Cung, hoa viên, hồ sen.

Cả ba tầng Nhị Thiền Phạm Thiên Giới đã được tọa lạc ở khoảng giữa hư không đó, y như là chiếc thuyền to đang trôi bồng bềnh ở giữa lòng đại dương, và tất cả những vị Phạm Thiên hiện hữu ở trong tầng Nhị Thiền Phạm Thiên Giới này:

+ Thiểu Quang Phạm Thiên có chức vị bằng với Phạm Chúng Thiên,
+ Vô Lượng Quang Phạm Thiên có chức vị bằng với Phạm Phụ Thiên,
+ Biến Quang Phạm Thiên có chức vị bằng với Đại Phạm Thiên.

TRÌNH BÀY BA TẦNG TAM THIỀN PHẠM THIÊN GIỚI (TATIYAJHĀNABHŪMI 3)

1. THIỂU TỊNH PHẠM THIÊN GIỚI (PARITTASUBHĀBHŪMI)

Chú Giải **(Vacanattha): Parittā subhā etesanti = Parittasubhā** - Vị Phạm Thiên có hào quang xinh đẹp, nhưng lại yếu kém hơn vị Phạm Thiên ở cấp trên, gọi là Thiểu Tịnh Phạm Thiên.

Parittābhānaṃ nibbattāti = Parittasubhā - Phạm Thiên Giới thành sản địa của các vị Thiểu Tịnh Phạm Thiên, được gọi Thiểu Tịnh Phạm Thiên Giới.

2. VÔ LƯỢNG TỊNH PHẠM THIÊN GIỚI - (APPAMĀNASUBHĀBHŪMI)

Chú Giải (**Vacanattha**): **Appamāṇā subhā etesanti = Appamāṇāsubhā** - Vị Phạm Thiên có hào quang xinh đẹp không thể ước lượng được, vô số lượng, được gọi Vô Lượng Tịnh Phạm Thiên.

Appamāṇasubhanaṃ nibbattāti = Appamāṇasubhā - Phạm Thiên Giới thành sản địa của các vị Vô Lượng Tịnh Phạm Thiên được gọi Vô Lượng Tịnh Phạm Thiên Giới.

3. BIẾN TỊNH PHẠM THIÊN GIỚI (SUBHAKINHĀBHŪMI)

Chú Giải (**Vacanattha**): **Subhāhi ākiṇṇāti = Subhākiṇṇā** - Vị Phạm Thiên có hào quang xinh đẹp biến mãn khắp cả châu thân, được gọi Biến Tịnh Phạm Thiên.

Subhākiṇṇānaṃ nibbattāti = Subhākiṇṇā – Phạm Thiên Giới thành sản địa các vị Biến Tịnh Phạm Thiên, được gọi Biến Tịnh Phạm Thiên Giới.

Từ ngữ nói rằng Biến Tịnh ở tại đây, lập ý nói đến sự xinh đẹp của hào quang hiện hữu ở trong khắp châu thân nhóm Phạm Thiên trong tầng Tam Thiền Phạm Thiên Giới này. Và hào quang như thế nào mới gọi là hào quang xinh đẹp ?

Giải thích rằng: Hào quang xinh đẹp nhóm Phạm Thiên này có hình sắc tương tự với vầng nguyệt quang, tức là ánh sáng hào quang ấy được gom tụ lại với nhau thành vòng tròn, không bị tán sắc ánh sáng, và chính như vậy mới được gọi là Biến Tịnh, tức là hào quang xinh đẹp.

Từ ngữ nói rằng **Subhākiṇṇā – Biến Tịnh** cũng được gọi **Subhakiṇhā – Biến Tịnh.** Tất cả sự việc này hiện hành theo phần Văn Phạm **Pāḷi**, tức là đổi **ā** thành hai con chữ **a ṇ** và đổi thành **h.** Khi kết hợp cú pháp thành **Subhakiṇhā.** Một trường hợp khác nữa, sẽ gọi **Subhakiṇṇā** cũng được, và cũng không có sai trật nguyên tắc văn phạm. Có câu Chú Giải đã trình bày như vầy là: **Subhena kiṇṇāti = Subhakiṇṇā** - Vị Phạm Thiên có hào quang biến mãn khắp cả châu thân, được gọi Biến Tịnh Phạm Thiên.

Có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có được trình bày để ở trong Bộ Phụ Chú Giải Căn Gốc (**Mūlaṭīkā**) rằng: **Sobhanapabhāāya kiṇāà subhākiṇṇāti vattabbe ākārassa rassattaṃ antimaṇakārassa hakārañca katvā subhakiṇhāti vattā atha pana subhena kiṇṇā subhakiṇṇā.**

Từ ngữ nói rằng Thiểu Tịnh Phạm Thiên, Vô Lượng Tịnh Phạm Thiên, Biến Tịnh Phạm Thiên, cả ba tên gọi này là việc gọi tên một cách trực tiếp vị Phạm Thiên. Thế nhưng sự việc gọi tên cho Phạm Thiên Giới thì cũng hiện hành theo cùng một phương thức ấy, đó là việc gọi tên một cách gián tiếp, đích thị chính là lấy danh vị của vị Phạm Thiên ở trong trú xứ ấy đem đặt tên cho Phạm Thiên Giới ấy vậy, và đó là **cách thức gọi tên theo danh vị (Thānayūpa cāranaya)**, cũng cùng một cách thức với nhóm Sơ Thiền Phạm Thiên Giới, và đã có được trình bày ở phần trên.

Vị trí tọa lạc của cả ba tầng Tam Thiền Phạm Thiên Giới này được tọa lạc ở khoảng giữa hư không, cách xa tầng Nhị Thiền Phạm Thiên Giới 5,508,000 do tuần. Cả ba tầng Phạm Thiên Giới này cũng đều được tọa lạc trên cùng một bề mặt phẳng với nhau, và đã được thành tựu với bảy thể loại bảo vật, với đầy đủ các tòa Thiên Cung, hoa viên, hồ sen.

Những vị Phạm Thiên hiện hữu trong tầng Tam Thiền Phạm Thiên Giới này:
+ Thiểu Tịnh Phạm Thiên có chức vị bằng với Phạm Chúng Thiên,
+ Vô Lượng Tịnh Phạm Thiên có chức vị bằng với Phạm Phụ Thiên,
+ Biến Tịnh Phạm Thiên có chức vị bằng với Đại Phạm Thiên.

TRÌNH BÀY BẢY TẦNG TỨ THIỀN PHẠM THIÊN GIỚI (CATUTTHAJHĀNABHŪMI 7)

1. QUẢNG QUẢ PHẠM THIÊN GIỚI (VEHAPPHALĀBHŪMI)

Chú Giải **(Vacanattha): Vipulaṃ phalaṃ etesanti = Vehapphalā -** Vị Phạm Thiên có quả phước báu rộng lớn, được gọi là Quảng Quả. Tại nơi đây, từ ngữ nói rằng Quảng Quả, đó là **câu tác thành sở tác (Nipphannapada).** Nếu theo câu Chú Giải thì sẽ phải là **Vipulaphalā** (Quả Phước rộng lớn), thế nhưng sự việc lại không hiện hành theo từ ngữ này được vì có liên quan với nguyên tắc của văn phạm. Do vậy phải là như vầy: **Vipula** đổi thành **Veha, ph** đổi thành **ppha (Asadisadvebhāva).**

Vehapphalānaṃ nibbattāti = Vehapphalā – Phạm Thiên Giới thành sản địa của các vị Quảng Quả Phạm Thiên, được gọi Quảng Quả Phạm Thiên Giới.

Một trường hợp khác nữa: **Jhānārūpaṃ visesena īhitaṃ āneñjitaṃ puñña phala ettha atthīti = Vehapphalā -** Quả Phước Thiện bền vững và rộng lớn, đặc biệt là kiên định bất động và hiện hành theo năng lực của Thiền Na hiện hữu ở trong Phạm Thiên Giới nào thì Phạm Thiên Giới ấy được gọi Quảng Quả Phạm Thiên Giới.

Giải thích rằng: Quả Phước Thiện hiện bày ở trong ba tầng Sơ Thiền Phạm Thiên Giới, ba tầng Nhị Thiền Phạm Thiên Giới và ba tầng Tam Thiền Phạm Thiên Giới; với cả chín Phạm Thiên Giới này không được gọi là Quảng Quả, là vì khi đến thời kỳ thế gian bị hủy diệt do bởi Hỏa Tai thì ba tầng Sơ Thiền Phạm Thiên Giới cũng bị hủy diệt theo. Khi đến thời kỳ thế gian bị hủy diệt do bởi Thủy Tai thì ba tầng Nhị Thiền Phạm Thiên Giới cũng bị hủy diệt theo. Thế là cả sáu tầng, với ba tầng Sơ Thiền Phạm Thiên Giới và ba tầng Nhị Thiền Phạm Thiên Giới đã bị hủy diệt. Và khi đến thời kỳ thế gian bị hủy diệt do bởi Phong Tai thì ba tầng Tam Thiền Phạm Thiên Giới cũng bị hủy diệt theo. Thế là cả chín tầng, với ba tầng Sơ Thiền Phạm Thiên Giới, ba tầng Nhị Thiền Phạm Thiên Giới và ba tầng Tam Thiền Phạm Thiên Giới cũng bị hủy diệt theo. Những vị Phạm Thiên nương trú ở trong các Phạm Thiên Giới này cũng phải đi đến thời thọ mạng diệt. Thiên Cung và Thiên Sản của các vị Phạm Thiên này theo đó cũng phải bị hoại diệt với từng mỗi thời gian. Trong tất cả chín Phạm Thiên Giới này thì vị Phạm Thiên nương sinh ở trong tầng Biến Tịnh Phạm Thiên Giới có tuổi thọ miên trường hơn các vị Phạm Thiên khác mà nương sinh ở trong Phạm Thiên Giới bậc thấp hơn mình. Thọ mệnh của vị Biến Tịnh Phạm Thiên này dài lâu sáu mươi bốn **Đại Kiếp (Mahākappa).** Tuy nhiên vị Biến Tịnh Phạm Thiên ấy có **thọ mệnh (Āyukkhaya)** giảm dần khi đến tròn đủ sáu mươi bốn Đại Kiếp ấy thì sẽ phải thành vị Phạm Thiên đi tái sinh cùng với giai đoạn thế gian được cấu thành mới lại. Còn các vị Phạm Thiên hóa sinh về sau thì thường không có được tuổi thọ đến sáu mươi bốn Đại Kiếp, và tuần tự

lại có thọ mệnh phải giảm xuống dần. Tất cả sự việc này, chính là vì tầng Tam Thiền Phạm Thiên Giới lại phải bị hủy diệt do bởi Phong Tai cũng cùng một thời kỳ trong giai đoạn của sáu mươi bốn Đại Kiếp ấy vậy.

Còn Quảng Quả Phạm Thiên Giới là Phạm Thiên Giới thoát khỏi mọi sự hủy diệt do bởi các nạn tai, do đó, các vị Phạm Thiên nương sinh ở trong Phạm Thiên Giới này, cho dù sẽ có hóa sinh trong bất luận thời gian nào đi nữa, thì cũng thường luôn có được thọ mệnh tròn đủ cả năm trăm Đại Kiếp. Chính với nhân này mà Quả Phước Thiện dắt dẫn cho hóa sinh ở trong Phạm Thiên Giới này, mới được gọi là Quảng Quả Phạm Thiên; đích thị chính là được sinh với mãnh lực Tâm Thiện Ngũ Thiền câu hành **Xả Thọ (Upekkhā vedanā)**. Còn nhóm Phạm Thiên mà sinh ở trong ba tầng Sơ Thiền Phạm Thiên Giới, ba tầng Nhị Thiền Phạm Thiên Giới và ba tầng Tam Thiền Phạm Thiên Giới sinh khởi với mãnh lực Tâm Thiện Sơ Thiền, Tâm Thiện Nhị Thiền, Tâm Thiện Tam Thiền và Tâm Thiện Tứ Thiền; đích thị chính là Tâm Thiện Thiền câu hành **Hỷ Thọ (Somanassa vedanā)**. Lẽ thường, Tâm Thiện Thiền câu hành Xả Thọ đó, là Tâm Thiện kiên định bất động và thù thắng hơn Tâm Thiện câu hành Hỷ Thọ. Vì thế, Quả Phước sinh từ Tâm Thiện Thiền câu hành Xả Thọ mới là Quả Phước kiên định thù thắng, và hiện hành theo tác nhân. Còn Quả Phước sinh từ nơi Tâm Thiện Thiền câu hành Hỷ Thọ ấy, thường là không kiên định và bất thù thắng, và cũng cùng một cách thức hiện hành theo tác nhân.

2. VÔ TƯỞNG HỮU TÌNH PHẠM THIÊN GIỚI (ASANNASATTĀBHŪMI)

Chú Giải **(Vacanattha): Natthi saññā etesanti = Asaññā** - Tâm Sở Tưởng không có hiện hữu đối với bất luận vị Phạm Thiên nào thì vị Phạm Thiên ấy được gọi là Vô Tưởng Phạm Thiên. Tại nơi đây, từ ngữ nói rằng Vô Tưởng ấy, là việc trình bày bằng cách đưa Tâm Sở Tưởng lên làm trưởng trội. Tuy nhiên, thật sự là, các Tâm và Tâm Sở khác khác, thuộc về Tứ Danh Uẩn cũng đều không có hiện hữu luôn. Việc trình bày thể theo phần này là việc trình bày theo **phương cách Tỷ Giảo Tri Thức (Upalakkhaṇa nidassananaya).** Một trường hợp khác nữa: **Natthi saññamukhena cattāro arūpak khandhā ete santi = Asaññā** - Bất luận vị Phạm Thiên nào không có Tứ Danh Uẩn với việc đưa Tâm Sở Tưởng lên làm trưởng trội, do vậy, vị Phạm Thiên ấy được gọi Vô Tưởng Phạm Thiên. **Asaññā ca te sattā cāti = Asaññasattā** - Cho dù vị Phạm Thiên không có phần Tứ Danh Uẩn với việc đưa Tâm Sở Tưởng lên làm trưởng trội, tuy vậy vị Phạm Thiên này vẫn được gọi là một vị Hữu Tình, do đó, mới được gọi là Vô Tưởng Hữu Tình Phạm Thiên.

Đại đa số người ta vẫn có sự hiểu biết rằng tất cả những sự vật nào nếu như không có phần Danh Pháp thì sự vật ấy không thể nào gọi là "Hữu Tình" được. Sự hiểu biết như vậy không thể được xem như là đúng đắn hết tất cả thảy. Đối với trong **Cõi Dục Giới (Kāmaloka)** quả thật là đúng vậy, tuy nhiên đối với Phạm Thiên Giới thì không thể áp dụng hết tất cả được. Là vì có một nhóm Phạm Thiên được hóa sinh với mãnh lực Ngũ Thiền, với tên gọi **Tưởng Ly Ái Tu Tập (Saññāvirāgabhāvanā)** làm nền tảng, và hiện hữu trong

Phạm Thiên Giới này. Nhóm Phạm Thiên này không có phần Danh Uẩn và quả thật chỉ có duy nhất phần Sắc Uẩn thôi, tuy nhiên cũng vẫn được liệt kê vào ở trong một nhóm bọn Hữu Tình, là vì vẫn có **Sắc Mạng Quyền Lực (Jīvitarūpa)** đang làm chủ quản. Vì thế, Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** mới trình bày từ ngữ nói rằng **Hữu Tình (Satta)** kết hợp với từ ngữ nói rằng Vô Tưởng, chung lại với nhau và gọi là Hữu Tình Vô Tưởng.

(Chú thích: Phạm Thiên Giới của các bậc Hữu Tình khi được hóa sinh không có phần Tứ Danh Uẩn, và chỉ có sự chuyển biến liên tục của phần Sắc Pháp. Lẽ thường thì, Danh và Sắc thường luôn kết nối với nhau thành một khối, và không thể nào tách rời ra được. Tuy nhiên đôi khi, như trong trường hợp này, do mãnh lực Thiền Định, cũng vẫn có thể tách rời Danh và Sắc. Khi một vị Alahán Vô Sinh **Nhập Thiền Diệt (Nirodhasamāpatti – Diệt Thọ Tưởng Định)** cũng vậy, Tâm Thức của Ngài đã dừng lại. Đối với hạng người thông thường thì khó quan niệm được một trạng thái tương tự. Tuy nhiên, vẫn có rất nhiều sự việc không thể quan niệm mà thật sự vẫn được hiện hữu.)

Asaññasattānaṃ nibbattāti = Asaññāsattā - Phạm Thiên Giới thành sản địa của các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, được gọi là Hữu Tình Vô Tưởng Phạm Thiên Giới. Việc gọi tên "Quảng Quả Phạm Thiên Giới và Hữu Tình Vô Tưởng Phạm Thiên Giới" đó, là việc gọi tên theo đường lối gián tiếp, đích thị chính là lấy danh vị của vị Phạm Thiên ở trong trú xứ ấy đem đặt tên cho Cõi Phạm Thiên Giới ấy vậy, và đó là **cách thức gọi tên theo danh vị (Thānayūpacāranaya)**, cũng cùng một cách thức với nhóm Sơ Thiền Phạm Thiên Giới, và đã có trình bày ở phần trên.

Cả hai Phạm Thiên Giới này ở trong tầng Tứ Thiền Phạm Thiên Giới, tọa lạc khoảng giữa hư không, cách xa tầng Tam Thiền Phạm Thiên Giới 5,508,000 do tuần. Cả hai tầng Phạm Thiên Giới này cũng đều được tọa lạc trên cùng một bề mặt phẳng với nhau, và đã được thành tựu với bảy thể loại bảo vật, với đầy đủ các tòa Thiên Cung, hoa viên, hồ sen. Một cách tương tự, các vị Phạm Thiên hiện hữu ở trong tầng Quảng Quả Phạm Thiên Giới cũng chia ra làm thành ba nhóm, chính là do bởi sự khác biệt của Thiện Ngũ Thiền; tức là với Thiện Ngũ Thiền thuộc loại **Hy Thiểu (Hīna – yếu kém)** thì được hóa sinh ở trong chức vị tương xứng với bậc Phạm Chúng Thiên. Nếu như Thiện ấy thuộc loại **Trung Bình (Majjhima)** thì được hóa sinh ở trong chức vị tương xứng với bậc Phạm Phụ Thiên. Và nếu như Thiện ấy thuộc loại **Tinh Lương (Paṇīta)** thì được hóa sinh ở trong chức vị tương xứng với bậc Đại Phạm Thiên.

Sự việc Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** đã không có phân chia tên gọi của nhóm Phạm Thiên hiện hữu ở trong tầng Quảng Quả Phạm Thiên Giới này ra thành ba nhóm cũng tương tự với nhóm Phạm Thiên hiện hữu ở trong Phạm Thiên Giới mà đã có đề cập đến ở phần trên, cũng là vì nhóm Phạm Thiên hóa sinh ở trong Phạm Thiên Giới này, rằng tính theo thọ mệnh thì tất cả đều có thọ mệnh ngang bằng với nhau. Và nhóm Quảng Quả Phạm Thiên này có khả năng thẩm thị nhìn thấy được nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng. Còn các nhóm Phạm Thiên hiện hữu ở trong tầng Sơ Thiền Phạm Thiên Giới, tầng Nhị Thiền Phạm Thiên Giới và tầng Tam Thiền Phạm Thiên Giới này thì không có khả năng sẽ được nhìn thấy các vị Phạm Thiên hiện hữu ở trong các tầng Trời cao hơn. Ngài Giáo Thọ Sư

liễu tri được thực tính mới trình bày rằng: "Phạm Thiên ở trong cùng một tầng Phạm Thiên Giới với nhau thì sẽ được nhìn thấy lẫn nhau và không cần phải hóa thân một cách thô thiển." Với nhân này, Ngài Giáo Thọ Sư mới gom cả hai tầng Phạm Thiên Giới này lại và gọi chung là Quảng Quả Phạm Thiên Giới, và không có phân chia tên gọi riêng từng mỗi nhóm.

NGŨ TỊNH CƯ PHẠM THIÊN GIỚI (SUDDHĀVĀSABHŪMI 5)

Phạm Thiên Giới được gọi Tịnh Cư Phạm Thiên Giới đây, đích thị chính là Phạm Thiên Giới nương trú của tất cả nhóm Bậc Bất Lai và Bậc Alahán Vô Sinh, là các Bậc đã có sự thanh khiết. Còn những hạng người khác, ngoài hai nhóm Bậc Thánh Nhân này ra, cho dù là sẽ chứng đắc được Ngũ Thiền đi nữa, cũng vẫn không được tái sinh trong Phạm Thiên Giới này được. Như có phần **Pāḷi** đã có trình bày rằng: **Suddhānaṃ anāgātāmi arahantā nameva āvāsāti = Suddhāvāsā** – Phạm Thiên Giới thành chỗ nương trú chỉ đối với tất cả các Bậc Bất Lai và Bậc Alahán Vô Sinh, là các Bậc đã có sự thanh khiết thuần tịnh, với nhân ấy, mới được gọi là Tịnh Cư Phạm Thiên Giới.

Năm tầng Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới cùng với Quảng Quả Phạm Thiên Giới và Hữu Tình Vô Tưởng Phạm Thiên Giới này, được gọi là tầng Tứ Thiền Phạm Thiên Giới, vì lẽ được sinh từ nơi Tâm Thiện Tứ Thiền (là tính theo bốn Phạm Thiên Giới) hoặc là Tâm Thiện Ngũ Thiền (là tính theo Ngũ Chi Thiền).

Cả năm tầng Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới này tọa lạc khoảng giữa hư không, và các tầng Phạm Thiên Giới lại tọa lạc tuần tự theo từng thứ bậc, không có tọa lạc ở trong cùng một bề mặt phẳng giống như ở các Phạm Thiên Giới khác được, có tầng Sơ Thiền Phạm Thiên Giới, v.v. như đã có được đề cập đến rồi vậy. Tầng Phạm Thiên Giới ở dưới cùng cách xa Quảng Quả Phạm Thiên Giới và Hữu Tình Vô Tưởng Phạm Thiên Giới cao đến 5,508,000 do tuần. Và tương tự như vậy, tuần tự từng mỗi Phạm Thiên Giới lại cao hơn với nhau là 5,508,000 do tuần.

1. VÔ PHIỀN PHẠM THIÊN GIỚI (AVIHĀBHŪMI)

Chú Giải **(Vacanattha): Appakena kālena attano ṭhānaṃ na vijahantatīti = Avihā** - Bất luận vị Phạm Thiên nào sẽ không xa lìa rời bỏ trú xứ của mình dù chỉ trong khoảnh khắc chút ít, vị Phạm Thiên ấy được gọi Vô Phiền Phạm Thiên.

Một trường hợp khác nữa: **Attano sampattiyā na hāyantīti = Avihā** - Bất luận vị Phạm Thiên nào không bị thối hóa tổn hại tài sản của mình, vị Phạm Thiên ấy được gọi Vô Phiền Phạm Thiên.

Giải thích rằng: Vị Phạm Thiên hóa sinh trong tầng Vô Phiền Phạm Thiên Giới này thường sẽ không xa lìa rời bỏ trú xứ của mình, là lập ý nói đến rằng "sẽ không tử vong trước kỳ mãn hạn của thọ mệnh". Đối với các vị Phạm Thiên hiện hữu ở trong bốn Phạm Thiên Giới còn lại kia, đó là Vô Nhiệt Phạm Thiên Giới, Thiện Hiện Phạm Thiên Giới, Thiện Kiến

Phạm Thiên Giới, và Sắc Cứu Cánh Phạm Thiên Giới vẫn có sự tử vong trước kỳ mãn hạn của thọ mệnh.

Hoặc một trường hợp khác nữa là, những thể loại Thiên Sản sai khác của các vị Phạm Thiên ấy thường luôn là hiện hữu một cách thành tựu viên mãn suốt trọn thời hạn của thọ mệnh, thường không có sự biến dịch bất luận trường hợp nào. Chính với nhân này, vị Phạm Thiên ấy mới được gọi là Vô Phiền Phạm Thiên.

Avihānaṃ nibbattāti = Avihā – Phạm Thiên Giới thành sản địa của các vị Vô Phiền Phạm Thiên, được gọi Vô Phiền Phạm Thiên Giới.

Từ ngữ nói rằng Vô Phiền Phạm Thiên Giới này, là việc gọi một cách trực tiếp danh vị của vị Phạm Thiên. Còn việc gọi tên cho Phạm Thiên Giới cũng được gọi tên tương tự như vậy, là do hiện hành qua việc lấy chính ngay danh vị của vị Phạm Thiên ấy mà đem đặt tên cho Phạm Thiên Giới ấy vậy. Và bốn Phạm Thiên Giới còn lại cũng được hiện hành theo cùng một phương thức như vầy.

2. VÔ NHIỆT PHẠM THIÊN GIỚI (ATAPPĀBHŪMI)

Chú Giải **(Vacanattha): Na tappantīti = Atappā** - Không có sự khổ cảm ưu não trong Tâm Thức của vị Phạm Thiên nào thì vị Phạm Thiên ấy được gọi Vô Nhiệt Phạm Thiên.

Giải thích rằng: Tất cả các vị Vô Nhiệt Phạm Thiên ấy thường luôn là Nhập Thiền Định hay là Nhập Thiền Quả. Các **Pháp Triền Cái (Nīvaraṇadhamma)** là những loại Pháp **Phiền Não (Kilesa)** thành tác nhân làm cho Tâm Thức có sự khổ cảm ưu não sẽ không có cơ hội được khởi sinh, và do đó, Tâm Thức của vị Phạm Thiên ấy mới chỉ có sự an vui bình thản, và tuyệt không có sự khổ cảm ưu não bất luận trường hợp nào.

Atappānaṃ nibbattāti = Atappā – Phạm Thiên Giới thành sản địa của các vị Vô Nhiệt Phạm Thiên, được gọi Vô Nhiệt Phạm Thiên Giới.

3. THIỆN HIỆN PHẠM THIÊN GIỚI (SUDASSĀBHŪMI)

Chú Giải **(Vacanattha): Sukhena dissantīti = Sudassā** - Vị Phạm Thiên đáng được người khác nhìn thấy có được sự an vui duyệt ý, vì thế, vị Phạm Thiên ấy được gọi là Thiện Hiện Phạm Thiên. Một trường hợp khác nữa:

Parisuddhehi pasādadibbadhammapaññācakkhūhi sampannattā suṭṭhu passantīti = Sudassā - Tất cả các vị Phạm Thiên nhìn thấy một cách rõ ràng tinh tường các sự vật đang được hiện bày, bởi do đã được thành tựu viên mãn **Nhãn Thanh Triệt (Pasādacakkhu), Thiên Nhãn (Dibbacakkhu), Pháp Nhãn (Dhammacakkhu),** một cách thuần tịnh tinh khiết, được gọi là Thiện Hiện Phạm Thiên.

Giải thích rằng: Vị Phạm Thiên hiện hữu ở trong Thiện Hiện Phạm Thiên Giới này có thân tướng cực kỳ xinh đẹp, vì thế, bất luận một ai đã được nhìn thấy rồi thì thường khởi

sinh lên sự an vui duyệt ý. Chính với nhân này, vị Phạm Thiên ấy mới được gọi là Thiện Hiện Phạm Thiên.

Một trường hợp khác nữa, vị Thiện Hiện Phạm Thiên này thành tựu viên mãn với Tứ Nhãn Pháp Giới, đó là Nhãn Thanh Triệt, Thiên Nhãn, Pháp Nhãn và **Tuệ Nhãn (Paññācakkhu).** Cả Tứ Nhãn Pháp Giới này thì Nhãn Mục thông thường được gọi là Nhãn Thanh Triệt. Thiên Nhãn Thắng Trí được gọi là Thiên Nhãn, hoặc Nhãn Mục thông thường cũng còn được gọi là Thiên Nhãn, là vì lẽ thường Nhãn Mục của vị Phạm Thiên này có mãnh lực thẩm thị nhìn thấy một cách tinh tường các sự vật hiện hữu ở trong khoảng cách xa, hoặc các sự vật nhỏ bé. Ba **Đạo Tuệ** bậc thấp **(Maggañāṇa)** được gọi là Pháp Nhãn. **Minh Sát Trí (Vipassanāñāṇa), Tuệ Thẩm Thị (Paccavekkhaṇañāṇa – Tuệ Phản Cung Tự Tỉnh),** và **Thắng Trí (Abhiññā)** được gọi là Tuệ Nhãn.

Sudassānaṃ nibbattāti = Sudassā - Phạm Thiên Giới thành sản địa của tất cả các vị Thiện Hiện Phạm Thiên, được gọi là Thiện Hiện Phạm Thiên Giới.

4. THIỆN KIẾN PHẠM THIÊN GIỚI (SUDASSĪBHŪMI)

Chú Giải **(Vacanattha): Sukhena passantīti = Sudassī -** Vị Phạm Thiên nhìn thấy các sự vật một cách thích đáng thuận lợi, được gọi là Thiện Kiến Phạm Thiên.

Một trường hợp khác nữa: **Tato atisayena suṭṭhu dassanabhāvena samannāga tāti = Sudassī -** Vị Phạm Thiên đã được thành tựu đặc thù viên mãn trong việc nhìn thấy một cách thù thắng hơn vị Thiện Hiện Phạm Thiên, được gọi là Thiện Kiến Phạm Thiên.

Giải thích rằng: Vị Thiện Kiến Phạm Thiên này, rằng theo Tứ Nhãn Pháp Giới, với cả ba thể loại Nhãn Thanh Triệt, Thiên Nhãn, và Tuệ Nhãn này có năng lực thù thắng hơn vị Thiện Hiện Phạm Thiên. Tuy nhiên về Pháp Nhãn thì có năng lực ngang bằng nhau.

Sudassīnaṃ nibbattāti = Sudassī - Phạm Thiên Giới thành sản địa của các vị Thiện Kiến Phạm Thiên, được gọi là Thiện Kiến Phạm Thiên Giới.

5. SẮC CỨU CÁNH PHẠM THIÊN GIỚI (AKANITTHĀBHŪMI)

Chú Giải **(Vacanattha): Natthi kaniṭṭho etesanti = Akaniṭṭhā -** Thiên Sản và sự an vui bất khả thắng số đối với vị Phạm Thiên ấy, vì thế, vị Phạm Thiên ấy mới được gọi là **Sắc Cứu Cánh Phạm Thiên (Tối Thượng Cấp).**

Một trường hợp khác nữa: **Natthi rūpānaṃ sattānaṃ majjhe kenaci guṇena kaniṭṭhabhāvo etesanti = Akaniṭṭhā -** Vị Phạm Thiên không thể nào có bất luận thể loại **Ân Đức Tài Sản (Guṇasamāpatti)** mà chỉ là nhỏ nhoi hy thiểu đang hiện hữu ở trong tất cả các vị Hữu Tình Hữu Sắc Phạm Thiên Giới, vì thế, vị Phạm Thiên ấy mới được gọi là Sắc Cứu Cánh Phạm Thiên (Tối Thượng Cấp).

Akaniṭṭhānaṃ nibbattāti = Akaniṭṭhā - Phạm Thiên Giới thành sản địa của các vị Sắc Cứu Cánh Phạm Thiên, được gọi là Sắc Cứu Cánh Phạm Thiên Giới.

Giải thích rằng: Vị Phạm Thiên hiện hữu ở trong tầng thứ năm của Tịnh Cư Phạm Thiên Giới này, là vị Phạm Thiên có ân đức tài sản thù thắng tuyệt luân hơn tất cả các vị Phạm Thiên ở trong các Hữu Sắc Phạm Thiên Giới. Là vì các vị Phạm Thiên hiện hữu ở trong các tầng Phạm Thiên Giới, từ tầng thứ nhất cho đến tầng thứ tư của Tịnh Cư Phạm Thiên Giới này, đó là các Vô Phiền Phạm Thiên Giới, Vô Nhiệt Phạm Thiên Giới, Thiện Hiện Phạm Thiên Giới và Thiện Kiến Phạm Thiên Giới; với thời gian khi vẫn chưa được thành tựu Quả vị Alahán Vô Sinh thì sẽ còn phải đi tái sinh ở trong các Phạm Thiên Giới thuộc bậc trên của tầng Tịnh Cư Phạm Thiên Giới ấy vừa theo thích hợp. Chỉ có một điều là, thường không phải đi tái sinh lại ở Phạm Thiên Giới cũ, hoặc không phải tái sinh ở trong Phạm Thiên Giới thấp hơn.

Còn vị Sắc Cứu Cánh Phạm Thiên này thường không còn phải đi tái sinh ở trong Phạm Thiên Giới nào nữa và sẽ được Viên Tịch Níp Bàn (Parinibbāna) chính ngay ở trong Sắc Cứu Cánh Phạm Thiên Giới này.

Điều này trình bày cho thấy được rằng vị Phạm Thiên hiện hữu ở trong tầng Sắc Cứu Cánh Phạm Thiên Giới này đã có được **Ân Đức Giới Hạnh (Sīlaguṇa), Ân Đức Định Hạnh (Samādhiguṇa)** và **Ân Đức Tuệ Hạnh (Paññāguṇa)** thù thắng tuyệt luân hơn tất cả các vị Phạm Thiên ở trong các Hữu Sắc Phạm Thiên Giới.

Trong hết cả Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới này thì trong từng mỗi Phạm Thiên Giới ấy, không có việc phân chia các vị Phạm Thiên ra thành từng nhóm giống như là ở trong các tầng Sơ Thiền Phạm Thiên Giới, tầng Nhị Thiền Phạm Thiên Giới, v.v.

+ Trong tầng Vô Phiền Phạm Thiên Giới cũng chỉ có một nhóm duy nhất Vô Phiền Phạm Thiên.

+ Trong tầng Vô Nhiệt Phạm Thiên Giới, tầng Thiện Hiện Phạm Thiên Giới, tầng Thiện Kiến Phạm Thiên Giới và tầng Sắc Cứu Cánh Phạm Thiên Giới cũng tương tự như nhau, tức là không có việc phân chia các vị Phạm Thiên ra thành từng nhóm. Là vì, khi tính theo thọ mệnh thì các vị Phạm Thiên hiện hữu ở trong từng Phạm Thiên Giới của hết cả Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới này, có thọ mệnh đều ngang bằng với nhau và không có sự khác biệt. Và các vị Phạm Thiên hiện hữu ở trong một Phạm Thiên Giới cũng có khả năng được nhìn thấy lẫn nhau. Do bởi nhân này, mới không có sự phân chia các vị Phạm Thiên trong từng Phạm Thiên Giới ra thành hai hoặc ba nhóm, như đã có được đề cập đến ở phần trên.

Với hạng người sẽ đi hóa sinh ở trong tầng Tịnh Cư Phạm Thiên Giới ấy thì cho dù hạng người ấy có là Nhân, Thiên hoặc Phạm Thiên đi nữa **thì sẽ phải thành đạt Phúc Lộc Ngũ Thiền (Pañcamajhānalabhī) và sẽ phải là Bậc Bất Lai mới sẽ được hóa sinh ở trong hết cả Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới này được.**

Tuy nhiên trong sự việc Tịnh Cư Phạm Thiên Giới này chia ra thành năm Phạm Thiên Giới, đích thị chính do bởi mãnh lực Ngũ Quyền Lực; đó là:

+ Nếu như **Tín Quyền (Saddhindrīya)** có nhiều năng lực hơn các Quyền Lực khác sẽ hóa sinh trong Vô Phiền Phạm Thiên Giới.

+ Nếu như **Tấn Quyền (Vìriyindrīya)** có nhiều năng lực hơn các Quyền Lực khác sẽ hóa sinh trong Vô Nhiệt Phạm Thiên Giới.

+ Nếu như **Niệm Quyền (Satindrīya)** có nhiều năng lực hơn các Quyền Lực khác sẽ hóa sinh trong Thiện Hiện Phạm Thiên Giới.

+ Nếu như **Định Quyền (Samādhindrīya)** có nhiều năng lực hơn các Quyền Lực khác sẽ hóa sinh trong Thiện Kiến Phạm Thiên Giới.

+ Nếu như **Tuệ Quyền (Paññindrīya)** có nhiều năng lực hơn các Quyền Lực khác sẽ hóa sinh trong Sắc Cứu Cánh Phạm Thiên Giới.

Điều này có phần **Pāḷi** dẫn chứng để trong bộ Chú Giải Tổng Hợp **(Saṅgaha Aṭṭhakathā)** và Phụ Chú Giải Minh Nghĩa **(Vibhāvanīṭīkā)** rằng:

Anāgāmino pana suddhāvāsesu uppajjanti (Saṅgaha Aṭṭhakathā)

Saddhādiindriyavemattatānukkamena pañcesu suddhāvāsesu uppajjanti (Vibhāvanīṭīkā).

SỰ KHÁC BIỆT VỀ DANH XƯNG PHẠM THIÊN HIỆN HỮU TRONG MƯỜI LĂM HỮU SẮC THIÊN GIỚI (TRỪ PHẠM THIÊN HỮU TÌNH VÔ TƯỞNG)

Như đã có đề cập ở phần trên, rằng trong tất cả Tứ Phạm Thiên Giới thành sản địa của Chư Phạm Thiên, trong từng mỗi Phạm Thiên Giới của cả Tứ Phạm Thiên Giới đều có ba nhóm Phạm Thiên tương tự với nhau. Tuy nhiên việc gọi tên của Chư Phạm Thiên hiện hữu ở trong ba Cõi Nhị Thiền Phạm Thiên Giới cho đến bảy Cõi Tứ Thiền Phạm Thiên Giới lại có việc gọi tên không có được giống với nhóm Phạm Thiên hiện hữu ở trong ba Cõi Sơ Thiền Phạm Thiên Giới; là cũng bởi vì việc gọi tên Chư Phạm Thiên hiện hữu trong Sơ Thiền Phạm Thiên Giới ấy, là việc gọi tên theo danh vị của Chư Phạm Thiên. Còn trong cả hai tầng Phạm Thiên Giới này, đó là ba Cõi Nhị Thiền Phạm Thiên Giới và ba Cõi Tam Thiền Phạm Thiên Giới, cho dù thật sự là Chư Phạm Thiên vẫn có với các danh vị là Phạm Chúng Thiên, Phạm Phụ Thiên và Đại Phạm Thiên; tuy nhiên trong cả hai tầng Phạm Thiên Giới này, không có áp dụng việc gọi tên theo danh vị, mà áp dụng việc gọi tên theo sự khác biệt với nhau về hào quang của Chư Phạm Thiên ấy. Và trong bảy Cõi Tứ Thiền Phạm Thiên Giới lại áp dụng qua việc gọi tên Chư Phạm Thiên cho được giống nhau về Ân Đức Quyền Pháp đặng phát sinh trong các tầng Thiên Giới ấy. Việc gọi tên của Chư Phạm Thiên theo như phần đã vừa đề cập đến tại đây, là để cho các bậc Hữu Tình khả huấn luyện có sự hiểu biết một cách dễ dàng về Chư Phạm Thiên sinh trú ở trong tất cả các tầng Phạm Thiên Giới này, và cũng để cho có sự ghi nhớ tên gọi một cách dễ dàng. Với lý do này mà việc gọi tên của Chư Phạm Thiên trong ba Cõi Sơ Thiền Phạm Thiên Giới và mười hai Phạm Thiên Giới khác còn lại mới không được giống nhau.

THÁNH ĐỊA TÔN NGHIÊM TRỌNG YẾU HIỆN HỮU TRONG SẮC CỨU CÁNH PHẠM THIÊN GIỚI

Trong tầng Tam Thập Tam Phạm Thiên Giới có một Thánh Địa tôn nghiêm, đó là bảo tháp bằng ngọc lục bảo với tên gọi **Cūḷāmaṇī (Tiểu Ngọc Như Ý Bảo Tháp)** và cao một trăm do tuần. **Bên trong tòa bảo tháp có tôn trí thờ Ngọc Xá Lợi Răng Nhọn bên phải của Bậc Chánh Đẳng Giác cùng với búi tóc của Ngài đã cắt liệng bỏ trong lúc xuất ly để tu hành.**

Còn đối với trong Phạm Thiên Giới, ở tầng Sắc Cứu Cánh Phạm Thiên Giới này, có một Thánh Địa tôn nghiêm trọng yếu, đó là bảo tháp **Dussa,** là bảo tháp tôn trí Hoàng Bào của Bậc Chánh Đẳng Giác trong sát na khi Ngài vẫn còn là Thái Tử **Siddhattha (Siddhattharājakumāra – Siddhattha Vương Tử)** đã mặc ở trong người ngay thời lúc lìa khỏi kinh thành để xuất ly tu hành. Ngay khi Ngài đã cởi bỏ Hoàng Bào ra thì Ngài Phạm Thiên **Ghāṭikāra** đã từ ở Sắc Cứu Cánh Phạm Thiên Giới ngự xuống, đã mang theo cả thẩy tám vật phụ tùng đến cúng dường Ngài Thái Tử **Siddhattha,** cũng vừa đón nhận hết tất cả Hoàng Bào của Ngài Thái Tử **Siddhattha** đã vừa mới cởi bỏ ra; và rồi đem về tôn trí ở trong bảo tháp có tên gọi bảo tháp **Dussa,** có chiều cao mười hai do tuần, và ở trong Sắc Cứu Cánh Phạm Thiên Giới này.

Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có được trình bày để ở trong Bộ Chú Giải Chủng Tộc Chư Phật **(Buddhavaṃsa Aṭṭhakathā)** rằng: **Suddhāvāsabrahmaloke Ghāṭikāro nāma mahābrahmā aṭṭhaparikkhāre datvā tassa bodhisattassa vatthā laṅkārāni gahetvā brahmaloke** (tức là **Akaniṭṭhabhave** – Sắc Cứu Cánh Phạm Thiên Giới, trích ở trong Bộ Phụ Chú Giải) **dvādadasayojanikaṃ dussathūpaṃ akāsi.**

TRÌNH BÀY THIÊN SẢN CHƯ PHẠM THIÊN

Như đã có được trình bày rằng trong cả Lục Dục Thiên Giới ấy thì trong từng mỗi tầng Thiên Giới có các Thiên Sản, đó là tòa Thiên Cung, có hoa viên, có hồ hoa sen, và có cây Thần ước (Kiếp Thọ Ba) làm cho phát sinh **Tịnh Thực (Sudhābhojana)** và đủ các loại Thiên vật khác, v.v.

Còn đối với ở trong Phạm Thiên Giới ấy cũng có Thiên Sản tương tự như ở trong Thiên Giới. Tuy nhiên chỉ có sự khác biệt là không có cây Thần ước (Kiếp Thọ Ba) làm cho phát sinh Tịnh Thực. Còn tòa Thiên Cung, hoa viên, hồ hoa sen và các Thiên vật của tất cả các vị Hữu Sắc Phạm Thiên ấy thì có sự xinh đẹp mỹ lệ thanh lương thù thắng hơn ở trong Thiên Giới. Tất cả Chư Phạm Thiên cũng không có sự hoan hỷ duyệt ý, túc nguyện ở trong hoa viên và Thiên Cung của mình, là vì không còn có **Tham Dục Triền Cái** ở dạng thô thiển **(Kāmachanda nīvaraṇa)** bởi do đã diệt trừ trong khi vẫn còn hiện hữu ở trong Cõi Nhân Loại. Và tất cả Chư Phạm Thiên không có hiện bày hình tướng Phạm Thiên Nữ hoặc Phạm Thiên Nam, chỉ có hình thù tướng dạng với dáng dấp hao hao như một nam nhân. Sự sinh hoạt của vị Hữu Sắc Phạm Thiên ấy có sự tiến hóa **Tứ Phạm Trú Pháp (Brahmavihāradhamma – Tứ Vô Lượng Tâm: Từ, Bi, Hỷ, Xả),** và có một vài vị thì lại **Nhập Thiền Định (Jhānasamāpatti).** Đối với Bậc Thánh Hữu Sắc Phạm Thiên thì **Nhập Thiền Quả (Phalasamāpatti).**

TRÌNH BÀY TÍCH TRUYỆN PHẠM THIÊN SAHAMPATI

Trong thời kỳ Đức Phật đã chứng đắc được Tuệ Quả Vô Thượng Chánh Đẳng Giác thì có một vị Phạm Thiên Ngài có danh hiệu **Sahampati** từ ở Phạm Thiên Giới đã ngự xuống thỉnh cầu Đức Phật Ngài từ bi khải thuyết giảng dạy Giáo Pháp để tế độ tất cả loài **Hữu Tình khả huấn luyện (Veneyyasatta).**

Có lời vấn hỏi rằng: "Vị Phạm Thiên ở trong Phạm Thiên Giới nào vậy ?"

Trả lời rằng: "Ngài Phạm Thiên **Sahampati** này ở trong tầng Trời thứ ba của Sơ Thiền Phạm Thiên Giới."

Có tích truyện được kể rằng, trong thời kỳ Giáo Pháp Bậc Chánh Đẳng Giác **Kassapa,** có hai vị Tỳ Khưu là huynh đệ nối khố với nhau. Một vị thì hoan hỷ duyệt ý ở trong Pháp Học. Một vị kia thì hoan hỷ duyệt ý ở trong Pháp Hành Minh Sát Tuệ. Vị Tỳ Khưu hoan hỷ duyệt ý ở trong Pháp Hành Minh Sát Tuệ ấy đã thường luôn nỗ lực tiến hóa tu tập Thiền An Chỉ cho đến chứng đạt được Sơ Thiền. Và sau khi thân hoại mạng chung, lìa khỏi Cõi Nhân Loại, và đã đi tái sinh trong Phạm Thiên Giới ở tầng thứ ba của Sơ Thiền Phạm Thiên Giới, có danh hiệu Phạm Thiên **Sahampati.**

Còn vị Tỳ Khưu hoan hỷ duyệt ý ở trong Pháp Học ấy thì sau khi thân hoại mạng chung đã đi tái sinh ở trong Thiên Giới, và đã trở thành Bậc Chánh Đẳng Giác của chúng ta ngay thời hiện tại này, có danh hiệu Đức Phật Sa Môn Cồ Đàm **(Samaṇa Gotama).**

Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có được trình bày để ở trong bộ Chú Giải Tương Ưng Bộ Kinh, Phẩm Hữu Kệ **(Sagāthāvagga Saṃyutta Aṭṭhakathā)** rằng: **So kira kassapassa bhagavato sāsane sahako nāma thero paṭhamajjhānaṃ nibbattetvā paṭhamajjhāna bhūminaṃ kappāyukabrahmāhutvā nibbatto tatra naṃ sahappati brahmāti sañjānanti.**

Kết Thúc Việc Trình Bày Mười Sáu Tầng Hữu Sắc Phạm Thiên Giới

TỨ VÔ SẮC PHẠM THIÊN GIỚI (ĀRŪPĀVACARABHŪMI) TRÌNH BÀY BỐN TẦNG VÔ SẮC PHẠM THIÊN GIỚI CÙNG VỚI LỜI GIẢI THÍCH

Chú Giải **(Vacanattha): Arūpabrahmānaṃ avacarā bhūmi = Arūpāvacara bhūmi** - Sản Địa của tất cả Chư Phạm Thiên Vô Sắc Giới, được gọi Vô Sắc Phạm Thiên Giới. Một trường hợp khác nữa:

Arūpāvacarānaṃ bhūmi = Arūpāvacarabhūmi - Sản Địa của Quả Dị Thục Vô Sắc Giới, được gọi Vô Sắc Phạm Thiên Giới.

Arūpassa bhavo = Arūpaṃ - Phạm Thiên Giới thành sản địa của Danh Pháp (Vô Sắc Giới), được gọi Vô Sắc Phạm Thiên Giới.

Chú Giải **(Vacanattha)** đủ cả Tứ Vô Sắc Phạm Thiên Giới:

1. Ākāsānañcāyatanassa bhūmi = Ākāsānañcāyatanabhūmi – Phạm Thiên Giới thành nơi tọa lạc tầng Thiền Không Vô Biên Xứ, được gọi là Không Vô Biên Xứ Phạm Thiên Giới.

2. Viññāṇañcāyatanassa bhūmi = Viññāṇañcāyatanabhūmi – Phạm Thiên Giới thành nơi tọa lạc tầng Thiền Thức Vô Biên Xứ, được gọi là Thức Vô Biên Xứ Phạm Thiên Giới.

3. Ākiñcaññāyatanassa bhūmi = Ākiñcaññāyatanabhūmi – Phạm Thiên Giới thành nơi tọa lạc tầng Thiền Vô Sở Hữu Xứ, được gọi là Vô Sở Hữu Xứ Phạm Thiên Giới.

4. Nevasaññānāsaññāyatanassa bhūmi = Nevasaññānāsaññāyatanabhūmi - Thiên Giới thành nơi tọa lạc tầng Thiền Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, được gọi là Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Phạm Thiên Giới.

Giải thích rằng: Trong cả Tứ Vô Sắc Phạm Thiên Giới này, dù cho sẽ được gọi là Phạm Thiên Giới thật sự đi nữa, tuy nhiên Phạm Thiên Giới này không có hiện bày bất luận một hình tướng thể trạng nào cả, vì lẽ các Phạm Thiên Giới ấy chỉ là một bầu hư không trống rỗng mà thôi. Đối với các vị Phạm Thiên ấy cũng chỉ là các vị Phạm Thiên không có Sắc Uẩn, chỉ có duy nhất Tứ Danh Uẩn sinh khởi nối tiếp nhau một cách không có khoảng cách xen kẽ, tính khởi từ Tâm Tái Sinh trở đi.

Trong sự việc cả Tứ Phạm Thiên Giới này được gọi là Vô Sắc Phạm Thiên Giới đây, đã có nhóm **Tà Thuyết (Micchāvādī)** cùng rủ nhau nói rằng: "Nếu như bất luận một ai đã không có Sắc Uẩn rồi, mà chỉ có phần Danh Uẩn thôi thì trú xứ của hạng người này không nên gọi là Cõi Giới được." Vì thế, trong sự việc Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** đã có trình bày rằng: "đó là Không Vô Biên Xứ Phạm Thiên Giới, v.v., cũng chính là nhằm để bác bỏ lời nói sai trật của nhóm người Tà Thuyết ấy vậy.

Trong điều này, một vài vị có thể có sự hiểu biết sai lầm rằng: "Cho dù vị Phạm Thiên Vô Sắc Giới sẽ thật sự là không có Sắc Uẩn đi nữa, tuy nhiên về trú xứ là chỗ nương ngụ của vị Phạm Thiên Vô Sắc Giới này, bao gồm Thiên Cung, hoa viên, hồ hoa sen và cây Thần ước cũng vẫn có tương tự giống như ở Cõi Hữu Sắc Phạm Thiên Giới vậy." Sự hiểu biết như vậy, quả là sự hiểu biết không đúng với sự thật. Điều thật sự ấy là, tất cả các vị Phạm Thiên Vô Sắc Giới thường được hóa sinh với mãnh lực của việc tu tập xa lìa khỏi sự túc nguyện duyệt ý ở trong Sắc Pháp **(Ly Ái Sắc Tu Tập – Rūpavirāga bhāvanā),** với nguyên nhân này, trú xứ chỗ nương ngụ của vị Phạm Thiên Vô Sắc Giới mới không có hình tướng thể trạng nào cả.

Trình bày sự cách xa từ khoảng giữa của Nhân Loại Địa Giới với Vô Gián Đại Địa Ngục, từ khoảng giữa của Nhân Loại Địa Giới với Tha Hóa Tự Tại Thiên Giới, từ khoảng giữa của Nhân Loại Địa Giới với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Phạm Thiên Giới, và từ khoảng giữa của Vô Gián Đại Địa Ngục với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Phạm Thiên Giới, có được như vầy:

1/ Từ khoảng giữa Nhân Loại Địa Giới với Vô Gián Đại Địa Ngục ước lượng có khoảng cách xa với nhau 120,000 do tuần.

2/ Từ khoảng giữa Nhân Loại Địa Giới với Tha Hóa Tự Tại Thiên Giới ước lượng có khoảng cách xa với nhau 252,000 do tuần.

3/ Từ khoảng giữa Nhân Loại Địa Giới với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Phạm Thiên Giới ước lượng có khoảng cách xa với nhau 71,856,000 do tuần.

4/ Từ khoảng giữa Vô Gián Đại Địa Ngục với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Phạm Thiên Giới ước lượng có khoảng cách xa với nhau 71,976,000 do tuần.

TRÌNH BÀY VIỆC PHÂN HẠNG NGƯỜI (PUGGALA) VÀ ĐỊA GIỚI (BHÙMI) THEO CÂU KỆ TỔNG HỢP (GĀTHĀSAṄGAHA)

Tiếp theo đây sẽ giải thích trong Câu Kệ Tổng Hợp đã có trình bày để ở trong đoạn trên, như sau:

1. Puthujjanāna labbhanti Suddhāvāsesu sabbathā Sotāpannā ca Sakadā gāmino cāpi Puggalā.

1. Tứ Phàm Phu (Puthujjanā),

2. Bậc Thất Lai (Sotāpannā – Tu Đà Hườn),

3. Bậc Nhất Lai (Sakadāgāmī – Tư Đà Hàm),

cả sáu hạng Người này không sinh được trong Ngũ **Tịnh Cư Phạm Thiên Giới (Suddhā vāsabhūmi)** dù với bất luận Lộ Trình Tâm Thức nào.

2. Ariyā nopalabbhanti Asaññāpāyabhūmisu sesaṭṭhānesu labbhanti Ariyānariyāpi ca.

Các Bậc Thánh Nhân không có sinh trong Vô Tưởng Hữu Tình Phạm Thiên Giới và Tứ Thống Khổ Địa Giới. Các Bậc Thánh Nhân hoặc không phải Bậc Thánh Nhân sinh được trong những Địa Giới còn lại. Tám Bậc Thánh Nhân **(Ariyapuggala)** không có sinh trong Vô Tưởng Hữu Tình Phạm Thiên Giới và Tứ Thống Khổ Địa Giới **(Apāyabhūmi)**

Trong hai mươi mốt Địa Giới còn lại, đó là:

1. Bảy Thiện Dục Địa Giới (Kāmasugatibhūmi),

2. Mười Hữu Sắc Phạm Thiên Giới (Rūpabhūmi),

3. Tứ Vô Sắc Phạm Thiên Giới (Arūpabhūmi),

chí đến tám Bậc Thánh Nhân **(Ariyapuggala)** và ba hạng Phàm Nhân **[Puthujjanā** – trừ Khổ Thú **(Duggati)]** cũng sinh được (vừa theo thích hợp).

Câu kệ thứ nhất được giải thích rằng: Bốn hạng Người Phàm Phu, một Người Đạo Thất Lai, một Người Quả Thất Lai, một Người Đạo Nhất Lai, một Người Quả Nhất Lai, một Người Đạo Bất Lai; với cả chín hạng Người này không có trong cả năm tầng Tịnh Cư Phạm Thiên Giới ấy được, và trong cả chín hạng Người mà đã được đề cập đến tại đây thì Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** trình bày đối với Người Đạo Bất Lai cũng không có sinh được trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới, bằng cách chỉ dùng với từ ngữ để nói rằng **Pi** (cũng vậy). Còn tám hạng Người còn lại kia, không có được trong cả năm tầng Tịnh Cư Phạm Thiên Giới ấy, là Ngài đã dùng thuật ngữ để trình bày một cách trực tiếp. Cho dù là Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** sẽ không có dùng với từ ngữ để nói rằng **Pi** (cũng vậy) nhưng vẫn

có một nguyên nhân khác nữa mà nên biết được rằng hạng Người Đạo Bất Lai không có được trong cả năm tầng Tịnh Cư Phạm Thiên Giới ấy, cũng bởi vì Ngài chỉ có trình bày một từ ngữ duy nhất đó là **Sakadāgāmino (Bậc Bất Lai Đạo).**

Lại nữa, được gọi với nhau là Người Đạo ấy, đích thị chính là cả ba Tâm Đạo ấy vậy. Chính vì vậy, với Người Đạo mới không có sự sinh khởi với mãnh lực **Tâm Tái Sinh (Paṭisandhicitta)** và luôn cả cũng không có sự tử vong, tức là **Tâm Tử** vậy **(Cuticitta).** Người Đạo Bất Lai sẽ được sinh khởi là cũng phải nương vào Người Quả Nhất Lai. Tại nơi đây, Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** đã trình bày một cách khẳng định rằng Người Quả Nhất Lai không có được sinh khởi trong tầng Tịnh Cư Phạm Thiên Giới; và một khi Người Quả Nhất Lai đã không có được sinh khởi ở trong tầng Tịnh Cư Phạm Thiên Giới ấy rồi thì nhất định rằng Người Đạo Bất Lai cũng không có thể sinh khởi lên được.

Có ba hạng Người được sinh khởi ở trong tầng Tịnh Cư Phạm Thiên Giới, đó là: một Người Quả Bất Lai Phúc Lộc Ngũ Thiền, một Người Đạo Alahán Vô Sinh, và một Người Quả Alahán Vô Sinh. Cả ba hạng Người này, Người Quả Bất Lai Phúc Lộc Ngũ Thiền **(Pañcamajhānalābhīanāgāmiphalapuggala)** được sinh khởi trong tầng Tịnh Cư Phạm Thiên Giới là do với mãnh lực **Tâm Tái Sinh (Paṭisandhicitta).**

Còn cả hai hạng Người kia, là Người Đạo Alahán Vô Sinh và Người Quả Alahán Vô Sinh thì không có được sinh khởi với mãnh lực Tâm Tái Sinh, mà chỉ có được sinh khởi trong **Thời Chuyển Khởi (Pavattikāla)** mà thôi. Tuy nhiên sự việc gọi tên qua việc chia ra làm ba hạng Người ấy, là việc gọi theo phần **Siêu Lý Từ Chương (Paramattha vohāra).** Còn nếu tính theo phần **Thế Tục Từ Chương (Sammutivohāra)** thì có lẽ chỉ có duy nhất một hạng Người, bởi vì Người Bất Lai đã chứng đắc được Ngũ Thiền trong tầng Phạm Thiên Giới bậc thấp rồi, và sau khi thân hoại mạng chung thì đã đi tái sinh trong cả năm tầng Tịnh Cư Phạm Thiên Giới này, bất luận một tầng Phạm Thiên Giới nào với mãnh lực **Tâm Tái Sinh (Paṭisandhicitta)** tùy theo năng lực kiên định của Ngũ Quyền mà mình đã từng tu tập. Và khi đã được đi tái sinh vào trong Tịnh Cư Phạm Thiên Giới thì lại tiếp tục tiến tu Thiền Minh Sát Tuệ cho đến chứng đắc Đạo Quả Vô Sinh. Vì thế, theo phần Thế Tục Từ Chương thì mới nói được là chỉ duy nhất có một hạng Người.

Câu kệ thứ hai thì theo phần **Pāḷi** đã có đề cập đến **Ariyā nopalabbhanti Asaññāpāyabhūmisu - Dịch nghĩa rằng:** Tám **Bậc Thánh Nhân (Ariyapuggala)** thì không có sinh trong Hữu Tình Vô Tưởng Phạm Thiên Giới và Tứ **Thống Khổ Địa Giới (Apāyabhūmi),** luôn cả trong Thời Tái Sinh và trong Thời Chuyển Khởi. Theo phần **Pāḷi** này, nếu lập ý cho việc trình bày một cách trực tiếp thì có ý nghĩa là tám Bậc Thánh Nhân sẽ không bao giờ sinh trong cả hai Cõi Giới này.

Tuy nhiên nếu lập ý cho việc trình bày một cách gián tiếp thì cũng nên thấu hiểu được rằng **Người Phàm Tam Nhân (Tihetukaputhujjanā)** cũng tương tự như vậy, là không có sinh trong cả hai Cõi Giới này, và luôn cả ở trong cả hai Thời, Thời Tái Sinh và Thời Chuyển Khởi cũng tương tự như vậy. Vì lẽ theo thường nhiên, nếu hạng Người Phàm Tam Nhân tái sinh hiện khởi ở trong Cõi Giới nào thì Cõi Giới ấy cũng phải có tám Bậc Thánh Nhân hiện khởi lên một cách tương tự. Tuy nhiên ở trong phần **Pāḷi** này đã có được trình bày một cách

trực tiếp rằng: "cả tám Bậc Thánh Nhân không bao giờ sinh trong cả hai Cõi Giới này," vì thế, cũng nên hiểu được rằng: "hạng Người Phàm Tam Nhân cũng không có được sinh một cách tương tự."

Còn đối với **Người Nhị Nhân (Dvihetukapuggala)** ấy thì theo phần **Pāḷi** của điều này đã không có trình bày là "có" hay là "không có", luôn cả ở hai cách thức: trực tiếp và gián tiếp; tuy nhiên sự thật là cũng không có được như nhau. Nếu sẽ thẩm sát xem xét rằng hạng Người Nhị Nhân này sẽ có được hay là không có được sinh khởi trong Hữu Tình Vô Tưởng Phạm Thiên Giới và trong cả Tứ Thống Khổ Địa Giới ? Đối với Vô Tưởng Hữu Tình Phạm Thiên Giới ấy thì không có điều nghi ngờ chi cả, vì rằng Hữu Tình Vô Tưởng Phạm Thiên Giới này không phải là Cõi Giới, là sản địa của Danh Pháp; mà đó chỉ là một Cõi Giới, là một sản địa duy nhất của Sắc Pháp. Còn về Tứ Thống Khổ Địa Giới ấy, là nơi sinh khởi của cả Danh Pháp và Sắc Pháp, vì thế, nếu thẩm sát xem xét một cách vi tế thì sẽ thấy được rằng cả Tứ Thống Khổ Địa Giới này là Cõi Giới, là sản địa của nhóm Người Vô Nhân mà Tái Sinh với Tâm Bất Tương Ưng với Nhân, có ý nghĩa là nhóm Người mà Tái Sinh trong cả Tứ Thống Khổ Địa Giới này là do bởi một mãnh lực duy nhất của Bất Thiện Nghiệp Lực. Khi là như vậy, mới quyết định được rằng Người Nhị Nhân là Người Tái Sinh với Tâm tương ưng với hai Nhân và sẽ khẳng định được là không có tái sinh trong cả Tứ Thống Khổ Địa Giới.

Trong phần **Pāḷi** đã có được trình bày tiếp theo là: **Sesaṭṭhānesu labbhanti Ariyānariyāpi ca - Dịch nghĩa rằng:** Hai mươi mốt Cõi Giới còn lại, đó là: bảy Dục Thiện Địa Giới, mười Hữu Sắc Phạm Thiên Giới, bốn Vô Sắc Phạm Thiên Giới; với những Cõi Giới này là sản địa của tám Bậc Thánh Nhân và ba hạng Phàm Nhân [trừ một Người Khổ Thú Vô Nhân **(Duggatiahetukapuggala)**].

Điều này được giải thích là: từ ngữ nói rằng **Ariyānariyāpi ca** là việc trình bày liên quan đến khắp hết cả mọi hạng Người. Tuy nhiên tại nơi đây đã có trình bày là loại trừ hạng Người Khổ Thú Vô Nhân ra, bởi lý do là tất cả hai mươi mốt Cõi Giới còn lại này đều là Cõi Thiện Thú, do đó, Người Khổ Thú Vô Nhân mới chắc chắn là không có thể sinh khởi ở trong Cõi Thiện Thú này được, và vì vậy mới có việc loại trừ ra vậy.

TRÌNH BÀY MƯỜI HAI HẠNG NGƯỜI
BỐN HẠNG PHÀM NHÂN, Đó Là:

1. Người Khổ Thú Vô Nhân,
2. Người Thiện Thú Vô Nhân,
3. Người Nhị Nhân,
4. Người Tam Nhân.

TÁM BẬC THÁNH NHÂN, Đó Là:

1. Người Đạo Thất Lai,
2. Người Quả Thất Lai,
3. Người Đạo Nhất Lai,
4. Người Quả Nhất Lai,
5. Người Đạo Bất Lai,
6. Người Quả Bất Lai,

7. Người Đạo Vô Sinh, 8. Người Quả Vô Sinh.

TRÌNH BÀY VIỆC PHÂN HẠNG BA MƯƠI MỐT CÕI GIỚI THEO MƯỜI HAI HẠNG NGƯỜI

+ Tứ Thống Khổ Địa Giới là sản địa duy nhất của một nhóm Người Khổ Thú Vô Nhân.

+ Một Nhân Loại Địa Giới
+ Một Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới
} là sản địa của 11 hạng Người (trừ 1 Người Khổ Thú Vô Nhân)

+ Một Đao Lợi Thiên Giới
+ Một Dạ Ma Thiên Giới
+ Một Đâu Suất Đà Thiên Giới
+ Một Hóa Lạc Thiên Giới
+ Một Tha Hóa Tự Tại Thiên Giới
} là sản địa của 10 hạng Người (trừ 1 Người Khổ Thú Vô Nhân và 1 Người Thiện Thú Vô Nhân)

+ Ba Sơ Thiền Phạm Thiên Giới
+ Ba Nhị Thiền Phạm Thiên Giới
+ Ba Tam Thiền Phạm Thiên Giới
+ Ba Tứ Thiền Phạm Thiên Giới
} là sản địa của 9 hạng Người, đó là: 1 Người Phàm Tam Nhân, 8 Bậc Thánh Nhân

+ Một Vô Tưởng Hữu Tình Phạm Thiên Giới là sản địa của Người Thiện Thú Vô Nhân chỉ có duy nhất Bọn Sắc Tái Sinh.

+ Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới là sản địa của ba hạng Người, đó là: 1 Người Quả Bất Lai, 1 Người Đạo Vô Sinh, 1 Người Quả Vô Sinh.

+ Tứ Vô Sắc Phạm Thiên Giới là sản địa của 8 hạng Người, đó là 1 Người Phàm Tam Nhân, 7 Bậc Thánh Nhân (trừ 1 Người Đạo Thất Lai)

TRÌNH BÀY 214 HẠNG NGƯỜI TRONG 31 CÕI GIỚI

1/ Tứ Thống Khổ Địa Giới, với mỗi Địa Giới có một hạng Người, kết hợp lại có 4 hạng Người.

2/ Một Nhân Loại Địa Giới, Một Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới, với mỗi Cõi Giới có 11 hạng Người, kết hợp lại có 22 hạng Người.

3/ Năm Thiên Giới còn lại, với mỗi tầng Thiên Giới có 10 hạng Người, kết hợp lại có 50 hạng Người.

4/ Mười Hữu Sắc Phạm Thiên Giới, với mỗi tầng Phạm Thiên Giới có 9 hạng Người, kết hợp lại có 90 hạng Người.

5/ Một Vô Tưởng Hữu Tình Phạm Thiên Giới có 1 hạng Người.

6/ Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới, với mỗi tầng Phạm Thiên Giới có 3 hạng Người, kết hợp lại có 15 hạng Người.

7/ Tứ Vô Sắc Phạm Thiên Giới, với mỗi tầng Phạm Thiên Giới có 8 hạng Người, kết hợp lại 32 hạng Người.

Tổng kết lại có 214 hạng Người nương trú ở trong 31 Cõi Giới.
(4 + 22 + 50 + 90 + 1 + 15 + 32 = 214)

TRÌNH BÀY CỬU LƯU CƯ ĐỊA GIỚI (SATTĀVĀSABHŪMI) LÀ CHỖ NƯƠNG TRÚ LOÀI HỮU TÌNH

1/ Thân Dị Địa Giới (Nānāttakāyabhūmi): Có 14 Cõi Giới thành sản địa của tất cả loài Hữu Tình mà có thân hình tướng trạng dị biệt với nhau, đó là: 11 Dục Địa Giới và 3 Sơ Thiền Phạm Thiên Giới.

2/ Thân Đồng Địa Giới (Ekattakāyabhūmi): Có 12 Cõi Giới thành sản địa của tất cả loài Hữu Tình mà có thân hình tướng trạng tương đồng với nhau, đó là: 3 Nhị Thiền Phạm Thiên Giới, 3 Tam Thiền Phạm Thiên Giới, 1 Quảng Quả Phạm Thiên Giới và 5 Tịnh Cư Phạm Thiên Giới.

3/ Tưởng Dị Địa Giới (Nānāttasaññībhūmi): Có 10 Cõi Giới thành sản địa của loài Hữu Tình mà có Tâm Tái Sinh dị biệt với nhau, đó là: 7 Thiện Dục Địa Giới và 3 Nhị Thiền Phạm Thiên Giới.

4/ Tưởng Đồng Địa Giới (Ekattasaññībhūmi): Có 16 Cõi Giới thành sản địa của loài Hữu Tình mà có Tâm Tái Sinh tương đồng với nhau, đó là: 4 Thống Khổ Địa Giới, 3 Sơ Thiền Phạm Thiên Giới, 1 Quảng Quả Phạm Thiên Giới và 5 Tịnh Cư Phạm Thiên Giới.

5/ Vô Tưởng Địa Giới (Asaññībhūmi): Có 1 Cõi Giới thành sản địa của loài Hữu Tình mà không có Danh Pháp, đó là Vô Tưởng Hữu Tình Phạm Thiên Giới.

6/ Một Không Vô Biên Xứ Phạm Thiên Giới.

7/ Một Thức Vô Biên Xứ Phạm Thiên Giới.

8/ Một Vô Sở Hữu Xứ Phạm Thiên Giới.

9/ Một Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Phạm Thiên Giới.

TRÌNH BÀY SỰ HIỆN HÀNH VỀ THÂN TƯỚNG HÌNH TRẠNG VÀ THỨC TÁI SINH (PAṬISANDHIVIÑÑĀṆA)

1/ Thân Dị Tưởng Dị (Nānāttakāyanānāttasaññī): Có bảy Cõi Giới với các loài Hữu Tình có thân hình tướng trạng dị biệt với nhau và có Thức Tái Sinh dị biệt với nhau, đó là 7 Thiện Dục Địa Giới.

2/ Thân Dị Tưởng Đồng (Nānāttakāyaekattasaññī): Có bảy Cõi Giới với loài Hữu Tình có thân hình tướng trạng dị biệt với nhau, nhưng lại có Thức Tái Sinh tương đồng với nhau, đó là 4 Thống Khổ Địa Giới và 3 Sơ Thiền Phạm Thiên Giới.

3/ Thân Đồng Tưởng Dị (Ekattakāyanānāttasaññī): Có ba Cõi Giới với loài Hữu Tình có thân hình tướng trạng tương đồng với nhau, nhưng lại có Thức Tái Sinh dị biệt với nhau, đó là 3 Nhị Thiền Phạm Thiên Giới.

4/ Thân Đồng Tưởng Đồng (Ekattakāyaekattasaññī): Có chín Cõi Giới với loài Hữu Tình có thân hình tướng trạng tương đồng với nhau và có Thức Tái Sinh tương đồng với nhau, đó là 3 Tam Thiền Phạm Thiên Giới, 1 Quảng Quả Phạm Thiên Giới và 5 Tịnh Cư Phạm Thiên Giới.

Ghi chú: Hữu Tình Vô Tưởng Phạm Thiên Giới và Tứ Vô Sắc Phạm Thiên Giới ấy thì không được liệt kê vào ở trong phần **Dị Biệt (Nānātta)** hoặc **Tương Đồng (Ekatta),** là vì ở trong Hữu Tình Vô Tưởng Phạm Thiên Giới không có Danh Uẩn và trong Tứ Vô Sắc Phạm Thiên Giới không có Sắc Uẩn.

TRÌNH BÀY BẢY CÕI GIỚI THÀNH CHỖ NƯƠNG TRÚ TÂM THỨC (VIÑÑĀṆATTHITI - THƯỜNG TRỤ THỨC)

1. Thân Dị Tưởng Dị Địa Giới, 2. Thân Dị Tưởng Đồng Địa Giới,
3. Thân Đồng Tưởng Dị Địa Giới, 4. Thân Đồng Tưởng Đồng Địa Giới
5. Không Vô Biên Xứ Phạm Thiên Giới, 6. Thức Vô Biên Xứ Phạm Thiên Giới,
7. Vô Sở Hữu Xứ Phạm Thiên Giới.

Ghi chú: Hữu Tình Vô Tưởng Phạm Thiên Giới không có Danh Uẩn, vì thế, mới không được gọi là Thường Trụ Thức Địa Giới. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Phạm Thiên Giới, cho dù là có Danh Uẩn, tuy nhiên Danh Uẩn này lại không hiển lộ rõ ràng, vì thế, cũng tương tự như vậy, mới không được gọi là Thường Trụ Thức Địa Giới.

Lời giải thích trong Cửu Lưu Cư Địa Giới và Thất Thường Trụ Thức này, đã có phần **Pāḷi** dẫn chứng trình bày để ở trong Bộ Phụ Chú Giải **Jīnālaṅkāra**:

Devā ceva manussā ca
Dīgharassakisathūla -
Kāyassāpi ca nānāttā
Nānātakāyanānātta -
Sabbe āpāyikā ceva
Nānāttakāyaekatta -
Dutiyajjhānikekatta -
Ekattākāyā ekatta -
Viññāṇiṭhitiyo satta
Bhaggā saññino ceva

Ekacce vinipātikā
Kāḷasāmādibhedato
Nānāttāpi ca saññiyā
Saññino nāma honti te
Paṭhamajjhānikā tayo
Saññino nāma honti te
Kāyā nānāttasaññino
Saññino hi tato pare
Heṭṭhāruppehi tīhi te
Sattāvāsā navarītā.

TRÌNH BÀY THỜI GIAN TRỐNG VẮNG PHẠM THIÊN TRONG TỊNH CƯ PHẠM THIÊN GIỚI

Có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có được trình bày để ở trong Bộ Chú Giải Tăng Chi Bộ Kinh – Phẩm Thất Chi **(Sattaṅguttara Aṭṭhakathā)** rằng: **Suddhāvāsā viviṭṭapakkhe ṭhitā na sabbakālikā, kappasatasahassaṃpi asaṅkheyyaṃpi buddhasaññe loke na uppajjanti, solasakappasahassaabbhantare buddhesu uppannesuyeva uppajjanti, dhammacakkappa vattissa bhagavato khandhā vārasadisā honti, tasmā neva viññāṇaṭṭhitiṃ, na sattāvāsaṃ bhajanti.**

Theo phần **Pāḷi** này đã giải thích rằng: Các vị Tịnh Cư Phạm Thiên thường không hiện hữu luôn mãi trong Tịnh Cư Phạm Thiên Giới vì các vị Tịnh Cư Phạm Thiên này là những vị Phạm Thiên đã có Phước Vị Ngoại Vi Hành Quả Luân Hồi **(Saṃsāravaṭṭa).**

Trong khoảng thời gian một trăm ngàn Đại Kiếp hoặc A Tăng Kỳ Đại Kiếp, giả như không có bất luận một vị Phật nào xuất hiện ở trong thế gian này thì thường là các vị Tịnh Cư Phạm Thiên cũng không có hiện hữu. Nếu đặc biệt là sẽ có hiện khởi lên được, là chỉ có ở trong khoảng thời gian ước lượng ba mươi mốt ngàn (31,000) Đại Kiếp khi mà một vị Phật xuất hiện lên. Ngài đã ví Tịnh Cư Phạm Thiên Giới này tương tự với lãnh địa trú xứ hiện khởi theo lẽ pháp thường nhiên. Vào thời lúc Bậc Chánh Đẳng Giác lập ý khải thuyết bài Kinh Chuyển Pháp Luân thì lãnh địa trú xứ ấy được hiện khởi lên. Khi Đức Phật thuyết giảng đã được thành tựu viên mãn và rời khỏi nơi ấy đến ngự ở nơi khác, thì các sự vật mà đã hiện khởi lên theo lẽ pháp thường nhiên ấy, cũng đã biến mất theo đi và sẽ không có hiện khởi lên nữa. Mãi cho đến khi Giáo Pháp của Đức Phật **Ariya Mettreyya** lại xuất hiện ở trong thế gian này một lần nữa và khi Bậc Chánh Đẳng Giác **Ariya Mettreyya** lập ý khải thuyết bài Kinh Chuyển Pháp Luân bất luận vào thời gian nào thì vào thời gian ấy, loại trú xứ dường như thế ấy mới sẽ hiện khởi lên một lần nữa. Và khi việc thuyết giảng đã được thành tựu viên mãn thì lãnh địa trú xứ ấy lại sẽ phải biến mất đi một cách tương tự như nhau. Điều này như thế nào thì Tịnh Cư Phạm Thiên Giới cũng như thế ấy vậy. Tức là, khi mà Phật Giáo đã xa lìa và đã trôi qua một khoảng thời gian lâu dài ước tính được là ba mươi mốt ngàn (31,000) Đại Kiếp thì khoảng thời gian ấy trong Tịnh Cư Phạm Thiên Giới cũng sẽ trống vắng tất cả các vị Phạm Thiên. Tất cả sự việc này là cũng bởi bất luận một vị Tịnh Cư Phạm Thiên nào, cho dù sẽ được hóa sinh xuyên suốt hết cả năm tầng Tịnh Cư Phạm Thiên Giới, và dù cho sẽ gom hết cả tuổi thọ lại thì cũng không hơn được ba mươi mốt ngàn (31,000) Đại Kiếp, và thế là phải Viên Tịch Níp Bàn xác tín như vậy. (Còn đối với các vị Phạm Thiên khác, luôn đến Chư Thiên và Nhân Loại mà đã thành Bậc Bất Lai và đã chứng đắc được Ngũ Thiền, một khi sẽ đi tái sinh ở trong Tịnh Cư Phạm Thiên Giới thì trước hết sẽ phải thọ mạng diệt trong Cõi Giới của mình với thời gian ít oi khi so sánh với thọ mệnh của vị Tịnh Cư Phạm Thiên, do vậy mới không thiết yếu phải nghĩ bàn đến.)

Về các vị Phạm Thiên khác hiện hữu ở tầng thấp hơn, luôn đến Chư Thiên và Nhân Loại ấy, cũng chỉ là nhóm hạng Người Phàm Nhân, vì thế, nhóm hạng Người này khi thân hoại mạng chung, lìa khỏi kiếp sống ấy, cũng không có khả năng sẽ đi tái sinh ở trong Tịnh Cư Phạm Thiên Giới ấy được. Thế là, Tịnh Cư Phạm Thiên Giới trong khoảng thời gian ấy không có người nương trú, và trong khoảng thời gian mà Tịnh Cư Phạm Thiên Giới có tình trạng hoang vắng như vầy thì khoảng thời gian ấy Tịnh Cư Phạm Thiên Giới mới không được liệt kê vào ở trong nhóm Cửu Lưu Cư Địa Giới và Thất Thường Trụ Thức.

Ý kiến đã được đề cập ở tại đây, chính là ý kiến của Bậc Đại Chú Giải Sư Phật Âm **(Mahā Buddhaghosācāriya).**

Còn có một ý kiến khác nữa, đó là ý kiến của Ngài Đại Trưởng Lão **Mahāsiva** đã có được trình bày rằng: Mặc dù là, sẽ không có vị Phạm Thiên nào hóa sinh ở trong khoảng thời gian **Không Hư Đại Kiếp (Suññakappa)** đi nữa, tuy nhiên cũng đã từng có hiện hữu

ở trong thời quá khứ và cũng sẽ tiếp tục hiện hữu ở trong thời vị lai nữa, vì thế, cả năm tầng Tịnh Cư Phạm Thiên Giới này cũng được liệt kê vào ở trong nhóm Cửu Lưu Cư Địa Giới và Thất Thường Trụ Thức, tương tự như nhau và không có gì sai biệt. Theo ý kiến của Ngài Đại Trưởng Lão **Mahāsiva** như đã đề cập tại đây thì Bậc Đại Chú Giải Sư **Mahā Buddha ghosācāriya** cũng có sự hoan hỷ duyệt ý.

TRÌNH BÀY CÕI GIỚI BẬC THÁNH NHÂN ĐÃ ĐI TÁI SINH RỒI VÀ SẼ KHÔNG CÒN TIẾP TỤC ĐI TÁI SINH TRONG CÕI GIỚI NÀO KHÁC

Có ba Cõi Giới, đó là: Quảng Quả Phạm Thiên Giới, Sắc Cứu Cánh Phạm Thiên Giới và Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Phạm Thiên Giới. Cả ba Phạm Thiên Giới này là cùng tột của Cõi Giới, và là Cõi Giới tuyệt hảo, thù thắng hơn hết. Và cả ba Phạm Thiên Giới này là cùng tột của Cõi Giới, và là Cõi Giới tuyệt hảo ấy, là vì tất cả các Bậc Thánh Nhân tính kể từ Bậc Bất Lai trở xuống, mà khi đã hóa sinh ở trong cả ba Phạm Thiên Giới này rồi, một khi thọ mạng diệt thì những Bậc Thánh Nhân này thường là không đi tái sinh ở trong các Cõi Giới cao hơn hoặc các Cõi Giới thấp hơn. Đối với ba Bậc Thánh Nhân mà đã hóa sinh trong Quảng Quả Phạm Thiên Giới và Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Phạm Thiên Giới ấy thì một khi vẫn chưa thành đạt Quả vị Vô Sinh, và khi đã đến thời kỳ thọ mạng diệt thì cũng sẽ tái sinh trở lại một lần nữa ở ngay chính trong Cõi Giới của mình đã ở, mãi cho đến được chứng đắc Quả vị Vô Sinh và rồi Viên Tịch Níp Bàn cũng ở chính ngay trú xứ ấy vậy. Còn với Người Bất Lai hiện hữu ở trong Sắc Cứu Cánh Phạm Thiên Giới ấy, một khi đến thời kỳ thọ mạng diệt thì cũng không có việc đi tái sinh ở nơi nào nữa, là vì các vị Bất Lai này sẽ phải thành đạt Quả vị Vô Sinh và nhất định cũng sẽ Viên Tịch Níp Bàn chính ngay ở trong Phạm Thiên Giới này. Có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có được trình bày để ở trong bộ Chú Giải Xua Tan Mê Mờ Giải Minh **(Sammohavinodanī Aṭṭhakathā)** rằng: **Vehapphalā akaniṭṭhā neva saññānā saññāyatananti ime tayo devalokā seṭṭhabhavā nāma, imesu tīsu ṭhānesu nibbattā anāgāmino (ceva sotāpanna sakadāgāmino ca) neva uddhaṃ gacchanti na adho, tattha tattheva parinibbāyanti.**

Dựa theo phần **Pāḷi** này đã không có trình bày đến một cách trực tiếp về cả hai Bậc, là Bậc Thất Lai Phạm Thiên và Bậc Nhất Lai Phạm Thiên, mà chỉ có trình bày với một từ ngữ duy nhất để nói rằng **Anāgāmino,** bởi vì từ ngữ mà nói rằng **Anāgāmino** này, tức là cả hai nhóm Người Bất Lai, là:

1. Quả Bất Lai (Phala Anāgāmī) tức là Bất Lai Phạm Thiên.

2. Thiền Na Bất Lai (Jhāna Anāgāmī) tức là Thất Lai Phạm Thiên và Nhất Lai Phạm Thiên.

Vì thế, với cả hai nhóm là Thất Lai Phạm Thiên và Nhất Lai Phạm Thiên này, mới được sắp vào ở trong từ ngữ nói rằng **Anāgāmino,** bởi vì theo lẽ thường thì hạng Người Bất Lai ấy, sẽ không tái sinh trở lại ở trong Cõi Dục Địa Giới nữa; và cả hai Bậc Thất Lai Phạm Thiên và Nhất Lai Phạm Thiên này, cũng không tái sinh trở lại trong Cõi Dục Địa Giới nữa,

tương tự với vị Bất Lai Phạm Thiên. Do đó, mới chỉ dùng một từ ngữ duy nhất nói là **Anāgāmino.** Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có được trình bày rằng:

Vehapphale akaniṭṭhe **Bhavagge ca patiṭṭhitā**
Na punaññattha jāyanti **Sabbe ariyapuggalā**

TRÌNH BÀY SỰ KHỞI SINH MỘT CÁCH ĐẶC BIỆT CỦA VỊ PHẠM THIÊN

Vị Phạm Thiên hiện hữu ở trong bốn tầng bậc thấp của Tịnh Cư Phạm Thiên Giới, đến khi thọ mạng diệt thì thường là không có tái sinh lại tầng Phạm Thiên Giới mà mình đã từng sinh, nhưng lại đi tái sinh vào trong tầng Phạm Thiên Giới cao hơn cũng được. Còn Bậc Thánh Phạm Thiên hiện hữu ở trong các Phạm Thiên Giới khác, mà ở ngoài khỏi cả năm tầng Tịnh Cư Phạm Thiên Giới ấy ra, và đến khi thọ mạng diệt thì sẽ tái sinh lại ở chính ngay trong Cõi Giới của mình đã từng sinh một lần nữa cũng được, hoặc là sẽ tiếp tục đi tái sinh trong Cõi Giới ở tầng bậc cao hơn của mình cũng được; nhưng thường là không có tái sinh trở lại ở trong Cõi Giới tầng bậc thấp hơn của mình đã từng sinh.

Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có được trình bày rằng:

Na puna tattha jāyanti **Sabbepi suddhavāsikā**
Brahmaloke gatā heṭṭhā **Ariyā nopapajjare**

TRÌNH BÀY CÕI PHẠM THIÊN GIỚI TỘT ĐỈNH ĐƯỢC GỌI LÀ CÙNG TỘT HỮU (BHAVAGGA)

Trong tất cả hai mươi tầng Phạm Thiên Giới ấy thì Quảng Quả Phạm Thiên Giới được tính là cùng tột của mười một tầng Hữu Sắc Phạm Thiên Giới (trừ Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới), được gọi là **Phàm Phu Cùng Tột Hữu (Puthujjanabhavagga)** dịch nghĩa là "Cõi Giới cùng tột của hạng Phàm Nhân."

Sắc Cứu Cánh Phạm Thiên Giới được tính là cùng tột của Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới, được gọi là **Thánh Nhân Cùng Tột Hữu (Ariyabhavagga)** dịch nghĩa là "Cõi Giới cùng tột của Bậc Thánh Nhân." Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Phạm Thiên Giới được tính là cùng tột của Vô Sắc Phạm Thiên Giới, được gọi là **Nhất Thiết Cùng Tột Hữu (Sabbabhavagga)** dịch nghĩa là "Cõi Giới cùng tột của Phàm Phu và Thánh Nhân."

TRÌNH BÀY VIỆC PHÂN TÍCH MƯỜI HAI HẠNG NGƯỜI THEO SINH QUÁN (JĀTIKKHETTA) VÀ LÃNH THỔ (ĀṆĀKHETTA)

Trong tất cả mười hai hạng Người ấy thì bốn hạng Phàm Nhân thường hiện hữu ở trong trăm ngàn triệu tiên thiên vũ trụ, mà đó là lãnh thổ **(Āṇākhetta)** của Đức Phật, kể cả trong Thời Tái Sinh và trong Thời Chuyển Khởi.

Bậc Thánh Nhân hiện hữu ở trong mười ngàn tiên thiên vũ trụ, mà đó là **Sinh Quán (Jātikkhetta)** của Đức Phật, kể cả trong Thời Tái Sinh và trong Thời Chuyển Khởi thuận

ứng với tùy Người. Trong các tiên thiên vũ trụ khác mà hiện hữu ở phần Ngoại Vi Sinh Quán ấy thì đối với Bậc Thánh Nhân là chỉ có duy nhất bốn bậc Thánh Quả và chỉ có duy nhất ở trong Thời Chuyển Khởi mà thôi. Sự việc Người Bất Lai không nắm bắt dính mắc vào việc tái sinh trong phần Ngoại Vi Sinh Quán ở Tịnh Cư Phạm Thiên Giới ấy, là vì các Bậc này đã không còn **Tham Ái (Nikantitaṇhā)** tức là sự túc nguyện duyệt ý cho việc dắt dẫn đi tái sinh. Và trong sự việc Người Bất Lai hiện hữu trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới, lại nương trú ở Ngoại Vi Sinh Quán và đặc biệt chỉ trong Thời Chuyển Khởi ấy, là vì Người Bất Lai hiện hữu trong Nội Vi Sinh Quán Tịnh Cư Phạm Thiên Giới ấy, lại có sự túc nguyện duyệt ý trong sự tĩnh lặng, không muốn kết hợp với nhiều quần thể đông người, vì thế, những Bậc này đã rủ nhau ra đi và đến tại trú xứ nơi ấy (là Ngoại Vi Sinh Quán).

Có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có được trình bày để ở trong Bộ Chú Giải Vô Ngại Giải Đạo **(Paṭisambhidāmagga Aṭṭhakathā)** rằng: **Suddhāvāse pana jātikhettato parabhāge satipi anāgāmīnaṃ tatthuppatti na yuttā tattha nikanti asiddhito, idha vātānaṃ pana tattha vāso yutto anākiṇṇatāya phāsuvihāra hetuttā.**

TRÌNH BÀY PHÂN LOẠI VỀ KIẾP (KAPPA) VÀ SỰ HIỆN HÀNH VỀ KIẾP BỊ HOẠI DIỆT VÀ KIẾP HÌNH THÀNH MỚI LẠI

Có bốn thể loại nói về Kiếp, đó là:

I. Tuổi Thọ Kiếp (Āyukappa),
II. Trung Kiếp (Antarakappa),
III. A Tăng Kỳ Kiếp (Asaṅkheyyakappa),
IV. Đại Kiếp (Mahākappa).

I. Tuổi Thọ Kiếp (Āyukappa): Thời kỳ nào Nhân Loại có tuổi thọ lâu dài đến A Tăng Kỳ năm, hoặc giảm thiểu xuống cho đến mười năm, đó là Tuổi Thọ Kiếp. Nắm bắt theo quy định tuổi thọ của Nhân Loại ở trong các thời kỳ ấy, gọi là Tuổi Thọ Kiếp. Chẳng hạn như trong thời kỳ Đức Phật thì trong thời kỳ ấy thọ mệnh của Nhân Loại có số lượng một trăm năm. Nắm lấy 100 năm tính thành Tuổi Thọ Kiếp. Tiếp đến giảm xuống từ từ, giảm thiểu xuống cho đến ngay hiện tại này thì thọ mệnh của Nhân Loại có số lượng 75 năm, và nắm lấy 75 năm tính thành Tuổi Thọ Kiếp. Tất cả sự việc này tùy thuộc vào số lượng thọ mệnh của Nhân Loại trong những thời kỳ đó.

Trong Cõi Thiên Giới và Cõi Phạm Thiên Giới cũng hiện hành tương tự như vầy, chẳng hạn như trong Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới hiện hữu ở trong tầng Trời này có tuổi thọ được 500 năm Thiên Giới. Nắm lấy 500 năm Thiên Giới ấy tính thành Tuổi Thọ Kiếp của Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới. Và ở trong Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Thiên Giới, Phạm Thiên ở trong tầng Trời này có quy định tuổi thọ được 84,000 Đại Kiếp. Nắm lấy 84,000 Đại Kiếp tính thành Tuổi Thọ Kiếp của tầng Trời Phạm Thiên này. Như có câu Chú Giải **(Vacanattha)** trình bày rằng: **Kappīyate paricchijjateti = Kappo** - Tất cả bậc trí giả

nên quy định tuổi thọ của các loài Hữu Tình là có số lượng bằng chừng như vầy, do đó, tuổi thọ của các loài Hữu Tình này mới được gọi là Kiếp.

II. Trung Kiếp (Antarakappa): Việc tính đếm về Trung Kiếp đó, được tính với phương thức như vầy, tức là trong thời **Kiến Lập Kiếp Sơ (Vaṭṭathāyī Kappa),** của Nhân Loại có tuổi thọ lâu dài đến A Tăng Kỳ năm, được tính thành Tuổi Thọ Kiếp. Tiếp đến tuổi thọ của Nhân Loại từ từ giảm xuống theo tuần tự cho đến còn 10 năm tuổi thọ, được tính thành Tuổi Thọ Kiếp. Khi đã giảm xuống đến 10 năm rồi thì cũng lại từ từ tăng lên một lần nữa cho đến A Tăng Kỳ năm, lại được tính thành Tuổi Thọ Kiếp như cũ. Tính đếm từ A Tăng Kỳ năm giảm xuống cho đến 10 năm, rồi tính đếm từ 10 năm khởi lên cho đến A Tăng Kỳ năm, thành một đôi như vầy, được gọi là Trung Kiếp.

III. A Tăng Kỳ Kiếp (Asaṅkheyyakappa): Số lượng Trung Kiếp như đã có đề cập ở phần trên ấy, khi đã vừa tròn đủ 64 Trung Kiếp thì được tính thành một A Tăng Kỳ Kiếp. Có một vài vị Nhất Ban Chú Giải Sư **(Keci Ācāriyā)** đã có đề cập rằng: 20 Trung Kiếp được tính thành một A Tăng Kỳ Kiếp. Một vài Chú Giải Sư khác **(Apare Ācāriyā)** lại có đề cập đến một thể loại khác nữa, là 80 Trung Kiếp được tính thành một A Tăng Kỳ Kiếp. **Nhà Chiêm Tinh Học (Horāpāṭhāko)** thời kỳ cổ xưa đã có đề cập rằng mười bốn Trung Kiếp được tính thành một A Tăng Kỳ Kiếp.

Có bốn thể loại về A Tăng Kỳ Kiếp, đó là:

1. Tiêu Hoại A Tăng Kỳ Kiếp (Saṃvaṭṭa Asaṅkheyyakappa)

2. Hoại Diệt A Tăng Kỳ Kiếp (Saṃvaṭṭaṭṭhāyī Asaṅkheyyakappa)

3. Hình Thành A Tăng Kỳ Kiếp (Vivaṭṭa Asaṅkheyyakappa)

4. Thành Trụ A Tăng Kỳ Kiếp (Vivaṭṭaṭṭhāyī Asaṅkheyyakappa)

1. Tiêu Hoại A Tăng Kỳ Kiếp: vào sát na mà tiên thiên vũ trụ có số lượng một trăm ngàn triệu tiên thiên vũ trụ đang vào thời kỳ hoại diệt, được gọi là Tiêu Hoại A Tăng Kỳ Kiếp. Có câu Chú Giải **(Vacanattha)** trình bày rằng: **Saṃvaṭṭatīti = Saṃvaṭṭo** - Kiếp đang tiêu hoại, được gọi là Tiêu Hoại Kiếp.

2. Hoại Diệt A Tăng Kỳ Kiếp: tiên thiên vũ trụ bị hủy hoại cho đến tuyệt diệt không còn dư sót chi cả, chỉ còn trống không hư vô, được gọi là Hoại Diệt A Tăng Kỳ Kiếp. Có câu Chú Giải **(Vacanattha)** trình bày rằng: **Saṃvaṭṭo hutvā tiṭṭhatīti = Saṃvaṭṭaṭṭhāyī** - Tiên thiên vũ trụ đã bị tiêu hoại rồi, chỉ có hiện hữu sự sụp đổ tan hoang, như thế, Kiếp đó được gọi là Hoại Diệt Kiếp.

3. Hình Thành A Tăng Kỳ Kiếp: khi tiên thiên vũ trụ đã bị hoàn toàn tuyệt diệt rồi, và bắt đầu hình thành mới trở lại nữa, được gọi là Hình Thành A Tăng Kỳ Kiếp. Có câu Chú Giải **(Vacanattha)** trình bày rằng: **Vivaṭṭotīti = Vivaṭṭo** - Kiếp đang tuần tự phát triển lên, được gọi là Hình Thành Kiếp.

4. Thành Trụ A Tăng Kỳ Kiếp: tiên thiên vũ trụ đã bắt đầu hiện khởi lên mới trở lại, hiện khởi lên thành tựu viên mãn khắp cả trăm ngàn triệu tiên thiên vũ trụ theo lẽ thường nhiên nguyên sơ, có nền lục địa, núi đồi, cây cối, đại dương, sông nước, mặt trời, mặt trăng, thiên thể tinh tú, con người, loài Hữu Tình, v.v. hiện bày một cách tròn đủ hết các thể loại, được gọi là Thành Trụ A Tăng Kỳ Kiếp. Có câu Chú Giải **(Vacanattha)** trình bày rằng:

Vivaṭṭo hutvā tiṭṭhatìti = Vivaṭṭaṭṭhāyī - Kiếp đã phát triển lên đầy đủ với khắp cả trú xứ, và hiện hữu theo hiện trạng thường nhiên, như thế, Kiếp đó được gọi là Thành Trụ Kiếp.

5. Đại Kiếp (Mahākappa): Phương thức tính đếm Đại Kiếp ấy, là đếm bốn A Tăng Kỳ Kiếp tính thành một Đại Kiếp. Tính về lượng thời gian trong một Đại Kiếp ấy thì rất lâu dài, đến nỗi không có khả năng tính đếm được thời gian lâu dài đến cỡ chừng nào. Ngài đã ví thời gian lâu dài của một Đại Kiếp này tương tự với một nền mặt phẳng dài 100 do tuần, rộng 100 do tuần, và lấy giống hạt cải chất thành đống đổ đầy lên trên nền mặt phẳng này. Khi tròn đủ hạn định một trăm năm thì đến lấy một hạt cải ra và đem liệng bỏ đi, cho đến khi số lượng hạt cải hoàn toàn không còn nữa, cho dù là như thế cũng vẫn không tròn đủ số lượng về thời gian của một Đại Kiếp. Tại đây chỉ là một tỷ dụ, còn về thời gian thì thật sự là không thể ước lượng được. Có câu Chú Giải **(Vacanattha)** trình bày rằng: **Sāsa parāsopamādīhi kappiyotīti = Kappo** - Tất cả bậc Trí Giả nên tính đếm sự hiện hữu của thế gian với các điều tỷ dụ sai khác như một đống hạt cải v.v. do đó, sự hiện hữu của thế gian ấy, được gọi là Kiếp, tức là Đại Kiếp.

Một trường hợp khác nữa, có hai thể loại về Kiếp hữu quan với Phật Giáo, đó là:

1. Không Hư Kiếp (Suñña Kappa – Thời Đại Rỗng Không) với ý nghĩa đến Kiếp không có Bậc Chánh Đẳng Giác, Bậc Độc Giác, và Bậc Chuyển Luân Vương xuất hiện khởi sinh lên.

2. Phi Hư Không Kiếp (Asuñña Kappa – Thời Đại Phi Rỗng Không) với ý nghĩa đến Kiếp có Bậc Chánh Đẳng Giác, Bậc Độc Giác, và Bậc Chuyển Luân Vương xuất hiện khởi sinh lên.

CÓ BỐN THỂ LOẠI VỀ HƯ KHÔNG KIẾP, Đó Là:

1/ Hư Không Đại Kiếp (Suñña Mahākappa): tức là Đại Kiếp không có Đức Phật xuất hiện.

2/ Hư Không A Tăng Kỳ Kiếp (Suñña Asaṅkheyyakappa): tức là Tiêu Hoại A Tăng Kỳ Kiếp, Hoại Diệt A Tăng Kỳ Kiếp và Hình Thành A Tăng Kỳ Kiếp.

3/ Hư Không Trung Kiếp (Suñña Antarakappa): tức là Trung Kiếp không có Đức Phật xuất hiện.

4/ Hư Không Tuổi Thọ Kiếp (Suñña Āyukappa): tức là trong khoảng giữa mà Nhân Loại có tuổi thọ lâu dài hơn 100,000 năm khởi đi, và trong khoảng giữa mà Nhân Loại có tuổi thọ ít hơn 100 năm trở xuống.

CÓ NĂM THỂ LOẠI VỀ PHI HƯ KHÔNG KIẾP, Đó Là:

1/ Ưu Việt Kiếp (Sāra Kappa): tức là Đại Kiếp có một vị Phật xuất hiện.

2/ Tinh Khiết Kiếp (Maṇḍa Kappa): tức là Đại Kiếp có hai vị Phật xuất hiện.

3/ Tuyệt Hảo Kiếp (Varadassī Kappa): tức là Đại Kiếp có ba vị Phật xuất hiện.

4/ Cực Tinh Khiết Kiếp (Sāramaṇḍa Kappa): tức là Đại Kiếp có bốn vị Phật xuất hiện.

5/ Hạnh Vận Kiếp (Bhaddaka Kappa): tức là Đại Kiếp có năm vị Phật xuất hiện.

Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có được trình bày để ở trong Bộ Chú Giải Chủng Tộc Chư Phật **(Buddhavaṃsa Aṭṭhakathā)** rằng:

Eko Buddho sārakappe **Maṇḍakappe duve**
Tayo Buddhā varakappe **Sāramaṇḍe catu Buddhā**
Pañca Buddhā bhaddakappe v.v.

CÓ ĐẠI KIẾP NÀO CÓ TỚI SÁU HOẶC BẢY VỊ PHẬT XUẤT HIỆN HAY KHÔNG ?

Giải thích rằng: Lẽ thường tất cả Chư Phật mà sẽ xuất hiện ở trong thế gian thì trong từng mỗi Đại Kiếp với số lượng tối thiểu chỉ có một vị Phật xuất hiện, và số lượng tối đa có tới năm vị Phật. Đại Kiếp mà có Đức Phật xuất hiện nhiều hơn số lượng này thì quả thật là không có. Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có trình bày để ở trong Bộ Chú Giải Vị Lai Chủng Tộc **(Ānāgatavaṃsa Aṭṭhakathā)** rằng: **Na hi ekasmiṃ kappe chaṭṭho vā sattamo vā uppajjati - Dịch nghĩa rằng:** Trong từng mỗi Đại Kiếp thường là không có sáu hoặc bảy vị Phật xuất hiện.

TRÌNH BÀY MỘT CÁCH ĐẶC BIỆT VỀ TIÊU HOẠI A TĂNG KỲ KIẾP LÀ KIẾP THẾ GIAN BỊ TIÊU HOẠI

Khi phân loại về Tiêu Hoại A Tăng Kỳ Kiếp có được ba thể loại, đó là:

1/ Hỏa Tai Tiêu Hoại A Tăng Kỳ Kiếp (Tejosaṃvatta Asaṅkheyyakappa): là Kiếp mà thế gian này bị tiêu hoại do bởi trận hỏa thiêu.

2/ Thủy Tai Tiêu Hoại A Tăng Kỳ Kiếp (Āposaṃvatta Asaṅkheyyakappa): là Kiếp mà thế gian này bị tiêu hoại do bởi trận đại hồng thủy.

3/ Phong Tai Tiêu Hoại A Tăng Kỳ Kiếp (Vāyosaṃvatta Asaṅkheyyakappa): là Kiếp mà thế gian này bị tiêu hoại do bởi trận cuồng phong.

Kết hợp số lượng Đại Kiếp mà bị tiêu hoại do bởi Lửa (Hỏa Tai), do bởi Nước (Thủy Tai), do bởi Gió (Phong Tai), hết tất cả có tổng số lượng là 64 Đại Kiếp. Trong tổng số lượng 64 Đại Kiếp này, có 56 Đại Kiếp bị tiêu hoại do bởi trận hỏa thiêu (Hỏa Tai), có bảy Đại Kiếp bị tiêu hoại do bởi trận đại hồng thủy (Thủy Tai), và có một Đại Kiếp bị tiêu hoại do bởi trận đại cuồng phong (Phong Tai). Tổng kết lại thành 64 Đại Kiếp được gọi là một Đại Chu Kỳ Đại Kiếp. Khi phân chia một Đại Chu Kỳ Đại Kiếp này ra thành Tiểu Chu Kỳ có được tám Tiểu Chu Kỳ Đại Kiếp, và mỗi Tiểu Chu Kỳ có được tám Đại Kiếp.

Tiểu Chu Kỳ thứ nhất, với bảy Đại Kiếp nối tiếp liền với nhau là bị tiêu hoại do bởi trận hỏa thiêu (Hỏa Tai). Trong Đại Kiếp thứ tám thì bị tiêu hoại do bởi trận đại hồng thủy (Thủy Tai). Kết hợp lại thành tám Đại Kiếp, được gọi là một Tiểu Chu Kỳ.

Trong Tiểu Chu Kỳ thứ hai cho đến Tiểu Chu Kỳ thứ bảy thì cũng hiện hành tương tự cùng một cách thức với Tiểu Chu Kỳ thứ nhất, tức là trong từng mỗi Tiểu Chu Kỳ thì có bảy Đại Kiếp bị tiêu hoại do bởi trận hỏa thiêu (Hỏa Tai), có một Đại Kiếp bị tiêu hoại do bởi trận đại hồng thủy (Thủy Tai). Là như vậy cho đến Tiểu Chu Kỳ thứ bảy.

Trong Tiểu Chu Kỳ thứ tám thì Đại Kiếp thứ nhất cho đến Đại Kiếp thứ bảy là bị tiêu hoại với trận hỏa thiêu, cũng tương tự cùng một cách thức với Tiểu Chu Kỳ thứ nhất cho đến Tiểu Chu Kỳ thứ bảy. Tuy nhiên, trong Đại Kiếp thứ tám của Tiểu Chu Kỳ này thì bị tiêu hoại do bởi trận đại cuồng phong (Phong Tai). Và đó là việc tiêu hoại lần cuối cùng của Đại Kiếp thứ 64, mà được tính đếm thành một Đại Chu Kỳ Đại Kiếp. Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có được trình bày để ở trong bộ Chú Giải Thanh Tịnh Đạo **(Visuddhimagga Aṭṭhakathā)** và Phụ Chú Giải Nội Dung Cốt Yếu Giải Minh **(Sāratthadīpanī ṭīkā)** rằng:

Satta sattagginā vārā **Aṭṭhame aṭṭhame dakā**
Catusaṭṭhi yadā paṇṇā **Eko vāyuvaro siyā**

Dịch nghĩa rằng: Đại Kiếp bị tiêu hoại do bởi trận hỏa thiêu (Hỏa Tai) là bảy lần. Lần thứ tám là bị tiêu hoại do bởi trận hồng thủy (Thủy Tai). Bất luận thời gian nào đã vừa tròn đủ 64 Đại Kiếp, thì thời gian ấy Đại Kiếp thứ 64 đó là bị tiêu hoại do bởi trận cuồng phong (Phong Tai).

BẢN ĐỒ CHÍNH PHƯƠNG TRÌNH BÀY VIỆC TIÊU HOẠI THẾ GIAN TRONG SỐ LƯỢNG 64 ĐẠI KIẾP

Đại Kiếp bị tiêu hoại do bởi trận hỏa thiêu (Hỏa Tai) thì thường khởi lên sự tiêu hoại cho đến hết ba tầng Sơ Thiền Phạm Thiên Giới, và ở dưới tầng Biến Quang Phạm Thiên Giới của tầng Nhị Thiền Phạm Thiên Giới trở xuống. Nếu là bị tiêu hoại do bởi trận đại hồng thủy (Thủy Tai) thì thường là nước ngập tràn lên đến hết ba tầng Nhị Thiền Phạm Thiên Giới, và ở dưới tầng Biến Tịnh Phạm Thiên Giới của tầng Tam Thiền Phạm Thiên Giới. Nếu là bị tiêu hoại do bởi trận đại cuồng phong (Phong Tai) thì thường tiêu hoại hết tất cả ba tầng Tam Thiền Phạm Thiên Giới trở xuống, và ở dưới tầng Quảng Quả Phạm Thiên Giới, đó là tầng Tứ Thiền Phạm Thiên Giới trở xuống. Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có được trình bày để ở trong Bộ Chú Giải Thanh Tịnh Đạo **(Visuddhimagga Aṭṭha kathā)** và Phụ Chú Giải Nội Dung Cốt Yếu Giải Minh **(Sāratthadīpanī ṭīkā)** rằng:

Agginābhassarā heṭṭhā **Āpena subhakiṇhato**
Vehapphalato vātena **Evaṃ loko vinassati**

Dịch nghĩa rằng: Một khi thế gian bị tiêu hoại do bởi Lửa (Hỏa Tai) là thường bị tiêu hoại kể từ ở dưới tầng Biến Quang Phạm Thiên Giới trở xuống. Một khi bị tiêu hoại do bởi Nước (Thủy Tai) là thường bị nước ngập tràn kể từ ở dưới tầng Biến Tịnh Phạm Thiên Giới trở xuống. Một khi bị tiêu hoại do bởi Gió (Phong Tai) là thường bị tiêu hoại kể từ ở dưới tầng Quảng Quả Phạm Thiên Giới trở xuống. Sự tiêu hoại của thế gian thì thường hiện bày là như vầy.

TRÌNH BÀY CÁC THỔ ĐỊA CŨNG CÙNG BỊ TIÊU HOẠI

Lãnh thổ biên địa của thế gian cũng cùng bị tiêu hoại do bởi Lửa, hay là do bởi Nước, hoặc là do bởi Gió. Khi theo phần rộng lớn thì xâm chiếm lãnh thổ đến một trăm ngàn triệu tiên thiên vũ trụ, mà đó là thuộc lãnh thổ của Đức Phật. Có ba thể loại lãnh thổ của Đức Phật, đó là:

1. Sinh Quán (Jātikhetta): là lãnh địa được hạn định với 10,000 tiên thiên vũ trụ. Tất cả sự việc này là vì khi bậc Giác Hữu Tình (Bồ Tát) đi thọ sinh vào trong thai bào của Mẫu Hậu, hoặc thời gian xuất khỏi thai bào và đản sinh, hoặc thời gian giác ngộ thành Bậc Chánh Đẳng Giác, và hoặc thời gian Viên Tịch Níp Bàn thì tất cả 10,000 tiên thiên vũ trụ này sẽ chấn động và rung chuyển khắp hết cả toàn cầu, do vậy, mới được gọi là Sinh Quán.

2. Lãnh Thổ (Ānākhetta): là lãnh địa được hạn định với 100,000 triệu tiên thiên vũ trụ. Tất cả sự việc này, là do mãnh lực của tất cả **Kinh Bảo Hộ An Lành (Paritta – Kinh Cầu An)**, gồm có các **Kinh Khandhaparitta (Uẩn Kinh), Kinh Ātānātiyaparitta (A Shá Năng Chi Kinh), Kinh Dhajagga (Cờ Phướng Kinh), Kinh Moraparitta (Khổng Tước Kinh), Kinh Ratana (Tam Bảo Kinh);** với những thể loại này, một khi được trùng tụng rồi thì thường lan tỏa rộng ra khắp cả 100,000 triệu tiên thiên vũ trụ, do vậy, mới được gọi là Lãnh Thổ.

3. Cương Vực (Visayakhetta): là lãnh địa được hạn định với **Cùng Tận Thế Giới (Anantalokadhātu)** và cùng liên hiệp với tiên thiên vũ trụ vô cùng tận vì Trí Tuệ của Bậc Chánh Đẳng Giác là vô cùng tận, thường luôn quán sát thấu triệt xuyên suốt cùng khắp cả Thế Gian Giới **(Lokadhātu)** này, do vậy, mới được gọi là Cương Vực.

Trong tất cả ba thể loại này, một khi Lãnh Thổ mà có được 100,000 triệu tiên thiên vũ trụ thì lúc bấy giờ tiên thiên vũ trụ ấy bị tiêu hoại, và Sinh Quán cũng thường bị tiêu hoại theo. Và một khi cả hai Lãnh Thổ và Sinh Quán đã đến thời kỳ bị tiêu hoại thì thường tiêu hoại cùng một lượt (Đồng Diệt). Khi đến thời kỳ khởi sinh thì cũng khởi sinh cùng một lượt (Đồng Sinh). Còn phần Cương Vực thì lại bất câu sinh, tức là đến thời kỳ bị tiêu hoại, hoặc là thời kỳ khởi sinh thì không có đồng cùng một lượt với nhau, luân phiên hiện hành mỗi lần đều chuyển đổi dị biệt.

XÁC ĐỊNH THỜI GIAN VỀ VIỆC TIÊU HOẠI THẾ GIAN

Thế gian hiện tại này được coi như là thời kỳ **Hoại Diệt A Tăng Kỳ Kiếp (Saṃvaṭṭaṭṭhāyī Asaṅkheyyakappa).** Và Hoại Diệt A Tăng Kỳ Kiếp này đến lúc tròn đủ 64 Trung Kiếp và cùng kết hợp với việc tính đếm tuổi thọ của Nhân Loại có tuổi thọ một A Tăng Kỳ năm xuống cho đến một ngàn năm. Khi cả hai mốc thời gian này hợp nhất lại với nhau bất luận vào lúc nào thì chính ngay lúc ấy, thế gian sẽ phải bị tiêu hoại đi.

TRÌNH BÀY NGUYÊN NHÂN LÀM CHO THẾ GIAN BỊ TIÊU HOẠI

Có ba Pháp Thể thành nguyên nhân làm cho thế gian bị tiêu hoại, đó là: **Tham Dục (Rāga), Sân Hận (Dosa), Si Mê (Moha).** Bất luận thời lúc nào, tất cả loài Hữu Tình có tánh khí mà bị áp lực mạnh mẽ do bởi lòng Tham Dục, khi đến thời kỳ bị tiêu hoại thì thường là bị tiêu hoại do bởi ngọn lửa (Hỏa Tai), là vì với Nhân Tham ấy nóng ví như ngọn lửa vậy. Nếu bất luận trong thời lúc nào, tất cả loài Hữu Tình có tánh khí nhiều với sự Sân Hận, khi đến thời kỳ bị tiêu hoại thì thường là bị tiêu hoại do bởi trận hồng thủy (Thủy Tai), là vì với Nhân Sân ấy xấu ác ví như nước cường toan (acid) vậy. Và nếu bất luận trong thời lúc nào, tánh khí của tất cả loài Hữu Tình dầy đặc với Si Mê, khi đến thời kỳ bị tiêu hoại thì thường là bị tiêu hoại do bởi cuồng phong (Phong Tai), là vì với Nhân Si ấy ví như luồng hơi nước cường toan (acid) vậy. Mới nói được rằng Thế Gian Giới này **(Lokadhātu)** thường bị tiêu hoại do bởi ba Pháp Thể, như đã vừa đề cập đến vậy.

"KOLĀHALA – TAO ĐỘNG" LÀ ÂM THANH VANG DỘI ẦM Ĩ CÓ NĂM TRƯỜNG HỢP, Đó Là:

1. Kiếp Tao Động (Kappakolāhala): âm thanh vang dội ầm ĩ thông báo rằng tính kể từ ngày hôm nay trở đi với thời gian một trăm ngàn năm nữa, thế gian sẽ đi đến sự tiêu hoại.

2. Đức Phật Tao Động (Buddhakolāhala): âm thanh vang dội thông báo rằng tính kể từ ngày hôm nay trở đi với thời gian một ngàn năm nữa, sẽ có một vị Phật xuất hiện ở trong thế gian.

3. Chuyển Luân Vương Tao Động (Cakkavattikolāhala): âm thanh thông báo rằng tính kể từ ngày hôm nay trở đi một trăm năm nữa sẽ có một vị Chuyển Luân Vương sinh khởi ở trong thế gian.

4. Kiết Tường Tao Động (Mangalakolāhala): âm thanh thông báo rằng nội ở trong khoảng thời gian mười hai năm nữa thì Đức Phật sẽ khải thuyết Giáo Pháp về ba mươi tám điều kiết tường.

5. Triết Sĩ Tao Động (Moneyyakolāhala): âm thanh thông báo rằng nội ở trong khoảng thời gian bảy năm nữa sẽ có một bậc triết nhân hành giả sinh khởi ở trong thế gian.

TRÌNH BÀY CHI TIẾT VỀ THẾ GIAN BỊ TIÊU HOẠI DO BỞI HỎA TAI

Khi đến thời kỳ thế gian bị tiêu hoại do bởi lửa hỏa thiêu ấy thì khởi lên trước đó là sẽ có một trận mưa thật to **(Mahāmegha – Đại Vũ Bảo)** được gọi là **Kiếp Hoại Đại Vũ Bảo (Kappavināsamahāmegha).** Và rồi làm cho mưa rơi xuống khắp cả trong trăm ngàn triệu tiên thiên vũ trụ, và tất cả Nhân Loại đã cùng rủ nhau hân hoan vui mừng duyệt ý, đã cùng rủ nhau lo chuẩn bị cày cấy và xới đất. Khi đã vừa xong mọi thứ việc, liền tiếp tục việc gieo mạ xuống ruộng đất. Theo tuần tự, những lúa mạ này nẩy mầm lên tươi tốt vừa với mức độ bò cắn ăn được, thời Kiếp Hoại Đại Vũ Bảo khởi sinh lên âm thanh ầm ĩ, có thinh âm tựa như âm thanh gầm thét. Kể từ lúc đó trở đi thì không còn có mưa rơi xuống nữa, lúa mạ ở

trong cánh đồng đều chết hết tất cả là do bởi nhân này. Bậc Chánh Đẳng Giác mới phán dạy đến tất cả Chư Tỳ Khưu rằng:

- Này Chư Tỳ Khưu, vào thời lúc Đại Vũ Bảo thì có âm thanh ầm ĩ tựa như thinh âm gầm thét vậy, và kể từ lúc đó trở đi thời mưa sẽ không còn rơi xuống nữa, tính đếm thời gian được trăm năm, ngàn năm, mười ngàn năm, trăm ngàn năm. Tất cả những loài Hữu Tình, do nương vào nước mưa để mà dưỡng nuôi thân mạng, đã đồng cùng nhau lần lượt chết dần, và đi tái sinh ở trong Phạm Thiên Sắc Giới gồm có Thiểu Quang Phạm Thiên Giới, Vô Lượng Quang Phạm Thiên Giới, Biến Quang Phạm Thiên Giới. Sự tử vong cũng được hình thành với tất cả các loài Hữu Tình và Chư Thiên nương vào bông hoa và trái quả để mà dưỡng nuôi thân mạng, khi đã thọ mạng diệt thì tất cả cũng đồng cùng đi tái sinh ở trong Phạm Thiên Sắc Giới. Khi sự việc hiện hành như vậy, thì đã được trôi qua với một thời gian rất lâu dài. Tất cả các con nước hiện hữu ở trong các con suối, dòng sông, ao hồ, giếng khơi, bể nước, cũng đều bốc hơi và khô cạn đi. Thế là, các loài Hữu Tình mà đã sinh sống ở trong nước như loài rùa, cá, v.v cũng đồng cùng nhau chết đi và tái sinh ở trong Phạm Thiên Sắc Giới hết cả thảy. Khi tất cả các loài Hữu Tình đua nhau mạng vong và đi tái sinh ở trong Cõi Phạm Thiên Sắc Giới ấy, thì tất cả các loài Hữu Tình hiện hữu ở trong Cõi Địa Ngục cũng đều bị tuyệt diệt hết tất cả cùng một lúc với quả mặt trời thứ bảy cùng hiện khởi.

Ở đoạn này có thể làm cho phát sinh lên sự thắc mắc, mới có một điều vấn hỏi như sau: Lẽ thường tất cả loài Hữu Tình sẽ được đi tái sinh ở trong Cõi Phạm Thiên Sắc Giới ấy, là sẽ phải nương vào việc thành tựu của **Tu Tập Thiện Hạnh (Bhāvanākusala)**, tức là trước hết phải đắc chứng được Thiền Định. Nhưng trong thời gian ấy, tất cả các loài Hữu Tình đã không có chứng đắc được Thiền Định, lại có một vài nhóm đã mạng vong với sự đói khát, và có một vài nhóm lại là hạng người bất hạnh không có khả năng đối với việc Thiền Định. Thế tại sao lại được đi tái sinh ở trong Cõi Phạm Thiên Sắc Giới vậy ?

Lời giải đáp như vầy: Nào có phải tất cả các loài Hữu Tình ấy đi tái sinh ở trong Cõi Phạm Thiên Giới ngay lập tức được đâu. Những loài Thống Khổ Hữu Tình ấy, khi đã tử vong rồi, thì phải đi tái sinh ở trong Nhân Loại Địa Giới trước, rồi mệnh chung ở Cõi Nhân Loại thì mới đi tái sinh ở trong tầng Thiên Dục Giới. Khi đã tái sinh ở trong Thiên Giới để rồi thành tựu được Thiền Định, thì lại một lần nữa mới đi tái sinh ở trong Phạm Thiên Sắc Giới được.

Sự việc được hiện hành như vầy, là vì khi thế gian sẽ khởi sinh lên việc tiêu hoại, thì quy luật thường nhiên của thế gian đã đến cảnh báo tác động ở trong tâm thức của nhóm Chư Thiên sinh trong tầng Thiên Dục Giới có tên gọi là **Đội Quân Thiên Đạo (Loka bayuhadevatā)** để cho họ hay biết rằng trăm nghìn năm nữa sẽ có phát sinh lên **Kiếp Hoại (Kappavināsa).** Tất cả Chư Thiên ấy mới đồng cùng nhau khóc than, búi tóc buông xõa, vận mặc hồng y, với cả đôi mắt đầm đìa ngấn lệ, ai ai cũng đưa cả hai tay lên lau chùi nước mắt, và xác thân thì tiều tụy thật đáng thương hại, rồi tất cả cùng rủ nhau ngự xuống trong Cõi Nhân Loại lai vãng quanh quẩn đó đây mà loan báo rằng:

- Này tất cả các Ngài ơi, thế là chúng ta sẽ phải đối diện với sự tiêu hoại đồng cùng với nhau rồi. Kể từ ngày hôm nay trở đi đến thời gian một trăm ngàn năm nữa, sẽ có khởi

sinh lên Kiếp Hoại và thế gian sẽ bị hủy diệt hết tất cả. Đại dương, đất đai, núi đồi cả tiên thiên vũ trụ, cùng với Tu Di Sơn Vương, tất cả đều sẽ bị ngọn lửa thiêu đốt sạch trụi xuyên suốt khắp hết cả, luôn cả đến tầng Sơ Thiền Phạm Thiên Giới. Vì thế, xin tất cả các Ngài chớ có khinh suất dễ duôi mà cứ mải lo đắm say; và xin các Ngài hãy cùng nhau tiến tu **Tứ Phạm Trú (Catubrahmavihāra)** gồm có Từ, Bi, Hỷ, Xả; xin các Ngài hãy hiếu dưỡng và chăm sóc Mẹ Cha, và hãy cùng tôn kính các bậc cao niên trưởng thượng ở trong gia tộc cho được tốt đẹp.

Việc thông báo của nhóm Đội Quân Thiên Đạo này, được hạn định là cứ mỗi trăm năm thì xuống thông báo một lần. Trong sự việc Đội Quân Thiên Đạo đi đến thông báo để nhắc nhở cảnh tỉnh cho tất cả loài Hữu Tình có được hiểu biết như vậy, là vì với lẽ Pháp thường nhiên đã có đến động tâm cho nhóm Đội Quân Thiên Đạo này biết rằng sẽ có khởi sinh lên sự hủy diệt thế gian.

Một vài nhóm Giáo Thọ Sư đã nói rằng: Chư Thiên biết được sẽ có Kiếp Hoại là vì có được nhìn thấy **điềm trẫm triệu bất thiện bất tường (Akusalanimitta)** khởi sinh.

Hoặc một trường hợp khác nữa đã nói rằng: Tất cả Chư Phạm Thiên mà đã chứng đắc được Thiền Định, và đã định liệu trước được tình huống sẽ có phát sinh lên trong thời gian sắp tới, do vậy, trong thời điểm này đã có sai bảo Chư Thiên đến loan báo như vậy.

Tất cả Nhân Loại và Chư Thiên khi đã được nghe thấy Đội Quân Thiên Đạo thông báo như thế đó, thì mọi người ai ai cũng phát sinh Pháp tâm lòng bi mẫn, lòng buồn thảm ưu não, khởi tâm yêu thương lẫn nhau, và trau giồi thiện sự, cùng với việc phát triển tu tập về Từ, Bi, Hỷ, Xả. Với mãnh lực của việc tu tiến Tứ Phạm Trú ấy, khi thân hoại mạng chung thì đã đi tái sinh ở trong Thiên Giới, rồi cùng rủ nhau tiến tu về **Phong Hoàn Tịnh Chuẩn Bị (Vàyokasiṇaparikamma** – sát na Chuẩn Bị về Đề Mục Gió) cho đến chứng đắc được Thiền Định. Khi đã đắc chứng Thiền Định rồi thì tất cả nhóm họ khi đã thọ mạng diệt và lìa khỏi tầng Thiên Dục Giới mới đi tái sinh ở trong Phạm Thiên Sắc Giới.

Còn nhóm Hữu Tình Địa Ngục, Hữu Tình Bàng Sinh, Ngạ Quỷ, **Atula** có Bất Thiện Nghiệp Lực đã diệt trừ đi thì cũng được đi tái sinh ở trong Thiên Giới với năng lực của **Quả Phước Thiện (Kusalaphalapuññā)** mà mình đã từng có kiến tạo để ở trong các đời trước trước, là vì tất cả loài Hữu Tình khi còn luân chuyển trong **Hành Quả Luân Hồi (Saṅsāravaṭṭa)** này cũng đã từng có kiến tạo Thiện Nghiệp Lực để ở trong phần **Hậu Báo Nghiệp Lực (Aparāpariyavedanīyakamma),** do đó, chính với mãnh lực của Hậu Báo Thiện Nghiệp Lực này, đã làm cho Bất Thiện Nghiệp Lực của loài Hữu Tình ấy được diệt trừ đi và được đi tái sinh trong Thiên Giới. Khi đã được tái sinh trong Thiên Giới rồi, lại đồng cùng nhau tiến tu Thiền Định đặng tiếp tục được tái sinh đến Phạm Thiên Sắc Giới cùng nhau cả thảy.

Còn nhóm có mãnh lực Bất Thiện Nghiệp Lực nặng, chẳng hạn như nhóm có **Chuẩn Xác Tà Kiến Nghiệp Lực (Niyatamicchādiṭṭhikamma),** vào lúc thế gian sẽ bị tiêu hoại thì phải mạng vong tại nơi Thống Khổ Địa Giới ở ngay trong thế gian đang bị tiêu hoại, và lại phải tiếp tục đi tái sinh đến Thống Khổ Địa Giới ở trong cõi tiên thiên vũ trụ nơi khác khi mà vẫn chưa bị tiêu hoại.

Một trường hợp nữa, có một vài Giáo Thọ Sư đã nói rằng: Khi đến thời gian thế gian bị tiêu hoại thì tất cả loài Hữu Tình Địa Ngục luôn cả cho đến nhóm có Chuẩn Xác Tà Kiến, và nhóm mà có Nghiệp Chia Rẽ Tăng Đoàn thì thường được thoát khỏi nơi Thống Khổ Địa Giới cũng ngay trong thời kỳ ấy. Hữu Tình Địa Ngục bị tiêu hoại nơi ấy lại phải bị thọ lãnh thống khổ ở trong Địa Ngục hiện hữu ở trong cõi tiên thiên vũ trụ nơi khác khi mà vẫn chưa có bị tiêu hoại, điều ấy là không có xẩy ra.

Ngài có cho biết lý do rằng: Cho dù hạng Người ấy khi mà vẫn còn sinh mạng hiện hữu trong Cõi Nhân Loại là thuộc hạng Người Chuẩn Xác Tà Kiến đi nữa; tuy nhiên khi tử vong ở nơi Cõi Nhân Loại và đi thọ lãnh thống khổ ở trong Cõi Địa Ngục, thì cũng có sự nhận thức và tự nghiền ngẫm nghĩ suy lại rằng: "Sự việc mà ta phải xuống đây bị thụ lãnh thống khổ nặng nề như vầy, đích thị là có liên quan đến mãnh lực của sự việc Chuẩn Xác Tà Kiến do chính mình đã có làm ra." Khi đã có được sự nghĩ suy như vậy thì loài Hữu Tình Địa Ngục ấy thường từ bỏ lìa khỏi Tà Kiến ấy đi. Và sự việc loài Hữu Tình Địa Ngục có sự nhận thức như vậy, là cũng do bởi mãnh lực **Tuệ Truy Niệm Tiền Kiếp (Jātissara ñāṇa)** tức là sự hồi tưởng lại kiếp sống trước. Như thế, khi thế gian sẽ có việc tiêu hoại thì Đội Quân Thiên Đạo ngự đến thông báo cho được hay biết thì những hạng Hữu Tình Địa Ngục này cùng rủ nhau đoạn lìa diệt tuyệt sự thấy sai chấp lầm mà gọi là Chuẩn Xác Tà Kiến. Khi đã đoạn lìa Tà Kiến thì năng lực của Hậu Báo Thiện Nghiệp Lực mà đã từng có kiến tạo để ở trong các đời trước trước, liền trổ quả Phước Báu cho thoát khỏi Thống Khổ Địa Giới ấy, được khởi sinh làm thành Nhân Loại hoặc là Chư Thiên; và lại tiếp tục đồng cùng nhau tiến tu Thiền Định. Khi tử vong từ ở Cõi Nhân Loại hoặc ở Chư Thiên, và cũng tương tự như vậy, được đi tái sinh Phạm Thiên Sắc Giới.

TUẦN TỰ SỰ KHỞI SINH MẶT TRỜI ĐẾN THIÊU ĐỐT THẾ GIAN

Khởi nguyên tính kể từ Thế Gian Giới **(Lokadhātu)** đã không còn có mưa rơi xuống hết cả một thời gian lâu dài; các hạt giống, cùng các thứ lương thực cũng lần lượt khô héo và chết mất đi. Tất cả những nhóm Hữu Tình, như đã có đề cập đến, đã phải chịu sự đói khát và cũng lần lượt phải mạng vong.

+ Thời gian tiếp đến là vào lúc nửa đêm, một mặt trời khởi sinh lên một quả nữa, và thành cái thứ hai. Khi mặt trời khởi sinh lên một quả thứ hai này, thời lúc bấy giờ không còn hạn định nào là giữa ban ngày, nào là nửa đêm vì một quả lặn xuống chân trời thời một quả kia xuất hiện lên tức thời. Mặt trời thứ hai này hiện khởi lên đã chiếu rọi quả địa cầu của chúng ta với sức nóng thiêu đốt liên tục không gián đoạn, đã làm cho quả địa cầu bị tiêu hoại đi, không giống với quả mặt trời mà đang chiếu rọi thế gian thường ngày; tức là không có vị Nhật Thiên Tử ngự ở trong Thiên Cung ấy, và có sức nóng vô cùng gay gắt mãnh liệt hơn cả quả mặt trời ban đầu. Còn vị Nhật Thiên Tử đang thường luôn ngự ở tại nơi tòa Thái Dương Điện của quả mặt trời đầu tiên ấy, thì lại tiến tu về đề mục **Hoàn Tịnh (Kasiṇa)** làm cho khởi sinh lên Thiền Định, và tái sinh trong Phạm Thiên Sắc Giới. Còn khu vực tòa Thái Dương Kim Điện ấy (của quả mặt trời thứ hai) có năng lực chiếu sáng cùng cực trong suốt,

với tia sáng mãnh liệt hơn cả tòa Thái Dương Điện thường nhật. Bầu không khí lại bị sương giăng mờ mây phủ che khắp mọi nơi. Ánh sáng của quả mặt trời ấy chói sáng trong suốt vô cùng mãnh liệt như thể là kính gương. Do bởi nguyên nhân này, sông ngòi lớn nhỏ ở khắp mọi thôn làng đều bị khô cạn hết tất cả, chỉ trừ ra Ngũ Đại Giang ấy là **Gaṅgā (Sông Hằng), Yamunā (Trường Giang), Aciravatī, Mahimahā, Sarabhū.**

+ Tính kể từ quả mặt trời thứ hai đã hiện khởi lên rồi, và đã trải qua một thời gian rất lâu dài nữa, thời có một quả mặt trời thứ ba lại hiện khởi lên. Ngũ Đại Giang đã vừa đề cập đến ở trên, tức thời bị khô cạn hết cả năm.

+ Tiếp đến một khoảng thời gian rất lâu dài nữa, thời có một quả mặt trời hiện khởi, và làm thành quả thứ tư. Hết tất cả nước ở trong Thất Đại Hồ, đó là hồ **Anotatta** (ở trong Hy Mã Lạp Sơn và chảy ra nhiều con sông trên xứ Ấn Độ), hồ **Kuṇàla,** hồ **Rathakāla,** hồ **Maṇḍākinī,** hồ **Sīhappāta,** hồ **Kaṇṇamuṇḍa** và hồ **Chaddanta;** đều bị khô cạn hết. Khi nước ở trong cả Thất Đại Hồ bị khô cạn đi như vậy thì nước ở trong đại dương có độ sâu là 84,000 do tuần cũng tuần tự khô cạn dần.

+ Thời gian tiếp đến, một quả mặt trời thứ năm hiện khởi lên thì nước ở trong biển cả đại dương hoàn toàn bị khô cạn hết, dù chỉ là một lóng tay cũng không có.

+ Trải qua một thời gian rất lâu dài nữa, một quả mặt trời thứ sáu hiện khởi lên, và khi quả mặt trời thứ sáu này hiện khởi lên thì tất cả thế gian bị bốc khói lên phủ trùm khắp hết cả trăm ngàn triệu tiên thiên vũ trụ, mặt đất và tất cả núi đồi không còn chủng loại, không còn nhựa cây tức là sự ẩm lạnh.

Bậc Chánh Đẳng Giác lập ý khải thuyết để ở trong phần Chánh Tạng **Pāḷi** Tăng Chi Bộ Kinh Phẩm Thất Chi **(Sattaṅguttara)** rằng: Này tất cả Chư Tỳ Khưu, ví như người thợ gốm đã xếp thự tự các đồ gốm bằng đất nguyên sơ vào trong bếp lò, lấy đất bôi trét ở mặt trên rồi gắp lửa bỏ vào trong bếp lò, làm phát khởi khói um lan tỏa khắp cả bếp lò ấy như thế nào thì đích thị khi quả mặt trời thứ sáu hiện khởi lên cũng làm phát khởi khói um lan tỏa khắp cả trăm ngàn triệu tiên thiên vũ trụ vậy. Khói um lan tỏa như vậy với thời gian rất lâu dài, không thể nào tính đếm được thời gian năm tháng mới phát sinh lên một quả mặt trời nữa, và làm thành quả thứ bảy. Khi quả mặt trời thứ bảy đã hiện khởi lên thì thế giới ở trong trăm ngàn triệu tiên thiên vũ trụ cùng nhau sáng rực lên, và có âm thanh kỳ quái vang vọng vô cùng kinh hãi. Trên đỉnh dãy Tu Di Sơn Vương bao bọc các vũ trụ, đã bị phá hủy và bể vỡ tung tóe ra, rồi biến mất đi. Trong hư không, khởi nguyên ngọn lửa thiêu hủy thế gian phát xuất là từ ở Nhân Loại Địa Giới này trước, rồi ngọn lửa bốc cháy lan tỏa ra chụp lấy Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới; tất cả bảo ngọc điện, kim điện thiên cung, ngân điện thiên cung đều bị hư hỏng tiêu hoại hết cả. Và ngọn lửa bốc cháy lan tỏa ra lần lượt lên đến các tầng Đao Lợi, Dạ Ma, Đâu Suất Đà, Hóa Lạc và Tha Hóa Tự Tại Thiên Giới; luôn cả cho đến ba tầng Sơ Thiền Phạm Thiên Giới, đó là Phạm Chúng Thiên Giới, Phạm Phụ Thiên Giới, Đại Phạm Thiên Giới; và rồi chấm dứt ở ngay nơi ấy.

Tất cả những **Pháp Hữu Vi Thế Gian (Saṅkhāraloka)** chẳng hạn như là nền mặt đất của lục địa, cũng bị đốt cháy thành tro bụi. Tỷ như bơ phó mát và nước dầu mè bị lửa đốt cháy không còn tìm thấy đám tro tàn như thế nào thì ngọn lửa thiêu hủy thế gian cháy

rụi hết tất cả, không còn tìm thấy đám tro tàn như thế ấy. Nếu mồi lửa vẫn còn dư sót cho dù chỉ bằng một phân tử mà vẫn còn tồn tại lâu cỡ chừng nào thì ngọn lửa thiêu hủy ấy vẫn còn cháy lâu cỡ chừng nấy. Cho đến khi toàn bộ Pháp Hữu Vi đã bị thiêu hủy trọn vẹn hết tất cả, không còn dư sót cho dù chỉ là một phân tử, thời lúc bấy giờ **Hỏa Giới (Tejodhātu)** thiêu đốt thế gian cho bị tiêu hoại đó cũng vụt tắt đi. Hạ tầng hư không cùng với thượng tầng hư không thông suốt với nhau chung thành một khối, và phát sinh lên một màn đêm tối tăm mù mịt suốt một thời gian rất lâu dài.

VIỆC KIẾN THỦY TÂN TIÊN THIÊN VŨ TRỤ

Thế là một khi thế gian, chung cuộc rồi **(Sannivāsa)** đã đi đến sự tiêu hoại, và hư không đã hình thành một khối liền với nhau thì phát sinh lên hình dạng của thế gian. Trong sát na ấy có một trận mưa thật to gọi tên là **Đại Vũ Bảo (Mahāmegha),** rồi nước mưa đã rơi xuống khắp cả ở mọi nơi mà đã bị ngọn lửa thiêu hủy ấy. Trong giai đoạn đầu hạt mưa ấy vẫn chưa to lớn lắm, nhỏ li ti rất vi tế chỉ cỡ chừng bằng giọt sương sa. Mưa rơi xuống để sẽ kiến tạo lại thế gian trong giai đoạn đầu là như thế, và cứ rơi cứ rơi như vậy mãi với thời gian lâu dài. Hạt mưa ấy tuần tự to dần lên, ban đầu ấy chỉ là bằng giọt sương sa, rồi từ từ lớn dần lên bằng hạt mè, hạt gạo, hạt đậu, rồi bằng với cuống hoa hồng liên, bằng cây cột, bằng chày giã gạo, bằng thân cây thốt nốt, rơi khắp cả ở trong trăm ngàn triệu tiên thiên vũ trụ, đã dập tắt hết cả lửa cháy cho đến Nhị Thiền Phạm Thiên Giới. Và sẽ phát sinh lên luồng gió thổi từ ở phương Nam hứng đón nước mưa để không cho chảy lọt xuống ở phía dưới, y như là giọt nước nằm ở trong lá sen. Mãnh lực của gió thổi rất là mãnh liệt và sẽ đẩy nước bạt lên trên, làm cho nước đọng lại thành từng khối vào nhau, và rồi tuần tự lại hạ xuống dần. Khi khối nước hạ xuống đến các tầng Phạm Thiên Giới thì tầng Phạm Thiên Giới được kiến thủy. Khi khối nước hạ xuống đến cả bốn tầng Thiên Dục Giới, đó là Tha Hóa Tự Tại, Hóa Lạc Thiên, Đâu Suất Đà, Dạ Ma Thiên Giới, thế là cả bốn tầng này được kiến thủy. Chỉ còn lại tầng Đao Lợi với Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới vẫn chưa được thiết lập, với lý do cả hai tầng Trời này tọa lạc ở Tu Di Sơn, và Tu Di Sơn thì dính liền với nền lục địa. Khi nền lục địa vẫn chưa sinh khởi thì Tu Di Sơn không thể sinh lên được. Khi khối nước mưa hạ xuống cho đến phát sinh lên nền lục địa, lúc bấy giờ mới phát sinh luồng gió có năng lực rất là mãnh liệt thổi xoáy quanh tròn, gom góp khối nước hội tụ vào thành khối tròn và không cho chảy đi đâu được, cũng giống như nước ở trong dụng cụ lọc nước bằng hơi thổi (của Thầy Tỳ Khưu) vậy. Tiếp đến từng khối nước ấy cũng tuần tự khô cạn dần xuống cho đến phát sinh lên cặn cáu vi trần kết tụ vào nhau, trở thành nền lục địa nổi trôi ở trên mặt nước, trông giống như lá sen nổi trôi trên mặt nước vậy. Nền lục địa này có màu vàng giống như **hoa phong lan vũ nữ (Kaṇikāra),** có hương thơm, có vị ngọt, gọi tên là "hương vị nền lục địa thiết lập trên mặt nước."

Toàn thể nền lục địa làm thành nền tảng kiến thủy lên tất cả các quốc gia. Nền lục địa hình thành đất nước đã định đặt được Bồ Đề Đạo Tràng ở nơi đó. Vào thời kỳ bị tiêu hoại thì sẽ bị tiêu hoại sau cùng. Vào thời kỳ kiến thủy sẽ được kiến thủy trước hơn hết, vì

thế, mới được gọi **Thủ Tọa Lục Địa**, với ý nghĩa "chính vị của nền lục địa Nam Thiệm Bộ Châu." Đất nước ấy là một trú xứ vi diệu, có một bụi hoa sen nổi lên trước hết, và chính đó là **Tiền Trẫm Triệu (Pubbanimitta).** Nếu đó là vào thời kỳ **A Tăng Kỳ Kiếp (Asaṅkheyyakappa)** thì sẽ có Đức Phật xuất hiện, và bụi hoa sen ấy sẽ trỗ hoa. Nếu đó là **Hư Không Kiếp (Asuññakappa)** là thời kỳ không có Đức Phật xuất hiện thì bụi hoa sen ấy không có trỗ hoa. Nếu chỉ có duy nhất một vị Phật xuất hiện thì bụi hoa ấy chỉ trỗ duy nhất một hoa sen. Trỗ sinh hai hoa sen là có hai vị Phật. Trỗ sinh ba hoa sen là có ba vị Phật. Trỗ sinh bốn hoa sen là có bốn vị Phật. Trỗ sinh năm hoa sen là có năm vị Phật theo như quy định. Bấy giờ, chỉ có duy nhất nhóm Đại Phạm Thiên được nhìn thấy và được biết mà thôi. Nếu như là Ngài Đại Phạm Thiên được nhìn thấy hoa sen thì phát khởi sự hân hoan duyệt ý ở trong lòng. Nếu như không có thấy hoa sen thì lại sầu bi ưu não ở trong lòng. Hô thét lên rằng: Này tất cả thần dân của Ta ơi, thế gian sẽ bị tiêu hoại không có nơi nương tựa, đã không có ngọn đuốc ngọc soi sáng thế gian rồi, rồi đồng cùng nhau sầu khổ ưu não ở trong lòng. Trong thời kỳ nền lục địa đã vừa được kiến thủy thì tất cả loài Hữu Tình mà đã đi tái sinh trong tầng Biến Quang Phạm Thiên Giới ấy, với một vài nhóm cũng vừa hết Phước duyên và thọ mạng diệt, liền tử vong với năng lực **Chuyển Sinh Sát Na (Uppātika)** vào trong quần thể Nhân Loại ấy, và có giới tính tương tự như vị Phạm Thiên; có nghĩa không là nữ tính, cũng không là nam tính; kết hợp với hào quang tỏa ra từ nơi châu thân có ánh sắc sáng lạng rực rỡ, bay lượn trên hư không được, rong ruổi vui chơi ở trong các Cõi Thiên Giới hưởng an lạc hết một thời gian rất lâu dài. Thế rồi, có một người trong số của nhóm người ấy sinh khởi lên lòng tham lam, do được nhìn thấy nền lục địa có màu sắc chọn lọc xinh đẹp, và có mùi hương thơm. Vị ấy bèn nghĩ tưởng lên sự thèm muốn được nếm thử lấy hương vị xem coi có chất vị như thế nào, mới nhặt lấy một chút ít đất ấy lên, và đã bỏ vào chót lưỡi của mình. Tuy nhiên khi vừa chạm đến chót lưỡi thì chất vị của đất ấy lan tỏa ra khắp cả cơ thể **(Sabbaṅgakāya),** phát sinh lên hương vị ngon ngọt, đã làm cho rất là hoan hỷ duyệt ý, khởi sinh lên **Ái Luyến (Taṇhā),** và đã bị ám ảnh cùng với sự chi phối của chất vị ấy ở trong lòng. Thế là người ấy cứ thường luôn thọ thực với chất vị của mặt đất ấy mãi, và rồi những người khác khi được nhìn thấy như thế, cũng cùng rủ nhau bắt chước làm theo, nếm thử xem coi chất vị của mặt đất như thế nào. Khi đã rõ biết được chất vị thì cũng phát sinh lên sự ái luyến, và thế là hết tất cả mọi người đã đồng rủ nhau thọ thực với chất vị của mặt đất ấy. Kể từ khi đó trở đi, hào quang ở nơi châu thân đã bị biến mất đi, và đã khởi phát lên một màn đêm tối tăm mù mịt ở khắp mọi nơi nơi. Tất cả mọi người khởi sinh lên sự giật mình kinh sợ và hoảng hốt vô cùng. Tuần tự theo đó thì khởi phát lên quả mặt trời đã xuất hiện ở trên hư không có chu vi là năm mươi do tuần, và có ánh sáng hào quang chiếu rọi cùng khắp mọi nơi.

Về phía tất cả Nhân Loại khi được nhìn thấy tòa Kim Điện Thiên Cung đang bay ở trong bầu trời và chiếu rọi thế gian thì phát sinh lên sự cảm xúc Hỷ Thọ, thốt ra lời với tấm lòng hân hoan duyệt ý rằng: "Ngài Thiên Tử này có hào quang chói sáng, vẫn thường mang lại sự an vui sức khỏe và lòng dũng cảm không có điều chi sợ hãi cho được phát sinh đến với tất cả chúng ta." Do vậy, tòa Kim Điện Thiên Cung ấy mới có danh hiệu **Nhật Thiên**

Tử (Suriyadevaputta –Thần Thái Dương), và được lưu truyền mãi cho đến ngày hôm nay. Trong khi tòa Kim Điện Thiên Cung đã chiếu sáng xong, rồi lặn về phương Tây thì thế gian trở lại một màn đêm tối mù mịt như trước kia. Tất thấy mọi người lại giật mình kinh sợ và hoảng hốt vô cùng, đồng rủ nhau mà nói rằng: "Tất cả bọn chúng ta sẽ làm sao đây ? Khi mà Ngài Nhật Thiên Tử là chỗ nương tựa của chúng ta đã lìa khỏi không còn được nhìn thấy nữa rồi thì làm thế nào để sẽ có chỗ nương tựa được tiếp tục mãi trong việc soi rọi ánh sáng đây ?" Khi tất cả mọi người có sự ưu tư lo lắng thốt ra như vậy, dường như thiên nhiên hiểu được ý muốn của nhóm người ấy, quả mặt trăng với tòa Thiên Cung có chu vi là bốn mươi chín do tuần phát sinh lên ở trong hư không. Tất cả mọi người lại cùng nhau hân hoan duyệt ý, mới đặt danh hiệu **Nguyệt Thiên Tử (Candimadevaputta).** Trong khi mặt trời, mặt trăng đã xuất hiện ở trong **Thế Gian Giới (Lokadhātu)** rồi, tuần tự tiếp theo đó là quần thể tinh tú cũng khởi sinh lên. Kể từ khi đó, phát sinh lên ban ngày, ban đêm, năm, tháng, giờ giấc, tuần tự tiếp nối nhau. Và trong cùng một ngày Rằm Tháng Tư, với cả sáu thể loại đồng câu sinh với nhau, đó là mặt trời, mặt trăng vừa sinh khởi lên thì Tu Di Sơn, Bộ Châu Sơn, Hy Mã Lạp Sơn, mặt biển đại dương cũng cùng sinh lên.

Mới có lời vấn hỏi rằng: Thực tính tất cả các sự vật gồm có nền lục địa và núi đồi ấy, khi phát sinh lên thì phát sinh như thế nào ?

Lời giải đáp rằng: Khi thực tính thế gian phát sinh lên đó, có được ví dụ như người nấu hạt kê vậy. Lẽ thường hạt kê đem đi nấu, thường là khi nước sôi sùng sục lên nổi thành bọt cùng một lượt với nhau. Vị trí bọt hạt kê sôi lên đó, có chỗ nổi cao lên thành từng đám, có chỗ thì xẹp lõm xuống, có chỗ ngang bằng nhau, như thế nào, thì Thế Gian Giới được kiến lập lên cũng ví như thế ấy vậy. Với những hiện trạng có chỗ nổi cao lên phát sinh thành núi đồi, có chỗ trũng xuống phát sinh thành mặt biển đại dương, có chỗ ngang bằng nhau và tuần tự phát sinh thành Đại Bộ Châu và Tiểu Bộ Châu.

Khi tất cả loài Hữu Tình bị mùi vị của Ái Dục xâm nhập và ngự trị, và đã cùng rủ với nhau mà ăn chất vị của mặt đất ấy thì một số người có màu da hồng hào trong sáng, một số người có màu da thô xấu, và đã trở thành sự khinh khi miệt thị của nhóm người có màu da hồng hào trong sáng. Cả hai **Ác Pháp (Pāpadhamma),** đó là **Hữu Thân Kiến (Sakkāya diṭṭhi)** và **Ngã Mạn (Māna)** làm thành tác nhân, làm thành duyên hệ khiến cho thế gian khởi sinh bao biến động. Khi cả hai Ác Pháp phát sinh lên mãnh liệt thì chất vị của mặt đất khi đã là thực phẩm ngon ngọt ấy liền biến mất đi. Mặt đất đã biến thành thô xấu tầm thường, tuy nhiên loại đất thô xấu ấy vẫn có hương thơm và chất vị làm thành vật thực của Nhân Loại. Khi bẩm tánh của hạng người ấy dầy đặc với Ác Pháp thì đất thô xấu lại lần nữa bị biến mất đi. Tuần tự theo đó, có một loại cây leo, bò sát mặt đất (như rau muống), phát sinh lên. Khi loại cây leo ấy lại biến mất đi, có một giống **lúa mì (Sālī)** tự nảy mầm lên, không có chất cám cũng không có hạt lép và có hương thơm từ bông lúa mì phát ra. Tất cả Nhân Loại đi hái lấy về và nấu ăn tiếp tục, ăn hết sạch vào buổi sáng thì vào buổi chiều cây lại mọc lên mới lại. Việc đun nấu cũng không phải vất vả khó nhọc chi cả, cứ cất lấy cây lúa mì và đem bỏ vào nồi gốm, rồi đem đặt lên trên tảng đá thì tự sôi chín lấy. Lại nữa, vật thực của Nhân Loại lúc bấy giờ không cần phải có vật gia phụ dùng với cơm chi cả. Một khi có

sự duyệt ý trong chất vị nào thì cơm chín cũng tự có chất vị ấy vậy. Trong sự việc Nhân Loại thọ dụng loại vật thực ấy, là loại vật thực phải có sự tiêu hóa và sẽ phát sinh ra việc đại tiểu tiện. Với lý do là vào thuở nguyên sơ, khi mà tất cả Nhân Loại vẫn còn thọ dụng chất vị của mặt đất, với loại đất thô xấu tầm thường, và với loại cây leo ấy thì vẫn tương tự với loại **Tịnh Thực (Suddhāhāra).** Suy giảm mất dần và chỉ còn một loại chất vị duy nhất phát sinh lên, và khi thọ dụng vật thực với loại vật thực thô sơ ấy, thì phát sinh lên phân phẩn và nước tiểu. Khi đã có phân phẩn và nước tiểu thì lại phải tách ra làm hai cửa khiếu, với nam sinh thực khí và nữ sinh thực khí, được hình thành để cho phát tiết ra các chất bài tiết; và cũng từ đó phát sinh hai loại giới tính tùy thuận theo vị trí với những ai đã từng là nam nhân thì cũng thành nam nhân, và với những ai đã từng là nữ nhân thì vẫn là nữ nhân, đã có được như vầy.

Tất cả nhóm Phạm Thiên vào thuở nguyên sơ, khi đã hết Phước duyên và mệnh chung, do vẫn tiếp tục nương vào **Cận Định (Upacārasamādhi)** đã từng có kiến tạo ở trong bẩm tánh khi còn ở trong Cõi Phạm Thiên Giới và vẫn còn hiện hữu khi đi tái sinh ở trong Cõi Nhân Thế ấy, tức là đã tiết chế được **Tham Dục (Kāmarāga)** không cho phát sinh. Đến khi nương vào **Sắc Mạng Quyền Lực (Indrīyarūpa)** tức là một khi **Sắc Nữ Quyền Lực (Itthindrīya – Nữ Tính)** và **Sắc Nam Quyền Lực (Purisindrīya – Nam Tính)** đã hiện khởi lên rồi, mới làm thành chỗ nương khiến cho Tham Dục phát sinh. Khi Tham Dục đã phát sinh lên rồi, Cận Định phải bị diệt mất, xa lìa khỏi bẩm tánh của các loài Hữu Tình ấy. Khi Cận Định đã bị diệt mất, xa lìa khỏi bẩm tánh rồi; đó là cơ hội cho Tham Dục tăng trưởng lên một cách mãnh liệt. Và khi Sắc Nữ Tính và Sắc Nam Tính lại làm thành **Cận Y Duyên (Upanissayapaccaya)** cho Tham Dục ấy được sinh khởi lên thì các Nữ Nhân và Nam Nhân đã đi đến việc ngắm nhìn, săm soi và dòm ngó lẫn nhau. Từng mỗi người ai ai cũng bồn chồn, và cáu kỉnh do bởi Tham Dục luyến ái. Kể từ đó tất cả Nhân Loại đã phối hợp với nhau trong việc **Dâm Hạnh (Methunadhamma).** Việc phối hợp phi chánh pháp ấy đã hình thành tác nhân cho tất cả Nhân Loại nỗ lực tầm cầu kiến tạo lên cửa nhà. Khi tất cả Nhân Loại đã tạo ra tư hữu được gia đình cửa nhà như thế, con người đã trở nên lười biếng, đã nghĩ tới việc thực hiện tàng trữ và tích lũy lúa mì, tức là mỗi khi đi cắt lấy thật nhiều lúa mì, và đã bỏ vào trong các vật dụng chất chứa tràn đầy. Và rồi người khác khi đã được nhìn thấy và cũng đã bắt chước làm theo, thế là hình thành ra số lượng rất nhiều người. Bấy giờ, lúa mì đã khởi sinh ra vỏ lúa và cám gạo. Còn lúa mì khi đã gặt hái xong cũng biến mất hết luôn, sẽ không còn nẩy mầm mọc mới lại như ở thuở trước kia. Bấy giờ, tất cả mọi người ai ai cũng đồng kêu lên sự đau khổ và thốt ra tiếng thở dài than thở rằng: "Tất cả bọn chúng ta đã vì Tham Dục, đã tạo tác ra Nghiệp Lực ty liệt và giờ đây đã phát sinh đến chúng ta rồi. Và này tất cả Quý Ngài, từ trước đây thì tất cả bọn chúng ta đã được đón nhận sự an vui, chả là lấy Pháp Hỷ làm thành vật thực, được bay ở trên hư không và sẽ đến nơi nào mà Tâm đã có nghĩ tưởng đến, và đã được đón nhận sự tiến hóa quả thật là lâu dài. Rồi thời gian tiếp đến, đã lấy chất vị của mặt đất mà ăn, đã đi đến ăn phần đất thô sơ tầm thường, và đã ăn loại cây leo. Sự tiến hóa cũng vì đó mà phải bị tổn hại suy giảm dẫn đến việc phải lấy lúa mì **Sālī** làm thành vật thực để mà ăn. Từ trước đây, hương vị lúa mì đã không có vỏ cũng không

có cám, ăn buổi chiều thì sáng ra đã mọc mới lại. Đến ngày nay quả là tất cả mọi thứ đều đã biến đổi hết cả. Không bao lâu việc sinh kế của chúng ta sẽ khó khăn, vì thế giờ đây tất cả bọn chúng ta hãy nên san sẽ phân chia lúa mì ra thành từng phần, thành từng khu vực với nhau đi."

Và thế rồi đã thu xếp để san sẻ phân chia ra thành từng phần, từng khu vực. Tiếp đến mới phát sinh ra một giống hạng người thiểu trí kết hợp với Tâm Bất Thiện bị xâm nhập vào, và đã đi đến việc trộm cắp vặt, và đã đi lấy cắp của phần ở người khác khi mà người chủ đã không có cho từ nơi thân hay lời. Khi người chủ chụp bắt được anh ta thì anh ấy chỉ có bị trách móc thôi, và rồi tiếp đến cũng được buông tha để cho anh ta đi. Tuy nhiên khi mà thực hiện việc thâu đạo lấy của người không cho **(Adinnādāna –Thâu Đạo),** khi mà thực hiện việc xấu ác này với thời gian lâu dài như vậy, khi mà anh ta đã bị chụp bắt đến lần thứ ba thì anh ấy đã bị người ta xúm lại đánh đập bằng gậy gộc, và đã bị ném đá rồi mới thả cho đi. Kể từ đó, việc trộm cắp đã nẩy sinh lên, việc chê trách chỉ trích cũng nẩy sinh lên, vọng ngữ dối trá cũng nẩy sinh lên, bị phạt tiền và tội phạm cũng nẩy sinh lên. Dân chúng khởi sinh lên tâm tính nhỏ nhen, hẹp hòi ích kỷ, mới tụ tập lại thảo luận cùng nhau rằng: "Lúc này, tất cả loài Hữu Tình đã khởi sinh lên tâm tính Tham Dục xấu ác và ty liệt quá nhiều. Tất cả chúng ta sẽ không thể nào tiếp tục làm thinh và bỏ qua được, mà phải lo chuẩn bị sắp xếp định đặt chức vụ và trách nhiệm với nhau mới được. Tất cả bọn chúng ta đây nhận thấy rằng người nào có Niệm mạnh và thông Tuệ để sẽ nói được rằng điều đáng phải trừng phạt thì cũng nên trừng phạt, hoặc là đáng phải tẩn xuất thì cũng nên tẩn xuất đi. Về phần tất cả các Ngài đây, có bổn phận là người cống nạp lúa mì đến cho người có dụng cụ đong đo mới sẽ là thích hợp." Khi đã cùng nhau thảo luận như vậy, đã cùng rủ nhau đi tìm kiếm người có đủ phẩm hạnh tài đức như đã vừa đề cập đến.

Trong thuở nguyên sơ **Hạnh Vận A Tăng Kỳ Kiếp (Bhaddaka Asaṅkheyyya Kappa)** ấy, Đức Ngài Chánh Đẳng Giác của chúng ta đã tái sinh làm Bậc Giác Hữu Tình (Bồ Tát), có thân hình tướng dạng lực lưỡng khỏe mạnh, có Niệm mạnh thông Tuệ, có cung cách dáng vẻ đáng kính nể, có khả năng quản lý trông nom thiên hướng về việc giáo hóa được tất cả mọi người. Vì thế tất cả mọi người mới đồng tâm rủ nhau đi đến trú xứ của Bậc Giác Hữu Tình (Bồ Tát), đã thực hiện lễ cung thỉnh qua nghi thức tôn nghinh trang trọng, và rồi đã thực hiện cuộc lễ đăng quang, cùng với việc hiến dâng danh hiệu Đức Ngài Đại Vương Sát Đế Lỵ **Mahāsammuti (Khattiya Mahàsammutidevarāja).** Khi dân chúng đã chuẩn bị sắp xếp cho cuộc lễ tôn vương Đức Vua Sát Đế Lỵ **Mahāsammuti** đã được thành tựu viên mãn thì có một vài nhóm người đã nẩy sinh sự lo âu và nghĩ rằng: "Ác Pháp và Bất Thiện Nghiệp Lực đây đã phát sinh lên và đã hiện bày quá nhiều đối với chúng ta và luôn cả đối với tất cả loài Hữu Tình. Khi là như vậy tất cả bọn chúng ta hãy cứ bỏ mặc Ác Pháp đó đi thôi." Những hạng người ấy đã cùng đồng ý với nhau, và đã cùng rủ nhau đi vào rừng già, kiến tạo lên những thảo am đặng nương trú, và thường luôn đi quanh quẩn thôn làng để khất thực cho họ được thọ dụng. Những hạng người ấy đã được gọi là vị **Bà La Môn (Brahmaṇa – Giáo Sĩ),** do bởi lý do là "lập chí sẽ cứ bỏ mặc **Ác Pháp Dâm Hạnh (Methunadhamma)** ấy đi thôi." Bất luận hạng người nào duyệt ý với việc giao hợp dâm

hạnh thì hạng người ấy sẽ bị rối loạn lên với việc mưu sinh, với công việc đồng áng **(Kasikamma – Nông nghiệp)**, việc chăn nuôi, việc thương mãi bán buôn, mà được gọi là thương gia, là nông dân. Bất luận hạng người nào bất duyệt ý trong việc hành hạ ưu não với một ai, hoặc với một loài Hữu Tình nào thì bản thân đã đi tìm kiếm việc nuôi mạng một cách thanh tịnh, mà được gọi là công nhân ở trong các nhà máy, và được lưu truyền mãi cho đến ngày hôm nay.

CÓ BỐN QUY ĐIỀU VỀ A TĂNG KỲ KIẾP

Quy định tính kể từ **Kiếp Hoại (Kappavināsa)** Đại Vũ Bảo khởi lên với ngọn lửa thiêu hủy và cho đến khi ngọn lửa đã diệt tắt, được gọi **Tiêu Hoại A Tăng Kỳ Kiếp (Saṃvaṭṭa Asaṅkheyyakappa).** Kể từ khi diệt tắt ngọn lửa và cho đến khi mưa rơi xuống ngập tràn lấp đầy trong các chỗ bị ngọn lửa thiêu hủy, được gọi **Hoại Diệt A Tăng Kỳ Kiếp (Saṃvaṭṭaṭṭhāyī Asaṅkheyyakappa).** Kể từ khi mưa rơi xuống ngập tràn khắp cả trăm ngàn triệu tiên thiên vũ trụ và cho đến khi mặt trời, mặt trăng phát sinh lên, được gọi **Hình Thành A Tăng Kỳ Kiếp (Vivaṭṭa Asaṅkheyyakappa).** Kể từ khi mặt trời, mặt trăng đã phát sinh lên và cho đến khi **Kiếp Hoại (Kappavināsa)** Đại Vũ Bảo khởi lên một lần nữa, được gọi **Thành Trụ A Tăng Kỳ Kiếp (Vivaṭṭaṭṭhāyī Asaṅkheyyakappa).**

Kết Thúc Việc Tiêu Hoại Thế Gian Do Bởi Hỏa Tai Và Việc Kiến Thủy Thế Gian

TRÌNH BÀY THẾ GIAN BỊ TIÊU HOẠI DO BỞI THỦY TAI

Việc tiêu hoại do bởi Thủy Tai thì cũng hiện hành cùng một cách thức tương tự với việc tiêu hoại do bởi Hỏa Tai. Có điều thay đổi là khi đến giai đoạn Kiếp Hoại Đại Vũ Bảo khởi phát lên thì có trận mưa rơi xuống vừa đủ để cho có được việc gieo trồng hạt giống lương thực. Kể từ đó trở đi thì cơn mưa dứt và không còn tiếp tục rơi xuống nữa. Đối với việc tiêu hoại thế gian do bởi Thủy Tai đây thì không có quả mặt trời thứ hai khởi sinh lên, nhưng thay thế vào đó có trận **Cường Toan Đại Vũ Bảo (Khārudakamahā megha)** là trận mưa thật to bằng **nước cường toan (acide)** khởi sinh, và trận mưa cường toan này rơi xuống, vào giai đoạn ban đầu với những giọt nước nhỏ li ti vi tế rơi xuống trước, thế rồi tuần tự rớt với những hạt to dần lên, ngập tràn khắp cả trăm ngàn triệu tiên thiên vũ trụ. Nền lục địa, với tất cả các núi đồi to và nhỏ, khi đụng phải trận mưa cường toan thì không thể nào còn bền vững được mà phải bị nát tan thành phấn bụi hết tất cả, trông giống như hạt muối mà đem bỏ vào trong nước vậy. Và rồi khởi sinh lên ngọn gió thổi bao bọc lấy nước ấy vào nhau, và không cho nước chảy tràn ra ngoài khỏi trăm ngàn triệu tiên thiên vũ trụ. Nước tiêu hoại thế gian ấy tràn ngập lên đến hết cả Lục Dục Thiên Giới, rồi tiếp tục dâng ngập lên đến cả sáu tầng Phạm Thiên Sắc Giới, nhiều hơn là khi bị tiêu hoại do bởi Hỏa Tai đến ba tầng Trời, và dừng lại ở phía dưới tầng Biến Tịnh Phạm Thiên Giới. Tất cả những Pháp **Hữu Vi Thế Gian (Saṅkhāraloka)** bị nát tan tơi bời hết tất cả, nếu có thể còn dư sót đó chỉ

là những phân tử vi trần mà thôi. Nước cường toan ấy có thể vẫn còn hiện hữu mãi cho đến khi mầm mống ấy bị hoại diệt hết tất cả thì nước cường toan ấy mới rút xuống khô cạn hết và biến mất đi. Thượng tầng hư không với hạ tầng hư không thông suốt với nhau chung thành một khối, và khi đến thời kỳ thế gian sẽ được kiến thủy lại, cũng hiện hành cùng một cách thức tương tự với việc đã vừa được trình bày vậy. Tuy nhiên thời kỳ bị tiêu hoại do bởi Thủy Tai thì khi kiến thủy thế gian lại mới, là bắt đầu kể từ tầng Biến Quang Phạm Thiên Giới đi trở xuống. Tất cả các loài Hữu Tình khi tử vong lìa khỏi tầng Biến Tịnh Phạm Thiên Giới, và cũng tuần tự đi dần xuống. Tiếp nối từ nơi đây thì cũng được hiện hành tương tự với việc kiến thủy của thế gian khi đã bị tiêu hoại do bởi Hỏa Tai; có nghĩa là việc bị tiêu hoại do bởi Thủy Tai và việc kiến thủy của thế gian cũng cùng một trường hợp như thế này.

Quy định tính thời gian kể từ Kiếp Hoại Đại Vũ Bảo khởi phát lên, và rồi có trận mưa cường toan rơi xuống làm tiêu hoại thế gian, cho đến khi trận mưa ấy tan biến mất đi, được gọi là **Tiêu Hoại A Tăng Kỳ Kiếp (Saṃvaṭṭa Asaṅkheyyakappa).**

Kể từ trận mưa cường toan làm tiêu hoại thế gian dứt tạnh mất đi, và cho đến khi trận mưa thật to (Đại Vũ Bảo) làm cho thế gian được kiến thủy lên, và trận mưa kiến thủy thế gian rơi xuống ngập tràn trăm ngàn triệu tiên thiên vũ trụ dâng lên đến những nơi bị tiêu hoại do bởi Thủy Tai ấy, được gọi **Hoại Diệt A Tăng Kỳ Kiếp (Saṃvaṭṭaṭṭhāyī Asaṅkheyyakappa).** Kể từ khi mưa rơi xuống đã ngập tràn rồi từ từ rút dần xuống, và cho đến khi mặt trời, mặt trăng phát sinh lên, được gọi **Hình Thành A Tăng Kỳ Kiếp (Vivaṭṭa Asaṅkheyyakappa).** Kể từ khi mặt trời, mặt trăng đã phát sinh lên trở đi, và cho đến khi của **Kiếp Hoại (Kappavināsa)** Đại Vũ Bảo khởi lên một lần nữa, được gọi **Thành Trụ A Tăng Kỳ Kiếp (Vivaṭṭaṭṭhāyī Asaṅkheyyakappa).**

Cả bốn A Tăng Kỳ Kiếp này có cùng khoảng thời gian rất lâu dài như nhau, khi kết hợp lại thì được tính bằng một **Đại Kiếp (Mahākappa).**

Kết Thúc Việc Tiêu Hoại Thế Gian Do Bởi Thủy Tai

TRÌNH BÀY THẾ GIAN BỊ TIÊU HOẠI DO BỞI PHONG TAI

Việc tiêu hoại do bởi Phong Tai đó cũng hiện hành cũng cùng một cách thức tương tự với việc tiêu hoại do bởi Hỏa Tai. Chỉ sai khác với nhau là trong giai đoạn đầu của Kiếp Hoại Đại Vũ Bảo khởi phát lên thì có trận mưa rơi xuống khắp cả trăm ngàn triệu tiên thiên vũ trụ, và rồi cơn mưa dứt đi và không còn tiếp tục rơi xuống nữa. Đối với việc tiêu hoại thế gian do bởi Phong Tai thì không có quả mặt trời thứ hai khởi sinh lên, nhưng thay thế vào đó là có trận **Phong Hành Thế Luân (Vāyosaṅvatta)** là trận cuồng phong làm tiêu hoại thế gian cho phải bị tan nát đi. Cuồng phong này trong lúc ban đầu chỉ là ngọn gió thổi riu riu, nhè nhẹ, và chỉ vừa đủ thổi những hạt bụi li ti cho tốc bụi tung bay lên. Và rồi, ngọn gió này cũng từ từ thổi mạnh dần lên, thổi bay cả khối đá lớn nhỏ, thổi nhổ trốc cả gốc cây lớn nhỏ, và luôn cả những núi đồi, cho bay lơ lửng ở trong hư không và khiến va chạm vào nhau cho bể nát vụn mịn ra, cho bay cả ở trong hư không và không cho rơi xuống đất. Tiếp đến,

có một ngọn gió với năng lực vô cùng mãnh liệt phát sinh lên từ phía dưới nền lục địa, và đã thổi tung nền lục địa có độ dầy 240,000 do tuần cho bay bổng lên trên hư không; cho bể vỡ ra thành từng mãnh, với từng mãnh có độ dầy đến cả trăm do tuần cũng có, đến cả bốn trăm do tuần cũng có. Việc va chạm này đã làm cho bể nát vụn mịn ra hết cả, rồi lại thổi bay cả Thất Bảo Sơn, Tu Di Sơn, Hy Mã Lạp Sơn, Bộ Châu Sơn, và tòa Thiên Cung ở trong hư không của các tầng Trời Dục Giới, luôn cả ở trong cả trăm ngàn triệu tiên thiên vũ trụ, cho bay bổng lên trên hư không rồi cũng khiến cho tiếp xúc va chạm lẫn nhau, và cũng khiến cho bể nát vụn mịn ra ở trong hư không. Trận cuồng phong ấy sẽ thổi kể từ Cõi Nhân Loại khởi lên cho đến tầng Tam Thiền Phạm Thiên Sắc Giới cho tiêu hoại tan nát hết tất cả. Khi cuồng phong đi đến hủy diệt, tàn sát thế gian này, là kể từ **Hạ Tầng Hư Không (Hetthimaajjatākāsa)** khởi lên cho đến trôi qua hết cả chín Cõi Phạm Thiên Sắc Giới, đó là ba tầng Sơ Thiền Phạm Thiên Giới, ba tầng Nhị Thiền Phạm Thiên Giới, ba tầng Tam Thiền Phạm Thiên Giới, và dừng lại tại nơi đấy. Cuồng phong đi đến hủy diệt thế gian này, đã tàn sát hết tất cả mọi sự vật, chí đến cả nước hứng đỡ nền lục địa, luôn cả gió hứng đỡ nước cũng bị bể vỡ và tan biến đi hết tất cả, cuối cùng rồi cuồng phong ấy cũng tự tan biến mất đi. Hạ tầng hư không cùng với thượng tầng hư không thông suốt với nhau chung thành một khối, và phát sinh lên một màn đêm tối tăm mù mịt khắp cả thế gian.

Khi đến thời kỳ kiến tạo lại thế gian, trận Đại Vũ Bảo cũng lại khởi phát lên để sẽ được kiến tạo lại một tân thế giới nữa, và cũng vẫn có trận mưa rơi xuống tràn đầy khắp cả trăm ngàn triệu tiên thiên vũ trụ, để cho nước mưa ấy phủ ngập lên những chỗ đã bị tiêu hoại do bởi Phong Tai; cuối cùng thì nước mưa ấy cũng tuần tự khô cạn dần dần xuống. Thế gian hiện khởi lên và kiến thủy tuần tự kể từ tầng Biến Tịnh Phạm Thiên Giới dần dần đi xuống. Chúng Hữu Tình sẽ tử vong và sẽ đi tái sinh, là sẽ tử vong từ ở tầng Quảng Quả Phạm Thiên Giới tiếp nối dần xuống. Và sự tiếp nối này sẽ được diễn tiến cũng theo cùng một phương thức tương tự như đã có được đề cập đến ở phần trên vậy.

Quy định tính thời gian kể từ Kiếp Hoại Đại Vũ Bảo khởi phát lên, và cho đến khi trận cuồng phong làm tiêu hoại thế gian ấy lặng yên đi, được gọi **Tiêu Hoại A Tăng Kỳ Kiếp (Saṃvaṭṭa Asaṅkheyyakappa).** Kể từ trận cuồng phong lặng yên đi, và cho đến khi trận mưa rơi xuống ngập tràn trong những nơi bị tiêu hoại do bởi Phong Tai ấy, được gọi **Hoại Diệt A Tăng Kỳ Kiếp (Saṃvaṭṭaṭṭhāyī Asaṅkheyyakappa).** Kể từ khi trận mưa rơi xuống đã ngập tràn và cho đến khi mặt trời, mặt trăng phát sinh lên, được gọi **Hình Thành A Tăng Kỳ Kiếp (Vivaṭṭa Asaṅkheyyakappa).** Kể từ khi mặt trời, mặt trăng đã phát sinh lên trở đi, và cho đến khi của **Kiếp Hoại (Kappavināsa)** Đại Vũ Bảo khởi lên một lần nữa, được gọi **Thành Trụ A Tăng Kỳ Kiếp (Vivaṭṭaṭṭhāyī Asaṅkheyyakappa).**

Cả bốn A Tăng Kỳ Kiếp này có cùng khoảng thời gian rất lâu dài như nhau, và từng mỗi A Tăng Kỳ Kiếp này, nếu sẽ tính theo Trung Kiếp thì sẽ có được 64 Trung Kiếp; và khi kết hợp cả bốn A Tăng Kỳ Kiếp vào nhau thì có được 256 Trung Kiếp, và được tính bằng một **Đại Kiếp (Mahākappa).**

Kết Thúc Việc Tiêu Hoại Thế Gian Do Bởi Phong Tai

TRÌNH BÀY SỰ KHÁC BIỆT GIỮA MẶT TRỜI VÀ MẶT TRĂNG

Rằng là mặt trăng ấy, nếu sẽ lượng định về phần độ dài, về độ rộng và về độ cao thì có ước lượng hết cả thảy đều bằng nhau 49 do tuần. Nếu đo theo chu vi là vòng tròn bao giáp vòng thì có ước lượng 147 do tuần. Còn mặt trời, nếu đo về phần độ dài, về độ rộng và về độ cao có ước lượng hết cả thảy đều bằng nhau 50 do tuần. Nếu đo theo chu vi có ước lượng 150 do tuần. Tọa lạc trong khoảng cách với nhau một do tuần. Mặt trời tọa lạc ở phía trên, mặt trăng thì tọa lạc ở phía dưới. Nếu sẽ đo phạm vi từ ở phía dưới tận cùng của mặt trăng khởi đi cho đến phạm vi ở phía trên chót cùng của mặt trời thì có hạn định là một trăm do tuần. Nội vi của tòa Nguyệt Thiên Cung đều toàn bằng ngọc Ma Ni, về phần ngoại vi đều toàn bằng bạc, và có trạng thái mát lạnh ở cả nội vi và ngoại vi. Còn về mặt trời ấy, nội vi được hoàn hảo với vàng ròng, ngoại vi bằng ngọc thủy tinh, và có trạng thái nóng bỏng ở cả nội vi và ngoại vi.

Cả hai, mặt trời và mặt trăng này, tọa lạc ở trong độ cao cùng ngang bằng với đỉnh núi **Yugandhara,** có Tu Di Sơn tọa lạc ở ngay trung tâm, và thực hiện việc luân chuyển xoay theo quỹ đạo giáp vòng quanh Tu Di Sơn suốt trọn thời gian của Thành Trụ A Tăng Kỳ Kiếp. Nếu đo từ nền lục địa của Cõi Nhân Loại khởi lên cho đến mặt trời có khoảng cách 42,000 do tuần. Quỹ đạo vận hành cứ mỗi một vòng xoay quanh Tu Di Sơn là 3,000,000 do tuần. Thời gian mà mặt trời vận hành luân chuyển xoay giáp được một vòng quanh Tu Di Sơn là 24 giờ đồng hồ, tức là một ngày một đêm. Nếu tính chia đều theo giờ đồng hồ thì quay được 124,000 do tuần cho mỗi một giờ đồng hồ.

Đối với mặt trăng ấy, ra khỏi sự luân chuyển xoay theo quỹ đạo cùng với mặt trời được hạn định vào **thời gian hạ huyền (Kāḷapakkha – Thời trăng treo)** nghĩa là theo quy luật là ngày 30 âm lịch (ngày trăng treo). Tuy nhiên trong việc vận hành xoay theo quỹ đạo của mặt trời và mặt trăng đây thì mặt trời vận hành nhanh hơn mặt trăng nội trong 24 giờ đồng hồ của mỗi một ngày là 100,000 do tuần. Nếu sẽ lượng định sự nhanh và chậm giữa mặt trời và mặt trăng trong một giờ đồng hồ thì mặt trăng vận hành được 120,833 do tuần hơn. Như thế, trong 24 giờ đồng hồ thì vận hành chỉ có bằng được là 2,900,000 do tuần, tức là vận hành ít hơn mặt trời mỗi một ngày với ước lượng là 100,000 do tuần trong 24 giờ đồng hồ.

Việc vận hành của mặt trăng chậm hơn mặt trời như vậy thì mỗi một giờ đồng hồ mặt trời thường vận hành càng lúc xa cách dần mặt trăng. Khi mặt trời vận hành càng xa cách dần khỏi mặt trăng thì theo cự ly của khoảng xa cách với mặt trời mà năng lực chiếu sáng của mặt trăng mỗi lúc càng giảm thiểu xuống dần, cho đến chỉ còn hiển lộ vòng quanh chu vi, được gọi là Trăng tròn và đã hạn định lấy là ngày Rằm âm lịch.

Mặt trời xoay theo quỹ đạo mỗi lúc càng xa cách khỏi mặt trăng ấy, và cứ mãi chuyển động đuổi theo sau và đã đi đến mặt trăng một lần nữa. Khi sự vận chuyển của mặt trời sắp đến gần bên mặt trăng vào bất luận thời điểm nào thì chu vi của mặt trăng sẽ bị che khuất mỗi lúc càng nhỏ dần. Và khi mặt trời vận chuyển đến trùng phùng ngay với mặt trăng vào

bất luận thời điểm nào thì ngay thời điểm ấy mặt trăng bị che khuất lấp hoàn toàn, và không còn hiển lộ kể cả vòng quanh chu vi. Tất cả sự việc này cũng là vì mặt trời tọa lạc ở phía trên, và mặt trăng thì tọa lạc ở phía dưới; được tỷ dụ như một vật dụng nhỏ đã bị che khuất bởi một vật dụng lớn hơn, và không thể nào nhìn thấy vật dụng nhỏ hơn được, dường như thế nào thì khi mặt trời có vị trí cao hơn mặt trăng và xoay theo quỹ đạo đến sát khít ngay bên cạnh mặt trăng rồi thì vòng chu vi của mặt trời mới che khuất lấp hoàn toàn vòng chu vi của mặt trăng cũng như thế ấy vậy. Như thế, nhóm người ở trong Cõi Nhân Thế mới không thể nào nhìn thấy được mặt trăng ngay trong sát na này, và đã hạn định được thời điểm đó là vào ngày trước của 29 hoặc 30 âm lịch.

Lộ trình vận hành của cả hai mặt trời và mặt trăng đây, là vận xoay theo quỹ đạo ở trong khoảng giữa của Bộ Châu Sơn với Tu Di Sơn. Giữa Bộ Châu Sơn với Tu Di Sơn ấy có khoảng cách xa nhau ước lượng 559,725 do tuần. Khi phân chia ra có được bốn phần lộ trình, với từng mỗi phần có ước lượng 139,931 do tuần với một dặm Anh **(Gāvuta).** Và bốn phần lộ trình đã được phân chia ra đó thì với cả hai phần là, phần tiếp cận với Tu Di Sơn với phần tiếp cận của Bộ Châu Sơn, với cả hai phần đó không phải là lộ trình vận hành xoay theo quỹ đạo của mặt trời và mặt trăng. Đối với phần hình thành lộ trình vận hành xoay theo quỹ đạo của mặt trời và mặt trăng, đó là hai phần còn lại, đích thị chính là hai phần ở ngay giữa trung tâm vậy.

Hai phần lộ trình này có bề rộng ước lượng 279,862 do tuần với hai dặm Anh **(Gāvuta),** và được phân chia ra thành ba lộ trình lớn (Đại Lộ Trình), đó là:

1/ Nội Lộ (Antovithī): là lộ trình phía bên trong, tiếp giáp với cự ly lộ trình phần tiếp cận với Tu Di Sơn.

2/ Trung Lộ (Majjhimavithī): là lộ trình trung tâm.

3/ Ngoại Lộ (Bāhiravithī): là lộ trình phía bên ngoài, tiếp giáp với cự ly lộ trình phần tiếp cận với Bộ Châu Sơn.

Cả ba Đại Lộ Trình này, từng mỗi lộ trình có phần bề rộng ước lượng 93,287 do tuần với 2 dặm Anh. Khi phân tích cả ba lộ trình này theo cả ba mùa, đó là mùa mưa, mùa nóng và mùa lạnh, thì:

1/ Nội Lộ đó là **Vũ Quý Tiết (Vassanta Utu),** tức là mùa mưa.

2/ Trung Lộ đó là **Nhiệt Quý Tiết (Gimhanta Utu),** tức là mùa nóng.

3/ Ngoại Lộ đó là **Hàn Quý Tiết (Hemanta Utu),** tức là mùa lạnh.

Trong Bộ Phụ Chú Giải Nội Dung Cốt Yếu Giải Minh **(Sāratthadīpanī ṭīkā)** đã có trình bày về lộ trình vận hành của mặt trời và mặt trăng, đã có được ba lộ trình, đó là:

1/ Dương Đạo Lộ (Ajavithī): tức là Trung Lộ (mùa nóng).

2/ Tượng Đạo Lộ (Nàgavithī): tức là Nội Lộ (mùa mưa).

3/ Ngưu Đạo Lộ (Govithī): tức là Ngoại Lộ (mùa lạnh).

Dương Đạo Lộ là lộ trình được ví như con dê, vì lẽ thường con dê này có thói quen là ghê ghét nước, vì thế Dương Đạo Lộ này mới được xếp vào ở trong mùa nóng. Tượng Đạo Lộ là lộ trình được ví như con voi, vì lẽ thường con voi có thói quen là ưa thích nước, vì thế Tượng Đạo Lộ này mới được xếp vào ở trong mùa mưa. Ngưu Đạo Lộ là lộ trình được

ví như con bò, vì lẽ thường con bò có thói quen là ưa thích sự lạnh và sự nóng ngang nhau, vì thế Ngưu Đạo Lộ này mới được xếp vào ở trong mùa lạnh.

Khi mặt trời xoay theo quỹ đạo đã rời khỏi lộ trình vận hành theo lộ trình thông thường và đã hạ dần xuống vào bất luận thời điểm nào thì ngay thời điểm ấy tất cả các vị **Vũ Lộ Thiên Tử (Vassavalāhakadevaputta)** do nể sợ mãnh lực mặt trời, vì thế không thể nào dám ra khỏi tòa Thiên Cung của mình, để sẽ được du hành ở trong hư không, và để sẽ làm cho mưa rơi xuống vừa theo sở thích sở nguyện. Và một khi mặt trời hạ giảm lộ trình vận hành xuống thấp như vầy thì mặt trăng cũng hạ giảm xuống thấp theo cùng một phương thức tương tự, vì mặt trăng ấy có lộ trình vận hành liên thông tiếp nối với mặt trời. Và như thế, lộ trình của mặt trời và mặt trăng vận xoay theo quỹ đạo hạ giảm xuống thấp đây, được gọi là Dương Đạo Lộ.

Trong bất luận vào thời điểm nào mà mặt trời và mặt trăng rời khỏi lộ trình thông thường và khởi lên vận xoay theo quỹ đạo ở độ cao thì ngay vào thời điểm ấy, các vị Vũ Lộ Thiên Tử không còn run sợ khiếp đảm đối với mặt trời, đã cùng rủ nhau rời khỏi tòa Thiên Cung của mình và thường luôn du hành vãng lai ở trong hư không, luôn thể làm cho mưa rơi xuống vừa theo sở thích sở nguyện. Lộ trình của mặt trời và mặt trăng khởi lên vận xoay theo quỹ đạo ở độ cao, được gọi là Tượng Đạo Lộ.

Nếu trong bất luận vào thời điểm nào, mà mặt trời và mặt trăng vận xoay theo quỹ đạo ở trong mức độ lộ trình thông thường thì ngay vào thời điểm ấy, tất cả các vị Vũ Lộ Thiên Tử cũng tùy thời thích hợp mà rời khỏi tòa Thiên Cung, và phấn chấn du hành tùy thích với tính khí của mình. Thời điểm ấy mưa cũng rơi xuống thuận tùng theo thời tiết. Do vậy, lộ trình này được gọi là Ngưu Đạo Lộ.

Khi mặt trời và mặt trăng vận xoay theo quỹ đạo thuộc Dương Đạo Lộ bất luận vào thời điểm nào thì trời bị hạn hán, không có mưa rơi xuống ngay trong thời điểm ấy. Khi mặt trời và mặt trăng vận xoay theo quỹ đạo thuộc Tượng Đạo Lộ bất luận vào thời điểm nào thì trời thường có mưa rơi xuống ngay trong thời điểm ấy. Khi mặt trời và mặt trăng vận xoay theo quỹ đạo thuộc Ngưu Đạo Lộ bất luận vào thời điểm nào thì trời mưa rơi xuống cũng có chừng mực ngay trong thời điểm ấy.

Nếu sẽ trình bày theo Bộ Chú Giải **Nhật Hành Giải Minh (Suriyagatidīpanī)** thì việc vận hành luân chuyển của cả hai mặt trời và mặt trăng theo cả ba Đại Lộ Trình, đó là Dương Đạo Lộ, Tượng Đạo Lộ, và Ngưu Đạo Lộ như đã có vừa đề cập đến rồi đó, với từng mỗi lộ trình lại được phân chia ra thành 60 Tiểu Lộ Trình. Trong số lượng 60 Tiểu Lộ Trình này thì từng mỗi ngày mặt trời vận hành luân chuyển được một Tiểu Lộ Trình. Như thế, trong mỗi một Đại Lộ Trình mặt trời sẽ phải sử dụng với thời gian vận hành 60 ngày. Còn với mặt trăng ấy sẽ vận hành ít hơn và mất thời gian lâu hơn mặt trời thuận tùng vừa theo thích hợp. Trong việc vận hành luân chuyển theo quỹ đạo của mặt trời và mặt trăng đây, có hai thể loại của việc vận xoay theo quỹ đạo, đó là: một thể loại được gọi Xuất Vận Hành, và một thể loại được gọi Nhập Vận Hành.

Xuất Vận Hành có ý nghĩa đến việc xoay theo quỹ đạo được xuất phát từ ở phía Tu Di Sơn và vào đến tận ở phía Bộ Châu Sơn. Nhập Vận Hành có ý nghĩa đến một khi việc

xoay theo quỹ đạo ấy đi đến tận cùng biên lộ ở phía Bộ Châu Sơn, rồi cũng từ từ lại vận hành luân chuyển trở lại vào đến tận ở phía Tu Di Sơn một lần nữa. Việc Xuất Vận Hành của mặt trời và mặt trăng đó, được vận hành kể từ ở Nội Lộ, là lộ trình ở phía bên trong tiếp cận với Tu Di Sơn, ra đi đến gặp nơi Trung Lộ và cho đến nơi Ngoại Lộ, đó là lộ trình ở phía bên ngoài tiếp cận Bộ Châu Sơn là tận cùng.

Và trong từng mỗi lộ trình sẽ mất thời gian ở trong việc luân chuyển hai tháng. Kết hợp lại cả ba lộ trình phải mất thời gian sáu tháng. Như thế, khi quy định tính theo tháng trong việc vận xoay theo quỹ đạo của mặt trời và mặt trăng, thì Nội Lộ được quy định với tháng 8 cho đến tháng 10, Trung Lộ được quy định với tháng 10 cho đến tháng 12, và Ngoại Lộ được quy định với tháng 12 cho đến tháng Hai âm lịch. Kết hợp thời gian lại ở trong việc Xuất Vận Hành tổng cộng là sáu tháng.

Còn việc Nhập Vận Hành đó, trước tiên là vận hành từ ở Ngoại Lộ, được quy định với tháng Hai âm lịch cho đến tháng 4, rồi đi vào đến Trung Lộ được quy định với tháng 4 cho đến tháng 6, rồi di chuyển vào đến Nội Lộ được quy định với tháng 6 cho đến tháng 8. Kết hợp thời gian lại trong việc Nhập Vận Hành tổng cộng sáu tháng. Và khi kết hợp thời gian lại của cả cả hai Xuất – Nhập Vận Hành tổng cộng một năm tròn.

Khi mặt trời và mặt trăng vận hành luân chuyển giáp vòng tròn xoay quanh Tu Di Sơn thường diệt trừ đi màn đêm tăm tối, làm cho phát khởi hiển lộ ánh sáng, và chiếu sáng soi rọi khắp tất cả mọi phương hướng đến 900,000 do tuần; vả lại việc chiếu sáng này cũng thường soi rọi luôn cả ở trong cả ba Bộ Châu, đó là:

+ Khi mặt trời đã mọc lên ở trong Nam Thiệm Bộ Châu thì phía Đông Thắng Thần Châu là vào thời điểm giữa trưa, Bắc Câu Lư Châu là vào buổi chiều tà, còn Tây Ngưu Hóa Châu là vào thời điểm nửa đêm.

+ Nếu như mặt trời đã bắt đầu mọc lên tại Đông Thắng Thần Châu thì Bắc Câu Lư Châu là vào thời điểm giữa trưa, Tây Ngưu Hóa Châu là vào buổi chiều tà, còn Nam Thiệm Bộ Châu là vào thời điểm nửa đêm.

+ Nếu như mặt trời đã bắt đầu mọc lên tại Bắc Câu Lư Châu thì Tây Ngưu Hóa Châu là vào thời điểm giữa trưa, Nam Thiệm Bộ Châu là vào buổi chiều tà, còn Đông Thắng Thần Châu là vào thời điểm nửa đêm.

+ Nếu như mặt trời đã bắt đầu mọc lên tại Tây Ngưu Hóa Châu thì Nam Thiệm Bộ Châu là vào thời điểm giữa trưa, Đông Thắng Thần Châu là vào buổi chiều tà, còn Bắc Câu Lư Châu là vào thời điểm nửa đêm.

Sự thật, khi Nam Thiệm Bộ Châu trong thời điểm giữa trưa (đang chính ngọ), thì về phía Đông Thắng Thần Châu sẽ nhìn thấy được mặt trời gần sắp lặn tắt về phương Tây (đang chiều tà), chỉ còn lại nửa quả mặt trời thôi; và về phía Tây Ngưu Hóa Châu ấy sẽ nhìn thấy mặt trời đã bắt đầu mọc lên được nửa quả (đang rạng sáng). Còn ở trong các Bộ Châu còn lại cũng hiện hành trong cùng một phương thức tương tự như vầy, tức là khi bất luận một Bộ Châu nào là vào thời điểm giữa trưa rồi (đang chính ngọ) thì hai Bộ Châu còn lại kia cũng thường có các thời điểm cũng tương tự giống như với thời điểm giữa trưa ở trong Nam Thiệm Bộ Châu vậy. (Một đang chính ngọ, một đang chiều tà và một đang rạng sáng.)

BÓNG TỐI VÀ ÁNH SÁNG CẢ TỨ BỘ CHÂU TRONG THỜI GIAN MỘT NĂM

Lộ trình vận xoay theo quỹ đạo luân chuyển của quả mặt trời đi theo Nội Lộ, Trung Lộ và Ngoại Lộ giáp vòng quanh Tu Di Sơn, là để cho ánh sáng được chiếu rọi đến khắp cả Tứ Bộ Châu ấy. Tuy nhiên ánh sáng của quả mặt trời không có khả năng soi rọi chiếu sáng cho hiển lộ trong cùng một lúc đến hết cả Tứ Bộ Châu ấy được. Các Bộ Châu chỉ có thể tuần tự luân phiên đón nhận được ánh sáng qua việc vận hành xoay giáp vòng quanh Tu Di Sơn. Tất cả sự việc này là vì Tu Di Sơn tọa lạc ở ngay trung tâm của cả Tứ Bộ Châu ấy, và đã che lấp ánh sáng của quả mặt trời khi vận hành lặn khuất ở cạnh bên núi. Với lý do này mới làm cho cả Tứ Bộ Châu không có đón nhận ánh sáng cùng một lúc được. Cuối cùng là do sự luân chuyển của quả mặt trời sẽ vận hành đến chính ngay ở phía Bộ Châu nào thì Bộ Châu ấy sẽ được đón nhận ánh sáng. Còn Bộ Châu tọa lạc ở ngay phía mặt trời vận hành lặn khuất đi rồi thì nơi ấy sẽ phải chịu tăm tối. Và Bộ Châu tọa lạc ở trong lộ trình mà quả mặt trời đang vận hành đi tới nơi ấy thì thường là cũng được đón nhận ánh sáng. Cả Tứ Bộ Châu này luân phiên chuyển đổi với nhau đón nhận ánh sáng, có Bộ Châu đón nhận được ánh sáng thì có Bộ Châu phải chịu tăm tối, và đã tùy thuộc theo thời gian. Và đã chia bóng tối và ánh sáng của cả Tứ Bộ Châu hiển lộ vào mỗi ngày được hiện hành như sau đây:

Nội trong chu kỳ một năm ấy, nếu như có ba Bộ Châu đã đón nhận được ánh sáng với nhau thì có một Bộ Châu còn lại phải chịu tăm tối. Nếu sẽ tổng kết thời gian mà Bộ Châu bị rơi vào trong sự tăm tối này là năm tháng, tức là kể từ tháng 5 Dương Lịch cho đến tháng 9 Dương Lịch. Trong khoảng thời gian 5 tháng này, nếu như bất luận một Bộ Châu nào mà mặt trời đang hiện hữu vào trong thời gian trước chính ngọ, tức là 11 giờ trưa thì Bộ Châu tọa lạc ở vị trí đối nghịch lại phải là thời gian tăm tối, còn Bộ Châu tọa lạc ở hướng trước mặt sẽ là thời gian mới bắt đầu mọc lên (lúc bình minh), và Bộ Châu tọa lạc ở phía sau sẽ là thời gian chiều tối (lúc hoàng hôn).

Nếu như có hai Bộ Châu đã đón nhận được ánh sáng thì hai Bộ Châu còn lại phải rơi vào trong sự tăm tối. Nếu sẽ tổng kết thời gian phải rơi vào trong sự tăm tối này là hai tháng, tức là tháng 4 Dương Lịch với tháng 10 Dương Lịch. Trong khoảng thời gian hai tháng này, nếu như bất luận Bộ Châu nào mà mặt trời hiện hữu trong thời gian chính ngọ, thì Bộ Châu ở trong hướng đối nghịch lại sẽ phải là thời gian nửa đêm, còn Bộ Châu tọa lạc ở hướng trước mặt sẽ là thời gian mới bắt đầu mọc lên (lúc bình minh), và Bộ Châu ở phía sau sẽ phải là thời gian mặt trời lặn về phương Tây (bóng tịch dương).

Nếu như chỉ có duy nhất một Bộ Châu đón nhận được ánh sáng thì ba Bộ Châu kia phải bị tăm tối. Tính số lượng thời gian thì có được khoảng thời gian là năm tháng, tức là kể từ tháng 11 Dương Lịch cho đến tháng 3 Dương Lịch. Trong khoảng thời gian ba tháng này, nếu như bất luận một Bộ Châu nào mà mặt trời hiện hữu ở trong thời gian 1 giờ trưa hoặc 3 giờ chiều, thì Bộ Châu ở trong hướng đối nghịch lại sẽ phải là thời gian 1 giờ sáng hoặc 2 giờ sáng, còn Bộ Châu ở hướng trước mặt sẽ phải là thời gian 4 - 5 giờ sáng hoặc

thời gian chiêng báo sang canh năm (lúc tờ mờ sáng), và Bộ Châu ở phía sau sẽ phải là thời gian 6 giờ chiều hoặc 7 giờ tối.

TRÌNH BÀY VỀ VẤN ĐỀ NHẬT THỰC (SURIYUGGĀHA) VÀ NGUYỆT THỰC (CANDAGGĀHA)

Theo như đã có trình bày đến vấn đề tự kiến tạo lên tân thế giới thì vào mỗi lúc ấy thường là có quả mặt trời và quả mặt trăng hiện khởi lên, và một khi quả mặt trời với quả mặt trăng đã hiện khởi vào bất luận thời gian nào thì ngay thời gian ấy cũng có việc xác định rằng **Thế Gian (Loka)** hoặc **Kiếp (Kappa)** đã được tự kiến tạo lên rồi, và luôn cả Tứ Bộ Châu tọa lạc ở trong tiên thiên vũ trụ cũng đã được đón nhận ánh sáng từ ở cả hai là quả mặt trời và quả mặt trăng này. Nếu thiếu vắng đi cả hai quả mặt trời và quả mặt trăng này thì thế gian cũng sẽ hoàn toàn tăm tối. Tất cả loài Hữu Tình mà nương trú ở trong thế gian này cũng sẽ phải cùng nhau đón nhận sự khốn khổ, sẽ không thể nào làm được bất luận một công việc nào cả; vì thế, mới cho là cả hai quả mặt trời và quả mặt trăng này có ân đức hữu ích, đã mang lại sự lợi lạc đến cho tất cả Nhân Loại và các loài Hữu Tình như đã đang hiện hành hằng mỗi ngày. Tuy nhiên có đôi lúc quả mặt trời và quả mặt trăng này đã bị **Thần Atula Rāhū (Asurindarāhū)** nuốt ăn, đích thị chính là Nhật Thực và Nguyệt Thực mà chúng ta thường hay gọi nói với nhau vậy. Một khi đã khởi sinh lên Nhật Thực và Nguyệt Thực thì chúng ta sẽ nhìn thấy được rằng ánh sáng quả mặt trời và quả mặt trăng ấy sẽ từ từ giảm thiểu xuống dần cho đến khi tối sầm lại trong một khoảng chốc lát.

Có lời vấn hỏi rằng: Cả hai Nhật Thiên Tử và Nguyệt Thiên Tử đây, đã được cho là có nhiều thần thông, có nhiều thần lực; vậy vì lý do nào mà **Thần Atula Rāhū** lại nuốt ăn được ? Và việc nuốt ăn này có thật hay là bất luận trường hợp nào khác ?

Có lời giải đáp rằng: Quả thật là đã có việc nuốt ăn, với lý do rằng **Thần Atula Rāhū** ấy có thân hình to lớn khổng lồ, và khi đã nhìn thấy Nhật Thiên Tử và Nguyệt Thiên Tử có hào quang chói sáng rực rỡ, thì đã có khởi lên Tâm tật đố ganh tỵ, và đã nghĩ suy rằng "Ta sẽ phải chực rình đặng chụp bắt Nhật Thiên Tử và Nguyệt Thiên Tử nuốt ăn đi cho rồi". Khi đã suy nghĩ như vậy xong, liền đi đến tại lộ trình vận hành của mặt trời và mặt trăng xoay theo quỹ đạo đi ngang qua, đứng tấn thẳng người ở tại nơi đó và đã há miệng ra chực chờ để sẽ chụp ăn.

Về phía cả hai Nhật Thiên Tử và Nguyệt Thiên Tử thực hiện việc chuyển xoay quanh theo lộ trình của mình vận hành theo lệ thường, và khi đã vận hành đi đến nơi **Thần Atula Rāhū** đang đứng há miệng chực chờ ra ở tại nơi đó thì không còn lộ trình nào khác để mà tránh né, và đã trôi tuốt luốt vào bên trong miệng của **Thần Atula Rāhū** cũng ví như đã bị lọt tỏm vào bên trong Đại Địa Ngục với chiều sâu 300 do tuần. Tất cả Chúng Thiên hiện hữu ở trong tòa Thiên Cung, ai ai cũng đều phải bị một phen hoảng hốt, kinh sợ, kêu la hỗn loạn khắp tất cả tòa Thiên Cung. **Thần Atula Rāhū** cũng có đôi khi lấy tay để che lấp, và cũng có đôi khi thì lấy cằm để đè ấn xuống, lại cũng có đôi khi thì thè lưỡi ra để che giấu, và cũng có đôi khi thì lại ngậm độn vào bên trong miệng để cho má phồng phính ra. Nhưng

sự thật là **Thần Atula Rāhū** không có khả năng để mà chống chọi hoặc là kiềm hãm năng lực của quả mặt trời và quả mặt trăng được. Đối với tâm tính ấy thì nghĩ bụng là sẽ sát hại cho bằng được, nhưng rốt cuộc lại chỉ là việc nuốt vào bụng thôi.

Vào sát na mà **Thần Atula Rāhū** đã nuốt quả mặt trời và quả mặt trăng vào bên trong thì mãnh lực của quả mặt trời và quả mặt trăng ấy có một biểu hiện giống như là sẽ phá hủy cái đầu của **Thần Atula Rāhū** cho bể vỡ ra, và cũng có đôi khi giống như là kéo giật **Thần Atula Rāhū** ngã chúi xuống vậy. Với nhân này, **Thần Atula Rāhū** mới phải bay bám níu theo quả mặt trời và quả mặt trăng, và không có khả năng để sẽ làm ngừng lại sự vận xoay theo quỹ đạo của quả mặt trời và quả mặt trăng được. Như thế, cả hai quả mặt trời và quả mặt trăng cứ vẫn mãi vận hành đều đặn xoay giáp vòng quanh Tu Di Sơn theo như lệ thường.

TRÌNH BÀY CÂU CHUYỆN VỀ TỨ ĐẠI BỘ CHÂU VÀ HY MÃ SƠN LÂM

Thế gian hiện hữu Tứ Đại Bộ Châu, đó là:

1/ Pubbavidehadvīpa – Đông Thắng Thần Châu.

2/ Aparagoyānadvīpa – Tây Ngưu Hóa Châu.

3/ Jambūdvīpa – Nam Thiệm Bộ Châu (Đào Hoa Đảo).

4/ Uttarakurudvīpa – Bắc Câu Lư Châu.

Cả Tứ Đại Bộ Châu này, thì:

Nam Thiệm Bộ Châu có bề rộng và chiều dài ước lượng 10,000 do tuần. Và một A Tu La Địa Giới, một Đao Lợi Thiên Giới, một Vô Gián Đại Địa Ngục cùng với Du Tăng Địa Ngục, với cả ba lãnh địa này cũng có bề rộng và chiều dài 10,000 do tuần bằng với Nam Thiệm Bộ Châu. Tây Ngưu Hóa Châu và Đông Thắng Thần Châu, cứ mỗi Bộ Châu có bề rộng và chiều dài 7,000 do tuần. Bắc Câu Lư Châu có bề rộng và chiều dài 8,000 do tuần. Cả Tứ Đại Bộ Châu này lại có đến 500 Tiểu Bộ Châu làm thành phụ gia.

Khi sẽ đề cập đến hình thể thì Nam Thiệm Bộ Châu có hình dáng như chiếc xe bò hoặc quả trứng. Tây Ngưu Hóa Châu có hình dáng như Ngày Trăng Rằm. Đông Thắng Thần Châu có hình dáng như Trăng hình bán nguyệt. Bắc Câu Lư Châu có hình dáng thành tứ giác. Tất cả Nhân Loại hiện hữu ở trong Bộ Châu nào có hình dáng diện mạo tương tự với hình dáng của Bộ Châu đó.

Cả Tứ Đại Bộ Châu này thì, Nam Thiệm Bộ Châu có tới 960,000 triệu ngọn núi, và có 56 hầm châu báu. Có 990,000 Tiểu Quốc Gia là thuộc các nước chư hầu của các Đại Kinh Thành. Đối với Đại Kinh Thành thì lần đầu tiên đã hiện khởi lên có được 63,000 kinh thành. Và khi đến giai đoạn mưa rơi xuống để kiến tạo thế gian, tính từ khi mưa rơi xuống ngập tràn cho đến nước rút giảm xuống dần thì lại một lần nữa hiện khởi lên 63,000 kinh thành cho lần thứ hai này. Và tiếp đến, cũng bị nước mưa rơi xuống chỗ kiến tạo thế gian cho ngập tràn lên một lần nữa, và khi nước rút giảm xuống dần thì lại một lần nữa 63,000 kinh thành đã được hiện khởi lên cho lần thứ ba này. Kết hợp cả ba lần này lại thì số lượng Đại Kinh Thành có được 189,000 kinh thành.

Tiếp theo, sẽ đề cập đến tính đặc thù của Nam Thiệm Bộ Châu, là vào lúc khởi nguyên thì Nam Thiệm Bộ Châu này có bề rộng và chiều dài đến 10,000 do tuần. Trải qua một thời gian dài tiếp đến **thời phúc trạch (Puññā)** mạt lộ, **phúc điền (Vāsanā)** mạt vận của Nhân Loại hữu phúc thì nước ngập tràn lên đến 4,000 do tuần, và nền lục địa thành chỗ nương trú của Nhân Loại bấy giờ có thể chỉ còn lại 3,000 do tuần. Về phần Hy Mã Lạp Sơn thì mất đi 3,000 do tuần. Hy Mã Lạp Sơn này, nếu sẽ ước độ về phần chiều cao thì có 500 do tuần, dài 3,000 do tuần, được kết hợp với 84,000 ngọn núi có tên gọi **Sudassanakūṭa,** v.v. Có năm con sông lớn, đó là: sông **Gaṅgā,** sông **Yamunā,** sông **Aciravatī,** sông **Mahimahā,** và sông **Sarabhū.** Và kết hợp với Thất Đại Hồ, đó là: hồ **Anotatta** (tên của một trong Thất Đại Hồ trong dãy Hy Mã Lạp Sơn Lâm và chảy ra nhiều con sông trên xứ Ấn Độ), hồ **Kuṇāla,** hồ **Rathakāla,** hồ **Maṇḍākinī,** hồ **Sīhappāta,** hồ **Kaṇṇamuṇḍa** và hồ **Chaddanta.** Từng mỗi hồ có được chiều dài, rộng và sâu 50 do tuần. Nếu tính về chu vi thì được 150 do tuần. Cả Thất Đại Hồ này thì hồ **Anotatta** ấy được tọa lạc ở khoảng trống giữa năm dãy sơn khê, đó là: núi **Sudassanakūṭa**, núi **Cittakūṭa,** núi **Kāḷakūṭa**, núi **Gandhamādanakūṭa**, núi **Kelāsakūṭa.** Cả Ngũ Đại Sơn ấy bao bọc quanh hồ **Anotatta.**

Trong cả Ngũ Đại Sơn ấy thì đỉnh ngọn núi **Sudassanakūṭa** đều toàn bằng vàng, cao 200 do tuần, và đỉnh ngọn núi nghiêng vào che cửa lòng hồ, có hình dáng như mỏ quạ. Đỉnh ngọn núi **Cittakūṭa** đều toàn bằng thất bảo vật. Đỉnh ngọn núi **Kāḷakūṭa** có muôn vàn ngọc quý với sắc màu xanh lam. Đỉnh ngọn núi **Gandhamādanakūṭa** đều toàn bằng ngọc quý hoa văn, ở bên trong có ánh sắc như sắc màu ngọc trai, và được phối hợp với mười thể loại cây có những phẩm chất vi diệu, đó là:

+ Một vài loại cây với rễ có hương thơm như là cây quế, v.v.

+ Một vài loại cây với lõi có hương thơm như là cây chiên đàn, v.v.

+ Một vài loại cây với chu bì (mô ở giữa lõi và vỏ cây) có hương thơm như là cây thông, v.v.

+ Một vài loại cây với vỏ cứng có hương thơm như là cây táo rừng, v.v.

+ Một vài loại cây với vẩy có hương thơm như là cây quế, cây long não hương, v.v.

+ Một vài loại cây có hương thơm như là cây trầm hương, v.v.

+ Một vài loại cây với nhựa có hương thơm,

+ Một vài loại cây với lá có hương thơm;

+ Một vài loại cây với hoa có hương thơm, và

+ Một vài loại cây với toàn thân có hương thơm.

Mười thể loại hương thơm này đã được mọc lên cùng khắp ở trong núi **Gandha mādanakūṭa.** Lại nữa, tất cả các loại dược liệu và dược thảo cũng hiện hữu rất nhiều ở trong ngọn núi này. Ở tại núi **Gandhamādanakūṭa** có một vách dựng đứng và nhô ra với tên gọi **Nandamūla,** và là chỗ nương trú của tất cả Chư Độc Giác Phật, được hiện hữu với ba hang động, đó là: **Kim Gian Động (Suvaṇṇagūhā** – hang động vàng), **Maṇi Gian Động (Maṇīgūhā** – hang động ngọc **Maṇi**), **Ngân Gian Động (Rajaṭagūhā** – hang động bạc). Có một loại cây **Ulora** (cây tai nghé) mọc ở ngay tại cửa hang động Ngọc **Maṇi**, với chiều cao một do tuần, và chu vi của tán cây tỏa ra một do tuần. Ở cạnh bên cây **Ulora** ấy có một

tòa nhà đã được hoàn thành với tất cả các trân châu bảo ngọc, có tên gọi Ngôi Bảo Đường **(Ratanamāḷaka),** và nơi đó là tụ điểm hội hợp của tất cả Chư Độc Giác Phật.

Lại nữa, ở trong Ngôi Bảo Đường cũng thường xuyên có năm loại gió, đó là:

1/ Một loại gió có tên gọi **Tẩy Trừ Phong (Sammajjanakavāta):** đến để mà thổi sạch hết tất cả và làm vệ sinh ở trong tòa nhà đó.

2/ Một loại gió có tên gọi **Bình Diễn Phong (Samakaraṇavāta):** đến để mà thổi san phẳng ở trong tòa nhà đó với những hạt ngọc cát mịn.

3/ Một loại gió có tên gọi **Tẩy Pháp Thủy Phong (Siñcanakavāta):** đến để mà thổi hút lấy nước ở trong lòng hồ **Anotatta** và đem rưới rải ở trong tòa nhà đó.

4/ Một loại gió có tên gọi **Tịnh Hương Phong (Sugandhakaraṇavāta):** đến để mà thổi hút lấy các loại bông hoa có hương thơm và đem rải rắc ở trong tòa nhà đó.

5/ Một loại gió có tên gọi **Tuyển Trạch Phong (Ocinakavāta):** đến để mà thổi các bông hoa ấy cho rải rắc đều khắp cả ở trong tòa nhà đó.

Tất cả Chư Độc Giác Phật thường hay rủ nhau để đi đến hội hợp ở tại Ngôi Bảo Đường này, vào những ngày phát sinh một vị Độc Giác Phật vừa mới giác ngộ, và trong những ngày Bố Tát Trai Giới.

Tất cả các Học Giả nên có sự hiểu biết về núi **Gandhamādanakūṭa** rằng là chỗ nương trú của bậc Độc Giác Phật với trường hợp như vầy.

Còn núi **Kelāsakūṭa** hay còn gọi với cái tên **Kreylāsa** (tên gọi của ngọn núi trong dãy Hy Mã Lạp Sơn, sau này được coi như là trú xứ của Thần **Shiva** ngự trị) đều toàn bằng bạc. Cả năm ngọn núi mà mới vừa đề cập đến tại đây, có hình thù dáng vẻ với chiều cao đều ngang bằng với nhau, và vây quanh tròn lòng hồ **Anotatta.** Với uy lực của tất cả Chư Thiên và Long Vương đã làm cho mưa rơi xuống mãi không dứt, và những hạt mưa ấy đều chảy xuống hết cả vào trong lòng hồ **Anotatta.** Lại nữa, vào thời lúc quả mặt trời và quả mặt trăng vận hành theo lộ trình về phía Nam, tức là đi vòng ra hướng phía cạnh bên của Bộ Châu Sơn hay là vận hành theo lộ trình về phương Bắc, tức là đi vòng vào hướng phía đi đến Tu Di Sơn. Theo khoảng giữa dãy sơn khê của Ngũ Đại Sơn thì ánh sáng của mặt trời và mặt trăng đã xuyên qua và soi rọi xuống đến tiếp xúc với dòng nước của lòng hồ **Anotatta.** Nếu vận xoay theo hướng **Thượng phần (Uddhangamaṇa),** tức là vận hành đi theo Trung Lộ là lộ trình ở ngay trung tâm thì ánh sáng sẽ không thể nào soi rọi và tiếp xúc được, vì lẽ đã bị ngọn núi **Sudassanakūṭa** che khuất đi. Với lý do này mới được gọi tên là hồ **Anotatta** (tên của một trong Thất Đại Hồ ở trong dãy Hy Mã Lạp Sơn Lâm và chảy ra nhiều con sông trên xứ Ấn Độ). Hồ **Anotatta** này là chỗ vui chơi rất là duyệt ý, có đường lộ lên xuống cạnh bên bờ hồ rất êm ả và được rải thêm toàn bằng ngọc đá, cùng với nhiều cầu thang để được bước xuống hồ. Nước ở trong hồ ấy trong sạch tinh khiết, không có vẩn đục ô uế, và trông giống ánh sắc của ngọc thủy tinh. Đó là chỗ nương nhờ cho việc tắm rửa, làm vệ sinh cá nhân đối với tất cả các Bậc Hữu Phúc, có Bậc Chánh Đẳng Giác và Bậc Độc Giác Phật là phần chánh yếu. Hồ có bốn cửa khẩu với tên gọi: **Sư Tử Khẩu (Sīhamukha), Tượng Khẩu (Hatthīmukha), Mã Khẩu (Assamukha), Ngưu Khẩu (Usabhamukha);** và đó là điểm khởi nguyên của cả bốn con sông lớn đã chảy ra bắt nguồn từ các cửa khẩu ấy. Tuyến bờ

sông nào chảy ra mà bắt nguồn từ ở Sư Tử Khẩu thì ngay tuyến bờ sông ấy có đầy dẫy với những loài sư tử vương. Tuyến bờ sông nào chảy ra mà bắt nguồn từ ở Tượng Khẩu thì ngay ở tuyến bờ sông ấy có rất nhiều với tất cả những đàn voi. Tuyến bờ sông nào chảy ra mà bắt nguồn từ ở Mã Khẩu thì ngay ở tuyến bờ sông ấy có rất nhiều với tất cả những đàn ngựa. Và tuyến bờ sông nào chảy ra mà bắt nguồn từ ở Ngưu Khẩu thì ngay ở tuyến bờ sông ấy có rất nhiều đàn bò đi qua lại ở tại nơi đó.

Lượng nước mà chảy ra từ ở lòng hồ **Anotatta** theo lộ trình hướng về phương Đông của dãy Hy Mã Lạp Sơn ấy, tức là chảy lượn quanh quẩn ba vòng theo chiều kim đồng hồ ở nơi hồ **Anotatta,** rồi vượt qua ba dãy sông nữa, rồi lại chảy vào đến hướng Đông của dãy Hy Mã Lạp Sơn, và đi đến địa phận của Nhân Loại, rồi thẳng tiến về lòng đại dương. Lượng nước mà chảy ra từ ở lòng hồ **Anotatta** theo lộ trình hướng về phương Tây và phương Bắc, tức là chảy lượn quanh quẩn ba vòng theo chiều kim đồng hồ ở nơi hồ **Anotatta,** rồi chảy xuôi xuống phương Tây và phương Bắc ở những nơi mà không có Nhân Loại sinh sống, và cũng tương tự cùng một phương thức là thẳng tiến về lòng đại dương. Lượng nước mà chảy ra từ ở lòng hồ **Anotatta** theo lộ trình hướng về phương Nam, là khi đã chảy lượn quanh quẩn ba vòng theo chiều kim đồng hồ ơ nơi hồ **Anotatta** xong rồi, lại chảy đổ xuống đến một tảng đá to phẳng láng dài 60 do tuần, đến va mạnh vào một quả núi, rồi dòng nước ấy đã bị dội ngược trở lại và phún vọt lên hư không thành một cột nước ước độ cao ba dặm Anh **(Gāvuta).** Cột nước ấy lại rơi xuống trở lại lên trên một tảng đá tam giác có tên gọi **Tiyaggala.**

Tảng đá ấy không chịu nổi cột nước ấy nên bị bể vỡ ra và lún sâu xuống một lòng hồ có tên gọi **Tiyaggalapokkharaṇī.** Lượng nước ấy đã quá thừa thãi, đã chảy xói mòn và đã làm sập bờ hồ, và khi hãy còn dư thừa đã chảy lên trên một tảng đá với một đoạn dài 60 do tuần, rồi đã phá hủy lớp đất đó đi và đã chảy xuyên vào bên trong lòng đất hết một đoạn khoảng 60 do tuần nữa; thế rồi đã chọc thủng ra và chảy thẳng đến quả núi **Tiracchāna.** Dòng nước ấy đã xói mòn và đã làm hư hại núi **Tiracchāna** ấy đi và rồi đã chảy chia ra làm thành năm dòng sông, và đã được ví giống như cả năm ngón tay vậy.

Lượng nước chảy ra từ ở lòng hồ **Anotatta** rồi đã chảy quanh vòng hồ theo chiều kim đồng hồ, được hiện bày như vậy với tên gọi tên **Āvaṭṭagaṅgā.**

Lượng nước chảy phún vọt lên trên hư không ấy, gọi tên **Ākāsagaṅgā.**

Lượng nước ấy lại rơi xuống trở lại lên trên tảng đá **Tiyaggala** ấy, gọi tên **Tiyaggalapokkharaṇī.**

Lượng nước chảy vào trong tảng đá ấy, gọi tên **Bahalagaṅgā.**

Lượng nước chảy vào bên trong con đường ngầm ấy, gọi tên **Umaṅgagaṅgā.**

Lượng nước chảy ra từ ở quả núi **Tiracchāna** rồi chia ra làm thành năm dòng sông ấy, được gọi tên: dòng Hằng Hà **(Gaṅgānadī),** dòng sông **Yamunā,** dòng sông **Aciravatī,** dòng sông **Mahimahā** và dòng sông **Sarabhū.** Cả năm dòng sông này đã chảy đến trú xứ của Nhân Loại.

Còn về hồ **Chaddanta** ấy có bề rộng và dài ước độ 50 do tuần. Ở ngay giữa lòng hồ ấy có khoảng trống 12 do tuần với nước trong sạch tinh khiết, không có một tí rong tảo bọt

bèo dây sợi nào cả, rất là thanh tịnh và có sắc màu ví tợ như ánh sắc của ngọc **Maṇi**. Tiếp đến, ở bên ngoài nơi khoảng trống 12 do tuần ấy, đã mọc lên bảy thể loại rừng hoa sen súng bao bọc xung quanh, đó là:

1. Rừng **Caṅkalanī** rộng một do tuần bao quanh hồ nước ấy.
2. Tiếp đến ở bên ngoài là rừng hoa súng xanh **Suddha,** rộng một do tuần.
3. Tiếp đến ở bên ngoài là rừng hoa súng đỏ, rộng một do tuần.
4. Tiếp đến ở bên ngoài là rừng hoa súng trắng, rộng một do tuần.
5. Tiếp đến ở bên ngoài là rừng hồng liên, rộng một do tuần.
6. Tiếp đến ở bên ngoài là rừng bạch liên, rộng một do tuần.
7. Tiếp đến ở bên ngoài là rừng huỳnh liên **(Kumuda),** rộng một do tuần.

Bảy thể loại rừng hoa sen ấy đã mọc vây quanh nối tiếp với nhau thành từng lớp, và tiếp đến mọc ở bên ngoài của các rừng hoa sen ấy, đó là:

+ Rừng **Vomissaka** với đầy đủ các loại hoa sen với đủ các màu sắc, cũng rộng một do tuần như nhau. Tiếp đến ở bên ngoài của rừng **Vomissaka** là vùng nước vừa ngang bằng lưng voi, đó là rừng cây lúa mì đỏ và cũng rộng bằng một do tuần. Tiếp đến ở bên ngoài là rừng **Khuddakagaccha** với từng bụi hoa răng sữa có đủ sắc màu như là xanh lam, vàng, đỏ, trắng, và cũng rộng bằng một do tuần. Tiếp đến lên đến trên bờ, với đủ mọi thứ đậu, gồm đậu xanh, đậu trắng, đậu ngự. Tiếp đến ở bên ngoài có rừng bầu bí, gồm có những bí xanh, bí đỏ, với những quả to lớn. Tiếp đến ở bên ngoài có rừng cây mía, với từng mỗi thân to cao bằng với loại cây cau. Tiếp đến ở bên ngoài có rừng cây chuối, với những buồng to, quả lớn bằng với ngà voi. Tiếp đến ở bên ngoài có rừng cây dầu, rừng cây mít với những trái quả to bằng cái chum. Rồi tiếp đến là rừng cây xoài, tiếp đến là **rừng cây me ngọt (Ciñcāvana),** tiếp đến là rừng cây táo rừng, mọc nối tiếp nhau ở bên ngoài.

Tất cả những thể loại rừng cây này, khi đã mọc ở bên ngoài của rừng **Vomissaka** ấy, có đủ mọi thứ, mọi loại cây trái quả và không có lẫn lộn với nhau. Rồi tiếp đến là rừng tre với từng bụi và thân cây mọc sát khít đan chặt vào nhau, chí đến loài rắn sẽ len lỏi bò vào cũng khó khăn.

Tiếp đến ở bên ngoài của rừng tre ấy, có bảy ngọn núi bao quanh, đó là:

1. Ngọn núi thứ nhất tên **Cūlakāḷa** cao một do tuần.
2. Ngọn núi thứ hai tên **Mahākāḷa** cao hai do tuần.
3. Ngọn núi thứ ba tên **Udakapassa** cao ba do tuần.
4. Ngọn núi thứ tư tên **Candapassa** cao bốn do tuần.
5. Ngọn núi thứ năm tên **Suriya** cao năm do tuần.
6. Ngọn núi thứ sáu tên **Maṇipassa** cao sáu do tuần.
7. Ngọn núi thứ bảy tên **Suvaṇṇa** cao bảy do tuần.

Ở tại góc hồ hướng Đông Bắc ấy, có một cây đa to lớn với vòng thân cây tới 5 do tuần, chiều cao tới cháng cây là 7 do tuần. Tại cháng cây này có bốn nhánh to lớn, và từng mỗi nhánh cây là sáu do tuần dương tỏa rộng ra cả bốn hướng với độ cao đến ngọn cây cũng là sáu do tuần. Nếu tính từ gốc cây khởi lên cho đến chí ngọn là mười ba do tuần. Nếu tính

chính xác về vòng đai bao bọc thì sẽ là mười hai do tuần. Cây đa này có đủ mọi điều xinh đẹp và y như nét đẹp của một **Maṇi** Sơn.

Còn về hồ **Maṇḍākinī** ấy, có chiều rộng được 25 do tuần, và có cầu thang làm thành chỗ lên xuống đã được hoàn hảo với vàng, bạc, thạch ngọc thiên, và ngọc thạch anh. Nước ở trong hồ ấy trong vắt tinh khiết y như mặt gương thủy tinh, không có một tí rong tảo bọt bèo dây sợi nào cả. Bao bọc ven bờ hồ, nơi có mực nước chỉ vừa ngang bằng lưng voi ấy thì lại có một rừng hoa súng trắng vây quanh. Loại hoa súng này có đài hoa to bằng lưỡi cày và từng mỗi củ súng to bằng với mặt trống giác hảo. Ở từng mỗi đốt của cọng sung đã trữ lượng nước với sắc màu trắng y như sữa và được đong bằng một gáo dừa. Khi đến thời hoa súng nở thì có ngọn gió thổi hiu hiu đã giũ lấy nhụy hoa và đã lả thả rơi rụng lên trên những lá súng, rồi lại có những hạt nước phun phún sương vẫy xuống lấy nhụy hoa ấy. Khi đụng phải ánh sáng của mặt trời thì đã sánh đặc lại thành viên, có sắc màu như thỏi sắt đỏ và đã được tạo thành ở trong những lá sen, lại có mùi vị ngọt như mật ong, được gọi là **Liên Hoa Mật Trấp (Pokkharamadhu).**

Tiếp đến ở bên ngoài của rừng hoa súng trắng ấy, là rừng hoa súng đỏ, rồi tiếp đến là rừng hoa bạch liên, rừng hoa thanh liên, rừng hoa hồng liên, rồi tiếp đến là rừng cây lúa mì có hương thơm **Sālī,** rừng bí xanh, rừng bí đỏ, rừng bầu với tất cả đều có hương vị ngon ngọt. Rồi lại tiếp đến là rừng mía, với từng mỗi thân to cao bằng cây cau. Tất cả những đàn voi thường rủ nhau đi đến bẻ mía và đem đặt lên trên một tảng đá, rồi cùng rủ nhau giẫm đạp những cây mía ấy cho chảy nước xuống đọng lại ở trong các lỗ trũng lớn nhỏ của tảng đá ấy cho đến ngập đầy tràn. Khi đụng phải ánh sáng của mặt trời chiếu rọi vào thì nước mía ấy đã sánh đặc lại thành viên với sắc màu trắng y như thạch sữa kết tinh. Tất cả đàn voi cùng rủ nhau lấy đem đi cúng dường đến tất cả các Bậc Chánh Đẳng Giác, Bậc Độc Giác Phật và Bậc Lậu Tận mỗi khi các Ngài đã ngự đến. Tiếp đến ở bên ngoài của rừng mía ấy, là rừng chuối với những trái quả chuối ấy rất là to lớn, và nếu một người đã được ăn chỉ là một đôi chuối thôi thì bụng sẽ căng cứng ngay với vật thực ấy. Tiếp đến rừng chuối thì có rừng mít với những trái quả to bằng cái chum. Tiếp đến ở bên ngoài là rừng xoài, nối tiếp ở bên ngoài là rừng me.

Nói tóm lại, ở tại nơi hồ **Maṇḍākinī** này có đủ mọi thứ những trái quả, kỳ hoa dị thảo và không có thiếu bất luận thể loại nào cả.

Trong Hy Mã Sơn Lâm này, nếu sẽ miêu tả kể đến chúng Hữu Tình hai chân và bốn chân ấy thì quả là nhiều vô số kể. Tuy nhiên ở tại đây sẽ xin chỉ đề cập đến chúng Hữu Tình có phẩm chất đặc thù, chẳng hạn như có Sư Tử Vương dũng mãnh, và **chim Ca Lăng Tần Già (Kalavinka: Mỹ Âm Điểu, Diệu Thanh Điểu,** là loại chim thần thoại có tiếng hót mê hồn, có tiếng hót tuyệt diệu. Loài chim này vốn sống ở tại Tuyết Lãnh Sơn, có tiếng hót hòa nhã, thánh thót khiến người nghe không chán.)

Rằng là Sư Tử Vương dũng mãnh ấy (đó là loài **Điểm Sư Tử Vương – Kesarasīha)** có miệng đỏ y như được tẩm nước dầu bóng, có lông bườm cổ đỏ y như sắc sáng màn lụa nhung, và thân hình thì có sắc trắng y như ốc tù và. Ở khoảng giữa lưng kể từ ở trên đầu chạy dài xuống chí đến ở đằng sau có ba hàng lông đỏ giống như nước dầu bóng, và được

sánh y như là được kẻ với cọ bút lông. Sư Tử Vương dũng mãnh sống ở trong hang động vàng, hang động bạc và hang động ngọc; và mỗi khi ra khỏi hang động chỗ nương trú ấy, đã đặt đôi chân sau cho bằng nhau rồi mới duỗi đôi chân trước ra, rồi vươn thẳng người lên trĩu ở đằng sau, nghểnh thân người lên rống lên tiếng rống y như là tiếng sét đánh vậy; sau đó mới giũ lông cho sạch hết bụi bặm, đã nhảy phóng lên phấn khích, và rồi lao mình một cách sung mãn tương tự như là loài bê con đã bún nhảy nô đùa chạy giỡn; cuối cùng thì đã cất lên tiếng **Sư Tử Hống (Sīhanāda)** hết cả ba lần. Âm thanh sư tử hống ấy đã vang vọng khắp cả rừng rậm với chu vi xa ba do tuần. Các nhóm Hữu Tình hai chân và bốn chân, khi đã nghe được âm thanh ấy thì không thể nào giữ được thân cho yên chỗ được, kinh hoàng sợ hãi tương tự y như là mình đã bị chụp bắt lấy vậy. Mỗi một cũng đều bỏ chạy thục mạng đi ẩn núp khắp cả ở mọi phương hướng. Với loài nương trú ở trong hang động thì phải chạy xuống hang động. Với loài nương trú ở nước thì đã phải lặn xuống nước. Với loài nương trú rừng già thì cũng đã bỏ chạy ẩn núp vào trong các bụi cây, bụi rậm, và ở trong các cánh rừng bùm tum. Bầy chim cũng đã bay lên trên hư không về đến trú xứ của mình. Và sẽ đề cập chủ ý đến các loài thú rừng, chí đến luôn cả là voi, ngựa mà đã bị cột ở trong nhà và thôn làng cũng không thể nào chịu đứng yên được, đã phải vùng vẫy lên, và đã nhảy chồm nhảy bổ lên, cho đến giựt đứt cả hàm thiếc, là cũng do bởi mãnh lực từ ở tiếng hống của bậc Sư Tử Vương dũng mãnh này.

Có lời vấn hỏi rằng: "Có phải hết tất cả các loài Hữu Tình đều khiếp sợ tiếng hống của Sư Tử Vương này chăng ?"

Lời giải đáp rằng: "Không phải hết tất cả đều khiếp sợ. Có sáu nhóm Hữu Tình không khiếp sợ tiếng Sư Tử Hống này, đó là: Sư Tử Vương Đồng Chủng, **Tượng Thuần Chủng (Hatthājāneyya), Mã Thuần Chủng (Assājāneyya), Ngưu Thuần Chủng (Usabhā jāneyya), Nhân Thuần Chủng (Purisājāneyya),** và Bậc Lậu Tận **(Khīṇāsava)**. Cả sáu nhóm này khi đã được nghe âm thanh ấy cũng vẫn an nhiên tự tại và không có sự khiếp sợ." **Giải thích rằng:**

+ Sư Tử Vương đồng chủng loại với nhau thì không có sự khiếp sợ, là vì nghĩ rằng "Ta đây cũng có căn tử và chủng tộc tương tự với người ấy, vì thế không có sự khiếp sợ."

+ Tượng Thuần Chủng, Mã Thuần Chủng, Ngưu Thuần Chủng, Nhân Thuần Chủng, với cả bốn hạng loại này do kiêu mạn với **Hữu Thân Kiến (Sakkāyadiṭṭhi)** đã kiến chấp rằng: Ta đây có năng lực dũng mãnh phi thường, vì thế mới không phải khiếp sợ.

+ Còn Bậc Lậu Tận ấy, bởi do Ngài đã đoạn tận Thân Kiến rồi, mới không khiếp sợ.

Khi Sư Tử Vương đã vươn thẳng người lên, cất lên tiếng sư tử hống ba lần, rồi nhảy phóng về phía bên trái cũng có, về phía bên phải cũng có, đã đạt được độ xa một **Usubha (Trường Độ Danh,** và tính 140 hắc tay thành một **Usubha**). Rồi lại nhảy phóng về phía trước, và cũng có khi đã đạt được độ xa tới bốn hoặc tám **Usubha.** Bậc Chúa tể Sư Tử Vương này nếu đứng ở nơi bằng phẳng và khi nhảy phóng đi thì cũng có khi đã đạt được độ xa từ 16 đến 20 **Usubha.** Nếu nhảy phóng từ ở trên đồi và triền núi thì cũng có khi đã đạt được độ xa từ 60 đến 80 **Usubha.** Chủng tộc của bậc Chúa tể Sư Tử Vương ấy thù thắng hơn các loài Sư Tử Vương khác là do có phẩm chất dũng mãnh kiên cường v.v. như vậy.

Còn phẩm chất đặc thù của **chim Ca Lăng Tần Già (Kalavinka: Mỹ Âm Điểu, Diệu Thanh Điểu)** ấy, là khi bắt đầu mổ ăn quả xoài, và đã say mê hút lấy hương vị của quả xoài xong, đã vỗ tung đôi cánh cùng cất lên tiếng hót. Âm thanh ấy y như âm thanh của loại sáo ngọc và kèn ô boa vậy, đã ngân nga lên và đã làm mê mẩn ngất ngây đến tất cả mọi loài Hữu Tình. Tất cả các loài Hữu Tình hai chân và bốn chân khi đã được nghe tiếng hót của chim Ca Lăng Tần Già rồi thì đã mê mẩn tâm thần và đã đắm say ngất lịm với âm thanh ấy. Đang khi còn ngậm miếng mồi cũng phải vuột khỏi miệng và rơi xuống. Hổ rượt đuổi mồi và đang khi nhẩy vồ giơ móng vuốt ra, ngay tức thì cũng phải dừng đứng lại mà đờ đẫn. Con mồi bị hổ rượt đuổi ấy cũng quên đi sự sợ hãi, cũng bàng hoàng dừng đứng lại mà đờ đẫn và cũng lắng nghe tiếng hót của chim Ca Lăng Tần Già. Bầy chim khi còn đang bay ở trong hư không thì cũng căng đôi cánh ra vừa bay lượn vừa chú ý lắng nghe. Quần thể Hữu Tình ở trong nước như là có tất cả các đàn cá thì cũng phải ngừng bơi, ngưng ve vẫy đuôi, và đã cùng rủ nhau từng mỗi một con cá lặng yên để chực chờ lắng nghe. Dựa vào những sự việc này, và cũng do bởi những sự việc này mà thế gian mới tán thán ca ngợi về thinh âm tiếng hót của chim Ca Lăng Tần Già là như vậy.

Lại nữa, Bộ Châu này được gọi là **Nam Thiệm Bộ Châu (Jambūdvīpa – Đào Hoa Đảo)** do dựa vào tên gọi của **cây Gioi (Jambolan: cây đào tiên),** là một loại cây thuộc thổ sản của Bộ Châu. Cây Gioi này mọc ở trong Hy Mã Lạp Sơn Lâm, nếu đo giáp vòng thân cây được 15 do tuần, đo từ gốc cho đến chí ngọn cây 100 do tuần. Nếu sẽ đo từ gốc cho đến cháng cây được 50 do tuần, và kể từ cháng cây cho đến ngọn lại được 50 do tuần nữa. Tại cháng cây này có bốn nhánh to lớn, và từng mỗi nhánh cây là 50 do tuần dương tỏa rộng ra cả bốn hướng. Từ gốc cháng cây cho đến cuối ngọn cháng đo được 50 do tuần. Nếu đo từ gốc cây cho đến cuối cháng cây ở từng mỗi hướng của cả bốn hướng; tính kể từ chu vi, chiều cao và bề rộng đều có số lượng bằng nhau 100 do tuần. Ở dưới gốc của cả bốn nhánh cây ấy là có bốn con sông lớn đã trôi chảy ngang qua trong tất cả phương hướng. Trái quả của cây Gioi ấy có hương thơm như vị mật ong, thế là tất cả các đàn chim đã rủ nhau đến ăn những trái quả chín mùi ấy. Và có đôi khi trái quả Gioi chín mùi ấy đã rơi rụng dài theo cả hai bên bờ sông, rồi mọc lên thành mô vàng và đã bị nước thổi cho chìm xuống ở trong lòng đại dương. Mô ấy cũng còn được gọi tên là **Kim Nguyên Tố (Jambūdanaṃ)** là bởi do nương sinh từ ở dòng **Kim Hà (Jambūnadī)** này.

Ngoài ra còn có sáu đại cổ thụ nữa, đó là:

1/ Pātalī: Cây so đũa, thổ sản A Tu La Địa Giới.

2/ Simbalī: Mộc Miên Thụ (cây gạo), thổ sản Kim Sí Điểu Địa Giới.

3/ Pāricchattako: Cây san hô, thổ sản Đao Lợi Thiên.

4/ Kadambo: Cây canh ki na rừng, thổ sản Tây Ngưu Hóa Châu.

5/ Kapparukkho: Kiếp Ba Thụ (cây thần ước), thổ sản Bắc Câu Lư Châu.

6/ Sirisakarukkho: Cây me tây, thổ sản Đông Thắng Thần Châu.

Tất cả Thất Đại Cổ Thụ này đều có chiều dài, to cao, rộng lớn bằng với nhau hết cả thẩy và có tuổi thọ lâu dài hiện hữu cho đến hết **Hạnh Vận Kiếp (Bhaddakappa)** này.

Lại nữa, ở trong Hy Mã Lạp Sơn Lâm, tại khu vực tiếp giáp với núi **Taṇhā vaḍḍhana (Ái Dục Tăng Thực)** có một rừng cây **Makkhalīphala.** Cây **Makkhalīphala** này khi đến thời kỳ trổ sinh trái quả thì hình thù tướng dạng tương tự với đủ mọi giới tính của nữ nhân, và có sự xinh đẹp diễm lệ y như vị tiên nữ. Từng mỗi kỳ trổ sinh trái quả **Makkhalīphala** giữ được lâu tới 4 – 5 tháng mới thối rữa, và trong sát na trái quả này đang phình nở ra đầy đủ thì bọn người thức tri **(Vijādhara)** sinh sống ở trong Hy Mã Lạp Sơn Lâm này đã cùng rủ nhau đi đến hái lấy và đã vuốt ve ôm ấp. Bậc thức tri nào vuốt ve ôm ấp và cùng thưởng thức hương vị với "nàng" **Makkhalīphala** ấy thì sẽ đi đến trạng thái thất tri giác **(Visaññībhava)** với thời gian bốn tháng mới sẽ hồi tỉnh trở lại được.

Kết Thúc Việc Trình Bày Địa Giới Tứ Phần Trong Chương Thứ V

Việc giảng giải ý nghĩa nội dung kể từ ở phần đầu chí đến phần cuối này, là đã được thâu thập từ ở các bộ Kinh, gồm có:

1. Kinh Bảy Mặt Trời **(Sattasuriyasutta** – Thất Nhật Kinh) thuộc Tăng Chi Bộ Kinh, gồm Chánh Tạng **Pāḷi** và Chú Giải.

2. Kinh Tự Thuyết **(Udāna)** gồm Chánh Tạng **Pāḷi** và Chú Giải.

3. Đại Nghĩa Tích **(Mahāniddesa)** gồm Chánh Tạng **Pāḷi** và Chú Giải.

4. Tương Ưng Bộ Kinh **(Samyutta)** gồm Chánh Tạng **Pāḷi** và Chú Giải.

5. Kinh Thí Dụ Trưởng Lão **(Thera Apādāna** – Thí Dụ Kinh) gồm Chánh Tạng **Pāḷi** và Chú Giải.

6. Kinh Vua **Nemi (Nemirājasutta)** thuộc Túc Sinh Truyện **(Jataka)** gồm Chánh Tạng **Pāḷi** và Chú Giải.

7. Đại Phẩm Kinh Tạng **(Suttanta Mahāvagga)** gồm Chánh Tạng **Pāḷi** và Chú Giải.

8. Trích Phẩm **(Pāthikavagga)** gồm Chánh Tạng **Pāḷi** và Chú Giải.

9. Bộ Chú Giải Hoàn Bảo **(Samantapāsādika Aṭṭhakathāà).**

10. Bộ Chú Giải Pháp Tụ **(Aṭṭhasālinī Aṭṭhakathā),** Bộ Chú Giải Xua Tan Mê Mờ **(Sammohavinodanī Aṭṭhakathā),** Bộ Chú Giải Thanh Tịnh Đạo **(Visuddhimagga Aṭṭhakathā),** Bộ Chú Giải Kinh Tập **(Suttanipāta Aṭṭhakathā),** Bộ Chú Giải Trung Bộ Sơ Phần Ngũ Thập **(Majjhima Paṇṇāsa Aṭṭhakathā),** và Thượng Phần Ngũ Thập **(Uparipaṇṇāsa Aṭṭhakathā).**

11. Bộ Phụ Chú Giải Nội Dung Cốt Yếu Giải Minh **(Sāratthadīpanīṭīkā),** Bộ Phụ Chú Giải Tăng Chi Bộ Kinh **(Aṅguttaraṭīkā)** và Bộ Đại Phụ Chú Giải Thanh Tịnh Đạo **(Visuddhimagga Mahāṭīkā).**

12. Bộ Vi Diệu Pháp Khái Lược do Đại Trưởng Lão **Nārada** biên soạn, và Phạm Kim Khánh dịch thuật.

(Chú thích: Nên ghi nhận rằng Đức Phật không nhằm mục đích truyền bá một lý thuyết về vũ trụ. Cho dù những Cõi Giới vừa được trình bày ở phần trên có thực hiện hữu hoặc không, quả thật điều ấy không có ảnh hưởng chi đến Giáo Pháp của Ngài. Không một ai bị bắt buộc phải tin vào một giáo điều nào cả, nếu như điều ấy không thích hợp với những

ý nghĩ và sự suy luận của chính mình. Tuy nhiên nếu như bác bỏ tất cả những gì mà lý trí hữu hạn của chúng ta không thể quan niệm được thì điều ấy cũng không phải hoàn toàn chánh đáng.)

TÁI SINH TỨ PHẦN (PATISANDHICATUKKA)
TRÌNH BÀY BỐN THỂ LOẠI TÁI SINH (PAṬISANDHI)

1. Apāyapaṭisandhi Kāmasugatipaṭisandhi Rūpāvacarapaṭisandhi Arūpā vacara paṭisandhi ceti catubbidhā paṭisandhi nāma.

Tên gọi của bốn thể loại Tái Sinh, đó là:

1. Thống Khổ Tái Sinh (Apāyapaṭisandhi)
2. Thiện Dục Giới Tái Sinh (Kāmasugatipaṭisandhi)
3. Hữu Sắc Giới Tái Sinh (Rūpāvacarapaṭisandhi)
4. Vô Sắc Giới Tái Sinh (Arūpāvacarapaṭisandhi)

TRÌNH BÀY THẬP DỤC GIỚI TÁI SINH (KĀMAPAṬISANDHI 10)
NHẤT THỐNG KHỔ TÁI SINH (APĀYAPAṬISANDHI 1)

2. Tattha akusalavipākopekkhāsahagatasantīraṇaṃ apāyabhūmi okkantik khaṇe paṭisandhi hutvā tato paraṃ bhavaṅgaṃ pariyosāne vacanaṃ hutvā vocchijjati, ayamekāpāyapaṭisandhi nāma.

Trong bốn thể loại ấy, Tâm Thẩm Tấn câu hành Xả Quả Dị Thục Bất Thiện thường sinh khởi trong cả Tứ Thống Khổ Địa Giới tác hành nhiệm vụ Tái Sinh ở trong sát na của Thời Tái Sinh. Tiếp theo đó thì tác hành nhiệm vụ Hữu Phần và trong sát na cuối cùng của kiếp sống hiện tại thì tác hành nhiệm vụ Tử, rồi cũng diệt mất. Tại đây được gọi là một thể loại Thống Khổ Tái Sinh.

CỬU THIỆN DỤC GIỚI TÁI SINH (KĀMASUGATIPAṬISANDHI 9)

3. Kusalavipākopekkhāsahagatasantīraṇaṃ pana kāmasugatiyaṃ manussā nañceva jaccandhādìnaṃ bhummassitānañca vinipātikāsurānaṃ paṭisandhi bhavaṅga cutivasena pavattati.

Còn Tâm Thẩm Tấn câu hành Xả Quả Dị Thục Thiện thường sinh khởi ở trong Cõi Thiện Dục Giới tác hành nhiệm vụ Tái Sinh, Hữu Phần và Tử cho Nhân Loại ở các phần khuyết tật, đó là:

1/ Tiên Thiên Manh Mục (Jaccandha): người bị mắt mù từ khi mới sinh.

2/ Tiên Thiên Nhĩ Lung (Jaccabadhira): người bị tai điếc từ khi mới sinh.

3/ Tiên Thiên Thất Tỵ (Jaccaghānaka): người bị ngạt mũi (hư khí quản) từ khi mới sinh.

4/ Tiên Thiên Á Ba (Jaccamūga): người bị câm nín từ khi mới sinh.

5/ Tiên Thiên Ngu Lỗ (Jaccajaḷa): người ngu xuẩn vô tri từ khi mới sinh.

6/ Tiên Thiên Cuồng Điên (Jaccummattaka): người bị điên, mất bệnh tâm thần từ khi mới sinh.

7/ Bán Âm Dương Nhân (Paṇḍaka): người bán nam bán nữ, ái nam ái nữ.

8/ Sản Sinh Lưỡng Tính Nhân (Ubhatobyañjanaka): người hiện bày cả hai loại giới tính.

9/ Phi Giới Tính (Napuṃsaka): người trung tính, hạng vô giới tính.

10/ Thuyết Thoại Khẩu Cật (Mammana): người nói lắp bắp, cà lăm.

11/ Thụ Khổ Nạn Giả Atula (Vinipātikaasurā): tất cả các **Atula** nương trú tại Địa Cư Thiên [Chư Thiên nương trú theo núi đồi, cây cối, và ở các lãnh địa sai khác, và **Mộc Thần (Rukkhadevatà)**]

(**Chú Thích:** Mặc dù từ lúc sinh ra đã phải bị khuyết tật như là mắt mù, tai điếc, v.v. tuy nhiên sự kiện được sinh làm Người là do Quả Dị Thục của các Thiện Nghiệp Lực đã tạo ra ở trong thời quá khứ.)

4. Mahāvipākāni pana attha sabbatthāpi kāmasugatiyaṃ paṭisandhi bhavaṅga cutivasena pavattanti.

Còn 8 Tâm Đại Quả thường sinh khởi ở trong Thất Thiện Dục Địa Giới tác hành nhiệm vụ Tái Sinh, Hữu Phần và Tử trong mọi trường hợp.

5. Imā nava kāmasugatipaṭisandhiyo nāma.

Cả chín Tâm Tái Sinh mà đã vừa đề cập đến tại đây, đó là: một Tâm Thẩm Tấn câu hành Xả Quả Dị Thục Thiện, tám Tâm Đại Quả; được gọi tên Cửu Thiện Dục Giới Tái Sinh.

TỔNG KẾT THẬP DỤC GIỚI TÁI SINH (KĀMAPAṬISANDHI 10)

6. Sā panāyaṃ dasavidhāpi kāmāvacarapaṭisandhicceva sankhaṃ gacchati.

Thế là cả mười Tâm Tái Sinh đã vừa đề cập đến tại đây, đó là: hai Tâm Thẩm Tấn câu hành Xả, tám Tâm Đại Quả; thường được gọi Dục Giới Tái Sinh như nhau.

TRÌNH BÀY SỐ LƯỢNG TUỔI THỌ NGƯỜI DỤC GIỚI (KĀMAPUGGALA)

7. Tesam catunnaṃ apāyayānaṃ manussānaṃ vinipātikāsurānañca āyuppa māṇagaṇanāya niyamo natthi.

Trong tất cả những người Tái Sinh ở trong Cõi Dục Giới ấy thì thường không có hạn định về số lượng việc tính tuổi thọ của loài Hữu Tình sinh ở trong Tứ Thống Khổ, của Nhân Loại, và của Thụ Khổ Nạn Giả **Atula**.

8. Cātūmahārājikānaṃ pana devānaṃ dibbāni pañcavassasatāni āyuppa māṇaṃ manussagaṇanāya navutivassasatasahassappamāṇaṃ hoti.

Số lượng tuổi thọ của Chư Thiên tầng Trời Tứ Đại Thiên Vương là 500 Thiên Thọ. Nếu tính theo tuổi thọ của Nhân Loại có số lượng chín triệu năm.

9. Tato catugguṇaṃ tāvatiṃsānaṃ Tato catugguṇaṃ yāmānaṃ

Tato catugguṇaṃ tusitānaṃ Tato catugguṇaṃ nimmānaratīnaṃ

Tato catugguṇaṃ paranimmitavasavattīnaṃ.

Số lượng tuổi thọ Chư Thiên tầng Đao Lợi Thiên Giới có số lượng tuổi thọ gấp bốn lần Chư Thiên tầng Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới. Số lượng tuổi thọ Chư Thiên tầng Dạ Ma Thiên Giới có số lượng tuổi thọ gấp bốn lần Chư Thiên tầng Đao Lợi Thiên Giới. Số lượng tuổi thọ Chư Thiên tầng Đâu Suất Đà Thiên Giới có số lượng tuổi thọ gấp bốn lần Chư Thiên tầng Dạ Ma Thiên Giới. Số lượng tuổi thọ Chư Thiên tầng Hóa Lạc Thiên Giới có số lượng tuổi thọ gấp bốn lần Chư Thiên tầng Đâu Suất Đà Thiên Giới. Số lượng tuổi thọ Chư Thiên tầng Tha Hóa Tự Tại Thiên Giới có số lượng tuổi thọ gấp bốn lần Chư Thiên tầng Hóa Lạc Thiên Giới.

TRÌNH BÀY TUỔI THỌ CHƯ THIÊN TẦNG THA HÓA TỰ TẠI THIÊN GIỚI VỚI TUỔI THỌ NHÂN LOẠI

10. Navasatañcekavīsavassānaṃ koṭiyo tathā vassasatasahassāni saṭṭhi ca vasavattisu.

Nếu tính số lượng tuổi thọ Chư Thiên ở trong tầng Tha Hóa Tự Tại Thiên Giới theo số lượng năm của Cõi Nhân Loại thì có số lượng 9, 216,000,000 năm.

(**Chú Thích:** Chúng Hữu Tình phải chịu thống khổ ở trong các **Khổ Thú (Duggati)** tùy thuận theo Nghiệp Lực của mình đã có tạo ra. Tuổi thọ mỗi Hữu Tình sai khác nhau tùy theo tính cách nặng hoặc nhẹ của từng mỗi hành động Bất Thiện mà mình đã có tạo ra. Có hạng Hữu Tình có thọ mạng yểu, trái lại có hạng Hữu Tình lại được thọ mạng lâu dài. Ví như Hoàng Hậu **Mallikā** của Đức Vua **Pasanadikosala** đã phải chịu bảy ngày thống khổ trong A Tỳ Đại Địa Ngục. Trái lại **Devadatta** đàng khác, phải chịu thống khổ trong suốt thời gian A Tăng Kỳ Kiếp. Và chí đến có những vị Thiên Tử tại Địa Cư Thiên với thọ mạng chỉ có trong bảy ngày.)

TRÌNH BÀY SÁU THỂ LOẠI HỮU SẮC GIỚI TÁI SINH

11. Paṭhamajjhānavipākaṃ paṭhamajjhānabhūmiyaṃ paṭisandhi bhavaṅga cutivasena pavattati.

Tâm Dị Thục Quả Sơ Thiền thường sinh khởi ở trong Sơ Thiền Phạm Thiên Giới tác hành nhiệm vụ Tâm Tái Sinh, Tâm Hữu Phần và Tâm Tử.

12. Tathā dutiyajjhānavipākaṃ dutiyajjhānavipākañca dutiyajjhānabhūmi yaṃ.

Tâm Dị Thục Quả Nhị Thiền và Tâm Dị Thục Quả Tam Thiền thường sinh khởi ở trong Nhị Thiền Phạm Thiên Giới tác hành nhiệm vụ Tâm Tái Sinh, Tâm Hữu Phần và Tâm Tử như nhau.

13. Catutthajjhānavipākaṃ tatiyajjhānabhūmiyaṃ.

Tâm Dị Thục Quả Tứ Thiền thường sinh khởi ở trong Tam Thiền Phạm Thiên Giới tác hành nhiệm vụ Tâm Tái Sinh, Tâm Hữu Phần và Tâm Tử như nhau.

14. Pañcamajjhānavipākaṃ catutthajjhānabhūmiyaṃ.

Tâm Dị Thục Quả Ngũ Thiền thường sinh khởi ở trong Tứ Thiền Phạm Thiên Giới tác hành nhiệm vụ Tâm Tái Sinh, Tâm Hữu Phần và Tâm Tử.

15. Asaññasattānaṃ pana rūpameva paṭisandhi hoti, tathà tato paraṃ pavattiyaṃ vacanakāle ca rūpameva pavattitvā nirujjhati.

Tuy nhiên chỉ có duy nhất một thể loại Sắc Pháp tác hành nhiệm vụ Tái Sinh cho tất cả Chư Phạm Thiên Vô Tưởng Hữu Tình. Và trong thời kỳ Chuyển Khởi **(Pavattikāla)** được tiếp nối từ sát na Tái Sinh cũng chỉ có duy nhất một thể loại Sắc Pháp sinh khởi. Và trong sát na Tử cũng tương tự như vậy, là cũng chỉ có duy nhất một thể loại Sắc Pháp tồn tại và rồi diệt mất.

16. Imā cha rūpāvacarapaṭisandhiyo nāma.

Cả sáu Tâm Tái Sinh này, đó là năm Tâm Dị Thục Quả Sắc Giới và một Bọn Sắc Nghiệp **(Kammajarūpa)** được gọi là Hữu Sắc Giới Tái Sinh.

TRÌNH BÀY SỐ LƯỢNG TUỔI THỌ NGƯỜI SẮC GIỚI (RŪPAPUGGALA)

17. Tesaṃ brahmapārisajjānaṃ devānaṃ kappassa tatiyo bhāgo āyuppamānaṃ, brahmapurohitānaṃ upaḍḍhakappo, mahābrahmānaṃ eko bhappo.

Trong tất cả các bậc Tái Sinh Phạm Thiên Hữu Sắc Giới ấy thì một phần ba Thành Trụ A Tăng Kỳ Kiếp **(Vivaṭṭaṭṭhāyī Asaṅkheyyakappa)** là số lượng tuổi thọ vị Phạm Chúng Thiên. Một nửa **Thành Trụ A Tăng Kỳ Kiếp (Vivaṭṭaṭṭhāyī Asaṅkheyyakappa)** là số lượng tuổi thọ vị Phạm Phụ Thiên. Một **Thành Trụ A Tăng Kỳ Kiếp (Vivaṭṭaṭ ṭhāyī Asaṅkheyyakappa)** là số lượng tuổi thọ vị Đại Phạm Thiên.

18. Parittābhānaṃ dve kappāni, appamāṇābhānaṃ cattāri kappāni, ābhassa rānaṃ aṭṭha kappāni.

Hai Đại Kiếp **(Mahākappa)** là số lượng tuổi thọ vị Thiểu Quang Phạm Thiên. Bốn Đại Kiếp là số lượng tuổi thọ vị Vô Lượng Quang Phạm Thiên. Tám Đại Kiếp là số lượng tuổi thọ vị Biến Quang Phạm Thiên.

19. Parittasubhānaṃ soḷasa kappāni, appamāṇasubhānaṃ davattiṃsa kappāni, subhakiṇhānaṃ catusaṭṭhi kappāni.

Mười sáu Đại Kiếp là số lượng tuổi thọ vị Thiểu Tịnh Phạm Thiên. Ba mươi hai Đại Kiếp là số lượng tuổi thọ vị Vô Lượng Tịnh Phạm Thiên. Sáu mươi bốn Đại Kiếp là số lượng tuổi thọ vị Biến Tịnh Phạm Thiên.

20. Vehapphalānaṃ asaññasattānañca pañca kappasatāni.

Năm trăm Đại Kiếp là số lượng tuổi thọ vị Quảng Quả Phạm Thiên và vị Hữu Tình Vô Tưởng Phạm Thiên.

21. Avihānaṃ kappasahassāni, atappānaṃ dve kappasahassāni, sudassānaṃ cattāri kappasahassāni, sudassīnaṃ aṭṭha kappasahassāni. Akaniṭṭhānaṃ soḷasakappa sahassāni.

Một ngàn Đại Kiếp là số lượng tuổi thọ vị Vô Phiền Phạm Thiên. Hai ngàn Đại Kiếp là số lượng tuổi thọ vị Vô Nhiệt Phạm Thiên. Bốn ngàn Đại Kiếp là số lượng tuổi thọ vị Thiện Hiện Phạm Thiên. Tám ngàn Đại Kiếp là số lượng tuổi thọ vị Thiện Kiến Phạm Thiên. Mười sáu ngàn Đại Kiếp là số lượng tuổi thọ vị Sắc Cứu Cánh Phạm Thiên.

TRÌNH BÀY BỐN THỂ LOẠI VÔ SẮC GIỚI TÁI SINH

22. Paṭhamāruppādivipākāni paṭhamārūpādibhūmīsu yathākkamaṃ paṭisandhi bhavaṅgacutivasena pavattanti.

Tâm Dị Thục Quả Sơ Thiền Vô Sắc Giới (Không Vô Biên Xứ) v.v. thường sinh khởi trong Cõi Sơ Thiền Vô Sắc Giới (Không Vô Biên Xứ) v.v. một cách tuần tự đặng tác hành nhiệm vụ Tái Sinh, Hữu Phần và Tử.

23. Imā catasso āruppaṭisandhiyo nāma.

Cả bốn Tâm Tái Sinh này được gọi là Vô Sắc Giới Tái Sinh.

TRÌNH BÀY SỐ LƯỢNG TUỔI THỌ NGƯỜI VÔ SẮC GIỚI (ARŪPAPUGGALA)

24. Tesu pana ākāsānañcāyatanūpagānaṃ devānaṃ vīsatikappasahassāni āyuppamāṇaṃ.

Trong tất cả các bậc Tái Sinh Phạm Thiên Vô Sắc Giới ấy thì hai mươi ngàn Đại Kiếp là số lượng tuổi thọ vị Phạm Thiên sinh trong Không Vô Biên Xứ Phạm Thiên Giới.

25. Viññāṇañcāyatanūpagānaṃ devānaṃ cattāsīsakappasahassāni.

Bốn mươi ngàn Đại Kiếp là số lượng tuổi thọ vị Phạm Thiên sinh trong Thức Vô Biên Xứ Phạm Thiên Giới.

26. Ākiñcaññāyatanūpagānaṃ devānaṃ saṭṭhikappasahassāni.

Sáu mươi ngàn Đại Kiếp là số lượng tuổi thọ vị Phạm Thiên sinh trong Vô Sở Hữu Xứ Phạm Thiên Giới.

27. Nevasaññānāsaññāyatanūpagānaṃ devānaṃ caturāsītikappa sahassāni.

Tám mươi bốn ngàn Đại Kiếp là số lượng tuổi thọ vị Phạm Thiên sinh trong Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Phạm Thiên Giới.

TRÌNH BÀY BA THỂ LOẠI TÂM CÓ CÙNG MỘT CHI PHÁP, CÓ CÙNG MỘT THỂ LOẠI CẢNH VÀ ĐẶC BIỆT TRONG MỘT KIẾP SỐNG

Paṭisandhi bhavaṅgañca tathā cavanamānasaṃ ekameva tatheveka visa yañcekajātiyaṃ.

Trong một kiếp sống, khi kết hợp cả ba thể loại này lại, đó là Tâm Tái Sinh, Tâm Hữu Phần và Tâm Tử thì chỉ là một thể loại Tâm duy nhất. Và Cảnh của Tâm Tái Sinh, Tâm Hữu Phần và Tâm Tử cũng chỉ có một thể loại duy nhất.

Idamettha Paṭisandhicatukkaṃ

Tại đây đã trình bày xong phần **Tái Sinh Tứ Phần (Paṭisandhicatukka)** trong Tổng Hợp Thoát Ly Lộ Trình **(Vithīmuttasaṅgaha).**

Kết Thúc Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp Phần Pāḷi Ngữ Và Lời Dịch Để Học Thuộc Lòng

TIẾP THEO ĐÂY, TUẦN TỰ SẼ GIẢI THÍCH RỘNG THÊM PHẦN Ý NGHĨA TỪNG MỖI ĐIỀU HỌC PĀLI MÀ ĐÃ CÓ TRÌNH BÀY Ở TRÊN

+ Giải thích trong điều học Pāḷi thứ nhất: Trình bày bốn thể loại Tái Sinh.

1. Thống Khổ Tái Sinh, v.v., 4. Vô Sắc Giới Tái Sinh.

Tại nơi đây, từ ngữ nói rằng Tái Sinh **(Paṭisandhi)** có ý nghĩa là khi kiếp sống cũ đã hoàn toàn diệt mất đi thì Tâm, Tâm Sở và bọn Sắc Nghiệp khởi sinh lên vào sát na đầu tiên bất luận ở trong một kiếp sống nào do bởi mãnh lực từ việc nối tiếp của kiếp sống cũ với kiếp sống mới thì được gọi là Tái Sinh (Thức Nối Liền, Kiết Sinh Thức). Vì thế, việc hiện khởi lên Tâm, Tâm Sở và bọn Sắc Nghiệp vào sát na đầu tiên ở trong Tứ Thống Khổ Địa Giới được gọi là một thể loại Thống Khổ Tái Sinh. Việc hiện khởi lên của Tâm, Tâm Sở và bọn Sắc Nghiệp vào sát na đầu tiên ở trong Thất Thiện Dục Địa Giới được gọi là một thể loại Thiện Dục Giới Tái Sinh. Việc hiện khởi lên của Tâm, Tâm Sở và bọn Sắc Nghiệp vào sát na đầu tiên ở trong mười lăm Cõi Hữu Sắc Giới và việc hiện khởi của bọn Sắc Nghiệp vào sát na đầu tiên ở trong Cõi Hữu Tình Vô Tưởng Phạm Thiên; với cả hai việc này được gọi là một thể loại Hữu Sắc Giới Tái Sinh. Việc hiện khởi lên của Tâm, Tâm Sở vào sát na đầu tiên ở trong bốn Cõi Vô Sắc Giới được gọi là một thể loại Vô Sắc Giới Tái Sinh. Và như thế, khi kết hợp lại thành bốn thể loại Tái Sinh.

+ Giải thích trong điều học Pāḷi thứ hai: Trình Bày Thống Khổ Tái Sinh.

Một Tâm Thẩm Tấn câu hành Xả Quả Dị Thục Bất Thiện làm thành Tâm Tái Sinh cho tất cả Người Thống Khổ **(Apāyapuggala),** gồm có loài Hữu Tình Địa Ngục, Hữu Tình Bàng Sinh, Ngạ Quỷ, và **Atula**. Việc sinh khởi của cái Tâm ấy, vào sát na đầu tiên đã tác hành nhiệm vụ Tái Sinh của tất cả những Chúng Thống Khổ Hữu Tình này; và tiếp nối theo đó, ở trong các Lộ Trình Tâm trước và các Lộ Trình Tâm sau, cứ mãi sinh diệt cho suốt hết cả kiếp sống thì cái Tâm này lại tác hành nhiệm vụ Hữu Phần; và thế là vào ngay sát na cuối cùng của kiếp sống hiện tại thì cái Tâm này lại tác hành nhiệm vụ Tử. Sinh Địa của các nhóm Hữu Tình này là Khổ Thú Địa Giới **(Duggatibhūmi)**. Và Tâm Tái Sinh của nhóm này là Tâm Vô Nhân, vì thế, nhóm Hữu Tình này mới được gọi là Người Khổ Thú Vô Nhân **(Duggati Ahetukapuggala).**

+ Giải thích trong điều học Pāḷi thứ ba: Trình bày Thiện Thú Vô Nhân Tái Sinh **(Sugati Ahetukapaṭisandhi).**

Một Tâm Thẩm Tấn câu hành Xả Quả Dị Thục Thiện làm thành Tâm Tái Sinh, Tâm Hữu Phần, Tâm Tử của các nhóm Người khuyết tật ấy, gồm có mắt mù từ khi mới sinh, v.v. và của tầng Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới bậc thấp, gồm có nhóm Thụ Khổ Nạn Giả **Atula** và một vài nhóm Thiên Cung Ngạ Quỷ. Sinh Địa của nhóm Nhân Loại và nhóm Chư Thiên này là Thiện Thú Địa Giới **(Sugatibhūmi).** Tuy nhiên Tâm Tái Sinh ấy là Tâm Vô Nhân, vì thế, mới được gọi Người Thiện Thú Vô Nhân **(Sugati Ahetukapuggala).**

TRÌNH BÀY CHÚ GIẢI (VACANATTHA) VÀ LỜI GIẢI THÍCH TRONG MƯỜI MỘT NHÓM NGƯỜI TÁI SINH VỚI TÂM THẨM TẤN CÂU HÀNH XẢ QUẢ DỊ THỤC THIỆN

1. TIÊN THIÊN MANH MỤC (JACCANDHA)

Jātiyā andho = Jaccandho - Người bị mắt mù từ khi mới sinh, tức là tính kể từ sát na Tái Sinh trở đi, gọi là Tiên Thiên Manh Mục **(Jaccandha).**

Thông thường người mà sinh ra từ ở thai bào **(Gabbhaseyyaka – Thai Sinh)** ấy thì trong sát na Tái Sinh đầu tiên, con mắt vẫn chưa có sinh khởi lên được, và tiếp đến tuần lễ thứ 11 mới khởi sinh. Vì thế, bất luận hạng người Thai Sinh nào một khi có tuổi thọ đến tuần lễ thứ 11 rồi mà con mắt vẫn chưa có sinh khởi thì hạng người Thai Sinh ấy đã gọi "Tiên Thiên Manh Mục Nhân", tức là người mắt mù từ khi mới sinh. Còn đối với cả hai nhóm, là hạng **Người Thấp Sinh (Saṃsedaja)** và hạng **Người Hóa Sinh (Opapātika)** thì trong sát na Tái Sinh ấy cũng thường có con mắt hiện khởi lên cùng với lẽ Pháp thường nhiên. Vì thế, nếu trong sát na Tái Sinh của hai nhóm Người này mà con mắt vẫn chưa có câu sinh hiện khởi lên cũng được gọi tương tự là "Tiên Thiên Manh Mục Nhân" như nhau.

Nghiệp Lực có chức năng dắt dẫn cho loài Hữu Tình đi Tái Sinh, và khi đến thời đúng lúc thì **Nhãn Thanh Triệt (Cakkhupasāda)** sẽ được sinh khởi. Nếu như Nghiệp Lực này có khả năng tác hành chức năng làm cho Nhãn Thanh Triệt ấy được sinh khởi lên với **mãnh lực Xuất Sinh (Janakasatti)** hoặc có khả năng giúp đỡ hỗ trợ cho Nghiệp Lực khác thay thế mình để làm cho Nhãn Thanh Triệt sinh khởi đến với loài Hữu Tình ấy, với **mãnh lực Bảo Hộ (Upathambhasatti)** thì hạng Hữu Tình thọ sinh Tái Sinh ấy cũng không được gọi là hạng "Tiên Thiên Manh Mục Nhân". Ngay cả khi đã được sinh ra khỏi nơi thai bào của người Mẹ mà lại hiện bày mắt mù đi nữa thì cũng không quyết định được rằng là hạng "Tiên Thiên Manh Mục Nhân". Bởi vì từ ngữ nói rằng **Jatiyā andho** trong phần phân tích câu thì từ ngữ ở phía đầu đã lập ý là chỉ lấy sát na Tái Sinh thôi. Dựa theo cơ sở cứ liệu của phần Vô Tỷ Pháp, là không có được lập ý đến sát na hiện hữu ở trong thai bào của người Mẹ. Tuy nhiên khi đã hiện bày mắt mù ấy, cũng có thể do bởi nguyên nhân nào khác đã dẫn đến làm hủy hoại con mắt của loài Hữu Tình ấy đi. Có thể đề cập đến là loài giun sán nương trú trong tử cung đã cắn ăn hủy hoại đi, hoặc cũng có thể là do bởi mãnh lực **Phong Đại (Vāyodhātu)** ở trong bụng đã hủy hoại đi.

Một trường hợp nữa là, người mắt mù kể từ sản sinh khỏi nơi thai bào của người Mẹ, lại có một vài người có được sự thông minh và lanh lợi, có sự tra cứu học hỏi, và đã có kiến văn liễu tri ở cả hai lãnh vực Đạo Đời một cách tinh tường, và có sự hiểu biết sâu rộng. Điều này đã trở thành yếu tố để suy đoán được rằng hạng người này chắc chắn không phải đã được Tái Sinh với Tâm Tái Sinh Vô Nhân **(Ahetuka Paṭisandhi)**, mà nhất định phải được Tái Sinh với Tâm Hữu Nhân **(Sahetuka)** bất luận ở một trong hai loại, đó là loại Nhị Nhân Tái Sinh **(Dvihetuka Paṭisandhi)** hoặc là loại Tam Nhân Tái Sinh **(Tihetuka Paṭisandhi).** Vì thế, với hạng người này không được gọi là "Tiên Thiên Manh Mục Nhân". Còn Nghiệp Lực có nhiệm vụ dắt dẫn loài Hữu Tình cho đi tái sinh đó; nếu như không có khả năng tác hành cho con mắt được sinh khởi lên trong khoảng thời gian thích hợp với mãnh lực Xuất Sinh **(Janakasatti)** hoặc không có khả năng giúp đỡ hỗ trợ đến một Nghiệp Lực nào khác để tác hành nhiệm vụ sắp xếp cho con mắt được sinh khởi lên trong khoảng thời gian thích hợp với mãnh lực Bảo Hộ **(Upathambhasatti)** thì chính ngay trong sát na Tái Sinh ấy mà Người Tái Sinh với loại Nghiệp Lực này, đã được gọi là "Tiên Thiên Manh Mục Nhân". Vì thế, mới nói được rằng **Jātiyā andho** tức là người bị mắt mù từ khi mới sinh, hoặc là kể từ sát na Tái Sinh như vầy.

2. TIÊN THIÊN NHĨ LUNG (JACCABADHIRA)

Jātiyā badhiro = Jaccabadhiro - Người bị tai điếc từ khi mới sinh, tức là kể từ sát na Tái Sinh trở đi, gọi là "Tiên Thiên Nhĩ Lung". Có ý nghĩa là khi đã đến lúc đúng thời mà **Nhĩ Thanh Triệt (Sotapasāda)** sẽ sinh khởi lên nhưng lại không sinh khởi lên được, như vậy mới gọi được người này là "Tiên Thiên Nhĩ Lung".

3. TIÊN THIÊN THẤT TỴ (JACCAGHĀNAKA)

Jātiyā aghānako = Jaccaghānako - Người không có Tỷ Thanh Triệt **(Ghāna pasāda)** từ khi mới sinh, tức là kể từ sát na Tái Sinh trở đi, gọi là "Tiên Thiên Thất Tỵ". Có ý nghĩa là khi đã đến lúc đúng thời mà Tỷ Thanh Triệt sẽ sinh khởi lên nhưng lại không sinh khởi lên được, như vậy mới gọi được người này là "Tiên Thiên Thất Tỵ".

4. TIÊN THIÊN Á BA (JACCAMŪGA)

Jātiyā mūgo = Jaccamūgo - Người không có thể phát âm ra để mà nói năng từ khi mới sinh, tức là kể từ sát na Tái Sinh trở đi, tức là người câm nín, được gọi là "Tiên Thiên Á Ba". Có ý nghĩa là người không có Nghiệp Lực để mà có khả năng tác hành làm cho phát âm ra trong việc nói năng một cách rành rọt rõ ràng. Với người này được gọi là "Tiên Thiên Á Ba", tức là người câm nín.

5. TIÊN THIÊN NGU LỖ (JACCAJALA)

Jātiyā jaḷo = Jaccajaḷo - Người bị ngu độn từ khi mới sinh, tức là kể từ sát na Tái Sinh trở đi, gọi là "Tiên Thiên Ngu Lỗ". Có ý nghĩa là hạng người này thường có sự ngu độn, chí đến dạy điều chi cũng không hiểu biết được, ngay cả đếm tới mười cũng không trúng. Và có một vài vị Giáo Thọ đã gọi Tiên Thiên Ngu Lỗ này là **Tiên Thiên Vi Tiên (Jaccaela).** Việc gọi như vậy coi như là không đúng, là vì từ ngữ nói rằng **Elā** hoặc **Eḷā** này được dịch nghĩa là "Vi Tiên: nước miếng, nước dãi".

Lại nữa, Ngài Chú Giải Sư đã có trình bày ý nghĩa của từ ngữ nói rằng **Eḷamūga** ấy là **Eḷamūganti = Paggharitalālamukhaṃ** - có nghĩa đến "người đang có nước dãi chảy ra từ ở miệng" gọi là **Eḷamūga (Độn Hán: người ngu).** Điều này trình bày cho thấy rằng, từ ngữ nói rằng **Eḷa** đây, chỉ được dịch là "nước dãi", và không được dịch là "ngu độn". Và "người đang có nước dãi chảy ra từ ở miệng" đây cũng vẫn được liệt kê vào ở trong nhóm "Tiên Thiên Ngu Lỗ". Vì thế, tại nơi đây "người bị ngu độn từ khi mới sinh", phải được dùng với từ ngữ là **Jaccajaḷa** mới là đúng việc.

6. TIÊN THIÊN CUỒNG ĐIÊN (JACCUMMATTAKA)

Jātiyā ummattako = Jaccummattako - Người bị cuồng điên từ khi mới sinh, tức là kể từ sát na Tái Sinh trở đi, gọi là Tiên Thiên Cuồng Điên, tức là người bị cuồng điên, ngớ ngẩn lẩn thẩn, từ khi mới sinh.

7. BÁN ÂM DƯƠNG NHÂN (PAṆḌAKA)

Paḍati liṅgavekallabhāvaṃ gacchatīti = Paṇḍako - Người có biểu tượng thiếu sót, không tròn đủ của nam giới và nữ giới; người ấy gọi là Bán Âm Dương Nhân, tức là năm bọn nhóm Bán Âm Dương Nhân.

Đối với lời Chú Giải này thì lập ý lấy nhóm **Phi Giới Tính (Napuṃsaka: bán nam bán nữ, trung tính)** là việc trình bày ở phần trực tiếp **(Mukhyatthanaya** – phần chánh yếu), còn bốn bọn nhóm Bán Âm Dương Nhân còn lại là việc trình bày theo phần gián tiếp **(Sadisūpacāratthanaya** – phần thứ yếu).

NĂM NHÓM BÁN ÂM DƯƠNG NHÂN, Đó Là:

1. Khát Ái Bán Âm Dương Nhân (Āsittakapaṇḍaka): Bất luận người nào đã phát sinh lên sự khoái cảm về tính dục, và đã khởi lên sự kích động nhiễu loạn, thế rồi đã lấy miệng ngậm lấy **sinh thực khí (Aṅgajāta)** của người nam khác, và đã uống lấy tinh dịch ấy xong thì lúc bấy giờ sự kích động nhiễu loạn mới được kiềm chế lắng dịu xuống. Hạng người này đã được gọi là Khát Ái Bán Âm Dương Nhân.

Hoặc có một nhóm khác nữa, vào lúc ban đầu thì vẫn chưa phát sinh lên sự khoái cảm về tính dục, tiếp đến là sau khi đã uống lấy tinh dịch ấy xong, thì lúc bấy giờ mới khởi sinh

lên sự khoái cảm về tính dục. Hạng người này cũng vẫn được gọi là Khát Ái Bán Âm Dương Nhân, tương tự như nhau.

2. Mục Kiến Bán Âm Dương Nhân (Ussūraseyyāpaṇḍaka): Bất luận người nào có được cơ hội nhìn trộm người nam và người nữ đang cùng thụ hưởng hương vị với nhau, tức thời liền khởi sinh lên sự khát khao dục vọng, y như là bản thân mình đã có được tà hạnh vậy. Chỉ duy nhất ở trong sát na ấy thì sự khoái cảm về tính dục của bản thân cũng đã được kiềm chế lắng dịu xuống. Như thế, hạng người này đã được gọi là Mục Kiến Bán Âm Dương Nhân.

3. Thống Thiết Bán Âm Dương Nhân (Opakkamikapaṇḍaka): Hạng người đã bị hoạn, không cho có sự khoái cảm về tính dục khởi sinh lên được, chẳng hạn như nhóm hoạn quan đang có nhiệm vụ sống kề cận bên với các cung phi mỹ nữ ở trong lãnh địa của nhà vua. Hạng người này đã được gọi là Thống Thiết Bán Âm Dương Nhân; và đặc biệt với loại hạng người này sẽ không thể nào nói ngay được gốc tích hình thành ra Bán Âm Dương Nhân. Vì thế, nhóm Bán Âm Dương Nhân này, có thể là Tái Sinh với Vô Nhân Tái Sinh **(Ahetuka Paṭisandhi)** hoặc cũng có thể là Nhị Nhân Tái Sinh **(Dvihetuka Paṭisandhi),** và không thể là Tam Nhân Tái Sinh được **(Tihetuka Paṭisandhi).**

4. Bán Nguyệt Bán Âm Dương Nhân (Pakkhapaṇḍaka): Bất luận người nào vào đến thời tuần trăng treo của Hạ Huyền lại phát sinh lên sự khoái cảm về tính dục, tức là cứ đến vào hạ tuần (cuối tháng) thì có sự hoan hỷ duyệt ý với sự kích động nhiễu loạn do bởi mãnh lực của Bất Thiện Nghiệp Lực **(Akusalakamma);** và rồi, khi đến thời tuần trăng non của Thượng Huyền, tức là khi vào đến thượng tuần (đầu tháng) thì sự kích động nhiễu loạn ấy lại được diệt mất đi. Hoặc ngược lại, là cứ đến tuần trăng non của Thượng Huyền thì lại có sự kích động nhiễu loạn, và rồi, khi vào đến tuần trăng treo của Hạ Huyền thì sự kích động nhiễu loạn ấy lại được diệt mất đi. Bất luận qua lại một trong hai thời của tuần trăng như vầy, thì hạng người này đã được gọi là Bán Nguyệt Bán Âm Dương Nhân.

5. Phi Giới Tính Bán Âm Dương Nhân (Napuṃsakapaṇḍaka): Bất luận người nào mà là bán nam bán nữ, không có hiện bày rõ ràng về cả hai giới tính, và chỉ có một lỗ hổng để cho thải nước tiểu ra mà thôi. Hạng người này đã được gọi là Phi Giới Tính Bán Âm Dương Nhân.

8. SẢN SINH LƯỠNG TÍNH NHÂN (UBHATOBYAÑJANAKA)

Ubhato pavattaṃ byañjanaṃ yassa atthīti = Abhatobyañjanako - Cả hai sinh thực khí **(Aṅgajāta)** cùng sinh khởi là do bởi nương vào cả hai loại Nghiệp Báo, mà đã có hiện hữu ở trong bất luận hạng người nào thì như thế hạng người ấy được gọi là Sản Sinh Lưỡng Tính Nhân. Loại hạng người này làm người nữ cũng được, làm người nam cũng được; có với cả hai giới tính lẫn nhau, liên quan với mãnh lực của Bất Thiện Nghiệp Lực về việc **Tà Hạnh Tính Dục (Kāmesumicchācāra)** đã xâm nhập xen kẻ vào trong Thiện Nghiệp Lực mà đã tác hành cho được sinh làm Nhân Loại, và cũng đã làm cho mãnh lực của Thiện Nghiệp Lực ấy phải bị giảm thiểu xuống đi, và vì thế, mới hiện sinh lên có cả hai giới

tính. Trong một con người duy nhất mà lại có cả hai giới tính đây, nên biết là không phải đồng cùng hiện bày một lượt với nhau. Bất luận vào thời điểm nào, **Sắc Nam Tính (Purisabhāvarūpa)** đang hiện khởi lên thì vào thời điểm ấy, **Sắc Nữ Tính (Itthī bhāvarūpa)** không có hiện bày. Và bất luận vào thời điểm nào Sắc Nữ Tính đang hiện khởi lên thì vào thời điểm ấy, Sắc Nam Tính không có hiện bày. Như có Phật Ngôn **(Buddha bhāsita)** đã có trình bày để ở trong Chánh Tạng **Pāḷi** phần Quyền Lực Song Đối **(Indriyayamaka)** rằng: **Yassa itthindriyaṃ uppajjati, tassa purisindriyaṃ uppajjatīti ? No. Được dịch nghĩa rằng:** Nữ Tính đang sinh khởi đến với người nào thì Nam Tính cũng đang sinh khởi đến với người ấy phải chăng ? Giải đáp rằng: Không phải vậy.

Sản Sinh Lưỡng Tính Nhân này hiện hữu cả hai thể nhóm, tức là:

1/ Nhóm Sản Sinh Nữ Tính Lưỡng Tính Nhân **(Itthī Ubhatobyañjanaka)**

2/ Nhóm Sản Sinh Nam Tính Lưỡng Tính Nhân **(Purisa Ubhatobyañjanaka).**

+ Với người thuộc nhóm Sản Sinh Nữ Tính Lưỡng Tính Nhân, thì có sắc thân, tướng trạng, hình dáng, và trạng thái đều là người nữ, chí đến bộ phận giới tính cũng thuộc về Nữ Giới Tính một cách thường nhiên. Và tiếp đến thời kỳ khởi sinh lên sự hoan hỷ duyệt ý với một nữ nhân khác, thì tâm tính đã là người nữ trước kia ấy cũng mất đi, mà thay vào đó, đã chuyển đổi thực tính và đã khởi sinh lên tâm tính của một nam nhân. Và trong cùng một lúc ấy, bộ phận giới tính nữ cũng đã mất đi, và bộ phận giới tính nam lại hiện khởi lên, đặng thích hợp với việc giao du cùng với nữ nhân ấy.

+ Với người thuộc nhóm Sản Sinh Nam Tính Lưỡng Tính Nhân, thì có sắc thân, tướng trạng, hình dáng, và trạng thái đều là người nam, chí đến bộ phận giới tính cũng thuộc về Nam Giới Tính một cách thường nhiên. Và tiếp đến thời kỳ khởi sinh lên sự hoan hỷ duyệt ý với một nam nhân khác, thì tâm tính đã là người nam trước kia ấy cũng mất đi, mà thay vào đó, đã chuyển đổi thực tính và đã khởi sinh lên tâm tính của một nữ nhân. Và ngay ở trong cùng một lúc ấy, bộ phận giới tính nam cũng đã mất đi, và bộ phận giới tính nữ lại hiện khởi lên, đặng thích hợp với việc giao du cùng với nam nhân ấy.

Sự khác biệt giữa Sản Sinh Nữ Tính Lưỡng Tính Nhân với Sản Sinh Nam Tính Lưỡng Tính Nhân, có như vầy, tức là Sản Sinh Nữ Tính Lưỡng Tính Nhân ấy, thì bản thân phát sinh lên hoài thai với những người nam mà đã có làm cho các nữ nhân khác cũng có được hoài thai với mình. Còn đối với Sản Sinh Nam Tính Lưỡng Tính Nhân ấy, thì bản thân không có thể phát sinh lên việc hoài thai được, mà duy nhất chỉ có làm cho các người nữ khác phát sinh lên sự hoài thai mà thôi.

9. PHI GIỚI TÍNH (NAPUṂSAKA)

Napuṃseti puriso viya na maddatīti = Napuṃsako - Người nào không có khả năng hành sự y như là nam nhân, gọi là Phi Giới Tính. Phi Giới Tính đây, tức là nhóm Phi Giới Tính Bán Âm Dương Nhân **(Napuṃsakapaṇḍaka),** mà đã có giải thích để ở trong phần "Năm Bọn Nhóm Bán Âm Dương Nhân" đó vậy.

10. THUYẾT THOẠI KHẨU CẬT (MAMMA)

Hạng người Thuyết Thoại Khẩu Cật này, đích thị chính là nhóm người nói lắp bắp, cà lăm.

11. THỤ KHỔ NẠN GIẢ ATULA (VINIPĀTIKA ASURĀ)

Đó là một nhóm Chư Thiên được gọi là **Thượng Giới Thiên (Bhummassita devatā),** ý nghĩa nhóm Chư Thiên này đang nương tựa vào tất cả hạng **Địa Cư Thiên (Bhummaṭṭhadevatā).**

Như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Bhūmiyaṃ jātāti = Bhummā** - Chư Thiên nào sinh ở trên nền lục địa, như thế Chư Thiên ấy gọi là Chư Thiên Địa Cầu **(Bhummā);** tức là Chư Thiên nương ngụ theo các lãnh địa sai khác, có núi đồi, cây cối, sông nước, nhà cửa, tự viện v.v. hoặc còn được gọi là Địa Cư Thiên, Thiên Địa Tụ; đích thị chính là hạng **Mộc Thần (Rukkhaṭṭhadevatā)** vậy.

Bhūmme sitā nissitāti = Bhummassitā - Hạng Chư Thiên nào nương tựa vào tất cả hạng Địa Cư Thiên, tức là Địa Cư Thiên và Mộc Thần, như thế hạng Chư Thiên ấy gọi là **Thượng Giới Thiên (Bhummassita),** đích thị chính là hạng Thụ Nạn Khổ Giả **Atula**. Nhóm Chư Thiên này có hình dạng đáng kinh hãi ghê sợ. Sự sống phải thụ lãnh đủ mọi sự vất vả và khổ sở vô cùng y như thể với hạng Ngạ Quả vậy, phải lang thang đi tìm kiếm và ăn các vật thực mà nhà người ta đã vứt bỏ đi.

Như có câu Chú Giải trình bày rằng: **Virūpā hutvā devagatiyaṃ nipatantīti = Vinipātikā** - Hạng người nào sinh khởi ở trong cõi giới của Chư Thiên và không có sự xinh đẹp diễm lệ, như thế hạng người ấy gọi là Thụ Nạn Khổ Giả.

Một trường hợp nữa: **Sukhasamudāyato vinipatanti apagamantīti = Vinipātikā** - Hạng Chư Thiên nào có sự sống mà thiếu vắng đi mọi sự an lạc, không có sự an vui, như thế hạng Chư Thiên ấy gọi là Thụ Nạn Khổ Giả.

Vinipātikā ca te asurā cāti = Vinipātika Asura - Hạng Chư Thiên nào vừa không có sự xinh đẹp diễm lệ và lại không có sự an vui, vừa là hạng **Atula**; như thế, hạng Chư Thiên ấy gọi là hạng Thụ Nạn Khổ Giả **Atula**. Và hạng Thụ Nạn Khổ Giả **Atula** này được liệt kê vào ở trong nhóm Chư Thiên tầng Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới. Lại nữa, trong Bộ Chú Giải đã có trình bày để rằng: "Chư Thiên tầng Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới mà gọi là một vài nhóm"Thiên Cung Ngạ Quỷ" thời cũng có cùng một loại Tâm Tái Sinh với Tâm Thẩm Tấn câu hành Xả Quả Dị Thục Thiện như nhau."

Chư Thiên nhóm Thụ Nạn Khổ Giả **Atula** và một vài nhóm Thiên Cung Ngạ Quỷ cũng có Tâm Tái Sinh, hoặc là Nhị Nhân Tái Sinh hoặc là Tam Nhân Tái Sinh cũng được.

Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có được trình bày để ở trong bài **Kinh Đại Duyên (Mahānidāna)** thuộc Bộ Chú Giải Đại Phẩm **(Mahāvagga Aṭṭhakathā)** rằng: **Ye panet tha tihetukā tesaṃ dhammābhisamayopi hoti** - Trong tất cả các hạng Thụ Nạn Khổ Giả

Atula, với hạng Thụ Nạn Khổ Giả **Atula** nào mà là hạng Tam Nhân Thụ Nạn Khổ Giả **Atula** ấy thì cũng có được liễu tri về Tứ Thánh Đế và chứng đắc được Đạo Quả.

Như thế, kết hợp ý nghĩa lại thì, người mà Tái Sinh với Tâm Thẩm Tấn câu hành Xả Quả Dị Thục Thiện ấy, khi đề cập dựa theo phần Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp thì có được 11 nhóm. Nếu đề cập dựa theo phần Bộ Chú Giải thì có tới 12 nhóm, tức là được tính với nhóm Thiên Cung Ngạ Quỷ.

+ Giải thích trong điều học Pāḷi thứ tư: Trình bày Đại Quả Tái Sinh **(Mahā vipāka paṭisandhi).**

Tám Tâm Đại Quả thường tác hành nhiệm vụ Tâm Tái Sinh, Tâm Hữu Phần, Tâm Tử của khắp hết tất cả nhóm Nhân Thiên, trừ ra nhóm Người khuyết điểm dị tật, có mắt mù từ khi mới sinh, v.v. và Chư Thiên ở thành phần Thụ Nạn Khổ Giả **Atula** và một vài nhóm Thiên Cung Thiên Ngạ Quỷ.

+ Giải thích trong điều học Pāḷi thứ năm và điều thứ sáu: Trình bày kết hợp lại Thập Dục Giới Tái Sinh **(Kāmapaṭisandhi 10).**

Một Tâm Thẩm Tấn câu hành Xả Quả Dị Thục Thiện, tám Tâm Đại Quả, được gọi tên là Cửu Thiện Dục Giới Tái Sinh. Khi kết hợp một Tâm Thẩm Tấn câu hành Xả Quả Dị Thục Bất Thiện vào với nhau, được gọi là Thập Dục Giới Tái Sinh.

TRÌNH BÀY SỐ LƯỢNG TUỔI THỌ NHÂN LOẠI DỤC ĐỊA GIỚI

+ Giải thích trong điều học Pāḷi thứ bảy:

Giải thích rằng: Việc hạn định tính số lượng tuổi thọ loài Hữu Tình ở trong Dục Địa Giới là việc hạn định tính đếm một cách bất định. Hiện hữu có tới sáu hoặc bảy nhóm, đó là:

1. Loài Hữu Tình Địa Ngục,
2. Loài Hữu Tình Bàng Sinh,
3. Loài Hữu Tình Ngạ Quỷ,
4. Loài Hữu Tình **Atula**,
5. Loài Hữu Tình Nhân Loại,
6. Nhóm Chư Thiên Thụ Nạn Khổ Giả **Atula**.

Kết hợp sáu loại nhóm này lại, là đề cập dựa theo phần Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp. Và có một nhóm khác nữa, ở trong Bộ Chú Giải **Pháp Tâm Tạng (Dhammahadaya)** đã có trình bày rằng: Tương tự như vậy, tất cả hạng Chư Thiên Địa Cầu tức là Địa Cư Thiên và Chư Mộc Thần ấy, khi tính đếm về số lượng tuổi thọ thì cũng là bất định. Vì thế, mới có được trình bày là thành bảy nhóm với nhau.

Giải thích ý nghĩa tiếp theo rằng: Loài Hữu Tình Địa Ngục.

Không thể nào hạn định tính đếm được thời gian của tất cả nhóm Hữu Tình Địa Ngục đang phải bị thụ lãnh thống khổ. Là cũng bởi do Bất Thiện Nghiệp Lực của loài Hữu Tình ấy làm thành chánh yếu.

Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có được trình bày để ở trong bộ Minh Nghĩa Phụ Chú Giải **(Vibhāvanīṭīkā)** rằng: **Apāyesu hi kammameva pamānaṃ - Dịch nghĩa rằng:** Còn ở trong Thống Khổ Địa Giới ấy, chính là Bất Thiện Nghiệp Lực làm thành dụng cụ đo lường số lượng tuổi thọ. Ý nghĩa là, nếu như Bất Thiện Nghiệp Lực cực kỳ trầm trọng thì loài Hữu Tình Địa Ngục phải bị thụ lãnh thống khổ đến cả A Tăng Kỳ Kiếp lận. Nếu như Bất Thiện Nghiệp Lực nhẹ thì đi làm thành Hữu Tình Địa Ngục cũng có khi chỉ là một giờ đồng hồ hoặc chỉ có 2 - 3 ngày, v.v. Có đôi khi một vài Hữu Tình Địa Ngục đang khi phải bị thụ lãnh thống khổ ấy, và nếu như có khả năng nghĩ tưởng đến Thiện Nghiệp Lực mà mình đã có từng kiến tạo lấy ở trong đời quá khứ, thì ngay lập tức cũng có khả năng làm cho được thoát khỏi kiếp Hữu Tình Địa Ngục ấy và được đi thọ sinh làm thành Nhân Loại hoặc là Chư Thiên. Chẳng hạn như ở trong **Đảo Quốc Lankā (Lankādvīpa)** có một cận sự nam đã từng cúng dường vải đắp đến cho bảo tháp Đức Phật. Tiếp đến, khi thọ mạng diệt thì có một vài loại Bất Thiện Nghiệp Lực đã dắt dẫn cho người cận sự nam phải đọa vào Địa Ngục. Khi vừa đi đến Địa Ngục và đã nhìn thấy ngọn lửa ở trong Địa Ngục ấy, ánh sắc của ngọn lửa lại có màu sắc y như thể với sắc màu của tấm vải, đã làm cho người cận sự nam này nghĩ tưởng được rằng mình đã có từng cúng dường vải dâng cúng đến bảo tháp Đức Phật. Khi vừa nghĩ tưởng đến như vậy thì liền thoát khỏi kiếp Hữu Tình Địa Ngục và ngay tức thì được đi thọ sinh ở trong Cõi Thiên Giới như vầy. Kết hợp lại thời gian mà người cận sự nam này đi ở trong Địa Ngục là chỉ có trong một khoảng chốc lát mà thôi. Đối với người đã có tạo tác Bất Thiện Nghiệp Lực một cách nghiêm trọng lại phải bị đọa vào ở trong Vô Gián Đại Địa Ngục với hạn định thời gian lâu dài đến một Tuổi Thọ Kiếp **(Āyukappa)** của nhóm Hữu Tình Địa Ngục ở trong tầng này, và đích thị chính là **Devadatta** vậy. Đối với loài Hữu Tình Ngạ Quỷ, loài Hữu Tình **Atula**, và loài Hữu Tình Bàng Sinh thì việc hạn định tính đếm về thời gian quả là bất định cũng tương tự với nhóm Hữu Tình Địa Ngục vậy. Theo như đã có đề cập nói rằng việc hạn định tuổi thọ của nhóm Hữu Tình Địa Ngục thì quả là bất định, đó là không có đề cập liên quan với Địa Giới trú xứ của nhóm Hữu Tình này. Đối với Địa Giới trú xứ, tức là tám hầm Đại Địa Ngục, đó đã là những tầng hầm Địa Ngục to lớn, thì việc hạn định về số lượng tuổi thọ có như vầy, tức là:

+ Hầm Đại Địa Ngục thứ nhất có tên gọi Đẳng Hoạt Địa Ngục có tuổi thọ 500 năm làm thành Tuổi Thọ Kiếp **(Āyukappa).** So sánh với năm của Nhân Loại thì một ngày trong Đẳng Hoạt Địa Ngục bằng với 9,000,000 năm. Như thế, 500 năm trong Đẳng Hoạt Địa Ngục thì mới bằng với 162,000,000,000 năm của Nhân Loại.

+ Hầm Đại Địa Ngục thứ hai có tên gọi Hắc Thằng Địa Ngục có tuổi thọ 1,000 năm (gấp hai lần hơn) làm thành Tuổi Thọ Kiếp. So sánh ở trong một ngày thì bằng với 36,000,000 năm của Nhân Loại (gấp bốn lần hơn).

Như thế, 1,000 năm thì bằng với 1,296,000,000,000 năm của Nhân Loại.

+ Hầm Đại Địa Ngục thứ ba có tên gọi Chúng Hợp Địa Ngục có tuổi thọ 2,000 năm (gấp hai lần hơn) làm thành Tuổi Thọ Kiếp. So sánh ở trong một ngày thì bằng với 144,000,000 năm của Nhân Loại (gấp bốn lần hơn). Như thế, 2,000 năm thì bằng với 103,680,000,000,000 năm của Nhân Loại.

+ **Hầm Đại Địa Ngục thứ tư có tên gọi Hào Khiếu Địa Ngục** có tuổi thọ 4,000 năm (gấp hai lần hơn) làm thành Tuổi Thọ Kiếp. So sánh ở trong một ngày thì bằng với 576,000,000 năm của Nhân Loại (gấp bốn lần hơn). Như thế, 4,000 năm thì bằng với 831,040,000,000,000 năm của Nhân Loại.

+ **Hầm Đại Địa Ngục thứ năm có tên gọi Đại Khiếu Địa Ngục** có tuổi thọ 8,000 năm (gấp hai lần hơn) làm thành Tuổi Thọ Kiếp. So sánh ở trong một ngày thì bằng với 2, 304,000,000 năm của Nhân Loại (gấp bốn lần hơn). Như thế, 8,000 năm thì bằng với 6, 635,520,000,000,000 năm của Nhân Loại.

+ **Hầm Đại Địa Ngục thứ sáu có tên gọi Viêm Nhiệt Địa Ngục** có tuổi thọ 16,000 năm (gấp hai lần hơn) làm thành Tuổi Thọ Kiếp. So sánh ở trong một ngày thì bằng với 9,216,000,000 năm của Nhân Loại (gấp bốn lần hơn). Như thế, 16,000 năm thì bằng với 53,084,160,000,000,000 năm của Nhân Loại.

+ **Hầm Đại Địa Ngục thứ bảy có tên gọi Đại Viêm Nhiệt Địa Ngục** có tuổi thọ được so sánh bằng với ½ Trung Kiếp **(Antarakappa)** của Nhân Loại.

+ **Hầm Đại Địa Ngục thứ tám có tên gọi Vô Gián Địa Ngục** có tuổi thọ được so sánh bằng với một Trung Kiếp của Nhân Loại (trích ở trong Bộ Phụ Chú Giải **Pháp Tâm Tạng Phân Tích (Dhammahadayavibhaṅgaanuṭīkā)** và Bộ Phụ Chú Giải **Jinalaṅkāra ṭīkā).**

Đối với nhóm Ngạ Quỷ và nhóm **Atula** có số lượng tuổi thọ một cách bất định, thường là có số lượng không được chính xác, là bởi vì có một vài nhóm Ngạ Quỷ thụ lãnh thống khổ với thời gian rất là lâu dài, suốt trọn cả Đại Kiếp cũng có. Chẳng hạn như có một nam nhân đã từng đốt tịnh thất của Ngài Độc Giác Phật. Đến khi thọ mạng diệt phải đi thụ lãnh Nghiệp Báo ở trong Vô Gián Đại Địa Ngục với thời gian trọn một Trung Kiếp **(Antarakappa).** Khi đã được thoát khỏi Vô Gián Đại Địa Ngục phải đi tái sinh làm thành một mãng xà ngạ quỷ ở trong đỉnh **Linh Thứu Sơn (Gijjhakūṭa)** có thân hình dài 25 do tuần. Với thời gian đi làm thành mãng xà ngạ quỷ ấy, không có được nghe nói đến rằng thời gian sẽ là bao nhiêu lâu thì mới sẽ thoát khỏi kiếp mãng xà ngạ quỷ này, và mãi cho đến thời hiện tại này mà vẫn còn đang thụ lãnh Nghiệp Báo ấy vậy.

Và lại có một nam nhân khác nữa, đã từng ăn lấy vật thực đã là của Tăng Đoàn mà vẫn chưa có được cho phép. Đến khi thọ mạng diệt phải đi tái sinh làm thành ngạ quỷ, có thân hình to lớn 25 do tuần này; và cũng không được nghe nói đến rằng thời gian sẽ là bao nhiêu lâu thì mới sẽ thoát khỏi Nghiệp Báo ấy vậy.

Tích truyện này đã có được trình bày để ở trong Chánh Tạng **Pāḷi** Ngạ Quỷ Sử Ký **(Petavatthu),** đã có được trình bày cho thấy rằng với cả hai nhóm này đây, nhóm Ngạ Quỷ và nhóm **Atula** thì không có thụ lãnh thống khổ ở trong thời gian ngắn được. Nếu như phải thụ lãnh thống khổ với thời gian lâu dài thì thường là lâu dài hơn cả nhóm Hữu Tình Địa Ngục. Là vì nhóm Hữu Tình Địa Ngục cho dù sẽ phải thụ lãnh thống khổ trong thời gian lâu dài đi nữa thì tối đa cũng không được vượt quá một Trung Kiếp **(Antarakappa).** Ấy thế mà, nhóm Ngạ Quỷ và nhóm **Atula** đây thì quả thật là không hạn định được về thời gian, như đã có được đề cập để ở phía trên rồi vậy.

NHÓM HỮU TÌNH BÀNG SINH

Tương tự cũng như thế, nhóm Hữu Tình Bàng Sinh là loại nhóm cũng không quả quyết được việc hạn định số lượng tuổi thọ. Tức là trong bất luận thời vận nào mà có được vật thực tốt đẹp để ăn, hoặc có được đón nhận quý tiết thuận lợi để sống; thì thời vận ấy với quý tiết thuận lợi ấy, những loại Hữu Tình ấy cũng có được tuổi thọ lâu dài tùy thuận thích nghi với đời sống. Thế nhưng, nếu như việc đón nhận vật thực lại không được tốt đẹp, với điều kiện quý tiết lại là bất lợi thì quả là tuổi thọ loài Hữu Tình ấy cũng thường là giảm sút xuống dần dần; có ý nghĩa, các loài Hữu Tình Bàng Sinh này có tuổi thọ cao cũng có, thấp cũng có; là tùy thuộc vào thời vận, vật thực, quý tiết, như đã có được đề cập đến rồi vậy.

NHÓM NHÂN LOẠI

Bậc Phụ Chú Giải Sư đã có đề cập rằng, nhóm Nhân Loại ở trong chỗ này lập ý là chỉ lấy duy nhất với nhóm Nhân Loại ở trong Nam Thiệm Bộ Châu mà thôi, và không có được dính líu đến nhóm Nhân Loại hiện hữu ở trong cả ba Bộ Châu còn lại kia. Là vì nhóm Nhân Loại mà hiện hữu ở trong Đông Thắng Thần Châu, là Bộ Châu tọa lạc ở hướng phương Đông ấy thì đã có hạn định số lượng tuổi thọ nhất định là 700 năm. Nhóm Nhân Loại mà hiện hữu ở trong Tây Ngưu Hóa Châu, là Bộ Châu tọa lạc ở hướng phương Tây ấy thì đã có hạn định số lượng tuổi thọ nhất định là 500 năm. Nhóm Nhân Loại mà hiện hữu ở trong Bắc Câu Lư Châu, là Bộ Châu tọa lạc ở hướng phương Bắc ấy thì đã có hạn định số lượng tuổi thọ nhất định là 1,000 năm.

Còn nhóm Nhân Loại mà hiện hữu ở trong Nam Thiệm Bộ Châu này thì lại có việc hạn định tuổi thọ quả là bất định; cao cũng có, thấp cũng có, cao đến tột cùng là A Tăng Kỳ năm cũng có, và thấp đến tột cùng là 10 năm tuổi thọ cũng vẫn có. Trong giai đoạn ở thời kỳ Kiếp Sơ ấy, tất cả Nhân Loại không bất luận là ở trong Bộ Châu nào, thường có tuổi thọ đến A Tăng Kỳ năm cả thảy, là vì tâm tính của con người ở trong giai đoạn ấy, có những Phiền Não **(Kilesa)** là Tham, Sân, Si hãy còn ít oi hy thiểu; và chủng loại vẫn còn là vi tế, không thô thiển và chưa đi đến Ác Hạnh; chỉ hiện hành một cách phổ thông thường nhiên; và lại có rất nhiều Tư Tâm Sở Thiện **(Kusala Cetanā)** khởi sinh. Vì thế, quý tiết và vật thực là những phương dụng nương nhờ của Nhân Loại thường là tịnh hảo tốt đẹp, và không có sai trật khan hiếm. Một khi đã có quý tiết và vật thực tịnh hảo tốt đẹp làm thành tác nhân rồi, thì tất cả Nhân Loại có được tuổi thọ miên trường đến cả A Tăng Kỳ năm, có nghĩa là không thể nào tính đếm được số lượng tuổi thọ. Và rồi tiếp đến, khi tất cả Nhân Loại hiện hữu ở trong cả Tứ Bộ Châu lại khởi sinh lên nhiều Tâm Bất Thiện ở trong Uẩn Tánh, và với mãnh lực của Tâm Bất Thiện này đã làm cho quý tiết, tức là đất, trời, hư không và các loại vật thực sai khác, v.v., đã phải thay đổi đi, không còn là thường nhiên như là ở thuở ban đầu. Đề cập đến rằng, khi lạnh thì vô cùng giá lạnh, khi nóng vô cùng oi bức. Khi đến mùa mưa lại rơi xuống không bình thường, khi thì nhiều, khi thì ít, với những thể loại này. Vật thực

cũng tương tự, giá trị là có ở trong gạo, rau, thực vật, các loại trái quả cũng bị giảm thiểu xuống đi. Những sự việc này đã làm cho đời sống, sự sinh hoạt của tất cả Nhân Loại từ từ suy yếu tụt giảm xuống dần, đã tác thành nguyên nhân khiến cho tuổi thọ tuần tự theo đó mà cũng giảm thiểu xuống dần, và từ A Tăng Kỳ năm xuống cho đến 1,000 năm. Đối với người hiện hữu ở trong Bắc Câu Lư Châu ấy, một khi thọ mạng đã hạ xuống đến 1,000 năm, thì đã dừng lại ngay ở ngần ấy, và không có tiếp tục hạ giảm xuống nữa. Còn người hiện hữu ở trong cả ba Bộ Châu ngoài ra đó thì thọ mạng vẫn cứ tiếp tục tuần tự hạ giảm xuống, là vì Phiền Não loại thô thiển của những hạng người này đã từ từ khởi lên dần, và không có được giống như người dân Bắc Câu Lư Châu. Khi thọ mạng đã giảm xuống đến 700 năm thì nhóm Nhân Loại Đông Thắng Thần Châu có thọ mạng dừng lại ngay ở ngần ấy, và không có tiếp tục hạ giảm xuống nữa, là vì Phiền Não không còn khởi thêm lên nữa. Còn Nhân Loại hiện hữu ở trong cả hai Bộ Châu còn lại đó, thọ mạng vẫn cứ tiếp tục hạ giảm xuống, là vì Phiền Não vẫn còn đang khởi thêm lên mãi cho đến thọ mạng hạ giảm xuống còn 500 năm thì nhóm Nhân Loại Tây Ngưu Hóa Châu có thọ mạng dừng lại ngay ở ngần ấy, và không có tiếp tục hạ giảm xuống nữa, cũng tương tự như nhau. Chỉ còn lại duy nhất nhóm người dân Nam Thiệm Bộ Châu ấy, thọ mạng vẫn cứ mãi tiếp tục hạ giảm xuống dần, là vì Phiền Não của người dân Nam Thiệm Bộ Châu vẫn không ngớt tăng thêm lên, mãi cho đến ngày hôm nay thì thọ mạng của người dân Nam Thiệm Bộ Châu hạ giảm xuống chỉ còn 75 năm là tối đa, và sẽ vẫn còn tiếp tục tuần tự hạ giảm xuống dần, cho đến khi tuổi thọ chỉ còn 10 năm làm thành thọ mạng. Vì thế, từ ngữ mà nói rằng Nhân Loại có số lượng tuổi thọ một cách bất định, mới lập ý là chỉ lấy duy nhất đối với nhóm Nhân Loại ở trong Nam Thiệm Bộ Châu.

Lại nữa, ở trong Bộ **Kinh Thế Gian Chế Định (Lokapaññatti)** đã có trình bày rằng, trong số lượng 100 năm thọ mạng của Nhân Loại ở trong Nam Thiệm Bộ Châu sẽ hạ giảm xuống 10 năm là như vậy cứ mỗi một 100 năm. Tuy nhiên tất cả các Ngài Phụ Chú Giải Sư đã có đề cập đến rằng thọ mạng của người dân Nam Thiệm Bộ Châu đây, trong số lượng 100 năm thì cứ mỗi một 100 năm thì sẽ giảm xuống một năm tuổi. Thế mà, nếu sẽ so sánh sự hiện hành mà đã được nhìn thấy ở trong thời buổi hiện tại này thì sẽ quyết định được rằng thọ mạng của Nhân Loại ở trong Nam Thiệm Bộ Châu với hạn định là 100 năm giảm xuống 10 năm, hoặc là 100 năm giảm xuống một năm thì quả là không đúng với việc hạn định một cách xác quyết như vậy. Vì lẽ, biết đâu sẽ có thể là giảm xuống ít hơn 10 năm cũng nên, hoặc nhiều hơn một năm cũng nên, hay là biết đâu trong cả 100 năm lại không có giảm xuống cũng nên. Là như vậy cũng tùy thuộc vào mọi tác hành của Nhân Loại diễn biến trong từng mỗi thời kỳ ấy. Đề cập đến rằng, trong bất luận thời điểm nào mà có nhiều người an trú ở trong **Đức Hạnh (Sīladhamma – Giới Pháp)** thì thời điểm ấy thọ mạng của Nhân Loại không có suy giảm xuống; vả lại có một số người có nhiều tuổi thọ hơn là thọ mạng đã có hạn định ở trong thời kỳ ấy. Nếu bất luận thời kỳ nào, giai đoạn nào mà Nhân Loại không có được an trú ở trong Đức Hạnh là phần đa số thì thời kỳ ấy thọ mạng sẽ giảm xuống rất nhiều, và cũng có vài người lại có ít tuổi thọ hơn là thọ mạng đã có hạn định. Trong thời buổi hiện tại này, cũng vẫn có sự hiện hành tương tự như vậy; tức là thọ mạng hạn định là

75 năm, và trong thời buổi này cũng vẫn có một số người có tuổi thọ nhiều hơn cả 75 năm, vả lại cũng tương tự như vậy, là vẫn có với số lượng nhiều người chưa đến 75 năm.

Vào thời kỳ Đức Phật, tuổi thọ của Nhân Loại ở trong thời kỳ ấy đã có hạn định là 100 năm làm thành thọ mạng, và cũng là hạn định thọ mạng 100 năm đã được tính kể từ ở thời kỳ Đức Ngài **Vessantara.** Tại đây trình bày để cho thấy rằng kể từ thời kỳ của Đức Ngài **Vessantara** cho đến thời kỳ Đức Phật Sa Môn Cồ Đàm **(Samaṇa Gotama)** là không có việc sụt giảm thọ mạng. Khi đến thời buổi hiện tại này mà lại có đề cập đến rằng thọ mạng đã sụt giảm xuống chỉ còn là 75 năm đó, đích thị chính là việc đề cập ấy đã được dựa theo ý kiến của tất cả các Ngài Phụ Chú Giải Sư. Và một khi đã nghĩ suy để tính xem thì được biết rằng kể từ bậc Chánh Đẳng Giác tịch diệt Ngũ Uẩn và viên tịch Níp Bàn trở đi cho đến ngày hôm nay, thì tính đếm thời gian là đã hơn 2,500 năm lẻ, với thọ mạng giảm xuống đã được hạn định là cứ 100 năm thì giảm đi một năm. Như thế trong số lượng là 2,500 năm, thì thọ mạng sẽ phải giảm xuống với số lượng 25 năm. Do vậy, khi ở trong thời kỳ Đức Phật, với hạn định thọ mạng 100 năm, đem trừ ra 25 năm thì còn lại 75 năm, được tính là thọ mạng của Nhân Loại ở trong thời buổi hiện tại này. Vả lại đã có một số người có tuổi thọ hơn cả 75 năm, tuy nhiên sẽ phải không được hơn gấp đôi số lượng thọ mạng, có nghĩa là tuổi thọ sẽ không được đến 150 năm. Cũng tương tự như vậy, khi đến thời kỳ Đức Phật cũng có một vài Ngài đã có tuổi thọ hơn cả hạn định thọ mạng đặt để là 100 năm. Hiện hữu cũng có được nhiều Ngài, chẳng hạn như là Ngài Trưởng Lão **Bākula** có tuổi thọ lên đến 160 năm, Ngài Trưởng Lão **Anuruddha** có tuổi thọ là 150 năm; Ngài **Mahākassapa** (Đại Ca Diếp), Ngài **Ānanda,** Bà La Môn **Pokkharasāti,** Bà La Môn **Brahmāyu,** Bà La Môn **Sela,** Bà La Môn **Bavāriya,** Bà **Visākhā,** với cả bảy Ngài này thì từng mỗi Ngài đã có được tuổi thọ 120 năm. Kết hợp hết cả chín Ngài này lại, cho dù quả thật là có tuổi thọ nhiều hơn cả 100 năm với hạn định thọ mạng ở trong thời kỳ Đức Phật Sa Môn Cồ Đàm **(Samaṇa Gotama),** tuy nhiên cũng không có người nào đã có tuổi thọ lên đến 200 năm.

Với lý do này, Bậc Chánh Đẳng Giác mới lập ý khải thuyết để ở trong Chánh Tạng **Pāḷi** Đại Phẩm Kinh Tạng **(Suttanta Mahāvagga)** rằng: **Yo bhikkhave ciraṃ jìvati so vassasataṃ jīvati appaṃ vā bhiyyo dutiyaṃ vassasataṃ na pāpuṇāti - Dịch nghĩa rằng:** Này Chư Tỳ Khưu, người nào có tuổi thọ, tức là người đó thường có tuổi thọ đến 100 năm, và cũng có được một vài người cũng hơn cả 100 năm đôi chút, nhưng không thể đến 200 năm.

Có điều đáng thắc mắc ở trong tất cả nhóm Nhân Loại hiện hữu ở trong Tứ Bộ Châu ấy. Nhóm Nhân Loại hiện hữu ở trong Bắc Câu Lư Châu, Đông Thắng Thần Châu và Tây Ngưu Hóa Châu, ở cả ba Bộ Châu này đã có hạn định thọ mạng một cách nhất định, thế mà Nhân Loại hiện hữu ở trong Nam Thiệm Bộ Châu đây lại có hạn định thọ mạng một cách bất định. Tất cả sự việc này là do bởi nguyên nhân chi ?

Điều này giải đáp rằng, nhóm người dân Nam Thiệm Bộ Châu này, nếu như tác hành Thiện Hảo với thể loại thiện hảo thù thắng, tức là có khả năng với bản thân tự tu tập cho được đắc chứng Thiền Định, Thắng Trí, Đạo – Quả, Níp Bàn; ý nói đến việc thành đạt **Phúc Lộc Thiền (Jhānalābhī), Phúc Lộc Thắng Trí (Abhiññālābhī), Bậc Thánh Nhân**

(Ariyapuggala), chí đến thành đạt luôn cả Bậc Chánh Đẳng Giác cũng được. Nếu như tác hành Bất Thiện với thể loại bất thiện nghiêm trọng, tức là cũng có khả năng tạo tác điều **Ác Hạnh (Duccarita)** luôn cả đến giai đoạn **Cực Trọng Nghiệp Lực (Anantariyakamma)** và **Chuẩn Xác Tà Kiến (Niyatamicchādiṭṭhi).** Vì thế, thọ mạng của người dân Nam Thiệm Bộ Châu này; khi là cao thì cao đến A Tăng Kỳ năm; và khi là thấp cũng thấp đến 10 năm. Còn nhóm Nhân Loại hiện hữu ở trong cả ba Bộ Châu mà đã có đề cập đến rồi đó thì sự tác hành diễn biến ở thể loại không cao và cũng không thấp giống như ở người dân Nam Thiệm Bộ Châu, mà chỉ tác hành diễn biến ở thể loại trung bình. Vì thế, hạn định thọ mạng của nhóm Nhân Loại này mới có được một cách nhất định, thật đáng tán thán và ca ngợi. Tiếp theo đây, sẽ đưa câu chuyện về sự tác hành diễn biến của người dân Bắc Câu Lư Châu lên, để trình bày cho được thấy như sau:

SỰ TÁC HÀNH DIỄN BIẾN NGƯỜI DÂN BẮC CÂU LƯ CHÂU

Bắc Câu Lư Châu đây, là một Bộ Châu đặc thù hơn cả các Bộ Châu khác. Cư dân sinh sống ở trong Bộ Châu này không phải có sự khổ sở vất vả ở trong các vấn đề chỗ ăn, chỗ ở, và chỗ nương nhờ, chí đến những hàng hóa, và các vật dụng tiêu dùng. Là vì ở trong Bộ Châu này có một loại cây có tên gọi là **Tiên Thiết Thụ (Cây Thần Ước)** làm thành chỗ nương nhờ của tất cả mọi người dân. Tiên Thiết Thụ này có cành nhánh cùng với cháng và lá cây đan phủ kín mít lẫn nhau. Từng mỗi nhánh cây và từng mỗi cháng cây ấy, được trông giống như là cung điện và nhà có chóp nhọn, và đã trở thành một nơi biệt thự tráng lệ. Vả lại, còn có rất nhiều các loại cổ thụ khác nữa, và đều toàn là những cổ thụ với đủ loại bông hoa và trái quả, làm thành tụ điểm vui chơi vô cùng thỏa thích. Có ao hồ và giếng nước tràn đầy, cùng với những hoa sen đủ các thể loại, và lại có hương thơm lan tỏa khắp cả các vùng của nhóm Nhân Loại ở trong Bộ Châu này. Riêng từng mỗi người dân đây thì có một thân hình hoàn hảo, không cao lắm và cũng không thấp lắm, một cơ thể khỏe khoắn và cường tráng, diễm lệ xinh đẹp và dưỡng nuôi xác thân khỏe mạnh, không suy giảm. Không phải có sự khổ sở vất vả cho sự tầm cầu trong việc dưỡng nuôi thân mạng. Không có điều nguy hại nào từ các loại thú dữ. Đất trời và khí hậu thường luôn ôn hòa và bình lặng, không nóng quá và cũng không lạnh quá. Điều này có ra sao thì người dân Bắc Câu Lư Châu vẫn luôn an lạc với trạng thái "đất thuần dân hậu" vậy, và cứ mãi quanh năm suốt tháng mà vẫn như nhau. Không có gian manh lừa đảo, luôn cả việc bức hại ưu não và kình cãi bất hòa lẫn nhau. Lúa mì **Sālī** tự phát sinh, không phải cầy cấy và cũng không phải gieo mạ, bông lúa mì trổ tức thì, không có cám và cũng không hạt lép, trắng trong tinh khiết và có hương thơm lan tỏa. Đến khi muốn nấu thì lấy ba tảng đá lửa có tên gọi **Quang Minh Thạch (Jotipāsāṇa)** đặt lên trên, thế rồi cái nồi gốm tự nóng sôi lên và cơm tự chín tới. Đến khi thọ thực thì không phải mưu cầu tìm kiếm chi với cơm gạo, sẽ nghĩ tưởng thọ thực với hương vị nào thì hương vị ấy sẽ tự hiện hành ở trong nồi gốm ấy thuận tùng theo sở nguyện. Nương vào vật thực có giá trị như vậy, mà vì thế không có bất luận trường hợp ốm đau bệnh tật nào mà hành hạ ưu não. Trong Bộ Châu này, sẽ không thể nào tìm ra, chỉ chừng độ một vài người,

với người mắc phải bệnh phong hủi, bệnh ngoài da được. Lại nữa, lúa mì **Sālī** khi đã chín tới thì bất luận ai đã đi đến với sở nguyện được thọ thực thì sẽ được dùng vừa theo sở thích, không có việc cất giữ tư riêng và lận sắc bủn xỉn với nhau. Tất cả các Bậc Thánh Nhân, có các Bậc Độc Giác Phật và Bậc Chánh Đẳng Giác v.v. thường luôn ngự đến với lòng bi mẫn đón nhận vật thực cúng dường ở trong bát.

Lại nữa, nam nữ Bắc Câu Lư Châu đây, từng mỗi vị đều giống như nhau, không cao, không thấp, không đen, không trắng, thường luôn có sự xinh tươi tốt đẹp. Có móng tay dài, có móng đỏ, có bầu ngực căng không chảy nhão, có hông thắt mông nở, có khuôn mặt y như thể mặt trăng, có chân tay và cổ mềm mại dịu dàng, có sự cảm xúc thích hợp với mọi thời tiết, có lời nói ngôn từ hảo thính ngọt ngào dễ nghe. Một trường hợp nữa, nam nữ ở trong Bộ Châu này, nếu sẽ hạn định về ái luyến tính dục thì cũng chừng độ"thất nhật bất quá". Qua khỏi bảy ngày thì dứt cả sự vui thích, và lại thản nhiên tựa như chẳng có chi cả. Và lẽ thường tất cả các nữ nhân ở trong các Bộ Châu khác, thường phải đón nhận sự khổ sở vất vả những khi hoài thai, tức là có các trường hợp đau đớn, có sự vất vả khổ sở trong việc bảo dưỡng thai bào với đủ mọi trường hợp. Thế mà, người nữ ở trong Bắc Câu Lư Châu này lại không có như thế những khi hoài thai, trái lại thường luôn an vui và thoải mái suốt trọn thời gian; không có sự cực nhọc, khổ sở vất vả cả Mẹ lẫn con. Trẻ sơ sinh khi được ra đời cũng không có vật bất tịnh, xú khí ô uế. Người Mẹ khi đã sinh con trẻ ra rồi thì cũng không có việc xác thiết bận tâm lo âu, nghĩ tưởng sẽ đi bất luận nơi nào cũng được miễn sao con trẻ sẽ được ngủ yên ở tại nơi ấy. Dù nam hay nữ đi nữa, cuối cùng dù là ai đi đến mà đã được nhìn thấy, lấy ngón tay bỏ vào miệng thì dòng sửa làm thành vật thực chảy ra một cách chầm chậm, và chỉ chừng độ ba ngày, thế rồi con trẻ cũng đã đứng dậy và bước đi. Nếu là nữ thì đi đến nhập vào nhóm người nữ, nếu là nam thì đi đến nhập vào nhóm người nam, và có sự an vui với mọi trường hợp.

Tất cả những người dân ở trong Bộ Châu này có đủ các vật dụng trang điểm điểm tô xác thân, mà đã được thành tựu từ **Tiên Thiết Thụ (cây Thần ước)** tùy thuộc khả thích với người đã nghĩ tưởng đến lấy, lại có đủ các thể loại trang phục cùng với vật trang sức điểm tô, và đã được treo lơ lửng ở thân cây và cành cây với tất cả lớn nhỏ đã làm phấn khích thỏa thích ở trong lòng của mọi người.

Sông nước hiện hữu ở trong Bộ Châu này thì trong vắt, có con nước lên xuống êm ả bình lặng, và nước sông ấy lại tinh khiết, không bùn sình, không nóng lắm và cũng không lạnh lắm. Ven bờ sông có muôn vàn với đủ thể loại bông hoa, như có cây quả vàng, v.v. cùng với hương thơm lan tỏa khắp cả bờ sông. Khi tất cả mọi người cùng rủ nhau để xuống tắm, thì tất cả trang phục áo quần cũng được cởi chất thành đống lại với nhau. Khi đã thành tựu cho việc tắm rửa, và đi lên thay lấy trang phục thì lại gắn thêm các vật trang sức, không có việc cướp giật tranh giành với nhau rằng là "cái ni của ta, cái nọ của người". Khi đến thời gian ngủ nghỉ thì vào đến bất luận cây nào, thì cây ấy tự hoàn thành công việc trải đệm và gối cho. Khi đến thời kỳ có bất luận người nào mà mệnh chung, thì cũng không có bất luận người nào sẽ khóc cho việc thương nhớ ấy. Khi đã mạng vong rồi, thì phụ với nhau lấy vải tẩn liệm chùm lấy và đem đi vứt bỏ. Có một bầy chim to bay đến chụp lấy cái xác ấy và tha

đi đem bỏ ở nơi ốc đảo khác. Với lý do này, trong Bắc Câu Lư Châu này mới không có những bãi tha ma, nghĩa địa và các địa sở bẩn thỉu ô uế. Và cư dân Bắc Câu Lư Châu này, **một khi đã mạng vong rồi thì sẽ không có việc đi tái sinh ở trong Thống Khổ Địa Giới, và với mãnh lực của Ngũ Giới thì tất cả đều đồng được thọ sinh ở trong Cõi Thiên Giới.** Đây đích thị chính là đặc tính thường nhiên của người dân Bắc Câu Lư Châu vậy. Vì thế, người dân hiện hữu ở trong Bộ Châu này mới có thọ mạng lâu dài hơn hẳn tất cả các Bộ Châu khác. Tất cả đều có thọ mạng đến 1,000 năm mới sẽ chấm dứt tuổi thọ. Câu chuyện Bắc Câu Lư Châu đã có trình bày ở tại đây, là đã được trích ở trong bộ Phụ Chú Giải Nội Dung Cốt Yếu Giải Minh **(Sāratthadīpanīṭīkā).**

Đối với câu chuyện của cả hai Bộ Châu là Đông Thắng Thần Châu và Tây Ngưu Hóa Châu này, thì không có điều chi là đặc biệt để sánh với Bắc Câu Lư Châu cả. Là vì đời sống, các sự hiện hành của người dân hiện hữu ở trong cả hai Bộ Châu này có sự tác hành diễn biến cũng tương tự y như thể với người dân ở trong Nam Thiệm Bộ Châu. Tuy nhiên sự tiến hóa về đời sống và tâm tính của người dân ấy, nếu là cao thì sẽ không cao bằng với người dân ở trong Nam Thiệm Bộ Châu, nếu là thấp thì sẽ không thấp hơn người dân ở trong Nam Thiệm Bộ Châu, và tác hành diễn biến thì thường luôn ở trong lãnh vực trung bình vừa phải. Do đó, người dân ở trong cả hai Bộ Châu này mới có được việc hạn định thọ mạng một cách nhất định, là như vậy.

TRÌNH BÀY SỰ TÁC HÀNH CỦA NHÂN LOẠI TRONG NAM THIỆM BỘ CHÂU

Đã có đề cập đến ở phần trên rằng trong khoảng thời gian mà thọ mạng giảm xuống chỉ còn 10 năm và khởi lên cho đến A Tăng Kỳ năm, tức là thọ mạng của Nhân Loại ở trong Nam Thiệm Bộ Châu này sẽ từ từ giảm dần xuống từ 100 năm rồi lần lượt xuống cho đến 10 năm làm thành thọ mạng. Tiếp theo đây sẽ giải thích cho đầy đủ thêm chi tiết nữa là khi tất cả Nhân Loại đã có tuổi thọ hạn định 10 năm làm thành thọ mạng thì tất cả vật thực có hương vị đỏ hồng tốt đẹp cũng biến mất đi hết. "Lúa ma" (lúa dại mọc thiên nhiên) sẽ thành thực phẩm quý giá, sẽ làm thành vật thực tuyệt hảo của tất cả loài Hữu Tình ở trong thời gian đó. Bé gái đã được sinh ra khi có tuổi thọ vừa đến 5 năm thì đã có chồng rồi có con. Trong thời gian ấy không có tác hành Thiện Sự, ngặt cũng không có nêu được đích danh là Phước hoặc Thiện, là bởi vì không có ai thấu rõ được Phước Thiện là cái chi cả. Ngặt chỉ có Thập Bất Thiện Nghiệp Lực thấm nhập và khống chế ở trong bổn tánh của tất cả loài Hữu Tình. Không có hai **Pháp Bảo Hộ Thế Gian (Lokapāladhamma)** là **Tàm (Hiri)** và **Quý (Ottappa).** Có sự tác hành tương tự giống với tất cả các loài Hữu Tình Bàng Sinh, không có sự nhận thức rằng đây là Cha, Mẹ, Anh Chị, Em, Con, Cháu, và tất cả thân bằng quyến thuộc. Tác hành **Tà Hạnh Tính Dục (Kāmesumicchācāra)** với những trường hợp giữa người Cha với con gái của mình, người Mẹ với con trai của mình, Anh Chị với người Em của mình, v.v. Trong khi đó, tất cả Nhân Loại sẽ có việc oán thù, hãm hại, bức hại ưu não lẫn nhau một cách nghiêm trọng. Cha Mẹ mưu toan ác hại để giết người con của mình, và người con sẽ mưu toan ác hại để giết Cha Mẹ của mình, Anh Chị mưu toan ác hại để giết

hại người em của mình, Em mưu toan ác hại để giết Anh Chị của mình, v.v. Các thảm họa sẽ phát sinh đến tất cả loài Hữu Tình ở trong thời điểm ấy, tức là bất luận thời lúc nào mà bổn tánh của tất cả loài Hữu Tình kết hợp một cách tròn đủ với Tham, Sân, Si. Các loại tai họa, có **Cơ Khốn Trung Kiếp (Dubbhikkhantara Kappa)** đó là một thể loại của sự đói khát (nạn đói khát), có **Sát Thương Trung Kiếp (Satthantara Kappa)** đó là một thể loại của của việc giao chiến sát hại lẫn nhau (nạn chiến tranh), có **Bệnh Hoạn Trung Kiếp (Rogantara Kappa)** đó là một thể loại của dịch bệnh truyền nhiễm hành hạ ưu não (nạn dịch bệnh). Cả ba thể loại tai họa này sẽ phát sinh lên đến với tất cả các loài Hữu Tình. Tuy nhiên ở trong thời kỳ này thì hạn định tuổi thọ của Nhân Loại chỉ có 10 năm, và thường có hiện bày rất nhiều tội ác. Trong thời kỳ của Sát Thương Trung Kiếp sẽ khởi sinh lên thì tất cả Nhân Loại sẽ bị nhiễu nhương loạn lạc và phát sinh sự giao chiến, đả thương, sát hại lẫn nhau; sẽ nắm bắt bất luận một vật dụng nào, chí đến sẽ nắm bắt lá cây cọng cỏ, và với những vật dụng ấy cũng đều trở thành là hung khí hết cả. Tất cả con người ấy sẽ truy đuổi để sát hại lẫn nhau với những loại hung khí ấy, rồi cùng nhau ngã lăn ra chết không thể nào đếm được số lượng.

Khi Sát Thương Trung Kiếp đã sinh khởi lên thì sẽ hiện hữu ở trong thời gian là bảy ngày. Với các bậc hữu trí thì đã tìm kiếm được lương khô đủ để nuôi mạng ở trong bảy ngày, và rồi đã đi trốn lánh ẩn trú trong các hốc núi, khe suối, thung lũng, cho đến khi được qua khỏi tai họa này. Ngoài sự việc ấy ra, thì đã đi đến sự sụp đổ điêu tàn và chết hết tất cả. Khắp cả nền lục địa đã ngập tràn với máu đổ, và đầy dẫy với những tử thi, thật là đáng khiếp đảm kinh hoàng. Một khi đã qua khỏi được bảy ngày, tất cả những người dân mà đã bỏ đi trốn lánh ẩn núp ấy nhìn thấy rằng mọi nơi đã yên ả lặng tiếng, thời đã cùng rủ nhau ra khỏi những nơi ẩn trú của mình. Khi đã được nhìn thấy lại lẫn nhau, thời có lòng bi mẫn thương quý với nhau rất nhiều, chạy lại quàng tay ôm chầm lấy và đã khóc cho nhau, rồi mới nói những lời nhắc nhở khuyên bảo lẫn nhau rằng: Tất cả thân bằng quyến thuộc và anh chị em của ta đều đã bị tàn sát giết hại đi rồi, là cũng do bởi phần đông với Bất Thiện cả. Tất cả chúng ta nay vẫn đang còn sinh mạng đây, chúng ta hãy cùng nhau tác hành Thiện Sự ngay thôi. Khi đã bàn bạc đồng thuận với nhau như thế, và rồi kể từ lúc đó tất cả mọi người đã tự tiết chế, kiểm thúc việc sát tử loài Hữu Tình **(Pāṇātipāta – Sát Tử).** Khi tất cả mọi người tu tập **Thiện Nghiệp Lực (Kusalakamma)** tức là tiết chế, kiểm thúc việc sát tử loài Hữu Tình thì con cháu của nhóm người này đã có tuổi thọ tăng trưởng lên gấp đôi lần, tức là từ 10 năm thành 20 năm. Và rồi con cháu của nhóm người này lại cũng nhắc nhở để sẽ tiếp tục thực hiện một cách tuần tự các Thiện Sự thêm nữa, thế rồi mới đem bàn bạc đồng thuận với nhau rằng: Tất cả chúng ta sẽ tiết chế việc Thâu Đạo **(Adinnādāna – Thâu Đạo),** việc **Tà Hạnh Tính Dục (Kāmesumicchāra),** việc **Vọng Ngữ (Musāvāda),** tiết chế nói lời lưỡng thiệt, nói lời thô ác ngữ, và không nói lời hồ ngôn loạn ngữ. Chúng ta sẽ tiết chế, kiểm thúc **Tham Ác (Abhijjhā), Tham Cầu Bất Chính (Visamalobha),** tức là có sự tham đắm dính mắc trong tài sản của người khác một cách bất chính đáng. Chúng ta sẽ tiết chế bất oán hận cừu khích, tức là có việc mưu hại xấu ác và oán kết lẫn nhau. Chúng ta sẽ tiết chế Tà Kiến, từ bỏ nhận thức sai lầm Pháp của **Bậc Hiền Trí (Paṇdita).** Chúng ta sẽ nguyện thọ trì và

trau giồi tu tập Thập Thiện Nghiệp Lực. Chúng ta sẽ từ bỏ lánh xa Tam Bất Thiện Nghiệp Lực, đó là Ý Tham với sự quyết định duyệt ý trong điều sai trật với tập quán cổ phong, Tham Dục duyệt ý trong các vật dụng tiêu dùng một cách bất chánh pháp, sự nhận thấy sai trật trở thành Tà Kiến Pháp. Chúng ta sẽ phụng dưỡng Mẹ Cha, bậc Sa Môn, bậc Phạm Hạnh một cách thuần tịnh. Chúng ta sẽ nên thực hiện việc tôn kính đến các bậc cao niên trưởng lão ở trong gia thuộc một cách chân thực. Khi đã đồng thuận nghĩ suy như thế, và rồi tất cả mọi người đã cùng tác hành thành tựu một cách tuần tự với từng mọi điều Thiện Pháp.

Bởi do tác nhân nguyện thọ trì và trau giồi tất cả các điều Thiện Pháp như thế, thế rồi con cháu của nhóm người này đã có tuổi thọ từ 20 năm lại tăng trưởng lên đến tuổi thọ 40 năm. Con cháu của nhóm người này đã có tuổi thọ từ 40 năm lại tăng trưởng lên đến tuổi thọ 80 năm. Con cháu của nhóm người này đã có tuổi thọ từ 80 năm lại tăng trưởng lên đến tuổi thọ 160 năm. Con cháu của nhóm người này đã có tuổi thọ từ 160 năm lại tăng trưởng lên đến tuổi thọ 320 năm. Con cháu của nhóm người này đã có tuổi thọ từ 320 năm lại tăng trưởng lên đến tuổi thọ 640 năm. Con cháu của nhóm người này đã có tuổi thọ từ 640 năm lại tăng trưởng lên đến tuổi thọ 2,000 năm. Con cháu của nhóm người này đã có tuổi thọ từ 2,000 năm lại tăng trưởng lên đến tuổi thọ 4,000 năm. Con cháu của nhóm người này đã có tuổi thọ từ 4,000 năm lại tăng trưởng lên đến tuổi thọ 8,000 năm. Con cháu của nhóm người này đã có tuổi thọ từ 8,000 năm lại tăng trưởng lên đến tuổi thọ 20,000 năm. Con cháu của nhóm người này đã có tuổi thọ từ 20,000 năm lại tăng trưởng lên đến tuổi thọ 40,000 năm. Con cháu của nhóm người này đã có tuổi thọ từ 40,000 năm lại tăng trưởng lên đến tuổi thọ 80,000 năm.

Trong thời kỳ Nhân Loại có tuổi thọ lên đến 80,000 năm đây, **những nàng trinh nữ (Kumārikā)** khi đã có được tuổi thọ 500 năm thì mới xứng hợp để có chồng. Và lúc bấy giờ chỉ có ba trường hợp về nạn bệnh tật khởi sinh đến nhóm Nhân Loại ấy, đó là sự đói, sự buồn ngủ hôn trầm và sự lão mại. Kể từ đây trở đi thì thọ mạng của Nhân Loại ở trong Bộ Châu này tuần tự tăng dần lên cho đến tuổi thọ A Tăng Kỳ năm.

TRÌNH BÀY THỜI GIAN ĐỨC PHẬT ARIYA METTREYYA SẼ XUẤT HIỆN TRONG CÕI NHÂN THẾ (MANUSSALOKA)

Khi tất cả Nhân Loại có được tuổi thọ lên đến A Tăng Kỳ năm rồi, liễu tri được về sự lão mại, sự bệnh tật, và sự tử vong, tất cả rồi cũng dần dần diệt mất hết đi. Đích thị chính do bởi có tuổi thọ lâu dài như thế mà đã làm cho phát sinh lên sự dể duôi khinh suất. Một khi đã có sự dể duôi khinh suất rồi, thời các thể loại Tà Kiến và Ngã Mạn cũng khởi sinh lên. Một khi đã có khởi sinh lên Tà Kiến và Ngã Mạn rồi, thời các thể loại Phiền Não cũng khởi sinh lên; và các thể loại Bất Thiện Nghiệp Lực cũng lần lượt khởi sinh lên. Một khi các thể loại Phiền Não và các thể loại Bất Thiện Nghiệp Lực lần lượt đã có khởi sinh lên như thế, thời tuổi thọ của Nhân Loại lại lần lượt sụt giảm xuống dần, từ A Tăng Kỳ năm xuống cho đến chỉ còn 80,000 năm. Và chính ngay ở trong thời gian này, thời Đức Phật **Ariya Mettreyya** (là vị Phật cuối cùng trong năm vị Phật hiện hữu ở trong quả địa cầu này)

sẽ xuất hiện ở trong Cõi Nhân Thế **(Manussaloka).** Như có Phật Ngôn **(Buddhabhāsita)** đã có trình bày để ở trong bài **Kinh Chuyển Luân Vương (Cakkavattisutta)** thuộc Kinh Tạng **(Suttantapiṭaka): Asītivassasahassāyukesu bhikkhave manussesu Mettreyyo nāma bhagavāloke uppajjissati - Dịch nghĩa rằng:** Này tất cả Chư Tỳ Khưu, trong thời kỳ mà Nhân Loại có tuổi thọ 80,000 năm, thời Đức Thế Tôn có danh xưng **Mettreyya,** là bậc hữu hạnh vận sẽ xuất hiện ở trong thế gian.

THỤ NẠN KHỔ GIẢ ATULA (VINIPĀTIKA ASURĀ)

Nhóm Thụ Nạn Khổ Giả **Atula** này, thời hạn định tính đếm số lượng tuổi thọ một cách bất định. Tuy nhiên ở trong Bộ Chú Giải Pháp Tâm Tạng Phân Tích **(Dhamma hadayavibhaṅga Aṭṭhakathā)** đã có trình bày rằng: **Bhumma devānaṃpi kammameva pamānaṃ - Dịch nghĩa rằng:** Cho dù tất cả nhóm Địa Cư Thiên quả thật là có hạn định số lượng tuổi thọ một cách bất định, ngần ấy Nghiệp Lực chính là số lượng tuổi thọ của những hạng Chư Thiên ấy vậy. Ý nói đến, có một số **Địa Cư Thiên (Bhummaṭṭhadevatā)** có tuổi thọ suốt trọn đến A Tăng Kỳ năm, vả lại cũng có một số nhóm thì chỉ có bảy ngày tuổi thọ thôi.

Lại nữa, ở trong Bộ Chú Giải Đức Vua **Nemirāja** đã có trình bày rằng: "Nhóm **Không Cư Thiên (Ākāsaṭṭhadevatā)** đã là **Bậc Thất Lai (Sotāpanna)** ở trong thời kỳ của Bậc Chánh Đẳng Giác **Kassapa** ấy, và khi đến thời kỳ của Bậc Giác Hữu Tình (**Bodhisatta** - Bồ Tát) Đức Vua **Nemi** ấy, thời nhóm Chư Thiên ấy cũng còn hiện hữu sinh mạng, và khi tính đếm thời gian thì sẽ thấy được rằng ở trong thời kỳ của Bậc Chánh Đẳng Giác **Kassapa** xuất hiện ở trong thế gian ấy thì ở thời gian ấy thọ mạng của Nhân Loại có số lượng 20,000 năm. Kể từ thời điểm ấy trở đi thọ mạng cũng lần lượt giảm xuống dần cho đến cuối cùng 10 năm. Kể từ thời điểm ấy thọ mạng lại lần lượt tăng dần lên lần nữa cho đến A Tăng Kỳ năm. Rồi lại một lần nữa giảm xuống dần cho đến 300,000 năm, là thời kỳ của Đức Vua **Nemi.** Nếu sẽ tổng kết thời gian lại thì không thể tính đếm thời gian dài ấy được. Có nghĩa là nhiều hơn A Tăng Kỳ năm. Vì thế, tất cả nhóm Không Cư Thiên ấy mới có hạn định tuổi thọ một cách bất định. Vì lẽ, những nhóm Không Cư Thiên này, cũng là nhóm Chư Thiên hiện hữu ở trong tầng Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới, đó đã là tầng Trời mà chỉ có hạn định tuổi thọ 500 năm Thiên Giới mà thôi. Khi tính thời gian Thiên Giới ở trong Nhân Loại thì có được 9,000,000 năm. Như thế, khi nói rằng nhóm Không Cư Thiên đã là Bậc Thất Lai ở trong thời kỳ của Bậc Chánh Đẳng Giác **Kassapa** vẫn còn hiện hữu sinh mạng suốt cho đến thời kỳ của Đức Vua **Nemi** ấy thì phải tính thời gian là hơn A Tăng Kỳ năm, đó đã là nhiều hơn cả thời gian đã hạn định đặt để ở trong tầng Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới. Hoặc nếu sẽ nói rằng nhóm Chư Thiên này mạng vong rồi tái sinh trở lại ở trong Cõi Giới cũ ấy, thời nào có thể hiện hành như thế được ! Vì rằng Chư Thiên Thất Lai này thì thường nhất định là không tái sinh nhiều hơn bảy kiếp sống ở trong Cõi Dục Địa Giới. Nếu như mệnh chung rồi tái sinh lại ở trong Cõi Địa Giới của mình cho được tròn đủ thời gian đi đến thời kỳ của Đức Vua **Nemi** ấy, thì nhóm Chư Thiên này sẽ phải mệnh chung rồi tái sinh lại

lắm là mười kiếp sống, và đó đã là điều không thể nào hiện hành được. Với lý do này, mới trình bày cho thấy rằng nhóm Không Cư Thiên ấy hẳng không thể nào có hạn định tuổi thọ một cách nhất định được, tùy thuộc vào Nghiệp Báo của mình."

Nhóm Thụ Nạn Khổ Giả **Atula** đã là nhóm Chư Thiên tầng Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới, thời cũng tương tự như vậy, là có hạn định tuổi thọ một cách bất định. Như thế, khi kết hợp lại các nhóm có hạn định tuổi thọ một cách bất định thời có được sáu nhóm, đó là:

1. Nhóm Hữu Tình Địa Ngục,
2. Nhóm Nhân Loại ở trong Nam Thiệm Bộ Châu,
3. Nhóm Thụ Nạn Khổ Giả **Atula**,
4. Nhóm Địa Cư Thiên nương trú nền lục địa và các cổ thụ,
5. Nhóm Không Cư Thiên,
6. Nhóm Thiên Cung Ngạ Quỷ Thiên.

+ Giải thích trong điều học Pāḷi thứ tám: Rằng là việc tính đếm số lượng tuổi thọ của Chư Thiên ở tầng Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới thì tính được 500 năm thuộc Thiên Giới, và rồi khi so sánh tuổi thọ của Nhân Loại thì có được 9,000,000 năm thuộc Nhân Loại. **Giải thích rằng:** Chư Thiên hiện hữu ở trong tầng Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới đây thì có rất nhiều nhóm với nhau. Đối với nhóm mà tính đếm có được số lượng tuổi thọ nhất định, **đó chính là nhóm Chư Thiên Tứ Đại Thiên Vương,** là nhóm ngoài ra của các nhóm Thụ Nạn Khổ Giả **Atula**, Địa Cư Thiên, Mộc Thần, Không Cư Thiên và Thiên Cung Ngạ Quỷ Thiên.

Việc tính đếm với năm thuộc Thiên Giới của Chư Thiên với năm của Nhân Loại có sự khác biệt như vầy: là số lượng 50 năm của Nhân Loại thì bằng với một ngày của Chư Thiên ở tầng Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới, đích thị được gọi là một ngày Thiên Giới. Ba mươi (30) ngày của Chư Thiên thành một (1) tháng. Mười hai (12) tháng thành một (1) năm Thiên Giới. Như thế, trong một năm của Chư Thiên tầng Thiên Giới này, khi nghĩ đến số lượng năm ở trong Nhân Loại thì sẽ phải là 18,000 năm. Và số lượng tuổi thọ của Chư Thiên ở tầng Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới này có được số lượng 500 năm Thiên Giới. Khi so sánh với năm ở trong Nhân Loại mới có được 9,000,000 năm; tức là lấy 18,000 năm x với 500 năm Thiên Giới = 9,000,000 năm. (500 x 30 = 18,000 x 500 = 9,000,000). Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có được trình bày để ở trong Bộ Kinh **Nāma cāradīpa** rằng:

Yāni paññāsa vassāni **Manussānaṃ dino tahiṃ**
Tiṃsaratthidivo māso **Māsā dvādasa samvaccharaṃ**
Tena saṃvaccharenāyu **Dibbaṃ pañcasataṃ mataṃ.**

Dịch nghĩa là: Tất cả hiền trí nên hiểu rằng 50 năm của Nhân Loại thì ở trong Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới là một ngày, một ngày một đêm. Ba mươi ngày thành một tháng. Mười hai tháng thành một năm. Tuổi thọ Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới có tuổi thọ là 500 năm, tính với năm thuộc Thiên Giới. Theo như đã đề cập đến, rằng một ngày một đêm ở trong tầng Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới đây, so sánh bằng với thời gian của Nhân Loại thường được 50 năm. Một ngày một đêm của Chư Thiên tầng Thiên Giới này cũng có

24 giờ đồng hồ như nhau. Như thế, một giờ đồng hồ ở trong tầng Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới đây, thì sẽ là 2 năm 1 tháng của thời gian ở trong đất nước con người.

+ Giải thích trong điều học Pāḷi thứ chín: Số lượng tuổi thọ Chư Thiên ở trong tầng Đao Lợi Thiên Giới thì hạn định được 1,000 năm Thiên Giới. Nếu sẽ nghĩ đến thành thời gian ở trong tầng Tứ Đại Thiên Vương Thiên Vương thì sẽ lâu dài hơn bốn lần, tức là số lượng tuổi thọ ở trong tầng Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới có số lượng tuổi thọ được 500 năm Thiên Giới. Ở trong Đao Lợi Thiên Giới có thời gian dài hơn gấp bốn lần, như thế, 1,000 năm Thiên Giới của tầng Đao Lợi Thiên Giới, khi nghĩ đến thành năm của tầng Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới thì sẽ được 2,000 năm Thiên Giới. Tức là lấy 500 năm Thiên Giới là tuổi thọ của tầng Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới x với 4 = 2,000 năm Thiên Giới. (500 x 4 = 2,000). Nếu sẽ nghĩ đến thành năm của Nhân Loại rồi thì 1,000 năm Thiên Giới của tầng Đao Lợi Thiên Giới sẽ bằng với 36,000,000 năm. Tức là lấy 9,000,000 năm mà đã so sánh từ ở 500 năm Thiên Giới của tầng Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới ấy rồi x với 4 = 36,000,000 năm. (9,000,000 x 4 = 36,000,000)

Giải thích rằng: Thời gian ở trong tầng Đao Lợi Thiên Giới đây, lâu dài nhiều hơn thời gian ở trong tầng Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới được gấp hai lần.

+ Một là, 24 giờ đồng hồ ở trong tầng Đao Lợi Thiên Giới sẽ phải là 48 giờ đồng hồ ở trong tầng Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới.

+ Hai là, thọ mạng của Chư Thiên ở trong tầng Đao Lợi Thiên Giới cũng có tuổi thọ lâu dài hơn Chư Thiên ở trong tầng Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới, tính được gấp hai lần. Như thế, khi nghĩ kết hợp lại, cả về thời gian và tuổi thọ thì sẽ tính được là gấp bốn lần của số lượng thời gian ở trong Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới. Có nghĩa là Chư Thiên Tứ Đại Thiên Vương khi có tuổi thọ đến 500 năm Thiên Giới, mệnh chung rồi tái sinh thành Chư Thiên ở trong tầng Thiên Giới này một lần nữa, sống cho đến hạn định tuổi thọ 500 năm Thiên Giới, mệnh chung rồi tái sinh trở lại lần nữa, mệnh chung rồi tái sinh trở lại lần nữa, luôn cả bốn lần như vậy, thì mới sẽ bằng với tuổi thọ của một vị Thiên Tử thuộc nhóm Chư Thiên ở tầng Đao Lợi Thiên Giới. Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có được trình bày để ở trong Bộ Kinh **Nāmacāradīpa** rằng:

Tato upari devānaṃ Diguṇā āyudīghatā
Divavassassa gaṇena Āyu catuguṇaṃ bhave

Dịch nghĩa là: Tuổi thọ Chư Thiên ở tầng trên là có được lâu dài nhiều hơn hai lần của Chư Thiên ở tầng dưới một cách tuần tự. Rằng số lượng tuổi thọ của Chư Thiên ở tầng trên có được bốn lần nhiều hơn của Chư Thiên ở tầng thấp, đó là việc tính đếm theo ngày và năm mà hiện hành ở trong Chư Thiên ở tầng thấp.

+ Số lượng tuổi thọ Chư Thiên tầng Dạ Ma Thiên Giới thì hạn định được 2,000 năm. Nếu sẽ tính với năm của Chư Thiên tầng Đao Lợi Thiên Giới thì sẽ được 4,000 năm. Nếu tính đếm với năm của tầng Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới sẽ phải là 8,000 năm.

+ Số lượng tuổi thọ Chư Thiên tầng Đâu Suất Đà Thiên Giới thì hạn định được 4,000 năm. Nếu sẽ tính với năm của Chư Thiên ở tầng Dạ Ma Thiên Giới sẽ được 8,000 năm. Nếu

tính đếm với năm của tầng Đao Lợi Thiên Giới sẽ phải là 16,000 năm, và nếu tính đếm với năm của tầng Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới sẽ phải là 32,000 năm vậy.

+ Số lượng tuổi thọ Chư Thiên tầng Hóa Lạc Thiên Giới thì hạn định được 8,000 năm. Nếu sẽ tính với năm của Chư Thiên ở tầng Đâu Suất Đà Thiên Giới sẽ được 16,000 năm. Nếu tính đếm với năm của tầng Dạ Ma Thiên Giới sẽ được 32,000 năm. Nếu tính đếm với năm của tầng Đao Lợi Thiên Giới sẽ được 64,000 năm. Nếu tính đếm với năm của tầng Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới sẽ được 128,000 năm.

+ Số lượng tuổi thọ Chư Thiên tầng Tha Hóa Tự Tại Thiên Giới thì hạn định được 16,000 năm. Nếu sẽ tính với năm của Chư Thiên tầng Hóa Lạc Thiên Giới sẽ được 32,000 năm. Nếu tính đếm với năm của tầng Đâu Suất Đà Thiên Giới sẽ được 64,000 năm. Nếu tính đếm với năm của tầng Dạ Ma Thiên Giới sẽ được 128,000 năm. Nếu tính đếm với năm của tầng Đao Lợi Thiên Giới sẽ được 256,000 năm. Và nếu tính đếm với năm của Chư Thiên tầng Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới sẽ phải là 512,000 năm.

Theo Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** đã có được trình bày để ở trong Bộ Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp đây, rằng: **Tato catugguṇaṃ tāvatiṃsānaṃ** v.v. – **Dịch nghĩa là:** Số lượng tuổi thọ Chư Thiên tầng Đao Lợi Thiên Giới v.v. có được nhiều tuổi thọ hơn của Chư Thiên tầng Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới đến gấp bốn lần, v.v. Ngài đã lập ý lấy rằng: "với thời gian là gấp đôi, và tuổi thọ nhiều hơn gấp đôi", và như thế tuần tự đi theo các tầng Trời, đích thị chính là đã có được giải thích để ở trong phần trên rồi vậy. Cũng như Ngài đã có trình bày để ở trong Bộ **Kinh Siêu Lý Phân Tích (Paramatthavinicchaya)** rằng:

Āyuppamāṇamiccevaṃ Devānamuparūpari
Dvikkhattuṃ diguṇaṃ katvā Catubbhāgamudāhaṭaṃ

Dịch nghĩa là: Số lượng tuổi thọ tất cả Chư Thiên mà đã nói rằng có được bốn lần hơn, tức là lấy gấp đôi x với 2, và đi tuần tự theo các tầng Thiên Giới của Chư Thiên, đích thị chính là theo phần mà đã có được đề cập đến rồi vậy.

+ Giải thích trong điều học Pāḷi thứ mười: Trong điều học **Pāḷi** này, đích thị chính là việc trình bày số lượng tuổi thọ Chư Thiên tầng Tha Hóa Tự Tại Thiên Giới, đó đã là tầng Thiên Giới cuối cùng, và so sánh với năm của Nhân Loại.

Lại nữa, Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** đã có trình bày số lượng tuổi thọ Chư Thiên so sánh với năm của Nhân Loại ấy, là Ngài chỉ có trình bày một cách đặc biệt ở tầng Thiên Giới đầu tiên, tức là Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới với tầng Thiên Giới cuối cùng, tức là Tha Hóa Tự Tại Thiên Giới thôi. Còn nhóm Chư Thiên hiện hữu ở bốn tầng Thiên Giới ở giữa, là không có được trình bày việc so sánh vậy. Việc trình bày theo phần này được gọi là **Trung Tâm Điểm Phần (Majjhima peyyāladīpanaya).** Tất cả sự việc này là vì tất cả các bậc Học Giả, khi đã được liễu tri nội dung ở trong phần câu trên **(Ādi – Khởi Điểm),** và ở trong phần câu cuối **(Pariyosāna – Kết Luận),** rồi cũng nên liễu tri nội dung ở trong khoảng giữa **(Majjha – Trung Độ)** với chính tự mình.

Nếu sẽ trình bày một cách tròn đủ, từ Khởi Điểm, Trung Độ, Kết Luận sẽ có như vầy, tức là:

+ Số lượng tuổi thọ Chư Thiên ở tầng Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới có hạn định 500 năm, so sánh với năm của Nhân Loại là 9,000,000 năm.

+ Số lượng tuổi thọ Chư Thiên ở tầng Đao Lợi Thiên Giới có hạn định 1,000 năm, so sánh với năm của Nhân Loại là 36,000,000 năm.

+ Số lượng tuổi thọ Chư Thiên ở tầng Dạ Ma Thiên Giới có hạn định 2,000 năm, so sánh với năm của Nhân Loại là 144,000,000 năm.

+ Số lượng tuổi thọ Chư Thiên ở tầng Đâu Suất Đà Thiên Giới có hạn định 4,000 năm, so sánh với năm của Nhân Loại là 576,000,000 năm.

+ Số lượng tuổi thọ Chư Thiên ở tầng Hóa Lạc Thiên Giới có hạn định 8,000 năm, so sánh với năm của Nhân Loại là 2,304,000,000 năm.

+ Số lượng tuổi thọ Chư Thiên ở tầng Tha Hóa Tự Tại Thiên Giới có hạn định 16,000 năm, so sánh với năm của Nhân Loại là 9,216,000,000 năm.

TRÌNH BÀY LỤC HỮU SẮC GIỚI TÁI SINH (RŪPĀVACARAPAṬISANDHI 6)

+ Giải thích trong điều học Pāḷi thứ 11, 12, 13 và 14: Giải thích rằng: Một Tâm Dị Thục Quả Sơ Thiền tác hành nhiệm vụ làm Tâm Tái Sinh, Tâm Hữu Phần và Tâm Tử của cả ba bậc Phạm Thiên Sơ Thiền. Một Tâm Dị Thục Quả Nhị Thiền và một Tâm Dị Thục Quả Tam Thiền, với cả hai Tâm này, tác hành nhiệm vụ làm Tâm Tái Sinh, Tâm Hữu Phần và Tâm Tử của ba bậc Phạm Thiên Nhị Thiền, tùy theo trường hợp. Một Tâm Dị Thục Quả Tứ Thiền tác hành nhiệm vụ làm Tâm Tái Sinh, Tâm Hữu Phần và Tâm Tử của cả ba bậc Phạm Thiên Tam Thiền. Một Tâm Dị Thục Quả Ngũ Thiền tác hành nhiệm vụ làm Tâm Tái Sinh, Tâm Hữu Phần và Tâm Tử của sáu bậc Phạm Thiên Tứ Thiền (trừ Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng).

Tại nơi đây, đối với Tâm Dị Thục Quả Sơ Thiền tác hành nhiệm vụ làm Tâm Tái Sinh và Tâm Tử của bậc Phạm Thiên Sơ Thiền thì không có điều thắc mắc, là vì Tâm Thiền với Sinh Địa Giới của vị Phạm Thiên thì giống nhau, tức là cùng tầng Trời Sơ Thiền. Tuy nhiên cả hai Tâm, là Tâm Dị Thục Quả Nhị Thiền với Tâm Dị Thục Quả Tam Thiền làm thành Tâm Tái Sinh của mỗi một nhóm Phạm Thiên Nhị Thiền. Tâm Dị Thục Quả Tứ Thiền làm thành Tâm Tái Sinh của bậc Phạm Thiên Tam Thiền và Tâm Dị Thục Quả Ngũ Thiền làm thành Tâm Tái Sinh của bậc Phạm Thiên Tứ Thiền, là do bởi nguyên nhân chi ?

Điều này giải thích rằng: Phúc Lộc Sơ Thiền (Paṭhamajhānalābhī) ở Người Lợi Căn (Tikkhapuggala) ấy, khi đã quán sát Ngũ Chi Thiền thì thường nhìn thấy tác hại của chi Tầm **(Vitakka)** có trạng thái là thô thiển, và tác hại của chi Tứ **(Vicàra)** có trạng thái là vi tế hơn chi Tầm trong cùng chung một thời điểm. Vì thế, khi tiếp tục tu tập Thiền Định lần thứ hai thành **Người Phúc Lộc Nhị Thiền (Dutiyajhānalābhīpuggala)** ấy thì thường làm mất đi cả hai Chi Tầm và Tứ này trong cùng một thời điểm. Khi tiếp tục tu tập Thiền Định lần thứ ba thành **Người Phúc Lộc Tam Thiền (Tatiyajhānalābhīpuggala)** thường làm cho **Chi Hỷ (Pīti)** biến mất đi. Và khi tiếp tục tu tập Thiền Định lần thứ tư thành **Người Phúc Lộc Tứ Thiền (Catutthajhānalābhīpuggala)** thường làm cho chi Lạc **(Sukha)** mất đi, và

duy nhất chỉ còn lại có hai chi, đó là **chi Xả (Upekkha)** và **chi Nhất Thống (Ekaggatā),** và như vậy là người ấy đã được chứng đắc viên mãn hết cả các tầng Hữu Sắc Giới Thiền Định.

Còn Phúc Lộc Sơ Thiền ở **Người Độn Căn (Mandapuggala),** khi đã quán sát Ngũ Chi Thiền thì thường không có khả năng để nhìn thấy sự tác hại cùng một lúc của cả hai chi Tầm và chi Tứ, mà sẽ cần phải nhìn thấy tác hại của mỗi một chi Tầm này trước. Rồi lại tiếp tục tu tập Thiền Định lần thứ hai thành Người Phúc Lộc Nhị Thiền, thì làm cho mất đi cũng chỉ có duy nhất mỗi một chi Tầm, và nếu như Người Phúc Lộc Nhị Thiền này mệnh chung thì sẽ đi tái sinh ở trong tầng Nhị Thiền Phạm Thiên Giới với Tâm Dị Thục Quả Nhị Thiền làm thành Tâm Tái Sinh. Nếu như Người Phúc Lộc Nhị Thiền vẫn chưa có mệnh chung, khi quán sát Tứ Chi Thiền thì thường nhìn thấy tác hại của chi Tứ và khi tiếp tục tu tập Thiền Định lần thứ ba thành Người Phúc Lộc Tam Thiền rồi, thì thường làm cho mất chi Tứ này đi. Nếu như Người Phúc Lộc Tam Thiền này mệnh chung thì sẽ đi tái sinh ở trong tầng Nhị Thiền Phạm Thiên Giới cũng chỉ với mỗi một Tâm Dị Thục Quả Tam Thiền làm thành Tâm Tái Sinh như nhau. Là vì Tâm Thiện Nhị Thiền với Tâm Thiện Tam Thiền của Người Độn Căn đây, cho dù Tâm Thiện Tam Thiền sẽ là Tâm Thiền cao hơn Tâm Nhị Thiền thực sự là như vậy. Tuy nhiên một khi tính theo mãnh lực sẽ dắt dẫn cho đi tái sinh ở trong Hữu Sắc Phạm Thiên Giới thì Tâm Thiện Tam Thiền này cũng vẫn chưa có đủ mãnh lực để sẽ dắt dẫn cho đi tái sinh ở trong tầng Tam Thiền Phạm Thiên Giới được. Tất cả cũng là vì Tâm Tam Thiền đã làm cho mất chi Tầm đây thì cũng chẳng có chi là đặc biệt hơn Tâm Nhị Thiền cũng đã làm cho mất chỉ có mỗi một chi Tầm. Tuy nhiên khi tách theo Tâm Thiền ra, thì Tâm Thiền chỉ làm cho mất có mỗi một chi Tầm được gọi là Tâm Nhị Thiền, và Tâm Thiền chỉ làm cho mất có mỗi một chi Tứ thì được gọi là Tâm Tam Thiền ấy, cũng chỉ là việc tách ra theo chủng loại của hạng Người, đích thị chính là Người Độn Căn này vậy.

Nếu như Phúc Lộc Tam Thiền mà ở Người Độn Căn đây vẫn chưa có mệnh chung, khi quán sát Tam Chi Thiền thì lại cũng thường nhìn thấy tác hại của chi Hỷ nữa. Khi tiếp tục tu tập Thiền Định lần thứ tư thành Người Phúc Lộc Tứ Thiền rồi, thì cũng thường làm cho mất chi Hỷ nữa. Và nếu như Người Phúc Lộc Tứ Thiền này mệnh chung, thì cũng sẽ đi tái sinh ở trong tầng Tam Thiền Phạm Thiên Giới với Tâm Dị Thục Quả Tứ Thiền làm thành Tâm Tái Sinh.

Nếu như Người Phúc Lộc Tứ Thiền này vẫn chưa có mệnh chung, khi quán sát Nhị Chi Thiền cũng thường nhìn thấy tác hại của **Lạc Thọ (Sukhavedanā),** và khi tiếp tục tu tập Thiền Định lần thứ năm thành **Người Phúc Lộc Ngũ Thiền (Pañcamajhānalābhī puggala)** thì lại cũng thường làm cho chi Lạc mất đi, và chỉ còn lại là chi Xả với chi Nhất Thống. Và nếu như Người Phúc Lộc Ngũ Thiền là Người Độn Căn đây mà mệnh chung thì cũng đi tái sinh ở trong tầng Tứ Thiền Phạm Thiên Giới với Tâm Dị Thục Quả Ngũ Thiền làm thành Tâm Tái Sinh.

+ Giải thích trong điều học Pāḷi thứ 15, 16: Đối với Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng ấy thì không có **Danh Pháp (Nāmadhamma)** tức là Tâm và Tâm Sở, mà chỉ có mỗi một **Sắc Pháp (Rūpadhamma).** Tất cả cũng chỉ vì mãnh lực Tâm Ngũ Thiền mà hữu quan với **Tưởng Ly Ái Tu Tập (Saññāvirāgabhāvanā).**

Giải nghĩa rằng: Với bậc đã chứng đắc tầng Ngũ Thiền Hữu Sắc Giới từ mãnh lực Tưởng Ly Ái Tu Tập ấy, đến khi mệnh chung rồi đi tái sinh ở trong Vô Tưởng Hữu Tình Phạm Thiên Giới, đã được tái sinh chỉ với mỗi một **Bọn Sắc Tổng Hợp Mạng Cửu (Jīvitanavakakalāpa),** và không có bọn Sắc Nghiệp Lực nào khác sinh khởi. Tiếp nối từ sát na Tái Sinh là **Thời Kỳ Chuyển Khởi (Pavattikāla)** cho đến **Thời Kỳ Tử Vong (Cutikāla)** đó, thời chỉ có hai bọn Sắc Pháp, là Tổng Hợp Mạng Cửu và Sắc Quý Tiết. **Bọn Sắc Tâm (Cittajarūpa)** sinh khởi từ Tâm và Tâm Sở, và các bọn **Sắc Nghiệp Lực (Kammajarūpa)** khác, ngoài ra bọn Sắc Tổng Hợp Mạng Cửu thời không có khởi sinh. Đối với bọn **Sắc Vật Thực (Āhārajarūpa)** được sinh từ **Đoàn Thực (Kabaḷīkārāhāra)** ấy, thời không có hiện hữu ở trong tất cả các nhóm Phạm Thiên Hữu Sắc Giới.

Nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng hiện hữu trong tầng Hữu Tình Vô Tưởng Phạm Thiên Giới đây, thời có cử chỉ hành động ở trong ba thể loại oai nghi, đó là: (1) ở trong nhóm oai nghi ngồi (Tọa Thiền), (2) ở trong nhóm oai nghi nằm (Ngọa Thiền), (3) ở trong nhóm oai nghi đứng (Trụ Thiền). Cả ba nhóm này, nhóm nào ở trong bất luận oai nghi nào thì hiện hữu như thế suốt cho đến khi mãn hạn thọ mạng, tức là 500 Đại Kiếp **(Mahākappa),** và là như vậy tùy thuộc vào vị ấy khi mệnh chung từ ở Thất Thiện Dục Địa Giới bất luận ở trong oai nghi nào. Nếu ở trong oai nghi ngồi và tử vong thì khi tái sinh làm Bậc Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng được hiện bày ở trong oai nghi ngồi. Khi nằm và tử vong, thì sẽ hiện bày ở trong oai nghi nằm. Khi đứng và tử vong, thì sẽ hiện bày ở trong oai nghi đứng. Nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng có thân sắc da dẻ hao hao với tượng Phật bằng vàng ròng, và ở trong sát na mệnh chung từ ở tầng Hữu Tình Vô Tưởng Phạm Thiên Giới thì bọn Sắc Tổng Hợp Mạng Cửu và Sắc Quý Tiết cũng diệt mất theo và không có sinh tiếp tục.

Lẽ thường nhóm Nhân Loại, Hữu Tình Bàng Sinh, Chư Thiên, cho dù Sắc Nghiệp Lực, Sắc Tâm, Sắc Vật Thực đã diệt mất, không còn dư sót đi nữa; nhưng về phần Sắc Quý Tiết thì cũng vẫn còn dư sót, như là chúng ta đã được nhìn thấy ở xác tử thi đó vậy. Tuy nhiên, còn đối với nhóm Chư Thiên, Phạm Thiên, Hữu Tình Địa Ngục, Ngạ Quỷ, **Atula** (trừ Chư Thiên Dạ Xoa, Ngạ Quỷ Dạ Xoa thuộc nhóm **Thai Sinh (Gabbhaseyya)** và **Thấp Sinh (Saṃsedaja)** xuất sinh với những hạng này, khi đến thời kỳ mệnh chung thì tất cả bọn Sắc Pháp thường là diệt mất hết tất cả và chẳng còn chút dư sót nào cả, tựa như ánh sáng ngọn lửa đã phụt tắt xuống như thể ấy vậy. Có ý nghĩa là hạng **Người Hóa Sinh Tái Sinh (Opapātika paṭisandhi)** ấy, một khi đã mệnh chung thì tựa như một thoáng biến mất, chẳng còn cái chi dư sót để hiện bày. Còn đối với Người Thai Sinh Tái Sinh với Người Thấp Sinh Tái Sinh ấy, một khi đã mệnh chung thì còn xác thân, tức là tử thi vẫn còn hiện bày. Và là như vậy cũng do bởi bọn Sắc Nghiệp Lực mà sinh ở trong Người Hóa Sinh ấy, thời sinh nhiều hơn các bọn Sắc khác; đích thị chính là ngay ở trong sát na Tái Sinh, thì bọn Sắc Nghiệp Lực sinh được đầy đủ và hiện hữu ở khắp cả thân thể, cùng một lúc hiện bày thành thân tướng to lớn. Vì thế, thân hình của nhóm Người này mới có sự nhẹ nhàng một cách đặc biệt. Còn bọn Sắc Tâm, Sắc Quý Tiết và Sắc Vật Thực sinh vào khoảng thời gian sau ở trong Thời Chuyển Tiếp ấy, thường là có cơ hội sinh được một chút ít. Việc sinh khởi và tồn tại

của những loại Sắc này thường là phải nhờ vào bọn Sắc Nghiệp Lực làm thành chỗ nương nhờ một cách đặc biệt. Do đó, một khi nhóm Người này mệnh chung và bọn Sắc Nghiệp Lực cũng diệt mất rồi, thì tất cả những bọn Sắc khác cũng lần lượt diệt mất theo tuần tự, số lượng thời gian thì chỉ khoảng bằng một búng ngón tay, và cũng không còn chút dư sót nào cả.

Còn Chư Thiên Dạ Xoa, Ngạ Quỷ Dạ Xoa mà thuộc nhóm Thai Sinh và Thấp Sinh xuất sinh ấy, khi đến thời mệnh chung thì xác thân vẫn còn hiện bày, mà chỉ có thay đổi thực tính từ xác thân cũ biến đổi thành xác thân của loài Hữu Tình khác, chẳng hạn biến đổi thành xác thân của những loại như tắc kè, thạch sùng, rắn, chim, v.v.

Lời giải thích như đã có được đề cập đến ở tại đây, là đã được dựa vào các cứ liệu ở trong bài **Đế Thích Sở Vấn Kinh (Sakkapañhāsutta)** thuộc Bộ Chú Giải Đại Phẩm – Kinh Tạng **(Suttanta Mahāvagga Aṭṭhakathā)**, Cúng Dường Lễ Vật **(Patipājikāvatthu)** trong Bộ Chú Giải Pháp Cú Kinh **(Dhammapada Aṭṭhakathā),** Bộ Phụ Chú Giải Minh Nghĩa **(Vibhāvanīṭīkā),** Siêu Lý Minh Nghĩa Đại Phụ Chú Giải **(Paramatthadīpanī Mahāṭīkā),** và Vua **Milinda** Sở Vấn **(Milindapañhā).**

Nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng mà đã có được đề cập đến, thì cũng được liệt vào ở trong nhóm Hóa Sinh Tái Sinh. Do đó, trong sát na mệnh chung là chỉ với mỗi một Sắc Pháp mà thôi, và cũng như vậy, là không còn dư sót hiện bày. Và thế là, cũng sẽ phải đi tái sinh vào bất luận một trong Thất Thiện Dục Địa Giới, làm thành **Người Nhị Nhân (Dvihetukapuggala)** hoặc **Người Tam Nhân (Tihetukapuggala)** duyên theo Nghiệp Lực của mình. Việc tái sinh của nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng đây, được gọi là **Thiện Thú Vô Nhân Tái Sinh (Sugati Ahetukapaṭisandhi),** là vì Sinh Địa của nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng này là **Thiện Thú Địa Giới (Sugatibhūmi),** tức là Địa Giới tốt đẹp chỉ để Tái Sinh, chỉ có duy nhất mỗi một Sắc Pháp và bất tương ưng với Nhân, được gọi là Vô Nhân **(Ahetuka).** Do đó, khi kết hợp lại thì việc Tái Sinh này mới được gọi là Thiện Thú Vô Nhân Tái Sinh. Đối với hạng Người thì được gọi là **Người Thiện Thú Vô Nhân (Sugati Ahetukapuggala),** tuy nhiên khác biệt với nhóm **Người Thiện Thú Dục Giới Vô Nhân (Kāmasugati Ahetukapuggala).**

Như vậy, khi kết hợp việc Tái Sinh của tất cả các vị Phạm Thiên Hữu Sắc Giới có được sáu thể loại, đó là 5 **Danh Tái Sinh (Nāmapaṭisandhi)** và 1 **Sắc Tái Sinh (Rūpa paṭisandhi).**

TRÌNH BÀY SỐ LƯỢNG TUỔI THỌ 16 NGƯỜI HỮU SẮC GIỚI

+ Giải thích điều học Pāḷi thứ 17 – 21: Trong từng mỗi tầng của cả ba tầng Trời Sơ Thiền Sắc Giới, một khi thế gian bị tiêu hoại xuống đến cả ba tầng Sơ Thiền Sắc Giới này thì thường bị tiêu hoại cùng một lúc với nhau. Vì thế, cả ba nhóm Phạm Thiên hiện hữu ở trong tầng Sơ Thiền Sắc Giới mới không có cơ hội được sống suốt trọn Đại Kiếp. Với lý do này, lời nói rằng Kiếp **(Kappa)** mà đã có được trình bày để ở trong Bộ Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp điều học **Pāḷi** thứ 12 mới lập ý là chỉ lấy Thành Trụ A Tăng Kỳ Kiếp

(Vivaṭṭaṭṭhāyī Asaṅkheyyakappa), đó là một phần ở trong số lượng bốn phần của Đại Kiếp **(Mahākappa)**. Do đó, lời nói rằng **Kappassa tatiyo bhāgo** tức là một phần ở trong số lượng ba phần của Thành Trụ A Tăng Kỳ Kiếp. **Upaḍḍhakappo** tức là một nửa Thành Trụ A Tăng Kỳ Kiếp. **Ekokappo** tức là một Thành Trụ A Tăng Kỳ Kiếp. Còn Kiếp làm thành thọ mạng của các vị Phạm Thiên Nhị Thiền Sắc Giới trở lên cho đến các vị Phạm Thiên Sắc Cứu Cánh thì tất cả đều lập ý lấy Đại Kiếp hết cả. Việc bị tiêu hoại của cả hai Cõi Nhị Thiền Thiên Giới và Cõi Tam Thiền Thiên Giới đây, là chẳng phải bị tiêu hoại từng mỗi một lúc, tức là ba tầng Trời Nhị Thiền Sắc Giới bị tiêu hoại tám Đại Kiếp liền một lúc; ba tầng Trời Tam Thiền Sắc Giới bị tiêu hoại 24 Đại Kiếp liền một lúc. Việc hạn định thọ mạng của nhóm Phạm Thiên Hữu Sắc Giới đã có được trình bày ở phía trên rồi, đó chỉ là việc hạn định thọ mạng theo phần tối đa, đại đa số vậy; thời không hẳn sẽ phải là đi đến tròn đủ tuổi thọ như đã được hạn định, là vì việc mệnh chung của những nhóm Phạm Thiên Hữu Sắc Giới này, là việc mệnh chung thuộc thể loại **Diệt Nghiệp Tử Vong (Kammakkhayamaraṇa)** cũng có, thuộc loại **Đình Chỉ Tử Vong (Uppacchedakamaraṇa)** cũng có. Chẳng hạn như có một vài nhóm Phạm Thiên Sơ Thiền, Phạm Thiên Nhị Thiền và Phạm Thiên Tam Thiền đã tái sinh ở trong các Cõi Thiên Giới ấy, trong khi thế gian sắp sửa phải bị tiêu hoại thời tuổi thọ của những hạng Phạm Thiên ấy, cho dù đã có được hạn định theo như đã có đề cập đi nữa, thì thường cũng không thể có thọ mạng tròn đủ số lượng như đã được hạn định vậy. Có nghĩa là sẽ phải mệnh chung trước khi thế gian sẽ phải bị tiêu hoại, do bởi Hỏa Tai, hoặc Thủy Tai hay là Phong Tai, tùy theo ứng hợp của từng mỗi Cõi Thiên Giới ấy. Cũng tương tự như vậy, là có một vài nhóm Phạm Thiên mà đã tái sinh ở trong cả 16 tầng **Hữu Sắc Thiên Giới (Rūpabhūmi)**, kể từ khởi đầu Thành Trụ A Tăng Kỳ Kiếp và tùy thuộc vào Nghiệp Lực của mình, mà nếu như dứt Nghiệp Lực khi nào thời cho dù vẫn chưa đến hạn định thọ mạng, thì cũng phải mệnh chung rời khỏi Cõi Thiên Giới của mình trước vậy. Lại nữa, việc hạn định thọ mạng của nhóm Biến Quang Phạm Thiên hiện hữu ở trong tầng thứ ba của Nhị Thiền Phạm Thiên Giới là 8 Đại Kiếp. Thọ mạng của nhóm Biến Tịnh Phạm Thiên hiện hữu ở trong tầng thứ ba của Tam Thiền Phạm Thiên Giới là 64 Đại Kiếp. Đối với những nhóm Phạm Thiên hiện hữu ở trong các Phạm Thiên Giới ấy thì không có bất luận một vị Phạm Thiên nào sống trọn đủ thời gian đã hạn định cả, là vì Biến Quang Phạm Thiên Giới này, khi đến thời gian mà thế gian bị tiêu hoại do bởi Thủy Tai và Biến Tịnh Phạm Thiên Giới cũng tương tự như vậy, tức là khi thế gian bị tiêu hoại do bởi Phong Tai. Vì thế, cả hai nhóm Phạm Thiên này mới có thọ mạng không tròn đủ theo như đã được hạn định. Là vì từ ngữ nói rằng "một Đại Kiếp" ấy là sẽ phải có "bốn A Tăng Kỳ Kiếp". Trong số lượng bốn A Tăng Kỳ Kiếp này, Tiêu Hoại A Tăng Kỳ Kiếp là thời gian mà thế gian đang vào thời kỳ hoại diệt với thời gian dài 64 Trung Kiếp. Hoại Diệt A Tăng Kỳ Kiếp là thời gian mà thế gian đã bị tiêu hoại cho đến tuyệt diệt, chỉ còn trống không hư vô với thời gian dài 64 Trung Kiếp. Hình Thành A Tăng Kỳ Kiếp là thời gian mà thế gian bắt đầu hình thành mới trở lại với thời gian dài 64 Trung Kiếp. Thành Trụ A Tăng Kỳ Kiếp là thời gian mà thế gian đã được kiến tạo thành tựu viên mãn, và ngay trong thời gian hiện tại này đích thị chính

là đang hiện hữu ở trong Thành Trụ A Tăng Kỳ Kiếp vậy, cũng với thời gian dài 64 Trung Kiếp tương tự như nhau.

Lẽ thường, Biến Quang Phạm Thiên Giới và Biến Tịnh Phạm Thiên Giới, cả hai Phạm Thiên Giới này, quả thật dù cho khi đã đến thời gian bị tiêu hoại đi thì sẽ bị tiêu hoại sau các Thiên Giới khác; và khi đến thời gian hiện khởi cũng hiện khởi trước các Thiên Giới khác. Ấy thế mà, khi đến thời kỳ thế gian bị tiêu hoại do bởi Thủy Tai và Phong Tai ấy thì cả hai Phạm Thiên Giới nàyđã không có thể hiện hữu tròn đủ cả bốn A Tăng Kỳ Kiếp được, và hiện hữu chỉ là tròn đủ hai A Tăng Kỳ Kiếp, tức là chỉ ở trong Hình Thành A Tăng Kỳ Kiếp với Thành Trụ A Tăng Kỳ Kiếp thôi. Còn trong thời Tiêu Hoại A Tăng Kỳ Kiếp thì vẫn chưa có được hiện hữu cho đến tròn đủ 64 Trung Kiếp, là vì đã bị tiêu hoại mất ở trong giai đoạn cuối. Đối với trong thời Hoại Diệt A Tăng Kỳ Kiếp thì cả Cõi Phạm Thiên Giới này đã bị tiêu hoại cho đến tuyệt diệt, không có chi để mà hiện bày được. Vì thế, trong việc hạn định số lượng tuổi thọ rằng là "8 Đại Kiếp **(Mahākappa)**" và "64 Đại Kiếp **(Mahākappa)**" thì sự thực không có hiện hữu tròn đủ như đã có được giải thích. Tuy nhiên với lý do là việc tính đếm số lượng mà đã có trình bày ở trong Tam Tạng **(Tipiṭaka)** đây, là chỉ lưu ý đếm lấy số lượng cho tròn đủ, và đã không đếm lấy con số lớn (tối đa) hoặc cũng như thế, là đã bỏ qua con số nhỏ (tối thiểu). Do đó, tất cả các Ngài Chú Giải Sư mới nói rằng: **Appakaṃ vā ūnaṃ vā adhikaṃ vā gaṇanūpagaṃ na hoti - Dịch nghĩa rằng:** Sự việc là số lượng mà bỏ qua chút ít (tối thiểu) hoặc là vượt quá chút ít ấy không cho là việc trình bày cho được hiện bày như vậy.

Ghi chú: Việc trình bày liên quan với Kiếp **(Kappa)** và việc tiêu hoại thế gian, kiến tạo thế gian, là đã có được trình bày trong **Địa Giới Tứ Phần (Bhūmicattuka).** Còn việc trình bày với Nghiệp Lực **(Kamma)** thì sẽ được trình bày ở trong quyển sách Siêu Lý Quang Minh **(Paramattha Jotika)** tiếp theo đây.

TRÌNH BÀY TỨ VÔ SẮC GIỚI TÁI SINH (ARŪPAPAṬISANDHI)

+ Giải thích điều học Pāḷi thứ 22 – 23:

Một Tâm Dị Thục Quả Không Vô Biên Xứ làm thành Tâm Tái Sinh, Tâm Hữu Phần, Tâm Tử của tất cả Phạm Thiên Không Vô Biên Xứ.

Một Tâm Dị Thục Quả Thức Vô Biên Xứ làm thành Tâm Tái Sinh, Tâm Hữu Phần, Tâm Tử của tất cả Phạm Thiên Thức Vô Biên Xứ.

Một Tâm Dị Thục Quả Vô Sở Hữu Xứ làm thành Tâm Tái Sinh, Tâm Hữu Phần, Tâm Tử của tất cả Phạm Thiên Vô Sở Hữu Xứ.

Một Tâm Dị Thục Quả Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ làm thành Tâm Tái Sinh, Tâm Hữu Phần, Tâm Tử của tất cả Phạm Thiên Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ.

Cả bốn Tâm Tái Sinh này gọi là Vô Sắc Giới Tái Sinh **(Ārūpavacara paṭisandhi).**

Khi kết hợp tất cả Tái Sinh lại thì có được 20, tức là 10 Dục Giới Tái Sinh, 6 Hữu Sắc Giới Tái Sinh và 4 Vô Sắc Giới Tái Sinh.

Từ ngữ nói rằng **Arūppa** đó, tức là Tâm và Người mà tái sinh ở trong bất luận một trong các Cõi Vô Sắc Giới ấy, hoặc với cả hai cũng được. Như có câu Chú Giải **(Vacanattha)** rằng: **Arūpe bhavaṃ = Āruppaṃ** - Bất luận Pháp nào hiện sinh ở trong Cõi Vô Sắc Giới thời Pháp ấy gọi là Vô Sắc (Hữu Tình Vô Sắc Giới hoặc Cõi Vô Sắc Giới). Còn từ ngữ nói rằng **Arūpa** tức là Vô Sắc Giới thôi. Do đó, ở trong Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp chỗ nói rằng: **Paṭhamāruppādibhūmīsu** cho chuyển thành **Paṭhamā rūpādibhūmīsu** - Số lượng tuổi thọ tất cả Chư Phạm Thiên Vô Sắc Giới ấy không có chi là đặc biệt.

TRÌNH BÀY SỰ KHỔN KHỔ QUANH QUẨN TRONG VÒNG LUÂN HỒI

Dīghāyukāpi brahmāno **Iddhimanto jutindharā**
Patanti yathākammaṃ te **Cavanti aparāparaṃ**

Dù cho tất cả Chư Phạm Thiên có đại thần lực, có hào quang sáng rực rỡ, có tuổi thọ miên trường, và rồi cũng từ từ bước đi đến sự mạng vong hết cả thảy. Tất cả Chư Phạm Thiên này mệnh chung từ ở Phạm Thiên Giới, rồi cũng phải đọa vào trong vòng sinh tử luân hồi đi theo **Tùy Duyên Nghiệp Lực (Yathākamma)** của mình. (Trong khoảng thời gian vẫn chưa đạt đến Níp Bàn)

Giải thích rằng: Thọ mạng tất cả Chư Phạm Thiên ấy, tối thiểu cũng có tuổi thọ lâu dài đến 1/3 của Thành Trụ A Tăng Kỳ Kiếp, là bằng với 21 Trung Kiếp lẻ; còn tối đa có đến 84,000 Đại Kiếp. Khi đã đến tròn đủ hạn định thời gian, cũng phải mệnh chung từ ở Phạm Thiên Giới; và nếu như vẫn chưa là Bậc Thánh Nhân thì không có một ngày nào để sẽ thoát khỏi sự khốn khổ được. Ý nói đến khi đã hết Phước ở nơi Phạm Thiên Giới, trong thời vị lai tính kể từ kiếp sống thứ ba trở đi, có thể sẽ phải bị thụ lãnh khổ đau ở trong cả Tứ Thống Khổ Địa Giới. Là như vậy trình bày cho thấy được rằng đủ các thần lực, hoặc là hào quang sáng rực rỡ, hoặc là có tuổi thọ miên trường; với những thể loại này cũng chẳng thể nào giúp cho thoát khỏi nơi Tứ Thống Khổ đi được. Điều sẽ có thể giúp được đó, chỉ là việc thoát khỏi sự tác thành Phàm Phu, và được dự vào hàng Bậc Thánh Nhân. Vì thế, người mà vẫn còn phải quanh quẩn ở trong vòng luân hồi thì cho dù sẽ ở trong tầng bậc cao bao nhiêu đi nữa, cũng vẫn chưa thoát khỏi tầng bậc thấp được. Khi là như vậy, tất cả chúng ta sẽ phải nên hối hả tầm cầu Pháp làm thành phương tiện cho thành đạt được Bậc Thánh Nhân. Pháp làm thành phương tiện cho thành đạt Bậc Thánh Nhân, hoặc được gọi là Thất Tài Sản Pháp của tất cả các bậc Hiền Triết **(Sappurisa)** đó, tức là:

1. Tín Tài Sản (Saddhādhanaṃ): là sự sùng tín, niềm tin ở trong Ngũ **Ân Đức Vô Lượng (Anantaguṇa),** niềm tin Nghiệp Lực, niềm tin Quả Báo của Nghiệp Lực, kiếp sống này và kiếp sống sau.

2. Giới Tài Sản (Sīladhanaṃ): là việc an trú ở trong Đức Hạnh **(Sīladhamma** – Giới Pháp).

3. Văn Tài Sản (Sutadhanaṃ): là việc làm thành người đã nghiên cứu học hỏi ở trong Giáo Pháp Bậc Chánh Đẳng Giác.

4. Xả Thí Tài Sản (Cāgadhanaṃ): là việc phóng khí **(Pariccāga)** tài sản của cải cho thành vật thí đến người khác.

5. Tuệ Tài Sản (Paññādhanaṃ): là việc làm thành người liễu tri ở trong Thực Tính Pháp **(Sabhāvadhamma)** Danh – Sắc **(Rūpanāma).**

6. Tàm Tài Sản (Hirīdhanaṃ): là việc làm thành bậc thức giả sự xấu hổ, hổ thẹn đối với Ác Hạnh **(Duccarita).**

7. Quý Tài Sản (Ottappadhanaṃ): là việc làm thành bậc thức giả sự ghê sợ, sợ hãi đối với Ác Hạnh.

TRÌNH BÀY TRONG CÂU KỆ TỔNG KẾT

Paṭisandhi bhavañganca Tathā vacanamānasaṃ
Ekameva tatheveka Visayañcekajātoyaṃ

Giải thích rằng: Trong tất cả các Tâm khởi sinh ở trong tất cả loài Hữu Tình hiện hữu ở trong 30 Cõi Địa Giới thì có ba thể loại Tâm không có chuyển đổi thành một thể loại khác, và luôn hiện hữu suốt trong kiếp sống của từng mỗi người, đó là Tâm Tái Sinh, Tâm Hữu Phần, Tâm Tử. Chẳng hạn như: (1) Tâm Tái Sinh đó là Tâm Đại Quả, rồi (2) Tâm Hữu Phần khởi sinh ở trong tất cả Thời Chuyển Khởi, cũng là Tâm Đại Quả, và rồi (3) khi đến mệnh chung thì đích thị cũng chính là Tâm Đại Quả tác hành nhiệm vụ Tử, như nhau.

Rằng theo Cảnh: thì cũng chỉ có duy nhất mỗi một Cảnh, tức là khi làm Tâm Tái Sinh thì có Nghiệp Báo làm thành Cảnh; Tâm Hữu Phần và Tâm Tử thì cũng có Nghiệp Báo làm thành Cảnh cũng tương tự giống như nhau vậy.

Lại nữa, từ ngữ nói rằng **Eka** hiện hữu ở trong câu kệ Tổng Hợp này là **Tulyattha vācaka** lập ý đến việc trình bày cũng mỗi một nội dung như nhau. Vì thế, ở trong Ngài Phụ Chú Giải Sư đã giải đáp rằng: **Bhūmito jātito sampayutta dhammako saṅkhārato ca samānameva - Dịch nghĩa rằng:** Cả ba thể loại này, Tâm Tái Sinh, Tâm Hữu Phần, Tâm Tử; rằng theo Địa Giới, rằng theo Chủng Loại, rằng theo Tương Ưng Pháp, rằng theo Dẫn Dắt thì tất cả đều cùng một thể loại như nhau vậy.

Tâm Tái Sinh: rằng theo Địa Giới là Tâm Dục Giới **(Kāmacitta)**, rằng theo Chủng Loại là Vô Ký **(Abyākata)**, rằng theo Tương Ưng Pháp là Tương Ưng Trí Hỷ Thọ **(Soma nassañāṇasampayutta)**, rằng theo Dẫn Dắt là Vô Dẫn **(Asaṅkhārika)**. Và rồi Tâm Hữu Phần và Tâm Tử cũng hiện hành tương tự cùng một thể loại này và không có sự sai khác.

Tóm lại thì, từ ngữ nói rằng **Ekameva** đây, có nghĩa đích thị là mỗi một chủng loại duy nhất; tức là Tâm Tái Sinh, Tâm Hữu Phần, Tâm Tử, cả ba thể loại này có cùng một chủng loại như nhau, đối với một người trong một kiếp sống. Và từ ngữ nói rằng **Ekavisayañca** lập ý đến Cảnh thì cũng có mỗi một Cảnh duy nhất, tức là nếu như Tâm Tái Sinh thì có Cảnh, đó là **Cảnh Sắc Nghiệp Tướng (Rūpārammaṇakammanimitta).** Tâm Hữu Phần và Tâm Tử cũng có tương tự với mỗi một Cảnh Sắc Nghiệp Tướng như nhau. Nếu như Tâm Tái Sinh có Cảnh là **Thú Tướng (Gatinimitta)** là kiếp sống của bụng người Mẹ. Tâm Hữu Phần và Tâm Tử cũng có Cảnh tương tự với mỗi một Thú Tướng như nhau.

Ghi chú: Lời giải thích ở trong câu chuyện Tâm Tái Sinh, Tâm Hữu Phần, Tâm Tử đã có được đề cập đến ở tại đây, là việc trình bày theo phần Căn Nguyên Chủ Vị **(Mūlapadhānanaya).** Là vì ở trong Lộ Trình mà có loại **Tâm Hữu Phần Khách (Āgan tukabhavaṅgacitta)** sinh khởi, và Cảnh của Tâm Hữu Phần Khách này thì lại không giống với Cảnh của Tâm Tái Sinh và Tâm Tử, tuy nhiên cũng có hiện hành ở thỉnh thoảng đôi khi trong một vài trường hợp đặc biệt mà thôi. Còn căn nguyên Tâm Hữu Phần mà đó là Tâm Hữu Phần ban đầu thì thường luôn sẽ phải có cùng một loại Cảnh tương tự với Tâm Tái Sinh và Tâm Tử, như đã có được giải thích rồi vậy.

Lời giải thích một cách đầy đủ chi tiết về Cảnh và Lộ Trình Tâm ấy thì đã có ở trong Chương Thứ Tư, gọi là **Tổng Hợp Lộ Trình (Vithīsaṅgaha).**

Kết Thúc Việc Trình Bày Tái Sinh Tứ Phần Trong Chương Thứ V

ĐỊA GIỚI TỨ PHẦN (BHŪMICATUKKA)
VẤN VÀ ĐÁP VỀ ĐỊA GIỚI TỨ PHẦN

1. Hỏi: Hãy trình bày câu kệ trình bày Mẫu Đề Tam Tứ Phần **(Mātikācatukka)** cùng với Lời Dịch (Chương thứ năm).

1. Đáp: Câu kệ trình bày Mẫu Đề Tam Tứ Phần: **Catasso bhūmiyo catubbidhā paṭisandhi cattāri kammāni catudhā maranuppatti ceti vithīmutta saṅgahe cattāri catukkāni veditabbāni.**

Trong sự tổng hợp của Tâm Thoát Ly Lộ Trình, có bốn thể loại, bốn thứ cần được biết, tức là bốn Địa Giới, bốn sự Tái Sinh, bốn Nghiệp Báo, và bốn nguyên nhân của sự Tử Vong.

Trong Tổng Hợp Thoát Ly Lộ Trình nên hiểu biết về bốn thể loại, đó là:

1. Địa Giới Tứ Phần (Bhūmicatukka),
2. Tái Sinh Tứ Phần (Paṭisandhicatukka),
3. Nghiệp Báo Tứ Phần (Kammacatukka) và
4. Tử Vong Khởi Sinh Tứ Phần (Maraṇuppatticatukka).

2. Hỏi: Hãy dịch câu kệ như tiếp theo đây (Chỉ là kiểu mẫu, và có việc chuyển đổi cũng được.)

a/. **Vehapphalā Asaññasattā Suddhāvāsā ceti Catutthajjhānabhūmiti Rūpā vacarabhūmi solahavidhā hoti.**

b/. **Puthujjanā na labbhanti Suddhāvāsesu sabbathā Sotāpannā ca Sakadāgāmino cāpi Puggalā.**

c/. **Ariyā nopalabbhanti Asaññāpāyabhūmisu sesaṭṭhānesu labbhanti Ariyānariyāpi ca.**

2. Đáp: a/. **Vehapphalā Asaññasattā Suddhāvāsā ceti Catutthajjhāna bhūmiti Rūpūvacarabhūmi solahavidhā hoti.**

1. Quảng Quả Phạm Thiên Giới (Vehapphalābhūmi),

2. Vô Tưởng Hữu Tình Phạm Thiên Giới (Asaññasattabhūmi), và

3. Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới (Suddhāvāsabhūmi).

Hết cả bảy Thiên Giới này gọi là Tứ Thiền Phạm Thiên Giới **(Catutthajjhāna bhūmi),** kết thành mười sáu Cõi Hữu Sắc Phạm Thiên Giới **(Rūpāvacarabhūmi).**

b/. **Puthujjanā na labbhanti Suddhāvāsesu sabbathā Sotāpannā ca Sakadā gāmino cāpi Puggalā.**

1. Tứ Phàm Phu (Puthujjanā),

2. Bậc Thất Lai (Sotāpannā – Tu Đà Hườn),

3. Bậc Nhất Lai (Sakadāgāmī – Tư Đà Hàm).

Cả sáu hạng Người này không sinh được trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới **(Suddhāvāsabhūmi)** dù với bất luận Lộ Trình Tâm Thức nào.

c/. **Ariyā nopalabbhanti Asaññāpāyabhūmisu sesaṭṭhānesu labbhanti Ariyā nariyāpi ca.**

Các Bậc Thánh Nhân không có sinh trong Hữu Tình Vô Tưởng Phạm Thiên Giới và Tứ Thống Khổ Địa Giới. Các Bậc Thánh Nhân hoặc không phải Bậc Thánh Nhân sinh được trong những Địa Giới còn lại. Tám Bậc Thánh Nhân **(Ariyapuggala)** không có sinh ở trong Vô Tưởng Hữu Tình Phạm Thiên Giới và Tứ Thống Khổ Địa Giới **(Apāyabhūmi).**

Trong hai mươi mốt Địa Giới còn lại, đó là:

1. Bảy Thiện Dục Địa Giới (Kāmasugatibhūmi),

2. Mười Hữu Sắc Phạm Thiên Giới (Rūpabhūmi),

3. Tứ Vô Sắc Phạm Thiên Giới (Arūpabhūmi), chí đến tám Bậc Thánh Nhân **(Ariyapuggala)** và ba hạng **Phàm Phu [Puthujjanā** – trừ **Khổ Thú (Duggati)]** cũng sinh được (vừa theo thích hợp).

3. Hỏi: a/. Từ ngữ nói rằng **Apāyabhūmi** – Thống Khổ Địa Giới, khi đã ngắt câu có được mấy từ ngữ ? Là những chi ? Xin cho trình bày câu Chú Giải của Thống Khổ Địa Giới cùng với tất cả Lời Dịch điều thứ nhất.

b/. Từ ngữ nói rằng **Niraya** – Địa Ngục, khi đã ngắt câu có được mấy từ ngữ ? Hãy trình bày câu Chú Giải cùng với Lời Dịch đi cùng.

3. Đáp: a/. Từ ngữ nói rằng Thống Khổ Địa Giới **(Apāyabhūmi),** khi phân tích câu này ra thì có được như vầy, là **Apa + Aya + Bhūmi.** Khi kết hợp lại với nhau thành **Apāyabhūmi.** Tại nơi đây, **Apa** gọi là "sự không có"; **Aya** gọi là "Thiện Nghiệp Lực". **Bhūmi** gọi là "chỗ nương trú, chỗ sở y, chỗ nương tựa". Xuất nguyên từ ngữ căn **Bhū,** theo nghĩa đen là một nơi có loài Hữu Tình sinh sống.

Trình bày Chú Giải **(Vacanattha)** rằng:

1. Tividhasampattiyo ayanti gacchanti pavattanti etenāti = Ayo – Cả ba thể loại tài sản **(Sampatti),** đó là sự an vui ở nơi Nhân Loại, sự an vui ở nơi Thiên Giới, sự an vui ở nơi Níp Bàn, thì thường được sinh khởi do bởi Thiện Nghiệp Lực. Bởi nhân ấy, Thiện Nghiệp Lực đó mới gọi là **Aya.**

2. Ayato apagato = Apāya – Không có nền tảng của Thiện Nghiệp Lực (tức là không có cơ hội tạo Thiện Nghiệp Lực), gọi là **Apāya.**

3. Bhavanti sattā etthāti = Bhūmi – Tất cả chúng Hữu Tình thường sinh ở tại trú xứ đó, bởi nhân ấy, trú xứ đó mới gọi là **Bhūmi.**

4. Apāyo eva bhūmi = Apāyabhūmi - Chính ở nơi mà không có cơ hội tạo Thiện Nghiệp Lực làm thành chỗ nương trú của tất cả chúng Hữu Tình, mới gọi là **Apāyabhūmi** (Thống Khổ Địa Giới).

Như vậy, **Apa + Aya,** sự việc bất hạnh, không có hạnh phúc là **Apāya.** Từ ngữ này hàm xúc một trạng thái tinh thần mà cũng là một Cõi Giới, một nơi sinh sống trải qua với nhiều sự sinh hoạt.

b/. Từ ngữ nói rằng **Địa Ngục (Niraya),** khi phân tích câu này ra có được như vầy, là **Ni + Aya.** Tại nơi đây, **Ni** là Câu Phủ Định, dịch là "không có". **Aya** dịch là "sự tiến hóa hoặc sự an vui". Khi kết hợp lại với nhau thành **Niraya.**

Trình bày Chú Giải **(Vacanattha)** rằng:

1. Ayati vaddhatīti = Ayo – Sự an vui, sự hạnh phúc thường tăng tiến lên, bởi nhân ấy, sự an vui, sự hạnh phúc ấy mới gọi là **Aya.** Một phần khác nữa:

2. Ayitabbo sāditabboti = Ayo – Tất cả chúng Hữu Tình khao khát có sự an vui, sự hạnh phúc với mãnh lực từ nơi Tham Ái **(Lobha),** bởi nhân ấy, sự an vui, sự hạnh phúc ấy mới gọi là **Aya.**

3. Natthi ayo etthāti = Nirayo – Sự an vui, sự hạnh phúc mà không có trong Địa Giới nào, bởi nhân ấy, Địa Giới đó mới gọi là **Niraya** (Bất Lạc, Khả Yếm, Khổ Cụ).

Như vậy, **Niraya** là Khổ Cảnh, hoặc là Địa Ngục.

4. Hỏi: a/. Có mấy hầm Đại Địa Ngục ? Là những chi ?

b/. Có mấy hầm Du Tăng Địa Ngục ? Là những chi ? cùng với trình bày Du Tăng Địa Ngục làm thành phụ gia của Đại Địa Ngục ?

c/. Từ ngữ **Ussada** dịch nghĩa là chi ? Câu Chú Giải đã có trình bày như thế nào ?

4. Đáp: a/. Có tám hầm Đại Địa Ngục (**Mahānaraka** - còn gọi là Bát Nhiệt Địa Ngục), đó là:

1. Sañjīvanaraka: Đẳng Hoạt Địa Ngục,
2. Kālasuttanaraka: Hắc Thằng Địa Ngục,
3. Saṅghātanaraka: Chúng Hợp Địa Ngục,
4. Roruvanaraka (Dhūmaroruva): Hào Khiếu Địa Ngục,
5. Mahāroruvanaraka (Jālaroruva): Đại Khiếu Địa Ngục,
6. Tāpananaraka: Viêm Nhiệt Địa Ngục,
7. Mahātāpananaraka (Patāpana): Đại Nhiệt Địa Ngục,
8. Avīcinaraka: Vô Gián Địa Ngục.

b/. Có năm hầm Du Tăng Địa Ngục **(Ussadanaraka),** đó là:

1. Gūthanaraka: Phẩn Nị Địa Ngục,
2. Kukkulanaraka: Nhiệt Khối Địa Ngục,

3. Simpalīvananaraka: Đại Châm Thọ Lâm Địa Ngục,

4. Asipattavananaraka: Đại Kiếm Diệp Lâm Địa Ngục,

5: Vettaranīnaraka: Khôi Hà Địa Ngục.

Trong từng mỗi hầm Đại Địa Ngục có đến 16 hầm **Du Tăng Địa Ngục (Ussada naraka)** làm thành phần phụ gia, do đó hết cả thảy có 128 hầm **Du Tăng Địa Ngục (Ussadanaraka).**

Ghi chú: Việc tính đếm thành 128 hầm đây, là tính theo 4 phương hướng, tức là trong từng mỗi hướng có 4 hầm **Du Tăng Địa Ngục (Ussadanaraka:** gồm có **Lô Ổi Tăng, Thi Phẩn Tăng, Phong Nhận Tăng** và **Liệt Hà Tăng)** = 16 hầm nhỏ x 8 hầm lớn = 128 hầm. Nếu tính theo hết cả 8 hướng thì trong từng mỗi Đại Địa Ngục có 32 hầm Du Tăng Địa Ngục thành phần phụ gia = 32 hầm nhỏ x 8 hầm lớn = 256 hầm.

Trong hết cả thảy năm hầm Du Tăng Địa Ngục, **Đại Kiếm Diệp Lâm Địa Ngục (Asipattavananaraka)** và **Khôi Hà Địa Ngục (Vettaranīnaraka)** cho kết hợp lại với nhau và tính thành một thì mới đếm được thành bốn hầm.

c/. Từ ngữ nói rằng **Ussada** dịch là "có rất nhiều"; như có lời Chú Giải rằng: **Ussīdanti nānādukkhā etthāti = Ussadā** – Khổ đau có nghĩa là các sự thống khổ có rất nhiều ở trong Địa Ngục Địa Giới này, mới gọi là **Ussada (Du Tăng:** sự thống khổ ngày càng gia tăng; càng bị tăng thêm sự thống khổ). Và 128 hầm **Du Tăng Địa Ngục (Ussadanaraka)** cũng còn được gọi **Cūlanaraka – Tiểu Địa Ngục).**

5. Hỏi: Hãy trình bày vị trí tọa lạc của:

a/. Cả tám hầm Đại Địa Ngục và

b/. Du Tăng Địa Ngục là ở nơi nào ?

5. Đáp: a/. Vị trí tọa lạc của tám hầm Đại Địa Ngục: tọa lạc ở phía dưới Cõi Nhân Loại, trực thẳng hướng với **Nam Thiệm Bộ Châu (Jambūdvīpa),** tiếp giáp với nền mặt địa cầu nơi mà nhân loại nương trú có bề dầy là hai trăm bốn mươi ngàn do tuần (240,000 do tuần). Một nửa lớp ở phía trên là lớp đất thường nhiên, được gọi **Pamsupaṭhavī – Trần Thổ** có bề dầy một trăm hai mươi ngàn do tuần (120,000 do tuần). Một nửa lớp ở phía dưới là lớp đá, được gọi **Sīlāpaṭhavī – Thạch Địa (Thạch Quyển)** có bề dầy một trăm hai mươi ngàn do tuần (120,000 do tuần).

Cả tám hầm Đại Địa Ngục này tọa lạc ở bên trong lớp đất thường nhiên. Theo tuần tự, riêng từng mỗi hầm cách nhau 15,000 do tuần. Tức là:

1. Tính từ nền đất Nam Thiệm Bộ Châu xuống đến hầm Đại Địa Ngục thứ nhất, có tên gọi **Sañjīvanaraka – Đẳng Hoạt Địa Ngục** cách nhau 15,000 do tuần,

2. Tính từ Đẳng Hoạt Địa Ngục xuống đến hầm Đại Địa Ngục thứ hai, có tên gọi **Kālasuttanaraka – Hắc Thằng Địa Ngục** cách nhau 15,000 do tuần,

3. Tính từ Hắc Thằng Địa Ngục xuống đến hầm Đại Địa Ngục thứ ba, có tên gọi **Saṅghātanaraka – Chúng Hợp Địa Ngục** cách nhau 15,000 do tuần,

4. Tính từ Chúng Hợp Địa Ngục xuống đến hầm Đại Địa Ngục thứ tư, có tên gọi **Roruvanaraka (Dhūmaroruva) – Hào Khiếu Địa Ngục** cách nhau 15,000 do tuần,

5. Tính từ Hào Khiếu Địa Ngục xuống đến hầm Đại Địa Ngục thứ năm, có tên gọi **Mahāroruvanaraka (Jālaroruva) – Đại Khiếu Địa Ngục** cách nhau 15,000 do tuần,

6. Tính từ Đại Khiếu Địa Ngục xuống đến hầm Đại Địa Ngục thứ sáu, có tên gọi **Tāpananaraka – Viêm Nhiệt Địa Ngục** cách nhau 15,000 do tuần,

7. Tính từ Viêm Nhiệt Địa Ngục xuống đến hầm Đại Địa Ngục thứ bảy, có tên gọi **Mahātāpananaraka (Patāpana) – Đại Nhiệt Địa Ngục** cách nhau 15,000 do tuần,

8. Tính từ Đại Nhiệt Địa Ngục xuống đến hầm Đại Địa Ngục thứ tám, có tên gọi **Avīcinaraka – Vô Gián Địa Ngục** cách nhau 15,000 do tuần.

Ghi chú: Như đã có đề cập đến, cả tám hầm Đại Địa Ngục này là các tầng hầm ở phía dưới nền mặt địa cầu, có nghĩa là khi tuần tự cứ đến mỗi 15,000 do tuần thì hình thành ra một tầng hầm.

Mặt địa cầu này có bề dầy 240,000 do tuần, nằm ở phía trên tảng băng đá có bề dầy 480,000 do tuần (Thủy Quyển). Tảng băng đá này nằm ở phía trên lớp khí quyển có bề dầy 960,000 do tuần. Mỗi một do tuần, khi tính theo đơn vị dặm thì ước lượng khoảng độ 13 dặm; khi tính theo ki lô mét thì ngang bằng 20 ki lô mét. Từ nơi lớp khí quyển này chuyển thành lớp hư không, gọi là **Hetthimaajjatākāsa (Hạ Tầng Hư Không).** Lớp hư không ở phía trên từ nơi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Địa Giới trở đi gọi là **Uparima ajjatākāsa (Thượng Tầng Hư Không).**

b/. Vị trí năm hầm Du Tăng Địa Ngục: đó là các hầm địa ngục nhỏ thì tọa lạc ở cùng vị trí với Đại Địa Ngục, cũng có rừng rậm, núi đồi, đại dương, sông Hằng, các cù lao nhỏ, và cũng có hoang đảo nơi mà không có con người sinh sống.

6. Hỏi: Hãy trình bày câu chuyện của:

a/. **Ngài Diêm Vương (Yamarāja)** và

b/. **Vị Chúa Ngục (Nāyanirayapāla)** rằng chẳng phải là Hữu Tình Địa Ngục, nhưng vì sao lại phải sinh ở trong Địa Ngục Địa Giới, với nguyên nhân nào ?

6. Đáp: a/. Ngài Diêm Vương **(Yamarāja)** là vị Chủ Quản hạng Thiên Cung Ngạ Quỷ **(Vimānikapeta),** đôi khi cũng có được thụ hưởng sự an vui, tức là được trú ngụ ở trong Thiên Cung, có Thiên Mộc Như Ý, có vườn hoa tiên cảnh, có tiên nữ múa ca hầu hạ; đôi khi cũng có cảm thụ sự đau khổ chính từ nơi Nghiệp Quả Dị Thục mà phải hiện hữu ở trong Địa Ngục ấy.

Lời nói rằng Quả Dị Thục của Nghiệp Báo đó chính là Quả Dị Thục của Bất Thiện Nghiệp Lực. Có lời giải thích cặn kẽ rằng: vị Chủ Quản hạng Thiên Cung Ngạ Quỷ này, thời gian khi vẫn còn ở Nhân Loại đã là người tạo tác Thiện Nghiệp Lực cùng với Bất Thiện Nghiệp Lực; khi đã mệnh chung được hóa sinh trong Thiên Giới ở bậc Tứ Đại Thiên Vương. Là do Tâm Tái Sinh Vô Nhân Thiện Thú **(Sugati Ahetuka Paṭisandhi)** cũng có, hoặc là do Tâm Tái Sinh Nhị Nhân cũng có **(Duhetuka Paṭisandhi)** và hoặc là do Tâm Tái Sinh Tam Nhân cũng có **(Tihetuka Paṭisandhi)** tương tự với hết tất cả Chúng Thiên Thụ Khổ Nạn Giả **(Vinipātika Devatā).** Tất cả cũng do bởi mãnh lực Thiện Nghiệp Lực. Vị Chủ Quản hạng Thiên Cung Ngạ Quỷ này mới có cơ hội để sẽ được chứng đạt Đạo Quả. Còn trong

thời bình nhật, đôi khi cũng có được thụ hưởng Quả Dị Thục của việc Thiện, đôi khi cũng phải thụ hưởng Quả Dị Thục của việc Bất Thiện, tương xứng vừa theo với Nghiệp Báo mà bản thân mình đã có tạo ra.

Trong từng mỗi hầm Đại Địa Ngục không phải chỉ có một Ngài Diêm Vương. Sự thật là hiện hữu đến bốn Ngài, có nghĩa là mỗi một cửa có một Ngài, và có cả thảy bốn cửa thì có bốn Ngài. Do đó, khi tổng hợp lại có cả thảy 32 Ngài Diêm Vương. Trong cả thảy tám hầm Đại Địa Ngục ấy, mỗi hầm có bốn cửa, tổng hợp lại có 32 cửa. Trong từng mỗi cửa có bốn hầm Du Tăng Địa Ngục, tổng hợp lại có 128 hầm Du Tăng Địa Ngục. Trong từng mỗi cửa có một Ngài Diêm Vương, tổng hợp lại có 32 Ngài Diêm Vương.

b/. Các vị **Chúa Ngục (Nirayapāla)** này không phải là Hữu Tình Địa Ngục, vì lẽ việc hóa sinh của vị Chúa Ngục ấy, là không phải hóa sinh do từ nơi Bất Thiện Nghiệp Lực **(Akusalakamma)**, nhưng mà là hóa sinh do từ nơi Đại Thiện Nghiệp Lực **(Mahā kusalakamma)** ở bậc thấp, làm thành Chư Thiên ở bậc Tứ Đại Thiên Vương có chủng tộc là hạng Quỷ dữ.

Nếu có người vấn hỏi rằng:

- Do bởi nguyên nhân nào mà tất cả các vị Chúa Ngục không phải là Hữu Tình Địa Ngục nhưng tại sao lại hóa sinh ở trong Địa Ngục Địa Giới ấy ?

Thì trả lời rằng:

- Tất cả các vị Chúa Ngục mà phải bị hóa sinh ở trong Địa Ngục Địa Giới ấy, là do bởi trong khoảng thời gian mà vẫn còn hiện hữu sinh mạng ở trong Cõi Nhân Loại, nhưng lại chỉ có Tâm hoan hỷ duyệt ý ở trong việc sẽ làm não hại hoặc sát hại tất cả chúng hữu tình. Cho dù có việc tạo tác bất luận loại Thiện Nghiệp Lực **(Kusalakamma)** nào, mà đối với loại Tâm Thức ấy cứ vẫn duy trì sự hoan hỷ duyệt ý ở trong chức năng của việc làm não hại, hành hạ, trừng phạt người khác; làm cho chúng hữu tình khác ở trong cảm thọ bất an buồn khổ.

Bởi do đó, Thiện Nghiệp Lực bậc thấp mà pha lẫn với "lòng tham muốn dục vọng" **(Nikkanti Taṇhā – Tham Ái)** ở trong chức năng như đã có được đề cập đến, mới làm cho hóa sinh ở trong Địa Ngục Địa Giới, và làm thành vị Chúa Ngục có thân xác to lớn thích hợp để sẽ làm việc trừng phạt, hành hạ bọn Hữu Tình Địa Ngục. Do đó, hạng Chúa Ngục loại này mới có thân xác to lớn, lực lưỡng, có sức mạnh hơn tất cả Hữu Tình Địa Ngục, và có việc hiện bày cử chỉ hành động thì rất hung ác, có khả năng làm cho chúng sinh địa ngục kinh hồn khiếp đảm sợ hãi. Bọn quạ và bọn chó, v.v. mà hóa sinh trong Địa Ngục Địa Giới này, cũng có thể dạng hình thù to lớn đáng khiếp sợ trong cùng một cách hành xử. (Được trích trong Bộ Phụ Chú Giải Ngữ Tông **(Kathāvatthu Anuṭīkà)** và Bộ Ngũ Thập Thượng Phần Phụ Chú Giải **(Uparipaṇṇāsa ṭīkā).** Bọn chim kên kên, quạ, diều hâu, chó trong loại Địa Ngục ấy, có nghĩa đó chính thực là chim kên kên quỷ dữ, quạ quỷ dữ, diều hâu quỷ dữ và chó quỷ dữ. Còn thân xác và việc hiện bày cử chỉ hành động của bọn này thì độc ác đáng khiếp sợ, không khả năng hiển lộ lên được, tức là chim kên kên, v.v. đó là bọn Bàng Sinh thông thường.

7. Hỏi: Tất cả Nhân Loại đang hiện hành ở trong Cõi thế gian này thì mỗi ngày thường hay có tập khí tâm tính sai biệt lẫn nhau trong việc cư xử tốt và không tốt, đôi khi nhiều đôi khi ít. Vì thế mới thực là khó hiểu được rằng sự cư xử của Nhân Loại mà Ngài đã có trình bày thì có được mấy thể loại ? Là những chi ? Và thể loại nào khi đã mệnh chung rồi thì sẽ phải diện kiến Ngài Diêm Vương, và thể loại nào thì không phải diện kiến với Ngài Diêm Vương vậy ?

7. Đáp: Tất cả Nhân Loại đang hiện hành ở trong Cõi Thế Gian này thì mỗi ngày thường có tập khí tâm tính sai biệt lẫn nhau trong việc cư xử tốt và không tốt cũng có, đôi khi nhiều đôi khi ít, có rất nhiều thể loại sai khác; tuy nhiên đặc biệt ở tại đây sẽ đề cập một cách giản lược gồm chỉ có bốn thể loại,vừa thích hợp đối với việc cư xử của tất cả chúng Nhân Loại ấy, đó là:

1. Một số người trong thế gian này có tập khí tâm tính ưa thích làm nhiều Thiện Sự,
2. Một số người có tính khí ưa thích trong cả hai Thiện Sự và Bất Thiện Sự bằng nhau,
3. Một số người có Tâm ưa thích đi trong Bất Thiện Sự hơn Thiện Sự,
4. Một số người chỉ có duy nhất loại Tâm ưa thích thiên hướng trong Bất Thiện Sự.

Tất cả bốn thể loại Nhân Loại này thì hạng Người ở trong thể loại thứ nhất, trong sát na cận tử lâm chung thường có được nghĩ tưởng đến nhiều về Thiện Sự, bởi do đó, **nhóm hạng Người này thường sẽ thoát khỏi việc đi tái sinh trong cả Tứ Thống Khổ Địa Giới (Apāyabhūmi).**

Còn hạng Người trong thể loại thứ hai ấy, nếu tự bản thân mình cố gắng nghĩ tưởng cho được nhiều về Thiện Sự; hoặc không là như thế ấy thì bất luận một người thân quyến nào đi đến giúp đỡ nhắc nhở nghĩ tưởng đến Thiện Sự, cũng có khả năng giúp cho thoát khỏi việc đi tái sinh ở trong Thống Khổ Địa Giới một cách tương tự. Trừ phi tự bản thân mình không cố gắng nghĩ tưởng đến Thiện Sự mà mình đã có được làm rồi đó, và không có người thân quyến nào chực chờ trợ niệm cho, mà chỉ có sự buồn phiền thương tiếc và sầu bi ưu não ở trong của cải tài sản. Khi là như thế ấy sẽ không có đạo lộ để thoát khỏi Thống Khổ Địa Giới được.

Còn hạng Người trong thể loại thứ ba ấy, tự bản thân mình đã có tạo ra Bất Thiện Hạnh Nghiệp Lực **(Akusala Ācinnakamma)** nhiều hơn Thiện Nghiệp Lực thì thường sẽ không có thể nghĩ tưởng đến Thiện Nghiệp Lực ấy được, chỉ ngoại trừ được đón nhận sự giúp đỡ ở nơi người khác. Tuy thế, sự giúp đỡ qua việc nhắc nhở trợ niệm ở nơi người khác đó, phải là sự giúp đỡ một cách đặc biệt mới sẽ thoát khỏi Thống Khổ Địa Giới được. Nếu như sự giúp đỡ một cách phổ thông khái quát thì người ấy sẽ không có khả năng để chuyển đổi ý niệm mà đón bắt Cảnh ở phần Thiện Nghiệp ấy được. Khi đã là như vậy thì hạng người này thường sẽ phải bị đọa vào Thống Khổ Địa Giới một cách đoan chắc.

Còn hạng Người ở trong thể loại thứ tư ấy, thường thì không thoát khỏi việc phải bị đọa vào Thống Khổ Địa Giới ấy được, chỉ ngoại trừ **Bậc Chánh Đẳng Giác (Sammā sambuddho), Bậc Chí Thượng Thinh Văn Giác (Aggasāvaka), Bậc Đại Thinh Văn Giác (Mahāsāvaka)** mới sẽ giúp đỡ được. Và việc sẽ được đón nhận sự giúp đỡ từ những Bậc

này thì người ấy tất phải có Hậu Báo Thiện Nghiệp Lực **(Kusala Aparāpariyavedaniya kamma)** có rất nhiều hiệu năng, tức là Thiện Nghiệp Lực **(Kusalakamma)** mà bản thân đã từng có kiến tạo giữ lấy ở trong các đời quá khứ. Do đó, nếu hạng Người này mà phải bị đọa vào Địa Ngục rồi, thì sẽ bị đọa thẳng ngay vào nơi Địa Ngục, không có cơ hội để sẽ được diện kiến với Ngài Diêm Vương cho việc thẩm vấn.

Còn hạng Người thứ hai và thứ ba, nếu như phải bị đọa vào Địa Ngục thì có cơ hội được diện kiến với Ngài Diêm Vương cho việc thẩm vấn và tra hỏi về câu chuyện năm loại **Thiên Sứ (Devadūta)** trước tiên, và sau đó mới sẽ phải đón nhận cảm thụ đau khổ ở trong Địa Ngục ấy. Khi hạng người ấy đã đọa xuống Địa Ngục, thì tất cả các vị Chúa Ngục dẫn Hữu Tình mà bị đọa xuống Địa Ngục ấy đến gặp Ngài Diêm Vương.

8. Hỏi: Lời vấn hỏi của Ngài Diêm Vương hữu quan Ngũ Thiên Sứ là những chi ?

8. Đáp: Lời vấn hỏi của Ngài Diêm Vương được bao gồm về Ngũ Thiên Sứ, đó là:

1. Thiên Sứ thứ nhất: đó là **sự sản sinh,** tức là trẻ sơ sinh vừa mới chào đời.
2. Thiên Sứ thứ hai: đó là **sự lão mại,** tức là người già nua.
3. Thiên Sứ thứ ba: đó là **sự ốm đau,** tức là người ốm đau bệnh hoạn.
4. Thiên Sứ thứ tư: đó là **người bị trừng phạt bởi theo Pháp Luật,** tức là **người bị thi hành án lệnh của Vua Quan.**
5. Thiên Sứ thứ năm: đó là **sự tử vong,** tức là **tử thi.**

9. Hỏi: Trình bày ý nghĩa của: a/ tám hầm Đại Địa Ngục và b/ năm hầm Du Tăng Địa Ngục, một cách giản lược.

9. Đáp: a/ Ý nghĩa giản lược của tám hầm Đại Địa Ngục, đó là:

1. Đẳng Hoạt Địa Ngục: Tất cả Hữu Tình Địa Ngục thường luôn hiện hữu (chết đi rồi cũng hóa sinh trở lại) trong Địa Ngục ấy, bởi nhân đó, Địa Ngục ấy được gọi Đẳng Hoạt.

2. Hắc Thằng Địa Ngục: Tất cả các Chúa Ngục đánh đập với sợi dây đen, rồi đẽo gọt hoặc đốn chặt Hữu Tình trong Địa Ngục ấy, bởi nhân đó, Địa Ngục ấy gọi Hắc Thằng.

3. Chúng Hợp Địa Ngục: Núi sắt thường nghiền nát Hữu Tình mà hóa sinh trong Địa Ngục ấy một cách mãnh liệt, bởi nhân đó, Địa Ngục ấy mới gọi Chúng Hợp.

4. Hào Khiếu Địa Ngục – (Khiếu Hoán hoặc **Tiểu Hào Khiếu):** Tất cả Hữu Tình Địa Ngục thường đua nhau khóc la với âm thanh vang dội không ngừng trong Địa Ngục ấy, bởi nhân đó, Địa Ngục ấy gọi Hào Khiếu.

5. Đại Khiếu Địa Ngục (Võng Đại Khiếu): Địa Ngục có sự khóc la với âm thanh vang dội hơn cả Tiểu Khiếu Địa Ngục, bởi do ngọn lửa xông vào cả cửu khiếu, do vậy, Địa Ngục này gọi là Võng Đại Khiếu hay là Đại Khiếu Địa Ngục.

6. Viêm Nhiệt Địa Ngục (Tiểu Viêm Nhiệt): Tất cả Hữu Tình Địa Ngục đang bị thiêu nóng bức, và lửa Địa Ngục thường thiêu đốt cháy tất cả Hữu Tình Địa Ngục đang bị ghim chặt trong Địa Ngục ấy, bởi nhân đó, Địa Ngục ấy gọi Viêm Nhiệt.

7. Đại Viêm Nhiệt Địa Ngục (Quang Hào Nhiệt): Địa Ngục mà tất cả Hữu Tình bị thiêu đốt vô cùng nóng bức hơn cả Tiểu Viêm Nhiệt Địa Ngục, bởi nhân đó, Địa Ngục ấy gọi Đại Viêm Nhiệt.

8. Vô Gián Địa Ngục: Khoảng cách của tất cả Hữu Tình Địa Ngục và ngọn lửa, cùng với sự thụ lãnh thống khổ không có sự gián đoạn, bởi nhân đó, Địa Ngục ấy mới gọi Vô Gián.

b/. Ý nghĩa giản lược của năm hầm Du Tăng Địa Ngục đó là:

1. Phấn Nị Địa Ngục: Địa Ngục Phân Thối hiện hữu nối tiếp với Vô Gián Đại Địa Ngục.

2. Nhiệt Khối Địa Ngục: Địa Ngục Tro Nóng hiện hữu nối tiếp với Phấn Nị Địa Ngục.

3. Đại Châm Thọ Lâm Địa Ngục: Địa Ngục Rừng Cây Gạo Gai hiện hữu nối tiếp với Nhiệt Khối Địa Ngục.

4. Đại Kiếm Diệp Lâm Địa Ngục: Địa Ngục Rừng Cây Lá Kiếm hiện hữu nối tiếp với Đại Châm Thọ Lâm Địa Ngục.

5. Khôi Hà Địa Ngục: Địa Ngục Sông Nước Mặn Có Cây Mây Gai hiện hữu nối tiếp với Đại Kiếm Diệp Lâm Địa Ngục.

10. Hỏi: Hãy trình bày Du Tăng Địa Ngục đã được trích trong Bộ Thế Gian Chế Định, và phân loại của Vô Gián Đại Địa Ngục đã được trích trong phần Lục Xứ thuộc Bộ Chú Giải Tương Ưng Bộ Kinh và Chú Giải Tăng Chi Bộ Kinh, đi theo thứ tự.

10. Đáp: Tám hầm Du Tăng Địa Ngục trích trong Bộ Thế Gian Chế Định **(Loka paññatti),** đó là:

1. Hầm Địa Ngục tràn đầy với lửa than cháy đỏ gọi là **Mộc Thán Địa Ngục (Angārakāsuniraya).**

2. Hầm Địa Ngục nước sắt gọi là **Thiết Vị Địa Ngục (Loharasaniraya).**

3. Hầm Địa Ngục tro nóng gọi là **Nhiệt Khối Địa Ngục (Kukkulaniraya).**

4. Hầm Địa Ngục nước lửa sôi gọi là **Nhiệt Tuyền Địa Ngục (Aggisamodaka niraya).**

5. Hầm Địa Ngục nồi đồng gọi là **Hỏa Khanh Địa Ngục (Lohakumbhīniraya).**

6. Hầm Địa Ngục phân thối gọi là **Phấn Nị Địa Ngục (Gūthaniraya).**

7. Hầm Địa Ngục rừng cây gạo gai gọi là **Đại Châm Thọ Lâm Địa Ngục (Simpali vananiraya).**

8. Hầm Địa Ngục sông nước mặn có cây mây gai gọi là **Khôi Hà Địa Ngục (Vettaranīniraya).**

Từng mỗi hầm **Đại Địa Ngục (Mahānaraka)** có 32 **Du Tăng Địa Ngục (Ussada naraka)** tức là từng mỗi hầm có 4 Du Tăng Địa Ngục x 8 hướng = 32 hầm. Từng mỗi hầm Đại Địa Ngục có 32 Du Tăng Địa Ngục, và 8 hầm Đại Địa Ngục thì có 8 x 32 = 256 hầm Du Tăng Địa Ngục.

b/ Phân loại về Vô Gián Đại Địa Ngục đã được trích trong Chú Giải Tương Ưng **(Samyutta Aṭṭhakathā)** và Chú Giải Tăng Chi Bộ Kinh **(Aṅguttara Aṭṭhakathā)** ở Phần Lục Xứ **(Salāyatana),** đó là:

1. Pahāsaniraya – Ngu Lạc Địa Ngục

2. Aparājitaniraya – Chế Thắng Địa Ngục
3. Abbudaniraya – Phôi Điểm Địa Ngục
4. Nirabbudaniraya – Số Mục Địa Ngục
5. Ababaniraya – Cự Đại Địa Ngục
6. Ahahaniraya – Tĩnh Tội Giới Địa Ngục
7. Atataniraya – Thống Khổ Địa Ngục
8. Kumudaniraya – Liên Hoa Địa Ngục
9. Sogandhikaniraya – Liên Mục Địa Ngục
10. Uppalaniraya – Thanh Liên Địa Ngục
11. Pundarikaniraya – Bạch Liên Địa Ngục
12. Mahāpadumaniraya – Đại Liên Hoa Địa Ngục

11. Hỏi: Hãy phân tích quả báo của việc tác hành loại Nghiệp Lực nào của tất cả loài Hữu Tình mà khi mệnh chung sẽ phải đọa sinh ở trong hầm Địa Ngục ?

a/. Hạng người hành hạ ưu não hoặc sát hại vị Tỳ Khưu, Sa Di, Đạo Sĩ, hoặc đao phủ thủ có nhiệm vụ sát hại nhóm Chư Tỳ Khưu, Sa Di, người Ác Giới vô liêm sỉ.

b/. Hạng người có nhiệm vụ hành hạ, đầy đọa voi, ngựa, bò, trâu, để tạo lợi ích riêng tư cho mình.

c/. Hạng nữ nhân hủy diệt thai nhi của chính mình.

d/. Hạng nữ nhân vui thích ngoại tình và cướp giật Chồng của tha nhân. Hạng nam nhân vui thích ngoại tình với Vợ của tha nhân.

e/. Một trường hợp khác nữa, Đức Thế Tôn có trình bày ở trong Túc Sinh Truyện **Nemirāja** (Vua **Nemi**) rằng: Hạng nữ nhân vui thích ngoại tình và cướp giật Chồng của tha nhân, và hạng nam nhân vui thích ngoại tình với Vợ của tha nhân.

11. Đáp: Việc phân tích tội lỗi của tất cả hữu tình mà phải bị đọa Địa Ngục:

a/. Hạng người hành hạ, làm khổ hoặc sát hại vị Tỳ Khưu, Sa Di, Đạo Sĩ hoặc đao phủ thủ có nhiệm vụ sát hại nhóm Chư Tỳ Khưu, Sa Di, người Ác Giới **vô liêm sỉ (Alajjī).** Hạng người đã đề cập đến tại đây, khi chết đi thì đa số phải bị thụ lãnh thống khổ ở trong **Hắc Thằng Địa Ngục (Kālasuttanaraka).** Một trường hợp khác nữa, sát hại Cha Mẹ cũng phải bị thụ lãnh thống khổ trong **Hắc Thằng Địa Ngục (Kālasuttanaraka).** (Trình bày trong Túc Sinh Truyện **Sankicca**)

b/. Hạng người có nhiệm vụ hành hạ, đầy đọa voi, ngựa, bò, trâu, v.v. và hạng người hành hạ, làm khổ loài hữu tình để tạo lợi ích riêng tư cho mình một cách không có lòng từ ái thương xót chúng sinh. Và nhóm người thợ săn chim, thợ săn hươu nai, những hạng loại như vậy, v.v. Hạng người đã đề cập đến tại đây, khi chết đi đa số phải bị thụ lãnh thống khổ trong **Chúng Hợp Địa Ngục (Saṅghātanaraka).**

c/. Hạng nữ nhân hủy diệt thai nhi của chính mình, khi chết đi phải bị thụ lãnh thống khổ trong **Khôi Hà Du Tăng Địa Ngục (Vettaranīussadanaraka)** (trích trong Túc Sinh Truyện **Sankicca**).

d/. Hạng nữ nhân vui thích ngoại tình và cướp giật Chồng của tha nhân. Hạng nam nhân vui thích ngoại tình với Vợ của tha nhân. Những hạng người này, khi chết đi phải bị thụ lãnh thống khổ trong **Đại Châm Thọ Lâm Du Tăng Địa Ngục (Simpalivana ussadanaraka).** Tiếp theo thì vẫn còn phải bị thụ lãnh thống khổ trong **Hỏa Khanh Địa Ngục (Lohakumbhīnaraka)** – là nơi có nước nóng tợ như lửa - tùy theo mãnh lực có nhiều hay ít của Nghiệp Lực (trích ở trong Túc Sinh Truyện **Sankicca**).

e/. Một trường hợp khác nữa, Đức Thế Tôn có trình bày ở trong Túc Sinh Truyện **Nemirāja** (Vua **Nemi**) rằng: Hạng nữ nhân vui thích ngoại tình và cướp giật Chồng của tha nhân, khi chết đi phải bị thụ lãnh cảm thọ thống khổ một cách đặc biệt tất cả chỉ ở trong phần **Chúng Hợp Địa Ngục (Saṅghātanaraka).** Còn hạng nam nhân vui thích ngoại tình với Vợ của tha nhân thì hạng người này khi chết đi phải bị thụ lãnh cảm thọ thống khổ ở trong **Mộc Thán Địa Ngục (Angārakānaraka)** – tức là hầm Địa Ngục với lửa than cháy đỏ.

12. Hỏi: Hãy trình bày Nghiệp Lực thành tác nhân cho các loài Hữu Tình phải bị tội lỗi và việc thụ lãnh thống khổ ở trong:

a/. Ngu Lạc Địa Ngục và

b/. Chế Thắng Địa Ngục ?

12. Đáp: a/. Tội lỗi và việc thụ lãnh thống khổ ở trong Ngu Lạc Địa Ngục:

Trong Cõi Nhân Thế **(Manussaloka),** với hạng người có sự vui mừng, duyệt ý và say đắm trong cả Ngũ Dục Lạc; có việc vũ múa, ca hát, diễn kịch, và các nghệ thuật sân khấu; vào vai nam diễn viên chính cũng có, nữ diễn viên chính cũng có; khóc lóc, cười giỡn, ca hát, vũ múa, và khiêu vũ. Tùy thuộc vào câu chuyện mình trình diễn, đã làm cho khán giả khởi sinh lên sự vui thích cũng có, sầu khổ cũng có, đôi khi khởi sinh lên sự nô đùa khắn khít cho đến quên cả mình. Cứ mãi say mê ngắm nhìn vai kịch của nam diễn viên chính, nữ diễn viên chính đang khi trình diễn trước mắt. Hạng người vũ múa hoặc hạng người diễn kịch nghệ thuật sân khấu này đây, khi chết đi phải bị thụ lãnh thống khổ ở trong **Ngu Lạc Địa Ngục (Pahāsanaraka)**. Trong sát na bị thụ lãnh thống khổ ở trong Địa Ngục ấy y như thể là đang vũ múa hay là ca hát vậy. (Được trích trong Bộ Chú Giải Tương Ưng Bô Kinh **(Samyutta Aṭṭhakathā),** ở phần Lục Xứ **(Salāyatana).**

b/. Tội lỗi và việc thụ lãnh thống khổ ở trong Chế Thắng Địa Ngục:

Trong Cõi Nhân Thế **(Manussaloka),** với hạng người thường luôn có sự vui mừng, duyệt ý trong việc đánh đấm với nhau (tạo ra chiến tranh với nhau). Với hạng người này, khi chết đi phải bị thụ lãnh thống khổ ở trong **Chế Thắng Địa Ngục (Aparājitanaraka).** Trong sát na bị thụ lãnh thống khổ ở trong Địa Ngục ấy y như thể là đang cưỡi voi hoặc đang cưỡi ngựa, buộc súc vật vào cỗ xe, cầm nắm năm loại binh khí, chém giết lẫn nhau suốt trọn thời gian, và không ngừng nghỉ. (Được trích trong Bộ Chú Giải Tương Ưng Bô Kinh **(Samyutta Aṭṭhakathā),** ở phần Lục Xứ **(Salāyatana).**

13. Hỏi: Hãy trình bày:

a/. Tội lỗi mà Tỳ Khưu **Devadatta** phải bị thụ lãnh thống khổ trong Vô Gián Đại Địa Ngục,

b/. Trong thời vị lai sẽ thành Bậc Độc Giác Phật có danh xưng chi ?

c/. Và câu kệ mà Tỳ Khưu **Devadatta** đã cúng dường Đức Phật trong sát na đang bị đất rút xuống là chi ?

13. Đáp: a/. Tỳ Khưu **Devadatta** đã thực hiện việc hãm hại Bậc Chánh Đẳng Giác, Ngài là bậc kiên định, bất dao động đối với Thế Gian Pháp. Do đó, Tỳ Khưu **Devadatta** mới phải bị hóa sinh thẳng vào trong Vô Gián Đại Địa Ngục. Trong sát na bị thụ lãnh thống khổ ở trong Vô Gián Đại Địa Ngục ấy, có thân hình cao ước tính một trăm do tuần, từ lỗ tai trở lên thì chìm vào trong mảnh sắt cháy đỏ và dùng để kê đầu. Phần phía dưới, kể từ mắt cá thì chìm vào trong mảnh sắt cháy đỏ; có cây đinh to ước tính bằng cây thốt nốt đóng vào cả hai phía cánh tay và dính chặt vào vách. Có ngọn giáo sắt đâm phía bên trái thủng đến phía bên phải, đâm phía trước thủng đến phía sau, thủng từ trên đầu xuống cho đến phía dưới và không có nhúc nhích, cựa quậy được. Và rồi có ngọn lửa thiêu đốt suốt trọn thời gian, không ngừng nghỉ cho đến khi được thoát khỏi Vô Gián Đại Địa Ngục.

b/. Trong thời vị lai vào một trăm ngàn Đại Kiếp **(Mahā Kappa),** sẽ được trở thành vị Độc Giác Phật **(Pacceka Buddha)** có tên gọi **Aṭṭhissara,** còn về phần **Pháp Toàn Thiện (Pāramī – Ba La Mật)** thì đã có kiến tạo được hai **A Tăng Kỳ (Asaṅkheyya).**

c/. Kệ ngôn Tỳ Khưu **Devadatta** cúng dường Đức Phật trong sát na đang bị đất rút xuống, đó là:

Imehi atthihi tamaggapuggalaṃ Devātidevaṃ naradammasārathiṃ
Samantacakkhuṃ satapuññalakkhanaṃ Pānehi Buddhaṃ saranaṃ gatosmi

Con xin cúng dường Đức Phật, Ngài là Bậc Chí Thượng Nhân **(Aggapuggala),** Ngài là Bậc Thiên Chủ tối thượng hơn cả Chư Thiên, Ngài là Bậc Điều Ngự Trượng Phu (Bậc Đánh Xe Điều Ngự Muôn Loài), Ngài là Bậc Toàn Trị Tuệ Nhãn, Ngài có hàng trăm Phúc Tướng. Với tất cả xương cốt này cùng với sinh mạng của con xin cho được đến Đức Phật Ngài là chỗ nương nhờ của con.

14. Hỏi: a/. Có bao nhiêu thể loại thần lực của Đức Vua **Upavara** ? Là những chi ?

b/. Cùng với trình bày sự việc đất rút của Đức Vua **Upavara,** là do tội lỗi việc vọng ngôn ấy, thì có trạng thái hiện hành ra sao ?

14. Đáp: a/. Đức Vua **Upavara,** Ngài này đã hội đủ ân đức với bốn thể loại thần thông lực, đó là:

1. Đi lại trên hư không (bởi Pháp Thắng Trí),
2. Có bốn vị Thiên Tử hằng luôn canh phòng cả bốn phương hướng với cánh tay phải cầm thanh gươm.
3. Long thể có mùi hương chiên đàn.
4. Miệng tỏa hương thơm như mùi hương sen.

b/. Trong sự việc nói lời vọng ngữ của Đức Vua **Upavara** đã có trạng thái hiện bày như sau:

+ Lần thứ nhất thì cả bốn Thần Lực bị biến mất đi.

+ Lần thứ hai, bị đất rút xuống đến mắt cá.

+ Lần thứ ba, bị đất rút xuống đến đầu gối.

+ Lần thứ tư, bị đất xuống đến mông.

+ Lần thứ năm, bị đất rút xuống đến rốn.

+ Lần thứ sáu, bị đất rút xuống đến ngang ngực.

+ Lần thứ bảy, bị đất rút xuống đến đầu.

Và khi ấy, lửa ở Vô Gián Đại Địa Ngục bốc cháy xông lên, làm thành tấm màn đen bao trùm lấy thân xác của Đức Vua **Upavara,** kể từ ở trên đầu suốt cho đến bàn chân, và rồi chìm sâu xuống lòng đất.

15. Hỏi: a/. Hãy trình bày tội lỗi của Đức Vua **Ajātasattu** và việc thụ lãnh thống khổ ở trong Địa Ngục ?

b/. Khi thoát khỏi nơi Địa Ngục thì sẽ thành cái chi tiếp nối theo nữa ?

15. Đáp: **a/.** Đức Vua **Ajātasattu,** dù cho Ngài là vị đáng sẽ được chứng đắc Quả vị Vô Sinh **(Arahattaphala)** chính ngay trong kiếp sống đó **(Pacchimabhavikapuggala)**, thế nhưng Ngài lại là người kết giao với người xấu ác, tức là đã kết giao với Tỳ Khưu **Devadatta,** là một **Ác Hữu (Pāpamitta),** là một kẻ nghịch đối với Bậc Chánh Đẳng Giác. Bởi nhân đó, Đức Vua **Ajātasattu** mới khởi sinh lòng tham, sân hận và tà kiến, cho đến thực hiện việc sát tử Đức Vua **Bimbisāra** là Phụ Vương của mình. Theo lệ thường, với hạng người đã tạo ra Nghiệp Sát Phụ thì phần đa số là phải bị đọa vào trong **Vô Gián Đại Địa Ngục (Avīcimahānaraka).** Tuy nhiên với Đức Vua thì không phải bị như vậy. Sự việc như thế này là vì trong thời kỳ mà Đức Vua trị vì Vương Quốc ấy, Ngài đã đoạn giao với Tỳ Khưu **Devadatta,** quay trở lại tu dưỡng đạo đức và đã trở thành bậc Thiện Nhân, thực hiện việc quy ngưỡng đến Bậc Chánh Đẳng Giác cùng với tất cả Chư vị Thánh Tăng Thinh Văn, khởi sinh niềm tịnh tín cúng dường Xả Thí Tứ Vật Dụng thiết yếu, dẫn đến thành bậc Hộ Trì Tam Bảo. Bởi do đó, khi Đức Vua đã băng hà, mới không phải bị đọa vào trong Vô Gián Đại Địa Ngục, thế nhưng phải bị thụ lãnh thống khổ ở trong **Hỏa Khanh Địa Ngục (Lohakumbhīniraya),** đó là phần phụ gia thay thế của Vô Gián Đại Địa Ngục.

Việc thụ lãnh thống khổ trong **Hỏa Khanh Địa Ngục (Lohakumbhīniraya)** hiện bày như sau: từ từ chìm xuống, chìm xuống từng mỗi lần một chút ít, cho đến đụng vào đáy nồi bằng đồng đang sôi. Tính về thời gian lâu dài đến ba mươi ngàn năm (30,000) của Địa Ngục này. Khi sẽ phải ngoi lên từ ở đáy nồi thì cũng sẽ từ từ ngoi lên, ngoi lên từng mỗi lần một chút ít. Tính về thời gian cũng lại lâu dài đến ba mươi ngàn năm (30,000) của Địa Ngục này vậy. Kết hợp lại thời gian thụ lãnh thống khổ của Đức Vua **Ajātasattu** trong **Hỏa Khanh Địa Ngục (Lohakumbhīniraya)** có hạn định là sáu mươi ngàn (60,000) năm mới sẽ thoát ra khỏi nơi Địa Ngục ấy được.

b/. Tiếp đến ở trong thời vị lai có được hai A Tăng Kỳ và một trăm ngàn Đại Kiếp **(Mahā Kappa)**, mới sẽ được thành Bậc Độc Giác Phật có tên gọi **Vijitāvī.**

16. Hỏi: a/. Hãy trình bày câu Chú Giải của từ ngữ nói rằng **Tiracchāna**

b/. Tất cả các loài Bàng Sinh, khi phân chia theo nhóm chân thì có mấy thể loại ? Là những chi ?

16. Đáp: a/. Chú Giải **(Vacanattha): Tiro añjantīti = Tiracchāna** - Loài Hữu Tình đi với phần thân (như là đầu, lưng, v.v) nằm ngang thì gọi là loài Bàng Sinh; hoặc một ý nghĩa nữa, loài Hữu Tình mà bị cản trở việc tiến hóa Đạo Quả thì gọi là loài Bàng Sinh. Như vậy, từ ngữ **Tiracchāna** - Bàng Sinh bao gồm hai từ ngữ **Tiro** - xuyên qua, và **Acchāna** - đi. Từ ngữ **Tiracchāna (Bàng Sinh)** nếu chiết tự ra thì như thế này, tức là **Tira añja yu (Ana)** hoặc **Āna tira** làm thành câu danh hiệu **(Upasaggapada). Añja** là ngữ căn, **Yu (Ana)** hoặc **(Āna)** là tiếp vĩ ngữ.

Chú Giải: **Tiracchānānaṃ yoni = Tiracchānayoni** – Sản Sinh Xứ của những loài Bàng Sinh gọi là Bàng Sinh Sản Sinh Xứ **(Tiracchānayoni).** Tại nơi đây, từ ngữ **Yoni** được dịch là **Jāti** (Sản Sinh Xứ, Căn Nguyên), vì lẽ tất cả những loài Bàng Sinh này không có chỗ nương trú một cách riêng biệt.

b/. Hữu Tình thuộc nhóm to lớn và cũng có loại thuộc nhóm nhỏ bé, tí xíu. Trong tất cả những loài Bàng Sinh này, có cả thảy là bốn loại nhóm, và phân chia theo loại nhóm chân cẳng, thì có như sau:

1. Apadatiracchāna – Vô Túc Bàng Sinh: loại nhóm Bàng Sinh không có chân cẳng, tức là rắn, cá, giun đất, v.v.

2. Dvipadatiracchāna – Nhị Túc Bàng Sinh: loại nhóm Bàng Sinh có hai chân, tức là chim và gà.

3. Catuppadatiracchāna – Tứ Túc Bàng Sinh: loại nhóm Bàng Sinh có bốn chân, tức là bò, trâu, v.v.

4. Bahuppadatiracchāna – Đa Túc Bàng Sinh: loại nhóm Bàng Sinh có nhiều chân, tức là con rít (rết), con sâu cuốn chiếu, v.v.

Tất cả các loài Bàng Sinh mà đã có được đề cập đến, khi phân tích theo chỗ nương trú thì một vài loại nhóm nương trú trên mặt đất, nhưng có một vài loại nhóm thì nương trú dưới nước. Còn các loại nhóm nương trú trong nước thì nhiều hơn loại nhóm nương trú trên đất liền.

17. Hỏi: Hãy trình bày đặc tướng mà thường luôn hiện bày thân tướng của Long Vương có được bao nhiêu thể loại ? Là những chi ?

17. Đáp: Có năm thể loại đặc tướng của Long Vương thường luôn hiện bày, đó là:

1. Trong sát na Tái Sinh thì phải hiện bày thân tướng hình thù là loài Long Vương.

2. Trong sát na đang lột xác thì thân tướng hình thù vẫn giữ nguyên dạng là loài Long Vương.

3. Trong sát na loài Long Vương đang giao hợp với nhau thì vẫn giữ hình thù của loài Long Vương.

4. Trong sát na ngủ nghỉ đó, nếu như bất luận thời lúc nào đang ngủ nghỉ mà thất niệm thì ngay sát na ấy cũng trở lại nguyên hình là loài Long Vương.

5. Trong sát na tử vong thì cũng vẫn phải hiện bày là loài Long Vương.

Việc khởi sinh hiển lộ một cách thông thường về thân hình của loài Long Vương vào trong năm thời điểm, đó là:

a. Trong sát na Tái Sinh,

b. Trong sát na đang lột xác,

c. Trong sát na loài Long Vương đang giao hợp với nhau,

d. Trong sát na ngủ nghỉ mà thất niệm,

e. Trong sát na tử vong.

18. Hỏi: a/. Hạng Người nào không có tác hành thành điều nguy hại đối với Đạo, Quả, nhưng cũng vẫn bị liệt kê vào trong Chủng Loại Bàng Sinh ?

b/. Và hãy trình bày tuổi thọ Long Vương.

18. Đáp: a/. Với người không có thực hiện hành động điều nguy hại đến với Đạo Quả nhưng cũng bị xếp vào trong chủng loại Bàng Sinh.

Theo thông thường hết tất cả Chư Thiên đều là người đáng có được Đạo Quả cả, thế nhưng lại bị xếp vào chủng loại Bàng Sinh ấy, là vì xuất gia không được. Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng trình bày để trong Bộ Chú Giải Đoạn Trừ Luật Nghi **(Kaṅkhāvitaraṇī Aṭṭhakathā),** trong Bộ Chú Giải Luật Tổng Hợp **(Vinayasaṇgaha Aṭṭhakathā)** có nêu rằng: **Yassa upasampadā paṭikkhittā so Tiracchānagato nāma** – Bậc Chánh Đẳng Giác Ngài khước từ việc thọ Cụ Túc Giới đối với người nào thì người ấy gọi là Bàng Sinh.

Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng trình bày để trong Bộ Chú Giải Tạng Luật – Đại Phẩm **(Vinaya Mahā Vagga Aṭṭhakathā)** như sau: **Antamaso sakkaṃ devarājānaṃ upādāya koci amanussajātiyo sabbo imasmiṃ atthe tiracchāna gatoti veditabbo** – Tất cả các bậc Trí Giả nên hiểu biết rằng "Người không có sinh chủng là Nhân Loại thì cho dù sẽ là Thiên Chủ Đế Thích đi nữa, cũng phải bị xếp vào trong chủng loại Bàng Sinh."

[**Chú Thích:** Nên hiểu biết rằng: "chỉ với tích truyện hữu quan với phần Luật Chế Định **(Vinayapaññatti),** và không có ý nghĩa **Devā – Chư Thiên** sẽ phải là **Tiracchāna** – Bàng Sinh. Tất cả trong phần Chú Giải ấy có lời đề cập với từ ngữ rằng **imasmiṃ atthe** (trong nội dung này, tích truyện này).]

b/. Tuổi thọ Long Vương thì bất định, có khi có tuổi thọ lâu dài, có khi có tuổi thọ ngắn ngủi. Với nhóm mà có tuổi thọ lâu dài ấy thì chí đến cả năm vị Phật xuất hiện ở trong thế gian này cũng có, và một vị Long Vương duy trì được tuổi thọ ấy như là vị Long Vương tên gọi **Kāla.** Vị Long Vương **Kāla** này có tuổi thọ tính kể từ Đức Phật **Kakusandho** cho đến Đức Phật **Samaṇa Gotama** (Sa Môn Cồ Đàm), và lại tiếp tục có tuổi thọ cho đến Đức Phật **Ariya Mettreya.**

19. Hỏi: a/. Hãy trình bày câu Chú Giải của từ ngữ nói rằng **Kinnarā** cùng với ý nghĩa.

b/. Và nhóm Điểu Nhân có số lượng tuổi thọ bao nhiêu năm ?

c/. Và có bao nhiêu chủng loại ?

19. Đáp: a/. Trình bày câu Chú Giải của từ ngữ nói rằng **Kinnarā:**

Chú Giải **(Vacanattha): Kucchito naro = Kinnaro (Narasadisattā)** – Loài Hữu Tình đáng ghê tởm nhưng lại giống với con người, gọi là Điểu Nhân **(Kinnarā).** Có thân hình tương tự với con người, chỉ khác biệt ở một vài điểm, như là cả hai cánh tay giống với con người, nhưng cả hai lòng bàn tay thì giống với chim. Còn đầu, khuôn mặt, mắt, mũi giống với con người. Có vành môi rộng cho đến cổ và miệng rộng duỗi dài ra giống với ngựa. Chân, lòng bàn chân và móng chân thì giống như chim.

b/. Ở trong Túc Sinh Truyện **Bhallātiya** đã có trình bày như sau: Loài Điểu Nhân có tuổi thọ đến 1,000 năm và thông thường thì loài Điểu Nhân ấy thường vô cùng sợ hãi về nước. Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có trình bày để trong Bộ Chú Giải Túc Sinh Truyện **Bhallātiya** rằng: **Kinnarā nāma udakabhīrukā honti** - Thông thường thì tất cả các loài Điểu Nhân thường rất sợ hãi về nước.

c/. Có bảy chủng loại Điểu Nhân, đó là:

1- Devakinnarā – Thiên Điểu Nhân: loại Chư Thiên Điểu Nhân.

2- Candakinnarā – Nguyệt Điểu Nhân: loại Điểu Nhân Mặt Trăng.

3- Dumakinnarā – Mộc Điểu Nhân: loại Điểu Nhân ở cây cối.

4- Daṇḍamāṇakiṇṇarā – Can Điểu Nhân: loại Điểu Nhân ở nơi cây gậy.

5- Kontakinnarā – Thương Điểu Nhân: loại Điểu Nhân ở nơi ngọn giáo.

6- Sakunakinnarā – Ưng Điểu Nhân: loại Chim Diều Hâu Điểu Nhân.

7- Kaṇṇapāvuraṇakinnarā – Nhĩ Điểu Nhân: loại Điểu Nhân ở lỗ tai.

20. Hỏi: a/. Sư Tử Vương hiện hữu mấy thể loại ? Là những nhóm chi ?

b/. Và luôn thể trình bày chỗ nương trú của những loại Sư Tử Vương ấy.

20. Đáp: a/. Có bốn thể loại về Sư Tử Vương, đó là:

1. Tiṇasīha - Thảo Sư Tử Vương,

2. Kāḷasīha - Hắc Sư Tử Vương,

3. Paṇḍusīha – Huỳnh Sư Tử Vương,

4. Kesarasīha – Điểm Sư Tử Vương.

Trong tất cả bốn thể loại Sư Tư Vương này, có được giải thích như sau:

1. Tiṇasīha – Thảo Sư Tư Vương: có thân hình màu đỏ giống như chân chim bồ câu, to bằng với con bò tơ, và ăn cỏ làm thành vật thực.

2. Kāḷasīha – Hắc Sư Tử Vương: có thân hình màu đen, to bằng với con bò tơ, và ăn cỏ làm thành vật thực.

3. Paṇḍusīha – Huỳnh Sư Tử Vương: có thân hình giống như màu lá cây chín vàng, to bằng với con bò tơ, và ăn thịt làm thành vật thực.

4. Kesarasīha – Điểm Sư Tư Vương: có môi, đuôi và chân màu đỏ.

Kể từ ở trên đầu xuống cho chí lưng có ba lằn sọc nổi màu đỏ và ba vòng xung quanh ở bàn tọa. Ở trên gáy có lông phủ xuống chí đến vai và có màu giống như mền vải len. Phần thân hình còn lại ngoài ra những điểm này toàn là màu trắng, và ăn thịt làm thành vật thực.

b/. Có năm chỗ nương trú của loài Điểm Sư Tư Vương, đó là:

1. Hang động vàng,
2. Hang động bạc,
3. Hang động ngọc Ma Ni,
4. Hang động ngọc kim cương,
5. Hang động ngọc mã não.

Loài Điểm Sư Tử Vương **(Kesarasīha)** đặc biệt chỉ ở trong khu rừng tuyết phủ Bắc Ấn Độ **(Himavanta)**, có thân hình to lớn bằng với con trâu mộng. Ba loài Sư Tử Vương còn lại ở trong khu rừng già của dãy Hy Mã Lạp Sơn hoặc cũng có ở trong khu rừng rậm và thẳm sâu. Còn về tuổi thọ bất định, đôi khi đến 200 hoặc 300 năm cũng có. Trong hết tất cả loài Bàng Sinh, loài Sư Tử Vương này cũng được xếp vào hàng Bàng Sinh.

21. Hỏi: Có mấy thể loại biểu cảm hiện bày đối với tất cả Bàng Sinh ấy ? Là những chi ? Và Pháp Tưởng thường hay hiện bày đối với nhóm Hữu Tình nào ?

21. Đáp: Có ba thể loại biểu cảm thường hay hiện bày đối với tất cả loài Bàng Sinh, đó là:

1. Kāmasaññā – Dục Thụ Tưởng: biết rõ việc thụ hưởng dục lạc.

2. Gocarasaññā – Thông Hành Tưởng: biết rõ việc ăn uống.

3. Maranasaññā – Tử Vong Tưởng: biết rõ việc tử vong.

Còn về **Pháp Tưởng (Dhammasaññā)** ấy thì chỉ có một vài nhóm Bàng Sinh, như là Bậc Giác Hữu Tình (Bồ Tát) mới khởi sinh hiện bày lên được. Ngoài trường hợp ấy ra phần đa số các loài Bàng Sinh chỉ có ba thể loại biểu cảm như đã có đề cập đến rồi vậy.

22. Hỏi: Hãy trình bày 12 chủng loại Ngạ Quỷ được trích ra trong Kinh Thế Gian Chế Định và Kinh Lục Thú Giải Minh. Luôn thể trình bày trú xứ của 12 chủng loại Ngạ Quỷ cùng với Chúa tể hàng Ngạ Quỷ.

22. Đáp: Có mười hai chủng loại Ngạ Quỷ được trích ra trong Kinh Thế Gian Chế Định **(Lokapaññatti)** và Kinh Lục Thú Giải Minh **(Chagatidīpanī),** đó là:

1. Vantāsapeta – Thực Thóa Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ ăn nước miếng, đàm dãi, vật nôn mửa, làm thành vật thực.

2. Kunapāsapeta – Thực Tử Thi Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ ăn tử thi của Người hoặc loài Hữu Tình, làm thành vật thực.

3. Gūthakhādakapeta – Thực Phẩn Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ ăn các loại phân phẩn, làm thành vật thực.

4. Aggijālamukhapeta – Cự Khẩu Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ thường luôn có ngọn lửa bốc cháy ở trong miệng.

5. Sūcimukhapeta – Châm Khẩu Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ có miệng bằng lỗ chui kim.

6. Taṇhattitapeta – Ái Bức Hại Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ thường luôn bị bức hại do bởi Ái Dục **(Taṇhā)** làm cho phải bị đói bụng, khát nước.

7. Sunijajhāmakapeta – Thán Thân Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ có thân mình đen giống như củi than.

8. Satthangapeta – Châm Thủ Chỉ Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ có móng tay, móng chân dài và sắc bén như dao.

9. Pabbatangapeta – Sơn Thân Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ có thân hình to cao giống như quả núi.

10. Ajagarangapeta – Mãng Xà Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ có thân hình giống như con trăn.

11. Vemānikapeta – Thiên Cung Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ phải bị thụ lãnh thống khổ ở trong khoảng thời gian ban ngày, nhưng vào ban đêm thì lại được thụ hưởng an lạc ở trong Thiên Cung.

12. Mahidhidakapeta – Đại Thế Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ có nhiều thần lực.

b/. Trú xứ của mười hai loại Ngạ Quỷ cùng với Chúa tể hàng Ngạ Quỷ: Ở dưới chân dãy Hy Mã Lạp Sơn có một khu rừng tên gọi là **Vijjhātavī,** là thủ phủ nương trú của mười hai chủng loại Ngạ Quỷ mà đã có được đề cập đến. Trong hết tất cả những mười hai chủng loại Ngạ Quỷ này thì **Đại Thần Lực Ngạ Quỷ (Mahiddhikapeta)** là Chúa tể tất cả các loại Ngạ Quỷ. Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng trình bày để trong Kinh Thế Gian Chế Định rằng: **Yattha petanagare petamahiddhiko sabba petānaṃ issariyādhipaccaṃ karoti** – Thủ phủ của hàng Ngạ Quỷ này ở tại khu rừng **Vijjhātavī** và khu rừng **Vijjhātavī** này đích thị được tọa lạc ở trong dãy Hy Mã Lạp Sơn. Thủ phủ là khu rừng **Vijjhātavī** đây, có vị Đại Thần Lực Ngạ Quỷ là vị Chúa tể thống trị trông coi tất cả các loại Ngạ Quỷ.

23. Hỏi: a/. Hãy trình bày bốn chủng loại Ngạ Quỷ đã được trích ra trong Bộ Chú Giải và Phụ Chú Giải Ngạ Quỷ Sử Ký.

b/. Trong tất cả bốn chủng loại Ngạ Quỷ ấy thì chủng loại nào mà Bậc Giác Hữu Tình (Bồ Tát) không có đi hóa sinh ?

23. Đáp: a/. Bốn chủng loại Ngạ Quỷ được trích ra trong Bộ Chú Giải và Phụ Chú Giải Ngạ Quỷ Sử Ký **(Pettavatthu),** đó là:

1. Paradattujīvikapeta – Tha Hy Thí Mạng Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ có việc nuôi mạng là phải nương nhờ vào vật thực của người khác xả thí cho.

2. Khupapipāsikapeta – Vô Thực Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ bị bức hại với việc phải bị đói bụng, khát nước.

3. Nijjhāmataṇhikapeta – Ái Dục Thiêu Đốt Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ thường luôn bị nóng bức do bởi ngọn lửa thiêu đốt.

4. Kālakañcikapeta – A Tu La Ngạ Quỷ: là tên gọi của A Tu La mà thành Ngạ Quỷ. A Tu La Ngạ Quỷ này có thân tướng hình thù to cao ba dặm **(Gāvuta)** mà chỉ có chút ít về sức lực vì có rất ít máu và thịt, có màu sắc hao hao với lá cây khô, con mắt lồi ra giống với mắt của con cua, và có miệng bằng lỗ kim ở ngay giữa cái đầu.

[**Giải Thích** câu chuyện về A Tu La Ngạ Quỷ này đã được trích ra ở trong Bộ Chú Giải Phẩm Vật Thực Đi Bên Đường **(Pātheyyavagga Aṭṭhakathā)**]

b/. Một vài chủng loại Ngạ Quỷ mà Bậc Giác Hữu Tình (Bồ Tát) không có đi hóa sinh: Tất cả những Bậc Giác Hữu Tình (Chư Bồ Tát), tính kể từ khi đã được Đức Phật thọ ký trở đi thường không có đi hóa sinh vào trong ba chủng loại Ngạ Quỷ, đó là:

1. Khuppipāsakapeta – Vô Thực Ngạ Quỷ,

2. Nijjhāmataṇhikapeta – Ái Dục Thiêu Đốt Ngạ Quỷ,

3. Kālakañcikapeta – A Tu La Ngạ Quỷ.

Nếu như sẽ phải bị hóa sinh thì duy nhất chỉ có hóa sinh làm hàng Tha Hy Thí Mạng Ngạ Quỷ **(Paradattupajīvika)** mà thôi.

24. Hỏi: Cõi Giới mà tất cả các Bậc Giác Hữu Tình (Bồ Tát) tính kể từ đã được Đức Phật thọ ký rồi, sẽ không đi thọ sinh có được mấy thể loại ? Là những chi ?

24. Đáp: Còn có các Cõi Giới khác nữa mà tất cả Bậc Giác Hữu Tình (Chư Bồ Tát) không có đi hóa sinh tính kể từ khi đã được Đức Phật thọ ký, đó là:

1. Không có tái sinh làm người hoang dã (chưa khai hóa).
2. Không có tái sinh làm **Thiên Tử Ác Ma (Māradevaputta).**
3. Không có tái sinh làm **Vô Tưởng Phạm Thiên (Asaññasattabrahma).**
4. Không có tái sinh làm **Tịnh Cư Phạm Thiên (Suddhāvāsabrahma).**
5. Không có tái sinh ở trong các Bộ Châu **(Cakkavāla** – Tiên Thiên Vũ Trụ) khác.
6. Không có tái sinh làm **Vô Sắc Phạm Thiên (Arūpabrahma).**
7. Không có tái sinh làm người nữ.
8. Không có tái sinh làm người nô lệ.
9. Không có tái sinh làm người đui mù, tai điếc, câm nín.
10. Không có tái sinh làm người bệnh phong hủi.
11. Không chuyển đổi giới tính.
12. Không tạo **Ngũ Vô Gián Nghiệp Báo (Pañcānantariyakamma).**
13. Không có hóa sinh ở trong **Địa Ngục Thủy Diệt Siêu Sinh (Lokantarika naraka).**
14. Không có hóa sinh trong **Vô Gián Đại Địa Ngục (Avecīmahānaraka)** và không có thành **Vô Thực Ngạ Quỷ (Khuppipāsikapeta), Ái Dục Thiêu Đốt Ngạ Quỷ (Nijjhāmataṇhikapeta)** và **A Tu La Ngạ Quỷ (Kālakañcikapeta).**

Không có sinh thành loài Hữu Tình mà nhỏ hơn chim dồng dộc (giống chim cùng họ với chim sẻ, mình nâu, đầu vàng, làm tổ ở trên cành cây), và không có sinh thành loài Hữu Tình lớn hơn tượng voi. Không làm thành Bậc Thánh Nhân trong khoảng bốn A Tăng Kỳ **(Asaṅkheyya)** và một trăm ngàn Đại Kiếp **(Mahākappa).**

+ Ghi chú: Tất cả những loại Ngạ Quỷ này, ngoài mười hai chủng loại và bốn chủng loại (như đã có được trình bày ở phần trên) này ra, vẫn còn có những chủng loại Ngạ Quỷ khác nữa, như là **Sūcilomapeta – Châm Mao Ngạ Quỷ** là loại Ngạ Quỷ có lông giống như mũi kim; **Kharalomapeta – Thô Mao Ngạ Quỷ** là loại Ngạ Quỷ có lông thô nhám; **Dīghanakhapeta – Trường Thủ Chỉ Ngạ Quỷ** là loại Ngạ Quỷ có móng tay và móng chân dài, v.v.

25. Hỏi: Hãy trình bày 21 chủng loại Ngạ Quỷ đã được trích ra trong Tạng Luật và bài Kinh Hạng Loại thuộc Chánh Tạng **Pāḷi** Tương Ưng Bộ Kinh.

25. Đáp: Hai mươi mốt chủng loại Ngạ Quỷ đã được trích trong Tạng Luật **(Vinaya Piṭaka)** và bài Kinh Hạng Loại **(Lakkhaṇa)** thuộc Chánh Tạng **Pāḷi** Tương Ưng Bộ Kinh, đó là:

1/ Aṭṭhisaṅkhasikapeta – Cốt Tử Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ có xương dính với nhau thành từng khúc, nhưng có thịt.

2/ Maṃsapesikapeta – Thi Nhục Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ có thịt thành từng mảnh, nhưng không có xương.

3/ Maṃsapiṇḍapeta – Khối Nhục Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ có thịt thành khối thịt, đống thịt.

4/ Nicchaviparisapeta – Vô Bì Nam Ngạ Quỷ: loại Nam Ngạ Quỷ không có da.

5/ Asilomapeta – Kiếm Mao Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ có lông nhọn như lưỡi kiếm.

6/ Sattilomapeta – Thương Mao Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ có lông như ngọn giáo.

7/ Usulomapeta – Tiễn Mao Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ có lông dài như mũi tên.

8/ Sūcilomapeta – Châm Mao Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ có lông như mũi kim.

9/ Dutiyasūcilomapeta – Châm Mao Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ thứ hai cũng có lông như mũi kim.

10/ Kumbhaṇḍapetā – Cao Hoàn Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ có tinh hoàn **(aṇḍa)** rất to lớn.

11/ Gūthakūpanimuggapeta – Phân Một Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ chìm ở trong phân phẩn.

12/ Gūthakhādakapeta – Thực Phẩn Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ ăn phân phẩn.

13/ Nicchavitakapeta – Vô Bì Nữ Ngạ Quỷ: loại Nữ Ngạ Quỷ không có da.

14/ Duggandhapeta – Xú Khí Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ có mùi hôi thối.

15/ Ogilinīpeta – Xí Nhiên Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ có thân hình như lửa than hồng.

16/ Asīsapeta – Vô Thủ Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ không có đầu.

17/ Bhikkhupeta – Tỳ Khưu Tướng Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ có thân tướng hình thù giống như vị Tỳ Khưu.

18/ Bhikkhunīpeta – Tỳ Khưu Ni Tướng Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ có thân tướng hình thù giống như vị Tỳ Khưu Ni.

19/ Sikkhamānapeta – Nữ Học Pháp Tướng Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ có thân tướng hình thù giống như vị Nữ Học Pháp.

20/ Sāmaṇerapeta – Sa Di Tướng Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ có thân tướng hình thù giống như vị Sa Di.

21/ Sāmaṇerīpeta – Sa Di Ni Tướng Ngạ Quỷ: loại Ngạ Quỷ có thân tướng hình thù giống như vị Sa Di Ni.

Ghi chú: Loại Ngạ Quỷ Rắn (Xà Ngạ Quỷ) và loại Ngạ Quỷ Quạ (Ô Nha Ngạ Quỷ) mà đã có được trích ra trong Bộ Chú Giải Kinh Pháp Cú **(Dhammapada Aṭṭhakathā)** ấy

thì loại Ngạ Quỷ Rắn có thân hình dài hai mươi lăm do tuần, còn loại Ngạ Quỷ Quạ có thân hình to lớn hai mươi lăm do tuần.

26. Hỏi: Câu chuyện về Ngạ Quỷ trong Địa Giới Tứ Phần có được 12 chủng loại, và cũng có 4 chủng loại.

a/. Như thế, tất cả hàng Ngạ Quỷ này thì có bao nhiêu chủng loại Ngạ Quỷ sẽ đón nhận được phần Phước Báu ? Là những chủng loại nào ?

b/. Và phần Phước Báu mà do thân quyến hồi hướng cho đó thì sẽ thường luôn được đón nhận hay không ? Nếu không được đón nhận Phước Báu ấy thì sẽ rớt vào người nào ?

26. Đáp: a/. Trong hết cả thảy những hàng Ngạ Quỷ mà đã có đề cập đến thì có được mười hai nhóm, cũng có bốn nhóm, và cũng có hai mươi mốt nhóm. Như thế, tất cả những hàng Ngạ Quỷ này, **hàng Ngạ Quỷ sẽ có cơ hội để được đón nhận phần Phước Báu từ nơi thân quyến hồi hướng cho, là chỉ có duy nhất loại Ngạ Quỷ Tha Hy Thí Mạng (Paradattupajīvika) thôi.** Còn những loại Ngạ Quỷ khác mà ngoài loại này ra, thì không có khả năng sẽ nhận được phần Thiện Phước của thân quyến hồi hướng cho, là bởi do những loại Ngạ Quỷ này ở cách xa khỏi quần thể nhân loại. Tuy nhiên đối với loại Ngạ Quỷ Tha Hy Thí Mạng ấy, là loại Ngạ Quỷ sống ở trong những khu dân cư, như là có một vài người bị sát hại ở trong thời hiện tại, hoặc cũng có người bị tử vong một cách thông thường, nhưng chính vì có sự ưu não ái luyến mà phải bị tái sinh làm Ngạ Quỷ ở trong những khu dân cư, và hiện bày bản thân cho những thân quyến hoặc những người khác được nhìn thấy. Theo dân gian họ định đặt nói với nhau là Ma hoặc Quỷ. Những loại Ma hoặc Quỷ đây, cũng đích thị chính là loại Ngạ Quỷ Tha Hy Thí Mạng vậy. Tuy nhiên cho dù là loại Ngạ Quỷ Tha Hy Thí Mạng sẽ là hàng Ngạ Quỷ sinh ở trong tất cả những khu dân cư đi nữa, nhưng nếu như không có sự hiểu biết về việc thân quyến hồi hướng phần Phước Báu cho, thì cũng không có khả năng sẽ đón nhận được phần Phước Báu ấy được, cũng giống như nhau. Tất cả sự việc này là cũng bởi nếu như không có sự hiểu biết thì cũng không có khả năng sẽ **tùy hỷ công đức (Anumodanā)** và thốt lên lời **Sādhu – Lành Thay.** Khi không có khả năng sẽ **tùy hỷ công đức (Anumodanā)** và thốt lên lời **Sādhu – Lành Thay** thì cũng coi như thế là không có được đón nhận phần Phước Báu của thân quyến hồi hướng cho, vì đó là thông lệ của tất cả hàng Ngạ Quỷ sẽ phải là như thế. Bởi do đó, nhóm bọn Ngạ Quỷ Tha Hy Thí Mạng đây, cũng không nhất định hẳn thật là sẽ thường luôn được đón nhận phần Phước Báu từ nơi thân quyến đã hồi hướng cho.

b/. Tất cả những loài Hữu Tình khi đã quá vãng rồi, có một số đã phải đi tái sinh ở trong Địa Ngục, cũng có một số thành Bàng Sinh, cũng có một số thành Ngạ Quỷ sinh sống ở cách xa khỏi quần thể nhân loại, cũng có một số thành Chư Thiên, và cũng có một số thành Phạm Thiên. Còn tất cả những thân bằng quyến thuộc sinh sống thuộc về sau, thì cho dù có rủ nhau tạo Phước Báu rồi cũng thường luôn hồi hướng cho đến những hạng người này đi nữa, thì cũng không thành tựu bất luận quả lợi ích nào đến với người mà đã đi thọ sinh ở trong những Cõi Giới như thế đó được. Mà có thể chỉ thành tựu quả lợi ích chỉ cho đến người hồi hướng mà thôi. Như là một người thân của mình đã đi đến sự tử vong và tái sinh

làm con chó ở trong nhà, thì cho dù có thật là quyến thuộc sẽ tạo Phước Báu rồi hối hướng cho đi nữa, nhưng quả Phước Báu ấy cũng không thành tựu điều lợi ích chi cho đến con chó ấy được cả, chí đến là Chư Thiên hoặc là Phạm Thiên cũng giống như nhau. Chỉ biết được rằng quyến thuộc của mình đã có tạo Phước Báu và rồi đã có hồi hướng phần Phước Báu cho mà thôi. Phước Báu ấy cũng không thành tựu bất luận quả lợi ích nào luôn cả cho đến tất cả Chư Thiên và Phạm Thiên.

Còn người đã tạo Phước Báu rồi hồi hướng cho đến quyến thuộc đã quá vãng đi rồi, cho dù quyến thuộc ấy sẽ không có được đón nhận phần Phước Báu do đã hồi hướng cho, thì Phước Báu mà người đã có tạo ra rồi đem hồi hướng cho đó cũng không mất đi đâu cả, vẫn tồn tại Phước Báu thường luôn dính theo với người đã tạo, luôn cả ở trong kiếp sống này, kiếp sống sau và những kiếp sống kế tiếp. Bởi do đó, khi thời gian tạo Phước Báu rồi hồi hướng phần Thiện Công Đức cho đến người đã quá vãng đi rồi, thì người tạo Phước nên kiêng tránh việc vui chơi, liên hoan linh đình, cười giỡn; chẳng hạn như có việc chiêu đãi tiệc rượu với nhau trong sát na ấy, hoặc có buổi tiệc trò biểu diễn, tức là các cuộc vui thú ăn chơi. Dù cho sẽ tạo Phước Báu ở nơi nhà hoặc là ở Tu Viện đi nữa, thì trước tiên người làm Phước nên thọ trì Giới Luật, làm cho Tâm được an tịnh và phải tiến hóa đề mục **Tử Tùy Niệm (Maraṇānussati)**, đề mục **Bất Tịnh (Asubha)**, hoặc là với đề mục Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã để cho Tâm Thiện **(Kusalacitta)** khởi sinh. Việc tạo Phước Báu theo như đã vừa đề cập nơi đây, thì người tạo Phước có được rất nhiều Phúc Đức (Đại Phúc Đức), tức là có được một trăm phần trăm (100%) Phước Báu và người đã quá vãng đi rồi, nếu như có tâm **tùy hỷ công đức (Anumodanā)** thì cũng được đón nhận một trăm phần trăm (100%) phần Phước Báu ấy đều đồng như nhau với người đã tạo ra Phước Báu.

Nếu như người làm Phước mà không có được thực hành theo như đã vừa đề cập đến rồi đây, mà chỉ cứ mải say mê ở trong các sự vui thú ăn chơi sai khác, Tâm Thức trong sát na ấy cũng không có được an tịnh và Thiện Pháp cũng khởi sinh chỉ có được chút ít. Bởi do đó, việc tạo Phước Báu mà pha trộn với sự vui thú ăn chơi như thế, thì người tạo Phước thường có được phúc đức của việc làm Phước ấy chỉ là chút ít nhỏ nhoi, không có khả năng có được Phước Báu cùng tột. Về phía người đón nhận phần Phước Báu của thân quyến hồi hướng cho cũng không được đón nhận quả Phước cùng tột đều đồng như nhau. Tức là Thiện Pháp mà sinh khởi trong bản tánh của người tạo Phước chỉ có mười phần trăm (10%) nhưng Bất Thiện Pháp lại có chín mươi phần trăm (90%); và nếu như người làm Phước đột nhiên mạng chung vào trong sát na ấy, thì sẽ phải bị thọ sinh vào một trong của **Tứ Thống Khổ Địa Giới (Apāyabhūmi)**, và không nên nghĩ suy rằng sẽ thành là Chư Thiên hoặc Nhân Loại được.

Lại nữa, bất luận Phước Báu nào mà người đã có được tạo ra ở trong kiếp sống hiện tại này rồi, và có được hồi hướng phần Phước Báu ấy cho đến các bậc là người Cha, người Mẹ, bậc Thầy Tổ, con cái, người Chồng, người Vợ, bạn bè thân hữu mà đã quá vãng đi rồi ở trong kiếp sống hiện tại này; và luôn cả với các bậc là người Cha, người Mẹ, bậc thầy Tổ, con cái, người Chồng, người Vợ, bạn bè thân hữu mà đã quá vãng đi rồi ở trong kiếp sống quá khứ; dù là như vậy, thì quả Phước Báu cũng thường được thành tựu quả lợi ích cho đến

các bậc ấy, cho được đón nhận quả Phước Báu mà đã được hồi hướng cho đó một cách viên mãn, đều đồng như nhau cả thẩy với các bậc đã được là người Cha, Mẹ ở trong kiếp sống hiện tại.

27. Hỏi: a/. Hữu Tình gọi là **Asurā – Atula** đây, khi phân tích ra có mấy loại ? Là những chi ?

b/. Thiên **Atula** có mấy loại ? Là những chi ? Và chủng loại Thiên **Atula** nào làm thành đối kháng đối với Chư Thiên tầng Đao Lợi Thiên Giới ?

c/. Quỷ **Atula** có mấy loại ? Là những chi ?

27 Đáp: a/. Sự phân tích việc gọi loài Hữu Tình là **Atula** theo nội dung ý nghĩa của từ ngữ **Atula** có ba chủng loại **Atula**, đó là:

1. Deva Asurā – Thiên Atula: tức là hạng Chư Thiên mà gọi là **Atula**, và có sáu chủng loại.

2. Petti Asurā – Quỷ Atula: tức là hàng Ngạ Quỷ mà gọi là **Atula**, và có ba chủng loại.

3. Niraya Asurā – Địa Ngục Atula: tức là loài Hữu Tình Địa Ngục mà gọi là **Atula**, và chỉ có một chủng loại.

b/. Có sáu chủng loại Thiên **Atula (Deva Asurā),** đó là:

1. Vepacitti Asurā – Chúa Tể Atula Thiên.

2. Subali Asurā – Hữu Cường Lực Atula.

3. Rāhū Asurā – Thần Ràhu Atula (**Atula** ngậm mặt trời, mặt trăng, gây ra nguyệt thực, nhật thực).

4. Pahā Asurā – Sát Đấu Atula.

5. Sambarati Asurā – Phòng Vệ Atula.

6. Vinipātika Asurā – Thụ Khổ Nạn Giả Atula.

Trong hết cả thẩy sáu chủng loại **Atula** này, thì: 1. Chúa Tể **Atula** Thiên, 2. Hữu Cường Lực **Atula**, 3. Thần **Rāhu Atula**, 4. Sát Đấu **Atula**, 5. Phòng Vệ **Atula**, kết hợp cả năm nhóm này lại gọi là **Atula**, bởi vì thành phía đối kháng với Chư Thiên ở tầng Tam Thập Tam Thiên Giới **(Tvātiṃsā** – Đao Lợi). Cho dù lãnh địa nương trú của cả năm nhóm Chư Thiên này, có thật sẽ là nương trú ở dưới chân **Tu Di Sơn (Siṇeru)** đi nữa, tuy nhiên cũng được liệt kê vào ở trong nhóm Chư Thiên ở tầng Tam Thập Tam Thiên Giới.

c/. Có ba chủng loại Ngạ Quỷ **Atula (Petti Asūra)** đó là:

1. Kāḷakañcikapeta Asurā – Ngạ Quỷ Atula

2. Vemānikapeta Asurā – Thiên Cung Ngạ Quỷ Atula

3. Āvudhikapeta Asurā – Vũ Khí Ngạ Quỷ Atula

Hết tất cả ba nhóm Ngạ Quỷ này thì:

1. Loại Ngạ Quỷ Atula, đó là loại Ngạ Quỷ **Atula** được sắp vào trong từ ngữ nói rằng **Asurakāyo – Cảnh Giới Atula,** đã có được đề cập đến ở phần phía trên rồi.

2. Loại Thiên Cung Ngạ Quỷ Atula, đó là nhóm Ngạ Quỷ đã phải bị thụ lãnh thống khổ ở vào ban ngày, nhưng ở vào ban đêm thì thụ hưởng sự an lạc. Sự an lạc mà đã có được

thụ hưởng ở trong khoảng thời gian nửa đêm ấy, tương tự với sự an lạc mà có ở trong tầng Tam Thập Tam Thiên Giới. Chính do bởi nương vào việc thụ hưởng sự an lạc ở trong khoảng thời gian nửa đêm ấy, tương tự với Chư Thiên ở tầng Tam Thập Tam Thiên Giới đây, mà ở tại đây mới được gọi là **A Tu La**.

3. Loại Vũ Khí Ngạ Quỷ Atula tức là nhóm Ngạ Quỷ chém giết sát hại lẫn nhau với các loại vũ khí. Loại Ngạ Quỷ mà gọi là **Atula** ấy, bởi vì thành phía đối kháng với Chư Thiên ở tầng Tam Thập Tam Thiên Giới (Đao Lợi Thiên Giới) về cách sinh hoạt. Bởi vì Chư Thiên ở tầng Tam Thập Tam Thiên Giới ấy có sự thương yêu lẫn nhau; còn nhóm Vũ Khí Ngạ Quỷ **Atula**, về cách sinh hoạt, chỉ có việc chém giết sát hại lẫn nhau.

28. Hỏi: a/. Hãy trình bày tác nhân tội lỗi đã làm cho loài Hữu Tình phải tái sinh ở trong **Atula** Địa Giới.

b/. Vì sao cả Tứ Thống Khổ Địa Giới lại gọi là Khổ Thú ? Và hãy phân tích cho được thấy rằng loại Thống Khổ Địa Giới nào thành Khổ Thú một cách trực tiếp, loại nào thành Khổ Thú một cách gián tiếp ?

28. Đáp: a/. Tác nhân tội lỗi làm cho loài Hữu Tình phải tái sinh ở trong **Atula** Địa Giới. Có một vài người sống ở trong thế gian này, dù cho là người có danh vị và có tài sản vừa theo thích hợp, hoặc là to lớn đi nữa; tuy nhiên những hạng người này có Tâm Bất Thiện hoặc là người hy thiểu kiến văn; do đó, mới không có khả năng sẽ chọn lọc được rằng: **Hạng người nào đáng sẽ được khen ngợi tán thán, và hạng người nào không đáng được khen ngợi tán thán.** Khi là như vậy, họ đã sử dụng quyền lực và tài sản của cải vào trong con đường sai trật, tức là với hạng người có Đức Hạnh thanh cao tốt đẹp, có Giới Pháp đáng được khen ngợi tán thán, thì trái lại họ sử dụng quyền lực về Thân để áp bức bắt nạt, dùng quyền lực về Lời để nói lời khinh miệt, chỉ trích. Còn với hạng người không có Đức Hạnh tốt đẹp, **Ác Hạnh (Duccarita),** Ác Giới Pháp, thì trái lại họ khen ngợi tán thán. Hạng người này, khi lìa khỏi thế gian này thì thường phải đi tái sinh vào trong **Atula** Địa Giới.

b/. Phân Tích cả Tứ Thống Khổ Địa Giới hình thành **Khổ Thú (Duggati)** một cách trực tiếp và gián tiếp.

Cả bốn chủng loại này, đó là Địa Ngục, Bàng Sinh, Ngạ Quỷ và **Atula** mà gọi với tên là "Thống Khổ Địa Giới" như đã có được trình bày ở phần trên thì cả Tứ Thống Khổ Địa Giới này được gọi **Khổ Thú Địa Giới (Duggatibhūmi),** là bởi do thành sinh thú của tất cả loài Hữu Tình với sự khổ sở vất vả. Như có câu Chú Giải **(Vacanattha)** rằng: **Dukkhena gantabbāti = Duggati** – Địa Giới thành sinh địa của tất cả loài Hữu Tình với sự khổ sở vất vả, gọi là Khổ Thú Địa Giới.

Trong hết cả Tứ Thống Khổ Địa Giới này thì Địa Ngục, Ngạ Quỷ, **Atula** được gọi là Khổ Thú một cách trực tiếp. Còn loài Bàng Sinh mà gọi là Khổ Thú ấy, chỉ là việc gọi một cách gián tiếp, là vì có một vài nhóm Bàng Sinh, chẳng hạn như có Long Vương, Sư Tử Vương, Chiến Tượng **Chaddanta,** thì những loại này đều có rất nhiều Thần Lực và có sự an vui; bởi do đó, loài Bàng Sinh mới không có được sắp đặt một cách trực tiếp vào trong Khổ Thú Địa Giới.

Apāyaggahaṇena tīracchānayoniṃ dīpeti, duggatiggahaṇena pettivisayaṃ dīpeti – Dịch nghĩa rằng: Bậc Chánh Đẳng Giác lập ý khải thuyết sinh chủng của loài Bàng Sinh với từ ngữ là **Apāya** – Thống Khổ; và lập ý khải thuyết đến cả ba loại: Địa Ngục, Ngạ Quỷ, **Atula** với từ ngữ là **Duggati – Khổ Thú.**

29. Hỏi: Hãy phân tích từ ngữ nói rằng **Duggati** luôn cả với lời dịch.

a/. Từ ngữ nói rằng **Gati** có mấy thể loại ? Là những chi ?

b/. Hãy trình bày phân loại của Khổ Thú có mấy thể loại ? Là những chi ? Cùng với ý nghĩa

29. Đáp: a/. Từ ngữ nói rằng **Duggati** khi chiết tự ra thành thành **Du + Gati, Du:** dịch nghĩa là "xấu xa, không tốt đẹp"; **Gati:** dịch nghĩa là "sinh thú của loài Hữu Tình."

b/. Có bốn thể loại của Sinh Thú **(Gati),** đó là:

1/ Gatigati – Sinh Thú Địa Giới: Cõi Giới thành sinh thú của loài Hữu Tình.

2/ Nibbattigati –Sản Sinh Sự: Sự việc sản sinh loài Hữu Tình.

3/ Ajjhāsayagati – Phẩm Tính Sinh Thú: Tánh tình tập khí đang hiện hành.

4/ Vibhāvagati - Ảnh Hưởng Sinh Thú: Sự sinh khởi từ nơi việc tích tập (tích lũy kết tập).

c/. Có ba thể loại về Khổ Thú, đó là:

1. Agāriyapatipattiduggati – Thế Tục Ác Hạnh Khổ Thú.

2. Anāgāriyapatipattiduggati – Xuất Gia Ác Hạnh Khổ Thú.

3. Gatiduggati – Sinh Thú Khổ Thú.

1. Trong cả ba trường hợp Khổ Thú này, người cư sĩ tại gia tạo tác Ác Hạnh với mãnh lực của Phiền Não, gọi là **Agāriyapatipattiduggati –Thế Tục Ác Hạnh Khổ Thú.**

2. Tỳ Khưu, Sa Di ở trong Phật Giáo, đã thực hiện Tà Hạnh, tức là phá hủy đức tin đã đang có ở trong bản tánh người Phật Tử làm cho sầu khổ ưu não **(Kuladūsana – Biếm Gia Tử)** và tự bản thân làm thầy bói, thầy thuốc **(Anesana – Tà Mạng).** Tỳ Khưu, Sa Di đã thực hiện Tà Hạnh như đã có đề cập đến nơi đây, gọi là **Anāgāriyapatipattiduggati – Xuất Gia Ác Hạnh Khổ Thú.**

3. Còn Sinh Thú Khổ Thú ấy, tức là người cư sĩ tại gia và Tỳ Khưu, Sa Di mà đã thực hiện Ác Hạnh như đã có đề cập đến, đến khi mệnh chung phải bị đi tái sinh trong cả Tứ Thống Khổ Địa Giới, gọi là **Sinh Thú Khổ Thú (Gatiduggati).**

30. Hỏi: a/. Hãy phân tích từ ngữ nói rằng **Sugati** cùng với Lời Dịch.

b/. Hãy trình bày phân loại về Thiện Thú có mấy thể loại ? Là những chi ? Cùng với ý nghĩa.

30. Đáp: a/. Từ ngữ nói rằng **Sugati** khi chiết tự ra thành **Su + Gati, Su:** dịch nghĩa là "tốt đẹp"; **Gati:** dịch nghĩa là "sinh thú của loài Hữu Tình." Như có câu Chú Giải **(Vacanattha)** để ở trong bộ Chú Giải **Netti** rằng: **Sandarā gati = Sugati** – Địa Giới thành sản địa tốt đẹp, an vui của loài Hữu Tình, gọi là **Thiện Thú (Sugati).**

b/. Có ba thể loại về Thiện Thú, đó là:

1. Agāriyapatipattisugati – Thế Tục Thiện Hạnh Thiện Thú.

2. Anāgāriyapatipattisugati – Xuất Gia Thiện Hạnh Thiện Thú.

3. Gatisugati – Sinh Thú Thiện Thú.

1. Trong cả ba trường hợp Thiện Thú này, người cư sĩ tại gia tạo tác Thiện Hạnh ở trong Thập Thiện Nghiệp Lực Đạo **(Dasa Kusalakammapada)**, gọi là **Agāriya patipatti sugati – Thế Tục Thiện Hạnh Thiện Thú.**

2. Tỳ Khưu, Sa Di ở trong Phật Giáo mà trau giồi bất luận một thể loại nào về **Tu Học Kinh Luật (Ganthadhūra)** và **Pháp Hành Thiền Minh Sát Tuệ (Vipassanā dhūra),** hoặc là với cả hai thể loại, gọi là **Anāgāriyapatipattisugati – Xuất Gia Thiện Hạnh Thiện Thú.**

3. Còn Sinh Thú Thiện Thú ấy, tức là người cư sĩ tại gia và Tỳ Khưu, Sa Di mà đã có trau giồi tu tập một cách thiện hảo như đã có được đề cập đến, đến khi mệnh chung thì được đi tái sinh ở trong Cõi Nhân Loại **(Manussaloka)** và Cõi Thiên Giới **(Devaloka)**, gọi là Sinh Thú Thiện Thú.

31. Hỏi: a/. Hãy trình bày Ân Đức của người Nam Thiệm Bộ Châu cao quý hơn người Bắc Câu Lư Châu và Chư Thiên ở tầng Tam Thập Tam Thiên Giới như thế nào ?

b/. Và người Bắc Câu Lư Châu có Ân Đức cao quý hơn người Nam Thiệm Bộ Châu và Chư Thiên ở tầng Tam Thập Tam Thiên Giới như thế nào ?

31. Đáp: a/. Ba Ân Đức **(Guṇa)** của người Nam Thiệm Bộ Châu, đó là:

1. Sūrabhava – Dũng Tâm: có Tâm Thức kiên cường dũng cảm ở trong việc thực hiện Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập.

2. Satimanta – Cường Niệm: có Niệm kiên định vững chắc ở trong Ân Đức Tam Bảo.

3. Brahmacariyavāsa – Thực Hành Phạm Hạnh: thực hành đời sống Phạm Hạnh tức là có được xuất gia.

b/. Ba Ân Đức **(Guṇa)** của người Bắc Câu Lư Châu, đó là:

1. Không chấp thủ vàng bạc cho rằng là của mình.

2. Không dính mắc hoặc chấp thủ cho rằng là con trai, chồng, vợ của mình.

3. Thường luôn có tuổi thọ lâu dài đến một ngàn năm.

32. Hỏi: Hãy kể tên gọi của cả Tứ Bộ Châu là những chi ? Cùng với trình bày tuổi thọ của người hiện hữu ở trong từng mỗi Bộ Châu cho được biết với.

32. Đáp: Nền lục địa của bốn phương hướng tức là cả Tứ Đại Bộ Châu này, chính là chỗ nương trú của Nhân Loại, có tên gọi là:

1/ Pubbavidehadvīpa – Đông Thắng Thần Châu.

2/ Aparagoyānadvīpa – Tây Ngưu Hóa Châu.

3/ Jambūdvīpa – Nam Thiệm Bộ Châu.

4/ Uttarakurudvīpa – Bắc Câu Lư Châu.

Nhân Loại sống và nương trú ở trong cả Tứ Bộ Châu này có sự hạn định về tuổi thọ, như sau: Loài người sống và nương trú ở trong Nam Thiệm Bộ Châu có tuổi thọ bất định, theo sự việc tăng giảm lẫn nhau; chẳng hạn như là bất luận thời kỳ nào **(Samaya)** mà người Nam Thiệm Bộ Châu có Thân, Ngữ, Ý kết hợp với Giới Pháp **(Sīladhamma)** sống trong đạo đức thì thời kỳ đó của người Nam Thiệm Bộ Châu có tuổi thọ lâu dài đến một A Tăng Kỳ **(Asaṅkheyya)** năm. Cách tính A Tăng Kỳ ấy thì cũng tương tự với cách tính tuổi thọ loài Hữu Tình Địa Ngục đã có được giải thích trong tích truyện của Đức Vua **Upavara**. Còn thời kỳ nào người Nam Thiệm Bộ Châu có Thân, Ngữ, Ý không có được kết hợp với Giới Pháp, sống phi đạo đức thì thời kỳ ấy con người Nam Thiệm Bộ Châu có tuổi thọ tuần tự thoái giảm xuống từng chút ít và cho đến khi chỉ còn mười tuổi thọ.

Còn người sống và nương trú trong Đông Thắng Thần Châu luôn luôn có tuổi thọ 700 năm. Người sống và nương trú trong Tây Ngưu Hóa Châu luôn luôn có tuổi thọ 500 năm. Người sống và nương trú trong Bắc Câu Lư Châu luôn luôn có tuổi thọ 1,000 năm.

33. Hỏi: Người Bắc Câu Lư Châu an trú ở trong Pháp chi ? Khi mệnh chung rồi sẽ đi tái sinh ở nơi nào ? Hãy trình bày dẫn chứng.

33. Đáp: Lẽ thường, người Bắc Câu Lư Châu có việc thọ trì Ngũ Giới làm thành Thường Nhiên **(Niccasīla** – Thường Nhiên Giới); do đó, sau khi đã mệnh chung thì những hạng người này thường đi tái sinh ở trong Cõi Thiên Giới. Như có **Pāḷi** dẫn chứng đã có trình bày để trong Bộ Chú Giải Tăng Chi Bộ Kinh – Phẩm Chín Chi **(Navaṅguttara Aṭṭhakathā)** và Phụ Chú Giải Nội Dung Cốt Yếu Giải Minh **(Sāratthadīpanīṭīkā)** rằng: **Gatipi nibadhā tato cavitvà sagge yeva nibbattanti - Dịch nghĩa rằng:** Một cách đoan chắc rằng, trú xứ nhất định của người Bắc Câu Lư Châu mà sau khi đã mệnh chung sẽ được đi tái sinh trong Cõi Thiên Giới.

Một cách đoan chắc rằng, sau khi đã mệnh chung ở Cõi Giới cũ của mình thì người Bắc Câu Lư Châu nhất định được đi tái sinh trong Thiên Giới. Tuy nhiên nếu như, đến khi mệnh chung từ ở Thiên Giới ấy rồi thì có thể phải đi tái sinh trong cả Tứ Thống Khổ Địa Giới, hoặc ở một Bộ Châu khác, hoặc cũng có thể ở bất luận một Địa Giới nào khác. Vì thế, việc người Bắc Câu Lư Châu không có bị đọa vào Thống Khổ Địa Giới, đó cũng chỉ là một Cõi Giới duy nhất từ ở kiếp sống cũ đang nương ở mà thôi.

34. Hỏi: a/. Hãy trình bày câu Chú Giải của từ ngữ nói rằng **Deva** cùng với Lời Dịch.

b/. **Deva** có mấy thể loại ? Là những chi ?

c/. Bốn Ngài Tứ Đại Thiên Vương ấy là những ai ? Và có nhiệm vụ cai quản như thế nào ?

34. Đáp: a/. Chú Giải **(Vacanattha)** về từ ngữ nói rằng **Deva: Pañcahi kāme guṇehi dibbanti kiḷantīti = Deva** - Người nô đùa chơi giỡn với hết tất cả ngũ dục lạc, gọi là Chư Thiên.

b/. Có ba chủng loại Chư Thiên, đó là:

1. Sammutideva – Thế Tục Thiên (Danh Thiên): tức là Đức Vua (còn gọi là Thiên Tử), Hoàng Hậu cùng với Hoàng Tử và Công Chúa.

2. Uppattideva – Sinh Khởi Thiên (Sinh Thiên): tức là các Chư Thiên và Phạm Thiên.

3. Visuddhideva – Thanh Tịnh Thiên (Tịnh Thiên): tức là các Bậc A La Hán Vô Sinh.

Đối với câu Chú Giải này thì lập ý chỉ trình bày đến **Sinh Khởi Thiên** là các bậc ở trong Lục Dục Thiên Giới.

c/. Bốn vị Vua Trời của Hội Chúng Thiên, gọi là Tứ Đại Thiên Vương, đó là:

1. Vua Dhataraṭṭha (Trì Quốc Thiên Vương),

2. Vua Viruḷhaka (Tăng Trưởng Thiên Vương),

3. Vua Virūpakkha (Quảng Mục Thiên Vương),

4. Vua Kuvera hoặc Vua Vessuvaṇṇa (Đa Văn Thiên Vương).

+ Trú xứ của các Ngài Tứ Đại Thiên Vương này là nằm ở đoạn giữa của Tu Di Sơn, và ngang với đỉnh núi **Yugandhara.**

1. Vua Dhataraṭṭha (Trì Quốc Thiên Vương): ở hướng Đông Tu Di Sơn, Ngài là vị cai quản tất cả Thiên Chúng Càn Thát Bà **(Gandhabba).** [Còn gọi là **Đông Trì Quốc Thiên Vương**]

2. Vua Viruḷhaka (Tăng Trưởng Thiên Vương): ở hướng Nam Tu Di Sơn, Ngài là vị cai quản tất cả Thiên Chúng Ác Dạ Xoa **(Kumbhaṇḍa).** [Còn gọi là **Nam Tăng Trưởng Thiên Vương**]

3. Vua **Virūpakkha** (Quảng Mục Thiên Vương): ở hướng Tây Tu Di Sơn, Ngài là vị cai quản tất cả Thiên Chúng Long Vương **(Nàgadevatā).** [Còn gọi là **Tây Quãng Mục Thiên Vương**]

4. Vua **Kuvera** hoặc Vua **Vessuvaṇṇa** (Đa Văn Thiên Vương): ở hướng Bắc Tu Di Sơn, Ngài là vị cai quản tất cả Quỷ Thần Dạ Xoa **(Yakkhadevatā).** [Còn gọi là **Bắc Đa Văn Thiên Vương**].

Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có trình bày để trong Kinh Tạng **Pāḷi** phần Đại Phẩm **(Mahāvaggasuttanta)** rằng:

Purimaṃ disaṃ dhataraṭṭho Dakkhiṇena viruḷhako
Pacchimena virūpakkho Kuvero uttaraṃ disaṃ
Cattāro te mahārājā Samantā caturo disā

Dịch nghĩa rằng: Vua **Dhataraṭṭha** Trì Quốc Thiên Vương ở hướng Đông Tu Di Sơn, Vua **Viruḷhaka** Tăng Trưởng Thiên Vương ở hướng Nam Tu Di Sơn, Vua **Virūpakkha** Quảng Mục Thiên Vương ở hướng Tây Tu Di Sơn, Vua **Kuvera** hoặc Vua **Vessuvaṇṇa** Đa Văn Thiên Vương ở hướng Bắc Tu Di Sơn. Cả Tứ Đại Thiên Vương ấy ở bao bọc hết cả bốn hướng Tu Di Sơn. Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có trình bày để ở trong Phụ Chú Giải Siêu Lý Giải Minh **(Paramatthadīpanīṭīkā)** rằng: **Tattha dhata raṭṭho gandhabbānaṃ rājā hoti, Viruḷhako kumbhaṇḍānaṃ, Virūpakkho nāgānaṃ Kuvero yakkhānaṃ.**

Dịch nghĩa rằng: Trong số lượng cả Tứ Đại Thiên Vương ấy, thì:

+ Vua **Dhataraṭṭha** là vị Chủ quản tất cả Thiên Chúng Càn Thát Bà **(Gandhabba).**

+ Vua **Viruḷhaka** là vị Chủ quản tất cả Thiên Chúng Ác Dạ Xoa **(Kumbhaṇḍa).**

+ Vua **Virūpakkha** (Quảng Mục Thiên Vương là vị Chủ quản tất cả Thiên Chúng Long Vương **(Nāgadevatā).**

+ Vua **Kuvera** hoặc Vua **Vessuvaṇṇa** (Đa Văn Thiên Vương) là vị Chủ quản tất cả Quỷ Thần Dạ Xoa **(Yakkhadevatā).**"

Hết tất cả bốn vị Vua Trời này là các bậc hộ trì Cõi Nhân Thế, vì thế, mới gọi là **Tứ Hộ Thế Thiên Vương (Catulokapāla).** Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có trình bày để ở trong bộ Chú Giải **Netti** rằng: **Lokaṃ pālentīti = Lokapālā, cattāro mahārājāno - Dịch nghĩa rằng:** Các vị Chư Thiên hộ trì Cõi Nhân Thế, gọi là **Hộ Thế Thiên;** đích thị chính là các Ngài Tứ Đại Thiên Vương ấy vậy.

Với người có sự hiểu biết, có sự nhận thức về các thể loại văn chương thuộc về thế gian đã gọi các Ngài Tứ Đại Thiên Vương này là Vua **Inda,** Vua **Yama,** Vua **Veruṇa,** Vua **Kuvera.** Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có trình bày để ở trong bộ Chú Giải **Netti** rằng: **Lokiyā pana indayamavaruṇkuverā lokapālāti vadanti – Dịch nghĩa rằng:** Với những người có sự nhận thức ở trong văn chương thuộc về thế gian đã gọi cả **Tứ Hộ Thế Thiên** này là **Inda, Yama, Veruṇa, Kuvera.**

2. Catūsu mahārājesu bhatti etesanti = Catumahārājikā – Tất cả Hội Chúng Thiên mà gọi các Ngài là Tứ Đại Thiên Vương, là bởi vì có nhiệm vụ làm người phụng dưỡng phục vụ cho hết tất cả các Hội Chúng Thiên.

Giải thích rằng: Tất cả các Chư Thiên trong Cõi Tứ Đại Thiên Vương này đều là Chúng tùy tùng ở dưới quyền lực của tất cả các Ngài Tứ Đại Thiên Vương đây; với nguyên nhân này, những bậc Chư Thiên này mới được gọi là các Ngài **Tứ Đại Thiên Vương**.

Một trường hợp khác, có câu Chú Giải rằng: **Catumahārāje bhavāti = Catumahā rājikā** – Tất cả các bậc Chư Thiên được gọi Tứ Đại Thiên Vương là bởi vì được sinh khởi trong trú xứ ở nơi của các Ngài Tứ Đại Thiên Vương đang cai quản.

Giải thích rằng: Trú xứ mà tất cả các Ngài Tứ Đại Thiên Vương đang cai quản đó, tọa lạc ở đoạn giữa Tu Di Sơn, ngang với ngọn núi **Yugandhara,** đi trở xuống cho đến nền mặt quả địa cầu của Nhân Loại, và diện tích ngang bằng với ngọn núi **Yugandhara** ấy. Có lãnh thổ mở rộng ở trong hư không tiếp giáp đến biên địa Bộ Châu và Thất Bảo Sơn, suốt cho đến cùng khắp cả đại dương. Lãnh thổ mà các Ngài Tứ Đại Thiên Vương đang cai quản đây, gọi là Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới **(Catumahārājikābhūmi).** Như có câu Chú Giải rằng: **Cātumahārājikānaṃ nivāsāti = Catumahārājikā)** – Trú xứ các Ngài Tứ Đại Thiên Vương cùng với tất cả Chúng Thiên tùy tùng, gọi là Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới.

35. Hỏi: a/. Có mấy nhóm Chư Thiên hiện hữu ở trong tầng Trời Tứ Đại Thiên Vương ? Là những chi ?

b/. Có mấy nhóm Chư Thiên ở tầng Trời Tứ Đại Thiên Vương có tâm hung bạo tàn ác ? Là những chi ?

c/. Có mấy nhóm Chư Thiên Càn Thát Bà sinh ở trong cây có hương thơm ? Là những chi ?

35. Đáp: a/. Tất cả Chư Thiên ở trong Tầng Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới hiện hữu được ba nhóm, đó là:

1. Bhummaṭṭhadevatā – Địa Cư Thiên: Chư Thiên nương trú trên mặt quả địa cầu.

2. Rukkhaṭṭhadevatā – Mộc Cư Thiên: Chư Thiên nương trú trên các cây cối.

3. Ākāsaṭṭhadevatā – Không Cư Thiên: Chư Thiên nương trú trên khoảng hư không.

b/. Có bốn nhóm Chư Thiên ở Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới có Tâm hung bạo tàn ác, đó là:

1. Yakkho, Yakkhinī: tức là Quỷ Thần Nam Dạ Xoa, Quỷ Thần Nữ Dạ Xoa.

2. Gandhabbo, Gandhabbī: tức là Thiên Nam Càn Thát Bà, Thiên Nữ Càn Thát Bà (còn gọi là Hương Thần, Tầm Hương Hành, Hương Ấm).

3. Kumbhaṇḍo, Kumbhaṇḍī: tức là Thiên Nam Ác Dạ Xoa, Thiên Nữ Ác Dạ Xoa.

4. Nāgo, Nāgī: tức là Nam Long Vương, Nữ Long Vương.

c/. Có mười nhóm Thiên Càn Thát Bà sinh ở trong cây có hương thơm:

1. Mūlagandhabba – Căn Cái Càn Thát Bà: sinh ở trong rễ cây.

2. Sāragandhabba - Mộc Nhục Càn Thát Bà: sinh ở trong lõi cây.

3. Pheggugandhabba - Chất Mộc Càn Thát Bà: sinh ở trong giác cây.

4. Tacagandhabba – Ngoại Tầng Càn Thát Bà: sinh ở trong vỏ cây.

5. Papaṭikagandhabba – Ngoại Bì Càn Thát Bà: sinh ở trong lớp vỏ khô bên ngoài cây.

6. Rasagandhabba - Hoa Lộ Thủy Càn Thát Bà: sinh ở trong nước hoa.

7. Paṇṇagandhabba - Diệp Binh Càn Thát Bà: sinh ở trong lá cây.

8. Pupphagandhabba – Hoa Ngạc Càn Thát Bà: sinh ở trong bông hoa.

9. Phalagandhabba - Quả Thực Càn Thát Bà: sinh ở trong trái cây.

10. Kandhagandhabba – Căn Đế Càn Thát Bà: sinh ở trong gốc rễ.

36. Hỏi: Nếu sẽ tóm tắt Chư Thiên hiện hữu dưới quyền lực cai quản của Tứ Đại Thiên Vương thì có được bao nhiêu ? Là những chi ?

36. Đáp: Có tám nhóm Chư Thiên ở dưới quyền lực cai quản của Tứ Đại Thiên Vương, đó là:

1/ Pabbataṭṭhadevatā – Sơn Cư Thiên: Chư Thiên nương trú ở dọc theo núi đồi.

2/ Ākāsaṭṭhadevatā – Không Cư Thiên: Chư Thiên nương trú ở trong hư không.

3/ Khiḍḍadosikadevatā – Ngoạn Lộng Bất Cố Tử Hoạt Chư Thiên: Chư Thiên bị mạng vong vì mê say duyệt ý ở trong việc nô đùa chơi giỡn đến cả việc quên thọ dụng vật thực.

4/ Manopadosikadevatā – Ý Sân Chư Thiên: Chư Thiên bị mạng vong do bởi sự sân hận.

5/ Sītavalāhakadevatā – Hàn Lãnh Chư Thiên: Chư Thiên làm cho hư không khởi sinh mát lạnh.

6/ Uṇhavalāhakadevatā – Viêm Nhiệt Chư Thiên: Chư Thiên làm cho hư không khởi sinh nóng nực.

7/ Candimadevaputtadevatā – Nguyệt Thiên Tử: Chư Thiên nương trú trong mặt trăng.

8/ Suriyadevaputtadevatā – Nhật Thiên Tử: Chư Thiên nương trú trong mặt trời.

37. Hỏi: Hãy trình bày Phật Ngôn đã có lập ý khải thuyết liên quan vấn đề Thế Gian đã được trích ở trong Chánh Tạng **Pāḷi** Tăng Chi Bộ Kinh.

37. Đáp: Trình bày Phật Ngôn đã có lập ý khải thuyết hữu quan đến vấn đề về Thế Gian như sau: **Ayaṃ kho Ānanda mahāpaṭhavī udake patiṭṭhitā, udakaṃ vāte patiṭṭhi taṃ, vāto ākāsaṭṭho hoti** – (Trích ở trong Chánh Tạng **Pāḷi** Tăng Chi Bộ Kinh). **Dịch nghĩa rằng:** Này **Ānanda,** nền mặt quả địa cầu nằm ở trên nước, nước nằm ở trên gió, gió nằm ở trên hư không.

38. Hỏi: Có lời vấn hỏi rằng: Tất cả những Chư Thiên ở cả sáu tầng Trời này, sẽ có được nhìn thấy lẫn nhau hay không ?

38. Đáp: Điều này có lời giải đáp như sau: "Chư Thiên ở tầng trên cao thường nhìn thấy được Chư Thiên ở tầng thấp hơn mình. Tuy nhiên Chư Thiên ở tầng dưới thấp sẽ không thể nhìn thấy được Chư Thiên ở tầng cao hơn mình. Là vì, lẽ thường tất cả Chư Thiên ở tầng trên cao ấy có thân tướng rất vi tế hơn cả Chư Thiên ở tầng dưới thấp hơn. Trừ khi các Chư Thiên ở tầng trên cao ấy, sẽ biến hóa thân tướng cho thành thô thiển đi thì lúc bấy giờ Chư Thiên ở tầng dưới thấp hơn mới sẽ có được nhìn thấy. Tất cả sự việc này hiện hành tuần tự theo từng thứ bậc với nhau.

39. Hỏi: Người sẽ thành Đức Thiên Vương **Indra** là sẽ phải kết hợp với bao nhiêu điều Pháp ? Là những chi ?

39. Đáp: Với người sẽ thành Đức Thiên Vương **Indra** sẽ phải hội đủ bảy thể loại Pháp **(Thất Cấm Túc Giới),** đó là:

1/ Phụng dưỡng Mẹ Cha,
2/ Tôn kính bậc trưởng thượng trong gia tộc,
3/ Nói lời ngọt ngào, dễ nghe,
4/ Không nói lời xúi giục đâm thọc,
5/ Không có sự bủn xỉn, keo kiệt,
6/ Có lòng trung thực,
7/ Tự kiềm chế sự phẫn nộ sân hận.

Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có được trình bày để ở trong bộ Chú Giải Túc Sinh Truyện **Ekanipāta (Ekanipātajataka Aṭṭhakathā)** rằng:

Mātāpetttibharaṃ jantuṃ **Kule jeṭṭhāpacāyinaṃ**

Saṇhaṃ sakhilasambhāsaṃ	**Pesuṇeyyappahāyinaṃ**
Maccheravinaye yuttam saccaṃ	**Kodhābhibhuṃ naraṃ**
Taṃ ve devā tāvatimsā	**Āhu sappuriso iti.**
Ai hiếu dưỡng Mẹ Cha,	Kính trọng bậc gia trưởng,
Nói những lời nhu hòa	Từ bỏ lời hai lưỡi,
Chế ngự lòng xan tham,	Là con người chân thực.
Nhiếp phục được phẫn nộ,	Với con người như vậy,
Chư Thiên Tam Thập Tam,	Gọi là bậc Chân Nhân.

(Chú thích: Thuở xưa, khi Ngài Thiên Chủ Đế Thích hãy còn làm người ở Cõi Nhân Loại, Ngài đã chấp trì và thực hành Thất Cấm Túc Giới. Nhờ chấp trì Thất Cấm Túc Giới này, Ngài đã đạt địa vị danh hiệu Đế Thích **(Sakka).** Thế nào là Thất Cấm Túc Giới ?

1. Cho đến trọn đời, Tôi hiếu dưỡng Mẹ Cha.

2. Cho đến trọn đời, Tôi kính trọng bậc gia trưởng.

3. Cho đến trọn đời, Tôi nói lời nhu hòa.

4. Cho đến trọn đời, Tôi không nói lời hai lưỡi.

5. Cho đến trọn đời, với Tâm ly cấu uế và xan tham, Tôi sống trong gia đình với Tâm bố thí, với bàn tay sạch sẽ, hoan hỷ Xả Thí, nhiệt tâm đáp ứng các yêu cầu, hoan hỷ phân phối Vật bố thí.

6. Cho đến trọn đời, Tôi nói lời chân thực.

7. Cho đến trọn đời, Tôi không phẫn nộ; nếu Tôi có phẫn nộ, thì Tôi sẽ mau chóng diệt trừ sự phẫn nộ ấy.)

40. Hỏi: a/. Hãy trình bày vị Thiên Tử làm thành bậc lãnh đạo ở trong cả sáu tầng Lục Dục Thiên Giới đi theo tứ tự và

b/. Vị Thiên Tử có quyền lực cai quản lãnh đạo hết cả Lục Dục Thiên Giới ấy là ai ?

40. Đáp: a/. Chức vị Bậc Đại Thiên Vương lãnh đạo Chúng Thiên có như sau:

+ Đấng Thiên Vương là bậc lãnh đạo Chúng Thiên trong tầng Thiên Giới thứ nhất có danh xưng là Tứ Đại Thiên Vương, có bốn vị là: **1. Vua Dhataraṭṭha (Trì Quốc Thiên Vương), 2. Vua Viruḷhaka (Tăng Trưởng Thiên Vương), 3. Vua Virūpakkha (Quảng Mục Thiên Vương), 4. Vua Kuvera** hoặc **Vessuvaṇṇa (Đa Văn Thiên Vương).**

+ Đấng Thiên Vương là bậc lãnh đạo Chúng Thiên trong tầng Thiên Giới thứ hai có danh xưng Tam Thập Tam, là vì có 33 chàng thanh niên và có thanh niên **Māgha** với tên gọi là Đấng Thiên Vương **Sakka** (Đế Thích) làm bậc lãnh đạo.

+ Đấng Thiên Vương cai quản Chúng Thiên ở trong tầng Thiên Giới thứ ba có danh xưng **Suyāma** hoặc là **Yāma.**

+ Đấng Thiên Vương cai quản Chúng Thiên ở trong tầng Thiên Giới thứ tư có danh xưng **Santussita.**

+ Đấng Thiên Vương cai quản Chúng Thiên ở trong tầng Thiên Giới thứ năm có danh xưng **Sunimmita** hoặc là **Nimmita.**

+ Đấng Thiên Vương cai quản Chúng Thiên ở trong tầng Thiên Giới thứ sáu có danh xưng là **Paranimmitta.**

Giải thích rằng: Tầng Thiên Giới thứ tư này là trú xứ xa lìa sự buồn bực trong lòng, và chỉ có mang lại sự hoan hỷ duyệt ý cùng với sự vui vẻ trong lòng đến với tất cả những người hiện hữu ở trong Thiên Giới này. Như thế, Cõi Thiên Giới này mới được sắp thành một loại Thiên Giới tuyệt hảo thù thắng.

b/. Vị Thiên Tử có quyền lực tối thượng và thù thắng hơn tất cả Chư Thiên, đó là Thiên Tử Ma **Vasavattī** ở trong tầng Tha Hóa Tự Tại Thiên Giới, là vị cai quản khắp cả Lục Dục Thiên Giới.

41. Hỏi: a/. Cõi Dục Địa Giới có bao nhiêu ? Là những chi ?

b/. Hãy trình bày việc thụ hưởng Dục Lạc của Thiên Nam Tử và Thiên Nữ Tử ở trong khắp cả sáu tầng Trời Thiên Giới, thể theo ý kiến của cả hai, Nhất Ban Giáo Sư và Chú Giải Sư.

41. Đáp: a/. Cõi Dục Địa Giới có 11 Cõi, đó là: Tứ Thống Khổ Địa Giới, gồm Địa Ngục, Ngạ Quỷ, **Atula**, Bàng Sinh. Thất Thiện Dục Địa Giới gồm một Cõi Nhân Loại, và sáu tầng Thiên Giới đó là Tứ Đại Thiên Vương, Đao Lợi, Dạ Ma, Đâu Suất Đà, Hóa Lạc, Tha Hóa Tự Tại.

b/. Việc thụ hưởng Dục Lạc của Thiên Nam Tử và Thiên Nữ Tử trong khắp cả sáu tầng Thiên Giới, với vấn đề này có hai trường hợp ý kiến, đó là: một trường hợp ý kiến thuộc Nhất Ban Giáo Sư **(Keci Ācariya),** và một thể loại ý kiến khác nữa thuộc Chú Giải Sư **(Aṭṭhakathācāriya)**.

Ý kiến của Nhất Ban Giáo Sư (thiểu số và cổ xưa) đã có trình bày rằng:

+ Việc thụ hưởng Dục Lạc của nhóm Chư Thiên ở cả hai tầng Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới và Tam Thập Tam Thiên Giới đây hiện bày trong việc hành xử cũng tương tự theo cùng một phương thức với nhóm người ở Cõi Nhân Loại vậy.

+ Việc thụ hưởng Dục Lạc của nhóm Chư Thiên ở tầng Dạ Ma Thiên Giới thì việc thụ hưởng với hình thức xử sự là hôn và ôm chặt thân thể lẫn nhau.

+ Việc thụ hưởng Dục Lạc của nhóm Chư Thiên ở tầng Đâu Suất Đà Thiên Giới, chỉ có việc dùng bàn tay tiếp chạm với nhau là thành tựu mãn nguyện sự việc.

+ Việc thụ hưởng Dục Lạc của nhóm Chư Thiên ở tầng Hóa Lạc Thiên Giới là qua việc nhìn thấy và mỉm cười với nhau là thành tựu mãn nguyện sự việc.

+ Việc thụ hưởng Dục Lạc của nhóm Chư Thiên ở tầng Tha Hóa Tự Tại Thiên Giới là dùng vào ánh mắt (thị lực) ngắm nhìn là thành tựu mãn nguyện sự việc.

Còn ý kiến của Ngài Chú Giải Sư đã có trình bày rằng: Việc thụ hưởng Dục Lạc của nhóm Chư Thiên ở khắp cả sáu tầng Thiên Giới ấy hiện bày trong việc hành xử cũng tương tự theo cùng một phương thức với nhóm người ở Cõi Nhân Loại, và không có điều chi là khác biệt dị thường cả.

Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có được trình bày để ở trong bộ Chú Giải Kinh Phúng Tụng **(Saṅgītisuttanta Aṭṭhakathā)** rằng: **Channampi kāmā vacarānaṃ kāmā pākatikā**

evaṃ - Dịch nghĩa rằng: Việc thụ hưởng Dục Lạc của Chư Thiên ở khắp cả Lục Dục Thiên Giới đó, đích thị hiện bày trong việc hành xử một cách bình thường, và tất cả cũng tương tự theo cùng một phương thức với nhóm người ở Cõi Nhân Loại cả thảy. Và Ngài đã có viện dẫn đề cập đến rằng: Theo ý kiến của Nhất Ban Giáo Sư thì thường không cách nào hiện hành được ở trong thế gian này. Là vì theo lẽ thường thì việc thụ hưởng Dục Lạc ấy, nếu như không có việc tiếp xúc đụng chạm về thể xác lẫn nhau thì việc thụ hưởng Dục Lạc ấy không thể nào thành tựu mãn nguyện đi được.

42. Hỏi: a/. Trong cả hai Địa Giới, Cõi Nhân Thế và Cõi Thiên Giới đây thì Cõi Địa Giới nào có nhiều bậc Thánh Nhân hơn ?

b/. Việc sẽ được thành tựu Bậc Thánh Nhân ấy phải cần hội đủ bảy yếu tố Pháp, đó là những Pháp chi ?

c/. Có Phật Ngôn dùng làm dụng cụ **phán đoán (Vinicchaya)** về năm điều, có tên gọi là **Cần Miễn Chi Phần (Padhāniyaṅga),** dùng làm mực thước để bản thân tự xét đoán rằng: "kiếp này ta có sẽ được thành tựu Bậc Thánh Nhân hay không ?" Năm điều ấy là những Pháp chi ?

d/. Hãy trình bày sự tiến triển của Phật Giáo ở trong Cõi Nhân Thế thì phồn thịnh huy hoàng hơn hay là ở trong Cõi Thiên Giới thì phồn thịnh huy hoàng hơn ?

42. Đáp: a/. Trong cả hai Địa Giới, Cõi Nhân Thế và Cõi Thiên Giới đây, thì Cõi Thiên Giới có nhiều Bậc Thánh Nhân hơn.

Giải thích rằng: Ở trong Cõi Thiên Giới thì có nhiều Thánh Nhân hơn ở trong Cõi Nhân Thế. Giải thích rằng, trong thời kỳ của Đức Phật thì những vị cư sĩ tại gia và các bậc xuất gia hiện hữu ở trong những kinh thành **Sāvatthī, Rājagaha, Vesālī, Kosambi, Kapilavatthu,** v.v. Những hạng người này khi đã được nghe Pháp Thoại của Bậc Chánh Đẳng Giác rồi, đã chứng đắc được Quả vị Thất Lai cũng có, Quả vị Nhất Lai cũng có, v.v. Trong từng mỗi quốc độ, có số lượng hàng chục triệu **(Koṭi),** và khi những hạng người này đã thân hoại mạng chung lìa khỏi Cõi Nhân Loại rồi, thì đã đi tái sinh ở trong cả Lục Dục Thiên Giới ấy. Còn tất cả Chư Thiên hiện hữu ở trong cả Lục Dục Thiên Giới ấy, khi đã có được cơ hội trong việc nghe những Pháp Thoại, về bảy Bộ Kinh điển của Tạng Vô Tỷ Pháp, **Kinh Chuyển Pháp Luân (Dhammacakkappavattana Sutta), Kinh Đại Hội (Mahāsamaya Sutta), Kinh Đại Niệm Xứ (Mahāsatipaṭṭhāna Sutta), Kinh Vô Ngã Tướng (Anattalakkhaṇa Sutta), Kinh Hành Tâm Xả (Samacitta Sutta),** v.v. từng mỗi vị đã được chứng đắc Quả vị Thất Lai, Quả vị Nhất Lai; với số lượng nhiều vô số kể. Vì thế, Bậc Thánh Nhân mà sinh ở trong cả Lục Dục Thiên Giới này thì không tài nào để có thể đếm được số lượng là bao nhiêu cả.

Đối với cả hai nhóm của Bậc Bất Lai và Bậc Alahán Vô Sinh đây thì không thể nào đếm tính được ở trong số lượng này. Là vì Bậc Bất Lai thì không tái sinh ở trong Cõi Nhân Thế, và Bậc Alahán Vô Sinh thì lại viên tịch Níp Bàn rồi. Do đó, Bậc Thánh Nhân mà hiện hữu ở trong Cõi Nhân Thế ấy thì sẽ nói được rằng là có số lượng ít hơn là Bậc Thánh Nhân mà hiện hữu ở trong Cõi Thiên Giới. Về việc Bậc Thánh Nhân ở trong Cõi Nhân Thế mà có

số lượng ít hơn là ở trong Cõi Thiên Giới ấy, là cũng do ở trong Cõi Nhân Thế này, phần thiểu số chỉ có một số ít người là có lòng tôn kính với Phật Giáo, chỉ có một số ít người là có sự quan tâm để ý đến trong việc thực hành Thiền Minh Sát Tuệ.

b/. Việc sẽ được thành tựu Bậc Thánh Nhân thì phải cần hội đủ bảy yếu tố **(Thất Chi Pháp)**, đó là:

1/ Phải là người Tam Nhân **(Tihetukapuggala),**

2/ Phải từng có được việc kiến tạo Pháp Toàn Thiện (Ba La Mật) mà liên quan với Thiền Minh Sát Tuệ **(Vipassanā)** ở trong đời trước,

3/ Phải có sự kiên trì nỗ lực ở trong kiếp sống hiện tại này,

4/ Phương thức tiến tu thực hành Thiền Minh Sát Tuệ **(Vipassanādhura)** phải trung thực chân chánh, đúng theo nền tảng của Chánh Tạng **Pāḷi** và Chú Giải,

5/ Phải có trú xứ thích hợp với việc tu tập,

6/ Phải lìa xa hoặc không có mười Pháp ràng buộc **[Palibodha:** sự bế tắc, sự trở ngại, sự ngăn trở; đó là: **1. Mẹ (Mātā), 2. Cha (Pita), 3. Vợ (Bhariyā), 4. Con (Putta), 5. Quyến Thuộc (Ñāti), 6. Bạn Hữu (Mitta), 7. Của Cải (Dhana), 8. Lợi Lộc (Lābhā sakkāra), 9. Danh Vị (Yasa), 10. Ngũ Dục Lạc (Kāmaguṇa: Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc)]**

7/ Phải có thời gian thích hợp.

Như thế, **quả thật chỉ có một số ít người có sự quan tâm để ý đến trong việc thực hành Thiền Minh Sát Tuệ. Và cũng quả thật là khó, khi tìm kiếm được người hội đủ cả bảy yếu tố như đã vừa đề cập đến ở phần trên. Và cũng quả thật là, có người với sự hiểu biết, nghĩ suy sai trật rằng:**

a/. Nếu như ta đã tiến tu Thiền Minh Sát Tuệ thì sẽ làm cho ta thành người có danh thơm tiếng tốt,

b/. Sẽ được tôn kính và tín cẩn đối với khắp tất cả mọi người, làm cho việc mưu sinh của ta sẽ được cải thiện một cách dễ dàng.

Sự hiểu biết sai trật như vậy, chẳng phải lập ý để nói rằng sẽ hiện hành đến với tất cả mọi người, mà chỉ lập ý ở trong phần đa số người mà thôi. Với nhân này, mới nói được rằng "Bậc Thánh Nhân hiện hữu ở trong Cõi Nhân Thế thì có số lượng ít hơn là Bậc Thánh Nhân hiện hữu ở trong Cõi Thiên Giới".

c/. Có Phật Ngôn dùng làm dụng cụ **phán đoán (Vinicchaya)** về năm điều, có tên gọi là **Cần Miễn Chi Phần (Padhāniyaṅga),** dùng làm mực thước để bản thân tự xét đoán rằng: "kiếp này ta có sẽ được thành tựu Bậc Thánh Nhân hay không ?" Năm điều ấy, đó là:

1/ Phải có niềm tịnh tín, sự sùng tín ở trong Phật Bảo, Pháp Bảo, Tăng Bảo, và vị thầy Giáo Thọ chỉ dạy Thiền Minh Sát Tuệ (Đức Tin).

2/ Phải có thân thể cường tráng khỏe mạnh, không ốm đau bệnh hoạn.

3/ Phải có Tâm lương thiện, không có mánh khóe gian giảo, không có lừa Thầy phản bạn đồng tu với nhau.

4/ Phải có sự kiên trì quyết tâm rằng cho dù máu và thịt của ta đây sẽ có phải khô cạn đi, có thể chỉ còn là da, gân, xương đi nữa, thì ta cũng quyết sẽ không chịu từ bỏ sự kiên trì ấy được.

5/ Trước hết hành giả trau giồi tu tập phải cho đạt đến **Sinh Diệt Trí (Udayabbaya ñāṇa).**

Phật Ngôn đã đề ra năm nguyên tắc trên đây dùng để cho bản thân tự xét đoán cho chính mình. Khi bản thân người nào đã tự xét thấy rằng hội đủ cả năm điều này, thì nên vững tâm nhất định rồi cũng sẽ chứng đắc được Đạo Quả ngay trong kiếp sống này. Giả như bất luận có một điều nào bị khiếm khuyết rồi, thì coi như là không có hy vọng chứng đắc Đạo Quả trong kiếp sống này vậy.

d/. Sự tiến triển của Phật Giáo ở trong Cõi Nhân Thế và Cõi Thiên Giới.

Khi sẽ nói đến sự tiến triển **Phật Giáo (Buddhasāsanā)** hiện hữu ở trong Cõi Nhân Thế với Cõi Thiên Giới, ắt hẳn sẽ phải nói được rằng Phật Giáo ở trong Cõi Thiên Giới ấy, thì có sự tiến triển phồn thịnh huy hoàng hơn nhiều ở trong Cõi Nhân Thế. Vì lẽ, trong sự việc Phật Giáo sẽ có được sự tiến triển thịnh đạt, chánh yếu là cũng phải nương vào Phật Giáo Đồ. Bất luận ở trong trú xứ nào mà có đông đảo Phật Giáo Đồ thì ắt hẳn là Phật Giáo ở tại trú xứ ấy có được sự tiến triển thịnh đạt. Và Bậc Thánh Nhân hiện hữu ở trong Cõi Thiên Giới ấy, lại có số lượng nhiều hơn Bậc Thánh Nhân ở trong Cõi Nhân Loại, thì điều này trình bày cho thấy được rằng Phật Giáo ở trong Cõi Thiên Giới có sự tiến triển thịnh đạt hơn nhiều, cũng chính là do có nhiều Bậc Thánh Nhân hơn.

Còn ở trong Cõi Nhân Loại ấy, thật sự Phật Giáo Đồ quả là có rất ít. Tuy vậy vẫn có điều đặc thù khác biệt với Cõi Thiên Giới, là ở trong Cõi Nhân Thế thì có **Pháp Học (Pariyattisāsanā),** tức là việc giảng dạy và việc học hành Tam Tạng, việc thuyết giảng Giáo Pháp và việc Thính Pháp. Cả bốn điều này thường luôn hiện hữu một cách đầy đủ; tuy nhiên ở trong Cõi Thiên Giới thì chỉ có hai thể loại, đó là việc thuyết giảng Giáo Pháp và việc Thính Pháp. Một trường hợp khác nữa, là ở trong Cõi Thiên Giới thì không có Hội Chúng Tăng Đoàn, và duy nhất chỉ có ở trong Cõi Nhân Thế mà thôi.

43. Hỏi: a/. Hãy trình bày 16 tầng Hữu Sắc Phạm Thiên Giới đi theo thứ tự.

b/. Từ ngữ nói rằng **Brahma** đó, có ý nghĩa như thế nào ? Đó là thuộc nhóm người nào ?

c/. Có bao nhiên nhóm Đại Phạm Thiên có hào quang ? Là những chi ?

43. Đáp: a/. Trình bày 16 Hữu Sắc Phạm Thiên Giới đi theo thứ tự:

+ Ba tầng Sơ Thiền Phạm Thiên Giới là: Phạm Chúng Phạm Thiên Giới, Phạm Phụ Phạm Thiên Giới và Đại Phạm Thiên Giới.

+ Ba tầng Nhị Thiền Phạm Thiên Giới là: Thiểu Quang Phạm Thiên Giới, Vô Lượng Quang Phạm Thiên Giới và Biến Quang Phạm Thiên Giới.

+ Ba tầng Tam Thiền Phạm Thiên Giới là: Thiểu Tịnh Phạm Thiên Giới, Vô Lượng Tịnh Phạm Thiên Giới và Biến Tịnh Phạm Thiên Giới.

+ Bảy tầng Tứ Thiền Phạm Thiên Giới là: Quảng Quả Phạm Thiên Giới, Hữu Tình Vô Tưởng Phạm Thiên Giới, Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới gồm Vô Phiền Phạm Thiên Giới, Vô Nhiệt Phạm Thiên Giới, Thiện Hiện Phạm Thiên Giới, Thiện Kiến Phạm Thiên Giới và Sắc Cứu Cánh Phạm Thiên Giới.

b/. Từ ngữ nói rằng **Brahmā** là Người có sự tiến hóa với ân đức đặc thù, có Thiền Na, v.v. gọi là Phạm Thiên, tức là người có sự tiến hóa ở trong Thiền Na, Thắng Trí, v.v. Gọi là Phạm Thiên tức là tất cả Chư Thiên hiện hữu ở trong tầng Phạm Thiên Giới.

c/. Có ba nhóm Đại Phạm Thiên có hào quang chiếu sáng, đó là:

1. Đại Phạm Thiên có hào quang chiếu sáng rộng đến nhất thiên vũ trụ **(Cakkavāla)** nên được gọi là **Nhất Thiên Đại Phạm Thiên (Sahassabrahma).**

2. Đại Phạm Thiên có hào quang chiếu sáng rộng đến nhị thiên vũ trụ nên được gọi là **Nhị Thiên Đại Phạm Thiên (Dvisahassabrahma).**

3. Đại Phạm Thiên có hào quang chiếu sáng rộng đến tam thiên vũ trụ nên được gọi là **Tam Thiên Đại Phạm Thiên (Tisahassabrahma).**

44. Hỏi: Trong cả bốn tầng Hữu Sắc Phạm Thiên Giới, đó là tầng Sơ Thiền Phạm Thiên Giới, tầng Nhị Thiền Phạm Thiên Giới, tầng Tam Thiền Phạm Thiên Giới và tầng Tứ Thiền Phạm Thiên Giới. Với cả bốn tầng này, trong từng mỗi tầng khi phân chức ra thì có bao nhiêu nhóm Phạm Thiên ?

44. Đáp: Với cả bốn tầng Phạm Thiên Giới này thì ở trong tầng thứ nhất chia ra thành ba bậc Phạm Thiên, đó là:

1/ Phạm Thiên làm bộc tòng, trông nom phục vụ cho vị Phạm Thiên Trưởng Chúng, gọi là Phạm Chúng Thiên.

2/ Phạm Thiên làm cố vấn bàn bạc cho vị Phạm Thiên Trưởng Chúng, gọi là Phạm Phụ Thiên.

3/ Phạm Thiên là vị lãnh đạo, làm Trưởng Chúng, gọi là Đại Phạm Thiên.

Cả ba nhóm Phạm Thiên này hiện hữu ở mỗi tầng của cả bốn Hữu Sắc Phạm Thiên Giới ấy.

45. Hỏi: Hãy trình bày Pháp làm thành tác nhân cho việc phân chia Tịnh Cư Phạm Thiên Giới ra thành năm Cõi Phạm Thiên Giới ?

45. Đáp: Trong sự việc Tịnh Cư Phạm Thiên Giới này chia ra thành năm Cõi Phạm Thiên Giới, đích thị chính do bởi mãnh lực Ngũ Quyền Lực Pháp; đó là:

+ Nếu như **Tín Quyền (Saddhindrīya)** có nhiều năng lực hơn các Quyền Lực khác thì sẽ hóa sinh ở trong Vô Phiền Phạm Thiên Giới.

+ Nếu như **Tấn Quyền (Viriyindrīya)** có nhiều năng lực hơn các Quyền Lực khác thì sẽ hóa sinh ở trong Vô Nhiệt Phạm Thiên Giới.

+ Nếu như **Niệm Quyền (Satindrīya)** có nhiều năng lực hơn các Quyền Lực khác thì sẽ hóa sinh ở trong Thiện Hiện Phạm Thiên Giới.

+ Nếu như **Định Quyền (Samādhindrīiya)** có nhiều năng lực hơn các Quyền Lực khác thì sẽ hóa sinh ở trong Thiện Kiến Phạm Thiên Giới.

+ Nếu như **Tuệ Quyền (Paññindrīya)** có nhiều năng lực hơn các Quyền Lực khác thì sẽ hóa sinh ở trong Sắc Cứu Cánh Phạm Thiên Giới.

Điều này có phần **Pāḷi** dẫn chứng để ở trong Bộ Chú Giải Tổng Hợp **(Saṅgaha Aṭṭhakathā)** và Phụ Chú Giải Minh Nghĩa **(Vibhāvanīṭīkā)** rằng:

Anāgāmino pana suddhāvāsesu uppajjanti (Saṅgaha Aṭṭhakathā)

Saddhādiindriyavemattatānukkamena pañcesu suddhāvāsesu uppajjanti (Vibhāvanīṭīkā).

46. Hỏi: Hãy trình bày sự khác biệt về danh xưng các vị Phạm Thiên hiện hữu ở trong 15 tầng Hữu Sắc Phạm Thiên Giới (trừ Hữu Tình Vô Tưởng Phạm Thiên Giới.)

46. Đáp: Sự khác biệt về danh xưng của Phạm Thiên hiện hữu ở trong 15 Hữu Sắc Phạm Thiên Giới (trừ Vô Tưởng Hữu Tình Phạm Thiên Giới) đó là:

Như đã có đề cập ở phần trên, rằng trong tất cả Tứ Cõi Phạm Thiên Giới thành sản địa của Chư Phạm Thiên thì trong từng mỗi Cõi của cả Tứ Cõi Phạm Thiên Giới đều có ba nhóm Phạm Thiên tương tự với nhau. Tuy nhiên việc gọi tên của Chư Phạm Thiên hiện hữu ở trong ba Cõi Nhị Thiền Phạm Thiên Giới cho đến bảy Cõi Tứ Thiền Phạm Thiên Giới thì lại có việc gọi tên không có được giống với nhóm Phạm Thiên hiện hữu ở trong ba Cõi Sơ Thiền Phạm Thiên Giới; là cũng bởi vì việc gọi tên Chư Phạm Thiên hiện hữu ở trong Cõi Sơ Thiền Phạm Thiên Giới ấy, là việc gọi tên theo danh vị của Chư Phạm Thiên. Còn ở trong cả hai tầng Phạm Thiên Giới này, đó là ba Cõi Nhị Thiền Phạm Thiên Giới và ba Cõi Tam Thiền Phạm Thiên Giới, cho dù thật sự là Chư Phạm Thiên vẫn có với các danh vị là Phạm Chúng Thiên, Phạm Phụ Thiên và Đại Phạm Thiên; tuy nhiên trong cả hai tầng Phạm Thiên Giới này, không có áp dụng việc gọi tên theo danh vị, mà áp dụng việc gọi tên theo sự khác biệt với nhau về hào quang của Chư Phạm Thiên ấy.

Và ở trong bảy Cõi Tứ Thiền Phạm Thiên Giới lại áp dụng qua việc gọi tên Chư Phạm Thiên cho được giống với nhau về Ân Đức Quyền Pháp đặng phát sinh ở trong các tầng Phạm Thiên Giới ấy. Việc gọi tên của Chư Phạm Thiên theo như phần đã vừa đề cập đến tại đây, là để cho các bậc Hữu Tình khả huấn luyện có sự hiểu biết một cách dễ dàng về Chư Phạm Thiên sinh trú ở trong tất cả các tầng Thiên Giới này, và cũng để cho có sự ghi nhớ tên gọi một cách dễ dàng. Với lý do này, mà việc gọi tên của Chư Phạm Thiên ở trong ba Cõi Sơ Thiền Phạm Thiên Giới và mười hai Cõi Phạm Thiên Giới khác còn lại, mới không có được giống nhau là vậy.

Một cách tương tự, các vị Phạm Thiên hiện hữu ở trong tầng Quảng Quả Phạm Thiên Giới cũng chia ra làm thành ba nhóm, chính là do bởi sự khác biệt của Thiện Ngũ Thiền vậy; tức là với Thiện Ngũ Thiền thuộc loại **Hy Thiểu (Hīna – yếu kém)** thì được hóa sinh ở trong chức vị tương xứng với bậc Phạm Chúng Thiên. Nếu như Thiện ấy thuộc loại **Trung Bình (Majjhima)** thì được hóa sinh ở trong chức vị tương xứng với bậc Phạm Phụ Thiên. Và nếu như Thiện ấy thuộc loại **Tinh Lương (Paṇīta)** thì được hóa sinh ở trong chức vị tương xứng với bậc Đại Phạm Thiên.

Sự việc Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** đã không có phân chia tên gọi của nhóm Phạm Thiên hiện hữu ở trong tầng Quảng Quả Phạm Thiên Giới này ra thành ba nhóm cũng tương tự với nhóm Phạm Thiên hiện hữu ở trong Cõi Phạm Thiên Giới mà đã có đề cập đến ở phần trên, cũng là vì nhóm Phạm Thiên hóa sinh ở trong Cõi Phạm Thiên Giới này, rằng tính theo thọ mệnh thì tất cả đều có thọ mệnh ngang bằng với nhau. Và nhóm Quảng Quả

Phạm Thiên này có khả năng thẩm thị nhìn thấy được nhóm Hữu Tình Vô Tưởng Phạm Thiên. Còn các nhóm Phạm Thiên hiện hữu ở trong tầng Sơ Thiền Phạm Thiên Giới, tầng Nhị Thiền Phạm Thiên Giới và tầng Tam Thiền Phạm Thiên Giới này thì không có khả năng sẽ được nhìn thấy các vị Phạm Thiên hiện hữu ở trong các tầng Phạm Thiên Giới cao hơn. Ngài Giáo Thọ Sư liễu tri được thực tính mới trình bày rằng: Phạm Thiên ở trong cùng một tầng Phạm Thiên Giới với nhau sẽ được nhìn thấy lẫn nhau và không cần phải hóa thân một cách thô thiển. Với nhân này, Ngài Giáo Thọ Sư mới gom cả hai tầng Phạm Thiên Giới này lại và gọi chung với nhau là Quảng Quả Phạm Thiên, và không có phân chia tên gọi riêng của từng mỗi nhóm.

47. Hỏi: Trong nền lục địa của nhóm Nhân Loại thì sẽ dễ nhận biết được sự hiện hữu các Thánh Vật linh thiêng để mà nương nhờ, tuy nhiên quả là khó để biết được rằng thánh địa tôn nghiêm hiện hữu ở trong các tầng Tam Thập Tam Thiên Giới và Sắc Cứu Cánh Phạm Thiên Giới, gồm có những chi ?

47. Đáp: Trong tầng Tam Thập Tam Thiên Giới có một Thánh Địa tôn nghiêm, đó là bảo tháp bằng ngọc lục bảo với tên gọi **Cūḷāmaṇī (Tiểu Ngọc Như Ý Bảo Tháp)** và cao một trăm do tuần. **Bên trong tòa bảo tháp có tôn trí thờ Ngọc Xá Lợi Răng Nhọn Bên Phải của Bậc Chánh Đẳng Giác cùng với búi tóc của Ngài đã cắt liệng bỏ trong lúc xuất ly để tu hành.** Còn đối với trong Cõi Phạm Thiên Giới thì ở tầng Sắc Cứu Cánh Phạm Thiên Giới này có một Thánh Địa tôn nghiêm trọng yếu, đó là bảo tháp **Dussa,** là bảo tháp tôn trí Hoàng Bào của Bậc Chánh Đẳng Giác trong sát na khi Ngài vẫn còn là Thái Tử **Siddhattha (Siddhattharājakumāra – Siddhattha Vương Tử)** đã mặc ở trong người ngay thời lúc lìa khỏi kinh thành để xuất ly tu hành. Ngay khi Ngài đã cởi bỏ Hoàng Bào ra thì Ngài Phạm Thiên **Ghāṭikāra** đã từ Sắc Cứu Cánh Phạm Thiên Giới ngự xuống, đã mang theo cả thẩy tám vật phụ tùng đến cúng dường Ngài Thái Tử **Siddhattha,** cũng vừa đón nhận hết tất cả Hoàng Bào của Ngài Thái Tử **Siddhattha** đã vừa mới cởi bỏ ra; và rồi đem về tôn trí ở trong bảo tháp có tên gọi bảo tháp **Dussa,** có chiều cao mười hai do tuần, và ở trong Sắc Cứu Cánh Phạm Thiên Giới này.

48. Hỏi: Tất cả những sự vật, nếu như không có Danh Pháp rồi, thì sự vật ấy không thể nào gọi là Hữu Tình được, vậy điều đó đúng hay không ? Do bởi lý do chi ?

48. Đáp: Đại đa số người ta vẫn có sự hiểu biết rằng tất cả những sự vật nào nếu như không có phần Danh Pháp rồi, thì sự vật ấy không thể nào gọi là Hữu Tình được. Sự hiểu biết như vậy thì không thể được xem như là đúng đắn hết tất cả thẩy. Đối với ở trong **Cõi Dục Giới (Kāmaloka)** thì quả thật là đúng vậy, tuy nhiên đối với Cõi Phạm Thiên Giới thì không thể áp dụng hết tất cả được. Là vì có một nhóm Phạm Thiên được hóa sinh với mãnh lực Ngũ Thiền, với tên gọi là **Tu Tập Tưởng Ly Ái (Saññāvirāga bhāvanā)** làm nền tảng, và hiện hữu ở trong Cõi Phạm Thiên Giới này. Nhóm Phạm Thiên này thì không có phần Danh Uẩn, và quả thật chỉ có duy nhất là phần Sắc Uẩn mà thôi, tuy nhiên cũng vẫn được liệt kê vào ở trong một nhóm bọn Hữu Tình, là vì vẫn có **Sắc Mạng Quyền Lực (Jīvitarūpa)**

đang làm chủ quản. Vì thế, Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** mới trình bày từ ngữ nói rằng Hữu Tình **(Satta)** kết hợp với từ ngữ nói rằng Vô Tưởng, chung lại với nhau và gọi là Vô Tưởng Hữu Tình.

(Chú thích: Cõi Phạm Thiên Giới của các bậc Hữu Tình khi được hóa sinh không có phần Tứ Danh Uẩn, và chỉ có sự chuyển biến liên tục của phần Sắc Pháp. Lẽ thường thì, Danh và Sắc thường luôn kết nối với nhau thành một khối, và không thể nào tách rời ra được. Tuy nhiên đôi khi, như trong trường hợp này, do mãnh lực Thiền Định, cũng vẫn có thể tách rời Danh và Sắc. Khi một vị Alahán Vô Sinh **Nhập Thiền Diệt (Nirodha samāpatti – Diệt Thọ Tưởng Định)** cũng vậy, Tâm Thức của Ngài đã dừng lại. Đối với hạng người thông thường thì khó quan niệm được một trạng thái tương tự. Tuy nhiên, vẫn có rất nhiều sự việc không thể quan niệm mà thật sự vẫn được hiện hữu.)

Asaññasattānaṃ nibbattāti = Asaññāsattā - Cõi Phạm Thiên Giới thành sản địa của tất cả Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, được gọi Hữu Tình Vô Tưởng Phạm Thiên Giới. Việc gọi tên Quảng Quả Phạm Thiên Giới và Hữu Tình Vô Tưởng Phạm Thiên Giới đó, là việc gọi tên theo đường lối gián tiếp, đích thị chính là lấy danh vị của vị Phạm Thiên ở trong trú xứ ấy đem đặt tên cho Cõi Phạm Thiên Giới ấy vậy, và đó là **"cách thức gọi tên theo danh vị" (Thānayūpacāranaya)**, cũng cùng một cách thức với nhóm Sơ Thiền Phạm Thiên Giới, và đã có được trình bày ở phần trên.

49. Hỏi: Vị Thiện Hiện Phạm Thiên thành tựu viên mãn với Nhãn đến ngần nào ? Là những chi ? Và vì lý do chi mới gọi là Pháp Nhãn với Tuệ Nhãn ?

49. Đáp: Tất cả các vị Phạm Thiên nhìn thấy một cách rõ ràng tinh tường các sự vật đang được hiện bày, bởi do đã được thành tựu viên mãn với **Nhãn Thanh Triệt (Pasāda cakkhu), Thiên Nhãn (Dibbacakkhu), Pháp Nhãn (Dhammacakkhu),** một cách thuần tịnh tinh khiết, được gọi là Thiện Hiện Phạm Thiên.

Giải thích rằng: Vị Phạm Thiên hiện hữu ở trong Thiện Hiện Phạm Thiên Giới này có thân tướng cực kỳ xinh đẹp, vì thế, bất luận một ai đã được nhìn thấy rồi thì thường khởi sinh lên sự an vui duyệt ý. Chính với nhân này, vị Phạm Thiên ấy mới được gọi là Thiện Hiện Phạm Thiên.

Một trường hợp khác nữa, vị Thiện Hiện Phạm Thiên này thành tựu viên mãn với Tứ Nhãn Pháp Giới, đó là Nhãn Thanh Triệt, Thiên Nhãn, Pháp Nhãn và **Tuệ Nhãn (Paññācakkhu).** Cả Tứ Nhãn Pháp Giới này thì, Nhãn Mục thông thường được gọi là Nhãn Thanh Triệt. Thiên Nhãn Thắng Trí được gọi là Thiên Nhãn, hoặc Nhãn Mục thông thường cũng còn được gọi là Thiên Nhãn, là vì lẽ thường Nhãn Mục của vị Phạm Thiên này có mãnh lực thẩm thị nhìn thấy một cách tinh tường các sự vật hiện hữu ở trong khoảng cách xa, hoặc các sự vật nhỏ bé. Ba **Đạo Tuệ** bậc thấp **(Maggañāṇa)** được gọi là Pháp Nhãn. **Minh Sát Trí (Vipassanāñāṇa), Tuệ Thẩm Thị (Paccavekkhanañāṇa – Tuệ Phản Cung Tự Tính),** và **Thắng Trí (Abhiññā)** được gọi là Tuệ Nhãn.

50. Hỏi: Nhãn ở trong vị Thiện Hiện Phạm Thiên với vị Thiện Kiến Phạm Thiên có được bao nhiêu thể loại ? Là những chi ? Thể loại Nhãn nào thì có năng lực tương đồng nhau ?

50. Đáp: Vị Thiện Kiến Phạm Thiên này, rằng theo Tứ Nhãn Pháp Giới, với cả ba thể loại Nhãn Thanh Triệt, Thiên Nhãn, và Tuệ Nhãn này thì có năng lực thù thắng hơn vị Thiện Hiện Phạm Thiên. Tuy nhiên về Pháp Nhãn thì có năng lực ngang bằng với nhau.

51. Hỏi: a/. Hãy trình bày sự cách xa từ khoảng giữa Nhân Loại Địa Giới với Vô Gián Đại Địa Ngục;

b/. Từ khoảng giữa Nhân Loại Địa Giới với Tha Hóa Tự Tại Thiên Giới;

c/. Từ khoảng giữa Nhân Loại Địa Giới với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Thiên Giới; và

d/. Từ khoảng giữa Vô Gián Đại Địa Ngục với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Thiên Giới, đi theo thứ tự.

51. Đáp: Trình bày sự cách xa từ khoảng giữa Nhân Loại Địa Giới với Vô Gián Đại Địa Ngục, từ khoảng giữa Nhân Loại Địa Giới với Tha Hóa Tự Tại Thiên Giới, từ khoảng giữa Nhân Loại Địa Giới với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Thiên Giới, và từ khoảng giữa Vô Gián Đại Địa Ngục với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Thiên Giới, có được như vầy:

a/. Từ khoảng giữa Nhân Loại Địa Giới với Vô Gián Đại Địa Ngục ước lượng có khoảng cách xa với nhau 120,000 do tuần.

b/. Từ khoảng giữa Nhân Loại Địa Giới với Tha Hóa Tự Tại Thiên Giới ước lượng có khoảng cách xa với nhau 252,000 do tuần.

c/. Từ khoảng giữa Nhân Loại Địa Giới với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Thiên Giới ước lượng có khoảng cách xa với nhau 71,856,000 do tuần.

d/. Từ khoảng giữa Vô Gián Đại Địa Ngục với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Thiên Giới ước lượng có khoảng cách xa với nhau 71,976,000 do tuần.

52. Hỏi: a/. Hãy trình bày 12 hạng Người, đi theo thứ tự.

b/. Hãy trình bày việc phân hạng 31 Cõi Giới theo 12 hạng Người.

c/. Hãy trình bày 214 hạng Người hiện hữu ở trong 31 Cõi Giới.

52. Đáp: a/. Trình bày mười hai hạng Người.

Bốn hạng Phàm Nhân, đó là:

1. Người Khổ Thú Vô Nhân,
2. Người Thiện Thú Vô Nhân,
3. Người Nhị Nhân,
4. Người Tam Nhân.

Tám Bậc Thánh Nhân, đó là:

1. Người Đạo Thất Lai,
2. Người Quả Thất Lai,
3. Người Đạo Nhất Lai,
4. Người Quả Nhất Lai,
5. Người Đạo Bất Lai,
6. Người Quả Bất Lai,
7. Người Đạo Vô Sinh,
8. Người Quả Vô Sinh.

b/. Trình bày việc phân hạng ba mươi mốt Cõi Giới theo mười hai hạng Người:

+ Tứ Thống Khổ Địa Giới là sản địa duy nhất của một nhóm hạng Người Khổ Thú Vô Nhân.

+ Một Nhân Loại Địa Giới
+ Một Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới
} là sản địa của 11 hạng Người (trừ 1 Người Khổ Thú Vô Nhân)

+ Một Đao Lợi Thiên Giới
+ Một Dạ Ma Thiên Giới
+ Một Đâu Suất Đà Thiên Giới
+ Một Hóa Lạc Thiên Giới
+ Một Tha Hóa Tự Tại Thiên Giới
} là sản địa của 10 hạng Người (trừ 1 Người Khổ Thú Vô Nhân và 1 Người Thiện Thú Vô Nhân)

+ Ba Sơ Thiền Phạm Thiên Giới
+ Ba Nhị Thiền Phạm Thiên Giới
+ Ba Tam Thiền Phạm Thiên Giới
+ Ba Tứ Thiền Phạm Thiên Giới
} là sản địa của 9 hạng Người, đó là: 1 Người Phàm Tam Nhân, 8 Bậc Thánh Nhân

+ Một Hữu Tình Vô Tưởng Phạm Thiên Giới là sản địa của Người Thiện Thú Vô Nhân mà chỉ có duy nhất Bọn Sắc Tái Sinh.

+ Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới là sản địa của ba hạng Người, đó là: 1 Người Quả Bất Lai, 1 Người Đạo Vô Sinh, 1 Người Quả Vô Sinh.

+ Tứ Vô Sắc Phạm Thiên Giới là sản địa của 8 hạng Người, đó là 1 Người Phàm Tam Nhân, 7 Bậc Thánh Nhân (trừ 1 Người Đạo Thất Lai).

c/. Trình bày 214 hạng Người trong 31 Cõi Giới, đó là:

1. Tứ Thống Khổ Địa Giới, với mỗi Địa Giới có một hạng Người, kết hợp lại có 4 hạng Người.

2. Một Nhân Loại Địa Giới, Một Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới, với mỗi Cõi Giới có 11 hạng Người, kết hợp lại có 22 hạng Người.

3. Năm Thiên Giới còn lại, với mỗi tầng Thiên Giới có 10 hạng Người, kết hợp lại có 50 hạng Người.

4. Mười Hữu Sắc Phạm Thiên Giới, với mỗi tầng Phạm Thiên Giới có 9 hạng Người, kết hợp lại có 90 hạng Người.

5. Một Vô Tưởng Hữu Tình Phạm Thiên Giới có 1 hạng Người.

6. Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới, với mỗi tầng Phạm Thiên Giới có 3 hạng Người, kết hợp lại có 15 hạng Người.

7. Tứ Vô Sắc Phạm Thiên Giới, với mỗi tầng Phạm Thiên Giới có 8 hạng Người, kết hợp lại 32 hạng Người.

a. Tổng kết lại có 214 hạng Người nương trú ở trong 31 Cõi Giới.

b. (4 + 22 + 50 + 90 + 1 + 15 + 32 = 214)

53. Hỏi: a/. Hãy trình bày Cửu Lưu Cư Địa Giới là chỗ nương trú của loài Hữu Tình, đi theo thứ tự.

b/. Hãy trình bày sự hiện hành về thân tướng hình trạng và Thức Tái Sinh.

53. Đáp: a/. Trình bày **Cửu Lưu Cư Địa Giới (Sattāvāsabhūmi)** là chỗ nương trú của loài Hữu Tình, đó là:

1. Thân Dị Địa Giới (Nānāttakāyabhūmi): Có 14 Cõi Giới thành sản địa của tất cả loài Hữu Tình mà có thân hình tướng trạng dị biệt với nhau, đó là: 11 Dục Địa Giới, và 3 Sơ Thiền Phạm Thiên Giới.

2. Thân Đồng Địa Giới (Ekattakāyabhūmi): Có 12 Cõi Giới thành sản địa của tất cả loài Hữu Tình mà có thân hình tướng trạng tương đồng với nhau, đó là: 3 Nhị Thiền Phạm Thiên Giới, 3 Tam Thiền Phạm Thiên Giới, 1 Quảng Quả Phạm Thiên Giới, và 5 Tịnh Cư Phạm Thiên Giới.

3. Tưởng Dị Địa Giới (Nānāttasaññībhūmi): Có 10 Cõi Giới thành sản địa của loài Hữu Tình mà có Tâm Tái Sinh dị biệt với nhau, đó là: 7 Dục Thiện Địa Giới, và 3 Nhị Thiền Phạm Thiên Giới.

4. Tưởng Đồng Địa Giới (Ekattasaññībhūmi): Có 16 Cõi Giới thành sản địa của loài Hữu Tình mà có Tâm Tái Sinh tương đồng với nhau, đó là: 4 Thống Khổ Địa Giới, 3 Sơ Thiền Phạm Thiên Giới, 1 Quảng Quả Phạm Thiên Giới, và 5 Tịnh Cư Phạm Thiên Giới.

5. Vô Tưởng Địa Giới (Asaññībhūmi): Có 1 Cõi Giới thành sản địa của loài Hữu Tình mà không có Danh Pháp, đó là Hữu Tình Vô Tưởng Phạm Thiên Giới.

6. Một Không Vô Biên Xứ Phạm Thiên Giới.

7. Một Thức Vô Biên Xứ Phạm Thiên Giới.

8. Một Vô Sở Hữu Xứ Phạm Thiên Giới.

9. Một Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Phạm Thiên Giới.

b/. Trình bày sự hiện hành về thân tướng hình trạng và **Thức Tái Sinh (Paṭisandhi viññāṇa),** đó là:

1. Thân Dị Tưởng Dị (Nānāttakāyanānāttasaññī): Có bảy Cõi Giới với các loài Hữu Tình có thân hình tướng trạng dị biệt với nhau, và có Thức Tái Sinh dị biệt với nhau, đó là: 7 Dục Thiện Địa Giới.

2. Thân Dị Tưởng Đồng (Nānāttakāyaekattasaññī): Có bảy Cõi Giới với loài Hữu Tình có thân hình tướng trạng dị biệt với nhau, nhưng lại có Thức Tái Sinh tương đồng với nhau, đó là: 4 Thống Khổ Địa Giới và 3 Sơ Thiền Phạm Thiên Giới.

3. Thân Đồng Tưởng Dị (Ekattakāyanānāttasaññī): Có ba Cõi Giới với loài Hữu Tình có thân hình tướng trạng tương đồng với nhau, nhưng lại có Thức Tái Sinh dị biệt với nhau, đó là: 3 Nhị Thiền Phạm Thiên Giới.

4. Thân Đồng Tưởng Đồng (Ekattakāyaekattasaññī): Có chín Cõi Giới với loài Hữu Tình có thân hình tướng trạng tương đồng với nhau, và có Thức Tái Sinh tương đồng với nhau, đó là: 3 Tam Thiền Phạm Thiên Giới, 1 Quảng Quả Phạm Thiên Giới, và 5 Tịnh Cư Phạm Thiên Giới.

Ghi chú: Vô Tưởng Hữu Tình Phạm Thiên Giới và Tứ Vô Sắc phạm Thiên Giới ấy thì không được liệt kê vào ở trong phần Dị Biệt **(Nānātta)** hoặc Tương Đồng **(Ekatta),** là

vì ở trong Vô Tưởng Hữu Tình Phạm Thiên Giới thì không có Danh Uẩn, và ở trong Tứ Vô Sắc Phạm Thiên Giới thì không có Sắc Uẩn.

54. Hỏi: Bậc Bất Lai khi đã thọ mạng diệt thì cũng không tái sinh trở lại ở trong Cõi Dục Địa Giới nữa; điều này đã được liễu tri, tuy nhiên thật khó liễu tri được rằng từ ngữ nói rằng **Anāgāmino** này, đó là hạng Người nào, xin hãy giải thích cho được hiểu biết với.

54. Đáp: Trình bày Cõi Giới mà Bậc Thánh Nhân đã đi tái sinh rồi, và sẽ không còn tiếp tục đi tái sinh ở trong Cõi Giới nào khác nữa. Từ ngữ mà nói rằng **Anāgāmino** này, tức là cả hai nhóm Người Bất Lai, là:

1. Quả Bất Lai (Phala Anāgāmī) tức là Bất Lai Phạm Thiên.

2. Thiền Na Bất Lai (Jhāna Anāgāmī) tức là Thất Lai Phạm Thiên và Nhất Lai Phạm Thiên.

Vì thế, với cả hai nhóm là Thất Lai Phạm Thiên và Nhất Lai Phạm Thiên này, mới được sắp vào ở trong từ ngữ nói rằng **Anāgāmino,** bởi vì theo lẽ thường thì hạng Người Bất Lai ấy, sẽ không tái sinh trở lại ở trong Cõi Dục Địa Giới nữa; và cả hai bậc Thất Lai Phạm Thiên và Nhất Lai Phạm Thiên này, cũng không tái sinh trở lại ở trong Cõi Dục Địa Giới nữa, tương tự với vị Bất Lai Phạm Thiên. Do đó, mới chỉ dùng một từ ngữ duy nhất nói là **Anāgāmino.**

55. Hỏi: a/. Hãy trình bày Địa Giới mà Bậc Thánh Nhân đã từng sinh rồi, và sẽ không đi tái sinh ở trong các Địa Giới khác nữa thì có được bao nhiêu Địa Giới, và là những Địa Giới nào ?

b/. Hãy phân tích 12 hạng Người theo Sinh Quán và Lãnh Thổ.

55. Đáp: a/. Trong tất cả hai mươi tầng Phạm Thiên Giới ấy, thì Quảng Quả Phạm Thiên Giới được tính là cùng tột của mười một tầng Hữu Sắc Phạm Thiên Giới (trừ Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới), được gọi **Phàm Phu Cùng Tột Hữu (Puthujjanabhavagga)** dịch nghĩa là "Cõi Giới cùng tột của hạng Người Phàm Nhân."

Sắc Cứu Cánh Phạm Thiên Giới được tính là cùng tột của Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới, được gọi **Thánh Nhân Cùng Tột Hữu (Ariyabhavagga)** dịch nghĩa là "Cõi Giới cùng tột của Bậc Thánh Nhân."

Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Phạm Thiên Giới được tính cùng tột của Vô Sắc Phạm Thiên Giới, được gọi **Nhất Thiết Cùng Tột Hữu (Sabbabhavagga)** dịch nghĩa là "Cõi Giới cùng tột của Phàm Phu và Thánh Nhân".

b/. Trình bày việc phân tích mười hai hạng Người theo **Sinh Quán (Jātikkhetta)** và **Lãnh Thổ (Āṇākhetta).**

Trong tất cả mười hai hạng Người ấy thì bốn hạng Phàm Nhân thường hiện hữu ở trong trăm ngàn triệu tiên thiên vũ trụ, mà đó là **Lãnh Thổ (Āṇākhetta)** của Đức Phật, kể cả ở trong Thời Tái Sinh và ở trong Thời Chuyển Khởi. Bậc Thánh Nhân hiện hữu ở trong mười ngàn tiên thiên vũ trụ, mà đó là **Sinh Quán (Jātikkhetta)** của Đức Phật, kể cả ở trong Thời Tái Sinh và ở trong Thời Chuyển Khởi thuận ứng với tùy Người. Trong các tiên thiên

vũ trụ khác mà hiện hữu ở phần Ngoại Vi Sinh Quán ấy, thì đối với Bậc Thánh Nhân là chỉ có duy nhất bốn Bậc Thánh Quả và chỉ có duy nhất ở trong Thời Chuyển Khởi mà thôi. Sự việc hạng Người Bất Lai không nắm bắt dính mắc vào việc tái sinh trong phần ngoại vi sinh quán ở Tịnh Cư Phạm Thiên Giới ấy, là vì các Bậc này đã không còn **Tham Ái (Nikanti taṇhā)** tức là sự túc nguyện duyệt ý cho việc dắt dẫn đi tái sinh.

Và trong sự việc hạng Người Bất Lai hiện hữu ở trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới, lại nương trú ở Ngoại Vi Sinh Quán và đặc biệt chỉ ở trong Thời Chuyển Khởi ấy, là vì hạng Người Bất Lai hiện hữu ở trong Nội Vi Sinh Quán Tịnh Cư Phạm Thiên Giới ấy, lại có sự túc nguyện duyệt ý ở trong sự tĩnh lặng, không muốn kết hợp với nhiều quần thể đông người, vì thế, những bậc này đã rủ nhau ra đi và đến tại trú xứ nơi ấy (là Ngoại Vi Sinh Quán).

56. Hỏi: Từ ngữ nói rằng **Kappa** có mấy thể loại ? Là những chi ? Hãy trình bày luôn thể cùng với nội dung, và trình bày luôn thể cùng với việc phân tích.

56. Đáp: Có bốn thể loại nói về Kiếp, đó là:

I. Tuổi Thọ Kiếp (Āyukappa),

II. Trung Kiếp (Antarakappa),

III. A Tăng Kỳ Kiếp (Asaṅkheyyakappa),

IV. Đại Kiếp (Mahākappa).

Giải thích ý nghĩa:

I. Tuổi Thọ Kiếp (Āyukappa): Thời kỳ nào Nhân Loại có tuổi thọ lâu dài đến A Tăng Kỳ năm, hoặc giảm thiểu xuống cho đến mười năm, đó là Tuổi Thọ Kiếp. Nắm bắt theo quy định tuổi thọ của Nhân Loại ở trong các thời kỳ ấy, gọi là Tuổi Thọ Kiếp. Chẳng hạn như trong thời kỳ Đức Phật, thì trong thời kỳ ấy thọ mệnh của Nhân Loại có số lượng là một trăm năm. Nắm lấy 100 năm tính thành Tuổi Thọ Kiếp. Tiếp đến giảm xuống từ từ, giảm thiểu xuống cho đến ngay hiện tại này thì thọ mệnh của Nhân Loại có số lượng là 75 năm, và nắm lấy 75 năm tính thành Tuổi Thọ Kiếp. Tất cả sự việc này tùy thuộc vào số lượng thọ mệnh của Nhân Loại trong những thời kỳ đó.

Trong Cõi Thiên Giới và Cõi Phạm Thiên Giới cũng hiện hành tương tự như vầy, chẳng hạn như trong Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới hiện hữu ở tầng Thiên Giới này có tuổi thọ được 500 năm Thiên Giới. Nắm lấy 500 năm Thiên Giới ấy tính thành Tuổi Thọ Kiếp Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới. Và ở trong Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Phạm Thiên Giới, Phạm Thiên ở tầng này có quy định tuổi thọ được 84,000 Đại Kiếp. Nắm lấy 84,000 Đại Kiếp tính thành Tuổi Thọ Kiếp của tầng Phạm Thiên Giới này.

II. Trung Kiếp (Antarakappa): Việc tính đếm về Trung Kiếp đó, được tính với phương thức như vầy, tức là trong thời **Kiến Lập Kiếp Sơ (Vaṭṭathāyī Kappa)** của Nhân Loại có tuổi thọ lâu dài đến A Tăng Kỳ năm, được tính thành Tuổi Thọ Kiếp. Tiếp đến tuổi thọ của Nhân Loại từ từ giảm xuống theo tuần tự cho đến còn 10 năm tuổi thọ, được tính thành Tuổi Thọ Kiếp. Khi đã giảm xuống đến 10 năm rồi cũng lại từ từ tăng lên một lần nữa cho đến A Tăng Kỳ năm, lại được tính thành Tuổi Thọ Kiếp như cũ. Tính đếm từ A

Tăng Kỳ năm giảm xuống cho đến 10 năm, rồi tính đếm từ 10 năm khởi lên cho đến A Tăng Kỳ năm, thành một đôi như vầy, được gọi là Trung Kiếp.

III. A Tăng Kỳ Kiếp (Asaṅkheyyakappa): Số lượng Trung Kiếp như đã có đề cập ở phần trên ấy, khi đã vừa tròn đủ 64 Trung Kiếp thì được tính thành một A Tăng Kỳ Kiếp.

IV. Đại Kiếp (Mahākappa): Phương thức tính đếm Đại Kiếp ấy, là đếm bốn A Tăng Kỳ Kiếp tính thành một Đại Kiếp. Tính về lượng thời gian trong một Đại Kiếp ấy thì rất lâu dài, đến nỗi không có khả năng tính đếm được thời gian lâu dài đến cỡ chừng nào. Ngài đã ví thời gian lâu dài của một Đại Kiếp này tương tự với một nền mặt phẳng dài 100 do tuần, rộng 100 do tuần, và lấy giống hạt cải chất thành đống đổ đầy lên trên nền mặt phẳng này. Khi tròn đủ hạn định một trăm năm thì đến lấy một hạt cải ra và đem liệng bỏ đi, cho đến khi số lượng hạt cải hoàn toàn không còn nữa, cho dù là như thế cũng vẫn không tròn đủ số lượng về thời gian của một Đại Kiếp. Tại đây chỉ là một tỷ dụ, còn về thời gian thì thật sự là không thể ước lượng được.

Có câu Chú Giải **(Vacanattha)** trình bày rằng: **Sāsaparāsopamādīhi kappiyotīti = Kappo** - Tất cả bậc Trí Giả nên tính đếm sự hiện hữu của thế gian với các điều tỷ dụ sai khác như một đống hạt cải v.v. do đó, sự hiện hữu của thế gian ấy được gọi là Kiếp, tức là Đại Kiếp.

57. Hỏi: Kiếp mà có liên quan với Phật Giáo thì có mấy thể loại ? Là những chi ? Hãy trình bày cùng với ý nghĩa.

57. Đáp: Kiếp mà có liên quan với Phật Giáo, đó là:

1. Không Hư Kiếp (Suñña Kappa – Thời Đại Rỗng Không) với

2. Phi Hư Không Kiếp (Asuñña Kappa – Thời Đại Phi Rỗng Không).

1. Không Hư Kiếp: ý nghĩa đến Kiếp không có Bậc Chánh Đẳng Giác, Bậc Độc Giác, và Bậc Chuyển Luân Vương xuất hiện khởi sinh lên.

2. Phi Hư Không Kiếp: ý nghĩa đến Kiếp có Bậc Chánh Đẳng Giác, Bậc Độc Giác, và Bậc Chuyển Luân Vương xuất hiện khởi sinh lên.

58. Hỏi: a/. Hãy trình bày Hư Không Kiếp và Phi Hư Không Kiếp có mấy thể loại ? Là những chi ?

b/. Có Đại Kiếp nào có tới sáu hoặc bảy vị Phật xuất hiện hay không ?

58. Đáp: a/. + Có Bốn Thể Loại Về Hư Không Kiếp, đó là:

1/ Hư Không Đại Kiếp (Suñña Mahākappa): tức là Đại Kiếp không có Đức Phật xuất hiện.

2/ Hư Không A Tăng Kỳ Kiếp (Suñña Asaṅkheyyakappa): tức là Tiêu Hoại A Tăng Kỳ Kiếp, Hoại Diệt A Tăng Kỳ Kiếp và Hình Thành A Tăng Kỳ Kiếp.

3/ Hư Không Trung Kiếp (Suñña Antarakappa): tức là Trung Kiếp không có Đức Phật xuất hiện.

4/ Hư Không Tuổi Thọ Kiếp (Suñña Āyukappa): tức là trong khoảng giữa Nhân Loại có tuổi thọ lâu dài hơn 100,000 năm khởi đi, và trong khoảng giữa Nhân Loại có tuổi thọ ít hơn 100 năm trở xuống.

+ Có Năm Thể Loại Về Phi Hư Không Kiếp, đó là:

1/ Ưu Việt Kiếp (Sāra Kappa): tức là Đại Kiếp có một vị Phật xuất hiện.

2/ Tinh Khiết Kiếp (Maṇḍa Kappa): tức là Đại Kiếp có hai vị Phật xuất hiện.

3/ Tuyệt Hảo Kiếp (Varadassì Kappa): tức là Đại Kiếp có ba vị Phật xuất hiện.

4/ Cực Tinh Khiết Kiếp (Sàramaṇḍa Kappa): tức là Đại Kiếp có bốn vị Phật xuất hiện.

5/ Hạnh Vận Kiếp (Bhaddaka Kappa): tức là Đại Kiếp có năm vị Phật xuất hiện.

b/. Không có. **Giải thích rằng:** Lẽ thường tất cả Chư Phật sẽ xuất hiện ở trong thế gian thì trong từng mỗi Đại Kiếp với số lượng tối thiểu là chỉ có một vị Phật xuất hiện, và số lượng tối đa là có tới năm vị Phật. Đại Kiếp mà có Đức Phật xuất hiện nhiều hơn số lượng này thì quả thật là không có.

Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có trình bày để ở trong bộ Chú Giải Vị Lai Chủng Tộc **(Ānāgatavaṃsa Aṭṭhakathā)** rằng: **Na hi ekasmiṃ kappe chaṭṭho vā sattamo vā uppajjati - Dịch nghĩa rằng:** Trong từng mỗi Đại Kiếp thì thường là không có sáu hoặc bảy vị Phật xuất hiện.

59. Hỏi: Hãy trình bày Tiêu Hoại A Tăng Kỳ Kiếp là Kiếp mà thế gian bị tiêu hoại thì có được mấy thể loại ? Là những chi ? Luôn cả tìm căn nguyên trình bày dẫn chứng.

59. Đáp: Trình bày một cách đặc biệt về Tiêu Hoại A Tăng Kỳ Kiếp là Kiếp mà thế gian bị tiêu hoại. Khi phân loại về Tiêu Hoại A Tăng Kỳ Kiếp thì có được ba thể loại, đó là:

1/ Hỏa Tai Tiêu Hoại A Tăng Kỳ Kiếp (Tejosaṃvatta Asaṅkheyyakappa): là Kiếp mà thế gian này bị tiêu hoại do bởi trận hỏa thiêu.

2/ Thủy Tai Tiêu Hoại A Tăng Kỳ Kiếp (Āposaṃvatta Asaṅkheyyakappa): là Kiếp mà thế gian này bị tiêu hoại do bởi trận đại hồng thủy.

3/ Phong Tai Tiêu Hoại A Tăng Kỳ Kiếp (Vāyosaṃvatta Asaṅkheyyakapa): là Kiếp mà thế gian này bị tiêu hoại do bởi trận cuồng phong.

Kết hợp số lượng Đại Kiếp bị tiêu hoại do bởi Lửa (Hỏa Tai), do bởi Nước (Thủy Tai), do bởi Gió (Phong Tai), hết tất cả có tổng số lượng là 64 Đại Kiếp. Trong tổng số lượng 64 Đại Kiếp này có 56 Đại Kiếp bị tiêu hoại do bởi trận hỏa thiêu (Hỏa Tai), có bảy Đại Kiếp bị tiêu hoại do bởi trận đại hồng thủy (Thủy Tai), và có một Đại Kiếp bị tiêu hoại do bởi trận đại cuồng phong (Phong Tai). Tổng kết lại thành 64 Đại Kiếp, được gọi là một Đại Chu Kỳ Đại Kiếp.

Khi phân chia một Đại Chu Kỳ Đại Kiếp này ra thành Tiểu Chu Kỳ có được tám Tiểu Chu Kỳ Đại Kiếp, và mỗi Tiểu Chu Kỳ có được tám Đại Kiếp.

Tiểu Chu Kỳ thứ nhất, với bảy Đại Kiếp nối tiếp liền với nhau là bị tiêu hoại do bởi trận hỏa thiêu (Hỏa Tai). Trong Đại Kiếp thứ tám thì bị tiêu hoại do bởi trận đại hồng thủy (Thủy Tai). Kết hợp lại thành tám Đại Kiếp, được gọi là một Tiểu Chu Kỳ.

Trong Tiểu Chu Kỳ thứ hai cho đến Tiểu Chu Kỳ thứ bảy cũng hiện hành tương tự cùng một cách thức với Tiểu Chu Kỳ thứ nhất, tức là trong từng mỗi Tiểu Chu Kỳ có bảy Đại Kiếp bị tiêu hoại do bởi trận hỏa thiêu (Hỏa Tai), có một Đại Kiếp bị tiêu hoại do bởi trận đại hồng thủy (Thủy Tai). Là như vậy cho đến Tiểu Chu Kỳ thứ bảy.

Trong Tiểu Chu Kỳ thứ tám thì Đại Kiếp thứ nhất cho đến Đại Kiếp thứ bảy là bị tiêu hoại với trận hỏa thiêu, cũng tương tự cùng một cách thức với Tiểu Chu Kỳ thứ nhất cho đến Tiểu Chu Kỳ thứ bảy. Tuy nhiên, trong Đại Kiếp thứ tám của Tiểu Chu Kỳ này bị tiêu hoại do bởi trận đại cuồng phong (Phong Tai). Và đó là việc tiêu hoại lần cuối cùng của Đại Kiếp thứ 64, mà được tính đếm thành một Đại Chu Kỳ Đại Kiếp.

Như có phần **Pāḷi** dẫn chứng đã có được trình bày để ở trong bộ Chú Giải Thanh Tịnh Đạo **(Visuddhimagga Aṭṭhakathā)** và Phụ Chú Giải Nội Dung Cốt Yếu Giải Minh **(Sāratthadīpanī ṭīkā)** rằng:

Agginābhassarā heṭṭhā **Āpena subhakiṇhato**
Vehapphalato vātena **Evaṃ loko vinassati**

Dịch nghĩa rằng: Một khi thế gian bị tiêu hoại do bởi Lửa (Hỏa Tai) là thường bị tiêu hoại kể từ ở dưới tầng Biến Quang Phạm Thiên Giới trở xuống. Một khi bị tiêu hoại do bởi Nước (Thủy Tai) là thường bị nước ngập tràn kể từ ở dưới tầng Biến Tịnh Phạm Thiên Giới trở xuống. Một khi bị tiêu hoại do bởi Gió (Phong Tai) là thường bị tiêu hoại kể từ ở dưới tầng Quảng Quả Phạm Thiên Giới trở xuống. Sự tiêu hoại của thế gian thường hiện bày là như vầy.

60. Hỏi: Hãy trình bày ý nghĩa của các từ ngữ nói rằng **Jātikhetta, Ānākhetta, Visaya khetta** của Đức Phật, luôn cả trình bày lãnh thổ cũng cùng bị tiêu hoại theo.

60. Đáp: Lãnh thổ biên địa của thế gian cũng cùng bị tiêu hoại do bởi Lửa, hay là do bởi Nước, hoặc là do bởi Gió. Khi theo phần rộng lớn thì xâm chiếm lãnh thổ đến một trăm ngàn triệu tiên thiên vũ trụ, mà đó là thuộc lãnh thổ của Đức Phật. Có ba thể loại lãnh thổ của Đức Phật, đó là:

1. Sinh Quán (Jātikhetta): là lãnh địa được hạn định với 10,000 tiên thiên vũ trụ. Tất cả sự việc này, là vì khi Bậc Giác Hữu Tình (Bồ Tát) đi thọ sinh vào trong thai bào của Mẫu Hậu, hay là thời gian xuất khỏi thai bào và đản sinh, hay là thời gian giác ngộ thành Bậc Chánh Đẳng Giác, và hay là thời gian Viên Tịch Níp Bàn thì tất cả 10,000 tiên thiên vũ trụ này sẽ chấn động và rung chuyển khắp hết cả toàn cầu, do vậy, mới được gọi là Sinh Quán.

2. Lãnh Thổ (Ānākhetta): là lãnh địa được hạn định với 100,000 triệu tiên thiên vũ trụ. Tất cả sự việc này, là do mãnh lực của tất cả **Kinh Bảo Hộ An Lành (Paritta – Kinh Cầu An),** gồm có các **Kinh Khandhaparitta (Uẩn Kinh), Kinh Ātānātiyaparitta (A Shá Năng Chi Kinh), Kinh Dhajagga (Cờ Phướng Kinh), Kinh Moraparitta (Khổng Tước Kinh), Kinh Ratana (Tam Bảo Kinh);** với những thể loại này, một khi được trùng tụng rồi thì thường lan tỏa rộng ra khắp cả 100,000 triệu tiên thiên vũ trụ, do vậy, mới được gọi là Lãnh Thổ.

3. Cương Vực (Visayakhetta): là lãnh địa được hạn định với Cùng Tận Thế Giới **(Anantalokadhātu)** và cùng liên hiệp với tiên thiên vũ trụ vô cùng tận, là vì Trí Tuệ Bậc Chánh Đẳng Giác là vô cùng tận, thường luôn quán sát thấu triệt xuyên suốt cùng khắp cả **Thế Gian Giới (Lokadhātu)** này, do vậy, mới được gọi là Cương Vực.

Trong tất cả ba thể loại này, một khi Lãnh Thổ mà có được 100,000 triệu tiên thiên vũ trụ thì lúc bấy giờ tiên thiên vũ trụ ấy bị tiêu hoại, và Sinh Quán cũng thường bị tiêu hoại theo. Và một khi cả hai Lãnh Thổ và Sinh Quán đã đến thời kỳ bị tiêu hoại thường là tiêu hoại cùng một lượt (Đồng Diệt). Khi đến thời kỳ khởi sinh thì cũng khởi sinh cùng một lượt (Đồng Sinh). Còn phần Cương Vực lại bất câu sinh, tức là đến thời kỳ bị tiêu hoại, hoặc là thời kỳ khởi sinh thì không có đồng cùng một lượt với nhau, luân phiên hiện hành mỗi lần đều chuyển đổi dị biệt.

61. Hỏi: a/. Hãy trình bày nguyên nhân làm cho thế gian bị tiêu hoại cho được hiểu biết với.

b/. Từ ngữ nói rằng **Kolāhala** có ý nghĩa là chi ? Có mấy thể loại ? Là những chi ?

c/. Có mấy thể loại A Tăng Kỳ Kiếp ? Là những chi ? Xin trình bày cùng với ý nghĩa.

61. Đáp: a/. Trình bày nguyên nhân làm cho thế gian bị tiêu hoại. Có ba Pháp Thể thành nguyên nhân làm cho thế gian bị tiêu hoại, đó là: **Tham Dục (Rāga), Sân Hận (Dosa), Si Mê (Moha).** Bất luận thời lúc nào, tất cả loài Hữu Tình có tánh khí mà bị áp lực mạnh mẽ do bởi lòng Tham Dục, khi đến thời kỳ bị tiêu hoại thì thường bị tiêu hoại do bởi ngọn lửa (Hỏa Tai), là vì với **Nhân Tham** ấy nóng ví như ngọn lửa vậy. Nếu bất luận trong thời lúc nào, tất cả loài Hữu Tình có tánh khí nhiều với sự Sân Hận, khi đến thời kỳ bị tiêu hoại thì thường bị tiêu hoại do bởi trận hồng thủy (Thủy Tai), là vì với **Nhân Sân** ấy xấu ác ví như nước cường toan (acid) vậy. Và nếu bất luận trong thời lúc nào, tánh khí của tất cả loài Hữu Tình dầy đặc với Si Mê, khi đến thời kỳ bị tiêu hoại thì thường bị tiêu hoại do bởi cuồng phong (Phong Tai), là vì với **Nhân Si** ấy ví như luồng hơi nước cường toan (acid) vậy. Mới nói được rằng Thế Gian Giới này **(Lokadhātu)** thường bị tiêu hoại do bởi ba Pháp Thể, như đã vừa đề cập đến vậy.

b/. Từ ngữ nói rằng **Kolāhala – Tao Động** là âm thanh vang dội ầm ĩ. Có năm trường hợp, đó là:

1. Kiếp Tao Động (Kappakolāhala): âm thanh vang dội ầm ĩ thông báo rằng tính kể từ ngày hôm nay trở đi với thời gian một trăm ngàn năm nữa, thế gian sẽ đi đến sự tiêu hoại.

2. Đức Phật Tao Động (Buddhakolāhala): âm thanh vang dội thông báo rằng tính kể từ ngày hôm nay trở đi với thời gian một ngàn năm nữa sẽ có một vị Phật xuất hiện ở trong thế gian.

3. Chuyển Luân Vương Tao Động (Cakkavattikolāhala): âm thanh thông báo rằng tính kể từ ngày hôm nay trở đi một trăm năm nữa sẽ có một vị Chuyển Luân Vương sinh khởi ở trong thế gian.

4. Kiết Tường Tao Động (Mangalakolāhala): âm thanh thông báo rằng nội ở trong khoảng thời gian mười hai năm nữa thì Đức Phật sẽ khải thuyết Giáo Pháp về ba mươi tám điều kiết tường.

5. Triết Sĩ Tao Động (Moneyyakolāhala): âm thanh thông báo rằng nội ở trong khoảng thời gian bảy năm nữa sẽ có một bậc triết nhân hành giả sinh khởi ở trong thế gian.

c/. Có bốn thể loại về A Tăng Kỳ Kiếp, đó là:

1. Tiêu Hoại A Tăng Kỳ Kiếp (Saṃvaṭṭa Asaṅkheyyakappa)

2. Hoại Diệt A Tăng Kỳ Kiếp (Saṃvaṭṭaṭṭhāyī Asaṅkheyyakappa)

3. Hình Thành A Tăng Kỳ Kiếp (Vivaṭṭa Asaṅkheyyakappa)

4. Thành Trụ A Tăng Kỳ Kiếp (Vivaṭṭaṭṭhāyī Asaṅkheyyakappa)

1. Tiêu Hoại A Tăng Kỳ Kiếp: vào sát na mà tiên thiên vũ trụ có số lượng một trăm ngàn triệu tiên thiên vũ trụ đang vào thời kỳ hoại diệt, được gọi là Tiêu Hoại A Tăng Kỳ Kiếp. Có câu Chú Giải **(Vacanattha)** trình bày rằng: **Saṃvaṭṭatīti = Saṃvaṭṭo** - Kiếp đang tiêu hoại, được gọi là Tiêu Hoại Kiếp.

2. Hoại Diệt A Tăng Kỳ Kiếp: tiên thiên vũ trụ bị hủy hoại cho đến tuyệt diệt không còn dư sót chi cả, chỉ còn trống không hư vô, được gọi là Hoại Diệt A Tăng Kỳ Kiếp. Có câu Chú Giải **(Vacanattha)** trình bày rằng: **Saṃvaṭṭo hutvā tiṭṭhatīti = Saṃvaṭṭaṭṭhāyī** - Tiên thiên vũ trụ đã bị tiêu hoại rồi, chỉ có hiện hữu sự sụp đổ tan hoang, như thế, Kiếp đó được gọi là Hoại Diệt Kiếp.

3. Hình Thành A Tăng Kỳ Kiếp: khi tiên thiên vũ trụ đã bị hoàn toàn tuyệt diệt rồi, và bắt đầu hình thành mới trở lại nữa, được gọi là Hình Thành A Tăng Kỳ Kiếp. Có câu Chú Giải **(Vacanattha)** trình bày rằng: **Vivaṭṭotīti = Vivaṭṭo** - Kiếp đang tuần tự phát triển lên, được gọi là Hình Thành Kiếp.

4. Thành Trụ A Tăng Kỳ Kiếp: tiên thiên vũ trụ đã bắt đầu hiện khởi lên mới trở lại, hiện khởi lên thành tựu viên mãn khắp cả trăm ngàn triệu tiên thiên vũ trụ theo lẽ thường nhiên nguyên sơ, có nền lục địa, núi đồi, cây cối, đại dương, sông nước, mặt trời, mặt trăng, thiên thể tinh tú, con người, loài Hữu Tình, v.v. hiện bày một cách tròn đủ hết các thể loại, được gọi là Thành Trụ A Tăng Kỳ Kiếp. Có câu Chú Giải **(Vacanattha)** trình bày rằng: **Vivaṭṭo hutvā tiṭṭhatīti = Vivaṭṭaṭṭhāyī** - Kiếp đã phát triển lên đầy đủ với khắp cả trú xứ, và hiện hữu theo hiện trạng thường nhiên, như thế, Kiếp đó được gọi là Thành Trụ Kiếp.

62. Hỏi: Hãy trình bày đi theo thứ tự về hình thể diện mạo của người hiện hữu ở trong cả Tứ Bộ Châu, gồm: Nam Thiệm Bộ Châu, Bắc Câu Lư Châu, Đông Thắng Thần Châu và Tây Ngưu Hóa Châu.

62. Đáp: Khi sẽ đề cập đến hình thể thì Nam Thiệm Bộ Châu có hình dáng như chiếc xe bò hay là quả trứng. Tây Ngưu Hóa Châu có hình dáng như Ngày Trăng Rằm. Đông Thắng Thần Châu có hình dáng như Trăng hình bán nguyệt. Bắc Câu Lư Châu có hình dáng

thành tứ giác. Tất cả Nhân Loại hiện hữu ở trong Bộ Châu nào thì có hình dáng diện mạo tương tự với hình dáng của Bộ Châu đó.

63. Hỏi: Mỗi loại Hữu Tình thường khiếp sợ đối với tất cả **Tử Nạn Tai (Maraṇa bhaya).** Tuy nhiên có lời vấn hỏi rằng có một vài loại Hữu Tình nào lại không khiếp sợ đối với Tử Nạn Tai, khi đã được nghe âm thanh của Sư Tử Vương dũng mãnh ấy (đó là loài **Điểm Sư Tử Vương – Kesarasīha**) ?

63. Đáp: Lời giải đáp rằng: Không phải hết tất cả đều khiếp sợ. Có sáu nhóm Hữu Tình không khiếp sợ tiếng Sư Tử Hống này, đó là: Sư Tử Vương Đồng Chủng, **Tượng Thuần Chủng (Hatthājāneyya), Mã Thuần Chủng (Assājāneyya), Ngưu Thuần Chủng (Usabhājāneyya), Nhân Thuần Chủng (Purisājāneyya),** và **Bậc Lậu Tận (Khīṇāsava).** Cả sáu nhóm này khi đã được nghe âm thanh ấy cũng vẫn an nhiên tự tại và không có sự khiếp sợ. **Giải thích rằng:**

+ Sư Tử Vương đồng chủng loại với nhau thì không có sự khiếp sợ, vì nghĩ rằng "Ta đây cũng có căn tử và chủng tộc tương tự với người ấy, vì thế không có sự khiếp sợ."

+ Tượng Thuần Chủng, Mã Thuần Chủng, Ngưu Thuần Chủng, Nhân Thuần Chủng, với cả bốn hạng loại này do kiêu mạn với **Hữu Thân Kiến (Sakkāyadiṭṭhi)** đã kiến chấp rằng: Ta đây có năng lực dũng mãnh phi thường, vì thế mới không phải khiếp sợ.

+ Còn Bậc Lậu Tận, bởi do Ngài đã đoạn tận Thân Kiến rồi mới không có khiếp sợ.

64. Hỏi: Hãy trình bày tên gọi của một loại cây thuộc thổ sản ở trong mỗi kiếp sống và cho lời giải thích về rừng cây **Makkhalīphala.**

64. Đáp: Bộ Châu này được gọi là **Nam Thiệm Bộ Châu (Jambūdvīpa – Đào Hoa Đảo)** do dựa vào tên gọi của **cây Gioi (Jambolan: cây đào tiên),** là một loại cây thuộc thổ sản của Bộ Châu. Cây Gioi này mọc ở trong rừng Hy Mã Lạp Sơn, nếu đo giáp vòng thân cây thì được 15 do tuần, đo từ gốc cho đến chí ngọn cây là 100 do tuần. Nếu sẽ đo từ gốc cho đến cháng cây được 50 do tuần, và kể từ cháng cây cho đến ngọn lại được 50 do tuần nữa. Tại cháng cây này có bốn nhánh to lớn, và từng mỗi nhánh cây là 50 do tuần dương tỏa rộng ra cả bốn hướng. Từ gốc cháng cây cho đến cuối ngọn cháng đo được 50 do tuần. Nếu đo từ gốc cây cho đến cuối cháng cây ở từng mỗi hướng của cả bốn hướng; tính kể từ chu vi, chiều cao và bề rộng đều có số lượng bằng nhau 100 do tuần. Ở dưới gốc của cả bốn nhánh cây ấy có bốn con sông lớn đã trôi chảy ngang qua trong tất cả phương hướng. Trái quả của cây Gioi ấy có hương thơm như vị mật ong, thế là tất cả các đàn chim đã rủ nhau đến ăn những trái quả chín mùi ấy. Và có đôi khi trái quả Gioi chín mùi ấy đã rơi rụng dài theo cả hai bên bờ sông, rồi mọc lên thành mô vàng và đã bị nước thổi cho chìm xuống ở trong lòng đại dương. Mô ấy cũng còn được gọi tên là **Kim Nguyên Tố (Jambūdanaṃ)** bởi do nương sinh từ ở dòng **Kim Hà (Jambūnadī)** này.

Ngoài ra còn có sáu đại cổ thụ nữa, đó là:

1/ Pātalī: Cây so đũa, thổ sản A Tu La Địa Giới.

2/ Simbalī: Mộc Miên Thụ (cây gạo), thổ sản Kim Sí Điểu Địa Giới.

3/ Pāricchattako: Cây san hô, thổ sản Đao Lợi Thiên.

4/ Kadambo: Cây canh ki na rừng, thổ sản Tây Ngưu Hóa Châu.

5/ Kapparukkho: Kiếp Ba Thụ (cây thần ước), thổ sản Bắc Câu Lư Châu.

6/ Sirisakarukkho: Cây me tây, thổ sản Đông Thắng Thần Châu.

Tất cả Thất Đại Cổ Thụ này đều có chiều dài, to cao, rộng lớn bằng với nhau hết cả thảy và có tuổi thọ lâu dài hiện hữu cho đến hết **Hạnh Vận Kiếp (Bhaddakappa)** này.

Lại nữa, ở trong rừng Hy Mã Lạp Sơn, tại khu vực tiếp giáp với núi **Taṇhā vaḍḍhana** (Ái Dục Tăng Thực) có một rừng cây **Makkhalīphala.** Cây **Makkhalīphala** này khi đến thời kỳ trổ sinh trái quả thì hình thù tướng dạng tương tự với đủ mọi giới tính của nữ nhân, và có sự xinh đẹp diễm lệ y như vị tiên nữ. Từng mỗi kỳ trổ sinh trái quả **Makkhalīphala** giữ được lâu tới 4 – 5 tháng mới thối rữa, và trong sát na trái quả này đang phình nở ra đầy đủ thì bọn người thức tri **(Vijādhara)** sinh sống ở trong rừng Hy Mã Lạp Sơn này đã cùng rủ nhau đi đến hái lấy và đã vuốt ve ôm ấp. Bậc thức tri nào vuốt ve ôm ấp và cùng thưởng thức hương vị với "nàng" **Makkhalīphala** ấy thì sẽ đi đến **trạng thái thất tri giác (Visaññībhava)** với thời gian bốn tháng mới sẽ hồi tỉnh trở lại được.

65. Hỏi: Hãy trình bày Địa Giới làm thành chỗ nương sinh của tất cả loài Hữu Tình có được bao nhiêu ? Là những chi ?

65. Đáp: Trình bày Địa Giới làm thành chỗ nương sinh của tất cả loài Hữu Tình có được 31 Cõi Địa Giới, đó là:

1/ Địa Ngục, 2/ Ngạ Quỷ, 3/ **Atula**, 4/ Bàng Sinh, 5/ Nhân Loại, 6/ Tứ Đại Thiên Vương, 7/ Đao Lợi, 8/ Dạ Ma, 9/ Đâu Suất Đà, 10/ Hóa Lạc, 11/ Tha Hóa Tự Tại, 12/ Phạm Chúng Thiên, 13/ Phạm Phụ Thiên, 14/ Đại Phạm Thiên, 15/ Thiểu Quang, 16/ Vô Lượng Quang, 17/ Biến Quang, 18/ Thiểu Tịnh, 19/ Vô Lượng Tịnh, 20/ Biến Tịnh, 21/ Quảng Quả, 22/ Hữu Tình Vô Tưởng, 23/ Vô Phiền, 24/ Vô Nhiệt, 25/ Thiện Kiến, 26/ Thiện Hiện, 27/ Sắc Cứu Cánh, 28/ Không Vô Biên Xứ, 29/ Thức Vô Biên Xứ, 30/ Vô Sở Hữu Xứ, 31/ Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ.

TÁI SINH TỨ PHẦN (PAṬISANDHICATUKKA)
VẤN VÀ ĐÁP VỀ TÁI SINH TỨ PHẦN

1. Hỏi: a/. Hãy dịch câu kệ về bốn thể loại Tái Sinh như tiếp theo đây: **Apāya paṭisandhi Kāmasugatipaṭisandhi Rūpāvacarapaṭisandhi Arūpāvacara paṭisandhi ceti catubbidhā paṭisandhi nāma.**

b/. Luôn thể cho lời giải thích ý nghĩa đi theo thứ tự của bốn thể loại Tái Sinh

1. Đáp: a/. Dịch câu kệ về bốn thể loại Tái Sinh, đó là: Tên gọi của bốn thể loại Tái Sinh, đó là:

1/ Thống Khổ Tái Sinh (Apāyapaṭisandhi)

2/ Thiện Dục Giới Tái Sinh (Kāmasugatipaṭisandhi)

3/ Hữu Sắc Giới Tái Sinh (Rūpāvacarapaṭisandhi)

4/ Vô Sắc Giới Tái Sinh (Arūpāvacarapaṭisandhi)

b/. Giải thích ý nghĩa bốn thể loại Tái Sinh:

Tại nơi đây, từ ngữ nói rằng **Tái Sinh (Paṭisandhi)** có ý nghĩa là khi kiếp sống cũ đã hoàn toàn diệt mất đi thì Tâm, Tâm Sở và bọn Sắc Nghiệp Lực khởi sinh lên vào sát na đầu tiên bất luận ở trong một kiếp sống nào do bởi mãnh lực từ ở việc nối tiếp của kiếp sống cũ với kiếp sống mới thì được gọi là Tái Sinh (Thức Nối Liền, Kiết Sinh Thức). Vì thế, việc hiện khởi lên Tâm, Tâm Sở và bọn Sắc Nghiệp Lực vào sát na đầu tiên ở trong Tứ Thống Khổ Địa Giới thì được gọi là một thể loại Thống Khổ Tái Sinh. Việc hiện khởi lên của Tâm, Tâm Sở và bọn Sắc Nghiệp Lực vào sát na đầu tiên ở trong Thất Thiện Dục Địa Giới thì được gọi là một thể loại Thiện Dục Giới Tái Sinh. Việc hiện khởi lên của Tâm, Tâm Sở và bọn Sắc Nghiệp Lực vào sát na đầu tiên ở trong mười lăm Cõi Hữu Sắc Giới và việc hiện khởi của bọn Sắc Nghiệp Lực vào sát na đầu tiên ở trong Cõi Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng; với cả hai việc này thì được gọi là một thể loại Hữu Sắc Giới Tái Sinh. Việc hiện khởi lên của Tâm, Tâm Sở vào sát na đầu tiên ở trong bốn Cõi Vô Sắc Giới thì được gọi là một thể loại Vô Sắc Giới Tái Sinh. Và như thế, khi kết hợp lại thành bốn thể loại Tái Sinh.

2. Hỏi: Hãy trình bày Tâm Thẩm Tấn câu hành Xả Quả Dị Thục Thiện tác hành nhiệm vụ Tái Sinh, Hữu Phần và Tử của những người khuyết tật ấy, có mấy nhóm ? Là những chi ?

2. Đáp: Tâm Thẩm Tấn câu hành Xả Quả Dị Thục Thiện thường sinh khởi ở trong Cõi Thiện Dục Giới tác hành nhiệm vụ Tái Sinh, Hữu Phần và Tử cho Nhân Loại ở các phần khuyết tật, đó là:

1/ Tiên Thiên Manh Mục (Jaccandha): người bị mắt mù từ khi mới sinh.

2/ Tiên Thiên Nhĩ Lung (Jaccabadhira): người bị tai điếc từ khi mới sinh.

3/ Tiên Thiên Thất Tỵ (Jaccaghānaka): người bị ngạt mũi (hư khí quản) từ khi mới sinh.

4/ Tiên Thiên Á Ba (Jaccamūga): người bị câm nín từ khi mới sinh.

5/ Tiên Thiên Ngu Lỗ (Jaccajaḷa): người ngu xuẩn vô tri từ khi mới sinh.

6/ Tiên Thiên Cuồng Điên (Jaccummattaka): người bị điên, mất bệnh tâm thần từ khi mới sinh.

7/ Bán Âm Dương Nhân (Paṇḍaka): người bán nam bán nữ, ái nam ái nữ.

8/ Sản Sinh Lưỡng Tính Nhân (Ubhatobyañjanaka): người hiện bày cả hai loại giới tính.

9/ Phi Giới Tính (Napuṃsaka): người trung tính, hạng vô giới tính.

10/ Thuyết Thoại Khẩu Cật (Mammana): người nói lắp bắp, cà lăm.

11/ Thụ Khổ Nạn Giả Atula (Vinipātikaasurā): tất cả các **Atula** nương trú tại Địa Cư Thiên [Chư Thiên nương trú theo núi đồi, cây cối, và ở các lãnh địa sai khác, và **Mộc Thần (Rukkhadevatā)**]

(**Chú Thích:** Mặc dù từ lúc sinh ra đã phải bị khuyết tật như là mắt mù, tai điếc, v.v. tuy nhiên sự kiện được sinh làm Người là do Quả Dị Thục của các Thiện Nghiệp Lực đã tạo ra ở trong thời quá khứ.)

3. Hỏi: a/. Hãy trình bày đi theo thứ tự số lượng tuổi thọ Người Dục Giới.

b/. Hãy trình bày đi theo thứ tự số lượng tuổi thọ Người Sắc Giới.

c/. Hãy trình bày đi theo thứ tự số lượng tuổi thọ Người Vô Sắc Giới.

3. Đáp: a/. Trình bày đi theo thứ tự số lượng tuổi thọ Người Dục Giới, đó là: Trong tất cả những người Tái Sinh ở trong Cõi Dục Giới thì thường không có hạn định về số lượng việc tính tuổi thọ loài Hữu Tình sinh ở trong Tứ Thống Khổ, của Nhân Loại, và của Thụ Khổ Nạn Giả **Atula**.

+ Số lượng tuổi thọ Chư Thiên tầng Tứ Đại Thiên Vương Thiên Vương là 500 Thiên Thọ. Nếu tính theo tuổi thọ Nhân Loại có số lượng chín triệu năm.

+ Số lượng tuổi thọ Chư Thiên tầng Đao Lợi Thiên Giới có số lượng tuổi thọ gấp bốn lần Chư Thiên tầng Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới.

+ Số lượng tuổi thọ Chư Thiên tầng Dạ Ma Thiên Giới có số lượng tuổi thọ gấp bốn lần Chư Thiên tầng Đao Lợi Thiên Giới.

+ Số lượng tuổi thọ Chư Thiên tầng Đâu Suất Đà Thiên Giới có số lượng tuổi thọ gấp bốn lần Chư Thiên tầng Dạ Ma Thiên Giới.

+ Số lượng tuổi thọ Chư Thiên tầng Hóa Lạc Thiên Giới có số lượng tuổi thọ gấp bốn lần Chư Thiên tầng Đâu Suất Đà thiên Giới.

+ Số lượng tuổi thọ Chư Thiên tầng Tha Hóa Tự Tại thiên Giới có số lượng tuổi thọ gấp bốn lần Chư Thiên tầng Hóa Lạc Thiên Giới.

b/. Trong tất cả các bậc Tái Sinh Phạm Thiên Hữu Sắc Giới thì một phần ba Thành Trụ A Tăng Kỳ Kiếp **(Vivaṭṭaṭṭhāyī Asaṅkheyyakappa)** là số lượng tuổi thọ vị Phạm Chúng Thiên. Một nửa Thành Trụ A Tăng Kỳ Kiếp **(Vivaṭṭaṭṭhāyī Asaṅkheyyakappa)** là số lượng tuổi thọ vị Phạm Phụ Thiên. Một Thành Trụ A Tăng Kỳ Kiếp **(Vivaṭṭaṭṭhāyī Asaṅkheyyakappa)** là số lượng tuổi thọ vị Đại Phạm Thiên. Hai Đại Kiếp **(Mahākappa)** là số lượng tuổi thọ vị Thiểu Quang Phạm Thiên. Bốn Đại Kiếp là số lượng tuổi thọ vị Vô Lượng Quang Phạm Thiên. Tám Đại Kiếp là số lượng tuổi thọ vị Biến Quang Phạm Thiên. Mười sáu Đại Kiếp là số lượng tuổi thọ vị Thiểu Tịnh Phạm Thiên. Ba mươi hai Đại Kiếp là số lượng tuổi thọ vị Vô Lượng Tịnh Phạm Thiên. Sáu mươi bốn Đại Kiếp là số lượng tuổi thọ vị Biến Tịnh Phạm Thiên. Năm trăm Đại Kiếp là số lượng tuổi thọ vị Quảng Quả Phạm Thiên và vị Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng. Một ngàn Đại Kiếp là số lượng tuổi thọ vị Vô Phiền Phạm Thiên. Hai ngàn Đại Kiếp là số lượng tuổi thọ vị Vô Nhiệt Phạm Thiên. Bốn ngàn Đại Kiếp là số lượng tuổi thọ vị Thiện Hiện Phạm Thiên. Tám ngàn Đại Kiếp là số lượng tuổi thọ vị Thiện Kiến Phạm Thiên. Mười sáu ngàn Đại Kiếp là số lượng tuổi thọ vị Sắc Cứu Cánh Phạm Thiên.

c/. Trong tất cả các bậc Tái Sinh Phạm Thiên Vô Sắc Giới thì hai mươi ngàn Đại Kiếp là số lượng tuổi thọ vị Phạm Thiên sinh ở trong Không Vô Biên Xứ Phạm Thiên Giới. Bốn

mươi ngàn Đại Kiếp là số lượng tuổi thọ vị Phạm Thiên sinh ở trong Thức Vô Biên Xứ Phạm Thiên Giới. Sáu mươi ngàn Đại Kiếp là số lượng tuổi thọ vị Phạm Thiên sinh ở trong Vô Sở Hữu Xứ Phạm Thiên Giới. Tám mươi bốn ngàn Đại Kiếp là số lượng tuổi thọ vị Phạm Thiên sinh ở trong Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Phạm Thiên Giới.

4. Hỏi: Hãy trình bày điều học **Pāḷi** và lời dịch về việc trình bày ba thể loại Tâm có cùng một Chi Pháp, có cùng một thể loại Cảnh và đặc biệt trong cùng một kiếp sống.

4. Đáp: Trình bày ba thể loại Tâm có cùng một Chi Pháp, có cùng một thể loại Cảnh và đặc biệt trong cùng một kiếp sống, đó là: **Paṭisandhi bhavaṅgañca tathā cava namānasaṃ ekameva tatheveka visayañcekajātiyaṃ. Dịch nghĩa là:** Trong một kiếp sống ấy, khi kết hợp cả ba thể loại này lại, đó là Tâm Tái Sinh, Tâm Hữu Phần và Tâm Tử chỉ là một thể loại Tâm duy nhất. Và Cảnh của Tâm Tái Sinh, Tâm Hữu Phần và Tâm Tử thì cũng chỉ có một thể loại duy nhất.

5. Hỏi: a/. **Bán Âm Dương Nhân (Paṇḍaka)** có được mấy nhóm ? Là những chi ? Hãy trình bày ý nghĩa một cách giản lược.

b/. **Sản Sinh Lưỡng Tính Nhân (Ubhatobyañjanaka)** lập ý đến hạng Người nào ?

5. Đáp: a/. Người có biểu tượng thiếu sót, không tròn đủ của nam giới và nữ giới; người ấy gọi là Bán Âm Dương Nhân, tức là năm bọn nhóm Bán Âm Dương Nhân, lập ý lấy nhóm **Phi Giới Tính (Napuṃsaka:** bán nam bán nữ, trung tính) là việc trình bày ở phần trực tiếp **(Mukhyatthanaya** – phần chánh yếu), còn bốn bọn nhóm Bán Âm Dương Nhân còn lại là việc trình bày theo phần gián tiếp **(Sadisūpacāratthanaya** – phần thứ yếu). Bán Âm Dương Nhân có năm nhóm, đó là:

1. Khát Ái Bán Âm Dương Nhân (Āsittakapaṇḍaka): Bất luận người nào đã phát sinh lên sự khoái cảm về tính dục, và đã khởi lên sự kích động nhiễu loạn, thế rồi đã lấy miệng ngậm lấy **sinh thực khí (Aṅgajāta)** của người nam khác, và đã uống lấy tinh dịch ấy xong thì lúc bấy giờ sự kích động nhiễu loạn mới được kiềm chế lắng dịu xuống. Hạng người này đã được gọi là Khát Ái Bán Âm Dương Nhân. Hoặc có một nhóm khác nữa, vào lúc ban đầu vẫn chưa phát sinh lên sự khoái cảm về tính dục, tiếp đến là sau khi đã uống lấy tinh dịch ấy xong, thì lúc bấy giờ mới khởi sinh lên sự khoái cảm về tính dục. Hạng người này cũng vẫn được gọi là Khát Ái Bán Âm Dương Nhân, tương tự như nhau.

2. Mục Kiến Bán Âm Dương Nhân (Ussūraseyyāpaṇḍaka): Bất luận người nào có được cơ hội nhìn trộm người nam và người nữ đang cùng thụ hưởng hương vị với nhau, tức thời liền khởi sinh lên sự khát khao dục vọng, y như là bản thân mình đã có được tà hạnh vậy. Chỉ duy nhất ở trong sát na ấy thì sự khoái cảm về tính dục của bản thân cũng đã được kiềm chế lắng dịu xuống. Như thế, hạng người này đã được gọi là Mục Kiến Bán Âm Dương Nhân.

3. Thống Thiết Bán Âm Dương Nhân (Opakkamikapaṇḍaka): Hạng người đã bị hoạn, không cho có sự khoái cảm về tính dục khởi sinh lên được, chẳng hạn như nhóm hoạn quan đang có nhiệm vụ sống kề cận bên với các cung phi mỹ nữ ở trong lãnh địa của nhà

vua. Hạng người này đã được gọi là Thống Thiết Bán Âm Dương Nhân; và đặc biệt với loại hạng người này sẽ không thể nào nói ngay được gốc tích hình thành ra Bán Âm Dương Nhân. Vì thế, nhóm Bán Âm Dương Nhân này, có thể là Tái Sinh với Vô Nhân Tái Sinh **(Ahetuka Paṭisandhi)** hoặc cũng có thể là Nhị Nhân Tái Sinh **(Dvihetuka Paṭi sandhi),** và không thể là Tam Nhân Tái Sinh được **(Tihetuka Paṭisandhi).**

4. Bán Nguyệt Bán Âm Dương Nhân (Pakkhapaṇḍaka): Bất luận người nào vào đến thời tuần trăng treo của Hạ Huyền lại phát sinh lên sự khoái cảm về tính dục, tức là cứ đến vào hạ tuần (cuối tháng) thì có sự hoan hỷ duyệt ý với sự kích động nhiễu loạn do bởi mãnh lực của Bất Thiện Nghiệp Lực **(Akusalakamma);** và rồi, khi đến thời tuần trăng non của Thượng Huyền, tức là khi vào đến thượng tuần (đầu tháng) thì sự kích động nhiễu loạn ấy lại được diệt mất đi. Hoặc ngược lại, là cứ đến tuần trăng non Thượng Huyền lại có sự kích động nhiễu loạn, và rồi, khi vào đến tuần trăng treo Hạ Huyền thì sự kích động nhiễu loạn ấy lại được diệt mất đi. Bất luận qua lại một trong hai thời của tuần trăng như vầy thì hạng người này đã được gọi là Bán Nguyệt Bán Âm Dương Nhân.

5. Phi Giới Tính Bán Âm Dương Nhân (Napuṃsakapaṇḍaka): Bất luận người nào là bán nam bán nữ, không có hiện bày rõ ràng về cả hai giới tính, và chỉ có một lỗ hổng để cho thải nước tiểu ra mà thôi. Hạng người này đã được gọi là Phi Giới Tính Bán Âm Dương Nhân.

b/. Sản Sinh Lưỡng Tính Nhân (Ubhatobyañjanaka) là hạng người có cả hai sinh thực khí **(Aṅgajāta)** cùng sinh khởi là do bởi nương vào cả hai loại Nghiệp Báo, mà đã có hiện hữu ở trong bất luận hạng người nào thì như thế hạng người ấy được gọi là Sản Sinh Lưỡng Tính Nhân. Loại hạng người này làm người nữ cũng được, làm người nam cũng được; có với cả hai giới tính lẫn nhau, liên quan với mãnh lực của Bất Thiện Nghiệp Lực về việc **Tà Hạnh Tính Dục (Kàmesumicchācāra)** đã xâm nhập xen kẻ vào trong Thiện Nghiệp Lực mà đã tác hành cho được sinh làm Nhân Loại, và cũng đã làm cho mãnh lực của Thiện Nghiệp Lực ấy phải bị giảm thiểu xuống đi, và vì thế, mới hiện sinh lên có cả hai giới tính. Trong một con người duy nhất mà lại có cả hai giới tính đây, nên biết là không phải đồng cùng hiện bày một lượt với nhau.

6. Hỏi: Hãy trình bày sự khác biệt giữa Sản Sinh Nữ Tính Lưỡng Tính Nhân với Sản Sinh Nam Tính Lưỡng Tính Nhân.

6. Đáp: Sự khác biệt giữa Sản Sinh Nữ Tính Lưỡng Tính Nhân với Sản Sinh Nam Tính Lưỡng Tính Nhân, có như vầy, tức là Sản Sinh Nữ Tính Lưỡng Tính Nhân ấy thì bản thân phát sinh lên hoài thai với những người nam mà đã có làm cho các nữ nhân khác cũng có được hoài thai với mình. Còn đối với Sản Sinh Nam Tính Lưỡng Tính Nhân ấy thì bản thân không có thể phát sinh lên việc hoài thai được, mà duy nhất chỉ có làm cho các người nữ khác phát sinh lên sự hoài thai mà thôi.

7. Hỏi: Hãy trình bày việc so sánh năm của cả tám hầm Đại Địa Ngục có Đẳng Hoạt Địa Ngục v.v. có Vô Gián Đại Địa Ngục là nơi cuối cùng, đem sánh với năm của Nhân Loại cho được xem biết.

7. Đáp: Theo như đã có đề cập nói rằng việc hạn định tuổi thọ nhóm Hữu Tình Địa Ngục thì quả là bất định, đó là không có đề cập liên quan với Địa Giới trú xứ nhóm Hữu Tình này. Đối với Địa Giới trú xứ, tức là tám hầm Đại Địa Ngục, đó đã là những tầng hầm Địa Ngục to lớn thì việc hạn định về số lượng tuổi thọ có như vầy, tức là:

+ **Hầm Đại Địa Ngục thứ nhất có tên gọi là Đẳng Hoạt Địa Ngục** có tuổi thọ 500 năm làm thành Tuổi Thọ Kiếp **(Āyukappa).** So sánh với năm của Nhân Loại thì một ngày ở trong Đẳng Hoạt Địa Ngục bằng với 9,000,000 năm. Như thế, 500 năm ở trong Đẳng Hoạt Địa Ngục mới bằng với 162,000,000,000 năm của Nhân Loại.

+ **Hầm Đại Địa Ngục thứ hai có tên gọi là Hắc Thằng Địa Ngục** có tuổi thọ 1,000 năm (gấp hai lần hơn) làm thành Tuổi Thọ Kiếp. So sánh ở trong một ngày thì bằng với 36,000,000 năm của Nhân Loại (gấp bốn lần hơn). Như thế, 1,000 năm thì bằng với 1,296,000,000,000 năm của Nhân Loại.

+ **Hầm Đại Địa Ngục thứ ba có tên gọi là Chúng Hợp Địa Ngục** có tuổi thọ 2,000 năm (gấp hai lần hơn) làm thành Tuổi Thọ Kiếp. So sánh ở trong một ngày thì bằng với 144,000,000 năm của Nhân Loại (gấp bốn lần hơn). Như thế, 2,000 năm thì bằng với 103,680,000,000,000 năm của Nhân Loại.

+ **Hầm Đại Địa Ngục thứ tư có tên gọi là Hào Khiếu Địa Ngục** có tuổi thọ 4,000 năm (gấp hai lần hơn) làm thành Tuổi Thọ Kiếp. So sánh ở trong một ngày thì bằng với 576,000,000 năm của Nhân Loại (gấp bốn lần hơn). Như thế, 4,000 năm thì bằng với 831,040,000,000,000 năm của Nhân Loại.

+ **Hầm Đại Địa Ngục thứ năm có tên gọi là Đại Khiếu Địa Ngục** có tuổi thọ 8,000 năm (gấp hai lần hơn) làm thành Tuổi Thọ Kiếp. So sánh ở trong một ngày thì bằng với 2,304,000,000 năm của Nhân Loại (gấp bốn lần hơn). Như thế, 8,000 năm thì bằng với 6,635,520,000,000,000 năm của Nhân Loại.

+ **Hầm Đại Địa Ngục thứ sáu có tên gọi là Viêm Nhiệt Địa Ngục** có tuổi thọ 16,000 năm (gấp hai lần hơn) làm thành Tuổi Thọ Kiếp. So sánh ở trong một ngày thì bằng với 9,216,000,000 năm của Nhân Loại (gấp bốn lần hơn). Như thế, 16,000 năm thì bằng với 53,084,160,000,000,000 năm của Nhân Loại.

+ **Hầm Đại Địa Ngục thứ bảy có tên gọi là Đại Viêm Nhiệt Địa Ngục** có tuổi thọ được so sánh bằng với ½ Trung Kiếp **(Antarakappa)** của Nhân Loại.

+ **Hầm Đại Địa Ngục thứ tám có tên gọi là Vô Gián Địa Ngục** có tuổi thọ được so sánh bằng với một Trung Kiếp của Nhân Loại (trích ở trong Bộ Phụ Chú Giải Pháp Tâm Tạng Phân Tích **(Dhammahadayavibhaṅgaanuṭīkā)** và Bộ Phụ Chú Giải **Jinalaṅkāra ṭīkā).**

8. Hỏi: Trong cả Tứ Bộ Châu ấy, nhóm Nhân Loại hiện hữu ở trong cả ba Bộ Châu là Bắc Câu Lư Châu, Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngưu Hóa Châu đây, là có hạn định thọ

mạng một cách nhất định. Tuy nhiên còn Nhân Loại hiện hữu ở trong Nam Thiệm Bộ Châu lại có hạn định thọ mạng một cách bất định. Tất cả như vậy là vì lý do chi ?

8. Đáp: Điều này giải đáp rằng, nhóm người dân Nam Thiệm Bộ Châu này, nếu như tác hành Thiện Hảo với thể loại thiện hảo thù thắng, tức là có khả năng với bản thân tự tu tập cho được đắc chứng Thiền Định, Thắng Trí, Đạo – Quả, Níp Bàn; ý nói đến việc thành đạt **Phúc Lộc Thiền (Jhānalābhī), Phúc Lộc Thắng Trí (Abhiññālābhī), Bậc Thánh Nhân (Ariyapuggala),** chí đến thành đạt luôn cả Bậc Chánh Đẳng Giác cũng được. Nếu như tác hành Bất Thiện với thể loại bất thiện nghiêm trọng, tức là cũng có khả năng tạo tác điều **Ác Hạnh (Duccarita)** luôn cả đến giai đoạn **Cực Trọng Nghiệp Lực (Anantariya kamma)** và **Chuẩn Xác Tà Kiến (Niyatamicchādiṭṭhi).** Vì thế, thọ mạng của người dân Nam Thiệm Bộ Châu này; khi cao thì cao đến A Tăng Kỳ năm; và khi thấp cũng thấp đến 10 năm. Còn nhóm Nhân Loại hiện hữu trong cả ba Bộ Châu mà đã có đề cập đến rồi đó thì sự tác hành diễn biến ở thể loại không cao và cũng không thấp giống như ở người dân Nam Thiệm Bộ Châu, mà chỉ tác hành diễn biến ở thể loại trung bình. Vì thế, hạn định thọ mạng của nhóm Nhân Loại này mới có được một cách nhất định, thật là đáng tán thán và ca ngợi.

9. Hỏi: Trong 11 Cõi Dục Địa Giới đây, có có rất nhiều nhóm Người với nhau, khi tóm tắt Người mà có tuổi thọ một cách bất định thì có được mấy nhóm ?

9. Đáp: Như thế, khi kết hợp lại các nhóm có hạn định tuổi thọ một cách bất định thời có được sáu nhóm, đó là:

1. Nhóm Hữu Tình Địa Ngục,
2. Nhóm Nhân Loại ở trong Nam Thiệm Bộ Châu,
3. Nhóm Thụ Nạn Khổ Giả Atula,
4. Nhóm Địa Cư Thiên nương trú nền lục địa và các cổ thụ,
5. Nhóm Không Cư Thiên,
6. Nhóm Thiên Cung Ngạ Quỷ Thiên.

10. Hỏi: Hãy trình bày việc tính đếm năm của tầng Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới với năm của Nhân Loại ấy thì có được trạng thái khác biệt với nhau như thế nào ?

10. Đáp: Việc tính đếm với năm thuộc Thiên Giới của Chư Thiên với năm của Nhân Loại có sự khác biệt như vầy: là số lượng 50 năm của Nhân Loại thì bằng với một ngày của Chư Thiên ở tầng Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới, đích thị được gọi là một ngày Thiên Giới. Ba mươi (30) ngày của Chư Thiên thành một (1) tháng. Mười hai (12) tháng thành một (1) năm Thiên Giới. Như thế, trong một năm của Chư Thiên tầng Trời này, khi nghĩ đến số lượng năm ở trong Nhân Loại sẽ phải là 18,000 năm. Và số lượng tuổi thọ của Chư Thiên ở tầng Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới này có được số lượng 500 năm Thiên Giới. Khi so sánh với năm ở trong Nhân Loại mới có được 9,000,000 năm; tức là lấy 18,000 năm x với 500 năm Thiên Giới = 9,000,000 năm. (500 x 30 = 18,000 x 500 = 9,000,000). Tất cả bậc hiền trí nên hiểu rằng 50 năm của Nhân Loại thì ở trong Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới là một ngày, một ngày một đêm. Ba mươi ngày thành một tháng. Mười hai tháng thành một

năm. Tuổi thọ Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới có tuổi thọ 500 năm, tính với năm thuộc Thiên Giới.

Theo như đã đề cập đến, rằng một ngày một đêm ở trong tầng Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới đây, so sánh bằng với thời gian của Nhân Loại thì thường được 50 năm. Một ngày một đêm của Chư Thiên tầng Trời này cũng có 24 giờ đồng hồ như nhau. Như thế, một giờ đồng hồ ở trong tầng Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới đây sẽ là 2 năm 1 tháng của thời gian ở trong đất nước con người.

11. Hỏi: Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** đã có trình bày số lượng tuổi thọ Chư Thiên so sánh với năm của Nhân Loại, đi theo thứ tự.

11. Đáp: Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** đã có trình bày số lượng tuổi thọ Chư Thiên so sánh với năm của Nhân Loại ấy, là Ngài chỉ có trình bày một cách đặc biệt ở tầng Trời đầu tiên, tức là Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới với tầng Chư Thiên cuối cùng, tức là Tha Hóa Tự Tại Thiên Giới thôi. Còn nhóm Chư Thiên hiện hữu ở bốn tầng Thiên Giới ở giữa, là không có được trình bày việc so sánh vậy. Việc trình bày theo phần này được gọi là **Trung Tâm Điểm Phần (Majjhima peyyāladīpanaya).** Tất cả sự việc này là vì tất cả các bậc Học Giả, khi đã được liễu tri nội dung ở trong phần câu trên **(Ādi – Khởi Điểm),** và ở trong phần câu cuối **(Pariyosāna – Kết Luận),** rồi cũng nên liễu tri nội dung ở trong khoảng giữa **(Majjha – Trung Độ)** với chính tự mình.

Nếu sẽ trình bày một cách tròn đủ, từ Khởi Điểm, Trung Độ, Kết Luận thì sẽ có như vầy, tức là:

+ Số lượng tuổi thọ Chư Thiên ở tầng Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới có hạn định 500 năm, so sánh với năm của Nhân Loại là 9,000,000 năm. Số lượng tuổi thọ Chư Thiên ở tầng Đao Lợi Thiên Giới có hạn định 1,000 năm, so sánh với năm của Nhân Loại là 36,000,000 năm. Số lượng tuổi thọ Chư Thiên ở tầng Dạ Ma Thiên Giới có hạn định 2,000 năm, so sánh với năm của Nhân Loại là 144,000,000 năm. Số lượng tuổi thọ Chư Thiên ở tầng Đâu Suất Đà Thiên Giới có hạn định 4,000 năm, so sánh với năm của Nhân Loại là 576,000,000 năm. Số lượng tuổi thọ Chư Thiên ở tầng Hóa Lạc Thiên Giới có hạn định 8,000 năm, so sánh với năm của Nhân Loại là 2, 304,000,000 năm. Số lượng tuổi thọ Chư Thiên ở tầng Tha Hóa Tự Tại Thiên Giới có hạn định 16,000 năm, so sánh với năm của Nhân Loại là 9, 216,000,000 năm.

12. Hỏi: Hãy trình bày câu kệ cùng với lời dịch về việc trình bày đến sự khốn khổ quanh quẩn ở trong vòng luân hồi.

12. Đáp: Trình bày sự khốn khổ quanh quẩn ở trong vòng luân hồi.

Dīghāyukāpi brahmāno Iddhimanto jutindharā
Patanti yathākammaṃ te Cavanti aparāparaṃ

Dù cho tất cả Chư Phạm Thiên có đại thần lực, có hào quang sáng rực rỡ, có tuổi thọ miên trường, và rồi cũng từ từ bước đi đến sự mạng vong hết cả thảy. Tất cả Chư Phạm Thiên này mệnh chung từ Phạm Thiên Giới, rồi cũng phải đọa vào trong vòng sinh tử luân

hồi đi theo **Tùy Duyên Nghiệp Lực (Yathākamma)** của mình. (Trong khoảng thời gian vẫn chưa đạt đến Níp Bàn)

Giải thích rằng: Thọ mạng của tất cả Chư Phạm Thiên ấy, tối thiểu thì cũng có tuổi thọ lâu dài đến 1/3 của Thành Trụ A Tăng Kỳ Kiếp, là bằng với 21 Trung Kiếp lẻ; còn tối đa có đến 84,000 Đại Kiếp. Khi đã đến tròn đủ hạn định thời gian, cũng phải mệnh chung từ Cõi Phạm Thiên Giới; và nếu như vẫn chưa là Bậc Thánh Nhân thì không có một ngày nào để sẽ thoát khỏi sự khốn khổ được. Ý nói đến là khi đã hết Phước ở nơi Cõi Phạm Thiên Giới rồi, trong thời vị lai tính kể từ kiếp sống thứ ba trở đi, có thể sẽ phải bị thụ lãnh khổ đau ở trong cả Tứ Thống Khổ Địa Giới. Là như vậy trình bày cho thấy được rằng đủ các thần lực, hoặc là hào quang sáng rực rỡ, hoặc là có tuổi thọ miên trường; với những thể loại này cũng chẳng thể nào giúp cho thoát khỏi nơi Tứ Thống Khổ đi được. Điều mà sẽ có thể giúp được đó, chỉ là việc thoát khỏi sự tác thành Phàm Phu, và được dự vào hàng Bậc Thánh Nhân. Vì thế, người mà vẫn còn phải quanh quẩn ở trong vòng luân hồi, thì cho dù sẽ ở trong tầng bậc cao bao nhiêu đi nữa, cũng vẫn chưa thoát khỏi tầng bậc thấp được. Khi là như vậy, tất cả chúng ta sẽ phải nên hối hả tầm cầu Pháp làm thành phương tiện cho thành đạt được Bậc Thánh Nhân.

13. Hỏi: Pháp làm thành phương tiện cho thành đạt Bậc Thánh Nhân, hoặc được gọi là Thất Tài Sản Pháp của tất cả các bậc hiền triết đó là những chi ?

13. Đáp: Pháp làm thành phương tiện cho thành đạt Bậc Thánh Nhân, hoặc được gọi là Thất Tài Sản Pháp của tất cả các bậc Hiền Triết **(Sappurisa)** đó, tức là:

1/ Tín Tài Sản (Saddhādhanaṃ): là sự sùng tín, niềm tin ở trong Ngũ Ân Đức Vô Lượng **(Anantaguṇa),** niềm tin Nghiệp Lực, niềm tin Quả Báo của Nghiệp Lực, kiếp sống này và kiếp sống sau.

2/ Giới Tài Sản (Sīladhanaṃ): là việc an trú ở trong Đức Hạnh **(Sīladhamma** – Giới Pháp).

3/ Văn Tài Sản (Sutadhanaṃ): là việc làm thành người đã nghiên cứu học hỏi ở trong Giáo Pháp của bậc Chánh Đẳng Giác.

4/ Xả Thí Tài Sản (Cāgadhanaṃ): là việc phóng khí **(Pariccāga)** tài sản của cải cho thành vật thí đến người khác.

5/ Tuệ Tài Sản (Paññādhanaṃ): là việc làm thành người liễu tri ở trong Thực Tính Pháp **(Sabhāvadhamma)** Danh – Sắc **(Rūpanāma).**

6/ Tàm Tài Sản (Hirīdhanaṃ): là việc làm thành bậc thức giả sự xấu hổ, hổ thẹn đối với Ác Hạnh **(Duccarita).**

7/ Quý Tài Sản (Ottappadhanaṃ): là việc làm thành bậc thức giả sự ghê sợ, sợ hãi đối với Ác Hạnh.

----------00000----------

LỜI SỞ NGUYỆN

Iminā puññakammena **Buddho homī anāgate**
Yattha yattha bhave jāto **Mā dalindo bhavāmahaṃ**

Với mãnh lực phát sinh từ nơi Thiện Sự của việc soạn tác kinh điển này, xin cho Bần Đạo có được Tuệ Chí Thượng Chánh Đẳng Giác trong thời vị lai, và xin cho Bần Đạo không phải là người nghèo khổ ở trong những kiếp sống vị lai.

Apattaṃ yāva Buddhattaṃ **Paññādhikaṃ bhavāmihaṃ**
Jātisaranānikova **Jetthaseddho nirantaraṃ**

Chừng nào Tuệ Chí Thượng Giác Hữu của Bần Đạo vẫn chưa thành đạt kết quả thì xin cho Bần Đạo luôn là người tiến hóa, là người thanh cao, và có Trí Tuệ thành vật truy niệm luôn mãi trong mọi kiếp sống. **(Anussaranañāṇa - Truy Niệm Trí).**

Kereyyaṃ gāravaṃ garuṃ **Māneyyaṃ mānanārahaṃ**
Vandeyyaṃ vandanārahaṃ **Pūjeyyaṃ pūjanārahaṃ**

Xin cho Bần Đạo được quý trọng đến Bậc đáng quý trọng, xin cho Bần Đạo được tôn kính đến Bậc đáng tôn kính, xin cho Bần Đạo được lễ bái đến Bậc đáng lễ bái, xin cho Bần Đạo được cúng dường đến Bậc đáng cúng dường.

----------00000----------

Kinh UDAYA – Phẩm UPASĀKA
SAMPAYUTTA NIKĀYA – TƯƠNG ƯNG BỘ KINH

Như hạt thóc được gieo trồng trở lại,
Thuận nhân duyên mưa gió, bón thêm phân.
Người nông phu làm việc vốn chuyên cần,
Nên đời sống mỗi mùa thêm sung túc.
Kẻ đói khổ ngày qua ngày khất thực,
Người Thiện Tâm vui vẻ gặp hiến dâng,
Càng cho ra càng mở rộng tinh thần,
Vì ấy chính là nguồn đời hạnh phúc !
Kia bò mẹ cho sữa tươi, ấm, đục,
Chú bò con chốc chốc húc bên hông,
Rồi già nua con vật trút linh hồn,
Tái sinh lại làm một người ngu muội,
Càng ngu muội, luân hồi càng đeo đuổi,
Càng muôn lần vào nghĩa địa tang thương.
Trừ những ai thấy rõ một con đường,
Đường GIẢI THOÁT ! thì không vào đó nữa !

Surin, ngày 02/02/1995 (PL2538)

----------00000----------

KAMMACATUKKA – NGHIỆP LỰC TỨ PHẦN
TRÌNH BÀY 16 LOẠI NGHIỆP LỰC ĐƯỢC PHÂN THÀNH BỐN NHÓM

1. Janakaṃ upatthambhakaṃ upapīḷakaṃ upaghātakañceti kiccavasena - Gọi là Nghiệp Lực, rằng theo Sự Vụ (**Kicca**) có được bốn thể loại, đó là:

1.1. Xuất Sinh Nghiệp Lực (Janakakamma): Nghiệp Lực thường hay tác hành cho sinh khởi Quả Dị Thục (**Vipāka**).

1.2. Bảo Hộ Nghiệp Lực (Upathambhakakamma): Nghiệp Lực thường hay giúp đỡ ủng hộ các Nghiệp Lực khác.

1.3. Chướng Ngại Nghiệp Lực (Upapīḷakakamma): Nghiệp Lực thường xâm nhiễu, cản trở các Nghiệp Lực khác.

1.4. Đoạn Diệt Nghiệp Lực (Upaghātakakamma): Nghiệp Lực thường thâm nhập vào tuyệt giao các Nghiệp Lực khác, hoặc cắt đứt Quả báo (**Phala**) các Nghiệp Lực khác.

2. Garukaṃ āsannaṃ āciṇṇaṃ kaṭattākammañceti pākadānapariyāyena - Gọi là Nghiệp Lực, rằng theo tuần tự của việc trổ sinh quả báo có được bốn thể loại, đó là:

2.1. Cực Trọng Nghiệp Lực (Garukakamma): Nghiệp Lực một cách nghiêm trọng mà các Nghiệp Lực khác không có khả năng sẽ cấm chỉ được.

2.2. Cận Tử Nghiệp Lực (Āsannakamma): Nghiệp Lực tác hành vào lúc sẽ cận tử lâm chung.

2.3. Tập Quán Nghiệp Lực (Āciṇṇakamma): Nghiệp Lực đã từng quen, thường luôn tác hành.

2.4. Tích Lũy Nghiệp Lực (Kaṭattākamma): Nghiệp Lực tác hành tích lũy có chừng mực, vừa phải và không ngang bằng với cả ba Nghiệp ấy, hoặc Nghiệp Lực từng tác hành tích trữ ở trong kiếp vị lai.

3. Diṭṭhadhammavedanīyaṃ upapajjavedanīyaṃ aparāpariyavedanīyaṃ ahosi kammañceti pākakālavasena cattāri kammāni nāma - Gọi là Nghiệp Lực, rằng theo thời gian trổ sinh Quả Báo có được bốn thể loại, đó là:

3.1. Hiện Báo Nghiệp Lực (Diṭṭhadhammavedanīyakamma): Nghiệp Lực tác hành cho đón nhận Quả Báo ở trong kiếp sống hiện tại này.

3.2. Hậu Báo Nghiệp Lực (Upapajjavedanīyakamma): Nghiệp Lực tác hành cho đón nhận Quả Báo ở trong kiếp sống thứ hai.

3.3. Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực (Aparāpariyavedanīyakamma – Sinh Báo Nghiệp): Nghiệp Lực tác hành cho đón nhận Quả Báo ở trong kiếp sống thứ ba trở đi, cho đến khi sẽ viên tịch Níp Bàn.

3.4. Vô Hiệu Nghiệp Lực (Ahosikakamma): Nghiệp Lực không trổ sinh Quả Báo.

4. Tathā akusalaṃ kāmāvacarakusalaṃ rūpāvacarakusalaṃ arūpāvacara kusalañceti pākaṭṭhānavasena - Gọi là Nghiệp Lực, rằng theo Trú Xứ (**ṭhāna**) cho trổ sinh Quả Báo cũng có bốn thể loại tương tự như nhau, đó là:

4.1. Bất Thiện Nghiệp Lực (Akusalakamma).

4.2. Dục Giới Thiện Nghiệp Lực (Kāmāvacarakusalakamma).

4.3. Hữu Sắc Giới Thiện Nghiệp Lực (Rūpāvacarakusalakamma).

4.4. Vô Sắc Giới Thiện Nghiệp Lực (Arūpāvacarakusalakamma).

TRÌNH BÀY VIỆC PHÂN TÍCH BẤT THIỆN NGHIỆP LỰC (AKUSALAKAMMA) THEO CẢ TAM MÔN (DVĀRA)

5. Tattha akusalaṃ kāyakammaṃ vacīkammaṃ manokammañceti kamma dvāravasena tividhaṃ hoti - Trong cả bốn nhóm Nghiệp Lực ấy, rằng theo mãnh lực của lãnh địa làm thành chỗ nơi cho trổ sinh quả báo, có được ba thể loại Bất Thiện Nghiệp Lực nương theo mãnh lực từ nơi tác nhân cho thành tựu việc tạo tác, đó là: **1. Thân Hành Nghiệp Lực (Kāyakamma), 2. Ngữ Hành Nghiệp Lực (Vacīkamma), 3. Ý Hành Nghiệp Lực (Manokamma).**

TAM THÂN HÀNH NGHIỆP LỰC (KĀYAKAMMA 3)

6. Kathaṃ ? Pāṇātipāto adinnādānaṃ kāmesumicchācāro ceti kāyaviññatti saṅkhāte kāyadvāre bāhullavuttito kāyakammaṃ nāma - Thế nào ? Có ba thể loại Bất Thiện Nghiệp Lực, rằng theo mãnh lực từ nơi tác nhân cho thành tựu việc tạo tác, là những thể loại nào ? Việc sát tử, việc thâu đạo, việc tà hạnh ở trong tính dục; cả ba thể loại này gọi là Thân Hành Nghiệp Lực là vì duyên sinh theo **Thân Môn (Kāyadvāra)**, tức là **Thân Biểu Tri (Kāyaviññatti)** là phần đa số.

TỨ NGỮ HÀNH NGHIỆP LỰC (VACĪKAMMA 4)

7. Musāvādo pisuṇavācā pharusavācā samphappalāpo ceti vacīviññatti saṅkhāte vacīdvāre bāhullavuttito vacīkammaṃ nāma - Việc nói lời vọng ngôn, nói lời xúi xiểm ly gián, nói lời thô ác ngữ, nói lời không có lợi ích. Cả bốn thể loại này gọi là Ngữ Hành Nghiệp Lực là vì duyên sinh theo **Ngữ Môn (Vacīdvāra)**, tức là **Ngữ Biểu Tri (Vacīviññatti)** là phần đa số.

TAM Ý HÀNH NGHIỆP LỰC (MANOKAMMA 3)

8. Abhijjhā byāpādo micchādiṭṭhi ceti aññatrāme viññattiyā manasmī yeva bāhullavuttito manokammaṃ nāma. Việc Tham Ác về tài sản của tha nhân một cách bất hợp pháp (Tham Ác), việc cừu hận oán kết tha nhân (Cừu Hận), việc thấy sai chấp lầm (Tà

Kiến). Cả ba thể loại này gọi là Ý Hành Nghiệp Lực, vì một khi loại trừ khỏi Thân Biểu Tri và Ngữ Biểu Tri ra thì chỉ còn có duyên sinh theo **Ý Môn (Manodvāra)** là phần đa số.

TRÌNH BÀY XUẤT SINH XỨ (SAMUṬṬHĀNA) LÀM THÀNH TÁC NHÂN THẬP BẤT THIỆN NGHIỆP ĐẠO (AKUSALAKAMMAPATHA 10)

9. Tesu pāṇātipāto pharusavācā byāpādo ca dosamūlena jāyanti - Trong Thập Bất Thiện Nghiệp Lực ấy thì việc sát tử, việc nói lời thô ác ngữ, việc cừu hận oán kết (Ý Cừu Hận); cả ba thể loại này thường khởi sinh là do bởi **Tâm căn Sân.**

10. Kāmesumicchācāro abhijjhā micchādiṭṭhi ca lobhamūlena - Tính dục tà hạnh, ý tham ác, ý tà kiến; cả ba thể loại này thường khởi sinh là do bởi **Tâm căn Tham.**

11. Sesāni cattāripi dvīhi mūlehi sambhavanti – Bốn Bất Thiện Nghiệp Lực còn lại, đó là việc thâu đạo, nói lời vọng ngôn, nói lời xúi xiểm ly gián, nói lời không có lợi ích thường khởi sinh là do bởi **Tâm căn Tham** hoặc **Tâm căn Sân.**

12. Cittuppādavasena panetaṃ akusalaṃ sabbathāme dvādasavidhaṃ hoti - Rằng khi theo mãnh lực từ nơi việc sinh khởi tùy theo của bất luận một Tâm nào thì Bất Thiện Nghiệp Lực này thường có 12.

TAM THIỆN NGHIỆP LỰC DỤC GIỚI

13. Kāmāvacarakusalampi kāyadvāre pavattaṃ kāyakammaṃ, vacīdvāre pavattaṃ vacīkammaṃ, manodvāre pavattaṃ manokammañceti kammadvāra vasena tividhaṃ hoti – Thiện Dục Giới, rằng theo **Nghiệp Môn (Kammadvāra)** cũng có được ba thể loại tương tự như vậy, tức là Thân Hành Nghiệp Lực nương sinh theo Thân Môn, Ngữ Hành Nghiệp Lực nương sinh theo Ngữ Môn, và Ý Hành Nghiệp Lực nương sinh theo Ý Môn.

14. Tathā dānasīlabhāvanāvasena – Thiện Dục Giới, rằng khi theo phân loại của **Xả Thí (Dāna), Trì Giới (Sīla), Tu Tập (Bhāvanā)** cũng có được ba thể loại tương tự.

15. Cittuppādavasena panetaṃ aṭṭhavidhaṃ hoti – Rằng khi theo mãnh lực từ nơi việc sinh khởi của Tâm thì Thiện Nghiệp Lực Dục Giới đây thường có 8.

THẬP PHÚC HÀNH TÔNG (PUÑÑAKIRIYAVATTHU 10)

16. Dāna sīla bhāvanā apacāyena veyyāvacca pattidāna pattānumodana dhammassavana dhammadesanā diṭṭhujukammavasena dasavidhaṃ hoti – Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập, Cung Kính, Phụng Hành, Ân Thí (Hồi Hướng Công Đức), Tùy Hỷ Công Đức, Thính Pháp, Thuyết Pháp, Chân Tri Chước Kiến đó là Thập Phúc Hành Tông.

1. Xả Thí (Dāna): việc xả thí cho ra.

2. Trì Giới (Sīla): việc thọ trì giới luật.

3. Tu Tập (Bhāvanā): việc tiến hóa An Chỉ **(Samatha)** – Minh Sát Tuệ **(Vipassanā)**.

4. Cung Kính (Apacāyana): việc cư xử có lễ độ với Thân hành động, hoặc có sự lễ phép với Lời nói, đối với Bậc Đức Hạnh và với Bậc cao niên trưởng lão.

5. Phụng Hành (Veyyāvacca): việc thực hiện công việc giúp đỡ hỗ trợ đối với người hoặc chỗ ở nơi thích hợp.

6. Hồi Hướng Công Đức (Pattidāna – Ân Thí): việc chia cho hoặc hồi hướng Phước Báu.

7. Tùy Hỷ Công Đức (Pattānumodana): việc tùy hỷ công đức trong phần Phước Báu.

8. Thính Pháp (Dhammasavana): việc lắng nghe Giáo Pháp.

9. Thuyết Pháp (Dhammadesanā): việc thuyết giảng Giáo Pháp.

10. Chân Tri Chước Kiến (Diṭṭhujukamma): việc làm cho có được sự nhìn thấy đúng đắn (biết thật thấy đúng).

17. Taṃ panetaṃ vīsatividhampi kāmāvacarakammicceva saṅkhaṃ gacchati – Với mười hai Bất Thiện Nghiệp Lực, tám Thiện Nghiệp Lực, kết hợp cả 20 thể loại Nghiệp Lực này lại thường được gọi là **Nghiệp Lực Dục Giới (Kāmāvacarakamma)**.

NGŨ THIỆN NGHIỆP LỰC HỮU SẮC GIỚI (RŪPAKUSALAKAMMA 5)

18. Rūpāvacarakusalaṃ pana manokammameva tañca bhāvanāmayaṃ appanāpettaṃ jhānaṅgabhedena pañcavidhaṃ hoti - Còn Hữu Sắc Giới Thiện Nghiệp Lực thì chỉ duy nhất là thuộc thể loại Ý Hành Nghiệp Lực. Và Ý Hành Nghiệp Lực này thường được thành tựu viên mãn với phần **Tu Tập (Bhāvanāmaya)** và chứng đắc Thiền Định (**Appanājhāna – Nhập Định**). Rằng khi phân loại từ nơi An Chi Thiền thì có được năm thể loại.

TỨ THIỆN NGHIỆP LỰC VÔ SẮC GIỚI (ARŪPAKUSALAKAMMA 4)

19. Tathā arūpāvacarakusalañca manokammaṃ tampi bhāvanāmayaṃ appanāpattaṃ ārammaṇabhedena catubbidhaṃ hoti - Còn Vô Sắc Giới Thiện Nghiệp Lực cũng tương tự như vậy, là chỉ có mỗi một Ý Hành Nghiệp Lực duy nhất. Và Ý Hành Nghiệp Lực này cũng thường được thành tựu viên mãn với phần Tu Tập giống như nhau, và cho đến chứng đắc Thiền Định. Rằng khi phân loại từ nơi Cảnh có được bốn thể loại.

PHÂN TÍCH 20 NGHIỆP LỰC DỤC GIỚI TÁC HÀNH TRỔ SINH QUẢ BÁO TRONG 11 DỤC ĐỊA GIỚI TRONG THỜI TÁI SINH VÀ THỜI CHUYỂN KHỞI

20. Etthākusalammamuddhaccarahitaṃ apāyabhūmiyaṃ paṭisandhiṃ janeti, pavattiyaṃ pana sabbampi dvādasavidhaṃ sattākusalapākāni sabbatthāme kāmeloke rūpaloke ca yathārahaṃ vipaccati - Trong bốn thể loại Nghiệp Lực ấy, 11 Bất Thiện Nghiệp Lực, loại trừ Bất Thiện Nghiệp Lực câu hành trạo cử (**Uddhacca**

sahagataakusalakamma) ra thì tác hành cho sinh khởi Tâm Tái Sinh và Tâm Sở cùng với Sắc Nghiệp ở trong Tứ Thống Khổ Địa Giới. Tuy nhiên, trong Thời Chuyển Khởi (Thời Bình Nhật) thì tất cả 12 Bất Thiện Nghiệp Lực ấy tác hành cho trổ sinh 7 Quả Dị Thục Bất Thiện (**Akusalavipāka**) làm thành quả báo ở trong hết tất cả 11 Cõi Dục Địa Giới và trong 15 Cõi Hữu Sắc Giới (trừ Hữu Tình Vô Tưởng Phạm Thiên Giới), vừa theo thích hợp.

21. Kāmāvacarakusalampi kāmasugatiyameva paṭisandhiṃ janeti, tathā pavattiyañca mahāvipākāni ahetukavipākāni pana aṭṭhapi sabbatthāme kāmeloke rūpaloke ca yathārahaṃ vipaccati - Đối với 8 Thiện Nghiệp Lực Dục Giới thì tác hành cho Tâm Tái Sinh, Tâm Sở và Sắc Nghiệp sinh khởi ở trong Thời Tái Sinh và chỉ ở trong Thất Thiện Thú Dục Giới (**Kāmasugatibhūmi**) thôi. Còn ở trong Thời Chuyển Khởi thì 8 Thiện Nghiệp Lực Dục Giới tác hành cho sinh khởi 8 Tâm Đại Quả làm thành quả báo duy nhất chỉ ở trong Thất Thiện Thú Dục Giới thôi. Nhưng lại tác hành cho sinh khởi 8 Tâm Quả Dị Thục Vô Nhân làm thành quả báo ở trong tất cả 11 Cõi Dục Địa Giới và ở trong 15 Cõi Hữu Sắc Giới (trừ Hữu Tình Vô Tưởng Phạm Thiên Giới), vừa theo thích hợp.

TRÌNH BÀY VIỆC PHÂN TÍCH QUẢ BÁO ĐẠI THIỆN NGHIỆP LỰC CÓ TAM NHÂN v.v. TRONG THỜI TÁI SINH VÀ THỜI CHUYỂN KHỞI

22. Tatthāme tihetukamukkaṭṭhaṃ kusalaṃ tihetukaṃ paṭisandhiṃ datvā pavatte soḷasa vipākāni vipaccati - Trong cả 8 Dục Giới Thiện Nghiệp Lực ấy, chủng loại Thiện Nghiệp Lực mà là Tam Nhân (**Tihetuka**) Thượng Phẩm (**Ukkaṭṭha**) thì thường tác hành trổ sinh Quả Báo Tái Sinh (**Phalapaṭisandhi**) làm thành Tam Nhân, rồi tác hành cho sinh khởi 16 Tâm Quả Dị Thục làm thành quả báo trong Thời Chuyển Khởi.

23. Tihetukamomakaṃ dvihetukamukkaṭṭhañca kusalaṃ dvihetukaṃ paṭisan dhiṃ datvā pavatte tihetukarahitāni dvādasa vipākāni vipaccati – Thiện Nghiệp Lực mà là Tam Nhân Hạ Phẩm (**Omaka**) và là Nhị Nhân Hạ Phẩm, với cả hai thể loại này thì thường tác hành trổ sinh Quả Báo Tái Sinh làm thành chủng loại Nhị Nhân, rồi tác hành cho sinh khởi 12 Tâm Quả Dị Thục, trừ 4 Tâm Đại Quả Tương Ưng Trí, làm thành quả báo trong Thời Chuyển Khởi.

24. Dvihetukamomakaṃ pana kusalaṃ ahetukameva paṭisandhiṃ deti pavatte ca ahetukavipākāneva vipaccati - Còn Thiện Nghiệp Lực đã là Nhị Nhân Hạ Phẩm thì thường trổ sinh Quả Báo Tái Sinh làm thành chủng loại đích thị chính là Quả Dị Thục Thiện Vô Nhân, rồi tác hành cho sinh khởi chỉ có 8 Tâm Quả Dị Thục Thiện Vô Nhân ngần chừng ấy, làm thành quả báo ở trong Thời Chuyển Khởi.

KỆ TỔNG HỢP TRÌNH BÀY Ý KIẾN CỦA NHẤT BAN GIÁO SƯ (TRƯỞNG LÃO MAHĀDATTA THERA) TRÚ NGỤ TẠI TỊNH THẤT AO KHỔNG TƯỚC (MORAVĀME)

25. Asaṅkhāraṃ sasaṅkhāra Vipākāni na paccati

Sasaṅkhāramasaṅkhāra Vipākānīti kevana

Nhất Ban Giáo Sư là Ngài Trưởng Lão **Mahādatta** đã nói rằng chủng loại Thiện Nghiệp Lực mà là **Vô Dẫn Dụ (Asaṅkhārika)** thì không cho sinh khởi Quả Dị Thục **Hữu Dẫn Dụ (Sasaṅkhārika)** làm thành quả báo; và ngược lại chủng loại Thiện Nghiệp Lực mà là Hữu Dẫn thì không cho sinh khởi Quả Dị Thục Vô Dẫn, làm thành quả báo.

26. Tesaṃ dvādasa pākāni Dasāṭṭha ca yathākkamaṃ
Yathāvuttānusārena Yathāsambhavamuddise

Trình bày số lượng Quả Dị Thục Thiện Nghiệp Lực Dục Giới ở trong ý kiến của tất cả các Ngài Nhất Ban Giáo Sư theo như phần đã có được đề cập nói đến rồi đó sẽ là 12 – 10 – 8 Tâm Quả Dị Thục.

TRÌNH BÀY NGŨ THIỆN NGHIỆP LỰC HỮU SẮC GIỚI TÁC HÀNH TRỔ SINH QUẢ BÁO TRONG 16 CÕI HỮU SẮC GIỚI

27. Rūpāvacarakusalaṃ pana paṭhamajjhānaṃ parittaṃ bhāvetvā brahma pārisajjesu uppajjati – Còn Thiện Nghiệp Lực Hữu Sắc Giới, một khi đã được tiến hóa Sơ Thiền ở mức độ bậc thấp (Hạ Phẩm) thì thường trổ sinh quả báo cho đi tái sinh trong Cõi Phạm Chúng Thiên Giới.

28. Tadeva majjhimaṃ bhāvetvā brahmapurohitesu - Chính là một khi đã được tiến hóa Sơ Thiền ở mức độ trung bình (Trung Phẩm) thì thường trổ sinh quả báo cho đi tái sinh trong Cõi Phạm Phụ Thiên Giới.

29. Paṇītaṃ bhāvetvā mahābrahmesu – Khi đã được tiến hóa Sơ Thiền ấy ở mức độ thanh lương (Thượng Phẩm) thì thường trổ sinh quả báo cho đi tái sinh trong Cõi Đại Phạm Thiên Giới.

30. Tathā dutiyajjhānaṃ tatiyajjhānañca parittaṃ bhavavetvā parittàbhesu –

Khi đã được tiến hóa Nhị Thiền hoặc Tam Thiền ở mức độ bậc thấp (Hạ Phẩm) thì thường trổ sinh quả báo cho đi tái sinh trong Cõi Thiểu Quang Phạm Thiên Giới.

31. Majjhimaṃ bhāvetvā appamāṇābhesu - Khi đã được tiến hóa Nhị Thiền hoặc Tam Thiền ở mức độ trung bình (Trung Phẩm) thì thường trổ sinh quả báo cho đi tái sinh trong Cõi Vô Lượng Quang Phạm Thiên Giới.

32. Paṇītaṃ bhāvetvā ābhassaresu - Khi đã được tiến hóa Nhị Thiền hoặc Tam Thiền ở mức độ bậc thanh lương (Thượng Phẩm) thì thường trổ sinh quả báo cho đi tái sinh trong Cõi Biến Quang Phạm Thiên Giới.

33. Catutthajjhānaṃ parittaṃ bhāvetvā parittasubhesu - Khi đã được tiến hóa Tứ Thiền ở mức độ bậc thấp thì thường trổ sinh quả báo cho đi tái sinh trong Cõi Thiểu Tịnh Phạm Thiên Giới.

34. Majjhimaṃ bhāvetvā appamāṇasubhesu - Khi đã được tiến hóa Tứ Thiền ở mức độ bậc trung rồi thường trổ sinh quả báo cho đi tái sinh trong Cõi Vô Lượng Tịnh Phạm Thiên Giới.

35. Paṇītaṃ bhāvetvā subhakiṇhesu - Khi đã được tiến hóa Tứ Thiền ở mức độ bậc thanh lương rồi khi trổ sinh quả báo thì thường đi tái sinh trong Cõi Biến Tịnh Phạm Thiên Giới.

36. Pañcamajjhānaṃ bhāvetvā vehapphalesu – Khi đã được tiến hóa Ngũ Thiền thường trổ sinh quả báo cho đi tái sinh trong Cõi Quảng Quả Phạm Thiên Giới.

37. Tadeva saññāvirāgaṃ bhāvetvā asaññasattesu – Chính là khi đã được tiến hóa Ngũ Thiền ấy, bằng cách xa lìa sự duyệt ý ở trong Tưởng (Tưởng Ly Ái Tu Tập) tức là Danh Pháp rồi một khi trổ sinh quả báo thì thường đi tái sinh trong Cõi Hữu Tình Vô Tưởng Phạm Thiên Giới.

38. Anāgāmino pana suddhāvāsesu uppajjanti – Chỉ có Bậc Bất Lai, một khi đã chứng đắc được Ngũ Thiền rồi thường đi tái sinh trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới.

PHÂN TÍCH TỨ THIỆN NGHIỆP LỰC VÔ SẮC GIỚI TÁC HÀNH TRỔ SINH QUẢ BÁO TRONG TỨ CÕI VÔ SẮC GIỚI

39. Arūpāvacarakusalañca yathākkamaṃ bhāvetvā āruppesu uppajjanti – Khi đã được tiến hóa Tứ Thiện Vô Sắc Giới thì thường trổ sinh quả báo cho đi tái sinh theo tuần tự trong bốn Cõi Vô Sắc Giới.

KỆ TÓM TẮT (NIGAMANAGĀTHA)

40. Itthaṃ mahaggataṃ puññaṃ
Janeti sadisaṃ pākaṃ
Idamettha Kammacatukkaṃ
Yathābhūmivavatthitaṃ
Paṭisandhipavattiyaṃ

Như đã có đề cập đến với tất cả các trường hợp này thì chín Đáo Đại Thiện Nghiệp Lực (**Mahaggatakusalakamma**) thường trổ sinh quả báo cũng tương ứng với Thiện Sự của mình, tùy theo Cõi Địa Giới đã quy định ở trong Thời Tái Sinh và Thời Chuyển Khởi.

Tại đây đã trình bày xong phần **Nghiệp Lực Tứ Phần (Kammacatukka)** trong Tổng Hợp Thoát Ly Lộ Trình (**Vithīmuttasaṅgaha**).

Kết thúc Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp Phần Pāḷi Ngữ Và Lời Dịch Để Học Thuộc Lòng

(**Chú thích: Kamma** bao gồm Nghiệp Lực, Nghiệp Báo và Nghiệp Quả, theo đúng căn nguyên là hành động, tạo tác, tác hành, hoặc việc làm.

Một cách chính xác, **Kamma** là tất cả "ý muốn làm" với Tâm Sở **Cetanā** (Tư Tâm Sở) Thiện hoặc Bất Thiện. Nghiệp Lực bao gồm tất cả những chi biểu hiện bằng Thân, Ngữ, hoặc Ý. Nghiệp Lực là định luật Nhân – Quả trong lãnh vực đạo đức. Nói một cách khác, Nghiệp Lực là hành động và phản ứng của hành động trong phạm vi luân lý hoặc "ảnh hưởng của hành động". Nghiệp Lực không phải là số mạng, hoặc tiền định. Nghiệp Lực là phản ứng của chính hành động của mình trở lại chính mình. Mọi hành động cố ý, ngoại trừ hành

động của một vị Phật hoặc của một vị Vô Sinh Alahán, tất cả đều được gọi là Nghiệp Lực. Chư Phật và chư vị Vô Sinh Alahán không còn tích trữ Nghiệp Lực mới, là cũng do bởi các Ngài đã tận diệt **Vô Minh (Avijjā)** và **Ái Dục (Taṇhā)**, hai nguồn gốc của Nghiệp Lực.

Kamma là hành động và **Vipākā** (Quả Dị Thục) là phản ứng. Đây là nguyên nhân và hậu quả. **Kamma** như là hạt giống. **Vipāka** như là trái quả. Một khi đã gieo hạt giống, người sẽ gặt hái trái quả ở một nơi nào, vào một lúc nào, trong kiếp sống hiện tại hoặc là trong một kiếp sống vị lai. Những chi mà chúng ta gặt hái ngày hôm nay là hậu quả của những chi mà chúng ta đã gieo trồng, hoặc trong kiếp sống hiện tại này, hoặc là ở trong kiếp sống quá khứ. **Kamma** tự nó đã là một định luật, định luật Nghiệp Báo, và tự động tác hành trong phạm vi lãnh vực của chính nó, không có sự can thiệp nào từ ở bên ngoài. Đây là định luật tác động một cách độc lập. Khả năng tạo tác trổ sinh quả báo tương ứng, cố hữu dính liền và tiềm tàng ở trong Nghiệp Lực. Nhân tạo ra Quả. Quả giải thích Nhân. Hạt giống sinh ra trái quả. Nhìn thấy trái quả biết được hạt giống nào đã được gieo trồng. Đó là mối tương quan giữa Nhân và Quả. Mối tương quan giữa Nghiệp Lực và Quả Dị Thục cũng dường như thế ấy. Quả Dị Thục đã bắt đầu trổ sinh ngay ở trong Nhân.

Theo **Abhidhamma** (Vô Tỷ Pháp), Nghiệp Báo bao gồm mười hai loại Tâm Bất Thiện, tám loại Tâm Thiện, năm loại Tâm Thiện thuộc Hữu Sắc Giới, và bốn loại Tâm Thiện Vô Sắc Giới. Tám loại Tâm Siêu Thế không được xem như là **Kamma** và **Vipāka**, là cũng do bởi các loại Tâm này có khuynh hướng tận diệt căn cội của Nghiệp Lực, và chính căn cội này mới tạo tác duyên hệ (điều kiện) để đi tái sinh. Trong tám loại Tâm Siêu Thế thì **Paññā (Trí Tuệ)** chiếm lấy phần lớn quan trọng. Trong những loại Tâm Hiệp Thế thì **Cetanā (Tư Tâm Sở)** là yếu tố chánh yếu.

Hai mươi chín loại Tâm này được gọi là Nghiệp Lực, là cũng do bởi trong đó cố hữu tiềm tàng khả năng tái tạo, tác hành. Ví như mỗi vật đều có cái bóng của nó, cùng thế ấy, mỗi hành động cố ý đồng phát sinh cùng với hậu quả tất yếu phải có của chính nó.

Các loại Tâm mà người ta chứng nghiệm như một hậu quả không thể tránh của những tư tưởng Thiện hoặc là Bất Thiện, đã được gọi là Tâm Quả Dị Thục. Hai mươi ba (7 + 8 + 8) Tâm Dị Thục Quả thuộc Cõi Dục Giới, năm loại Tâm Quả Dị Thục thuộc Cõi Hữu Sắc Giới, và bốn loại Tâm Dị Thục Quả thuộc Cõi Vô Sắc Giới, đã được gọi là **Vipāka**, hoặc hậu quả của Nghiệp Lực.)

GIẢI THÍCH LÀM RÕ THÊM TRONG TỨ PHẦN NGHIỆP LỰC

Từ ngữ nói rằng **Kamma** có ý nghĩa việc tác hành hữu quan với Thân, Ngữ, Ý, ở cả Lộ Trình Thiện và Lộ Trình Bất Thiện, gọi là Nghiệp Lực. Hoặc Pháp Chủng làm cho thành tựu các việc tác hành ấy, gọi là Nghiệp Lực.

Như có câu Chú Giải nói rằng: **Karaṇaṃ = Kammaṃ** hoặc **Karonti etenāti = Kammaṃ** - Việc tác hành, gọi là Nghiệp Lực; hoặc, tất cả các loài Hữu Tình thường tác hành do bởi nương vào Pháp Chủng ấy, vì thế Pháp Chủng ấy thành tác nhân làm cho thành

tựu các việc tác hành ấy, gọi là Nghiệp Lực. Tức là **Tư Tâm Sở (Cetanā)** hiện hữu ở trong Tâm Bất Thiện **(Akusalacitta)** và Tâm Thiện Hiệp Thế **(Lokīyakusalacitta)**.

Ngài Giáo Thọ **Anuruddha** đã có trình bày Nghiệp Lực Tứ Phần này, phân tích ra làm thành **Bộ Tứ Phần (Catukka)**, đó là:

1. Sự Vụ Tứ Phần (Kiccacatukka): rằng theo Sự Vụ thì có bốn thể loại.

2. Tuần Tự Khai Quả Tứ Phần (Pākadānapariyāyacatukka): rằng theo tuần tự của việc trổ sinh quả báo thì có bốn thể loại.

3. Thời Gian Khai Quả Tứ Phần (Pākakālacatukka): rằng theo thời gian trổ sinh quả báo thì có bốn thể loại.

4. Trú Xứ Khai Quả Tứ Phần (Pākaṭṭhānacatukka): rằng theo trú xứ trổ sinh quả báo thì có bốn thể loại.

Trong cả Bộ Tứ Phần này thì chỉ có duy nhất Trú Xứ Khai Quả Tứ Phần là được trình bày theo phần Vô Tỷ Pháp Tạng, đó là phần được đề cập đến một cách xác định. Còn cả ba phần còn lại của Bộ Tứ Phần thì được trình bày theo phần Kinh Tạng, đó là phần được đề cập đến một cách bất định, chỉ là hiện hành theo phần đại đa số mà thôi.

I. SỰ VỤ TỨ PHẦN (KICCACATUKKA)

[Chú thích: Sự Vụ Tứ Phần **(Kiccacatukka)**: rằng theo Sự Vụ có bốn thể loại.]

1. Xuất Sinh Nghiệp Lực (Janakakamma): có câu Chú Giải đã trình bày nói rằng: **Vipākakkhandha kammajarūpāni jānatīti = Janakaṃ** - Bất luận Nghiệp Lực nào đã tác hành cho Danh Uẩn Quả Dị Thục và Sắc Nghiệp sinh khởi, như thế Nghiệp Lực ấy gọi là Xuất Sinh Nghiệp Lực.

Tức là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực, 17 Thiện Nghiệp Lực Hiệp Thế.

Xuất Sinh Nghiệp Lực này, là loại Nghiệp Lực tác hành cho Quả Dị Thục và Sắc Nghiệp Lực, luôn cả bọn Sắc Quý Tiết Duyên Nghiệp Lực được sinh khởi ở trong cả Thời Tái Sinh và Thời Chuyển Khởi. Có ý nghĩa là một khi tất cả các loài Hữu Tình mệnh chung rồi đi tái sinh làm thành Hữu Tình Bàng Sinh, thành Nhân Loại, Chư Thiên, thành Phạm Thiên; với những hạng loại này thì thường được hiện hành với mãnh lực Xuất Sinh Nghiệp Lực đã tác hành làm cho Quả Dị Thục và Sắc Nghiệp Lực sinh khởi ở trong Thời Tái Sinh. Khi tất cả loài Hữu Tình đã sinh khởi rồi, thì cũng cần phải có các Căn (**Vatthu** - Thần Kinh) lớn nhỏ sinh khởi tùy theo thích hợp đối với các loài Hữu Tình ấy, luôn cả có việc nhìn thấy, việc được nghe, việc được ngửi, việc biết các vị, việc xúc chạm, việc duy trì mạng sống **(Hữu Phần – Bhavaṅga)** sinh khởi; với những hạng loại này thường được hiện hành với mãnh lực Xuất Sinh Nghiệp Lực đã tác hành làm cho Quả Dị Thục, Sắc Nghiệp Lực, và bọn Sắc Quý Tiết Duyên Nghiệp Lực sinh khởi trong Thời Chuyển Khởi.

Xuất Sinh Nghiệp Lực mà có năng lực tác hành làm cho Quả Dị Thục và Sắc Nghiệp Lực sinh khởi ở trong Thời Tái Sinh, được đề cập đến là đã làm cho tái sinh thành Hữu Tình Bàng Sinh, Nhân Loại, v.v. ấy, thì phải là loại Nghiệp Chủng phần nhiều đã đầy đủ trọn vẹn Nghiệp Lực. Đối với Xuất Sinh Nghiệp Lực mà tác hành làm cho Quả Dị Thục, Sắc Nghiệp

Lực, và bọn Sắc Quý Tiết Duyên Nghiệp Lực sinh khởi ở trong Thời Chuyển Khởi, được đề cập đến là làm cho có các Căn lớn nhỏ, luôn cả có việc nhìn thấy, việc được nghe, v.v. (trừ Tâm Hữu Phần) ấy, là loại Nghiệp Chủng có thể là trọn đủ Nghiệp Lực hoặc là không trọn đủ; và Thiện Nghiệp Lực, và Bất Thiện Nghiệp Lực mà có thể là sinh khởi ở trong Lộ Trình Ngũ Môn hoặc là sinh khởi ở trong Thời Chiêm Bao, thì thường có mãnh lực làm cho Quả Dị Thục, Sắc Nghiệp Lực và bọn Sắc Quý Tiết Duyên Nghiệp Lực sinh khởi lên hết cả thảy.

Thiên Cung làm thành chỗ nương trú của nhóm Chư Thiên, Phạm Thiên; hoặc ngọn lửa và các dụng cụ giam cầm xiềng xích, trừng trị hành hạ nhóm Hữu Tình Địa Ngục; và với những hạng loại này thì cũng được sắp vào bọn Sắc Quý Tiết Duyên Nghiệp Lực và tương tự như vậy, là cũng được sinh khởi từ Xuất Sinh Nghiệp Lực.

(**Chú thích: Janakakamma - Xuất Sinh Nghiệp Lực** (Nghiệp Lực Tái Tạo) được tạo duyên (điều kiện) cũng do bởi Thiện Nghiệp Lực hoặc Bất Thiện Nghiệp Lực ở trong thời quá khứ mà nổi bật, vượt trội hơn, và mãnh liệt hơn hết là vào phút giây cận tử lâm chung. Nghiệp Lực tạo duyên cho việc tái sinh ấy, được gọi là Xuất Sinh Nghiệp Lực, hoặc là Nghiệp Lực Tái Tạo.

Sự chết của một Hữu Tình chỉ là "sự chấm dứt tạm thời của một hiện tượng tạm thời". Mặc dầu hình thể hiện tại hư hoại đi, một hình thể khác được hình thành – không hẳn là hoàn toàn giống hệt, mà cũng không tuyệt đối khác hẳn hình thể trước kia – phát sinh, trùng hợp theo năng lực của những rung động tâm linh diễn tiến vào những phút giây cận tử lâm chung, như một Nghiệp Lực chuyển động, thúc đẩy dòng đời trong kiếp sống mới. Chính tư tưởng cuối cùng ấy – chỉ một sát na cuối cùng ấy – được gọi là Xuất Sinh Nghiệp Lực, xác định trạng thái của một Hữu Tình trong kiếp sống kế tiếp đó. Nghiệp Lực này có thể là tốt, hoặc là xấu, Thiện hay là Bất Thiện.

Theo bản Chú Giải, Xuất Sinh Nghiệp Lực là điều mà tạo nên Sắc Uẩn và Danh Uẩn, hoặc là những yếu tố tâm linh và vật chất, ngay vào lúc được Mẹ hoài thai. Chặp tư tưởng sơ khởi, sát na tâm thức ban đầu, được gọi **Paṭisandhi Viññāṇa – Thức Tái Sinh** (Thức Tái Sinh, Thức Nối Liền, hoặc là Thức Tái Sinh), được tạo duyên do bởi Xuất Sinh Nghiệp Lực này. Cùng một lúc với Thức Tái Sinh thì cũng cùng phát sinh với các Bọn Sắc Nghiệp Lực gồm có Bọn Tổng Hợp Thân Thập, Bọn Tổng Hợp Tính Thập là Nam hoặc Nữ, Bọn Tổng Hợp Vật Thập (**Kāya – Bhāva – Vatthu Dassaka**).

+ Với Bọn Tổng Hợp Thân Thập bao gồm bốn Tố Chất chánh yếu (Tứ Sắc Đại Hiển: Địa Đại Hiển, Thủy Đại Hiển, Hỏa Đại Hiển, Phong Đại Hiển) với Tố Chất có đặc tính cứng và mềm của Địa Đại Hiển; với Tố Chất có đặc tính quến tụ và loang ra của Thủy Đại Hiển; với Tố Chất có đặc tính nóng và lạnh của Hỏa Đại Hiển; với Tố Chất có đặc tính căng phồng và di động của Phong Đại Hiển. Cùng với bốn Tố Chất Y Sinh nương nhờ, đó là Sắc, Khí, Vị, Vật Thực Nội; và Sắc Mạng Quyền với Thân Thanh Triệt.

+ Với Bọn Tổng Hợp Tính Thập bao gồm bốn Tố Chất Đại Hiển, bốn Tố Chất Y Sinh (còn gọi là Bọn Tám Sắc Bất Ly), Sắc Nam Tính hoặc Sắc Nữ Tính, và Sắc Mạng Quyền Lực.

+ Với Bọn Tổng Hợp Vật Thập bao gồm Bọn Tám Sắc Bất Ly, Sắc Mạng Quyền Lực và Sắc Tâm Cơ là căn trú của Tâm Thức tương ứng.

Như thế, hiển nhiên là Nam Tính hoặc là Nữ Tính của một Hữu Tình đã được xác định ngay vào lúc Hữu Tình ấy được thọ sinh, và Sắc Tính này là do Nghiệp Lực tạo điều kiện, chứ không phải là sự kết hợp ngẫu nhiên của Tinh Cha và Huyết Mẹ. Đau khổ và hạnh phúc mà Hữu Tình phải cảm thụ ở trong kiếp sống là hệ quả dĩ nhiên của Xuất Sinh Nghiệp Lực, hoặc là Nghiệp Lực Tái Tạo.)

2. Bảo Hộ Nghiệp Lực (Upatthambhakakamma): có câu Chú Giải đã trình bày nói rằng: **Kammantaraṃ vā kammanibbattakhandhasantānaṃ vā upattham – bhetīti = Upatthambhakaṃ** - Bất luận Nghiệp Lực nào thường giúp đỡ bảo hộ các Nghiệp Lực khác, và việc nối tiếp sinh khởi của các Uẩn từ các Nghiệp Lực khác, như thế Nghiệp Lực ấy gọi là Bảo Hộ Nghiệp Lực. Tức là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực, 8 Đại Thiện Nghiệp Lực.

(**Chú thích**: Mãnh lực đến sát cận và nâng đỡ hỗ trợ cho Xuất Sinh Nghiệp Lực hay là Nghiệp Lực Tái Tạo. Sự trợ duyên này không mang tính cách Thiện hoặc là Bất Thiện, mà duy nhất chỉ hỗ trợ và bảo hộ hành động của Xuất Sinh Nghiệp Lực chính ngay trong đời sống. Tức khắc sau khi được thọ thai cho đến lúc mệnh chung thì Bảo Hộ Nghiệp Lực lướt tới trước để hỗ trợ cho Xuất Sinh Nghiệp Lực. Một Thiện Bảo Hộ Nghiệp Lực giúp cho có được sức khỏe tốt, tài sản của cải, an vui hạnh phúc, v.v. Một Bất Thiện Bảo Hộ Nghiệp Lực, thì trái lại, đưa đến sầu bi ưu não, v.v. đối với Hữu Tình đã được sinh ra với Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực, ví dụ như các loài Bàng Sinh, hoặc phải làm những công việc nặng nhọc, v.v.). Bảo Hộ Nghiệp Lực này là loại Nghiệp Lực:

+ 2a/. giúp đỡ ủng hộ Xuất Sinh Nghiệp Lực khi vẫn chưa có được cơ hội để trổ sinh quả báo thì cho có được cơ hội để trổ sinh quả báo.

+ 2b/. giúp đỡ ủng hộ Xuất Sinh Nghiệp Lực đang có được cơ hội để trổ sinh quả báo thì cho có được năng lực mạnh mẽ trong việc trổ sinh quả báo ấy được thành tựu viên mãn, và

+ 2c/. giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc nơi là Quả Dị Thục của Xuất Sinh Nghiệp Lực cho được phát triển và tồn tại lâu dài.

2a/. Bảo Hộ Nghiệp Lực giúp đỡ ủng hộ Xuất Sinh Nghiệp Lực khi vẫn chưa có được cơ hội để trổ sinh quả báo thì cho có được cơ hội trổ sinh quả báo ấy, tức là Thiện – Bất Thiện mà sinh khởi trong Thời Cận Tử, hoặc là Thiện – Bất Thiện mà thường luôn sinh khởi trong Thời Bình Nhật; chính với những loại Thiện – Bất Thiện này làm thành Bảo Hộ Nghiệp Lực giúp đỡ ủng hộ đối với Xuất Sinh Nghiệp Lực mà vẫn chưa có được cơ hội để trổ sinh quả báo thì cho có được cơ hội trổ sinh quả báo.

Xuất Sinh Nghiệp Lực khi vẫn chưa có được cơ hội để trổ sinh quả báo ấy, có được hai thể loại, đó là:

1/. một thể loại Xuất Sinh Nghiệp Lực trong kiếp sống quá khứ, và

2/. một thể loại Xuất Sinh Nghiệp Lực trong kiếp sống hiện tại.

Do đó, việc giúp đỡ ủng hộ của Bảo Hộ Nghiệp Lực đối với Xuất Sinh Nghiệp Lực khi vẫn chưa có được cơ hội để trổ sinh quả báo thì cho có được cơ hội trổ sinh quả báo ấy, đem phân tích ra thì có được tám thể loại, đó là:

1. Thiện sinh khởi trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực trong kiếp sống quá khứ.

2. Thiện sinh khởi trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực trong kiếp sống hiện tại.

3. Bất Thiện sinh khởi trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực trong kiếp sống quá khứ.

4. Bất Thiện sinh khởi trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực trong kiếp sống hiện tại.

5. Thiện thường luôn sinh khởi trong Thời Bình Nhật ngay trong kiếp sống hiện tại giúp đỡ ủng hộ đối với Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực trong kiếp sống quá khứ.

6. Thiện thường luôn sinh khởi trong Thời Bình Nhật ngay trong kiếp sống hiện tại giúp đỡ ủng hộ đối với Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực trong kiếp sống hiện tại.

7. Bất Thiện thường luôn sinh khởi trong Thời Bình Nhật ngay trong kiếp sống hiện tại giúp đỡ ủng hộ đối với Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực trong kiếp sống quá khứ.

8. Bất Thiện thường luôn sinh khởi trong Thời Bình Nhật ngay trong kiếp sống hiện tại giúp đỡ ủng hộ đối với Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực trong kiếp sống hiện tại.

1. Thiện sinh khởi trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với **Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực** trong kiếp sống quá khứ khi vẫn chưa có được cơ hội để trổ sinh quả báo thì cho có cơ hội trổ sinh quả báo, chẳng hạn như là:

Nam nhân **K** là một Phật Tử, tuy nhiên trong kiếp sống hiện tại thì nam nhân **K** phần nhiều lại tạo tác Bất Thiện. Với tác nhân này, khi nam nhân **K** có trạng thái đau ốm dẫn đến sẽ cận tử lâm chung, ngặt một nỗi là không có sự truy niệm tốt đẹp, và ở trong điềm tướng **(Nimitta – Trẫm Triệu)** bất tường đang hiện khởi đến với nam nhân **K** đã làm cho có dáng vẻ trạng thái khác thường. Khi người ở cạnh bên nhìn thấy như thế thì cũng biết được rằng nam nhân **K** này có đã có điềm tướng bất tường khởi sinh lên rồi; vì thế mới có tâm thức bất an tịnh, và nếu như mệnh chung ngay ở trong thời điểm này thì nhất định là sẽ phải đọa vào ở trong **Cõi Khổ Thú (Duggati).** Thiện Hậu Báo Nghiệp Lực của nam nhân **K** không có thể sẽ giúp cho nam nhân **K** thoát khỏi Khổ Thú ấy được, cũng chính là do bởi tâm thức bất an tịnh của nam nhân **K** vậy. Với tác nhân này, người ở cạnh bên ấy mới nỗ lực tìm cách để sẽ cứu vãn Cảnh Nghiệp Tướng bất tường của nam nhân **K** đang hiện hữu cho chuyển đổi thành Cảnh Nghiệp Tướng an tịnh bằng cách thỉnh mời nhà sư đến tụng kinh an lành và thuyết giảng Giáo Pháp cho được lắng nghe, nắm lấy hình ảnh tôn thờ Đức Phật cho để sát cận bên nam nhân **K**, để cho nam nhân **K** có được tâm thức cung kính lễ bái đến hình ảnh Đức Phật ấy, và nỗ lực tìm kiếm kinh sách Pháp Cú đem đến đọc cho được lắng nghe. Khi đã giải quyết được việc cứu vãn Cảnh Nghiệp Tướng đối với nam nhân **K** như đã vừa nói đến ở tại đây xong thì tâm thức của nam nhân **K** cũng đã chuyển đổi trở nên an tịnh. Điềm

tướng hiện bày điều bất tường ấy cũng đã biến mất đi, và thay vào đó là điềm tướng kiết tường hiện khởi lên. Và thế là, khi nam nhân **K** thọ mạng diệt thì đã có được cơ hội đi tái sinh trong **Cõi Thiện Thú (Sugati)** làm thành Nhân Loại hoặc là Chư Thiên.

Sự việc này là cũng do bởi Thiện sinh khởi trong Thời Cận Tử đã giúp đỡ ủng hộ đối với Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực trong kiếp sống quá khứ, phù hợp với ý nghĩa đã có được trình bày để ở trong Chánh Tạng **Pāḷi Như Thị Ngữ Kinh (Itivuttaka)** nói rằng:

Imasmiṃ cāyaṃ samaye **Kālaṅkiriyātha puggalo**
Saggamhi upapajjeyya **Cittañhisa pasāditaṃ.**
Imasmiṃ cāyaṃ samaye **Kālaṅkiriyātha puggalo**
Niraye upapajjeyya **Cittañhisa padūsitaṃ.**

Chính trong thời gian này,
Người ấy bị mạng chung,
Người ấy sẽ được sinh,
Lên Thiên Giới Thiện Thú,
Vì Tâm có thiện ý,
Tùy theo lấy những gì,
Tương xứng được lãnh thọ,
Như vậy được tương xứng,
Do nhân Tâm thiện ý,
Chúng sinh đi Thiện Thú.

Người ấy nếu thọ mạng diệt trong thời điểm ấy thì nhất định sẽ phải đi tái sinh ở trong Cõi Thiên Giới, là vì tâm thức của người ấy có sự an tịnh.

Chính trong thời gian này,
Người ấy bị mạng chung,
Sẽ bị sinh Địa Ngục,
Lên Thiên Giới Thiện Thú,
Vì Tâm nó ác độc,
Tùy theo lấy những gì,
Tương xứng bị rớt xuống,
Như vậy được tương xứng,
Do nhân Tâm ác ý,
Chúng sinh đi Ác Thú.

Người ấy nếu thọ mạng diệt trong thời điểm ấy, thì nhất định sẽ phải đi tái sinh trong Cõi Địa Ngục, là vì tâm thức của người ấy có sự sầu bi ưu não.

2.Thiện sinh khởi trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với **Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực** trong kiếp sống hiện tại, khi vẫn chưa có cơ hội trổ sinh quả báo thì cho có được cơ hội trổ sinh quả báo, chẳng hạn như là:

Nam nhân **Kh** là một Phật Tử, là người có Tâm tịnh tín, thường luôn tác hành Xả Thí, thọ trì Giới Luật, tạo tác Phước Báu; ngặt một nỗi là không từng có sự huấn tập tâm thức ở

trong việc tu tập **An Chỉ (Samatha)** hoặc là **Minh Sát Tuệ (Vipassanā)**, và cũng không từng nghiên cứu tu học Tạng Vô Tỷ Pháp. Vì thế, khi nam nhân **Kh** đau ốm dẫn đến sẽ cận tử lâm chung thì có sự sợ hãi và có sự bồn chồn lo lắng ở trong của cải tài sản và con cháu. Khi là như vậy thì tâm thức của nam nhân **Kh** cũng có sự sầu bi ưu não. Điềm tướng bất tường hiện khởi lên, và đã làm cho dáng vẻ trạng thái của nam nhân **Kh** có sự khác thường đi. Người ở cạnh bên có sự hiểu biết ở trong Pháp tác ý khôn khéo. Khi thẩm sát thấy như thế thì biết được rằng nam nhân **Kh** đã có điềm tướng bất tường hiện khởi lên rồi, và nếu như nam nhân **Kh** mệnh chung ở ngay trong thời điểm này thì nhất định sẽ phải đọa vào ở trong **Cõi Khổ Thú (Duggati)**. Các Thiện Sự mà nam nhân **Kh** đã có tạo tác ở trong kiếp sống này đó, sẽ không có khả năng để cứu giúp nam nhân Kh ấy được. Vì thế, người ở cạnh bên ấy, mới nỗ lực tìm cách để sẽ cứu vãn nam nhân **Kh** cho có được tâm thức tịnh hảo khởi sinh lên bằng cách thực hiện cũng cùng một phương cách tương tự với nam nhân **K**. Khi đã thực hiện như vậy rồi thì tâm thức của nam nhân **Kh** cũng khởi lên sự an tịnh. Điềm tướng bất tường cũng đã biến mất đi, và thay vào đó, điềm tướng kiết tường lại hiện khởi lên. Và thế là, khi nam nhân **Kh** thọ mạng diệt thì đã có được cơ hội đi tái sinh ở trong **Cõi Thiện Thú (Sugati)** làm thành Nhân Loại hoặc là Chư Thiên. Sự việc này là cũng do bởi Thiện sinh khởi trong Thời Cận Tử đã giúp đỡ ủng hộ đối với Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực trong kiếp sống hiện tại.

3. Bất Thiện sinh khởi trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với **Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực** trong kiếp sống quá khứ, khi vẫn chưa có được cơ hội để trổ sinh quả báo thì cho có được cơ hội trổ sinh quả báo, chẳng hạn như là:

Nam nhân **G** là người có tấm lòng phúc hậu, là người thường luôn thực hiện việc Xả Thí, thọ trì Giới Luật ở trong kiếp sống hiện tại này, ngặt một nỗi không từng có sự huấn tập tâm thức ở trong việc tu tập **An Chỉ (Samatha)** hoặc là **Minh Sát Tuệ (Vipassanā)**, và cũng không từng nghiên cứu tu học Tạng Vô Tỷ Pháp. Tiếp đến, khi nam nhân **G** cận tử lâm chung, thì khởi sinh lên sự sợ chết, và có sự bồn chồn lo lắng ở trong của cải tài sản và con cháu, và đã làm cho tâm thức của nam nhân **G** khởi sinh lên Bất Thiện Pháp ở phần sầu bi ưu não trong lòng. Ngay trong thời điểm ấy thì điềm tướng bất tường đã hiện bày đến với nam nhân **G** và đã làm cho nam nhân **G** có diện mạo, dáng vẻ trạng thái khác thường. Tuy nhiên người ở cạnh bên ấy lại không có sự hiểu biết ở trong Phật Pháp, do vậy mà không có bất luận một việc cứu vãn nào cả. Và khi nam nhân **G** thọ mạng diệt thì phải đi tái sinh ở một trong các Cõi Khổ Thú. Thiện Sự mà nam nhân **G** đã có tạo tác ở trong kiếp sống này lại không có khả năng cứu giúp cho trổ sinh quả báo để nam nhân **G** được đi tái sinh ở trong Cõi Thiện Thú.

Sự việc này là cũng do bởi Bất Thiện sinh khởi trong Thời Cận Tử đã giúp đỡ ủng hộ đối với Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực của nam nhân **G** đã từng có tạo tác trong các kiếp sống trước cho có được cơ hội để trổ sinh quả báo.

4. Bất Thiện sinh khởi ở trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với **Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực** trong kiếp sống hiện tại, khi vẫn chưa có được cơ hội để cho trổ sinh quả báo thì cho có được cơ hội trổ sinh quả báo, chẳng hạn như là:

Nam nhân **Ng** khi vẫn còn ở trong chạng tuổi thanh xuân, đa phần đã có tạo tác các điều Bất Thiện xấu ác, có việc sát tử, thâu đạo, ẩm tửu, v.v. Đến chạng tuổi cao niên khi đã nhìn thấy tội lỗi ở trong các việc làm xấu ác ấy, thì khởi sinh tâm xót xa phiền não, thành thử đã từ bỏ đời sống người thế tục và đã gia nhập vào đời sống người xuất gia ở trong Phật Giáo. Tiếp đến, Tỳ Khưu **Ng** này lâm trọng bệnh và trở lại nghĩ tưởng đến khoảng thời gian khi còn ở chạng tuổi trẻ ấy, đa phần đã từng có tạo ra tác nghiệt, thì khởi sinh lên sự bất an tịnh và có sự sợ hãi ở trong lòng, tất sẽ phải bị đọa vào ở trong Cõi Thống Khổ. Khi là như vậy, thì tâm thức của vị Tỳ Khưu **Ng** này cũng có sự sầu bi ưu não ở trong lòng, nóng nảy khổ sở, và đến nỗi phải thọ mạng diệt. Vị Tỳ Khưu **Ng** này liền đi tái sinh ngay tức khắc ở trong Cõi Địa Ngục.

Sự việc này là cũng do Bất Thiện sinh khởi trong Thời Cận Tử đã giúp đỡ ủng hộ đối với Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực của vị Tỳ Khưu **Ng** đã từng có tạo tác trong các kiếp sống này cho có được cơ hội để trổ sinh quả báo.

5. Thiện thường luôn sinh khởi trong Thời Bình Nhật ngay trong kiếp sống hiện tại giúp đỡ ủng hộ đối với **Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực** trong kiếp sống quá khứ, khi vẫn chưa có được cơ hội để trổ sinh quả báo thì cho có được cơ hội trổ sinh quả báo, chẳng hạn như là:

Nam nhân **C** là một người Tà Kiến, bất tín Tội - Phúc, có sự nhìn thấy rằng việc sát tử loài Hữu Tình là không có tội nên người sẽ làm điều xấu ác; và việc bỏ bát cúng dường cho vị Tỳ Khưu, tụng đọc kinh, v.v. với những thể loại này thì không có phước báu, và sự hiện hữu của tất cả loài Hữu Tình ở trong thế gian này, chí đến cả Đức Phật là bậc kiến tạo lên hết tất cả, cũng không có phước báu chi cả. Tiếp đến, nam nhân **C** đã đi làm thành kẻ nô dịch ở trong nhà của người có tấm lòng phúc hậu, đã thường luôn tạo tác ra Phước Báu trong việc Xả Thí cho ra, chẳng hạn như thường luôn mỗi ngày có việc bỏ bát cúng dường, và đi Thính Pháp nghe thuyết giảng trong những ngày Bố Tát Trai Giới, v.v. Và rồi nam nhân **C** sẽ phải có bổn phận trong việc nấu cơm, sắp bày các lễ vật cho việc bỏ bát cúng dường của vị gia chủ làm thành mỗi ngày luôn đến cả ngày Bố Tát Trai Giới, vả lại phải thường luôn tháp tùng đi theo vị gia chủ của mình đến Tự Viện. Việc thực hiện như vậy đã làm cho tâm thức của nam nhân **C** từ bỏ được việc nhìn thấy sai lầm tà kiến ấy, và đã khởi sinh lên sự sùng tín ở trong Phật Giáo. Đến khi nam nhân **C** thọ bệnh dẫn đến việc cận tử lâm chung, tâm thức của nam nhân **C** này không có sự sầu bi ưu não ở trong bất luận một trường hợp nào cả, là vì nam nhân **C** chỉ có mỗi một thân một mình, không có tài sản của cải chi cả. Vì thế mới không có cái chi để sẽ phải bị bồn chồn lo lắng. Với tác nhân này, chủng loại thô thiển Tham, Sân, Si có năng lực dũng mãnh cũng không có thể khởi sinh đến với nam nhân **C** được. Khi nam nhân **C** thọ mạng diệt đã được đi tái sinh làm thành Nhân Loại hoặc là Chư Thiên ở tầng bậc thượng. Tuy nhiên Thiện Sự có việc nấu cơm bỏ bát,

Thính Pháp nghe thuyết giảng, v.v. mà nam nhân **C** đã có được thường luôn thực hiện đó, cho dù sẽ không có đủ năng lực cho trổ sinh quả báo đến với nam nhân **C** để được đi tái sinh làm thành Nhân Loại hoặc là Chư Thiên ở tầng bậc thượng đi nữa, tuy nhiên cũng làm thành năng lực giúp đỡ ủng hộ đối với Thiện Hậu Báo Nghiệp Lực mà nam nhân **C** đã từng có tạo tác để ở trong kiếp sống quá khứ cho có cơ hội trổ sinh quả báo để nam nhân **C** được đi tái sinh làm thành Nhân Loại hoặc là Chư Thiên ở tầng bậc thượng.

Sự việc này, là cũng do bởi Thiện thường luôn sinh khởi trong Thời Bình Nhật ngay trong kiếp sống hiện tại giúp đỡ ủng hộ đối với Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực trong kiếp sống quá khứ.

6. Thiện thường luôn sinh khởi trong Thời Bình Nhật ngay trong kiếp sống hiện tại giúp đỡ ủng hộ đối với **Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực** trong kiếp sống hiện tại, khi vẫn chưa có được cơ hội để trổ sinh quả báo thì cho có được cơ hội trổ sinh quả báo, chẳng hạn như là:

Nam nhân **Ch** đã từng được thọ giới xuất gia, đã từng được nghiên cứu học hỏi ở trong các câu chuyện về Phật Pháp, và đã từng được tu tập An Chỉ và Minh Sát Tuệ. Tiếp đến, nam nhân **Ch** đã hoàn tục ra đời, rồi lại phải kết hợp với việc mưu sinh, mà việc mưu sinh của nam nhân **Ch** thuộc thể loại mưu sinh có liên quan với điều bất thiện, tức là loại Ngư Nghiệp, làm nghề đánh bắt cá. Tuy nhiên nam nhân **Ch** vẫn thường luôn tạo tác ra Phước Báu qua việc bỏ bát cúng dường mỗi ngày đến vị Tỳ Khưu và thường luôn quan tâm để ý tác hành một cách không gián đoạn, còn các Thiện Sự khác thì nam nhân **Ch** lại không có cơ hội để thực hiện. Khi nam nhân **Ch** quán sát đến sự tác hành của bản thân mình, thì cũng nhận thức được rằng việc mưu sinh mà mình đang thực hiện đây, là thuộc thể loại bất thiện, sẽ không thể nào chuyển đổi việc mưu sinh mới được, là vì bản thân không có được kiến thức ở các thể loại khác được. Vì thế tự bản thân sẽ phải thiết yếu tìm kiếm Thiện Sự để làm thành chỗ nương nhờ cho chính mình. Nam nhân **Ch** khi đã nghĩ suy như vậy rồi, thì quan tâm để ý đến việc bỏ bát cúng dường mỗi ngày đến vị Tỳ Khưu mà không gián đoạn, kết hợp với cả sự hân hoan duyệt ý ở trong việc thực hiện của mình. Đến khi nam nhân **Ch** sẽ phải cận tử lâm chung thì tâm thức của nam nhân **Ch** cũng thường không có khởi sinh lên sự sầu bi ưu não ở trong bất luận một trường hợp nào cả. Và thế là khi nam nhân **Ch** thọ mạng diệt thì nam nhân **Ch** đã đi tái sinh làm thành Nhân Loại hoặc là Chư Thiên ở tầng bậc thượng, với mãnh lực từ nơi **Trì Giới Thiện Hạnh (Sīlakusala)** hoặc **Tu Tập Thiện Hạnh (Bhāvanākusala)** mà nam nhân **Ch** đã từng có kiến tạo ở ngay trong kiếp sống này.

Trì Giới Thiện Hạnh hoặc Tu Tập Thiện Hạnh của nam nhân **Ch** đây, khi truy niệm nghĩ tưởng đến việc mưu sinh đã là bất thiện, thì cũng có sự hiểu biết được rằng sẽ không có cơ hội để trổ sinh quả báo. Mà trái lại trổ sinh quả báo cho nam nhân **Ch** được đi tái sinh làm thành Nhân Loại hoặc là Chư Thiên ở tầng bậc thượng đây, đích thị chính là do bởi nương vào việc Thí Thiện mà nam nhân **Ch** đã thường luôn thực hiện mỗi ngày đến vị Tỳ

Khưu, làm thành Thiện Nghiệp Lực giúp đỡ ủng hộ cho Trì Giới Thiện Hạnh và Tu Tập Thiện Hạnh ngay trong kiếp sống hiện tại cho có được cơ hội để trổ sinh quả báo.

7. Bất Thiện thường luôn sinh khởi trong Thời Bình Nhật ngay trong kiếp sống hiện tại giúp đỡ ủng hộ đối với **Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực** trong kiếp sống quá khứ, khi vẫn chưa có được cơ hội để trổ sinh quả báo thì cho có được cơ hội trổ sinh quả báo, chẳng hạn như là:

Nam nhân **J** kể từ khi còn trẻ thơ cho đến lớn lên thành thanh niên, là người có Thiện Tâm, mỗi ngày phụ giúp Mẹ Cha bỏ bát cúng dường đến vị Tỳ Khưu, và mỗi ngày cũng cùng với Mẹ Cha đi Thính Pháp nghe thuyết giảng, vả lại thường luôn có việc phóng khí Xả Thí, với sở nguyện kỳ vọng là nếu như nam nhân **J** mệnh chung thì nhất định sẽ không phải bị đọa vào trong Cõi Địa Ngục. Tiếp đến, nam nhân **J** đã có gia đình, thế rồi việc thực hiện các Thiện Sự lại phải từ từ giảm xuống dần, không còn có cơ hội để thực hiện giống như trước kia nữa, là vì phải hành nghề để dưỡng nuôi gia đình. Tâm thức chỉ có mãi mê miệt mài ở trong việc tìm kiếm bạc vàng, vả lại cứ mãi đắm đuối mê say ở trong các lạc thú vui chơi. Chỉ toàn là bất thiện có liên quan với tất cả các điều Ác Hạnh **(Duccarita)**, nam nhân **J** này cứ mãi mê tạo tác như vậy cho đến khi nam nhân **J** mệnh chung. Và với tác nhân này, khi nam nhân **J** thọ mạng diệt, thì liền đi tái sinh ở trong Cõi Địa Ngục, là do bởi nương vào Bất Thiện Tâm đã thường luôn sinh khởi ở trong giai đoạn sau của cuộc đời này, giúp đỡ ủng hộ đối với Bất Thiện mà nam nhân **J** đã từng có tạo tác trong các kiếp sống trước đó nữa, và nay đã có được cơ hội để cho trổ sinh quả báo.

8. Bất Thiện thường luôn sinh khởi trong Thời Bình Nhật ngay trong kiếp sống hiện tại giúp đỡ ủng hộ đối với **Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực** trong kiếp sống hiện tại, khi vẫn chưa có được cơ hội để trổ sinh quả báo thì cho có được cơ hội trổ sinh quả báo, chẳng hạn như là:

Nam nhân **Jh** kể từ khi còn trẻ thơ cho đến lớn lên thành thanh niên, không từng có tạo tác Thiện Sự nào cả, và chỉ lo kết bạn mà rủ nhau rong chơi. Đôi khi rủ nhau đi uống rượu cũng có, đôi khi thì rủ nhau đi ăn trộm ăn cắp cũng có. Thực hiện như vậy mãi cho đến có đủ tuổi thọ để xuất gia, người quản lý mới cưỡng bức nam nhân **Jh** xuất gia để sẽ từ bỏ thói quen tập khí cũ bất thiện ấy đi. Nam nhân **Jh** này cũng đồng ý xuất gia, và ở trong khoảng thời gian xuất gia ấy, thì vị Tỳ Khưu **Jh** cũng chấp tác bổn phận của vị Sa Môn một cách tốt đẹp, và rồi chú tâm dồi mài kinh sử về Pháp Học không gián đoạn. Khi trải qua một thời gian dài với ước lượng tuổi đạo được ba **Hạ Lạp (Vassa)** thì niềm tịnh tín cũng đã thối giảm, việc chấp tác bổn phận của vị Sa Môn cũng giảm sút xuống dần, không còn chú tâm dồi mài kinh sử giống như thuở trước kia, ưa thích ra khỏi Tự Viện đi rong chơi, chuyện trò với người này người nọ trong các câu chuyện vô ích, ưa thích nghe máy thu thanh cũng có, đọc báo chí và sách vở theo con đường thế tục cũng có, và tìm kiếm thời gian để đi học hỏi kiến thức hiệp thế. Khi chuẩn bị hoàn tục về lại nhà thì tâm thức trạo cử phóng dật, hồi hộp không yên, không giống như thuở trước kia. Vị Tỳ Khưu **Jh** có tâm thức cứ mãi miệt mài

đi theo con đường thế tục như vậy, suốt trọn thời gian ước lượng là 2 – 3 năm, rồi đột nhiên dẫn đến việc mạng vong khi mà vẫn chưa kịp được hoàn tục. Khi vị Tỳ Khưu **Jh** đã mạng vong thì liền đi tái sinh ở trong Bàng Sinh Địa Giới, đích thị chính là với mãnh lực từ Bất Thiện đã sinh khởi trong những giai đoạn sau này, đã giúp đỡ ủng hộ đối với Bất Thiện mà vị Tỳ Khưu **Jh** đã từng có tạo tác trước thời gian xuất gia.

2b/. Bảo Hộ Nghiệp Lực giúp đỡ ủng hộ Xuất Sinh Nghiệp Lực đang có được cơ hội để trổ sinh quả báo thì cho có được năng lực mạnh mẽ trong việc trổ sinh quả báo ấy được thành tựu viên mãn ấy, thì có được mười thể loại, đó là:

1. Thiện sinh khởi trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực trong kiếp sống quá khứ đang có được cơ hội để trổ sinh quả báo.

2. Thiện sinh khởi trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực trong kiếp sống hiện tại đang có được cơ hội để trổ sinh quả báo.

3. Bất Thiện sinh khởi trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực trong kiếp sống quá khứ đang có được cơ hội để trổ sinh quả báo.

4. Bất Thiện sinh khởi trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực trong kiếp sống hiện tại đang có được cơ hội để trổ sinh quả báo.

5. Thiện sinh khởi trong Thời Chuyển Khởi giúp đỡ ủng hộ đối với Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực trong kiếp sống quá khứ đang có được cơ hội để trổ sinh quả báo.

6. Thiện sinh khởi trong Thời Chuyển Khởi giúp đỡ ủng hộ đối với Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực trong kiếp sống hiện tại đang có được cơ hội để trổ sinh quả báo.

7. Bất Thiện sinh khởi trong Thời Chuyển Khởi giúp đỡ ủng hộ đối với Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực trong kiếp sống quá khứ đang có được cơ hội để trổ sinh quả báo.

8. Bất Thiện sinh khởi trong Thời Chuyển Khởi giúp đỡ ủng hộ đối với Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực trong kiếp sống hiện tại đang có được cơ hội để trổ sinh quả báo.

9. Thiện sinh khởi trong kiếp sống quá khứ giúp đỡ ủng hộ đối với Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực trong kiếp sống hiện tại đang có được cơ hội để trổ sinh quả báo.

10. Bất Thiện sinh khởi trong kiếp sống quá khứ giúp đỡ ủng hộ đối với Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực trong kiếp sống hiện tại đang có được cơ hội để trổ sinh quả báo.

1. Thiện sinh khởi trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với **Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực** trong kiếp sống quá khứ đang có được cơ hội để trổ sinh quả báo, thì cho có được năng lực mạnh mẽ trong việc trổ sinh quả báo ấy được thành tựu viên mãn ấy, chẳng hạn như là:

Nam nhân **K** là người có tánh khí tĩnh tịnh, có tâm thức điềm tĩnh, có Tàm Quý đối với tội ác, không tạo điều Ác Hạnh, tác hành Thiện Sự chỉ là chút ít nhỏ nhoi, không thực hiện điều chi quy mô thạc đại cả, chỉ vì có trú xứ không được tốt lắm. Việc huấn tập tâm thức ở trong các câu chuyện về Phật Pháp thì cũng không có được cơ hội, là vì chỉ lo miệt mài mãi trong việc mưu sinh. Thế rồi, nam nhân **K** đã đến lúc phải cận tử lâm chung, thì

khởi sinh lên tâm thức an tịnh và phần Thiện Nghiệp lại khởi sinh. Vì thế, khi nam nhân **K** mệnh chung rồi, thì đi tái sinh làm thành Nhân Loại hoặc là Chư Thiên có trú xứ xinh đẹp.

Sự việc này là cũng do bởi Thiện sinh khởi trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực mà nam nhân **K** đã từng có tác hành tích lũy trong kiếp sống quá khứ đang có được cơ hội để trổ sinh quả báo, thì cho có được năng lực mạnh mẽ trong việc trổ sinh quả báo ấy được thành tựu viên mãn.

2. Thiện sinh khởi trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với **Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực** trong kiếp sống hiện tại đang có được cơ hội để trổ sinh quả báo thì cho có được năng lực mạnh mẽ trong việc trổ sinh quả báo được thành tựu viên mãn ấy, chẳng hạn như là:

Nam nhân **Kh** là một người có tấm lòng phúc hậu, thường luôn tác hành Thiện Sự, không có tạo tác bất luận một điều Ác Hạnh nào, là vì sợ hãi đối với Tội Ác. Đến khi nam nhân **Kh** cận tử lâm chung, thì khởi sinh lên tâm thức an tịnh và phần Thiện Nghiệp đã khởi sinh. Thế rồi, khi nam nhân **Kh** đã mệnh chung, thì đi tái sinh làm thành Nhân Loại hoặc là Chư Thiên có trú xứ cao thượng.

Sự việc này là cũng do Thiện sinh khởi trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với **Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực** mà nam nhân **Kh** đã có tác hành tích lũy trước khi mệnh chung đã có được cơ hội để trổ sinh quả báo rồi, thì cho có được năng lực mạnh mẽ trong việc trổ sinh quả báo được thành tựu viên mãn.

3. Bất Thiện sinh khởi trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với **Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực** trong kiếp sống quá khứ đang có được cơ hội để trổ sinh quả báo, thì cho có được năng lực mạnh mẽ trong việc trổ sinh quả báo được thành tựu viên mãn, chẳng hạn như là:

Nam nhân **G** có tánh khí bủn xỉn keo kiệt, không ưa thích trong các câu chuyện về Thiện Sự, chỉ lo nỗ lực tìm kiếm bạc vàng mà thôi, tuy nhiên không có tạo tác bất luận điều Ác Hạnh nào cả. Đến khi cận tử lâm chung thì tâm thức đã bất an tịnh và phần Bất Thiện Nghiệp khởi sinh. Vì thế, khi nam nhân **G** mệnh chung mới phải đi tái sinh ở trong Cõi Thống Khổ Địa Giới và thụ lãnh nhiều sự khốn khổ.

Sự việc này là cũng do bởi Bất Thiện sinh khởi trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực mà nam nhân **G** đã từng có tạo tác tích lũy trong kiếp sống quá khứ đang có cơ hội trổ sinh quả báo, cho có được năng lực mạnh mẽ trong việc trổ sinh quả báo được thành tựu viên mãn.

4. Bất Thiện sinh khởi trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với **Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực** trong kiếp sống hiện tại đang có được cơ hội để trổ sinh quả báo, thì cho có được năng lực mạnh mẽ trong việc trổ sinh quả báo được thành tựu viên mãn, chẳng hạn như là:

Nam nhân **Ng** phần nhiều là có Tâm Bất Thiện; bất tín Tội – Phúc, Công Đức – Tội Lỗi; chẳng tin rằng sau khi mạng vong sẽ còn phải đi tái sinh nữa; bất tín Địa Ngục – Thiên Đường. Với tác nhân này, nam nhân **Ng** mới tạo tác điều chi, đều tùy tiện theo sở thích của mình, và chẳng tin một ai. Đến khi cận tử lâm chung, thì đã sinh khởi lên tâm thức sầu bi ưu não. Thế là, khi nam nhân **Ng** mệnh chung rồi, mới phải đi tái sinh ở trong Cõi Giới Địa Ngục và ở tại nơi đó đã phải thụ lãnh thống khổ hết thời gian lâu dài.

Sự việc này là cũng do bởi Bất Thiện sinh khởi trong Thời Cận Tử đã giúp đỡ ủng hộ đối với Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực mà nam nhân **Ng** đã từng có tạo tác trong kiếp sống hiện tại đang có được cơ hội để trổ sinh quả báo, thì cho có được năng lực mạnh mẽ trong việc trổ sinh quả báo được thành tựu viên mãn.

5. Thiện sinh khởi trong Thời Chuyển Khởi giúp đỡ ủng hộ đối với **Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực** trong kiếp sống quá khứ đang có được cơ hội để trổ sinh quả báo, thì cho có được năng lực mạnh mẽ trong việc trổ sinh quả báo được thành tựu viên mãn, chẳng hạn như là:

D, J, C là những người con của một người có tấm lòng phúc hậu. Mẹ Cha đã thường luôn dạy bảo cho họ biết được việc bỏ bát cúng dường, tụng đọc kinh, và lễ bái Chư Tăng. Tuy nhiên **D, J, C** đây, có tuổi thọ chỉ vừa tròn đủ lên năm tuổi thì đã mạng vong, rồi đã đi tái sinh ở trong Cõi Thiên Giới.

Sự việc này là cũng do Thiện sinh khởi trong Thời Chuyển Khởi đã giúp đỡ ủng hộ đối với Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực mà những người con **D, J, C** đã từng có tạo tác trong kiếp sống quá khứ đang có được cơ hội để trổ sinh quả báo, thì cho có được năng lực mạnh mẽ trong việc trổ sinh quả báo được thành tựu viên mãn.

6. Thiện sinh khởi trong Thời Chuyển Khởi giúp đỡ ủng hộ đối với **Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực** trong kiếp sống hiện tại đang có được cơ hội để trổ sinh quả báo, thì cho có được năng lực mạnh mẽ trong việc trổ sinh quả báo được thành tựu viên mãn, chẳng hạn như là:

Nam nhân **Ch** là con trẻ của một người có tấm lòng phúc hậu. Mẹ Cha có sự hiểu biết ở trong Phật Pháp, vì thế mới dạy bảo nam nhân **Ch** cho có sự hiểu biết ở trong các câu chuyện của Phật Giáo, hiểu biết về Tội – Phúc. Nam nhân **Ch** cũng có niềm tin, và đã thực hành theo lời chỉ dạy của Mẹ Cha một cách tốt đẹp, đã thường luôn tinh tấn thực hiện việc Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập; và chỉ có chút ít Tâm Bất Thiện khởi sinh ở trong đời. Với tác nhân này, khi nam nhân **Ch** mệnh chung, thì liền đi tái sinh ở trong Cõi Thiên Giới, làm vị Thiên Tử ở tầng bậc cao.

Sự việc này, đích thị chính là do bởi Thiện mà nam nhân **Ch** đã thường luôn tạo tác, đã giúp đỡ ủng hộ đối với Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực của nam nhân **Ch** sinh khởi trong kiếp sống hiện tại, cho có được năng lực trổ sinh quả báo được thành tựu viên mãn. Đối với Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực đã có được cơ hội trổ sinh quả báo, đó là Thiện sinh trước trước cũng được, hoặc là Thiện sinh sau sau cũng được. Nếu như Thiện Nghiệp Lực sinh

trước trước có được cơ hội trổ sinh quả báo rồi thì Thiện Nghiệp Lực sinh sau sau sẽ giúp đỡ ủng hộ cho có được khởi sinh năng lực; và nếu như Thiện Nghiệp Lực sinh sau sau có được cơ hội trổ sinh quả báo rồi, thì Thiện Nghiệp Lực sinh trước trước cũng giúp đỡ ủng hộ cho có được khởi sinh năng lực.

7. Bất Thiện sinh khởi trong Thời Chuyển Khởi giúp đỡ ủng hộ đối với Bất **Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực** trong kiếp sống quá khứ đang có được cơ hội để trổ sinh quả báo, thì cho có được năng lực mạnh mẽ trong việc trổ sinh quả báo được thành tựu viên mãn, chẳng hạn như là:

Nam nhân **J** là con trẻ của một người không có được tôn kính Phật Giáo. Và kể từ khi còn trẻ thơ cho đến lớn lên thành thanh niên, cũng không từng được đón nhận việc huấn tập trong câu chuyện Tội – Phúc, không có việc tôn kính lễ phép đối với bậc cao niên trưởng thượng, và chỉ ưa thích vui chơi các lạc thú; tuy nhiên sự thực hành của nam nhân **J** này không dẫn đến Ác Hạnh. Khi nam nhân **J** đã mệnh chung rồi, thì phải đi tái sinh ở trong Cõi Địa Ngục.

Sự việc này là cũng do Bất Thiện sinh khởi trong Thời Chuyển Khởi đã giúp đỡ ủng hộ đối với Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực mà nam nhân **J** đã từng tạo tác trong kiếp sống quá khứ đang có được cơ hội để trổ sinh quả báo thì cho có được năng lực mạnh mẽ trong việc trổ sinh quả báo cho được thành tựu viên mãn.

8. Bất Thiện sinh khởi trong Thời Chuyển Khởi giúp đỡ ủng hộ đối với Bất **Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực** trong kiếp sống hiện tại mà đang có được cơ hội để cho trổ sinh quả báo, thì cho có được năng lực mạnh mẽ trong việc trổ sinh quả báo được thành tựu viên mãn, chẳng hạn như là:

Nam nhân **Jh** là một người Tà Kiến, bất tín Tội – Phúc, thấy rằng việc tạo ra Phước Báu thì chẳng có chi là hữu ích cả, có tạo ra rồi thì cũng hoàn không, cúng vái Thần Linh thì thà tốt hơn là đi ăn, thọ trì bát giới thì cũng chẳng có lợi ích chi, nhịn ăn cơm nước là việc nhịn vô ích, việc thực hành huấn tập tâm thức thì cũng chẳng hữu ích gì, mất hết thời gian vả lại khốn khổ thêm vô ích, chẳng cần phải làm chi cả cũng được thôi. Người đã chết mất rồi thì tất cũng phải tái sinh thành người khác nữa, chó đã chết mất rồi thì tất cũng tái sinh thành kiếp chó khác nữa, như vậy v.v. Thế là, nam nhân **Jh** này mới phần nhiều là chỉ tạo tác ra bao tác nghiệt. Đến khi nam nhân **Jh** đã mệnh chung rồi, thì liền đi tái sinh ở trong Cõi Địa Ngục, và phải thụ lãnh cảm thọ thống khổ cực kỳ nghiêm trọng.

Sự việc này là cũng do bởi Bất Thiện sinh khởi trong Thời Chuyển Khởi đã giúp đỡ ủng hộ đối với Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực mà nam nhân **Jh** đã thường luôn tạo tác ngay trong kiếp sống này đang có được cơ hội để cho trổ sinh quả báo, thì cho có được năng lực mạnh mẽ trong việc trổ sinh quả báo được thành tựu viên mãn.

9. Thiện sinh khởi trong kiếp sống quá khứ giúp đỡ ủng hộ đối với **Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực** trong kiếp sống hiện tại mà đang có được cơ hội để cho trổ sinh quả báo, thì

cho có được năng lực mạnh mẽ trong việc trổ sinh quả báo được thành tựu viên mãn, chẳng hạn như là:

Nam nhân **N** có lòng tin sắt đá ngán ngẫm ở trong giới người thế tục, là vì chỉ có được cơ hội kiến tạo chút ít Thiện Sự hiện hành ở trong lộ trình lại quá nhiều Bất Thiện, không có bạc tiền thì cũng khốn khổ vì chẳng có chi để mà ăn mà sống, mà đã có rồi cũng lại khốn khổ, là vì phải bận lo âu sợ hãi. Nam nhân **N** khi đã nhìn thấy điều tội lỗi khốn khổ như vậy rồi, mới xa lánh giới người thế tục và đi vào con đường xuất gia ở trong Phật Giáo. Khi đã xuất gia xong thì đã lắng lòng chú tâm trau giồi tu tập ở trong **các điều học (Ganthadhūra)**, và thọ trì Giới Luật một cách nghiêm mật. Khi đã kết thúc việc học hỏi nghiên cứu xong, thì tiếp theo là lắng lòng chú tâm chỉ dạy đến Chư Tỳ Khưu, Sa Di, Cận Sự Nam, Cận Sự Nữ. Khi đã có tuổi thọ cao niên lại trau giồi hành trì Thiền Minh Sát Tuệ **(Vipassanādhūra)** và thực hiện việc hướng dẫn giảng dạy cho tất cả cùng biết với, hành trì như vậy mãi cho đến thọ mạng diệt. Khi đã mệnh chung liền đi tái sinh ở trong Cõi Thiên Giới thành vị Thiên Tử ở tầng bậc cao thượng. Các Thiện Nghiệp Lực cũ mà nam nhân **N** đã có kiến tạo ở trong kiếp sống quá khứ làm thành Thiện Hậu Báo Nghiệp Lực cũng có được hiện hữu, tuy nhiên Thiện Nghiệp Lực mà nam nhân **N** khởi lên kiến tạo mới trong kiếp sống hiện tại này, thì lại có năng lực mãnh liệt hơn; vì thế các Thiện Nghiệp Lực cũ ấy mới không có đủ năng lực để sẽ trổ sinh quả báo tái sinh được, mới tác hành nhiệm vụ giúp đỡ ủng hộ đối với Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực ở trong kiếp sống hiện tại đang có được cơ hội để cho trổ sinh quả báo, thì cho có được năng lực mạnh mẽ trong việc trổ sinh quả báo được thành tựu viên mãn.

Tất cả các bậc Giác Hữu Tình (Bồ Tát) cũng tương tự như vậy, là khi thọ mạng diệt trong kiếp sống cũ và đi tái sinh trong kiếp sống mới, với các **Pháp Toàn Thiện (Pāramī – Ba La Mật)** mà đã có kiến tạo ở trong các kiếp sống cũ ấy, thì cũng thường giúp đỡ ủng hộ đối với Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực trong kiếp sống hiện tại đang có được cơ hội để cho trổ sinh quả báo, thì càng cho có được thêm nhiều năng lực; tức là cho được đi tái sinh ở trong dòng tộc cao quý, cho có được vị trí cao quý, tương tự như nhau.

10. Bất Thiện sinh khởi trong kiếp sống quá khứ giúp đỡ ủng hộ đối với Bất **Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực** trong kiếp sống hiện tại đang có được cơ hội để cho trổ sinh quả báo, thì cho có được năng lực mạnh mẽ trong việc trổ sinh quả báo được thành tựu viên mãn, chẳng hạn như là:

Nam nhân **Nh** là người có tâm nham hiểm độc ác một cách thô bỉ, không từng làm bất luận một việc Thiện nào cả, chỉ có làm việc Bất Thiện suốt mà thôi, tức là sát tử loài Hữu Tình cũng có, trộm cắp tài sản cũng có, gian lận lừa đảo của người cũng có, v.v. Vì thế, khi nam nhân **Nh** mệnh chung, Bất Thiện Nghiệp Lực mà mình đã có tạo tác trong kiếp sống này có được cơ hội trổ sinh quả báo, đã làm cho nam nhân **Nh** phải đi tái sinh ở trong Cõi Địa Ngục. Các Bất Thiện Nghiệp Lực cũ mà nam nhân **Nh** đã từng có tạo tác tích lũy để ở trong kiếp sống quá khứ cũng đã giúp đỡ ủng hộ cho Bất Thiện Nghiệp đang trổ sinh quả báo cho có được năng lực thành tựu viên mãn. Cũng ví như người mà đã từng có hành vi phạm pháp rất nhiều lần rồi, nhưng khi đến lần về sau thì đã bị bắt. Khi tòa án xét xử tội lỗi

của kẻ ấy thì đã kết hợp lấy hết tất cả các vụ kiện cũ đem nhập vào chung mà xét xử cùng, rồi phán quyết tội lỗi của kẻ ấy cho gia bội nặng thêm lên. Điều này trình bày cho thấy rằng việc tạo tác các tội lỗi sai lầm tích lũy để ở các thời khắc trước, cho dù quả thật là sẽ thoát khỏi việc bị bắt đi nữa, nhưng đến khi bất luận thời khắc nào mà người ấy đã bị chụp bắt rồi, thì đích thị chính là sự lỗi lầm cũ ấy cũng thường giúp đỡ ủng hộ đối với sự lỗi lầm ở thời khắc về sau, cho phải đón nhận tội lỗi gia bội nặng thêm lên, như vầy.

2c/. Bảo Hộ Nghiệp Lực giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc là Quả Dị Thục của Xuất Sinh Nghiệp Lực cho được phát triển và tồn tại lâu dài thì có được bảy thể loại, đó là:

1. Thiện đã từng tạo tác trong các kiếp sống trước, giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc sinh từ Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực.

2. Thiện đã từng tạo tác trong kiếp sống này giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc sinh từ Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực.

3. Bất Thiện đã từng tạo tác trong các kiếp sống trước, giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc sinh từ Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực.

4. Bất Thiện đã từng tạo tác trong kiếp sống này giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc sinh từ Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực.

5. Thiện đã từng tạo tác trong các kiếp sống trước, giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc sinh từ Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực.

6. Thiện đã từng tạo tác trong kiếp sống này giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc sinh từ Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực.

7. Bất Thiện đã từng tạo tác trong kiếp sống này giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc sinh từ Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực.

Kể từ điều thứ nhất cho đến điều thứ bốn trình bày theo phần Chú Giải và Căn Nguyên Phụ Chú Giải **(Mūlaṭīkā)**. Điều thứ năm cho đến điều thứ bảy trình bày theo phần Siêu Lý Giải Minh Phụ Chú Giải **(Paramatthadīpanīṭīkā)** và Ngôn Ngữ Phụ Chú Giải **(Bhāsāṭīkā)**.

1. Thiện đã từng có tạo tác trong các kiếp sống trước, giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc sinh từ **Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực** cho được phát triển và cho được tồn tại, chẳng hạn như là kim thân Đức Phật, sắc da phu sắc, âm thanh, v.v. cả nội phần ngoại phần, và việc nhìn thấy, việc được nghe v.v. của Bậc Chánh Đẳng Giác thường có sự thanh lương xinh đẹp đặc thù hơn tất cả Nhân Loại, và các loại Cảnh mà đã được tiếp thâu mà phần nhiều đều là Cảnh tịnh hảo. Sự việc này, đích thị chính là cũng do bởi các **Pháp Toàn Thiện (Pāramī – Ba La Mật)** mà Đức Phật Ngài đã từng kiến tạo trong các kiếp sống trước, đã giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc sinh từ Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực cho được tiến hóa và cho được tồn tại.

2. Thiện đã từng có tạo tác trong kiếp sống này giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc sinh từ **Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực** cho được tiến hóa và cho được tồn tại, chẳng hạn như là người có Tâm Thiện, đề cập đến người thường hay giúp đỡ đến người lâm cảnh khốn khổ, là người thường luôn giúp đỡ xây dựng các công việc ở trong Phật Giáo cho được tiến hóa

phồn thịnh lâu dài, và là người tự tuân thủ thọ trì thường luôn sống ở trong **Đức Hạnh (Sīladhamma - Giới Pháp).** Với mãnh lực từ những thể loại Thiện Sự này, đã làm cho người ấy thường luôn có được sự an lạc về thân an lạc về tâm, da dẻ phu sắc thanh tịnh, có được danh thơm tiếng tốt, và thường luôn tiếp thâu các Cảnh thiện hảo, tức là được thấy Cảnh Sắc tốt, được nghe âm thanh tốt, v.v. luôn cả xa lìa những tật bệnh điều nạn tai, có được sức lực khỏe mạnh, và tuổi thọ lâu dài. Khi khởi sinh ốm đau bệnh hoạn thì cũng thường gặp thầy lang giỏi, thường có được thuốc thang tốt chữa trị cho mau chóng khỏi, thường có người giúp đỡ chăm sóc nuôi dưỡng cho được đón nhận sự an vui lạc thiện với đủ mọi thể loại. Tất cả những sự việc này, đích thị chính là cũng do bởi Thiện Nghiệp đã có được tạo tác trong kiếp sống quá khứ, đã giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc sinh từ Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực cho được tiến hóa và cho được tồn tại lâu dài.

3. Bất Thiện đã từng có tạo tác trong các kiếp sống trước, giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc sinh từ **Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực** cho được phát triển và cho được tồn tại, chẳng hạn như sự sống của tất cả loài Hữu Tình Địa Ngục và Ngạ Quỷ quá đỗi thống khổ một cách cùng cực. Tuy nhiên những hạng Hữu Tình ấy cũng vẫn mãi tồn tại mạng sống miên trường một cách khác thường; và có một vài con chó phải chịu đói chịu khát một cách khốn khổ, khắp cả toàn thân lại bị ghẻ lở, đến gần với một ai thì bọn chúng bị đánh đập xua đuổi, và phải chịu thụ lãnh cảm thọ thống khổ vô cùng, cho dù đến đỗi như thế đi nữa, tuy nhiên bọn chó ấy cũng vẫn có khả năng để duy trì mạng sống của mình kéo dài được rất nhiều tháng, rất nhiều năm. Có một vài nhóm người cũng tương tự như vậy, có xác thân phải mang căn bệnh mãn tính, ốm đau bệnh hoạn hành hạ vô cùng khốn khổ; tuy nhiên vẫn không thể nào chết một cách dễ dàng được, phải chịu thụ lãnh sự thống khổ cùng cực rất là lâu dài. Những thể loại này cũng do bởi mãnh lực từ Bất Thiện Bảo Hộ Nghiệp Lực trong các kiếp sống trước, đã giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc sinh từ Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực cho được phát triển và cho được tồn tại lâu dài.

4. Bất Thiện đã từng có tạo tác trong kiếp sống này giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc sinh từ **Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực** cho được phát triển và cho được tồn tại, chẳng hạn như người mắc chứng bệnh ở thân mãn tính, tức là bệnh ngoài da, bệnh dây thần kinh, v.v. và có trạng thái đau nhức thường xuyên. Những thể loại bệnh này phát sinh từ ở mãnh lực của Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực, tuy nhiên người này lại không có việc chú tâm trong vấn đề chữa trị xác thân, mà cứ mãi thường xuyên uống rượu và các chất say, vì thế căn bệnh đang hiện hữu ấy mới trở nên trầm trọng hơn, đã làm cho phát sinh lên cảm thọ thống khổ về thân một cách trầm kha. Một trường hợp khác nữa, loài Hữu Tình Bàng Sinh chẳng hạn như cọp, mèo, thằn lằn, v.v. Những thể loại này thường phát sinh lên từ Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực, và những thể loại Hữu Tình này cũng có việc hành hạ sát hại các loài Hữu Tình khác, làm thành vật thực để ăn, làm cho xác thân của những loài Hữu Tình này được phát triển to lớn lên và tồn tại cho đến trọn đời.

Sự việc này, đích thị chính là cũng do bởi Bất Thiện sinh khởi trong kiếp sống này, đã giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc sinh từ Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực cho được phát triển và cho được tồn tại lâu dài.

5. Thiện đã từng có tạo tác trong các kiếp sống trước, giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc sinh từ **Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực** cho được phát triển và cho được tồn tại, chẳng hạn như có một vài con chó được chủ nhân nuôi nấng hết mực thương yêu, đã được đón nhận sự an vui ở trong chỗ ở việc ăn một cách tốt đẹp. Trong sự việc mà con chó đã được đón nhận sự an vui ở những thể loại như vậy, đích thị chính là cũng do bởi mãnh lực từ Thiện Nghiệp Lực mà con chó ấy đã từng có tạo tác trong các kiếp sống trước, đã giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Pháp, tức là xác thân của con chó ấy, và Danh Pháp, tức là **Tâm Hữu Phần (Bhavaṅgacitta)** khởi sinh lên từ Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực cho được phát triển và cho được tồn tại lâu dài.

6. Thiện đã từng có tạo tác trong kiếp sống này giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc sinh từ **Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực** cho được phát triển và cho được tồn tại, chẳng hạn như có một vài con chó có sự tinh khôn dạy bảo dễ dàng, đã biết bày tỏ việc lễ kính đối với chủ nhân và người khác, có việc ngồi xuống và đưa tay lên vái lạy, v.v. đã làm cho chủ nhân và người khác được nhìn thấy đã phát sinh lên lòng xót thương và đem lòng thương yêu, và nuôi dưỡng cho được đón nhận sự an vui thích thú, được cho ăn các loại vật thực tốt đẹp, và đã được đón nhận sự nâng niu, âu yếm một cách đặc biệt. Hoặc là chim vẹt, chim khướu đã được chủ nhân dạy cho biết nói, cho biết tụng kinh, cho biết nói lời chào hỏi vấn an, đã làm cho người được nghe phát sinh lên sự thương yêu lân ái, và đã đem vật thực đến cho được ăn no nê, cùng với việc được đón nhận sự an vui thích thú. Những thể loại này cũng do bởi mãnh lực từ Thiện Nghiệp Lực mà chó và chim ấy, đã từng có tạo tác ở trong kiếp sống này, đích thị chính là việc bày tỏ sự lễ kính, v.v., đã giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc sinh từ Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực của chó và chim ấy, cho được phát triển và cho được tồn tại lâu dài.

Tất cả các nhóm Ngạ Quỷ đã có được đón nhận phần Phước Báu từ ở thân bằng quyến thuộc, và tự ở bản thân mình cũng đã có được **Tùy Hỷ Công Đức (Anumodanā)** trong phần Thiện Công Đức ấy. Với mãnh lực ở việc Hồi Hướng Thiện Phước Báu hoặc là Hoan Hỷ Thọ Lãnh Thiện Phước Báu **(Pattānumodanā)** mà tất cả các nhóm Ngạ Quỷ đã có thực hiện theo đó, thì thường làm cho có được đón nhận sự an vui, và đã cho được thoát khỏi các sự hành hạ thống khổ. Có được như vậy, đích thị chính là cũng do bởi mãnh lực từ Thiện Nghiệp Lực mà mình đã có tạo tác ra, đã giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc sinh từ Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực của tất cả các nhóm Ngạ Quỷ ấy, cho được phát triển và cho được tồn tại lâu dài.

7. Bất Thiện đã từng tạo tác trong kiếp sống này giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc sinh từ **Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực** cho được phát triển và cho được tồn tại, chẳng hạn như người có việc mưu sinh bằng nghề đánh cá, bán buôn vũ khí, bán rượu và chất say, rồi phát sinh lên sự giàu có, có sự an vui thoải mái trong việc ăn uống, việc tiêu xài, việc dưỡng nuôi duyệt ý lạc thú, bởi do nương vào những thể loại mưu sinh này. Hoặc là đất nước có sự phát triển phồn thịnh và có quyền lực, do bởi nương vào các quân bị. Việc làm nghề đánh cá, việc bán buôn vũ khí, việc buôn bán chất say, việc tạo ra các loại vũ khí đây, tất cả đều là Bất Thiện hết cả thảy, tuy nhiên những thể loại Bất Thiện này làm thành phương dụng

giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc sinh từ Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực cho được phát triển và cho được tồn tại.

Phân loại Bảo Hộ Nghiệp Lực ở trong điều thứ bảy này, thì hiện hành không xác định, chỉ có ở trong giai đoạn của **thời kỳ biến động bất thường (Kālavipatti)**, và không có ở trong **thời kỳ thành tựu an lạc (Kālasampatti)** được.

3. **Chướng Ngại Nghiệp Lực (Upapīḷakakamma)**: Nghiệp Lực thường xâm nhiễu, và cản trở bức hại các Nghiệp Lực khác. Có câu Chú Giải trình bày nói rằng: **Kamman taraṃ vā kammanibbatta khandhasantānaṃ vā upapīḷetīti = Upapīḷakaṃ** - Bất luận Nghiệp nào thường bức hại các Nghiệp Lực khác, và việc nối tiếp sinh khởi của Ngũ Uẩn từ nơi các Nghiệp Lực khác, như thế Nghiệp Lực ấy gọi là Chướng Ngại Nghiệp Lực.

Tức là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực, 8 Đại Thiện Nghiệp Lực. Có ý nghĩa là Chướng Ngại Nghiệp Lực này, là loại Nghiệp Lực bức hại các Xuất Sinh Nghiệp Lực khác, kết hợp lại thì có hai thể loại, đó là:

(1) có thực tính đối nghịch lại với mình **(Kammantara upapīḷaka)**,

(2) bức hại Danh Sắc mà sinh từ các Xuất Sinh Nghiệp Lực ấy **(Kammanibbattakhandhasantāna upapīḷaka)**.

(Chú thích: Upapīḷakakamma – Chướng Ngại Nghiệp Lực còn được gọi **Ngăn Trở Nghiệp Lực, Nghịch Chiều Nghiệp Lực.** Thường được gọi **Bổ Đồng Nghiệp Lực,** có chiều hướng làm giảm suy năng lực, ngăn chận, và làm chậm trễ cho việc trổ sinh quả báo của Xuất Sinh Nghiệp Lực. Ví dụ như một người đã được sinh ra với Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực, nhưng lại ốm đau bệnh hoạn, v.v. không thể nào trọn hưởng những quả báo an lạc của việc tác hành Thiện Nghiệp trong kiếp sống quá khứ. Trái lại, trường hợp một loài Hữu Tình Bàng Sinh đã được sinh ra với Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực, nhưng lại có thể thụ hưởng một kiếp sống an lạc thoải mái, tiện nghi như được chủ nhân tâng tiu, thương yêu, cho các vật thực ngon tốt thích hợp, v.v. là cũng do bởi hệ quả của Thiện Chướng Ngại Nghiệp Lực đã cản ngăn, và không để cho Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực trổ sinh quả báo.)

Chướng Ngại Nghiệp Lực bức hại các Xuất Sinh Nghiệp Lực khác, và có thực tính đối nghịch lại với mình, thì có hai thể loại đường hướng bức hại, đó là:

1. Bức hại cho có được cơ hội để trổ sinh quả báo,

2. Bức hại Xuất Sinh Nghiệp Lực đã có được cơ hội để trổ sinh quả báo xong rồi, thì cho có năng lực làm suy giảm xuống, không cho quả trổ sinh đạt mức tối đa.

Vì thế, việc bức hại của Chướng Ngại Nghiệp Lực này có ba thể loại, đó là:

(1) Chướng Ngại Nghiệp Lực bức hại các Xuất Sinh Nghiệp Lực khác không cho có được cơ hội để trổ sinh quả báo,

(2) Chướng Ngại Nghiệp Lực bức hại các Xuất Sinh Nghiệp Lực khác mà đã có được cơ hội để trổ sinh quả báo thì cho có năng lực làm suy giảm xuống,

(3) Chướng Ngại Nghiệp Lực bức hại Danh Sắc sinh từ các Xuất Sinh Nghiệp Lực.

(1) Chướng Ngại Nghiệp Lực bức hại các Xuất Sinh Nghiệp Lực khác không cho có được cơ hội để trổ sinh quả báo, thì có được hai phân loại, đó là:

a/. Thiện tạo tác trong kiếp sống này, đã bức hại Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực không có được cơ hội để trổ sinh quả báo,

b/. Bất Thiện tạo tác trong kiếp sống này, đã bức hại Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực không cho có được cơ hội để trổ sinh quả báo.

Chướng Ngại Nghiệp Lực này, đích thị chính là Bảo Hộ Nghiệp Lực đó vậy, tức là trong sát na đang tác hành nhiệm vụ giúp đỡ ủng hộ các Nghiệp Lực khác, và trong cùng một thời điểm với lúc ấy thì cũng đã tác hành nhiệm vụ bức hại luôn cùng. Vì thế, việc nêu lên thí dụ dẫn chứng của Thiện Chướng Ngại Nghiệp Lực trong điều thứ nhất rằng "Thiện tạo tác trong kiếp sống này, đã bức hại Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực không cho có được cơ hội để trổ sinh quả báo" đó, thì cũng được hiện hành trong cùng một phương thức với việc nêu lên thí dụ dẫn chứng của Thiện Bảo Hộ Nghiệp Lực ở trong điều thứ nhất rằng "Thiện sinh khởi trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực trong kiếp sống quá khứ mà vẫn chưa có được cơ hội để cho trổ sinh quả báo thì cho có được cơ hội trổ sinh quả báo" đó vậy.

Trong điều thứ hai nói rằng "Bất Thiện tạo tác trong kiếp sống này, đã bức hại Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực không cho có được cơ hội để trổ sinh quả báo" đó thì đã có được nêu lên thí dụ dẫn chứng cũng hiện hành trong cùng một phương thức với Bất Thiện Bảo Hộ Nghiệp Lực ở trong điều thứ ba rằng "Bất Thiện sinh khởi trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực trong kiếp sống quá khứ mà vẫn chưa có được cơ hội để cho trổ sinh quả báo thì cho có được cơ hội trổ sinh quả báo".

(2) Chướng Ngại Nghiệp Lực bức hại các Xuất Sinh Nghiệp Lực khác mà đã có được cơ hội để cho trổ sinh quả báo thì cho có năng lực làm suy giảm xuống, thì có được hai phân loại, đó là:

a/. Thiện tạo tác trong kiếp sống này, đã bức hại Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực mà đã có được cơ hội để trổ sinh quả báo thì cho có năng lực làm suy giảm xuống.

b/. Bất Thiện tạo tác trong kiếp sống này, đã bức hại Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực mà đã có được cơ hội để trổ sinh quả báo thì cho có năng lực làm suy giảm xuống.

+ Nêu lên thí dụ dẫn chứng với điều thứ nhất, chẳng hạn như Đức Vua **Ajātasattu** là người đã tạo tác ra **Vô Gián Nghiệp Lực** (**Anantarikakamma**) tức là **Nghiệp Lực Sát Tử Phụ Thân** (**Pitughātakamma**) một cách nghiêm trọng. Với Nghiệp Lực này sẽ phải thụ lãnh quả báo đọa vào Vô Gián Đại Địa Ngục (**Avīcimahānaraka**). Tuy nhiên Đức Vua **Ajātasattu** đã có kiến tạo rất nhiều Thiện Nghiệp Lực, là người đã bảo trợ hộ trì Phật Giáo, chẳng hạn như trong việc trùng thuyết Tam Tạng kinh điển (**Saṅgāyanāya**), thì Đức Vua **Ajātasattu** là một vị bảo trợ tích cực; và trong tất cả các hạng Phàm Phu, thì Đức Vua **Ajātasattu** là người sùng tín tôn kính cùng tột đến với Đức Chánh Đẳng Giác. Bởi do thế, chính do mãnh lực của các Thiện Nghiệp Lực mới giúp đỡ cho Đức Vua **Ajātasattu** không phải bị đọa vào trong Vô Gián Đại Địa Ngục, đó là một hầm Địa Ngục to lớn, mà chỉ phải

bị đọa vào trong **Hỏa Khanh Du Tăng Địa Ngục (Lohakumbhī Ussadanaraka)**, đó là một hầm Địa Ngục nhỏ, thuộc thành phần phụ gia của Vô Gián Đại Địa Ngục.

+ Nêu lên thí dụ dẫn chứng với điều thứ hai, chẳng hạn như việc tạo tác Thiện Nghiệp Lực mà xen kẽ với Bất Thiện Nghiệp Lực, tức là trong sát na đang có sự hân hoan phấn khởi vui mừng và nhìn thấy sự hữu ích ở trong việc tạo tác Thiện Nghiệp Lực, tuy nhiên khi đã tạo xong rồi thì khởi sinh lên Bất Thiện có liên quan với sự bất toại nguyện cũng có, hối tiếc tiền bạc cũng có. Những thể loại này đã làm cho quả báo của Thiện Nghiệp Lực ấy có năng lực bị suy giảm xuống. Chính vì thế, một khi người này mệnh chung đi, thì thay vì sẽ được đi tục sinh làm thành Người Tam Nhân **(Tihetukapuggala)**, trái lại chỉ thành Người Nhị Nhân **(Dvihetukapuggala)**. Sự việc này đích thị cũng do bởi mãnh lực từ Bất Thiện Nghiệp Lực sinh khởi đã xâm nhiễu và bức hại Thiện Nghiệp Lực làm cho có năng lực bị suy giảm xuống. Lại nữa, có một vài hạng người khi đã sinh thành Nhân Loại, tuy nhiên đến khi được ra khỏi từ ở bụng người Mẹ thì lại hiện bày là người mù mắt, tai điếc, mũi hổng, v.v. Tuy nhiên sự ra đời của những hạng người này cũng do bởi Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực mà đã làm cho người ấy đã được sinh làm thành Nhân Loại, lại bị Bất Thiện Chướng Ngại Nghiệp Lực bức hại đã làm cho có năng lực bị suy giảm xuống. Chính vì thế, gặp đến thời lúc thích hợp thì mắt, tai, mũi v.v. đáng lý sẽ được hiện bày thì trái lại không thể hiện bày lên được, lại trở thành người mù mắt, tai điếc, v.v. ngay khi vừa mới ra đời.

(3) Chướng Ngại Nghiệp Lực bức hại Danh Sắc sinh từ các Xuất Sinh Nghiệp Lực thì có được hai phân loại, đó là:

a/. Bất Thiện Chướng Ngại Nghiệp Lực bức hại Danh Sắc sinh từ Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực.

b/. Thiện Chướng Ngại Nghiệp Lực bức hại Danh Sắc sinh từ Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực.

+ Nêu lên thí dụ dẫn chứng với điều thứ nhất, chẳng hạn như người được sinh ra có một cơ thể khỏe mạnh, thành người rắn chắc mạnh mẽ, không có ốm đau bệnh tật. Tuy nhiên khi trở về sau thì phát sinh thành ốm đau bệnh tật, chẳng hạn như bệnh ngoài da, bệnh bại liệt, làm cho việc đi lại không được; hoặc tâm trí rối loạn bất an, tính khí thất thường, trở thành người có tâm thần bất định; hoặc nếu như không có ốm đau bệnh tật đến bức hại thì cũng phát sinh lên sự diễn tiến ở trong vấn đề tài sản của cải, danh vị, người ăn kẻ ở tùy tùng, phải bị đón nhận các sự mất mát tổn hại. Việc mưu sinh cũng không được phát triển, chỉ có lỗ vốn khánh tận, làm cho phát sinh sự khó khăn khổ sở, tâm trí toàn là Quả Dị Thục Bất Thiện hết cả thảy. Những thể loại này cũng do mãnh lực từ Bất Thiện Chướng Ngại Nghiệp Lực mà mình đã từng có tạo tác trong các kiếp sống trước đó, hoặc kiếp sống này xâm nhiễu bức hại Danh Sắc sinh từ Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực.

+ Nêu lên thí dụ dẫn chứng với điều thứ hai, chẳng hạn như người sinh ra thành người nghèo khổ, hoặc người ốm đau bệnh hoạn, có sự khổ sở vất vả, đã là thành quả trổ sinh từ Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực. Tuy nhiên người ấy lại thường luôn nỗ lực tinh cần tác hành Thiện Sự, thọ trì Giới Luật, vừa theo thích hợp đối với khả năng của mình. Tiếp đến

về sau các sự khổ sở vất vả, với những thể loại như thế cũng tan biến đi, việc tìm kiếm miếng ăn nước uống cũng khởi sinh lên dễ dàng. Việc ốm đau bệnh hoạn đã từng có thì cũng gặp được thuốc tốt để chữa trị, và đã dẫn đến sự an vui thoải mái. Sự việc này cũng do bởi mãnh lực từ Thiện Chướng Ngại Nghiệp Lực mà đã từng có được kiến tạo khởi sinh lên, xâm nhiễu bức hại Danh Sắc sinh từ Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực, đề cập đến sự vất vả về Thân, vất vả về Tâm cho được diệt mất đi.

4. Đoạn Diệt Nghiệp Lực (Upaghātakakamma): Nghiệp Lực thường thâm nhập vào tuyệt giao các Nghiệp Lực khác, hoặc cắt đứt Quả báo **(Phala)** của các Nghiệp Lực khác. Có câu Chú Giải trình bày nói rằng: **Kammantaraṃ vā kamma nibbattakhandha santānaṃ vā upaghātetīti = Upaghātakaṃ** - Bất luận Nghiệp Lực nào thường thâm nhập vào tuyệt giao các Nghiệp Lực khác, và việc nối tiếp sinh khởi của Ngũ Uẩn từ các Nghiệp Lực khác, như thế Nghiệp Lực ấy gọi là Đoạn Diệt Nghiệp Lực.

Tức là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực, 21 Thiện Nghiệp Lực. Có ý nghĩa Đoạn Diệt Nghiệp Lực này là loại Nghiệp Lực cắt đứt, tuyệt giao các Nghiệp Lực khác, và tiêu diệt một cách tuyệt đối Quả Dị Thục của các Nghiệp Lực ấy. Và có thực tính khác biệt với Chướng Ngại Nghiệp Lực, tức là Chướng Ngại Nghiệp Lực ấy, là loại Nghiệp Lực chỉ có bức hại các Nghiệp Lực khác, và Quả Dị Thục mà bao gồm các bộ phận cơ thể (**Vatthu** - Thần Kinh) làm cho không được sinh khởi, hoặc là không cho phát triển lên, và chẳng phải là Nghiệp Chủng mà làm cho sát tiệt, hoặc tiêu diệt. Còn Đoạn Diệt Nghiệp Lực này là Nghiệp Chủng tiêu diệt một cách tuyệt đối, tức là nếu như tuyệt giao với Nghiệp Lực ấy rồi thì Nghiệp Lực ấy hoàn toàn không có khả năng để làm cho trổ sinh quả báo lên được. Nếu như cắt đứt Quả Dị Thục của Nghiệp Lực ấy rồi thì có nghĩa là cơ thể hoặc bất luận một bộ phận nào của người ấy thường phải bị hư hoại cho đến suốt cả cuộc đời, hoặc không là như thế thì Nghiệp Lực ấy cũng phải hủy diệt lấy mạng sống của người ấy đi.

(Chú thích: Upaghātakakamma - Tiêu Diệt Nghiệp Lực hoặc **Nghịch Duyên Nghiệp Lực.** Theo định luật Nghiệp Báo thì tiềm năng của Xuất Sinh Nghiệp Lực có thể bị tiêu diệt do bởi một năng lực nghịch chiều dũng mãnh hơn, đã được tạo tác ở trong các kiếp sống quá khứ, tìm lấy cơ hội để phát sinh lên và có thể bộc phát một cách bất ngờ. Có thể ví Nghiệp Lực này như một năng lực đối nghịch cản ngăn một mũi tên đang bay, đã làm cho mũi tên ấy phải bị dừng lại và phải bị rơi xuống đất. Nghiệp Lực này được gọi là Đoạn Diệt Nghiệp Lực, hoặc là Tiêu Diệt Nghiệp Lực, có hiệu lực dũng mãnh hơn loại Nghiệp Lực trước, Chướng Ngại Nghiệp Lực, vì không những cản trở, bức hại mà còn tiêu diệt toàn thể năng lực của Xuất Sinh Nghiệp Lực.

Nghiệp Lực này cũng không có tánh cách Thiện hay là Bất Thiện.

Trường hợp của Tỳ Khưu **Devadatta** là người âm mưu sát hại Đức Phật và chia rẽ Hội Chúng Tăng Đoàn, là một ví dụ dẫn chứng bao gồm cả bốn thể loại Nghiệp Lực kể trên. **Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực** trong các kiếp sống quá khứ của Tỳ Khưu **Devadatta** đã đưa ông ta được tái sinh vào dòng Hoàng Tộc. **Bảo Hộ Nghiệp Lực** đã giúp đỡ ủng hộ cho ông ta được tiếp tục sống cuộc đời Vương giả trong đền đài cung điện. **Chướng Ngại Nghiệp**

Lực đã trổ sinh quả báo khi ông ta phải chịu nhục nhã vì đã bị trục xuất ra khỏi Giáo Hội Tăng Đoàn. Và cuối cùng là **Đoạn Diệt Nghiệp Lực** đã chấm dứt kiếp sống của vị Tỳ Khưu **Devadatta** một cách vô cùng bi đát thảm hại.)

Việc tiêu diệt của Đoạn Diệt Nghiệp Lực có hai thể loại, đó là:

1. Tiêu diệt các Xuất Sinh Nghiệp Lực khác, để hoàn toàn không cho có được cơ hội để trổ sinh quả báo **(Kammantara upaghātaka)**.

2. Tiêu diệt Danh Sắc mà sinh từ các Xuất Sinh Nghiệp Lực khác để cho hoại diệt đi **(Kammanibbattakhandhasantāna upaghātaka)**.

1. Đoạn Diệt Nghiệp Lực tiêu diệt các Xuất Sinh Nghiệp Lực khác, để hoàn toàn không cho có được cơ hội để trổ sinh quả báo, thì có được ba phân loại, đó là:

a/. Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực tiêu diệt **Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực.**

b/. Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực tiêu diệt **Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực.**

c/. Bất Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực tiêu diệt **Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực.**

a/. Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực tiêu diệt Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực để hoàn toàn không cho có được cơ hội để trổ sinh quả báo đó, chẳng hạn như Ngài Trưởng Lão **Aṅgulimāla**, trước khi Ngài chứng đắc Quả vị Vô Sinh Alahán ấy, đã từng là kẻ cướp sát nhân và đã sát hại biết bao nhiêu người. Việc tạo tác của Ngài Trưởng Lão **Aṅgulimāla** nhất định hẳng là phải bị thụ lãnh quả báo đọa vào Cõi Giới Địa Ngục, tuy nhiên tiếp đến Ngài Trưởng Lão **Aṅgulimāla** đã được diện kiến với Đức Chánh Đẳng Giác, đã bị Đức Chánh Đẳng Giác thi dĩ khốc hình cho đến nỗi đã được nhận thức và đã tự mình thay đổi chính kiến, và đã xuất gia thành vị Tỳ Khưu ở trong Phật Giáo, đã được tiến hóa **Minh Sát Tuệ Nghiệp Xứ (Vipassanākammaṭṭhāna)** và đã chứng đắc Quả vị Vô Sinh. Đích thị cũng do mãnh lực từ Thiện Đạo Thất Lai mà Ngài Trưởng Lão **Aṅgulimāla** đã có được ở trong giai đoạn đầu, làm thành Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực để cắt đứt được mối quan hệ Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực của Ngài Trưởng Lão **Aṅgulimāla** đã có tạo tác ở trong kiếp sống này, luôn cả đã từng có tạo tác để ở trong các kiếp sống trước, để hoàn toàn không cho có được cơ hội để trổ sinh quả báo.

b/. Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực tiêu diệt Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực để hoàn toàn không cho có được cơ hội để trổ sinh quả báo đó, chẳng hạn như người đã từng có được kiến tạo **Thiện Dục Giới (Kāmāvacarakusala)** và **Thiện Đáo Đại (Mahaggatakusala)** xong rồi, tiếp đến đã được tiến hóa Thiền Minh Sát Tuệ cho đến được chứng đắc Quả vị Vô Sinh. Như thế, Thiện Dục Giới đã không có khả năng để trổ sinh quả báo đến người ấy để cho đi tái sinh làm thành Nhân Loại, hoặc Chư Thiên được. Thiện Đáo Đại cũng không khả năng để trổ sinh quả báo đến người ấy để cho đi tái sinh làm thành Phạm Thiên được. Tất cả sự việc này đích thị cũng do mãnh lực từ Đạo Vô Sinh làm thành Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực đã tiêu diệt các Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực khác, để hoàn toàn không cho có được cơ hội để trổ sinh quả báo.

Hoặc người đã tu tập Thiền Định và đã đạt đến tầng Ngũ Thiền Hữu Sắc Giới. Khi người ấy đã mệnh chung thì đã được đi tái sinh làm thành vị Phạm Thiên ở tầng Trời Tứ Thiền Sắc Giới. Đối với Thiện Sơ Thiền thì không có khả năng cho trổ sinh quả báo để cho đi tái sinh làm thành vị Phạm Thiên ở tầng Trời Sơ Thiền Hữu Sắc Giới được. Thiện Nhị Thiền và Thiện Tam Thiền cũng không có khả năng cho trổ sinh quả báo để cho đi tái sinh làm thành vị Phạm Thiên ở tầng Trời Nhị Thiền Hữu Sắc Giới được. Thiện Tứ Thiền cũng không có khả năng cho trổ sinh quả báo để cho đi tái sinh làm thành vị Phạm Thiên ở tầng Trời Tam Thiền Hữu Sắc Giới được. Tất cả sự việc này đích thị cũng do mãnh lực từ Thiện Ngũ Thiền, làm thành Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực đã tiêu diệt Đáo Đại Thiện Nghiệp Lực ở các tầng bậc thấp hơn, không cho có được cơ hội để trổ sinh quả báo.

Hoặc là người nào đã tiến tu **An Chỉ Tu Tập (Samathabhāvanā)** và đã đạt đến tầng Thiền Vô Sắc Giới. Khi đã mệnh chung thì đã được đi tái sinh làm thành vị Phạm Thiên Vô Sắc Giới. Đối với tất cả Thiện Hữu Sắc Giới không có khả năng cho trổ sinh quả báo để cho đi tái sinh làm thành vị Phạm Thiên Hữu Sắc Giới được. Tất cả sự việc này cũng do từ Thiện Vô Sắc Giới làm thành Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực đã tiêu diệt Hữu Sắc Giới Nghiệp Lực không cho có cơ hội để trổ sinh quả báo. Cũng tương tự như vậy, ở trong các tầng Thiền Vô Sắc Giới với nhau cũng tuần tự đi theo thứ tự, tức là Thiền Vô Sắc Giới ở tầng cao hơn thường là tiêu diệt Thiền Vô Sắc Giới ở tầng thấp hơn, chẳng hạn như Thiền Thức Vô Biên Xứ thường tiêu diệt Thiền Không Vô Biên Xứ không cho có được cơ hội để trổ sinh quả báo, v.v. Ở trong điều này, lập ý lấy người mà đã đạt ở tầng Thiền bậc cao ấy, khi đến sát na cận tử thì đã không còn **Tham Ái (Nikkanti Taṇhā)** đối với tầng Thiền ở bậc thấp hơn hoặc Cõi Địa Giới ở bậc thấp hơn, vì lẽ thường ở người khi đến sát na cận tử ấy, cho dù đã chứng đạt được Thiền Định ở tầng bậc cao đi nữa, tuy nhiên nếu như vẫn còn **Tham Ái (Nikkanti Taṇhā)** tức là có sự duyệt ý ở trong Cõi Địa Giới hoặc ở tầng Thiền bậc thấp hơn như vầy thì tầng Thiền Định ở bậc cao mà mình đã có được thì thường bị hư hoại đi.

c/. Bất Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực tiêu diệt Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực để hoàn toàn không cho có được cơ hội để trổ sinh quả báo đó, chẳng hạn như bất luận một người nào đã thường luôn tiến tu **An Chỉ Nghiệp Xứ (Samathakammaṭṭhāna)** mãi cho đến chứng đắc được Thiền Định. Tiếp đến, người ấy đã tạo tác Bất Thiện Nghiệp Lực ở phần Ngũ Nghịch Vô Gián Nghiệp Lực **(Pañcānantariyakamma)** và Bất Thiện Ngũ Nghịch Vô Gián Nghiệp Lực này thường làm thành Bất Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực tiêu diệt Đáo Đại Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực không cho có được cơ hội để trổ sinh quả báo, và để cho người ấy được đi tái sinh ở trong Cõi Trời Phạm Thiên Giới, chẳng hạn như Tỳ Khưu **Devadatta** là người đã được chứng đắc **Thắng Trí Thiền (Jhānaabhiññā)**. Tiếp đến, Tỳ Khưu **Devadatta** đã tạo **Chích Huyết Thân Phật (Lohituppādaka)** và đã **Chia Rẽ Tăng Đoàn (Saṅghabhedaka)**, đó là điều đã được liệt kê vào thành Vô Gián Nghiệp Lực. Và như thế, chính Vô Gián Nghiệp Lực này mới làm thành Bất Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực đã tiêu diệt Đáo Đại Thiện Nghiệp Lực của Tỳ Khưu **Devadatta** không cho có được cơ hội để đi tái sinh ở trong Cõi Trời Phạm Thiên Giới, mà trái lại phải bị tái sinh vào trong Cõi Giới Địa Ngục.

2. Đoạn Diệt Nghiệp Lực tiêu diệt Danh Sắc sinh từ các Xuất Sinh Nghiệp Lực khác để cho hoại diệt đi, thì có được bốn phân loại, đó là:

2.1. Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực tiêu diệt Danh Sắc ở phần Quả Dị Thục Bất Thiện.

2.2. Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực tiêu diệt Danh Sắc ở phần Quả Dị Thục Thiện.

2.3. Bất Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực tiêu diệt Danh Sắc ở phần Quả Dị Thục Thiện.

2.4. Bất Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực tiêu diệt Danh Sắc ở phần Quả Dị Thục Bất Thiện.

2.1. Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực tiêu diệt Danh Sắc ở phần Quả Dị Thục Bất Thiện, chẳng hạn như người đã mệnh chung rồi phải đi tái sinh làm thành Hữu Tình Địa Ngục ở trong Cõi Địa Ngục. Xác thân và sự hiện hành như có việc nhìn thấy, việc được lắng nghe, v.v. của những loại Hữu Tình này đều toàn Quả Dị Thục Bất Thiện hết cả thảy. Tuy nhiên trong khoảng thời gian nối tiếp thì Hữu Tình Địa Ngục ấy đã có truy niệm đến Thiện Nghiệp Lực mà mình đã từng có được tạo tác do bởi việc nhìn thấy ngọn lửa rồi truy niệm được rằng: "Mình đã từng có được xuất gia Tỳ Khưu, đã từng có được cúng dường y áo đến Hội Chúng Tăng, hoặc đã từng có được bịt vàng đến tượng Đức Phật, v.v." hoặc do bởi nương vào Ngài Diêm Vương nhắc nhở trợ niệm cho, rồi khởi sinh lên việc truy niệm đến các Thiện Nghiệp Lực mà mình đã từng có được tạo tác. Trong sát na truy niệm đến các Thiện Nghiệp Lực ấy thì Tâm Đại Thiện thường sinh khởi ngay trong sát na ấy và rồi Hữu Tình Địa Ngục ấy liền mạng vong, và đã đi tái sinh làm thành Nhân Loại, hoặc thành Chư Thiên ngay tức thì. Tất cả sự việc này đích thị cũng do Tâm Thiện khởi sinh lên ngay trong sát na truy niệm đến các Thiện Nghiệp Lực cũ ấy, làm thành Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực đã tiêu diệt Danh Sắc ở thành phần Quả Dị Thục Bất Thiện.

Hoặc người đã được tái sinh làm thành Nhân Loại, nhưng lại là người nghèo khổ, thường luôn có việc ốm đau bệnh hoạn bức hại ưu não, không thể chữa trị hết được, chỉ phải đón nhận sự khổ sở về Thân luôn cả sự ưu não về Tâm, không từng được nhìn thấy, được nghe, được ngửi mùi hơi, được nếm các vị, được dùng các vật dụng và được có chỗ ở nương trú tốt đẹp, với tất cả sự việc này đều toàn Quả Dị Thục Bất Thiện hết cả thảy. Tiếp đến có được người có tấm lòng phúc hậu và có sự hiểu biết ở trong các câu chuyện của Phật Giáo, đã đi đến giúp đỡ qua việc nhắc nhở và đã cho lời khuyên bảo rằng: "Việc phải sinh làm thành người nghèo khổ, rồi không được gặp, không được thấy trong các sự vật tốt đẹp ấy, là cũng do bản thân mình đã không từng có được kiến tạo Xả Thí Thiện giữ lấy để ở trong đời trước. Và việc phải làm thành người thường luôn ốm đau bệnh hoạn ấy, là cũng do không từng có được thọ trì Giới Luật. Chính vì thế, hãy nên nỗ lực tinh cần kiến tạo Xả Thí Thiện, Trì Giới Thiện, cho có được khởi sinh lên vừa theo thích hợp mà bản thân mình sẽ thực hiện được." Khi người ấy đã được nghe những lời khuyên bảo như vậy, thế rồi cũng đã nỗ lực tinh cần kiến tạo Thiện Nghiệp Lực cho được khởi sinh lên, bằng cách đi vào nương ngụ ở trong Tự Viện, giúp đỡ thực hiện công việc ở phần **Phụng Hành Thiện Phúc Hành Tông (Veyyāvaccakusala)** đến với Chư Tỳ Khưu, Sa Di và khuôn viên trú xứ ở trong Tự Viện ấy, luôn cả việc phát nguyện thọ trì Bát Giới suốt cả cuộc đời. Kiến tạo Xả Thí Thiện cho

được khởi sinh lên qua việc châm đổ nước, đã làm thành việc Xả Thí đối với người vãng lai qua lại trên lộ đường của Tự Viện ấy, v.v. Khi đã thường xuyên kiến tạo những sự việc này một cách thường luôn, đã làm thành chỗ thương yêu lân mẫn đến với tất cả mọi người mà đã đi đến trú ngụ ở trong Tự Viện ấy. Và cũng đã được đón nhận sự giúp đỡ tương trợ từ ở những hạng người ấy với đủ mọi trường hợp, có được thực phẩm trong việc thọ thực, có được y phục trong việc vấn mặc, có được bạc tiền và thuốc chữa trị bệnh tật tốt đẹp. Sự việc đã làm cho người ấy được đón nhận sự an lạc về Thân luôn cả an vui về Tâm được hiện khởi lên, và ốm đau bệnh tật mà đang có đó cũng được dứt khỏi đi; với tất cả sự việc này đích thị là cũng do Xả Thí Thiện và Trì Giới Thiện mà người ấy đã có được tạo tác chính ngay trong kiếp sống này, làm thành Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực đã tiêu diệt Danh Sắc ở thành phần Quả Dị Thục Bất Thiện trong Cõi Thiện Thú cho được biến mất đi.

2.2. Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực tiêu diệt Danh Sắc ở phần Quả Dị Thục Thiện, chẳng hạn như người tại gia thế tục và đã được chứng đắc Quả vị Vô Sinh, nhưng vẫn chưa có được xuất gia nội ngay trong ngày hôm đó thì với mãnh lực Đạo Vô Sinh **(Arahattamagga)** sẽ thành Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực tiêu diệt Danh Sắc ở phần Quả Dị Thục Thiện, tức là làm cho người ấy phải thọ mạng diệt nội ngay trong ngày hôm ấy. Tất cả sự việc này là cũng do ân đức của Đạo Vô Sinh và Quả Vô Sinh **(Arahattaphala)** ấy là quả vị cực kỳ tinh lương, mà giới người tại gia thế tục quả thật bất khả tương xứng, khi mà chỉ có thể an trú ở trong nền tảng của Ngũ Giới mà thôi. Được sánh ví tựa như mỡ của loài Sư Tử Vương chỉ có thể chứa đựng duy nhất với bình được làm bằng vàng, thế thì sẽ có khả năng được duy trì tồn tại. Còn nếu như chứa đựng với các thể loại bình khác thì mỡ của loài Sư Tử Vương ấy sẽ phải bị khô cạn mất đi, dường như thế nào thì ân đức đặc thù của Đạo Vô Sinh và Quả Vô Sinh cũng tương tự cùng một phương thức như nhau. Người đã thành tựu viên mãn Đạo Vô Sinh và Quả Vô Sinh khi vẫn còn ở trong giới của tại gia thế tục ấy thì không có khả năng để sẽ hứng đón được Đạo Vô Sinh và Quả Vô Sinh ấy được, và sẽ phải thọ mạng diệt nội ngay ở trong ngày hôm đó. Đến khi người ấy xuất gia làm thành Sa Di hoặc Tỳ Khưu xong rồi, thì mới sẽ duy trì thọ mạng được tiếp nối lâu dài, dường như thế ấy.

2.3. Bất Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực tiêu diệt Danh Sắc ở phần Quả Dị Thục Thiện, chẳng hạn như lẽ thường các bộ phận hiện hữu ở trong cơ thể của người ấy được tính là Quả Dị Thục Thiện hết cả thảy, và theo chính tự ở các thể loại bộ phận đó vậy. Đến khi có được việc nhìn thấy, việc được nghe, việc được ngửi, việc biết các vị, việc tiếp xúc đụng chạm ở trong các vật tốt đẹp, thì cũng được tính là Quả Dị Thục Thiện tương tự như nhau. Tuy nhiên ở trong thời gian nối tiếp thì người ấy khởi sinh việc phải đón nhận tác nhân bất hạnh **(Upaddavahetu – Tác nhân bất tường)** chẳng hạn như bị đụng xe, bị phục kích, té từ ở trên cao, v.v. làm cho gẫy tay, đứt chân, mắt mù, tai điếc cho suốt cả cuộc đời. Tất cả sự việc này là cũng do Bất Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực đã tiêu diệt Danh Sắc ở phần Quả Dị Thục Thiện. Nếu như người ấy thọ mạng diệt bởi do nương vào tác nhân bất hạnh, như đã có đề cập rồi đó thì cũng được tính là Bất Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực đã tiêu diệt Danh Sắc ở phần Quả Dị Thục Thiện cũng tương tự như nhau; tức là tiêu diệt phần Sắc ấy bao

gồm cơ thể, phần Danh ấy thì bao gồm là **Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga citta)** và **Tâm Nhãn Thức (Cakkhuviññāṇa)** ở phần Quả Dị Thục Thiện, v.v.

2.4. Bất Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực tiêu diệt Danh Sắc ở phần Quả Dị Thục Bất Thiện, chẳng hạn như lẽ thường loài Hữu Tình Bàng Sinh có loài chó v.v. với xác thân và đời sống sự hiện hành của loài chó v.v. này được sắp là Quả Dị Thục Bất Thiện, chỉ trừ ra sự xinh đẹp của thân thể, và Tâm Nhãn Thức Quả Dị Thục Thiện v.v. mà sinh khởi ở trong sát na được nhìn thấy, được nghe, được ngửi, được nếm, được tiếp xúc đụng chạm ở trong các vật tốt đẹp. Tiếp đến, con chó này khởi sinh việc phải đón nhận tác nhân bất hạnh như bị xe đụng chết, hoặc bị giết chết, bị rớt xuống nước chết, v.v. Việc chết của con chó như vậy là cũng do mãnh lực Bất Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực đã từng khởi sinh ở trong kiếp sống trước, hoặc trong kiếp sống này làm thành người tiêu diệt sự sống và xác thân ở phần Quả Dị Thục Bất Thiện. Lại nữa, Đoạn Diệt Nghiệp Lực tiêu diệt Danh Sắc ở phần Quả Dị Thục của các Nghiệp Lực khác thì có được ba thể loại, đó là:

1.Tiêu diệt Quả Dị Thục của các Nghiệp Lực khác xong rồi, tự bản thân cũng không trổ sinh quả báo và cũng không cho có được cơ hội đối với các Xuất Sinh Nghiệp Lực khác cho trổ sinh quả báo.

2. Tiêu diệt Quả Dị Thục của các Nghiệp Lực khác xong rồi, tự bản thân cho trổ sinh quả báo.

3. Tiêu diệt Quả Dị Thục của các Nghiệp Lực khác xong rồi, cho có được cơ hội đối với các Xuất Sinh Nghiệp Lực khác để cho trổ sinh quả báo.

+ Nêu lên thí dụ dẫn chứng với điều thứ nhất, chẳng hạn như Ngài Trưởng Lão **Cakkhupāla (Hộ Nhãn)**. Ở trong kiếp quá khứ, Ngài đã từng là thầy thuốc chữa mắt, và đã làm hủy hoại mắt của người đến xin được chữa trị đã phải bị mù. Chính vì thế, Bất Thiện Nghiệp Lực mà Ngài Trưởng Lão **Cakkhupāla** đã thực hiện đây, mới lần theo báo ứng và đã làm cho đôi mắt của Ngài Trưởng Lão **Cakkhupāla** phải bị hư hoại đi cho đến suốt cả cuộc đời. Sự việc này là cũng do Bất Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực đã tiêu diệt Quả Dị Thục của Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực, đích thị đã làm cho đôi mắt phải bị hư hoại đi. Tuy nhiên Bất Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực này đã không cho tiếp tục trổ sinh quả báo nữa, là cũng do Ngài Trưởng Lão **Cakkhupāla** đã thành tựu viên mãn Quả vị của Bậc Vô Sinh và đã không còn việc tiếp nối tái sinh lại nữa. Chính vì thế Bất Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực này mới tự bản thân chỉ là Quả Dị Thục của các Nghiệp Lực khác ngần ấy.

Ngài Trưởng Lão **Moggalāna** đã bị nhóm 500 kẻ cướp đánh đập cho đến viên tịch Níp Bàn, là cũng do mãnh lực Bất Thiện Nghiệp Lực đã từng đánh người Cha, đánh người Mẹ trong việc mưu hại sát thương sẽ cho mạng vong ấy cũng tương tự như nhau. Tức là Bất Thiện Nghiệp Lực này làm thành Đoạn Diệt Nghiệp Lực đã tiêu diệt duy nhất chỉ là Quả Dị Thục của các Nghiệp Lực khác, và tự bản thân thì không cho trổ sinh quả báo.

+ Nêu lên thí dụ dẫn chứng với điều thứ hai, chẳng hạn như một vị Thiên Tử Ác Ma tên gọi **Dussī**, là tùy tùng của Thiên Chủ **Yāmāra** đã cầm hòn đá đánh trên đầu của Ngài Chí Thượng Thinh Văn ở bên tay phải. Trong thời kỳ của Đức Chánh Đẳng Giác **Kassapa**, Đức Vua **Kalābu** đã thi dĩ khốc hình đến vị Đạo Sĩ Ngài là Bậc Giác Hữu Tình (Bồ Tát) tên

gọi **Khantivādī** cho đến mệnh chung. Dạ Xoa **Nanda** đã lấy thanh gỗ đánh vào đầu Ngài Trưởng Lão **Sāriputta** đang lúc Nhập Thiền Diệt (Diệt Thọ Tưởng Định). Và Tỳ Khưu **Devadatta** đã gây tổn thương đến Đức Chánh Đẳng Giác. Tất cả bốn hạng người này đã phải thụ lãnh quả báo trổ sinh cấp thời của hành động đã tạo tác ngay trong hiện tại qua việc đất rút hết cả thảy. Và khi đã mạng vong rồi phải đi tái sinh ở trong Vô Gián Đại Địa Ngục và phải bị thụ lãnh thống khổ ở nơi ấy. Sự việc này là cũng do mãnh lực từ Bất Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực tiêu diệt Quả Dị Thục của các Nghiệp Lực khác, tức là đã làm cho bị đất rút, và rồi tự bản thân trổ sinh quả báo để cho phải đi tái sinh ở trong Vô Gián Đại Địa Ngục.

+ Nêu lên thí dụ dẫn chứng với điều thứ ba, chẳng hạn như Đức Vua **Bimbisāra**. Ở trong kiếp quá khứ đã từng đi giày vào trong khu vực của bảo tháp Đức Phật, mới phải bị thụ lãnh quả báo là bị rạch lồng bàn chân cho đến mạng vong. Tuy nhiên khi đã mạng vong rồi, các Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực khác, có được cơ hội để cho trổ sinh quả báo, và đã làm cho Đức Vua **Bimbisāra** được đi tái sinh làm thành Thiên Tử ở trong tầng Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới. Sự việc này là cũng do Bất Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực tiêu diệt Quả Dị Thục của các Nghiệp Lực khác, và rồi lại cho có được cơ hội đối với các Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực khác để cho trổ sinh quả báo.

II. TUẦN TỰ KHAI QUẢ TỨ PHẦN (PĀKADĀNAPARIYĀYACATUKKA)

[**Chú thích**: Tuần Tự Khai Quả Tứ Phần **(Pākadānapariyāyacatukka)**: rằng theo tuần tự của việc trổ sinh quả báo, thì có bốn thể loại.]

1. Cực Trọng Nghiệp Lực (Garukakamma): Nghiệp Lực một cách nghiêm trọng mà các Nghiệp Lực khác không có khả năng sẽ cấm chỉ được. Có câu Chú Giải đã có trình bày nói rằng: **Garu ! Karotīti = Karukaṃ** - Nghiệp Lực nào thường trổ sinh quả báo một cách cực kỳ nghiêm trọng, chính vì thế Nghiệp Lực ấy gọi tên Cực Trọng Nghiệp Lực.

Hoặc một trường hợp khác nữa **Kammantarehi paṭibāhituṃ asakkuneyyuttā garukaṃ kammanti = Garukakammaṃ** - Nghiệp Lực cực kỳ nghiêm trọng là cũng do các Nghiệp Lực khác không có khả năng cấm chỉ việc trổ sinh quả báo, chính vì thế mới gọi tên Cực Trọng Nghiệp Lực.

Tức là bốn Tâm Tương Ưng Kiến **(Diṭṭhisampayutta)** hữu quan với Chuẩn Xác Tà Kiến Nghiệp Lực **(Niyatamicchādiṭṭhikamma)** và hai Tâm căn Sân **(Dosamūla)** hữu quan với Ngũ Nghịch Vô Gián Nghiệp Lực **(Pañcānantariyakamma)**, và 9 Tâm Đáo Đại Thiện Nghiệp Lực **(Mahaggatakusalakamma)**, kết hợp lại có 15 Tâm.

[Chú thích: Đối với Thiện Siêu Thế Nghiệp Lực **(Lokuttarakusalakamma)** thì quả thật cũng chính là Cực Trọng Nghiệp Lực, tuy nhiên tại nơi đây là chỉ muốn hướng dẫn Nghiệp Lực mà sẽ trổ sinh quả báo ở trong kiếp sống thứ hai. Còn Thiện Siêu Thế Nghiệp Lực ấy lại không có nhiệm vụ để trổ sinh quả báo, mà chỉ có nhiệm vụ duy nhất là sẽ phá hủy việc tái sinh vừa theo thích hợp tương xứng với năng lực của mình mà thôi.

Lại nữa, Cực Trọng Nghiệp Lực là loại Nghiệp Lực nặng nề, cực kỳ nghiêm trọng, và có thể là Thiện Nghiệp Lực hoặc là Bất Thiện Nghiệp Lực. Nghiệp Lực này chắc chắn trổ sinh quả báo ngay trong kiếp sống hiện tiền, hoặc ở trong kiếp sống kế liền kiếp sống hiện tại. Nếu là Thiện thì đây là loại Nghiệp Lực có tánh cách thuần túy tinh thần như trường hợp ở các tầng **Thiền Định (Jhāna),** ngoài ra là Ngữ Hành Nghiệp Lực và Thân Hành Nghiệp Lực. Theo thứ tự nặng nhẹ thì năm thể loại Cực Trọng Nghiệp Lực, đó là: (1) Chia Rẽ Tăng Đoàn, (2) Chích Huyết Thân Phật, (3) Sát Tử Bậc Vô Sinh, (4) Sát Tử Phụ Thân, (5) Sát Tử Mẫu Thân.

Nghiệp Lực cũng được gọi là Vô Gián Nghiệp Lực **(Anantarikakamma)** là cũng do bởi nhất định phải trổ sinh quả báo ở trong kiếp sống thứ hai, kế liền kiếp sống hiện tại. **Chuẩn Xác Tà Kiến (Niyatamicchādiṭṭhi)** cũng được xem là Cực Trọng Nghiệp Lực. Ví dụ như một người đã chứng đắc Thiền Định và sau đó lại phạm vào một trong các Ngũ Nghịch Trọng Tội thì Thiện Nghiệp Lực đã từng tạo tác trước đó sẽ bị Bất Thiện Cực Trọng Nghiệp Lực có năng lực mãnh liệt cấm chỉ đi. Và kiếp sống thứ hai sẽ là do bởi Bất Thiện Nghiệp Lực tạo duyên. Mặc dầu đã có được phát triển các tầng Thiền Định, Tỳ Khưu **Devadatta** phải bị hoại diệt hết cả Thắng Trí, và phải tái sinh vào Cõi Thống Khổ Địa Giới, vì lẽ đã tác hành Chích Huyết Thân Phật và Chia Rẽ Tăng Đoàn. Chí đến Đức Vua **Ajātasattu** có thể đã chứng đắc được Quả vị Thất Lai nếu như đã không phạm vào Sát Tử Phụ Thân Cực Trọng Nghiệp Lực. Trong trường hợp này, với Nghiệp Lực ác xấu, đã không để cho Đức Vua **Ajātasattu** thành tựu Đạo Quả.]

Nghiệp Lực mà gọi tên Cực Trọng Nghiệp Lực đây, lập ý đến Nghiệp Lực cực kỳ nghiêm trọng mà nhất định có khả năng để trổ sinh quả báo ngay ở trong kiếp sống thứ hai nối tiếp kế liền với nhau. Các Nghiệp Lực khác không có khả năng để mà cấm hãm được. Tuy nhiên không có lập ý nói rằng trong hết tất cả các Cực Trọng Nghiệp Lực với nhau ấy sẽ không có khả năng để cấm chỉ cho việc trổ sinh quả báo được, mà lập ý nói rằng bất luận Cực Trọng Nghiệp Lực nào có năng lực mãnh liệt hơn các Cực Trọng Nghiệp Lực khác thì chính ngay Cực Trọng Nghiệp Lực ấy sẽ là người cho trổ sinh quả báo. Còn Cực Trọng Nghiệp Lực mà có năng lực yếu kém hơn thì tự bản thân không có thể cho trổ sinh quả báo được, mà chỉ có duy nhất là giúp đỡ ủng hộ ngần ấy thôi. Tuy nhiên cho dù sẽ không có được cơ hội để cho trổ sinh quả báo một cách đặc thù đi nữa, chính tự nơi Nghiệp Lực ấy cũng vẫn được gọi tên Cực Trọng Nghiệp Lực. Là cũng do nếu như không có Cực Trọng Nghiệp Lực nào nặng nề hơn chính tự mình thì chính ngay Cực Trọng Nghiệp Lực ấy nhất định sẽ phải là người cho trổ sinh quả báo ở trong kiếp sống thứ hai. Chẳng hạn như người đã có bất luận một trong các thể loại Chuẩn Xác Tà Kiến Nghiệp Lực rồi, tiếp đến lại tạo tác thêm bất luận một trong các Ngũ Nghịch Vô Gián Nghiệp Lực nữa. Đến khi người ấy mạng vong thì đích thị chính Chuẩn Xác Tà Kiến Nghiệp Lực sẽ là người cho trổ sinh quả báo ngay tức thì để cho người ấy phải đi tái sinh vào bất luận một trong các hầm Đại Địa Ngục liên tục nối tiếp với nhau. Là cũng do Chuẩn Xác Tà Kiến Nghiệp Lực này mãnh liệt hơn cả Ngũ Nghịch Vô Gián Nghiệp Lực. Riêng đối với Ngũ Nghịch Vô Gián Nghiệp Lực ấy

thì duy nhất chỉ là giúp đỡ hỗ trợ ở trong việc tác hành để cho trổ sinh quả báo của Chuẩn Xác Tà Kiến ngần ấy thôi.

Còn như năm thể loại ở trong Ngũ Nghịch Vô Gián Nghiệp Lực ấy thì Chia Rẽ Tăng Đoàn Nghiệp Lực là nghiêm trọng cùng tột. Nếu giả thiết như người nào đã tạo tác đủ cả năm thể loại về Ngũ Nghịch Vô Gián Nghiệp Lực rồi, thì Chia Rẽ Tăng Đoàn Nghiệp Lực sẽ là người cho trổ sinh quả báo đến với người ấy. Còn các Cực Trọng Nghiệp Lực còn lại ấy, thì chỉ làm thành loại Nghiệp Lực giúp đỡ hỗ trợ ở trong việc làm cho trổ sinh quả báo của Chia Rẽ Tăng Đoàn Nghiệp Lực ngần ấy.

Nghiệp Lực nghiêm trọng tiếp sau từ Chia Rẽ Tăng Đoàn Nghiệp Lực đó chính là Chích Huyết Thân Phật Nghiệp Lực. Tiếp nối từ Chích Huyết Thân Phật thì đó là Nghiệp Lực Sát Tử Bậc Vô Sinh. Với hai Cực Trọng Nghiệp Lực này thường nghiêm trọng hơn cả các Nghiệp Lực còn lại. Còn Sát Tử Mẫu Thân Nghiệp Lực với Sát Tử Phụ Thân Nghiệp Lực, cả hai Nghiệp Lực này phải tùy hợp theo **Ân Đức Phẩm Vị (Guṇasampatti)**. Tức là, nếu như người Cha là người có đức hạnh, sống trong Giới Pháp, và người Mẹ thì không có đức hạnh, thế là Sát Tử Phụ Thân Nghiệp Lực thường nghiêm trọng hơn. Nếu như người Mẹ có đức hạnh, sống trong Giới Pháp, còn người Cha thì không có đức hạnh, thế là Sát Tử Mẫu Thân Nghiệp Lực thường nghiêm trọng hơn. Nếu như cả hai, người Mẹ và người Cha, đều có đức hạnh với nhau, hoặc cùng với nhau không có đức hạnh, thì Sát Tử Mẫu Thân Nghiệp Lực thường là nghiêm trọng hơn. Với lý do này, ở trong Bộ Chú Giải Tăng Chi Bộ Kinh mới có trình bày để rằng: **Dvīsupi sīlena vā dussīlena vā samānesu mātughātakova paṭisandhivasena vipaccati, mātā hi dukkarakāriṇī bahupakārā ca puttānanti - Dịch nghĩa rằng:** Tuy cả hai, người Mẹ và người Cha, khi có thực tính tương đồng với nhau về việc làm thành người có Giới Đức hoặc không có Giới Đức thì đích thị chính Sát Tử Mẫu Thân Nghiệp Lực thường trổ sinh quả báo Tái Sinh, vì lẽ rằng người Mẹ ấy là người đáng được đón nhận truy trọng vật qua những hành động gian khổ, và là người có rất nhiều **Ân Đức Hiệp Trợ (Upakāraguṇa)** đối với tất cả con cái.

Chín Đáo Đại Thiện Nghiệp Lực cũng tương tự giống như vậy. Người đã đạt được chín tầng Thiền Định, mà gọi là **Bát Định** hoặc **Cửu Định (Samāpatti 8 - 9)**, và trong tất cả 8 hoặc 9 thể loại Thiền Định này thì tầng Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Thiền Định nghiêm trọng hơn các tầng Thiền Định khác. Chính vì thế, người Phúc Lộc Thiền khi đã mệnh chung rồi thì đích thị chính Thiện Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ ấy là người cho trổ sinh quả báo để cho người ấy đi tái sinh ở trong tầng Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Phạm Thiên Giới. Với các Thiền Định còn lại thì trở thành **Vô Hiệu Nghiệp Lực (Ahosi kamma),** và sẽ không thể nào giúp đỡ bảo hộ ở trong việc trổ sinh quả báo của Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Thiền Định ấy được. Còn hết tất cả Ngũ Hữu Sắc Giới Thiền Định ấy thì đích thị chính Ngũ Thiền Định Hữu Sắc Giới là người cho trổ sinh quả báo, để cho đi tái sinh ở trong tầng Tứ Thiền Phạm Thiên Giới; còn các Thiền Định Hữu Sắc Giới ngoài ra đó thì cũng tương tự như vậy, trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực.

SỰ KHÁC BIỆT GIỮA VIỆC TRỔ SINH QUẢ BÁO BẤT THIỆN CỰC TRỌNG NGHIỆP LỰC VÀ THIỆN CỰC TRỌNG NGHIỆP LỰC

Bất Thiện Cực Trọng Nghiệp Lực ấy, cho dù tự bản thân không có cơ hội làm thành người cho trổ sinh quả báo, tuy nhiên cũng có khả năng làm thành Bảo Hộ Nghiệp Lực được. Còn Thiện Cực Trọng Nghiệp Lực ấy, một khi tự bản thân không có được cơ hội để cho trổ sinh quả báo thì trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực, và không có khả năng để sẽ làm thành Bảo Hộ Nghiệp Lực được. Chính với lý do như đã vừa đề cập đến tại đây, Bất Thiện Cực Trọng Nghiệp Lực mới có tên gọi một cách đặc biệt là **Ngũ Nghịch Vô Gián Nghiệp Lực (Pañcā nantariyakamma)** và **Chuẩn Xác Tà Kiến Nghiệp Lực (Niyatamicchādiṭṭhikamma).** Với Thiện Cực Trọng Nghiệp Lực thì không có tên gọi một cách đặc biệt.

Khi phân tích theo phần chiết tự của Ngũ Nghịch Vô Gián Nghiệp Lực có được như vầy: **Pañca + Anantara + Iya + Kamma** - Với **Pañca:** 5, **Anantara**: kiếp sống không có khoảng cách xen kẽ ở trong tuần tự từ Tử (Vô Gián, kế liền), **Iya**: cho trổ sinh quả báo, **Kamma:** tác hành, hành động. Khi kết hợp từ ngữ lại, thì thành Ngũ Nghịch Vô Gián Nghiệp Lực, và được dịch nghĩa là "Năm thể loại tác hành trổ sinh quả báo một cách không có khoảng cách xen kẽ trong tuần tự từ việc tử vong".

Vì thế, Ngài Phụ Chú Giải Sư đã có trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Anantara niyuttaṃ kammaṃ = Anantarariyakammaṃ** - Nghiệp Lực hữu quan đến việc cho trổ sinh quả báo trong kiếp sống mà không có khoảng cách xen kẽ ở trong tuần tự kể từ việc tử vong, gọi là Vô Gián Nghiệp Lực, Chuẩn Xác Tà Kiến Nghiệp Lực.

Khi chiết tự ra thì có được như vầy: **Niyata + Micchā + Diṭṭhi + Kamma** - Với **Niyata**: nhất định, chuẩn xác, **Micchā**: sai trật với chân lý, **Diṭṭhi**: việc nhìn thấy, **Kamma:** tác hành, hành động. Khi kết hợp từ ngữ ấy lại, thì thành Chuẩn Xác Tà Kiến Nghiệp Lực, và được dịch nghĩa là "Sự nhìn thấy sai trật với chân lý mà nhất định trổ sinh quả báo ở trong tuần tự kể từ việc tử vong". Vì thế, Ngài Phụ Chú Giải Sư đã có trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Micchā dassanaṃ = Micchādiṭṭhi** - Việc nhìn thấy sai trật với Chân Lý, gọi là Tà Kiến.

Anantara bhave vipākadānato niyatā ca te micchādiṭṭhi cāti = Niyatamicchā diṭṭhi - Pháp chủng nào nhất định trong việc làm cho trổ sinh quả báo đi theo tuần tự kể từ việc tử vong trong kiếp sống tiếp nối kế liền nhau mà không có khoảng cách xen kẽ, và có việc nhìn thấy sai trật với Chân Lý, như thế Pháp Chủng ấy gọi là Chuẩn Xác Tà Kiến.

GIẢI THÍCH ĐẶC BIỆT TRONG NGŨ VÔ GIÁN NGHIỆP LỰC

Người đã bị gọi là kẻ Sát Tử Phụ Mẫu ấy, cho dù sẽ không có được hiểu biết rằng người mà mình đã sát tử đó là Cha Mẹ, và nghĩ rằng là người khác đi nữa; nếu như việc sát tử ấy đã thành tựu xong rồi thì người đó cũng vẫn được gọi là "Thâm Nhập Sát Tử Mẫu Thân Nghiệp Lực, Sát Tử Phụ Thân Nghiệp Lực". Ở trong phần Chú Giải điều Bất Cộng Trụ thứ ba **(Tatiyapārājikaatthakathā)** đã có trình bày nói rằng: "Người nào có sự chú tâm

sẽ sát tử tha nhân, hoặc là sát tử loài Hữu Tình Bàng Sinh qua việc dùng súng hoặc là dao đi nữa; tuy nhiên ở trong việc sát tử ấy bất ngờ sơ suất lại trúng vào người Cha hoặc người Mẹ mà phải bị mạng vong, và người mà mình muốn sát tử thì lại không tử vong. Là như vậy thì cũng vẫn phải tính là người ấy đã "Thâm Nhập Sát Tử Mẫu Thân Nghiệp Lực, Sát Tử Phụ Thân Nghiệp Lực" tương tự như nhau."

Cha Mẹ là loài Hữu Tình Bàng Sinh, con trẻ là Nhân Loại; hoặc là con trẻ là loài Hữu Tình Bàng Sinh, và Cha Mẹ là Nhân Loại. Con trẻ mà sát tử Cha Mẹ ở trong hai thể loại này, cho dù sẽ không được gọi là tác hành Vô Gián Nghiệp Lực đi nữa, nhưng Nghiệp Chủng này cũng vẫn sắp thành Nghiệp Lực nghiêm trọng để cho trổ sinh quả báo mãnh liệt, cũng tương tự như nhau. Người mà đã bị gọi là kẻ Sát Tử Bậc Vô Sinh đó, cho dù là người mà bị sát tử ở ngay trong sát na đó vẫn chưa thành Bậc Vô Sinh, và cũng vẫn chưa mạng vong vào ngay lúc đó đi nữa; nhưng chính ngay ở trong thời gian ấy, người bị sát tử đã tiến hóa **Nghiệp Xứ (Kammaṭṭhāna)** và đã thành tựu viên mãn thành Bậc Vô Sinh, và rồi liền Vô Dư Y Níp Bàn do nương vào việc sát tử đó; và như vậy thì kẻ sát tử đó cũng vẫn bị gọi là "Thâm nhập Sát Tử Bậc Vô Sinh Nghiệp Lực."

Người chú tâm sẽ Sát Tử Bậc Chánh Đẳng Giác với sự nỗ lực bất luận ở thể loại nào đi nữa, tuy nhiên Bậc Chánh Đẳng Giác vẫn không có thể đi đến mạng vong, mà chỉ làm chảy máu thân của Ngài ngần ấy thôi. Tất cả sự việc này là cũng do bởi lẽ thường tất cả các Bậc Chánh Đẳng Giác ấy, sẽ không có điều nguy hại dẫn đến mạng vong do bởi nương vào việc tác hành của người khác. Tương xứng như Đức Phật Ngài lập ý khải thuyết rằng: **Buddhānaṃ jīvitassa nasakkā kenaci antarāyo kātuṃ** - Bất luận một người nào, cho dù sẽ là Nhân Loại hoặc là Chư Thiên đi nữa, sẽ tạo tác điều nguy hại đến mạng sống của tất cả các Bậc Chánh Đẳng Giác ấy, thì thường không thể nào sẽ thành tựu được, tuy nhiên ở trong sự việc ấy thì Bậc Chánh Đẳng Giác phải chịu thụ lãnh điều nguy hại ấy chỉ là việc chảy máu thân của Ngài, chẳng hạn như Tỳ Khưu **Devadatta** đã tạo tác đến Đức Phật Ngài, thì kẻ ấy cũng đã được gọi là "Thâm Nhập Chích Huyết Thân Phật". Và Chích Huyết Thân Phật Nghiệp Lực này, cho dù sẽ không có thành tựu **Lộ Trình Sát Tử Nghiệp Đạo (Pāṇātipātakammapatha)** đi nữa, tuy nhiên cũng vẫn được thành tựu ở trong điều học **Cừu Hận Nghiệp Đạo (Byāpādakammapatha)** ở phần **Ý Ác Hạnh (Manoduccari ta),** là vì người ấy có **Tư Tâm Sở (Cetanā)** chủ tâm sẽ sát tử cho phải tử vong.

Người đã bị gọi là kẻ xúi giục Tăng Đoàn cho gây chia rẽ với nhau ấy,

(1) kẻ xúi xiểm phải là Tỳ Khưu với nhau,

(2) và người bị xúi xiểm cũng phải là Tăng Đoàn Tỳ Khưu với nhau.

Tăng Đoàn Tỳ Khưu ấy phát sinh lên sự chia rẽ với nhau, có nghĩa là trong mỗi một kỳ Bố Tát Phát Lộ Trai Giới **(Uposatha)** ở trong mỗi một thời điểm với nhau, thì không có thể hội hợp lại với nhau để hành **Tăng Sự** được **(Saṅghakamma)**, đã chia rẽ với nhau thành từng nhóm. Khi đã hiện bày hệ quả như vậy rồi, vị Tỳ Khưu là kẻ xúi xiểm ở trong sát na ấy sẽ ở với nhóm nào đi nữa, hoặc sẽ không có ở trong hội chúng với nhau đi nữa, thường là như vậy vẫn bị gọi là kẻ "Thâm Nhập Chia Rẽ Tăng Đoàn Nghiệp Lực".

Điều này trình bày cho được thấy rằng Sa Di và Cư Sĩ tại gia, với cả hai hạng người này thì không có thể hành Tăng Sự được. Tuy nhiên nếu như Sa Di hoặc Cư Sĩ tại gia, bất luận là người nào mà là kẻ tác hành việc xúi xiểm cho Tăng Đoàn phải bị chia rẽ với nhau ở trong công việc mà có liên quan với việc Tăng Sự, hoặc ở trong các công việc khác nữa, và nương theo phần **Siêu Lý (Paramattha)** cho dù sẽ không thể nào gọi là Chia Rẽ Tăng Đoàn Nghiệp Lực đi nữa, quả thật là vậy, tuy nhiên cũng vẫn sắp vào loại Nghiệp Lực nghiêm trọng và trổ sinh quả báo mãnh liệt. Và nếu như theo phần **Thành Ngữ dân gian (Vohāra)** cũng vẫn được gọi là Chia Rẽ Tăng Đoàn Nghiệp Lực. Đối với Chuẩn Xác Tà Kiến Nghiệp Lực ấy thì sẽ được giải thích một cách vi tế ở trong phần có liên quan với Tà Kiến hiện hữu ở trong đoạn Bất Thiện Ý Hành Nghiệp Lực **(Akusalamanokamma)** vậy.

2. Cận Tử Nghiệp Lực (Āsannakamma): Nghiệp Lực tác hành vào lúc sẽ cận tử lâm chung. Có câu Chú Giải đã trình bày nói rằng: **Āsanne anussaritaṃ = Āsannaṃ (và) Āsanne kataṃ = Āsannaṃ** - Nghiệp Lực truy niệm đến các sự vật tốt đẹp hoặc không tốt đẹp ở trong thời cận tử lâm chung, gọi là Cận Tử Nghiệp Lực (hoặc) Việc tạo tác Thiện hoặc Bất Thiện ở trong thời cận tử lâm chung, gọi là Cận Tử Nghiệp Lực.

Tức là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực (trừ Chuẩn Xác Tà Kiến và Ngũ Nghịch Vô Gián Nghiệp Lực), 8 Đại Thiện Nghiệp Lực (đối với Đáo Đại Thiện Nghiệp Lực ấy thì không sắp vào trong chỗ này, vì lẽ chỉ ở mỗi một phía Cực Trọng Nghiệp Lực ngần ấy.)

[**Chú thích**: Nghiệp Lực mà người có được tạo tác hoặc là có được truy niệm đến các sự vật ngay trong thời cận tử lâm chung. Theo Phật Giáo, Nghiệp Lực được tác hành vào phút giây lâm chung thì được xem là cực kỳ quan trọng, vì lẽ chính Nghiệp Lực này tạo mầm duyên khởi cho sự tái sinh đang cận kề. Vì lẽ ấy, theo Phật Giáo thường là có việc nhắc nhở, trợ niệm cho người cận tử lâm chung với những hành động thiện lành mà người ấy đã từng có tạo tác trong hiện tiền, và tạo cơ hội cho người cận tử ấy tác hành Thiện Nghiệp Lực trước khi nhắm mắt lìa đời.

Đôi khi với kẻ xấu ác lại có thể mệnh chung an lành và đã được đi tái sinh một cách tốt đẹp, bởi do túc hạnh qua việc truy niệm nhớ tưởng lại; hoặc đã từng có được tạo tác, một tác hành Thiện Nghiệp Lực ngay vào phút giây lâm chung. Dẫn chứng tích truyện về một vị đao phủ thủ thỉnh thoảng có được cơ hội cúng dường bỏ bát vật thực đến Ngài Trưởng Lão **Sāriputta**. Vào phút giây cận tử, vị ấy có được túc hạnh truy niệm đến hành động Thiện Nghiệp Lực ấy, và nhờ vào đó, vị ấy túc hạnh viên mãn và đã được đi tái sinh vào Cõi Thiên Giới. Điều này không mang ý nghĩa là khi được thụ hưởng việc tái sinh tốt đẹp ấy, là vị ấy sẽ thoát khỏi những Bất Thiện Nghiệp Lực ở trong các kiếp sống quá khứ và không phải trả quả báo. Quả thật vậy, những Bất Thiện Nghiệp Lực nào đã từng có tạo tác tích lũy ở trong kiếp sống quá khứ thì sẽ phải trổ sinh quả báo một tương xứng khi đã có được cơ hội. Với người thiện lương đôi khi phải mệnh chung một cách đau khổ bất hạnh vì bất ngờ lại truy niệm đến một hành động bất thiện mà mình đã từng có tạo tác, hoặc trong một hoàn cảnh bất thuận lợi đột nhiên lại có những ý tưởng không lành chợt nẩy sinh lên. Hoàng Hậu **Mallikā** là Vương Phi của Đức Vua **Pasenadikosala** đã có một kiếp sống thiện hảo, tuy nhiên vào phút giây lâm chung, Hoàng Hậu **Mallikā** lại chợt nhớ đến một lời nói dối bông

đùa với Đức Vua, khiến tâm trí khởi sinh lên sự bứt rứt khôn nguôi mãi cho đến mạng vong. Khi đã mạng vong rồi thì bị hóa sinh ở trong Vô Gián Đại Địa Ngục **(Avīcimahānaraka)** phải bị thụ lãnh thống khổ với thời gian là bảy ngày của Nhân Loại. Đó là những trường hợp vô cùng đặc biệt và ngoại lệ.

Những biến đổi bất thường như thế ấy đã giải thích vì sao có những trẻ con hư hỏng ở trong một gia đình đạo đức, và những con trẻ hiền lành đạo đức lại ở trong một gia đình vô đạo đức, hư hỏng buông lung. Lẽ thường tiến trình tư tưởng cuối cùng được tạo mầm duyên khởi do bởi phẩm hạnh thường có của một người.]

Giải thích rằng: Có một vài thể loại Bất Thiện Nghiệp Lực hoặc Thiện Nghiệp Lực mà Ta đã từng có tạo tác thành một thời gian lâu dài và Ta đã không có quan tâm để ý để sẽ nghĩ tưởng đến, cho đến nỗi đã quên lãng cũng có; tuy nhiên khi đến thời khắc cận tử lâm chung ấy, lại đột nhiên sực nhớ lại. Nếu như đã nhớ lại câu chuyện Bất Thiện mà Ta đã từng có tạo tác, thì ngay trong thời gian ấy Tâm Bất Thiện liền sinh khởi. Chính ngay khi Tâm Bất Thiện sinh khởi bởi do nương vào việc nhớ tưởng đến câu chuyện Bất Thiện này thì gọi là Bất Thiện Cận Tử Nghiệp Lực. Nếu như nhớ tưởng đến câu chuyện Thiện mà Ta đã từng có tạo tác thì ngay trong thời gian ấy Tâm Thiện liền sinh khởi. Chính ngay khi Tâm Thiện sinh khởi bởi do nương vào việc nhớ tưởng đến câu chuyện Thiện này, thì gọi là Thiện Cận Tử Nghiệp Lực. Tại đây đã có giải thích theo câu Chú Giải nói rằng: **Āsanne anussaritaṃ = Āsannaṃ.**

Hoặc có một vài người đã không từng có tạo tác bất luận việc Phước Báu nào với tầm vóc quy mô thạc đại, chỉ có khởi sinh lòng tịnh tín muốn kiến tạo một vài thể loại Thiện Phúc cho thành nền tảng, để sẽ trở thành chỗ nương nhờ tiếp nối cho ngày vị lai. Thế rồi đã tác hành các Thiện Nghiệp Lực ấy, là có việc xuất gia Tỳ Khưu, làm lễ dâng y **Kaṭhina**, xây dựng giảng đường, kiến tạo giếng nước, xây dựng trường học, kiến tạo Phật Pháp, thọ trì Bát Quan Trai Giới **(Uposatha)**, tiến tu An Chỉ - Minh Sát Tuệ, v.v. Trong sát na vẫn đang còn tạo tác các Thiện Nghiệp Lực ấy cho được khởi sinh, thì ngay khi ấy đã làm cho người ấy phải thọ mạng diệt đi, hoặc là khi đã tạo tác bất luận một trong những thể loại Thiện Nghiệp Lực ấy đi đến thành tựu viên mãn, tiếp đến không bao lâu sau thì phải thọ mạng diệt đi. Thiện Nghiệp Chủng này đã được gọi là Thiện Cận Tử Nghiệp Lực. Hoặc một vài người khi vẫn còn khỏe mạnh thì không từng nghĩ tưởng đến sẽ kiến tạo Thiện Nghiệp Lực cho được khởi sinh lên, tiếp đến khi phát sinh lên việc ốm đau bệnh hoạn, đã làm cho cảm thấy úy cụ tử vong và đã tầm cầu chỗ nương tựa. Khi nhìn thấy rằng mình vẫn chưa có được bất luận một chỗ nương tựa nào cả, thì sợ hãi rằng khi mạng vong rồi thì sẽ phải bị đọa vào nơi thống khổ. Chính vì thế, người ấy mới tác hành những thể loại Thiện Nghiệp Lực cho khởi sinh lên, như có việc Xả Thí Thiện cũng có, đã thỉnh mời nhà sư đến và rồi thọ trì Giới Luật cùng Thính Pháp cũng có, hoặc là tiến tu An Chỉ cũng có, Minh Sát Tuệ cũng có, v.v. Trong sát na vẫn đang còn tác hành các Thiện Nghiệp Lực ấy, mà đã dẫn đến việc thọ mạng diệt hoặc là khi đã tác hành đưa đến thành tựu viên mãn rồi, tiếp đến không bao lâu sau thì phải thọ mạng diệt đi, thì Thiện Nghiệp Chủng này đã được gọi là Thiện Cận Tử Nghiệp Lực.

Còn Bất Thiện Cận Tử Nghiệp Lực ấy, chẳng hạn như người đang tranh luận kình cãi rồi phát sinh việc ẩu đả lẫn nhau, khởi sinh sát phạt lẫn nhau. Người bị đánh hoặc bị bắn, bị chém ấy, khởi sinh lên việc tử vong ngay trong sát na ấy, hoặc tiếp đến không bao lâu sau thì phải mạng vong. Hoặc người đang khi tạo tác việc nuôi mạng bất chính (**Micchājīva – Tà Mạng**) có việc sát tử Hữu Tình, trộm cắp tài sản, v.v. Trong sát na vẫn đang còn tạo tác thì đột nhiên bị bắn chết, hoặc bị tử vong bởi bất luận một nguyên nhân nào đi nữa, những thể loại Bất Thiện Nghiệp Lực này đã được gọi là Bất Thiện Cận Tử Nghiệp Lực.

Hoặc có một vài người đang khi có sự vui chơi duyệt ý qua việc uống rượu và các chất say, nô đùa trêu cợt lẫn nhau cũng có, đang khi xem phim ảnh xem kịch nói cũng có, chẳng hạn như vầy v.v. Và việc tạo tác những thể loại này thì được sắp thành Bất Thiện Nghiệp Lực hết cả thảy. Trong sát na vẫn đang còn tạo tác ấy, thì lại có **Nhân Duyên (Hetupaccaya)** khởi sinh lên, đã làm cho người ấy phải bị mạng vong đi, chẳng hạn như vậy, thì những thể loại ấy đã được gọi là Bất Thiện Cận Tử Nghiệp Lực. Hoặc có một vài nhóm Tà Kiến một khi nhận thấy rằng Ta đây sẽ phải mạng vong, và đã có thực hiện việc sát tử các loài Hữu Tình và lấy đem cúng Lễ Tế Thần Linh, để cho Ta đây khi mệnh chung rồi thì sẽ được đi đến Cõi thiên đàng. Khi đã thực hiện xong, và rồi người ấy cũng liền mạng vong đi với việc tạo tác như vậy, thì cũng đã được gọi là Bất Thiện Cận Tử Nghiệp Lực. Tại đây đã có giải thích theo câu Chú Giải nói rằng: **Āsanne kataṃ = Āsannaṃ.**

3. Tập Quán Nghiệp Lực (Āciṇṇakamma): Nghiệp Lực đã từng quen, thường luôn tác hành. Có câu Chú Giải đã trình bày nói rằng: **Ācīyati punappunaṃ karīyatīti = Ācinnaṃ** - Nghiệp Lực nào mà người cần phải tích lũy chất chứa hằng thường luôn, chính vì thế Nghiệp Lực ấy gọi là Tập Quán Nghiệp Lực.

Tức là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực, 8 Đại Thiện Nghiệp Lực.

Có ý nghĩa là người tạo tác những Ác Hạnh **(Duccarita)** hữu quan về Thân cũng có, về Ngữ cũng có, về Ý cũng có một cách hằng thường luôn; sẽ thực hiện cho việc mưu sinh đi nữa, hoặc không phải cho việc mưu sinh đi nữa. Những việc tạo tác những thể loại này, được gọi là Bất Thiện Tập Quán Nghiệp Lực. Người hằng thường luôn tác hành Phước Báu, có việc bỏ bát cúng dường hằng mỗi ngày; thường xuyên thọ trì Ngũ Giới, Bát Giới, Thập Giới, 227 Giới; có việc giảng dạy, việc nghiên cứu học hỏi hằng thường luôn ở trong **Pháp Luật (Dhamma Vinaya),** và thường xuyên tiến tu An Chỉ - Minh Sát Tuệ. Việc thực hiện những thể loại này gọi là Thiện Tập Quán Nghiệp Lực. Lại nữa, người đã tạo tác xong bất luận một thể loại Ác Hạnh nào và duy nhất chỉ có mỗi một lần một mà thôi, tuy nhiên người ấy hằng thường luôn hồi tưởng nhớ lại ở trong việc tạo tác của mình, rồi lại phát sinh sự sầu bi ưu não và **cắn rứt ăn năn (Vippatisāra),** tức là sự bất an khổ muộn và trạo hối ở trong lòng, sự ưu sầu phiền não khởi sinh lên. Hoặc khi đã nghĩ tưởng đến rồi thì hằng thường luôn làm cho phát sinh lên sự hân hoan duyệt ý ở trong việc tạo tác của mình. Sự bất an ở nơi tâm hoặc sự hân hoan duyệt ý mà hằng thường luôn khởi sinh lên bởi do nương vào việc truy niệm hồi tưởng nhớ lại về việc mình đã có tạo tác ở phần Ác Hạnh đó, thì cũng được gọi là Bất Thiện Tập Quán Nghiệp Lực, cũng tương tự như nhau.

Trong việc tác hành ở phía Thiện Nghiệp Lực cũng tương tự như nhau. Cho dù đã tác hành duy nhất chỉ có mỗi một lần một, rồi lại thường luôn hồi tưởng nhớ lại. Và khi hồi tưởng nhớ lại bất luận thời lúc nào thì cũng thường luôn làm cho phát sinh sự phỉ lạc hỷ thọ ở trong việc tác hành Phước Báu của mình. Sự phỉ lạc no nê ở trong Tâm sinh khởi lên một cách thường luôn bởi do nương vào việc truy niệm hồi tưởng nhớ lại đến Thiện Nghiệp Lực mà mình đã có tác hành, thì cũng được gọi là Thiện Tập Quán Nghiệp Lực, một cách tương tự như nhau.

[Chú thích: Tập Quán Nghiệp Lực còn được gọi là Thường Sự Nghiệp Lực, là loại Nghiệp Lực mà Ta đã từng có thường xuyên tác hành và thường luôn nghĩ tưởng đến, và những điều mà Ta đã thường luôn hân hoan duyệt ý nhiều. Những thói quen, dù tốt hoặc xấu, lâu ngày trở thành bản chất thứ hai, và có khuynh hướng tạo tác nên tâm tánh của một người. Trong những lúc nhàn rỗi thì Ta hằng thường luôn nghĩ tưởng đến những đặc điểm quen thuộc của mình. Cùng thế ấy, vào lúc cận tử lâm chung, ngoại trừ khi bị hoàn cảnh xen kẽ vào, thông thường thì Ta truy niệm hồi tưởng nhớ lại những tác hành quen thuộc mà Ta đã có từng tạo tác ở trong thời quá khứ.

Người đồ tể **Cunda** sinh sống ở một nơi cuối làng gần hương thất của Đức Phật, và trước khi lâm chung đã kêu la thảm khốc như loài thú bị giết chết vậy, là do bởi **Cunda** đã từng tạo ra tác nghiệt qua việc sát tử loài heo để mưu sinh. Đức Vua **Duṭṭhagāmani** ở Đảo Quốc **Lanka** (Tích Lan) thường hay có thói quen bỏ bát cúng dường đến Chư Tăng trước khi dùng bửa thọ thực của mình. Chính ngay Tập Quán Nghiệp Lực này đã trổ sinh quả báo ngay khi Đức Vua sắp băng hà, đã làm cho Đức Vua hân hoan duyệt ý và đã đi tái sinh vào **Đâu Suất Đà Thiên Giới (Tusitā).]**

4. Tích Lũy Nghiệp Lực (Kaṭattākamma): Nghiệp Lực tác hành tích lũy có chừng mực, vừa phải và không ngang bằng với cả ba thể loại Nghiệp Lực ấy, hoặc Nghiệp Lực đã từng tác hành và tích trữ để ở trong kiếp vị lai. Có câu Chú Giải đã trình bày nói rằng: **Kaṭattā eva kammanti = Kaṭattākammaṃ** - Việc tạo tác mà đã được gọi là Nghiệp Lực, là chỉ vì việc tác hành đã vừa chấm dứt xong, và chính vì thế mới được gọi là Tích Lũy Nghiệp Lực. Tức là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực, và 8 Đại Thiện Nghiệp Lực.

Có nghĩa là các Thiện Nghiệp Lực và Bất Thiện Nghiệp Lực đã từng có tạo tác ở trong các kiếp sống trước đó, tức là một thể loại Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực (**Aparāpariya vedanīyakamma – Sinh Báo Nghiệp).** Và Thiện Nghiệp Lực, Bất Thiện Nghiệp Lực mà đã có tạo tác tại nơi đây, là không được tính đến sự làm thành Cực Trọng Nghiệp Lực, Cận Tử Nghiệp Lực và Tập Quán Nghiệp Lực, mà đó chỉ là một thể loại Nghiệp Lực thông thường. Người tác hành lại không có sự quyết tâm cố ý làm, y như thể không có sự hoan hỷ muốn làm. Việc đề cập đến như vậy cũng do bởi **Eva** ở trong câu nói rằng **Kaṭattā eva kammanti = Kaṭattākammaṃ** ấy vậy thì đích thị là câu nói phủ định với Nghiệp Lực đã hình thành ra Cực Trọng Nghiệp Lực, Cận Tử Nghiệp Lực và Tập Quán Nghiệp Lực.

Lại nữa, cả ba thể loại Cực Trọng Nghiệp Lực, Cận Tử Nghiệp Lực và Tập Quán Nghiệp Lực này, cũng được liệt vào thể loại Tích Lũy Nghiệp Lực một cách tương tự như nhau, là vì hành động đã vừa hoàn thành xong. Tuy nhiên sự việc sẽ không được gọi là Tích

Lũy Nghiệp Lực, là như vậy cũng do bởi những thể loại Nghiệp Lực này đã có tên gọi một cách riêng biệt. Và từ ngữ nói rằng **Eva** được thêm vào ở tại câu nói đó, đã làm thành vật cản ngăn, ngăn chặn không cho cả ba thể loại Nghiệp Lực này để có được tên gọi Tích Lũy Nghiệp Lực.

Cả bốn thể loại Nghiệp Lực như đã vừa đề cập đến ở tại đây, Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** đã có trình bày đến việc trổ sinh quả báo tái sinh, tức là cho tái sinh làm thành Nhân Loại, Chư Thiên, Hữu Tình Bàng Sinh, v.v. ở trong kiếp sống thứ hai đi theo một cách tuần tự, do vậy mới được gọi là **Tuần Tự Khai Quả Tứ Phần (Pākadānapariyāya catukka).** Từ ngữ nói rằng **Pāka: Paṭisandhiphala (Quả Tái Sinh); Dāna**: Xả thí, cho ra; **Pariyāya: Vāra** hoặc theo tuần tự; **Catukka**: có bốn thể loại. Khi kết hợp nội dung lại = có bốn thể loại Nghiệp Lực làm cho trổ sinh quả báo tái sinh theo một cách tuần tự.

Với lý do này, nếu như người nào đã có cả bốn thể loại Nghiệp Lực thì; Cực Trọng Nghiệp Lực sẽ là người cho trổ sinh quả báo tái sinh, tức là nếu như đã chứng đắc được Thiền Định thì sẽ đi tái sinh làm thành bậc Phạm Thiên. Nếu như đã tạo tác Ngũ Nghịch Vô Gián Nghiệp Lực hoặc Chuẩn Xác Tà Kiến Nghiệp Lực sẽ phải đi tái sinh làm thành Hữu Tình Địa Ngục. Còn các Nghiệp Lực còn lại thì không có trổ sinh quả báo tái sinh ở trong kiếp sống thứ hai, mà chỉ làm cho trổ sinh quả báo trong **Thời Bình Nhật (Pavatti kāla).** Nếu như người nào không có bất luận một thể loại Cực Trọng Nghiệp Lực nào, có nghĩa là người ấy đã không có tạo tác Ngũ Nghịch Vô Gián Nghiệp Lực, hoặc không có sự nhìn thấy sai trật ở phần Chuẩn Xác Tà Kiến, và chẳng phải là **Bậc Phúc Lộc Thiền Giả (Jhānalābhīpuggala)** tức là hạng Phàm Phu thông thường; và chẳng phải là Bậc Thất Lai (Tu Đà Hườn), Bậc Nhất Lai (Tư Đà Hàm), mà chỉ có ba thể loại Nghiệp Lực còn lại thì Cận Tử Nghiệp Lực sẽ là người cho trổ sinh quả báo tái sinh, cho sinh làm thành Nhân Loại, Chư Thiên, **Thống Khổ Hữu Tình (Apāyasatta)** tùy theo thích hợp tương ứng đối với Nghiệp Báo và Hạng Người ở trong kiếp sống thứ hai. Còn cả hai thể loại, đó là Tập Quán Nghiệp Lực và Tích Lũy Nghiệp Lực ấy, thì sẽ là người cho trổ sinh quả báo ở trong Thời Bình Nhật. Nếu như người nào không có Cực Trọng Nghiệp Lực và Cận Tử Nghiệp Lực, mà chỉ có hai thể loại Nghiệp Lực còn lại thì, Tập Quán Nghiệp Lực sẽ là người cho trổ sinh quả báo tái sinh, cho sinh làm thành Nhân Loại, Chư Thiên, Thống Khổ Hữu Tình tùy theo thích hợp tương ứng đối với Nghiệp Báo và Hạng Người ở trong kiếp sống thứ hai, cũng tương tự như nhau. Còn Tích Lũy Nghiệp Lực sẽ là người cho trổ sinh quả báo ở trong Thời Bình Nhật. Và nếu như người nào không có cả ba thể loại, đó là Cực Trọng Nghiệp Lực, Cận Tử Nghiệp Lực, Tập Quán Nghiệp Lực, có nghĩa là hạng người này khi kiếp sống vẫn còn xuân xanh và đã có tạo tác bất luận một thể loại **Ác Hạnh (Duccarita), Thiện Hạnh (Sucarita)** nào rồi thọ mạng diệt đi; khi là như vậy thì đích thị là Tích Lũy Nghiệp Lực ấy sẽ là người cho trổ sinh quả báo tái sinh, cho sinh làm thành Nhân Loại, Chư Thiên, Thống Khổ Hữu Tình tùy theo thích hợp tương ứng, là vì tất cả Chúng Hữu Tình hiện hữu ở trong thế gian này thường không thể nào là không có Tích Lũy Nghiệp Lực được.

Lại nữa, trong khoảng thời gian cả hai Cận Tử Nghiệp Lực và Tập Quán Nghiệp Lực này, mà không phải đề cập đến ở trong khía cạnh việc trổ sinh quả báo tái sinh ở trong kiếp

sống thứ hai, là một khi quán sát ở trong khía cạnh hiện hành theo một cách thường nhiên rồi thì, Tập Quán Nghiệp Lực thường có năng lực nhiều hơn cả Cận Tử Nghiệp Lực, là bởi vì làm thành loại Nghiệp Lực thường luôn hiện hữu. Vì thế, ở trong các Bộ Chú Giải Thanh Tịnh Đạo (**Visuddhimagga Atthakathā**) và Chú Giải Tăng Chi Bộ Kinh mới trình bày đến loại Nghiệp Lực mà cho trổ sinh quả báo theo một cách tuần tự đó là: **Aparampi catubbidhaṃ kammaṃ yaṃ garukaṃ yaṃ bahulaṃ yadāsannaṃ kaṭattā vā pana kammanti - Dịch nghĩa là:** Một trường hợp khác nữa, rằng tính theo tuần tự của việc trổ sinh quả báo thì có bốn thể loại Nghiệp Lực, đó là: Cực Trọng Nghiệp Lực là một thể loại Nghiệp Lực cực kỳ nghiêm trọng; **Đa Hành Nghiệp Lực (Bāhullakamma)** là một thể loại Nghiệp Lực tạo tác rất nhiều lần; Cận Tử Nghiệp Lực là một thể loại Nghiệp Lực tác hành vào lúc sẽ cận tử lâm chung; Tích Lũy Nghiệp Lực là một thể loại Nghiệp Lực đã từng có tạo tác trong kiếp sống trước.

Cho dù quả thật là Tập Quán Nghiệp Lực sẽ có nhiều năng lực hơn cả Cận Tử Nghiệp Lực đi nữa, tuy nhiên trong việc sẽ cho trổ sinh quả báo tái sinh ở trong kiếp sống thứ hai, thì Cận Tử Nghiệp Lực là loại Nghiệp Lực sẽ sinh khởi khi cận tử lâm chung lại thường có nhiều mãnh lực quan trọng hơn cả. Có nghĩa là theo lẽ thường nhiên, với người cận tử lâm chung ấy thì bất luận một trong những thể loại nào thuộc về **Cảnh Nghiệp (Kamma), Nghiệp Tướng (Kammanimitta), Thú Tướng (Gatinimitta)** sẽ phải hiện bày ở trong **Đổng Lực Cận Tử (Maraṇāsannajavana)** với mãnh lực Nghiệp Lực để sẽ phải cho trổ sinh quả báo tái sinh ở trong kiếp sống thứ hai và Nghiệp Lực mà có mãnh lực dắt dẫn bất luận một trong cả ba thể loại điềm tướng cho được khởi sinh lên hiện bày ở trong Đổng Lực Cận Tử đây thì đó đích thị là Cận Tử Nghiệp Lực sinh khởi tiếp cận với Đổng Lực Cận Tử ấy vậy, và thường thì lại có nhiều cơ hội hơn với Tập Quán Nghiệp Lực mà đã từng thường luôn tác hành. Tất cả sự việc này được ví như chàng mục ngưu lùa một đàn bò, có cả bò già và bò trẻ cho vào hết ở trong chuồng, tình cờ bò già ấy lại ở đằng phía sau; vì thế đến khi tất cả bò đã vào ở trong chuồng xong xuôi rồi, thì bò già ấy mới phải ở sát cận bên với cánh cửa, mãi cho đến ban sáng khi chàng mục ngưu đi đến mở cửa để cho đàn bò ấy ra ngoài, thì bò già đứng ở ngay đầu cửa đã có cơ hội được ra trước hết tất cả đàn bò. Cho dù quả thật lão mại có năng lực yếu đuối đi nữa, điều này như thế nào thì một khi Cận Tử Nghiệp Lực rằng tính theo năng lực rồi, thì quả thật có năng lực yếu hơn Tập Quán Nghiệp Lực, tuy nhiên lại là Nghiệp Lực sinh khởi ngay sát cận bên với Đổng Lực Cận Tử vậy, và lại có khả năng dắt dẫn bất luận một trong cả ba thể loại điềm tướng cho được hiện khởi lên như vậy rồi, thì sẽ quyết định được rằng đích thị chính là loại Nghiệp Lực này là người dắt dẫn Hữu Tình ấy cho đi tái sinh ở trong kiếp sống thứ hai. Với lý do này, ở trong Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp mới rút lấy Cận Tử Nghiệp Lực lên để ở trước Tập Quán Nghiệp Lực, để mà trình bày đến Nghiệp Lực làm cho trổ sinh quả báo theo một cách tuần tự.

Điều tỷ dụ nêu lên rằng bò già ở sát bên cửa chuồng thì thường được ra khỏi cửa trước cả đàn bò trẻ khi còn ở lại phía sau. Tuy nhiên nếu như bò già ấy lại không có năng lực vừa đủ để sẽ đi ra khỏi cửa chuồng, thì các bò khác khi còn ở lại phía sau cũng sẽ có được cơ hội ra trước cả bò già. Điều này trình bày cho thấy rằng cũng có khi Cận Tử Nghiệp

Lực có năng lực yếu, và không có khả năng dắt dẫn bất luận một trong cả ba thể loại điềm tướng cho được hiện bày ở trong Đồng Lực Cận Tử, thế thì Cận Tử Nghiệp Lực mà có năng lực yếu đây, mới không có cơ hội trổ sinh quả báo tái sinh ở trong kiếp sống thứ hai được, thì thay vào đó phải là chức năng của Tập Quán Nghiệp Lực dắt dẫn bất luận một trong cả ba thể loại điềm tướng cho hiện bày ở trong Đồng Lực Cận Tử cùng luôn cả việc trổ sinh quả báo tái sinh ở trong kiếp sống thứ hai. Khi là như vậy, Tập Quán Nghiệp Lực phải là ở trong vị trí tuần tự thứ hai, còn Cận Tử Nghiệp Lực rớt xuống ở trong vị trí tuần tự thứ ba, đúng với Bộ Chú Giải Thanh Tịnh Đạo và bộ Chú Giải Tăng Chi Bộ Kinh mà đã có trình bày đến vậy. Lại nữa, theo Bộ Chú Giải Thanh Tịnh Đạo trình bày tuần tự của việc cho trổ sinh quả báo của Nghiệp Lực, bằng cách rút lấy Tập Quán Nghiệp Lực lên để ở trước Cận Tử Nghiệp Lực ấy, cũng nên hiểu biết thêm rằng khi Cận Tử Nghiệp Lực của người ấy có năng lực yếu; do đó Tích Lũy Nghiệp Lực và Tập Quán Nghiệp Lực mới không có khả năng giúp đỡ ủng hộ cho Cận Tử Nghiệp Lực ấy cho trổ sinh quả báo tái sinh được. Với lý do này, mới trở thành chức năng của Tập Quán Nghiệp Lực là sẽ cho trổ sinh quả báo tái sinh, bởi do đã được đón nhận việc giúp đỡ ủng hộ từ nơi Tích Lũy Nghiệp Lực, mà đó đích thị chính là **Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực (Aparāpariyavedanīya kamma – Sinh Báo Nghiệp)** ấy vậy.

III. THỜI GIAN KHAI QUẢ TỨ PHẦN (PĀKAKĀLACATUKKA)

[Chú thích: Thời Gian Khai Quả Tứ Phần **(Pākakālacatukka)**: rằng theo thời gian trổ sinh quả báo thì có bốn thể loại.]

1. Hiện Báo Nghiệp Lực (Diṭṭhakammavedanīyakamma): có câu Chú Giải trình bày rằng: **Diṭṭho dhammo = Diṭṭhadhammo** - Thực Tính Pháp hiện hành cần phải được hiển hiện rõ ràng ngay ở trong kiếp sống này, được gọi là **Kim Thế Pháp (Diṭṭha dhamma)**, tức là bản ngã hiện bày trong kiếp sống này. **Vediyati anubhūyatīti = Vedanī yaṃ** - Quả báo nào phải được thụ lãnh, như thế quả báo này được gọi Thụ Lãnh Quả Báo, tức là quả báo mà sinh khởi từ Nghiệp Lực Dục Giới **(Kāmāvacarakamma)**.

Diṭṭhadhamme vedanīyanti = Diṭṭhadhammavedanīyaṃ - Nghiệp Lực tác hành cho phải thụ lãnh quả báo ở trong bản ngã hiện bày ngay ở trong kiếp sống này, như thế Nghiệp Lực ấy gọi là Kim Thế Thụ Lãnh Quả Báo (Hiện Báo), tức là Tư Tâm Sở Bất Thiện Nghiệp Lực và Tư Tâm Sở Đại Thiện Nghiệp Lực **(Mahākusalakammacetanā)** trong cái Tâm Đồng Lực thứ nhất [câu Chú Giải của điều này là việc trình bày theo Phần **Phạm Vi Quả Báo (Phalūpacāranaya)**]

Hoặc một nghĩa khác nữa **Diṭṭhadhamme vedanīyaṃ phalaṃ etassāti = Diṭṭha dhammavedanīyaṃ** - Quả báo phải được thụ lãnh ở trong bản ngã hiện bày ở ngay trong kiếp sống này do bởi Nghiệp Lực ấy, do vậy Nghiệp Lực mà có quả báo phải được thụ lãnh ở trong bản ngã hiện bày ngay ở trong kiếp sống này, mới được gọi Kim Thế Thụ Lãnh Quả Báo (Hiện Báo), tức là Tư Tâm Sở Bất Thiện Nghiệp Lực và Tư Tâm Sở Đại Thiện Nghiệp

Lực trong cái Tâm Đồng Lực thứ nhất [câu Chú Giải của điều này là việc trình bày theo **Phần Vi Thủ (Mukhayanaya)**]

GIẢI THÍCH:

Những hành động tạo tác của người ta, cho dù sẽ từ ở Thân, Lời và Ý đi nữa, cho dù sẽ ở phần Thiện hoặc Bất Thiện đi nữa thì ngay khi hành động tạo tác ấy, đa phần là phải thường luôn có bảy sát na Đồng Lực sinh khởi. Và mỗi Lộ Trình Tâm có bảy sát na Đồng Lực sinh khởi đây thì quả là có rất nhiều vô số và tính đếm không xuể trong từng mỗi một hành động tạo tác. Trong tất cả những bảy sát na Đồng Lực này, với Tư Tâm Sở **(Cetanā)** phối hợp trong cái Tâm Đồng Lực thứ nhất thì được gọi là Hiện Báo Nghiệp Lực. Có nghĩa là loại Nghiệp Lực này chỉ cho được đón nhận quả báo hiện bày ngay ở trong kiếp sống hiện tại, tức là cho được thấy, được nghe, được ngửi mùi hơi, được ăn, được xúc chạm ở phần tốt đẹp và không tốt đẹp. Và cho Sắc Nghiệp, Sắc Quý Tiết Duyên Nghiệp Lực, mà đích thị chính là Quả Dị Thục Vô Nhân ngần ấy vậy, tức là có các bộ phận (các Căn) ở trong cơ thể và sắc da phu sắc ở phần tốt đẹp và không tốt đẹp; và không có khả năng làm cho trổ sinh quả báo trong Thời Tái Sinh và trong Thời Bình Nhật, tính kể từ kiếp sống thứ hai trở đi được. Đề cập đến là Tư Tâm Sở Thiện, Tư Tâm Sở Bất Thiện phối hợp ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ nhất này, không có khả năng sắp bày cho người ấy được sinh làm Nhân Loại, Chư Thiên, hoặc các nhóm Hữu Tình Thống Khổ được, vì đây thuộc về lãnh vực **Quả Báo Tái Sinh (Paṭisandhiphala).** Và cũng không có khả năng trổ sinh quả báo cho người ấy được đón nhận các sự vật tốt đẹp hoặc không tốt đẹp, vì đây thuộc về lãnh vực **Quả Báo Bình Nhật (Pavattiphala)** tính kể từ kiếp sống thứ hai trở đi mới có được. Tất cả sự việc này là cũng bởi vì Tư Tâm Sở trong cái Tâm Đồng Lực thứ nhất đây, có năng lực không có được nhiều so với cái Tâm Đồng Lực thứ hai cho đến cái thứ bảy. Là vì sinh khởi lần đầu tiên, không có được đón nhận việc giúp đỡ ủng hộ từ **Trùng Dụng Duyên (Āsevanapaccaya)**, tức là Đồng Lực với nhau, do đó mới không có cho trổ sinh quả báo ở trong kiếp sống thứ hai được, luôn cả ở trong Thời Tái Sinh và Thời Bình Nhật như đã có đề cập đến rồi vậy. Còn việc ở trong vị trí cái Tâm Đồng Lực thứ nhất đây, là có được đón nhận việc ủng hộ từ **Tâm Khai Ý Môn (Manodvārāvajjana citta)** là thuộc về lãnh vực **Vô Gián Duyên (Anatarapaccaya), Đẳng Vô Gián Duyên (Samanantarapaccaya)** thì cũng không phải là việc ủng hộ ở trong lãnh vực năng lực, mà chỉ là việc ủng hộ ở trong lãnh vực làm cho sinh khởi ngần ấy vậy. Như Ngài Chú Giải Sư trình bày để ở trong Bộ Sớ Giải **(Aṭṭhasālinī)**, Chú Giải **(Atthakathā)** và Bộ Chú Giải Phân Biệt Danh Sắc **(Nāmarūpapariccheda Atthakathā)** rằng:

Diṭṭhadhammavedanīyaṃ Paṭhamaṃ javanaṃ bhave

Aladdhā sevanattā vā Asamattaṃ bhavantare

Dịch nghĩa là: Hiện Báo Nghiệp Lực ấy, tức là Tư Tâm Sở ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ nhất, Tư Tâm Sở này không có khả năng trổ sinh quả báo ở trong kiếp sống thứ hai được, là vì không có được đón nhận việc ủng hộ từ Trùng Dụng Duyên.

Hiện Báo Nghiệp Lực này hiện hữu hai thể loại, đó là:

1. Nùng Hậu Hiện Báo Nghiệp Lực (Paripakkadiṭṭhadhammavedanīyakamma): Nghiệp Lực sẽ cho được đón nhận quả báo ngay ở trong kiếp sống hiện tại này khi đã vào đến sự già dặn chín muồi.

2. Phi Nùng Hậu Hiện Báo Nghiệp Lực (Aparipakkadiṭṭhadhammavedanīya kamma): Nghiệp Lực sẽ cho được đón nhận quả báo ngay ở trong kiếp sống hiện tại này khi vẫn chưa đến sự già dặn chín muồi.

+ Điều thứ nhất nói rằng "Nghiệp Lực sẽ cho được đón nhận quả báo ngay trong kiếp sống hiện tại này khi đã vào đến sự già dặn chín muồi", có nghĩa là sẽ cho được đón nhận quả báo nhất định hiện bày trong khoảng thời gian bảy ngày. Như Ngài Chú Giải Sư đã có trình bày để ở trong bài Kinh **Devadaha** (bài Kinh 101) từ nơi Bộ Chú Giải Ngũ Thập Thượng Phần thuộc Trung Bộ Kinh **(Uparapaṇṇāsaka Atthakathā)** nói rằng: **Yaṃ pana sattadivasabbhantare vipākaṃ deti ta paripakkadevanīyaṃ nāma** - Nghiệp Lực nào cho trổ sinh quả báo nội trong bảy ngày, Nghiệp Lực ấy gọi là **Nùng Hậu Thụ Lãnh Quả Báo Nghiệp Lực (Paripakkadevanīyakamma)**.

Chẳng hạn như có tích truyện về một chàng thanh niên nghèo khổ có tên gọi là **Mahāduggata (Đại Thống Khổ)** đã cúng dường phần thực phẩm đến Ngài Chánh Đẳng Giác **Kassapa**. Khi việc cúng dường đã được thành tựu viên mãn thì chính ngay ở trong bảy ngày ấy đã phát sinh lên giàu có và trở thành một vị bá hộ. Với tích truyện nam nhân **Puṇṇa** cùng với người vợ là người nghèo khổ, và đã cúng dường phần thực phẩm đến Ngài **Sāriputta**, sau đó đã trở nên giàu có nội trong bảy ngày. Và tích truyện nam nhân **Kākavaliya** cùng với người vợ là người nghèo khổ, và đã có được cơ hội cúng dường phần thực phẩm đến Ngài Trưởng Lão **Mahākassapa** và rồi đã trở nên giàu có chỉ nội trong bảy ngày, cũng tương tự như nhau. Cả ba người này, một khi đã trở nên giàu có thì thường được đón nhận các thể loại Cảnh đều toàn là tốt đẹp, có việc nhìn thấy tốt đẹp, được nghe tốt đẹp, được ngửi mùi hơi tốt đẹp, được ăn những vật thực tốt đẹp, được xúc chạm đến vật cảm thọ tốt đẹp. Nhãn Thức, Nhĩ Thức, v.v. đều toàn là Quả Dị Thục Thiện ở phần thuộc về Danh Pháp. Còn lộ đạo thuộc về Sắc Pháp thì có diện mạo và sắc da phu sắc thanh tịnh, thân thể hoàn hảo được khởi sinh lên, đích thị chính là ở phần Sắc Nghiệp, Sắc Quý Tiết Duyên Nghiệp xuất sinh xứ từ Thiện Nghiệp Lực. Nhãn Thức Quả Dị Thục Thiện v.v. cũng tốt đẹp, sắc thân và sắc da phu sắc hoàn hảo thanh tịnh tốt đẹp. Những thể loại này hết cả đều là **Vô Nhân Pháp (Ahetukadhamma)**. Do đó, Hiện Báo Nghiệp Lực này mới là loại Nghiệp Lực làm cho trổ sinh quả báo chỉ hiện bày ở trong lãnh vực thuộc về Vô Nhân Pháp.

[Dẫn chứng thêm một tích truyện về quả báo an lành trổ sinh ngay trong kiếp hiện tại: Có hai vợ chồng nghèo khổ và chỉ có mỗi một chiếc áo khoác choàng ở bên ngoài mỗi khi đi ra đường (theo cổ lệ của người Ấn lúc bấy giờ). Khi người chồng có việc đi đâu, thì mặc lấy chiếc áo ấy, và người vợ phải ở nhà. Ngược lại, nếu người vợ muốn ra đi, và đã mặc lấy chiếc áo ấy, thì người chồng phải ở lại nhà. Một ngày kia, người chồng đi đến Chùa để được nghe Đức Phật thuyết giảng Giáo Pháp. Đang khi nghe thì người chồng lấy làm hân hoan duyệt ý, khởi sinh tác ý muốn cúng dường đến Đức Phật chiếc áo khoác duy nhất hiện đang có ấy, tuy nhiên với lòng ái luyến cố hữu của con người trỗi dậy; và rồi một cuộc tranh

đấu diễn ra ở trong lòng của người chồng. Sau cùng, Tâm xả thí đã chế ngự được lòng luyến ái. Người chồng đã hết sức vui mừng, và đã reo to lên: "Ta đã chiến thắng, Ta đã chiến thắng" và đã thực hiện việc làm đúng theo sở nguyện, thế là đã dâng chiếc áo khoác đến Đức Thế Tôn.

Câu chuyện trên đã đến tai của một nhà vua. Đức Vua **Pasenadi** đã lấy làm hân hoan duyệt ý, đã ban truyền lệnh cấp phát cho người chồng đến 32 chiếc áo khoác. Người chồng mến mộ đạo ấy, đã chọn lựa ra hai chiếc áo, một chiếc để dành cho bản thân và một chiếc là để dành cho người vợ. Tất cả số còn lại đã cúng dường hết đến Đức Phật.

Hãy gấp tạo tác việc lành,
Mau mau diệt tắt Ác Hạnh khởi sinh.
Việc ác khởi phát rất nhanh,
Chậm làm việc Thiện, Khổ sinh luân hồi.

+ Nùng Hậu Hiện Báo Nghiệp Lực trong phần Bất Thiện ấy, chẳng hạn như tích truyện nam nhân **Nanda** đã bị đất rút, bởi do việc xâm hại Trưởng Lão Ni **Uppalavaṇṇā** là một Bậc Vô Sinh. Và một nam nhân có việc mưu sinh qua việc sát tử loài bò, tên gọi là **Nanda**, một hôm ở trong nhà phát sinh lên việc thiếu thốn vật thực, mới cầm dao đi đến chuồng bò, rồi cắt lấy lưỡi của bò ra đem cho người vợ lấy đi nướng. Khi người vợ nướng lưỡi bò xong xuôi rồi mới cầm lấy ăn. Trong sát na nam nhân **Nanda** đang ăn lưỡi của con bò ấy thì lưỡi của nam nhân **Nanda** đã tự đứt rớt xuống và phải đón nhận sự thống khổ cùng cực, khóc rống lên với âm thanh khủng khiếp, và rồi tức thời đi đến thọ mạng diệt ngay tại nơi ấy. Trong sát na nam nhân **Nanda** đã đón nhận sự thống khổ ấy thì Tâm Thân Thức câu hành Khổ và Nhãn Thức, Nhĩ Thức, v.v. thuộc về Bất Thiện Quả Dị Thục thường sinh khởi cùng luôn cả Sắc Nghiệp, Sắc Quý Tiết Duyên Nghiệp, tức là vết thương nẩy sinh ra từ nơi lưỡi đã bị đứt lìa.

Tỳ Khưu **Devadatta** đã bị đất rút bởi do việc Chích Huyết Thân Phật và kể luôn cả việc Chia Rẽ Tăng Đoàn Nghiệp Lực. Đức Vua Thiện Giác **(Suppabuddha)** là Phụ Vương Tỳ Khưu **Devadatta** và Nàng **Bimbā (Yasodhāra)** đã bị đất rút bởi do biểu lộ **việc vô lễ bất kính (Agāravo)** xua đuổi Bậc Chánh Đẳng Giác. Bà La Môn **Kokālika** đã bị đất rút bởi do mắng chửi cả hai Bậc Chí Thượng Thinh Văn. Những sự việc này đều toàn là Nùng Hậu Hiện Báo Nghiệp Lực hết cả thảy.

[Dẫn chứng thêm một tích truyện về quả báo xấu ác trổ sinh ngay trong kiếp hiện tại: Có một người thợ săn đã dẫn một đàn chó đi vào rừng già để săn mồi, cùng lúc ấy có một vị Tỳ Khưu đang đi trì bình khất thực. Đi cả buổi trời và không săn được chi cả, người thợ săn lấy làm sân hận bực tức, đã nghĩ rằng vì gặp lấy vị Tỳ Khưu giữa đàng nên phải bị xúi quẩy. Lúc trở về lại cũng gặp vị Tỳ Khưu ấy nữa. Người thợ săn đã nổi giận và đã xua đàn chó đến cắn, mặc cho vị Tỳ Khưu vô tội kia đã hết lời năn nỉ van lơn. Không còn cách gì khác hơn, vị Tỳ Khưu liền trèo lên cây gần đó để tránh đàn chó hung dữ. Người thợ săn chưa hết nguôi giận, đã chạy đến nơi gốc cây, đã giương cung bắn lên, và đã trúng nhằm vào bàn chân của vị Tỳ Khưu ấy. Trong lúc sợ hãi đã mất đi sự bình tĩnh, và vô cùng đau đớn, vị Tỳ

Khưu đã đánh rơi mãnh y áo của mình rớt xuống, đã chụp lên đầu và bao trùm lấy người của vị thợ săn. Đàn chó hung dữ ấy trông thấy một người đang lúng túng trong mãnh y áo ấy, thì đã nghĩ là vị Tỳ Khưu đã té xuống, nên đã vội nhào đến liền cắn xé lấy người chủ của mình.

Kẻ ngu hãm hại Hiền Lương,
Tội ác trở lại hại người Ác Tâm.
Ví như gió ngược bụi trần,
Khổ đau dội lại muôn phần đắng cay.

+ Điều thứ hai nói rằng "Nghiệp Lực sẽ cho được đón nhận quả báo ngay ở trong kiếp sống hiện tại này khi vẫn chưa đến sự già dặn chín muồi", có nghĩa là việc tạo tác về Thiện Nghiệp Lực, Bất Thiện Nghiệp Lực ấy, thì đích thị sẽ trổ sinh quả báo cho được hiện bày là sau khỏi bảy ngày.

Tóm lại, Hiện Báo Nghiệp Lực là loại Nghiệp Lực chỉ cho được đón nhận quả báo ngay ở trong kiếp sống hiện tại, không vượt qua kiếp sống hiện tại, và không đến kiếp sống sau. Tức là người nào đã tạo tác Thiện Nghiệp Lực, Bất Thiện Nghiệp Lực ở trong thời thiếu niên thì Nghiệp Lực này cho được đón nhận quả báo ở trong thời thiếu niên, hoặc là thời trung niên, hoặc là thời lão niên. Người nào đã tạo tác Thiện Nghiệp Lực, Bất Thiện Nghiệp Lực ở trong thời trung niên thì Nghiệp Lực này cho được đón nhận quả báo ở trong thời trung niên, hoặc là thời lão niên. Người nào đã tạo tác Thiện Nghiệp Lực, Bất Thiện Nghiệp Lực ở trong thời lão niên thì Nghiệp Lực này cho được đón nhận quả báo ở trong thời lão niên. Những thể loại này đều toàn là Hiện Báo Nghiệp Lực hết cả thảy. Như Ngài Chú Giải Sư trình bày để ở trong Bộ Chú Giải Ngũ Thập Thượng Phần thuộc Trung Bộ Kinh (**Uparapaṇṇāsaka Atthakathā**) nói rằng: **Yaṃ paṭhamavaye kataṃ paṭhama vaye vā majjhimavaye vā, majjhimavaye kataṃ majjhimavaye vā pacchima vaye vā, pacchimavaye kataṃ tatthevavipākandeti taṃ diṭṭhadhamma vedanīyaṃ nāma** - Nghiệp Lực nào đã có được tạo tác ở trong thời thiếu niên thì thường cho trổ sinh quả báo trong thời thiếu niên, thời trung niên hoặc là thời lão niên. Nghiệp Lực nào đã có được tạo tác ở trong thời trung niên thì thường cho trổ sinh quả báo ở trong thời trung niên hoặc là thời lão niên. Nghiệp Lực nào đã có được tạo tác ở trong thời lão niên, thì đích thị chính là thường cho trổ sinh quả báo ở trong thời lão niên ấy vậy. Nghiệp Lực ấy được gọi Hiện Báo Nghiệp Lực.

TRÌNH BÀY VIỆC SO SÁNH QUẢ BÁO ĐƯỢC ĐÓN NHẬN TỪ HIỆN BÁO NGHIỆP LỰC VỚI HẬU BÁO NGHIỆP LỰC

Theo đa phần thì chúng ta có sự hiểu biết với nhau rằng quả báo mà đã được đón nhận từ Hiện Báo Nghiệp Lực thì đó là quả báo có rất nhiều năng lực. Là vì việc được phát sinh lên giàu có là chỉ có nội trong bảy ngày, hoặc việc bị đất rút xuống thì hiện bày liền ngay tức khắc. Các sự việc này chẳng phải là những điều mà sẽ được đón nhận một cách dễ

dàng, và cũng chẳng phải sẽ được đón nhận với tất cả ở mọi người. Người mà sẽ được đón nhận quả báo thể loại này, là sẽ phải có trường hợp đặc biệt, ở cả đường lối Thiện và luôn cả ở đường lối Bất Thiện. Với lý do này mới sẽ làm cho tất cả mọi người có sở nguyện, là sẽ được đón nhận quả báo từ ở phía Thiện Hiện Báo Nghiệp Lực, tức là có sự mong mỏi thành vị bá hộ giàu có được trông thấy hiện bày tức thì liền ngay trước mắt. Và có sự sợ hãi trước sự việc sẽ phải đón nhận quả báo từ ở phía Bất Thiện Hiện Báo Nghiệp Lực, nghĩa là có sự sợ hãi khi bị đất rút xuống, v.v. Tuy nhiên nếu sẽ so sánh với việc sẽ cho trổ sinh quả báo của **Hậu Báo Nghiệp Lực (Upapajjavedanīyakamma),** thì quả báo được đón nhận từ Hậu Báo Nghiệp Lực thường là có rất nhiều trọng lượng hơn cả. Là vì quả báo sẽ được đón nhận từ Hiện Báo Nghiệp Lực ấy, đó là quả báo có liên hệ đặc biệt chỉ trọn ở trong kiếp sống của người ấy mà thôi. Và một khi đã chấm dứt mạng sống thì quả báo ấy cũng cùng diệt mất, và với luôn cả mãnh lực Hiện Báo Nghiệp Lực cũng cùng diệt mất theo. Còn quả báo mà được đón nhận từ Hậu Báo Nghiệp Lực ấy, tức là người đó khi đã chấm dứt mạng sống rồi, thì mãnh lực từ thể loại Nghiệp Lực này thường làm thay đổi cuộc đời, thay đổi tình trạng của người ấy cho được đón nhận quả báo hiện khởi lên cùng cực, cả ở trong Thời Tái Sinh và luôn cả ở Thời Bình Nhật. Đề cập đến rằng, nếu như là ở phần Bất Thiện, thì người ấy phải đi tái sinh thành loài Hữu Tình Địa Ngục, rồi phải bị đón nhận sự thống khổ diễn tiến trọn suốt thời gian rất lâu dài. Nếu như là ở phần Thiện, thì được đi tái sinh thành Chư Thiên hoặc là Nhân Loại ở đẳng cấp bậc thượng, rồi lại được đón nhận sự an lạc cả về Thân lẫn về Tâm một cách viên mãn suốt trọn cả tuổi thọ mạng của bản thân tùy thuận theo các Cõi Địa Giới ấy. Nếu sẽ nêu lên điều ví dụ để so sánh giữa cả hai thể loại Nghiệp Lực này, thì cũng tỷ như hai loại cây, với một loại là chỉ có bông hoa mà không có trái quả, và một loại kia thì có cả bông hoa và có cả trái quả. Với loại cây mà chỉ có bông hoa thôi, một khi đã cùng nhau trổ hoa rồi thì không có cái chi để sẽ thành hạt giống cho cây ấy tiếp tục truyền thừa ra được thêm nhiều nữa. Còn với loại cây mà có cả bông hoa và có cả trái quả ấy, một khi đã trổ hoa rồi thì chính tự hoa ấy chuyển đổi thành trái quả, và trái quả ấy lại có khả năng sinh sản ra hạt giống để tiếp nối truyền thừa ra được thêm nhiều nữa. Điều này như thế nào, thì Hiện Báo Nghiệp Lực cũng được sánh tương tự với loại cây mà chỉ có bông hoa, là vì chỉ có trổ sinh quả báo ngay trong kiếp sống này, và không có khả năng tạo lập lên được kiếp sống cho hiện khởi lên được. Còn Hậu Báo Nghiệp Lực ấy, thì được ví như loại cây có cả bông hoa và có cả trái quả, là vì có khả năng tạo lập lên được kiếp sống cho hiện khởi lên được.

HIỆN BÁO NGHIỆP LỰC CÓ THÀNH VÔ HIỆU NGHIỆP LỰC HAY KHÔNG ?

Đã có đề cập đến ở trong phần trên nói rằng Hiện Báo Nghiệp Lực này là loại Nghiệp Lực có năng lực yếu kém, là do bởi không có được đón nhận việc giúp đỡ ủng hộ từ Trùng Dụng Duyên. Vì thế mới cho trổ sinh quả báo chỉ ở ngay trong kiếp sống này ngần ấy vậy. Tuy nhiên việc cho trổ sinh quả báo cũng là bất định, có thể là không có trổ sinh quả báo, và trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực cũng được. Tất cả sự việc này là do bởi Hiện Báo Nghiệp

Lực mà sẽ trổ sinh quả báo cho hiện khởi lên được đó, thì sẽ cần phải hiện hữu ở một trong bốn thể loại trạng thái như sau:

1. Đối Kháng Bất Xâm Nhiễu (Paṭipakkhehi anabhibhūtatāya): là không có bị xâm nhiễu từ nơi Nghiệp Lực ở thành phần đối lập. Có ý nghĩa là, chẳng hạn nếu như đã là Thiện Hiện Báo Nghiệp Lực thì không có bị xâm nhiễu tác hại từ ở Bất Thiện Nghiệp Lực. Và nếu như đã là Bất Thiện Hiện Báo Nghiệp Lực thì cũng không có bị xâm nhiễu tác hại từ ở Thiện Nghiệp Lực. Và như vậy thì Nghiệp Lực ấy mới sẽ cho quả báo hiện bày. Còn nếu như đã bị xâm nhiễu tác hại do bởi Nghiệp Lực ở phần đối lập, thế thì Nghiệp Lực ấy không có cho trổ sinh quả báo, thì trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực vậy.

2. Tối Hảo Duyên Đặc Biệt Thù Thắng (Paccayavisesena paṭiladdhavisesa tāya): là có năng lực đặc biệt, là vì có được đón nhận việc giúp đỡ ủng hộ từ Duyên Lực ở phần đặc biệt. Có ý nghĩa, nếu như là Thiện Hiện Báo Nghiệp Lực thì cần phải phối hợp với bốn thể loại **An Hạnh (Sampatti)**, đó là **Trú Xứ An Hạnh (Gatisampatti), Thời Gian An Hạnh (Kālasampatti), Kết Liên An Hạnh (Upadhisampatti), Cần Ích An Hạnh (Payogasampatti)**. Và nếu như là Bất Thiện Hiện Báo Nghiệp Lực thì cần phải phối hợp với bốn thể loại **Bất Hạnh (Vipatti)**, đó là **Trú Xứ Bất Hạnh (Gativipatti), Thời Gian Bất Hạnh (Kālavipatti), Kết Liên Bất Hạnh (Upadhivipatti), Cần Ích Bất Hạnh (Payogavipatti)**. Và nếu là như vậy, thì Nghiệp Lực ấy mới sẽ cho quả báo hiện bày. Nếu như phối hợp với tác nhân đối nghịch, là ý nói đến Nghiệp Lực ở phần Thiện lại đi phối hợp với bốn thể loại **Bất Hạnh (Vipatti)** hoặc là Nghiệp Lực ở phần Bất Thiện lại đi phối hợp với bốn thể loại **An Hạnh (Sampatti)**. Và nếu là như vậy, thì Nghiệp Lực ấy sẽ không cho quả báo, và trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực.

Ý NGHĨA TỨ AN HẠNH (SAMPATTI) VÀ TỨ BẤT HẠNH (VIPATTI) NHƯ SAU:

a. Trú Xứ An Hạnh (Gatisampatti): lập ý nói đến người đã được sinh ra hiện hữu ở trong Cõi Thiện Thú (**Sugatibhūmi**) có Nhân Loại, Chư Thiên và Phạm Thiên. **Trú Xứ Bất Hạnh (Gativipatti)** lập ý nói đến người mà đi thọ sinh ở trong **Cõi Khổ Thú (Duggatibhūmi)** có Hữu Tình Bàng Sinh, v.v.

Thí dụ như một nam nhân đã được sinh trưởng trong một gia đình giàu có hay ở trong một Cõi Địa Giới an vui. Sự tái sinh an hạnh ấy đôi khi đã là một năng lực kiềm chế không các Quả Dị Thục xấu ác trổ sinh. Trái lại, có một nam nhân khác đã phải sinh trưởng trong một gia đình nghèo khổ hoặc ở trong một Cõi Địa Giới khốn khổ. Việc tái sinh bất hạnh của vị nam nhân này đã tạo điều kiện thích hợp cho các Quả Dị Thục xấu ác có cơ hội được trổ sinh.

Trường hợp của Đức Vua **Ajātasattu** là một thí dụ dẫn chứng khác nữa. Tuy đã phạm vào Sát Tử Phụ Thân Ngũ Nghịch Vô Gián Nghiệp Lực, thế nhưng về sau Đức Vua đã tiếp cận với Đức Phật và đã trở nên một vị Minh Quân có Tâm Đạo tín thành quy ngưỡng với Tam Bảo. Bởi do phạm Cực Trọng Nghiệp Lực, Đức Vua đã phải bị tái sinh vào trong Cõi Địa Ngục Thống Khổ, và chính do việc tái sinh bất hạnh ấy, đã làm cho bao nhiêu điều Thiện

Sự với nhân lành mà Đức Vua đã gieo trồng, đã không có được hội túc duyên hỗ trợ để cho việc trổ sinh quả báo.

b. Thời Gian An Hạnh (Kālasampatti): lập ý nói đến thời kỳ nào mà con người đã sinh sống ở trong quốc độ có Bậc Đại Vương là người có Chánh Kiến đang cai trị đất nước, và Phật Giáo vẫn còn đang duy trì hiện hữu, vẫn chưa có hoại diệt đi. **Thời Gian Bất Hạnh (Kālavipatti)** lập ý nói đến thời kỳ nào con người đã sinh sống ở trong quốc độ có vị Vua là người có Tà Kiến đang cai trị đất nước, và Phật Giáo đã suy giảm mất đi rồi.

Thí dụ như trong một thiên tai, tất cả đều phải cùng chung chịu một số phận bất hạnh. Đó là điều kiện bất hạnh đã hỗ trợ cho các Bất Thiện Nghiệp Lực có được cơ hội trổ sinh quả báo. Tuy nhiên cũng có những điều kiện thuận lợi an hạnh, đã kiềm hãm và ngăn chận không các Bất Thiện Nghiệp Lực có được cơ hội trổ sinh quả báo.

c. Kết Liên An Hạnh (Upadhisampatti): lập ý nói đến người mà đã được sinh ra có đã các bộ phận (các Căn) lớn nhỏ, tức là mắt, tai, v.v. ấy được tròn đủ hoàn hảo, không bị khiếm khuyết thiếu sót. **Kết Liên Bất Hạnh (Upadhivipatti)** lập ý nói đến con người đã được sinh ra nhưng lại khiếm khuyết thiếu sót các bộ phận (các Căn) lớn nhỏ.

Thí dụ như, do bởi tác hành Thiện Nghiệp Lực mà một nam nhân được tái sinh an hạnh, nhưng bất hạnh thay phải bị tật nguyền khiếm khuyết các Căn, hoặc có một thân hình xấu xí, không được hoàn toàn trọn hưởng Phước Báu của mình. Một vị Thái Tử thích hợp cho việc nối ngôi kế thừa từ ở Vua Cha để trị vì thiên hạ, tuy nhiên bất hạnh thay, vị Thái Tử đã bị tật nguyền cũng có thể không được lên ngôi báu.

d. Cần Ích An Hạnh (Payogasampatti): lập ý nói đến người mà do nương vào sự tinh cần đúng đắn (Chánh Tinh Tấn), và sự nghĩ suy đúng đắn (Chánh Tư Duy), rồi thực hiện Thân Hành Nghiệp Lực, Ngữ Hành Nghiệp Lực, Ý Hành Nghiệp Lực ở phần **Thiện Hạnh (Sucarita),** không vi phạm Pháp Luật của nhà nước, và cũng không vi phạm nền tảng Chánh Pháp ở trong Phật Giáo. **Cần Ích Bất Hạnh (Payogavipatti)** lập ý nói đến người mà do nương vào sự tinh cần tà vạy (Tà Tinh Tấn) và sự nghĩ suy tà vạy (Tà Tư Duy), rồi thực hiện Thân Hành Nghiệp Lực, Ngữ Hành Nghiệp Lực, Ý Hành Nghiệp Lực ở phần **Ác Hạnh (Duccarita),** vi phạm Pháp Luật của nhà nước, và vi phạm nền tảng Chánh Pháp ở trong Phật Giáo.

Trong các năng lực trợ duyên và nghịch duyên, sự Cần Ích, là sự nỗ lực tinh cần hữu ích là quan trọng hơn tất cả. Trong Niêm Luật Nghiệp Báo thì sự nỗ lực và sự thiếu nỗ lực đã giữ một vị trí rất trọng yếu. Do sự nỗ lực hiện tại, người ta có thể tái tạo một Nghiệp Lực mới, một hoàn cảnh mới, một môi trường mới, và cả một thế gian mới. Dù cho có hội đủ điều kiện an hạnh và đã hội túc duyên, nhưng lại không có sự nỗ lực tinh cần thì chẳng những người ta đã đánh mất đi một cơ hội quý báu, mà có khi phung phí cả một sự nghiệp, vật chất hoặc là tinh thần.

3. Tiền Tối Thắng Hành Tập Trung Ý Nguyện (Tādisassa pubbābhisaṅ khārassavasena sātisayā): có năng lực kiên cường với mãnh lực từ **Tiền Tối Thắng Hành (Pubbābhisaṅkhāra)** mà có Thực Tính thích đáng đối với cái Tâm Đồng Lực thứ nhất. Có ý nghĩa, người nào trước khi bắt đầu làm công việc chi, cho dù là thuộc về phần Thiện hay

là Bất Thiện đi nữa, thì thường có được việc cải hóa tâm thức của mình cho khởi sinh lên sự kiên cường dũng cảm, và kham nhẫn với các việc làm ấy, bởi do có việc nghĩ suy rằng "người mà có sự hân hoan duyệt ý để sẽ làm bất luận công việc nào rồi, thì các công việc ấy sẽ không thể nào không thành tựu viên mãn được;" hoặc là "người mà có sự nỗ lực tinh cần để sẽ làm bất luận công việc nào rồi, thì các công việc ấy sẽ không thể nào không thành tựu viên mãn được;" hoặc là "người mà có sự chú tâm để sẽ làm bất luận công việc nào rồi, thì các công việc ấy sẽ không thể nào không thành tựu viên mãn được;" hoặc là "người mà có Trí Tuệ để sẽ làm bất luận công việc nào rồi, thì các công việc ấy sẽ không thể nào không thành tựu viên mãn được." Với người đã có sự nghĩ suy như vậy rồi, thì cho dù làm bất luận công việc nào đi nữa, Tâm khởi sinh lên ngay trong sát na đang làm công việc ấy thường là có rất nhiều năng lực. Vì thế, cái Tâm Đồng Lực thứ nhất mà làm thành Hiện Báo Nghiệp Lực mới cho trổ sinh quả báo hiện bày ngay trong kiếp sống này được. Nếu không phối hợp với bất luận một trong cả bốn thể loại Tiền Tối Thắng Hành thì Nghiệp Lực ấy sẽ không có đủ năng lực để sẽ trổ sinh quả báo cho hiện bày ngay trong kiếp sống này được, thì trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực vậy.

4. Ân Đức Thù Thắng Hỗ Trợ Đặc Biệt (Guṇavisesayuttesu upakārapa kāravasappavattiyā): Tâm Đồng Lực khởi sinh lên hiện hành với mãnh lực từ nơi hành động tạo tác ở phần Ân Đức Tịnh Hảo hoặc là ở việc tạo tác điều xâm hại, và đã thực hiện đối với bậc đã được kết hợp với Ân Đức đặc biệt, gồm có Bậc Chánh Đẳng Giác, Bậc Alahán Vô Sinh, Bậc Bất Lai, v.v. Có ý nghĩa là, nếu ở phần Thiện thì cũng tương tự với chàng thanh niên nghèo khổ có tên gọi **Đại Thống Khổ (Mahāduggata)** đã xả thí cúng dường đến Ngài Chánh Đẳng Giác **Kassapa**. Còn nếu ở phần Bất Thiện thì cũng tương tự với nam nhân **Nanda** đã xâm hại đến Bậc Trưởng Lão Ni **Uppalavaṇṇā**, chẳng hạn như vậy rồi, thì Nghiệp Lực ấy trổ sinh quả báo cho hiện bày ngay trong lúc hiện tại và tức thì ở ngay trước mắt vậy. Nếu như những thể loại Nghiệp Lực ấy không có được tác hành đối với các Bậc đã được kết hợp với Ân Đức đặc biệt như đã vừa đề cập đến, thì loại Nghiệp Lực ấy sẽ không trổ sinh quả báo cho hiện bày ngay trong kiếp sống này, thì phần nhiều là trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực. Là bởi vì việc tạo tác ở phần Bất Thiện, cho dù sẽ không có tạo tác đối với bậc đã được kết hợp với Ân Đức đặc biệt đi nữa, tuy nhiên cũng vẫn cho trổ sinh quả báo hiện bày ngay trong thời lúc hiện tại, chẳng hạn như tích truyện nam nhân **Nanda** đã có việc mưu sinh qua việc sát tử loài bò, đã cắt lấy lưỡi của bò đem đi nướng làm thành vật thực để ăn. Với việc **Sát Tử Bất Thiện (Akusalapānātipāta)** của mình đã có tạo tác làm thành thường nhiên, đã vào giúp đỡ hỗ trợ đối với Hiện Báo Nghiệp Lực, và đã làm cho cái lưỡi của nam nhân **Nanda** đã phải tự đứt rớt xuống một cách đặc biệt ngay trong sát na đang ăn lấy vật thực ấy vậy.

TRÌNH BÀY TÁC NHÂN LÀM CHO TRỔ SINH QUẢ BÁO XẢ THÍ THIỆN HIỆN BÀY NGAY TRONG KIẾP SỐNG NÀY

Đối với việc Xả Thí Thiện sẽ trổ sinh quả báo cho được làm thành Hiện Báo Nghiệp Lực, là sẽ phải được kết hợp với bốn phần Chi Pháp, đó là:

1. Sự Vật Thành Tựu (Vatthusampadā): Bậc **Thụ Thí Xả Nhân (Paṭiggāhaka)** là Bậc đón nhận xả thí ấy, phải là Bậc Bất Lai hoặc là Bậc Alahán Vô Sinh.

2. Duyên Sự Thành Tựu (Paccayasampadā): vật phẩm đem đi cúng dường ấy, phải là vật phẩm có được với **sự thanh khiết (Parisuddhi)**.

3. Tư Tâm Sở Thành Tựu (Cetanāsampadā): người xả thí cúng dường phải được kết hợp với Tư Tâm Sở dũng mãnh kiên cường.

4. Ân Đức Thặng Thừa Thành Tựu (Guṇātirekasampadā): Bậc Bất Lai hoặc Bậc Alahán Vô Sinh là Bậc Thụ Thí Xả Nhân phải được kết hợp với Ân Đức một cách đặc biệt, ý nói đến là vừa mới xuất khỏi Thiền Diệt **(Nirodhasamāpatti)**.

Khi hội đủ cả bốn trường hợp Chi Pháp như đã vừa đề cập đến, thì việc xả thí của người ấy được thành tựu viên mãn, làm thành Hiện Báo Nghiệp Lực, và cho được đón nhận quả báo trổ sinh liền tức thì ngay trong hiện tại. Như đã có lời trình bày để ở trong Bộ Chú Giải Kinh Pháp Cú nói rằng: **Catassopi sampadānāma vatthusampadā paccaya sampadā cetanāsampadā guṇātireka sampadāti, tattha nirodhasamāpattito vuṭṭhito arahā vā anāgāmī vā dakkhiṇeyyo vatthusamapadā nāma, paccayanaṃ dhammena samena uppatti paccaya sampadā nāma, dānato pubbe dānakāle paccayābhāgeti tīsukālesu cetanāya somanassasahagata ñānasampayuttabhāvo cetanāsampadā nāma, dakkhiṇeyyassa samāpattito vuṭṭhitabhāvo guṇātirekasampadā nāmāti, etesaṃ ānubhāvena diṭṭhadhamme mahāsampattiṃ pāpunāti.** -

Dịch nghĩa: Tên gọi **Thành Tựu – Sampadāna** có được bốn thể loại, đó là:

1/ Sự Vật Thành Tựu, 2/ Duyên Sự Thành Tựu, 3/ Tư Tâm Sở Thành Tựu, 4/ Ân Đức Thặng Thừa Thành Tựu.

Trong cả bốn thể loại Thành Tựu ấy, thì Bậc Alahán Vô Sinh hoặc Bậc Bất Lai có sự thích ứng đối với Thiền Diệt, là **Bậc Ứng Thụ Bố Thí Chi Nhân (Dakkhiṇeyya puggala)** được gọi **Sự Vật Thành Tựu.** Việc phát sinh lên từ tất cả duyên sự Vật Dụng bởi theo Pháp kiên định thường xuyên, được gọi **Duyên Sự Thành Tựu.** Sự việc có Tư Tâm Sở ở trong cả ba Thời, tức là trong lúc trước khi cho (Tư Tiền), ngay trong lúc đang cho (Tư Hiện), sau khi đã cho (Tư Hậu) được tương ưng với Trí Tuệ và cùng câu sinh Hỷ Thọ, được gọi **Tư Tâm Sở Thành Tựu.** Còn Bậc Ứng Thụ Bố Thí Chi Nhân ngoài ra khỏi Pháp Thành Tựu, được gọi **Ân Đức Thặng Thừa Thành Tựu.** Với quyền lực cả Tứ Pháp Thành Tựu này thì thường đạt được đại an hạnh **(Mahāsampatti – Đại Hồng Phúc)** được trông thấy liền trước mắt.

Theo như đã có đề cập đến rằng Hiện Báo Nghiệp Lực mà không có khả năng trổ sinh quả báo cho hiện bày ngay trong kiếp sống hiện tại, thì trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực ấy, chẳng phải là Vô Hiệu Nghiệp Lực khi đã làm xong rồi, mà thường đích thị chính là loại Vô Hiệu Nghiệp Lực ở ngay trong sát na đang hiện hữu đó vậy. Chính vì thế mới có ba thể loại về danh xưng của Vô Hiệu Nghiệp Lực này, đó là:

1. Vô Hiệu Nghiệp Quả (Nahosi kammavipāko): gọi là Nghiệp Lực vẫn chưa cho quả báo.

2. Vô Tựu Nghiệp Quả (Nabhavissati kammavipāko): gọi là Nghiệp Lực sẽ không thành tựu quả báo.

3. Vô Hữu Nghiệp Quả (Natthi kammavipāko): gọi là Nghiệp Lực không có quả báo.

Như Ngài Chú Giải Sư trình bày để ở trong bài Kinh **Angulimāla** từ Bộ Chú Giải Trung Phần Ngũ Thập **(Majjhimapaṇṇāsaka Atthakathā)** thuộc Trung Bộ Kinh (bài Kinh 86) nói rằng: **Tathā asakkonto ahosikammaṃ nahosikammavipāko nabhavissati kammavipāko natthikammavipāko ti imassa tikassavasena ahosi** - Hiện Báo Nghiệp Lực mà không có khả năng trổ sinh quả báo theo như trạng thái đã có đề cập đến ấy, thì thường trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực. Rằng khi phân tích theo tên gọi thì có được ba thể loại như vầy, đó là:

1/ một thể loại Nghiệp Lực vẫn chưa cho quả báo,

2/ một thể loại Nghiệp Lực sẽ không thành tựu quả báo, và

3/ một thể loại Nghiệp Lực không có quả báo.

Ai trước phóng dật, sau không phóng dật,
Sáng chói đời này, như trăng thoát mây.
Ai làm Ác Nghiệp, nhờ Thiện chận lại,
Sáng chói đời này, như trăng thoát mây.

Quả báo mà đã được đón nhận từ Hiện Báo Nghiệp Lực ngay trong kiếp sống hiện tại này có hiện bày rõ ràng hay không ? Trả lời "Có", tức là người đã có tạo tác Thiện Nghiệp Lực rồi, thì được đón nhận danh thơm tiếng tốt, được đón nhận lời ca ngợi tán thán, được đón nhận danh vị tước hiệu, buôn may bán đắc, có người thương yêu mến mộ, v.v. Và người đã có tạo tác Bất Thiện Nghiệp Lực rồi, phải đón nhận điều tác hại tội lỗi, bị đánh đập, bán buôn lỗ vốn, có người thù ghét, v.v. Tuy nhiên dù sao đi nữa, quả báo mà đón nhận từ Hiện Báo Nghiệp Lực đây, thường được đón nhận đặc biệt chỉ ngặt ở trong khoảng thời gian vẫn còn hiện hữu mạng sống mà thôi, và không có khả năng sẽ cho quả báo ở trong kiếp sống tiếp nối được.

2. Hậu Báo Nghiệp Lực (Upapajjavedanīyakamma): có câu Chú Giải trình bày nói rằng: **Diṭṭhadhammassa samīpe anantare pajjitabbo gantabboti = Upapajjo** - Đi vào kiếp sống tiếp nối kế liền với nhau mà không có khoảng cách xen kẽ của kiếp sống hiện tại, như thế kiếp sống ấy được gọi là Kế Hậu Phát Sinh, tức là kiếp sống thứ hai. **Upapajjavedanīyaṃ phalaṃ etassāti = Upapajjavedanīyaṃ** - Quả báo đã được đón nhận ở trong kiếp sống thứ hai hiện hữu đối với Nghiệp Lực ấy, như thế Nghiệp Lực ấy gọi là Hậu Báo Nghiệp Lực. Hoặc **Upapajjavedanīyaṃ = Upapajjavedanīyaṃ** - Nghiệp Lực tác hành cho phải đón nhận quả báo ngay khi vào đến kiếp sống thứ hai kế liền với kiếp sống hiện tại, như thế được gọi là Hậu Báo Nghiệp Lực. Tức là **Tư Tâm Sở (Cetanā)** hiện hữu trong cái Tâm Đồng Lực Bất Thiện và Tâm Đồng Lực Đại Thiện thứ bảy.

Trong câu Chú Giải đã vừa trình bày đến tại đây, từ ngữ nói rằng **Upa** ở trong **Upapajja** trình bày đến ý nghĩa "kế cận". Một phần khác nữa, từ ngữ nói rằng **Upapajja** đây, là **Nipātapada – Bất Phân Từ** - một trợ từ bất biến cách, trình bày đến ý nghĩa "kiếp sống thứ hai". Tương tự với từ ngữ nói rằng **Pacca** có trong phần Chánh Tạng **Pāḷi** đã có trình bày rằng **Idha modati pacca modati** được dịch nghĩa là "trong kiếp sống này cũng thường có sự hoan hỷ, trong kiếp sống tới cũng thường có sự hoan hỷ" là đã có trình bày ý nghĩa đến kiếp sống thứ hai (không gián đoạn kiếp sống – **Anantarabhava**). Vì thế ở trong câu Chú Giải mà đã có trình bày nói rằng **Upapajja vedanīyaṃ = Upapajjavedanī yaṃ** - sẽ phải được dịch nghĩa là "Nghiệp Lực mà phải được đón nhận ngay trong kiếp sống thứ hai thì gọi là Hậu Báo Nghiệp Lực."

Giải thích rằng, những công việc tạo tác mà có liên quan với Thân, Lời, Ý của tất cả loài Hữu Tình đang tác hành đó, sẽ được thành tựu đích thị chính là bởi do nương vào Tư Tâm Sở **(Cetanā)** hiện hữu ở trong cái Tâm Đổng Lực thứ bảy vậy. Cái Tâm Đổng Lực thứ nhất đến cái Tâm Đổng Lực thứ sáu đó thì không có khả năng làm cho được thành tựu. Vì thế Tư Tâm Sở hiện hữu ở trong cái Tâm Đổng Lực thứ bảy này, Ngài mới đề cập nói đến đó là **Nghĩa Thừa Tư Tâm Sở (Atthasādhikācetanā)** hoặc là **Suy Đoán Tư Tâm Sở (Sanniṭṭhāpakacetanā)**.

Như ở trong Bộ Siêu Lý Giải Minh Đại Phụ Chú Giải **(Paramatthadīpanī mahāṭīkā)** trình bày nói rằng: **Atthasādhikā pana sanniṭṭhāpakabhūtā sattamajavana cetanā upapajja vedanīyaṃ nāma** - Dịch nghĩa nội dung chính là "Tư Tâm Sở hiện hữu ở trong cái Tâm Đổng Lực thứ bảy có khả năng làm cho thành tựu sự việc và làm thành tác nhân ở trong việc quyết định dứt khoát ấy, gọi là Hậu Báo Nghiệp Lực". Điều này đã làm cho hiểu biết được rằng Tư Tâm Sở hiện hữu ở trong cái Tâm Đổng Lực thứ bảy thì thường làm chủ vị ở trong tất cả mọi công việc để cho được thành tựu các sự việc, và thường trổ sinh quả báo cho tái sinh ở trong kiếp sống kế liền với nhau, luôn cả ở trong Thời Tái Sinh và Thời Bình Nhật. Vì thế mới được gọi là Hậu Báo Nghiệp Lực.

Nghiệp Lực mà gọi là Ngũ Nghịch Vô Gián Nghiệp Lực và Chuẩn Xác Tà Kiến Nghiệp Lực, với những thể loại này đích thị chính là Tư Tâm Sở đã hiện hữu ở trong cái Tâm Đổng Lực thứ bảy ấy vậy.

[Dẫn chứng tích truyện về việc trổ sinh quả báo ở trong kiếp sống thứ hai kế liền tiếp nối từ kiếp sống hiện tại: Có một người làm công cho nhà một vị bá hộ nọ. Vào một ngày Rằm trăng tròn, sau khi đã làm xong các việc cực nhọc ở ngoài đồng, và chiều hôm đó đi về thấy cả nhà đều thọ trì Bát Quan Trai Giới vào trong ngày ấy. Mặc dù chỉ còn có nửa ngày, vị nam nhân này cũng liền xin thọ trì Bát Quan Trai Giới và đã nhịn đói trọn cả buổi chiều. Bất hạnh thay, ngay sáng hôm sau vị nam nhân này đã qua đời. Nhờ vào Tâm thanh tịnh và nghiêm trì các điều học về Bát Quan Trai Giới, vị nam nhân này đã được tái sinh về Cõi Thiên Giới. Đức Vua **Ajātasattu** là con của Đức Vua **Bimbisāra**, ngay sau khi đã thọ mạng diệt thì phải tái sinh vào ở trong Cõi Địa Ngục Thống Khổ do bởi đã phạm vào Sát Tử Phụ Thân Ngũ Nghịch Vô Gián Nghiệp Lực.]

TRÌNH BÀY TƯ TÂM SỞ COI NHƯ LÀM THÀNH HẬU BÁO NGHIỆP LỰC TRONG DÒNG TÂM ĐỒNG LỰC CHỈ SINH KHỞI CÓ SÁU LẦN

Dựa theo niêm luật ở trong phần Tâm Đồng Lực thuộc Tổng Hợp Lộ Trình (**Vithī saṅgaha**) đã có trình bày nói rằng: **Kāmāvacarajavanāni sattakkhattuṃ chakkhat tumeva vā javanti - Dịch nghĩa là:** Tâm Đồng Lực Dục Giới đây sinh khởi thụ hưởng lấy Cảnh ở trong từng mỗi Lộ Trình có được bảy lần hoặc là sáu lần cũng có. Vì thế nếu ở trong bất luận Lộ Trình nào mà có Tâm Đồng Lực sinh khởi chỉ có sáu lần, thì coi như thế là Tư Tâm Sở hiện hữu ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ sáu, đích thị chính Hậu Báo Nghiệp Lực.

TRÌNH BÀY Ý KIẾN CỦA BẬC PHỤ CHÚ GIẢI MINH HIỂN (VIBHĀVINĪṬĪKĀCĀRYA)

Sā ca paṭisandhiṃ datvāva pavattivipākanaṃ deti, paṭisandhiyā pana adinnāya pavatti vipākaṃ detīti natthi, cutianantaraṃ hi upapajjavedanīyassa okāso - Dịch nghĩa nội dung chính là "Tư Tâm Sở hiện hữu ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ bảy, nếu như đã có được trổ sinh quả báo ở trong Thời Tái Sinh vào trong kiếp sống thứ hai rồi, thì cũng thường trổ sinh quả báo ở trong Thời Bình Nhật. Nếu như không có được cơ hội để trổ sinh quả báo ở trong Thời Tái Sinh tiếp nối với Thời Tử Vong ở trong kiếp sống hiện tại, thì đấy là thời gian có được cơ hội trổ sinh quả báo của Hậu Báo Nghiệp Lực."

Theo như Bậc Phụ Chú Giải Minh Hiển đã có đề cập đến như vậy, thì đó quả là việc không xác thực, bởi vì có tích truyện liên quan với Tư Tâm Sở hiện hữu ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ bảy đã có trổ sinh quả báo đặc biệt ở trong Thời Bình Nhật của kiếp sống thứ hai, như đã có được hiện bày ở trong câu chuyện của Túc Sinh Truyện **Bhūridatta**. Bậc Giác Hữu Tình (Bồ Tát) của chúng ta ở trong tiền kiếp sẽ đi tái sinh làm Bậc Long Vương, và đã có được dịp nhìn thấy tài sản của Bậc Long Vương thì liền phát sinh lên Tâm hoan hỷ duyệt ý, thời cũng muốn được đi tái sinh để sẽ được làm thành Bậc Long Vương. Thế rồi, Ngài đã nỗ lực tác hành mọi Thiện Sự, và thiết lập sở cầu sở nguyện để được sinh làm bậc Long Vương cùng với ấp khẳm tài sản của loài Chúa Rồng. Một khi đã mạng vong từ ở kiếp sống ấy, thì cũng được đi tái sinh làm thành Bậc Long Vương tương ứng đúng với sở nguyện cầu. Tuy nhiên việc đã được đi tái sinh làm Bậc Long Vương đây, đã được hiện hành với mãnh lực Bất Thiện Nghiệp Lực dắt dẫn đi tái sinh, mà chẳng phải là đã được hiện hành với mãnh lực từ Thiện Hậu Báo Nghiệp Lực mà Bậc Giác Hữu Tình đã từng thường luôn tác hành. Tuy nhiên tiếp nối theo sau đó ở trong Thời Bình Nhật, tức là sau khi đã được thành tựu việc sinh thành Bậc Long Vương thì cũng được thụ hưởng sự an lạc ở trong các tài sản ấy, ở dạng cực kỳ to lớn hoành tráng, với mãnh lực đích thị chính là từ Thiện Hậu Báo Nghiệp Lực ấy vậy. Với lý do này mới xác tín được rằng là Tư Tâm Sở hiện hữu ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ bảy mà được gọi là Hậu Báo Nghiệp Lực ấy, thì quả là cũng vẫn có được trổ sinh quả báo đặc biệt ở ngay trong Thời Bình Nhật. Vì thế, theo ý kiến của

Bậc Phụ Chú Giải Minh Hiển thì quả thật là không xác thực như đã có được đề cập đến rồi vậy.

Lại nữa, ở trong Bộ Phụ Chú Giải Minh Hiển **(Vibhāvinīṭīkā)** vẫn còn trình bày quan kiến của nhà Chú Giải (Ý kiến của bậc Chú Giải - **Ācariyavāda**) nói rằng: **Paṭisandhiyā pana dinnāya jātisate pi pavattivipākanaṃ deti - Dịch nghĩa là:** Tư Tâm Sở mà dùng ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ bảy, một khi trổ sinh quả báo ở trong Thời Tái Sinh trong sự tuần tự từ nơi Tâm Tử thì cũng có khả năng trổ sinh quả báo ở trong Thời Bình Nhật tiếp nối với nhau cho đến cả trăm kiếp sống. Ý kiến của Nhà Chú Giải như vầy cũng không xác thực, là bởi vì khi đi đến kiếp sống thứ ba thì chẳng còn phải là nhiệm vụ của Hậu Báo Nghiệp Lực sẽ trổ sinh quả báo, mà đó chính là nhiệm vụ của Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực. Khi là như vậy, thì chớ bảo rằng "sẽ trổ sinh quả báo tiếp nối với nhau cho đến cả trăm kiếp sống", chỉ vừa đến kiếp sống thứ ba thì đã không còn hiện hành được nữa rồi. Trong Bộ Chú Giải Tăng Chi Bộ Kinh **(Aṅguttara Atthakathā)** đã có trình bày để rằng những cả ba thể loại Nghiệp Lực này, đó là Hiện Báo Nghiệp Lực, Hậu Báo Nghiệp Lực và Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực thường có nhiệm vụ trong việc trổ sinh quả báo một cách đặc biệt là chỉ ở trong cương vị của mình ngần ấy mà thôi, chẳng có việc biến đổi thành thể loại khác được. Có ý nghĩa là Hiện Báo Nghiệp Lực sẽ phải thành Vô Hiệu Nghiệp Lực, và chẳng có việc chuyển đổi nhiệm vụ để mà trổ sinh quả báo ở trong kiếp sống thứ hai được nữa. Hậu Báo Nghiệp Lực có nhiệm vụ trổ sinh quả báo là chỉ ở trong kiếp sống thứ hai ngần ấy mà thôi. Một khi không có được cơ hội trổ sinh quả báo ở trong kiếp sống thứ hai rồi, thì cũng phải trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực, và chẳng có việc chuyển đổi nhiệm vụ để mà trổ sinh quả báo kể từ kiếp sống thứ ba trở đi được nữa. Và Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực thì có nhiệm vụ trổ sinh quả báo kể từ kiếp sống thứ ba trở đi suốt trọn mãi cho đến Viên Tịch Níp Bàn. Tuy nhiên nếu như người ấy đã đạt đến Níp Bàn trước khi Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực sẽ có được cơ hội để mà trổ sinh quả báo, thì loại Nghiệp Lực này sẽ phải thành Vô Hiệu Nghiệp Lực cũng tương tự như nhau. Như đã có trình bày nói rằng: **Diṭṭhadhammavedanīyaṃ upapajjavedanīyaṃ aparāpariya vedanīyanti tesaṃ saṅkammaṃ natthi yathā ṭhāneyeva tiṭṭhanti - Dịch nghĩa là:** Việc chuyển đổi cương vị từ ở việc trổ sinh quả báo của cả ba Nghiệp Lực, đó là Hiện Báo Nghiệp Lực, Hậu Báo Nghiệp Lực và Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực thường là không có, thường là chỉ trú túc ngay trong cương vị của mình ngần ấy thôi.

3. Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực (Aparāpariyavedanīyakamma): từ ngữ nói rằng **Aparapariyavedanīya** ở tại đây, khi chiết tự ra thì có được ba từ ngữ, đó là: **Apara + Apara + Vedanīya, Apara** lập ý đến kiếp sống khác, **Apara** lập ý đến kiếp sống khác, **Vedanīya** lập ý đến quả báo mà phải được đón nhận. Tuy nhiên ở tại nơi đây, lập ý lấy Nghiệp Lực mà trổ sinh quả báo là việc trình bày theo phần **Phạm Vi Quả Báo (Phalūpacāranaya).** Khi kết hợp lại vào nhau thì thành Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực. Lập ý đến Nghiệp Lực mà trổ sinh quả báo ở trong các kiếp sống khác khác. Như đã có được trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Apara ca apara ca = Aparāparo, Aparāparo yeva = Aparāpariyaṃ, Aparāpariya vedanīyaṃ = Aparāpariyavedanīyaṃ** - Những kiếp sống khác khác, được gọi là Hậu Hậu,

đích thị chính là những kiếp sống khác khác thì được gọi là Hậu Hậu. (Trong chỗ này **Iyapaccaya** không có trình bày nội dung một cách riêng biệt). Nghiệp Lực tác hành cho phải đón nhận quả báo ở trong các kiếp sống khác khác, gọi là Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực.

Việc trình bày câu Chú Giải như đã vừa đề cập đến ở tại đây, là việc trình bày theo phần **Pāḷi** ở trong Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp đã sử dụng từ ngữ nói rằng **Aparāpariyavedanīyaṃ**. Tuy nhiên ở trong phần Chánh Tạng **Pāḷi** Vô Tỷ Pháp, Bộ Đại Phụ Chú Giải Thanh Tịnh Đạo và Bộ Phụ Chú Giải Tăng Chi Bộ Kinh đã sử dụng từ ngữ để gọi Nghiệp Lực này, rằng là **Aparāpariyāvedanīya (Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực).**

Apara lập ý đến kiếp sống khác mà ngoài ra kiếp sống Hiện Báo, tức là kiếp sống này. Và kiếp sống Hậu Báo là kiếp sống tới, tức là kiếp sống thứ ba trở đi, **Pariyāya** lập ý đến các kiếp sống tiếp nối đi quanh quẩn, **Vedanīya** lập ý đến quả báo mà phải được đón nhận. Tuy nhiên ở trong chỗ này, lập ý lấy Nghiệp Lực mà trổ sinh quả báo. Khi kết hợp lại vào nhau thì thành Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực, lập ý đến Nghiệp Lực mà trổ sinh quả báo ở trong các kiếp sống khác khác, tính kể từ kiếp sống thứ ba trở đi. Như đã có được trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Pariyāyati punappunaṃ āgacchatīti = Pariyāyo** - Kiếp sống nào thường có thực tính luân phiên quanh quẩn, tức là tử vong rồi liền tái sinh trở lại, như thế kiếp sống ấy gọi là "Luân Phiên Quanh Quẩn".

Aparo ca so pariyāyo cāti = Aparapariyāyo - Kiếp sống mà ngoài ra Hiện Báo kiếp sống và Hậu Báo kiếp sống, có thực tính luân phiên quanh quẩn, tức là tử vong rồi liền tái sinh trở lại, như thế kiếp sống ấy mới gọi là Hậu Hậu Báo, tức là các kiếp sống tiếp nối tính kể từ kiếp sống thứ ba trở đi.

Aparapariyāya vedanīyaṃ phalaṃ etassāti = Aparapariyāyavedanīyaṃ - Với Nghiệp Lực nào mà có quả báo mà phải được đón nhận ở trong các kiếp sống tính kể từ kiếp sống thứ ba trở đi, như thế Nghiệp Lực ấy mới gọi là Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực. Việc trình bày câu Chú Giải như đã vừa đề cập đến tại đây, là việc trình bày cho hiểu biết được rằng khi phân tích kiếp sống theo sự việc được đón nhận quả báo của các Nghiệp Lực ấy thì có được ba thể loại, đó là:

1/ Hiện Báo kiếp sống tức là kiếp sống này,

2/ Hậu Báo kiếp sống tức là kiếp sống tới,

3/ Hậu Hậu Báo kiếp sống tức là kiếp sống thứ ba trở đi suốt trọn mãi cho đến kiếp sống cuối cùng là đạt đến việc Viên Tịch Níp Bàn.

Khi đề cập đến Nghiệp Lực mà trổ sinh quả báo ở trong Hậu Hậu Báo kiếp sống đó, thì Nghiệp Lực ấy cũng được gọi là **Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực (Aparapariyavedanīya kamma)** hoặc là **Đẳng Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực (Aparāpariyavedanīyakamma),** tức là Tư Tâm Sở hiện hữu ở trong năm cái Tâm Đổng Lực ngay khoảng giữa, đó là kể từ cái Tâm Đổng Lực thứ hai cho đến cái Tâm Đổng Lực thứ sáu. Và Đẳng Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực đây, là khi có được cơ hội trổ sinh quả báo thì thường là trổ sinh quả báo hoài hoài, không có việc làm thành Vô Hiệu Nghiệp Lực mãi cho đến khi người ấy sẽ đạt đến Viên Tịch Níp Bàn thì lúc ấy mới sẽ thành Vô Hiệu Nghiệp Lực. Thích hợp với Ngài Chú Giải Sư đã có trình bày để ở trong Bộ Chú Giải Tăng Chi Bộ Kinh và Bộ Chú Giải Trung Phần Ngũ Thập

thuộc Trung Bộ Kinh nói rằng: **Abhiṇṇaṃ antare pañcajavanacetanā aparā pariyāvedanīya kammaṃ nāma taṃ anāgate yadā sokāsaṃ labhati tadā vipākaṃ deti, sati saṃsāra pavattiyā ahosikammaṃ nāma nahoti - Dịch nghĩa là:** Năm Tư Tâm Sở Đồng Lực trú túc ở trong khoảng giữa từ ở cái Tâm Đồng Lực thứ nhất và thứ bảy, gọi là Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực. Với thể loại Nghiệp Lực này, bất luận vào trong thời gian nào thuộc ở thời vị lai mà có được cơ hội rồi, thì vào thời gian ấy thường là trổ sinh quả báo. Khi kiếp sống luân hồi của người ấy vẫn còn luân chuyển hồi quy thì Nghiệp Lực này sẽ hiện hành và không thể nào gọi là Vô Hiệu Nghiệp Lực được.

Việc trổ sinh quả báo Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực đây, thường là trổ sinh quả báo ở cả Thời Tái Sinh và luôn cả Thời Bình Nhật. Tuy nhiên có khởi lên câu vấn hỏi rằng: "Tư Tâm Sở mà gọi là Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực đây, trong từng mỗi Lộ Trình Tâm hiện hữu được năm. Khi là như vậy, việc trổ sinh quả báo ở trong Thời Tái Sinh thì sẽ trổ sinh quả báo cho người ấy đến cả năm lần có được hay không ?" Điều này trả lời là "Không thể được." Giải thích rằng Tư Tâm Sở ở trong những năm cái Tâm Đồng Lực này, nếu như đã có được cơ hội trổ sinh quả báo ở trong Thời Tái Sinh thì thường là trổ sinh chỉ có một lần một, tức là khởi sinh chỉ có một lần một ngần ấy thôi. Đối với việc trổ sinh quả báo ở trong Thời Bình Nhật thì vô hạn, tức là có khả năng trổ sinh quả báo cho được rất nhiều kiếp sống, vô số kiếp sống, nếu như có được cơ hội thích hợp.

Lại nữa, việc trổ sinh quả báo ở trong Thời Tái Sinh của Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực đã có được đề cập đến rằng nếu như có được cơ hội rồi, thì thường trổ sinh quả báo chỉ có một lần một. Trong việc sử dụng từ ngữ nói rằng "Nếu như có được cơ hội" ấy, giải thích được rằng việc tạo tác sắp bày cho đặng thành tựu quả phước là sẽ phải hội đủ viên mãn với bảy lần Tâm Đồng Lực. Khi đã hội đủ với bảy lần Tâm Đồng Lực thì được gọi là một Nghiệp Lực hoặc là một Tư Tâm Sở. Và năng lực sẽ trổ sinh quả báo ở trong Thời Tái Sinh là chỉ có một lần. Nếu Lộ Trình Tâm sinh khởi được hai Lộ Trình thì quả báo cũng trổ sinh được hai lần. Và nếu như Lộ Trình Tâm sinh khởi từ ba lần trở đi thì quả báo cũng trổ sinh được ba lần trở đi, cũng tương tự như nhau. Và trong tất cả bảy lần Tâm Đồng Lực mà ở trong từng mỗi một Lộ Trình Tâm, thì Tư Tâm Sở có được quyền năng trổ sinh quả báo ở trong Thời Tái Sinh là chỉ có sáu lần. Tức là Tư Tâm Sở hiện hữu ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ bảy thì gọi là Hậu Báo Nghiệp Lực. Và Tư Tâm Sở hiện hữu ở trong năm cái Tâm Đồng Lực ở khoảng giữa thì gọi là Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực. Còn Tư Tâm Sở hiện hữu ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ nhất ấy, thì không có được quyền năng cho trổ sinh quả báo ở trong Thời Tái Sinh. Vì thế, nếu như Hậu Báo Nghiệp Lực ở trong một Lộ Trình Tâm có được cơ hội trổ sinh quả báo ở trong Thời Tái Sinh rồi, thì Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực hiện hữu ở trong cùng một Lộ Trình Tâm ấy, cũng không có được cơ hội trổ sinh quả báo ở trong Thời Tái Sinh được nữa, và chỉ có trổ sinh quả báo ở trong Thời Bình Nhật ngần ấy thôi. Và nếu như Hậu Báo Nghiệp Lực ở trong các Lộ Trình Tâm ấy không có được cơ hội trổ sinh quả báo ở trong Thời Tái Sinh trong kiếp sống thứ hai rồi, thì thay vào đó là Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực ở trong các tiền kiếp trước trước đó cũng có được cơ hội trổ sinh quả báo ở trong Thời Tái Sinh. Khi là như vậy thì Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực ở ngay trong kiếp sống

hiện tại trong cùng một Lộ Trình Tâm với Hậu Báo Nghiệp Lực ấy, cũng sẽ có được cơ hội trổ sinh quả báo Thời Tái Sinh ở trong kiếp sống tới, tính kể từ kiếp sống thứ ba trở đi. Là bởi vì quyền năng ở trong việc trổ sinh quả báo ấy vẫn còn hiện hữu. Với lý do này, mới sử dụng từ ngữ để nói rằng "Nếu như có được cơ hội". Thích hợp với Ngài Chú Giải Sư đã có trình bày để ở trong Bộ **Aṭṭhasālinī** đã có Chú Giải nói rằng **Ekāya cetanāya kamme āyūhite ekā paṭisandhi hoti - Dịch nghĩa là:** Khi đã tạo tác Nghiệp Lực với một Tư Tâm Sở thì Tư Tâm Sở có được bảy lần Tâm Đổng Lực, và một lần Tái Sinh thường được sinh khởi.

Điều này trình bày cho được hiểu biết rằng người mà tái sinh ở trong **Vô Gián Đại Địa Ngục (Avīcimahānaraka)** là do bởi mãnh lực Hậu Báo Nghiệp Lực mà có liên hệ với Ngũ Nghịch Vô Gián Nghiệp Lực hoặc Chuẩn Xác Tà Kiến. Khi đã thoát khỏi nơi Vô Gián Đại Nghiệp Lực rồi, thì hạng người này sẽ phải đi tái sinh ở trong Vô Gián Đại Địa Ngục lần nữa, do bởi mãnh lực Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực đang trú túc ở trong cùng một Lộ Trình Tâm với Hậu Báo Nghiệp Lực ấy thường là không có hiện hành được như vậy. Tuy nhiên dù sao đi nữa việc tạo tác từng mỗi Nghiệp Lực ấy thì có được ba hoặc bốn thể loại Tư Tâm Sở với nhau. Đó là:

1/ Tư Tiền (Pubbacetanā) là Tư Tâm Sở sinh khởi trước khi tạo tác,

2/ Tư Hiện (Muñcacetanā) là Tư Tâm Sở sinh khởi trong sát na đang tạo tác,

3/ Tư Hậu (Aparacetanā) là Tư Tâm Sở sinh khởi sau khi đã tạo tác. Hoặc là

4/ Tư Hậu Hậu (Aparāparacetanā) là Tư Tâm Sở sinh khởi sau khi đã tạo tác với thời gian lâu dài.

Trong tất cả những bốn thể loại Tư Tâm Sở này thì từng mỗi thể loại có quyền năng sẽ trổ sinh quả báo ở trong Thời Tái Sinh là có được hai thể loại, đó là Hậu Báo Nghiệp Lực và Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực. Khi kết hợp lại thì trong từng mỗi hành động tạo tác ấy thì có được tám thể loại Nghiệp Lực có quyền năng ở trong Thời Tái Sinh, đó là:

1. Trong Tư Tiền có được hai thể loại.
2. Trong Tư Hiện có được hai thể loại.
3. Trong Tư Hậu có được hai thể loại. Và
4. Trong Tư Hậu Hậu có được hai thể loại.

Đây là việc tính đếm theo **Thường Hữu Phổ Thông (Sāmaññā)**, không có đề cập đến Lộ Trình Tâm.

Trong những cả tám thể loại Nghiệp Lực này thì có bốn là Hậu Báo Nghiệp Lực, và có bốn là Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực. Đối với việc trổ sinh quả báo ấy, nếu như Hậu Báo Nghiệp Lực ở trong bất luận một trong các thể loại nào của Tư Tâm Sở mà có được cơ hội trổ sinh quả báo Tái Sinh rồi, thì ba thể loại Hậu Báo Nghiệp Lực ở trong các thể loại Tư Tâm Sở khác đó cũng không có quyền năng trổ sinh quả báo ở trong Thời Tái Sinh được, và chỉ có trổ sinh quả báo ở trong Thời Bình Nhật ngần ấy thôi. Và sau khi Hậu Báo Nghiệp Lực mà đã trổ sinh quả báo Tái Sinh rồi đó, cũng vừa chấm dứt quyền năng trổ sinh quả báo ở trong Thời Tái Sinh, thì Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực trú túc ở trong cùng một thể loại Tư Tâm Sở với Hậu Báo Nghiệp Lực ấy, liền trổ sinh quả báo chỉ ở trong Thời Bình Nhật khi

có được cơ hội, tính kể từ kiếp sống thứ ba trở đi. Đối với ba thể loại Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực trú túc ở trong các thể loại Tư Tâm Sở khác đó, thì thường có quyền năng trổ sinh quả báo ở trong Thời Tái Sinh, được tính kể từ kiếp sống thứ ba trở đi cho đến khi người ấy sẽ đạt đến Viên Tịch Níp Bàn. Bởi chính lý do ấy, một khi người đã tạo tác xong xuôi một thể loại Nghiệp Lực nào rồi, nếu là Nghiệp Lực ở phần xấu ác thì Nghiệp Lực ấy cũng có khả năng trổ sinh quả báo cho người ấy phải đi tái sinh ở trong Cõi Thống Khổ Địa Giới, có Địa Ngục, v.v. trải qua rất nhiều đời nhiều kiếp. Và nếu là Nghiệp Lực ở phần tịnh hảo tốt đẹp thì Nghiệp Lực ấy cũng có khả năng trổ sinh quả báo cho người ấy đi tái sinh ở trong Cõi Thiện Thú Địa Giới, làm thành Nhân Loại hoặc Chư Thiên, v.v. trải qua rất nhiều đời nhiều kiếp, cũng tương tự như nhau. Tất cả là như vậy, là cũng bởi do mãnh lực từ Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực trú túc ở trong các thể loại của Tư Tâm Sở, và đó chính là Tư Tiền, Tư Hiện, Tư Hậu, v.v. Thích hợp với Ngài Chú Giải Sư đã có trình bày để ở trong Bộ **Aṭṭhasālinī** đã có Chú Giải nói rằng: **Nānā cetanā hi kamme āyuhite nānā hoti paṭisandhi - Dịch nghĩa là:** Người đã tạo tác Nghiệp Lực với các thể loại Tư Tâm Sở, gồm có Tư Tiền, v.v. thì việc tái sinh của người ấy cũng thường được tái sinh rất nhiều lần.

Việc trình bày như đã vừa đề cập tại đây, là việc trình bày đi theo phần phân tích đã có hiện bày ở trong Chánh Tạng **Pāḷi** Trạng Thái Tương Ưng Bộ Kinh **(Lakkhaṇa saṅyutta)** và Bộ Chú Giải, Chánh Tạng **Pāḷi Tứ Phần Bất Cộng Trụ (Catutthapārājika)** và Bộ Chú Giải. Dựa theo Bộ Phụ Chú Giải Xua Tan Hoài Nghi **(Vimativinodanīṭīkā)** đã có trình bày tích truyện nói rằng: "Có một nam nhân kết hợp với việc mưu sinh qua việc sát tử loài bò. Khi người nam nhân ấy đã mạng vong, khi đã lìa khỏi thế gian này thì liền đi tái sinh ở trong Cõi Địa Ngục và phải bị thụ lãnh sự thống khổ cùng cực trải qua một thời gian rất lâu dài. Khi đã được thoát ra khỏi Cõi Địa Ngục ấy thì đã đi tái sinh làm thành hạng **Cốt Tử Ngạ Quỷ (Aṭṭhisaṅkharikapeta)** là hạng Ngạ Quỷ chỉ có xương dính vào nhau, ở trên đỉnh **Linh Thứu Sơn (Gijjhakūṭa)**."

Tích truyện này đã có việc phân tích là: "Việc nam nhân ấy phải đi tái sinh ở trong Cõi Địa Ngục là do bởi mãnh lực từ Hậu Báo Nghiệp Lực hiện hữu ở trong phần **Tư Hiện (Muñcacetanā)**. Còn việc đi tái sinh làm thành Ngạ Quỷ, là cũng do bởi mãnh lực từ **Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực** hiện hữu ở trong phần **Tư Tiền (Pubbacetanā)** hoặc **Tư Hậu (Aparacetanā)**. Như có phần dẫn chứng **Pāḷi** đã có trình bày để ở trong Bộ Phụ Chú Giải Xua Tan Hoài Nghi nói rằng: **Tena goghātaka kammakkhaṇe pubba cetanā apara cetanā sanniṭṭhāpaka cetanāti ekasmiṃpi pāṇātipāte bahū cetanā honti, nana pāṇātipātesu vattabbameva natthi. Tattha ekāya cetanāya narake pacitvā tadaññā cetanāsu ekāya aparāpariya cetanāya imasmiṃ pettatabhave nibbattoti dasseti - Dịch nghĩa là:** Dựa theo tích truyện này đã trình bày cho thấy rằng: Trong sát na mà sát tử loài bò thì thường có khởi sinh lên ba thể loại Tư Tâm Sở, đó là Tư Tiền, Tư Hiện, Tư Hậu. Cho dù việc sát tử loài Hữu Tình là chỉ có một lần duy nhất, tuy nhiên đã có rất nhiều thể loại Tư Tâm Sở cùng sinh khởi. Đối với việc sát tử loài Hữu Tình với rất nhiều lần, thì không thể nào nhớ hết được để mà nói đến được. Và ở trong tất cả ba thể loại Tư Tâm Sở ấy, thì nam nhân mà đã sát tử loài bò, đã phải bị thụ lãnh quả báo ở trong Cõi Địa Ngục, là cũng do bởi

nương vào Hậu Báo Nghiệp Lực hiện hữu ở trong phần Tư Hiện. Và rồi việc phải đi thọ sinh làm thành hạng Ngạ Quỷ, là cũng do bởi nương vào Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực ở trong các Tư Tâm Sở khác khác mà ngoài ra khỏi của phần Tư Hiện.

TRÌNH BÀY THỜI GIAN HẬU HẬU BÁO NGHIỆP LỰC CHẤM DỨT MÃNH LỰC

Theo phần nhiều thường hay hiểu biết với nhau rằng Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực này bất luận là thể loại nào đi nữa, ắt hẳn là thường hay có khả năng trổ sinh quả báo trùng lặp với nhau rất nhiều lần. Việc hiểu biết như vầy là cũng do bởi nương vào việc đã có đề cập nói đến rằng Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực thường luôn trổ sinh quả báo ở trong Thời Chuyển Khởi tính kể từ kiếp sống thứ ba trở đi, mãi cho đến kiếp sống mà đạt đến được Viên Tịch Níp Bàn. Sự thật đó, thì quả không là như vậy ! Là bởi vì bất luận Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực nào đã trổ sinh quả báo ở trong Thời Chuyển Khởi rồi, thì Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực ấy cũng phải là chấm dứt mãnh lực đi, không có việc tiếp tục đuổi theo để trổ sinh quả báo được nữa, cho dù người ấy sẽ vẫn chưa có đạt đến được Viên Tịch Níp Bàn. Còn Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực nào mà vẫn chưa có được cơ hội trổ sinh quả báo ở trong Thời Bình Nhật, thì Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực ấy cũng có được cơ hội tiếp nối theo để trổ sinh quả báo xuyên suốt cho đến người ấy đạt đến được Viên Tịch Níp Bàn.

Trong Tiểu Tập Túc Sinh Truyện đã có trình bày rất nhiều tích truyện mà hữu quan với việc sát tử loài Hữu Tình rằng: Một người đã cố quyết sát tử loài Hữu Tình, một khi đã mạng vong lìa khỏi thế gian này thì phải đi tái sinh ở trong Cõi Địa Ngục. Rồi khi đã thoát khỏi Nghiệp Lực từ ở nơi Cõi Địa Ngục và phải đi tái sinh cho dù bất luận ở trong một Cõi Địa Giới nào thì cũng phải luôn bị giết chết trong từng mỗi kiếp sống, bằng với số lông của loài Hữu Tình mà mình đã sát tử đó, với mãnh lực từ Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực trong từng mỗi Lộ Trình Tâm hữu quan với Tư Tiền và Tư Hậu. Khi kiếp sống cuối cùng sẽ chấm dứt khỏi Nghiệp Lực này, thì người ấy được sinh thành Nhân Loại và có được sự truy niệm lại kiếp sống. Vì thế vào thời khắc bị sát tử ở trong lần cuối cùng, người ấy mới có sự hoan hỷ để sẽ đón nhận Nghiệp Lực ấy bằng cách thốt lên lời nói rằng: "Tôi đây đã bị người ta giết chết rất nhiều lần, rất nhiều đời nhiều kiếp, quả thật là đếm không xuể. Đến lần này, Tôi đây đã được thoát khỏi Nghiệp Lực ấy rồi, và Tôi đây đã không còn phải bị sát tử lại nữa." Tại đây đã trình bày cho thấy được rằng mãnh lực từ nơi Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực ấy đã được chấm dứt, mới chấm dứt được việc tiếp tục đuổi theo để trổ sinh quả báo, dù cho người ấy vẫn chưa có được đạt đến Viên Tịch Níp Bàn đi nữa. Tuy nhiên nếu như mãnh lực của Nghiệp Lực ấy vẫn chưa có được chấm dứt, thì vẫn còn phải chực chờ rượt đuổi theo mãi để trổ sinh quả báo hoài hoài, mỗi khi có được cơ hội vào thời gian nào thì quả báo trổ sinh ngay thời gian đó. Do vậy ở trong Bộ Chú Giải Túc Sinh Truyện Vua **Nemi** (**Nemirāja jataka**) mới trình bày để rằng: **Aparāparavedanīyaṃ pana vipākaṃ adatvā na nassati - Dịch nghĩa là:** Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực thường không diệt mất được, nếu như vẫn chưa có được trổ sinh quả báo. (Đây là việc trình bày một cách trực tiếp) Việc trình bày dựa theo

phần **Pāḷi** ở điều này đã làm cho biết được rằng "một khi đã trổ sinh quả báo rồi thì ắt hẳn là phải diệt mất". (Đây là việc trình bày một cách gián tiếp).

[Dẫn chứng tích truyện về việc trổ sinh quả báo từ Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực: Ngài Trưởng Lão Alahán **Moggallāna** ở trong một tiền kiếp quá khứ đã nghe lời người vợ xấu ác xúi giục, và đã âm mưu hãm hại Phụ Mẫu của mình. Do hành động sai lầm ấy, Ngài đã phải trải qua một thời gian rất lâu dài ở trong Cõi Thống Khổ, và ngay ở trong kiếp sống cuối cùng, Ngài đã bị một bọn cướp đến sát hại, dẫn đến phải thọ mạng diệt. Đức Phật đã bị vu oan là đã sát hại một vị Nữ Tu Sĩ theo Đạo Bà La Môn thuộc phái lõa thể. Kinh sách đã có ghi chép rằng sở dĩ Đức Phật phải chịu tiếng hàm oan như vậy, là bởi do ở trong một tiền kiếp quá khứ Ngài đã thiếu lễ độ đối với một vị Độc Giác Phật. Tỳ Khưu **Devadatta** mưu toan sát hại Đức Phật, đã lăn một tảng đá lớn từ ở trên núi cao rơi xuống và đã làm chảy máu chân của Đức Phật. Kinh sách đã có ghi chép rằng ở trong một tiền kiếp quá khứ xa xưa, Ngài đã lỡ tay sát tử một người em khác Mẹ của mình, để đoạt lấy tài sản của cải trong một vụ tranh chấp.]

4. Vô Hiệu Nghiệp Lực (Ahosikamma): gọi là Vô Hiệu Nghiệp Lực đây, là cách nói đã được dựa theo phần Chánh Tạng **Pāḷi** của Bộ Kinh Vô Ngại Giải Đạo **(Paṭisambhidāmagga)** đã có trình bày để rằng: **Ahosi kammaṃ nāhosi kammavipāko, ahosi kammaṃ natthi kammavipāko, ahosi kammaṃ nabhavissati kammavipāko - Dịch nghĩa là:** Đối với Nghiệp Lực ấy đã hoàn mãn rồi, tuy nhiên quả báo của Nghiệp Lực ấy đâu có phải đã sinh khởi rồi đâu **(Vô Hiệu Nghiệp Quả).** Nghiệp Lực ấy đã hoàn mãn rồi, tuy nhiên quả báo của Nghiệp Lực ấy thì chẳng phải là đang sinh khởi **(Vô Tựu Nghiệp Quả).** Nghiệp Lực ấy đã hoàn mãn rồi, tuy nhiên quả báo của Nghiệp Lực ấy sẽ không sinh khởi **(Vô Hữu Nghiệp Quả).** Như đã có trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Ahosi ca taṃ kammañcāti = Ahosikammaṃ - Dịch nghĩa là:** Nghiệp Lực mà gọi là Vô Hiệu cũng phải, làm thành Nghiệp Lực cũng phải, như thế Nghiệp Lực ấy mới gọi là Vô Hiệu Nghiệp Lực. Dịch nghĩa theo một cách khác nữa là: Nghiệp Lực nào đã tác hành hoàn mãn rồi cũng phải, làm thành Nghiệp Lực cũng phải, như thế Nghiệp Lực ấy mới gọi là Vô Hiệu Nghiệp Lực.

Giải thích rằng: Vô Hiệu Nghiệp Lực này không có Chi Pháp một cách riêng biệt. Tức là Tư Tâm Sở hiện hữu ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ nhất thì gọi là Hiện Báo Nghiệp Lực, Tư Tâm Sở hiện hữu ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ bảy thì gọi là Hậu Báo Nghiệp Lực và Tư Tâm Sở hiện hữu ở trong năm Tâm Đồng Lực ngay chính giữa thì gọi là Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực; đích thị chính những thể loại này khi đến thời gian của mình đã hạn định mà vẫn chưa có được trổ sinh quả báo thì được gọi là Vô Hiệu Nghiệp Lực. Như đã có được trình bày để ở trong phần **Tuệ Phân Tích (Ñāṇavibhaṅga)** thuộc Bộ Chú Giải Xua Tan Mê Mờ **(Sammohavinodanī Atthakathā)** nói rằng: **Diṭṭhadhammavedanī yādīsu pana bahūsu pi āyu hitesu ekaṃ diṭṭhadhammavedanīyaṃ vipākaṃ deti, sesāni avipākāni, ekaṃ upapajjavedanīyaṃ paṭisandhiṃ ākaddhati sesāni avipākāni, ekena anantariyena niraye uppaccati, sesāni avipākāni. Aṭṭhasu samāpattīsu ekāya brahmaloke nibbatti, sesā avipākā, idaṃ saddhāya nāhosi kammavipākoti vuttaṃ - Dịch nghĩa nội dung chính là:** Trong tất cả các Nghiệp Lực đã kiến tạo ứng hợp với nhiều

thể loại, gồm có Hiện Báo Nghiệp Lực v.v. và bất luận một thể loại Hiện Báo Nghiệp Lực nào thường trổ sinh quả báo thì Hiện Báo Nghiệp Lực khác ngoài ra đó sẽ không có thể trổ sinh quả báo được, mới trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực. Bất luận một thể loại Hậu Báo Nghiệp Lực nào khởi sinh lên và dắt dẫn cho đi tái sinh thì Hậu Báo Nghiệp Lực khác ngoài ra đó sẽ không có thể trổ sinh quả báo được, mới trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực. Bởi do dựa vào bất luận một thể loại Vô Gián Nghiệp Lực nào mà đã trổ sinh quả báo, làm cho phải đi tái sinh vào trong Cõi Giới Địa Ngục, thì Vô Gián Nghiệp Lực khác ngoài ra đó cũng không có thể trổ sinh quả báo được, mới trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực. Bởi do nương vào bất luận một thể loại tầng **Nhập Thiền Định (Jhānasamāpatti)** nào ở trong những Bát Định ấy trổ sinh quả báo, làm cho được tái sinh vào trong Cõi Phạm Thiên Giới thì các tầng Nhập Thiền Định khác ngoài ra đó, cũng sẽ trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực. Ngài Trưởng Lão **Sāriputta** đã lập ý lấy thể loại Nghiệp Lực này mới nói rằng: **Nāhosi kammavipāko** - Quả báo của Nghiệp Lực ấy đâu có phải đã sinh khởi rồi đâu **(Vô Hiệu Nghiệp Quả).**

Giải thích rằng:

+ Bất luận một người nào trong khoảng thời gian khi vẫn còn hiện hữu sinh mạng đã có được kiến tạo các thể loại Nghiệp Lực, và có được khả năng trổ sinh quả báo ngay ở trong kiếp sống hiện tại. Trong tất cả những thể loại Nghiệp Lực ấy, nếu như bất luận một thể loại Nghiệp Lực nào trổ sinh quả báo để cho có được hiện bày, các Hiện Báo Nghiệp Lực còn lại cũng không có được cơ hội để mà trổ sinh quả báo, lúc bấy giờ mới trở thành một thể loại Vô Hiệu Nghiệp Lực.

+ Đã có được kiến tạo các thể loại Hậu Báo Nghiệp Lực ứng hợp, nếu như bất luận một thể loại Nghiệp Lực nào trổ sinh quả báo Tái Sinh ở trong kiếp sống thứ hai, thì Hậu Báo Nghiệp Lực còn lại cũng không có cơ hội để trổ sinh quả báo Tái Sinh ở trong kiếp sống thứ hai được, và chỉ trổ sinh quả báo vào trong Thời Bình Nhật ở ngay trong kiếp sống thứ hai ngần ấy thôi. Và nếu như cũng không có được cơ hội để trổ sinh quả báo vào trong Thời Bình Nhật ngay trong kiếp sống thứ hai thì lúc bấy giờ mới trở thành một thể loại Vô Hiệu Nghiệp Lực.

+ Người nào đã có tạo tác hết tất cả Ngũ Nghịch Vô Gián Nghiệp Lực, một khi đã mạng vong lìa khỏi thế gian này rồi, thì đối với Chia Rẽ Tăng Đoàn Nghiệp Lực là một loại Nghiệp Lực cực kỳ nghiêm trọng, ắt hẳn là trổ sinh quả báo Tái Sinh ở ngay trong kiếp sống thứ hai. Còn các Ngũ Nghịch Vô Gián Nghiệp Lực còn lại cũng trở thành một thể loại Vô Hiệu Nghiệp Lực.

+ Người đã chứng đắc cả Bát Thiền Định, tức là hết cả thảy **Tứ Thiền Sắc Giới (Rūpajhāna)** và **Tứ Thiền Vô Sắc Giới (Arūpajhāna).** Một khi người ấy thọ mạng diệt, lìa khỏi thế gian này thì bất luận một tầng Thiền Định nào ngặt là thể loại dính mắc ái luyến **(Nikantitaṇhā – Tham Ái)** của **Bậc Phúc Lộc Thiền Giả (Jhānalābhīpuggala)** ấy mà đã trổ sinh quả báo Tái Sinh ở trong Cõi Phạm Thiên Giới thì các tầng Thiền Định còn lại cũng trở thành một thể loại Vô Hiệu Nghiệp Lực.

+ Các Tư Tâm Sở, cho dù sẽ là Thiện hoặc là Bất Thiện, mà không có cơ hội trổ sinh quả báo thì trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực cũng có rất nhiều thể loại, hiện hành cũng trong cùng một phương thức với điều mà đã vừa đề cập đến ở phần trên.

Ngoài ra cũng vẫn có Tư Tâm Sở Thiện, Bất Thiện thông thường, nghĩa là bất thành **Nghiệp Đạo (Kammapatha – Đạo Lộ Nghiệp Lực)** tức là Thiện hoặc Bất Thiện ở nơi người hành động tạo tác mà không có thực sự chú tâm một cách đặc biệt để thực hiện, chẳng qua là thực hiện một cách hời hợt, chẳng hạn như là nhìn thấy người ta làm thì cũng làm theo, hoặc là bị người khác rủ rê rồi cũng làm theo mà chẳng có sự chú tâm để ý đến thực hiện. Những thể loại này cũng vẫn hiện hữu rất nhiều ở trong từng mỗi một con người. Những thể loại Tư Tâm Sở Thiện và Bất Thiện này, cho dù đã có nói rằng có mãnh lực trổ sinh quả báo ở trong Thời Bình Nhật là sự thật đi nữa, tuy nhiên những thể loại mãnh lực này cũng không thể nào tiếp nối hiện hữu rõ ràng ở trong bản tánh Uẩn Pháp; vì thế ở phần đa số, mới trở thành một thể loại **Vô Hiệu Nghiệp Lực.**

Lại nữa, từ ngữ **Pāḷi** nói rằng **Sesāni avipākāni** - được dịch nghĩa là các Hậu Báo Nghiệp Lực còn lại, các Vô Gián Nghiệp Lực còn lại, các tầng Nhập Thiền Định còn lại, không có cơ hội trổ sinh quả báo thì mới trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực đó. Ý nghĩa của sự việc này chỉ lập ý đến việc trổ sinh quả báo ở trong Thời Tái Sinh ngần ấy thôi. Đối với việc trổ sinh quả báo ở trong Thời Bình Nhật và việc hỗ trợ giúp đỡ đối với các Nghiệp Lực khác, để có được cơ hội trổ sinh quả báo ở trong Thời Tái Sinh là không có điều chi trở ngại. Chẳng hạn như người đã tác hành **Xả Thí (Dāna), Trì Giới (Sīla), Tu Tập (Bhāvanā),** một khi người ấy mạng vong lìa khỏi kiếp sống này, nếu như Hậu Báo Nghiệp Lực mà hữu quan với **Tu Tập Thiện (Bhāvanākusala)** đã có được cơ hội trổ sinh quả báo Tái Sinh rồi, thì các Hậu Báo Nghiệp Lực mà hữu quan với Xả Thí, Trì Giới không có được cơ hội trổ sinh quả báo ở trong Thời Tái Sinh, thì liền trở thành việc giúp đỡ bảo hộ đối với Tu Tập Thiện mà đã có được trổ sinh quả báo ở trong Thời Tái Sinh ấy cho có được thêm nhiều năng lực. Và nếu như không có cơ hội bảo hộ đối với Tu Tập Thiện ấy thì ắt hẳn cũng có được cơ hội trổ sinh quả báo ở trong Thời Bình Nhật. Trong các Nghiệp Lực khác, **Sát Tử (Pāṇā), Thâu Đạo (Adinnā), Tà Hạnh (Kāme)** v.v. hoặc luôn cả Ngũ Nghịch Vô Gián Nghiệp Lực cũng hiện hành một cách tương tự như nhau. Đối với các tầng Thiền Định chứng đắc ấy, nếu như bất luận một tầng Thiền Định nào trổ sinh quả báo ở trong Thời Tái Sinh rồi, thì các tầng Thiền Định khác ngoài ra đó cũng trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực. Câu chuyện này đã được tất cả những Bậc Phụ Chú Giải Sư trình bày để ở trong Bộ Phụ Chú Giải Tăng Chi Bộ Kinh và Phụ Chú Giải Ngũ Thập Thượng Phần nói rằng: **Itaresuṃ pavattivipākadāyitā anuññātā viya dissati** - Tất cả bậc Trí Giả nên hiểu biết đến việc trổ sinh quả báo ở trong Thời Bình Nhật của các Nghiệp Lực còn lại ngoài ra đó, là cũng tương tự với Ngài Đại Chú Giải Sư **Buddhaghosa** đã đồng ý cho phép được hiện hành như vậy.

Itarāni pana tassa anubala dāyikāni honti na paṭisandhi dāyikāni - (trích ở trong Bộ Phụ Chú Giải Ngũ Thập Trung Phần) nói rằng: Các Hậu Báo Nghiệp Lực còn lại ắt hẳn hỗ trợ giúp đỡ đối với Hậu Báo Nghiệp Lực đã có cơ hội trổ sinh quả báo ấy vậy.

Ekassa pana anunnāni pi upatthambhakāni honti - (trích ở trong Bộ Căn Phụ Chú Giải (**Mūlaṭīkā**) nói rằng: Cho dù các loại Nghiệp Lực còn lại ấy (trừ ra Nhập Thiền Định) không có cơ hội trổ sinh quả báo ở trong Thời Tái Sinh là sự thật đi nữa, tuy nhiên ắt hẳn có được cơ hội giúp đỡ hỗ trợ đối với các Vô Gián Nghiệp Lực khác, và các Thiện Hậu Báo Nghiệp Lực khác cho có được thêm nhiều năng lực hơn cả tự bản thân mình.

VIỆC TẠO THIỆN SỰ CỦA NHÓM NGƯỜI NÀO PHẦN NHIỀU TRỞ THÀNH VÔ HIỆU NGHIỆP LỰC VÀ PHƯƠNG THỨC LÝ GIẢI

Người đã tạo tác Bất Thiện Nghiệp Lực mà không có thực sự đặc biệt chủ tâm để thực hiện, đó chỉ là việc tạo tác một cách tình cờ ngẫu nhiên, hoặc chẳng hạn như là nhìn thấy người ta làm thì cũng làm theo, v.v. Như thế, thể loại Bất Thiện Nghiệp Lực này mới không có đủ năng lực để sẽ nối tiếp hiện hữu rõ ràng ở trong bản tánh Uẩn Pháp được, và cuối cùng rồi, nếu như không có được cơ hội để sẽ trổ sinh quả báo ở trong Thời Chuyển Khởi thì mới trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực, quả thật đó cũng là điều không đáng quan tâm. Tuy nhiên với người tạo tác Thiện Nghiệp Lực mà cũng không có thực sự đặc biệt chủ tâm để ý đến, mà chỉ là việc thực hiện một cách hời hợt. Việc tạo tác thể loại Thiện Nghiệp Lực này cũng không có năng lực tương tự với việc tạo tác loại Bất Thiện Nghiệp Lực thông thường như đã có đề cập đến. Như thế, một khi không có cơ hội để sẽ trổ sinh quả báo ở trong Thời Chuyển Khởi thì quay trở lại trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực, điều đó coi như quả là đáng tiếc, và đáng phải quán sát xem coi nhân quả là do bởi tác nhân nào ! Điều này khi đã có được thẩm sát thì cũng sẽ thấu hiểu được rằng: "Việc hiện hành như vậy là hiện hữu ở nơi người tạo tác thực hiện. Với tác nhân là người ấy có cả Ngũ Quyền Lực hãy còn non kém, chỉ có **Ái Dục (Taṇhā), Ngã Mạn (Māna), Tà Kiến (Diṭṭhi),** công khai hiện bày câu sinh với **Si Mê (Moha)** làm thành tác nhân. Vì thế Thiện Nghiệp Lực ấy mới trở thành loại Thiện Nghiệp Lực thông thường và sẽ đi đến sự việc trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực."

Giải thích rằng "người có cả Ngũ Quyền Lực hãy còn non kém" tức là người không có sự hiểu biết, sự liễu tri ở trong các câu chuyện của Phật Giáo, và đời sống sự sinh hoạt của tất cả loài Hữu Tình. Vì thế nhóm người này mới không có sự sùng tín quy ngưỡng ở trong Tam Bảo, và không có niềm tin ở trong các câu chuyện về việc sinh, việc tử, Tội – Phước, v.v. Khi đã mất đức tin, sự sùng tín như vậy rồi, người ấy cũng không có sự hoan hỷ để sẽ kham nhẫn đối trị với sự khó khăn mà có liên quan với công việc ở trong Phật Giáo. Khi đã mất sự kham nhẫn và sự kiên nhẫn rồi, người ấy ắt hẳn an trú ở trong sự dễ duôi khinh suất. Khi đã có sự dễ duôi khinh suất rồi, tâm thức của người ấy cũng không còn kiên định ở trong các công việc mà hữu quan với việc Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập, và duy chỉ có sự si mê lầm lạc thấm nhập chi phối. Vì thế, Ái Dục, Ngã Mạn, Tà Kiến mới có cơ hội công khai hiện bày, đã làm cho người ấy mất đi sự chú tâm và sự tôn kính đối với tác hành Thiện Nghiệp Lực của mình. Cho dù là, ở ngay trong sát na đang tạo tác ấy thì quả thật là không có sự chủ tâm đi nữa, việc tạo tác là chỉ để cho không bị hư hoại cổ tục truyền thống, hoặc là chỉ vì việc giao tế, hoặc là có việc nhu cầu thiết yếu để sẽ phải thực hiện chỉ ngần ấy mà

thôi. Như thế, việc tác hành Thiện của hạng người này là sẽ đi đến sự việc trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực, do vậy mới không có điều chi là đáng phải ngạc nhiên cả. Chính với điều này, để được gọi là "người ấy có cả Ngũ Quyền Lực hãy còn non kém, chỉ có Ái Dục, Ngã Mạn, Tà Kiến công khai hiện bày câu sinh với Si Mê làm thành tác nhân." Và nếu sẽ cứu vãn để không cho Thiện Nghiệp Lực của mình trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực, thì cần phải cải thiện ở nơi **Tuệ Quyền Lực (Paññindrīya)** cho khởi sinh lên năng lực dũng mãnh kiên cường. Tức là cần phải nỗ lực tinh cần trong việc trau giồi tập huấn cho khởi sinh lên sự hiểu biết, sự liễu tri ở trong các câu chuyện của Phật Giáo xuyên suốt cho đến các vấn đề hiện hành của tất cả loài Hữu Tình cho được trọn vẹn hoàn hảo. Một khi đã cải thiện để làm cho Tuệ Quyền Lực có được kiên cường thành tựu viên mãn, thì Tứ Quyền Lực còn lại gồm có Tín, v.v. ấy thì cũng tuần tự đi theo đó mà khởi sinh lên sự kiên cường dũng mãnh. Khi có được cả Ngũ Quyền Lực kiên cường hoàn hảo rồi, thì Si Mê không có khả năng bưng bít, để nối tiếp theo làm cho khởi sinh lên sự mê mờ lầm lạc được. Một khi đã là như vậy rồi, thì Ái Dục, Ngã Mạn, Tà Kiến là chủ phạm quan trọng cũng không có cơ hội để mà lộ diện ra được. Và một khi không có Ái Dục, Ngã Mạn, Tà Kiến lộ diện ở trong việc tác hành Thiện Nghiệp Lực, thì các Thiện Nghiệp Lực mà mình đã có thực hiện sẽ được thoát khỏi việc trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực.

PHƯƠNG THỨC CỨU VÃN BẤT THIỆN NGHIỆP LỰC KHÔNG CHO CÓ CƠ HỘI TRỔ SINH QUẢ BÁO, TỨC LÀ CHO TRỞ THÀNH VÔ HIỆU NGHIỆP LỰC

Người đã có đức tin trong các Nghiệp Lực và những quả báo của các Nghiệp Lực đây, đề cập đến với hạng người này thì quả thật là không dám tạo ra các việc xấu ác. Tuy nhiên trong một đôi lúc cũng có tác hành tạo ra, như có việc sát tử loài Hữu Tình, trộm cắp tài sản, v.v. do bởi đã dựa vào các Phiền Não gồm có **Tham (Lobha), Sân (Dosa), Si (Moha)** v.v. Và một khi đã tạo tác xong rồi, thì cũng có cảm giác thấy sợ hãi ở trong việc sẽ phải bị đón nhận quả báo từ hành động Bất Thiện của mình đã có tạo ra, đã làm cho phát sinh lên sự khổ tâm buồn lòng, khởi sinh lòng dạ xốn xang. Khi đã là như vậy thì càng làm cho Bất Thiện tăng trưởng thêm lên, vả lại càng gia bội năng lực lên nữa, và có khả năng nhất định trổ sinh quả báo, ngay cả ở trong kiếp sống này và vị lai, xuyên suốt trải qua đến rất nhiều kiếp sống. Việc tạo tác Bất Thiện Nghiệp Lực của hạng người này quả là không có cơ hội để sẽ trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực được.

Phương thức cứu vãn Bất Thiện Nghiệp Lực mà mình đã có tạo ra, làm cho trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực được đó, là sau khi mình đã có tạo tác Bất Thiện Nghiệp Lực ấy rồi, và khởi sinh lên sự cảm thấy điều sai trật, thì cần phải **phát nguyện (Adhiṭṭhāna)** tự ở trong tâm của mình rằng: **Tôi nguyện sẽ không còn tạo ra điều Ác Hạnh hoặc Tà Mạng như thế này nữa,** và cũng không cần phải hồi tưởng nhớ đến câu chuyện ấy nữa. Thế rồi nỗ lực tinh cần kiến tạo **Thiện Tập Quán Nghiệp Lực (Kusala Āciṇṇakamma)** cho thường luôn sinh khởi, tức là có việc học hỏi về **Pháp Học (Pariyattidhamma)**, hoặc là thường luôn đọc kinh điển sách vở, hoặc là tụng đọc kinh Lễ Phật, bỏ bát cúng dường, hồi hướng phần Phước

Báu, và thường luôn truyền rãi Tâm Từ Ái; hoặc là thọ trì Ngũ Giới, Bát Giới; xuất gia làm thành Tu Nữ, làm thành Sa Di, làm thành Tỳ Khưu; hoặc thường luôn có việc trau giồi tiến tu về **An Chỉ Nghiệp Xứ (Samathakammaṭṭhāna)**, **Minh Sát Tuệ Nghiệp Xứ (Vipassanā kammaṭṭhāna)**. Nếu như việc hành trì như đã vừa đề cập đến ở tại đây cho đến suốt cả cuộc đời, thì Bất Thiện Hiện Báo Nghiệp Lực và Hậu Báo Nghiệp Lực, trừ ra phần Cực Trọng Nghiệp Lực, ắt hẳn là không có cơ hội trổ sinh quả báo, và thế là sẽ trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực. Đối với Bất Thiện Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực ấy, cho dù sẽ không trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực, đó quả là sự thực đi nữa, tuy nhiên sẽ làm cho việc trổ sinh quả báo của loại Bất Thiện Nghiệp Lực này thiểu giảm đi với mãnh lực đích thị chính từ Thiện Tập Quán Nghiệp Lực ấy vậy.

Bất Thiện Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực mà sẽ trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực được đó, thì cần phải liên hệ với người là chủ nhân của hành động tạo tác ấy, phải được kết hợp với **Ngũ Ân Đức Phẩm Vị (Guṇasamāpatti)** trong từng mỗi kiếp sống, tính kể từ kiếp sống thứ nhất trở đi. Đề cập đến rằng:

1. Tiền Phúc Thiện Hạnh (Pubbe ca katapuññatā): việc làm thành người đã từng có kiến tạo việc Thiện tích lũy để trong đời quá khứ.

2. Trú Xứ Thích Hợp (Paṭirūpadesavāsa): việc có được chỗ ở trong trú xứ kết hợp với các điều Giới Pháp **(Sīladhamma)**.

3. Thân Cận Hiền Triết (Sappurisūpanissaya): việc có được hội ngộ kết giao với các bậc hiền triết.

4. Thính Linh Chánh Pháp (Saddhammasavana): việc có được lắng nghe về Chánh Pháp.

5. Tự Lập Trường Chân Chánh (Attasammāpaṇidhi): việc tự đặt để mình trong đường lối chân chánh (Bát Chánh Đạo).

Nếu được hiện hành như đã vừa đề cập đến ở tại đây, thì cũng có khả năng sẽ làm cho Bất Thiện Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực.

Việc sẽ tự làm cho mình thành người hội đủ cả Ngũ Ân Đức Phẩm Vị trong từng mỗi kiếp sống, có sự chủ yếu là ở các hành động tạo tác ngay ở trong kiếp sống này. Đề cập đến là sẽ phải tự tu tập để làm cho thành người có đức hạnh ở trong **Giới Pháp (Sīladhamma)**, có việc thực hiện một cách thường luôn về Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập, và rồi tự thiết lập lên sở nguyện rằng: **Xin cho việc thực hiện các Thiện Pháp của Tôi đây cho được làm thành Cận Y Duyên (Upanissayapaccaya) đi suốt trong mỗi kiếp sống tương tự với trường hợp này.** Có sự duyệt ý ở trong trú xứ được kết hợp ở trong nền tảng Giới Pháp, và rồi tự thiết lập lên sở nguyện rằng: **Xin cho suốt trong mỗi kiếp sống có được sinh vào ở trong trú xứ mà được kết hợp với Giới Pháp tương tự với trường hợp này.** Trong sự giao tế thì cần phải bất kết giao với bọn người xấu ác, nỗ lực tìm kiếm kết giao với Bậc Trí Giả và có đức hạnh, và rồi tự thiết lập lên sở nguyện rằng: **Xin cho suốt trong mỗi kiếp sống có được hội kiến với các Bậc Hiền Triết tương tự với trường hợp này.** Phải chú tâm lắng nghe và học hỏi ở trong Chánh Pháp hữu ích, kết hợp với cả việc tự thiết lập lên sở nguyện rằng: **Với mãnh lực từ ở việc lắng nghe,và việc học hỏi vào Chánh Pháp**

của Tôi đây, xin được làm thành mãnh lực duyên đặng cho Tôi có được cơ hội lắng nghe và học hỏi Chánh Pháp đi suốt trong mỗi kiếp sống tương tự với trường hợp này.

Có việc gìn giữ Thân, Ngữ, Ý của mình cho được thường luôn hiện hành đi ở trong con đường **Thiện Hạnh (Sucarita)**, và tự thiết lập lên sở nguyện rằng: **Với mãnh lực từ ở nơi Tôi đã có tu tập về Thân, Ngữ, Ý đi ở trong con đường Thiện Hạnh này, xin được làm thành Cận Y Duyên đặng cho Tôi có được tâm thức kiên định ở trong Giới Pháp và luôn được trau giồi tiến tu ở trong con đường Thiện Hạnh đi suốt trong mỗi kiếp sống tương tự với trường hợp này.**

Việc tu tập cho làm thành người hội đủ cả **Ngũ Ân Đức Phẩm Vị** như đã vừa đề cập đến ở tại đây, một khi vị nào đã tu tập có được hiện hành tròn đủ do bởi nương vào Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ một cách kiên cường thì cũng có thể có khả năng sẽ làm cho người ấy được làm thành người hội đủ cả **Ngũ Ân Đức Phẩm Vị** ở trong từng mỗi kiếp sống, trong từng mỗi đời sống mãi cho đến khi đạt đến Viên Tịch Níp Bàn. Và một khi đã là như vậy, thì Bất Thiện Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực ấy ắt cũng không có được cơ hội để trổ sinh quả báo, và như thế trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực. Tuy nhiên đường lối vừa mới đề cập ở tại đây, thì không khẳng định là sẽ được hiện hành như vậy, và người sẽ phải tu tập cho được hiện hành một cách thành tựu viên mãn như đã vừa đề cập đến, thì cũng quả là hy hữu ! Chỉ trừ khi sẽ phải là Bậc có Pháp Toàn Thiện (Ba La Mật) kiên định, và lúc bấy giờ thì mới sẽ làm cho được thành tựu cát tường.

Nói tóm lại, rằng theo thời gian trổ sinh quả báo thì có được bốn thể loại Nghiệp Lực, gồm có Hiện Báo Nghiệp Lực, v.v. đó, ắt hẳn là hiện bày ở trong cùng một Lộ Trình Tâm với nhau. Tức là Tư Tâm Sở hiện hữu ở trong cái Tâm Đổng Lực thứ nhất, gọi là Hiện Báo Nghiệp Lực. Tư Tâm Sở hiện hữu ở trong cái Tâm Đổng Lực thứ bảy, gọi là Hậu Báo Nghiệp Lực. Tư Tâm Sở hiện hữu ở trong cái Tâm Đổng Lực thứ hai cho đến cái Tâm thứ sáu, gọi là Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực. Còn đối với Vô Hiệu Nghiệp Lực ấy, tức là Tư Tâm Sở hiện hữu ở trong hết cả thảy bảy cái Tâm Đổng Lực, mà đã vượt qua hạn định thời gian của thời gian mà chính tự ở nơi bản thân cho trổ sinh quả báo.

TRÌNH BÀY NHÂN QUẢ CẢ TAM NGHIỆP LỰC TRỔ SINH QUẢ BÁO DỊ BIỆT THỜI GIAN

Ngài Chú Giải Sư **Ledi Sayadaw** đã có trình bày để ở trong Bộ Đại Phụ Chú Giải Siêu Lý Giải Minh **(Paramatthadīpanī Mahāṭīkā)** nói rằng: Trong số lượng cả bảy cái Tâm Đổng Lực ấy, thì cái Tâm Đổng Lực thứ nhất đến cái Tâm thứ ba, gọi là **Đổng Lực Khởi Lập.** Tâm Đổng Lực thứ năm đến cái Tâm thứ bảy, thì gọi là **Đổng Lực Hạ Lạc.** Còn cái Tâm Đổng Lực thứ tư, gọi là **Đổng Lực Tối Hạng (Sikhāpatta)**; tức là cái Tâm Đổng Lực cao nhất. Khi đề cập đến năng lực của cả bảy Tâm Đổng Lực này, thì cái Tâm Đổng Lực thứ nhất có năng lực yếu kém, là vì sinh khởi trước tiên, khi mà vẫn chưa có được đón nhận sự hỗ trợ từ **Trùng Dụng Duyên (Āsevanapaccaya).** Tâm Đổng Lực thứ bảy, dù cho quả thật là đã được đón nhận sự hỗ trợ từ Trùng Dụng Duyên đi nữa, tuy nhiên năng lực ấy

đã thối giảm xuống rồi, vì lẽ ở trong trình tự cuối cùng từ ở phạm vi của năng lực, và năng lực của Trùng Dụng Duyên ở cái Tâm Đồng Lực thứ sáu cũng đã thối giảm xuống tương tự như nhau. Còn cái Tâm Đồng Lực thứ hai cho đến cái Tâm thứ sáu ấy, thì có rất nhiều năng lực, là vì đã có được đón nhận sự hỗ trợ của Trùng Dụng Duyên, luôn cả chẳng phải khởi sinh ở vị trí đầu tiên và luôn cả ở vị trí cuối cùng. Với lý do này, việc trổ sinh quả báo của cả ba Nghiệp Lực này mới không có được giống nhau. Tỷ dụ như có rất nhiều thể loại cây sai khác, có một vài loại cây chẳng có tuổi thọ lâu dài, vừa trồng xuống rồi thì chỉ nội ở trong vòng một năm thôi thì đã có trổ hoa ra quả rồi, và một khi có hoa có quả thì cũng liền chết đi, chẳng hạn như là cây chuối, cây bắp, cây đậu, v.v. Là vì nhóm loại cây này không có được sự bền vững, vì thế mới không có đủ năng lực để được tồn tại lâu dài. Có một vài loại cây thì có tuổi thọ dài lâu hơn một năm nhưng lại cũng không quá năm năm. Khi đã được trồng xuống trong năm đầu tiên thì vẫn chưa có ra hoa chưa trổ sinh trái quả, tiếp đến vào năm thứ hai thì mới trổ hoa và sinh quả; tuy nhiên một khi trổ hoa ra quả rồi thì cũng không được tồn tại lâu dài, chẳng hạn như là cây đu đủ, cây dứa, v.v. Là vì nhóm loại cây này, cho dù sẽ có tuổi thọ được lâu dài hơn ở nhóm đầu tiên đi nữa, tuy nhiên cũng vẫn sắp nhóm loại cây này vào thể loại không có được sự bền vững tương tự như nhau. Có một vài loại cây lại có tuổi thọ rất là lâu dài, một khi đã trồng xuống được nhiều năm rồi, thì mới sẽ trổ ra hoa và sinh trái quả, và một khi đã đến thời kỳ trổ sinh ra hoa quả thì vẫn còn được tồn tại lâu dài, khi mà khí hậu đã được hiện hành một cách thường nhiên, chẳng hạn như là cây me, cây xoài, v.v. Là vì nhóm loại cây này là thể loại có được sự bền vững, vì thế việc phát triển cũng tuần tự lớn dần lên, hiện hành việc phát triển một cách tuần tự. Việc trổ ra hoa và sinh trái quả cũng chầm chậm, phải đến 5 – 6 năm rồi mới sẽ có được. Tuy nhiên một khi đã có hoa có quả rồi, thì cũng vẫn có thể được tồn tại lâu dài, và nếu như khí hậu đã có được hoàn hảo, thì vẫn cứ hằng năm những hoa quả ấy lại cứ thường luôn trổ sinh ra. Điều này như thế nào thì Tư Tâm Sở hiện hữu ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ nhất cũng được ví với nhóm loại cây thứ nhất vậy, có năng lực yếu kém và không có khả năng sẽ trổ sinh quả báo ở trong Thời Tái Sinh, nghĩa là việc kiến tạo lên một kiếp sống mới; và chỉ có được trổ sinh quả báo ở trong Thời Bình Nhật, tức là chỉ ở trong khoảng thời gian vẫn còn hiện hữu thọ mạng ngần ấy thôi. Vì thế, Tư Tâm Sở này mới gọi là Hiện Báo Nghiệp Lực. Tư Tâm Sở hiện hữu ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ bảy cũng được ví với nhóm loại cây thứ hai. Cho dù quả thật là có được năng lực nhiều hơn với Tư Tâm Sở hiện hữu ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ nhất, tuy nhiên cũng không có được năng lực tròn đủ, do vậy chỉ có khả năng trổ sinh quả báo ở trong Thời Tái Sinh, tức là có được việc kiến tạo lên một kiếp sống mới, vả lại trổ sinh quả báo ở trong Thời Chuyển Khởi, tức là làm cho có được các bộ phận (các Căn) và việc nhìn thấy, việc được lắng nghe đặc biệt khởi sinh lên trong kiếp sống thứ hai chỉ có ngần ấy, một khi đã có được cơ hội. Nếu như không có được cơ hội để trổ sinh quả báo ở trong kiếp sống thứ hai, thì cũng phải bị mất đi mãnh lực trong việc trổ sinh quả báo và thế là trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực. Do vậy, nhóm loại Tư Tâm Sở này mới được gọi Hậu Báo Nghiệp Lực.

Vì thế, Ngài Trưởng Lão **Dhammapāla (Hộ Pháp)** mới trình bày để ở trong Bộ **Đại Phụ Chú Giải Thanh Tịnh Đạo** nói rằng: **Dubbalāme antimajavana cetanā sannitṭhā kiccavisesayuttatāya phalavipaccanesattivisesayuttā hotīti upapajja vedani yā antarikā ca sā hoti - Dịch nghĩa là:** Tư Tâm Sở hiện hữu ở trong cái Tâm Đổng Lực thứ bảy, cho dù quả thật là có năng lực yếu kém, nhưng phối hợp với mãnh lực đặc biệt trong việc trổ sinh quả báo, vì lẽ làm thành Tư Tâm Sở phối hợp với sự vụ đặc biệt để làm cho công việc được thành tựu. Do đó, Tư Tâm Sở hiện hữu ở trong cái Tâm Đổng Lực thứ bảy mới thành Hậu Báo Nghiệp Lực, và cũng làm thành Vô Gián Nghiệp Lực. Còn Tư Tâm Sở hiện hữu ở trong cái Tâm Đổng Lực thứ hai cho đến cái Tâm thứ sáu đó, thì được ví như nhóm loại cây thứ ba, và có rất nhiều năng lực hơn cả hai nhóm loại Tư Tâm Sở phía trên. Vì thế, mới có khả năng trổ sinh quả báo kể từ kiếp sống thứ ba trở đi nối tiếp mãi cho đến khi Tâm Đạo Vô Sinh đã được sinh khởi, thì mới có khả năng sẽ cắt đứt việc trổ sinh quả báo ở trong Thời Tái Sinh được. Còn đối với việc trổ sinh quả báo ở trong Thời Chuyển Khởi, thì cho dù người ấy đã thành bậc Vô Sinh đi nữa, Nghiệp Lực này cũng vẫn trổ sinh quả báo mãi cho đến khi đạt đến Viên Tịch Níp Bàn, và lúc bấy giờ, việc trổ sinh quả báo của nhóm Nghiệp Lực này mới tuyệt diệt. Do vậy, nhóm loại Nghiệp Lực này mới được gọi là Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực.

THIỆN NGHIỆP LỰC ĐÁO ĐẠI ĐƯỢC SẮP VÀO TRONG THỂ LOẠI NGHIỆP LỰC NÀO VÀ KHÁC BIỆT VỚI LOẠI NGHIỆP LỰC DỤC GIỚI NÀO ?

Bậc đã chứng đạt được Thiền Định, và nếu như tầng Thiền Định ấy không bị hư hoại, khi mạng vong lìa khỏi kiếp sống này thì ắt hẳn là sẽ đi tái sinh một cách nhất định ở trong Cõi Phạm Thiên Giới tùy theo tầng Thiền Định mà mình đã chứng đạt được vào ngay trong kiếp sống thứ hai, và chẳng có việc chờ đợi để trổ sinh quả báo ở trong kiếp sống thứ ba trở đi, tương tự với Tư Tâm Sở hiện hữu ở trong cái Tâm Đổng Lực Dục Giới thứ bảy vậy. Do đó, **Thiện Nghiệp Lực Đáo Đại (Mahaggatakusalakamma)** này mới được sắp vào ở trong Hậu Báo Nghiệp Lực. Đối với **Thiện Thắng Trí (Kusala Abhiññā)** ấy, thì được sắp vào trong Hiện Báo Nghiệp Lực, là bởi vì có được việc trình bày các thể loại Thần Túc Thắng Trí, v.v. thì cũng phải liên quan đến **Thắng Trí (Abhiññā)** làm thành tác nhân, tuy nhiên việc sắp bày cho hiện hành một cách gián tiếp, là bởi vì đặc biệt không có Quả Dị Thục **(Vipāka)** và **Sắc Nghiệp Lực (Kammajarūpa)** mà sinh từ Thiện Thắng Trí vậy. Còn Thiện Nghiệp Lực Đáo Đại ở phần dư sót thì không được sắp vào trong Hiện Báo Nghiệp Lực. Đối với Duy Tác Thắng Trí **(Kiriyā Abhiññā)** ấy, cho dù đã làm cho quả báo được hiện bày đi nữa, tuy nhiên cũng vẫn không được sắp thành Hiện Báo Nghiệp Lực, mà chỉ có được làm thành Duy Tác Hiện Báo Nghiệp Lực ngần ấy thôi. Tại đây trình bày cho được thấy rằng Tâm Đổng Lực Duy Tác cũng vẫn có trổ sinh quả báo, đích thị chính là Duy Tác Thắng Trí.

Thiện Nghiệp Lực Đáo Đại khác biệt với Nghiệp Lực Dục Giới, đó là: Thiện Nghiệp Lực Đáo Đại thì thường luôn trổ sinh quả báo một cách đặc biệt là chỉ ở trong kiếp sống thứ hai thôi. Nếu không có cơ hội trổ sinh quả báo ở trong kiếp sống thứ hai thì tất phải trở

thành Vô Hiệu Nghiệp Lực, cũng ví như cơm chín không được cất giữ lâu ngày, và nếu không có được ăn thì cơm chín ấy ắt sẽ bị thiu đi. Còn **Nghiệp Lực Dục Giới (Kāmāvacara kamma)** ấy, loại trừ Tư Tâm Sở hiện hữu ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ nhất và cái Tâm thứ bảy ra ngoài, thì nếu như có được cơ hội ắt hẳn sẽ trổ sinh quả báo rất lâu dài, và không có việc trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực, cho đến khi người ấy sẽ đạt đến Viên Tịch Níp Bàn, cũng ví như lúa thóc thì được cất giữ lâu dài, và không có bị hư thúi.

Còn **Thiện Nghiệp Lực Siêu Thế (Lokuttarakusalakamma)** ấy, thì thường luôn có thực tính là Hiện Báo Nghiệp Lực, là bởi vì một khi Tâm Đạo đã sinh khởi lên và diệt đi, thì Tâm Quả ngay lập tức sinh khởi nối tiếp kế liền với nhau. Tuy nhiên Hiện Báo Nghiệp Lực mà trình bày ở trong **Thời Gian Khai Quả Tứ Phần (Pākakālacatukka)** đây, là không có được lập ý lấy ở phần Thiện Nghiệp Lực Siêu Thế được, là bởi vì Nghiệp Lực đã được trình bày ở trong **Nghiệp Lực Tứ Phần (Kammacatukka)** đây, là nhóm Nghiệp Lực trổ sinh quả báo ở trong Thời Tái Sinh và Thời Chuyển Khởi, tức là cho tái sinh làm thành Nhân Loại, Chư Thiên, v.v.

TRÌNH BÀY NHÂN QUẢ TRONG SỰ VIỆC VÔ HIỆU NGHIỆP LỰC ĐƯỢC LIỆT VÀO TRONG "THỜI GIAN KHAI QUẢ TỨ PHẦN"

Trong số lượng bốn thể loại Nghiệp Lực, rằng theo mãnh lực từ ở thời gian mà trổ sinh quả báo, đối với Hiện Báo Nghiệp Lực, Hậu Báo Nghiệp Lực và Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực, thì cả ba thể loại Nghiệp Lực này đã có việc hạn định về thời gian một cách riêng biệt cho trổ sinh quả báo của mình rồi. Còn Vô Hiệu Nghiệp Lực ấy, thì không có việc hạn định về thời gian để cho trổ sinh quả báo. Tuy nhiên vì lý do nào lại cho liệt vào ở trong nhóm loại này được ? Điều này được giải thích rằng: Trong việc trình bày phân chia về **Địa Giới (Bhūmi)** mà có liên quan đến **Tam Ái Dục (Taṇhā**: Dục Ái, Sắc Ái, Vô Sắc Ái) thì chẳng phải sẽ trình bày là chỉ có ba Địa Giới hiện hành với mãnh lực của Tam Ái Dục ngần ấy thôi, mà sẽ phải trình bày một cách tương tự đến Địa Giới không có hiện hành với mãnh lực từ ở Tam Ái Dục, nghĩa là **Lãnh Địa Siêu Thế (Lokuttarabhūmi)**. Điều này như thế nào, một khi trình bày việc phân chia Nghiệp Lực, rằng theo thời gian từ ở việc cho trổ sinh quả báo, thì cũng hiện hành ở trong cùng một phương thức tương tự như nhau. Tức là khi trình bày đến Nghiệp Lực mà có sự hạn định trong việc trổ sinh quả báo, thì cũng vẫn có một thể loại Nghiệp Lực khác nữa mà không có việc trổ sinh quả báo, và đích thị chính là Vô Hiệu Nghiệp Lực ấy vậy. Vì thế, ắt hẳn phải được sắp vào ở trong "Thời Gian Khai Quả Tứ Phần."

IV. TRÚ XỨ KHAI QUẢ TỨ PHẦN (PĀKAṬṬHĀNACATUKKA)

[**Chú thích**: **Trú Xứ Khai Quả Tứ Phần (Pākaṭṭhānacatukka)**: rằng theo Trú Xứ **(Ṭhāna)** cho trổ sinh Quả Báo, thì có bốn thể loại.]

Nghiệp Lực, khi tính theo **Địa Giới (Bhūmi)** mà làm thành trú xứ chỗ ở cho trổ sinh quả báo, thì có được bốn thể loại, đó là:

1. Bất Thiện Nghiệp Lực (Akusalakamma): tức là Tư Tâm Sở hiện hữu trong 12 Tâm Bất Thiện.

2. Thiện Nghiệp Lực Dục Giới (Kāmāvacarakusalakamma): tức là Tư Tâm Sở hiện hữu trong 8 Tâm Đại Thiện.

3. Thiện Nghiệp Lực Hữu Sắc Giới (Rūpāvacarakusalakamma): tức là Tư Tâm Sở hiện hữu trong 5 Tâm Thiện Sắc Giới.

4. Thiện Nghiệp Lực Vô Sắc Giới (Arūpāvacarakusalakamma): tức là Tư Tâm Sở hiện hữu trong 4 Tâm Thiện Vô Sắc Giới.

+ Giải thích để làm rõ thêm ý nghĩa trong phần **Pāḷi** ở điều thứ năm nói rằng: **Tattha akusalaṃ kāyakammaṃ** v.v. thì ở trong **Nghiệp Lực Tứ Phần (Kamma catukka)** này, có ba thể loại **Tứ Phần (Catukka)** đó là **Sự Vụ Tứ Phần (Kiccacatukka)** gồm có **Xuất Sinh Nghiệp Lực (Janakakamma)** v.v.; **Tuần Tự Khai Quả Tứ Phần (Pākadāna catukka)** gồm có **Cực Trọng Nghiệp Lực (Garukakamma)** v.v.; **Thời Gian Khai Quả Tứ Phần (Pākakālacatukka)** gồm có Hiện Báo Nghiệp Lực **(Diṭṭhadhammavedanīya kamma)** v.v. Với những thể loại này thì Ngài Giáo Sư **Anuruddha** đã có trình bày ý nghĩa để trong Bộ Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp **(Abhidhammatthasaṅgaha)** với bất luận thể loại nào, vì lẽ việc trình bày cả ba Tứ Phần như đã vừa đề cập ở tại đây, là việc trình bày theo phần **Kinh Tạng (Suttantanaya).** Đối với Tứ Phần thứ tư, đó là **Trú Xứ Khai Quả Tứ Phần (Pākaṭṭhānacatukka)** có Bất Thiện Nghiệp Lực, v.v. là việc trình bày theo phần **Vô Tỷ Pháp Tạng (Abhidhammanaya).** Vì thế mới có việc trình bày làm cho rõ thêm ý nghĩa được tính kể từ **Tattha akusalaṃ kāyakammaṃ** v.v. cho đến phần cuối cùng của Nghiệp Lực Tứ Phần, gồm có **Itthaṃ mahaggataṃ puññaṃ** v.v.

Bất Thiện Nghiệp Lực (Akusalakamma), khi tính theo phần **Nghiệp Môn (Kammadvāra)** thì đó là tác nhân từ việc thành tựu trong những hành động tạo tác. Có ba thể loại, đó là:

1. Bất Thiện Thân Hành Nghiệp Lực (Akusalakāyakamma)

2. Bất Thiện Ngữ Hành Nghiệp Lực (Akusalavacīkamma)

3. Bất Thiện Ý Hành Nghiệp Lực (Akusalamanokamma)

Từ ngữ nói rằng "Nghiệp Môn" khi được chiết tự ra thì có được hai từ ngữ, đó là: **Kamma + Dvāra. Kamma** lập ý đến "hành động tạo tác", **Dvāra** lập ý đến "làm thành tác nhân cho khởi sinh." Kết hợp hai từ ngữ vào với nhau thì thành **Kammadvāra (Nghiệp Môn)** lập ý đến "làm thành tác nhân cho khởi sinh việc tác hành."

Nghiệp Môn (Kammadvāra) có ba thể loại, đó là:

1. Thân Môn (Kāyadvāra): Thân Hành làm thành tác nhân cho khởi sinh việc tác hành, tức là **Sắc Thân Biểu Tri (Kāyaviññattirūpa).**

2. Ngữ Môn (Vacīdvāra): Ngữ Hành làm thành tác nhân cho khởi sinh việc tác hành, tức là **Sắc Ngữ Biểu Tri (Vacīviññattirūpa).**

3. Ý Môn (Manodvāra): Ý Hành làm thành tác nhân cho khởi sinh việc tác hành, tức là tất cả Tâm.

Như Ngài Chú Giải Sư đã có trình bày để ở trong bộ Chú Giải **Atthasālinī** nói rằng: **Sabbopi manodvāraṃ** - Cho dù hết tất cả Tâm làm thành Ý Môn đi nữa - tuy nhiên Ý Môn mà liên quan với Bất Thiện Nghiệp Lực ấy, tức là 10 Tâm Bất Thiện (trừ 2 Tâm căn Si). Bất Thiện Nghiệp Lực mà khởi sinh theo Lộ Thân Môn, gọi là Bất Thiện Thân Hành Nghiệp Lực. Như đã có trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Kāyadvāre pavattaṃ kammaṃ = Kāyakammaṃ** - Việc tạo tác Bất Thiện mà khởi sinh theo Lộ Thân Môn gọi là Bất Thiện Thân Hành Nghiệp Lực. Bất Thiện Nghiệp Lực mà khởi sinh theo Lộ Ngữ Môn, gọi là Bất Thiện Ngữ Hành Nghiệp Lực. Như đã có trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Vacīdvāre pavattaṃ kammaṃ = Vacīkammaṃ** - Việc tạo tác Bất Thiện mà khởi sinh theo lộ Ngữ Môn, gọi là Bất Thiện Ngữ Hành Nghiệp Lực. Bất Thiện Nghiệp Lực mà khởi sinh theo Lộ Ý Môn, gọi là Bất Thiện Ý Hành Nghiệp Lực. Như đã có trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Manodvāre pavattaṃ kammaṃ = Manokammaṃ** - Việc tạo tác Bất Thiện mà khởi sinh theo Lộ Ý Môn, gọi là Bất Thiện Ý Hành Nghiệp Lực.

TRÌNH BÀY SỰ KHÁC BIỆT GIỮA TƯ TÂM SỞ VỚI NGHIỆP LỰC

Đức Thế Tôn Ngài đã có lập ý khải thuyết để ở trong Chánh Tạng **Pāḷi** Tăng Chi Bộ Kinh – Lục Pháp **(Chakkanipāta)** nói rằng: **Cetanāhaṃ bhikkhave kammaṃ vadāmi cetayitvā kammaṃ karoti kāyena vācāya manosā** - Này Chư Tỳ Khưu, tác nhân ở người có sự chủ tâm tác ý làm thành vật dụng thúc đẩy thực hiện các hành động tạo tác ấy, được thành tựu do bởi Thân Hành, hoặc do bởi Ngữ Hành, hoặc do bởi Ý Hành. Với tác nhân này, Như Lai mới tuyên bố rằng chính Tư Tâm Sở đây hình thành Nghiệp Lực.

Giải thích rằng: Tư Tâm Sở làm thành Nghiệp Lực đây thì thường làm cho có **kết quả khả hỷ duyệt ý (Iṭṭhaphala)** tức là **quả báo tịnh hảo;** và **kết quả bất khả hỷ duyệt ý (Aniṭṭhaphala)** tức là khởi sinh **quả báo vô tịnh hảo.** Như thế, Ngài Phụ Chú Giải Sư mới có trình bày để ở trong Bộ Phụ Chú Giải **Abhidhammāvataraṭīkā** nói rằng: **Karoti abhinibbattati iṭṭhāniṭṭhaphalāni etenāti = Kammaṃ** - Người thường luôn tác hành làm cho trổ sinh quả báo khả hỷ duyệt ý, quả báo bất khả hỷ duyệt ý với Tư Tâm Sở, như thế, Tư Tâm Sở đó mới gọi là Nghiệp Lực.

Theo lẽ thường nhiên, tất cả chúng ta một khi sẽ tạo tác bất luận một sự việc nào đi nữa, thì cần phải tiên khởi sinh sự chủ tâm tác ý; tức là chủ tâm tác ý rằng Ta sẽ làm bất luận điều này điều nọ xong rồi mới sẽ làm, hoặc chủ tâm tác ý rằng Ta sẽ nói câu chuyện này câu chuyện nọ xong rồi mới sẽ nói, hoặc chủ tâm tác ý sẽ nghĩ tưởng đến câu chuyện này câu chuyện nọ rồi mới sẽ nghĩ tưởng đến. Khi là như vậy, những việc tạo tác của tất cả con người ta mới có sự chủ tâm tác ý, mà điều đó chính là Tư Tâm Sở thường luôn làm thành người dắt dẫn. Với lý do này, Đức Thế Tôn mới lập ý tuyên bố rằng: "Chính Tư Tâm Sở này gọi là Nghiệp Lực." Tuy nhiên cả hai, Tư Tâm Sở và Nghiệp Lực đây, ắt hẳn là có sự khác biệt với nhau, đó là Tư Tâm Sở thuộc loại **Tiền Đề Pháp (Pubbabhāgadhamma)**, tức là Pháp sinh trước Nghiệp Lực. Còn Nghiệp Lực là loại **Hậu Đề Pháp (Pacchābhāga dhamma)**, tức là Pháp sinh đàng sau Tư Tâm Sở. Tuy nhiên, ở tại đây, là việc trình bày

theo phần **Bất Phân Loại (Abhedanaya)**, tức là không có được trình bày việc Phân Loại. Như thế, Ngài Đại Chú Giải Sư **Buddhaghosa** đã có trình bày để ở trong bài Kinh **Upālī** (bài Kinh 56) thuộc Ngũ Thập Trung Phần (của Trung Bộ Kinh) nói rằng: **Kasmā cetanā kammanti vuttā ? Cetanā mūlakattā kammassa** - Do bởi nguyên nhân nào Đức Thế Tôn lập ý tuyên bố rằng Tư Tâm Sở gọi là Nghiệp Lực vậy ? Là cũng do bởi hành động tạo tác đã được hoàn thành có Tư Tâm Sở làm căn gốc."

TRÌNH BÀY 276 THỂ LOẠI TƯ TÂM SỞ HÌNH THÀNH VIỆC TRỔ SINH QUẢ BÁO TRONG KIẾP SỐNG THỨ HAI

12 Tư Tâm Sở Bất Thiện, 8 Tư Tâm Sở Đại Thiện, kết hợp lại thành 20 Tư Tâm Sở đây, sinh khởi do bởi nương vào Lộ Thân Môn, có được 80 đó là:

a. Thân Hành Cơ Bản Tư Tâm Sở (Sayaṃkatamūlikacetanā): Tư Tâm Sở sinh khởi từ ở tự bản thân mình thực hiện, có được 20.

b. Mệnh Lệnh Cơ Bản Tư Tâm Sở (Āṇattikamūlikacetanā): Tư Tâm Sở sinh khởi từ việc sai bảo người khác thực hiện, có được 20.

c. Lương Tri Cơ Bản Tư Tâm Sở (Sampajānamūlalikacetanā): Tư Tâm Sở sinh khởi từ ở việc tác hành do bởi liễu tri điều lợi ích và tác hại (Phước – Tội) của hành động ấy, có được 20.

d. Bất Lương Tri Cơ Bản Tư Tâm Sở (Asampajānamūlikacetanā): Tư Tâm Sở sinh khởi từ ở việc tác hành do bởi bất liễu tri điều lợi ích và tác hại (Phước – Tội) của hành động tạo tác ấy, có được 20.

Kết hợp ở phần Bất Thiện và Thiện Tư Tâm Sở mà sinh khởi theo Lộ Thân Môn thì có được 80 Bất Thiện và 80 Thiện, đồng tương tự như nhau. Còn Bất Thiện và Thiện Tư Tâm Sở mà sinh khởi theo Lộ Ý Môn thì có được 116, tức là 12 Bất Thiện Tư Tâm Sở, 8 Đại Thiện Tư Tâm Sở, 9 Thiện Đáo Đại Tư Tâm Sở, kết hợp lại thành 29. Và làm thành Thân Hành Căn Bản Tư Tâm Sở có 29, làm thành Mệnh Lệnh Căn Bản Tư Tâm Sở có 29, làm thành Lương Tri Căn Bản Tư Tâm Sở có 29, làm thành Bất Lương Tri Căn Bản Tư Tâm Sở có 29. Kết hợp lại thành 116.

+ Bất Thiện và Thiện Tư Tâm Sở sinh khởi theo Lộ Thân Môn có 80

+ Bất Thiện và Thiện Tư Tâm Sở sinh khởi theo Lộ Ngữ Môn có 80

+ Bất Thiện và Thiện Tư Tâm Sở sinh khởi theo Lộ Ý Môn có 80

Kết hợp lại thành 276 thể loại Tư Tâm Sở (đó là 116 + 80 + 80 + 80 = 276). Như Ngài Chú Giải Sư đã có trình bày để ở trong Bộ Chú Giải Tăng Chi Bộ Kinh nói rằng: **Iti sabbāme tīsu dvāresu dvesatāni chasattati ca cetanā** - Như vậy, Tư Tâm Sở trổ sinh quả báo ở trong kiếp sống thứ hai, tính cho hết cả trong Tam Môn có số lượng 276.

+ Giải thích để làm rõ thêm ý nghĩa trong phần **Pāḷi** ở điều thứ sáu, bảy, tám là chỗ nơi trình bày đến **Thập Bất Thiện Nghiệp Đạo (Akusalakammapatha)** có việc Sát Tử **(Pāṇātipāta)** v.v.

Khi sẽ trình bày ý nghĩa nội dung ở trong phần Bất Thiện Nghiệp Lực, rằng theo cả Tam Môn thì có những thể loại Bất Thiện Nghiệp Lực nào ? và có số lượng bao nhiêu ? Do vậy, Ngài Giáo Sư **Anuruddha** mới trình bày tiếp theo là **Kathaṃ** ?

Pāṇātipāta v.v. như sẽ được đề cập đến tiếp theo đây.

Phần nhiều thì việc tạo tác Bất Thiện mà sinh khởi theo Lộ Thân Môn, gọi là Thân Hành Nghiệp Lực. **Kāya (Thân Thể) = Kāyakamma (Thân Nghiệp Lực)** = hành động tạo tác, có được ba thể loại Thân Hành Bất Thiện Nghiệp Lực, đó là:

1/ Sát Tử (Pāṇātipāta),

2/ Thâu Đạo (Adinnādāna), và

3/ Tính Dục Tà Hạnh (Kāmesumicchāra).

Phần nhiều thì việc tạo tác Bất Thiện mà sinh khởi theo Lộ Ngữ Môn, gọi là Ngữ Hành Nghiệp Lực. **Vācī (Ngôn Từ) = Vācākamma (Ngữ Nghiệp)** = hành động tạo tác, có được bốn thể loại Ngữ Hành Bất Thiện Nghiệp Lực, đó là:

1/ Vọng Ngữ (Musāvāda),

2/ Ly Gián Ngữ (Pisuṇāvācā),

3/ Thô Ác Ngữ (Pharusavācā), và

4/ Hồ Ngôn Loạn Ngữ (Samphappalāpa).

Phần nhiều thì việc tạo tác Bất Thiện mà sinh khởi theo Lộ Ý Môn gọi là Ý Hành Nghiệp Lực. **Mano (Ý) = Tâm, Kamma (Nghiệp Lực)** = hành động tạo tác, có được ba thể loại Ý Hành Bất Thiện Nghiệp Lực, đó là:

1/ Tham Ác (Abhijjhā),

2/ Cừu Hận (Byāpāda), và

3/ Tà Kiến (Micchādiṭṭhi).

Bất Thiện Nghiệp Lực như đã vừa đề cập tại đây được gọi là Thập **Ác Hạnh (Duccarita)**.

GIẢI THÍCH TRONG TAM THÂN HÀNH NGHIỆP LỰC
1. SÁT TỬ (PĀṆĀTIPĀTA – SÁT SINH)

Từ ngữ nói rằng **Sát Tử (Pāṇātipāta)**, khi chiết tự có được hai từ ngữ, đó là **Pāṇa + Atipāta. Pāṇa** khi được nói theo **Thành Ngữ dân gian (Vohāranaya)** đó là "tất cả loài Hữu Tình". Khi nói theo **Thực Tính Siêu Lý (Paramattha sabhāvanaya)** đó là **Sắc Mạng Quyền Lực (Jīvitarūpa)** và **Tâm Sở Mạng Quyền (Jīvitindriyacetasika).** Từ ngữ nói rằng **Ati** ở trong câu **Atipāta** đó, khi dịch nghĩa thì có được hai thể loại ý chính, đó là **Sīghatattha** được dịch nghĩa là "một cách mau lẹ", **Atikkammattha** dịch nghĩa là "việc xâm phạm bức hại". Từ ngữ nói rằng **Pāta** dịch nghĩa "cho đổ ngã, đọa lạc đi, mất đi". Khi kết hợp vào nhau thành **Pāṇātipāta** thì được dịch là "cho loài Hữu Tình hoặc mạng sống ấy phải bị mất đi một cách mau lẹ". Hoặc một phần khác được dịch là "việc xâm phạm bức hại loài Hữu Tình cho phải bị mất đi".

Việc dịch rằng "cho loài Hữu Tình phải bị mất đi một cách mau lẹ" có ý nghĩa là "làm cho loài Hữu Tình ấy phải bị mạng vong trước khi đến thời hạn định tuổi thọ của mình". Việc dịch rằng "việc xâm phạm bức hại loài Hữu Tình cho mất đi" có ý nghĩa là "sử dụng bất luận loại vũ khí nào để sát hại cho loài Hữu Tình ấy phải mạng vong". Như đã có trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Pāṇaṃ atipātenti etenāti = Pāṇātipāto** - Tất cả loài người thường sát hại loài Hữu Tình với Pháp ấy, như thế Pháp làm thành tác nhân của việc sát hại ấy, gọi là Sát Tử, tức là **Quái Tử Thủ Tư Tâm Sở (Vadhakacetanā – Sát Nhân Giả Tư Tâm Sở).** Hoặc một phần khác: **Pāṇassa atipāto = Pāṇātipāto** - Hành động tạo tác làm cho loài Hữu Tình ấy hoặc mạng sống ấy phải bị mất đi một cách mau lẹ, gọi là Sát Tử. Hoặc "bằng với vũ khí, Tư Tâm Sở tạo tác làm cho việc xâm phạm bức hại loài Hữu Tình cho phải bị mất đi, gọi là "Sát Tử". Tức là "Tư Tâm Sở Quái Tử Thủ" có nghĩa là Tư Tâm Sở làm thành tác nhân trong việc sát hại loài Hữu Tình. Tư Tâm Sở Quái Tử Thủ có được hai thể loại **Nỗ Lực (Payoga – Phấn Đấu),** có được cả **Thân Hành (Kāyapayoga)** với việc sát hại do bởi chính tự mình và **Ngữ Hành (Vācīpayoga)** là việc sai bảo tha nhân cho việc sát hại.

PHÂN TÍCH TRONG VIỆC SÁT TỬ LOÀI HỮU TÌNH

Trong việc tác hành sát tử đây, thì Tư Tâm Sở Quái Tử Thủ là điều trọng yếu trong việc chủ tâm sát hại. Với người bị sát hại ấy, rằng theo **Dĩ Pháp Bản Nguyện (Dhammā dhiṭṭhāna – Trích Dẫn Pháp),** thì đích thị chính **Mạng Quyền Lực (Jīvitindriya)** hình thành người bị sát hại. Và có hai thể loại Mạng Quyền, đó là:

1. Sắc Mạng Quyền Lực (Rūpajīvitindriya)

2. Danh Mạng Quyền Lực (Nāmajīvitindriya)

Trong cả hai thể loại Mạng Quyền Lực này, thì người sẽ bị hãm hại là chỉ riêng ở phần Sắc Mạng Quyền Lực thôi. Còn Danh Mạng Quyền Lực ấy, thì đặc biệt không thể bị hủy diệt được, là vì Danh Pháp **(Nāma).** Khi là như vậy, thì với điều chi để rồi người sát tử loài Hữu Tình sẽ được gọi là thành tựu việc sát tử ? Vì lẽ Danh Mạng Quyền Lực đã không có thể bị hủy diệt được ? Điều này giải thích được rằng: Cho dù Danh Mạng Quyền Lực sẽ không thể bị hủy diệt đi nữa, và chỉ có Sắc Mạng Quyền Lực là sẽ bị hủy diệt thôi, tuy nhiên Danh Mạng Quyền Lực ắt hẳn cũng sẽ bị hủy diệt theo cùng ! Tất cả sự việc này, là cũng do việc sinh khởi nối tiếp với nhau của Danh Mạng Quyền Lực thường luôn có sự liên quan với Sắc Mạng Quyền Lực. Và thế là, người sát tử loài Hữu Tình ấy, mới sẽ được gọi là thành tựu việc sát tử.

Ứng hợp với Ngài Phụ Chú Giải đã có trình bày để ở trong Bộ Phụ Chú Giải Trinh Khiết Nữ Sĩ **(Sādhuvisālinīṭīkā)** và Bộ Phụ Chú Giải Cốt Yếu Giải Minh **(Sārattha dīpanīṭīkā)** nói rằng: **Rūpajīvitindriyehi vikopite itarampi taṃ sambandhatāya vinassati - Dịch nghĩa là:** Một khi Sắc Mạng Quyền Lực đã bị hủy diệt rồi, thì Danh Mạng Quyền Lực ngoài ra đây, cũng được gọi là "cũng bị hủy diệt theo cùng", vì có sự liên hệ hữu quan với nhau.

Lại nữa, Sắc Mạng Quyền Lực này có được ba thể loại, đó là:

1. Quá Khứ Sắc Mạng Quyền Lực (Atītarūpajīvitindriya),

2. Hiện Tại Sắc Mạng Quyền Lực (Paccuppannarūpajītindriya), và

3. Vị Lai Sắc Mạng Quyền Lực (Anāgatarūpajīvitindriya).

Như thế, trong việc hủy diệt Sắc Mạng Quyền Lực này, tức là chỉ ở phần Hiện Tại Sắc Mạng Quyền Lực thôi. Và Hiện Tại Sắc Mạng Quyền Lực này cũng có ba thể loại:

1. Sát Na Hiện Tại Sắc Mạng Quyền Lực (Khaṇapaccuppannarūpajīvitin driya).

2. Thừa Kế Hiện Tại Sắc Mạng Quyền Lực (Santatipaccuppannarūpajīvitin driya) và

3. Viễn Trình Hiện Tại Sắc Mạng Quyền Lực (Addhāpaccuppannajīvitin driya).

Sát Na Hiện Tại Sắc Mạng Quyền Lực thì không thể hủy diệt được, khi kết hợp hết cả ba sát na, đó là **Sinh (Uppāda), Trụ (Ṭhīti)** và **Diệt (Bhaṅga),** và rồi cũng sẽ tự diệt mất đi. Đối với Thừa Kế Hiện Tại Sắc Mạng Quyền Lực và Viễn Trình Hiện Tại Sắc Mạng Quyền Lực, với cả hai thể loại này thì lại hủy diệt được. Là vì Thừa Kế Hiện Tại Sắc Mạng Quyền Lực ấy, tức là Sắc Mạng Quyền Lực sinh khởi nối tiếp với nhau trong khoảng thời gian Lộ Trình Tâm Đồng Lực có được ít ra là 7 – 8 Lộ Trình. Hoặc Sắc Mạng Quyền Lực sinh khởi nối tiếp với nhau trong khoảng thời gian mà cơ thể đang có được việc tiếp xúc với sự nóng, và sự nóng ấy vẫn chưa có diệt mất đi. Chẳng hạn như có một người đang bước đi dang nắng trên đường lộ, rồi lại bước vào ở trong một bóng mát, và ngay trong sát na ấy, thì sự hanh nóng ấy vẫn còn hiện hữu ở trong cơ thể. Hoặc là Sắc Mạng Quyền Lực sinh khởi nối tiếp với nhau trong khoảng thời gian cơ thể đang có được việc tiếp xúc với sự lạnh, và sự lạnh ấy cũng vẫn chưa có diệt mất đi. Chẳng hạn như có một người mới vừa tắm xong, ngay trong sát na ấy cơ thể vẫn còn có sự mát lạnh thì Sắc Mạng Quyền Lực sinh khởi nối tiếp với nhau trong khoảng thời gian có sự nóng đến. Hoặc là, chính ngay sự mát lạnh vẫn còn hiện hữu ấy, gọi là Thừa Kế Hiện Tại Sắc Mạng Quyền Lực. Còn Viễn Trình Hiện Tại Sắc Mạng Quyền Lực ấy, tức là Sắc Mạng Quyền Lực sinh khởi nối tiếp với nhau kể từ Tâm Tái Sinh trở đi cho đến Tâm Tử. Như Ngài Đại Giáo Sư **Buddhaghosa** đã có trình bày để ở trong bộ Chú Giải Chương Bất Cộng Trụ **(Pārājikakaṇḍa Atthakathā)** nói rằng: **Tadubhayaṃ pi voropetuṃ sakkā** - Việc hủy diệt những cả hai Sắc Mạng Quyền Lực này, là Thừa Kế Hiện Tại Sắc Mạng Quyền Lực và Viễn Trình Hiện Tại Sắc Mạng Quyền Lực là điều có thể thực hiện được.

TRÌNH BÀY CHI PHÁP HÌNH THÀNH VIỆC SÁT TỬ

Việc tạo tác Bất Thiện ấy, cũng có khi dẫn đến **Nghiệp Đạo (Kammapatha – Đạo Lộ Nghiệp Lực),** hoặc cũng có khi không dẫn đến Nghiệp Đạo. Nếu như đã dẫn đến thành Nghiệp Đạo thì việc tạo tác Bất Thiện ấy đã thành tựu **Xuất Sinh Nghiệp Lực (Janaka kamma),** thì nhất định có khả năng dắt dẫn cho đi tái sinh ở trong Cõi Thống Khổ. Nếu như có một vài thể loại tạo tác, cho dù không dẫn đến thành Nghiệp Đạo đi nữa, tuy nhiên cũng

vẫn có khả năng dắt dẫn cho đi tái sinh ở trong Cõi Thống Khổ, hoặc cũng có một vài thể loại tạo tác mà không có khả năng dắt dẫn cho đi tái sinh ở trong Cõi Thống Khổ, mà chỉ có duy nhất trổ sinh quả báo ở trong Thời Chuyển Khởi mà thôi, có nghĩa là làm cho đời sống và sự sinh hoạt của người ấy phải đón nhận biết bao lầm than vất vã.

Từ ngữ nói rằng Nghiệp Đạo đây, đã được trích dẫn từ ở từ ngữ **Pāḷi** là **Kamma patha**. Khi chiết tự có được hai từ ngữ, đó là **Kamma + Patha - Kamma** = hành động tạo tác, **Patha** = đạo lộ, con đường. Khi kết hợp vào nhau thành **Kammapatha (Nghiệp Đạo)** thì được dịch là "hành động tạo tác làm thành con đường cho đi đến Cõi Thống Khổ". Hành động tạo tác Bất Thiện mà sẽ thành Xâm Phạm hoặc Bất Xâm Phạm Nghiệp Đạo, thì cần phải tùy thuộc vào Chi Pháp Hình Thành, tức là Chi Pháp phối hợp ở trong hành động tạo tác ấy. Vì thế với hành động tạo tác Bất Thiện ở thể loại Sát Tử, đó đã là việc Xâm Phạm Nghiệp Đạo thì cần phải phối hợp với năm yếu tố, đó là:

1. Pāṇo: Loài Hữu Tình có sinh mạng,

2. Pāṇasaññitā: Biết rằng loài Hữu Tình ấy có sinh mạng,

3. Sát Nhân Giả Tâm (Vadhakacittaṃ): Có Tâm nghĩ tưởng sẽ sát hại mạng sống ấy,

4. Nỗ Lực (Payogo): Thực hiện sự cố quyết để cho mạng vong,

5. Tenamaraṇaṃ: Loài Hữu Tình ấy phải mạng vong do bởi sự cố quyết ấy.

Khi hành động tạo tác hội đủ cả năm yếu tố như đã vừa đề cập đến ở tại đây, coi như thế là người ấy đã tác hành Xâm Phạm Nghiệp Đạo. Thế nhưng, nếu như hành động tạo tác ấy đã không hội đủ cả năm yếu tố, thì cũng bất thành tựu một Nghiệp Đạo. Như có câu kệ trình bày rằng:

Pāṇo ca pāṇasaññitā **Ghātacittañcupakkamo**
Teneva maraṇañcāti **Pañcime vadhahetuyo**

Chi Pháp thành tác nhân trong việc sát tử loài Hữu Tình ấy phải hội đủ cả năm yếu tố như sau, đó là:

1. Loài Hữu Tình có sinh mạng.
2. Biết rằng loài Hữu Tình ấy có sinh mạng,
3. Có sự chú tâm sẽ sát tử mạng sống ấy,
4. Thực hiện sự cố quyết để cho tử vong,
5. Loài Hữu Tình ấy phải tử vong do bởi sự cố quyết ấy.

Nếu như hành động tạo tác của người ấy trước tiên là phải hội đủ cả năm yếu tố, tuy nhiên thiếu mất đi yếu tố thứ năm, đó là "Loài Hữu Tình ấy vẫn chưa tử vong", và như vậy, hành động tạo tác của người ấy cũng vẫn chưa thành tựu một Nghiệp Đạo.

TRÌNH BÀY VIỆC PHÂN CHIA SÁT TỬ NGHIỆP LỰC THEO PHẦN CỰC ĐẠI TỘI (MAHĀSĀVAJJA) VÀ HY THIỂU TỘI (APPASĀVAJJA)

Đối với tội lỗi mà phải bị đón nhận từ ở việc sát tử loài Hữu Tình ấy, thì cũng tùy thuộc vào loài Hữu Tình ấy có sắc thân to lớn hoặc nhỏ bé, và có Giới Pháp hay là không có

Giới Pháp. Nếu như loài Hữu Tình mà bị sát tử ấy, là loài Hữu Tình to lớn, chẳng hạn như là voi, ngựa, bò, trâu, v.v. thì có rất nhiều tội lỗi, gọi là **Cực Đại Tội (Mahāsāvajja)**, là vì **Bọn Tổng Hợp Mạng Cửu (Jīvitanavakakalāpa)** của loài Hữu Tình này phải bị hủy diệt với số lượng vô số. Đối với loài Hữu Tình mà bị sát tử ấy, lại là loài Hữu Tình nhỏ bé, chẳng hạn như kiến, muỗi v.v. thì có chút ít tội lỗi, gọi là **Hy Thiểu Tội (Appasāvajja)**. Và giữa loài Hữu Tình Bàng Sinh với Nhân Loại, thì sát tử Nhân Loại thì có nhiều tội lỗi hơn sát tử loài Bàng Sinh, là vì Nhân Loại là loài Hữu Tình cao quý hơn loài Hữu Tình Bàng Sinh. Còn đối với giữa các hàng Nhân Loại lẫn nhau, nếu như sát tử người có đức hạnh ở trong Giới Pháp, chẳng hạn như là vị Tỳ Khưu, Sa Di, Cận Sự Nam, Cận Sự Nữ, v.v., thì có rất nhiều tội lỗi. Nếu như người bị sát tử là người không có đức hạnh, chẳng hạn như là bọn đạo tặc, kẻ ác nhân, v.v. thì có chút ít tội lỗi. Đối với người sát tử Cha, Mẹ, bậc Alahán Vô Sinh ấy, thì tội lỗi thuộc cùng hung cực ác, đặc biệt nặng nề, và đó là thành Vô Gián Nghiệp Lực. Nếu như người bị sát tử ấy, rằng theo sắc tướng hình dạng lại bằng nhau, rằng theo Ân Đức Pháp cũng bằng nhau, thì cần phải phán xét theo **Sự Nỗ Lực (Payoga – Phấn Đấu)**, tức là ngay trong sát na sát tử ấy, là phải dùng rất nhiều sự nỗ lực hoặc chỉ có chút ít sự nỗ lực. Nếu như phải dùng rất nhiều sự nỗ lực thì có rất nhiều tội lỗi, và nếu như chỉ dùng chút ít sự nỗ lực thì có chút ít tội lỗi.

Lại nữa, người tạo tác việc sát tử ấy, là một người có sự hiểu biết rằng "việc tạo tác như vầy là bất thiện, có tội lỗi, và không nên làm", tuy nhiên vẫn cứ phải thực hiện do bởi bất luận một lý do nào đi nữa. Và lại có một người khác, không có sự hiểu biết rằng "việc tạo tác như vầy là bất thiện, có tội lỗi, và không nên làm". Giữa cả hai hạng người này, thì người tạo tác việc sát tử mà không có hiểu biết rằng là bất thiện ấy, thì thường phải bị tội lỗi nặng nề hơn là người có sự hiểu biết ấy là điều bất thiện. Tất cả sự việc này là cũng vì người không có được liễu tri điều bất thiện, thường là người kết hợp với Tà Kiến, vì thế mới phải bị đón nhận rất nhiều tội lỗi, và làm thành **Cực Đại Tội (Mahāsāvajja)**. Ví như người thợ rèn đã đun thỏi sắt cho đến nóng đỏ rồi tự lấy đem để lên trên người của mình, thì nhận biết được rằng thỏi sắt ấy rất nóng. Như thế, một khi cần phải dùng bàn tay mà cầm lấy thỏi sắt ấy thì ắt hẳn là phải nhận thức và biết lượng tính ở trong sức nóng cực độ của nó mà không thể nào dùng lấy bàn tay mà chạm vào và chỉ phải đón nhận một chút ít sức nóng ấy được. Có một nam nhân khác đi đến ở đàng sau, được trông thấy thỏi sắt đang để ở nơi đó, và không được biết rằng thỏi sắt đang là rất nóng. Nam nhân này khởi lên sự hiếu kỳ, và rồi đã dùng bàn tay cầm lấy thỏi sắt ấy lên. Với độ nóng cực điểm của thỏi sắt ấy ắt hẳn đã làm cho bàn tay của nam nhân này phải bị cháy bỏng đi, khác biệt hẳn với người thợ rèn. Điều này như thế nào thì "người nhận biết được rằng hành động tạo tác như vầy là bất thiện" với "người không được nhận biết rằng hành động tạo tác như vầy là bất thiện" thì ắt hẳn phải bị đón nhận sự tội lỗi rất là khác biệt cũng tương tự như thế ấy.

Có sáu thể loại **Nỗ Lực (Payoga – Phấn Đấu)**, đó là:

Sāhatthiko āṇattiko **Nissaggiyo ca thāvaro**

Vijjāmayo iddhimayo **Payogā chayime matā**

Nên hiểu biết về Sự Nỗ Lực (**Payoga** – Phấn Đấu) tức là sự cố gắng, và có được sáu thể loại, đó là:

1. Tự Chế Thủ Công (Sāhatthika): Sự nỗ lực do tự bản thân mình thực hiện.

2. Mệnh Lệnh (Āṇattika): Sự nỗ lực bằng cách sai bảo để cho tha nhân thực hiện.

3. Phóng Khí (Nissaggiya): Sự nỗ lực với việc quăng ném vũ khí, liệng vũ khí, v.v.

4. Kiên Cố (Thāvara): Sự nỗ lực với việc tạo dựng các vật dụng sát hại một cách kiên cố, có việc đào hầm hố ngụy trang, làm ra con dao, làm sợi dây treo, v.v.

5. Ma Thuật (Vijjāmaya): Sự nỗ lực với việc sử dụng các loại thần chú và ma thuật.

6. Thần Lực (Iddhimaya): Sự nỗ lực với việc sử dụng thần thông ở phần **Quyền Thuật Nghiệp Lực (Kammajiddhi)** của mình, chẳng hạn như trừng mắt nhìn chằm bằm, và gõ vào răng nanh của mình, v.v.

1. Tự Chế Thủ Công Nỗ Lực (Sāhatthikapayoga): có câu Chú Giải trình bày nói rằng: **Sassa hattho = Sahattho - Sahatthena nibbatto = Sahatthiko** - Bàn tay của mình, gọi là **Tự Chế Thủ Công (Sahattha)**. Khởi sinh sự nỗ lực bằng với chính bàn tay của mình, gọi là Tự Chế Thủ Công, lập ý đến việc đâm chém với con dao, đánh đập với gậy gộc, v.v.

2. Mệnh Lệnh Nỗ Lực (Āṇattikapayoga): có câu Chú Giải trình bày nói rằng: **Āṇāpanaṃ = Āṇatti - Āṇattiyā nibbatto = Āṇattiko** - Việc sai bảo tha nhân, gọi là Mệnh Lệnh, tức là **(Āṇatti)**. Khởi sinh sự nỗ lực qua việc sai bảo tha nhân, gọi là **Mệnh Lệnh (Āṇattika)** ấy, lập ý đến việc sai bảo qua lời nói, sai bảo qua văn tự, sai bảo bằng với việc ra các hiệu lệnh, như gật đầu, nháy mắt, chỉ tay, v.v.

3. Phóng Khí Nỗ Lực (Nissaggiyapayoga): có câu Chú Giải trình bày nói rằng: **Nissajjanaṃ = Nissaggo - Nissaggena nibbatto = Nissaggiyo** - Việc thả hoặc ném quăng, gọi là **Phóng Khí (Nissagga)**. Khởi sinh sự nỗ lực qua việc thả hoặc ném quăng vũ khí, gọi là **Phóng Khí (Nissaggiya)**, lập ý đến việc ném con dao, phóng cây lao, liệng ngọn giáo, bắn cung, ném bom, quăng hòn đá, v.v.

4. Kiên Cố Nỗ Lực (Thāvarapayoga): lập ý đến việc tạo dựng các vật dụng sát tử, chẳng hạn như việc đào hầm hố để cho người hoặc loài Hữu Tình phải bị rớt vào, chôn những chông gai; tạo ra những vũ khí như có dao, súng, cung tên, bom, v.v. để dùng vào trong việc tàn sát. Điều này trình bày cho được biết rằng người tạo ra các loại vũ khí, như đã vừa đề cập đến tại đây, là do bởi có **Quái Tử Thủ Tư Tâm Sở (Vadhakacetanā – Sát Nhân Giả Tư Tâm Sở).** Và nếu như bất luận có một người nào đã cầm lấy các loại vũ khí ấy để sử dụng cho được thành tựu trong việc sát tử thì người tạo ra các loại vũ khí ấy, cho dù thật sự chẳng phải chính tự nơi mình cầm lấy để sát hại đi nữa, tuy nhiên cũng vẫn phải bị rơi vào Nghiệp sát tử tội lỗi ấy tương tự như nhau, là vì có liên quan đến việc Kiên Cố Nỗ Lực.

5. Ma Thuật Nỗ Lực (Vijjāmayapayoga): có câu Chú Giải trình bày nói rằng: **Vijjāya nibbatto = Vijjāmayo** - Khởi sinh sự nỗ lực qua việc sử dụng các loại thần chú và ma thuật, gọi là **Ma Thuật (Vijjāmaya)**.

Có rất nhiều thể loại tạo tác dẫn đến thành tựu trong việc sát tử qua việc sử dụng ma thuật thần chú, chẳng hạn như tạo ra lá bùa, ghi tên ngày, tháng của kẻ thù, rồi đem đi đốt, đem đi chôn, đánh đập vào lá bùa, để làm cho kẻ thù ấy phát sinh lên trạng thái ngã lăn ra ốm bệnh và phải dẫn đến mạng vong. Hoặc sử dụng việc đọc kệ chú ma thuật để làm cho kẻ thù ấy phải bị mạng vong. Hoặc việc tạo nặn ra hình tượng của kẻ thù, rồi đem đi chôn, đem đi đốt, đánh đập vào tượng hình ấy, làm cho kẻ thù ấy phải bị mạng vong. Hoặc lấy quần áo y phục của kẻ thù đến tụng đọc kệ chú ma thuật, rồi thiêu đốt đi, để làm cho kẻ thù ấy phải bị mạng vong. Hoặc sai bảo xui khiến bọn Ác Ma Quỷ dữ, Chư Thiên đi đến quấy rối để làm cho kẻ thù ấy phải dẫn đến sự mạng vong, v.v.

6. Thần Thông Nỗ Lực (Iddhimayapayoga): có câu Chú Giải trình bày nói rằng: **Iddhiyā nibbatto = Iddhimayo** - Khởi sinh sự nỗ lực qua việc sử dụng thần thông, gọi là Thần Lực (**Iddhimaya**).

Tại nơi đây, lập ý lấy Thần Thông được sinh khởi do bởi nương vào Nghiệp Lực, gọi là **Quyền Thuật Nghiệp Lực (Kammajiddhi)**. Chẳng hạn như tích truyện Đức Vua **Pitu** sinh sống ở trong Đảo Quốc **Lankā Tích Lan** có được thần thông ở răng nanh. Đến một ngày nọ, có sự oán hận với bá hộ **Cūḷasumana**, thế rồi nhà vua đã gõ vào chiếc răng nanh của mình, và đã khiến cho bá hộ **Cūḷasumana** ấy phải dẫn đến sự tử vong ngay tức thì. Và tích truyện nhà vua **Vessuvaṇṇa** (Đa Văn Thiên Vương – còn gọi là Vua **Kuvera**) trú ngụ ở hướng Bắc Tu Di Sơn, Ngài là vị cai quản tất cả **Quỷ Thần Dạ Xoa (Yakkha devatā)**. (Xin xem lại Phần Tứ Đại Thiên Vương đã được trình bày ở phần trên). Trong khoảng thời gian vẫn chưa thành tựu Quả vị Bậc Thánh, đã từng sát hại bọn Dạ Xoa tùy tùng của mình qua việc trừng mắt nhìn chằm bẳm, và đã làm cho bọn Dạ Xoa với số lượng vô số ấy phải bị tử vong, chẳng hạn như vầy.

TRÌNH BÀY TRONG ĐIỀU NÓI RẰNG "LÀM CHO MẠNG SỐNG LOÀI HỮU TÌNH ẤY PHẢI BỊ MẤT ĐI MỘT CÁCH MAU LẸ"

Theo lẽ thường thì từng mỗi Sắc Mạng Quyền Lực có được tuổi thọ bằng với 17 cái Tâm. Trong khoảng thời gian khi vẫn chưa tròn đủ 17 sát na của Tâm thì không có bất luận một điều nào có khả năng hủy diệt Sắc Pháp này cho phải bị diệt mất đi. Tiếp đến khi đã tròn đủ 17 sát na Tâm, thì cũng thường tự diệt mất. Khi đã là như vậy, thì việc nói rằng "làm cho mạng sống của loài Hữu Tình ấy phải bị mất đi một cách mau lẹ" sẽ nên là như thế nào ? Điều này được giải đáp rằng chẳng phải lập ý chỉ lấy Tư Tâm Sở trong việc sát tử loài Hữu Tình này, thế nhưng việc làm cho từng mỗi Sắc Mạng Quyền Lực phải bị hủy diệt đi một cách mau lẹ, đích thị chính là lập ý đến sự việc làm cho Sắc Mạng Quyền Lực sinh khởi nối tiếp với nhau suốt trọn tuổi thọ của người ấy cho phải bị cắt đứt đi một cách mau lẹ, không còn tiếp tái sinh khởi nối tiếp với nhau được nữa.

Giải thích rằng thông thường từng mỗi Bọn Tổng Hợp Mạng Cửu **(Jīvitanavaka kalāpa)** ấy, là không có việc tự tiện diệt mất đi được, thường là có mãnh lực ở trong việc giúp đỡ bảo hộ cho Bọn Tổng Hợp Mạng Cửu khởi sinh mới lại, y như thể với từng mỗi cái

Tâm, một khi đã diệt mất rồi lại thường làm thành năng duyên giúp đỡ bảo hộ cho cái Tâm mới sinh khởi nối tiếp với mãnh lực Vô Gián Duyên và Đẳng Vô Gián Duyên. Vì thế, một khi xác thân mà phải bị hủy diệt do bởi các loại vũ khí, như có súng, dao, gậy gộc, v.v. thì Bọn Tổng Hợp Mạng Cửu và Sắc Đại Hiển Nghiệp Lực **(Kammajamahābhūtarūpa)** đang sinh cùng khắp ở trong cơ thể ấy, ắt hẳn là phải bị hủy diệt, thì đã làm cho suy giảm năng lực đi. Mặc dù sẽ nói được rằng Sắc Pháp một khi vẫn chưa tròn đủ tuổi thọ của 17 sát na Tâm, thì thường không có việc tự diệt mất trước đi nữa, tuy nhiên Bọn Tổng Hợp Mạng Cửu và Sắc Đại Hiển Nghiệp Lực mà bị hủy diệt ở đây, thì đang có năng lực suy giảm. Và một khi tự bản thân đã có năng lực suy kém rồi, thì đến sát na diệt mới sẽ không có khả năng ở trong việc giúp đỡ bảo hộ cho Bọn Tổng Hợp Mạng Cửu và Sắc Đại Hiển Nghiệp Lực sinh khởi ở đàng sau cho được tròn đủ được. Như thế, việc sinh khởi nối tiếp với nhau của Bọn Tổng Hợp Mạng Cửu và Sắc Đại Hiển Nghiệp Lực cũng ắt hẳn có năng lực suy giảm đi theo một cách tuần tự cho đến khi không còn có khả năng sẽ khởi sinh mới lại được nữa, thì chính ngay trong khoảng thời gian ngắn ngủi này, loài Hữu Tình ấy đã phải tử vong. Như thế mới nói được rằng **việc sát tử (Pāṇātipāta)** là "làm cho mạng sống của loài Hữu Tình ấy phải bị mất đi một cách mau lẹ."

PHÂN TÍCH TRONG VIỆC SÁT TỬ Ở THỂ LOẠI CHUYÊN NHẤT (UDDISSA) VÀ BẤT CHUYÊN NHẤT (ANUDDISSA)

Trong cả hai thể loại **Nỗ Lực (Payoga)**, đó là: **Tự Chế Thủ Công Nỗ Lực (Sāhatthikapayoga)** và **Phóng Khí Nỗ Lực (Nissaggiyapayoga)** đây, từng mỗi điều đã được chia ra làm hai thể loại, là:

1. Chuyên Nhất (Uddissa): Việc sát tử với sự chủ tâm.

2. Bất Chuyên Nhất (Anuddissa): Việc sát tử không có sự chủ tâm.

1. Việc sát tử với sự chủ tâm: chẳng hạn như có một con cò trắng đang đậu ở trên lưng trâu. Kẻ sát nhân có sự chủ tâm sẽ bắn con cò trắng ấy, thế rồi đã nã đạn và trúng cò trắng ấy dẫn đến tử vong. Như vậy, kẻ sát nhân coi như đã Xâm Phạm **Nghiệp Đạo (Kammapatha)**, và đã hoàn thành việc sát tử một cách trọn vẹn. Tuy nhiên, nếu như không bắn trúng cò trắng mà trái lại trúng phải trâu chết, như vậy kẻ sát nhân đã không thành tựu việc sát tử, bởi vì đã không hội đủ yếu tố **Nỗ Lực (Payoga)**, đã thiếu mất ở trong điều **Vadhakacitta** (là có Tâm nghĩ tưởng sẽ sát hại mạng sống ấy, **Sát Nhân Giả Tâm**). Và sự Nỗ Lực tức là Tâm của người ấy đã không có chủ tâm sẽ sát tử trâu kia, và sự nỗ lực ở trong việc sát tử ấy cũng chẳng phải là sự nỗ lực để sẽ giết chết trâu. Ứng hợp như Ngài Giáo Sư **Buddhaghosa** đã có trình bày để ở trong Bộ Chú Giải Chương Bất Cộng Trụ **(Pārājikakaṇḍa Atthakathā)** và Bộ Chú Giải Tiểu Bộ Kinh **(Khuddakapāṭha Attha kathā)** nói rằng: **Uddissake yaṃ uddissa paharati tasseva maraṇena kamma baddho - Dịch nghĩa là:** Trong việc sát tử loài Hữu Tình một cách có sự chủ tâm ấy, đó là kẻ sát nhân

có sự chú tâm để sát hại đối với bất luận một loài Hữu Tình nào, và nếu như chính ngay loài Hữu Tình ấy đã phải tử vong, thì mới sẽ phán quyết được rằng "đã thành tựu việc sát tử.

2. Việc sát tử không có sự chủ tâm: chẳng hạn như kẻ sát nhân đã có được trông thấy có rất nhiều loài Hữu Tình với số lượng nhiều hơn một, và như thế đã có việc định bụng để sát hại không có sự chủ tâm bất kể là một con nào, trúng vào bất luận con nào cũng được. Thế rồi đã bắn hoặc đánh, hoặc chém vào loài Hữu Tình ấy sẽ phải tử vong với bao nhiêu con cũng được. Như vậy, kẻ sát nhân coi như đã Xâm Phạm **Nghiệp Đạo (Kammapatha)**, và đã hoàn thành việc sát tử một cách trọn vẹn. Nam nhân **K** đã có sự tức giận vào một con chó, và đã có sự chú tâm sẽ sát hại cho chết đi. Thế rồi đã đánh mạnh vào con chó ấy một cách dữ dội, ngẫu nhiên con chó ấy lại không phải chết mà chỉ có bị thương tích, và đã phải đón nhận sự đau đớn vô cùng. Tiếp đến, nam nhân **K** lại khởi sinh lên sự tức giận vào con chó ấy một lần nữa, tuy nhiên lần này không có sự chú tâm để sẽ sát hại, mà chỉ có việc đánh đập mà thôi. Thế rồi đã đánh mạnh vào, và con chó ấy đã phải đón nhận thêm nhiều thương tích. Vết thương mới đã bồi thêm vết thương cũ, đã làm thành tác nhân cho vết thương cũ trở nên trầm trọng thêm lên, và đã khiến cho con chó ấy phải tử vong. Như vậy tính được rằng nam nhân **K** đã Xâm Phạm **Nghiệp Đạo (Kammapatha)**, đó là **Sát Tử Nghiệp Lực (Pāṇātipātakamma)**. Nếu như con chó ấy đã chết do bởi việc bị đánh đập ở lần thứ hai, chỉ với việc bị đánh đập là chủ yếu, như vậy không tính được rằng nam nhân **K** đã Xâm Phạm Nghiệp Đạo, bởi vì không có Tư Tâm Sở sẽ sát hại cho phải chết đi.

Như Ngài Giáo Sư **Buddhaghosa** đã có trình bày để ở trong Bộ Chú Giải Chương Bất Cộng Trụ **(Pārājikakaṇḍa Atthakathā)** nói rằng: **Kiñcā pi paṭhama pahāro na sayameva sakkoti māretuṃ, dutiyaṃ pana labhitvā sakkonto jīvitavināsana hetu ahosi, paṭhamapahāreneva kammabaddho yutto, na dutiyena tassa aññacittena dinnattā - Dịch nghĩa là:** Cho dù quả thật là việc đánh đập lần đầu sẽ không có khả năng cho dẫn đến phải tử vong với mãnh lực từ ở việc đánh đập ấy đi nữa. Tuy nhiên khi đã phải đón nhận việc bị đánh đập ở lần thứ hai thì vết thương bị đánh đập ở lần thứ nhất ấy sẽ làm thành tác nhân cho phải bị tử vong. Vì thế mới phải quyết định rằng Xâm Phạm Nghiệp Đạo với việc bị đánh đập ở lần thứ nhất chỉ là ngần ấy, và không nên phán quyết lấy việc đánh đập ở lần thứ hai, bởi vì việc đánh đập ở lần thứ hai đã không có Tư Tâm Sở là sẽ sát tử.

Chiến sĩ ở trong bãi chiến trường đã trông thấy kẻ địch chạy ngược chiều lại, thì một chiến sĩ đã cầm lấy thanh kiếm chém đứt đầu, tuy nhiên xác thân của người chiến sĩ đã bị chém ấy vẫn còn tiếp tục chạy được nữa, chính là do bởi mãnh lực của năng lực chạy ở ban đầu. Một chiến sĩ khác trông thấy như vậy, lại cầm lấy thanh kiếm chém bồi thêm lần nữa; đến đoạn này thì xác thân của người chiến sĩ ấy mới ngã lăn xuống tắt thở. Hỏi rằng người chiến sĩ nào là kẻ đã chém người ta thành người Xâm Phạm Nghiệp Đạo Sát Tử ? Có rất nhiều vị Giáo Sư đã thẩm sát và đã cho nhận xét rằng người chiến sĩ thứ hai là người Xâm Phạm Sát Tử Nghiệp Lực. Tuy nhiên Ngài Giáo Sư **Trưởng Lão Tổ Phụ (Gottathera)** có sự hiểu biết ở trong Tạng Vô Tỷ Pháp đã phán quyết rằng đích thị chính là người chiến sĩ chém người ta lúc ban đầu là người Xâm Phạm Sát Tử Nghiệp Lực, chính là bởi do việc cắt đứt cả hai Mạng Quyền của người chiến sĩ ấy đã có liên quan đến từ ở việc bị sát hại ở phút

giây ban đầu đó vậy. Việc phán quyết của Ngài Giáo Sư Trưởng Lão tổ phụ này, thì Giáo Hội Tăng Đoàn đang kiết tập ở tại nơi đó đã cùng nhận xét **nhất trí (Ekachanda)** và đã đồng cùng với nhau thốt lên lời **Sādhu - Lành Thay.** Tiếp đến trong khoảng thời gian Ngài Đại Giáo Sư **Buddhaghosa** đã có được thẩm sát đến câu chuyện này, và rồi đã có sự đồng quan điểm duyệt ý ở trong lời phán quyết của Ngài Giáo Sư Trưởng Lão tổ phụ, mới dẫn đến việc trình bày để ở trong Bộ Chú Giải Chương Bất Cộng Trụ **(Pārājikakaṇḍa Atthakathā)** nói rằng: **Eko saṅghāme vegena dhāvato purissasa sīlaṃ asinā chindati asīsakaṃ kāyabandhaṃ dhāvati tamaññho paharitvā pāteti, kassa kammapatho hotīti vutte upaḍḍhattherā gamanupacchedakassāti māhaṃsu, ābhidhammika gottattathero sīlacchedakassāti - Dịch nghĩa là:** Kẻ chặt đứt đầu của người chiến sĩ đang chạy đến một cách mau lẹ ở trong bãi chiến trường với thanh kiếm, khi mà xác thân đã mất đầu vẫn còn đang chạy; và với một kẻ khác đã chém vào xác thân đang chạy đến cho ngã lăn xuống. Hỏi rằng việc Xâm Phạm Nghiệp Đạo sẽ đến với ai ? Khi đã đặt câu hỏi như vậy rồi, thì một nửa số lượng của các Ngài Trưởng Lão đã có sự hiểu biết sai trật khi nói rằng người làm cho xác thân ngã lăn xuống đích thị chính là người Xâm Phạm Nghiệp Đạo. Ngài Trưởng Lão tổ phụ thông suốt Tạng Vô Tỷ Pháp đã phán quyết dứt khoát rằng chính ngay kẻ chặt đứt đầu là người Xâm Phạm Nghiệp Đạo, hoàn thành Sát Tử Nghiệp Lực một cách trọn vẹn.

THẨM ĐOÁN TRONG VẤN ĐỀ TỰ VẪN NGHIỆP LỰC (ATTAVINIPĀTAKAMMA – TỰ SÁT HẠI MÌNH)

Người tự sát hại mạng sống của mình với bất luận trường hợp nào đi nữa, thì người ấy sẽ phải bị Xâm Phạm Nghiệp Đạo Sát tử hay không ? Vấn đề này thì có một vài Ngài Giáo Sư đã nói rằng "người mà tự sát hại cho phải mạng vong thì ắt hẳn là đã Xâm Phạm Sát Tử Nghiệp Lực" đã viện dẫn phần **Pāḷi** nói rằng: **Kodhaṃ nissāya sattā satthaṃ ādāya attanāva attānaṃ paharanti, visaṃ khādanti, rajjuyā upabandhanti, papātaṃ patanti, evaṃ kodhavasena kālaṅkatā nirayādīsu upapajjanti** (Trích ở trong Bộ Chú Giải Chương Thứ Nhất - Túc Sinh Truyện - **Ekanipātajataka**) **- Dịch nghĩa là:** Tất cả loài Hữu Tình đã tự sát hại mình bằng với vũ khí, uống thuốc tự vẫn, lấy dây thắt cổ, nhảy xuống vực thẳm do đã dựa vào sự cừu hận. Một khi người ấy đã chết đi với mãnh lực của sự cừu hận như đã vừa đề cập đến, thì ắt hẳn sẽ phải đi tái sinh ở trong Cõi Thống Khổ như có Địa Ngục, v.v.

Tuy nhiên việc thẩm đoán của một vài nhóm vị Giáo Sư ấy đã không trúng, tức là đã không có việc thẩm sát một cách cẩn trọng, bởi vì điều **Pāḷi** đã được viện dẫn để đề cập đến ấy, là Đức Phật Ngài đã lập ý đến "chính là do bởi dựa vào sự cừu hận mà đã sát hại người khác trước rồi sau đó mới tự sát hại mình, và vì thế mới phải bị đi tái sinh ở trong Cõi Địa Ngục." Như thế, Đức Thế Tôn mới lập ý khải thuyết để ở trong Chương Thứ Nhất - Túc Sinh Truyện cũng trong cùng một tích truyện như vầy: **Vihadakajātikā pi diṭṭheva dhamme garahaṃ patvā kāyassa bhedā nirayadīsu upapajjanti - Dịch nghĩa là:** Với hạng người mà có tính khí để hành hạ và sát hại người khác thì ắt hẳn phải bị đón nhận sự

chỉ trích từ ở tha nhân trong khoảng thời gian khi vẫn còn sinh mạng. Và một khi đã tử vong rồi, thì ắt hẳn phải đi tục sinh ở trong Cõi Thống Khổ, có Địa Ngục, v.v. Vì lý do như vậy mới trình bày cho thấy rằng "chỉ mỗi một việc tự sát hại mình mới không coi đó là việc Xâm Phạm Nghiệp Đạo - Sát Tử Nghiệp Lực."

Lại nữa, trong cả năm loại Chi Pháp của Sát Tử Nghiệp Lực, thì người tự sát hại mình ắt hẳn đã không hội đủ năm Chi Pháp, bởi do đã thiếu đi yếu tố **Pāṇasaññitā** (biết rằng loài Hữu Tình ấy có sinh mạng) có nghĩa là ở trong điều nói rằng "loài Hữu Tình có sinh mạng" tại đây không có lập ý "lấy chính bản thân mình" mà chỉ lập ý lấy "các loài Hữu Tình khác" ngoài ra tự bản thân mình vậy. Thế là việc tự sát hại mình mới không hoàn thành Xâm Phạm Nghiệp Đạo, thành tựu Sát Tử Nghiệp Lực được. Như thế, Ngài Phụ Chú Giải Sư mới trình bày để ở trong Bộ Phụ Chú Giải Cốt Yếu Giải Minh **(Sāratthadīpanīṭīkā)** và bộ Phụ Chú Giải Xua Tan Hoài Nghi **(Vimativinodanīṭīkā)** nói rằng: **Attānaṃ muñcitvā parapāṇimhi pāṇasaññitā lakkhaṇassa aṅgassa abhāvato nevatthi pāṇātipāto - Dịch nghĩa là:** Nhất định là Sát Tử Nghiệp Lực thường không có đối với người tự sát hại mình đến mạng vong, do bởi thiếu mất đi Chi Pháp **Pāṇasaññitā** đó là "biết rằng loài Hữu Tình ấy có sinh mạng" ngoài ra tự bản thân mình.

THẨM ĐOÁN SÁT TỬ NGHIỆP LỰC ĐỐI VỚI NGƯỜI SẼ PHẢI MẠNG VONG VỚI DIỆT NGHIỆP THỌ TỬ VONG

Người phải mạng vong với **Diệt Nghiệp Thọ Tử Vong (Sarasamaraṇa)** là lìa khỏi cuộc đời với **Nghiệp Lực đã dứt (Kammakkhaya)** và **Thọ Mạng đã diệt (Āyukkhaya).** Giả sử như có người sẽ phải từ trần trong ngày hôm nay vào khoảng thời gian độ 17: 00 do bởi Nghiệp Lực đã dứt và Thọ Mạng đã diệt. Ngẫu nhiên trong thời gian 17: 00 ấy, có kẻ cựu thù lẻn đến sát hại và đã làm cho người ấy phải lìa đời. Như vậy kẻ sát hại ấy sẽ Xâm Phạm Nghiệp Đạo Sát Tử hay không ? Giải đáp rằng "kẻ sát hại không Xâm Phạm Nghiệp Đạo bởi vì không hội đủ năm Chi Pháp, bởi do đã thiếu mất điều **Tenamaraṇaṃ** là loài Hữu Tình ấy phải tử vong do bởi sự cố quyết ấy."

Như thế Ngài Trưởng Lão **Ānanda** mới trình bày để ở trong Bộ Phụ Chú Giải Căn Gốc Ngữ Tông **(Kathāvatthumūlaṭīkā)** nói rằng: **Attano dhammatāya marantaṃ koṭṭentassa vā sīsaṃ vā chindantassa natthi pāṇātipātoti ācariyā vadanti - Dịch nghĩa là:** Tất cả Ngài Giáo Sư nói rằng Sát Tử Nghiệp Lực ắt hẳn là không có đối với kẻ sát hại qua việc hành hạ, hoặc qua việc chặt đứt đầu của người sẽ tự tử một cách thường nhiên. Câu chuyện về người sẽ mạng vong với Diệt Nghiệp Thọ Tử Vong đây, thuộc thể loại thật là khó hiểu biết, và với người không có được **Vị Lai Tiên Giác Thắng Trí (Anāgataṁsa Abhiññā)** thì nhất định không thể nào hiểu biết được. Và chỉ có việc suy đoán hoặc sử dụng phương pháp tiên đoán theo chiêm tinh học ngần ấy thôi. Vì thế, trong việc nêu lên câu chuyện này để trình bày và để thẩm đoán là cũng để cho hiểu biết rằng "nếu như có khởi sinh lên dạng thức câu chuyện ở thể loại này thì cũng cần phải quyết đoán cho hiện hành như đã vừa nói ở tại đây."

THẨM ĐOÁN HỮU QUAN VỚI VIỆC NGHIỆP LỰC SÁT TỬ MẪU THÂN (MĀTUGHĀTAKAMMA) VÀ NGHIỆP LỰC SÁT TỬ PHỤ THÂN (PITUGHĀTAKAMMA)

Con trẻ là hàng Nhân Loại mà sát hại người Cha cũng cùng là hàng Nhân Loại với nhau, tuy nhiên người Cha ấy đã được biến đổi giới tính trở thành hạng nữ nhân. Hoặc con trẻ là hàng Nhân Loại mà sát hại người Cha là loài Hữu Tình Bàng Sinh. Hoặc con trẻ là loài Hữu Tình Bàng Sinh mà sát hại người Cha là hàng Nhân Loại. Hoặc con trẻ là loài Hữu Tình Bàng Sinh mà sát hại người Cha cũng cùng là loài Hữu Tình Bàng Sinh với nhau. Cả bốn trường hợp hành động tạo tác của con trẻ đây, thì với hành động tạo tác của trường hợp nào là Nghiệp Lực Sát Tử Phụ Thân ? **Giải đáp rằng**:

+ Trường hợp con trẻ thứ nhất mà sát hại người Cha cũng cùng là hàng Nhân Loại với nhau. Cho dù người Cha ấy đã chuyển đổi giới tính trở thành nữ nhân đi nữa, thì hành động tạo tác ấy cũng vẫn sắp thành Nghiệp Lực Sát Tử Phụ Thân.

+ Còn hành động tạo tác của trường hợp con trẻ thứ 2 – 3 – 4 với người Cha, qua việc không cùng là hàng Nhân Loại với nhau ấy, thì sắp là bất thành Nghiệp Lực Sát Tử Phụ Thân, tuy nhiên cái Nghiệp Lực này cũng được tính là loại Nghiệp Lực nghiêm trọng xấp xỉ với Nghiệp Lực Sát Tử Phụ Thân.

Đối với việc sát hại người Mẹ cũng hiện hành trong cùng một phương thức như vầy. Như thế, Ngài Chú Giải Sư mới trình bày để ở trong Bộ Chú Giải Xua Tan Mê Mờ (**Sammohavinodanī Atthakathā**), Bộ Chú Giải Tăng Chi Bộ Kinh (**Aṅguttara Attha kathā**), và Bộ Chú Giải Ngũ Thập Thượng Phần (**Uparipaṇṇāsaka Atthakathā**) nói rằng: **Manussabhūtasevamanussabhūtaṃ mātaraṃ pitaraṃ vā api parivattaliṅgaṃ jīvitā voropentassa kammaṃ ānantariyaṃ hoti, yo pana sayaṃ manussabhūto tiracchānabhūtaṃ mātaraṃ pitaraṃ vā, sayaṃ vā tiracchānabhūto manussabhūtaṃ, tiracchānoyeva vā tiracchānabhūtaṃ jīvitā voropeti, tassa kammaṃ ānantari yaṃ nahoti, bhāriyaṃ pana hoti, anantariyaṃ āhacceva tiṭṭhati - Dịch nghĩa là:** Chỉ có con trẻ là hàng Nhân Loại mà sát hại người Mẹ, người Cha, cho dù đã chuyển đổi giới tính đi nữa, thì hành động tạo tác của con trẻ này sắp thành Vô Gián Nghiệp Lực, tức là Nghiệp Lực Sát Tử Mẫu Thân, Nghiệp Lực Sát Tử Phụ Thân. Tự bản thân người nào là hàng Nhân Loại mà sát hại người Me, người Cha là loài Hữu Tình Bàng Sinh; hoặc tự bản thân là loài Hữu Tình Bàng Sinh mà sát hại người Mẹ, người Cha là hàng Nhân Loại; hoặc tự bản thân là loài Hữu Tình Bàng Sinh mà sát hại người Mẹ, người Cha là loài Hữu Tình Bàng Sinh, thì hành động tạo tác của cả ba nhóm người này bất thành Vô Gián Nghiệp Lực, tức là bất thành Nghiệp Lực Sát Tử Mẫu Thân, Nghiệp Lực Sát Tử Phụ Thân. Tuy nhiên cũng sắp được thành loại Nghiệp Lực nghiêm trọng, và hẳn nhiên là hiện hữu sát cận với Vô Gián Nghiệp Lực."

Trình bày câu **Kệ Hãn Hạ Giải** (**Sedamocanagāthā**) (câu kệ này rất là khó nghĩ suy đến nỗi phải vã ra mồ hôi) liên quan với Vô Gián Nghiệp Lực:

Atthiṃ hane na mātaraṃ purisañca na pitaraṃ hane
Haneyya anariyaṃ mando tena cānantaraṃ phuse
Pañhā mesā kusalehi cinditā.

Dịch nghĩa là: Kẻ thiểu trí sát hại người nữ, người nam mà chẳng phải là người Mẹ, người Cha và chẳng phải là Bậc Thánh Nhân; tuy nhiên kẻ ấy ắt hẳn dẫn đến thành Vô Gián Nghiệp Lực do bởi căn cứ vào việc sát hại đó. Bậc hiền trí nên thẩm sát vấn đề này.

Lời giải đáp ở trong câu Kệ này, lập ý nhắm là "con trẻ sát hại người Mẹ, người Cha mà đã chuyển đổi giới tính", vì thế mới thành Vô Gián Nghiệp Lực; tức là người Mẹ đã chuyển đổi giới tính thành nam nhân, người Cha đã chuyển đổi giới tính thành nữ nhân. Và như thế, nam nhân ấy cũng chẳng phải là người Cha, nữ nhân ấy cũng chẳng phải là người Mẹ. Vì thế cho nên Ngài Chú Giải Sư mới trình bày để ở trong bộ Chú Giải Hoàn Bảo Tề Toàn **(Samantapāsādika Atthakathā)** nói rằng: **Ayaṃ pañhā liṅgaparivattena itthibhūtaṃ pitaraṃ purisabhūtañca mātaraṃ sandhāya vuttā - Dịch nghĩa là:** Vấn đề này thì Đức Phật đã lập ý đến người Cha đã chuyển đổi giới tính thành nữ nhân, người Mẹ đã chuyển đổi giới tính thành nam nhân.

Atthiṃ hane ca mātaraṃ purisañca pitaraṃ hane
Mātaraṃ pitaraṃ hantavā na tenānantaraṃ phuse
Pañhā mesā kusalehi cinditā.

Dịch nghĩa là: Con trẻ sát hại nữ nhân mà đích thực là người Mẹ, và sát hại nam nhân mà đích thực là người Cha; thì cho dù đã sát hại hạng người Mẹ, người Cha rồi, con trẻ ấy cũng sắp là bất thành Vô Gián Nghiệp Lực. Bậc hiền trí nên thẩm sát vấn đề này.

Lời giải đáp ở trong câu Kệ này, lập ý nhắm là "sát hại người Mẹ, người Cha mà đó là loài Hữu Tình Bàng Sinh, và con trẻ là hàng Nhân Loại. Vì thế mới bất thành Vô Gián Nghiệp Lực. Chẳng hạn như **Migasiṅgatāpasa** có người Mẹ là một loài nai, và sư tử con **Sīhabāhukumāra** có người Cha là hạng Sư Tử Vương **Rājasīha**, và sư tử con **Sīhabāhu kumāra** này đã sát hại Sư Tử Vương đã là người Cha của mình mất đi.

Như thế Ngài Chú Giải Sư mới trình bày để ở trong bộ Chú Giải Hoàn Bảo Tề Toàn **(Samantapāsādika Atthakathā)** nói rằng: **Ayaṃ pañhā miga siṅgatāpasa sīhakumārā dīnaṃ viya tiracchāna mātāmetaro sandhāya vuttā - Dịch nghĩa là:** Vấn đề này, Ngài lập ý nhắm lấy người Mẹ, người Cha là loài Hữu Tình Bàng Sinh tương tự với người Mẹ, người Cha của **Migasiṅgatāpasa** và sư tử con **Sīhakumārādīnaṃ** v.v.

THẨM ĐOÁN KẺ SÁT HẠI NGƯỜI CHA MÀ KHÔNG NHẬN THỨC ĐÓ LÀ NGƯỜI CHA

Con trẻ sát hại người Cha mà không nhận thức đó là người Cha của mình, và người Cha đã bị sát hại đó cũng không nhận thức đó là con trẻ của mình, như vậy sẽ sắp thành Vô Gián Nghiệp Lực hay không ? Điều này giải đáp rằng: Cho dù sẽ không nhận thức được rằng cùng là người Cha và con trẻ với nhau, tuy nhiên dựa theo thực tính thì quả thực là kẻ

sát nhân và người bị sát hại cùng là người Cha và con trẻ với nhau, do vậy mới vẫn phải sắp thành Vô Gián Nghiệp Lực.

Vì thế cho nên Bậc Đại Giáo Thọ Sư mới trình bày để ở trong Bộ Chú Giải Luật Đại Phẩm **(Vinayamahāvagga Atthakathā)** nói rằng: **Sace pi hi vesiyā putto hoti, ayaṃ ye pitāti najānāti, yassa sambhavena nibbatto pita so ce anena ghātito pitughāta kotevva saṅkhayaṃ gacchati anantariyañca phusati - Dịch nghĩa rằng:** Cho dù sẽ là con trai của một nàng kỹ nữ mà không nhận thức được rằng nam nhân ấy là người Cha của mình đi nữa, tuy nhiên do căn cứ vào chất tinh dịch của người nam nào đã cho mình sự sản sinh thì chính vị nam nhân ấy đã là người Cha của mình. Nếu như người con trai ấy sát hại nam nhân mà đã cho mình sự sản sinh thì cũng bị liệt vào kẻ sát hại người Cha, và ắt hẳn dẫn đến thành Vô Gián Nghiệp Lực. Con trẻ sát hại người Cha, người Mẹ bởi do đã có sự hiểu biết sai lầm, do đã nghĩ rằng đó chỉ là loài Hữu Tình hoặc là kẻ đạo tặc, như vậy vẫn sắp thành Vô Gián Nghiệp Lực.

+ Chẳng hạn như tích truyện một nam nhân chủ tâm sẽ sát hại một con dê thường ưa thích lẻn đến ăn cây trồng của ông ta vào lúc giữa đêm khuya. Như thế trong một ngày, vào lúc nửa đêm đúng thời gian dê lại đến ăn, thì nam nhân ấy đã cầm súng ra để bắn dê, ấy mà bất chợt trong thời điểm ấy, người Mẹ hoặc người Cha của anh ta đang ngồi đúng ngay chỗ dê đã từng đi đến. Nam nhân ấy đã hiểu biết sai lầm để nghĩ rằng đó chỉ là dê đã đến, và vì lẽ lúc ấy đã là thời gian giữa đêm khuya việc nhìn thấy lại không được rõ ràng, nên đã bắn trúng vào người Cha hoặc người Mẹ phải tử vong.

+ Hoặc có một nam nhân chủ tâm sẽ sát hại kẻ đạo tặc lẻn vào trong khu vực nhà ở của mình giữa đêm khuya. Ngay khi vừa trông thấy cái bóng của người bước vào trong khu vực nhà ở, thì liền hiểu biết đó là kẻ đạo tặc, nên đã vội cầm lấy súng bắn đi, nhưng ngẫu nhiên người đã bị bắn ấy chẳng phải là kẻ đạo tặc, mà trái lại là người Cha hoặc người Mẹ của mình đã bị trúng đạn và phải tử vong, bởi do sự hiểu biết sai lầm của con trẻ. Vì thế, hành động tạo tác của cả hai nam nhân đã vừa đề cập ở tại đây, mới phải tính là đã dẫn đến thành Vô Gián Nghiệp Lực.

+ Người chiến sĩ ra ở ngoài bãi chiến trường trông thấy người Cha của mình đi đến cùng với người lính phía bên thù địch, thì cũng chủ tâm sẽ bắn các binh lính ấy cùng với nghĩ suy rằng "nếu như các binh lính ấy đã bị bắn rồi, thì người Cha cũng sẽ được trốn thoát". Thế rồi đã thực hiện việc xạ thủ, nhưng bất chợt viên đạn lại trúng vào người Cha của mình và đã dẫn đến sự tử vong. Như vậy, hành động tạo tác của người chiến sĩ ấy có được sắp thành Vô Gián Nghiệp Lực hay không ? Ngài Chú Giải Sư nói rằng "không sắp thành Vô Gián Nghiệp Lực, nhưng vẫn được gọi là kẻ sát phụ thân."

Cả ba tích truyện đã được nêu lên để trình bày ở tại đây, là đã được trích ở trong Bộ Chú Giải Hoàn Bảo Tề Toàn **(Samantapāsādika Atthakathā)**. Bậc Đại Giáo Thọ Sư **Buddhaghosa** đã có trình bày để ở trong Bộ Chú Giải Luật Đại Phẩm **(Vinayamahāvagga Atthakathā)** nói rằng: Kẻ sát hại Bậc Alahán Vô Sinh và nếu như Bậc Alahán Vô Sinh ấy là bậc đã bị sát hại lại chẳng phải là thuộc hàng Nhân Loại, thì kẻ sát nhân cũng không dẫn đến thành Vô Gián Nghiệp Lực."

Trong bộ Chú Giải và Phụ Chú Giải Xua Tan Mê Mờ **(Sammohavinodanī Atthakathā ca Ṭīkā)** đã trình bày rằng: Bậc đang tiến tu Thiền Minh Sát Tuệ khi vẫn chưa được thành tựu, và có một người nghĩ tưởng gây tổn thương đến vị hành giả ấy, bằng cách gây tổn thương đến cơ thể hoặc lén bỏ thuốc độc vào trong thực phẩm cho thọ thực. Vị hành giả ấy một khi đã bị gây tổn thương rồi, thì đã phải đón nhận sự khổ đau thi dĩ khốc hình (phải bị thụ lãnh sự khổ đau vô cùng khốc liệt), tuy nhiên vẫn cứ nỗ lực tiến tu Thiền Minh Sát Tuệ mãi cho đến đã chứng được Quả vị Alahán Vô Sinh, và rồi liền viên tịch do bởi tác hại của thương tích hoặc là do bởi mãnh lực độc tố đã thấm vào. Và như thế, kẻ gây ra tổn thương ấy ắt hẳn đã dẫn đến thành Vô Gián Nghiệp Lực, là vì cho dù **Tư Tâm Sở Sát Tử (Pāṇātipāta cetanā)** ở ngay trong sát na cái Tâm Đồng Lực thứ bảy ấy quả thật là sẽ có **Cảnh Hiện Tại (Paccuppannārammaṇa)** đi nữa, tuy nhiên đã có Tư Tâm Sở để sẽ làm cho việc diễn tiến tiếp nối với nhau của cả hai Mạng Quyền của bậc bị sát hại ấy phải bị cắt đứt đi, tức là cho phải bị tử vong.

THẨM ĐOÁN TRONG VIỆC KHẨN CẦU CHO CẮT TAY CHẶT CHÂN

Tội nhân phải thụ lãnh đến án tội tử hình. Trong sát na nhà chức trách dẫn tội nhân đến để thi hành án tử, thì đã có một người có tấm lòng bi mẫn đến khẩn cầu xin với nhà chức trách ấy, xin cho được giảm bớt tội từ việc tử hình cho xuống đến tội chỉ là việc tùng xẻo cắt tay chặt chân. Nhà chức trách đã thực hiện theo lời khẩn cầu ấy, và như vậy, kẻ khẩn cầu cho cắt tay chặt chân của tội nhân ấy sẽ phải là Bất Thiện hay không ? Giải đáp rằng: chẳng phải là Bất Thiện, mà trái lại là **Thiện Thí Sinh Mạng (Jīvitadānakusala)**. Vì thế cho nên Ngài Trưởng Lão **Nāgasena** mới đề cập để ở trong Bộ **Vua Milinda Sở Vấn Kinh (Milindapañhā)** nói rằng: **Na kiñci apuññaṃ āpajjeyya - Dịch nghĩa là:** Người ấy chẳng phải bị dẫn đến Bất Thiện Nghiệp Lực chút nào cả.

THẨM ĐOÁN ĐUÔI THẠCH SÙNG ĐÃ BỊ ĐỨT NHƯNG VẪN CÒN ĐƯỢC NHÚC NHÍCH

Người đã đập thạch sùng đứt đuôi, tuy nhiên khúc đuôi đã bị đứt ấy thì vẫn còn được nhúc nhích. Như vậy, sẽ nói rằng khúc đuôi đã bị đứt ấy vẫn còn có Tâm và Tâm Sở hay không ? Giải đáp rằng: khúc đuôi đã bị đứt ấy đã không còn có Tâm và Tâm Sở, tuy nhiên vẫn còn được nhúc nhích ấy, là cũng bởi do việc diễn tiến sinh khởi nối tiếp với nhau từ **Sắc Quý Tiết Duyên Tâm (Cittapaccayautujarūpa).** Tức là Sắc Pháp sinh khởi từ Hỏa Đại Hiển **(Tejodhātu)** hiện hữu ở trong **Tổng Hợp Sắc Tâm (Cittajakalāpa)** và ở trong Sắc Quý Tiết Duyên Tâm này có Phong Khí Đại Hiển **(Samīraṇavāyodhātu)**. Tức là **Phong Đại Hiển (Vāyodhātu)** đã tạo tác làm cho khởi sinh việc nhúc nhích, và chính ngay Phong Khí Đại Hiển này lại có liên quan từ Tổng Hợp Sắc Tâm hiện đang sinh ở trong khúc đuôi ấy. Vì thế cho nên, một khi mãnh lực của Phong Khí Đại Hiển vẫn đang hiện hữu, thì khúc

đuôi đã bị đứt ra ấy vẫn còn có sự nhúc nhích. Đến khi mãnh lực ấy đã chấm dứt thì khúc đuôi ấy cũng dừng nhúc nhích."

THẨM ĐOÁN TRONG VẤN ĐỀ HỮU QUAN VỚI ĐƯỜNG LỐI Y HỌC VÀ ĐƯỜNG LỐI KHOA HỌC

1. Việc sử dụng thuốc hủy diệt mầm giống Tái Sinh của người nam chỗ được gọi là **Tinh Trùng (Spermatozoa)** để không cho có được cơ hội tương phối với mầm giống Tái Sinh của người nữ chỗ được gọi là **Noãn Châu (Ova – Noãn Tử)** và như thế sẽ được liệt vào Sát Tử Nghiệp Lực **(Pāṇātipāta – Sát Sinh)** hay không ?

2. Theo đường lối Y Khoa thì nói rằng: Các mầm giống **bệnh tật (Roga),** như có mầm giống **bệnh dịch tả (Cholera),** v.v. thường có việc di dịch tương tự loài Hữu Tình ở bên ngoài. Và có sự khởi phát hệ phân liệt tố chất một cách mau lẹ, và bất tự hoại tử. Chỉ trừ khi sẽ bị hủy diệt với sự đốt nóng hoặc là với mãnh lực của thuốc tiêm mà thôi. Như thế, theo Y Học thì việc tiêm thuốc để hủy diệt những loại mầm giống bệnh này, sẽ là **Sát Tử Nghiệp Lực (Pāṇātipāta)** hay không ?

3. Người ăn trứng vịt hoặc trứng gà mà không có con giống mầm tương phối, thì sẽ không được nói rằng đó đã là việc tự ngăn ngừa trong việc thọ thực loài Hữu Tình hữu sinh mạng, và như thế sẽ được liệt vào Sát Tử Nghiệp Lực hay không ?

Tiếp theo đây, sẽ thẩm đoán các điều này như sau:

1. Việc hủy diệt mầm giống Tái Sinh của người nam, là nhằm để phòng bị không cho khởi sinh việc Tái Sinh, thì quả là không có Xâm Phạm Sát Tử Nghiệp Lực. Là bởi vì mầm giống Tái Sinh của người nam chỗ được gọi là **Tinh Trùng (Spermatozoa)** đây, thì quả thật là cho dù có dựa theo đường lối Y Khoa sẽ nói rằng là "di dịch" đi nữa, tuy nhiên những mầm giống này là không có **Tâm Thức (Viññāṇā)** và ở trong Cõi Dục Giới ấy, các loài Hữu Tình thường là không thể nào sinh khởi mà không có Tâm Thức được. Vì thế, theo đường lối Phật Giáo mới không kể là loài Hữu Tình. Cho dù mầm giống Tái Sinh của người nam hoặc người nữ đi nữa, thì cũng chỉ là Bọn Tổng Hợp Sắc Quý Tiết **(Utujarūpakalāpa)** mà khởi sinh từ Tâm Khởi Sinh Tham **(Lobhacittuppāda)** của người nam và nữ ấy, vả lại hữu quan với Nghiệp Lực của loài Hữu Tình sẽ sinh ra. Và trong việc "di dịch" ấy, là cũng bởi vì trong những **Bọn Tổng Hợp Sắc Pháp (Rūpakalāpa)** ấy, thì đã có **Phong Đại Hiển (Vāyodhātu)** hiện hữu với trạng thái "lay chuyển" **(Samīraṇavāyo – Phóng Khí)** mới làm cho chuyển động được, và cũng tương tự như khúc đuôi đã bị đứt lìa khỏi thân rồi mà vẫn còn được nhúc nhích. Nếu như việc hủy diệt này là việc hủy diệt ở trong giai đoạn mầm giống Tái Sinh của người nam và người nữ đã có được tương phối với nhau, cho đến sinh thành chủng nhi và đã có được **Thức Tái Sinh (Paṭisandhiviññāṇa)** sinh khởi, thì như thế, hành động tạo tác ấy nhất định sẽ được liệt vào Sát Tử Nghiệp Lực.

2. Theo đường lối Y Khoa, việc chích thuốc mà hủy diệt các mầm giống bệnh ấy, thì không có liệt vào Sát Tử Nghiệp Lực được, là bởi vì những mầm giống bệnh ấy không có Tâm Thức **(Viññāṇā)**, và đó chỉ là Bọn Tổng Hợp Sắc Quý Tiết **(Utujarūpakalāpa)** mà

hữu quan với, hoặc là Bất Thiện Nghiệp Lực, hoặc là sinh từ Quý Tiết Ngoại và Quý Tiết Nội, hoặc là có liên quan với thực phẩm. Và trong sự việc các mầm giống bệnh ấy có "việc di dịch tương tự loài Hữu Tình ở bên ngoài" là cũng do mãnh lực từ **Phong Đại Hiển (Vāyodhātu)** hiện hữu ở trong các Bọn Tổng Hợp Sắc Pháp ấy, như đã có được giải thích ở trong điều thứ nhất. Và mầm giống bệnh khởi phát lên mau lẹ và vô số là cũng do mãnh lực từ Phong Đại Hiển hiện hữu ở trong các Bọn Tổng Hợp Sắc Pháp ấy, và đã làm cho Bọn Tổng Hợp Sắc Pháp khởi sinh lên nối tiếp với nhau nhiều vô số lượng. Tương tự như cây mà đã được đón nhận sự nóng và lạnh rồi, thì sẽ phát triển xanh tươi tốt đẹp, đâm chồi cành nhánh mọc ra. Hoặc giống như cỏ chỉ cần đem trồng lấy một lần, tiếp đến xanh tươi tốt đẹp và mọc ra hàng trăm hàng ngàn ngọn cỏ cho đến không thể nào đếm xuể như thế vậy. Và trong sự việc các loại mầm giống bệnh này không có tự hoại diệt (bất tự hoại tử), là trình bày cho nhận thức được rằng các loại mầm giống bệnh này chẳng phải là loài Hữu Tình (chẳng phải là chúng sinh), vì lẽ nếu đã là loài Hữu Tình (chúng sinh) thì phải có việc tử vong theo hạn định thời gian. Do đó, các mầm giống bệnh ấy, cũng có thể thực tính tương tự với rỉ sét bám lấy sắt, hoặc giống như là rêu (địa y) bám theo vách tường vậy. Nếu như việc chích thuốc hoặc uống thuốc để làm cho hủy diệt con giun sán ở trong ruột, v.v. thì cũng liệt vào Sát Tử Nghiệp Lực, là bởi vì các loại giun sán ấy có Tâm Thức **(Viññāṇā)** và có được hiện bày cho được thấy về sự sống và sự chết. Tuy nhiên, hành động tạo tác ở thể loại Sát Tử Nghiệp Lực này, thì chỉ có một chút ít tội lỗi ngần ấy thôi, là vì loài Hữu Tình bị sát hại ấy, là loài Hữu Tình chẳng có chút ít lợi ích nào cả, vả lại chỉ cho điều tác hại khổ đau. Và nếu như người hủy diệt ấy, lại có Tư Tâm Sở để sẽ giúp cho người ta được đón nhận sự an lạc và cho mạng sống được tiếp nối lâu dài, thì trái lại điều ấy lại là thể loại Thiện Nghiệp Lực, vả lại đã làm cho **Thiện Thí Sinh Mạng (Jīvitadānakusala)** được khởi sinh.

3. Người ăn trứng vịt hoặc trứng gà mà không có con giống mầm tương phối, thì sẽ không được nói rằng đó đã là việc tự ngăn ngừa trong việc thọ thực loài Hữu Tình hữu sinh mạng, là bởi vì cho dù quả trứng ấy sẽ không có con giống mầm tương phối đi nữa, tuy nhiên ắt hẳn đã có loài Hữu Tình đi tái sinh rồi, và do vậy mới có việc hiện bày thành quả trứng.

Là bởi vì có tám tác nhân đã làm cho người Mẹ hoài thai, đó là:

Methunaṃ coḷagahaṇaṃ Saṃsaggo nābhyāmasanaṃ
Pānaṃ dassanaṃ savanaṃ Ghāyanaṃ gabbhahetavo

Dịch nghĩa là: Có tám tác nhân đã làm cho người Mẹ hoài thai, đó là:

+ Qua việc tính giao.
+ Bằng cách lấy vải thấm tinh dịch của người nam bỏ vào trong cửa sản môn.
+ Bằng cách người nam xúc chạm cơ thể.
+ Bằng cách người nam xoa vuốt cái rốn.
+ Bằng cách uống tinh dịch của người nam.
+ Bằng cách ngắm nhìn vào cơ thể của người nam.
+ Bằng cách lắng nghe âm thanh của người nam.
+ Bằng cách được ngửi mùi hơi của người nam.

(Trích ở trong Bộ Chú Giải Hoàn Bảo Tề Toàn (**Samantapāsādika Atthakathā**)

Việc đề cập ở tại đây, là trình bày cho được biết rằng: Việc sản sinh của loài Hữu Tình ở trong thai phụ mãi cho đến thai bào đã được hiện bày, thì ngoài việc tương phối mầm giống của người nam ra, thì vẫn còn có thêm nhiều tác nhân khác nữa, để mà có khả năng làm cho loài Hữu Tình được sản sinh. Với lý do này mà trứng gà hoặc trứng vịt, cho dù đã không có được tương phối với con trống đi nữa, thì ắt hẳn cũng đã có loài Hữu Tình sản sinh rồi.

TRÌNH BÀY TUẦN TỰ VỀ VIỆC THỤ THAI DO DỰA VÀO TÁM TÁC NHÂN

1. Tính Giao (Methunaṃ): qua việc tính giao. Điều này đã được hiện bày một cách minh hiển, do đó không cần phải giải thích thêm nữa.

2. Thô Bố Y (Coḷagahanaṃ): bằng cách lấy vải thấm tinh dịch của người nam bỏ vào trong cửa sản môn. Điều này đã có tích truyện trình bày như sau: người nữ đã từng là vợ Ngài **Udāyi**, và đã lấy vải thấm tinh dịch của Ngài **Udāyi** bỏ vào trong cửa sản môn của mình, tiếp đến thì nàng ta đã được thụ thai.

3. Tiếp Xúc (Saṃsaggo): bằng cách người nam xúc chạm cơ thể. Điều này Ngài nói rằng: người nữ đang khi có kinh nguyệt, và đã khởi sinh ái hà lai láng. Ngay trong thời gian ấy, nếu như có người nam đi đến và đụng chạm vào các bộ phận trên cơ thể của người nữ ấy, thì có thể đã làm cho người nữ ấy phải thụ thai.

4. Đỗ Tê Xúc Cảm (Nābhīamasanaṃ): bằng cách người nam xoa vuốt cái rốn. Chẳng hạn như nàng **Pārikā** là người Mẹ Ngài **Suvaṇṇasāma**. Vào thời kỳ có kinh nguyệt thì đạo sĩ mặc áo vỏ cây **(Dukūla)** đã là Đấng Vương Phu, đã lấy tay xoa vuốt vào cái rốn của nàng. Tiếp đến thì nàng ta đã thụ thai và đã hạ sinh ra Ngài **Suvaṇṇasāma**.

5.Ẩm Liệu (Pānaṃ): bằng cách uống tinh dịch của người nam. Chẳng hạn như tích truyện đạo sĩ **Migasiṅga** là con trẻ của nàng hươu xạ hương. Vào thời kỳ có kinh nguyệt thì đã uống **nước tiểu (Passāva)** có tinh dịch trộn lẫn ở bên trong của một vị đạo sĩ. Tiếp đến thì nàng hươu xạ hương ấy đã thụ thai, và đã cho ra đời một đứa con trai thuộc hàng Nhân Loại, đích thị chính là đạo sĩ **Migasiṅga** ấy vậy.

6. Quan Sắc (Dassanaṃ): bằng cách ngắm nhìn vào cơ thể của người nam. Chẳng hạn như tích truyện nàng cung phi một vị Vua trị vì đảo quốc **Lankā,** đã đứng ở cửa sổ và đã trông thấy một nam nhân là thị vệ thân cận Đức Vua. Nàng ta đã nhìn chằm bắm vào nam nhân ấy với mãnh lực của ái luyến. Thế rồi thời gian tiếp đến nàng ấy đã có được thụ thai.

7. Thính Âm (Savanaṃ): bằng cách lắng nghe âm thanh của người nam. Chẳng hạn như loài cò trắng. Theo lẽ thường thì loài cò trắng ấy là chỉ có chim mái và không có chim trống. Đến khoảng thời gian loài cò trắng sẽ sản sinh ra được chim con, là bằng cách lắng nghe được tiếng sấm vào bất luận thời gian nào thì chính ngay thời gian ấy loài cò trắng sẽ được thụ thai. Như ở trong Chánh Tạng **Pāḷi** đã có trình bày để ở trong Bộ Kinh **Gotamī Apādāna** nói rằng:

Yathā balakayonimhi Navijjati pumosadā

Meghesu gajjamānesu Gabbhaṃ gaṇhanti tā sadā

Dịch nghĩa là: Trong việc sinh sản của những loài cò trắng ấy là không có hiện bày đến con chim trống. Một khi được nghe tiếng sấm vào thời lúc nào thì chính ngay thời gian ấy những loài cò trắng ấy sẽ được thụ thai. Gà mái hoặc bò cái, một đôi khi khi được nghe âm thanh của gà trống hoặc bò đực thì cũng có được thụ thai.

8. Khứu Khí (Ghāyanaṃ): bằng cách ngửi được mùi hơi của người nam. Chẳng hạn như có một vài con bò cái một khi đã ngửi được mùi hơi của **con bò chúa (Go usabha)** thì cũng đã được thụ thai. Hoặc có một vài con ngựa cái, có một vài con voi cái; một khi đã ngửi được mùi hơi con ngựa đực, con voi đực thì cũng đã có được thụ thai.

[Các tích truyện này đã có được trích dẫn từ ở trong Bộ Chú Giải Hoàn Bảo Tề Toàn **(Samantapāsādika Atthakathā)** – Chương Hoàn Hảo **(Sudinnakaṇḍa)**, và ở trong Bộ Phụ Chú Giải Cốt Yếu Giải Minh **(Sāratthadīpanīṭīkā)**]

Kết Thúc Việc Giải Thích Trong Phần Sát Tử Nghiệp Lực

2. THÂU ĐẠO (ADINNADĀNA – TRỘM CẮP)

Từ ngữ nói rằng **Adinnadāna** này, khi chiết tự thì có được ba từ ngữ, đó là: **A + Dinna + Ādāna**. **A** là từ ngữ phủ định, **Dinna** = vật chất của cải mà chủ nhân cho phép, **Ādāna** = nắm giữ lấy. Khi kết hợp vào nhau thành **Adinnadāna** thì được dịch là "cướp đoạt lấy vật chất của cải mà không có được chủ nhân cho phép, hoặc là chủ nhân thương yêu quý trọng." Từ ngữ **Adinna** là vật chất của cải mà không có được chủ nhân cho phép, hoặc chủ nhân thương yêu quý trọng, có ý nghĩa là "không có được cho phép qua việc viết ra bằng giấy tờ cho phép, hoặc được trao cho bằng tay, hoặc dùng hành động để biểu lộ cử chỉ cho được biết là đã cho phép, chẳng hạn như là ủn đẩy đến cho, dùng chân đẩy đến cho, gật gù cho phép, v.v. hoặc nói ra lời cho phép." Từ ngữ **Ādāna** là việc nắm giữ lấy, tức là ăn cắp, trấn lột, trộm cướp, chụp giựt, hăm dọa, lừa đảo, tráo đổi, v.v. Trình bày câu Chú Giải ở trong từ ngữ nói rằng **Adinnadāna: Na dinnaṃ = Adinnaṃ** - Vật chất của cải mà không có được chủ nhân cho phép, hoặc là chủ nhân thương yêu quý trọng, gọi là **Bất Khả Thí (Adinna).**

Adinnassa ādānaṃ = Adinnādānaṃ - Việc cướp đoạt lấy vật chất của cải mà không có được chủ nhân cho phép, gọi là **Thâu Đạo (Adinnādāna – Trộm Cắp).** Hoặc một phần khác nữa:

Adinnaṃ ādīyanti etenāti = Adinnādānaṃ - Tất cả Nhân Loại thường cướp đoạt lấy vật chất của cải mà chủ nhân thương yêu quý trọng với Pháp Chủng ấy, do đó Pháp Chủng làm thành tác nhân ở trong việc cướp đoạt lấy vật chất của cải mà chủ nhân thương yêu quý trọng ấy, gọi là **Thâu Đạo (Adinnādāna – Trộm Cắp).** Tức là Đạo Tặc Tư Tâm Sở **(Theyyacetanā – Cố Tặc Đạo Giả),** nghĩa là Tư Tâm Sở làm thành tác nhân ở trong việc trộm cắp tài sản. Đạo Tặc Tư Tâm Sở này có được hai thể loại Nỗ Lực (**Payoga** – Phấn

Đấu), có được cả **Thân Nỗ Lực (Kāyapayoga)** là việc trộm cắp với tự thân tác hành và **Ngữ Nỗ Lực (Vācīpayoga)** là dùng lời nói để lừa đảo.

TRÌNH BÀY CHI PHÁP NỖ LỰC (PAYOGA – PHẤN ĐẤU) CỦA THÂU ĐẠO

Việc tạo tác thể loại Bất Thiện Thâu Đạo hình thành việc Xâm Phạm Nghiệp Đạo ấy, thì cần phải phối hợp với năm Chi Pháp, đó là:

1. Thủ Hộ Tha Nhân (Parapariggahitaṃ): Vật chất của cải mà có chủ nhân thủ hộ gìn giữ.

2. Tưởng Tri Thủ Hộ Tha Nhân (Parapariggahita saññitā): Biết rằng vật chất của cải ấy có chủ nhân thủ hộ gìn giữ.

3. Đạo Tặc Tâm (Theyyacittaṃ): Có Tâm nghĩ tưởng sẽ trộm cắp,

4. Nỗ Lực (Payogo): Thực hiện sự cố quyết để trộm cắp,

5. Đạo Chích (Avahāro): Có được của cải ấy do bởi sự cố quyết.

Khi hành động tạo tác hội đủ cả năm Chi Pháp như đã vừa đề cập đến ở tại đây, coi như thế là người ấy đã tác hành Xâm Phạm Nghiệp Đạo rồi. Thế nhưng, nếu như hành động tạo tác ấy đã không hội đủ cả năm Chi Pháp, thì cũng bất thành tựu một Nghiệp Đạo.

Như có câu kệ trình bày rằng:

Parassa saṃ tathāsaññitā **Theyyacittañcupakkamo**
Tena hāroti pañcaṅgā **Theyyassa yatanā samā**

Có năm Chi Pháp của việc trộm cắp tài sản của cải, đó là:

1. Vật chất của cải mà có chủ nhân thủ hộ gìn giữ.
2. Biết rằng vật chất của cải ấy có chủ nhân thủ hộ gìn giữ.
3. Có Tâm nghĩ tưởng sẽ trộm cắp.
4. Thực hiện sự cố quyết để trộm cắp.
5. Có được của cải ấy do bởi sự cố quyết.

Nên hiểu biết về **Sự Nỗ Lực (Payoga – Phấn Đấu)** tức là sự cố gắng, và có được sáu thể loại (tương tự Sự Nỗ Lực ở trong Sát Tử Nghiệp Lực), đó là:

1. Tự Chế Thủ Công (Sāhatthika): Trộm cắp do tự bản thân mình thực hiện.

2. Mệnh Lệnh (Āṇattika): Sai bảo để cho tha nhân trộm cắp, qua việc dùng lời nói hay là viết ra bằng giấy tờ.

3. Phóng Khí (Nissaggiya): Lén liệng bỏ vật chất của cải, chẳng hạn như lén lấy vật chất của cải mà phải bị nộp thuế đem liệng ra khỏi khu vực của mình.

4. Kiên Cố (Thāvara): Chỉ thị với đồng bọn nói rằng "nếu như bất luận thời gian nào mà có được cơ hội thì hãy nên cố gắng trộm lấy những của cải vật chất ấy cho sớm mau được thành công." Việc chỉ thị như vậy cũng được kể là đã thành tựu một thể loại Thâu Đạo Nghiệp Lực, cho dù sẽ mất thời gian dài bao nhiêu lâu đi nữa. Và được gọi là **Cử Liệt Thành Quả (Atthasādhaka)**, tức là thường làm cho hoàn tất trong việc trộm lấy tài sản. Hoặc có Tư Tâm Sở sẽ làm hư hại tài sản của cải của người khác cho phải bị tổn thất đi, chẳng hạn

như lấy vải bỏ vào trong thùng sắt có chứa dầu thô để cho vải ấy hút lấy dầu thô mà phải bị khô cứng đi.

5. Ma Thuật (Vijjāmaya): Sử dụng các loại thần chú và ma thuật làm cho chủ nhân tài sản ấy phải bị say đắm, mê mẩn, và chết lịm đi, để rồi cầm lấy những của cải tài sản ấy đem đến trao cho mình. Hoặc sử dụng câu thần chú thôi miên làm cho chủ nhân tài sản ấy phải bị ngủ thiếp đi và đi vào trộm lấy những tài sản ấy đi, v.v.

6. Thần Lực (Iddhimaya): Sử dụng các loại thần thông ở phần không có liên quan với Ma Thuật. Tuy nhiên người đã có thần thông đây, hẳn nhiên là không có thực hiện việc Thâu Đạo, là phần thuộc về **Thị Phi Thế Gian (Lokavajja)**, nghĩa là tạo tác các điều xấu xa tội lỗi trong con đường thế tục. Chỉ thực hiện ở trong điều mà sử dụng hằng đem lại giá trị hữu ích, và vị chủ nhân ấy ắt hẳn cũng không có bất luận một sự thiệt hại nào. Chẳng hạn như tích truyện một vị Sa Di **(Sāmaṇera)** đã chứng đắc được Thắng Trí **(Abhiññā)**, nhân có việc cần phải có nước uống cho việc thọ dụng, và đã đi đến xin với Vị Long Vương hữu trách trong việc trông nom gìn giữ cái đầm sen ấy. Vị Long Vương này lại không đồng ý cho. Vị Sa Di ấy mới bay lên trên hư không, và thế rồi cũng đã múc lấy được nước uống đi. Và tích truyện Bà La Môn **Doṇa** đã thực hiện việc đong đếm và phân chia Ngọc Xá Lợi Đức Phật cho đến tám vị Quốc Vương Sát Đế Lỵ. Trong khoảng thời gian đang thực hiện việc đong đếm ấy, thì vị này đã biển thủ lấy chiếc răng nhọn ở phía trên bên phải của Đức Phật và đã bỏ vào ở trong búi tóc của mình. Vị Thần **Indra** (Thiên Chủ Đế Thích) đã trông thấy chiếc răng nhọn ấy, và đã đoạt lấy từ ở búi tóc của vị Bà La Môn tiếp thêm một lần nữa. Và thế rồi đã cầm lấy, đem về tôn trí ở trong bảo tháp tầng Đao Lợi Thiên Giới, được gọi là **Tiểu Ngọc Như Ý Bảo Tháp (Cūḷāmaṇīcetiya)**, như vầy chẳng hạn.

Việc tạo tác Thâu Đạo này đây, nếu như loại vật chất của cải mà đã lén trộm lấy đi, lại rất quý báu thì ắt hẳn là **Cực Đại Tội (Mahāsāvajja)**, tức là có rất nhiều tội lỗi. Nếu như loại vật chất của cải ấy chỉ có chút ít giá trị, thì hẳn nhiên là **Hy Thiểu Tội (Appasāvajja)**, tức là chỉ có chút ít tội lỗi. Và ở trong loại vật chất của cải lại có giá trị tương đương với nhau, thì cần phải thẩm đoán ở nơi vị chủ nhân. Nếu như vị chủ nhân lại là người có đức hạnh, sống ở trong **Giới Pháp (Sīladhamma)** và người đã lén trộm lấy vật ấy đi thì ắt hẳn là có tội nặng. Nếu như vị chủ nhân ấy lại là người không có đức hạnh, sống không có trong Giới Pháp, và người đã lén trộm lấy vật ấy đi thì chỉ có chút ít tội lỗi.

KHI PHÂN TÍCH VẬT CHẤT CÓ CHỦ THƯỜNG HIỆN HỮU Ở BỐN THỂ LOẠI, Đó Là:

1. Cư Sĩ Hữu Sản (Gihisantaka): Tài sản ấy là của người cư sĩ tại gia.

2. Nhân Sĩ Hữu Sản (Puggalasantaka): Tài sản ấy là của bất luận một vị Tỳ Khưu hoặc của một vị Sa Di nào đó.

3. Quần Tập Hữu Sản (Gaṇasantaka): Tài sản ấy là của 2 – 3 vị Tỳ Khưu, hoặc là của 2 – 3 vị Sa Di.

4. Tăng Đoàn Hữu Sản (Saṅghasantaka): Tài sản ấy là của Chư Tỳ Khưu kể từ 4 vị trở lên, hoặc là của Chư Sa Di kể từ 4 vị trở lên.

Trong tất cả bốn thể loại của cải này, theo một cách trình tự có với nhau như sau:

+ Người nào trộm lấy tài sản ở thể loại Nhân Sĩ Hữu Sản thì thường là có tội nặng hơn thể loại Cư Sĩ Hữu Sản.

+ Người nào trộm lấy tài sản ở thể loại Quần Tập Hữu Sản thì thường là có tội nặng hơn thể loại Nhân Sĩ Hữu Sản.

+ Người nào trộm lấy tài sản ở thể loại Tăng Đoàn Hữu Sản thì thường là có tội nặng hơn thể loại Quần Tập Hữu Sản.

Một phần khác nữa, vật chất mà đã có chủ thường hiện hữu ở năm thể loại:

1. Phàm Phu Hữu Sản (Puthujjanasantaka): Tài sản ấy là của hạng Phàm Phu.

2. Thất Lai Hữu Sản (Sotāpannasantaka): Tài sản ấy là của Bậc Thất Lai.

3. Nhất Lai Hữu Sản (Sakadāgāmīsantaka): Tài sản ấy là của Bậc Nhất Lai.

4. Bất Lai Hữu Sản (Anāgāmīsantaka): Tài sản ấy là của Bậc Bất Lai.

5. Vô Sinh Hữu Sản (Arahantasantaka): Tài sản ấy là của Bậc Vô Sinh.

Phải bị thụ lãnh tội lỗi từ ở việc trộm lấy tài sản thì thường có nhiều ít là tùy theo trình tự ở thứ bậc. Đối với việc trộm lấy tài sản của Bậc Vô Sinh ấy, thì ắt hẳn có nhiều tội lỗi hơn hết. Như Ngài Đại Trưởng Lão **Buddhaghosa** đã có trình bày để ở trong Bộ Chú Giải Xua Tan Mê Mờ nói rằng: **Khīṇāsavassa santake atimahāsāvajjaṃyeva** - Việc trộm lấy tài sản của Bậc Lậu Tận (Vô Sinh) thì thường có tội lỗi một cách cự đại.

THẨM ĐOÁN TRONG VIỆC TRỘM LẤY CỦA CẢI TÀI SẢN CỦA LOÀI BÀNG SINH (TIRACCHĀNAPARIGGAHĀDĀNA VINICCHAYA - BÀNG SINH THỦ HỘ THẨM ĐOÁN)

Một người nào đó đã trông thấy chim diều hâu chộp lấy con hươu hoặc con cá đã chết và đang bay ngang qua, thì tức thời bằng một phương thức nào đó đã thực hiện việc cản ngăn, và đã làm cho chim diều hâu ấy phải giật mình để rồi đã thả rơi con vật ấy xuống, và thế là đã giành lấy con vật ấy đi. Như vậy coi như là người ấy đã thực hiện hoàn tất Thâu Đạo Nghiệp Lực. Thế nhưng, nếu như chim diều hâu ấy chộp lấy con vật khi vẫn đang còn sinh mạng, và một khi người ấy đã trông thấy để rồi bằng một phương thức nào đó, đã thực hiện việc cản ngăn và đã làm cho chim diều hâu phải buông thả con vật ấy rơi xuống. Hành động tạo tác ở thể loại này hẳn nhiên chẳng phải đã thực hiện hoàn tất Thâu Đạo Nghiệp Lực, mà trái lại hành động tạo tác ấy thuộc vào thể loại **Vô Úy Thí Thiện Nghiệp Lực (Abhayadānakusalakamma).**

Cũng tương tự như vậy ở các loài Hữu Tình Bàng Sinh khác, tức là nếu như loài Hữu Tình ấy đang ngậm lấy một con vật đã chết, đó sẽ là heo, cá, chim, vịt, gà, v.v. đi nữa; và nếu như có một người đã thực hiện việc cản ngăn để rồi giành lấy con vật ấy đi, thì hành động tạo tác của người ấy coi như là đã thực hiện hoàn tất Thâu Đạo Nghiệp Lực. Nếu như

loài Hữu Tình ấy đang ngậm lấy một con vật mà vẫn còn sự sống, chẳng hạn như các loại heo, cá, chim, vịt, gà, thạch sùng, bọ có cánh, v.v. Người đã được trông thấy và đã đến thực hiện việc cản ngăn để giành lấy con vật ấy đi. Hành động tạo tác như vậy thì không được tính là Thâu Đạo Nghiệp Lực, mà đó chính là **Vô Úy Thí Thiện Nghiệp Lực.**

Vì thế, Ngài Phụ Chú Giải Sư mới trình bày để ở trong Bộ Chú Giải Xua Tan Hoài Nghi **(Vimativinodanī Atthakathā)** nói rằng: **Tiracchānānaṃ āmisadāne kusalaṃ viya tesaṃ āmisacchindanepi akusalameva sappāadīni gahitapāṇa kānaṃ mocanatthāya vaṭṭati** - Việc thí thực đến loài Hữu Tình Bàng Sinh thì hẳn nhiên là thành tựu Thiện Nghiệp Lực như thế nào; thế còn việc giành lấy vật thực của những loài Hữu Tình Bàng Sinh ấy ắt hẳn là hoàn thành Bất Thiện Nghiệp Lực như thế ấy. Việc nỗ lực giúp đở cho chim, heo, ếch, một khi vẫn còn sinh mạng mà đã bị rắn cắn lấy để cho được vuột thoát đi, thì với hành động ấy hẳn nhiên không thành một sự phạm tội **(Āpatti).** Còn đối với trong Tạng Luật, thì việc giành lấy của cải của loài Hữu Tình Bàng Sinh ấy, thường là không thành sự phạm tội **(Āpatti).** Như có phần Chánh Tạng **Pāḷi** đã có trình bày để ở trong Chương Bất Cộng Trụ **(Pārājikakaṇḍa)** ở điều học thứ hai **(Dutiyasikkhapāda)** nói rằng: **Anāpatti bhikkhave tiracchānagata pariggahe** - Này Chư Tỳ Khưu, việc giành lấy của cải của loài Hữu Tình Bàng Sinh ấy, thì không phải phạm tội.

Và Ngài Chú Giải Sư đã có trình bày quan điểm trùng hợp với **Phật Ngôn (Buddha bhāsita)** nói rằng: **Senādayo pī āmisaṃ gahetvā gacchante pātetvā gahetuṃ vaṭṭati** - Với vị Tỳ Khưu thực hiện xả thí các vật chất, như có cục thịt v.v., và chim diều hâu v.v. bay đến chộp lấy rồi lại thả rơi rớt trở xuống, và giật lấy lại vật thí ấy. Hành động tạo tác ấy thường không phạm tội. Thế nhưng, cho dù hành động tạo tác như vậy, sự thật là dựa theo Tạng Luật thì không kể là sự phạm tội, tuy nhiên khi dựa theo Tạng Vô Tỷ Pháp thì hẳn nhiên đã hoàn tất Thâu Đạo Nghiệp Lực rồi.

THẨM ĐOÁN TRONG VIỆC TRỘM LẤY CÁC VẬT LINH THIÊNG (CETIYA AVAHĀRAṆA VINICCHAYA – BẢO THÁP THÂU ĐẠO THẨM ĐOÁN)

Vật linh thiêng gồm có pho tượng Đức Phật, Ngọc Xá Lợi Đức Phật, cội cây Đại Bồ Đề, v.v. Các vật linh thiêng này hiện hữu ở hai thể loại, đó là:

1. Vật linh thiêng có người trông nom gìn giữ **(Gopitarakkhita – Bảo Cổ Nhân).**

2. Vật linh thiêng không có người trông nom gìn giữ **(Agopitarakkhita – Bất Bảo Cổ Nhân).**

Các vật linh thiêng như có pho tượng Đức Phật, v.v. một cách thẳng thắn thì những bảo vật này không có ai làm chủ cả. Chí đến pho tượng Đức Phật mà đã được người tự kiến tạo lên để tôn thờ ở trong nhà của mình đi nữa, người kiến tạo ấy cũng không được gọi là chủ nhân của pho tượng Đức Phật, mà chỉ được gọi là **Bảo Cổ Nhân (Gopitarakkhita)** tức là người trông nom gìn giữ mà thôi. Tất cả sự việc này là cũng bởi người đã được gọi là chủ nhân bất luận của món vật phẩm nào rồi, thì ắt hẳn có quyền lợi để làm bất luận điều chi

cũng được tùy ý cả. Đề cập đến là, một khi đã không có sự duyệt ý ở trong các vật phẩm ấy, thì sẽ tự động phá hủy đi cũng được, hoặc sẽ biến đổi qua một hình thể tướng trạng khác cũng được, hoặc đem bán đi cũng được, và hẳn nhiên chẳng có tội tình chi cả. Còn đối với vật linh thiêng mà thực hiện như đã vừa đề cập đến, thì không thể được. Nếu như người nào thực hiện như vậy, thì ắt hẳn đã tạo thành Bất Thiện Nghiệp Lực, nhưng sẽ thành Bất Thiện loại nặng hay nhẹ, là cũng tùy theo mãnh lực của Tư Tâm Sở vậy.

Đối với người trộm lấy vật linh thiêng mà đã có người trông nom gìn giữ ấy, thì hẳn nhiên thành **Thâu Đạo Nghiệp Lực (Ādinnādāna).** Còn việc chiếm đoạt lấy vật linh thiêng mà không có người trông nom gìn giữ, thì thường bất thành Thâu Đạo Nghiệp Lực, tương tự như Ngài Phụ Chú Giải đã có trình bày thẩm đoán để ở trong Bộ Phụ Chú Giải Cốt Yếu Giải Minh **(Sāratthadīpanīṭīkā)** và Bộ Phụ Chú Giải **Thoát Ly Nghi Lự (Kaṅkhā vitaraṇīṭīkā)** nói rằng: **Devatāya pana uddissa balikammaṃ karontehi rukkhādīsu lambitasāṭake vattabbameva natthi tañcakho ārakkhakehi apariggahite yeva, pariggahitaṃ pana gahetuṃ na vaṭṭati** - Trong việc giành giật lấy tấm vải treo ở trên cây v.v. chỗ mà tất cả mọi người đã thực hiện cuộc **Lễ Tế Tự (Balīkamma)** để hồi hướng công đức đến Chư Thiên, thì thường chẳng có vấn đề chi đặc biệt cả. [Tức là không thành sự phạm tội **(Āpatti)**] Tuy nhiên điều này lập ý nói đến tấm vải ấy đã không nằm trong sự bảo quản của tất cả người trông nom gìn giữ, mới thích ứng cho việc giành giật lấy được. Thế nhưng, nếu như tấm vải ấy đã có sự bảo quản từ nơi người trông nom gìn giữ, thì việc cướp đoạt ấy là không thể nào có được.

THẨM ĐOÁN TRONG VIỆC TRỘM LẤY VẬT LINH THIÊNG MÀ CÓ NGƯỜI TRÔNG NOM GÌN GIỮ

Vật linh thiêng gồm có pho tượng Đức Phật, Ngọc Xá Lợi Đức Phật, v.v. và có người trông nom gìn giữ, tuy nhiên trú xứ chỗ an vị những vật linh thiêng ấy lại không thích hợp. Một khi có người với niềm tin tịnh tín, đã sắp bày kiến tạo lên một trú xứ mới thích hợp hơn cho việc an vị, và với Tư Tâm Sở bất vụ lợi đã cung thỉnh pho tượng Đức Phật hoặc Ngọc Xá Lợi Đức Phật v.v. ấy, để an vị vào ở trong trú xứ mới mà mình đã có được kiến tạo lên, chẳng có lấy chút vụ lợi riêng tư cho bản thân, nghĩa là không có **Đạo Tặc Tâm (Theyyacitta)**, và chỉ cốt để dắt dẫn cho thành một **nơi thờ phụng tôn nghiêm trang trọng (Sakkārapūjā).** Hành động tạo tác như thế, cho dù đã không có xin phép đến người trông nom gìn giữ đi nữa, tuy nhiên cũng không cho là Xâm Phạm Nghiệp Đạo và cũng không có tội chi cả. Thế nhưng, nếu như người tác hành sự việc ấy lại là một vị Tỳ Khưu thì ắt hẳn đã là một sự phạm tội **(Āpatti)**.

Chẳng hạn như vị Thần **Indra** (Thiên Chủ Đế Thích) đã đoạt lấy chiếc răng nhọn của Ngài Chánh Đẳng Giác mà vị Bà La Môn **Doṇa** đã lén biển thủ bỏ vào trong búi tóc, để lấy đem lên ở Đao Lợi Thiên Giới. Vị Thần **Indra** đã đoạt lấy chiếc răng nhọn của Đức Phật từ Bà La Môn **Doṇa** đây, đó là vị Thần **Indra** chính ngay hiện thế ở trong thời kỳ Đức Phật này đã thành tựu Quả vị Thất Lai. Vì thế, trong hành động tạo tác của Ngài chẳng phải đã

được thực hiện với cái Tâm sẽ lấy trộm đi, mà là thực hiện bởi do Ngài đã thẩm sát thấy rằng Bà La Môn **Doṇa** này quả thực không có khả năng để sẽ tác hành trí kính lễ đến chiếc răng nhọn Đức Phật một cách thích hợp. Do vậy, Ngài đã lấy đem đi từ Bà La Môn **Doṇa**, thế rồi đã kiến tạo lên một bảo tháp để tôn trí chiếc răng nhọn Đức Phật, và đã định danh bảo tháp ấy là **Tiểu Ngọc Như Ý Bảo Tháp.** Hành động tạo tác của Thần **Indra** như đã vừa đề cập đến ở tại đây, mới bất thành việc Xâm Phạm Nghiệp Đạo Thâu Đạo, và cũng không có tội chi cả, mà trái lại hữu ích công đức.

Như Ngài Chú Giải Sư đã có trình bày để ở trong Bộ Chú Giải Đại Phẩm Kinh Tập **(Suttantamahāvagga Atthakathā)** nói rằng: **Brāhmaṇopi dāṭhāya anucchikaṃ sakkāraṃ kātuṃ nasakkhissati, gaṇhāmi nanti veṭhantarato gahetvā suvaṇṇa caṅkoṭke ṭhapetvā devalokaṃ netvā cūḷamaṇicetiye patiṭṭha pesi - Dịch nghĩa là:** Đấng Thiên Vương Đế Thích có sự nhận thấy rằng: Bà La Môn **Doṇa** này không có khả năng tác hành trí kính lễ đến chiếc răng nhọn Đức Phật một cách thích hợp. Do vậy Ta đành phải lấy chiếc răng nhọn Đức Phật vậy. Thế rồi Ngài đã đoạt lấy chiếc răng nhọn từ ở búi tóc vị Bà La Môn. Ngài đã đặt chiếc răng nhọn ấy vào trong một hộp bảo tháp bằng vàng, và đã đem về Đao Lợi Thiên Giới, cùng với việc tiến hành thiết lập Lễ Tôn Trí ở trong Tiểu Ngọc Như Ý Bảo Tháp.

TRÌNH BÀY HAI MƯƠI LĂM THỂ LOẠI CỦA VIỆC TRỘM CẮP

Có 25 Thể Loại Trộm Cắp Hình Thành Thâu Đạo Nghiệp Lực, đó là:

1. Các Cá Vật Phẩm có 5 phần (Nānābhaṇḍa Pañcaka): Có năm thể loại trong việc trộm lấy đủ các loại của cải tài sản, có cả sinh mạng và không có sinh mạng.

2. Nhất Cá Vật Phẩm có 5 phần (Ekabhaṇḍa Pañcaka): Có năm thể loại trong việc trộm lấy chỉ đặc biệt với vật thể hữu sinh mạng.

3. Tự Chế Thủ Công có 5 phần (Sāhatthika Pañcaka): Có năm thể loại trong việc trộm lấy với tự bản thân mình.

4. Tiền Lự Nỗ Lực có 5 phần (Pubbepayoga Pañcaka): Có năm thể loại hành động tạo tác hoàn thành Thâu Đạo Nghiệp Lực trước khi sẽ hạ thủ trộm lấy.

5. Đạo Tặc Cố Lực có 5 phần (Theyyāvahāra Pañcaka): Việc lừa đảo, tráo trác của cải tài sản, tạo ra hàng giả mạo lừa gạt, âm thầm đục tường khoét vách trộm cắp mà không cho chủ nhân hay biết; với những sự việc này có được năm thể loại. Kết hợp lại, thì có được 25 thể loại của việc trộm cắp.

CÁC CÁ VẬT PHẨM NGŨ PHẦN (NĀNĀBHAṆḌA PAÑCAKA), Đó Là:

1. Ādiyana adinnādāna – Chấp Chiếm Thâu Đạo
2. Haraṇa adinnādāna - Chuyển Khứ Thâu Đạo
3. Avaharaṇa adinnādāna – Đạo Chích Thâu Đạo
4. Iriyāpatha vikopana adinnādāna – Bạo Hành Thâu Đạo

5. Ṭhānācāvana adinnādāna – Cận Điểm Thâu Đạo

1. Chấp Chiếm Thâu Đạo (Ādiyana adinnādāna): tức là hành động tạo tác làm cho của cải tài sản của tha nhân hữu quan đến nhà cửa, đất đai, ruộng vườn, hoặc phố xá cho trở thành tài sản của riêng mình, bằng với phương cách thưa kiện đến tòa án. Hành động tạo tác như vầy gọi là **Chấp Chiếm Thâu Đạo.** Tuy nhiên ở trong điều này lập ý đến kẻ thưa kiện và người bị thưa kiện; với cả hai bên này, sẽ chẳng phải dính líu với nhau trong bất luận vấn đề tiền bạc nào cả, nghĩa là chẳng có liên quan với nhau đến vấn đề cầm cố nợ nần. Hành động tạo tác chỉ thuộc loại cậy quyền cậy thế hòng chiếm hữu ở trong các điền thổ đất đai ấy, v.v. Bằng với phương cách này đã tác hành để một khi vị chủ nhân của chỗ ở ấy hoặc là người chủ nhà ấy sinh tâm nản lòng nghĩ suy rằng "đất đai hoặc nhà cửa của Ta đây, chắc sẽ phải trở thành tài sản của người khác quá !". Chỉ có như vậy thôi, người chủ tâm nhằm chiếm đoạt tài sản ấy coi như đã Xâm Phạm Nghiệp Đạo hữu quan đến **Chấp Chiếm Thâu Đạo** rồi vậy.

2. Chuyển Khứ Thâu Đạo (Haraṇa adinnādāna): tức là người đang thực thi nhiệm vụ để chuyển tải tài sản của cải của tha nhân, và trong sát na đang chuyển tải ấy, đã có tâm nghĩ suy sẽ trộm lấy các tài sản ấy cho làm thành của riêng mình. Một khi đã khởi sinh tâm nghĩ suy để sẽ trộm lấy như vậy, thì cho dù sẽ xê dịch của cải ấy phải dịch chuyển rời khỏi vị trí ban đầu chỉ có một chút ít, chẳng hạn như lúc ban đầu vác hàng hóa ấy để ở trên đầu. Khi đã nghĩ suy là sẽ trộm lấy, thế rồi đã dịch chuyển hàng hóa ấy từ ở trên đầu đã hạ xuống để ở trên vai, hay là lúc ban đầu đã cầm lấy vật ấy để ở trong bàn tay phải. Khi đã suy nghĩ là sẽ trộm lấy, thế rồi đã chuyển đổi vật ấy để ở trong bàn tay trái, chẳng hạn như vậy, thì cũng coi như người ấy đã Xâm Phạm Nghiệp Đạo hữu quan đến **Chuyển Khứ Thâu Đạo** rồi vậy.

3. Đạo Chích Thâu Đạo (Avaharaṇa adinnādāna): tức là có người đã được người ta đem của cải hàng hóa hoặc vàng bạc đến gửi gắm cho mình trông nom quản lý. Đến khi chủ nhân đi đến xin nhận lại, thì người đó đã khước từ không đồng ý gửi trả lại các hàng hóa ấy. Chính là như vậy, đã được gọi là **Đạo Chích Thâu Đạo.** Và một khi chủ nhân không còn hy vọng sẽ có được hàng hóa gửi trả lại, thì đã khởi lên nghĩ suy ở trong lòng rằng "hàng hóa của mình đã có gửi gắm coi như đã tiêu tan hết rồi", chẳng hạn như vậy, thì cũng coi như người đã nhận lấy hàng hóa gửi gắm ấy, đã Xâm Phạm Nghiệp Đạo hữu quan đến **Đạo Chích Thâu Đạo** rồi vậy.

4. Bạo Hành Thâu Đạo (Iriyāpatha vikopana adinnādāna): tức là kẻ đạo tặc khi đã trông thấy chủ nhân tài sản ấy đang ngồi, hoặc là đang nằm, hoặc là đang đứng, hoặc là đang đi, và đã khởi lên nghĩ suy ở trong lòng rằng sẽ phải tự tìm cách làm cho chủ tài sản ấy phải bị tổn hại ở tại nơi đó, và rồi sẽ giựt lấy tài sản của cải đang mang theo cho làm thành của riêng mình. Khi đã nghĩ xong, thế là đã ra tay hạ thủ, đã thực hiện lời hăm dọa và cưỡng ép, hoặc bằng một phương cách nào đó đã tạo ra động tác giả để đánh lừa (dương đông kích tây), làm cho chủ tài sản phải làm theo lời của mình. Một khi chủ tài sản đã tuân theo lời ra lệnh ấy buộc phải chuyển động thân dời bước đi, và khi đã rảo bước với bước đi đầu tiên,

thì cũng được gọi là kẻ đạo tặc ấy đã hoàn thành **Bạo Hành Thâu Đạo.** Và một khi chủ tài sản đã rảo bước đến bước thứ hai thì coi như kẻ đạo tặc ấy đã Xâm Phạm Nghiệp Đạo hữu quan đến **Bạo Hành Thâu Đạo** rồi vậy. Nếu như kẻ đạo tặc ấy phải tự bồng bế xác thân chủ tài sản để hành xử, thì một khi kẻ đạo tặc ấy bồng bế chủ tài sản rảo bước thì với bước đi đầu tiên đã hoàn thành **Bạo Hành Thâu Đạo.** Và một khi kẻ đạo tặc đã rảo bước đến bước thứ hai thì coi như kẻ đạo tặc ấy đã Xâm Phạm Nghiệp Đạo hữu quan đến **Bạo Hành Thâu Đạo** rồi vậy.

5. Cận Điểm Thâu Đạo (Ṭhānācāvana adinnādāna): tức là các tài sản của cải mà chủ nhân đã bố trí hoặc đã đặt để ở trong một chỗ nào đó (trừ ra ở trong nước). Kẻ đạo tặc đã trông thấy, và đã nghĩ suy ở trong lòng là sẽ trộm lấy các tài sản ấy, thế rồi đã ra tay cầm lấy và xê dịch các hàng hóa ấy đi. Một khi các tài sản của cải ấy đã dịch chuyển rời khỏi vị trí ban đầu cho dù chỉ là chút ít, thì cũng coi như kẻ đạo tặc ấy đã hoàn thành **Cận Điểm Thâu Đạo** cùng câu kết với Xâm Phạm Nghiệp Đạo rồi vậy.

NHẤT CÁ VẬT PHẨM NGŨ PHẦN (EKABHAṆḌA PAÑCAKA), Đó Là:

1. Ādiyana adinnādāna – Chấp Chiếm Thâu Đạo
2. Haraṇa adinnādāna - Chuyển Khứ Thâu Đạo
3. Avaharaṇa adinnādāna – Đạo Chích Thâu Đạo
4. Iriyāpatha vikopana adinnādāna – Bạo Hành Thâu Đạo
5. Ṭhānācāvana adinnādāna – Cận Điểm Thâu Đạo

1. Chấp Chiếm Thâu Đạo (Ādiyana adinnādāna): tức là việc chiếm đoạt quyền sở hữu tài sản hữu mạng căn **(Saviññāṇaka – Hữu Tâm Thức)** gồm có con người hoặc là thú nuôi của tha nhân cho trở thành tài sản của riêng mình, bằng với phương cách thưa kiện đến tòa án, thì được gọi là **Chấp Chiếm Thâu Đạo.** Và một khi vị chủ nhân khởi lên nghĩ suy rằng "con người hoặc thú nuôi của Ta đây, chắc sẽ phải trở thành tài sản của tha nhân quá !" Trong sát na ấy, thì người chiếm đoạt quyền sở hữu ấy, coi như đã Xâm Phạm Nghiệp Đạo hữu quan đến **Chấp Chiếm Thâu Đạo** rồi vậy.

2. Chuyển Khứ Thâu Đạo (Haraṇa adinnādāna): tức là người đang thực thi nhiệm vụ để dắt dẫn con người hoặc là thú nuôi của tha nhân để đi đến chỗ này chỗ nọ. Trong sát na đang khi dẫn dắt, thì người ấy đã khởi sinh tâm nghĩ suy sẽ dẫn đem đi bán, hoặc sẽ bắt cóc cho làm thành của riêng mình. Khi đã khởi sinh tâm nghĩ suy như vậy, thì cũng được gọi là **Chuyển Khứ Thâu Đạo.** Và sau khi đã nghĩ suy xong, thì khởi sinh lên sự thay đổi về hành vi và cử chỉ, chẳng hạn như thay đổi lộ đường đi hay đổi tay cầm dắt dây, v.v. chẳng hạn như vậy, thì cũng coi như người ấy đã Xâm Phạm Nghiệp Đạo hữu quan đến **Chuyển Khứ Thâu Đạo** rồi vậy.

3. Đạo Chích Thâu Đạo (Avaharaṇa adinnādāna): tức là có người đã dắt dẫn con người hoặc thú nuôi đến để gửi gắm. Một khi người gửi gắm đến đón nhận trở lại thì đã nói dối lươn lẹo để lảng tránh, chẳng hạn như đã có người này người nọ đến đón nhận rồi, hoặc

đã hoàn trả lại rồi mà. Tất cả sự việc này để hòng toan tính cho con người hoặc thú nuôi ấy trở thành quyền sở hữu của mình. Sự việc này cũng được gọi là Đạo Chích Thâu Đạo. Và một khi chủ nhân không còn hy vọng và đã khởi lên nghĩ suy ở trong lòng rằng "chắc sẽ không có được con người hoặc thú nuôi hoàn trả lại cho Ta rồi", chẳng hạn như vậy, thì cũng coi như người đã đón nhận việc gửi gắm ấy, đã Xâm Phạm Nghiệp Đạo hữu quan đến **Đạo Chích Thâu Đạo** rồi vậy.

4. Bạo Hành Thâu Đạo (Iriyāpatha vikopana adinnādāna): tức là người thực hiện việc lừa gạt, dụ dỗ, lôi kéo trẻ con hoặc thanh nữ, hay là thú nuôi; trong sát na con người hoặc thú nuôi ấy đang đi, đang đứng, đang ngồi hoặc là đang nằm; để dắt dẫn đi tầm cầu lợi ích hoặc dẫn đi cho trở thành quyền sở hữu của mình. Một khi con người hoặc thú nuôi ấy đã chuyển động thân rời khỏi vị trí ban đầu, rảo bước theo người ấy với bước đi đầu tiên, thì cũng được gọi là kẻ ấy đã hoàn thành **Bạo Hành Thâu Đạo.** Và một khi rảo bước đến bước thứ hai, thì cũng coi như kẻ ấy đã Xâm Phạm Nghiệp Đạo hữu quan đến **Bạo Hành Thâu Đạo** rồi vậy.

5. Cận Điểm Thâu Đạo (Ṭhānācāvana adinnādāna): tức là việc trộm lấy thú nuôi mà chủ nhân đã buộc dây để nhốt chúng, hoặc là thú nuôi ấy đang nằm, hoặc đang ngồi, hoặc đang đứng. Kẻ đạo tặc đã khởi tâm nghĩ suy sẽ trộm lấy, và thế là đã vào để ẵm hoặc đã dắt dẫn thú nuôi ấy đi. Khi thú nuôi ấy chuyển động thân rời khỏi vị trí ban đầu cho dù chỉ có một chút ít, thì cũng coi như kẻ ấy đã hoàn thành **Cận Điểm Thâu Đạo** cùng câu kết với Xâm Phạm Nghiệp Đạo rồi vậy.

TỰ CHẾ THỦ CÔNG NGŨ PHẦN (SĀHATTHIKA PAÑCAKA), Đó Là:

1. Sāhatthika adinnādāna – Tự Chế Thủ Công Thâu Đạo
2. Āṇattika adinnādāna – Mệnh Lệnh Thâu Đạo
3. Nissaggiya adinnādāna – Phóng Khí Thâu Đạo
4. Atthasādhaka adinnādāna – Cử Liệt Thành Quả Thâu Đạo
5. Dhuranikkhepa adinnādāna – Phế Chức Thâu Đạo

1. Tự Chế Thủ Công Thâu Đạo (Sāhatthika adinnādāna): tức là việc trộm lấy các loại tài sản, vàng bạc, của cải và các vật hữu sinh mạng bằng chính tự bản thân mình.

2. Mệnh Lệnh Thâu Đạo (Āṇattika adinnādāna): tức là việc sai bảo để cho tha nhân trộm cắp.

3. Phóng Khí Thâu Đạo (Nissaggiya adinnādāna): tức là lén lấy vật chất của cải mà phải bị nộp thuế đem liệng ra khỏi khu vực của mình.

4. Cử Liệt Thành Quả Thâu Đạo (Atthasādhaka adinnādāna): tức là việc ra chỉ thị cho đồng bọn phải trộm lấy cho được những của cải vật chất ấy, nếu như sẽ phải tổn thất thời gian dài bao nhiêu lâu đi nữa để có được cơ hội, và cho dù người nhận lãnh chỉ thị ấy, khi mà vẫn chưa có được cơ hội để trộm lấy, đã phải trải qua thời gian rất nhiều năm dài để rồi mới có được cơ hội trộm cắp. Kẻ ra chỉ thị ấy cũng đã hoàn thành **Cử Liệt Thành Quả**

Thâu Đạo tính kể từ thời gian đã ra chỉ thị đó vậy. Tuy nhiên, giả sử như người nhận lãnh chỉ thị ấy đã phải tử vong trước khi sẽ có được cơ hội trộm cắp, thế thì kẻ ra chỉ thị ấy sẽ bất thành Cử Liệt Thành Quả Thâu Đạo.

5. Phế Chức Thâu Đạo (Dhuranikkhepa adinnādāna): tức là trong thời gian có việc thưa kiện đến tòa án để chiếm đoạt quyền sở hữu ở trong các tài sản của cải **hữu mạng căn (Saviññāṇaka – Hữu Tâm Thức)** hoặc **vô mạng căn (Aviññāṇaka – Vô Tâm Thức)** của tha nhân; hoặc trong thời gian chủ nhân tài sản đến xin đón nhận lại tài sản của cải, vàng bạc mà mình đã có gửi gắm, hoặc mình đã có trao đưa; thế rồi đã phủ nhận và đã chối cãi lật lọng là không hay biết. Khi chủ nhân tài sản ấy đã đắn đo nghĩ suy đi đến quyết định rằng "của cải tài sản của mình sẽ phải tiêu tan hết và chắc đã trở thành tài sản của người khác quá !" Trong thời gian ấy, kẻ gây ra câu chuyện như đã vừa nói đến, coi như đã hoàn thành ở trong việc trộm cắp mà được gọi là **Phế Chức Thâu Đạo**.

SỰ KHÁC BIỆT GIỮA MỆNH LỆNH THÂU ĐẠO VÀ CỬ LIỆT THÀNH QUẢ THÂU ĐẠO

+ Việc sai bảo cho tha nhân trộm lấy thuộc thể loại **Mệnh Lệnh Thâu Đạo (Āṇattika adinnādāna)** là việc sai bảo để cho trộm cắp ngay trong thời hiện tại.

+ Việc sai bảo cho tha nhân trộm lấy thuộc thể loại **Cử Liệt Thành Quả Thâu Đạo (Atthasādhaka adinnādāna)** là việc sai bảo để cho trộm cắp khi có được cơ hội mãi về sau.

TIỀN LỰ NỖ LỰC NGŨ PHẦN (PUBBAPAYOGA PAÑCAKA), Đó Là:

1. Pubbapayoga adinnādāna – Tiền Lự Nỗ Lực Thâu Đạo
2. Sahapayoga adinnādāna – Câu Kết Nỗ Lực Thâu Đạo
3. Saṃvidāvahāra adinnādāna – Đạo Tặc Câu Liên Thâu Đạo
4. Saṅketakamma adinnādāna – Hứa Chuẩn Hành Sự Thâu Đạo
5. Nimittakamma adinnādāna – Hiệu Lệnh Hành Sự Thâu Đạo

1. Tiền Lự Nỗ Lực Thâu Đạo (Pubbapayoga adinnādāna): Việc sai bảo cho tha nhân trộm cắp, và chính ngay trong khi dùng lời nói để sai bảo thì cũng coi như đã Xâm Phạm Nghiệp Đạo chỗ được gọi là **Tiền Lự Nỗ Lực Thâu Đạo.**

2. Câu Kết Nỗ Lực Thâu Đạo (Sahapayoga adinnādāna): Người nào có tâm nghĩ tưởng sẽ trộm lấy của cải của tha nhân và đã thực hiện việc xê dịch tài sản của cải ấy cho rời khỏi vị trí ban đầu; hoặc người nào nghĩ tưởng việc gian lận liên quan đến điền thổ để cho trở thành nhà ở, trở thành ruộng đất, hoặc trở thành vườn tược, thế là đã thực hiện việc dời đổi cột mốc hàng rào, hoặc các dấu vết mà có liên quan với điền thổ cho dịch chuyển ra khỏi vị trí ban đầu. Chính ngay trong sát na đang nỗ lực thực hiện việc dời đổi hàng rào ấy, thì cũng coi như đã Xâm Phạm Nghiệp Đạo chỗ được gọi là **Liên Hiệp Nỗ Lực Thâu Đạo.**

3. Đạo Tặc Câu Liên Thâu Đạo (Saṃvidāvahāra adinnādāna): Một nhóm người với số lượng từ hai người trở lên đã có sự nghĩ suy đồng thuận với nhau để sẽ thực hiện việc trộm lấy tài sản của cải của tha nhân. Thế rồi đã đồng hành chung lộ, và cho dù chỉ có duy nhất một kẻ nào đó ở trong nhóm người này đã ra tay trộm lấy, đã làm cho các tài sản của cải ấy phải bị xê dịch ra khỏi vị trí ban đầu đi nữa, thì cũng coi như tất cả những người đi chung với nhau đã cùng Xâm Phạm Nghiệp Đạo chỗ được gọi là **Đạo Tặc Câu Liên Thâu Đạo** rồi vậy.

4. Hứa Chuẩn Hành Sự Thâu Đạo (Saṅketakamma adinnādāna): Người đã sai bảo cho tha nhân để thực hiện việc trộm cắp với thời gian quy định để cho bắt đầu thực hiện, chẳng hạn cho bắt đầu thực hiện việc trộm cắp ấy là vào lúc nửa đêm, hoặc quy định thời gian một cách thẳng thừng để bắt đầu thực hiện là đúng 24:00 như vậy, v.v. Nếu như người đã nhận được lệnh ấy bắt đầu thực hiện việc trộm cắp đúng theo thời gian đã chỉ thị, thì coi như kẻ sai bảo đã Xâm Phạm Nghiệp Đạo ở phần **Hứa Chuẩn Hành Sự Thâu Đạo** rồi vậy. Nếu như kẻ đã nhận được lệnh lại thực hiện không đúng với thời gian đã chỉ thị, chẳng hạn như lệnh rằng trộm cắp vào lúc nửa đêm nhưng lại thực hiện vào lúc giữa trưa; hoặc lệnh cho trộm cắp với thời gian quy định là đúng 24:00 nhưng lại đi trộm vào lúc 22:00, hoặc quá 24:00. Như vậy, kẻ sai bảo đã không Xâm Phạm Nghiệp Đạo, mà chỉ có một phía của kẻ trộm cắp là đã Xâm Phạm Nghiệp Đạo mà thôi.

5. Hiệu Lệnh Hành Sự Thâu Đạo (Nimittakamma adinnādāna): Việc sai bảo cho kẻ khác trộm cắp bằng cách dùng các hiệu lệnh để cho bắt đầu thực hiện, chẳng hạn như vẫy tay, gật đầu, huýt sáo, nheo mắt, v.v. Kẻ phục dịch một khi đã được trông thấy hiệu lệnh liền tức thì ra tay thực hiện, thì coi như kẻ sai bảo đã Xâm Phạm Nghiệp Đạo ở phần **Hiệu Lệnh Hành Sự Thâu Đạo.** Nếu như kẻ phục dịch ấy lại thực hiện việc trộm cắp trước khi được đón nhận hiệu lệnh, hoặc thực hiện sau khi hiệu lệnh đã trôi qua, thế thì kẻ sai bảo ấy đã không Xâm Phạm Nghiệp Đạo mà chỉ có một phía của kẻ trộm cắp là đã Xâm Phạm Nghiệp Đạo.

ĐẠO TẶC CỐ LỰC NGŨ PHẦN (THEYYĀVAHĀRA PAÑCAKA), Đó Là:

1. Theyyāvahāra adinnādāna – Đạo Tặc Cố Lực Thâu Đạo
2. Pasayhāra adinnādāna – Bạo Lực Thâu Đạo
3. Parikappāvahāra adinnādāna – Đạo Tặc Quyết Tâm Thâu Đạo
4. Paṭicchannāvahāra adinnādāna – Đạo Tặc Ẩn Lậu Thâu Đạo
5. Kusāvahāra adinnādāna – Đạo Tặc Khôn Khéo Thâu Đạo

1. Đạo Tặc Cố Lực Thâu Đạo (Theyyāvahāra adinnādāna): tức là người làm việc bán buôn với việc cân đo hoặc đong đếm các vật dụng hàng hóa. Việc bán buôn ấy đã không đúng theo số lượng, tức là cân đo hoặc đong đếm không đủ số lượng; hoặc người mua tự mình thực hiện việc cân đong các vật dụng hàng hóa, cũng lại cân đong vượt hơn số lượng;

hoặc kẻ trả tiền giả; hoặc người thực hiện việc đào tường khoét vách để trộm cắp mà không cho chủ nhân trông thấy. Tạo tác các điều này thì được gọi là **Đạo Tặc Cố Lực Thâu Đạo.**

2. Bạo Lực Thâu Đạo (Pasayhāra adinnādāna): tức là người đoạt lấy tài sản vàng bạc của tha nhân bằng cách hăm dọa và cưỡng ép, hoặc hành hạ bức hiếp đến người chủ tài sản, đã có trạng thái hiện hành tương tự như bọn đạo tặc đi phá hại sự an vui của tất cả mọi người. Hành động tạo tác như vậy đã được gọi là **Bạo Lực Thâu Đạo.** Lại nữa, với người có các quyền năng thế lực, đã dùng mãnh lực quyền hành của mình đi hăm dọa và cưỡng bức đối với người cô thế yếu kém hơn để cho họ phải cầm lấy những tài sản vàng bạc của cải ấy đem đến cho mình. Như vậy cũng được gọi là **Bạo Lực Thâu Đạo.**

3. Đạo Tặc Quyết Tâm Thâu Đạo (Parikappāvahāra adinnādāna) này có được hai thể loại, đó là:

+ Bhaṇḍa parikappāvahāra adinnādāna – Các Cá Đạo Tặc Quyết Tâm Thâu Đạo.

+ Okāsa parikappāvahāra adinnādāna – Cơ Hội Đạo Tặc Quyết Tâm Thâu Đạo.

+ Người có sự chuyên nhất sẽ quyết tâm trộm lấy các của cải ấy, thế rồi đã thực hiện hoàn tất việc trộm lấy các của cải ấy đúng phóc với sự ước nguyện của mình. Như vậy đã được gọi là **Các Cá Đạo Tặc Quyết Tâm Thâu Đạo.** Điển hình như kẻ ấy có sự quyết tâm sẽ trộm lấy cái quần, một khi lẻn đi vào ở trong nhà của chủ tài sản, và đã túm lấy được cái bao bì đầu tiên của chủ tài sản ấy. Nếu như ở trong cái bao bì đầu tiên ấy, đã có cái quần ở trong đó, và một khi đã nhấc cái bao bì ấy xê dịch khỏi vị trí, thì cũng coi như kẻ ấy đã hoàn tất ở trong việc thực hiện **Các Cá Đạo Tặc Quyết Tâm Thâu Đạo** rồi vậy. Thế nhưng, nếu như ở trong cái bao bì đầu tiên ấy lại không có cái quần, mà chỉ có loại hàng hóa khác, thì ngay khi có việc nhấc lên ấy thì vẫn chưa gọi là Xâm Phạm Nghiệp Đạo. Tuy nhiên, khi đã túm lấy cái bao bì ấy và đã mở ra xem thì chỉ thấy những hàng hóa khác, chẳng có cái quần mà mình đã quyết tâm sẽ trộm lấy ở trong đó, liền nghĩ suy rằng "cho dù chẳng phải là cái quần mà hóa ra lại là hàng hóa khác thì cũng tốt cả thôi !" Khi đã quyết định như vậy rồi, thế là cũng cầm lấy cái bao bì đầu tiên ấy mà mang đi, chính ngay sát na đó, thì cũng coi như tên trộm đã Xâm Phạm Nghiệp Đạo ở trong điều **Các Cá Đạo Tặc Quyết Tâm Thâu Đạo** rồi vậy.

+ Người thực hiện việc trộm cắp bằng sự quyết tâm chỉ ở trong các địa điểm quy định. Điển hình như kẻ trộm lẻn vào ở trong khu nhà ở hoặc ở trong nhà của người chủ tài sản, và một khi đã trông vào bất luận một của cải tài sản nào đó rồi khởi sinh lên lòng tham muốn, thế là lòng nghĩ suy trù tính để đặt để ở trong các địa điểm quy định. Đề cập đến rằng một khi đã cầm lấy những của cải ấy thì có chủ tâm rằng "Ta sẽ cầm lấy để ở ngay cửa nhà, hoặc để ở dưới cội cây, hoặc để ở ven hàng rào. Nếu như chủ tài sản đã trông thấy thì Ta sẽ bào chữa rằng Ta chỉ muốn nhìn xem các hàng hóa ấy, rồi sẽ đem trả lại y như chỗ cũ vậy. Giả như chủ tài sản đã không có trông thấy thì Ta sẽ lấy đem đi luôn !" Như thế, một khi kẻ trộm đó đã đem các của cải ấy đến đặt để ở những địa điểm quy định, thì ngay sát na ấy vẫn chưa thành Xâm Phạm Nghiệp Đạo. Đến khi đem ra khỏi địa điểm đã quy định thì lúc bấy

giờ mới coi như đã thành tựu Xâm Phạm Nghiệp Đạo ở phần **Cơ Hội Đạo Tặc Thâu Đạo** rồi vậy.

4. Đạo Tặc Ẩn Lậu Thâu Đạo (Paṭicchannāvahāra adinnādāna): tức là kẻ trộm đã lẻn vào ở trong nhà hoặc ở trong khu nhà ở, hoặc ở trong buồng tắm, hoặc ở trong nhà bếp, v.v. của tha nhân, thế rồi đã trông thấy các vật phẩm có giá trị, như là chiếc nhẫn, sợi dây chuyền, đồng hồ, dây thắt lưng mà chủ nhân đã cởi ra để ở nơi đó, hoặc đã làm rơi đi, thì đã tìm cách sẽ lấy các vật phẩm ấy cho làm thành của riêng mình, bằng cách lấy bất luận một vật nào đó đem che đậy vật phẩm ấy đi, hoặc nhặt lấy vật phẩm ấy và đem đi cất giấu, hoặc lấy chân đạp giẫm lấy món hàng ấy đi, hoặc bới đất lên và đem chôn lấp vật phẩm ấy, để chờ có được cơ hội một khi chủ nhân đã rời khỏi nơi đó rồi, thì sẽ trộm lấy đem đi. Trong sát na kẻ trộm ấy thực hiện việc đậy điệm che giấu vật phẩm ấy, thì vẫn chưa thành việc Xâm Phạm Nghiệp Đạo. Đến khi chủ nhân của vật phẩm ấy tìm kiếm không thấy, rồi định bụng về sau sẽ tìm kiếm lại nữa và đã rời khỏi nơi ấy. Khi chủ nhân đã rời khỏi thì ngay khi đó đã coi như kẻ trộm ấy đã hoàn thành việc Xâm Phạm Nghiệp Đạo ở phần **Đạo Tặc Ẩn Lậu Thâu Đạo** rồi vậy.

5. Đạo Tặc Mưu Khôn Thâu Đạo (Kusāvahāra adinnādāna): tức là việc tráo đổi tên gọi chủ nhân vật phẩm không phải là của mình cho thành tên gọi của mình, hoặc tráo đổi vật phẩm chẳng phải là của mình cho làm thành của mình. Chẳng hạn như trong việc bắt lá thăm các món hàng vật phẩm, thì lá thăm mà mình đã bắt được với việc báo tên vật phẩm ấy là cây bút viết; nhưng lá thăm của một người khác lại được báo là chiếc đồng hồ. Khi tự lén mở ra xem thì biết được rằng vật phẩm mà mình đã bắt ấy không sánh bằng của người khác, và rồi đã lén tráo đổi lấy lá thăm của mình với của người đã bắt được chiếc đồng hồ. Thế là, đã tráo lấy lá thăm của người đã bắt được chiếc đồng hồ cho làm thành của mình. Hoặc người Mẹ, người Cha khi đã được biết sắp phải lìa đời thì đã bảo người con cả là người sẽ viết bản di chúc hay biết rằng "Người con cả thì sẽ có được miếng ruộng và mảnh vườn. Còn người con út đang nghiên cứu học hỏi ở nước ngoài thì sẽ có được khu đất và dãy nhà phố." Khi đã viết xong bản di chúc ấy thì đã cho đọc và đã được nghe. Khi đã được nhìn thấy một cách minh bạch, thì đã đồng ký tên và đã đem bỏ vào phong bì niêm lại. Tiếp đến, khi có được cơ hội thì người con cả đã lén mở phong bì ấy ra, lại sửa đổi với cái tên mới rằng "cho người con cả được có khu đất và dãy nhà phố, còn người con út thì có được miếng ruộng và mảnh vườn" xong xuôi rồi, thì cũng niêm phong bì lại để y như củ. Khi người Mẹ người Cha trở bệnh nặng, và đã cho đi gọi bậc Tôn Trưởng hoặc vị Luật Sư đến để cho hay biết về bản di chúc mà đã được người con cả viết thảo ra ấy, và cho ký tên vào để làm thành chứng từ. Tiếp đến, người Mẹ người Cha ấy đã qua đời, khi mở bản di chúc trước sự hiện diện của con cháu, anh em bà con họ hàng, thì coi như người con cả có được khu đất và dãy nhà phố, còn người con út thì có được miếng ruộng và mảnh vườn, y theo người con cả đã sửa đổi mới rồi vậy. Hành động tạo tác như đã vừa đề cập ở tại đây đã được gọi là **Đạo Tặc Mưu Khôn Thâu Đạo.**

GIẢI THÍCH ĐẶC BIỆT TRONG ĐẠO TẶC CỐ LỰC THÂU ĐẠO

CỦA NHÓM ĐẠO TẶC CỐ LỰC NGŨ PHẦN

Trong nhóm **Đạo Tặc Cố Lực Ngũ Phần (Theyyāvahāra Pañcaka)** đây hữu quan dính líu với việc gian lận, và đã được chia ra bốn thể loại, đó là:

1. Đẩu Xứng Gian Lận (Māṇakūṭa): sự gian lận hữu quan với việc đong đếm vật phẩm hàng hóa qua việc sử dụng dụng cụ cân đo, như có bồ thúng, rá rổ, thùng sắt, v.v.

2. Thiên Bình Gian Lận (Tulakūṭa): sự gian lận hữu quan qua việc sử dụng cái cân.

3. Vật Phẩm Gian Lận (Kaṃsakūṭa): sự gian lận hữu quan với việc tráo đổi vật phẩm hàng hóa, như có thau, chậu, chén, bát, đĩa, v.v.

4. Kim Tiền Gian Lận (Kahāpaṇakūṭa): sự gian lận hữu quan với việc làm tiền bạc giả, làm giấy bạc giả.

1. Đẩu Xứng Gian Lận lại được phân chia ra làm ba thể loại, đó là:

+ **Hadayabheda – Để Hạ Thể Cách**
+ **Sīkhābheda – Thông Man Thể Cách**
+ **Rajjubheda – Trắc Lượng Thể Cách**

+ Để Hạ Thể Cách (Hadayabheda): tức là việc cân đong các loại dầu mỡ, hoặc mật ong qua việc tạo ra dụng cụ cân đong có những lỗ nhỏ. Chẳng hạn như một khi ta là phía người mua thì lấy dụng cụ cân đong ấy cho đục thủng thành những lỗ nhỏ ở phần dưới đáy, rồi đem bỏ vào trong vật chứa đựng dụng cụ cân đong ấy. Một khi đổ dầu mỡ hoặc mật ong vào trong dụng cụ cân đong, thì dầu mỡ hoặc mật ong sẽ chảy ra khỏi dụng cụ cân đong và ở trong vật chứa đựng đang hứng lấy, để làm cho số lượng dầu mỡ hoặc mật ong có được thêm nhiều lên. Thế nhưng, nếu như ta là bên người bán thì sẽ bít các lỗ thủng ấy đi, và khi cân đong thì cố gắng đong một cách mau lẹ và đong không cho tràn đầy. Việc gian lận theo thể cách này được gọi là **Để Hạ Thể Cách Đẩu Xứng Gian Lận.**

+ Thông Man Thể Cách (Sīkhābheda): tức là việc cân đong lúa thóc, hạt đậu, mè vừng, v.v. qua việc dùng mánh lới mưu mẹo trong việc cân đong ấy. Chẳng hạn như một khi ta là phía người mua thì đổ chầm chậm các hàng hóa ấy vào trong vật chứa đựng dụng cụ cân đong, vì lẽ việc đổ xuống từ từ ấy sẽ làm cho có được số lượng thêm nhiều lên. Và đến giai đoạn hớt gạt mặt hàng thì phải cho bằng ngang với miệng của vật chứa đựng, trái lại việc cân đong ấy lấy tay gạt hớt lên trên để cho ở ngay chính giữa được nổi vung lên chút ít. Thế nhưng, nếu như ta là bên người bán thì lại đổ vội vàng các hàng hóa ấy vào trong vật chứa đựng dụng cụ cân đong. Trong sự việc đổ một cách vội vã đây, sẽ làm cho số lượng hàng hóa ấy phải bị ít hơn là việc đổ từ từ. Và đến giai đoạn hớt gạt mặt hàng ấy, thì lại lấy tay gạt ấn xuống cho ở ngay chính giữa lõm đi chút ít. Việc gian lận theo thể cách này được gọi là **Thông Man Thể Cách Đẩu Xứng Gian Lận.**

+ Trắc Lượng Thể Cách (Rajjubheda): tức là việc dùng mánh lới mưu mẹo trong việc đo đạc, chẳng hạn như đo vải, đo đất đai, v.v. Nếu như tự mình đo đạc cho mình thì đo lấy hơn, còn nếu như đo đạc cho tha nhân thì đo lấy thiếu hụt đi, bằng cách không cho một

phía nào bắt được. Việc gian lận theo thể cách này được gọi là **Trắc Lượng Thể Cách Đấu Xứng Gian Lận.**

2. Thiên Bình Gian Lận lại được phân chia ra làm bốn thể loại, đó là:

+ Rūpakūṭa – Tỷ Trọng Gian Lận

+ Aṅgakūṭa – Cân Lượng Gian Lận

+ Gahaṇakūṭa – Chiếm Lạm Gian Lận

+ Paṭicchannakūṭa - Ẩn Lậu Gian Lận

+ Tỷ Trọng Gian Lận (Rūpakūṭa): tức là việc tạo ra hai loại quả cân để đo trọng lượng trong việc cân đong hàng hóa, với một quả nặng và một quả nhẹ. Nếu như ta là phía người mua thì sẽ dùng quả cân nặng mà cân đong, để cho có được số lượng nhiều thêm lên. Nếu như ta là bên người bán thì sẽ dùng quả cân nhẹ mà cân đong, để cho giảm bớt số lượng xuống. Việc gian lận theo thể cách này được gọi là **Thiên Bình Tỷ Trọng Gian Lận (Tularūpakūṭa).**

+ Cân Lượng Gian Lận (Aṅgakūṭa): tức là trong thời gian cân đong hàng hóa, một khi ta là phía người mua thì dùng bàn tay ấn trên cán cân để cân đong về bên phía quả cân lắc, để cho có được số lượng nhiều thêm lên. Nếu như ta là bên người bán thì sẽ đè nhấn cái cân về bên phía bỏ hàng hóa vào, để cho số lượng bị giảm bớt đi. Việc gian lận theo thể cách này được gọi là **Thiên Bình Cân Lượng Gian Lận (Tulaaṅgakūṭa).**

+ Chiếm Lạm Gian Lận (Gahaṇakūṭa): tức là trong thời gian cân đong hàng hóa, một khi ta là phía người mua thì sẽ dùng bàn tay nắm ở ngay gốc sợi dây và cho hạ xuống thấp, để cho có được số lượng thêm nhiều lên. Nếu như ta là bên người bán thì sẽ nắm ở ngay đầu sợi dây, để cho số lượng hàng hóa ấy sẽ bị giảm thiểu đi. Việc gian lận theo thể cách này được gọi là **Thiên Bình Chiếm Lạm Gian Lận (Tulagahaṇakūṭa).**

+ Ẩn Lậu Gian Lận (Paṭicchannakūṭa): tức là việc chế tạo dụng cụ cân đong bằng cách đục lỗ ở ngay cán cân, và rồi lấy các viên thủy ngân hoặc những viên chì nhỏ xíu bỏ vào trong. Một khi ta là phía người mua thì sẽ dốc nghiêng cán cân về bên phía quả cân lắc, để cho viên thủy ngân hoặc viên chì ấy trì nặng về phía quả cân, và làm cho có được số lượng nhiều thêm lên. Nếu như ta là bên người bán thì sẽ dốc nghiêng cán cân về bên phía bỏ hàng hóa vào, để cho viên thủy ngân hoặc viên chì ấy trì nặng về bên phía hàng hóa, và làm cho số lượng hàng hóa bị vơi ít đi. Việc gian lận theo thể cách này được gọi là **Thiên Bình Ẩn Lậu Gian Lận (Tulapaṭicchannakūṭa).**

3. Vật Phẩm Gian Lận: tức là thợ bạc hoặc thợ kim hoàn đã tạo ra các vật dụng chứa đựng như có chén bát, đĩa, mâm khay, v.v. để bán. Hàng hóa để bán tại đây đã được tạo ra thành hai thể loại, đó là:

1/ đã được tạo ra bằng bạc hoặc vàng ròng nguyên chất,

2/ đã được tạo bằng với kim loại đồng pha thiếc, pha thau, rồi đem mạ vàng, mạ bạc vào.

Vả lại cả hai thể loại này có hình sắc tương tự như nhau. Một khi có người đến mua, thì đã lấy mặt hàng bằng vàng ra cho xem. Đến khi đã thỏa thuận xong xuôi giá cả bán buôn với nhau rồi, thì lại tráo đổi lấy mặt hàng chẳng phải vàng ròng ra để bán. Việc gian lận theo thể loại này được gọi là **Vật Phẩm Gian Lận.**

4. Kim Tiền Gian Lận: tức là việc tạo ra tiền bạc giả, giấy bạc giả, hoặc hợp kim, những khoáng chất, dựa theo cơ sở khoa học để làm cho các mặt hàng trông giống y như bạc và vàng thật vậy. Thế rồi thực hiện việc bán buôn lừa gạt, đã làm cho người mua hiểu biết sai lạc nghĩ rằng đấy là mặt hàng thực. Việc gian lận theo thể loại này được gọi là **Kim Tiền Gian Lận.**

Lại nữa, ở trong **Đạo Tặc Cố Lực Thâu Đạo (Theyyāvahāra adinnādāna)** này, có một thể loại trộm lấy với tên gọi là **Thủ Đoạn Thâu Đạo (Upāyakathā adinnādāna)**, tức là việc dùng mưu ma chước quỷ lừa đảo cho người khác lầm tin mình, như có tích truyện đã có trình bày để trong Bộ Chú Giải Hoàn Bảo Tề Toàn **(Samantapāsādika Atthakathā)** nói rằng: "Thuở ấy có một thợ săn đã săn được hai con nai, với một lớn và một kia nhỏ hơn. Trong sát na đang vác nai bước đi thì có một nam nhân say xỉn đi ngược chiều lại. Nam nhân say xỉn trông thấy nai, liền khởi lòng thích muốn, mới vấn hỏi thợ săn về giá cả của hai con nai này là bao nhiêu. Thợ săn đáp rằng giá con nhỏ là một đồng **Kahāpaṇa** (tiền Ấn Độ = 5 shillings Anh Quốc) và con lớn là hai đồng. Kẻ say xỉn ấy cầm lấy một đồng đưa cho thợ săn và bảo cho lấy con nhỏ. Khi đã nhận được nai, rảo bước đi vừa khuất được một ít lâu, kẻ say xỉn ấy đã dừng lại và nghĩ suy rằng "Thật tình là Ta muốn được nai lớn hơn là con nhỏ. Do vậy, Ta sẽ phải giở trò mưu ma chước quỷ để lấy cho bằng được con nai lớn ấy, mà Ta chẳng phải trả thêm đồng tiền nào cả." Khi đã nghĩ suy như vậy, mới quay trở lại rảo bước đi tìm thợ săn, và bảo rằng "Quả thật là Tôi muốn con nai lớn kia kìa !" Thợ săn đáp "Một khi Ngài thích muốn con lớn thì phải đưa thêm một đồng **Kahāpaṇa** nữa." Kẻ say xỉn bảo "Chẳng là Tôi đã đưa cho Ngài cầm lấy một đồng tiền rồi sao ?" Thợ săn trả lời rằng "Phải rồi !" Kẻ say xỉn lại nói "Có phải giá con nai nhỏ là một đồng tiền phải chăng ?" Thợ săn đáp "Đúng vậy !" Kẻ say xỉn nói "Nếu là như thế thì Ngài hãy lấy con nhỏ này đi, và lấy con lớn ấy cho Tôi vậy !" Thế là, kẻ say xỉn ấy đã lấy con nai nhỏ trả lại cho thợ săn, và đã cầm lấy con lớn rảo bước đi, mà chẳng phải trả thêm một đồng tiền nào nữa đến cho người thợ săn." Như vậy, hành động tạo tác của kẻ say xỉn ấy đã được gọi là **Thủ Đoạn Thâu Đạo** rồi vậy.

THẨM XÉT VIỆC KẺ TRỘM THUYỀN MÀ BẤT XÂM PHẠM NGHIỆP ĐẠO

Có một nam nhân trông thấy chiếc thuyền đang đỗ ở bờ sông, tâm trí liền nghĩ suy sẽ trộm lấy chiếc thuyền ấy đi. Thế rồi, kẻ ấy đã lẻn vào trong thuyền, và đã trương một cái ô dù hoặc một tấm vải thật to ra, để làm thành chiếc buồm, và đã lái thuyền ấy ra đi, mà chẳng có dùng một cây sào hoặc cây chèo nào cả. Khi thuyền chạy đi được một đỗi đến một bến sông nọ, thế là đã ghé tạt vào và đã bảo bán chiếc thuyền ấy đến một người đang ở trên bến đỗ ấy. Khi đã thỏa thuận xong xuôi giá cả và đã bán được chiếc thuyền ấy. Như vậy, kẻ ấy

sẽ được gọi là một tên đạo tặc hay không ? Giải đáp rằng: "Kẻ ấy vẫn chưa Xâm Phạm Nghiệp Đạo Thâu Đạo." Tuy nhiên, nếu như chủ nhân được hay biết chiếc thuyền đã bị mất trộm, và kịp rượt đuổi theo thì sẽ đòi lại được chiếc thuyền ấy ngay. Nếu như kẻ trộm ấy đồng ý hoàn trả lại chiếc thuyền, hoặc lấy tiền để tính toán hoàn trả lại, thì cũng bất thành Thâu Đạo. Nếu như không hoàn trả lại chiếc thuyền hoặc không hoàn trả tiền lại cho chủ nhân, thì coi như đã Xâm Phạm Nghiệp Đạo Thâu Đạo. Hoặc nếu như chủ nhân được hay biết là chiếc thuyền ấy bị đánh mất đã lâu rồi và cũng đã có đi tìm mà không tìm ra được tên đạo tặc. Thế là, cũng tương tự như vậy, kẻ trộm ấy sẽ là Bất Xâm Phạm Thâu Đạo. Tại đây, là nương theo Tạng Luật thì không hội đủ về **Chi Phần Nỗ Lực (Aṅgapayoga)**, vì đã thiếu mất điều thứ tư, đó là "Thực hiện sự cố quyết để trộm cắp". Thế nhưng, nếu đã nói theo phần **Thành Ngữ dân gian (Vohāranaya)** thì kẻ ấy đã được gọi là tên đạo tặc. Câu chuyện này đã được Ngài Giáo Sư **Buddhaghosa** trình bày để ở trong Bộ Chú Giải Hoàn Bảo Tề Toàn **(Samantapāsādika Atthakathā)** nói rằng: **Yo pana tithe ṭhitanāvaṃ ārūhitvā theyyacitto arittena vā phiyena vā pājeti pārājikaṃ, sace pana chattaṃ vā paṇāmetvā cīvaraṃ vā pādehi akkamitvā hatthehi ukkhipitvā laṅkārasadisaṃ katvā vā taṃ gaṇhāpeti, balavā ca cāto āgamma nāvaṃ harati, vāteneva āhaṭā hoti, puggalassa natthi avahāro, payogo atthi so pana ṭhānācāvanapayogo na hoti, yadi pana taṃ nāvaṃ evaṃ gacchantiṃ pakatigamanaṃ upacchitvā aññaṃ disābhāgaṃ neti, pārājikaṃ, sayameva yaṃ kiñci gāmatitthaṃ sampattaṃ ṭhānā acāvento vikiṇitvā gacchati, nevatthi avahāro, bhaṇḍādeyyaṃ pana hoti - Dịch nghĩa là:** Kẻ có Tư Tâm Sở sẽ lén lên trên chiếc thuyền để trộm lấy mà chủ nhân đã đỗ ở bờ sông, rồi đã chạy lấy chiếc thuyền bằng việc chống sào hoặc chèo đi, thì kẻ ấy ắt hẳn đã phạm đến **Tội Bất Cộng Trụ - Āpattipārājika** rồi vậy. Nếu như chẳng có dùng sào hoặc dùng chèo, mà lại dùng chiếc ô dù hoặc căng vải ra làm thành chiếc buồm cho thuyền, và một khi có gió thổi đến rồi làm cho thuyền ấy đã chạy đi, là như vậy thì cũng vẫn chưa phát sinh **việc Thâu Đạo (Adinnādāna)** đến với kẻ ấy, vì lẽ cho dù quả thật có sự nỗ lực đi nữa, tuy nhiên sự nỗ lực này vẫn chưa thành **Cận Điểm Nỗ Lực (Ṭhānācāvanapayoga)** tức là "sự nỗ lực tác hành việc chuyển động" và thuyền đang chạy đi, là chính do bởi năng lực thường nhiên của gió thổi mà thôi. Nếu như kẻ ấy nỗ lực làm cho thuyền ấy chạy đi một cách dị thường, tức là nỗ lực làm cho thuyền chạy trở ra theo một hướng khác (nghịch chiều với gió thổi), thế là nắm chắc rằng kẻ ấy đã phạm đến "Tội Bất Cộng Trụ". Nếu như thuyền ấy đã chạy đi theo lẽ thường (thuận chiều gió thổi) cho đến một bến đỗ nọ, ở tại bất luận một thôn làng nào đó, và kẻ ấy đã xuống khỏi thuyền, và chẳng phải tác hành làm cho thuyền chuyển hướng đi theo một hướng nào khác, thế rồi đã bán chiếc thuyền ấy đi. Là như vậy cũng vẫn chưa phát sinh **việc Thâu Đạo (Adinnādāna)** đến với kẻ ấy, tuy nhiên đã được sắp thành **một kẻ các cá đạo tặc (Bhaṇḍatheyyapuggala)**, tức là thành "người sẽ phải trả nợ cho người ta." Nếu như chủ nhân đã hay biết chuyện, và đã đi đến để xin trả lại thì tất phải trả lại, hoặc phải dùng tiền để đền bù trả lại. Nếu như không hoàn trả lại theo bất luận một trường hợp nào cả, thì lúc bấy giờ đã hoàn thành Xâm Phạm Nghiệp Đạo ở phần Thâu Đạo rồi vậy.

3. TÍNH DỤC TÀ HẠNH (KĀMESUMICCHĀCĀRA - TÀ DÂM)

Từ ngữ nói rằng **Kāmesumicchārā** này, khi chiết tự thì có được ba từ ngữ, đó là: **Kāmesu + Micchā + Car. Kāmesu** = Trong việc tính giao (**Kāmesūti methunasamā cāresu – Tính Giao Phạm Dâm Hạnh), Micchā** = Hối Dâm, có nghĩa "chắc hẳn là bị tất cả các bậc Hiền Triết quở trách", **Cara** = Tác Hành (**Ekanta nindito lāmakācāro** – Nhất Định Quở Trách Hối Dâm Hạnh). Khi kết hợp lại với nhau thành **Kāmesumicchāra** dịch nghĩa là "Sự tác hành hối dâm trong việc tính giao."

Trình bày câu Chú Giải trong từ ngữ nói rằng **Kāmesumicchāra = Micchā caraṇaṃ = Micchācāro** - Sự tà hạnh, tức là sự tác hành hối dâm mà chắc hẳn bị tất cả các bậc Hiền Triết quở trách, gọi là Tà Hạnh.

Kāmesu micchācāro = Kāmesumicchācāro (Aluttasamāsa) – Sự tà hạnh tức là tác hành hối dâm trong việc tính giao mà chắc hẳn là bị tất cả các bậc Hiền Triết quở trách, được gọi là "Tính Dục Tà Hạnh".

Hoặc một trường hợp khác nữa: **Kāmesu micchā caranti etenāti = Kāmesu micchācāro** - Những người thường luôn tà hạnh trong việc tính giao với Pháp ấy, như thế Pháp mà thành tác nhân của sự tà hạnh trong việc tính giao ấy, được gọi là Tính Dục Tà Hạnh, tức là **Tư Tâm Sở Hối Dâm (Methunasavanacetanā)** phối hợp với Tâm Đồng Lực Tham **(Lobhajavana)**.

Giải thích rằng: Vợ Chồng hành xử với nhau ở trong tính dục, thì đã được nói rằng "không thành việc tác hành hối dâm", mà theo lệ thường của Thế Gian là sẽ không phải bị quở trách bởi các bậc Hiền Triết. Tuy nhiên, nếu như người Nữ hoặc Nam nào hành xử phạm hối dâm đối với người Nữ hoặc Nam mà chẳng phải là Chồng hoặc Vợ của mình, và người Nữ hoặc Nam ấy có Phụ Huynh hoặc người giám hộ gìn giữ, thì hành động tạo tác của người Nữ hoặc Nam ấy đã được nói rằng "đó là tác hành hối dâm" mà theo lệ thường của Thế Gian là sẽ phải bị các bậc Hiền Triết quở trách. Vì thế, Ngài Phụ Chú Giải Sư mới giải thích ở trong từ ngữ nói rằng **Micchācāra** là **Ekanta nindito lāmakācāro – Nhất Định Quở Trách Hối Dâm Hạnh** – Quả thật việc hành xử hối dâm thì chắc hẳn là phải bị tất cả các bậc Hiền Triết quở trách. Việc Xâm Phạm Tà Dâm đây, thì thường được thành tựu chỉ do bởi từ ở **Thân Nỗ Lực (Kāyapayoga)**, nghĩa là phải tác hành từ ở Thân, và chẳng phải do bởi bằng Lời nói hoặc bằng Ý nghĩ suy.

TRÌNH BÀY CHI PHÁP NỖ LỰC (PAYOGA – PHẤN ĐẤU) CỦA TÍNH DỤC TÀ HẠNH

Việc tạo tác thể loại Bất Thiện Tính Dục Tà Hạnh hình thành Xâm Phạm Nghiệp Đạo ấy cần phải phối hợp với bốn Chi Pháp, đó là:

1. Vật Thể Bất Khả Xâm Phạm (Agamaniyavatthu): Vật thể không nên dính líu vào hoặc liên quan đến.

2. Tâm Tư Kết Liên (Tasmiṃ sevanacittaṃ): Có tâm tư nghĩ tưởng sẽ tính giao ở trong vật thể ấy.

3. Nỗ Lực (Payogo): Có sự cố quyết để tính giao.

4. Đạo Hành Tạo Lập (Maggenamaggapaṭipatanti adhivāsaṃ): Có sự duyệt ý ở trong việc kết hợp đạo hành lẫn nhau.

Khi hành động tạo tác hội đủ cả bốn yếu tố như đã vừa đề cập đến ở tại đây, coi như thế là người ấy đã tác hành Xâm Phạm Nghiệp Đạo Tính Dục Tà Hạnh rồi. Thế nhưng, nếu như hành động tạo tác ấy đã không hội đủ cả bốn yếu tố, thì cũng bất thành tựu một Nghiệp Đạo. Như Ngài Phụ Chú Giải đã có trình bày câu kệ như sau:

Vatthuṃ agamanīyanca **Tasmiṃ sevanacittatā**
Payogo maggenamagga **Patipatyādhivāsanaṃ**
Iti kāmassa cattāro **Payogeko sāhatthiko.**

Dịch nghĩa là:

1/ Vật thể không nên dính líu vào hoặc liên quan đến.

2/ Có tâm tư nghĩ tưởng sẽ tính giao ở trong vật thể ấy.

3/ Có sự cố quyết để tính giao.

4/ Có sự duyệt ý ở trong việc kết hợp đạo hành lẫn nhau.

Cả bốn Chi Pháp này là thuộc vào Sự Nỗ Lực Tính Dục Tà Hạnh, vả lại chỉ có duy nhất một thể loại, đó là **Tự Chế Thủ Công Nỗ Lực (Sāhatthikapayoga)** - do bởi chính tự mình tác hành.

TRÌNH BÀY SỰ NHẬN XÉT CỦA CÁC BẬC GIÁO THỌ TRONG VẤN ĐỀ CẢ BỐN CHI PHÁP NÀY

Tất cả các vị **Giáo Thọ Dị Giáo (Apareācāriya)** nói rằng: Người có sự duyệt ý ở trong việc Tính Dục Tà Hạnh ấy, tuy nhiên tự bản thân lại không có vận dụng Sự Nỗ Lực ở trong việc tính giao ấy cho dù bất luận trường hợp nào, như vậy các Ngài nói rằng: "Kẻ ấy Bất Xâm Phạm Nghiệp Đạo, vì lẽ thiếu mất yếu tố thứ ba, là Sự Nỗ Lực **(Payogo)**". Thế nhưng, tất cả các vị **Nhất Ban Giáo Sư (Keciācāriya)** dứt khoát khẳng định rằng: "Cho dù kẻ ấy chẳng có vận dụng Sự Nỗ Lực ở trong việc tính giao đi nữa, mà nếu như kẻ ấy lại khởi sinh sự hoan hỷ vui theo, thì cũng coi như đã Xâm Phạm Nghiệp Đạo rồi." Vì lẽ các Ngài viện dẫn rằng: Thông thường hàng **Nữ Giới (Mātugāma)** thì đa số là người chẳng có vận dụng Sự Nỗ Lực, tuy nhiên cũng thường làm thành tựu sự việc ấy vậy.

Còn tất cả các vị Giáo Thọ khác nữa **(Aññeācāriya)** nói rằng: "Nếu như người đã làm thành tựu sự việc ấy mà chẳng có Sự Nỗ Lực, thì cũng không thiết yếu là phải trình bày đến hết cả bốn Chi Pháp phối hợp vào nhau, mà chỉ cần trình bày ba Chi Pháp ngần ấy thôi, và lấy Chi Pháp Nỗ Lực ấy ra cũng được". Thế nhưng, Ngài Chú Giải Sư **(Attha kathācāriya)** đã trình bày đủ cả bốn Chi Pháp ấy, với lý do này, Ngài mới trình bày điều

thứ ba với chủ ý để cho nhận thấy rằng **Sự Nỗ Lực (Payoga)** "phần nhiều là thường luôn hiện hữu". Vả lại ở trong Chi Pháp Nỗ Lực này thì chỉ có duy nhất một thể loại, đó là **Tự Chế Thủ Công Nỗ Lực (Sāhatthikapayoga)** - do bởi chính tự mình tác hành, và chẳng thể nào có được **Mệnh Lệnh Nỗ Lực (Āṇattikapayoga).**

TRÌNH BÀY TỘI LỖI CỦA TÍNH DỤC TÀ HẠNH THEO PHẦN CỰC ĐẠI TỘI (MAHĀSĀVAJJA) VÀ HY THIỂU TỘI (APPASĀVAJJA)

Kẻ xúc phạm đối với bậc có Đức Hạnh (**Sīladhamma** – sống trong Giới Pháp), và cho dù chẳng có sự đồng ý vui theo, thì kẻ xúc phạm ấy ắt hẳn là có Trọng Tội. Nếu như xúc phạm đối với người chẳng có đức hạnh, chẳng sống ở trong Giới Pháp, và cho dù chẳng có sự đồng ý vui theo, thì kẻ xúc phạm ấy ắt hẳn là chỉ có Khinh Tội. Nếu như xúc phạm với việc hành hạ bức hại xác thân của người, và cho dù kẻ bị hành hạ ấy sẽ chẳng phải là người có đức hạnh một cách đặc biệt đi nữa, thì kẻ xúc phạm ấy hẳn nhiên đã có Trọng Tội rồi. Nếu như cả hai phía đều có sự đồng ý với nhau thì ắt hẳn chỉ có Khinh Tội thôi. Giữa hạng **Phàm Phu (Puthujjana)** với **Bậc Thánh Nhân (Ariyapuggala)** ấy, và việc xúc phạm hạng Phàm Phu thì thường có tội nhẹ hơn là việc xúc phạm với Bậc Thánh Nhân. Giữa các Bậc Thánh Nhân với nhau, thì việc xúc phạm Bậc Thất Lai thường có tội nhẹ hơn là việc xúc phạm với Bậc Nhất Lai. Việc xúc phạm Bậc Nhất Lai thì thường có tội nhẹ hơn là việc xúc phạm với Bậc Bất Lai. Việc xúc phạm Bậc Bất Lai thì thường có tội nhẹ hơn là việc xúc phạm với ậc Vô Sinh.

Đối với việc xúc phạm Tính Dục Tà Hạnh với Bậc Vô Sinh ấy, thường là có tội cực nghiêm trọng, chẳng hạn như tích truyện thanh niên **Nanda** đã xúc phạm đến vị Tỳ Khưu Ni **Uppalavaṇṇātherī** Ngài đã là Bậc Vô Sinh, ắt hẳn là phải bị thụ lãnh Trọng Tội, đã phải bị đất rút với mãnh lực từ Hiện Báo Nghiệp Lực **(Diṭṭhadhammavedanīyakamma)**. Và rồi lại phải bị đi tái sinh ở trong Vô Gián Đại Địa Ngục **(Avīcimahānaraka)**, phải bị thụ lãnh sự thống khổ muôn vạn đại kiếp do bởi mãnh lực từ Hậu Báo Nghiệp Lực **(Upapajjavedanīyakamma)**.

Lại nữa, trong cả bốn Chi Pháp ấy, với Chi thứ nhất **Vật Thể Bất Khả Xâm Phạm (Agamaniyavatthu)** là "vật thể không nên dính líu vào hoặc liên quan đến", đó chính là người Nữ hoặc Nam không nên dính líu hoặc liên quan đến.

Có 20 nhóm người Nữ hoặc Nam không nên dính líu vào, đó là:

Mā – Pi – Māme – Bha – Bhā – Nā – Go – Dhamma – Sa – Sā

Dha – Chan – Bho – Pa – O – O – Dha – Kamma – Dā – Muhā

1. Mẫu Thân Quản Hạt (Māturakkhitā): Người Nữ có người Mẹ trông nom, vì lẽ người Cha đã mất hoặc không được sống với người Mẹ.

2. Phụ Thân Quản Hạt (Piturakkhitā): Người Nữ có người Cha trông nom.

3. Phụ Mẫu Quản Hạt (Mātāmeturakkhitā): Người Nữ có Mẹ Cha trông nom. (Nếu như người Nữ chỉ có người Mẹ trông nom thì người Nữ ấy không được gọi là Phụ

Thân Quản Hạt. Nếu như người Nữ chỉ có người Cha trông nom thì người Nữ ấy không được gọi là Mẫu Thân Quản Hạt. Nếu như người Nữ ấy có cả Mẹ và Cha trông nom, thì người Nữ ấy cũng không được gọi là Mẫu Thân Quản Hạt, và Phụ Thân Quản Hạt, vì lẽ ở trong thuộc diện Phụ Mẫu Quản Hạt, tức là có được cả hai người Mẹ và Cha trông nom).

4. Tỷ Muội Quản Hạt (Bhaginīrakkhitā): Người Nữ có người Chị gái trông nom, hoặc người Em gái thành người trông coi gìn giữ.

5. Huynh Đệ Quản Hạt (Bhāturakkhitā): Người Nữ có người Anh trai trông nom, hoặc người Em trai thành người trông coi gìn giữ.

6. Gia Quyến Quản Hạt (Nātirakkhitā): Người Nữ có quyến thuộc thành người trông nom.

7. Tông Môn Quản Hạt (Gottarakkhitā): Người Nữ có cùng một gia tộc với nhau, hoặc cùng một dòng giống với nhau, thành người trông nom. (Chỗ nói rằng "cùng một dòng giống với nhau làm thành người trông nom" lập ý đến người Nữ đang sinh sống ở ngoại quốc và ở trong sự trông nom của người đồng hương với mình, như có tòa đại sứ, v.v.)

8. Giới Pháp Quản Hạt (Dhammarakkhitā): Người Nữ có người đồng Phạm Hạnh tiến tu Giới Pháp với nhau, làm thành người trông nom. Chẳng hạn như người Nữ xuất gia làm Nữ Tu thì có vị Trưởng Chúng (Ni Trưởng) làm thành người trông nom, v.v. Vì thế cho nên ở trong Bộ Phụ Chú Giải Cốt Yếu Giải Minh **(Sāratthadīpanīṭīkā)** đã có nói rằng: **Ekaṃ satthāraṃ uddissa pabbajitehīti iminā paṇḍaraṅga paribbājikā dayo dasseti - Dịch nghĩa là:** Ngài Chú Giải Sư đã có trình bày để được biết đến hạng **Nữ Tu Sĩ Lang Thang (Paribbājikā)** v.v. đã vấn mặc bạch y qua việc dùng từ ngữ nói rằng "Bậc đã xuất gia cống hiến bản thân mình đến Giáo Pháp của Đức Phật Chánh Đẳng Giác."

9. Quản Thúc (Saparidaṇḍā): Người Nữ đang bị nhà Vua hoặc người có quyền lực giam giữ. (Chẳng hạn như nhà chánh quyền đang giam giữ, không cho hành động theo ý muốn của mình).

10. Giám Hộ (Sārakkhā): Người Nữ đã có người cả quyết từ khi còn ở trong hoài thai (lệ tục tảo hôn) hoặc người Nữ là đôi lứa đã đính hôn. Cả hai nhóm người Nữ - Quản Thúc **(Saparidaṇḍā)** và Giám Hộ **(Sārakkhā)** đây, là hạng người Nữ đã không có được tự do, tức là đã có vị chủ nhân rồi. Nếu như tự bản thân lại ưa thích đem trao tặng xác thân cho đến nam nhân khác, thì chẳng khác gì tự bản thân đã trộm lấy của mình mà đã có chủ nhân tâng tiu quý trọng để đem cho đến người khác vậy. Như thế, người Nữ ấy coi như đã Xâm Phạm Tính Dục Tà Hạnh. Vì thế, Ngài Phụ Chú Giải Sư mới trình bày để ở trong Bộ Phụ Chú Giải Thập Tam Chương **(Terasakaṇḍaṭīkā)** nói rằng: **Pacchimānaṃ dvinnaṃ ti sārakkhā saparidaṇḍānaṃ micchācāro hoti tāsaṃ sassāmikabhāvato - Dịch nghĩa là:** "Hai hạng người Nữ ở đằng cuối, tức là Quản Thúc và Giám Hộ đây, nếu như đã đồng ý trao thân mình cho đến nam nhân khác thì coi như đã phạm Tà Hạnh, vì lẽ những hạng người Nữ này là người đã có chủ nhân rồi." Đối với người Nữ đã bị nhà nước trừng phạt giam giữ, và không được gọi là nhóm người Nữ thuộc diện Quản Thúc hoặc Giám Hộ, thì cho dù sẽ có nhà chức trách trông coi quản thúc và sự hiện hành cũng y như thể với nhóm người Nữ thuộc diện Mẫu Thân Quản Hạt, Phụ Thân Quản Hạt đi nữa, nếu là như thế mà nhóm người Nữ

này sẽ đem trao thân mình đến nam nhân nào, thì cũng không coi đó là Xâm Phạm Tính Dục Tà Hạnh.

11. Kim Tiền Mại Hôn (Dhanakkītā): Người Nữ mà có người Nam đến mua, chẳng hạn như người Nữ đã đến từ ở nước ngoài lại không có thủy cước phí. Khi đã đi đến quyết định rồi, thì chủ tàu đã sắp bày việc bán đấu giá người Nữ ấy, và đã có người Nam đến xuất tiền ra giải cứu người Nữ ấy đi. Hoặc người Nữ đã có nô lệ phí do bởi Mẹ Cha đem gả bán và có người Nam chủ nhân xuất tiền ra thanh toán để giải cứu người Nữ ấy đi, chẳng hạn như vầy; thế là nhóm người Nữ này đã được gọi là Kim Tiền Mại Hôn.

12. Đồng Thuận Trụ Hộ (Chandavāsinī): Người Nữ một cách tự nguyện đến ở với người Nam, chẳng hạn như người Nữ lân ái bất luận một người Nam nào đó mà Mẹ Cha đã bất duyệt ý gả cho. Người Nữ ấy đã bỏ trốn đi và ở với người Nam ấy; thế là nhóm người Nữ này đã được gọi là Đồng Thuận Trụ Hộ. Đối với người Nam lân ái nhóm người Nữ này để cho làm thành người vợ, thì không được gọi là Tính Dục Tà Hạnh.

13. Tài Sản Trụ Hộ (Bhogavāsinī): Người Nữ đồng ý làm vợ của người Nam do bởi lòng mong muốn ở trong tài sản của cải.

14. Y Phục Trụ Hộ (Paṭavāsinī): Người Nữ đồng ý làm vợ của người Nam do bởi lòng mong muốn ở trong vấn đề vấn mặc y phục.

15. Phong Tục Kết Hôn (Odapattaginī): Người Nữ làm vợ của người Nam với nghi thức của việc kết hôn bằng cách nắm lấy tay cô dâu và chú rể cho nhúng vào trong thau nước. Việc kết hôn theo nghi thức này, bậc Tôn Thượng phía cô dâu và chú rể đã cầm lấy tay của cô dâu và chú rể nhúng vào trong thau nước, và rồi ban lời chúc phúc đến cô dâu chú rể "xin được sống với sự tương thân tương ái thương yêu hòa hợp với nhau, xin đừng cho có sự chia rẽ cùng nhau giống như một với nước ở trong thau, xin sống tương hòa không có sự bất hòa sứt mẻ lẫn nhau." Đối với phụ nữ Thái Lan, ở trong việc kết hôn thì vị Trưởng Tộc đã thực hiện "Lễ Tăng Hội **(Saṅgha)** rót nước thành hôn lên trên tay của đôi tân hôn (sẽ bắt đầu vào lúc 4:00 PM)" ở trong nhóm người Nữ thuộc Phong Tục Kết Hôn.

16. Thoát Ly Giang Đài (Obhatasumbattā): Người Nữ làm vợ của người Nam bởi do người Nam ấy là vị cứu nhân cho thoát khỏi việc khuân vác hàng hóa đội ở trên đầu. Có ý nghĩa là nhóm người Nữ này là hạng người nghèo khổ đã vác đội hàng hóa đi bán buôn mỗi ngày. Một khi có người Nam phát sinh duyệt ý ở trong lòng với người Nữ ấy, đã tiếp đón và cấp dưỡng cho làm thành người vợ. Thế là người Nữ ấy coi như không còn phải vác đội hàng hóa đi bán nữa, và rồi, đã vứt bỏ đi hàng hóa đã chứa đựng ở trong các thùng chứa đựng.

17. Tù Binh (Dhajāhaṭā): Người Nữ đã là tù binh, rồi bắt làm vợ người Nam ấy.

18. Nô Bộc Thê (Kammakārībhariyā): Người Nữ đã là kẻ làm thuê mướn công việc ở trong nhà, hoặc ở trong cửa hàng, hãng xưởng của người Nam ấy, và rồi người Nam ấy lấy làm vợ.

19. Nô Lệ Thê (Dāsībhariyā): Người Nữ đã là kẻ tôi tớ ở bên trong nhà của người Nam ấy, rồi người Nam ấy đã lấy làm vợ.

20. Tạm Bất Khả Cửu (Muhuttikā): Người Nữ làm vợ của người Nam chỉ trong chốc lát chứ không có lâu dài.

Người Nữ làm vợ của chín nhóm người Nam, gồm có **Kim Tiền Mại Hôn (Dhanakkītā)** v.v. cho đến **Nô Lệ Thê (Dāsībhariyā)** ấy, một khi vẫn còn ở với người Nam ấy thì vẫn được gọi là người vợ chính thức; tuy nhiên đối với **Tạm Bất Khả Cửu Thê (Muhuttikā)** ấy, là hạng người vợ thuê mướn chỉ với thời gian là ba ngày, bảy ngày hoặc là một tháng mà thôi. Trong tất cả những 20 nhóm người Nữ ấy, thì tám nhóm người Nữ kể từ **Mẫu Thân Quản Hạt (Māturakkhitā)** v.v. cho đến **Giới Pháp Quản Hạt (Dhamma rakkhitā)**, những nhóm này vẫn chưa có được người chồng làm chủ nhân ở trong xác thân của mình, và chính tự bản thân làm chủ quyền ở trong xác thân của mình. Một khi duyệt ý ở trong người Nam nào rồi, thì sẽ trao tặng xác thân cho đến người Nam ấy, và việc thực hiện như vậy không có sai phạm ở trong điều Tính Dục Tà Hạnh. Cho dù sẽ có Mẹ Cha, anh chị em quyến thuộc, v.v. là người trông nom gìn giữ đi nữa, thì cũng chẳng phải là chủ nhân xác thân, mà đó chỉ là người bảo hộ trông nom, và không cho người Nam được đến hành hạ bắt nạt ngần ấy mà thôi. Tuy nhiên cho dù như thế nào, cho dù sẽ không có tội ở trong con đường Đạo Pháp đi nữa, nhưng ắt hẳn sẽ có tội ở trong con đường Thế Gian. Tức là ắt hẳn phải bị khinh miệt, và bị quở trách đối với tha nhân, sẽ dẫn đến sự xấu hổ, sự khổ tâm buồn lòng ở trong bản thân, và sẽ làm phát sinh điều Bất Thiện cho thành tác nhân dẫn đến sa đọa vào trong **Thống Khổ Địa Giới (Apāyabhūmi).**

Đối với phía người Nam mà đã có dính líu cùng với chín nhóm người Nữ đã vừa đề cập đến ở tại đây, thì coi như đã là việc Xâm Phạm Giới Điều Tính Dục Tà Hạnh. Còn những 12 nhóm người Nữ còn lại, gồm có **Quản Thúc (Saparidaṇḍā)** v.v., cho đến **Tạm Bất Khả Cửu (Muhuttikā)**, những hạng người Nữ này thì đã có chồng rồi, cho dù người Nữ thuộc nhóm **Tạm Bất Khả Cửu (Muhuttikā)** làm vợ của người Nam chỉ trong chốc lát chứ không có được lâu dài đi nữa, thì cũng coi giống như là đã có chồng vậy; và như thế, nếu như những nhóm người Nữ này ngoại tình người Chồng, tự trao thân cho người Nam khác; thế là đã xúc phạm rồi, và coi như đã Xâm Phạm Giới Điều Tính Dục Tà Hạnh rồi vậy. Đối với người Nữ thuộc nhóm kỷ nữ, nếu như có bất luận một người Nam nào đó đồng ý đi đến để đặt mua bằng cách đã trả tiền trước rồi, nhưng vẫn chưa được kết hợp cho hoàn thành chức nghiệp (chưa ngã ngũ việc ký kết hợp đồng), thì trong khoảng thời gian đó, nếu như người Nữ đó lại đồng ý đón nhận tiền thuê bao cùng với người Nam khác, thì coi như đã là việc Xâm Phạm Tính Dục Tà Hạnh rồi vậy. Cũng như Đức Phật Ngài đã có khải thuyết để ở trong Túc Sinh Truyện Giáo Pháp Tôn Sư (**Garudhammajataka – Kurudhamma**, số 276) đã đề cập đến tích truyện về một nàng kỷ nữ ở trong thành phố **Indapatta** thuộc Xứ **Kuru.**

Tích truyện được kể như sau: "Có một nàng kỷ nữ chấp trì đức hạnh rất tinh chuyên. Một hôm, Thiên Chủ Đế Thích **Sakka**, vì muốn thử đức hạnh của cô ta, liền hóa ra một nam nhân đến trao cho cô ta với một số tiền là một ngàn đồng tiền và đã nói rằng: "Chốc nữa, Ta sẽ trở lại !" Thế rồi, Ngài đã quay trở về Đao Lợi Thiên Giới, và suốt cả ba năm liền không xuống thăm viếng cô ta. Riêng nàng kỷ nữ ấy, vì giữ danh dự tiết hạnh, cũng suốt ba năm

qua đã không nhận dù chỉ một miếng trầu từ bất cứ một nam nhân nào cả. Dần dần, cô ta trở nên nghèo khổ, rồi chính tự nơi nàng đã thầm nghĩ "Nam nhân đã cho Ta một ngàn đồng kia, đã ba năm qua rồi không hề trở lại, và giờ đây Ta đã trở nên nghèo khổ. Ta không thể giữ gìn cả xác thân và tâm hồn cùng một lúc được nữa, nay Ta phải đến kể cho Ngài Phán Quan và sẽ đi kiếm tiền như trước đây." Thế là, cô ta đã đi đến Pháp Đường và nói rằng: "Cách đây ba năm, có một nam nhân đến cho Tôi một ngàn đồng rồi đã ra đi và chẳng hề trở lại. Tôi cũng không biết nam nhân ấy đã chết mất rồi hay chưa. Tôi không thể nào giữ trọn vừa xác thân lẫn tâm hồn của Tôi được nữa. Thưa Ngài, Tôi phải làm sao đây ?" Vị Phán Quan trả lời: "Nếu đã ba năm mà nam nhân ấy đã không trở lại thì ngươi phải làm gì ư ? Hãy đi kiếm tiền như trước kia đi !" Ngay sau khi cô ta rời Pháp Đường với lời phán quyết kia, thì có một nam nhân đi đến trao tặng cho cô ta một ngàn đồng. Trong khi nàng ta đang đưa tay ra nhận lấy thì Thiên Chủ Đế Thích lại hiện thành vị nam nhân nọ. Cô ta liền bảo rằng: "Đây chính là người đã cho Tôi một ngàn đồng vào ba năm trước đấy, Tôi không nên lấy tiền của ông." Thế rồi, cô ta đã rút tay lại. Bấy giờ, Thiên Chủ Đế Thích lại hiện nguyên hình của Ngài, rồi lại thị hiện ở trên hư không, sáng rực như ánh mặt trời mọc ở ban mai, và đã triệu tập cả thành phố tụ tập lại. Đứng giữa đám đông ở trên hư không, Ngài Đế Thích nói rằng: "Để thử lòng tốt của cô ta, cách đây ba năm, Ta đã trao cho nàng một ngàn đồng. Này hãy làm như cô ta, hãy biết gìn giữ lấy danh dự của các người như cô ta đã từng gìn giữ lấy danh dự của mình vậy." Sau lời khuyên bảo ấy, Ngài Đế thích đã ban cho nhà của nàng kỷ nữ ấy với đủ bảy thể loại ngọc ngà châu báu, và nói tiếp rằng: "Từ nay, hãy tỉnh giác hộ phòng !" Ngài đã khuyến bảo cô kỷ nữ như thế, và rồi đã quay trở về lại Thiên Giới. Riêng cô kỷ nữ đã nói với mọi người rằng: "Bởi vì trước kia, Tôi đã nhận số tiền của một nam nhân, thế mà sau đó lại đưa tay ra muốn nhận lấy tiền của một nam nhân khác nữa, thế là đức hạnh của Tôi đây đã không được toàn hảo ! Do đó, Tôi không thể nào truyền trao Giới Luật đến cho quý Ngài được." Nghe thế, mọi người đã bảo rằng: "Mới chỉ có đưa tay ra thôi thì đã không xâm phạm chi đến đức hạnh cả, và đức hạnh kia của cô quả thật là toàn hảo đệ nhất vậy !" (Cô kỷ nữ là tiền thân của Tỳ Khưu Ni **Uppalavaṇṇā**. Nội dung tích truyện được Đức Phật khuyến giáo về các bậc Hiền Triết xưa kia trước thời kỳ Đức Phật hiện hữu, mặc dù phải sống đời trần tục bất tịnh, nhưng họ đã luôn sám hối phát lồ về những điều rất nhỏ nhặt vi tế, và đã là một vị Tỳ Khưu thì phải biết tiết chế trong mọi hành động tạo tác về Thân, Lời nói và Ý nghĩ suy.)

Từ Vua, Thái Hậu kể đi,
Lại thêm Hoàng Hậu, kế vì Phó Vương,
Thầy tế tự, kẻ coi lương,
Người nài, cùng kẻ trên đường đánh xe.
Người coi kho báu chuyên bề,
Thêm người gác cổng, Ả nghề phấn son.
Mười người lẻ một vừa tròn,
Kuru Chánh Pháp cung tôn, giữ gìn.

Trong những 12 nhóm người Nữ này, chẳng phải chỉ sẽ nói rằng Xâm Phạm Tính Dục Tà Hạnh với người Nam khác, mà ngay cả sẽ Xâm Phạm với Hữu Tình Bàng Sinh là cũng không thể có được tương tự như nhau. Chẳng hạn như tích truyện về Hoàng Hậu **Mallikādevī** của Đức Vua **Pasenadikosala** đã xâm phạm tính dục với con chó ở trong buồng tắm, và khi mạng vong thì đã phải tái sinh ở trong Vô Gián Đại Địa Ngục **(Avīci mahānaraka)**.

Đối với phía người Nam, nếu như đã có người vợ thuộc bất luận một trong những 10 nhóm vợ, gồm có **Kim Tiền Mại Hôn (Dhanakkītā)** v.v. cho đến **Tạm Bất Khả Cửu Thê (Muhuttikā)** ấy, hoặc đôi lứa đã đính hôn thuộc nhóm **Giám Hộ (Sārakkhā)**, thế rồi sẽ ngoại tình người vợ hoặc với người đã đính hôn của mình, lại đi xâm phạm tính dục với người Nữ đã là vợ của một tha nhân, hoặc là người đã đính hôn của tha nhân; thế là không thể được, nếu đã hành động thì cũng coi như đã Xâm Phạm Tính Dục Tà Hạnh.

Tóm lại, người Nam không thể hành xử Xâm Phạm Tính Dục ở trong hết cả 20 nhóm người Nữ ấy. Và 12 nhóm người Nữ, gồm có **Quản Thúc (Saparidaṇḍā)** v.v. cho đến **Tạm Bất Khả Cửu (Muhuttikā)**, thì với những hạng người Nữ này sẽ không thể tự trao thân cho đến người Nam khác được. Và 8 nhóm người Nữ, gồm có **Mẫu Thân Quản Hạt (Māturakkhitā)** v.v. cho đến **Giới Pháp Quản Hạt (Dhammarakkhitā)**, với những hạng người Nữ này, nếu như một cách tự nguyện trao thân cho đến người Nam thì cũng không có sai phạm điều Tính Dục Tà Hạnh. Cũng như ở trong Bộ Chú Giải Đại Phẩm Tương Ưng **(Mahāvagga sampayutta Atthakathā)** và Bộ Phụ Chú Giải Thập Tam Chương **(Terasakaṇḍa ṭīkā)** nói rằng: **Purisassa pana tāsu vīsatīsu kāmesumicchācāro hoti, māturakkhitādīnaṃ aṭṭhannaṃ micchācāro natthi asāmikattā tāsu gatānaṃ purisānameva micchācāro hoti mātādīhi rakkhitattā, sesānaṃ pana purisantara gamane micchācāro hoti, kasmā sassāmikabhāvato - Dịch nghĩa là:** Đối với người Nam, nếu như xâm phạm tính dục ở trong 20 nhóm người Nữ ấy, thì ắt hẳn đã tạo thành Tính Dục Tà Hạnh Nghiệp Lực.

Tính Dục Tà Hạnh Nghiệp Lực thường không có đối với chín nhóm người Nữ, gồm có **Mẫu Thân Quản Hạt (Māturakkhitā)** v.v. cho đến **Giới Pháp Quản Hạt (Dhamma rakkhitā)**, vì lẽ vẫn chưa có Chồng. Tuy nhiên, người Nam mà dính líu chỉ với 8 nhóm người Nữ này, thì sẽ thành Tính Dục Tà Hạnh Nghiệp Lực, vì lẽ những hạng người Nữ này đã là người có Mẹ Cha v.v. trông nom gìn giữ. Còn 12 nhóm người Nữ còn lại ấy, một khi hành xử xâm phạm tính dục với người Nam khác, chẳng phải là Chồng của mình, thì hẳn nhiên đã là Tính Dục Tà Hạnh Nghiệp Lực, vì lẽ đã là người có Chồng trông nom gìn giữ.

NHỮNG CÂU VẤN HỎI ĐẶC BIỆT TRONG VIỆC TÍNH DỤC TÀ HẠNH

1. Ở bên trong phòng tối đen, người Nam xâm phạm tính dục với Vợ của tha nhân vì hiểu rằng đó là Vợ của mình, và người Nữ cũng không có cưỡng lại vì hiểu rằng đó là Chồng của mình.

2. Người Cha xâm phạm tính dục với con gái của mình.

3. Người Nam xâm phạm tính dục với nàng kỷ nữ.

4. Người Nam xâm phạm tính dục với loài Hữu Tình Bàng SInh thuộc giống cái.

5. Người Nam xâm phạm tính dục với người Nữ có tâm trí không tốt (mất trí).

6. Người Nam xâm phạm tính dục với người Nữ đã từ bỏ Chồng.

7. Người Nam xâm phạm tính dục theo lộ đại tiện **(Vaccamagga – Hậu Môn)** của người Nữ.

8. Người Nam xâm phạm tính dục cùng với người Nam.

9. Người Nữ xâm phạm tính dục cùng với người Nữ.

10. Người Nữ xâm phạm tính dục với loài Hữu Tình Bàng SInh thuộc giống đực.

Hành động tạo tác của mười thể loại người Nam và Nữ đây, có sẽ làm thành việc Xâm Phạm Tính Dục Tà Hạnh hay không ?

TIẾP THEO ĐÂY SẼ TUẦN TỰ THẨM XÉT TRONG NHỮNG ĐIỀU VẤN HỎI NÊU TRÊN

+ **Điều thứ nhất**: Cả hai người Nam và Nữ coi như đã Xâm Phạm Tính Dục Tà Hạnh, bởi vì đã hội đủ cả bốn Chi Pháp, gồm có **Vật Thể Bất Khả Xâm Phạm (Agamaniyavatthu)** là Vật thể không nên dính líu vào hoặc liên quan đến, v.v. Tuy nhiên lại không thành **Cực Đại Tội (Mahāsāvajja)** là vì không có Tư Tâm Sở để sẽ tác hành vụng trộm, vả lại cũng do bởi sự hiểu lầm mà thôi. Quả thật hành động tạo tác có đôi điều Ác Hạnh, cho dù đã Xâm Phạm Nghiệp Đạo đi nữa, nhưng tội lỗi ấy cũng chẳng phải là nghiêm trọng. Rằng một khi đã theo thực tính hiện hữu ở trong Tư Tâm Sở thì thành trọng đại, nếu như có Tư Tâm Sở xấu ác thì sẽ có Trọng Tội, và nếu như không có Tư Tâm Sở xấu ác thì sẽ là Khinh Tội.

+ **Điều thứ hai**: Nếu như người Nữ ấy vẫn đang còn có người Mẹ, thì người Cha đã Xâm Phạm Nghiệp Đạo. Nếu như không có người Mẹ là người đang trông nom gìn giữ, do bởi người Mẹ đã quá vãng hoặc đã không được ở với nhau, thì người Cha sẽ là Bất Xâm Phạm Nghiệp Đạo. Tuy nhiên Tư Tâm Sở này quá xấu xa, do đó ắt hẳn phải có tội nghiêm trọng. Nếu như người Nữ ấy không được ở với Mẹ Cha, mà lại ở với anh chị em quyến thuộc, hoặc ở trong trú xứ của Giáo Thọ hoặc của Nữ Tu, thì người Cha hành động như thế coi như đã Xâm Phạm Nghiệp Đạo.

+ **Điều thứ ba**: Nếu như người Nữ ấy có Chủ cơ sở là người trông nom gìn giữ, và Chủ cơ sở bất duyệt ý với người Nam ấy, thì coi như đã Xâm Phạm Nghiệp Đạo. Nếu như Chủ cơ sở ấy lại duyệt ý thì sẽ là Bất Xâm Phạm Nghiệp Đạo.

+ **Điều thứ tư**: Nếu như loài Hữu Tình Bàng Sinh thuộc giống cái ấy có đôi cặp dính liền nhau không xen lẫn, hoặc có Mẹ Cha là người đang trông nom gìn giữ, thì người Nam ấy đã Xâm Phạm Nghiệp Đạo. Nếu như loài Hữu Tình ấy không có ai trông nom gìn giữ như đã vừa đề cập đến, thì sẽ là Bất Xâm Phạm Nghiệp Đạo.

+ **Điều thứ năm**: Nếu như người Nữ có tâm trí không tốt (mất trí) ấy có người trông nom gìn giữ, thì người Nam ấy đã Xâm Phạm Nghiệp Đạo. Nếu như người Nữ ấy lại không có người trông nom gìn giữ, thì sẽ là Bất Xâm Phạm Nghiệp Đạo.

+ **Điều thứ sáu**: Với người Nữ đã từ bỏ Chồng, và nếu như người Chồng đã ruồng bỏ mà không có lý do thích đáng, thì cả hai phía Nam và Nữ ấy coi như đã Bất Xâm Phạm Nghiệp Đạo. Nếu như người Chồng vẫn đang còn lui tới liên lạc với nhau, hoặc không có được lui tới với nhau nhưng vẫn đang còn trợ cấp nuôi dưỡng, thì cả hai phía Nam và Nữ ấy coi như đã Xâm Phạm Nghiệp Đạo.

+ **Điều thứ bảy**: Nếu như người Nữ ấy là vợ của mình thì sẽ là Bất Xâm Phạm Nghiệp Đạo. Nếu như chẳng phải là vợ của mình, thì đã Xâm Phạm Nghiệp Đạo rồi.

+ **Điều thứ tám**: Bất luận trường hợp nào thì cũng không coi là việc Xâm Phạm Tính Dục Tà Hạnh Nghiệp Lực, bởi vì chẳng phải là **Vật Thể Bất Khả Xâm Phạm (Agamaniyavatthu)** là Vật thể không nên dính líu vào hoặc liên quan đến, mà chỉ được gọi là "hành xử sai trật thuộc **Tà Hạnh Pháp**" **(Micchādhammā)** ngần ấy thôi.

+ **Điều thứ chín**: Không coi là việc Xâm Phạm Tính Dục Tà Hạnh, tương tự với điều thứ tám.

+ **Điều thứ mười**: Nếu như người Nữ ấy có Chồng hoặc có đôi lứa đã đính hôn rồi, thì coi như đã Xâm Phạm Nghiệp Đạo. Nếu như người Nữ ấy độc lập, thì sẽ không coi là Xâm Phạm Nghiệp Đạo.

VIỆC ẨM TỬU ĐÃ ĐƯỢC LIỆT KÊ VÀO TRONG TÍNH DỤC TÀ HẠNH VÀ THẬP BẤT THIỆN NGHIỆP ĐẠO

Việc uống rượu mà gọi là **Ẩm Tửu (Sūrapāna)**, tức là Tư Tâm Sở làm thành tác nhân ở việc uống rượu. Ẩm Tửu đây, Đức Phật đã lập ý chế định cho thành một điều giới luật ở trong số lượng của Ngũ Giới, và đã được trình bày tội lỗi một cách nghiêm trọng của việc uống rượu để ở trong Chánh Tạng **Pāḷi** Tăng Chi Bộ Kinh nói rằng: **Surāmeraya pānaṃ bhikkhave asevitaṃ bhāvitaṃ bahulìkataṃ nirayasaṃvattanikaṃ tiracchāna yonisaṃvattanikaṃ pettivisaya saṃvattanikaṃ. Yo ca sabbalahuko surāmeraya pānassa vipāko so manussa bhūtassa ummattakasaṃvattanikaṃ hoti - Dịch nghĩa là:** Này Chư Tỳ Khưu, việc uống rượu và các chất say đây, một khi đã uống một cách thường xuyên, uống với số lượng nhiều vào, và uống rất nhiều lần vào, thì ắt hẳn có khả năng dẫn dắt đi đến Cõi Địa Ngục, Cõi Bàng Sinh, Cõi Ngạ Quỷ. Tội lỗi của việc uống rượu thì vô cùng khinh thiểu. Một khi có được cơ hội được tái sinh làm Nhân Loại, thì với các Thiện Nghiệp khác, người ấy thường là kẻ điên cuồng.

Tuy nhiên tại làm sao việc uống rượu đây, mới không được sắp vào ở trong Thập Bất Thiện Nghiệp Đạo ?

Giải thích rằng: Việc uống rượu đây, với bất luận trường hợp nào nếu như người uống đã không có tạo tác **Ác Hạnh (Duccarita)** về Thân, Lời và Ý, uống chỉ là để có sự hoan hỷ và vui thích ngần ấy thôi, thì cũng tương đồng với sự hoan hỷ ở trong **Dục Trần**

(Kāmaguṇa) có **Cảnh Vị (Rasārammaṇa)** vậy. Cũng tương tự với người đã phạm dâm hạnh, bởi vì người đã phạm dâm hạnh thì thường có sự vui thích ở trong Dục Trần, đó là **Cảnh Xúc (Phoṭṭhabbārammaṇa)** và **Cảnh Vị (Rasārammaṇa)** cùng với Cảnh Xúc mà có liên quan với việc uống rượu. Và việc phạm dâm hạnh này, hiện thực chính là **Cảnh Dục Trần (Kāmaguṇārammaṇa)**. Vì thế, người uống rượu một khi vẫn chưa tạo tác Ác Hạnh, thì đã được liệt kê vào ở trong điều **Tính Dục Tà Hạnh (Kāmesumicchācāra)** với ý nghĩa là "Tà Hạnh ở trong Cảnh Dục Trần" **(Kāmesu: Tính Dục + Micchācāro: Tà Hạnh).** Và việc uống rượu đây, đã làm thành tác nhân đối với việc tạo tác từng mỗi điều Ác Hạnh. Cho dù người ấy sẽ là người rõ biết về **Sự Hổ Thẹn (Tàm),** rõ biết về **Sự Ghê Sợ (Quý)** đối với hành động tạo tác các điều xấu ác đi nữa; tuy nhiên nếu như đã được uống rượu vào cho đến đỗi phát sinh sự chếnh choáng ngà ngà say, thế là đã từng có Tàm cũng thành Vô Tàm, đã từng có Quý cũng thành Vô Quý, đã từng e ngại cũng không còn e ngại, và thường có khả năng thực hiện đủ các thể loại Ác Hạnh với mãnh lực của rượu ấy vào. Do thế, người uống rượu một khi đã tạo tác ở trong điều Ác Hạnh nào rồi, thì thường được liệt kê vào ở trong Bất Thiện Nghiệp Đạo, một khi điều ấy đã được hoàn thành ở trong tự bản thân. Chẳng hạn như đã uống rượu vào, rồi sát tử loài Hữu Tình thì được liệt kê vào ở trong điều **Sát Tử (Pāṇātipāta)**. Nếu như việc nói dối thì cũng được liệt kê vào ở trong điều **Vọng Ngữ (Musāvāda)**. Nếu như việc nghĩ suy sẽ lấy của cải của tha nhân cho làm thành tài sản của mình một cách Bất Chánh Pháp thì cũng được liệt kê vào ở trong điều **Tham Ác (Abhijjhā)**, chẳng hạn như vầy. Với lý do này, Đức Phật mới không có lập ý trình bày một cách riêng biệt ở trong phần Bất Thiện Nghiệp Đạo.

Vì thế, Ngài Trưởng Lão **Ānanda** mới trình bày để ở trong Bộ Phụ Chú Giải Căn Gốc **(Mūlaṭīkā)** nói rằng: **Tassa sabhāgattena micchācāre, upakārakattena dasasu pi kammapathesu anuppaveso hoti - Dịch nghĩa là:** Việc uống rượu đây thuận tùng vào ở trong Tính Dục Tà Hạnh, là vì có thực tính tương tự với Tính Dục Tà Hạnh. Vả lại thuận tùng vào ở trong Thập Bất Thiện Nghiệp Đạo, là vì giúp đỡ ủng hộ cho hoàn thành Thập Bất Thiện Nghiệp Đạo. Trong Bộ Phụ Chú Giải Minh Nghĩa **(Vibhāvanīṭīkā)** và trong Bộ Phụ Chú Giải Vô Ngại Giải Đạo **(Paṭisambhidāmaggaṭīkā)** đã có được đề cập đến rằng: **Surāpānaṃ pi ettheva saṅgayhatīti vadanti rasasaṅkhātesu kāmesumicchācāra bhāvato - Dịch nghĩa là:** Tất cả bậc Giáo Thọ Sư nói rằng việc uống rượu thì đã được liệt kê vào ở trong Tính Dục Tà Hạnh, là vì có tà hạnh ở trong tính dục, tức là Cảnh Vị.

Surāpānaṃ hi madassa paccayo, mado apuññapathassa hoti - Việc uống rượu làm thành tác nhân cho việc say sưa, và việc say sưa này làm thành tác nhân cho việc tạo tác Thập Bất Thiện Nghiệp Đạo.

Lại nữa, việc uống rượu đã làm cho thành tựu hai thể loại **Sự Vụ (Kicca),** đó là:

1. Tái Sinh Xuất Sinh Sự Vụ (Paṭisandhijananakicca): Sự Vụ làm cho tái sinh ở trong Địa Ngục Địa Giới.

2. Nghiệp Lực Xuất Sinh Sự Vụ (Kammajananakicca): Sự Vụ làm cho thành tựu hành động tạo tác Ác Hạnh.

Trong cả hai thể loại Sự Vụ này, Nghiệp Lực Xuất Sinh Sự Vụ có năng lực dũng mãnh hơn Tái Sinh Xuất Sinh Sự Vụ, và có việc thúc đẩy lôi kéo cho tạo tác các Tà Mạng Ác Hạnh (**Duccaritadūrajīva**). Như thế, ở trong Chánh Tạng **Pāḷi** đã có trình bày để ở trong Túc Sinh Truyện Bình Nước (**Kumbhajataka**, số 512), đã có đề cập đến tác nhân làm cho phải sa đọa vào Địa Ngục Địa Giới bởi do hành động tạo tác ở phần Nghiệp Lực Xuất Sinh Sự Vụ rằng:

Yaṃ ve pivitvā duccaritaṃ caranti Kāyena vācāya ca cetasā ca
Nirayaṃ vajanti duccaritaṃ caritvā Tasmā puṇṇaṃ kumbhamimaṃ kiṇātha

Dịch nghĩa là: Này tất cả các Ngài, tất cả người dân đã uống rượu này vào rồi, thì đoan chắc hẳn là tạo tác Ác Hạnh với Thân, Lời và Ý. Một khi đã tạo tác Ác Hạnh rồi, thì những hạng người dân này, chẳng có nghi ngờ chi cả, ắt hẳn phải tái sinh ở trong Địa Ngục Địa Giới. Xin tất cả Quý Ngài hãy mua bình chứa đầy chất rượu cay có rất nhiều công dụng như đã vừa nói đến đây.

(Câu kệ này là kệ ngâm của Ngài Thiên Chủ **Indra** (Đế Thích) đã tự biến hóa ra thành một vị lái buôn bán rượu, đã xuống đến Cõi Nhân Loại và đã miêu tả công năng của loại rượu mạnh.)

"Bình không đựng lạc, chẳng dầu hương,
Chẳng phải mật ong, chẳng mía đường !
Song chuyện xấu ác không kể xiết,
Chứa đầy trong bụng quả bầu lường.
Ai uống, tội thay kẻ dại khờ,
Sẽ chìm trong hố thẳm đen dơ,
Đâm đầu trong vũng bùn ghê tởm,
Ăn phải vật xưa đã nguyện chừa.
Đại Đế, xin mua bình rượu nặng,
Đầy lên tận miệng, của nhà Ta.
Rượu vào, trí đảo lộn quay cuồng,
Như chú bò ăn cỏ lạc đường !
Tâm trí phiêu diêu, người lảo đảo,
Múa men ca hát suốt ngày trường.
Bình Ta đầy rượu tràn lên miệng,
Cực mạnh mua ngay, hỡi Đại Vương !
Người uống rượu trơ trẽn chạy rong,
Khắp thành, như Ẩn Sĩ trần truồng,
Đến khuya nằm nghỉ, liền đâm hoảng,
Quên cả thì giờ phải ngã lưng.
Bình rượu Ta đầy lên tận miệng,
Cực nồng, mua lấy, hỡi Quân Vương !
Bợm rượu, như người hoảng múa men,
Ngã nghiêng, dường chẳng đứng ngồi yên.

Tay chân run rẩy, đầu co giật,
Như nộm gỗ nhờ tay kéo lên, Đại Đế, mua đi bình rượu đó,
Đầy lên tận miệng, rượu cay men.
Bợm rượu bị thiêu đốt ruột gan,
Hoặc làm mồi lũ chó rừng hoang,
Dấn thân tù ngục hay Thần Chết,
Còn phải chịu hao tốn bạc vàng !
Bình rượu Ta đầy lên tận miệng,
Cực nồng, mua lấy, hỡi Vương Quân !
Túy Ông mất hết vẻ thanh tao,
Trò chuyện những điều bẩn thỉu sao !
Ngồi đứng trần truồng cùng đám bạn,
Mọi đàng ô trọc, bệnh lao đao,
Bình Ta đầy rượu tràn lên miệng,
Cực mạnh, Quân Vương hãy lấy vào !
Kẻ uống thường hay thói tự cao,
Nhãn quang chẳng sáng suốt đâu nào.
"Thế gian của Ta", lòng thầm nghĩ,
Chẳng có Vua nào sánh kịp đâu !
Rượu nồng là thứ đại kiêu căng,
Ác Quỷ nhát gan tựa nhộng trần,
Kết hợp đánh nhau và phỉ báng,
Ấy nhà cho trộm, điếm dung thân !
Dù gia đình có thật giàu sang,
Hưởng thọ kho vô sống bạc vàng,
Giữ của trời cho phong phú nhất,
Rượu này cũng sẽ phá tan hoang !
Bạc vàng, đồ đạc ở trong nhà,
Đồng ruộng, trâu bò, thóc vựa kho,
Ta sợ tiêu vong vì rượu mạnh,
Là mầm suy sụp của toàn gia.
Túy Ông đầy nặng tính kiêu căng,
Phỉ báng cả hai bậc Lão Thân,
Thách đố bà con cùng máu huyết,
Dám làm ô uế mối hôn nhân !
Nữ nhân uống rượu cũng kiêu căng,
Phỉ báng Chồng mình lẫn Phụ Thân.
Bất chấp thanh danh nhà quý tộc,
Biến thành nô lệ tính điên khùng.
Bợm rượu, gan liều dám sát nhân,

Sa Môn chân chính, Bà La Môn,
Rồi trong mọi Cõi Đời đau khổ,
Hối tiếc hành vi quá bạo tàn !
Rượu vào, phạm Ác Nghiệp ba phần:
Lời nói, việc làm, với ý tâm.
Địa Ngục chìm sâu đầy khổ não,
Vì hành động ác tạo sai lầm.
Có kẻ, người năn nỉ uổng công,
Dù đem dâng mấy đống vàng ròng,
Khi say, chúng dụ theo đường chúng,
Lời dối tuôn ra cũng sẵn lòng.
Ví người say giữ việc thông tin,
Gặp cảnh gian nguy đến đột nhiên,
Hãy ngắm ! Kẻ này thề thốt nặng:
"Việc này tâm trí chợt quên liền !"
Ngay người thanh lịch nhất, khi say
Cũng hóa ra phường tục tĩu ngay.
Đệ nhất túy nhân mà túy lúy,
Cũng huyên thuyên nói xuẩn ngu đầy !
Uống nhiều, nhịn đói, ngã chơi vơi,
Đất cứng trần là chỗ nghỉ ngơi,
Lúc nhúc trẽn trơ như lũ lợn,
Chịu bao nhục nhã nhất trên đời.
Như bò, bị đánh ngã trên sàn,
La liệt nằm từng đống hỗn mang,
Ngọn lửa chứa trong men rượu nặng,
Sức người không thể sánh ngang bằng !
Mọi người kinh hoảng vội lùi ra,
Tránh độc dược kia tựa độc xà !
Dũng sĩ to gan nào giải khát,
Cho mình bằng rượu giết người ta ?
Ta chắc sau khi uống rượu nồng,
Anh Nha Tộc, với Vrish Ni cùng,
Lang thang bờ biển, rồi nhào xuống,
Vì chiếc chùy kia của họ hàng.
Tiên say bị đọa khỏi cung Trời,
Thần lực mất liền, Đại Đế ơi !
Ai muốn nếm mùi ghê tởm ấy,
Mua đi bình rượu của nhà tôi !
Chẳng phải sữa chua, mật ngọt đây,

Song Ngài luôn nhớ mãi từ nay.
Cái gì, chứa đựng trong bầu ấy,
Đại Đế, xin mua lấy rượu này !"

(Tích truyện này, Đức Phật lập ý khải thuyết nói đến việc uống rượu mạnh đã xâm phạm đến thanh danh và lương tâm của con người !)

"Ở đây không phải chốn vui cười,
Lửa dục đốt tan mọi cảnh đời,
Sao mãi chìm thân trong bóng tối,
Không tìm ngọn đuốc nẻo đường soi ?"

Đối với Tái Sinh Xuất Sinh Sự Vụ của việc uống rượu ấy, lập ý lấy **Tư Tiền (Pubbacetanā)**, tức là Tư Tâm Sở khởi sinh lên trước tác hành **Tà Mạng Ác Hạnh (Duccaritadūrajīva)**, với ý nghĩa chính là việc thúc đẩy lôi kéo cho tạo tác Ác Hạnh hữu quan đến việc uống rượu. Tuy nhiên điều này quả là bất định, là vì nếu như người đã có việc thúc đẩy lôi kéo khiến cho khởi sinh tạo tác Ác Hạnh, thế nhưng người ấy lại chẳng có tạo tác điều Ác Hạnh nào cả, thì coi như Tư Tiền ấy chẳng có khả năng dắt dẫn cho phải sa đọa vào Địa Ngục Địa Giới được. Nếu như người đã uống rượu vào, và rồi đi theo mãnh lực của Tư Tiền qua việc thúc đẩy lôi kéo để tạo tác Ác Hạnh, thế là chính Tư Tiền ấy có khả năng dắt dẫn cho phải sa đọa vào Địa Ngục Địa Giới, được tính kể từ kiếp sống thứ ba trở đi. Có nghĩa là việc uống rượu này, nếu như Tái Sinh Xuất Sinh Sự Vụ đã hoàn thành xong, thì coi như đã thành tựu Bất Thiện Nghiệp Đạo. Nếu như Tái Sinh Xuất Sinh Sự Vụ vẫn chưa hoàn thành xong, thì coi như vẫn chưa thành tựu Bất Thiện Nghiệp Đạo, và chính điều bất định là ở tại đây. Với lý do này, Đức Phật Ngài mới không có lập ý lấy việc uống rượu sắp vào ở trong Thập Bất Thiện Nghiệp Đạo.

Cũng như ở trong Bộ Chú Giải và Bộ Phụ Chú Giải Vô Ngại Giải Đạo **(Paṭi sambhidāmagga Atthakathā ca Ṭīkā)** đã có trình bày nói rằng:

Kusalākusalā pi ca paṭisandhikanakāyeva kammapathāti vuttā, vuttā vasesā paṭisandhijanane anekantikattā kammapathāti na vuttā (Atthakathā).

Vuttāvasesāti surāpānādayo tabbirammaṇādayo ca (Ṭīkā).

Dịch nghĩa là: Chỉ có Thiện tức là Thân Thiện Hạnh v.v. và Bất Thiện có Thân Ác Hạnh v.v. mới làm cho khởi sinh Tái Sinh ngần ấy thôi. Nên khi nói rằng "làm thành Thiện và Bất Thiện Nghiệp Đạo" với Thiện tức là việc thoát khỏi việc uống rượu, v.v. và Bất Thiện tức là việc uống rượu, v.v. Còn những phần còn lại đã không có đề cập đến là Thiện và Bất Thiện Nghiệp Đạo, vì những thể loại Nghiệp Lực này là bất định ở trong việc trổ sinh quả báo Tái Sinh."

Từ ngữ nói rằng **Vuttāvasesā** ấy, tức là việc uống rượu, hút thuốc phiện, đánh cờ bạc, xem hát tuồng biểu diễn, diễn tuồng hát, v.v. và việc thoát khỏi sự uống rượu, thoát khỏi hút thuốc phiện, thoát khỏi việc đánh cờ bạc, thoát khỏi việc diễn tuồng hát, thoát khỏi việc xem hát tuồng biểu diễn, v.v. Lại nữa, ở trong phần Chánh Tạng Luật **Pāḷi** và Chú Giải Ưng Đối Trị **(Pācittiya)** đã có trình bày nói rằng: **Surāmerayapāne pācittiyaṃ** – Việc uống rượu và chất say là phạm vào Tội Ưng Đối Trị (điều 51/92).

Acittakaṃ lokavajjaṃ akusalacittaṃ, majjapānaṃ sāmaṇerānaṃ pārājika vatthu - Việc uống rượu của vị Tỳ Khưu, cho dù rõ biết hay không rõ biết đi nữa, hẳn nhiên đã là phạm vào **Tội Ưng Đối Trị,** và tội lỗi ở trong con đường Thế Tục thì hữu quan với Tâm Bất Thiện. Việc uống rượu của vị Sa Di, nếu như rõ biết đó là rượu thì có tội lên đến mức **Bất Cộng Trụ (Pārājika)**, tức là bị tẫn xuất khỏi Đạo Hạnh Sa Di.

VIỆC ẨM TỬU CỦA TẤT CẢ NHÂN LOẠI HIỆN HỮU Ở BỐN THỂ LOẠI:

1. Uống rượu: hòa trộn ở trong thuốc hoặc ở trong vật thực.
2. Uống rượu: luôn luôn nghĩ rằng là thuốc.
3. Uống rượu: vì ưa thích.
4. Uống rượu: để cho Tâm táo tợn ở trong hành động tạo tác Ác Hạnh.

+ Việc uống rượu ở thể loại một và hai, thì thuộc Khinh Tội, vì có Tư Tâm Sở để sẽ chữa bệnh, là ở thể loại thứ nhất. Tuy nhiên ở thể loại thứ hai, nếu là vị Tỳ Khưu thì sẽ phạm vào Tội Ưng Đối Trị. Nếu là người cư sĩ thì sẽ đứt mất ngũ giới thuộc Giới Bổn cá nhân của hàng cư sĩ tại gia. Nếu là Bát Giới thì sẽ mất đi Bát Giới. Nếu là Sa Di thì sẽ mất đi Thập Giới. Như thế, người đã có chủ tâm tự trau giồi ở trong Giới Luật thì không nên uống rượu.

+ Việc uống rượu ở thể loại thứ ba thì thuộc **Trọng Tội,** vì sẽ thành **kẻ Tà Hạnh (Micchācāra)** ở trong **Cảnh Vị (Rasārammaṇa)** thuộc phần Tính Dục, với Trọng Tội là như thế, và người khác không thể nào biết được, chỉ có duy nhất là Bậc Chánh Đẳng Giác ngần ấy thôi. Và người đã có sự ưa thích uống rượu rồi, một khi đã uống được một lần hoặc hai lần, thì quả là khó để mà ngưng không thể uống nữa được, và lòng chỉ khao khát muốn được uống mãi mãi, thật khó mà dứt bỏ được.

Cũng như Đức Phật Ngài đã có lập ý trình bày để ở trong Chánh Tạng **Pāḷi** Tăng Chi Bộ Kinh **(Aṅguttara)** nói rằng: **Tiṇṇaṃ bhikkhave paṭisevanāya natthi titti, katamesaṃ tiṇṇaṃ ? Soppassa bhikkhave paṭisevanāya natthi titti, surāmeraya pānassa bhikkhave paṭisevanāya natthi titti, methunadhamma samāpattiyā bhikkhave paṭisevanāya natthi titti, imesaṃ bhikkhave tiṇṇaṃ paṭisevanāya natthi tittīti** - Này tất cả Chư Tỳ Khưu, nên biết **Tam Thường Bất Túc** trong việc thụ hưởng. Thế nào là **Tam Thường Bất Túc** ? Này tất cả Chư Tỳ Khưu, **bất túc ở trong việc ngủ nghỉ, bất túc ở trong việc uống rượu, và bất túc trong việc thụ hưởng tính giao.** Này tất cả Chư Tỳ Khưu, **Tam Thường Bất Túc** được có như đã được nói đến là như vầy.

Việc uống rượu thường làm cho phát sinh rất nhiều tổn hại, nói chi đến hàng người bình thường mà chí đến ngay cả ở hạng người có phẩm hạnh cao quý. Một khi đã được uống rượu vào rồi, thì thường làm cho phát sinh sự tổn hại thanh danh, phải bị thất lễ, thật là đáng hổ thẹn luôn cả phẩm hạnh đang có cũng phải bị tan biến đi. Chẳng hạn như ở trong thời kỳ của Đức Phật vẫn còn đang hiện hữu, có ngài Trưởng Lão **Sāgata** là vị Phàm Tăng đã có được Thắng Trí **(Abhiññā)** rất tinh thông. Một ngày, dân chúng **Kosambi** đã được tin rằng ngài Trưởng Lão **Sāgata** đã chiến thắng đối với vị Long Vương trong việc thi triển thần thông với nhau. Thế là, tất cả những dân chúng ấy mới phát tâm sùng tín, đã cùng nhau lấy

làm hân hạnh và vui mừng thỏa thích. Đến khi ngài Trưởng Lão **Sāgata** đi trì bình khất thực, mới rủ nhau đem lấy thực phẩm đến cúng dường, và đã có một vài người cũng đã lấy rượu cốt và chất say đến cúng dường luôn thể. Ngài Trưởng Lão **Sāgata** đã uống rượu ấy vào rồi, thì đã phát sinh chếnh choáng ngà ngà say. Khi quay trở lại sau khi đã trì bình khất thực, bước đến cổng thành thì không thể bước tiếp được nữa, đã té úp xuống ở ngay chính cổng thành ấy vậy, và Tuệ Thắng Trí mà đã có được kiến tạo cũng liền bị hoại hết cả. Ngay sát na ấy, Bậc Chánh Đẳng Giác Ngài, đã quay trở về sau khi đã trì bình khất thực cùng với Chư Tỳ Khưu Tăng tháp tùng theo. Ngài đã phóng tầm mắt của Ngài nhìn thấy ngài Trưởng Lão **Sāgata** đang nằm ngủ say, thế là đã truyền lệnh cho những Chư Tỳ Khưu ấy đi đến phụ giúp nhau, dìu dắt ngài Trưởng Lão **Sāgata** về đến Tu Viện, và đã cho đặt thân hình ở ngay phía trước Đức Phật. Chư Tỳ Khưu ấy đã phụ giúp nhau, nắm lấy thân hình ngài Trưởng Lão **Sāgata** cho nằm quay đầu lại hướng của Đức Phật đang ngồi. Thế nhưng, ngài Trưởng Lão **Sāgata** đang khi chếnh choáng ngà ngà say, mất đi Chánh Niệm, đã không xoay người lại cùng với diện mạo hướng về Đức Phật, và đã thể hiện **việc vô lễ bất kính (Agārava)** đến với Bậc Chánh Đẳng Giác. Với lý do này, Đức Phật mới lập ý lại chế định **(Paññatti)** thêm một điều giới luật nữa, nghiêm cấm Chư Tỳ Khưu uống rượu cốt và chất say, nếu như đã uống thì phạm vào **Tội Ưng Đối Trị (Āpattipācittiya)**.

+ Việc uống rượu ở thể loại thứ tư thì đã được sắp thành **Tư Tiền (Pubbacetanā)** có thực tính thúc đẩy lôi cuốn cho việc tạo tác bao Ác Hạnh thuộc phần **Tư Hiện (Muñca cetanā)** cho được khởi sinh lên, và như thế việc uống rượu ở thể loại thứ tư này, mới có khả năng dắt dẫn cho người ấy phải bị sa đọa vào ở trong Thống Khổ Địa Giới.

Ý NGHĨA VÀ PHÂN LOẠI CỦA VIỆC ẨM TỬU

Suraṃ janetīti = Surā - Vật thể nào thường làm cho kẻ ấy táo bạo đến mức liều lĩnh, như thế vật thể ấy gọi là Tửu Tinh **(Surā – Rượu Cốt).**

Rượu Cốt Hiện Hữu Năm Thể Loại, đó là:

1. Phấn Tửu Tinh (Piṭṭhasurā): Rượu được làm với bột gạo tẻ.

2. Điểm Phẩm Tửu Tinh (Pūpasurā): Rượu được làm với bánh, như bánh rượu nếp.

3. Phạn Tửu Tinh (Odanasurā): Rượu được làm với cơm tẻ.

4. Phát Diếu Tửu Tinh (Kiṇṇapakkhittasurā): Rượu được làm với bột men rượu, chất men rượu cũ.

5. Quả Phẩm Tửu Tinh (Sambhārasaṃyuttasurā): Rượu được làm với trái quả, như trái nho. Được làm nhiều thứ trái quả kết hợp lại, như ngâm một trái cây lâu ngày để làm thành rượu nồng cay.

Medaṃ janetīti = Merayaṃ - Vật thể nào thường làm chếnh choáng ngà ngà say, như thế vật thể ấy gọi là **Trầm Túy (Meraya – Chất Say).**

Trầm Túy Hiện Hữu Năm Thể Loại, đó là:

1. Hoa Mật Túy (Pupphāsava): Chất say được lấy từ những bông hoa để cho lên men.

2. Quả Phẩm Túy (Phalāsava): Chất say được lấy từ những trái cây để cho lên men.

3. Bồ Đào Túy (Madhavāsava): Chất say được lấy từ trái nho để cho lên men.

4. Giá Tương Túy (Guḷāsava): Chất say được lấy từ nước mía, nước đường để cho lên men.

5. Toan Dịch Túy (Sambhārasaṃyuttāsava): Chất say được lấy từ quả và bông me để cho lên men.

Cả hai thể loại rượu cốt và chất say này, cũng còn được gọi **Majja – Ma Túy Vật** vì thành tác nhân làm cho người uống phải bị chếnh choáng ngà ngà say. Hoặc một phần khác nữa, thuốc phiện, cần sa v.v., ngoài ra rượu cốt và chất say, cũng được gọi **Majja – Ma Túy Vật** vì những thể loại này làm cho người dùng vào phải bị lẩn tha lẩn thẩn. Như đã có trình bày để ở trong Bộ Chú Giải Tiểu Tụng Kinh **(Khuddakapāṭha Atthakathā)** và Bộ Chú Giải Đại Phẩm Tương Ưng **(Mahāvaggasampayutta Atthakathā)** nói rằng: **Majjanti tadeva ubhayaṃ, yaṃ vāpanaññampi surāsavavinimuttaṃ maddaniyaṃ** - Gọi là **Ma Túy Vật** đó chính là rượu cốt và chất say vậy. Hoặc một phần khác nữa là, vật thể nào - ngoài ra rượu cốt và chất say – mà có khả năng làm cho người dùng vào phải bị lẩn tha lẩn thẩn, vật thể ấy gọi là "Ma Túy Vật".

CÓ BỐN CHI PHÁP CỦA VIỆC UỐNG RƯỢU CỐT VÀ CHẤT SAY, Đó Là:

1. Thực Tính Túy Tửu (Surāmerayabhāvo): Vật thể làm thành rượu cốt và chất say.

2. Dục Cầu Ẩm Tửu (Pivitukāmatā): Có sự mong mỏi sẽ uống vào.

3. Ẩm Tửu (Pivanaṃ): Thực hiện việc uống vào.

4. Tửu Ma (Maddavaṃ): Có trạng thái chếnh choáng ngà ngà say.

Lại nữa, ở trong Bộ Chú Giải Kinh Tập **(Suttanipāta Atthakathā)** đã có trình bày đến điều tác hại tội lỗi của việc uống rượu, nói rằng: **Yasmā pana majjapayī atthaṃ na jānāti, dhammaṃ na jānāti, mātupi antarāyaṃ karoti, pitupi buddhapaccekabuddha tathāgatasāvakānampi antarāyaṃ karoti, diṭṭhadhamme ca garahaṃ samparāye ca duggatiṃ aparāpariyāye ummādaṃ pāpuṇāti - Dịch nghĩa là:** Người thường luôn uống rượu thì hẳn nhiên bất liễu tri quả, bất liễu tri nhân, thường luôn tạo tác điều tổn hại đến với tài sản của cải, hoặc đến mạng sống xác thân của người Mẹ, người Cha, Bậc Chánh Đẳng Giác, Bậc Độc Giác, và Chư Thinh Văn Giác. Trong khoảng thời gian vẫn còn sinh mạng, với Hiện Báo Nghiệp Lực thì thường phải đón nhận những lời chê trách phê bình từ ở các bậc Trí Giả và Chư Hiền Triết. Khi lìa khỏi cuộc đời này rồi, với Hậu Báo Nghiệp Lực thì thường phải bị sa đọa vào Khổ Thú Địa Giới. Đến kiếp sống thứ ba trở đi, với Hậu Hậu Báo

Nghiệp Lực thì kẻ ấy thành người có tâm thần bất định, tính khí thất thường và cuồng tâm loạn trí.

Với nguyên do như đã vừa đề cập ở tại đây, Ngài Đại Giáo Thọ Sư **Buddhaghosa** mới phân tích điều tác hại tội lỗi của việc uống rượu, đã nói rằng: **Apicettha surāmeraya majjapamādaṭṭhānameva mahāsāvajjaṃ na tathā pāṇātipātādayo kasmā manussa bhūtassapi ummattakabhāvasaṃvattanena ariyadhammantarāya karaṇato - Dịch nghĩa là:** Thành thật mà nói, khi nói đến đủ cả Ngũ Giới với việc uống rượu là tác nhân của sự phóng dật thì ắt hẳn có tội rất nhiều. Còn nói về Tứ Giới, từ điều Sát Tử v.v. thì những thể loại này không có nhiều tội giống như là việc uống rượu vậy, vì việc uống rượu và chất say đây, thường làm cho kẻ ấy phải bị si mê, đó đã là mối nguy hại đối với Đạo – Quả.

Chuyên cần là lộ miên trường,
Phóng dật là lộ đưa đường tử vong.
Chuyên cần quả bất tử vong,
Phóng dật như đã tiêu vong hẳn hòi.
Nếu biết tự thương cho mình,
Phòng lo kẻ trộm rập rình ngày đêm.
Năm canh sáu khắc chẳng quên,
Lòng luôn tỉnh thức kề bên trông chừng !

Việc uống rượu quả là rất đáng sợ hãi, vì lẽ người đã tạo ra bao điều Ác Hạnh, có những hành vi phạm pháp hoặc bất phạm pháp, đã và đang hiện bày ở thế gian này trong từng mỗi ngày đa phần là cũng do bởi từ tác nhân của rượu ra cả, thế nhưng con người là chủ yếu cố nhiên ở trong việc uống rượu. Do đó, mới giả vờ không nhìn thấy điều tác hại tội lỗi ấy đi. Hoặc giả dụ như sẽ thấy được điều tác hại ấy đi nữa, thế nhưng cũng không có khả năng để dám nói lên điều tác hại của việc uống rượu ấy vậy, vì lẽ bản thân mình đã ưa thích uống rồi. Hoặc giả như bản thân thì không có uống, thân bằng quyến thuộc của mình lại ưa thích uống, mới làm cho phát sinh sự vì nể mà không thể nào dám nói ra được. Với lý do này mà tất cả bậc Hiền Triết đã sánh rượu cốt này ví tựa như thủ lãnh bọn cướp và đã sai bảo bọn thuộc hạ tạo ra bao điều Ác Hạnh. Còn bản thân mình là kẻ chỉ huy và nếu như bọn thuộc hạ có phải bị bắt đi nữa, thì quả báo sẽ hiện bày là, với bọn thuộc hạ mà đã có tạo tác thì sẽ thành kẻ bị can thứ nhất, và thủ lãnh bọn cướp sẽ thành tên bị can thứ hai. Điều này như thế nào thì người đã uống rượu vào rồi tạo ra bao điều Ác Hạnh, quả báo mà kẻ ấy sẽ phải đón nhận ắt hẳn bị tái sinh vào trong Thống Khổ Địa Giới. Trong sự việc phải đi tái sinh ở trong Thống Khổ Địa Giới đây, Tư Tâm Sở hữu quan với việc tạo ra bao điều Ác Hạnh của kẻ ấy thường là an túc ở trong vị trí của kẻ bị can thứ nhất, và Tư Tâm Sở hữu quan với việc uống rượu thường là an túc ở trong vị trí của tên bị can thứ hai đó vậy.

Kết Thúc Việc Giải Thích Trong Phần Tính Dục Tà Hạnh

Giải thích ở trong điều **Pāḷi** thứ sáu nói rằng: **Kāyaviññattisaṅkhāte kāyadvāre bāhullavuttito kāyakammaṃ nāma** - Việc Sát Tử, Việc Thâu Đạo, Việc Tính Dục Tà Hạnh, cả ba thể loại này gọi là Thân Hành Nghiệp Lực, vì sinh ở trong Thân Môn, tức là đa phần ở Thân Biểu Tri.

Từ ngữ **Thân Môn – Kāyadvāra**, ở tại đây lập ý lấy **Thân Biểu Tri – Kāya viññatti** và chẳng phải là **Thân Thanh Triệt – Kāyapasāda**. Vì thế, Ngài Giáo Thọ **Anuruddha** mới trình bày cho thành đặc biệt với **Phân Biệt Từ (Visesanapada)** nói rằng **Kāyaviññatti saṅkhāte**.

Giải thích rằng: Các việc hoạt động của chân tay, với những thể loại này là do **Bọn Tổng Hợp Sắc Tâm (Cittajarūpakalāpa)** có **Phong Tố Chất (Vāyodhātu – Phong Đại Hiển)** là chánh yếu, đã được khởi sinh lên nối tiếp nhau với một số lượng to lớn. Bởi chính do Phong Tố Chất ấy hiện hữu ở trong Bọn Tổng Hợp Sắc Tâm, đã làm cho Bọn Tổng Hợp Sắc Tâm câu sinh với thân hình ấy được vững vàng và không có chao đảo, tương tự y như thể đang nằm ngủ yên, và đã làm cho mọi hoạt động được thuận theo sở thích của Tâm. Sự vững vàng của Bọn Tổng Hợp Sắc Pháp này được gọi **Santhambhana – Kiên Cương.** Việc lắc lư, nhúc nhích lay động từ cái này đến cái khác được gọi **Sandhāraṇa – Chuyển Động.** Việc chuyển động của cơ thể, như có việc giở tay, nhấc chân, cúi xuống, ngẩng lên, co vào, duỗi ra, v.v. những thể loại này được gọi **Sañcalana – Hoạt Động.** Tuy nhiên từng mỗi việc hoạt động như đã vừa đề cập đến ở tại đây, chẳng phải hiện hành chỉ do bởi một mãnh lực duy nhất của Phong Tố Chất, mà cần phải có **Vikārarūpa – Sắc Kỳ Dị** cùng vào phối hợp, thì mới sẽ làm thành tựu trọn vẹn trong từng mọi hoạt động cho được hiện hành thuận theo sở thích của Tâm. Nếu như đã không có Sắc Kỳ Dị cùng vào phối hợp rồi, thế là việc hoạt động xác thân chỉ được hiện hành thuận theo một mãnh lực duy nhất của Phong Tố Chất, thì chẳng khác chi với chiếc lá mà bị gió thổi vậy, và ắt hẳn sẽ không thành tựu việc hiện hành thuận theo sở thích của Tâm được. Vì thế, ở trong việc sát tử loài Hữu Tình, thâu đạo, tà dâm, với những thể loại này cần phải có việc hoạt động cơ thể sinh khởi thuận theo sở thích của Tâm, thì mới sẽ làm hoàn thành những thể loại hành động tạo tác này. Chẳng hạn như ở trong việc sát tử loài Hữu Tình, một khi giơ súng lên bắn, thì động tác giơ súng lên và động tác bắn, thường được hiện hành với mãnh lực của Phong Tố Chất cùng phối hợp với Sắc Kỳ Dị. Và như thế mới được gọi **Thân Hành Nghiệp Lực (Kāyakamma)**.

TỪ NGỮ "KĀYA – XÁC THÂN" HIỆN HỮU BA THỂ LOẠI, Đó Là:

1. Thân Thể Chất (Sasambhārakāya): tức là xác thân được phối hợp với 32 Thể Chất **(Koṭṭhāsa)**.

2. Thân Thanh Triệt (Pasādakāya): tức là Thân Thanh Triệt (Thần kinh Thân) nương sinh vào **Tâm Thân Thức (Kāyaviññāṇacitta)**.

3. Thân Hành Động (Copanakāya): tức là **Sắc Biểu Tri (Viññattirūpa)** câu sinh với **Phong Tố Chất (Vāyodhātu** – Phong Đại) làm cho việc hoạt động được khởi sinh.

Việc **Biểu Tri (Viññatti)** là tác nhân cho hoàn thành cả Tam Thân Hành Nghiệp Lực, đó chính là **Thân Hành Động (Copanakāya)**. Như câu Chú Giải đã trình bày nói rằng: **Copetīti = Copano, Copano ca so kāyo cāti = Copanakāyo** - Sắc nào thường làm cho các bộ phận lớn nhỏ có sự chuyển động, như thế Sắc ấy gọi là Hành Động, tức là Sắc Biểu Tri. Sắc làm cho các bộ phận lớn nhỏ ở nơi xác thân có sự chuyển động, như thế Sắc ấy gọi là Thân Hành Động, tức là Sắc Thân Biểu Tri. Tại nơi đây, từ ngữ nói rằng **Kāya – Xác Thân** hiện hữu ở trong **Thân Môn (Kāyadvāre)** ấy, đó chính là Thân Hành Động.

Sắc Thân Biểu Tri này, là cửa ngõ (Môn) của việc khởi sinh cả ba Nghiệp Lực, hoặc là tác nhân cho hoàn thành cả ba hành động tạo tác, gồm có việc sát tử loài Hữu Tình, v.v. Như thế, Sắc Thân Biểu Tri này mới được gọi là Thân Môn. Như câu Chú Giải đã trình bày nói rằng: **Kāyoyeva dvāraṃ = Kāyadvāraṃ** - Đích thị chính Sắc Thân Biểu Tri ấy làm thành Môn, do đó mới được gọi là Thân Môn.

Từ ngữ **Kāya – Xác Thân**, ở tại nơi đây, đó chỉ là Sắc Thân Biểu Tri ngần ấy thôi, và chẳng ở trong Sắc nào khác. Thế nhưng vì sao lại được dùng từ ngữ **Kāya – Xác Thân?** Điều này được giải đáp rằng: Sử dụng cách gọi theo phần **Bộ Phận Xướng Danh (Ekadesayūpacāranaya)**, nghĩa là Sắc Thân Biểu Tri này là một phần Sắc Pháp của xác thân. Vì thế mới rút lấy từ ngữ **Kāya – Xác Thân** cho làm thành tên gọi của hết tất cả thân thể đặt để ở trong Sắc Thân Biểu Tri là một phần của thân thể, gọi là **Kāya – Xác Thân.**

Chỗ nói rằng "Gọi là Thân Hành Nghiệp Lực vì phần đa số là sinh ở trong Thân Môn", đó là dùng theo từ ngữ **Đa Phần Thông Dụng (Bāhullavuttito)**. Điều này là việc trình bày cho được biết rằng Thân Hành Ác Nghiệp cũng có thể sinh theo ở Lộ Môn khác cũng được, tuy nhiên cho dù sẽ sinh theo ở các Lộ Môn khác đi nữa, nhưng vẫn cứ gọi đó chính là Thân Hành Nghiệp Lực vậy.

Giải thích rằng: **Thân Ác Hạnh (Kāyaduccarita)** gồm có ba thể loại, đó là sát tử Hữu Tình, thâu đạo, và tà dâm. Còn ở các Môn khác, ngoài ra Thân Môn thì có được hai thể loại, đó là **Ngữ Môn (Vacīdvāra)** và **Ý Môn (Manodvāra)**. Chỗ nói rằng "Thân Ác Hạnh cũng có thể sinh theo ở Lộ Môn khác cũng được", chỉ có thể có được hai, là việc sát tử Hữu Tình với việc thâu đạo. Còn việc phạm dâm hạnh chỉ phải sinh ở trong Lộ Thân Môn duy nhất mà thôi. Đối với Lộ Môn khác thì chỉ có thể duy nhất có được là Ngữ Môn. Tuy nhiên, ở tại đây cần phải lập ý lấy việc tạo tác Ác Hạnh sinh khởi theo các lộ Môn khác cùng với việc thành tựu trọn vẹn Xâm Phạm Nghiệp Đạo, thì chẳng phải chỉ có gọi tên với bấy nhiêu điều Ác Hạnh ấy mà thôi, vì lẽ Ác Hạnh hiện hữu có đến 10 thể loại, và một cách gián tiếp thì thường có được khả năng sinh khởi ở trong cả ba Môn. Và khi làm rõ thêm ra số lượng một cách trọn đủ thì Ác Hạnh có đến 40 thể loại lận. Với lý do này, chỗ nói rằng "Hai Thân Ác Hạnh là sát tử Hữu Tình với thâu đạo" thường đã được sinh khởi ở trong Ngữ Môn, mới cần phải lập ý lấy việc tạo tác ở phần Xâm Phạm đến Nghiệp Đạo. Chẳng hạn như kẻ sai bảo cho tha nhân sát tử Hữu Tình, hoặc sai bảo cho tha nhân trộm lấy tài sản ấy, một khi kẻ bị sai bảo đã hoàn thành xong việc thực hiện sát tử Hữu Tình hoặc trộm lấy tài sản, thì kẻ sai bảo ắt hẳn cũng đã làm xong việc Xâm Phạm Nghiệp Đạo rồi. Thế nhưng, **Sát Tử Nghiệp Lực (Pāṇātipātakamma)** và **Thâu Đạo Nghiệp Lực (Adinnādāna**

kamma) sinh khởi theo Lộ Ngữ Môn của kẻ ấy, cũng có thể được gọi là **Thân Hành Nghiệp Lực (Kāyakamma)**, và chẳng phải được gọi là **Ngữ Hành Nghiệp Lực (Vacīkamma)**, vì lẽ việc sinh khởi của cả hai Nghiệp Lực ở trong Ngữ Môn đây, đó chỉ là phần chút ít. Vì thế, chỗ được gọi Thân Hành Nghiệp Lực đây, là việc gọi tên theo phần **Sung Mãn Túc (Tabbāhullanaya)** nghĩa là theo phần nhiều đa số. Tương tự với người sống du ngoạn ở trong chốn rừng già thì được gọi **Du Sơn Lâm Giả (Vanacalaka)**, tức là **Sơn Lâm Giả** (người rừng rú hoặc người lính kiểm lâm). Cho dù người rừng này sẽ đi vào ở trong thôn làng hoặc ở trong thành thị, thì cũng không được gọi **Dân Giả (Gāmacalaka** – người dân làng hoặc người dân thị thành) "người rừng thôn làng" hoặc "người rừng thành thị" bất luận trường hợp nào đi nữa, và kẻ ấy có thể chỉ được gọi **Sơn Lâm Giả.** Với lý do này, Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** mới dùng từ ngữ **Bāhullavuttito – Đa Phần Thông Dụng** nghĩa là "sinh khởi là phần đa số". Vì thế, Ngài Phụ Chú Giải Sư mới trình bày câu Chú Giải của từ ngữ nói rằng Thân Hành Nghiệp Lực: **Kāyadvāre yebhuyyena pavattaṃ kammanti = Kāyakammaṃ** - Phần đa số Nghiệp Lực là sinh khởi ở trong Thân Môn, vì thế mới gọi là Thân Hành Nghiệp Lực.

Lại nữa, việc Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** trình bày cả ba Nghiệp Lực, gồm có **Sát Tử (Pāṇātipāta)** v.v. gọi là Thân Hành Nghiệp Lực. Rằng theo **Pāḷi** nói rằng: **Kāya dvāre bāhullavuttito kāyakammaṃ nāma** đó, lập ý sẽ trình bày phân chia Thập Bất Thiện Nghiệp Đạo theo cả ba Môn là để không cho lẫn lộn với nhau. Thế nhưng, nếu giả như ở trong câu **Pāḷi** này không có từ ngữ **Bāhulla** và chỉ có **Kāyadvāre vuttito kaya kammaṃ nāma** (gọi là Thân Hành Nghiệp Lực vì lẽ sinh ở trong Thân Môn). Và nếu đã là như vậy, thì sở nguyện của Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** để sẽ phân chia Thập Bất Thiện Nghiệp Đạo theo cả ba Nghiệp Lực ấy, ắt hẳn không được thành tựu. Vì lẽ trong sự việc sẽ trình bày nói rằng "Gọi là Thân Hành Nghiệp Lực vì sinh ở trong Thân Môn", chẳng hạn như kẻ sai bảo cho tha nhân sát tử Hữu Tình, trộm lấy tài sản, với những thể loại này thì cũng coi như đã là **Sát Tử (Pāṇātipāta)** và **Thâu Đạo (Adinnādāna)** rồi, và cả hai sự việc này đã được sinh ở trong Ngữ Môn. Khi đã là như vậy, thì việc gọi tên Nghiệp Lực dựa theo phần **Pāḷi** sẽ không còn có từ ngữ **Bāhulla**, thế là phải gọi thành hai thể loại, đó là Thân Hành Nghiệp Lực cũng được, Ngữ Hành Nghiệp Lực cũng được, và coi như việc phân chia Nghiệp Lực theo Lộ Môn cho thành từng mỗi phần như thế ấy, ắt hẳn đã không được thành tựu. Vì lý do này, Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** mới lấy từ ngữ **Bāhulla** bỏ xen kẽ vào như đã được hiện bày **Kāyadvāre bāhullavuttito kaya kammaṃ nāma**, và có ý nghĩa "Cả hai Sát Tử và Thâu Đạo đây, theo phần đa số ắt hẳn là sinh ở trong Thân Môn". Nếu sẽ đem so sánh cũng bằng với số lượng là 90 / 100. Còn nếu sẽ đem so sánh ở Lộ Ngữ Môn thì số lượng có được chỉ là 10 /100. Như thế, cho dù sẽ cùng bỏ vào với nhau cho đổi thành tên gọi Thân Hành Nghiệp Lực thì cũng chẳng có điều chi mâu thuẫn cả. Thế là, việc phân chia Thập Bất Thiện Nghiệp Đạo theo cả ba Môn sẽ không cho bị lẫn lộn, và ắt hẳn sẽ được thành tựu.

(Tất cả bậc Học Giả nên hiểu biết về sở nguyện của Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** ở trong từ ngữ **Bāhulla** mà đã hiện bày ở trong câu:

"Vacī viññattisaṅkhāte vacīdvāre bāhullavuttito vacīkammaṃ nāma" và

"Manasmīyeva bāhullavuttito manokammaṃ nāma" là cùng có một nội dung như nhau, như đã vừa được giải thích ở tại đây.)

Kết Thúc Việc Giải Thích Trong Tam Thân Hành Nghiệp Lực

GIẢI THÍCH TRONG TỨ NGỮ HÀNH NGHIỆP LỰC

1. VỌNG NGỮ (MUSĀVĀDA – NÓI DỐI)

Từ ngữ nói rằng **Vọng Ngữ (Musāvāda – Nói Dối)** đây, khi chiết tự có được hai từ ngữ, đó là: **Musā + Vada. Musā – Vọng Ngữ** là **Không Biến Cách Trợ Từ (Nipātapada)** trình bày đến điều chẳng có chân thật. Chẳng hạn như có người đến hỏi chúng ta là "có tiền không ?" Chúng ta lại trả lời rằng "không có". Hoặc ông ấy đến hỏi rằng "có vàng không ?" Chúng ta lại không có trả lời rằng "có tiền hoặc có vàng". Chính điều này trở thành sự nói dối, tức là lập ý đến sự việc chẳng có chân thật. Hoặc ở trong các câu chuyện chúng ta đã có được rõ biết, thế mà khi có người đến vấn hỏi, chúng ta lại phủ nhận nói rằng không biết. Hoặc chúng ta không biết nhưng lại trả lời rằng rõ biết về câu chuyện ấy. Chính điều này trở thành nói dối, tức là chẳng có ngay thật với lời mình nói. **Vāda – Ngôn Ngữ** lập ý đến lời nói. Khi đã kết hợp vào nhau thành **Musāvāda – Vọng Ngữ** lập ý đến "lời nói chẳng đúng với sự thật". Như trình bày câu Chú Giải đã nói rằng: **Musā vadanti etenāti = Musāvādo** - Những người thường hay nói các sự việc của câu chuyện mà chẳng có thật, lại nói cho thành sự thật với Tư Tâm Sở ấy, như thế Tư Tâm Sở làm thành tác nhân của việc nói chẳng có chân thật ấy, gọi là Vọng Ngữ. Tức là **Visaṃvādana cetanā – Tư Tâm Sở Tát Hoang,** là Tư Tâm Sở làm cho tha nhân phải hiểu biết sai trật, đã được phối hợp với Tâm Đồng Lực Tham và Sân **(Lobha – Dosa Javana)** sinh ở trong Thân Môn và Ngữ Môn.

Việc nói vọng ngữ đây, theo phần nhiều là sử dụng đến lời nói, do đó mới được gọi là **Vọng Ngữ (Musāvāda).** Tuy nhiên, sử dụng bất luận một bộ phận nào của thân thể mà chẳng dính líu với ngôn từ, thì cũng được gọi là Vọng Ngữ tương tự như nhau. Điều phán sự để sẽ làm cho rõ biết được người này đã nói xong lời vọng ngữ hay không, tất yếu là phải được xét đoán phối hợp với cả bốn Chi Pháp. Nếu như việc nói ấy hội đủ cả bốn Chi thì đã thành sự Vọng Ngữ, và nếu như chẳng hội đủ cả bốn Chi ấy thì vẫn chưa được tính thành sự Vọng Ngữ.

Bốn Chi Pháp của Vọng Ngữ, đó là:

1. Sự Vật (Atthavatthu): Sự vật hoặc câu chuyện chẳng có thật.

2. Tâm Tát Hoang (Visaṃvādanacittatā): Có Tâm sẽ nói dối.

3. Nỗ Lực (Payogo – Phấn Đấu): Với Thân hoặc với Lời nỗ lực nói dối đi theo ý định của mình.

4. Liễu Tri Nội Dung (Tadattha vijānanaṃ): Tha nhân có sự tin tưởng theo nội dung của việc nói dối ấy.

Trong điều Vọng Ngữ này, được phân ra làm hai thể loại, đó là:

+ Thành Sự Vọng Ngữ nhưng Bất Xâm Phạm Nghiệp Đạo.

+ Thành Sự Vọng Ngữ cùng với Xâm Phạm Nghiệp Đạo.

Việc vọng ngữ hội đủ cả bốn Chi Pháp, nhưng chẳng làm cho người đã phải bị lầm tin khởi sinh lên bất luận sự tổn hại nào, thì thể loại này chỉ là việc vọng ngữ nhưng Bất Xâm Phạm Nghiệp Đạo, tức là không dắt dẫn đến Cõi Thống Khổ.

Việc vọng ngữ hội đủ cả bốn Chi Pháp và tạo sự tổn hại đến cho người đã phải lầm tin, thể loại này thành tựu việc vọng ngữ cùng với sự Xâm Phạm Nghiệp Đạo, tức là có khả năng dắt dẫn đi đến Cõi Thống Khổ.

CÓ BỐN THỂ LOẠI NỖ LỰC (PAYOGA) LÀ SỰ CỐ GẮNG TRONG VIỆC NÓI DỐI, Đó Là:

1. Tự Chế Thủ Công (Sāhatthika): Chính tự mình cố gắng nói dối.

2. Mệnh Lệnh (Āṇattika): Sai bảo để cho tha nhân nói dối.

3. Phóng Khí (Nissaggiya): Viết ra câu chuyện không thật rồi đem bỏ lại cho tha nhân hiểu lầm sai trật, chẳng hạn như bỏ lại lá thư, hoặc loan báo theo máy phát thanh (radio).

4. Kiên Cố (Thāvara): Viết ra câu chuyện không thật rồi niêm yết tờ thông báo, hoặc khắc ghi lại, hoặc in lên thành sách, hoặc ghi âm lồng tiếng vào.

Trong cả bốn thể loại Nỗ Lực này, thì Tự Chế Thủ Công Nỗ Lực là trực tiếp nỗ lực, tức là hiện hành theo phần đa số. Còn ba Nỗ Lực còn lại ấy, thì hiện hành theo phần chút ít. Như có câu kệ trình bày nói rằng: **Musāvādassa atthaṃ Vasaṃvādanacittatā Tajjo vāyāmo parassa Tadatthajānanaṃ iti. Sambhārā caturo honti Payogeko sāhatthiko Āṇattika nissagiya Thāvarāmeca yujjare - Dịch nghĩa là:** Có bốn thể loại Chi Pháp của Vọng Ngữ, đó là:

1/ Sự vật hoặc câu chuyện chẳng có thật,

2/ Có Tâm nghĩ suy sẽ làm cho tha nhân hiểu biết sai trật,

3/ Có sự nỗ lực bằng với Thân, hoặc bằng với Lời ăn khớp với Tâm nghĩ suy sẽ nói dối,

4/ Tha nhân có sự tin tưởng theo nội dung của việc nói dối ấy.

Sự Nỗ Lực ấy, ở trong Bộ Đại Chú Giải **(Mahā Atthakathā)** chỉ có đề cập đến một thể loại duy nhất, đó là Tự Chế Thủ Công Nỗ Lực. Thế nhưng, ở trong bộ Chú Giải **Aṭṭhasālinī** lại có đề cập đến Mệnh Lệnh, Phóng Khí và Kiên Cố, cả ba thể loại này cũng thường có hiện bày.

+ Tự Chế Thủ Công Nỗ Lực là việc nói dối bởi chính tự mình, thường được thực hiện theo lộ Thân Môn hoặc với Lộ Ngữ Môn. Nói dối theo Lộ Thân Môn ấy, chẳng hạn như "muốn phủ nhận thì với trạng thái lắc đầu" hoặc "muốn đón nhận thì với trạng thái gật đầu". Nói dối theo Lộ Ngữ Môn ấy, đích thị chính là việc nói ra lời không có chân thật.

+ Mệnh Lệnh Nỗ Lực là sai bảo để cho tha nhân nói dối, thường cũng được thực hiện theo Lộ Thân Môn hoặc Lộ Ngữ Môn. Sai bảo cho tha nhân nói dối theo Lộ Thân Môn, chẳng hạn như viết lên tờ giấy rồi trao cho người ấy thực hiện bằng Thân hành động hoặc bằng Lời nói dối. Sai bảo cho tha nhân nói dối theo Lộ Ngữ Môn, đó chính là việc sử dụng ngôn từ cho sai với sự thật (nói dối) bằng với Thân hoặc bằng với Lời.

+ Đối với cả hai thể loại Phóng Khí Nỗ Lực và Kiên Cố Nỗ Lực đây, thường cũng được thực hiện theo Lộ Thân Môn hoặc Lộ Ngữ Môn tương tự như nhau, như đã có được trình bày rồi vậy.

TRÌNH BÀY VỌNG NGỮ LÀ VI PHẠM GIỚI LUẬT (SĪLAVIPATTI) VÀ VỌNG NGỮ THÀNH TỰU NGHIỆP ĐẠO (KAMMAPATHA)

Trong cả bốn Chi Pháp ấy, nếu như vỏn vẹn chỉ có hai Chi, đó là Tâm nghĩ suy sẽ nói dối và Nỗ lực nói dối, bằng với Thân hành động hoặc với Ngôn từ nói ra, người cư sĩ tại gia hoặc bậc xuất gia, thường thì chỉ làm thành việc vi phạm Giới Luật ngần ấy thôi, và không có Xâm Phạm Nghiệp Đạo. Nếu như việc nói dối ấy đã hội đủ cả bốn Chi Pháp ấy, thì coi như đã hoàn thành Nghiệp Đạo. Trong cả bốn Chi ấy, chỗ đề cập đến rằng **Tadattha vijānanaṃ** - Tha nhân có sự lầm tin theo nội dung của việc nói dối ấy, điều này trình bày cho được biết rằng việc nói dối đây, nếu như người đã được nghe và lầm tin theo nội dung ấy, thì coi như đã Xâm Phạm Nghiệp Đạo rồi. Nếu như người đã được nghe và chẳng tin, thì Bất Xâm Phạm Nghiệp Đạo.

Nghiệp Đạo Vọng Ngữ **(Kammapathamusāvāda)** là Vọng Ngữ Xâm Phạm Nghiệp Đạo, được chia ra làm hai thể loại, đó là:

+ Thể loại dắt dẫn đọa vào Cõi Thống Khổ.

+ Thể loại không dắt dẫn đọa vào Cõi Thống Khổ.

+ Thể loại dắt dẫn đọa vào Cõi Thống Khổ ấy, phải là Vọng Ngữ làm cho người đã lầm tin ấy phát sinh lên điều tổn hại. Nếu như người đã tin tưởng ấy, lại không bị phát sinh lên bất luận sự tổn hại nào, thế là thể loại Vọng Ngữ này sẽ không dắt dẫn đọa vào Cõi Thống Khổ. Chẳng hạn như việc nói dối của một vị quan cận thần đến Nhà Vua, nhằm để bảo vệ niềm tịnh tín **(Saddhā)** của Nhà Vua và để gìn giữ mạng sống **(Jīvita)** của một nam nhân, như có tích truyện được kể rằng:

"Có một đôi vợ chồng là hạng người nghèo khổ và đã đi đến nương trú tại một ngôi đình làng tọa lạc ở ngoài thị thành. Người vợ ấy đã có hoài thai, và có trạng thái thai nghén thèm khát được ăn các thức ăn vật thực, mới nài xin người chồng ra đi tìm kiếm cho; và nếu như cô ta không có được ăn các loại vật thực vừa theo sở thích, thì mạng sống của cô ta sẽ không thể nào kéo được lâu dài. Người chồng có lòng lân mẫn và xót thương người vợ, e ngại rằng cô ta sẽ phải chết mất, mới nghĩ kế lập mưu giả thành một vị Tỳ Khưu ôm bình bát bước đi khất thực vào ở trong Hoàng Cung để đón nhận vật thực bỏ bát với oai nghi đã được kiểm thúc. Sát na ấy là vào thời lúc gần trưa ngọ, Đức Vua đang cúng dường thức ăn vật thực, và ngự lãm nhìn thấy vị Tỳ Khưu bước đi kiểm thúc, đang trì bình khất thực với

oai nghi rất đáng tín phục, thì đã phát khởi lên niềm tịnh tín và nhủ thầm ở trong lòng rằng: "Vị Tỳ Khưu này có thể chẳng phải là một vị tầm thường, mà phải là một vị Tỳ Khưu có nhiều Ân Đức đặc thù." Thế là đã lấy thực phẩm để cúng dường bỏ vào bát của nam nhân ấy, và đã truyền lệnh cho một vị quan chức thân cận bám gót theo để cho biết cụ thể rằng đã đến từ nơi nào, và sẽ đi về đâu ? Vị quan chức ấy lẳng lặng bước theo nam nhân ấy, và không làm cho kẻ ấy được hay biết. Vừa bước đến ngôi đình làng nơi nghỉ trọ, cũng liền cởi đổi y áo ra, và trở lại người dân bình thường, thế rồi đã lấy thực phẩm ra cho người vợ ăn. Vị quan chức ấy trông thấy liền biết được rằng người ấy là kẻ đã giả dạng lừa gạt làm vị Tỳ Khưu, mới nghĩ suy rằng: "Nếu Ta đem câu chuyện này tấu trình đến Đức Vua theo như đã là sự thật, thì hậu quả xấu ác sẽ phát sinh đến người ở cả hai phía, là Đức Vua sẽ mất đi niềm tịnh tín đang hiện hữu một cách kiên định, và phía kẻ lừa đảo này sẽ phải đón nhận điều nguy hại đến mạng sống, vì thế thiết yếu là Ta sẽ phải nói một cách trung dung, nhằm để bảo vệ lợi ích cho ở cả hai phía." Vị quan chức mới quay trở lại trình tấu Đức Vua rằng: "Đệ Tử Đức Phật bước theo vị Tỳ Khưu ấy cho đến ra ngoài thị thành, và khi đi ra ngoài thị thành thì mãnh y vàng ấy cũng liền biến mất khỏi tầm mắt của Đệ Tử Đức Phật." Đức Vua đã vừa được nghe qua, liền phát sinh **niềm hoan hỷ phỉ lạc (Pītisomanassa)** và đã phán rằng: "Nhất định Ngài ấy phải là Bậc Vô Sinh rồi, và Phẩm Thí của Trẫm phải là Thắng Thí".

Tích truyện này trình bày cho thấy rằng lời nói ra chẳng đúng với sự thật, đã làm cho Đức Vua thấm nhập ở trong lòng điều nhầm lẫn, tuy nhiên đã không làm cho phát sinh điều tổn hại, mà trái lại làm cho phát sinh lên điều lợi ích. Như vậy, người nói ra cho dù sẽ được gọi là nói dối, thế nhưng thành điều nói dối mà không có tội lỗi tác hại, và không có khả năng dắt dẫn đi đọa vào Cõi Thống Khổ.

Trong Túc Sinh Truyện Ngũ Vũ Khí (**Pañcavudhajātaka** , # 55), thanh niên Bà La Môn Ngũ Vũ Khí (**Pañcavudha**) vào sát na đã bị Dạ Xoa (**Yakkha**) có tên gọi **Dính Lông** (**Silesaloma**) chụp bắt lấy để ăn, đã thốt ra lời nói gạt rằng: "Trong bụng của Ta đây có vũ khí. Nếu ngươi ăn Ta, thì vũ khí của Ta sẽ cắt nội tạng của ngươi cho đứt ra thành từng miếng lớn miếng nhỏ, thế rồi ngươi sẽ bị mạng vong." Dạ Xoa đã vừa được nghe qua như thế, liền nghĩ rằng: "Thanh niên này có thể nói thật". Và như thế, Dạ Xoa mới không dám ăn thanh niên Bà La Môn Ngũ Vũ Khí ấy. Chỗ thanh niên Ngũ Vũ Khí nói rằng "bụng có vũ khí", lập ý lấy "lưỡi gươm trí tuệ", tức là Trí Tuệ hiện hữu ở trong con người mình. Tuy nhiên, Dạ Xoa lại hiểu biết rằng đó là các loại vũ khí thật !

Tích truyện này trình bày đến sự việc nói dối của thanh niên Bà La Môn Ngũ Vũ Khí đây, đã không làm cho phát sinh lên bất luận điều tổn hại nào đến người đã lầm tin.

[**Túc Sinh Truyện Ngũ Vũ Khí** (**Pañcavudhajātaka**, bài Kinh thứ 55) có nội dung như sau: Tích truyện này, khi bậc Đạo Sư đang trú ngụ ở tại Kỳ Viên Tự, và đã đề cập đến một vị Tỳ Khưu lui sụt hạnh tinh tấn. Đức Thế Tôn đã cho gọi vị Tỳ Khưu ấy và đã vấn hỏi:
- Có thật chăng, này vị Tỳ Khưu là người đã thối thất hạnh tinh tấn ?

- Kính bạch Đức Thế Tôn, dạ có thật vậy.

- Thuở xưa kia, trong những trường hợp cần phải tinh tấn, thì bậc Hiền Triết đã có tinh tấn, và do vậy, đã đạt được Vương vị.

Nói vừa dứt, Bậc Đạo Sư để kể lại câu chuyện ở trong thời quá khứ.

"Thuở xưa, khi Đức Vua **Brahmadatta** trị vì đất nước **Bārānasī** (Ba La Nại), Bậc Giác Hữu Tình (Bồ Tát) đã vào thai bào làm con Hoàng Hậu. Đến ngày đặt tên, sau khi đã mời đến tám trăm vị Bà La Môn, và đã cúng dường mọi dục lạc đến các vị này, Vua và Hoàng Hậu đã cùng vấn hỏi các vị ấy về các điềm tướng. Các vị Bà La Môn, vừa trông thấy được sự thành tựu của các điềm tướng ở nơi Hoàng Tử, liền trả lời rằng:

- Tâu Đại Vương, Hoàng Tử hội túc các Ân Đức, và sau khi Đức Ngài băng hà, thì sẽ lên kế vị ngôi Vua, sẽ được danh vọng lẫy lừng với biệt tài sử dụng năm thể loại vũ khí, sẽ trở thành một Đấng tối thượng ở toàn **Cõi Nam Diêm Phù Đề (Jambūdīpa–Nam Thiệm Bộ Châu).**

Nghe qua lời nói của các vị Bà La Môn, Vua và Hoàng Hậu đã đặt tên cho Hoàng Tử là **Ngũ Vũ Khí Nam Tử (Pañcavudhakumāra)**. Khi đến lúc trưởng thành, vừa tròn mười sáu tuổi, Vua Cha cho gọi Hoàng Tử vào và bảo rằng:

- Này con thân yêu, con hãy đi học lấy nghề !

- Thưa Thiên Tử, con sẽ học với ai ?

- Hãy đi, con thân yêu, con sẽ học với bậc thầy có danh tiếng với mọi phương ở tại thành **Takkasīla**, ở trong nước **Gandhāra.** Và đây là tiền mà con sẽ trả cho Thầy.

Vừa dứt lời, Vua Cha đã giao cho một ngàn đồng tiền vàng, và đã tiễn đưa Hoàng Tử ra đi. Bậc Giác Hữu Tình đã ra đi đến nơi đó, đã học xong lấy nghề, đã được Thầy truyền trao năm loại vũ khí. Sau đó đã đảnh lễ Thầy, Bậc Giác Hữu Tình đã rời khỏi kinh thành **Takkasīla,** đã đeo theo năm loại vũ khí và lên đường trở về lại đất nước **Bārānasī**. Đang đi đến giữa đoạn đường, Bậc Giác Hữu Tình đã vừa đến một khu rừng già, và tại nơi đấy có một Dạ Xoa tên **Sīlesaloma (Dính Lông)** đang ngự trị. Từ đầu bìa rừng, người đi đường trông thấy Bậc Giác Hữu Tình liền cản ngăn lại, và báo cho được biết trong khu rừng này có Dạ Xoa tên **Silesaloma** ngự trị, sẽ giết hại hết mọi người khi nó đã được trông thấy. Bậc Giác Hữu Tình đã tự tin lấy mình, không chút sợ hãi như sư tử có bờm lông cổ, và vẫn cứ đi mãi vào trong khu rừng.

Gặp nhau ở ngay giữa khu rừng già, Dạ Xoa đã hiện ra trước mặt Hoàng Tử với xác thân to cao như cây cọ dừa, với cái đầu to lớn như ngôi nhà có nóc nhọn, với cặp mắt to bự như hai cái bát, với hai răng nanh như hai búp cây củ cải, với cái miệng như mỏ diều hâu, với cái bụng có nhiều đốm đỏ tía, và với bàn tay bàn chân xanh thẫm. Dạ Xoa đã thét lên:

- Ngươi đi đâu đấy ? Hãy đứng lại, ngươi đã là miếng mồi của Ta.

Bậc Giác Hữu Tình đã trả lời rằng:

- Này Dạ Xoa, Ta đã tin ở nơi mình, nên đã vào đây. Ngươi quả thật là liều mạng. Nếu ngươi tiến đến gần Ta, thì Ta sẽ bắn ngươi với mũi tên có tẩm thuốc độc và sẽ hạ ngươi ngay tại chỗ đứng.

Sau khi đã dọa nạt, Bậc Giác Hữu Tình lắp mũi tên có tẩm thuốc độc và đã xạ tiễn, bắn liên tục cho đến năm mươi mũi tên. Tất cả đều dính vào lông của Dạ Xoa, nó đã gạt tất

cả năm mươi mũi tên rơi xuống chân của nó, và liền xông tới Bậc Giác Hữu Tình. Ngài lại dọa hăm rút gươm ra chém, cũng tương tự với mũi tên, với thanh gươm dài đến ba mươi ba đốt tay cũng dính vào lông của Dạ Xoa. Thế rồi, Bậc Giác Hữu Tình lấy ngọn giáo và đã đâm vào nó, cũng tương tự như vậy, ngọn giáo cũng dính chặt vào lông của nó. Biết khả năng bắt dính của lông Dạ Xoa, Bậc Giác Hữu Tình đã rút lấy quả chùy đập vào nó. Quả chùy cũng bị dính vào lông, Bậc Giác Hữu Tình đã thốt lên rằng:

- Này Dạ Xoa, ngươi chưa từng được nghe về Ta, là Hoàng Tử có năm loại vũ khí. Khi Ta đã mạo hiểm đi vào khu rừng này, Ta đã đặt lòng tin chẳng phải ở mũi cung tên và các vũ khí khác, mà hoàn toàn đã đặt lòng tin vào chính tự nơi mình. Nay Ta sẽ đánh vào ngươi, và chỉ một cú đánh thôi, khiến ngươi sẽ trở thành cát bụi !

Sau khi đã nói xong, Bậc Giác Hữu Tình đã dùng bàn tay phải đánh vào Dạ Xoa. Bàn tay phải ấy đã dính vào lông, thế rồi đã đánh với bàn tay trái của mình. Bàn tay trái ấy cũng dính vào lông. Lại dùng chân phải đá vào, chân phải cũng đã bị dính vào. Thế rồi, đã dùng chân trái đá vào, và chân trái cũng đã bị dính vào.

Ngài đã la to lên: "Ta sẽ đập ngươi tan thành cát bụi !"

Thế là Ngài đã dùng lấy cái đầu đánh vào nó, và cái đầu cũng đã bị dính vào lông. Bấy giờ, Bậc Giác Hữu Tình đã bị mắc dính cả năm phần vào năm chỗ. Tuy vậy, Bậc Giác Hữu Tình vẫn không kinh hãi, vẫn không chút run sợ. Dạ Xoa đã tự nghĩ suy "Đây chẳng phải là một người bình thường, một đấng anh hùng mà không bạn đồng hành, đây chính thực một Sư Tử giữa loài người. Dẫu bị một Dạ Xoa như Ta đây đã bắt lấy, ông ta cũng vẫn không run sợ. Trước đây, từ khi Ta đã bắt đầu giết những khách du ngoạn ở trên đường lộ này, chưa bao giờ Ta đã được thấy một người bằng với ông ta. Làm thế nào mà ông ta đã không bị sợ hãi ?" Nghĩ vậy, Dạ Xoa đã không dám nuốt sống Bậc Giác Hữu Tình, và bảo rằng:

- Này thanh niên Bà La Môn, vì sao người chẳng sợ tử vong ?

- Vì sao Ta không sợ hả ? Ta đã đặt lòng tin vào chính tự nơi mình. Mỗi sinh thể đoan chắc sẽ đi đến tử vong. Thế nhưng, ở trong cơ thể của Ta, có một thanh gươm rắn tợ kim cương, và ngươi sẽ chẳng bao giờ tiêu hóa được, nếu ngươi ăn Ta. Nó sẽ cắt nội tạng của ngươi thành từng miếng nhỏ mịn, và sự tử vong của Ta cũng là sự chấm dứt mạng sống của ngươi. Vì lý do này mà Ta chẳng có sợ hãi ! (Tại nơi đây, lời nói ấy, Bậc Giác Hữu Tình đã lập ý đến lưỡi gươm trí tuệ đang ở trong nội tạng của Ngài.)

Nghe nói vậy, Dạ Xoa đã nghĩ suy: "Thanh niên Bà La Môn này đang nói lời chân thật và chẳng có chi ngoài sự thật cả. Chỉ một miếng nhỏ mà to cở bằng một hạt đậu đây, Ta cũng chẳng tiêu hóa được của đấng anh hùng. Ta hãy để cho ông ta đi thôi !" Và thế là, vì nỗi sợ hãi ở trong đời sống của Dạ Xoa, nó đã để cho Bậc Giác Hữu Tình ra đi tự do, và nói rằng:

- Này thanh niên Bà La Môn, người đã là một sư tử ở giữa loài người, Ta sẽ chẳng ăn người đâu. Nay người đã được thoát khỏi bàn tay của Ta, ví tợ như mặt trăng đã thoát khỏi miệng của **Thần Rāhu**. Và hãy ra đi, và hãy mang lại niềm hoan hỷ tốt lành cho đến bà con thân quyến của người, bạn hữu của người, và đất nước của người.

- Chính tự nơi mình, này Dạ Xoa, Bậc Giác Hữu Tình đã đáp lại, Ta sẽ ra đi. Cũng chính tự ở nơi ngươi, trước đây do đã tạo ra bao điều tội lỗi, mà đã tạo ra cho người phải bị tái sinh làm Dạ Xoa độc ác, tay đã vấy máu, đã ăn thịt và uống máu người. Và nếu như ngươi vẫn tiếp tục tạo điều tội lỗi ở ngay trong kiếp sống này, thì ngươi sẽ đi từ cảnh tăm tối này đến cảnh tối tăm khác. Thế nhưng, nay ngươi đã gặp được Ta, ngươi sẽ không thể nào còn tạo tác điều tội lỗi nữa. Hãy biết rằng ai sát sinh thì ắt sẽ bị tái sinh vào ở trong Địa Ngục, hoặc Ngạ Quỷ, hoặc Dạ Xoa Quỷ dữ, hoặc loài Bàng Sinh. Hoặc, nếu sẽ được tái sinh lại ở trong Cõi Nhân Loại, thế thì tội ác ấy sẽ dẫn đến làm người đoản thọ yểu mạng.

Với phương cách này và nhiều phương cách khác nữa, Bậc Giác Hữu Tình đã khải thuyết về sự nguy hiểm của Ngũ Ác Giới, và điều phúc lợi sẽ đến của Ngũ Thiện Giới; thế là bằng với nhiều hình thức như thuyết pháp, v.v. đã làm cho Dạ Xoa kinh hãi và khiến cho trở thành nhu thuận ở trong Ngũ Điều Giới Học. Thế rồi, đã biến Dạ Xoa trở thành vị Thần hộ mệnh ở trong khu rừng, với quyền được thâu thuế (qua việc cúng tế), và đã trợ giúp Dạ Xoa duy trì sự an trú kiên định. Bậc Giác Hữu Tình đã lìa khỏi khu rừng, đã báo tin cho mọi người ở tại bìa rừng được rõ biết mọi sự việc. Ngài đã nai nịt với năm loại vũ khí, đã đi đến thành Ba La Nại, và đã hội ngộ lại với Mẹ Cha Ngài.

Những ngày sau đó, khi đã thành vị Vua trị vì quốc độ theo Chánh Pháp, và Ngài đã cống hiến trong những Thiện Công Đức và đã băng hà ra đi theo Nghiệp Lực của mình."

Dứt thời Pháp Thoại, Bậc Chánh Đẳng Giác đã đọc lên bài kệ:

Người với Tâm ly Tham,
Với Ý cũng ly Tham,
Tu tập theo Thiện Pháp,
Đạt an ổn khổ ách.
Và tiếp tục chứng đạt,
Đoạn diệt mọi Kiết Sử.

Sau khi Bậc Đạo Sư đã khải thuyết dắt dẫn đạt đến Quả vị Vô Sinh Alahán, với Pháp Thoại Tứ Đế. Kết thúc Pháp Thoại, vị Tỳ Khưu ấy đã chứng đắc được Quả vị Vô Sinh. Và Đức Phật đã nhận diện về Dạ Xoa trước kia là tiền thân của Tỳ Khưu **Aṅgulimāla**, và Bậc Giác Hữu Tình chính là Bậc Đạo Sư.]

Trong Túc Sinh Truyện **Saṃsumārajātaka** đã có trình bày nói rằng: "Bậc Giác Hữu Tình (Bồ Tát) đã sinh làm con khỉ, và đã bị một con cá sấu lừa gạt cho ngồi phía sau lưng để sẽ đưa qua bờ phía bên kia. Ngay khi vừa đến giữa dòng sông, cá sấu đã lặn chìm xuống, khỉ mới vội hỏi rằng "Ngài cố tình nhận chìm Tôi xuống nước với ý định chi ?" Cá sấu nói rằng "Ta nhận chìm Ngài xuống là để cần phải ăn thịt trái tim của Ngài". Khỉ mới thốt ra lời nói gạt rằng "Trái tim của Tôi quả là không có ở trong con người Tôi, Tôi đã cởi ra và đã treo nó ở trên cây sung ấy", và đã chỉ cho cá sấu nhìn thấy những trái quả sung, rồi nói tiếp "Nếu cần thì hãy đưa Tôi trở lại cây sung ấy". Cá sấu đã lầm tin và đưa khỉ đến nơi. Khỉ liền nhẩy lên cây sung và đã bỏ đi." Đây là lời nói dối nhưng chẳng làm cho phát sinh bất luận điều tổn hại nào.

[Túc Sinh Truyện Con Khỉ (**Vānarajātaka** , bài Kinh thứ 342). Tích truyện này, khi Bậc Đạo Sư đang trú ngụ ở tại Trúc Lâm Tự, và đã đề cập đến cách thức mà Tỳ Khưu **Devadatta** định sát hại Đức Phật,có nội dung như sau:

Thuở xưa, khi Đức Vua **Brahmadatta** trị vì đất nước **Bārānasī**, Bậc Giác Hữu Tình (Bồ Tát) đã sinh làm một con khỉ, khi còn nhỏ thì đã sống ở vùng Hy Mã Lạp Sơn, và đến khi lớn lên đã đến sống ở nơi sông Hằng. Bấy giờ có một cá sấu cái cũng sống ở trong sông Hằng, rất khao khát được ăn trái tim của Bậc Giác Hữu Tình, và đã nói câu chuyện ấy với chồng. Cá sấu đực tự nghĩ "Ta sẽ giết Bậc Giác Hữu Tình bằng cách nhận chìm nó ở trong dòng nước, rồi sẽ lấy trái tim và đem đến cho vợ Ta." Vì thế, nó đã nói với Bậc Giác Hữu Tình:

- Hãy lại đây, này bạn hữu, chúng ta sẽ đi và ăn những trái cây rừng trên một hòn đảo kia.

- Làm thế nào Tôi sẽ đến nơi đó được? Ngài đã nói.

- Tôi sẽ để Ngài ngồi ở phía sau lưng của Tôi, và đưa Ngài đến nơi đó, cá sấu đã trả lời.

Một cách vô tư không biết được ý định của cá sấu, Ngài đã nhẩy lên và đã ngồi ở phía sau lưng của nó. Cá sấu sau khi đã bơi được một đoạn ngắn, liền bắt đầu lặn chìm xuống. Thế là, khỉ đã bảo:

- Vì sao, thưa Ngài, lại muốn nhận chìm Tôi ở trong nước ?

- Ta đang sắp giết Ngài, cá sấu đã nói, và lấy trái tim của người đem đến cho vợ Ta.

- Này ông bạn khờ khạo ơi, bộ ông tưởng rằng trái tim của Tôi là đang ở bên trong con người của Tôi đấy à ?

- Thế thì Ngài đã để nó ở nơi nào ?

- Ông không thấy nó đang được treo ở trên cây sung ở đằng kia sao ?

- Ta thấy nó rồi, cá sấu đáp, thế nhưng Ngài sẽ cho nó đến Ta ?

- Vâng, Tôi sẽ làm điều đó, khỉ đã bảo.

Thế là cá sấu – quả thật nó quá ngu si – đã mang khỉ và đã bơi đến gốc cây sung ở ngay bên bờ sông. Bậc Giác Hữu Tình đã phóng khỏi lưng của cá sấu và đã đứng ở trên cây sung, thế rồi đã thốt lên bốn câu kệ như sau:

Ta từ nước, sấu ơi, lên tới đất khô này !
Há chi để sau rốt, rơi vào thế lực người ?
Mít, hồng đào đó kìa, khi Ta đã chán ra,
Sung đây Ta nên hái, hơn là xoài đằng xa !
Kẻ nào gặp dịp tốt, mà chẳng vươn lên được,
Dưới chân kẻ nghịch thù, thảm thương này lạy lục !
Kẻ nào biết ngay liền, nỗi nguy biến phân minh,
Không hề bị uy hiếp, trước kẻ nghịch cường quyền !

Bậc Giác Hữu Tình đã đọc bốn câu kệ trên để nói về sự thành tựu ở trong các sự việc đời thường tình của thế gian, và rồi liền ngay đó đã vụt biến vào đám cây rậm của rừng già.

Và Đức Phật đã nhận diện về cá sấu trước kia là tiền thân của Tỳ Khưu **Devadatta,** và Bậc Giác Hữu Tình chính là Bậc Đạo Sư.]

Lại nữa, ở trong việc thể hiện các cử chỉ hành động xua đuổi các loài Hữu Tình, như là chim, quạ, v.v. tương tự giống với hành động (hù dọa) là sẽ ném hoặc bắn, đã làm cho các loài Hữu Tình nghĩ rằng "sẽ giết hoặc ném mình" thế rồi cũng đã bỏ trốn bay đi. Những thể loại này cũng nói được rằng "đó là việc nói dối theo Lộ Thân Môn", tuy nhiên cũng tương tự như vậy, là chẳng làm cho phát sinh điều tổn hại nào cả.

TRÌNH BÀY VỌNG NGỮ (MUSĀVĀDA) THEO PHẦN CỰC ĐẠI TỘI (MAHĀSĀVAJJA) VÀ HY THIỂU TỘI (APPASĀVAJJA)

Vọng Ngữ mà làm cho phát sinh sự tổn hại, và nếu như người tin theo có sự tổn hại chút ít, thì Vọng Ngữ ấy sẽ là Hy Thiểu Tội, tức là có chút ít tội. Nếu như người tin theo có sự tổn hại to lớn, thì Vọng Ngữ ấy sẽ là Cực Đại Tội, tức là có nhiều tội lỗi.

Người làm nhân chứng giả, và đã làm cho phía bên kia phải bị đón nhận sự tổn thất ở trong tài sản của cải, hoặc phải bị đón nhận điều tác hại, với thể loại này thì được liệt vào loại Vọng Ngữ phần Cực Đại Tội (còn gọi là **Đại Vọng Ngữ**). Tỳ Khưu Sa Di nói giỡn chơi với nhau, chẳng hạn như có một vị trì bình khất thực đi đến và một vị kia liền vấn hỏi rằng:"khất thực có được nhiều hay ít, được bao nhiêu ?", và vị ban đầu cũng trả lời rằng: "có được rất nhiều, cho đến đầy bình bát", chứ sự thực thì chỉ có được chút ít ngần ấy thôi. Hoặc có một người nào đó đã vừa nhận tấm ngân phiếu, thì có người vấn hỏi rằng: "có được bao nhiêu tiền vậy ?" thì cũng trả lời rằng "có được nhiều lắm, đến hàng trăm, hàng ngàn, v.v." chứ sự thực thì chỉ có được năm hoặc mười đồng ngần ấy thôi. Với những thể loại này thì được liệt vào loại Vọng Ngữ phần **Hy Thiểu Tội** (còn gọi là **Tiểu Vọng Ngữ**). Người nói những ngôn từ thuộc **Phi Thánh Ngôn Ngữ (Anariyavohāra – Ngôn Ngữ Dân Gian)** tức là ngôn từ của kẻ chẳng phải là Bậc Thánh Nhân, hoặc bất luận một trong tám thể loại ngôn từ của hạng người ngông cuồng **(Andhabāla – Ngu Xuẩn).** Với những thể loại này thì được liệt vào loại Vọng Ngữ phần Cực Đại Tội.

BÁT THỂ LOẠI PHI THÁNH NGÔN NGỮ, Đó Là:

1. Điều mình **không thấy,** nói rằng **THẤY.**
2. Điều mình **không được nghe,** nói rằng **ĐƯỢC NGHE.**
3. Điều mình **không gặp,** nói rằng **GẶP.**
4. Điều mình **không biết,** nói rằng **BIẾT.**
5. Điều mình **đã được thấy,** nói rằng **KHÔNG THẤY.**
6. Điều mình **đã được nghe,** nói rằng **KHÔNG ĐƯỢC NGHE.**
7. Điều mình **đã gặp,** nói rằng **KHÔNG GẶP.**
8. Điều mình **được biết,** nói rằng **KHÔNG BIẾT.**

(**GẶP** lập ý ở tại đây nói đến việc được ngửi mùi, được biết vị, được xúc chạm). Đối với việc nói dối đã làm cho Tăng Đoàn phải bị chia rẽ với nhau **(Saṅghabhedaka – Chia Rẽ Tăng Đoàn)** thì liệt vào loại Vọng Ngữ Cực Đại Tội của **Cực Trọng Nghiệp Lực (Garukakamma)**.

TRÌNH BÀY CHƯ GIÁC HỮU TÌNH KHÔNG NÓI LỜI VỌNG NGỮ

Lời nói vọng ngữ đã làm cho người khác hiểu nhầm lầm tin theo, và đã làm cho phát sinh sự tổn hại, đối với Chư Giác Hữu Tình (Bồ Tát) thường là không nói đến thể loại vọng ngữ mà đã làm cho phát sinh sự tổn hại đến cho người nghe.

Y như Chư Giác Hữu Tình đã có nói để ở trong Phẩm thứ Chín – Chương Một – **Túc Sinh Truyện Hổ Thẹn (Navanipāta Hirijātaka)** đã có trình bày nói rằng: **Bodhi sattassa hi ekaccesu ṭhānesu pāṇātipāto, adinnādanaṃ, kāmesu micchācāro, surā merayamajjapānampi hotiyeva atthabhedaka visaṃvādanaṃ purakkhitvā musāvādo nāma na hoti - Dịch nghĩa là:** Ở trong một vài thể loại Bất Thiện Nghiệp Đạo, như là Sát Tử, Thâu Đạo, Tính Dục Tà Hạnh, Uống Rượu và Chất Say; với những thể loại này ắt hẳn còn sinh khởi đến Chư Giác Hữu Tình. Còn việc nói lời vọng ngữ mà có Tư Tâm Sở để sẽ làm cho người khác phải bị đón nhận sự tổn hại thì ắt hẳn là không bao giờ có.

[(Túc Sinh Truyện Hổ Thẹn, bài Kinh thứ 363.) Với tích truyện này, khi bậc Đạo Sư đang trú ngụ ở tại Kỳ Viên Tự, và đã có đề cập đến một phú thương là bạn hữu của Bá Hộ Cấp Cô Độc, sinh sống ở tại một biên địa, có nội dung như sau:

"Thuở xưa, có một vị thương gia ở thành **Bārānasī** được tin rằng những người hầu của một vị thương gia xa lạ bị cướp đoạt lấy hết tất cả tài sản, và sau khi đã vơ vét mọi thứ đã có, họ đã cùng rủ nhau bỏ trốn. Vị thương gia đã nói:

- Vì họ đã không làm điều mà họ phải làm cho những người xa lạ đã đến với họ, nên họ chẳng tìm thấy ai sẵn sàng đền đáp ân cho họ.

Nói như thế, ông đã đọc những câu kệ như sau:

"Người nào dù được kính vì,
Khi làm phận tớ, lòng thì ghét Ta,
Chẳng làm việc tốt thiết tha,
Còn riêng lời nói rườm rà nhiêu khê.
Nên Ta quyết phải một bề,
Người nào như thế, chớ hề kết giao !
Một khi đã trót hứa vào,
Thực hành lời hứa làm sao vẹn tròn.
Việc nào chẳng thể làm xong,
Thì Ta từ chối, quyết không hứa gì.
Người khôn quay mặt ngoảnh đi,
Những khoa trương rỗng, đáng chi để lòng.
Một khi bạn đã một lòng,

Chẳng còn tranh chấp khi không có nào !
Chẳng hề kẻ vạch gắt gao,
Những điều lầm lỗi của nhau bao giờ.
Tin bạn ví tựa trẻ thơ,
Tin vào vú Mẹ chẳng ngờ chút chi !
Dù cho kẻ lạ nói chi,
Cũng chẳng mong muốn chia ly bạn lòng.
Tình bạn ai khéo vẹn tròn,
Hẳn đời tăng ích, cao khôn phước phần !
Những người hưởng thú tịnh an,
Uống vào hương vị Lý Chân ngọt ngào.
Riêng người ấy rõ biết sao,
Thoát dây buộc tội, thoát bao lụy phiền !

Và như thế, bậc Đại Sĩ đã chán ngán tiếp giao với loại bằng hữu xấu ác **(phản bội và vong ân – Akataññū),** và do năng lực của sự độc cư, Ngài đã đưa Giáo Lý của Ngài lên đến tột đỉnh và đã dìu dắt chúng sinh đi đến Níp Bàn.]

Kết Thúc Việc Giải Thích Trong Phần Vọng Ngữ

2. LY GIÁN NGỮ (PISUṆAVĀCĀ – NÓI LỜI CHIA RẼ)

Ly Gián Ngữ **(Pisuṇavācā – Nói lời chia rẽ),** khi chiết tự có được hai từ ngữ, đó là: **Pisuṇa + Vācā. Pisuṇa** dịch nghĩa là "việc nghiền nát nhuyễn" hoặc "việc thực hiện cho tan rã tản mạn", **Vācā** dịch nghĩa là "ngôn từ, lời nói". Khi kết hợp vào nhau thành **Pisuṇavācā** dịch nghĩa là "lời nói nghiền nát sự đoàn kết, làm cho chia rẽ tản mạn". Trình bày câu Chú Giải đã nói rằng:

Pīsati sāmaggiṃ sañcuṇṇetīti = Pisuṇā - Ngôn từ nào thường nghiền nát sự đoàn kết, và làm cho tan rã tản mạn đi; như thế ngôn từ ấy gọi là **Ly Gián Ngữ.**

Vadanti etāyāti = Vācā - Những người thường nói với Tư Tâm Sở ấy, như thế Tư Tâm Sở làm thành tác nhân của việc nói ấy, gọi là **Ngôn Từ.**

Pisuṇā ca sā vācā cāti = Pisuṇavācā - Lời nói mà nghiền nát sự đoàn kết, và làm cho tan rã tản mạn đi, cùng với Tư Tâm Sở làm thành tác nhân của việc nói ấy, như thế gọi là **Ly Gián Ngữ.**

Lấy thí dụ như nam nhân **K** với nam nhân **Kh** là bằng hữu với nhau, và có tình đoàn kết với nhau. Tiếp đến có người thứ ba xen vào nói lời xúi xiểm với nam nhân **K** với những lời đổ tội là nam nhân **Kh** đã nói xấu sau lưng, chỉ trách nam nhân **K** đủ mọi thứ, đã khiến cho nam nhân **K** phải bị hiểu lầm, và đã khởi sinh bất hòa với nam nhân **Kh**. Như thế, lời nói ở thể loại này mới gọi là **Ly Gián Ngữ (Pisuṇavācā).**

Một phần khác nữa, từ ngữ nói rằng **Pisuṇā** đây, một khi theo nguyên gốc của từ ngữ, thì đó chính là **Piyasuññakaraṇā** nhưng lại trở thành **Pisuṇā** là do hiện hành theo phần **Ngữ**

Pháp (Niruttiveyyākaraṇa), tức là đã xóa đi những văn tự khác và chỉ còn lại vỏn vẹn là **Pisuṇā** ngần ấy thôi.

Như đã có trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Piyaṃ suññaṃ karotīti = Pisuṇā** - Lời nói nào thường làm cho phát sinh tự ái và làm cho người khác phải mất đi tình lân ái, như thế lời nói như vậy gọi là **Ly Gián Ngữ.**

Lấy thí dụ như nam nhân đen với nam nhân trắng có tình tương thân tương ái với nhau. Nam nhân đỏ không hoan hỷ, với kỳ vọng là phải làm cho nam nhân đen lân ái với mình, và phải làm cho ghét bỏ nam nhân trắng. Do thế, mới tìm kiếm câu chuyện đi đến nói lời xúi giục nam nhân đen với những lời nói rằng nam nhân trắng ấy không được tốt ở đủ mọi thứ, đã khiến cho nam nhân đen lầm tin và đã nghĩ rằng nam nhân đỏ có tác ý tốt với mình, mới ghét bỏ nam nhân trắng, và rồi trở lại lân ái với nam nhân đỏ. Như vậy, lời nói của nam nhân đỏ ở thể loại này mới gọi là **Ly Gián Ngữ.**

BỐN CHI PHÁP CỦA LY GIÁN NGỮ, Đó Là:

1. Phá Liệt (Bhinditabbo): Người bị làm cho chia rẽ lẫn nhau.
2. Hủy Liệt (Bhedapurakkhāro): Có Tư Tâm Sở rắp tâm làm cho chia rẽ lẫn nhau.
3. Nỗ Lực (Payogo – Phấn Đấu): Có sự cố quyết làm cho chia rẽ lẫn nhau.
4. Liễu Tri Nội Dung (Tadattha jānanaṃ): Người nghe hiểu biết nội dung ấy.

Như có câu kệ trình bày nói rằng:

Pisuṇāya bhinditabbo **Tappurapiyakamyatā**
Vāyāmo jānanaṃ catu **Bhinne kammapatho bhave**

Dịch nghĩa là: Có bốn Chi Pháp của Ly Gián Ngữ, đó là:
1. Người bị làm cho chia rẽ lẫn nhau.
2. Có Tư Tâm Sở rắp tâm làm cho chia rẽ lẫn nhau, và có ý định để cho lân ái mình.
3. Có sự cố quyết làm cho chia rẽ lẫn nhau.
4. Người nghe hiểu biết nội dung ấy.

Một khi người đã bị xúi xiểm rồi phát sinh chia rẽ lẫn nhau thì coi như đã Xâm Phạm Nghiệp Đạo. Trong câu kệ trình bày đến Chi Pháp thứ hai, chỗ nói rằng **Tappura piyakamyatā** là "có Tư Tâm Sở rắp tâm làm cho chia rẽ lẫn nhau, và có ý định để cho lân ái mình", với việc có Tư Tâm Sở rắp tâm làm cho chia rẽ lẫn nhau là điều chánh yếu. Còn việc có ý định làm cho lân ái mình, thì chẳng phải là điều chánh yếu, mà đó chỉ là trình bày cho biết rằng việc nói lời vọng ngữ của một vài người cũng có chủ tâm như vầy. Đối với **Sự Nỗ Lực (Payoga)** thì có được hai thể loại, đó là: **Thân Nỗ Lực (Kāyapayoga)** và **Ngữ Nỗ Lực (Vacīpayoga).**

Thân Nỗ Lực là việc xúi xiểm theo Lộ Thân Môn, có việc biểu lộ cử chỉ điệu bộ làm cho ở phía bên kia biết được chủ ý của mình. Lấy thí dụ như có một đôi vợ chồng, với người chồng ra đi làm việc, và người vợ lại lẻn đi đánh bài ở nhà hàng xóm láng giềng. Khi người chồng về lại nhà, và đã không nhìn thấy người vợ thì đi hỏi thân quyến của mình đang chung

sống ở trong nhà. Thân quyến ấy đã sẵn chẳng ưa thích gì người vợ này, sẵn lòng mong mỏi sẽ làm cho người chồng phát sinh bất hòa với người vợ, nhưng lại chẳng nói nên lời nào cả, mà chỉ dùng cử chỉ điệu bộ để cho biết rằng người vợ đã đi đánh bài ở nhà cạnh bên. Người chồng biết được và không hài lòng người vợ. Đến khi người vợ về đến thì phát sinh lên cãi cọ bất hòa với nhau. Việc biểu lộ cử chỉ điệu bộ xúi xiểm như vậy, đã được gọi là xúi xiểm theo Lộ Thân Môn.

Ngữ Nỗ Lực là việc xúi xiểm theo Lộ Ngữ Môn, là việc nói năng làm cho người ở cả hai phía phát sinh chia rẽ với nhau. Chẳng hạn như có câu chuyện đã được kể với nhau rằng: "Trong một thôn làng nọ có một đôi vợ chồng. Người chồng là dân ở Miền Đông Bắc, và người vợ là dân ở Phương Nam. Cả hai đều hết mực thương yêu nhau, và đã khiến cho bọn nữ nhân sinh sống ở hàng xóm láng giềng sinh tâm đố kỵ, bèn cùng rủ nhau nghĩ cách sẽ làm cho cả hai vợ chồng này phải bất hòa chia rẽ với nhau, bằng cách lén gặp được nam nhân là người chồng để nói rằng "Vợ của anh ấy là **"Ma Trơi".** Vào thời gian tới nửa đêm, khi anh ta còn đang say ngủ, thì người vợ đã ngồi dậy ra và đã đi tìm kiếm thực phẩm để ăn. Tuy nhiên, đầu tiên là sẽ bước qua thân hình của anh ta trước, để không làm cho anh ta phải vụt thân dậy, và cứ tới nửa đêm là cô ấy đã làm như vậy mà anh ta không hề hay biết." Khi bọn nữ nhân này gặp được người vợ của nam nhân ấy thì lại lén nói rằng "Chồng của cô ta chẳng phải là người bình thường. Nhóm người dân ở miền Đông Bắc đã đến nói cho được nghe rằng chồng của cô này là một **Thực Phẩn Tiêm Quỷ** và đã viện dẫn cho xem bằng chứng bằng cách lén rờ vào cuối đốt xương cụt thì có một cái đuôi đang mọc ra." Khi cả hai bên ai cũng đã được đón nhận lời kể như vậy, thì ai nấy cũng chực chờ có được cơ hội để sẽ chứng kiến về sự thật ấy cho bằng được. Một nửa đêm nọ, khi cả hai vợ chồng này cùng vào ngủ, thì mỗi bên ai cũng giả vờ làm như đã ngủ. Người vợ thì nghĩ rằng chồng đã ngủ rồi, mới ngồi dậy với tay để sẽ rờ xem cái mông của chồng. Phía người chồng thì nghĩ rằng vợ mình đây là **Ma Trơi** và đang sắp bước qua thân hình của mình, thành thử đã giở chân lên đạp vào cô ta văng đi. Người vợ nổi giận lên liền mắng chửi chồng là **Quỷ ăn phân người !** Người chồng lại nói cô ta là **Ma Trơi** thế là ai nấy cùng kình cãi với nhau, và kết cuộc thì đôi vợ chồng này đã hoàn toàn chia rẽ với nhau, là bởi do việc xúi xiểm của bọn nữ nhân cư ngụ ở hàng xóm láng giềng. Với người đã nói ra thì chẳng có điều lợi ích để sẽ có được sự lân ái với mình, và câu chuyện đã nói ra đó, lại chẳng có thật; vì thế với bọn nữ nhân đã nói ấy, coi như đã Xâm Phạm Nghiệp Đạo, vì người bị xúi xiểm đã khởi sinh việc chia rẽ với nhau."

Việc nói lời Ly Gián Ngữ đây, cho dù sẽ hội đủ cả bốn Chi Pháp đi nữa, thế nhưng, nếu như người đã bị xúi xiểm ấy, lại không có sự chia rẽ với nhau, và vẫn tiếp tục duy trì về Thân hòa hợp, Tâm hòa hợp lẫn nhau, thì không thể liệt người đã nói lời ấy là đã xâm Phạm Nghiệp Đạo.

Như Ngài Đại Chú Giải Sư **Buddhaghosa** đã có trình bày để ở trong Bộ Chú Giải **Aṭṭhasālinī** nói rằng: **Pare pana abhinne kammapathabheda natthi bhinneeva - Dịch nghĩa là:** Cho dù sẽ hội đủ cả bốn Chi Pháp đi nữa, nhưng một khi người ấy vẫn không có

sự chia rẽ với nhau, thì vẫn không có việc Xâm Phạm Nghiệp Đạo. Tuy nhiên, nếu như đã có việc chia rẽ với nhau thì lúc ấy mới coi như đã Xâm Phạm Nghiệp Đạo rồi vậy.

VIỆC PHÂN TÍCH LY GIÁN NGỮ (PISUṆAVĀCĀ) THEO PHẦN CỰC ĐẠI TỘI (MAHĀSĀVAJJA) VÀ HY THIỂU TỘI (APPASĀVAJJA)

Nếu như người bị xúi xiểm cho chia rẽ với nhau là người không có Đức Hạnh, không sống ở trong **Giới Pháp (Sīladhamma)** thì người đã nói lời nói ấy sẽ có thể loại tội lỗi tác hại thuộc Hy Thiểu Tội, tức là có tội chút ít. Nếu như người đã bị xúi xiểm lại là người có Đức Hạnh, và đã sống ở trong Giới Pháp, thì người đã nói lời ấy sẽ có thể loại tội lỗi tác hại thuộc Cực Đại Tội, tức là có tội nhiều.

Kết Thúc Việc Giải Thích Trong Phần Ly Gián Ngữ

3. THÔ ÁC NGỮ (PHARUSAVĀCĀ – NÓI LỜI XẤU ÁC)

Từ ngữ nói rằng **Thô Ác Ngữ (Pharusavācā – Nói lời xấu ác),** khi chiết tự có được hai từ ngữ, đó là: **Pharusa + Vācā. Pharusa** dịch nghĩa là "một cách thô ác", **Vācā** dịch nghĩa là "ngôn từ, lời nói". Khi kết hợp vào nhau thành **Pharusavācā** dịch nghĩa là "lời nói thô ác" tức là việc chửi mắng, việc nguyền rủa.

Trình bày câu Chú Giải đã nói rằng: **Pharusaṃ karotīti = Pharusā** - Lời nói nào thường làm cho thành thô ác, như thế lời nói ấy gọi là **Thô Ác Ngữ,** tức là những việc chửi mắng, và việc nguyền rủa. Rằng theo phần Chi Pháp, tức là Tư Tâm Sở hiện hữu ở trong Tâm căn Sân, làm thành tác nhân của các việc chửi mắng, việc nguyền rủa.

Từ ngữ nói rằng **Pharusā**, khi nói theo câu Chú Giải đã có trình bày, tức là **Pharusaṃ karotīti = Pharusakaraṇā** tuy nhiên theo phần **Ngữ Pháp (Niruttiveyyā karaṇa)** thì đã xóa đi và đã lấy từ ngữ **Karanaṃ** ra, như thế mới chỉ còn lại là **Pharusā.** Một phần khác nữa, từ ngữ nói rằng **Pharusavācā** khi phân tích ra thì đã có được ba từ ngữ, đó là **Phara + Usa + Vācā, Phara** dịch là "lan tỏa", **Usa** dịch là "nóng nẩy, khốn khổ", **Vācā** dịch là "ngôn từ, lời nói".

Khi kết hợp vào nhau thành **Pharusavācā** dịch là "lời nói làm cho sự nóng nẩy khốn khổ lan tỏa đi".

Như trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Hadayaṃ pharamānā usati dahatīti = Pharusā** - Lời nói nào thường làm cho sự nóng nẩy khốn khổ cho lan tỏa ở trong trái tim, như thế lời nói ấy gọi là **Thô Ác Ngữ.**

Pharusā ca sā vācā cāti = Pharusavācā - Làm thành thô ác, một cách thô ác với lời nói, như thế mới gọi là **Thô Ác Ngữ** (Hoặc câu Chú Giải thứ hai được dịch nghĩa theo một cách khác nữa là) "Với lời nói mà thường hay tạo tác sự nóng nẩy khốn khổ cho lan tỏa ở trong trái tim, như thế mới gọi là **Thô Ác Ngữ**".

Lời nói ở thể loại thô tục mà đã được gọi là **Thô Ác Ngữ** đây, người đã được nghe ấy không thể kiềm chế được việc làm thinh, chủ ý làm cho tâm thức của người đã được nghe phải bị bất an, có vẻ như đã bị răng cưa cắt chém vậy; như thế những lời chửi mắng hoặc các lời nguyền rủa ấy mới được gọi là **Thô Ác Ngữ.** Ở tại đây là cách thức nói theo phần **Khởi Nguyên (Mukhanaya),** tức là việc nói một cách trực tiếp. Nếu nói theo **Chuyển Biến Lộ (Phalūpacāranaya)** là theo phần gián tiếp, chính Tư Tâm Sở Sân **(Dosacetanā)** được gọi là **Thô Ác Ngữ (Pharusā),** vì Tư Tâm Sở Sân này là Tác Nhân **(Hetu),** và việc chửi mắng, viện nguyền rủa ấy là Hệ Quả **(Phala).** Và rút lấy từ ngữ **Pharusā** làm thành tên gọi của lời nói thô ác, và đặt để vào ở trong Tư Tâm Sở Sân, mới gọi Tư Tâm Sở Sân này là **Thô Ác Ngữ (Pharusā).**

CÓ BA CHI PHÁP CỦA THÔ ÁC NGỮ, Đó Là:

1. Sân Cấu (Kopo): Có sự nổi giận.

2. Cấu Nạn (Upakuṭṭho): Có người bị chửi mắng.

3. Lỵ Mạ (Akkosanā): Nói lời chửi mắng.

Như có câu Kệ trình bày nói rằng:

Pharusāya tayo kopo **Upakuṭṭho akkosanā**
Mammacchedakarā taggha **Pharusā pharusā matā**

Dịch nghĩa là: Có ba Chi Pháp của Thô Ác Ngữ, đó là 1/ Sự nổi giận, 2/ Có người bị chửi mắng, 3/ Nói lời chửi mắng. Bậc Trí Giả nên liễu tri loại Tư Tâm Sở Thô Ác có khả năng làm cho người nghe phải phát cáu, giống như ung nhọt đang mưng mủ đã phải đụng vào, bằng như thế ấy mới gọi là **Thô Ác Ngữ.**

Từ ngữ nói rằng **Mammacchedakarā** đây, là từ ngữ trình bày ý nghĩa cho được biết rằng loại Tư Tâm Sở này phải là loại Tư Tâm Sở Thô Ác. Như vậy, cho dù lời đã nói ra sẽ là lời lẽ tế nhị đi nữa, tuy nhiên nếu như đã có Tư Tâm Sở Thô Ác rồi, thì lời nói ra ấy cũng phải sắp tương tự như là loại Thô Ác Ngữ vậy. Lấy thí dụ như vị thẩm phán nói lời phán quyết xử tử hình với kẻ tử tội, thì cho dù ngay trong sát na nói ra ấy, là sẽ dùng ngôn từ lịch thiệp, có sắc diện tươi cười đi nữa, tuy nhiên với Tư Tâm Sở lập ý cho việc xử tử hình ấy rồi, thì Tư Tâm Sở cũng phải sắp vào loại thô ác. Thế là, lời nói đã nói ra ấy mới hoàn thành Nghiệp Đạo Thô Ác Ngữ.

Trong bộ Chú Giải **Aṭṭhasālinī** Ngài Giáo Thọ **Buddhaghosa** đã nói rằng "Cha Mẹ chửi mắng nguyền rủa con trẻ" hoặc "Thầy Giáo Thọ chửi mắng môn đồ với tác ý tốt, và chẳng hề có bất luận một ý đồ xấu nào", và như thế, lời đã nói ra ấy cũng không sắp vào loại Thô Ác Ngữ. Ngài Giáo Thọ đã nêu lên thí dụ dẫn chứng như "Người Mẹ ngăn cản đứa con trai không cho đi rong chơi ở trong chốn rừng già, tuy nhiên đứa con trai lại không vâng lời, đã chống lại và cứ đòi đi bằng được. Người Mẹ mới mắng chửi nguyền rủa rằng: "Ông mà chẳng có nghe lời tôi, và chống lại thì cầu xin cho trâu rừng húc toi mạng đi thôi !". Lời

nguyền rủa của người Mẹ này chỉ là hiện hành với mãnh lực của sự bất duyệt ý ngần ấy thôi, và như thế, mới không sắp vào loại Thô Ác Ngữ.

Ngài Phụ Chú Giải Sư đã nói lời phản bác rằng: "Những lời chửi mắng, nguyền rủa của người Mẹ, người Cha, Tôn Sư, Giáo Thọ đấy, thế nhưng nếu như lời đã nói ra mà quả thật đã được phối hợp với sự nổi giận, thì ắt hẳn phải sắp vào loại Thô Ác Ngữ, vì lẽ đã hội đủ cả ba Chi Pháp, tuy nhiên chỉ có chút ít tội ngần ấy thôi."

Một vài nhà Chú Giải Sư đã nói rằng: "Việc nói lời Thô Ác Ngữ đây, là phải nói trước mắt người bị chửi mắng thì mới thành tựu Nghiệp Đạo." Tuy nhiên ở trong Bộ Phụ Chú Giải Trường Bộ Kinh **(Dīghanikāyaṭīkā)** và Bộ Phụ Chú Giải Trung Bộ Kinh **(Majjhimanikāyaṭīkā)** đã nói rằng: Việc nói lời Thô Ác Ngữ, cho dù người bị chửi mắng ấy đã không có hiện diện hoặc giả đã chết mất đi rồi, thì việc nói ra lời ấy cũng vẫn thành tựu Nghiệp Đạo được. Viện dẫn rằng kẻ nhỏ nói lời xúc phạm đến với người lớn, như là người Mẹ, người Cha, Tôn Sư, Giáo Thọ, v.v. và tiếp đến kẻ ấy đã có hiểu biết trong sự sai trật của mình, mới thực hiện việc xưng tội sám hối đến những bậc ấy. Thế nhưng, cho dù các bậc ấy sẽ không có hiện diện trước mắt hoặc đã chết mất đi rồi, thì việc xưng tội sám hối của người ấy cũng hẳn nhiên là thành tựu quả phúc hữu ích, tức là tội lỗi ấy sẽ tan biến đi và trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực. Một khi, việc nói lời xưng tội sám hối mà người bị chửi mắng đang hiện diện trước mắt lại thản nhiên bỏ qua, thì ắt hẳn đã được thành tựu quả phúc hữu ích. Việc nói lời Thô Ác Ngữ mà không có người bị chửi mắng hiện diện trước mắt, thì tương tự hẳn nhiên là thành tựu Nghiệp Đạo.

TRÌNH BÀY THẬP PHƯƠNG CÁCH LỴ MẠ (AKKOSAVATTHU 10)

Trong Chi Pháp thứ ba, chỗ nói rằng **Akkosanā – Lỵ Mạ** tức là việc nói lời chửi mắng ấy, bậc Học Giả nên hiểu biết có đến mười thể loại yếu tố thiết lập ra việc chửi mắng, đó là:

Jāti nāma gotta kammaṃ **Sippaṃ ābādha liṅgikaṃ**
Kilesāpatti akkoso **Dasamomasavādakā**

CÓ MƯỜI THỂ LOẠI SỬ DỤNG LỜI CHỬI MẮNG, Đó Là:

1. Chủng tộc thấp cao.
2. Tên gọi thấp cao.
3. Dòng giống thấp cao.
4. Việc làm thấp cao.
5. Kiến thức thấp cao.
6. Căn bệnh thấp cao.
7. Hình dạng tướng trạng thấp cao.
8. Phiền não.
9. Vi phạm tội thấp cao.

10. Lời chửi mắng thấp cao.

1. Chủng Tộc (Jāti): Lời chửi mắng có liên quan với chủng tộc ty liệt ấy, chẳng hạn như nói rằng "chủng tộc tiện sinh, chủng tộc nô bộc, chủng tộc hành khất, chủng tộc côn đồ", v.v. Lời chửi mắng có liên quan với chủng tộc thanh cao ấy, chẳng hạn như nói lời khích bác rằng "hạng Thiện sinh bảy đời tổ phụ, hạng đại trưởng giả", v.v.

2. Danh Xưng (Nāma): Lời chửi mắng có liên quan với tên gọi ty liệt, chẳng hạn như chửi mắng rằng "thằng đần độn, thằng nói bừa, thằng kỳ đà cản mũi", v.v. Lời chửi mắng có liên quan với tên gọi thanh cao, chẳng hạn như giả vờ gọi là "hạng bà lớn, hạng quan to, hạng Ngài vạn tuế", v.v.

3. Huyết Tộc (Gotta): Lời chửi mắng có liên quan với dòng giống ty liệt, chẳng hạn như chửi mắng rằng "thằng ni là dòng giống đầu trộm đuôi cướp, dòng giống lừa gạt, dòng giống ẩu xị", v.v. Lời chửi mắng có liên quan với dòng giống thanh cao, chẳng hạn như chửi mắng nhạo báng rằng "ông ta là dòng giống hoàng thân quốc thích, cậu ấy là dòng giống trưởng giả", v.v.

4. Sự Vụ (Kammaṃ): Lời chửi mắng có liên quan với việc làm mưu sinh ty liệt, chẳng hạn như "kẻ thợ rèn, kẻ đập đá, kẻ khuân rác," v.v. Lời chửi mắng có liên quan với việc làm mưu sinh thanh cao, chẳng hạn như "thợ kim hoàn, thợ bạc, thương gia, nông dân, dân làm rẫy, dân làm vườn," v.v.

5. Học Nghệ (Sippaṃ): Lời chửi mắng có liên quan với kiến thức ty liệt, chẳng hạn như "có học thức lái xe, học thức cắt tóc, học thức tạo nặn lu chum," v.v. Lời chửi mắng có liên quan với kiến thức thanh cao, chẳng hạn như "thầy bói, thầy thuốc, thầy giáo, giáo thọ," v.v.

6. Bệnh Trạng (Ābādha): Lời chửi mắng có liên quan với bệnh trạng ty liệt, chẳng hạn như "bệnh cùi hủi, bệnh phong cùi, bệnh hắc lào (nấm bẹn), bệnh lang ben," v.v. Lời chửi mắng có liên quan với bệnh trạng thanh cao, chẳng hạn như "bệnh hệ thần kinh, bệnh tim mạch, bệnh dạ dầy," v.v.

7. Tính Biệt (Liṅgikaṃ): Lời chửi mắng có liên quan với hình dáng tướng trạng ty liệt, chẳng hạn như "béo, gầy, thấp, cao, còi, còm," v.v. Lời chửi mắng có liên quan với hình dáng tướng trạng thanh cao, chẳng hạn như "xinh đẹp, bảnh bao, oai vệ, oai hùng, gan dạ," v.v.

8. Phiền Não (Kilesa): Lời chửi mắng có liên quan với phiền não chỉ có duy nhất một phía ty liệt, chẳng hạn như chửi mắng rằng "hắn ta nổi cơn thịnh nộ, người hay đố kỵ, người có nhiều ái dục quá, có nhiều tà kiến ngã mạn quá," v.v.

9. Phạm Tội (Āpatti): Lời chửi mắng có liên quan với việc phạm tội ty liệt, chẳng hạn như chửi mắng rằng "kẻ phạm **Bất Cộng Trụ (Pārājika), Tăng Tàn (Saṅghadise sa).**" Lời chửi mắng có liên quan với việc phạm tội thanh cao, chẳng hạn như "phạm tội **Ưng Đối Trị (Āpatti Pācittīya), Tác Ác (Dukkaṭa),**" v.v.

10. Lỵ Mạ (Akkoso): Lời chửi mắng ty liệt, chẳng hạn như dùng các lời nói thô tục lỗ mãng, có "chửi Cha, mắng Mẹ," v.v. Lời chửi mắng thanh cao, chẳng hạn như chửi rằng "bản chất xấu xa, bản tánh bỉ ổi, đốn mạt tệ lậu, súc sinh," v.v.

CÓ HAI THỂ LOẠI NỖ LỰC (PAYOGA) CỦA THÔ ÁC NGỮ, Đó Là:

1. Thân Nỗ Lực (Kāyapayoga): Việc nói ra lời thô ác theo Lộ Thân Môn.

2. Ngữ Nỗ Lực (Vācīpayoga): Việc nói ra lời thô ác theo Lộ Ngữ Môn.

Việc nói lời thô ác theo Lộ Ngữ Môn thì hẳn đã rõ ràng rồi. Còn việc nói lời thô ác theo Lộ Thân Môn ấy, chẳng hạn như viết thư chửi mắng, hoặc trình bày các cử chỉ hành động thô tục, lỗ mãng; làm cho người nhìn thấy biết được sự sân cấu, sự xấu hổ, hoặc tâm bất an.

VIỆC PHÂN TÍCH THÔ ÁC NGỮ (PHARUSAVĀCĀ) THEO PHẦN CỰC ĐẠI TỘI (MAHĀSĀVAJJA) VÀ HY THIỂU TỘI (APPASĀVAJJA)

Việc chửi mắng đến bậc có **Ân Đức Hiệp Trợ (Upakāraguṇa)** chẳng hạn như Mẹ, Cha, Tôn Sư, Giáo Thọ, Thân Quyến, hoặc người có Đức Hạnh, và đã sống ở trong **Giới Pháp (Sīladhamma),** ắt hẳn người chửi mắng ấy có tội lỗi rất nhiều (Cực Đại Tội). Nếu như người bị chửi mắng ấy, lại là người chẳng có Đức Hạnh, không sống ở trong Giới pháp, thì người chửi mắng ấy sẽ có tội chút ít (Hy Thiểu Tội).

Kết Thúc Việc Giải Thích Trong Phần Thô Ác Ngữ

4. HỒ NGÔN LOẠN NGỮ (SAMPHAPPALĀPA – NÓI LỜI VÔ ÍCH)

Từ ngữ nói rằng **Hồ Ngôn Loạn Ngữ (Samphappalāpa – Hồ Loạn Thuyết Thoại, Ngữ Vô Loạn Thứ),** khi chiết tự có được hai từ ngữ, đó là: **Sampha + Palāpa. Sampha** dịch nghĩa là "việc phá hại sự lợi ích và sự an vui", **Palāpa** dịch nghĩa là "ngôn từ, việc nói ra lời". Khi kết hợp vào nhau thành **Samphapalāpa** dịch nghĩa là "việc nói ra lời làm phá hại đi sự lợi ích và sự an vui" tức là lời nói tầm quấy tầm quá.

Trình bày câu Chú Giải đã nói rằng: **Saṃhitasukhaṃ phalati vināsetīti = Samphaṃ** - Lời nói nào thường làm phá hại đi các sự lợi ích và các sự an vui, như thế, lời nói ấy gọi là Hồ Ngôn Loạn Ngữ.

Saṃ pubba phala dhātu kvi paccaya lapa la ca kvi = Samphaṃ

Samphaṃ panapanta etenāti = Samphappalāpo - Việc nói ra lời làm phá hại đi các sự lợi ích và các sự an vui với Tư Tâm Sở đó, vì thế Tư Tâm Sở làm thành tác nhân ở trong việc nói ra lời làm phá hại các sự lợi ích và các sự an vui, như thế mới gọi là Hồ Ngôn Loạn Ngữ.

Việc nói ra lời Hồ Ngôn Loạn Ngữ ấy, lập ý đến việc nói với nội dung tình tiết tầm sàm nhảm nhí, phù phiếm, tầm thường, không có căn bản, và chẳng có quan trọng. Chẳng hạn như kể chuyện phim ảnh, kể về các câu chuyện tuồng tích và truyện ký, ca kịch; hoặc nói những lời khôi hài đùa cợt; hoặc người đóng phim, diễn kịch, hát tuồng, và ca nhạc; hoặc nhà sáng tác viết ra các tích truyện tiểu thuyết. Với những thể loại này đã được liệt vào loại Hồ Ngôn Loạn Ngữ hết cả thảy, vì lẽ đã làm cho thính giả, độc giả chẳng được đón nhận bất luận sự lợi ích nào cả, nhất thời làm cho cứ mãi mê vui thích chỉ ngần ấy thôi, luôn cả đã làm mất đi biết bao điều lợi ích đáng lý là sẽ có được, nhưng rồi cũng đã làm mất đi hết cả. **Chi Pháp (Aṅgadhamma)** của Hồ Ngôn Loạn Ngữ này, tức là Tư Tâm Sở Bất Thiện **(Akusalacetanā)** làm Tác Nhân **(Hetu)** của việc nói lời Hồ Ngôn Loạn Ngữ, còn lời lẽ đã nói ra ấy thì làm thành Hệ Quả **(Phala)**. Tuy nhiên, rút lấy từ ngữ nói rằng Hồ Ngôn Loạn Ngữ là tên gọi của Tư Tâm Sở dùng để gọi thành tên ấy, đó là việc gọi tên theo phần Tiếp Cận **(Ṇūpacāranaya)**, tức là gọi tên theo chỗ sát cận với Tác Nhân **(Hetu)**.

CÓ HAI CHI PHÁP CỦA HỒ NGÔN LOẠN NGỮ, Đó Là:

1. Tác Hành Vô Ích (Niratthakathāpurakkhāro): Chủ tâm nói ra lời chẳng hữu ích chi cả.

2. Vô Ích Sự (Kathanaṃ): Lời nói vô ích.

Như có câu Kệ trình bày nói rằng:

Samphassa niratthakathā Puratā kathana duve
Parena gahiteyeva Hoti kammapatho na no

Dịch nghĩa là: Cả hai Chi Pháp của Hồ Ngôn Loạn Ngữ ấy, là: 1/ Chủ tâm nói ra lời chẳng hữu ích, 2/ Lời nói ấy đã được thốt ra. Khi thính giả hoặc độc giả đã tin vào lời nói ấy, thì ắt hẳn đã làm thành tựu Nghiệp Đạo. Nếu như thính giả hoặc độc giả chẳng có tin theo lời đã nói ra ấy, thì hẳn nhiên không thành tựu Nghiệp Đạo, duy nhất chỉ làm thành Hồ Ngôn Loại Ngữ ngần ấy thôi.

Giải thích rằng: ở trong câu kệ chỗ nói rằng **Niratthakathāpurakkhāro** ấy, là lập ý nói đến nội dung tình tiết chẳng có xác thực. Tuy nhiên người đã nói hoặc nhà sáng tác ấy đã có chủ tâm để soạn tác với nội dung tình tiết ấy lên, để cho thính giả hoặc độc giả phải bị mê mẩn lầm lạc tin theo ở trong lời nói của mình, kết quả đã làm phát sinh lên sự hiểu biết sai trật và mất đi sự lợi ích đối với thính giả hoặc độc giả. Khi đã là như vậy, thì lời nói của người ấy đã được sắp thành Hồ Ngôn Loạn Ngữ. Tuy nhiên, cho dù câu chuyện ấy chẳng có xác thực đi nữa, người nói hoặc nhà sáng tác lập ý rút lên cho làm thành điều tỷ dụ phối hợp với việc giáo huấn, việc diễn giải, hoặc việc soạn tác để cho thính giả được hiểu biết dễ dàng; và khi đã là như vậy thì lời lẽ của người ấy sẽ không được sắp thành Hồ Ngôn Loạn Ngữ. Nếu như câu chuyện đã được nói ra đã là sự thật, tuy nhiên thính giả hoặc độc giả chẳng được đón nhận bất luận sự lợi ích nào cả, thì như vậy cũng chẳng khác gì người nói

ấy đã kể hoặc viết về những thông tin để cho được nghe, và lời nói của người ấy cũng không được sắp thành Hồ Ngôn Loạn Ngữ.

Người nói hoạt bát vui vẻ cười đùa, và đã nói câu chuyện tầm sàm nhảm nhí, chẳng có thật ở phần Hồ Ngôn Loạn Ngữ đây, thì sẽ có được sắp vào loại Vọng Ngữ hay không ? Điều này giải đáp rằng "không sắp vào loại Vọng Ngữ được !" là vì người nói đã không có sự chủ tâm để sẽ nói láo, và đó chỉ là cách nói lông bông ngẫn ấy thôi. Tuy nhiên, nếu như đã có phối hợp với sự chủ tâm để sẽ nói láo rồi, và thính giả lại lầm tin và tưởng là thật, thì mới sẽ sắp thành Vọng Ngữ.

Lời nói mà đã được sắp vào ở trong phần **Niratthakathā**, đó là lời nói chẳng hữu ích, phù phiếm, tầm thường, không có căn bản, và chẳng có quan trọng, đã được hiện hữu với 32 thể loại, và đích thị đã được gọi là **"32 Vô Ích Ngôn Ngữ" (Tiracchānakathā 32)** mà Đức Phật Ngài đã lập ý khải thuyết để ở trong Chánh Tạng **Pāḷi** của bài **Kinh Sa Môn Quả (Samaññaphalasutta)** thuộc **Phẩm Giới Uẩn (Sīlakhandhavagga):**

1. Vương Giả Ngôn Ngữ (Rājakathaṃ): Nói những câu chuyện có liên quan về Bậc Đại Vương, cho suốt đến cả Hoàng Tộc của Ngài.

2. Đạo Tặc Ngôn Ngữ (Corakathaṃ): Nói những câu chuyện về thâu đạo.

3. Đại Thần Ngôn Ngữ (Mahāmattakathaṃ): Nói câu chuyện về vị Quan Đại Thần thuộc Hoàng Triều Nội Các.

4. Binh Sĩ Ngôn Ngữ (Senākathaṃ): Nói câu chuyện về binh lính và cảnh sát.

5. Kinh Hãi Ngôn Ngữ (Bhayakathaṃ): Nói những câu chuyện về sự kinh sợ và hãi hùng.

6. Chiến Lược Ngôn Ngữ (Yuddhakathaṃ): Nói câu chuyện về chiến lược.

7. Thực Phẩm Ngôn Ngữ (Annakathaṃ): Nói những câu chuyện về thực phẩm, có cơm gạo và các món ăn, v.v.

8. Ẩm Liệu Ngôn Ngữ (Pānakathaṃ): Nói những câu chuyện về thức uống.

9. Y Phục Ngôn Ngữ (Vatthakathaṃ): Nói những câu chuyện về y phục và các đồ vấn mặc.

10. Thụy Miên Ngôn Ngữ (Sayanakathaṃ): Nói câu chuyện về ngủ nghỉ.

11. Hoa Đóa Ngôn Ngữ (Mālākathaṃ): Nói những câu chuyện về bông hoa.

12. Hương Phẩm Ngôn Ngữ (Gandhakathaṃ): Nói những câu chuyện về các mùi thơm.

13. Thân Quyến Ngôn Ngữ (Ñātikathaṃ): Nói chuyện về bà con họ hàng, quyến thuộc.

14. Giao Thông Ngôn Ngữ (Yānakathaṃ): Nói những câu chuyện về phương tiện giao thông, xe cộ, tàu bè, v.v.

15. Thôn Xã Ngôn Ngữ (Gāmakathaṃ): Nói những câu chuyện về làng mạc, thôn xóm.

16. Thị Trấn Ngôn Ngữ (Nigamakathaṃ): Nói những câu chuyện về khu dân cư, thị tứ.

17. Thành Thị Ngôn Ngữ (Nagarakathaṃ): Nói những câu chuyện về thành phố, tỉnh thành.

18. Xứ Sở Ngôn Ngữ (Janapadakathaṃ): Nói những câu chuyện về đất nước, quốc độ, biên thùy.

19. Nữ Giới Ngôn Ngữ (Itthikathaṃ): Nói câu chuyện về đàn bà, con gái.

20. Nam Giới Ngôn Ngữ (Purisakathaṃ): Nói câu chuyện về đàn ông, con trai.

21. Thanh Niên Ngôn Ngữ (Kumārakathaṃ): Nói câu chuyện về trai trẻ.

22. Thanh Nữ Ngôn Ngữ (Kumārīkathaṃ - Thanh Tân Ngôn Ngữ): Nói câu chuyện về gái thanh xuân, con gái còn trẻ tuổi.

23. Anh Dũng Ngôn Ngữ (Surakathaṃ): Nói câu chuyện về sự gan dạ kiên cường, dũng cảm.

24. Đạo Lộ Ngôn Ngữ (Visikhākathaṃ): Nói những câu chuyện về con đường, đường phố.

25. Mã Đầu Ngôn Ngữ (Kumbhaṭṭhānakathaṃ): Nói những câu chuyện về bờ sông, bến cảng.

26. Vong Thân Ngôn Ngữ (Pubbapetakathaṃ): Nói câu chuyện về thân quyến đã quá vãng.

27. Tạp Thoại Ngôn Ngữ (Nānattakathaṃ): Nói câu chuyện về trăm thứ khác nhau, linh tinh, lôi thôi.

28. Thế Gian Vụ Thuyết (Lokakkhāyikaṃ): Nói câu chuyện về thế gian và bậc kiến tạo thế gian.

29. Đại Dương Vụ Thuyết (Samuddakkhāyikaṃ): Nói câu chuyện về đại dương và bậc kiến tạo đại dương.

30. Thịnh Suy Ngôn Ngữ (Itivabhābhavakathaṃ): Nói những câu chuyện về sự thịnh vượng và sự suy bại.

31. Lâm Mãng Ngôn Ngữ (Araññakathaṃ): Nói những câu chuyện về rừng rậm, những cánh rừng già.

32. Sơn Hệ Ngôn Ngữ (Pabbatakathaṃ): Nói những câu chuyện về núi đồi, những dãy rặng núi.

Lời nói chẳng hữu ích, phù phiếm, tầm thường, không có căn bản, và chẳng có quan trọng, đã được gọi là loại Hồ Ngôn Loạn Ngữ đây, thể theo phần đông là hiện bày đối với nhóm diễn viên tuồng đồ, như có phim ảnh, ca kịch, v.v. và nhà soạn tác ra những tiểu thuyết đọc cho vui chơi, chẳng có bất luận **nền tảng đức hạnh (Gatidhamma)** nào cả. Và nếu nói theo **Phật Ngôn (Buddhabhāsita)** ở trong Chánh Tạng **Pāḷi** bài Kinh Lục Xứ **(Saḷāyatanā)** thuộc Tương Ưng Bộ Kinh thì nhóm người này một khi đã mạng vong lìa khỏi cõi đời này rồi, thường phải đi tái sinh ở trong **Ngu Lạc Địa Ngục (Pahāsaniraya)** [Xin xem – Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp – Chương V – trang 63] là một phần của Vô Gián Đại Địa Ngục **(Avīcimahānaraka)**. Như thế, Đức Thế Tôn mới lập ý thường luôn huấn giới đến các **Bậc Hữu Học (Sāvaka)** dạy rằng: **Dvinnaṃ vo bhikkhave sannipatitā naṃ dvayaṃ karaṇīyaṃ dhammī vā kathā tuṇhībhāvo vā** - Này tất cả Chư Tỳ Khưu, tất cả các ông

một khi đã có việc hội hợp với nhau giữa hai người, thì có hai việc cần phải thực hành, là cùng luận đàm với nhau liên quan về Giáo Pháp, hoặc không là như thế, thì nên giữ sự im lặng của Bậc Thánh Nhân." (Bài Kinh Thánh Cầu # 26 – **Ariyapariyesana sutta** - thuộc Trung Bộ Kinh).

Trong Chi Pháp thứ hai, chỗ nói rằng **Kathanaṃ** đã trình bày đến phần **Nỗ Lực (Payoga)** mà lập ý chỉ đề cập duy nhất đến phần **Ngữ Nỗ Lực (Vacīpayoga)**, tuy nhiên nếu phải dùng chữ viết đặng viết ra lời lẽ thì cũng phải thành **Thân Nỗ Lực (Kāya payoga)** vậy. Thế nhưng, việc nói lời Hồ Ngôn Loạn Ngữ đây, thường thì đa phần phát sinh theo Lộ Ngữ Môn. Vì thế, Ngài Chú Giải Sư mới trình bày Chi Pháp thứ hai nói rằng **Kathanaṃ** là "nói ra lời" và nếu sẽ nói tóm lại ở trong Hồ Ngôn Loạn Ngữ đây thì cũng sẽ có được cả hai thể loại Nỗ Lực, đó là Ngữ Nỗ Lực và Thân Nỗ Lực.

VIỆC PHÂN TÍCH HỒ NGÔN LOẠN NGỮ (SAMPHAPPALĀPA) THEO PHẦN CỰC ĐẠI TỘI VÀ HY THIỂU TỘI (MAHĀSĀVAJJA - APPASĀVAJJA)

Với người thường luôn nói lời Hồ Ngôn Loạn Ngữ thì ắt hẳn được liệt vào Cực Đại Tội. Còn với người thỉnh thoảng nói lời Hồ Ngôn Loạn Ngữ thì được liệt vào Hy Thiểu Tội. Giải thích ở trong điều **Pāḷi** thứ bảy chỗ nói rằng: **Vacīviññattisaṅkhāte vacīdvāre bāhullavuttito vacīkammaṃ nāma** - Vọng Ngữ, Ly Gián Ngữ, Thô Ác Ngữ, Hồ Ngôn Loạn Ngữ, với cả bốn thể loại này gọi là Ngữ Hành Nghiệp Lực, vì phát sinh ở trong Lộ Ngữ Môn, tức là đa số ở Ngữ Biểu Tri.

Từ ngữ nói rằng "Ngữ Môn" ở tại đây, là lập ý lấy Ngữ Biểu Tri. Vì thế, Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** mới trình bày cho thành một cách đặc biệt, theo phần **Phân Biệt Từ (Visesanapada)** đó là **Vacīviññatsaṅkhāte**. Từ ngữ nói rằng "Ngôn Ngữ" ở trong câu nói là "Ngữ Hành Nghiệp Lực" đây, tức là cử chỉ hành động hiện hành của cửa miệng, đích thị chính là việc nói ra lời, hoặc réo gọi với nhau do bởi ngôn ngữ ấy.

CÓ BỐN THỂ LOẠI NGÔN NGỮ (VĀCĀ), Đó Là:

1. Âm Thinh Ngôn Ngữ (Saddavācā): tức là âm thanh đã nói ra.

2. Kiểm Thúc Ngôn Ngữ (Viratīvācā): tức là việc ngăn trừ **Ngữ Ác Hạnh (Vacī duccarita)**.

3. Tư Tâm Sở Ngôn Ngữ (Cetanāvācā): tức là Tư Tâm Sở làm cho khởi sinh **Sắc Ngữ Biểu Tri (Vacīviññattirūpa)**.

4. Hành Động Ngôn Ngữ (Copanavācā): tức là cử chỉ hành động đặc thù hiện hành ở trong lời nói mà có khả năng làm cho người nghe hiểu biết y theo sở nguyện của mình được.

Cả bốn thể loại Ngôn Ngữ này thì đích thị Hành Động Ngôn Ngữ là Ngữ Biểu Tri và Sắc Ngữ Biểu Tri này là cửa ngõ cho việc khởi sinh của cả bốn Nghiệp Lực, hoặc là tác nhân cho hoàn thành cả Tứ Ngữ Hành Nghiệp Lực, gồm có Vọng Ngữ, v.v. Như thế, Sắc Ngữ Biểu Tri này mới được gọi là Ngữ Môn. Như trình bày câu Chú Giải nói rằng **Vācāevadvāraṃ = Vacīdvāraṃ** - Đích thị Sắc Ngữ Biểu Tri ấy là Môn, mới được gọi là Ngữ Môn. Và cũng đích thị chính hành động tạo tác đa phần phát sinh theo Lộ Ngữ Môn này, mới gọi là Ngữ Môn. Như trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Vacīdvāre yebhuyyena pavattaṃ kammanti = Vacīkammaṃ** - Nghiệp Lực đa phần khởi sinh ở trong Lộ Ngữ Môn, vì thế mới gọi là "Ngữ Hành Nghiệp Lực".

Trong cả Tứ Ngữ Ác Hạnh có Vọng Ngữ v.v. như đã vừa đề cập ở tại đây, thường cũng được khởi sinh theo Lộ Thân Môn, chẳng hạn như dùng chữ viết để viết thành sách vở, giấy tờ; hoặc dùng biểu lộ cử chỉ điệu bộ cho thành những ý nghĩa. Thế nhưng, cho dù sẽ khởi sinh theo Lộ Thân Môn đi nữa, nhưng chẳng gọi là Thân Hành Nghiệp Lực được, mà vẫn cứ gọi là Ngữ Hành Nghiệp Lực, bởi vì đa phần khởi sinh theo Lộ Ngữ Môn, là việc gọi tên theo phần **Sung Mãn Túc (Tabbāhullanaya)** có nghĩa theo phần nhiều đa số.

Với lý do này, Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** mới sử dụng từ ngữ nói rằng **Đa Phần Thông Dụng (Bāhullavuttito)**, có nghĩa chỗ được gọi "Ngữ Hành Nghiệp Lực" là cũng do phần nhiều được sinh khởi theo Lộ Ngữ Môn.

Kết Thúc Việc Giải Thích Trong Tứ Ngữ Ác Hạnh

GIẢI THÍCH TRONG TAM Ý HÀNH NGHIỆP LỰC

1. Ý THAM ÁC (ABHIJJHĀ – Ý THAM TÀN)

Từ ngữ nói rằng **Abhijjhā** đây, khi chiết tự có được bốn từ ngữ, đó là: **Abhi + Pubba + Jhe + Dhātu. Abhi** dịch nghĩa là "hiện diện trước mắt", **Jhe** dịch nghĩa là "tư lượng, nghĩ suy đến". Khi kết hợp vào nhau thành **Abhijjhā** dịch nghĩa là "nghĩ suy đến trước mắt", lập ý đến "tư lượng chú mục ở trong tài sản của cải của tha nhân đang hiện bày trước mắt". Như trình bày câu Chú Giải đã nói rằng: **Parasampatta abhimukhaṃ jhāyatīti = Abhijjhā** - Pháp Chủng nào thường hay nghĩ đến tài sản của cải của tha nhân đang ở trước mắt, như thế Pháp Chủng ấy gọi là **Ý Tham Ác (Abhijjhā)**. Chi Pháp là Tham.

CÓ HAI THỂ LOẠI THAM (LOBHA), Đó Là:

1. Tham Hợp Pháp (Dhammiyalobha): Sự mãn ý dục đắc một cách hợp pháp, chính đáng.

2. Tham Bất Hợp Pháp (Adhammiyalobha): Sự mãn ý dục đắc một cách bất hợp pháp, bất chính đáng.

Đối với **Tham (Lobha)** thuộc **Ý Tham Ác (Abhijjhā)** đấy, đã ở trong nhóm Tham Bất Hợp Pháp.

Theo lẽ thường nhiên con người một cách chung chung, một khi đã có được tiếp xúc, gặp gỡ, nhìn thấy ở trong những Cảnh vật xinh đẹp tốt tươi, như có Cảnh Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc v.v. thì ắt hẳn có sự mãn ý dục đắc ở trong hết cả thẩy những thể loại Cảnh ấy. Tuy nhiên sự mãn ý dục đắc của những hạng người ấy đã được phân chia với nhau ra làm hai hạng người:

1/ Một hạng người, một khi đã có sự mãn ý dục đắc ở trong các sự vật ấy rồi, thì chân thành nỗ lực tầm cầu cho có được với cả sự lương thiện, bằng với sự mua lại, bằng với sự thương lượng trao đổi với sự vật ở thể loại khác, hoặc với việc xin xỏ. Sự mãn ý dục đắc của hạng người này đã được liệt vào thể loại **Tham Hợp Pháp.**

2/ Chẳng phải như một hạng người Tham Ác khác nữa, một khi đã có sự mãn ý dục đắc ở trong bất luận sự vật nào rồi, thì có sự chú mục dục đắc các sự vật ấy, đặng làm thành của riêng mình một cách bất hợp pháp. Tức là chẳng muốn mua, cũng chẳng muốn xin, hoặc cũng chẳng muốn trao đổi với bất luận sự vật nào khác, mà chỉ mưu đồ tầm cầu phương cách để làm sao sẽ đoạt lấy hoặc là trộm lấy cho bằng được các sự vật ấy, cho làm thành của riêng mình. Sự mãn ý dục đắc của hạng người này phải được liệt vào thể loại **Tham Bất Hợp Pháp,** tức là **Ý Tham Ác (Abhijjhā)** hình thành.

Khi thẩm thị vào Ý Tham Ác một khi đã thâm nhiễm và chi phối người nào rồi, thì thường làm cho tâm thức của kẻ ấy sẽ phát sinh lòng tham đắm ở trong tài sản của người khác mà họ đã phải tìm kiếm để mà có được bằng với **Nghiệp Lực (Kamma), Trí Tuệ (Ñāṇa),** và **Tinh Tấn (Viriya)** của họ. Còn tự bản thân của kẻ ấy thì lại mong muốn có được một cách thoải mái, chẳng đoái hoài nghĩ đến người ấy sẽ phải đón nhận sự thiệt hại khổ sở như thế nào. Người đã có sự nghĩ suy như vậy, thì cho dù vẫn chưa thực sự ra tay để chụp lấy, để lừa đảo, hoặc hăm dọa và cưỡng bức chủ nhân của cải tài sản ấy đi nữa, cũng coi như việc đã nghĩ đến như vậy, đã là điều hết sức **ghê tởm (Quý)** và **xấu hổ (Tàm)** vô cùng. Tuy nhiên người đã bị thâm nhiễm và bị chi phối rồi, thì rất có khả năng để sẽ nghĩ như vậy mà chẳng hề nhận thấy bất luận sự hoảng sợ kinh hãi **(Vô Quý)** và sự xấu hổ **(Vô Tàm)** nào cả. Vì thế, Ngài Phụ Chú Giải Sư Siêu Lý Giải Minh **(Paramatthadīpanī ṭīkācāriya)** mới trình bày câu Chú Giải của Ý Tham Ác đây, để nói rằng: **Abhijjhā yanti assādamatte aṭhatvā para bhaṇḍassa attano pariṇāmanavasena etāyāti = Abhijjhā** - Tiếc là những ai chẳng biết dừng lại trong sự thỏa mãn ý, ắt hẳn chú mục với biểu thị sẽ làm cho tài sản của cải của tha nhân đặng làm thành của riêng mình với Pháp Chủng ấy, vì thế Pháp Chủng làm thành tác nhân của việc nghĩ suy như thế gọi là **Ý Tham Ác.**

CÓ HAI CHI PHÁP CỦA Ý THAM ÁC, Đó Là:

1. Vật Phẩm Gia Tư (Parabhaṇḍa): Tư hữu của tha nhân.

2. Tư Lượng Chấp Chiếm (Attanopariṇāmanaṃ): Có Tâm nghĩ suy cho thành tài sản của riêng mình.

Trong Chi Pháp thứ nhất nói rằng **Vật Phẩm Gia Tư (Parabhaṇḍa)** tài sản của cải của tha nhân, tại nơi đây lập ý lấy tất cả những **tài sản vô tri vô giác (Aviññāṇakadhana)** và những **tài sản hữu sinh (Saviññāṇakadhana)** thuộc các loại nhóm Hữu Tình đã được nuôi dưỡng, bọn nô chủng với những **Nam Nữ Nô Lệ (Dāsa - Dāsī)**, nữ nhân đã có chồng, và một đôi đã đính hôn. Và như thế ngoài ra những sự vật này rồi, thì không được liệt vào loại Vật Phẩm Gia Tư; bởi thế tám nhóm nữ nhân kể từ **Mẫu Thân Quản Hạt (Mātu rakkhitā)** cho đến **Giới Pháp Quản Hạt (Dhammarakkhitā)**, với những hạng người này, nếu như nam nhân nào đã có nghĩ suy đến mãn ý dục đắc để cho làm thành vợ của mình, thì sự suy nghĩ như vậy chẳng được liệt vào **Tham Ác Hạnh (Abhijjhāduccarita)**. Nam nhân **Soreyya** đã khởi lên ý nghĩ bất thiện đối với Ngài Trưởng Lão **Mahākaccāyana**, đã có nghĩ suy rằng "giá như Ngài Trưởng Lão này là người vợ của Ta, hoặc giá như người vợ của Ta có được thân sắc xinh đẹp giống với Ngài Trưởng Lão thì tốt biết mấy." Khi nam nhân **Soreyya** đã có nghĩ suy bất thiện như vậy thì nam giới của **Soreyya** liền biến mất, và tức thời đã biến thành nữ giới. Sự nghĩ suy bất thiện của **Soreyya** đây, đã liệt vào loại Ý Tham Ác, thế nhưng vẫn chưa đạt đến Xâm Phạm Nghiệp Đạo, vì lẽ người mà nam nhân **Soreyya** đã chú mục đây, đã không được liệt vào loại **Vật Phẩm Gia Tư (Parabhaṇḍa)**, thế mà bản thân đã đón nhận điều tội lỗi tác hại qua việc thân sắc phải bị biến đổi giới tính đấy, đích thị cũng do bởi mãnh lực từ ở sự nghĩ suy bất tôn kính và xúc phạm đối với Bậc đã Lậu Tận ấy vậy.

[Tích truyện đã được nói đến như sau:

Thuở nọ, trong thành **Soreyya** gần kinh thành **Sāvatthi**, có một thanh niên con một vị bá hộ rất giàu có, đã có tên cùng tên với thành phố, là công tử **Soreyya**. Một hôm, **Soreyya** đã cùng với người bạn và rất đông người thuộc hạ, đã đi ra ngoài thành và đi đến một dòng sông để tắm vui chơi. Ngay lúc đó, Đại Đức **Mahākaccāyana** (Đại Ca Chiên Diên) đang đứng ngoài cổng thành, đã đắp y Tăng Già Lê lên mình, và chuẩn bị vào thành **Soreyya** để khất thực, với thân sắc của Đại Đức sáng rực ánh vàng. Nhìn thấy như vậy, nam nhân **Soreyya** bỗng nổi lên ý nghĩ trong đầu: "Phải chi vị Đại Đức này là vợ của mình, hoặc người vợ của mình có được thân hình sáng đẹp như thân hình của vị Đại Đức này vậy !". Lạ thay, khi Tâm của nam nhân **Soreyya** vừa khởi lên điều bất thiện như vậy, thì thân hình nam tướng của **Soreyya** đã liền biến mất, và hiện bày một thân sắc nữ tướng tức thời. Hết sức hổ thẹn, **Soreyya** rời khỏi xe và bỏ chạy trốn khỏi đoàn. Mọi người trên xe đều thấy một tiểu thơ, nhưng không nhận ra đó là nam nhân **Soreyya**. Người nam hóa nữ này chẳng từ giã người bạn của mình và đã nhắm hướng đi thẳng một đường để đến kinh thành **Takkasilā** trú ngụ nơi đó.

Riêng về người bạn của nam nhân **Soreyya** và đoàn tùy tùng bỏ công đi tìm kiếm khắp vùng lân cận nhưng chẳng được gặp, đành phải quay trở về nhà, gặp ngay vị bá hộ, người Cha của **Soreyya**, đã liền hỏi thăm:

- Con trai của Ta đâu ?

- Dạ thưa Ngài, chúng con tưởng rằng công tử đã tắm xong, và đã trở về nhà trước rồi !

Khi hay tin con mình mất tích, vị bá hộ cho người đi tìm công tử khắp nơi, nhưng cũng chẳng tìm ra, thì buồn rầu khóc than, rồi thiết lễ cúng tế vái van vì nghĩ rằng công tử đã bị chết chìm.

Tiểu thơ **Soreyya** đi đường, gặp một đoàn lái buôn, sau khi trao đổi chiếc nhẫn đeo ở ngón tay ra, đổi lấy một chỗ ngồi trên xe. Ngồi chung với đoàn xe, có nhiều người lái buôn suy nghĩ: "Trong kinh thành **Takkasilā** có công tử là con nhà bá hộ rất giàu có, vẫn chưa có đôi bạn, để chúng ta làm mối tơ duyên, chắc sẽ được trọng thưởng".

Thế là duyên tình khởi sinh, công tử sinh lòng yếu mến khi nhìn dung sắc của tiểu thơ **Soreyya**, đã tiến hành thiết lập hôn lễ và chọn **Soreyya** làm chánh thất trong gia đình. Không bao lâu sau, tiểu thơ **Soreyya** có mang và đã hạ sinh một nam nhi và tiếp sau đó, lại có thêm một nam nhi. Tính chung lại trước và sau, khi còn là nam nhân **Soreyya** đã có hai trai, và nay là tiểu thơ **Soreyya** lại có thêm hai trai nữa, thì có tất cả là bốn con trai.

Một hôm, người bạn cố tri của **Soreyya**, ngồi trên một cỗ xe, dẫn đầu một đoàn thương buôn với năm trăm cỗ xe bò, từ thành **Soreyya** sang kinh thành **Takkasilā**. Khi đoàn xe đi vào trong thành, lúc bấy giờ tiểu thơ **Soreyya** đang đứng trên lầu cao, nhìn xuống đường phố, trông thấy người bạn cố tri, liền sai thuộc hạ cho mời vào nhà, mở tiệc khoản đãi niềm nở trọng hậu.

Thắc mắc trong lòng, người bạn cố tri bày tỏ với câu hỏi:

- Thưa bà bá hộ, bà chưa từng tiếp xúc với chúng tôi lần nào, thế tại sao thết đãi hậu hỷ với chúng tôi như thế này, hay là có quen biết với chúng tôi trước kia phải chăng?

- Vâng, thưa công tử, tôi có quen biết người, có phải công tử đang ở thành **Soreyya?**

- Dạ thưa bà, đúng thật vậy, tôi ở thành **Soreyya**.

Tiểu thơ **Soreyya** hỏi thăm đến song thân của mình, luôn cả gia đình, vợ và hai con của mình.

- Dạ thưa bà, tất cả đều bình an vô sự. Duy chỉ có công tử **Soreyya**, là bạn cố tri của tôi, cậu ấy đã mất tích, nhân một chuyến đi tắm ngoài thành với chúng tôi. Về tới nhà, báo tin cho hai ông bà bá hộ, thì song thân của công tử đã khóc than vô cùng thảm thiết, và đã tổ chức lễ cầu siêu cho công tử **Soreyya** rồi.

- Dạ thưa công tử, chính tôi là vị nam nhân **Soreyya** của ngày xưa đó.

Sau đó, **Soreyya** kể lại mọi chuyện xảy ra sau khi ngắm nhìn sắc thân của Đại Đức Thánh Alahán **Mahākaccayana**, với Tâm suy nghĩ điều bất thiện, khiến bị đổi thay thành thân nữ tướng, và vẫn đang hiện bày cho đến ngày hôm nay. Lúc bấy giờ, người bạn đã biết rõ câu chuyện, ngỏ lời khuyên bảo **Soreyya** nên đi đến gặp Đại Đức **Mahākaccayana** và ngỏ lời xin sám hối.

Tiểu thơ **Soreyya** nhận làm theo lời khuyên, và người bạn đã đi thỉnh Đại Đức về nhà cúng dường thực phẩm, nghe giảng Pháp xong, liền dẫn tiểu thơ **Soreyya** ra quỳ xuống dưới chân của Đại Đức và xin tác bạch:

- Kính bạch Đại Đức, kính xin Ngài tha thứ tội lỗi cho con đã làm ra.

- Có chuyện chi đã xảy ra?

- Kính bạch Ngài, tiểu thơ này trước kia là một người nam, bạn cố tri của con, có ngắm nhìn trộm Ngài và khởi Tâm bất chánh, suy nghĩ bất thiện, khiến mất đi thân nam tướng, hiện bày nữ tướng. Vậy kính xin Ngài từ bi xá tội lỗi cho bạn của con.

- Này nữ thí chủ, hãy đứng dậy và bần đạo ghi nhận lời sám hối của người.

Đại Đức vừa dứt lời thì tiểu thơ **Soreyya** hoàn trở lại thân người nam như xưa, công tử **Soreyya**. Lúc bấy giờ, công tử **Takkasilā** nói với nam nhân **Soreyya** nên ở lại và tiếp tục nuôi dưỡng hai con.

- Dạ thưa công tử, trước kia tôi đã là một nam nhân, sau đó là nữ nhân, và bây giờ trở lại thân nam tướng như trước kia. Lần đầu, tôi đã là cha của hai con trai. Lần sau là mẹ của hai đứa con trai nữa. Bây giờ, thật Tâm của tôi đã chán ngán đời sống tại gia. Tôi sẽ xin được xuất gia với Ngài Đại Đức. Vậy xin công tử cố gắng nuôi nấng và dạy bảo hai con giùm tôi.

Từ giã mọi người trong gia đình, và **Soreyya** đã đi đến xin xuất gia với Ngài Đại Đức. Được sự nhận lời, Đại Đức cho nam nhân **Soreyya** xuất gia thọ Sa Di giới, và chẳng bao lâu đã cho thọ Cụ Túc Giới, và đã dắt dẫn Tỳ Khưu **Soreyya** du hành về đến kinh thành **Sāvatthi**. Hiện tượng biến nam thành nữ lúc chưa xuất gia, vào nơi Tu Viện, Tỳ Khưu **Soreyya** luôn bị nhiều người hỏi đến chỉ một câu hỏi: "Trong lòng thì đã thương con nào nhiều nhứt, con gọi mình bằng Cha, hay con gọi mình bằng Mẹ?" Tỳ Khưu **Soreyya** luôn phải lặp đi lặp lại chỉ một câu trả lời: "Con được sinh từ bụng của mình thì quả thật thương nhiều hơn!".

Hổ thẹn và buồn chán, vị tân Tỳ Khưu này đi tìm lãng quên vào một nơi thanh vắng. Nhờ vào hạnh độc cư, Tỳ Khưu **Soreyya** đã quán sát sự sinh diệt của Danh Sắc trong tự ngã, và chẳng bao lâu đã chứng đắc Quả Vô Sinh cùng với Tuệ Phân Tích. Tuy nhiên, câu chuyện của Tỳ Khưu **Soreyya** cũng vẫn chưa chấm dứt. Khi gặp lại chư Tỳ Khưu trong Tự Viện, câu hỏi cũ cũng vẫn được lặp lại, và lần này, Tỳ Khưu **Soreyya** đã trả lời:

- Trước kia, quả thật Tôi có sự thương yêu các con của Tôi. Tuy nhiên, hiện tại Tôi không còn luyến thương một con nào cả.

Chư Tăng nghe được câu trả lời này hoàn toàn khác hẳn những lần trước, nghĩ rằng Tỳ Khưu **Soreyya** đã phạm vào Vọng Ngữ, đã dám khoe Pháp Cao Nhân đến Chư Tỳ Khưu, do đó đem câu chuyện này đến trình với Đức Phật.

- Này Chư Tỳ Khưu, **Soreyya** đã không phạm vào Vọng Ngữ và cũng không có khoe Pháp Cao Nhân. Chính nhờ vào Chánh Niệm thuần thục, Tỳ Khưu **Soreyya** đã được kiến Đạo, nên từ đó không còn tình thương vị kỷ cá nhân, không phân biệt, không kỳ thị, và trải rộng tình thương chan hòa đến tất cả chúng sinh. Quả thật như thế, sự nghiệp là Thánh Sản mà cả người Cha lẫn người Mẹ không thể nào tạo ra được cho những chúng sinh này, duy chỉ có Nội Tâm chân chánh của chính mình đã đem lại an lạc đến cho chính mình".

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên kệ Pháp Cú trên:

Điều mẹ cha bà con,
Không có thể làm được,

Tâm hướng chánh làm được,
Làm được tốt đẹp hơn.
(Dhp. 43)
Chẳng phải Cha Mẹ đã sinh,
Hoặc thân thuộc đã tạo thành mà nên.
Đưa người cao thượng hơn lên,
Chính Tâm chủ niệm về bên Thiện lành.

Kết Thúc Việc Giải Thích Trong Phần Ý Tham Ác

2. Ý CỪU HẬN (BYĀPĀDA – Ý HẬN THÙ)

Từ ngữ nói rằng **Byāpāda** đây, khi chiết tự có được bốn từ ngữ, đó là: **Ā+ Pubba + Pada + Dhātu.** Trình bày câu Chú Giải đã nói rằng: **Byāpajjati hitasukhaṃ etenāti = Byāpādo** - Sự lợi ích và sự an vui ắt hẳn phải bị mất đi bởi do sự sân hận, như thế sự sân hận ấy mới gọi là Cừu Hận.

Giải thích rằng: Sự sân hận, sự bất mãn ý hiện hành theo lẽ thông thường thì cũng vẫn chưa thể liệt vào **Ý Ác Hạnh (Manoduccarita)** được, đó chỉ là sự hận thù hệ tỏa thuộc về **Thân Môn (Byāpādakāyagantha)** mà thôi. Còn sân hận **Cừu Hận Ý Ác Hạnh (Byāpādamanoduccarita)** đấy, là loại sân hận rất thô ác có trạng thái rắp tâm mưu hại đến tha nhân, có sự chủ hướng sẽ phá hại sự lợi ích và sự an vui của tha nhân cho phải bị diệt mất đi. Chẳng hạn như, một khi đã có sự sân hận người nào rồi, thì ở trong tâm trí nghĩ suy sẽ làm cách nào tốt nhất để làm cho tha nhân phải bị diệt liệt tan biến đi, hoặc tư thốn nguyền rủa cho tha nhân phải đón nhận các điều nguy hại. Loại sân hận này đã được liệt vào **Cừu Hận Ý Ác Hạnh**.

CÓ HAI CHI PHÁP CỦA Ý CỪU HẬN, Đó Là:

1. **Tha Nhân (Parasatta):** Tha nhân.
2. **Tư Lượng Hãm Hại (Vināsacintā):** Nghĩ suy làm cho sự nguy hại khởi sinh.

Nếu như đã hội đủ cả hai Chi Pháp, và sự sân hận khởi sinh lên coi như đã là Xâm Phạm Nghiệp Đạo ở phần Ý Ác Hạnh. Nếu đã là việc nghĩ suy tự làm hại mình thì việc đó lại là Bất Xâm Phạm Nghiệp Đạo, vì lẽ không hội đủ Chi Pháp, tức là đã thiếu đi Chi Pháp thứ nhất, chỗ nói rằng **Tha Nhân (Parasatta)**. Như có câu kệ đã có trình bày đến Chi Pháp của **Ý Tham Ác (Abhijjhā)** và **Ý Cừu Hận (Byāpāda)**, khi nói rằng:

Dvebhijjhāya parabhaṇḍaṃ Attano pariṇāmanaṃ
Byāpādassa parasatto Tassa vināsacintanaṃ

Dịch nghĩa là:

1/ Có hai Chi Pháp của Ý Tham Ác, đó là tài sản của tha nhân, và có Tâm nghĩ suy dục đắc cho làm thành của riêng mình một cách bất hợp pháp.

2/ Có hai Chi Pháp của Ý Cừu Hận, đó là tha nhân, và nghĩ suy làm cho sự nguy hại khởi sinh.

Có sự khác biệt với nhau giữa **Quái Tử Thủ Tư Tâm Sở (Vadhakacetanā – Sát Nhân Giả Tư Tâm Sở)** liên quan với **Sát Tử (Pāṇātipāta)** và liên quan với **Ý Cừu Hận (Byāpāda)**, đó là:

1/ Quái Tử Thủ Tư Tâm Sở (Vadhakacetanā – Sát Nhân Giả Tư Tâm Sở) ở phần Sát Tử ấy, là Tư Tâm Sở liên quan với Lộ Thân Môn, đã được liệt vào ở trong **Việt Cấp Phiền Não (Vītikkamatikilesa** – Sự vượt quá giới hạn Phiền Não).

2/ Còn **Quái Tử Thủ Tư Tâm Sở (Vadhakacetanā – Sát Nhân Giả Tư Tâm Sở)** ở phần Ý Cừu Hận ấy, là Tư Tâm Sở liên quan với Lộ Ý Môn, đã được liệt vào ở trong **Khởi Lập Phiền Não (Pariyuṭṭhānakilesa** – Sự bộc phát, bùng nổ, dự kiến khởi sinh Phiền Não).

TRÌNH BÀY TỘI LỖI TÁC HẠI CỦA Ý CỪU HẬN (BYĀPĀDA) THEO PHẦN CỰC ĐẠI TỘI (MAHĀSĀVAJJA) VÀ HY THIỂU TỘI (APPASĀVAJJA)

Nếu như có Ý Cừu Hận với tác ý gây điều nguy hại đến bậc có **Ân Đức Giới Hạnh (Sīlaguṇa), Ân Đức Định Hạnh (Samādhiguṇa),** và **Ân Đức Tuệ Hạnh (Paññāguṇa)** ắt hẳn là có nhiều tội, và được liệt vào Cực Đại Tội. Nếu như có Ý Cừu Hận đối với người chẳng có **Ân Đức Giới Hạnh (Sīlaguṇa), Ân Đức Định Hạnh (Samādhiguṇa),** và **Ân Đức Tuệ Hạnh (Paññāguṇa)** ắt hẳn là có tội chút ít, và được liệt vào Hy Thiểu Tội.

Kết Thúc Việc Giải Thích Ở Trong Phần Ý Cừu Hận

3. Ý TÀ KIẾN (MICCHĀDIṬṬHI – BẤT LƯƠNG CHI Ý KIẾN)

Từ ngữ nói rằng **Micchādiṭṭhi** đây, khi chiết tự có được hai từ ngữ, đó là: **Micchā + Diṭṭhi. Micchā** dịch nghĩa là **Huyễn Biến (Viparita), Diṭṭhi** dịch nghĩa là "Kiến Thị, sự thấy". Khi kết hợp vào nhau thành **Micchādiṭṭhi** dịch nghĩa là "Tà Kiến, Huyễn Biến Kiến Thị", lập ý đến "có quan điểm lầm lạc với sự thật".

Trình bày câu Chú Giải đã nói rằng: **Micchāpassatīti = Micchādiṭṭhi** - Pháp Chủng nào thường có sự thấy mê loạn lầm lạc với sự thật, như thế Pháp Chủng ấy gọi là **Tà Kiến, Bất Liễu Tri Chân Như Thực Tính.** Tức là **Kiến Tâm Sở (Diṭṭhicetasika)**.

Theo lẽ thường, Kiến Tâm Sở đây, khi theo **Thực Tính (Sabhāva)** thì thường có cảnh trạng trong sự việc thấy lầm lạc với sự thật, và người đã có kiến thị này rồi, thì thường không có đức tin, sự sùng tín ở trong những huấn từ của các **Bậc Hiền Triết (Sappurisa)** và các **Bậc Trí Giả (Paṇḍita),** nghĩa là có việc ứng xử hiện hành đối nghịch với những huấn từ ấy. Khi đề cập đến Tà Kiến một cách rộng rãi thì thường hiện hữu ở trong rất nhiều thể loại, chẳng hạn như 20 **Hữu Thân Kiến (Sakkāyadiṭṭhi)** có sự kiến chấp dính mắc bất luận

vào một trong Ngũ Thủ Uẩn, nói rằng là "Ta", là "Của Ta"; hoặc 62 Tà Kiến đã có trình bày để ở trong bài **Kinh Phạm Võng (Brahmajālasutta)** thuộc **Phẩm Giới Uẩn (Sīlakhandha vagga)** của Trường Bộ Kinh; hoặc Tam **Chuẩn Xác Tà Kiến (Niyatamicchādiṭṭhi)** đã có trình bày để ở trong Chánh Tạng **Pāḷi** của bài **Kinh Sa Môn Quả (Samaññaphalasutta)** thuộc Phẩm Giới Uẩn **(Sīlakhandhavagga)**. Tuy nhiên đối với Tà Kiến mà đã được đề cập đến tại đây ở trong phần Ý Ác Hạnh, lập ý lấy hết cả **Tam Chuẩn Xác Tà Kiến** mà đã hoàn thành Nghiệp Đạo. Còn các thể loại Tà Kiến khác, đó chỉ là những loại Tà Kiến thông thường thôi.

CÓ HAI CHI PHÁP CỦA Ý TÀ KIẾN, Đó Là:

1. Nội Dung Huyễn Biến (Atthaparītatā): Nội dung đã chấp thủ ấy lại lầm lạc với sự thật.

2. Như Thực Liễu Tri (Tathābhāvupaṭṭhāna): Có quan điểm nhận thấy rằng đó là sự thật.

Nếu như đã hội đủ cả hai Chi Pháp rồi, thì quan điểm lầm lạc (Tà Kiến) ấy coi như đã là Xâm Phạm Nghiệp Đạo ở phần Ý Ác Hạnh. Như có câu Chú Giải đã trình bày nói rằng:

Diṭṭhiyā duve sambhārā Vatthuto viparītatā
Tathābhāvenupaṭṭhānaṃ Kammapatho tiheva ca

Dịch nghĩa là: Có hai Chi Pháp của Ý Tà Kiến, đó là: 1/ Nội dung đã chấp thủ ấy lại lầm lạc với sự thật, 2/ Có quan điểm nhận thấy rằng đó là sự thật.

Quan điểm nhận thấy lầm lạc (Tà Kiến) ấy, đã là Xâm Phạm Nghiệp Đạo, đó chính là loại Tà Kiến ở cả Tam Chuẩn Xác Tà Kiến ấy vậy.

TAM CHUẨN XÁC TÀ KIẾN (NIYATAMICCHĀDIṬṬHI 3), Đó Là:

1. Vô Hữu Kiến (Natthidiṭṭhi): Có quan điểm nhận thấy rằng "bất luận làm điều chi đi nữa, cũng chẳng có đón nhận quả báo nào cả."

2. Vô Nhân Kiến (Ahetukadiṭṭhi): Có quan điểm nhận thấy rằng "tất cả loài Hữu Tình đang hiện hành hiện hữu ấy, cũng chẳng có nương nhờ bởi do một tác nhân nào cả."

3. Vô Hành Kiến (Akiriyadiṭṭhi): Có quan điểm nhận thấy rằng "các hành động tạo tác của Chúng Hữu Tình ấy, cũng chẳng có thành tựu quả dị thục Phước – Tội nào cả."

1. Vô Hữu Kiến: Trong cả Tam Chuẩn Xác Tà Kiến đây, với người có quan điểm nhận thấy thuộc thể loại Vô Hữu Kiến ấy, ắt hẳn chỉ có loại **Đoạn Kiến (Ucchedadiṭṭhi)**, tức là có sự nhận thấy rằng tất cả các loài Hữu Tình sau khi thân hoại mạng chung thì sẽ đoạn diệt hết cả, tiêu mất hết, và không còn tồn tại sau khi chết (chẳng có tái sinh lại nữa). Có Chánh Tạng **Pāḷi** ở bài **Kinh Sa Môn Quả (Samaññaphalasutta)** thuộc Phẩm Giới Uẩn **(Sīlakhandhavagga)** đã có trình bày đến quan kiến lầm lạc thuộc thể loại Vô Hữu Kiến nói

rằng: **Natthi mahārāja dinnaṃ, natthi yitthaṃ, natthi hutaṃ, natthi sukata dukkhatānaṃ kammānaṃ phalaṃ vipāko, natthi ayaṃ loko, natthi paro loko, natthi mātā, natthi pitā, natthi sattā opapātikā, natthi loke samaṇabrahmaṇā sammaggatā sammāpaṭi pannā, ye imañ ca lokaṃ parañca lokaṃ abhiññā sacchikatvā pavedenti - Dịch nghĩa là**: Này Đại Vương, không có xả thí, không có tế lễ hy sinh, không có tế tự, không có Quả Dị Thục của các Nghiệp Thiện – Ác, không có đời này, không có đời sau, không có Mẹ, không có Cha, không có loài Hữu Tình Hóa Sinh, ở trong đời không có các vị Sa Môn, các vị Bà La Môn chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình chứng tri giác ngộ đời này đời khác và truyền dạy lại."

Giải thích rằng:

1. Natthi dinnaṃ: Nhận thấy rằng việc đã tạo ra Thiện Phúc thì thường chẳng có được đón nhận quả báo nào cả.

2. Natthi yiṭṭhaṃ: Nhận thấy rằng những việc cúng dường, cũng chẳng có được đón nhận quả báo nào cả.

3. Natthi hutaṃ: Nhận thấy rằng những việc đón chào mời mọc tế tự, cũng chẳng có được đón nhận quả báo nào cả.

4. Natthi sukata dukkaṭānaṃ kammanaṃ phalaṃ vipāko: Nhận thấy rằng việc tạo tác Thiện – Ác Nghiệp cũng chẳng có được đón nhận quả dị thục nào cả, kể cả trực tiếp và gián tiếp.

5. Natthi ayaṃ loko: Nhận thấy rằng không có đời này, tức là người đang hiện hữu ở ngay trong hiện tại này mà lại gọi với nhau là không có đời này, vì lẽ chẳng có việc tái sinh nối tiếp thêm nữa.

6. Natthi paro loko: Nhận thấy rằng không có đời sau, tức là không có kiếp sống sẽ được nương sinh từ ở đời sống đang hiện bày ở trong hiện tại này, bởi vì một khi đã tử vong rồi thì cũng chẳng có việc tái sinh lại nữa.

7. Natthi mātā: Nhận thấy rằng việc tạo tác Thiện - Ác đối với người Mẹ, thường là chẳng có đón nhận quả báo nào cả.

8. Natthi pitā: Nhận thấy rằng việc tạo tác Thiện – Ác đối với người Cha, thường là chẳng có đón nhận quả báo nào cả.

9. Natthi sattā opapātikā: Nhận thấy rằng chẳng có loài Hữu Tình khởi sinh chỉ có một lần mà to lớn lên liền (Hóa Sinh), tức là không có loài Hữu Tình Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Chư Thiên, Phạm Thiên.

10. Natthi loke samaṇabrahmaṇā sammaggatā sammāpaṭipannā, ye imañca lokaṃ parañca lokaṃ abhiññā sacchikatvā pavedenti: Nhận thấy rằng thường là không có được bất luận vị Sa Môn, vị Bà La Môn nào, với chính tự mình có được sự liễu tri đời này, đời vị lai, và rồi có khả năng chỉ dạy và dắt dẫn cho được liễu tri. Cũng chẳng có được vị Sa Môn, vị Bà La Môn đến với nhau trong tình thân ái đoàn kết, cũng chẳng có được cùng chánh kiến và chánh hạnh. (Có nghĩa là chẳng có người nào tu tập An Chỉ, Minh Sát Tuệ, đắc chứng Thiền Định, Thắng Trí, Đạo và Quả; mà sự thật những hành động tạo tác ấy, chỉ là để mưu sinh mà thôi.)

Người đã có Vô Hữu Kiến, là người đã có quan điểm phản bác về Quả Báo thì cũng chẳng khác chi phản bác luôn cả những mãnh lực của Tư Tâm Sở Thiện và Tư Tâm Sở Bất Thiện, mà đó chính là những tác nhân của các quả báo. Vì thế, Ngài Đại Chú Giải Sư **Buddhaghosa** mới trình bày để ở trong phần Chú Giải của bài Kinh Sa Môn Quả nói rằng **Vipākaṃ paṭibāhantenāme kammaṃ paṭibāhitaṃ hotaṃ - Dịch nghĩa là:** Một khi đã có sự phản bác về quả báo thì cũng được gọi là phản bác luôn cả về Nghiệp Lực, mà đã coi như đó là tác nhân làm trổ sinh ra quả báo vậy.

Các hàng Phật Tử, khi đã thẩm sát đến sự kiến thị sai trật (Tà Kiến) như đã vừa được đề cập đến đây, thì sẽ có thể khởi sinh lên sự bi mẫn buồn lòng và chợt nghĩ đến mà cảm thấy đáng lo sợ, đáng thương xót đến với hạng người đã có sự thấy sai chấp lầm như thế. Thế nhưng, người đã có loại kiến chấp này lại có số lượng rất nhiều, chẳng những chỉ có riêng biệt ở trong các đạo giáo khác, mà chính ngay cả ở trong đạo Phật Giáo cũng có số lượng là không ít. Vì thế, quả báo ắt hẳn phải được thụ lãnh đã chẳng lựa chọn người, bất luận sẽ là người thuộc đạo giáo nào đi nữa, nếu đã có loại Tà Kiến này rồi, thì một khi đã tử vong ắt hẳn phải thụ lãnh quả tội cùng với việc đọa vào trong Cõi Địa Ngục vậy. Nương vào loại Tà Kiến này, hẳn nhiên đã là điều đáng tiếc vô cùng, quả là điều bất xứng để được gọi là người Phật Tử. Điều này đã chỉ vạch cho thấy nhóm người này rằng chỉ là loại **"danh xưng Phật Tử"**, còn ở trong bản tâm thì chẳng có sự sùng tín, niềm tin nào vào những huấn từ của Bậc Chánh Đẳng Giác, chẳng hạn như bất tín rằng có Cõi Địa Ngục, Cõi Thiên Giới, v.v. Như thế mới nói đoan chắc được rằng hạng người ấy, cho dù sẽ là hạng cư sĩ tại gia hoặc sẽ là hạng xuất gia đi nữa, một khi đã mạng vong thì ắt hẳn phải bị tái sinh vào ở trong Cõi Địa Ngục. Khi đã là như vậy, đạo lộ sẽ hóa giải cho thoát khỏi sự nhận thấy ở phần Tà Kiến đang hiện hữu, là người ấy ắt hẳn phải tu tập cho phát sinh **Trí Tuệ (Paññā)** ở trong lãnh vực Phật Giáo, qua việc trau giồi **Thực Hành Minh Sát Tuệ (Paṭipattivipassanā)** luôn cho đến thành tựu Quả vị Bậc Thánh Nhân. Hoặc học hỏi nghiên cứu Tạng Vô Tỷ Pháp cho liễu tri ở trong **Thực Tính (Sabhāva)** hiện hành theo Chân Như Thực Tính, luôn cả ở trong hai lãnh vực, vật chất và tinh thần. Hoặc tự bản thân phải là người có **Tánh Đức Tin (Sāraddhācarita)**, phải có niềm tin vào huấn từ của Mẹ, Cha, Tôn Sư, hoặc Giáo Thọ. Có sự hiểu biết ở trong lãnh vực Phật Giáo mới sẽ làm cho thoát khỏi Tà Kiến này được. Nếu chẳng là như thế, thì cho dù người ấy sẽ có được sự hiểu biết ở trong học thuật của thế gian, cho chí đến đã thành bậc Giáo Sư đi nữa, cũng sẽ không thoát khỏi loại Tà Kiến ấy được, vì lẽ sự hiểu biết ở trong học thuật của thế gian ấy hiện hành là để cho việc mưu sinh và việc xã hội mà thôi.

2. Vô Nhân Kiến: Người có quan điểm thuộc thể loại Vô Nhân Kiến ấy, là có sự nhận thấy rằng tất cả các loài Hữu Tình đang được đón nhận sự khổ đau hoặc an lạc đi nữa, bởi chẳng có nương vào cái chi làm tác nhân cho khởi sinh lên cả, và tất cả đều tự hiện hành hết cả. Có Chánh Tạng **Pāḷi** của bài **Kinh Sa Môn Quả (Samaññaphalasutta)** thuộc Phẩm Giới Uẩn **(Sīlakhandhavagga)** đã có trình bày đến quan điểm lầm lạc thuộc thể loại Vô Nhân Kiến nói rằng: **Natthi mahārāja hetu natthi paccayo sattānaṃ saṃkilesāya, ahetu apaccayā sattā saṃkilissanti natthi hetu natthi paccayo sattānaṃ visuddhiyā, ahetū**

apaccayā sattā visujjhanti - Dịch nghĩa là: Này Đại Vương, vô hữu nhân, vô hữu duyên, các loài Hữu Tình bị nhiễm ô; vô nhân, vô duyên, các loài Hữu Tình bị nhiễm ô. Vô hữu nhân, vô hữu duyên, các loài Hữu Tình được thanh tịnh; vô nhân, vô duyên, các loài Hữu Tình được thanh tịnh.

Giải thích rằng: Xuất Sinh Nhân (Janakahetu) là tác nhân cho xuất sinh, và **Bảo Hộ Nhân (Upatthambhakahetu)** là tác nhân giúp đỡ bảo hộ cho tất cả loài Hữu Tình chẳng có sự buồn phiền ưu não, Khổ Thân - Khổ Tâm. Tất cả loài Hữu Tình đang sầu ưu não và khổ đau ấy, là bởi do chẳng có bất luận Xuất Sinh Nhân và Bảo Hộ Nhân nào cả. Xuất Sinh Nhân là tác nhân cho xuất sinh, và Bảo Hộ Nhân là tác nhân giúp đỡ bảo hộ cho tất cả loài Hữu Tình có được sự thanh tịnh, thoát khỏi sự Khổ về Thân và Tâm. Tất cả loài Hữu Tình đang có sự thanh tịnh, thoát khỏi sự Khổ Thân – Khổ Tâm ấy, là cũng do chẳng có liên quan với bất luận Xuất Sinh Nhân và Bảo Hộ Nhân nào cả.

Sự nhận thấy ở phần Vô Nhân Kiến đây, là có quan điểm phản bác về Tác Nhân, là chẳng có tin rằng hành động tạo tác Thiện – Ác của tất cả loài Hữu Tình mà đã có tạo ra với nhau trong từng mỗi ngày đây, chính là tác nhân đã kiến tạo cho khởi sinh Quả Báo. Vì thế, việc phản bác về Tác Nhân đây, thì cũng chẳng khác chi phản bác luôn cả những Quả Báo, nghĩa là tất cả loài Hữu Tình đang phải thụ lãnh sự an vui, sự khổ đau trong từng mỗi ngày đây, cũng chẳng cho đó là Quả Báo bởi do hành động tạo tác Thiện hoặc Ác của mình làm Tác Nhân. Do vậy, Ngài Đại Chú Giải Sư **Buddhaghosa** mới trình bày để ở trong phần Chú Giải của bài Kinh Sa Môn Quả nói rằng **Natthi hetūti vadanto ubhayaṃ paṭibāhati - Dịch nghĩa là:** Người đã nói rằng hoặc đã nhận thấy rằng sự Khổ – Lạc của tất cả loài Hữu Tình ấy chẳng có dính líu liên hệ bởi do tác nhân. Điều này chẳng khác là việc phản bác cả về Tác Nhân và luôn cả Quả Báo.

3. Vô Hành Kiến: Người có quan điểm thuộc thể loại Vô Hành Kiến ấy, là có sự nhận thấy rằng tất cả các loài Hữu Tình có Tác Thiện – Tác Ác đi nữa, thì cũng chẳng có Tội – và cũng chẳng có Phúc. Làm cũng chỉ gọi là có làm ngần ấy thôi. Có Chánh Tạng **Pāḷi** của bài **Kinh Sa Môn Quả (Samaññaphalasutta)** thuộc Phẩm Giới Uẩn **(Sīla khandhavagga)** đã có trình bày đến quan điểm lầm lạc thuộc thể loại Vô Hành Kiến nói rằng: **Karoto kho mahārāja kārayato, chindato chedāpayato, pacato pācāpayato, socayato socāpayato, kilamato kilamāpayato, phandato phandāpayato, pāṇamati pātāpayato, adinnaṃ ādiyato, sandhiṃ chindato, nillopaṃ harato, ekāgārikaṃ karoto, paripanthe tiṭṭhato, paradāraṃ gacchato, musā bhaṇato, karoto na karīyati pāpaṃ - Dịch nghĩa là:** Này Đại Vương, tự làm hay khiến người làm, tự chém giết hay khiến người chém giết, tự đốt nấu hay khiến người đốt nấu, tự gây phiền muộn hay khiến người gây phiền muộn, tự gây áo não hay khiến người gây áo não, tự mình gây sợ hãi hay khiến người gây sợ hãi; sát sinh, lấy của không cho, phá cửa nhà người mà đi vào cướp bóc, tư thông vợ tha nhân, vọng ngữ, những hành động như vậy chẳng có tội ác chi cả.

Giải thích rằng: Người có quan điểm lầm lạc thuộc thể loại Vô Hành Kiến, nhận thấy rằng hành động tạo tác Thiện – Ác của tất cả loài Hữu Tình, cho dù sẽ là "Tự Chế Thủ Công" hoặc "Mệnh Lệnh" sai bảo cho tha nhân thực hiện đi nữa, thì cũng chẳng được gọi là

có Tội – Phúc. Việc hành hung bằng cách tùng xẻo các bộ phận của tha nhân, cho dù sẽ là "Tự Chế Thủ Công" hoặc "Mệnh Lệnh" sai bảo cho tha nhân cắt chặt đi nữa, thì cũng chẳng có gọi là Tác Hành Ác chi cả. Việc trừng phạt tha nhân bằng cách phạt vạ bắt nộp tiền, hoặc bằng cách đánh đòn làm cho họ phải bị thụ lãnh sự thống khổ, cho dù sẽ là "Tự Chế Thủ Công" hoặc "Mệnh Lệnh" sai bảo cho người khác thực hiện đi nữa, thì cũng chẳng có gọi là Tác Hành Ác chi cả. Việc trộm lấy tài sản của cải vật chất của tha nhân, đã làm cho họ phải bị thụ lãnh sầu bi ưu não khổ tâm buồn lòng, cho dù sẽ là "Tự Chế Thủ Công" hoặc "Mệnh Lệnh" sai bảo cho tha nhân thực hiện đi nữa, thì cũng chẳng có gọi là Tác Hành Ác chi cả. Việc tự trừng phạt bản thân cho phải khổ sở, có việc nhịn cơm hoặc chịu mắc vào lao tù; hoặc hướng dẫn cho tha nhân tín cẩn mình để cho thực hiện việc tự trừng phạt bản thân cho phải khổ sở cũng tương tự như mình, thì cũng chẳng có gọi là Tác Hành Ác chi cả. Tự bản thân có sự bồn chồn lo lắng, buồn phiền khổ tâm, hoặc làm cho tha nhân phải bị bồn chồn lo lắng, buồn phiền khổ tâm, thì cũng chẳng có gọi là Tác Hành Ác chi cả. Tự bản thân với việc sát hại loài Hữu Tình, hoặc sai bảo cho tha nhân sát hại, thì cũng chẳng gọi là sát hại loài Hữu Tình, cũng chẳng có Tội Ác chi cả. Tự bản thân với việc đục tường, khoét vách trộm đạo, hoặc sai bảo cho tha nhân đục tường, khoét vách trộm đạo, cũng chẳng có Tội Ác chi cả. Tự bản thân với việc tranh cướp tài sản, hoặc sai bảo cho tha nhân tranh cướp, cũng chẳng có Tội Ác chi cả. Tự bản thân với việc xâm phạm vào nhà ở của tha nhân rồi tranh cướp tài sản, hoặc sai bảo cho tha nhân xâm phạm, cũng chẳng có Tội Ác chi cả. Tự bản thân với việc chực chờ rình rập tranh cướp tài sản của tha nhân theo đạo lộ, hoặc sai bảo tha nhân chực chờ rình rập tranh cướp tài sản của họ, cũng chẳng có Tội Ác chi cả. Việc tính dục tà hạnh với vợ của tha nhân, cũng chẳng là Tội Ác. Việc nói vọng ngữ, cũng chẳng có Tội Ác chi cả. Tạo tác các việc bất thiện, như đã vừa đề cập đến tại đây, cho dù sẽ là "Tự Chế Thủ Công" hoặc"Mệnh Lệnh" sai bảo cho tha nhân thực hiện đi nữa, với những thể loại này cũng chẳng có gọi là Tác Hành Ác chi cả. Sự nhận thấy ở phần Vô Hành Kiến đây, là có quan điểm phản bác về Nghiệp Lực, đó chính là chủ tác nhân. Vì thế, việc phản bác về Nghiệp Lực đây, thì cũng chẳng khác chi phản bác luôn cả Quả Báo của Nghiệp Lực đã được hoàn thành ở trong xác thân. Do vậy, Ngài Đại Chú Giải Sư **Buddhaghosa** mới trình bày để ở trong phần Chú Giải của bài Kinh Sa Môn Quả nói rằng: **Kammaṃ paṭibā hantenāme vipāko paṭibāhito hoti - Dịch nghĩa là:** Ngay khi phản bác về hành động tạo tác Tội – Phúc đã là chủ tác nhân, thì cũng chẳng khác chi phản bác luôn cả Quả Báo của hành động tạo tác Tội – Phúc ấy vậy.

TRÌNH BÀY SỰ VIỆC THÀNH CHUẨN XÁC TÀ KIẾN CỦA CẢ TAM KIẾN

Trong cả Tam Kiến ấy, hiện hữu với ba vị **Giáo Trưởng (Gaṇācariya)** thuộc Dị Giáo Phái, đó là **Giáo Trưởng Ajita Kesakambali** có quan điểm thuộc thể loại **Vô Hữu Kiến; Giáo Trưởng Makkhali Gosāla** có quan điểm thuộc thể loại **Vô Nhân Kiến;** và **Giáo Trưởng Puraṇa Kassapa** có quan điểm thuộc thể loại **Vô Hành Kiến.** Sự thấy sai chấp lầm (Tà Kiến) của cả ba vị Giáo Trưởng này gọi là Chuẩn Xác Tà Kiến, là những loại

Tà Kiến có thực tính nhất định phải trổ sinh quả báo ở trong Địa Ngục Địa Giới theo tuần tự từ **Tâm Tử (Cuticitta)** mà chẳng có khoảnh khắc xen kẽ, vì lẽ các loại Tà Kiến của cả ba vị Giáo Trưởng này đã có sự chấp thủ dính mắc rất nhiều. Ngay đến Đức Phật Ngài đã có lập ý, bằng với rất nhiều phương thức, đã thi dĩ khốc hình (cho thụ lãnh sự khổ đau vô cùng khốc liệt) đặng cho buông bỏ những loại Tà Kiến ấy đi, thế nhưng kết quả lại chẳng thành. Đối với các nhóm môn đồ của cả ba vị Giáo Trưởng này, lúc thuở ban đầu thì năng lực của các loại Tà Kiến ấy đã khởi sinh hãy còn non yếu, do vậy vẫn chưa hoàn thành thể loại Chuẩn Xác Tà Kiến. Thế rồi thời gian tiếp đến, một khi đã có việc thường luôn đọc đi đọc lại với cả việc thẩm sát ở trong nội dung lời giảng dạy của vị Thầy Giáo Trưởng, tương tự với người tiến hóa **Nghiệp Xứ (Kammaṭṭhāna)**, và đã có sự mãn ý ở trong các lời giảng dạy ấy. Chính ngay trong sát na thẩm sát và có sự mãn ý ấy, thì **Tâm Đổng Lực Tương Ưng Kiến (Diṭṭhigatasampayuttajavana)** khởi sinh cùng với số lượng vô số đếm không kể xiết, cho đến khi những Tâm ấy đạt thành **Tà Định (Micchāsamādhi)** khởi sinh. Trong **Lộ Trình Tâm Đổng Lực Tương Ưng Kiến (Diṭṭhigatasampayuttajavanavithī)** cuối cùng, thì có việc quyết định dứt khoát ở trong các nội dung ấy, rằng đề mục bình khán đã khởi sinh, tương tự với Lộ Trình Tâm của vị hành giả đã tiến tu Minh Sát Tuệ đang khi vào đến **Lộ Trình Đắc Đạo (Maggavithī)**, và như thế, chính cái Tâm Đổng Lực thứ bảy ở trong Lộ Trình Tâm cuối cùng này, đã được gọi là **Chuẩn Xác Tà Kiến (Niyatamicchādiṭṭhi)**, tức là loại Tà Kiến nhất định có khả năng trổ sinh quả báo cho phải đi tái sinh ở trong Địa Ngục Địa Giới sau khi đã tử vong, vì lẽ ngay chính những loại Tà Kiến này, cho dù chí đến Đức Phật đã có lập ý bi mẫn đi nữa, cũng không có thể giải cứu được.

TRÌNH BÀY TAM CHUẨN XÁC TÀ KIẾN (NIYATAMICCHĀDIṬṬHI 3) ĐƯỢC GỌI LÀ TÀ THỰC TÍNH CỐ NHIÊN (MICCHATTANIYATA)

Sự hiện hành của cả hai, **Tà Kiến (Diṭṭhi)** với **Trí Tuệ (Paññā)** đây, có thực tính hiện hành đối nghịch, và bất hòa hợp với nhau. Ví tựa bóng tối với ánh sáng, hoặc ví tựa hai người đã giận nhau và đã bỏ chạy đi lánh mặt với mỗi người đi một hướng, và như thế mỗi người cứ cách xa dần. Ở trong lãnh vực **Trí Tuệ (Paññā)**, một khi đã khởi sự tiến tu cho đến tỏ ngộ **Tứ Thánh Đế (Ariyasacca)** bởi do đã được tiếp nhận sự hiệp trợ từ ở **Tín (Saddha)**, **Tấn (Viriya)**, **Niệm (Sati)**, và **Định (Samādhi)**, thì chẳng có bất luận một yếu tố nào sẽ đến để mà phá hại Trí Tuệ của người ấy được. Và người ấy ắt hẳn đã có sự sùng tín đặc biệt ở trong Ân Đức Tam Bảo, có niềm tin ở trong Nghiệp Lực và Quả Báo của Nghiệp Lực, và tin rằng tử vong rồi sẽ phải tái sinh lại nữa. Giả như người ấy vẫn còn **Ái Dục (Taṇhā)** có nghĩa là **Trí Tuệ (Paññā)** của người ấy đã đạt đến sự thành **Chánh Thực Tính Cố Nhiên (Sammattaniyāma – Niềm An Lạc Cố Nhiên)**, là Trí Tuệ có thực tính ở phần tịnh hảo và nhất định trổ sinh quả báo. Và như thế, người ấy mới được gọi là **Bậc Thất Lai (Sotāpanna – Dự Lưu, Tu Đà Hườn)**, là bậc đã thoát khỏi và không còn phải tái sinh ở trong Thống Khổ Địa Giới.

Cũng trong cùng một phương thức, đạo lộ Tà Kiến ấy một khi đã có sự phát triển bởi do đã được tiếp nhận sự hiệp trợ từ **Tà Tư Duy (Micchāsaṅkappa), Tà Tinh Tấn (Micchāvāyāma)**, và **Tà Định (Micchāsamādhi)**, thì chí đến Bậc Chánh Đẳng Giác đã có lập ý muốn giải cứu đi nữa, cũng không thể được, bởi do đã chấp thủ dính mắc ở trong sự thấy sai chấp lầm (Tà Kiến) của mình. Lúc bấy giờ, Kiến Chấp của người ấy đã đạt đến sự thành **Tà Thực Tính Cố Nhiên (Micchattaniyāma)**, là loại Tà Kiến có thực tính ở phần vô tịnh hảo và nhất định trổ sinh quả báo. Và như thế, người có Tà Kiến loại Tà Thực Tính Cố Nhiên ấy, ắt hẳn chẳng có hy vọng nào để sẽ được chứng đắc Đạo Quả, và cho thành tựu Quả vị của Bậc Thánh Nhân; trái lại sẽ còn phải bị thụ lãnh khổ đau ở trong Vô Gián Đại Địa Ngục. Khi đã tử vong lìa khỏi kiếp sống này rồi, thì nhất định còn phải trải qua với thời gian rất lâu dài cho đến một vạn **Trung Kiếp (Antarakappa)**, vì lẽ loại Tà Kiến đã đạt đến sự thành Tà Thực Tính Cố Nhiên này có tác nghiệt nghiêm trọng hơn cả tác nghiệt của **Chia Rẽ Tăng Đoàn Nghiệp Lực (Saṅghabhedakakamma)**.

Vì thế, Ngài Đại Chú Giải Sư **Buddhaghosa** mới lập ý trình bày để ở trong Bộ Chú Giải Tăng Chi Bộ Kinh **(Aṅguttara Atthakathā)** nói rằng: **Kappavināse mahājane brahmaloke nibbattepi niyatamicchādiṭṭhiko tattha anibbattitvāmeṭṭhi cakkavāḷe nibbattati, kiṃ pana piṭṭhicakkavāḷaṃ na jhāyatīti ? Jhāyati, tasmiṃ jhāyamānepi esa ākāse ekasmiṃ okāse paccatiyevāti vadanti ?- Dịch nghĩa là:** Ngài Chú Giải Sư là bậc tiên thiên thông tuệ cả ở trong Tam Tạng Kinh Điển và Chú Giải, đã nói rằng: "Một khi thế giới bị hoại diệt, cho dù tất cả những **đại chúng (Mahājana)** sẽ được tái sinh ở trong Thế Giới Phạm Thiên đi nữa, còn với người đã có Chuẩn Xác Tà Kiến ấy thì chẳng có cơ hội để sẽ được tái sinh ở trong Thế Giới Phạm Thiên ấy, ắt hẳn phải đi tái sinh ở trong Vô Gián Đại Địa Ngục hiện hữu ở trong **Tiên Thiên Bộ Châu (Cakkavāla)** cuối cùng, đó chính là Bộ Châu sẽ bị hoại diệt một trăm ngàn **Koṭi** (một trăm ngàn x mười triệu = một ngàn tỷ Kiếp).

Có lời vấn hỏi rằng: Tiên Thiên Bộ Châu hoại diệt cuối cùng ấy, chẳng phải là bị Lửa hoại diệt hay sao ? Giải đáp rằng: Là bị Lửa hoại diệt tương tự như nhau. Thế nhưng, khi Tiên Thiên Bộ Châu cuối cùng này đã bị Lửa hoại diệt, thì người đã có Chuẩn Xác Tà Kiến ấy, vẫn sẽ còn phải thụ lãnh khổ đau ở trong một khoản nào đó ở bên trên bầu khí quyển.

Ngài Chú Giải Sư này đã trình bày để cho được biết rằng: Trong tất cả những tác nghiệt của các Bất Thiện Nghiệp Lực, thì tác nghiệt dính líu với Chuẩn Xác Tà Kiến là loại tác nghiệt nghiêm trọng cùng tột. Đúng như Đức Thế Tôn Ngài đã có lập ý khải thuyết để ở trong Chánh Tạng Tăng Chi Bộ Kinh nói rằng: **Paramāni bhikkhave vajjāni - Dịch nghĩa là:** Này tất cả Chư Tỳ Khưu, loại Tà Kiến ở phần Chuẩn Xác Tà Kiến đây, có tác nghiệt cực đại tột cùng.

Người đã chấp thủ vào Chuẩn Xác Tà Kiến thì có được cơ hội thành tựu Quả vị của bậc Thánh hay không ? Người đã chấp thủ vào Chuẩn Xác Tà Kiến đây, và nếu như chẳng hủy bỏ lìa khỏi sự thấy sai chấp lầm của mình, thì chẳng bao giờ sẽ thành tựu được Quả vị Bậc Thánh Nhân. Ngay cả khi đã tử vong lìa khỏi cuộc đời này rồi, thì cũng chẳng có hy vọng để sẽ có được tái sinh trở lại làm Người. Thế nhưng, giả như người ấy đã hủy bỏ lìa

khỏi sự thấy sai chấp lầm, thế rồi đã quay trở lại tiến tu Minh Sát Tuệ thì ắt hẳn có được hy vọng để sẽ thành tựu Quả vị của Bậc Thánh Nhân. Và khi đã thân hoại mạng diệt, lìa khỏi cuộc đời này rồi, thì có hy vọng sẽ được tái sinh làm Người hoặc Chư Thiên tùy thuận theo tác hành của mình. Đúng như Đức Phật Ngài đã lập ý khải thuyết để ở trong Chánh Tạng **Pāḷi** Phát Thú **(Paṭṭhāna)** nói rằng: **Ariyā micchattaniyate pahīme kilese paccavek khanti, pubbe samudāciṇṇe kilese jānanti, micchattaniyate khandhe aniccato vipassanti - Dịch nghĩa là:** Tất cả Bậc Thánh Nhân đã từng có Chuẩn Xác Tà Kiến này, thường luôn thẩm sát vào phiền não - là Chuẩn Xác Tà Kiến mà mình đã được phóng khí đi rồi, thường luôn thẩm thị vào phiền não - là Chuẩn Xác Tà Kiến - mà đã từng sinh ở trong bản tánh của mình, thường luôn thẩm sát về Uẩn Chuẩn Xác Tà Kiến theo sự thành Pháp Vô Thường.

TÀ KIẾN LÀ TÁC NHÂN ĐÃ LÀM CHO CẢ THẬP ÁC HẠNH KHỞI SINH

Lẽ thường với người đã có Tà Kiến ấy rồi, thường là hạng người Vô Tàm và Vô Quý đối với việc tạo tác ra bao Ác Hạnh. Thế nhưng, có một vài loại Ác Hạnh mà con người sẽ chẳng dám tạo tác, cũng chỉ vì e ngại về quyền lực Pháp Luật của Nhà Nước ngần ấy thôi. Cho dù có đến thế đi nữa, cũng vẫn chưa khẳng định luôn là như vậy. Giá như có bất luận đạo lộ nào lẩn lút né tránh được thì cũng vẫn dám làm như thường. Đối với những Ác Hạnh giả như chẳng có vi phạm với Pháp Luật, thì cũng coi như sẽ nỗ lực làm cho hết cỡ mà chẳng ngại ngùng sợ hãi chi cả. Với lý do như vậy, việc hành xử của người này mới hiện hành ở trong đạo lộ Ác Hạnh, với phần nhiều là Thân Ác Hạnh cũng có, Ngữ Ác Hạnh cũng có và Ý Ác Hạnh cũng có. Người đã có Tà Kiến ấy rồi, giá như sẽ có việc kết hợp với Thiện Nghiệp Lực, thì đó sẽ là thường hay dính líu với việc tầm cầu danh thơm tiếng tốt, với việc xã hội, và liên đới với lợi ích cá nhân. Chẳng hạn như giúp đỡ xây dựng đường lộ, kiến tạo trường học, giúp đỡ trong việc làm giảm bớt khổ đau theo phương thức đã sắp bày. Dù sao đi nữa, Thiện Nghiệp Lực của nhóm người này chẳng phải thuộc thể loại Thiện Nghiệp Lực thanh cao, mà đó chỉ là loại Thiện Nghiệp Lực thông thường, vì lẽ chẳng được hiện hành với mãnh lực từ **Nghiệp Chủ Trí Lực (Kammassakatañāṇa)**, mà lại hiện hành với mãnh lực của **Ái Dục (Taṇhā), Ngã Mạn (Māna), Tà Kiến (Diṭṭhi),** vì thế việc sẽ được tái sinh trở lại làm Người của nhóm người này mới coi như đã là thất sách vậy.

TRÌNH BÀY VIỆC KHỞI SINH NHỮNG ÁC HẠNH BỞI DO NƯƠNG VÀO Ý ÁC HẠNH (MANODUCCARITA) LÀM TÁC NHÂN

1. Ý Tham Ác (Abhijjhā): là tác nhân đầu tiên làm cho Thâu Đạo, Tính Dục Tà Hạnh, Vọng Ngữ, Ly Gián Ngữ, Hồ Ngôn Loạn Ngữ, Tà Kiến đã được khởi sinh.

2. Ý Cừu Hận (Byāpāda): là tác nhân đầu tiên làm cho Sát Tử, Thâu Đạo, Vọng Ngữ, Ly Gián Ngữ, Thô Ác Ngữ, Hồ Ngôn Loạn Ngữ đã được khởi sinh.

3. Ý Tà Kiến (Micchādiṭṭhi): là tác nhân đầu tiên làm cho cả Thập Ác Hạnh đã được khởi sinh.

+ **Giải thích** ở trong phần **Pāḷi** điều thứ tám, chỗ nói rằng **Aññatrāme viññattiyā manasmiṃ yeva bāhullavuttito manokammaṃ nāma** - Ý Tham Ác, Ý Cừu Hận, Ý Tà Kiến, cả ba điều này gọi là Ý Hành Nghiệp Lực, vì lẽ một khi đã loại trừ Thân Biểu Tri **(Kāyaviññatti)**, thì đa phần thường sinh khởi ở trong Lộ Ý Môn. Giải thích rằng, việc làm sinh khởi ở đạo lộ Tâm Thức đã được gọi là Ý Hành Nghiệp Lực. Như đã có trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Manasmiṃ pavattaṃ kammaṃ = Manokammaṃ** - Nghiệp Lực sinh khởi ở đạo lộ Tâm Thức, gọi là Ý Hành Nghiệp Lực. Đạo lộ Tâm Thức đã được gọi là Ý Hành Nghiệp Lực ấy, hiện hữu với nhiều thể loại, đó là:

1. Ở trong các Lộ Trình Tâm, **Tâm Hữu Phần (Bhavaṅgacitta)** gọi là Ý Môn, vì làm tác nhân cho Lộ Trình Tâm sinh khởi.

2. Hết tất cả Tâm được gọi là Ý Môn, vì lẽ những cái Tâm sInh trước trước làm tác nhân cho những cái Tâm sau sau khởi sinh.

3. Đổng Lực Bất Thiện và Đổng Lực Thiện gọi là Ý Môn, vì lẽ Tâm Đổng Lực này làm tác nhân cho thành tựu Ý Hành Nghiệp Lực.

Như Ngài Phụ Chú Giải Sư đã trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Mano eva dvāranti = Manodvāraṃ** - Chính cái Tâm Đổng Lực ấy đã làm tác nhân cho việc sinh khởi của Ý Hành Nghiệp Lực, vì thế mới gọi là Ý Môn. Còn đối với ở trong Ý Ác Hạnh đây, thì **Đổng Lực căn Tham (Lobhamūlajavana), căn Sân (Dosamūla)** câu sinh với Ý Tham Ác, Ý Cừu Hận, và Ý Tà Kiến, đã được gọi là Ý Môn. Còn **Đổng Lực căn Si (Mohamūla javana)** ở tại nơi đây, không được gọi là Ý Môn, bởi vì không có khả năng làm tác nhân cho cả Tam Ý Ác Hạnh khởi sinh lên được.

Chỗ nói rằng "Đổng Lực căn Tham, căn Sân" đã được gọi là "Ý Môn", tức là làm tác nhân cho Ý Ác Hạnh khởi sinh lên đó, là cũng do ngay trong sát na mà Ý Tham Ác hoặc Ý Tà Kiến khởi sinh, thì Đổng Lực Tham này làm duyên giúp đỡ bảo hộ cho Tham hình thành được Ý Tham Ác, và Tà Kiến hình thành được Ý Tà Kiến, với mãnh lực **Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya), Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya), Y Chỉ Duyên (Nissaya paccaya), Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya)**, và **Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya)**. Cũng ngay trong sát na Ý Tham Ác sinh khởi thì Đổng Lực Sân cũng làm duyên giúp đỡ bảo hộ cho Sân hình thành được Ý Cừu Hận, với mãnh lực Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên.

Việc giúp đỡ bảo hộ của Đổng Lực Bất Thiện không chỉ ở chỗ gọi là Ý Môn đấy, mà cũng thường luôn giúp đỡ bảo hộ ngay cả ở trong Thân Hành Nghiệp Lực và Ngữ Hành Nghiệp Lực đặng cho khởi sinh. Chẳng hạn như ở trong việc thực hiện Sát Tử, thì cũng tương tự, là ngay sát na ấy cũng đã có được tiếp nhận việc bảo hộ của Đổng Lực Sân chỗ đặng hình thành Ý Môn vậy. Thế nhưng, trong việc làm thành tựu Sát Tử thì nhu thiết sẽ cần phải phối hợp với Thân Biểu Tri là chỗ hình thành được Thân Môn. Tuy thế, giá mà Đổng Lực Sân chỉ có giúp đỡ bảo hộ duy nhất ở phần Ý Môn không thôi, thì ắt hẳn không

thể nào làm thành tựu việc Sát Tử được. Ở trong phần Vọng Ngữ cũng hiện hành tương tự, là tất phải có Ngữ Biểu Tri là chỗ hình thành Ngữ Môn cùng vào phối hợp, thì mới sẽ làm thành tựu việc Vọng Ngữ được. Chỉ có một mình Đồng Lực Tham hoặc Đồng Lực Sân giúp đỡ bảo hộ duy nhất ở phần Ý Môn không thôi, thì ắt hẳn cũng không thể nào làm thành tựu việc Vọng Ngữ được. Có nghĩa là Đồng Lực Bất Thiện ở phần Ý Môn đây, thường là chung **(Sādhāraṇa – Phổ Thông)** cho hết cả **Bất Thiện Nghiệp Lực**, cả ở phần Thân Hành Nghiệp Lực, Ngữ Hành Nghiệp Lực và Ý Hành Nghiệp Lực. Thế nhưng đối với Thân Biểu Tri ở phần Thân Môn, và Ngữ Biểu Tri ở phần Ngữ Môn đấy, lại không là chung **(Sādhāraṇa – Phổ Thông)** cho hết cả Nghiệp Lực, có thể chỉ có liên quan riêng biệt ở một vài loại Nghiệp Lực mà thôi, tức là Thân Hành Nghiệp Lực và Ngữ Hành Nghiệp Lực.

Lẽ thường, việc định danh ở bất luận một sự vật nào cho đặng hiện bày, thì tất phải nương vào điểm đặc biệt của các sự vật ấy, ở trong từng mỗi điểm một, thế rồi mới định danh cho không phải bị lẫn lộn với nhau. Do vậy, với cả ba Nghiệp Lực có Sát Tử v.v. đã được định danh là Thân Hành Nghiệp Lực, chính là do bởi đặc biệt nương vào Thân Môn mà khởi sinh. Và cả bốn Nghiệp Lực có Vọng Ngữ v.v. đã được định danh là Ngữ Hành Nghiệp Lực, chính là do bởi đặc biệt nương vào Ngữ Môn mà khởi sinh, như việc đã được định danh rồi vậy. Còn đối với cả ba Nghiệp Lực có Ý Tham Ác v.v., với những thể loại này sinh khởi lại không có dính líu với cả hai Sắc Biểu Tri, tức là Thân Môn và Ngữ Môn bất luận ở một thể loại nào, mà có thể chỉ có sinh khởi riêng biệt ở trong Ý Môn mà thôi, vì thế Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** đã có trình bày nói rằng: **Aññatrāme viññattiyā manasmiṃ yeva bāhullavuttito** - Một khi đã loại trừ Thân Biểu Tri và Ngữ Biểu Tri này ra rồi, thì đa phần thường sinh khởi ở trong phần Ý Môn.

Ở trong điều này, khi đã được thẩm sát chỉ ở từ ngữ nói rằng **Manasmiṃ yeva bāhullavuttito** này không thôi, cũng có lẽ sẽ là lời giải thích đã hoàn chỉnh lắm rồi, tức là Ý Tham Ác v.v. với những thể loại này thì đa phần sinh khởi ở trong Ý Môn. Thế nhưng nếu phải sử dụng chữ viết để viết ra giấy hoặc phải nói với lời nói rằng "tài sản của người ấy, giá mà Ta đến đoạt lấy được cho làm thành của Ta thì sẽ tốt biết mấy" chẳng hạn như vậy thì coi như là Ý Tham Ác đây, đã sinh khởi ở trong Lộ Thân Môn và Ngữ Môn rồi, ngặt chỉ là một phần nhỏ thôi. Do vậy, Ý Tham Ác v.v. mà đã được đặt tên gọi là Ý Hành Nghiệp Lực mới không có việc sửa đổi thành một tên gọi nào khác, vì lẽ việc định đặt tên gọi là Ý Hành Nghiệp Lực đây, là việc gọi tên theo phần **Sung Mãn Túc (Tabbāhullanaya)**, nghĩa là sinh khởi ở trong Lộ Ý Môn theo phần nhiều đa số. Thế nhưng, dù sao đi nữa, nếu chỉ phải nói là **Manasmiṃ yeva bāhullavuttito** thì quả là không được hoa mỹ lắm, có nghĩa là lời nói ở phần trước và phần sau chẳng giống nhau, vì lẽ ở trong cả Tam Thân Hành Nghiệp Lực đã nói rằng **Kāyaviññattisaṅkhāte kāyadvāre bāhullavuttito** - Vì đa phần sinh ở trong Thân Môn, tức là Thân Biểu Tri. Ở trong Tứ Ngữ Hành Nghiệp Lực cũng đã nói rằng **Vacīviññattisaṅkhāte vacīdvāre bāhullavuttito** - Vì đa phần sinh ở trong Ngữ Môn, tức là Ngữ Biểu Tri" đã trình bày cho thấy rằng "những thể loại Thân Hành Nghiệp Lực và Ngữ Hành Nghiệp Lực này, đã có được từ ngữ "Biểu Tri" kết hợp. Còn ở trong cả Tam Ý Hành Nghiệp Lực thì chỉ phải trình bày cho thấy rằng "chẳng có dính líu gì đến Sắc Biểu Tri cả".

Vì thế, Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** mới phải sử dụng từ ngữ nói rằng **Aññatra viññattiyā** - loại trừ Sắc Biểu Tri ấy ra.

Tuy nhiên, ở trong cả Tam Ý Hành Nghiệp Lực đây, chẳng phải lúc nào cũng luôn loại trừ Sắc Biểu Tri ấy ra, vì lẽ có đôi khi cũng vẫn phải phối hợp với Sắc Biểu Tri một cách tương tự. Vì thế, để trình bày cho được biết đến sự hiện hành như vậy, Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** mới sử dụng từ ngữ nói rằng **Api** phối hợp ở trong câu **Aññatra** thành **Aññatrāme** nghĩa là "việc sinh ở trong Ý Môn thì, cũng vẫn có việc loại trừ hoặc chẳng có việc loại trừ Sắc Biểu Tri ấy ra, tức là cũng vẫn có việc phối hợp với Sắc Biểu Tri trong việc sinh ở trong Ý Môn vậy."

TRÌNH BÀY TAM Ý HÀNH NGHIỆP LỰC CŨNG CÓ ĐÔI KHI LÀ PHẦN PHỤ THUỘC (PARIVĀRA) CỦA NHỮNG TƯ TÂM SỞ, CÓ SÁT NHÂN GIẢ TƯ TÂM SỞ VÀ ĐẠO TẶC TƯ TÂM SỞ v.v.

Ở ngay trong sát na đang Sát Tử loài Hữu Tình, Thâu Đạo tài sản của tha nhân thì thường luôn có Ý Tham Ác, Ý Cừu Hận và Ý Tà Kiến phối hợp. Còn đối với Ý Tà Kiến thì bất định. Chẳng hạn như ở ngay trong sát na đang trộm lấy tài sản của tha nhân thì có Tham hình thành Ý Tham Ác cùng phối hợp. Giả như kẻ ấy có sự nhận thấy rằng việc trộm lấy tài sản này, là chẳng có tội lỗi chi cả, thế là đã có Tà Kiến hình thành Ý Tà Kiến cùng phối hợp. Ở ngay trong sát na ấy, Thâu Đạo ắt hẳn đã Xâm Phạm Nghiệp Đạo; còn Ý Tham Ác cùng với Ý Tà Kiến thì coi như là Bất Xâm Phạm Nghiệp Đạo, và có thể chỉ là phần phụ thuộc của Đạo Tặc Tư Tâm Sở ngần ấy thôi.

Ở ngay trong sát na đang Sát Tử loài Hữu Tình, thì có Sân hình thành Ý Cừu Hận cùng phối hợp. Giả như kẻ ấy có sự nhận thấy rằng việc Sát Tử loài Hữu Tình này, là chẳng có tội lỗi chi cả, thế là đã có Tà Kiến hình thành Ý Tà Kiến cùng phối hợp. Ở ngay trong sát na ấy, Sát Tử ắt hẳn đã Xâm Phạm Nghiệp Đạo; còn Ý Cừu Hận cùng với Ý Tà Kiến thì coi như là Bất Xâm Phạm Nghiệp Đạo, và có thể chỉ là phần phụ thuộc của Sát Nhân Giả Tư Tâm Sở ngần ấy thôi. Ở ngay trong sát na Tà Dâm, Vọng Ngữ, v.v. ấy, thì có Tam Ý Hành Nghiệp Lực cũng thường luôn vào cùng phối hợp tùy thuận theo thích hợp. Tuy thế, có thể chỉ là phần phụ thuộc của những Tư Tâm Sở Nghiệp Lực đấy, ngần ấy thôi, và một cách đặc biệt lại là Bất Xâm Phạm Nghiệp Đạo.

TRÌNH BÀY DANH XƯNG NHỮNG ÁC HẠNH CHẲNG HỘI ĐỦ CHI PHÁP

Những hành động đã tạo tác ra các Bất Thiện Nghiệp Lực, giá như đã là Bất Xâm Phạm Nghiệp Đạo bởi do bất luận một nguyên nhân nào rồi, thì các Bất Thiện Nghiệp Lực ấy cũng cần phải định danh bởi nương theo Môn mà đã khởi sinh, và chẳng nhất thiết phải định danh theo phần **Sung Mãn Túc (Tabbāhullanaya)**.

+ Có nghĩa, nếu giả như các Bất Thiện Nghiệp Lực đã hiện bày theo Lộ Thân Môn, Lộ Ngữ Môn hoặc Lộ Ý Môn; nhưng lại Bất Xâm Phạm Nghiệp Đạo là vì chẳng hội đủ Chi

Pháp, thế nhưng những Bất Thiện Nghiệp Lực ấy cũng cần phải có sự hỗ trợ cho được định danh bởi nương theo Môn mà đã khởi sinh, và cũng chẳng nhất thiết phải định danh theo phần **Sung Mãn Túc (Tabbāhullanaya).** Chẳng hạn như việc cắt tay, chặt chân của bất luận một loại Hữu Tình nào đó; hoặc việc thiến hoạn loài Hữu Tình như có bò, chó, v.v. đặng cho triệt sản hoặc cho bất tính giao; hoặc việc đánh đòn dạy bảo đến con trẻ hoặc đến vị Sa Di, v.v. với các hành động tạo tác của những thể loại này, thì cũng chẳng nhất thiết phải định danh với riêng từng tên gọi, mà duy nhất, chỉ phải gọi việc ấy là Thân Ác Hạnh **(Duccarita)**. Nếu dựa theo phần **Sung Mãn Túc (Tabbāhullanaya)** thì thường cũng chỉ gọi là **Ngữ Ác Hạnh (Vacīduccarita)** ngần ấy thôi, hoặc cũng còn gọi là **Ý Ác Hạnh (Manoduccarita).**

+ Có nghĩa, nếu giả như tự thân thực hiện, thì chỉ gọi là Thân Ác Hạnh (Thân Hành Bất Thiện). Nếu sai bảo tha nhân thực hiện thì chỉ gọi là Ngữ Ác Hạnh (Ngữ Hành Bất Thiện). Nếu nghĩ suy để sẽ thực hiện thì chỉ gọi là Ý Ác Hạnh (Ý Hành Bất Thiện). Hoặc giả trong việc nói lời vọng ngữ, thì cũng chẳng cần phải định danh với riêng từng tên gọi, mà chỉ phải gọi là Ngữ Ác Hạnh ngần ấy thôi, gọi là Thân Ác Hạnh hoặc cũng còn gọi là Ý Ác Hạnh.

+ Có nghĩa, nếu giả như sử dụng ngôn ngữ thốt ra lời thì chỉ gọi là Ngữ Ác Hạnh; nếu sử dụng chữ viết để viết ra giấy tờ thì chỉ gọi là Thân Ác Hạnh; nếu nghĩ suy để nói dối thì chỉ gọi là Ý Ác Hạnh. Hoặc giả như trong việc mãn ý dục đắc để có được tài sản của cải của tha nhân một cách bất hợp pháp ấy, thì cũng chẳng cần phải định danh với riêng từng tên gọi, mà chỉ phải gọi là Ý Ác Hạnh ngần ấy thôi, gọi là Thân Ác Hạnh hoặc cũng còn gọi là Ý Ác Hạnh.

+ Có nghĩa, nếu giả như chỉ có sự mãn ý dục đắc một cách thản nhiên, và chẳng có nghĩ suy chi để cho sự vật ấy làm thành của riêng mình thì chỉ gọi là Ý Ác Hạnh. Nếu đã có sự mãn ý dục đắc để phải thốt ra lời rằng "sự vật ấy rất là xinh đẹp" thì cũng chỉ gọi là Ngữ Ác Hạnh. Nếu đã có sự mãn ý dục đắc và rồi đã cầm lấy sự vật ấy lên để ngắm nhìn, thì cũng chỉ gọi là Thân Ác Hạnh. Do đó, Ngài Đại Giáo Thọ Sư **Buddhaghosa** mới trình bày để ở trong Bộ Chú Giải **Aṭṭhasālinī** nói rằng: **Kāyavacīdvāresu hi copanaṃ patvā kammapathaṃ appattampi atthi, manodvāre ca samudācāraṃ patvā kammapathaṃ appattampi atthi, taṃ gahetvā taṃ taṃ dvārapakkhikameva akaṃsu - Dịch nghĩa là:** Bất Thiện Nghiệp Lực đã thẩm thấu việc khuấy động ở trong Lộ Thân Môn và Lộ Ngữ Môn, thế nhưng Bất Xâm Phạm Nghiệp Đạo; hoặc Bất Thiện Nghiệp Lực đã thẩm thấu việc sinh khởi ở trong Ý Môn, thế nhưng Bất Xâm Phạm Nghiệp Đạo; thế là tất cả những Ngài Chú Giải Sư giữ lấy những loại Bất Thiện Nghiệp Lực mà Bất Xâm Phạm Nghiệp Đạo ấy, và cho sát nhập vào ở trong Lộ Môn đã nương sinh."

TRÌNH BÀY MỘT CÁCH ĐẦY ĐỦ VỀ PHƯƠNG THỨC TÍNH SỐ LƯỢNG ÁC HẠNH

Những Thập Ác Hạnh này, một khi trọn đủ có được 30 hoặc 40 điều.

+ Có 30 điều, ấy là việc tạo tác từng mỗi một Ác Hạnh ấy, sẽ cần phải phối hợp với cả ba Tư Tâm Sở, ấy là:

1. Tư Tiền (Pubbacetanā): Tư Tâm Sở khởi sinh trước việc tạo tác.

2. Tư Hiện (Muñcacetanā): Tư Tâm Sở khởi sinh ngay trong sát na đang tạo tác.

3. Tư Hậu (Aparacetanā): Tư Tâm Sở khởi sinh ngay trong sát na đã tạo tác xong.

Như thế, từng mỗi điều của Thập Ác Hạnh phối hợp với cả ba Tư Tâm Sở mới thành 30 Ác Hạnh.

+ Có 40 điều, ấy là việc tạo tác từng mỗi điều Ác Hạnh, đã được chia ra thành bốn thể loại, ấy là:

1. Tự Chế Thủ Công Ác Hạnh (Sāhatthakaduccarita): Tự bản thân thực hiện.

2. Mệnh Lệnh Ác Hạnh (Āṇattikaduccarita): Sai bảo để cho tha nhân thực hiện.

3. Năng Lực Biểu Thị Ác Hạnh (Vaṇṇabhāsanaduccarita): Đề cập đến và trình bày sự lợi ích của việc tạo tác những Ác Hạnh ấy.

4. Lạc Sự Ác Hạnh (Samanuññāduccarita): Có sự hân hoan mãn ý ở trong việc tạo tác những Ác Hạnh ấy.

Vì thế, mười điều Ác Hạnh kết hợp với cả bốn phân loại ấy mới thành 40 điều Ác Hạnh. Trong số lượng 30 hoặc 40 điều như đã vừa đề cập đến ở tại đây, thì cũng có một vài điều Xâm Phạm Nghiệp Đạo và có khả năng dắt dẫn sa đọa vào trong Cõi Thống Khổ; tuy thế cũng có một vài điều thì Bất Xâm Phạm Nghiệp Đạo và cũng không có khả năng dắt dẫn sa đọa vào trong Cõi Thống Khổ. Chẳng hạn như trong việc Sát Tử, giả như loài Hữu Tình ấy tử vong thì coi như cả ba Tư Tâm Sở có dính líu với việc Sát Tử này, đã hoàn thành Xâm Phạm Nghiệp Đạo. Nếu giả như loài Hữu Tình ấy vẫn chưa tử vong, thì cũng chẳng sắp thành Xâm Phạm Nghiệp Đạo. Cả ba Ác Hạnh, có Thâu Đạo v.v. cũng hiện hành trong cùng một phương thức tương tự như nhau.

Trong 40 điều Ác Hạnh ấy, được tỷ như với 4 hạng Người cùng hợp tác với nhau thực hiện việc Sát Tử. Người thứ nhất là kẻ đề cập đến và trình bày sự lợi ích ở trong việc Sát Tử ấy. Người thứ hai là kẻ sai bảo để cho tha nhân thực hiện. Người thứ ba chính là kẻ ra tay sát thủ. Và người thứ tư là kẻ chẳng có biểu thị ra theo Lộ Thân Môn hoặc Lộ Ngữ Môn, tuy nhiên trong thâm tâm lại nghĩ suy hoan hỷ mãn ý ở trong việc Sát Tử ấy. Nếu giả như loài Hữu Tình tử vong, thì kẻ đã đề cập đến và trình bày sự lợi ích, hoặc kẻ đã sai bảo để cho người khác thực hiện; với cả ba hạng Người này coi như đã Xâm Phạm Nghiệp Đạo, vì đã hội đủ cả năm Chi Pháp. Còn với kẻ chỉ có nghĩ suy hoan hỷ mãn ý ở trong thâm tâm, thì Bất Xâm Phạm Nghiệp Đạo, vì đã không hội đủ Chi Pháp, đã thiếu mất đi Chi Nỗ Lực. Ở trong bốn phân loại thuộc Thâu Đạo Ác Hạnh, v.v. cũng hiện hành trong cùng một phương thức tương tự như nhau.

+ Giải thích ở trong phần **Pāḷi** điều thứ chín, thứ mười, thứ mười một, chỗ nói rằng **Tesu pāṇātipāto pharusavācā byāpādo ca dosamūlena jāyanti** v.v. cho đến **Sesāni cattāripi davīhi mūlehi sambhavanti.**

Những phần Chánh Tạng **Pāḷi** này đã trình bày đến Pháp Chủng làm thành tác nhân từ Bất Thiện Nghiệp Lực, tức là trong lời dịch ở phần **Pāḷi** của điều thứ chín, chỗ nói rằng "Sát Tử, Thô Ác Ngữ, Ý Cừu Hận, cả ba điều này sinh khởi là do bởi Tâm căn Sân làm tác nhân"đó là lời dịch đã được kết hợp lại một cách chung chung. Nếu sẽ được phân tích theo riêng từng mỗi phần, thì sẽ phải dịch là "Sát Mạng, và Thô Ác Ngữ sinh khởi do bởi nương vào Tâm Sở Sân làm Chủ Căn. Ý Cừu Hận sinh khởi do bởi nương vào Tâm có Tâm Sở Sân." Chẳng hạn như vậy, cũng vì Chi Pháp của Sát Tử và Thô Ác Ngữ ấy là Tư Tâm Sở phối hợp với Tâm Sở Sân. Như thế, cả hai Bất Thiện Nghiệp Lực này phối hợp với Căn Sân, tức là Tâm Sở Sân; có nghĩa là cả hai Bất Thiện Nghiệp Lực mà khởi sinh ở tại đây, là cũng do được đón nhận việc bảo hộ từ Tâm Sở Sân đã an trú ở trong nền tảng của **Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya), Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya), Y Chỉ Duyên (Nissayapaccaya).** Còn Tư Tâm Sở Sát Tử và Thô Ác Ngữ Tư Tâm Sở là **Thời Hiện Tại (Paccuppannakāla).**

Còn Ý Cừu Hận ấy, Chi Pháp ấy là Tâm Sở Sân. Như thế, Tâm Sở Sân mà sẽ phối hợp với Ý Cừu Hận thì lại chẳng có; với lý do này, việc sinh khởi của Ý Cừu Hận cũng chính là do được đón nhận việc bảo hộ từ Tâm căn Sân đã phối hợp với Tâm Sở Sân ấy vậy. Vì thế, Tâm Chủ căn Sân thường hiện hữu ở trong nền tảng của **Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya), Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya), Y Chỉ Duyên (Nissaya paccaya).** Tâm Sở Sân đã hình thành Ý Cừu Hận là **Thời Hiện Tại (Paccuppanna kāla).** Do vậy, một khi trình bày câu Chú Giải của từ ngữ nói rằng **Dosamūlaṃ - Căn Sân** thì cần phải trình bày làm hai thể loại như sau:

+ **Doso ca so mūlañcāti = Dosamūlaṃ** - Pháp nào vừa là Sân vừa là Căn, như thế Pháp ấy gọi là Căn Sân, tức là **Tâm Sở Sân (Dosacetasika).** Câu Chú Giải này lập ý ở trong khía cạnh xuất sinh xứ của Sát Tử và Thô Ác Ngữ.

+ **Doso mūlaṃ yassāti = Dosamūlaṃ** - Với Căn là Sân hiện hữu với Tâm nào, như thế Tâm ấy gọi là Căn Sân, tức là Tâm căn Sân. Câu Chú Giải này lập ý ở trong khía cạnh xuất sinh xứ của Ý Cừu Hận.

+ Trong lời dịch ở phần **Pāḷi** với điều thứ mười, chỗ nói rằng: "Tính Dục Tà Hạnh, Ý Tham Ác, Ý Tà Kiến, cả ba điều này sinh khởi do bởi Tâm căn Tham làm tác nhân" đó là lời dịch đã được kết hợp lại một cách chung chung. Nếu sẽ được phân tích theo riêng từng mỗi phần, thì sẽ phải dịch là "Tính Dục Tà Hạnh, và Ý Tà Kiến, cả hai điều này sinh khởi do bởi nương vào Tâm Sở Tham làm Chủ Căn. Ý Tham Ác sinh khởi do bởi nương vào Tâm có Tâm Sở Tham." Chẳng hạn như vậy, cũng vì Chi Pháp của Tính Dục Tà Hạnh ấy là Tư Tâm Sở phối hợp với Tâm Sở Tham. Chi Pháp của Ý Tà Kiến ấy là Tà Kiến phối hợp với Tâm Sở Tham làm Chủ Căn. Như thế, cả hai Bất Thiện Nghiệp Lực này phối hợp với Căn Tham, tức là Tâm Sở Tham; có nghĩa là cả hai Bất Thiện Nghiệp Lực mà sinh khởi ở tại đây, là cũng do được đón nhận việc bảo hộ từ Tâm Sở Tham đã an trú ở trong nền tảng của **Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya), Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya), Y Chỉ Duyên (Nissayapaccaya).** Còn Tư Tâm Sở Tính Dục Tà Hạnh và Ý Tà Kiến là ở **Thời Hiện Tại (Paccuppannakāla).**

Còn Ý Tham Ác ấy, Chi Pháp ấy là Tâm Sở Tham. Như thế, Tâm Sở Tham mà sẽ phối hợp với Ý Tham Ác thì lại chẳng có; với lý do này, việc sinh khởi của Ý Tham Ác cũng chính là do được đón nhận việc bảo hộ từ Tâm căn Tham đã phối hợp với Tâm Sở Tham ấy vậy. Vì thế, Tâm Chủ căn Tham thường an trú trong nền tảng của **Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya), Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya), Y Chỉ Duyên (Nissaya paccaya).** Tâm Sở Tham đã hình thành Ý Tham Ác là ở **Thời Hiện Tại (Paccuppanna kāla).** Do vậy, một khi trình bày câu Chú Giải của từ ngữ nói rằng **Lobha mūlaṃ - Căn Tham** thì cần phải trình bày làm hai thể loại như sau:

+ Lobho ca so mūlañcāti = Lobhamūlaṃ - Pháp nào vừa là Tham vừa là Căn, như thế Pháp ấy gọi là Căn Tham, tức là **Tâm Sở Tham (Lobhacetasika).** Câu Chú Giải này lập ý ở trong khía cạnh xuất sinh xứ của Tính Dục Tà Hạnh và Ý Tà Kiến.

+ Lobho mūlaṃ yassāti = Lobhamūlaṃ - Với Căn là Tham hiện hữu với Tâm nào, như thế Tâm ấy gọi là Căn Tham, tức là Tâm căn Tham. Câu Chú Giải này lập ý ở trong khía cạnh xuất sinh xứ của Ý Tham Ác.

+ Việc miêu tả nội dung theo phần **Pāḷi** ở các điều thứ chín, thứ mười, như đã được đề cập ở tại đây, là việc miêu tả theo Bộ Phụ Chú Giải Siêu Lý Giải Minh **(Paramattha dīpanīṭīkā).** Thế nhưng một khi đã thẩm thị ở trong từ ngữ nói rằng **Dosamūlena jāyanti lobhamūlena jāyanti** - thì sẽ chỉ được dịch là "thường sinh khởi do nương vào Căn Sân, thường sinh khởi do nương vào Căn Tham cũng được". Vì rằng, trước khi Ý Cừu Hận sẽ sinh khởi, ắt hẳn phải có Tư Tiền khởi sinh lên trước. Ở trong **Tư Tiền (Pubbacetanā)** ấy, đã có Tâm Sở Sân cùng phối hợp. Rằng khi theo khía cạnh Tâm Sở Sân đã hiện hữu ở trong Tư Tiền, thì cũng nói được rằng "Ý Cừu Hận sinh khởi do nương vào Căn Sân, cũng tương tự với việc sinh khởi của Sát Tử và Thô Ác Ngữ vậy." Ở trong chỗ này, Sân hiện hữu ở trong Tư Tiền là **Thường Cận Y Năng Duyên (Pakatūnissayapaccaya).** Ý Cừu Hận được hình thành do bởi Căn Sân, đã sinh khởi ở về sau, là **Thường Cận Y Sở Duyên (Paka tūnissayapaccayuppanna).** Còn Năng Duyên và Sở Duyên giữa Tâm Sở Sân với Sát Tử và Thô Ác Ngữ ấy cũng nên hiểu biết theo như phần đã có được đề cập đến rồi vậy.

Hoặc trước lúc Ý Tham Ác sẽ sinh khởi, thì thường có Tư Tiền phối hợp với Tâm Sở Tham sinh khởi lên trước. Rằng khi theo khía cạnh Tâm Sở Tham hiện hữu ở trong Tư Tiền, thì cũng nói được rằng "Ý Tham Ác sinh khởi do nương vào Căn Tham, cũng tương tự với việc sinh khởi của Tính Dục Tà Hạnh và Ý Tà Kiến". Ở trong chỗ này, Tham hiện hữu ở trong Tư Tiền là Thường Cận Y Năng Duyên. Ý Tham Ác được hình thành do bởi Căn Tham, đã sinh khởi ở về sau, là Thường Cận Y Sở Duyên. Còn Năng Duyên và Sở Duyên giữa Tâm Sở Tham với Tính Dục Tà Hạnh và Ý Tà Kiến ấy, thì cũng nên hiểu biết theo như phần đã có được đề cập đến rồi vậy.

+ Việc miêu tả nội dung ý nghĩa về việc **Xuất Sinh Xứ (Samuṭṭhāna)** của Ý Tham Ác và Ý Cừu Hận, như đã được đề cập ở tại đây, là việc miêu tả theo Bộ Phụ Chú Giải **Ngôn Từ (Bhāsāṭīkā).** Trong lời dịch ở phần **Pāḷi** với điều thứ mười một, chỗ nói rằng: "Tứ Bất Thiện Nghiệp Đạo còn lại; ấy là Thâu Đạo, Vọng Ngữ, Ly Gián Ngữ, Hồ Ngôn Loạn Ngữ; những thể loại này, đôi khi sinh khởi do nương vào Tham làm xuất sinh xứ, và cũng có đôi

khi sinh khởi do nương vào Sân làm xuất sinh xứ; do vậy mới nói được rằng "sinh khởi do nương vào cả hai loại Căn, đó là Tham và Sân."

Tiếp theo đây, sẽ giải thích một cách đầy đủ ở trong việc sinh khởi của Tứ Bất Thiện Nghiệp Đạo do nương vào Tham và Sân làm xuất sinh xứ, như sau:

1. Do nương vào Tham làm xuất sinh xứ mà Thâu Đạo sinh khởi, chẳng như là người trộm lấy tài sản của cải của tha nhân với sự mãn ý dục đắc đặng làm lợi ích cho riêng mình; hoặc đặng làm lợi ích cho gia quyến, bằng hữu, con cháu, chồng vợ, v.v. Như vậy, sẽ nói được rằng Thâu Đạo ấy, do nương vào Tham làm xuất sinh xứ mà sinh khởi.

2. Do nương vào Sân làm xuất sinh xứ mà Thâu Đạo sinh khởi, chẳng hạn như người trộm lấy tài sản của cải của tha nhân mà chẳng có sự mãn ý dục đắc, mà đó chỉ là việc cố ý làm tình làm tội cho tha nhân phải đón nhận sự đau khổ; hoặc để cho phát sinh lên việc kình cãi bất hòa lẫn nhau; hoặc để cho việc trả hận rửa thù giữa mình với người ấy đã có sự bất duyệt ý. Như vậy, sẽ nói được rằng Thâu Đạo ấy, do nương vào Sân làm xuất sinh xứ mà sinh khởi.

3. Do nương vào Tham làm xuất sinh xứ mà Vọng Ngữ sinh khởi, chẳng hạn như kẻ làm thuê mướn cho việc làm nhân chứng gian dối ở trước tòa, để được thưởng tiền thù lao, v.v. Như vậy, sẽ nói được rằng Vọng Ngữ ấy, do nương vào Tham làm xuất sinh xứ mà sinh khởi.

4. Do nương vào Sân làm xuất sinh xứ mà Vọng Ngữ sinh khởi, chẳng hạn như kẻ nói ra sự bất chính để đặt điều vu khống, hoặc bịa chuyện bôi nhọ, để cho phía bên kia phải bị đón nhận sự thiệt hại hoặc sự đau khổ, v.v. Như vậy, sẽ nói được rằng Vọng Ngữ ấy, do nương vào Sân làm xuất sinh xứ mà sinh khởi.

5. Do nương vào Tham làm xuất sinh xứ mà Ly Gián Ngữ sinh khởi, chẳng hạn như kẻ nói lời đốc thúc, xúi xiểm để cho người ta sinh lòng lân ái với mình. Như vậy, sẽ nói được rằng Ly Gián Ngữ ấy, do nương vào Tham làm xuất sinh xứ mà sinh khởi.

6. Do nương vào Sân làm xuất sinh xứ mà Ly Gián Ngữ sinh khởi, chẳng hạn như kẻ nói lời đốc thúc, xúi xiểm để cho người ta phải chia rẽ lẫn nhau. Như vậy, sẽ nói được rằng Ly Gián Ngữ ấy, do nương vào Sân làm xuất sinh xứ mà sinh khởi.

7. Do nương vào Tham làm xuất sinh xứ mà Hồ Ngôn Loạn Ngữ sinh khởi, chẳng hạn như người nói ra hoặc viết ra câu chuyện tuồng tích tầm sàm nhảm nhí, chẳng thiết thực lợi ích, khôi hài đùa cợt, để được thưởng tiền thù lao; hoặc người có tính khí nói ra hoặc viết ra những câu chuyện tuồng tích chẳng có thật, để vui chơi, v.v. Như vậy, sẽ nói được rằng Hồ Ngôn Loạn Ngữ ấy, do nương vào Tham làm xuất sinh xứ mà sinh khởi.

8. Do nương vào Sân làm xuất sinh xứ mà Hồ Ngôn Loạn Ngữ sinh khởi, chẳng hạn như người nói ra hoặc viết ra câu chuyện tuồng tích hòng mưu tính sẽ làm cho phía bên kia phải đón nhận sự thiệt hại; với câu chuyện ấy tầm sàm nhảm nhí, vô bổ vô ích. Như vậy, sẽ nói được rằng Hồ Ngôn Loạn Ngữ ấy, do nương vào Sân làm xuất sinh xứ mà sinh khởi.

Đối với việc sinh khởi của Bất Thiện Nghiệp Đạo, lại chẳng có lấy Si làm xuất sinh xứ đưa lên để trình bày theo phần riêng biệt, là cũng do Si ở đây thuộc **Bất Thiện Biến Hành (Akusalasādhāraṇa)**, nghĩa là phổ cập hiện hữu ở trong mọi tác hành bất thiện, vì

thế bất luận một Bất Thiện Nghiệp Đạo nào có sinh khởi đi nữa, thì luôn có Si làm xuất sinh xứ hiện hữu sẵn ở trong bản thể Pháp ấy rồi.

RẰNG THỂ THEO PHẦN CHI PHÁP, THẬP BẤT THIỆN NGHIỆP ĐẠO ĐÃ ĐƯỢC PHÂN RA LÀM NĂM THỂ LOẠI v.v. Đó Là:

Dhammato ceva koṭṭhāsa Ārammaṇā ca vedanā
Mūlato pañcākālehi Veditabbo vinicchayo

Nên hiểu biết việc phân tích ở trong Thập Bất Thiện Nghiệp Đạo đã được dựa theo năm thể loại, đó là:

1/ Rằng theo Chi Pháp (Aṅgadhamma),
2/ Rằng theo Bộ Phận (Koṭṭhāsa),
3/ Rằng theo Cảnh (Ārammaṇa),
4/ Rằng theo Thọ (Vedanā),
5/ Rằng theo Căn (Mūla).

Tiếp theo đây, sẽ giải thích rộng rãi trong từng mỗi phần, như sau:

1. Chi Pháp (Aṅgadhamma): Rằng theo Chi Pháp, tức là **Tam Thân Ác Hạnh (Kāyaduccarita)** và **Tứ Ngữ Ác Hạnh (Vacīduccarita).** Kết hợp lại có được bảy thể loại, và **Chi Pháp** ấy là **Tư Tâm Sở (Cetanācetasika).** Chi Pháp của **Tam Ý Ác Hạnh (Mano duccarita)** ấy là **Tâm Sở (Cetasika)** câu sinh với **Tư Tâm Sở.**

2. Bộ Phận (Koṭṭhāsa): Rằng theo Bộ Phận, tức là Tam Thân Ác Hạnh, Tứ Ngữ Ác Hạnh và Một Ý Tà Kiến. Cả tám thể loại này, đều gọi là **Nghiệp Đạo (Kammapatha)**, và không gọi là **Căn Gốc (Mūla).** Cả hai thể loại, Ý Tham Ác và Ý Cừu Hận này, gọi là Nghiệp Đạo và gọi là Căn Gốc.

3. Cảnh (Ārammaṇa): Rằng theo Cảnh, tức là Sát Tử, Tính Dục Tà Hạnh, Ý Tà Kiến, cả ba thể loại này sinh khởi bởi do có **Pháp Hữu Vi (Saṅkhāradhamma – Pháp Hành)** làm Cảnh.

[Một vài Chú Giải Sư đã nói rằng Tính Dục Tà Hạnh này sinh khởi do có **Hữu Tình Chế Định (Sattapaññatti)** làm Cảnh. Thô Ác Ngữ, Ý Cừu Hận, cả hai thể loại này sinh khởi do có Hữu Tình Chế Định làm Cảnh. Năm Bất Thiện Nghiệp Đạo còn lại, ấy là Thâu Đạo, Vọng Ngữ, Ly Gián Ngữ, Hồ Ngôn Loạn Ngữ và Ý Tham Ác, những thể loại này sinh khởi do có Pháp Hữu Vi và Hữu Tình Chế Định làm Cảnh.]

4. Thọ (Vedanā): Rằng theo Thọ, tức là Sát Tử, Thô Ác Ngữ, Ý Cừu Hận, cả ba thể loại này câu sinh với **Khổ Thọ (Dukkhavedanā).** Tính Dục Tà Hạnh, Ý Tham Ác, Ý Tà Kiến, cả ba thể loại này câu sinh với **Lạc Thọ (Sukhavedanā)** cũng có, hoặc với **Xả Thọ (Upekkhāvedanā)** cũng có. Bốn Bất Thiện Nghiệp Đạo còn lại, ấy là Thâu Đạo, Vọng Ngữ, Ly Gián Ngữ, Hồ Ngôn Loạn Ngữ, những thể loại này câu sinh với Lạc Thọ cũng có, Khổ Thọ cũng có, và Xả Thọ cũng có.

5. Căn Gốc (Mūla): Rằng theo Căn Gốc, tức là Sát Tử, Thô Ác Ngữ, cả hai thể loại này có Sân và Si làm Căn Gốc. Tính Dục Tà Hạnh, Ý Tà Kiến, cả hai thể loại này có Tham

và Si làm Căn Gốc. Thâu Đạo, Vọng Ngữ, Ly Gián Ngữ, Hồ Ngôn Loạn Ngữ, cả bốn thể loại này, đôi khi có Tham và Si làm Căn Gốc; đôi khi có Sân và Si làm Căn Gốc. Ý Tham Ác và Ý Cừu Hận, cả hai thể loại này chỉ có duy nhất Si làm Căn Gốc. Việc trình bày phân tích theo Căn Gốc như đã vừa đề cập tại đây, là việc trình bày theo **Phần Biến Hành (Sādhāraṇanaya)** đã được đề cập đến để ở trong bộ Chú Giải **Aṭṭhasālinī**.

Đối với việc trình bày Căn Gốc của Bất Thiện Nghiệp Đạo, chỗ đã được trình bày để ở trong **Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp (Abhidhammaṭṭhasaṅgaha): Tesaṃ pāṇātipāto pharusavācā byāpādo ca dosamūlena jāyanti** v.v. là việc trình bày theo **Phần Bất Biến Hành (Asādhāraṇanaya),** nghĩa là trình bày chẳng có trộn lẫn nhau.

+ Giải thích ở trong phần **Pāḷi** với điều thứ mười hai, chỗ nói rằng: **Cittuppāda vasena panetaṃ akusalaṃ sabbathāme dvādasavidhaṃ hoti** - Bất Thiện Nghiệp Lực này, một khi theo mãnh lực từ việc sinh khởi của Tâm, cho dù với bất luận trường hợp nào đi nữa, thì cũng thường luôn có 12.

Giải thích rằng, trong phần **Pāḷi** ở điều này đã có trình bày đến việc sinh khởi của Tâm mà có liên quan với Thập Bất Thiện Nghiệp Đạo và ở trong việc tạo tác các điều Ác Hạnh của tất cả mọi con người; và trong từng mỗi con người đã có được phân ra làm ba thể loại tạo tác, đó là:

+ Đôi khi đã thực hiện theo Lộ Thân Môn, gọi là Thân Hành Bất Thiện, đã làm cho tha nhân và tự bản thân phải bị đón nhận sự đau khổ.

+ Đôi khi đã thực hiện theo Lộ Ngữ Môn, gọi là Ngữ Hành Bất Thiện, đã làm cho tha nhân và tự bản thân phải bị đón nhận sự thiệt hại và đau khổ.

+ Đôi khi đã thực hiện theo Lộ Ý Môn, gọi là Ý Hành Bất Thiện, đã làm cho tự bản thân phải đón nhận sự thiệt hại và đau khổ.

Và nếu như được phân theo thể loại từ các hành động tạo tác ấy, thì có được mười thể loại, đó là: ba thể loại về Thân Hành Bất Thiện, bốn thể loại về Ngữ Hành Bất Thiện và ba thể loại về Ý Hành Bất Thiện. Và nếu tính một cách đầy đủ, thì có đến 30 hoặc 40, như đã có được đề cập đến ở phía trên. Những thể loại này là việc trình bày số lượng Ác Hạnh mà nói theo **Thành Ngữ Dân Gian (Vohāra)** đã hiện hành ở trong thế gian. Tuy nhiên những thể loại Ác Hạnh này, nếu nói theo **Thực Tính Siêu Lý (Sabhāvaparamattha)**, thì Pháp hình thành tác nhân cho các Ác Hạnh ấy được sinh khởi, đó chỉ là 12 cái Tâm ngần ấy thôi. Có nghĩa là:

+ Tám cái Tâm có Tham làm chủ vị, gọi là Tâm căn Tham.

+ Hai cái Tâm có Sân làm chủ vị, gọi là Tâm căn Sân.

+ Hai cái Tâm có Si làm chủ vị, gọi là Tâm căn Si.

Kết hợp lại thành 12 cái Tâm Bất Thiện cùng phối hợp với 27 Tâm Sở, gọi là **Tâm Khởi Sinh Bất Thiện (Akusalacittuppāda),** đã làm thành Chi Pháp ở trong những hành động tạo tác Bất Thiện của tất cả loài Hữu Tình, và cho dù bất luận một thể loại Bất Thiện nào đi nữa, cũng sẽ chẳng thoát ra khỏi 12 cái Tâm Khởi Sinh Bất Thiện này, như đã vừa miêu tả ở tại đây.

Kết Thúc Việc Giải Thích Ở Trong Phần Bất Thiện Nghiệp Lực

+ Giải thích ở trong phần **Pāḷi** với điều thứ mười ba, chỗ nói rằng **Kāmāvacara kusalampi v.v. tividhaṃ hoti.**

Từ ngữ **Api – Như vậy, còn nữa** ở trong câu nói rằng **Kāmāvacara kusalampi** đấy là **Tập Hợp Bất Phân Từ (Vuttasamuccayanipāta)**, nghĩa là câu tập hợp để sẽ cho được biết là "Ý nghĩa đã được trình bày và đang được trình bày cũng là một như nhau." Việc tập hợp nội dung để sẽ cho được biết qua việc sử dụng từ ngữ **Api** ấy, có nghĩa là "chẳng phải chỉ có duy nhất với ba thể loại Bất Thiện Nghiệp Lực, mà ngay cả cũng vẫn có ba thể loại Dục Giới Thiện tương tự như nhau."

TRÌNH BÀY THẬP THIỆN NGHIỆP LỰC DỤC GIỚI

+ **Tam Thân Hành Nghiệp Lực**, ấy là:

1. Sát Tử Kiềm Chế (Pāṇātipātavirati): Tự kiềm chế việc sát tử.

2. Thâu Đạo Kiềm Chế (Adinnādānavirati): Tự kiềm chế việc trộm cắp.

3. Tính Dục Tà Hạnh Kiềm Chế (Kāmesumicchācāravirati): Tự kiềm chế việc tà dâm.

+ **Tứ Ngữ Hành Nghiệp Lực**, ấy là:

1. Vọng Ngữ Kiềm Chế (Musāvādavirati): Tự kiềm chế nói lời giả dối.

2. Ly Gián Ngữ Kiềm Chế (Pisuṇavācāvirati): Tự kiềm chế nói lời xúi xiểm.

3. Thô Ác Ngữ Kiềm Chế (Pharusavācāvirati): Tự kiềm chế nói lời thô tục xấu ác.

4. Hồ Ngôn Loạn Ngữ (Samphappalāpavirati): Tự kiềm chế nói lời tầm sàm, nhảm nhí vô ích.

+ **Tam Ý Hành Nghiệp Lực,** ấy là:

1. Ý Bất Tham Ác (Anabhijjhā): Có việc lưu tâm kiểm ý để kiềm chế không cho khởi sinh Ý Tham Ác.

2. Ý Bất Cừu Hận (Abyāpāda): Có việc lưu tâm kiểm ý để kiềm chế không cho khởi sinh Ý Cừu Hận.

3. Chánh Kiến (Sammādiṭṭhi): Có sự nhìn thấy chân chánh.

Mười điều **Thiện Nghiệp Lực Dục Giới (Kāmāvacarakusalakamma)** như đã vừa đề cập đến ở tại đây, gọi là **Thập Thiện Nghiệp Đạo (Kusalakammapatha)**, hoặc cũng còn được gọi là **Thập Thiện Hạnh (Sucarita)**. Những Thập Thiện Hạnh này, khi được tính một cách đầy đủ thì cũng có 30 hoặc 40 điều. Có 30 điều, nghĩa là từng mỗi hành động tạo tác về Thiện Hạnh ấy, sẽ phải được phối hợp với cả Tam **Tư Tâm Sở (Cetanā)**, ấy là:

1. Tư Tiền (Pubbacetanā): Tư Tâm Sở khởi sinh trước việc tạo tác.

2. Tư Hiện (Muñcacetanā): Tư Tâm Sở khởi sinh ngay trong sát na đang tạo tác.

3. Tư Hậu (Aparacetanā): Tư Tâm Sở khởi sinh ngay trong sát na đã tạo tác xong.

Như thế, mười điều Thiện Hạnh được phối hợp với cả Tam Tư Tâm Sở, mới thành 30 điều.

+ Có 40 điều, ấy là việc tạo tác từng mỗi điều Thiện Hạnh, đã được chia ra thành bốn thể loại, ấy là:

1. Tự Chế Thủ Công Thiện Hạnh (Sāhatthakasucarita): Tự bản thân thực hiện.

2. Mệnh Lệnh Thiện Hạnh (Āṇattikasucarita): Sai bảo để cho tha nhân thực hiện.

3. Năng Lực Biểu Thị Thiện Hạnh (Vaṇṇabhāsanasucarita): Đề cập đến và trình bày sự lợi ích của việc tạo tác những Thiện Hạnh ấy.

4. Lạc Sự Thiện Hạnh (Samanuññāsucarita): Có sự hân hoan mãn ý ở trong việc tạo tác những Thiện Hạnh ấy.

TRÌNH BÀY CHI PHÁP CỦA THẬP THIỆN NGHIỆP LỰC DỤC GIỚI

+ Tam Thân Hành Nghiệp Lực hoặc Tam Thân Thiện Hạnh có được Chi Pháp là: **Tâm Sở Chánh Nghiệp (Sammākammantacetasika)** và **Tâm Sở Chánh Mạng (Sammā ājīvacetasika).**

+ Tứ Ngữ Hành Nghiệp Lực hoặc Tứ Ngữ Thiện Hạnh có được Chi Pháp là: **Tâm Sở Chánh Ngữ (Sammāvācācetasika)** và **Tâm Sở Chánh Mạng.**

+ Tam Ý Hành Nghiệp Lực hoặc Tam Ý Thiện Hạnh có được Chi Pháp là: với Ý Bất Tham Ác thì có Chi Pháp là **Tâm Sở Vô Tham;** với Ý Bất Cừu Hận thì có Chi Pháp là **Tâm Sở Vô Sân;** với Chánh Kiến thì có Chi Pháp là **Tâm Sở Tuệ Quyền.**

TRÌNH BÀY NGUYÊN NHÂN TRONG VIỆC ĐỊNH DANH GỌI LÀ THÂN HÀNH NGHIỆP LỰC VÀ NGỮ HÀNH NGHIỆP LỰC

Cả Tam Nghiệp Lực gồm có Sát Tử Kiểm Chế v.v. với chỗ đã được gọi là Tam Thân Hành Nghiệp Lực; và có Vọng Ngữ Kiểm Chế v.v. với chỗ đã được gọi là Tứ Ngữ Hành Nghiệp Lực thì với những thể loại này thường có sự khác biệt với nhau chỉ về tên gọi của Tam Thân Ác Hạnh và tên gọi của Tứ Ngữ Ác Hạnh. Có nghĩa là **Ác Hạnh (Ducca rita)** với chỗ đã được gọi Thân Hành Nghiệp Lực cũng do hầu hết là sinh ở lộ Thân Môn; Ác Hạnh với chỗ đã được gọi Ngữ Hành Nghiệp Lực cũng do hầu hết là sinh ở Lộ Ngữ Môn. Đối với Thiện Nghiệp Lực, với chỗ đã được gọi là Tam Thân Hành Nghiệp Lực và Tứ Ngữ Hành Nghiệp Lực; thì với những thể loại này hầu hết là thường sinh ở Lộ Ý Môn. Còn với Lộ Thân Môn và Lộ Ngữ Môn thì hầu như là không có liên hệ gì nhiều lắm, chẳng qua là chỉ chủ tâm lo nghĩ suy để thoát khổ về Tam Thân Ác Hạnh, Tứ Ngữ Ác Hạnh, và chỉ có sinh khởi duy nhất từ Tư Tâm Sở ngần ấy thôi; nên cũng được gọi là **Tam Thân Hành Thiện Nghiệp Lực (Kusalakāyakamma), Tứ Ngữ Hành Thiện Nghiệp Lực (Kusala vacīkamma).** Chính vì lý do này, Tam Thân Hành Thiện Nghiệp Lực và Tứ Ngữ Hành Thiện Nghiệp Lực này mới được gọi là **Bất Duy Tác Xuất Sinh Xứ (Akiriyasamuṭṭhāna)** nghĩa là Thiện Nghiệp Lực mà sinh khởi ở Lộ Ý Môn thì chẳng phải nương vào Lộ Thân Môn, Ngữ Môn làm xuất sinh xứ.

Một khi đã là như vậy, thì sẽ có khởi lên lời vấn hỏi rằng "Như thế, Tam Thân Hành Nghiệp Lực, Tứ Ngữ Hành Nghiệp Lực này, cũng chẳng có việc sinh khởi liên hệ với Thân Biểu Tri, Ngữ Biểu Tri hay sao ?" Điều này đã được giải đáp rằng "Chẳng phải là như thế, cũng vẫn có việc sinh khởi liên hệ với Thân Biểu Tri, và Ngữ Biểu Tri; thế nhưng sự việc ấy cũng chẳng thường xuyên."

+ **Sát Tử Kiềm Chế (Pāṇātipātavirati):** Người thực hiện việc chế biến thực phẩm và thỉnh thoảng tự bản thân cũng làm việc xả thí. Trong sát na bắt đầu để chế biến thực phẩm, và ngay khi đã cầm con cá lên để sẽ làm thì phát hiện ra cá kia vẫn còn sinh mạng, và không thể làm được, mới liền đem bỏ xuống nước trở lại. Hoặc như tích truyện của nữ nhân **Sujātā**, khi ấy với tiền thân đã là nàng cò trắng đang nguyện thọ trì Ngũ Giới, và ngay trong sát na mổ cá lên để sẽ ăn, thì được nhìn thấy cá kia vẫn còn sinh mạng, nên liền đem cá ấy bỏ xuống nước trở lại. Sự việc này đã được gọi là Sát Tử Kiềm Chế sinh khởi liên hệ với Thân Biểu Tri.

+ **Thâu Đạo Kiềm Chế (Adinnādānavirati):** Người nô dịch với sự thân cận mật thiết, đã trông thấy kim cương và đá quý của chủ nhân mình đeo đã bị rớt xuống mà không hay biết. Khi bản thân đã nhặt lên thì cũng chẳng lấy, và đã đem trao trả lại cho chủ nhân như lúc ban đầu. Sự việc này đã được gọi là Thâu Đạo Kiềm Chế sinh khởi liên hệ với Thân Biểu Tri.

+ **Tính Dục Tà Hạnh Kiềm Chế (Kāmesumicchācāravirati):** Nữ nhân đã đón nhận lễ đính hôn với nam nhân ấy rồi, và khi nam nhân đã có sự quen thân hơn khi trước, thế mà mỗi khi đi đến thăm nom, cũng chẳng có việc cư xử buông thả chiều chuộng với nam nhân ấy; mà chỉ thực hiện việc đón chào một cách thông thường nương theo cổ tục của người đã từng rõ biết. Sự việc này đã được gọi là Tính Dục Tà Hạnh Kiềm Chế sinh khởi liên hệ với Thân Biểu Tri.

Tam Thân Hành Thiện Nghiệp Lực gồm có Sát Tử Kiềm Chế v.v. sinh khởi liên hệ với Thân Biểu Tri như đã vừa đề cập tại đây, và Chi Pháp ấy là Tâm Sở Chánh Nghiệp hoặc Tâm Sở Chánh Mạng tùy theo thích hợp.

+ **Tứ Ngữ Hành Thiện Nghiệp Lực:** Người thường luôn ưa thích nói lời giả dối, hoặc ưa thích nói lời xúi xiểm đốc thúc, hoặc mắng nhiếc tha nhân với những lời thô tục ác ngữ; hoặc nói những lời lông bông, tầm sàm nhảm nhí. Một khi đã được đón nhận sự giáo dục, rèn luyện và đào tạo ở trong nền tảng của **Pháp Luật (Dhammavinaya)** một cách tinh hảo, thế rồi đã chấm dứt đi nói lời giả dối v.v. mà bản thân đã từng nói ở thuở trước kia. Sự việc này đã được gọi là Tứ Ngữ Hành Thiện Nghiệp Lực gồm có Vọng Ngữ Kiềm Chế v.v. sinh khởi liên hệ với Ngữ Biểu Tri. Chi Pháp ấy là Tâm Sở Chánh Ngữ hoặc Tâm Sở Chánh Mạng.

Tóm lại, Thiện Nghiệp Lực với chỗ đã được gọi là Tam Thân Hành Thiện Nghiệp Lực, Tứ Ngữ Hành Thiện Nghiệp Lực như đã vừa đề cập đến ở tại đây, chỉ sinh khởi duy nhất ở Lộ Ý Môn cũng được, mà sinh khởi ở Lộ Thân Môn và Lộ Ngữ Môn lại cũng được thôi. Như thế sẽ cần nên quán sát cho bằng được từ ở nơi Chi Pháp. Nói rằng, giả như chỉ có duy nhất một Chi Pháp là Tư Tâm Sở, thì Thân Hành Thiện Nghiệp Lực, Ngữ Hành Thiện

Nghiệp Lực ấy sinh khởi ở Lộ Ý Môn. Nếu giả như Chi Pháp được hình thành là Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, và Chánh Mạng thì Thân Hành Thiện Nghiệp Lực, Ngữ Hành Thiện Nghiệp Lực ấy sinh khởi ở Lộ Thân Môn và Lộ Ngữ Môn. Với lý do này, Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** mới trình bày để ở trong bộ **Kinh Hạn Định Danh Sắc (Nāma rūpa paricchedapakaraṇa)** nói rằng:

Taṃ taṃ dvārikamevāhu Taṃ taṃ dvārikapāpato
Viramantassa viññatti Vinā vā saha vā puna

Dịch nghĩa là: Việc kiềm chế Bất Thiện Ác Hạnh sinh ở Lộ Thân Môn và Lộ Ngữ Môn đây, sẽ chẳng có liên hệ với Biểu Tri hoặc có liên hệ với Biểu Tri đi nữa; tất cả Giáo Thọ Sư đã nói rằng ở cả hai, là Thân Hành Thiện Nghiệp Lực và Ngữ Hành Thiện Nghiệp Lực trong việc định danh với tên gọi Thân Hành Nghiệp Lực, Ngữ Hành Nghiệp Lực và Ý Hành Nghiệp Lực, đã có hai **Phương Thức Hành Xử (Nayopāya – Sách Lược)** trong việc tác hành Thiện Nghiệp Lực ấy.

*** Điều Sách Lược (Nayopāya) thứ nhất:** Trong **Thập Phúc Hành Tông (Puñña kiriyāvatthu)** gồm có Xả Thí v.v. nếu giả như đã thành tựu với việc hoạt động ở Lộ Thân Môn thì những Phúc Hành Tông ấy được gọi là Thân Hành Thiện Nghiệp Lực. Giả như đã thành tựu với việc hoạt động ở Lộ Ngữ Môn thì được gọi là Ngữ Hành Thiện Nghiệp Lực. Và nếu giả như chẳng có liên hệ với việc hoạt động bất luận ở thể loại nào, mà chỉ có việc an trú tâm sẽ **Phóng Khí Xả Thí (Pariccāgadāna), Thọ Trì Giới Luật (Rakkhasīla), Tiến Hóa Tu Tập (Bhāvanā),** thì được gọi là Ý Hành Thiện Nghiệp Lực. Như thế, theo điều "sách lược" thứ nhất, thì Thập Phúc Hành Tông mới có được số lượng 30 điều, đó là:

+ **Thân Hành Xả Thí Nghiệp Lực (Kāyakammadāna)** với việc cúng dường xả thí do chính bàn tay của mình;

+ **Ngữ Hành Xả Thí Nghiệp Lực (Vacīkammadāna),** trong sát na đang hô hào với lời nói cúng dường xả thí, hoặc ở trong việc chuẩn bị sắp bày đã bảo tha nhân đem tới những vật này vật nọ để cúng dường xả thí;

+ **Ý Hành Xả Thí Nghiệp Lực (Manokammadāna)** với việc chủ tâm cúng dường xả thí.

+ **Thân Hành Trì Giới Nghiệp Lực (Kāyakammasīla)** với việc kiềm chế thân thể;

+ **Ngữ Hành Trì Giới Nghiệp Lực (Vacīkammasīla)** với việc kiềm chế ngôn từ, hoặc ở trong sát na đang thốt ra lời nguyện thọ trì Ngũ Giới, Bát Giới, Thập Giới;

+ **Ý Hành Trì Giới Nghiệp Lực (Manokammasīla)** với việc kiềm chế tư duy, hoặc với việc trú tâm nương theo các **điều học giới luật (Sikkhapāda)** nghĩ suy đến việc thọ nguyện kiêng cữ.

+ **Thân Hành Tu Tập Nghiệp Lực (Kāyakammabhāvanā)** với việc tĩnh tọa lắng nghe thuyết giảng, hoặc với việc đi, đứng, ngồi, nằm ở trong sát na thực hành tiến tu **An Chỉ (Samatha)** và **Minh Sát Tuệ (Vipassanā),**

+ **Ngữ Hành Tu Tập Nghiệp Lực (Vacīkammabhāvanā)** ở trong sát na đang tụng đọc các kinh điển **Pháp Luật (Dhammavinaya)**, hoặc ở trong sát na tọa thiền dùng miệng lời để trì niệm trong việc tiến tu An Chỉ và Minh Sát Tuệ.

+ **Ý Hành Tu Tập Nghiệp Lực (Manokammabhāvanā)** với việc an trú tâm thức trong Chánh Niệm và Tỉnh Giác, thẩm sát đối tượng trong việc tiến tu An Chỉ và Minh Sát Tuệ.

Cung Kính Phúc Hành Tông (Apacāyamaya) v.v. cho đến **Chân Tri Chước Kiến Phúc Hành Tông (Diṭṭhujukamma)** trong từng mỗi điều cũng có ba thể loại tương tự như nhau.

*** Điều Sách Lược (Nayopāya) thứ hai:** Theo lẽ thông thường ở tất cả mọi người, có người thì có Thân, Lời, Ý thanh tịnh, hoặc bất tịnh hiện hữu ở trong việc tự cẩn phòng. Nếu giả như chẳng có việc tự cẩn phòng thì Thân Lời Ý sẽ chẳng thể nào thanh tịnh được; và như thế ở bất luận thời gian nào, Thân Lời Ý chẳng có thanh tịnh thời lúc bấy giờ Ác Hạnh sinh khởi. Tự tỉnh giác truy niệm rằng **Thân Thu Thúc (Kāyasaṃvara), Ngữ Thu Thúc (Vacīsaṃvara), Ý Thu Thúc (Manosaṃvara)** của mình mà có bị mất đi thì phải tự cố nỗ lực gầy dựng mới trở lại, ngõ hầu giữ cho Tâm ở phần Thiện được tiếp tái sinh khởi, cùng với những **Thiện Dục Giới (Kāmāvacarakusala),** luôn cả những **Thiện Đáo Đại (Mahaggatakusala),** và những **Thiện Siêu Thế (Lokuttarakusala);** và cũng để diệt trừ những Bất Thiện Ác Hạnh đã từng sinh khởi lên rồi. Trong khoảng thời gian an trú tâm để thực hiện bất luận một Thiện Nghiệp Lực nào, và lúc bấy giờ, giả như có việc tự cẩn phòng ở Lộ Thân Môn một cách đặc thù, thế thì Thiện Nghiệp Lực sinh khởi được gọi là Thân Hành Thiện Nghiệp Lực hoặc Thân Thiện Hạnh. Và nếu giả như có việc tự cẩn phòng ở Lộ Ngữ Môn một cách đặc thù, thế cũng được gọi là Ngữ Hành Thiện Nghiệp Lực hoặc Ngữ Thiện Hạnh. Còn việc tác hành các Thiện Nghiệp Lực khác, ngoài trừ ra việc tự cẩn phòng ở Lộ Thân Môn và Lộ Ngữ Môn một cách đặc thù thì những Thiện Nghiệp Lực này sinh khởi ở Lộ Thân Môn cũng có, ở Lộ Ngữ Môn cũng có, và cũng có ở Lộ Ý Môn. Thế nhưng cho dù cái chi đi nữa, việc tác hành những Thiện Nghiệp Lực này chỉ toàn là việc tự cẩn phòng ở lộ Ý Môn, để tẩy uế tâm thức cho được hoàn toàn thanh tịnh. Như thế, việc tác hành những Thiện Nghiệp Lực, gồm có Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập, v.v. sinh khởi ở Lộ Thân Môn đi nữa, hoặc ở Lộ Ngữ Môn đi nữa, hoặc ở Lộ Ý Môn đi nữa, mà chẳng có liên hệ với Thân Thu Thúc, Ngữ Thu Thúc thì những Thiện Nghiệp Lực ấy cũng vẫn được gọi là Ý Hành Thiện Nghiệp Lực hoặc Ý Thiện Hạnh cũng đồng tương tự với nhau.

Việc định danh với tên gọi Thân Hành Nghiệp Lực, Ngữ Hành Nghiệp Lực, và Ý Hành Nghiệp Lực ở trong việc tác hành Thiện Nghiệp Lực nương theo cả hai điều **"sách lược"** này, thì ở điều thứ hai quả là điều **"sách lược"** vô cùng trọng yếu ở trong Phật Giáo, và ăn khớp với kỳ vọng của Đức Phật. Tất cả cũng vì, việc tác hành các Thiện Nghiệp Lực ở trong Phật Giáo đây, sẽ chẳng phải chỉ là Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập không thôi; hoặc bất luận Thiện Dục Giới, Thiện Đáo Đại, Thiện Siêu Thế nào đi nữa, cũng chỉ có một sở cầu sở

nguyện duy nhất là sẽ làm sao cho tâm thức phải được xa lìa dứt khỏi Bất Thiện Nghiệp Lực ngần ấy mà thôi. Vì thế, điều **"sách lược"** thứ hai mới sắp làm thành nền tảng vô cùng trọng yếu ở trong Phật Giáo vậy.

+ Giải thích ở trong phần **Pāḷi** với điều thứ mười bốn, chỗ nói rằng **Tathā dānasīlabhāvanāvasena.** Theo phần **Pāḷi** ở điều này đã trình bày cho được biết rằng Thiện Nghiệp Lực Dục Giới, rằng theo **Nghiệp Môn (Kammadvāra)** thì có được ba thể loại, mà đã gọi là **Thập Thiện Nghiệp Đạo (Kusalakammapatha).** Rằng khi theo phân loại của hành động tạo tác thì cũng có ba thể loại, đó là:

1/ Việc phóng khí xả thí của cải vật chất, thì gọi là **Xả Thí Thiện (Dānakusala).**

2/ Việc gìn giữ về Thân, về Lời cho nghiêm nhặt, thì gọi là **Trì Giới Thiện (Sīla kusala).**

3/ Việc tu tập Tâm Thức cho có **Định (Samādhi),** có **Tuệ (Paññā),** thì gọi là **Tu Tập Thiện (Bhāvanākusala).**

Lại nữa, việc trình bày **Thiện Dục Giới (Kāmāvacarakusala)** làm thành tựu Thiện Nghiệp Đạo ấy, chỉ là trình bày ở phần Thập **Thiện Hạnh (Sucarita)** gồm có **Sát Tử Kiềm Chế (Pāṇātipātavirati)** v.v. Việc trình bày chỉ bằng đấy thì vẫn chưa có đủ, vì lẽ vẫn còn có các Thiện Dục Giới khác nữa, như có việc **Phóng Khí Xả Thí (Pariccāgadāna), Thọ Trì Giới Luật (Rakkhasīla), Tiến Hóa Tu Tập (Bhāvanā)** cũng làm thành tựu Thiện Nghiệp Đạo. Dựa vào lý do này, Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** mới có sự lập ý để sẽ cho được biết đến những loại Thiện này, do vậy mới đề cập tiếp theo là **Tathā dānasīla bhāvanāvasena.** Vì thế, Thập Nghiệp Đạo hoặc Thập Thiện Hạnh mà đã được đề cập đến ở phần trên, cùng với ba điều Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập thì mới có được số lượng 30 điều.

Một trường hợp khác nữa, loại trừ những Tâm **Đổng Lực Thiện Dục Giới (Kāmāvacarakusalajavana)** sinh ở Lộ Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân **(Pañcadvāravithī –Lộ Trình Ngũ Môn)** ở trong sát na cận tử **(Maraṇasannavithī – Lộ Trình Cận Tử),** ở trong sát na chiêm bao **(Supinavithī – Lộ Trình Chiêm Bao)** này ra, thì hết tất cả Thiện Nghiệp Lực Dục Giới ở phần ngoài ra đây, cho dù sẽ hội đủ Chi Pháp, hoặc chẳng hội đủ Chi Pháp đi nữa, tất cả đều làm thành **Nghiệp Đạo (Kammapatha)** hết cả, để sẽ cho cùng đạt đến **Cõi Thiện Thú (Sugati)** đều nhau cả thảy. Thế nhưng, việc trổ sinh quả báo ở trong Thời Tái Sinh thì coi như là bất định, vì lẽ Thiện Nghiệp Lực Dục Giới làm thành Nghiệp Đạo để cho đạt đến Cõi Thiện Thú ấy, sẽ cần phải được đón nhận sự hiệp trợ từ Thiện Nghiệp Lực trong thời quá khứ, mới sẽ giúp đỡ làm cho có được năng lực trổ sinh quả báo ở trong Thời Tái Sinh được. Nếu chẳng là như thế thì cũng chẳng có khả năng để sẽ trổ sinh quả báo được. Dù sao đi nữa, những Pháp Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập đây, đều làm thành Đạo Lộ cho đạt đến Cõi Thiện Thú được hết cả. Với lý do này, Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** mới trình bày tiếp tục nữa, khi nói rằng **Tathā dānasīla bhāvanāvasena** - Rằng theo phân loại của Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập thì Dục Giới Thiện cũng có được ba thể loại.

+ Giải thích ở trong phần **Pāḷi** với điều thứ mười lăm, chỗ nói rằng: **Cittuppāda vasena panetaṃ aṭṭhavidhaṃ hoti** - Việc thực hiện những công việc với Thân, Lời, Ý một cách tịnh hảo ở mọi trường hợp của dân gian, và đã được các bậc Hiền Triết xác nhận rằng

"đấy là Thiện Sự", vì lẽ chẳng có điều chi sai trái với huấn từ của Bậc Chánh Đẳng Giác. Những Thiện Sự ấy, đã được tất cả dân gian cư xử tiếp đãi qua lại với nhau liên tục cho đến ở mỗi ngày đây, đều là Dục Giới Thiện hết cả thảy. Một khi sẽ miêu tả những loại thiện sự ấy theo thành ngữ dân gian thì có rất nhiều, vô cùng tận, và không biết cơ man nào để sẽ miêu tả cho hết được. Dù sao đi nữa, những loại Thiện Sự này, chẳng thể nào hiện hữu ở ngoại vi khỏi của cả hai Pháp Chủng, ấy là Thập Thiện Nghiệp Đạo và Thập Phúc Hành Tông, cho dù với bất luận trường hợp nào. Như thế, việc trình bày những Thiện Sự ở phần Thập Thiện Nghiệp Đạo và Thập Phúc Hành Tông đây, là việc nói theo thành ngữ dân gian thuộc bên phía của **Phần Kinh Tạng (Suttantanaya)**. Và nếu sẽ phải trình bày trong số lượng 20 điều Thiện Sự này theo **Phần Thực Tính (Sabhāvanaya)** thì đó chỉ là việc sinh khởi của **8 cái Tâm Khởi Sinh Đại Thiện (Mahākusalacittuppāda)** ngần ấy thôi. Lại nữa, Thiện Sự mà tất cả mọi người đã, đang thực hiện với nhau đây, nếu sẽ nói theo phần **Chân Đế (Sacca)** thì chỉ có hai thành phần, là **Sắc (Rūpa)** với **Danh (Nāma)**, là **Thân (Kāya)** với **Tâm (Citta)** chỉ ngần ấy, và đã hình thành ra con người tạo tác. Sẽ nói rằng xác thân thì có chức năng tạo tác, và Tâm Thức thì có chức năng chỉ đạo; tựa như người công nhân với vị đốc công, hoặc chiếc xe và người lái xe. Vì thế, với người chẳng hiểu biết chi ở trong phần **Danh Pháp (Nāmadhamma)** tức là Tâm Thức, và chỉ có sự hiểu biết duy nhất ở trong phần **Sắc Pháp (Rūpadhamma)** ấy là xác thân; thế là một khi tự bản thân tác hành bất thiện, hoặc trông thấy người khác tạo tác việc bất thiện thì sẽ không có khả năng cải hóa cho thành thiện trở lại được; và giả như có thể được, thì chỉ là thực hiện việc cải hóa ấy với hình thức hời hợt, chỉ chút ít, vặt vãnh và nhỏ nhặt thôi. Một khi tự bản thân tác hành thiện, hoặc trông thấy người khác tạo tác Thiện Sự thì sẽ không thể nào thực hiện việc ủng hộ, sách lệ để cho Thiện Sự ấy được tăng trưởng như nhau. Mà giả như sẽ có được, thì chỉ là chút ít, vặt vãnh và nhỏ nhặt, vả lại cũng chẳng có khả năng để sẽ ủng hộ, sách lệ cho đạt đến sự cảm kích với cả chân tâm. Sự việc như thế, cũng vì việc cải hóa và việc ủng hộ sách lệ của hạng người này đã thực hiện vô cùng tốt đẹp, tuy nhiên chỉ đơn thuần ở bậc Sắc Pháp, có nghĩa đơn thuần chỉ thuộc ngoại vi xác thân.

Về phía hạng người có sự hiểu biết tốt đẹp cả Danh Pháp và Sắc Pháp, giả như sẽ thực hiện việc cải hóa bản thân ở phần bất thiện, và chính tự mình tác hành ở Lộ Thân Môn, Ngữ Môn, Ý Môn; hoặc ở tha nhân thì cũng có khả năng thực hiện việc cải hóa cho được thành tựu viên mãn. Một khi có cơ hội thực hiện việc tự sách lệ, và chính tự mình tác hành Thiện Sự ở Lộ Thân Môn, Ngữ Môn, Ý Môn; hoặc ở tha nhân thì cũng vẫn có khả năng thực hiện việc sách lệ đạt đến sự cảm kích với cả chân tâm một cách tốt đẹp.

Việc hiện hành như vậy, là cũng chính do sự hệ trọng của Sắc và Danh, tức là chính bản thân của Thân và Tâm đã có sự hệ trọng khác biệt với nhau; nghĩa là Thân có nhiệm vụ làm theo lời chỉ thị của Tâm; và Tâm có nhiệm vụ tư duy nghĩ suy cẩn trọng sắp bày cho Thân và Lời ở phần Sắc Pháp tác hành theo huấn thị. Với lý do này, Thiện Sự ở phần Thiện Nghiệp Đạo và Thập Phúc Hành Tông đã có được hiện bày hiện hữu ở trong quần thể con người, ở mọi tầng lớp, ở mọi ngôn ngữ đấy, là cũng do bởi nguyên nhân hữu quan từ 8 cái Tâm Khởi Sinh Đại Thiện ở phần Danh Pháp, và đó chính là Tâm vậy. Giả như sẽ loại trừ

8 cái Tâm Khởi Sinh Đại Thiện này đi rồi, thì việc tác hành Thiện Sự có Thiện Nghiệp Đạo và Thập Phúc Hành Tông cũng phải bị diệt mất đi khỏi toàn thể nhân loại, và thế rồi chỉ còn lại duy nhất một loại **Ác Hạnh Ác Mạng (Duccaritadūrajīva)** hiện bày hiện hữu ở trong Cõi Nhân Thế này, là cũng do bởi Tâm Khởi Sinh Bất Thiện làm thành người chỉ đạo. Một khi đã là như vậy, thì Cõi Nhân Thế này cũng chẳng khác biệt chi với Cõi Giới Bàng Sinh. Nếu sẽ nói một cách ngắn gọn, vào thời gian nào 8 cái Tâm Khởi Sinh Đại Thiện làm thành người chỉ đạo Thân, Lời, tạo tác hành động thì vào thời gian ấy tác hành của những con người ấy hiện hữu ở trong Thiện Nghiệp Đạo, Thập Phúc Hành Tông, Thập Phúc Nghiệp Sự. Vào thời gian nào 12 cái Tâm Khởi Sinh Bất Thiện làm thành người chỉ đạo, thì vào thời gian ấy tác hành sẽ là **Ác Hạnh Ác Mạng**. Chính vì lý do này, Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** mới có sự lập ý để sẽ cho được biết đến nguyên nhân hình thành Chi Pháp từ việc tác hành Thiện Nghiệp Đạo, Thập Phúc Hành Tông tiếp theo đây với phần **Pāḷi** khi nói rằng: **Cittuppādavasena panetaṃ aṭṭhavidhaṃ hoti** - Thiện Nghiệp Lực Dục Giới đây, rằng khi theo việc sinh khởi của Tâm thì thường luôn có được 8 cái.

+ Giải thích ở trong phần **Pāḷi** điều thứ mười sáu – trình bày đến **Thập Phúc Hành Tông (Puññakiriyāvatthu 10 – Thập Phúc Nghiệp Sự).**

Từ ngữ nói rằng **Puññakiriyāvatthu** là từ ngữ **Pāḷi**, đã được dịch là "Thiện Sự cần phải thực hiện, vì tạo thành tác nhân để khởi sinh ra Quả Phúc Thiện." Khi phân tích từ ngữ ấy ra, có được ba từ ngữ, đó là **Puñña + kiriya + vatthu. Puñña** nghĩa là "Thiện Sự ngõ hầu thanh lọc sự sầu bi nhiệt não"; **Kiriya** nghĩa là "nên thực hiện"; **Vatthu** nghĩa là "làm thành tác nhân, tác thành chỗ nương sinh của Quả Thiện".

Như trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Attano santānaṃ punāti sodhetīti = Puññaṃ** - Hành động tạo tác nào thường thanh lọc bản tánh của mình cho được trong sạch tinh khiết, như thế hành động tạo tác ấy gọi là Phúc, tức là việc phóng khí xả thí, thọ trì giới luật, tiến hóa tu tập v.v.

Sappurisehi kātabbanti = Kariyaṃ - Hành động tạo tác mà các bậc Hiền Triết nên thực hiện, nên kiến tạo; như thế hành động tạo tác ấy gọi là Hành Vi; tức là việc phóng khí xả thí, thọ trì giới luật, tiến hóa tu tập v.v.

Te te ānisaṃsā vatsanti tiṭṭhanti etatthāti = Vatthu - Những Quả Phước Báu thường hiện hữu ở trong hành động tạo tác nào, như thế hành động tạo tác ấy gọi là Tông Chỉ; tức là việc phóng khí xả thí, thọ trì giới luật, tiến hóa tu tập v.v.

Kriyaṃ puññaṃ = Puññākriyaṃ - Thiện sự nào mà các bậc Hiền Triết nên thực hiện, gọi là Phúc Hành.

Puññakriyañca taṃ vatthucāti = Puññākriyavatthu - Hành động tạo tác ở phần Thiện Sự mà các bậc Hiền Triết nên thực hiện, và tác thành Quả Phước Báu, như thế hành động tạo tác ấy gọi là **Phúc Hành Tông (Phúc Nghiệp Sự);** tức là việc phóng khí xả thí, thọ trì giới luật, tiến hóa tu tập v.v.

TRÌNH BÀY THẬP PHÚC HÀNH TÔNG THỂ THEO HAI PHẦN: PHẦN KINH TẠNG VÀ PHẦN VÔ TỶ PHÁP TẠNG

+ Trình bày theo Phần Kinh Tạng thì **Thập Phúc Hành Tông (Dasa Puññakiriya vatthu – Thập Phúc Nghiệp Sự)** có được số lượng 30 điều, đó là:

1. Thân Hành Xả Thí Nghiệp Lực (Kāyakammadāna)

2. Ngữ Hành Xả Thí Nghiệp Lực (Vacīkammadāna)

3. Ý Hành Xả Thí Nghiệp Lực (Manokammadāna) v.v. như đã vừa đề cập đến rồi vậy.

+ Trình bày theo Phần Vô Tỷ Pháp Tạng thì Thập Phúc Hành Tông có được số lượng 11 hoặc 23, đó là:

1. Xả Thí có 1, tức là Ý Hành Xả Thí Nghiệp Lực ở phần **Ý Bất Tham Ác (Anabhijjhā).**

2. Trì Giới có 2, tức là Thân Hành Trì Giới Nghiệp Lực, và Ngữ Hành Trì Giới Nghiệp Lực ở phần **Tam Thân Hành Nghiệp Lực, và Tứ Ngữ Hành Nghiệp Lực.**

3. Tu Tập, Cung Kính, Phụng Hành, từng mỗi điều này có được 1; tức là Ý Hành Nghiệp Lực ở phần **Ý Bất Cừu Hận (Abyāpāda), và Chánh Kiến.**

4. Hồi Hướng, Tùy Hỷ Công Đức, từng mỗi điều này có được 1; tức là Ý Hành Nghiệp Lực ở phần **Ý Bất Tham Ác, và Chánh Kiến.**

5. Thính Pháp có 1, tức là **Ý Hành Nghiệp Lực ở phần Chánh Kiến.**

6. Thuyết Pháp có 1, tức là Ý Hành Nghiệp Lực ở phần **Ý Bất Tham Ác, Ý Bất Cừu Hận, và Chánh Kiến.**

7. Chân Tri Chước Kiến có 1, tức là Ý Hành Nghiệp Lực ở phần **Chánh Kiến.**

TRÌNH BÀY CÂU CHÚ GIẢI TRONG THẬP ĐIỀU PHÚC HÀNH TÔNG CÙNG VỚI LỜI GIẢI THÍCH VÀ PHÂN LOẠI

1. XẢ THÍ (DĀNA)

+ **Xả Thí (Dāna),** trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Dīyati etenāti = Dānaṃ** - Tất cả nhân loại nên xả thí cho ra theo Tư Tâm Sở này, như thế Tư Tâm Sở làm thành tác nhân của việc cho ra này, gọi là Xả Thí. Từ ngữ nói rằng **Xả Thí (Dāna)** theo câu Chú Giải này, ấy là Tư Tâm Sở làm thành tác nhân để cho việc xả thí cho ra được thành tựu.

Một phần khác nữa, **Dātabbanti = Dānaṃ** - Tài sản của cải nào mà tất cả nhân loại nên xả thí cho ra, như thế tài sản của cải ấy gọi là Xả Thí, tức là tài sản của cải khả thí **(Dātabbavatthu – Vật Dụng Khả Thí,** hoặc **Deyyadhamma – Thí Xả Vật).**

Cả hai câu Chú Giải này là công cụ chỉ dẫn để cho được biết rằng Xả Thí hiện hữu ở hai thể loại, đó là **Tư Tâm Sở Xả Thí (Cetanādāna)** và **Vật Thí (Vatthudāna).** Trong cả hai thể loại Xả Thí này, thì Tư Thí tính theo thời gian có ba, ấy là:

1/ Tư Tiền Thí (Pubbacetanādāna) là Tư Tâm Sở khởi sinh lên trước khoảng thời gian vẫn chưa có được xả thí cho ra, được tính kể từ tư duy nghĩ suy rằng sẽ tạo Thiện Phước qua việc xả thí cho ra; hoặc được tính kể từ khi thực hiện việc tìm kiếm vật dụng của cải ở phần **Thí Xả Vật (Deyyadhamma).**

2/ Tư Hiện Thí (Muñcacetanādāna) là Tư Tâm Sở khởi sinh lên trong khoảng thời gian đang xả thí cho ra.

3/ Tư Hậu Thí (Aparacetanādāna) là Tư Tâm Sở khởi sinh lên từ sau khi việc xả thí cho ra đã được hoàn tất xong rồi với sự hoan hỷ duyệt ý ở trong việc xả thí cho ra ấy.

Cả ba Tư Tâm Sở có Tư Tiền Thí v.v. đây, nếu như có được cơ hội để cho có khả năng trổ sinh quả báo ở trong **Thời Tái Sinh (Paṭisandhikāla)** thì sẽ cho được sinh làm Người, làm Chư Thiên. Như đã có được trình bày để ở trong Chánh Tạng **Pāḷi** Kinh Thí Dụ **(Apadāna)** nói rằng:

Ekapupphaṃ yajitvāna Asītikappakoṭiyo
Duggatiṃ nābhijānāmi Ekapupphassidaṃ phalaṃ

Dịch nghĩa là: Việc cúng dường chỉ với một đóa hoa, đã làm cho Tôi chẳng bao giờ biết đến sự hiện hữu của Cõi Khổ Thú, có Địa Ngục, v.v. là cái chi cả, suốt trọn thời gian đến **80 triệu Tuổi Thọ Kiếp** (80 **Koṭī Ayukappa**), hoặc suốt trọn thời gian 80 triệu kiếp sống **(Koṭijāti)**; và việc này chính là do quả phước báu đã được đón nhận từ việc cúng dường chỉ là một đóa hoa.

Theo phần Chánh Tạng **Pāḷi** này, là chẳng phải sẽ trổ sinh quả báo cho được sinh làm Người, làm Chư Thiên thường luôn nối tiếp qua lại với nhau một cách trực thẳng suốt trọn 80 triệu Tuổi Thọ Kiếp hoặc 80 triệu kiếp sống, với bất luận trường hợp nào, mà đó chỉ là tác nhân giúp đỡ cho được sinh làm Người, làm Chư Thiên ở trong kiếp sống thứ hai. Ở trong kiếp sống thứ hai này, một khi đã được sinh làm Người, làm Chư Thiên rồi, lại tiếp tục kiến tạo mới nữa với các Thiện Sự nối tiếp theo nhau, và các Thiện Sự mới được kiến tạo đây sẽ giúp đỡ cho tiếp tục được sinh làm Người, làm Chư Thiên ở trong kiếp sống thứ ba. Ở trong kiếp sống thứ ba này, một khi đã được sinh làm Người, làm Chư Thiên rồi, lại tiếp tục kiến tạo mới nữa với các Thiện Sự nối tiếp theo nhau, và các Thiện Sự mới được kiến tạo đây sẽ giúp đỡ cho tiếp tục được sinh làm Người, làm Chư Thiên ở trong kiếp sống thứ tư. Và bằng với phương cách này, sẽ tiếp nối mãi với nhau một cách không gián đoạn cho suốt trọn thời gian là 80 triệu kiếp sống. Vì thế, Ngài mới nói rằng quả phước báu từ việc cúng dường chỉ với một đóa hoa, mà có khả năng giúp đỡ cho được thoát khỏi Cõi Khổ Thú suốt trọn thời gian rất lâu dài.

Lại nữa, cả ba Tư Tâm Sở Xả Thí có Tư Tiền, v.v. đây, chẳng phải lúc nào cũng hội đủ hết cả ở trong ba Thời. Sẽ nói rằng, có đôi khi có được Tư Hiện, nhưng lại chẳng có phần Tư Tiền và Tư Hậu; có được Tư Tiền nhưng lại thiếu đi phần Tư Hiện và Tư Hậu; có được Tư Hậu nhưng lại chẳng có phần Tư Tiền và Tư Hiện. Đôi khi có được cả hai Tư Tiền và Tư Hiện, nhưng lại chẳng có phần Tư Hậu; có được cả hai Tư Hiện và Tư Hậu, nhưng lại chẳng có phần Tư Tiền; có được cả hai Tư Tiền và Tư Hậu, nhưng lại chẳng có phần Tư Hiện; và cũng có đôi khi cũng chẳng có hết cả ba Thời.

Ở trong cả ba Tư Tâm Sở này, một khi sẽ phân loại theo việc sinh khởi một cách dễ dàng hoặc là khó khăn, thì Tư Hiện sinh được dễ dàng, và Tư Hậu lại sinh khó khăn. Như thế, giả như Tư Tâm Sở sinh khởi không hội đủ cả ba Thời như đã vừa đề cập đến, thì việc xả thí như vậy ắt hẳn chẳng có quả báo sung mãn. Do vậy, cần phải nỗ lực thực hiện việc

xả thí cho được phối hợp với hết cả ba Tư Tâm Sở, và nếu như Tư Tâm Sở khởi sinh lên được phối hợp với cả ba Thời một cách tốt đẹp, thì việc thực hiện xả thí ở thể loại này ắt hẳn có quả phước báu một cách rộng lớn. Cũng như sẽ nên thẩm thị và nên hiểu biết về sự khác biệt với nhau của cả sáu tầng Thiên Giới, và của tất cả dân chúng ở trong thế gian này hiện hữu ở cả quá khứ và hiện tại, rằng sẽ có sự hiện hành khác biệt với nhau ở điểm nào ? Trả lời rằng khác biệt với nhau về chủng tộc, về dòng giống cũng có, về địa vị, về tài sản của cải, về đồ chúng cũng có, và hiện hành như vậy cũng đều do bởi từ nơi Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập, cùng phối hợp với cả ba Thời Tư Tâm Sở; hoặc chẳng phối hợp với cả ba Thời, hoặc thiếu mất đi một Thời nào đó, hoặc chính tự nó cũng chẳng có làm thành tác nhân. Với ly do này, Đức Thế Tôn Ngài mới lập ý khải thuyết để ở trong Chánh Tạng **Pāḷi** Lục Chi Phần **(Chaḷaṅguttara)** nói rằng:

Pubbeva sumano dānā Dadaṃ cittaṃ pasādaye
Datvā attamano hoti Esā puññassa sampadā.

[Theo Lục Chi Phần, quyển số 2, điều 276, có phần **Pāḷi** như vầy:

Pubbeva dānā sūmano Dadaṃ cittaṃ pasādaye
Datvā attamano hoti Esā yaññassa sampadā.

Dịch nghĩa là: Xin cho có sự hoan hỷ trước khi sẽ thực hiện, xin duy trì sự tịnh tín ở ngay trong sát na đang thực hiện, và khi đã thực hiện xong rồi thì xin hãy làm cho khởi sinh lên sự hân hoan duyệt ý. Sự hiện hành với cả ba trạng thái tâm lý như vậy, là việc tạo ra quả phước báu được thành tựu một cách viên mãn cùng tột, tức là làm cho đắc thành sở cầu sở nguyện của riêng mình.

Và Ngài Đại Giáo Thọ Sư **Buddhaghosa** đã có trình bày để ở trong **Thất Chi Phần (Sattanipāta)** của Bộ Chú Giải Tăng Chi Bộ Kinh **(Aṅguttara Atthakathā)** nói rằng: **Dānañhimāna tisso cetanā paripuṇṇaṃ kātuṃ sakkontasseva mahapphalaṃ hoti** - Việc cho ra mà đã được gọi là Xả Thí đó, phải là Xả Thí được phối hợp với Tư Tâm Sở ở cả ba Thời mà người thực hiện có khả năng làm cho khởi sinh lên một cách viên mãn, và việc Xả Thí ấy mới sẽ có quả báo cực đại.

Vật Thí (Vatthudāna) có bốn thể loại, đó là:

1/ Y Phục Xả Thí (Cīvaradāna): việc cúng dường y áo đến vị Tỳ Khưu, Sa Di, hoặc việc cho y phục vải mặc đến người nghèo khổ.

2/ Khất Thực Xả Thí (Piṇḍapātadāna): việc cúng dường vật thực bỏ bát, hoặc việc cho thực phẩm đến người nghèo khổ.

3/ Trú Sở Xả Thí (Senāsanadāna): việc cúng dường nơi trú ngụ, chẳng hạn như kiến tạo tịnh thất, kiến tạo tu viện, kiến tạo giảng đường, v.v.

4/ Dược Phẩm Xả Thí (Bhesajjadāna): việc cúng dường thuốc chữa bệnh, hoặc cho thuốc đến người bệnh hoạn.

Việc phóng khí xả thí ấy, hiện hữu ở rất nhiều nhóm với nhau, và tiếp theo đây sẽ trình bày để cho được thấy một cách tóm tắt, như sau:

NHÓM HAI PHÁP XẢ THÍ (DUKADĀNA)

1. Tài Vật Xả Thí (Āmisadāna): việc hiến tặng cho ra các vật dụng, những vật chất, v.v.

2. Pháp Bảo Xả Thí (Dhammadāna): việc hiến tặng Pháp Bảo làm thành Pháp Thí; tức là việc trình bày thuyết giảng, việc giảng dạy, và việc soạn tác những kinh điển Giáo Pháp, và ấn tống phát hành làm thành Pháp Thí.

Trong cả hai thể loại Xả Thí này, thì Pháp Thí là thể loại Xả Thí thanh lương thù thắng hơn Tài Vật Xả Thí. Như có Chánh Tạng **Pāḷi** đã có đề cập đến rằng: **Sabbadānaṃ dhammānaṃ jināti** - Pháp Thí thù thắng hơn mọi thế gian thí - **Dịch nghĩa là:** Pháp Thí ắt hẳn thù thắng hơn cả mọi xả thí.

- Tài Vật Xả Thí cho quả phước báu là có đầy đủ tài sản của cải vật chất.
- Pháp Bảo Xả Thí cho quả phước báu là phát sinh Trí Tuệ **(Paññā)**.

Một phần khác nữa:

1. Tự Chế Xả Thí (Sāhatthikadāna): chính tự bản thân thực hiện việc xả thí.

2. Vô Bì Ích Xả Thí (Aṇattikadāna): sai bảo tha nhân thực hiện thế cho.

- Tự Chế Xả Thí thanh lương cao quý hơn Bì Ích Xả Thí, vì trổ sinh quả phước báu cho thành người có đầy đủ tài sản cùng với đồ chúng tùy tùng.
- Vô Bì Ích Xả Thí một khi trổ sinh quả phước báu thì cho dù quả thật là sẽ có được đầy đủ tài sản, tuy nhiên về đồ chúng tùy tùng thì không hẳng là sẽ có.

Một phần khác nữa:

1. Liễu Tri Xả Thí (Sampajānadāna): việc tạo ra quả phước báu được phối hợp với sự hiểu biết, với sự liễu tri ở trong quả báo của hành động tạo tác ấy.

2. Bất Liễu Tri Xả Thí (Asampajānadāna): việc tạo ra quả phước báu mà chẳng có sự hiểu biết, bất liễu tri ở trong vấn đề Nghiệp Lực và Nghiệp Quả.

- Liễu Tri Xả Thí một khi trổ sinh quả phước báu thì thường làm cho người có được tài sản của cải cùng với Trí Tuệ.
- Bất Liễu Tri Xả Thí trổ sinh quả phước báu làm thành người có tài sản nhưng chẳng có Chánh Niệm và Tuệ Giác.

Một phần khác nữa:

1. Luân Hồi Xả Thí (Vaṭṭanissitadāna): việc tạo ra quả phước báu với sự mong cầu tài sản của cải; tức là mong cầu cho được giàu có, thành bậc bá hộ đại phú; và mong cầu Thiên Hữu Sản **(Bhavasampatti)**, tức là có sự mong cầu được sinh làm Người, làm thành Chư Thiên, và làm thành Phạm Thiên.

2. Níp Bàn Xả Thí (Vivaṭṭanissitadāna): việc tạo ra quả phước báu chẳng có sự mong cầu ở trong tài sản của cải, và Thiên Hữu Sản, chỉ mong cầu một trong các thể loại của **Tuệ Chánh Đẳng Giác (Sammāsambodhi Ñāṇa), Tuệ Độc Giác (Paccekabuddha Ñāṇa), Tuệ Chí Thượng Thinh Văn Giác (Aggasāvakabodhi Ñāṇa), Tuệ Đại Thinh**

Văn Giác (Mahāsāvakabodhi Ñāṇa), và **Tuệ Thông Thường Thinh Văn Giác (Pakati sāvakabodhi Ñāṇa)** với ngần ấy.

- Luân Hồi Xả Thí chẳng được gọi là Xả Thí Ba La Mật, đó chỉ là **Phổ Thông Thiện Thí (Dānakusalasāmañña),** một khi trổ sinh quả báo thì cũng cho có được sự an vui ở Cõi Nhân Loại, Cõi Thiên Giới chỉ với ngần ấy, và không thể nào sẽ giúp đỡ cho đắc chứng Đạo – Quả một cách mau lẹ được.

- Còn Níp Bàn Xả Thí thì được gọi là Xả Thí Ba La Mật, một khi trổ sinh quả báo thì được thụ hưởng sự an vui ở trong Cõi Người và Trời, và có khả năng cho đắc chứng Đạo – Quả một cách mau lẹ được.

NHÓM BA PHÁP XẢ THÍ (TIKADĀNA)

Ở trong nhóm ba Pháp Xả Thí đây, gồm có **Ty Liệt Xả Thí (Hīnadāna), Trung Bình Xả Thí (Majjhimadāna),** và **Tinh Lương Xả Thí (Paṇītadāna)** hiện hữu với nhau thể theo ba phần, đó là:

+ Phần Thứ Nhất: Ty Liệt Xả Thí việc tạo ra quả phước báu của bậc thấp hèn, tức là việc tạo ra quả phước báu có sự mong cầu về lợi danh, việc tán thán khen ngợi. Trung Bình Xả Thí việc tạo ra quả phước báu của bậc trung bình, tức là việc tạo ra quả phước báu có sự mong cầu về Nhân Sản, Thiên Sản. Tinh Lương Xả Thí việc tạo ra quả phước báu của bậc cao thượng, tức là việc tạo ra quả phước báu theo phương thức của các Bậc Thánh Nhân và Chư Giác Hữu Tình (Bồ Tát), đó chính là có sở nguyện vọng về Níp Bàn.

+ Phần Thứ Hai: Ty Liệt Xả Thí việc tạo ra quả phước báu của bậc thấp hèn, tức là việc tạo ra quả phước báu có sự mong cầu về Nhân Sản, Thiên Sản. Trung Bình Xả Thí việc tạo ra quả phước báu của bậc trung bình, tức là việc tạo ra quả phước báu có sở nguyện vọng về Tuệ Thinh Văn Giác, Tuệ Độc Giác. Tinh Lương Xả Thí việc tạo ra quả phước báu của bậc cao thượng, tức là việc tạo ra quả phước báu có sở nguyện vọng về Tuệ Chánh Đẳng Giác.

+ Phần Thứ Ba: Ty Liệt Xả Thí việc tạo ra quả phước báu của bậc thấp hèn, tức là việc tạo ra quả phước báu phối hợp với **Dục (Chanda), Cần (Viriya), Tâm (Citta), Thẩm (Paññā)** một cách yếu kém, đề cập đến là việc mãn ý, nỗ lực tinh cần, ý thức và thẩm thấu ở trong việc tạo ra quả phước báu ấy một cách nhỏ nhoi hy thiểu. Trung Bình Xả Thí việc tạo ra quả phước báu của bậc trung bình, tức là việc tạo ra quả phước báu phối hợp với Dục, Cần, Tâm, Thẩm một cách vừa phải, có chừng mực, đề cập đến là việc mãn ý, nỗ lực tinh cần, ý thức và thẩm thấu ở trong việc tạo ra quả phước báu ấy một cách tốt đẹp theo lẽ thông thường phổ thông. Tinh Lương Xả Thí việc tạo ra quả phước báu của bậc cao thượng, tức là việc tạo ra quả phước báu phối hợp với Dục, Cần, Tâm, Thẩm một cách cùng tột, đề cập đến là việc mãn ý, nỗ lực tinh cần, ý thức và thẩm thấu ở trong việc tạo ra quả phước báu ấy một cách cùng tột, chân chánh theo phương thức của các bậc Hiền Triết.

Một phần khác nữa:

1. Nô Lệ Xả Thí (Dāsadāna): việc tạo ra quả phước báu với hàng hóa thụ hưởng tiêu dùng xấu tệ hơn vật dụng mà mình đang dùng, mình đang thụ hưởng.

2. Bằng Hữu Xả Thí (Sahāyadāna): việc tạo ra quả phước báu với hàng hóa thụ hưởng tiêu dùng tương đương với vật dụng mà mình đang dùng, mình đang thụ hưởng.

3. Chủ Nhân Xả Thí (Sāmidāna): việc tạo ra quả phước báu với hàng hóa thụ hưởng tiêu dùng tốt hơn vật dụng mà mình đang dùng, mình đang thụ hưởng.

Một phần khác nữa:

1. Thế Trọng Xả Thí (Lokādhipateyyadāna): việc tạo ra quả phước báu đa phần nghĩ tưởng đến người làm trọng đại, tức là tự bản thân chẳng có sự mãn ý để thực hiện, nhưng sợ tha nhân sẽ xem nhẹ khinh thường và chê trách, vì vậy mới thực hiện.

2. Tự Trọng Xả Thí (Attādhipateyyadāna): việc tạo ra quả phước báu nghĩ tưởng cho chính mình làm trọng đại, tức là tư duy rằng Ta đây cũng là hạng người giàu có, giá như chẳng hiến tặng tài sản để giúp đỡ trong các sự việc này, thì quả là việc đáng hiểm ác, và chẳng phải chút nào, vì vậy mới thực hiện.

3. Pháp Trọng Xả Thí (Dhammādhipateyyadāna): việc tạo ra quả phước báu tư duy đến Pháp Bảo làm trọng đại, tức là thẩm sát rằng việc phóng khí xả thí này, là Pháp chủng mà các bậc Hiền Triết hoan hỷ ưa thích thực hiện với nhau, và ngay cả Chư Giác Hữu Tình (Bồ Tát) một khi vẫn đang hoàn thành viên mãn **Pháp Toàn Thiện (Pāramī – Ba La Mật)** thì trước nhất cũng đã hoàn thành Xả Thí Ba La Mật làm thành bước đi ban đầu, cho đến hết cả Chư Thinh Văn Giác của các Bậc Chánh Đẳng Giác cũng hoan hỷ ưa thích ở trong việc kiến tạo Xả Thí này tương tự như nhau. Một khi đã thẩm thị thấy được sự lợi ích như vậy rồi, thì cũng đã thực hiện duyên theo cơ hội và hợp theo thời.

Ghi chú: Chỗ nói rằng việc phóng khí xả thí hiện hữu rất nhiều loại nhóm với nhau, tuy nhiên ở tại đây chẳng thể nào trình bày cho tròn đủ hết cả mọi nhóm được, mà chỉ có dẫn đến trình bày vừa đủ một cách tóm lược; tất cả cũng do đã có trình bày để ở trong tài liệu giáo khoa về việc kiến tạo Thiện Thí, do đó chẳng nhất thiết để sẽ phải dẫn đến trình bày ở tại đây thêm một lần nữa vậy.

TRÌNH BÀY NĂM THỂ LOẠI HIỀN TRIẾT XẢ THÍ LUÔN CẢ PHẦN THIỆN CÔNG ĐỨC

Pañcimāni bhikkhave sappurisadānāni, katamāni pañca ?- Này Chư Tỳ Khưu, có năm loại Xả Thí này xứng bậc Hiền Triết. Thế nào là năm ?"

Saddhāya dānaṃ deti, sakkaccaṃ dānaṃ deti, kālena dānaṃ deti, anuggahitacitto dānaṃ deti, attānañca parañca anupahacca dānaṃ deti – Xả thí có lòng tin, xả thí có sự kính trọng, xả thí đúng thời, xả thí với Tâm không gượng ép, xả thí không làm thương tổn đến mình và người.

1. Saddhāya kho pana bhikkhave dānaṃ datvā yattha yattha tassa dānassa vipāko nibbattati, aḍḍho ca hoti mahaddhano mahābhogo, abhirūpo ca hoti dassanīyo

pāsādiko paramāya vaṇṇapokkharatāya samannāgato – Này Chư Tỳ Khưu, sau khi xả thí với lòng tin, ở chỗ nào rồi, thì quả dị thục của sự xả thí ấy sẽ đem lại kết quả, làm cho người ấy được giàu sang, đại phú, tài sản sung mãn, xinh đẹp khả ái, dễ nhìn, có thành tín và thành tựu dung sắc thù thắng như hoa sen.

2. Sakkaccaṃ kho pana bhikkhave dānaṃ datvā yattha yattha tassa dānassa vipāko nibbattati, aḍḍho ca hoti mahaddhano mahābhogo, yepissa te puttāti vā dārāti vā dāsāti vā pesāti vā kammakarāti vā, tepi sussū santi sotaṃ odahanti aññā cittaṃ upaṭṭhapenti – Và này Chư Tỳ Khưu, sau khi xả thí có sự kính trọng, ở chỗ nào rồi, thì quả dị thục của sự xả thí ấy sẽ đem lại kết quả, làm cho người ấy được giàu sang, đại phú, tài sản sung mãn; và những con trai, các bà vợ, những người nô tỳ, các người đưa tin, các người làm công; với những người ấy đều sẵn sàng vâng theo người ấy, họ lóng tai và phục vụ với Tâm hiểu biết.

3. Kālena kho pana bhikkhave dānaṃ datvā yattha yattha tassa dānassa vipāko nibbattati, aḍḍho ca hoti mahaddhano mahābhogo, kālāgatā cassa atthā pacurā honti – Và này Chư Tỳ Khưu, sau khi xả thí đúng thời, ở chỗ nào rồi, thì quả dị thục của sự xả thí ấy sẽ đem lại kết quả, làm cho người ấy được giàu sang, đại phú, tài sản sung mãn, và các vật dụng đến với người ấy đúng thời và sung túc.

4. Anuggahitacitto kho pana bhikkhave dānaṃ datvā yattha yattha tassa dānassa vipāko nibbattati, aḍḍho ca hoti mahaddhano mahābhogo, uḷāresu ca pañcasu kāmaguṇesu bhogāya cittaṃ namati – Và này Chư Tỳ Khưu, sau khi xả thí với Tâm không gượng ép, ở chỗ nào rồi, thì quả dị thục của sự xả thí ấy sẽ đem lại kết quả, làm cho người ấy được giàu sang, đại phú, tài sản sung mãn, và có Tâm thiên hướng thụ hưởng đầy đủ cả năm dục ân đức.

5. Attānañca parañca anupahacca kho pana bhikkhave dānaṃ datvā yattha yattha tassa dānassa vipāko nibbattati, aḍḍho ca hoti mahaddhano mahābhogo, na cassa kutoci bhogānaṃ upaghāto āgacchati aggito vā udakato vā rājato vā corato vā appiyato vā dāyādato – Và này Chư Tỳ Khưu, sau khi xả thí không làm thương tổn đến mình và người, ở chỗ nào rồi, thì quả dị thục của sự xả thí ấy sẽ đem lại kết quả, làm cho người ấy được giàu sang, đại phú, tài sản sung mãn, và không có một tai họa nào từ đâu đến, đến với tài sản của người ấy, hoặc từ nơi lửa, từ nơi nước, từ nơi Vua Quan, từ nơi kẻ trộm, từ nơi các người thù địch hoặc từ nơi các người thừa tự.

Imāni kho bhikkhave pañca sappurisadānānīti – Này các Chư Tỳ Khưu, có năm loại xả thí này xứng bậc Hiền Triết." (Trích ở trong Chánh Tạng - Tăng Bộ Kinh thuộc Ngũ Chi Pháp, quyển thứ nhất, điều 152 – Kinh Hiền Triết Xả Thí).

Dịch nghĩa là: Này Chư Tỳ Khưu, Hiền Triết Xả Thí hiện hữu ở năm điều. Là những điều chi ? **Một là** việc phóng khí xả thí với lòng sùng tín, với niềm tin ở trong việc tác hành và quả báo của việc tác hành, làm thành **Tịnh Tín Xả Thí (Saddhādāna)**. **Hai là** việc phóng khí xả thí với với lòng kính trọng, cả ở trong việc tự thân thực hiện xả thí với cả vật thí đều tịnh khiết hoàn hảo, làm thành **Tôn Kính Xả Thí (Sakkaccadāna)**. **Ba là** việc phóng khí xả thí cho phải thời, với thời gian thích hợp, làm thành **Hợp Thời Xả Thí (Kāladāna)**. **Bốn**

là việc phóng khí xả thí với việc từ bỏ một cách chân thật, không có gượng ép, không có việc dính mắc lo âu ở trong các vật thí ấy, làm thành **Chu Tế Xả Thí (Anuggahitadāna – Chiếu Liệu Xả Thí). Năm là** việc phóng khí xả thí không có đụng chạm làm tổn hại tự bản thân và tha nhân, làm thành **Bất Tổn Hại Xả Thí (Anupahacca dāna).**

1/ Tịnh Tín Xả Thí: Này Chư Tỳ Khưu, người phóng khí xả thí với lòng sùng tín, với niềm tin ở trong việc tác hành và quả báo của việc tác hành ấy, thì quả báo của loại xả thí này thường sinh khởi ở trong mọi kiếp sống nối tiếp, làm thành người giàu sang sung túc, có nhiều tài sản, sung mãn với cảnh dục ân đức một cách rộng lớn, có thân sắc hình hài xinh đẹp, hạp nhãn, đáng thành tín, da dẻ phu sắc của xác thân hồng hào.

2/ Tôn Kính Xả Thí: Này Chư Tỳ Khưu, người phóng khí xả thí với lòng kính trọng cả ở trong việc tự thân thực hiện xả thí với cả vật thí đều tịnh khiết hoàn hảo, thì quả báo của loại xả thí này thường sinh khởi ở trong mọi kiếp sống nối tiếp, làm thành người giàu sang sung túc, có nhiều tài sản, sung mãn với cảnh dục ân đức một cách rộng lớn, vợ chồng và con cái, nô bộc, người giúp việc, người làm công của người ấy, thường tâm phục tín cẩn vâng lời, chẳng có trái ý bất hòa trong mọi sự việc.

3/ Hợp Thời Xả Thí: Này Chư Tỳ Khưu, người phóng khí xả thí cho phải thời, với thời gian thích hợp ấy, thì quả báo của loại xả thí ấy thường sinh khởi trong mọi kiếp sống nối tiếp, làm thành người giàu sang sung túc, có nhiều tài sản, sung mãn với cảnh dục ân đức một cách rộng lớn, có sự phát triển thịnh vượng kể từ ngày tháng đầu tiên của thời thanh xuân, có quả phúc lợi thích hợp một cách thặng dư thừa thãi.

4/ Chu Tế Xả Thí (Chiếu Liệu Xả Thí): Này Chư Tỳ Khưu, người phóng khí xả thí với việc từ bỏ một cách chân thật, không có gượng ép, không có việc dính mắc lo âu ở trong các vật thí ấy, thì quả báo của loại xả thí này thường sinh khởi ở trong mọi kiếp sống nối tiếp, làm thành người giàu sang sung túc, có nhiều tài sản, sung mãn với cảnh dục ân đức một cách rộng lớn, có Tâm thiên hướng ở trong việc sẽ thụ hưởng cảnh dục ân đức, nơi mình sinh hoạt một cách hạnh phúc thoải mái, chẳng phải chỉ làm thành người chầu chực trông nom tài sản.

5/ Bất Tổn Hại Xả Thí: Này Chư Tỳ Khưu, người phóng khí xả thí không có đụng chạm làm tổn hại tự bản thân và tha nhân, thì quả báo của loại xả thí này thường sinh khởi ở trong mọi kiếp sống nối tiếp, làm thành người giàu sang sung túc, có nhiều tài sản, sung mãn với cảnh dục ân đức một cách rộng lớn, tài sản tiền của bạc vàng của mình hiện hữu đều được thoát khỏi cả năm điều tai họa, có hỏa tai, thủy tai, tai họa từ vua quan, tai họa từ đạo tặc, và tai họa từ ở con cháu, thân quyến, anh em làm người thừa kế bất hảo.

Này Chư Tỳ Khưu, việc phóng khí xả thí với năm thể loại này, được gọi là **Hiền Triết Xả Thí (Sappurisadāna)** (việc phóng khí xả thí của các Bậc Hiền Triết)

Ghi chú: Hiền Triết Trì Giới (Sappurisasīla) và **Hiền Triết Tu Tập (Sappurisa bhāvanā)** cũng có năm thể loại Pháp tương tự như vầy, và chỉ có sự khác biệt với nhau ở phần công đức. Tức là Trì Giới có công đức cho được đón nhận sự an vui về Thân, an vui về Tâm. Tu Tập có công đức làm cho Tâm Thức được kiên định, bất dao động ở Thế Gian Pháp, và có Trí Tuệ tịnh hảo.

MỘT KHI TỔNG KẾT THÌ XẢ THÍ CÓ ĐƯỢC BỐN THỂ LOẠI, Đó Là:

1. Tư Tâm Sở Xả Thí (Cetanādāna): tức là Tư Tâm Sở phối hợp với Đại Thiện, làm thành tác nhân của việc xả thí cho ra.

2. Vật Dụng Xả Thí (Vatthudāna): tức là Tứ Vật Dụng làm thành vật xả thí.

3. Vô Tham Xả Thí (Alobhadāna): tức là Tâm Sở Vô Tham phối hợp với Tư Tâm Sở làm thành tác nhân của việc xả thí cho ra.

4. Kiềm Chế Xả Thí (Viratidāna): tức là ba Tâm Sở Ngăn Trừ Phần có việc cấm chỉ Bất Thiện Ác Hạnh, làm thành tác nhân để cho tất cả loài Hữu Tình không phải bận tâm lo ngại ở trong việc sẽ làm phát sinh lên các điều tai họa, làm thành **Vô Úy Thí (Abhayadāna)** cả ở nội phần và ngoại phần.

NHƯ CÓ TRÌNH BÀY DẪN CHỨNG PHẦN PĀLI VỀ VIỆC TỔNG KẾT CẢ BỐN LOẠI XẢ THÍ

1. Cetasiko dhammo dānanti ? Āmantā (trích ở trong câu Kệ Xả Thí, Chánh Tạng **Pāḷi** thuộc bộ Ngữ Tông – Phẩm Thứ Bảy **(Sattamavaggakathāvatthu)**: Tư Tâm Sở phối hợp với Đại Thiện gọi là Xả Thí phải chăng ? Giải đáp rằng "Đúng vậy."

2. Theyyadhammo dānanti ? Āmantā (trích ở trong câu Kệ Xả Thí, Chánh Tạng **Pāḷi** thuộc Bộ Ngữ Tông – Phẩm Thứ Bảy): Của cải vật chất gọi là Xả Thí phải chăng ? Giải đáp rằng "Đúng vậy."

3. Taṃ sampayutto alobhopi dānaṃ nāma (trích ở trong Bộ Chú Giải Tổng Hợp Kinh **(Suttasaṅgaha Atthakathā)** và Bộ Phụ Chú Giải Căn Gốc **(Mūlaṭīkā)**: **Tâm Sở Vô Tham** phối hợp với Tâm Sở làm thành tác nhân của việc cho ra, cũng được gọi là Xả Thí.

4. Pāṇātipātā paṭivirato bhikkhave ariyasāvako aparimāṇānaṃ sattānaṃ abhayaṃ deti idaṃ bhikkhave paṭhamaṃ dānaṃ mahādānaṃ (trích ở trong bài **Kinh Kết Quả (Abhisandanasutta)** – Phẩm Xả Thí, Chương thứ tám **(Aṭṭhakanipāta)** thuộc Chánh Tạng **Pāḷi** Tăng Chi Bộ Kinh): **Bậc Thánh Thinh Văn Giác đã diệt trừ việc Sát Tử, đã thường cho Vô Úy Thí đến tất cả loài Hữu Tình chẳng thể ước lượng được. Việc cho Vô Úy Thí đến tất cả loài Hữu Tình đây, đã được gọi là Đại Thí Đệ Nhất.**

TRÌNH BÀY TRẠNG THÁI, PHẬN SỰ v.v. CỦA XẢ THÍ THIỆN

1. Trạng Thái (Lakkhaṇa): có việc phóng khí, làm trạng thái **(Pariccāgalakkha ṇaṃ)**

2. Phận Sự (Rasa): có việc diệt trừ Tham **(Lobha)**, làm phận sự **(Lobhaviddhaṃ sanarasaṃ)**

3. Sự Thành Tựu (Paccuppaṭṭhāna): có sự sung túc trong kiếp sống và giải thoát khỏi kiếp sống, làm trạng thái hiện bày **(Bhavavibhavasam pattipaccuppaṭṭhānaṃ)**

4. Nhân Cần Thiết (Padaṭṭhānaṃ): Tâm Sở Tín có thực tính tịnh tín ở trong sự việc khả tín, làm nhân cận **(Saddheyyapadaṭṭhānaṃ)**

TRÌNH BÀY PHÁP ĐỐI LẬP (PAṬIKKHEPADHAMMA) v.v. CỦA XẢ THÍ THIỆN

1. Đối Lập Pháp (Paṭikkhepadhamma): Pháp do bởi Xả Thí Thiện mà phải bị diệt trừ, ấy là Tham **(Lobha)**.

2. Chuẩn Hứa Pháp (Anuññātadhamma): Pháp đón nhận sự bằng lòng của Xả Thí Thiện cho được sinh khởi, ấy là Vô Tham **(Alobha)**.

3. Xuất Sinh Pháp (Uppādetabbadhamma): Pháp do bởi Xả Thí Thiện làm cho được sinh khởi, ấy là ba Bậc Đạo thấp và ba Bậc Quả thấp [lập ý đến mãnh lực của Xả Thí Thiện làm thành **Mãnh Lực Bảo Hộ (Upathambhakasatti).**]

Phần cuối cùng của từ ngữ nói rằng **Xả Thí (Dāna)** đây, xin được rút lời yếu giảng của Ngài Giáo Thọ Sư **Buddhaghosa** đã có đề cập đến và để ở trong Bộ Chú Giải Đại Phẩm Kinh (**Suttantamahāvagga Atthakathā**, điều 225) nói rằng:

Evaṃ nātimahantampi Puññaṃ āyatane kataṃ
Mahāvipākaṃ hotīti Kattabbaṃ taṃ vibhāvinā

Dịch nghĩa là: Phước báu đã được thực hiện để ở trong phần **Siêu Thoát Tăng Đoàn (Paramatthasaṅgha)** và **Thế Tục Tăng Đoàn (Sammutisaṅgha)** luôn cả đến với **Giới Định Tuệ (Sīla – Samādhi – Paññā)** hằng nương trú ở trong việc ươm mầm quả phước đây, thì cho dù hạt đã được gieo trồng chỉ nhỏ bé bằng hạt bồ đề, thế nhưng quả phước báu lại được đón nhận vô cùng to lớn sánh tợ cổ thụ bồ đề vậy. Chính vì lý do này, xin các bậc thiện nam tử và các bậc nữ lưu có tiên thiên thông tuệ, hãy nên phối hợp với Đức Tin, và an trú Tâm vào trong việc tạo ra quả phước báu đây, với niềm tin bất thối.

2. TRÌ GIỚI (SĪLA – GIỚI LUẬT)

Trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Sīlayati kāyavacīkammāni sammā dahatīti = Sīlaṃ** - Pháp chủng nào thường làm cho Thân Hành Nghiệp Lực và Ngữ Hành Nghiệp Lực được an định tốt đẹp, như thế Pháp chủng ấy gọi là Trì Giới. Tức là **Tư Tâm Sở (Cetanācetasika)** tác hành cho việc hoạt động ở Lộ Thân Môn và Lộ Ngữ Môn trong điều kiện tốt đẹp, để cho Thiện được khởi sinh. **Tư Tâm Sở Xả Thí (Dānacetanā)** là Tư Tâm Sở liên quan với việc phóng khí xả thí. **Tư Tâm Sở Trì Giới (Sīlacetanā)** là Tư Tâm Sở liên quan với việc thọ trì giới luật. Với những thể loại này cũng có sinh khởi đối với Chư vị Thánh Nhân, và hết cả thảy những thể loại Tư Tâm Sở này hiện hữu ở trong các **Tâm Khởi Sinh Đại Duy Tác (Mahākiriyācittuppāda).** Còn đối với Tư Tâm Sở Xả Thí, Tư Tâm Sở Trì Giới trình bày để ở trong Thập Phúc Hành Tông đây, là đặc biệt chỉ lập ý đến Tư Tâm Sở hiện hữu ở trong các **Tâm Khởi Sinh Đại Thiện (Mahākusalacittuppāda).** Điều này

giải thích rằng từ ngữ **Trì Giới (Sīla)** hình thành Tư Tâm Sở có sự thúc đẩy dẫn dụ cho Thân – Ngữ được an trú ở trong các lễ nghi thanh lịch thiện hảo, và luôn cả cản ngăn không cho các Pháp Bất Thiện liên quan với **Thân Ác Hạnh (Kāyaduccarita), Ngữ Ác Hạnh (Vacī duccarita)** có được cơ hội hiện bày. Điều này trình bày cho được biết rằng Trì Giới ấy, chỉ có nhiệm vụ giữ gìn ở Lộ Thân Môn – Ngữ Môn không cho hiện hành ở trong con đường Ác Hạnh khởi sinh do được duyên theo từ các Pháp Bất Thiện. Còn việc gìn giữ ở Lộ Ý Môn để ngăn không cho những Ý Ác Hạnh được khởi sinh, là nhiệm vụ riêng biệt của phần **Tu Tập (Bhāvanā).**

Một câu Chú Giải khác nữa **Sīlayati kusaladhamme upadhāretīti = Sīlaṃ** – Pháp chủng nào thường gìn giữ bảo hộ **Thiện Pháp (Kusaladhamma)** có **Định (Samādhi), Tuệ (Paññā)**, và **Giải Thoát (Vimutti)** v.v. một cách chu tường cẩn trọng, như thế Pháp chủng ấy gọi là Trì Giới.

Giải thích rằng Tư Tâm Sở Trì Giới là việc gìn giữ thọ trì các **điều giới luật (Sikkhāpada)** có **Sát Tử Kiềm Chế (Pāṇātipātavirati)** v.v. Những thể loại này có khả năng bảo hộ cho Định, Tuệ, và Đạo, Quả được sinh khởi; cũng ví như nền mặt đất là chỗ nương nhờ của tất cả mọi sự vật, của cả Hữu Sinh Mạng và Vô Sinh Mạng. Giả như mất đi nền mặt đất là chỗ nương nhờ, thì tất cả các sự vật Hữu Sinh Mạng và Vô Sinh Mạng ấy, ắt hẳn không thể nào được khởi sinh lên và phát triển lên được. Điều tỷ dụ như thế nào, thì Định, Tuệ, và Đạo Quả, những thể loại này thường nương vào mà sinh khởi, nếu giả như loại trừ việc Trì Giới Thiện đi rồi, thì những sự việc này ắt hẳn không thể nào khởi sinh lên được. Vì thế, Đức Thế Tôn Ngài mới giải thích sự trọng yếu của Trì Giới trong việc tu tập để thoát khỏi **Luân Hồi Khổ (Vaṭṭadukkha)** là nơi có sự khốn khổ cả ở ngoại phần và nội phần, và cho đạt đến Níp Bàn, Ngài đã nói rằng:

Sīle patiṭṭhāya naro sapañño Cittaṃ paññañca bhāvayaṃ

Ātāme nipako bhikkhu So imaṃ vijaṭaye jaṭam.

Dịch với nội dung chính nói rằng: Người hữu trí được sinh từ Nghiệp Lực **(Nghiệp Lực Trí – Kammajapaññā)** và đã phối hợp với Tái Sinh Tam Nhân này, cùng với kiên định ở trong Trì Giới Thiện làm thành **Cận Y (Upanissaya)** là nền tảng của **An Chỉ (Samatha)** và **Minh Sát Tuệ (Vipassanā)**, thành người cần mẫn có khả năng để thiêu đốt các Bất Thiện Pháp cho bị tàn rụi đi, thành người hữu trí có khả năng để làm cho pháp đối kháng với mình là **Si Mê (Moha)** phải bị khô cạn đi, hoặc thành người hữu trí lấy Trí Tuệ làm công cụ bảo hộ cho mình được thoát khỏi pháp đối kháng là Si Mê, hoặc thành người hữu trí dẫn dắt **Cảnh Nghiệp Xứ (Ārammaṇakammaṭṭhāna)** là Danh và Sắc cho được hiện bày rõ ràng đến với mình, và rồi có khả năng làm cho **Định (Samādhi)** và **Minh Sát Trí (Vipassanā Ñāṇa)** được phát triển lên cùng tột, đi theo một cách tuần tự.

Người thẩm thị nội phần **Vòng Luân Hồi (Saṃsāravaṭṭa)** và đã phối hợp với sáu thể loại **Ân Đức (Guṇa)** ấy là **Giới (Sīla), Định (Samādhi), Tuệ Tái Sinh (Paṭisandhi Paññā), Tuệ Minh Sát (Vipassanā Paññā), Tuệ Bảo Hộ (Pārihārika Paññā),** và **Chánh Tinh Tấn (Sammappadhāna),** như đã vừa đề cập đến ở tại đây, thế là người ấy đã có thể

tháo gỡ mối dây triền phược đi, đó là **Ái Dục (Taṇhā)** mà đã được sánh như một nhánh gai nhọn của cây tre mọc rậm rì, um tùm, bao bọc phủ trùm lấy cả thân cây ấy vậy.

TRÌNH BÀY PHÂN LOẠI GIỚI LUẬT (SĪLA)

Có bốn loại **Giới Luật (Sīla)** đó là: 1/ Tỳ Khưu Giới Luật, 2/ Tỳ Khưu Ni Giới Luật, 3/ Sa Di Giới Luật, 4/ Thế Tục (Cư Sĩ Tại Gia) Giới Luật.

Trong bốn loại Giới Luật ấy, gồm có:

+ 227 điều giới luật đã được trình bày để ở trong **Tỳ Khưu Biệt Biệt Giải Thoát Giới (Bhikkhupātimokkha)** gọi là **Tỳ Khưu Giới Luật (Bhikkhusīla).**

+ 331 điều giới luật đã được trình bày để ở trong **Tỳ Khưu Ni Biệt Biệt Giải Thoát Giới (Bhikkhunipātimokkha)** gọi là **Tỳ Khưu Ni Giới Luật (Bhikkhunisīla).**

+ 10 điều giới học, có **Pāṇātipātā veramaṇī** v.v.- Tránh khai việc Sát Tử v.v. cho đến **Jātarūparajatapaṭiggahanā veramaṇī** – Tránh khai sự thọ lãnh, cất giữ, hoặc bảo kẻ khác thọ lãnh và cất giữ vàng bạc, là điều cuối cùng, hoặc 75 điều **Ưng Học Pháp (Sekhiyasikkhāpada)**. Những thể loại này gọi là **Sa Di Giới Luật (Sāmaṇerasīla – Cần Sách Giới Luật),** hoặc còn gọi là **Tiểu Sa Môn Giới Luật (Anupasampannasīla).**

+ 5 điều giới luật, tức là Ngũ Giới đây, gọi là **Thế Tục Giới Luật (Gahaṭṭhasīla – Cư Sĩ Tại Gia Giới Luật).**

Trong bốn loại Giới Luật ấy, thì Tỳ Khưu Giới Luật và Tỳ Khưu Ni Giới Luật cần phải có **việc thọ trì giới nguyện (Samādāna)** một cách đặc biệt, và chẳng cần phải thọ trì một cách riêng biệt. Ngay sau khi đã được **Tứ Tác Bạch Tuyên Ngôn Hành Tăng Sự trước Tăng Đoàn (Ñatticatutthakammavācā)** một cách chân chánh hợp pháp ở bên trong cột mốc của khu vực có hạn định kiết giới, chỗ được gọi là **Kiết Giới Vực Sīmā** (còn gọi là **Thánh Địa Tam Bảo**), thì loại Giới Luật này mới được thành tựu.

Đối với Sa Di Giới Luật ấy, thì cũng tương tự như vậy, cần phải có việc thọ trì giới nguyện một cách đặc biệt, và chẳng cần phải thọ trì một cách riêng biệt. Ngay sau khi làm **Lễ Xin Y Chỉ (Sarāṇagamana)** với nghi thức ba lần phát nguyện một cách chân chánh hợp pháp ở tại khu vực của người ban cho (Thầy Tế Độ) và người thọ nhận **(Tân Sa Di),** thì loại Giới Luật này mới được thành tựu.

Từ ngữ **Thế Tục (Gahaṭṭha)** dịch nghĩa là người cư sĩ tại gia. Như có câu Chú Giải nói rằng **Gahe tiṭṭhatīti = Gahaṭṭho** - Người nào ở trong nhà, như thế người ấy gọi là người Thế Tục. Đối với Thế Tục Giới Luật ấy, thì cần phải có việc thọ trì giới nguyện một cách riêng biệt, nếu chỉ có **Thọ Trì Tam Quy (Tisaraṇagamana)** trơn thôi, thì vẫn chưa được gọi là người có Thế Tục Giới Luật, và chỉ được gọi là người đã có Thọ Tam Quy ngần ấy thôi.

TRÌNH BÀY VIỆC THÀNH NGƯỜI PHẠM GIỚI LUẬT (DUSSĪLA) VÀ BẤT TRI SĨ (ALAJJĪ – BẤT THỦ THANH QUY)

+ Đối với Tỳ Khưu, Tỳ Khưu Ni là **người Phạm Giới Luật (Dussīla)**, tức là bất luận vị Tỳ Khưu hoặc vị Tỳ Khưu Ni nào, sau khi đã được **Tứ Tác Bạch Tuyên Ngôn Hành Tăng Sự trước Tăng Đoàn (Ñatticatutthakammavācā)** một cách đúng pháp ở bên trong cột mốc của khu vực có hạn định kiết giới, chỗ được gọi là **Kiết Giới Vực Sīmā (Thánh Địa Tam Bảo)** thành tựu viên mãn rồi, thì vị Tỳ Khưu hoặc Tỳ Khưu Ni ấy đã được gọi là người đã thọ Cụ Túc Giới với 227 hoặc 331 điều giới luật hiện hữu, và chẳng cần phải thọ trì giới nguyện một cách riêng biệt lại một lần nữa; suốt trọn thời gian khi vẫn chưa nói ra lời từ bỏ điều giới luật, hoặc vẫn chưa đến việc thành **người Phạm Tội Bất Cộng Trụ (Āpattipārājika)**, thì lúc bấy giờ sẽ nói được rằng người ấy vẫn còn hiện hữu ở trong Tỳ Khưu Giới Luật hoặc Tỳ Khưu Ni Giới Luật một cách chân chánh hợp pháp. Tuy nhiên, một khi đã nói ra lời từ bỏ điều giới luật, hoặc đã đi đến việc thành kẻ phạm phải Tội Bất Cộng Trụ rồi, thế là những loại Tỳ Khưu Giới Luật hoặc Tỳ Khưu Ni Giới Luật ấy đã chấm dứt. Bởi thế cho nên, vị Tỳ Khưu hoặc Tỳ Khưu Ni ấy, một khi vẫn chưa chuyển đổi giới tính, để thành người thế tục (cư sĩ tại gia), hoặc thành Sa Di, Sa Di Ni, mà vẫn còn duy trì **lời phát nguyện (Paṭiññāṇa)** là Tỳ Khưu hoặc Tỳ Khưu Ni, thế thì lúc bấy giờ sẽ nói rằng vị ấy là **người Phạm Giới Luật (Dussīla).**

Lại nữa, người đã được gọi là Tỳ Khưu, Tỳ Khưu Ni ấy, cũng có khi vẫn không thành tựu trong việc **Thọ Cụ Túc Giới (Upasampada)**, là một khi ở trong phương thức **Hành Tăng Sự Cụ Túc Giới (Upasampadakamma)** ấy, đã có phát sinh lên bất luận một trong năm **điều Hư Hoại (Vipatti)** như sau:

1. Sự Tình Hư Hoại (Vatthuvipatti): tức là **Cụ Túc Giới Tử (Upasampadāpek kha – Cụ Túc Chí Nguyện Tâm Giả)** ấy, là vị lập ý sẽ xuất gia vẫn chưa tròn đủ 20 tuổi thọ.

2. Kiết Giới Vực Hư Hoại (Sīmāvipatti): tức là **Sīmā Thánh Địa Tam Bảo** (khu vực có hạn định kiết giới để hành Tăng Sự, **Kiết Giới Vực Sīmā**) đã bị hư hoại.

3. Câu Hội Hư Hoại (Parisavipatti): tức là Tăng Đoàn câu hội không tròn đủ số lượng để hành Tăng Sự.

4. Tuyên Ngôn Hư Hoại (Ñattivipatti): tức là việc tụng đọc Tuyên Ngôn không đúng pháp.

5. Hành Tăng Sự Hư Hoại (Kammavācāvipatti): tức là việc tụng đọc Tuyên Ngôn Hành Tăng Sự sai trật.

Nếu nhỡ như có việc thiếu sót đi dù chỉ là một trong năm **điều Hư Hoại (Vipatti)** như đã vừa đề cập đến ở tại đây; thì vị Tỳ Khưu hoặc Tỳ Khưu Ni ấy, cho dù đã được xuất gia cho đến 50 – 60 năm tuổi đạo (hạ lạp) đi nữa, cũng chỉ được gọi là Tỳ Khưu hoặc Tỳ Khưu Ni ngần ấy thôi, tuy nhiên vẫn không thành tựu việc Thọ Cụ Túc Giới một cách chân chánh hợp pháp căn cứ theo **Tạng Luật (Vinayapiṭaka)**.

+ Đối với Tỳ Khưu, Tỳ Khưu Ni là **kẻ Bất Tri Sĩ (Alajjī – kẻ Bất Thủ Thanh Quy)**, tức là bất luận vị Tỳ Khưu hoặc Tỳ Khưu Ni nào đã tác hành với Tư Tâm Sở xâm phạm các điều giới luật khác, ở phần ngoài ra việc **Phạm Tội Bất Cộng Trụ (Āpatti pārājika)**, như có **Tăng Tàn (Saṅghādisesa)**, hoặc **Ưng Đối Trị Thanh Tịnh (Suddha pācittiya)** v.v. ấy

mà vẫn chưa chịu thụ nhận việc **Phạm Tội (Āpatti)** ấy cho đúng pháp dựa theo Tạng Luật. Có nghĩa là, nếu giả như đã Phạm Tội Tăng Tàn rồi, thế mà vẫn chưa thực hiện việc thọ **Hành Phạt Tội Tăng Tàn (Vuṭṭhānakamma)** tức là có việc ở **Biệt Trú (Parivāsa)** và **Cấm Phòng (Mānatta)**. Giả như đã phạm đến các tội khác, như có Ưng Đối Trị Thanh Tịnh v.v. và vẫn chưa thực hiện việc **Hành Xưng Tội Danh (Desanā kamma)** có việc trình bày việc **Phạm Tội (Āpatti)** ấy cho phát lộ đến bạn bè **Pháp Hữu (Sahadhammika)** như vậy rồi, thì sẽ nói rằng vị ấy là **kẻ Bất Tri Sĩ (Alajjī – kẻ Bất Thủ Thanh Quy, là kẻ Vô Tàm, không biết hổ thẹn).** Trong cả hai hạng Người này, thì hạng người là **người Phạm Giới Luật (Dussīla)** có tội nặng hơn, còn hạng người là **kẻ Bất Tri Sĩ** thì có tội nhẹ hơn.

+ Đối với Sa Di là **người Phạm Giới Luật (Dussīla)** và là **kẻ Bất Tri Sĩ (Alajjī – kẻ Bất Thủ Thanh Quy),** sự thật là vị Sa Di ấy, nếu như **Người Truyền Cho (Thầy Tế Độ) thụ Tam Quy (Tisaraṇagamana)** và **Người Thụ Nhận (vị Sa Di) Tam Quy,** đã được nói rằng đúng pháp theo đủ hết cả **Ba Thời (Tatiyavāra),** vả lại dù cho vẫn chưa phải có việc **thọ trì giới nguyện (Samādāna)** mười điều giới luật, có **Pāṇātipātā veramaṇī** v.v. – Tránh khai việc Sát Tử, v.v. một cách đặc biệt đi nữa, thì cũng coi như vị ấy đã thành tựu vị Sa Di qua việc thụ nhận Tam Quy ấy rồi, và luôn cả Sa Di Giới Luật cũng được thành tựu một cách chân chánh hợp pháp. Kể từ lúc ấy trở đi cho suốt trọn thời gian khi mà vẫn chưa chuyển đổi giới tính; hoặc vẫn chưa phạm vào một trong mười điều ở phần **Hủy Diệt Giới Tính (Liṅganāsana – Tính Biệt),** và chừng nào cả mười điều giới luật vẫn còn có thể hiện hữu ở trong đời sống của sự thành vị Sa Di ấy; thì như thế, việc trình bày cả mười điều giới luật, có **Pāṇātipātā veramaṇī** v.v. – Tránh khai việc Sát Tử, v.v. cho đến **Jātarūparajata paṭiggahanā veramaṇī** – Tránh khai sự thọ lãnh, cất giữ, hoặc bảo kẻ khác thọ lãnh và cất giữ vàng bạc, là chỗ điều giới luật cuối cùng, kể từ sau khi đã thụ Tam Quy với cả ba lần, tiếp nối theo đó là chỉ để cho vị Sa Di hiểu biết mà sẽ nên lưu tâm gìn giữ ở trong các điều giới luật ấy.

Cũng như Đức Thế Tôn đã có lập ý trình bày để ở trong **Kệ Điều Giới Luật (Sikkhāpadakathā)** thuộc Chánh Tạng Luật **Pāḷi** phần Đại Phẩm Luật **(Mahāvagga vinaya)** nói rằng: **Anujānāmi bhikkhave sāmaṇerānaṃ dasa sikkhāpadāni, tesu ca sāmaṇerehi sikkhitaṃ pāṇātipātā veramaṇiṃ v.v. jātarūparajatapaṭiggahanā veramaṇiṃ** như vầy.

Trong cả mười điều giới luật mà vị Sa Di đã xâm phạm đến phần **Hủy Diệt Giới Tính (Liṅganāsana – Tính Biệt)** ấy, thì có được năm điều, đó là kể từ **Pāṇātipātā veramaṇī** v.v. – Tránh khai việc Sát Tử, v.v. cho đến **Surāmerayamajjapamādaṭṭhānā veramaṇī** – Tránh khai việc uống rượu và các chất say, là điều cuối cùng. Còn năm điều còn lại, kể từ **Vikālabhojanā veramaṇī** v.v. – Tránh khai việc thọ thực phi thời (ăn sái giờ) cho đến **Jātarūparajata paṭiggahanā veramaṇī** – Tránh khai sự thọ lãnh, cất giữ, hoặc bảo kẻ khác thọ lãnh và cất giữ vàng bạc, là chỗ điều giới luật cuối cùng, là chỉ thụ nhận việc xét xử tội bằng **Hành Phạt (Daṇḍakamma)** ngần ấy thôi. Như thế, vị Sa Di nào đã xâm phạm vào một trong năm điều giới luật có liên quan đến phần **Hủy Diệt Giới Tính (Liṅganāsana – Tính Biệt)** ấy, thì phải bị hoàn tục khỏi đời sống Giới Hạnh Sa Di, hoặc nếu không muốn

để sẽ phải hoàn tục thì nhất thiết phải thụ nhận truyền Tam Quy mới lại. Nếu nhỡ như đã xâm phạm điều giới luật mà có liên quan với việc **Hành Phạt (Daṇḍakamma)**, thì hãy đến xin thụ nhận việc trừng phạt từ vị **Thầy Tế Độ (Upajjhāya)** hoặc vị **Thầy Giáo Thọ (Ācāriya)** để cho có được sự trong sạch trở lại đến cho mình.

Bởi vì lẽ ấy, vị Sa Di nào đã có sự sai phạm điều giới luật liên quan đến một trong mười điều ở phần **Hủy Diệt Giới Tính (Liṅganāsana – Tính Biệt)** ấy, mà vẫn chưa chịu hoàn tục khỏi đời sống Giới Hạnh Sa Di, hoặc vẫn chưa chịu thụ nhận việc truyền Tam Quy mới lại, thì sẽ nói được rằng vị Sa Di ấy đã là **người Phạm Giới Luật (Dussīla).** Nếu nhỡ như vị Sa Di nào đã xâm phạm điều giới luật mà có liên quan với một trong mười **điều Hành Phạt (Daṇḍakamma)** nhưng vẫn chưa chịu xin thụ nhận việc trừng phạt từ vị **Thầy Tế Độ (Upajjhāya)** hoặc vị **Thầy Giáo Thọ (Ācāriya)** để cho có được sự trong sạch trở lại đến cho mình, thì sẽ nói được rằng vị Sa Di ấy đã là **kẻ Bất Tri Sĩ (Alajjī – kẻ Bất Thủ Thanh Quy, là kẻ Vô Tàm, không biết hổ thẹn).**

THẬP ĐIỀU HỦY DIỆT GIỚI TÍNH (LIṄGANĀSANA), Đó Là:

1. Sát Tử Giả (Pāṇātipātī hoti): Sa Di là kẻ sát tử loài Hữu Tình.

2. Đạo Tặc Giả (Adinnādāyī hoti): Sa Di là kẻ đạo tặc.

3. Phi Phạm Hạnh Giả (Abrahmacārī hoti): Sa Di là kẻ xâm phạm Phi Phạm Hạnh.

4. Vọng Ngữ Giả (Musāvadī hoti): Sa Di là kẻ nói dối.

5. Ẩm Tửu Giả (Surāmerayamajjapayī hoti): Sa Di là kẻ uống rượu và các chất say.

6. Ngôn Từ Phỉ Báng Đức Phật (Buddhassa avaṇṇaṃ bhāsati): Sa Di là kẻ nói lời phỉ báng miệt thị Đức Phật.

7. Ngôn Từ Phỉ Báng Pháp Bảo (Dhammassa avaṇṇaṃ bhāsati): Sa Di là kẻ nói lời phỉ báng miệt thị Pháp Bảo.

8. Ngôn Từ Phỉ Báng Tăng Bảo (Saṅghassa avaṇṇaṃ bhāsati): Sa Di là kẻ nói lời phỉ báng miệt thị Thánh Tăng hoặc Tục Tăng.

9. Tà Kiến Giả (Micchādiṭṭhiko hoti): Sa Di là kẻ có sự thấy sai chấp lầm, chẳng hạn như **Thường Kiến (Sassatadiṭṭhi).**

10. Tỳ Khưu Ni Tác Ác Giả (Bhikkhunīdūsako hoti): Sa Di là kẻ hãm hại vị Tỳ Khưu Ni.

Nếu giả như vị Sa Di nào đã xâm phạm một trong mười điều Hủy Diệt Giới Tính này rồi, thì thường là đứt mất sự thành vị Sa Di, và cần phải hoàn tục đi. Nếu nhỡ như không có ý định để sẽ hoàn tục, đối với việc xâm phạm một trong chín điều Hủy Diệt Giới Tính này (ngoại trừ Tà Kiến) thì cho vị Sa Di ấy thực hiện việc xin thú tội sự phạm tội của mình đến với vị Thầy Tế Độ hoặc vị Thầy Giáo Thọ cùng với **lời Tự Phát Nguyện (Paṭiññāṇa)** cho việc lưu tâm cẩn phòng để ngăn không cho tái phạm vào ở trong các điều Hủy Diệt Giới Tính ấy lại nữa. Khi đã hoàn tất xong, kế tiếp là việc xin được thụ nhận việc truyền Tam

Quy mới trở lại. Và như thế, mới sẽ thành vị Sa Di bình thường, tức là đã có **Giới Luật (Sīla)** của việc thành tựu vị Sa Di như lúc ban đầu.

Còn điều thứ chín của phần Hủy Diệt Giới Tính tức là Tà Kiến ấy, nếu giả như vị Sa Di nào đã có xâm phạm rồi, thì cũng tương tự, là cần phải hoàn tục khỏi đời sống Giới Hạnh Sa Di; hoặc nếu không có ý định để sẽ hoàn tục, thì điều trước tiên phải là người từ bỏ sự thấy sai chấp lầm ấy, và trở thành người có Chánh Kiến; thế rồi trình bày sự trong sạch của mình cho phát lộ nguyện làm thành người có Chánh Kiến đến với tất cả Hội Chúng Tăng Đoàn, cùng với lời Tự Phát Nguyện nói rằng: **"Trước kia đã có sự thấy sai chấp lầm, kể từ ngày hôm nay xin nguyện từ bỏ sự thấy như thế, và cũng kể từ ngày hôm nay trở đi sẽ cố gắng để không còn là kẻ có Tà Kiến như thế ấy nữa."** Một khi Hội Chúng Tăng Đoàn đã thụ nhận cho lời thú tội ấy rồi, thì mới xin được thụ nhận việc truyền Tam Quy mới lại. Và thế rồi tiếp nối theo, vị Sa Di ấy mới sẽ phục hồi trở lại thành một vị đã có được đầy đủ Sa Di Giới Luật một cách chân chánh hợp pháp.

THẬP ĐIỀU HÀNH PHÁP (DAṆḌAKAMMA), Đó Là:

1. Phi Thời Thực Giả (Vikālabhojano hoti): Sa Di là kẻ thọ thực ở trong thời khắc **sai giờ (Vikāla)**.

2. Ca Nhạc Giả (Naccagītavāditavisūkadassano hoti): Sa Di là kẻ ưa thích việc múa hát, đàn ca và việc thổi kèn với các nhạc cụ.

3. Trang Sức Giả (Mālāgandhavilepanadhāraṇamaṇḍanavibhūsano hoti): Sa Di là kẻ ưa thích việc tô điểm trang sức xác thân với hương phẩm, vật bôi nhuộm, với vật thoa xức.

4. Thượng Ngọa Giả (Uccāsayanamahāsayano hoti): Sa Di là kẻ ưa thích nằm ở trên cao và chỗ nằm to lớn xinh đẹp **(Vicittara)**.

5. Thụ Kim Ngân Giả (Jātarūparajatapaṭiggahano hoti): Sa Di là kẻ ưa thích duyệt ý với việc thụ nhận vàng bạc, hoặc vật dùng để thay thế vàng bạc.

6. Nỗ Lực Tác Tệ Chư Tỳ Khưu Giả (Bhikkhūnaṃ alābhāya parisakkati): Sa Di là kẻ cố gắng trong việc làm cho tổn hại lợi lộc **(Lābha)** của vị Tỳ Khưu.

7. Nỗ Lực Tác Họa Chư Tỳ Khưu Giả (Bhikkhūnaṃ avāsāya parisakkati): Sa Di là kẻ cố gắng trong việc làm cho vị Tỳ Khưu không có chỗ trú ngụ, chỗ nương trú.

8. Nỗ Lực Tác Hại Chư Tỳ Khưu Giả (Bhikkhūnaṃ anatthāya parisakkati): Sa Di là kẻ cố gắng làm cho vị Tỳ Khưu khởi sinh lên điều tai hại.

9. Ngôn Luận Phê Bình Chỉ Trích Chư Tỳ Khưu Giả (Bhikkhū akkosati paribhāsati): Sa Di là kẻ nói lời mắng nhiếc nguyền rủa và luận tội Chư Tỳ Khưu.

10. Đốc Xúc Bất Hòa Chư Tỳ Khưu Giả (Bhikkhū bhikkhūhi bhedeti): Sa Di là kẻ đốc thúc xúi xiểm làm cho Chư Tỳ Khưu chia rẽ tình đoàn kết lẫn nhau.

Bất luận vị Sa Di nào một khi đã xâm phạm tác hành điều sai trật thì sẽ phải thụ nhận việc Hành Phạt từ vị Thầy Tế Độ hoặc vị Thầy Giáo Thọ y theo mười điều Hành Phạt này. Vẫn còn có nhiều thể loại khác nữa, chẳng hạn như 75 điều **Ưng Học Pháp (Sekhiya**

sikkhapāda) và 14 điều **Phận Sự phải hành (Khandhakavattara)**. Những thể loại này cũng như nhau, nếu vị Sa Di không chịu tuân thủ, hoặc làm tròn phận sự ở trong điều giới luật và bất luận một trong các điều phận sự phải hành như đã vừa được nói đến, thì sẽ phải thụ nhận tội Hành Phạt. Giá như không chịu thụ nhận như đã vừa nói, thì sẽ nói được rằng là **kẻ Bất Tri Sĩ (Alajjī – kẻ Bất Thủ Thanh Quy, là kẻ Vô Tàm, không biết hỗ thẹn),** tương tự như nhau.

+ Đối với Cư Sĩ Ngũ Giới là **người Phạm Giới Luật (Dussīla):** có việc kiêng tránh việc sát tử loài Hữu Tình, v.v. cho đến việc kiêng tránh việc uống rượu và các chất say, là điều cuối cùng đây; là Giới Luật phổ biến dành riêng cho người thế tục, bất phân biệt chủng tộc, giai cấp, sắc da, và quốc độ. Như thế, nếu như người nào có việc kiêng tránh, và bất xâm phạm, thì người ấy được gọi là đã được an trú ở trong Thế Tục Giới Luật. Nếu nhỡ như người nào không có việc kiêng tránh và đã xâm phạm trong bất luận một điều nào, hoặc hết cả năm điều, thì người ấy sẽ được gọi là **người Phạm Giới Luật (Dussīla).**

+ Đối với Cư Sĩ Tại Gia là **kẻ Bất Tri Sĩ (Alajjī – kẻ Bất Thủ Thanh Quy),** là người cư sĩ nào ưa thích nói lời đốc xúc xúi xiểm **(Pisuṇavācā - Ly Gián Ngữ),** nói lời thô tục xấu ác **(Pharusavācā - Thô Ác Ngữ),** nói lời tầm sàm, nhảm nhí vô ích **(Samphap palāpa - Hồ Ngôn Loạn Ngữ)** và ưa thích với những thể loại nghĩ suy tham muốn chú mục của cải tha nhân **(Abhijjhā – Ý Tham Ác),** nghĩ suy oán hận giận dữ tha nhân **(Byāpāda – Ý Cừu Hận),** và là người chẳng ưa thích thực hành những bổn phận y theo huấn từ của Đức Thế Tôn, mà đã có lập ý trình bày để ở trong bài **Kinh Thi Ca La Việt (Siṅgālasutta)** thuộc Chánh Tạng **Pāḷi** Trường Bộ Kinh – Phẩm **Pāthikavagga** nói rằng: Không thực hành theo bổn phận giữa Cha Mẹ với Con Trẻ, Chồng với Vợ, Thầy Giáo Thọ với Môn Đồ, Chủ Nhân với Tôi Tớ, Bằng Hữu với Bằng Hữu, và giữa Cư Sĩ Tại Gia với Bậc Xuất Gia. Nếu như người cư sĩ ấy, bất hạn định sẽ là người nam hoặc nữ nhân, chủng tộc nào, ngôn ngữ nào, quốc độ nào đi nữa; một khi đã là như vậy rồi, thì sẽ nói được rằng người ấy là kẻ Bất Tri Sĩ. Nếu như người cư sĩ nào chẳng ưa thích nói những lời Ly Gián Ngữ, Thô Ác Ngữ, Hồ Ngôn Loạn Ngữ, chẳng ưa thích nghĩ suy về Ý Tham Ác, Ý Cừu Hận; và có sự hoan hỷ duyệt ý thực hành theo bổn phận giữa Cha Mẹ với Con Trẻ, Chồng với Vợ, v.v. thì người cư sĩ ấy được gọi là **bậc Tri Sĩ (Lajjīpuggala – bậc Hữu Tàm).**

GIẢI THÍCH ĐẶC BIỆT TRONG VIỆC THỌ TRÌ NGŨ GIỚI (SAMĀDĀNAPAÑCASĪLA)

Việc nguyện thọ trì Ngũ Giới hiện hữu ở hai thể loại, đó là:

1. Nguyện thọ trì gộp chung cả năm điều giới luật vào với nhau **(Pañcaṅga samannāgataṃ sīlaṃ samādiyāmi).**

2. Nguyện thọ trì riêng biệt từng mỗi điều giới luật.

+ Việc nguyện thọ trì gộp chung Ngũ Điều Giới Luật vào với nhau thì có được như sau; là **Tự Phát Nguyện (Paṭiññāṇa)** với lời nói rằng **Pañca sikkhāpadaṃ samādiyāmi** hoặc **Pañcasīlaṃ samādiyāmi** dịch là "Con xin thọ trì trọn đủ cả năm điều giới luật, có

kiêng tránh sát tử **(Pāṇātipātāvirati)**, v.v. cho đến kiêng tránh uống rượu và các chất say **(Surāmerayamajjapamādaṭṭhāna virati)**, là cuối cùng."

Ngay cả ở trong việc nguyện thọ trì **Bát Quan Trai Giới (Uposathasīla)** cũng tương tự như nhau, nếu thọ trì gộp chung cả tám điều giới luật vào với nhau thì cũng nói như sau: **Uposathasīlaṃ samādiyāmi** hoặc **Aṭṭhaṅgasīlaṃ samādiyāmi** - Con xin thọ trì Bát Quan Trai Giới có đủ tám điều giới phần.

+ Việc nguyện thọ trì Ngũ Điều Giới Luật theo riêng biệt từng mỗi điều thì có được như sau, sẽ nói rằng:

1. Pāṇātipātā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi, v.v.

2. Surāmerayamajjapamādaṭṭhānā veramanīsikkhāpadaṃ samādiyāmi.

Ngay cả việc nguyện thọ trì tám điều giới luật theo riêng biệt từng mỗi điều, thì có được như sau:

1. Pāṇātipātā veramaṇīsikkhāpadaṃ samādiyāmi, v.v.

2. Uccāsayanamahāsayanā veramaṇīsikkhāpadaṃ samādiyāmi.

Việc nguyện thọ trì cả hai thể loại Ngũ Giới, Bát Giới như đã vừa đề cập đến ở tại đây, nếu như người nào nguyện thọ trì gộp chung các điều giới luật vào với nhau, thì nhỡ như chỉ xâm phạm duy nhất ở một điều nào trong các điều giới luật ấy làm cho phải bị đứt đi, thì coi như việc tuân thủ Ngũ Giới hoặc Bát Giới của người ấy đã bị đứt chung hết cả với nhau. Thế là cần phải nguyện thọ trì mới trở lại hết tất cả. Còn người nguyện thọ trì theo riêng biệt từng mỗi điều giới luật, nếu như đã xâm phạm vào điều nào thì cũng coi như chỉ riêng điều giới luật ấy bị đứt mà thôi, còn các điều khác thì vẫn tồn tại hiện hữu như thường, và không bị đứt mất. Thế là chỉ cần nguyện thọ trì mới trở lại riêng với điều đã bị đứt ấy thôi.

Lại nữa, việc nguyện thọ trì Ngũ Giới, Bát Giới với người xin thọ trì có hạn định về thời gian ở trong Tâm, thì cũng chỉ xin nguyện thọ trì một lần một thôi. Việc nguyện thọ trì của người này cũng được gọi là đã được an trú suốt trọn thời gian đã hạn định, chẳng hạn như là người xin nguyện thọ trì Ngũ Giới hoặc Bát Giới hạn định ở trong thời gian là ba tháng, hoặc một tháng, nửa tháng, một tuần cũng được, hoặc một ngày một đêm cũng được, ngay cả cuối cùng chỉ là nửa ngày cũng được. Một khi đã **phát nguyện (Adhiṭṭhāna)** ở trong Tâm rồi, cùng với việc nguyện thọ trì phần Giới Luật ấy, thì việc thọ trì ấy sẽ an trú suốt trọn thời gian đã hạn định, và khi đã đến thời hạn định thì việc nguyện thọ trì ấy cũng được gọi là tự nó chấm dứt vậy.

Ngũ Giới đây, là **Thường Xuyên Giới Luật (Niccasīla)** của tất cả hàng cư sĩ tại gia. Như thế dù cho người có nguyện thọ trì hoặc không có nguyện thọ trì, thì cũng phải tuân thủ gìn giữ một cách thường xuyên, để cho tự bản thân mình là người có giới luật. Nếu nhỡ như sẽ có người viện cớ nói rằng "Tôi không có nguyện thọ trì, thì như thế chẳng cần phải tuân thủ, và cũng chẳng có tội." Ở trong lời nói như thế ấy, chỉ là biểu lộ cho người khác được biết rằng mình là người không am tường ở trong Ngũ Giới, đã là loại Thường Xuyên Giới Luật của tất cả hàng cư sĩ tại gia; thế nhưng người ấy có được là người thoát khỏi sự làm thành **người Phạm Giới Luật (Dussīla)** không ? Đối với người đã có việc nguyện thọ trì

và rồi cũng đã có tuân thủ Ngũ Giới ấy, lại được tăng trưởng nhiều lợi ích khác nữa, sẽ nói được rằng ngoài việc **Ngũ Giới Thiện (Pañcasīlakusala)** ra đây, thì vẫn còn có phát sinh lên thêm việc thọ nguyện điều Thiện khác nữa vậy. Với lý do này, tất cả những hàng Phật Tử đã luôn có hiện bày việc nguyện thọ trì **Hạn Định Ngũ Giới (Pañca Niyama samādānasīla)** mãi cho đến tận ngày hôm nay.

TRÌNH BÀY ĐẶC BIỆT VỀ BÁT QUAN TRAI GIỚI VÀ NGƯỜI THỌ TRÌ

Bát Quan Trai Giới (Uposathasīla) với tám điều giới luật đây, là **Thường Xuyên Giới Luật (Niccasīla)** của người **Cận Sự Nam (Upasaka), Cận Sự Nữ (Paṇḍaraṅga pabbajita = Bạch Y Đạo Sĩ Giới Phần),** và **Nam Đạo Sĩ (Tāpasa), Nữ Đạo Sĩ (Tāpasinī).** Như thế, những vị Cận Sự Nam, Cận Sự Nữ, Nam Đạo Sĩ này, nhất thiết phải tuân thủ cho được đầy đủ, và trong việc nguyện thọ trì thì chỉ có nguyện duy nhất một lần một thôi, thế là hằng luôn hiện hữu ở trong suốt trọn khoảng thời gian vẫn còn vấn mặc bạch y. Nếu nhỡ như bất luận vị Cận Sự Nam, Cận Sự Nữ, Nam Đạo Sĩ nào, đã không tuân thủ cho được tròn đủ, dù chỉ là việc tuân thủ Ngũ Giới hoặc tuân thủ **Mạng Đệ Bát Giới Luật (Ājīvaṭṭha makasīla)** thì cũng là bất xứng với vị trí Cận Sự Nam, Cận Sự Nữ, và Bạch Y Đạo Sĩ; như thế nên chuyển đổi giới tính cho làm thành vị cư sĩ tại gia đi vậy. Nếu không chuyển đổi giới tính, cho làm thành vị cư sĩ, thì sẽ gọi vị Cận Sự Nam, Cận Sự Nữ, Bạch Y Đạo Sĩ ấy là **người Phạm Giới Luật (Dussīla).** Bát Quan Trai Giới này, chẳng phải là loại Thường Xuyên Giới Luật đối với hàng cư sĩ tại gia (là **Bất Thường Giới Luật – Aniccasīla,** thuộc **Hạn Định Giới Luật (Niyamasīla).** Vì thế, những hàng cư sĩ tại gia mà sẽ có tuân thủ, ắt hẳn sẽ được phát sinh lên thêm nhiều điều lợi ích đặc thù, hoặc sẽ không tuân thủ thì cũng chẳng có điều tội lỗi nào cả.

TRÌNH BÀY GIỚI LUẬT ĐẶC BIỆT CỦA NHỮNG CƯ SĨ TẠI GIA

Việc nguyện thọ trì Giới Luật của hàng cư sĩ, ngoài Ngũ Giới và Bát Giới ra rồi, cũng vẫn có các loại Giới Luật khác nữa để sẽ được tuân thủ, chẳng hạn như:

1. Mạng Đệ Bát Giới Luật (Ājīvaṭṭhamakasīla): tức là ngăn trừ **Tam Thân Ác Hạnh (Kāyaduccarita), Tứ Ngữ Ác Hạnh (Vacīduccarita),** và kiêng tránh **Tà Mạng (Micchājīvā).**

2. Cửu Chi Bố Tát Trai Giới (Navaṅga Uposathasīla): đó chính là Bát Quan Trai Giới lại có thêm phần **Yathā balaṃ mettā sahagatena cetasā sabbā vantaṃ lokaṃ pharitvā viharāmi** – Với Tâm câu hữu Từ Ái biến mãn hết tất cả loài Hữu Tình và an trú - Tôi xin truyền rải với Tâm Từ Ái cho đến tất cả loài Hữu Tình ở khắp mọi muôn phương.

3. Thập Chi Giới Luật (Dasaṅgasīla): đó chính là 10 điều giới luật mà vị Sa Di phải tuân thủ.

TRÌNH BÀY TÊN GỌI MẠNG ĐỆ BÁT GIỚI LUẬT (ĀJĪVAṬṬHAMAKASĪLA)

VÀ NGƯỜI TUÂN THỦ NGŨ GIỚI KHÁC BIỆT VỚI MẠNG ĐỆ BÁT GIỚI LUẬT

Mạng Đệ Bát Giới Luật đây, ở trong Bộ Chú Giải Thanh Tịnh Đạo, Ngài đã gọi là **Khởi Phát Phạm Hạnh Giới Luật (Ādibrahmacayikasīla),** là Giới Luật ở phần tiên khởi của **Đạo Phạm Hạnh (Maggabrahmacariya);** có nghĩa Mạng Đệ Bát Giới Luật là những điều giới luật cần phải được hoàn thành viên mãn trong giai đoạn khởi đầu của việc phát triển Thánh Đạo, cho được hoàn thành Đạo Quả.

Lại nữa, tất cả hàng cư sĩ tại gia cho dù sẽ có nguyện thọ trì Mạng Đệ Bát Giới Luật hoặc không có nguyện thọ trì đi nữa; mà nếu như đã có việc xâm phạm bất luận một điều giới luật nào rồi, ắt hẳn cũng có tội tương tự như với việc xâm phạm Ngũ Giới vậy. Trong cả hai thể loại Giới Luật ấy, giả như người nào thường xuyên tuân thủ Ngũ Giới thì người ấy sẽ được gọi là bậc Hiền Triết Thông Thường. Nếu như thường xuyên tuân thủ Mạng Đệ Bát Giới Luật thì người ấy sẽ được gọi là bậc Hiền Triết Thù Thắng.

PHÂN LOẠI GIỚI LUẬT THEO THƯỜNG XUYÊN GIỚI (NICCASĪLA) VÀ BẤT THƯỜNG GIỚI (ANICCASĪLA)

Thường Xuyên Giới Luật (Niccasīla) có nghĩa là Giới Luật nào một khi trí kính lễ đã hoàn thành xong cùng với Giới Luật ấy, mà đặc biệt chẳng phải có việc nguyện thọ trì lại lần nữa, và người ấy cũng cần phải tiên quyết thường luôn tuân thủ Giới Luật ấy một cách kiên định, vả lại nếu chẳng tuân thủ thì ắt hẳn sẽ có tội, như thế Giới Luật ấy được gọi là Thường Xuyên Giới Luật.

Bất Thường Xuyên Giới Luật (Aniccasīla) có nghĩa là Giới Luật nào chẳng thọ trì thì chẳng có tội. Nếu nhỡ như có sự kỳ vọng, thì trước tiên sẽ phải có việc nguyện thọ trì Giới Luật ấy, như vậy Giới Luật ấy được gọi là Bất Thường Xuyên Giới Luật (còn gọi là **Hạn Định Giới Luật – Niyamasīla**).

Thường Xuyên Giới Luật là 227 và 331 điều giới luật, nơi mà Đức Thế Tôn đã lập ý trình bày để ở trong Tỳ Khưu Biệt Biệt Giải Thoát Giới và Tỳ Khưu Ni Biệt Biệt Giải Thoát Giới, ấy là Thường Xuyên Giới Luật của Tỳ Khưu và Tỳ Khưu Ni. Thập Chi Giới Luật và 75 điều Ưng Học Pháp ấy là Thường Xuyên Giới Luật của Sa Di và Sa Di Ni. Bát Quan Trai Giới là Thường Xuyên Giới Luật của Bạch Y Đạo Sĩ (Cận Sự Nam, Cận Sự Nữ, Bạch Y Cư Sĩ, gọi theo một cách khác nữa là Nữ Tu) và của tất cả các vị Đạo Sĩ. Ngũ Giới là Thường Xuyên Giới Luật của tất cả hàng cư sĩ tại gia.

Bất Thường Xuyên Giới Luật là việc tu tập **Điều Tiết Dục (Dhūtaṅga – Đầu Đà,** Pháp hành đạo nghiêm ngặt của các nhà sư, gồm có 13 Pháp, như sống độc cư rừng già, sống dưới cội cây, v.v.). Trong 13 Pháp Điều Tiết Dục Đầu Đà này là Bất Thường Xuyên Giới Luật của Tỳ Khưu, Tỳ Khưu Ni, Sa Di. Việc tu tập bất luận một trong các Pháp Điều Tiết Dục và Thập Chi Giới Luật là Bất Thường Xuyên Giới Luật của tất cả các vị Bạch Y Đạo Sĩ và các vị Đạo Sĩ.

Bát Quan Trai Giới, Cửu Chi Giới Luật, Thập Chi Giới Luật, và tu tập Pháp Đầu Đà Điều Tiết Dục, **Nhất Tọa Thụ Thực Đầu Đà (Ekāsanikaṅgadhūtaṅga), Trì Bình Khất Thực Đầu Đà (Pattapiṇḍikaṅgadhūtaṅga)** với những thể loại này là Bất Thường Xuyên Giới Luật của tất cả hàng cư sĩ tại gia.

PHÂN LOẠI GIỚI LUẬT THEO NGUYỆN TRÌ GIỚI LUẬT (CĀRITTASĪLA) VÀ NGĂN TRỪ GIỚI LUẬT (VĀRITTASĪLA)

Nguyện Trì Giới Luật (Cārittasīla) có nghĩa không thực hiện thì không có tội. Nếu như đã có thực hiện thì sẽ có nhiều lợi ích to lớn, đó chính là Bất Thường Xuyên Giới Luật như đã vừa đề cập đến vậy.

Ngăn Trừ Giới Luật (Vārittasīla) có nghĩa Giới Luật ấy cần phải thường luôn thực hiện, nếu không có thực hiện thì ắt hẳn có tội, đó chính là Thường Xuyên Giới Luật.

PHƯƠNG THỨC NGUYỆN THỌ TRÌ LUÔN CẢ KÍNH LỄ ĐỨC PHẬT, THỌ TAM QUY (TISARAṆAGAMANA) VÀ ĐIỀU GIỚI LUẬT

Phương thức nguyện thọ trì Ngũ Giới và Bát Quan Trai Giới ấy, thường là khắp tất cả đã có sự hiểu biết một cách tốt đẹp, do đó, ở tại đây không nhất thiết sẽ đề cập lại thêm một lần nữa. Đối với phương thức nguyện thọ trì Mạng Đệ Bát Giới Luật, **Cửu Chi Bố Tát Trai Giới (Navaṅguposathasīla)** và Thập Chi Giới Luật, có việc trình bày như sau:

MẠNG ĐỆ BÁT GIỚI LUẬT (ĀJĪVAṬṬHAMAKASĪLA)

1. Mayaṃ bhante tisaraṇena saha ājīvaṭṭhamakasīlaṃ dhammaṃ yācāmi anuggahaṃ katvā sīlaṃ detha me bhante dutiyampi v.v. **tatiyampi** v.v. (Chỉ có bên phía người xin thụ nhận) – Kính bạch các Ngài thương xót cho con xin thọ trì Tam Quy và Mạng Đệ Bát Giới Luật ở nơi Tam Bảo để vâng giữ hành theo cho được sự lợi ích. Lần thứ nhì, v.v. Lần thứ ba v.v.

2. Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa (3 lần)

Con xin đảnh lễ Đức Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác –

3. Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi v.v. **Dutiyampi** v.v. **Tatiyampi** v.v. – Con đem hết lòng thành kính xin Quy Y Phật v.v. Lần thứ nhì v.v., Lần thứ ba v.v.

4.1. Pāṇātipātā veramaṇīsikkhāpadaṃ samādiyāmi – Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự sát sinh.

4.2. Adinnādānā veramaṇīsikkhāpadaṃ samādiyāmi – Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự trộm cắp.

4.3. Kāmesumicchācārā veramaṇīsikkhāpadaṃ samādiyāmi - Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự tà dâm.

4.4.Musāvādā veramaṇīsikkhāpadaṃ samādiyāmi – Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự vọng ngữ.

4. 5. Pisuṇavācā veramaṇīsikkhāpadaṃ samādiyāmi – Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự ly gián ngữ.

4.6. Pharusavācā veramaṇīsikkhāpadaṃ samādiyāmi – Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự thô ác ngữ.

4.7. Samphappalāpā veramaṇīsikkhāpadaṃ samādiyāmi – Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự hồ ngôn loạn ngữ.

4.8. Micchājīvā veramaṇīsikkhāpadaṃ samādiyāmi – Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự tà mạng.

(Người truyền đọc trước và người thụ nhận đọc theo sau từng mỗi phần).

Tóm tắt, **Tisaraṇena saha ājīvaṭṭhamakasīlaṃ sādhukaṃ katvā appamā - dena sampādetha** - Nên thọ trì Tam Quy và Mạng Đệ Bát Giới Luật cho được trọn đủ và chẳng có dễ duôi.

Sīlena sugatiṃ yanti sīlena bhogasampadā sīlena nibbatiṃ yanti tasmā sīlaṃ visodhaye - Trì Giới sinh Thiện Thú, Trì Giới sinh mãn túc tài vật, Trì Giới sinh giải thoát Níp Bàn. Vì lẽ ấy, nên thọ trì Giới Luật cho được thanh tịnh. (Chỉ có bên phía Người truyền cho).

CỬU CHI BỐ TÁT GIỚI LUẬT (NAVAṄGUPOSATHASĪLA)

1. Mayaṃ bhante tisaraṇena saha navaṅgasamannāgataṃ uposathasīlaṃ dhammaṃ yācāmi anuggahaṃ katvā sīlaṃ detha me bhante dutiyampi v.v. **tatiyampi** v.v. (Chỉ có bên phía người xin thụ nhận) – Kính bạch các Ngài thương xót cho con xin thọ trì Tam Quy và Cửu Chi Bố Tát Giới Luật ở nơi Tam Bảo để vâng giữ hành theo cho được sự lợi ích. Lần thứ nhì, v.v. Lần thứ ba v.v.

2. Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa (3 lần)

Con xin đảnh lễ Đức Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác

3. Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi v.v. Dutiyampi v.v. Tatiyampi v.v. – Con đem hết lòng thành kính xin Quy Y Phật v.v. Lần thứ nhì v.v. Lần thứ ba v.v.

4.1.Pāṇātipātā veramaṇīsikkhāpadaṃ samādiyāmi – Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự sát sinh.

4.2. Adinnādānā veramaṇīsikkhāpadaṃ samādiyāmi – Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự trộm cắp.

4.3. Abrahmacariyā veramaṇīsikkhāpadaṃ samādiyāmi – Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự hành dâm.

4.4. Musāvādā veramaṇīsikkhāpadaṃ samādiyāmi – Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự vọng ngữ.

4.5. Surāmerayamajjapamādaṭṭhānā veramaṇīsikkhāpadaṃ samādiyāmi – Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự uống rượu và các chất say.

4.6. Vikālabhojanā veramaṇīsikkhāpadaṃ samādiyāmi – Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự ăn sái giờ.

4.7. Naccagītavādita v.v. mālāgandhavilepana v.v. – Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự múa hát, v.v, việc tô điểm trang sức v.v.

4.8. Uccāsayanamahāsayanā veramaṇīsikkhāpadaṃ samādiyāmi – Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa chỗ nằm ở trên cao và chỗ nằm to lớn xinh đẹp **(Vicittrara)**.

4.9. Yathā balaṃ mettā sahagatena cetasā sabbāvantaṃ lokaṃ pharitvā viharāmi (hoặc là) Mettāsahagatena cetasā sabbapāṇa bhūtesū pharitvā viharanaṃ samādiyāmi - Với Tâm câu hữu Từ Ái biến mãn hết tất cả loài Hữu Tình ở khắp mọi muôn phương.

(Người truyền đọc trước và người thụ nhận đọc theo sau từng mỗi phần).

Tóm tắt, **Tisaraṇena saha navaṅgasamannāgataṃ uposathasīlaṃ sādhukaṃ katvā appamādena sampādetha** - Nên thọ trì Tam Quy và Cửu Chi Bố Tát Giới Luật cho được trọn đủ và chẳng có dễ duôi.

Sīlena sugatiṃ yanti sīlena bhogasampadā sīlena nibbatiṃ yanti tasmā sīlaṃ visodhaye - Trì Giới sinh Thiện Thú, Trì Giới sinh mãn túc tài vật, Trì Giới sinh giải thoát Níp Bàn. Vì lẽ ấy, nên thọ trì Giới Luật cho được thanh tịnh. (Chỉ có bên phía Người truyền cho).

THẬP CHI GIỚI LUẬT (DASAṄGASĪLA)

1. Mayaṃ bhante tisaraṇena saha dasagahaṭṭhasīlaṃ dhammaṃ yācāmi anuggahaṃ katvā sīlaṃ detha me bhante dutiyampi v.v. tatiyampi v.v. (Chỉ có bên phía người xin thụ nhận) – Kính bạch các Ngài thương xót cho con xin thọ trì Tam Quy và Thập Chi Giới Luật ở nơi Tam Bảo để vâng giữ hành theo cho được sự lợi ích. Lần thứ nhì, v.v. Lần thứ ba v.v.

2. Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa (3 lần)

Con xin đảnh lễ Đức Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác –

3. Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi v.v. Dutiyampi v.v. Tatiyampi v.v. – Con đem hết lòng thành kính xin Quy Y Phật v.v. Lần thứ nhì v.v. Lần thứ ba v.v.

1. Pāṇātipātā veramaṇīsikkhāpadaṃ samādiyāmi – Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự sát sinh.

2. Adinnādānā veramaṇīsikkhāpadaṃ samādiyāmi – Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự trộm cắp.

3. Abrahmacariyā veramaṇīsikkhāpadaṃ samādiyāmi – Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự hành dâm.

4. Musāvādā veramaṇīsikkhāpadaṃ samādiyāmi – Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự vọng ngữ.

5. Surāmerayamajjapamādaṭṭhānā veramaṇīsikkhāpadaṃ samādiyāmi - Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự uống rượu và các chất say.

6. Vikālabhojanā veramaṇīsikkhāpadaṃ samādiyāmi – Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự ăn sái giờ.

7. Naccagītavāditavisūkadassanā v.v. – Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự múa hát, v.v.

8. Mālāgandhavilepana v.v. – Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa việc tô điểm trang sức v.v.

9. Uccāsayanamahāsayanā v.v. – Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa chỗ nằm ở trên cao v.v.

10. Jātarūparajatapaṭiggahanā v.v. - Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa việc thụ nhận vàng bạc, hoặc vật dùng để thay thế vàng bạc.

(Người truyền đọc trước và người thụ nhận đọc theo sau từng mỗi phần).

Tóm tắt, **Tisaraṇena saha dasaṅgahaṭṭhasīlaṃ sādhukaṃ katvā appamādena sampādetha** - Nên thọ trì Tam Quy và Thập Chi Giới Luật cho được trọn đủ và chẳng có dễ duôi.

Sīlena sugatiṃ yanti sīlena bhogasampadā sīlena nibbatiṃ yanti tasmā sīlaṃ visodhaye - Trì Giới sinh Thiện Thú, Trì Giới sinh mãn túc tài vật, Trì Giới sinh giải thoát Níp Bàn. Vì lẽ ấy, nên thọ trì Giới Luật cho được thanh tịnh. (Chỉ có bên phía Người truyền cho).

Ghi chú: Người truyền cho Giới Luật nói rằng: **Yamahaṃ vadāmitaṃ vadetha** - Ta đọc lời nào, các ngươi đọc theo lời nấy, sau khi lời thỉnh cầu **(Ārādhanā)**, và các Người thụ nhận cùng nhau nói rằng **Āma bhante** - Dạ xin vâng, bạch Ngài.

Và Người truyền cho Giới Luật nói rằng: **Tisaraṇagamanaṃ paripuṇṇaṃ** - Pháp thụ Tam Quy đã được tròn đủ, sau khi Người thụ nhận Tam Quy vừa dứt xong, và các Người thụ nhận cùng nhau nói rằng **Āma bhante** - Dạ xin vâng, bạch Ngài.

Những lời vừa nói ở tại đây, là những lời nói của tất cả các nhà **Chú Giải Cổ Đức (Porāṇācāriya)** dùng để chỉ giáo với nhau, và tiếp tục duy trì mãi cho đến ngày hôm nay; vì thế chẳng nên để làm thất thoát những điều tốt đẹp này cho phải bị mất mát đi.

TRÌNH BÀY NỀN TẢNG HÀNG CƯ SĨ TẠI GIA THỌ TRÌ THẬP CHI GIỚI LUẬT VÀ DỊCH NGHĨA NỘI DUNG CHÍNH TUẦN TỰ THEO TỪNG MỖI ĐIỀU

1. Niccasīlavasena pañcasikkhāpadāni, sati vā ussāhe dasa, uposathaṅga vasena aṭṭhāti idaṃ gahaṭṭhasīlaṃ - [Ngũ Giới là Thường Xuyên Giới Luật; Thập Giới là khi có thể, Bát Giới đặc biệt trong ngày Bố Tát Trai Giới; điều này là Thế Tục Giới Luật.] - Cả năm điều giới luật (Ngũ Giới) là Thường Xuyên Giới Luật, cả mười điều giới luật là khi có khả năng, hoặc cả tám điều giới luật là khi theo Chi Phần từ Bát Quan Trai Giới. Ngũ Giới, Bát Giới, Thập Giới được gọi là Thế Tục Giới Luật. (Trích ở trong Bộ Chú Giải Thanh Tịnh Đạo, Phần Thứ Nhất, điều 15).

2. Dasāti sāmaṇerehi rakkhitabbasīlamāha – Trong từ ngữ **Dasasīla – Thập Giới,** đề cập đến "đó chính là Thập Giới mà tất cả Chư Sa Di đã tuân thủ thọ trì. (Trích ở trong Bộ Đại Phụ Chú Giải Thanh Tịnh Đạo – **Visuddhi maggamahāṭīkā**).

3. Sikkhāti upāsaka upāsikāhi sikkhitabbasikkhā, sā pi pañcasīladasasīla vasena vaṭṭati - Trong từ ngữ **Sikkhā – Thực Hiện,** đó chính là điều giới luật mà tất cả các Cận Sự Nam, Cận Sự Nữ nên được thực hiện. Điều giới luật mà tất cả các Cận Sự Nam, Cận Sự Nữ nên được thực hiện ấy, là sẽ thọ trì Ngũ Giới, Thập Giới cũng là duyệt ý. (Trích ở trong Bộ Chú Giải Xua Tan Mê Mờ - **Sammohavinodanī Atthakathā**).

4. Sīlavantoti upāsakatte patiṭṭhāya pañcahi pi dasahi pi sīlehi samannāgatā – Người an trú trong sự làm thành Cận Sự Nam, Cận Sự Nữ và hội túc duyên với Ngũ Giới cũng như Thập Giới đây, mới được gọi là **Giới Đức Hiền Giả (Sīlavanta)**, là người có Giới Hạnh. (Trích ở trong Bộ Chú Giải Tăng Chi Bộ Kinh, Phẩm Hữu Kệ - **Sagāthāvagga saṃpayutta Atthakathā**)

5. Gihinopi pañcasīlaṃ dasasīlaṃ paccavekkhantassa – Người cư sĩ tại gia thẩm sát Ngũ Giới hoặc Thập Giới mà mình đã tuân thủ thọ trì. (Trích ở trong Bộ Chú Giải Xua Tan Mê Mờ)

6. Saraṇagamane kiñci niveseti tathāgato, kiñci pañcasu sīlesu, sīle dasavidhe paraṃ - Đức Như Lai lập ý khuyên bảo và dắt dẫn **Nam – Nữ Thí Chủ Hộ Độ (Dāyaka – Dāyikā)**, với một vài nhóm cho được an trú ở trong Thọ Trì Tam Quy, một vài nhóm cho được an trú ở trong Ngũ Giới, một vài nhóm cho được an trú ở trong Thập Giới, như vầy. (Trích ở trong Bộ Chú Giải **Biên Niên Sử Chư Phật - Buddhavaṃsa**)

TRÌNH BÀY TRẠNG THÁI, PHẬN SỰ v.v. VÀ PHÁP ĐỐI LẬP (PAṬIKKHEPADHAMMA) v.v. CỦA TRÌ GIỚI THIỆN

1. Trạng Thái (Lakkhaṇa): có việc làm thành chỗ an trú của tất cả các Pháp Thiện, làm trạng thái. **(Patiṭṭhāpanalakkhaṇaṃ)**

2. Phận Sự (Rasa): có việc làm tổn hại sự làm thành người Phạm Giới Luật **(Dussīla)**, làm phận sự. **(Dussasīlayaviddhaṃsanarasaṃ)**

3. Sự Thành Tựu (Paccuppaṭṭhāna): có sự tịnh khiết về Thân và Tâm, làm trạng thái hiện bày. **(Soceyyapaccuppaṭṭhānaṃ)**

4. Nhân Cần Thiết (Padaṭṭhānaṃ): hiện hữu với Tàm - Quý, làm nhân cận. **(Hiri Ottappapadaṭṭhānaṃ)**

TRÌNH BÀY PHÁP ĐỐI LẬP (PAṬIKKHEPADHAMMA) v.v. CỦA TRÌ GIỚI THIỆN

1. Đối Lập Pháp (Paṭikkhepadhamma): Pháp do bởi Trì Giới Thiện mà phải bị **đoạn tận (Pahāna)**, ấy là **Sân (Dosa)** liên quan với việc gây tổn hại.

2. Chuẩn Hứa Pháp (Anuññātadhamma): Pháp đón nhận sự bằng lòng của Trì Giới Thiện cho được sinh khởi, ấy là **Vô Sân (Adosa)**, là sự bất tổn hại.

3. Xuất Sinh Pháp (Uppādetabbadhamma): Pháp do bởi Trì Giới Thiện làm cho được sinh khởi, ấy là ba bậc Đạo thấp và ba bậc Quả thấp [lập ý đến mãnh lực của Trì Giới Thiện làm thành Mãnh Lực Bảo Hộ **(Upathambhakasatti)**].

Cũng như Ngài Đại Giáo Sư **Buddhaghosa** đã có trình bày để trong Bộ Chú Giải Tăng Chi Bộ Kinh, Phẩm Uẩn nói rằng: **Dānasīlupanissayā hi tayo magge ca phalāni ca pāpenti, bhāvanupanissayo arahattaṃ pāpeti - Dịch nghĩa là:** Đại Thiện ở phần Xả Thí, Trì Giới làm **Cận Y Duyên** cho đạt được ba Bậc Đạo thấp, và ba Bậc Quả thấp; còn Đại Thiện ở phần Tu Tập làm **Cận Y Duyên** thường cho đạt được Đạo Vô Sinh và Quả Vô Sinh.

3. TU TẬP (BHĀVANĀ – TU TIẾN)

Có câu Chú Giải nói rằng **Kusaladhamme bhāveti uppādeti vaḍḍhetīti = Bhāvanā** - Pháp chủng nào làm cho Thiện ở phần tinh lương được sinh khởi lần đầu tiên, và làm cho tiến hóa lên; như thế Pháp chủng ấy gọi là Tu Tập. Tức là **Tâm Khởi Sinh Đại Thiện (Mahākusalacittuppāda)** liên quan với việc tiến hóa **Tu Tập An Chỉ (Sama thabhāvanā)** và **Tu Tập Minh Sát Tuệ (Vipassanābhāvanā)** trong khoảng thời gian vẫn đang còn **Chuẩn Bị Tu Tập (Parikammabhāvanā)** và **Cận Hành Tu Tập (Upacāra bhāvanā).**

Từ ngữ **Bhāvanā**, đó chính là **Dhātu + Paccaya + Vibhatti** cả ba từ ngữ này kết hợp lại với nhau. **Dhātu** ấy là **Bhū, Paccaya** ấy là **Ṇe + Yu + Ā, Vibhatti** ấy là **Si. (Bhū + Ṇe + Yu + Ā + Si)** với **Bhū** dịch nghĩa là "kiếp sống", **Ṇe** "trừ ra", **Yu** dịch nghĩa là "vi hành", **Ā** "lúc ban đầu", **Si** "trừ ra". **(Bhā + Ana + Ā)** khi kết hợp lại với nhau thành **Bhāvanā.** Trong câu Chú Giải này được chia ra làm hai phần, đó là:

1/ Kusaladhamme bhāveti uppādeti - thường làm cho Thiện ở phần tinh lương được sinh khởi lần đầu tiên.

2/ Kusaladhamme bhāveti vaḍḍheti - thường làm cho Thiện ở phần tinh lương sinh trưởng lên tới cực điểm.

Cả hai câu Chú Giải ở hai phần này, với phần thứ nhất lập ý đến Tâm Khởi Sinh Thiện sinh khởi lần đầu tiên từ việc **Thực Hành (Paṭipatti)**; ở phần thứ hai lập ý đến Tâm Khởi Sinh Thiện sinh khởi nối tiếp với nhau trong những lần về sau sau từ việc Thực Hành khi vẫn chưa đạt đến **Nhập Định (Appanā)**.

Lại nữa, từ ngữ **Tu Tập (Bhāvanā)** ở trong phần Phúc Hành Tông ấy, là Ngài đang muốn trình bày đến vấn đề của Đại Thiện. Vì thế, Chi Pháp mới chỉ có duy nhất một thể loại là **Đại Thiện (Mahākusala)**. Còn từ ngữ **Tu Tập (Bhāvanā)** trong Chương thứ chín phần **Tổng Hợp Nghiệp Xứ (Kammaṭṭhānasaṅgaha)**, ấy là Ngài trình bày đến vấn đề của **An Chỉ (Samatha)** và **Minh Sát Tuệ (Vipassanā).** Do đó, Chi Pháp mới sẽ là tất cả ở phần **Thiện Hiệp Thế** và **Siêu Thế (Lokiya – Lokuttarakusala)** tùy theo thích hợp. Như thế, Ngài Phụ Chú Giải mới nói rằng việc rèn luyện và đào tạo, việc tu học **Pháp Luật (Dhammavinaya)**, việc giảng dạy, việc tư duy thẩm sát cân nhắc ở trong các điều Pháp Bảo;

hoặc ở những thể loại của việc học hỏi, việc giảng dạy theo những kiến thức của con đường thế tục cũng chẳng có chi là tội lỗi. Hết tất cả đều thuộc về **Tu Tập (Bhāvanā)** ở phần Phúc Hành Tông cả thảy.

TRÌNH BÀY TRẠNG THÁI, PHẬN SỰ v.v. VÀ PHÁP ĐỐI LẬP (PAṬIKKHEPADHAMMA) v.v. CỦA TU TẬP THIỆN

1. Trạng Thái (Lakkhaṇa): có việc làm cho Thiện được tăng trưởng tiến hóa lên, làm trạng thái. **(Kusalavaḍḍhāpanalakkhaṇaṃ)**

2. Phận Sự (Rasa): có việc đoạn tận Bất Thiện làm phận sự. **(Akusalapahāna rasā)**

3. Sự Thành Tựu (Paccuppaṭṭhāna): có việc đạt đến đạo lộ thực hành liên quan với **Niệm (Sati)** của **Danh Thân (Nāmakāya), Sắc Thân (Rūpakāya)**, làm trạng thái hiện bày. **(Sattācārokkammanapaccuppaṭṭhānaṃ)**

4. Nhân Cần Thiết (Padaṭṭhānaṃ): có việc chú tâm ở trong Cảnh với mãnh lực từ **Tác Nhân Chân Như Thực Tính,** làm nhân cận. **(Yoniso manasikārapadaṭṭhānaṃ - Như Lý Tác Ý – Tác Ý Khôn Khéo).**

TRÌNH BÀY PHÁP ĐỐI LẬP (PAṬIKKHEPADHAMMA) v.v. CỦA TU TẬP THIỆN

1. Đối Lập Pháp (Paṭikkhepadhamma): Pháp do bởi Tu Tập Thiện mà phải bị **đoạn tận (Pahāna)**, ấy là **Si Mê (Moha).**

2. Chuẩn Hứa Pháp (Anuññātadhamma): Pháp đón nhận sự bằng lòng của Tu Tập Thiện cho được sinh khởi, ấy là **Vô Si (Amoha).**

3. Xuất Sinh Pháp (Uppādetabbadhamma): Pháp do bởi Tu Tập Thiện làm cho được sinh khởi, ấy là Đạo Vô Sinh, Quả Vô Sinh **[là theo Phần Thượng Phẩm (Ukkaṭṭha naya)].**

4. CUNG KÍNH (APACĀYANA)

Trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Apacāyanti etenāti = Apacāyanaṃ** - Tất cả người ta thường thực hiện việc lễ phép kính trọng với Tư Tâm Sở Thiện, như thế Tư Tâm Sở Thiện làm thành tác nhân cho việc lễ phép kính trọng ấy, gọi là **Cung Kính.** Tức là Tư Tâm Sở ở trong Tâm Đại Thiện.

Giải thích rằng: Khi được hội kiến với Mẹ Cha, Ông Bà Nội, Ông Bà Ngoại, Tôn Sư, Giáo Thọ, Tỳ Khưu, Sa Di, thì thường là giơ tay lên thực hiện việc lễ kính; hoặc quỳ lạy, cúi đầu, bò đi tìm kiếm; hoặc đi đến nghênh tiếp với trạng thái phụ giúp đỡ đần, hoặc tiếp tay đỡ lấy các vật dụng từ ở các Ngài. Thực hiện những hành động ấy bằng cái Tâm trong sạch, chẳng có toan tính dụng ý ở trong bất luận vấn đề nào vì danh, vì lợi. Những việc tôn kính lễ bái này đều là việc **Cung Kính (Apacāyana)** hết cả thảy. Nếu nhỡ như thực

hiện những việc này lại có dụng ý để sẽ có được lợi lộc, danh vị; thì việc thực hiện những việc tôn kính lễ bái ấy, đích thực chẳng phải là việc Cung Kính thực sự, mà đó chỉ là việc Cung Kính đã được pha trộn với mánh khóe lừa bịp.

Cung Kính có hai thể loại, là **Cung Kính Phổ Thông (Samañña Apacāyana)** và **Cung Kính Đặc Thù (Visesa Apacāyana)**. Ở trong hai thể loại này, việc bày tỏ sự lễ phép tôn kính quý trọng đến Mẹ Cha, Ông Bà Nội, Ông Bà Ngoại, Tôn Sư, Giáo Thọ, với sự truy niệm nghĩ suy rằng "Ta đây có bổn phận để sẽ phải thực hiện việc lễ phép tôn kính đến các bậc này, vì lẽ các Ngài là hàng thân quyến gia tộc, bậc trưởng thượng, và Bậc Tôn Sư Giáo Thọ của Ta.", làm như vậy, thì được gọi là **Cung Kính Phổ Thông.** Việc bày tỏ sự lễ phép tôn kính quý trọng ở trong Tam Bảo với sự truy niệm nghĩ suy đến những **Ân Đức cao quý (Guṇa)**, có **Bậc Ứng Cúng (Arahaṃ)** v.v. với mãnh lực từ Tâm Đại Thiện phối hợp với **Đức Tin (Saddhā)** và **Trí Tuệ (Paññā)** bằng cách thốt lên lời nói rằng **Buddhaṃ saranaṃ gacchāmi** - Con đem hết lòng thành kính xin Quy Y Phật v.v., làm như vậy, thì được gọi là **Cung Kính Đặc Thù.**

Hạng Người xứng đáng phải được lễ phép tôn kính hiện hữu với nhau ở ba thể loại, đó là:

1. Bậc Ân Đức Trưởng Thượng (Guṇavuddhipuggala): là bậc trưởng thượng với mãnh lực từ nơi **Giới Đức (Sīlaguṇa), Định Đức (Samādhiguṇa)**, và **Tuệ Đức (Paññāguṇa).**

2. Bậc Niên Linh Trưởng Thượng (Vayavuḍḍhipuggala): là bậc trưởng thượng với mãnh lực ở tuổi thọ.

3. Bậc Tộc Biểu Trưởng Thượng (Jātivuḍḍhipuggala): là bậc trưởng thượng với mãnh lực ở dòng dõi họ hàng.

Trong cả ba thể loại Bậc Trưởng Thượng này, thì việc lễ phép tôn kính đến Bậc Ân Đức Trưởng Thượng và Bậc Niên Linh Trưởng Thượng, chỉ với hai Bậc Trưởng Thượng này, mới sẽ là việc Cung Kính Thiện một cách đích thực. Còn việc lễ phép tôn kính đến Bậc Tộc Biểu Trưởng Thượng ấy, nhưng mà hiện hành với mãnh lực từ **Tâm Khởi Sinh Tham (Lobhacittuppāda), Tâm Khởi Sinh Sân (Dosacittuppāda),** và **Tâm Khởi Sinh Si (Mohacittuppāda)** thì cũng chẳng phải là Thiện chút nào cả. Riêng việc hiện hành với mãnh lực từ **Tâm Khởi Sinh Đại Thiện (Mahācittuppāda)** cũng chỉ là Cung Kính Thiện một cách xuôi thuận theo thôi, vì đó chỉ là việc thực hành một cách giả vờ khôn khéo thuận theo tập tục xã hội ở khắp mọi nơi.

Cả ba hạng Trưởng Thượng này, có một vài Ngài đã là bậc hội đủ hết cả ba thể loại, tức là Bậc Chánh Đẳng Giác, v.v. Có một vài Ngài chỉ với hai thể loại, ấy là Bậc Ân Đức Trưởng Thượng với Bậc Niên Linh Trưởng Thượng, tức là các Bậc Thánh Tăng, là các Bậc Trưởng Thượng xuất thân từ ở dòng tộc thông thường. Hoặc Bậc Ân Đức Trưởng Thượng với dòng tộc cao quý, tức là Ngài **Rāhula** v.v. Hoặc Bậc Niên Linh Trưởng Thượng với dòng tộc cao quý, tức là Đức Vua **Suppabuddha**, v.v. Có một vài Ngài cũng là Bậc Trưởng Thượng, tuy nhiên duy nhất chỉ ở một thể loại nào đó trong ba thể loại ấy.

Lại nữa, với bậc đã là Ân Đức Trưởng Thượng có Giới, Định, Tuệ; nếu được hội kiến với bậc đã là Niên Linh Trưởng Thượng và có tuổi thọ cao hơn mình, hoặc Bậc Tộc Biểu Trưởng Thượng có dòng tộc cao hơn, hoặc chức vị cao hơn; bất luận là ở một thể loại nào, hoặc luôn cả hai thể loại, thì cũng chẳng cần phải thực hiện việc lễ phép tôn kính với việc lễ lạy, mà chỉ xá chào với nhau cũng vừa đủ. Chí đến cho dù người ấy sẽ là Mẹ Cha, Ông Bà Nội, Ông Bà Ngoại, Tôn Sư, Giáo Thọ đi nữa, nếu như những bậc ấy lại là hạng người Tà Kiến, có Vô Hữu Kiến, v.v. với cả những cử chỉ hành động xấu xa thấp kém ty liệt, cũng càng không nên thực hiện việc lễ phép với việc tôn kính, tốt nhất chỉ là xá chào với nhau mà thôi. Chẳng là như vậy cũng vì bậc đã là Ân Đức Trưởng Thượng ấy, có bổn phận sẽ phải lễ kính đối với Giới – Định – Tuệ đang hiện hữu ở trong bản tánh của mình làm thành **Ân Đức Pháp (Guṇadhamma)** cao quý hơn, tốt đẹp hơn các bậc đó vậy. Vì lý do ấy, mới chẳng sẽ phải thực hiện việc lễ lạy, vì nếu nhỡ như các bậc ấy có sự hoan hỷ duyệt ý đối với việc lễ lạy ở thời khắc ấy rồi, cũng sẽ phải phát sinh điều tội lỗi đến với các bậc ấy ở ngay trong cả kiếp sống này và kiếp sống sau, coi như hiện hành theo nền tảng của lẽ thường nhiên. Sự việc này đã được hiện bày rõ ràng ở trong tích truyện Nam Tử **Kumāra** được kể rằng "ngay trong sát na mà bậc Giác Hữu Tình (Bồ Tát) lập ý hội kiến với Phụ Vương ở chốn ngoại thành, với việc bị dân chúng trục xuất đuổi ra đi ấy, bậc Giác Hữu Tình (Bồ Tát) chẳng có lập ý thực hiện việc lễ lạy nào cả, mà chỉ lập ý thực hiện việc chấp đôi bàn tay tỏ sự cung kính cùng với việc thốt lên lời nói rằng **Ciraṃ jīvatu** - Hãy xin cho Ngài có được sinh mệnh trường tồn lâu dài", bằng với trạng thái chỉ có bấy nhiêu.

CÂU KỆ TRÌNH BÀY CÔNG ĐỨC CỦA VIỆC CUNG KÍNH

Ye vuddhamapacāyanti **Narā dhammassa kovidā**
Diṭṭhe dhamme ca pāsaṃsā **Samparāye ca sugatiṃ**
(Trích ở trong Chánh Tạng **Pāḷi** Túc Sinh Truyện thứ nhất)

Dịch nghĩa là: Người có sự hiểu biết, sự tinh thông ở trong bất luận thể loại Pháp nào rồi, thường luôn thực hiện việc lễ phép tôn kính đến các Bậc Ân Đức Trưởng Thượng, Niên Linh Trưởng Thượng ấy, thì khoảng thời gian khi vẫn còn hiện hữu sinh mạng ở trong kiếp sống này được làm thành bậc đáng được tán thán khen ngợi. Một khi sẽ lìa khỏi thế gian này đi rồi, thì thường sẽ đi đến Thiện Thú.

Abhivādanasīlissa **Niccaṃ vuḍḍhāpacāyino**
Cattāro dhammā vaḍḍhanti **Āyu vaṇṇo sukhaṃ balaṃ**
(Trích ở trong Chánh Tạng **Pāḷi** – Trường Bộ Kinh, Kinh # 32: **Āṭānātiyasutta**)

Dịch nghĩa là: Người nào đã hằng thường luôn lễ bái Tam Bảo, Mẹ Cha, Tôn Sư Giáo Thọ, và có sự lễ phép tôn kính đối với bậc có Ân Đức Trưởng Thượng, và Niên Linh Trưởng Thượng thì người ấy hằng được tiến hóa với bốn Ân Đức Pháp thù thắng, ấy là: làm người được sống lâu trường thọ, có sắc da phu sắc với sắc thân xinh đẹp, có danh thơm tiếng tốt, có sự an lạc về thân, an lạc về tâm, có sức mạnh về thân và trí tuệ, như vầy.

5. PHỤNG HÀNH (VEYYĀVACCA)

Trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Visesena āvaranti ussakkaṃ āpajjantīti = Byāvaṭā - Byāvaṭassa kammaṃ = Veyyāvaccaṃ** - Những hạng người nào có sự nỗ lực tinh cần một cách đặc biệt, sẽ đề cập đến việc làm thành người có sự quan tâm lo lắng, như thế những hạng người ấy gọi là **Tinh Cần Giả.** Tức là người quản lý, hoặc người thực hiện việc giúp đỡ ở trong tất cả mọi sự việc. Hành động tạo tác của hạng người có sự quan tâm lo lắng một cách đặc biệt ấy, gọi là Phụng Hành. Tức là việc giúp đỡ ở trong những sự việc có liên quan với **Pháp Học (Pariyatti), Pháp Hành (Paṭipatti)**; việc **Phóng Khí Xả Thí (Pariccāgadāna)**; việc ốm đau bệnh hoạn, bất an; việc trùng tu sửa sang; việc làm vệ sinh chùa chiền tu viện, nơi tôn nghiêm, và chốn linh thiêng.

Theo câu Chú Giải này, là việc trình bày thể theo phần **Dĩ Nhân Bản Nguyện (Puggalādhiṭṭhāna)**. Thế nhưng, một khi trình bày thể theo phần **Dĩ Pháp Bản Nguyện (Dhammādhiṭṭhāna)** thì có như vầy: **Taṃ taṃ kiccakaraṇe byāvaṭassa bhāvo = Veyyā vaccaṃ** - Pháp nào làm thành tác nhân, để làm cho người có sự quan tâm lo lắng trong mỗi mọi hành động tạo tác các sự việc, gọi là **Phụng Hành.** Tức là Tư Tâm Sở hiện hữu ở trong Tâm Khởi Sinh Đại Thiện, nơi làm cho người có sự nỗ lực tinh cần, quan tâm lo lắng ở trong mỗi mọi hành động tạo tác các sự việc. Lại nữa, việc giúp đỡ thực hiện các sự việc, chẳng có tác nghiệt với Mẹ Cha, Tôn Sư Giáo Thọ, anh em thân bằng quyến thuộc, bạn bè bằng hữu; chẳng hạn như nam tử nữ thư giúp đỡ trông nom tài sản của cải vật chất, luôn cả những mỗi mọi công việc ở trong nhà, để cho các bậc này chẳng phải bận tâm lo lắng, cho dù sẽ là công việc theo đạo lộ Hiệp Thế có thực sự đi nữa, thế nhưng cũng vẫn được liệt kê vào phần Phụng Hành Thiện hết cả thảy.

6. HỒI HƯỚNG CÔNG ĐỨC (PATTIDĀNA – ÂN THÍ)

Trình bày câu Chú Giải nói rằng **Pattabbāti = Patti - Pattiyā dānaṃ = Patti dānaṃ** - Pháp chủng nào mà người đã tạo đạt được, như thế Pháp chủng ấy gọi là Ân Đức; tức là Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập sinh khởi ở trong bản tánh của mình. Việc truyền cho phần Phước Báu mà mình đã có được, gọi là **Ân Thí (Hồi Hướng Công Đức).** Tức là việc hồi hướng chia cho phần Phước Báu đến Mẹ Cha, Tôn Sư Giáo Thọ, anh em thân bằng quyến thuộc, cho đến hết tất cả các loài Hữu Tình ở khắp cả mọi muôn phương.

Theo câu Chú Giải này, là việc trình bày thể theo phần **Dĩ Nhân Bản Nguyện (Puggalādhiṭṭhāna)**. Thế nhưng, một khi trình bày thể theo phần **Dĩ Pháp Bản Nguyện (Dhammādhiṭṭhāna)** thì có như vầy: **Pattiṃ dadanti etenāti = Pattidānaṃ** - Tất cả những người phúc hậu, có Tâm Phúc thường hồi hướng phần Phước Báu mà mình đã có được cho đến người đã quá vãng, hoặc chia cho những người vẫn đang còn có sinh mệnh với Pháp chủng ấy, như thế Pháp chủng ấy làm thành tác nhân từ ở việc chia cho ấy, gọi là

Ân Thí (Hồi Hướng Công Đức). Tức là Tư Tâm Sở hiện hữu ở trong Tâm Khởi Sinh Đại Thiện sinh khởi ở trong sát na đang chủ tâm hồi hướng chia cho phần Phước Báu.

Một khi hồi hướng chia cho phần Phước Báu đến người khác chẳng hạn như vầy, thì phần Phước Báu ấy sẽ có bị sụt giảm bớt hay không ? Điều này giải đáp rằng: "Chẳng có bị sụt giảm chút nào cả, mà chỉ càng làm cho tăng trưởng thêm lên nữa thôi." Chẳng là như vậy cũng vì việc chia cho phần Phước Báu ấy khác biệt với việc chia cho tài sản của cải hiện hữu. Việc sẽ nói rằng "mà chỉ càng làm cho tăng trưởng thêm lên nữa" điều này cũng ví như việc đã được thắp lên một cây nến, cho dù sẽ đem đến những cây nến khác nữa, và tiếp tục thắp đốt lên hết tất cả với số lượng nến đến hàng trăm hàng ngàn đi nữa, thế là ánh sáng đang hiện hữu cùng với cây nến ban đầu cũng chẳng mất đi một chút nào cả, mà chỉ sẽ được đón nhận thêm với phần ánh sáng mới càng tăng trưởng gia bội lên nữa như thế nào, thì việc hồi hướng phần Phước Báu cho đến người khác cũng thường hỗ trợ giúp cho phần Thiện đã tạo đạt được, càng có thêm nhiều năng lực hơn nữa, và càng tăng tiến lên mỗi khi thực hiện việc hồi hướng chia cho như thế ấy vậy.

7. TÙY HỶ CÔNG ĐỨC (PATTĀNUMODANA – TẠ ÂN)

Trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Pattiyā anumodanaṃ = Pattānumodanaṃ** - Việc tán thành thuận theo với sự duyệt ý ở phần Phước Báu mà người ta đã hồi hướng chia cho, được gọi là Tùy Hỷ Công Đức (Tạ Ân). Tức là việc tùy hỷ công đức đón nhận phần Phước Báu mà người ta đã hồi hướng chia cho.

Từ ngữ nói rằng **Patti – Ân Đức** ở trong **Pattidāna – Ân Thí** ấy, là Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập mà mình đã có kiến tạo cho được sinh khởi, rồi lại đem hồi hướng chia cho đến người khác. Còn từ ngữ nói rằng **Patti – Ân Đức** ở trong **Pattānumodana – Tạ Ân** ấy, tức là Phước Thiện mà người ta đã hồi hướng chia cho, đã được đến với mình bởi theo đạo lộ Ngữ Môn và văn thư. Vì thế, mới trình bày một câu Chú Giải khác nữa để nói rằng: **Pāpīyatīti = Patti** - Thiện Phước ở người khác nên hồi hướng chia cho, như thế gọi là **Ân Đức**. **Pattiṃ anumo dananti sādhu - kāraṃ dadanti etenāti = Pattānumodanaṃ** - Tất cả người ta thường hay tùy hỷ công đức ở phần Phước Thiện mà người đã hồi hướng chia cho bằng với việc thốt ra lời nói rằng **Sādhu – Lành Thay** do bởi Tư Tâm Sở ấy, như thế Tư Tâm Sở ấy, được gọi là Tùy Hỷ Công Đức. Tức là Tư Tâm Sở Đại Thiện liên quan với việc Tùy Hỷ Công Đức.

Một khi đã thẩm thị dựa theo cơ sở câu Chú Giải đã có được trình bày ở tại đây, cũng sẽ nên nhìn thấy để được biết rằng "đó chính là bất luận một trong những cái Tâm Đại Thiện Hỷ Thọ nào đó" làm việc Tùy Hỷ Công Đức Thiện một cách thành tựu viên mãn. Còn Tư Tâm Sở hiện hữu ở trong "bất luận một trong những cái Tâm Đại Thiện Xả Thọ nào đó" làm việc Tùy Hỷ Công Đức Thiện một cách bất thành tựu, là vì Tâm Thức ở ngay trong sát na ấy đã thiếu đi **niềm hoan hỷ phỉ lạc (Pītisomanassa)** đối với phần Phước Thiện mà người ta đã hồi hướng chia cho, chỉ thực hiện với lời thốt ra **Sādhu – Lành Thay,** hoặc **Tốt Thay**, hoặc chỉ vui theo với lời nói của mình mà thôi. Như thế, việc hoan hỷ tán thành để sẽ thành

Tùy Hỷ Công Đức Thiện một cách thành tựu viên mãn, là sẽ cần phải có Tâm Thức phối hợp với **niềm hoan hỷ phỉ lạc (Pītisomanassa)**. Nếu được phối hợp thêm phần Tương Ưng Trí Hỷ Thọ **(Ñāṇasampayutta somanassa)** thì việc Tùy Hỷ Công Đức Thiện này càng thù thắng tinh lương hơn.

VIỆC HOAN HỶ TÁN THÀNH PHẦN PHƯỚC BÁU MÀ KHÔNG ĐƯỢC GỌI LÀ TÙY HỶ THIỆN CÔNG ĐỨC MỘT CÁCH XÁC THỰC

Việc **hoan hỷ tán thành (Anumodanā)** phần Phước Báu mà không được gọi là Tùy Hỷ Công Đức một cách xác thực, ấy là một khi đã được trông thấy người ta đang tạo ra Phước Báu, là việc phóng khí Xả Thí, Trì Giới, Tiến Tu; hoặc đã được trông thấy lời ghi khắc tên của chủ nhân đính ở trong vật dụng mà đang tạo tác cúng dường, thì cũng liền phát sinh với **niềm hoan hỷ phỉ lạc (Pītisomanassa)**, bởi do người tạo ra Phước Báu đã không có nói ra lời hoặc hồi hướng chia cho phần Phước Báu với bất luận trường hợp nào. **Niềm hoan hỷ phỉ lạc (Pītisomanassa)** đối với việc làm thiện của người khác ở thể loại này, cho dù sẽ thốt ra lời nói rằng **Sādhu – Lành Thay** hoặc **Tốt Thay**, đi nữa; hoặc chẳng có thốt ra lời nói nào đi nữa, thì chẳng được gọi là Tùy Hỷ Công Đức một cách xác thực, mà đó chỉ có việc tán thành hoan hỷ mà thôi. Đối với việc tán thành hoan hỷ phần Phước Báu, và như thế, mới được gọi là Tùy Hỷ Công Đức Thiện một cách xác thực, tức là Phước Thiện mà người đã nỗ lực cố gắng kiến tạo lên, rồi dẫn đến nói ra lời hồi hướng chia cho ấy, thế là việc **hoan hỷ tán thành (Anumodanā)** phần Phước Báu mà người ta đã có nói ra lời hồi hướng chia cho như vậy, mới sẽ được gọi là thành Tùy Hỷ Công Đức Thiện một cách xác thực.

Ân Đức (Patti – Ân Trạch) (phần Phước Báu mà người ta đã có chia cho) hiện hữu ở hai trường hợp, đó là:

1. Chuyên Nhất Hồi Hướng Ân Đức (Uddissasikapatti): phần Phước Báu mà đã được người ta chia cho một cách chuyên nhất.

2. Bất Nhất Hồi Hướng Ân Đức (Anuddissasikapatti): phần Phước Báu mà đã được người ta chia cho một cách bất nhất.

Khi chiết tự từ ngữ theo phần Văn Phạm **Pāḷi** có được như vầy: **Uddissa + Ika + Patti = Uddissasikapatti, Uddissa** = sự chuyên nhất, **Ika** = có, **Patti** = Phước Thiện mà người ta chia cho. Khi kết hợp cả ba từ ngữ này vào với nhau thì sẽ dịch là "Phước Thiện mà người ta chia cho một cách có sự chuyên nhất". **Na + Uddissa + Ika + Patti = Anuddissasikapatti, Na** = không có, **Uddissa** = sự chuyên nhất, **Ika** = có, **Patti** = Phước Thiện mà người ta chia cho. Khi kết hợp cả bốn từ ngữ này vào với nhau thì sẽ dịch là "Phước Thiện mà người ta chia cho một cách không có sự chuyên nhất, (một cách bất nhất)." Việc hồi hướng chia cho phần Phước Báu ở cả hai trường hợp này, với người đã được đón nhận phần Phước Báu thuộc thể loại Chuyên Nhất Hồi Hướng Ân Đức một khi đã thốt ra lời nói rằng **Sādhu – Lành Thay** xong rồi, thì sẽ được đón nhận quả báo trổ sinh ngay tức thì. Chẳng hạn như nhóm Ngạ Quỷ đã là thân quyến với Đức Vua **Bimbisāra** từ ở trong kiếp

quá khứ. Khi Đức Vua **Bimbisāra** đã lập ý kiến tạo lên ngôi **Trúc Lâm Tự (Veḷuvā nārāma)** và đã cúng dường đến Bậc Chánh Đẳng Giác, thế rồi nhà vua ấy chẳng có lập ý hồi hướng phần Phước Báu một cách chuyên nhất cho đến những nhóm Ngạ Quỷ này đây, mà chỉ lập ý hồi hướng chia cho một cách bất nhất mà thôi. Vì thế, những nhóm Ngạ Quỷ này mới cùng rủ nhau khóc la thống thiết và cầu xin đến nhà vua đây. Khi trời chỉ vừa rạng sáng, nhà vua đã vội mau đến diện kiến Đức Chánh Đẳng Giác, đã bày tỏ sự tôn kính qua việc đảnh lễ, đã ngồi xuống ở một nơi thích hợp, và đã tác bạch vấn hỏi đến Đức Phật về câu chuyện đã được thấy được biết.

Đức Phật mới phán quyết bảo rằng: "Âm thanh của nhóm Ngạ Quỷ ấy là thân quyến, đã đến khóc la để cầu xin được phần Phước Báu, vì lẽ Đại Vương chẳng có lập ý hồi hướng hết tất cả phần Phước Báu mà mình đã có tạo ra, để cho đến bọn chúng một cách chuyên nhất. Những bọn chúng chú tâm chờ đợi đã rất lâu dài rồi, để sẽ được đón nhận phần Phước Báu từ nơi Đại Vương." Thế là, Đức Vua **Bimbisāra** mới lập ý sắp bày việc tạo ra Phước Báu mới thêm một lần thứ hai nữa, và khi đã xong rồi thì liền lập ý hồi hướng phần Phước Báu ấy cho đến những nhóm Ngạ Quỷ một cách chuyên nhất. Về phía tất cả bọn Ngạ Quỷ, khi đã được đón nhận phần Phước Báu từ nơi Đức Vua **Bimbisāra** đã lập ý hồi hướng chia cho một cách chuyên nhất, thì cùng rủ nhau đồng thanh thốt ra lời **Sādhu**. Quả Phước Báu tức thời hiện khởi lên qua việc đón nhận vật thực được thụ hưởng, và đã giảm vơi đi sự đói khát mà đã trải qua với thời gian rất lâu dài. Chính ở ngay trong sát na ấy, đã là thành tựu quả báo được đón nhận qua việc hiện bày rõ ràng từ ở việc hồi hướng phần Phước Báu một cách chuyên nhất.

Đối với người đã được đón nhận phần Phước Báu ở thể loại Bất Nhất Hồi Hướng Ân Đức, thì chẳng có được đón nhận quả báo hiện bày rõ ràng ở ngay lập tức, và chẳng giống với người đã được đón nhận phần Phước Báu thuộc thể loại Chuyên Nhất Hồi Hướng Ân Đức. Tuy nhiên cho dù sẽ là như thế nào đi nữa, từng mỗi ân đức từ **việc hoan hỷ tán thành (Anumodanā)** phần Phước Báu ở thể loại Bất Nhất Hồi Hướng Ân Đức của những nhóm Ngạ Quỷ ấy cũng vẫn chẳng mất mát đi đâu cả. Đến khi được đón nhận ở thể loại Bất Nhất Hồi Hướng Ân Đức vào bất luận thời gian nào rồi, thì chính ngay ở trong thời gian ấy, việc hoan hỷ tán thành phần Phước Báu ở thể loại Bất Nhất Hồi Hướng Ân Đức, sẽ đi vào ủng hộ sách tấn việc hoan hỷ tán thành phần Phước Báu ở thể loại Bất Nhất Hồi Hướng Ân Đức cho có được năng lực càng kiên cố vững vàng tức thì khởi sinh lên ở ngay trong sát na ấy.

Theo chỗ đã vừa đề cập đến ở tại đây, chỉ là lập ý đến những người đã quá vãng và đã đi thọ sinh làm thành một nhóm **Tha Hy Thí Mạng Ngạ Quỷ (Paradattu jīvikapeta)** cùng với **Thụ Khổ Nạn Giả Atula (Vinipātika Asurā)** và lại có thêm một nhóm **Thiên Cung Ngạ Quỷ Atula (Vemānikapeta Asurā)** khác nữa, đó là một nhóm Thiên Chúng bậc thấp ở trong Cõi Tứ Đại Thiên Vương. Đối với trong quần thể nhân loại với nhau đây, thì cũng có **việc hoan hỷ tán thành (Anumodanā)** phần Phước Báu ở thể loại Chuyên Nhất Hồi Hướng Ân Đức, hoặc Bất Nhất Hồi Hướng Ân Đức cũng tương tự, thế nhưng quả báo sẽ được đón nhận thì chẳng phải là cơm gạo bạc vàng, vật thực trong việc thọ dụng, chỗ ở nương trú, tương tự với hạng Ngạ Quỷ đã được đón nhận như thế; mà quả báo được đón

nhận chỉ là việc hân hoan vui thích, rằng là người có Thiện Tâm với tấm lòng bao dung rộng lượng, làm thành chỗ yêu thương mong mỏi ở trong tất cả quần thể nhân loại. Và chính tự nơi mình cũng được đón nhận quả báo, ấy là có Tâm Thức an vui, không sầu bi ưu não; diện mạo xinh tươi, trong sáng, và chẳng có âu sầu u ám.

Phương thức hồi hướng chia cho phần Phước Báu ở thể loại Chuyên Nhất Hồi Hướng Ân Đức, thì có được việc hồi hướng như vầy:

Idaṃ me puññaṃ mātāmetūacariyañātimittasamūhānaṃ demi - Xin hồi hướng hành động tác thành Phước Báu liên quan với Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập của Tôi đây, cầu chúc cho được đến Mẹ Cha, Tôn Sư Giáo Thọ, thân quyến, bằng hữu, đã quá vãng hoặc đang còn sinh mạng, đều với nhau hết cả thảy.

Đối với phương thức hồi hướng chia cho phần Phước Báu ở thể loại Bất Nhất Hồi Hướng Ân Đức, thì có được phương thức hồi hướng như vầy:

Idaṃ me puññaṃ sabbasattānaṃ demi - Xin hồi hướng hành động tác thành Phước Báu liên quan với Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập của Tôi đây, cầu chúc cho đến tất cả loài Hữu Tình, đều với nhau hết cả thảy.

8. THÍNH PHÁP (DHAMMASAVANA)

Trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Dhammaṃ suṇanti etenāti = Dhamma savanaṃ** - Tất cả nhân loại thường lắng nghe Phật Pháp với Pháp chủng ấy, như thế Pháp chủng làm thành tác nhân từ ở việc lắng nghe Pháp ấy, gọi là Thính Pháp. Tức là Tư Tâm Sở ở trong Tâm Khởi Sinh Đại Thiện có **Như Lý Tác Ý (Yonisomanasikāra – Tác Ý Khôn Khéo)** làm chủ vị. Người đi lắng nghe việc trình bày các loại học thuật, mà chẳng có điều chi tác hại tội lỗi, và có liên quan với đạo lộ thế tục; với những thể loại này cũng vẫn được liệt vào phần Thính Pháp Thiện như nhau. Vì thế, **Ngài Phụ Chú Giải Minh Nghĩa (Vibhā viniṭīkācariya)** đã có trình bày nói rằng: **Niravajjavijjādisavanacetanāme ettheva saṅgayhati** - Việc chú tâm lắng nghe việc trình bày các loại học thuật, mà chẳng có điều chi tác hại tội lỗi, thì cũng được liệt vào ở trong phần Thính Pháp Thiện hết cả thảy. Lại nữa, việc Thính Pháp đây, hiện hữu hai trường hợp, ấy là việc Thính Pháp ở nơi người đã được nghe, rồi khởi lên tư duy ở trong nội tâm nghĩ suy rằng: "Khi Ta đã thường luôn được Thính Pháp, thế rồi tất cả người ta sẽ cùng rủ nhau vui mừng phấn khích lên, nhận thấy rằng Ta đây là người có Tâm Thức thiện hảo, có đức tin chân thật." Việc Thính Pháp ở thể loại này thường là có quả báo ít oi, có ân đức hy thiểu. Đối với việc Thính Pháp có việc tư duy ở nội tâm nghĩ rằng: "Việc Thính Pháp ấy là một Thiện Sự, sẽ làm cho Tâm Thức phát sinh lên dịu dàng, có Chánh Niệm Tuệ Giác, liễu tri Tội – Phước, Ân Đức – Tội Lỗi, điều Lợi Ích – điều Bất Lợi; làm cho Tâm Thức hân hoan, vui thích thanh tịnh; có Từ Ái – Bi Mẫn đến bậc thuyết giảng, vị giảng dạy; từ bỏ tập khí thói quen từng tạo tác nghiệt, và điều bất lợi." Việc Thính Pháp có việc tư duy ở thể loại này, là việc Thính Pháp có quả báo to lớn, có ân đức cực đại; đã được liệt vào ở trong phần Thính Pháp Thiện một cách xác thực. Cũng như Ngài Đại Giáo Thọ Sư **Buddhaghosa** đã có trình bày để ở trong bộ Chú Giải **Atthasālinī** (điều

203) nói rằng: **Eko suṇanto iti maṃ saddhoti jānissantīti suṇāti, taṃ na mahapphalaṃ. Eko evaṃ me mahapphalaṃ bhavissatīti hitapharaṇena muducittena dhammaṃ suṇāti, idaṃ savanamayaṃ puññakiriya vatthu nāma** - Bất luận một người nào Thính Pháp với tư duy nghĩ rằng "Tất cả người ta thường sẽ hiểu biết về Ta, rằng Ta đây ưa thích việc Thính Pháp, quả là có đức tin chân thật". Việc Thính Pháp mà có việc tư duy như vậy, thường là có quả báo ít oi, có ân đức hy thiểu.

"Bất luận một người nào Thính Pháp với tư duy nghĩ rằng "Việc Thính Pháp đây, sẽ có quả báo to lớn, có ân đức cực đại đến với Ta, sẽ thành lợi ích một cách rộng lớn đến với Ta. Và Tâm Thức của Ta sẽ được dịu dàng, có lòng Từ Ái bao dung rộng lượng đến với bậc thuyết giảng." Việc Thính Pháp có việc tư duy cùng với trạng thái của Tâm Thức như vậy, thì việc Thính Pháp ở thể loại này, đã được gọi là Phúc Hành Tông (Phúc Nghiệp Sự) ở phần Thính Pháp Thiện một cách xác thực."

[Tứ Quả Dị Thục Phước Báu từ nơi Thính Pháp, ấy là "một khi thọ mạng diệt tắt Ngũ Uẩn ở trong Cõi Nhân Loại, và được đi tái sinh ở trong Cõi Thiên Giới, sẽ thụ hưởng được bốn điều:

1. Sẽ thuyết giảng Phật Pháp cho Chư Thiên được nghe.

2. Nếu bản thân có quên điều học nào, thì có Chư Thiên sẽ đến trình bày Pháp Cú để cảnh tỉnh và sẽ có được việc truy niệm nhớ lại.

3. Nếu không là như thế, sẽ có một Trưởng Lão từ ở Cõi Nhân Loại đi đến Cõi Thiên Giới và thuyết giảng Pháp Cú, và sẽ có được việc truy niệm nhớ lại ngay tức thời.

4. Nếu không là như thế, sẽ có một vị Thiên Tử đi đến thuyết giảng Pháp Cú, và sẽ có được việc truy niệm nhớ lại, thế rồi sẽ trình bày lại được ngay tức thời.

Một trường hợp khác nữa, có năm Quả Dị Thục Phước Báu từ việc Thính Pháp:

1. Pháp nào chưa từng được nghe thì sẽ được nghe.

2. Pháp nào đã từng được nghe thì sẽ có được sự ghi nhớ.

3. Sẽ vượt qua hết mọi nghi ngờ thắc mắc.

4. Sẽ chặt đứt Tà Kiến cho trở thành Chánh Kiến.

5. Tâm của người được Thính Pháp sẽ thuần tín Ân Đức Tam Bảo, và thực hiện việc phóng khí Xả Thí, Thọ Trì Giới Luật, Tu Tập các Thiện Sự.]

9. THUYẾT PHÁP (DHAMMADESANĀ)

Trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Dhammaṃ desenti etāyāti = Dhammadesanā** - Tất cả nhân loại thường hay thuyết giảng, thường hay giảng dạy với Pháp chủng ấy, như thế Pháp chủng ấy làm thành tác nhân từ ở việc thuyết giảng, việc giảng dạy Phật Pháp ấy, gọi là Thuyết Pháp. Tức là Tư Tâm Sở ở trong Tâm Khởi Sinh Đại Thiện có **Như Lý Tác Ý (Yonisomanasikāra – Tác Ý Khôn Khéo)** làm chủ vị.

Việc giảng dạy, việc thuyết giảng các nghiệp vụ học thuật mà chẳng có điều chi tác hại tội lỗi, chẳng hạn như giảng dạy môn địa lý học, môn sử học, môn y học, khoa nông nghiệp; một số môn học ở những thể loại này cũng được liệt vào ở trong phần Thuyết Pháp

Thiện như nhau. Vì thế, Ngài Phụ Chú Giải Minh Nghĩa **(Vibhāviniṭīkācariya)** đã có trình bày nói rằng: **Niravajjavijjādi upadissana cetanāme ettheva saṅgahaṃ gacchati** - Tư Tâm Sở làm thành tác nhân từ ở việc hướng dẫn giải thích các học thuật, mà chẳng có điều chi tác hại tội lỗi, thì tương tự cũng được liệt vào ở trong phần Thuyết Pháp Thiện này cả thảy. Nghiệp vụ học thuật mà chẳng tác hại tội lỗi hiện hữu với nhau ở ba trường hợp, đó là:

1. Nghệ Nghiệp Học Thuật (Sippāyatanavijjā): tức là học thuật cỡi ngựa, học thuật cỡi voi, và lái xe, v.v.

2. Kỹ Nghệ Học Thuật (Kammāyatanavijjā): tức là **khoa nông nghiệp (Kasi kamma), khoa thương nghiệp (Vāṇijayakamma), khoa thủ công nghiệp (Hattha kamma)** v.v.

3. Nghệ Thuật Học Thuật (Vijjāṭṭhānavijjā): tức là thiên văn học, chiêm tinh học, y học, ma thuật học, v.v.

Việc giảng dạy, việc hướng dẫn giải thích ở trong cả ba loại học thuật như đã vừa đề cập đến ở tại đây, tất cả Chư Tỳ Khưu Sa Di không được giảng dạy, có tội, vì chẳng phải là **Phận Sự Học Pháp (Ganthadhūra)** và **Phận Sự Hành Pháp (Vipassanādhūra)**, đó chỉ là nghiệp vụ học thuật vô tội đối với hàng cư sĩ tại gia mà thôi. Vì thế, đã là vị Tỳ Khưu, Sa Di, thì cần phải lánh xa việc giảng dạy, việc thuyết giảng ở trong những thể loại học thuật này.

THUYẾT PHÁP THIỆN CÓ ÂN ĐỨC CỰC ĐẠI VÀ HY THIỂU

Thuyết Pháp Thiện (Dhammadesanākusala) mà có ân đức cực đại, ấy là Bậc Thuyết Pháp với Tâm thanh tịnh, sẽ nói rằng chẳng có lập ý ở trong **Lợi Lộc (Lābha), Tôn Kính Trọng Đãi (Sakkāra), Danh Vọng (Yasa), Thanh Danh (Siloka)** bất luận trường hợp nào; chỉ có tác ý duy nhất kỳ vọng là sẽ cho thính giả được đón nhận sự lợi ích lưu truyền. Việc Thuyết Pháp ở thể loại này, đã được liệt vào ở trong phần Thuyết Pháp Thiện trung thực và chân chánh, và lại có ân đức cực đại.

Còn Thuyết Pháp Thiện mà chỉ có hy thiểu ân đức, ấy là Bậc Thuyết Pháp mà chẳng có Tâm thanh tịnh, chỉ lo mải dụng tâm kỳ vọng ở trong câu chuyện lợi lộc, tôn kính trọng đãi, danh vọng, và thanh danh, luôn cả với cái Tâm sẽ cho tất cả mọi người được biết rằng mình đây là một bậc **Thuyết Pháp Giả (Dhammakathika)**, Tôn Sư, Giáo Thọ. Việc Thuyết Pháp ở thể loại này, đã được liệt vào ở trong phần Thuyết Pháp Thiện chẳng có trung thực và bất chánh, vả lại chỉ có hy thiểu ân đức.

Lại nữa, Bậc Thuyết Pháp với Tâm Thức chẳng có thanh tịnh đây, nếu nhỡ như đang khi thuyết giảng mà có Tâm Thức sinh khởi thanh tịnh chỉ một sát na, sẽ nói rằng chẳng có việc kỳ vọng đến lợi lộc, tôn kính trọng đãi, danh vọng, và thanh danh, bất luận trường hợp nào; mà chỉ có tác ý duy nhất kỳ vọng là sẽ cho thính giả được đón nhận sự lợi ích lưu truyền. Như thế, việc Thuyết Pháp ở ngay trong sát na ấy cũng là Thuyết Pháp Thiện một cách trung thực và chân chánh, và cũng có ân đức như nhau. Cũng như Ngài Đại Giáo Thọ Sư

Buddhaghosa đã có trình bày để ở trong Bộ Chú Giải **Atthasālinī** (điều 203) nói rằng: **Eko evaṃ maṃ dhammakathikoti jānissantīti icchāya ṭhātvā lābha garuko hutvā deseti, taṃ na mahapphalaṃ** - Bất luận một người nào Thuyết Pháp với cái Tâm chẳng có thanh tịnh, đã đi với tư duy nghĩ rằng "Tất cả người ta thường sẽ hiểu biết về Ta, rằng Ta đây là bậc Thuyết Pháp Giả, luôn cả có việc kỳ vọng ở trong lợi lộc". Việc Thuyết Pháp ở thể loại này, thường là có quả báo ít oi, có ân đức hy thiểu và bất túc.

Eko attano paguṇaṃ dhamma apaccāsīsamāno vimuttāyatanasīsena paresaṃ deseti, idaṃ desanāmayaṃ puññakiriyāvatthu nāma - Bất luận một người nào Thuyết Pháp đến tất cả mọi người với cả sự hiểu biết, sự tinh thông thuần thục của mình, chẳng có việc kỳ vọng ở trong bất luận lợi lộc nào, và duy nhất chỉ hướng tâm kiên định cho đạt thành Quả vị Vô Sinh; như thế việc Thuyết Pháp ở thể loại này đã được gọi là hoàn thành Phúc Hành Tông (Phúc Nghiệp Sự) ở phần Thuyết Pháp Thiện một cách xác thực.

1. Lợi Lộc (Lābha): lập ý đến vật dụng mà người ta sắp bày cúng dường.

2. Tôn Kính Trọng Đãi (Sakkāra): lập ý đến việc được đón nhận sự tôn kính quý trọng.

3. Danh Vọng (Yasa): lập ý đến đồ chúng hoặc môn đồ.

4. Thanh Danh (Siloka): lập ý đến danh thơm tiếng tốt, danh tiếng.

10. CHÂN TRI CHƯỚC KIẾN (DIṬṬHUJUKAMMA)

Trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Diṭṭhiyā ujukaraṇaṃ = Diṭṭhujukammaṃ** - Tác hành tri kiến chân chánh gọi là Chân Tri Chước Kiến. Tức là **Tuệ Nghiệp Chủ (Kam massakatāñāṇa)** câu hữu Tư Tâm Sở Thiện. Từ ngữ **Diṭṭhujukamma** đây, là danh xưng của Tuệ Nghiệp Chủ. Như Ngài Trưởng Lão **Anuruddha** đã có trình bày để ở trong phần Tâm Thiện Dục Giới của Bộ Phụ Chú Giải Căn Gốc **(Mūlaṭīkā)** nói rằng: **Kamma sakatānāṇaṃ = Diṭṭhujukamma** - Tuệ Nghiệp Chủ là Tuệ liễu tri rằng tất cả loài Hữu Tình có quyền lợi trong tác hành của chính mình, ở cả hai phía với nhau là Thiện và Bất Thiện hết cả thảy. Còn tài sản của cải bạc vàng, Mẹ Cha, Chồng Vợ, con trai con gái; một cách xác thực với những thể loại này chẳng phải là quyền lợi của những loài Hữu Tình ấy, bởi vì chẳng có gắn liền theo tất cả loài Hữu Tình ở trong kiếp sống khác được; vả lại ở ngay trong kiếp sống này tuy rằng vẫn có quyền lợi nhưng lại bấp bênh vô định, vì vẫn còn có các nạn tai, đến cướp đoạt lấy đi. Sự liễu tri như vậy, được gọi là Chân Tri Chước Kiến. Tuy nhiên ở trong nhóm **Nghiệp Lực Tứ Phần (Kammacatukka)** đây, đã có trình bày đến các Tư Tâm Sở ở chỗ làm Nghiệp Chủ, vì thế Tư Tâm Sở câu sinh với Tuệ Nghiệp Chủ đã được gọi là "Chân Tri Chước Kiến", mà quả thật là Tuệ Nghiệp Chủ không thể nào sinh khởi một khi đã loại trừ đi Tư Tâm Sở ấy được. Như thế, khi đã đề cập đến Tuệ Nghiệp Chủ mà hình thành Chân Tri Chước Kiến, thì coi như đã đề cập đến Tư Tâm Sở ấy vậy. Sự việc này hiện hành theo **Phần Bất Ly Biệt (Avinābhāvanaya)** nghĩa là khi đã có đề cập đến một sự việc nào rồi, thì thường làm cho kết thành đến một sự việc khác nữa, vì lẽ không thể nào tách biệt chia lìa với nhau được.

Câu Chú Giải của từ ngữ **Kammassakatāñāṇa: Kammaṃ sakaṃ yesanti = Kammassakā** - Tất cả loài Hữu Tình có Nghiệp là quyền sở hữu của chính mình, như thế tất cả loài Hữu tình mới được gọi là Nghiệp Chủ, tức là tất cả loài Hữu Tình - **Kammas sakānaṃ bhāvo = Kammassakatā** - Sự hiện hữu của tất cả loài Hữu Tình có Nghiệp là quyền sở hữu của chính mình, gọi là Nghiệp Chủ, tức là sự hiện hữu của loài Hữu Tình gọi là Tuệ Nghiệp Chủ, ấy là Trí Tuệ.

Trình bày thêm một câu Chú Giải khác nữa là: **Attano paccayehi ujuṃ karīyatīti = Ujukammaṃ - Diṭṭhi eva ujukammaṃ = Diṭṭhujukammaṃ** - Pháp chủng nào hợp duyên của mình tác hành chân chánh, như thế Pháp chủng ấy gọi là Chánh Trực. - Tri kiến chính là Trí Tuệ làm thành chánh trực tác hành cho chân chánh, gọi là Chân Tri Chước Kiến. Từ ngữ **Diṭṭhi** ở tại nơi đây lập ý đến "Trí Tuệ là Pháp chủng liễu tri theo sự chân thật, chân lý, tức là Tuệ Nghiệp Chủ". **Attano paccayehi** - Pháp làm thành duyên của mình, có nghĩa là Pháp làm thành duyên của chính ngay Tuệ Nghiệp Chủ vậy. Pháp làm thành duyên của Tuệ Nghiệp Chủ đây, hiện hữu với nhau ở ba trường hợp, ấy là:

1. Tuệ Văn (Sutamayapaññā): Tuệ sinh từ sự nghiên cứu học hỏi, làm thành nhân, làm thành duyên cho khởi sinh Tuệ Nghiệp Chủ.

2. Tuệ Tư (Cintāmayapaññā): Tuệ sinh từ sự nghĩ suy, thẩm sát ở trong sự hiện hữu của tất cả loài Hữu Tình; bởi theo những sự việc có bệnh, không có bệnh, sự khôn ngoan, sự đần độn, hạnh phúc, khổ đau, trường thọ, đoản thọ, nghèo khổ, giàu có, v.v. làm thành nhân, làm thành duyên cho khởi sinh Tuệ Nghiệp Chủ.

3. Tuệ Tu (Bhāvanāmayapaññā): Tuệ sinh từ việc tiến tu Minh Sát Tuệ làm thành nhân, làm thành duyên cho khởi sinh Tuệ Nghiệp Chủ.

Trong câu Chú Giải thứ hai này, **Trí Tuệ (Paññā)** chia ra làm hai thể loại, ấy là:

1/ Trí Tuệ làm thành Tác Nhân, 2/ Trí Tuệ làm thành Hệ Quả.

Trí Tuệ làm thành Tác Nhân, ấy chính là cả ba Tuệ ở phía trên vậy. Còn Trí Tuệ làm thành Hệ Quả, ấy chính là Tuệ Nghiệp Chủ, mới chính vì lý do này, cho dù tất cả nhân loại vẫn chưa từ bỏ **Hữu Thân Kiến (Sakkāyadiṭṭhi)** (sự chấp thủ ở trong Ngũ Uẩn rằng là Của Ta) chẳng có thật, tuy nhiên một khi đã có chánh tri kiến hiện hữu ở trong **Thập Chánh Kiến Tông Chỉ (Dasavatthukasammādiṭṭhi)** một cách thấu triệt rốt ráo rồi, như thế gọi là Tuệ Nghiệp Chủ đã được hoàn thành, và làm cho Chân Tri Chước Kiến khởi sinh.

THẬP CHÁNH KIẾN TÔNG CHỈ (DASAVATTHUKASAMMĀDIṬṬHI) HIỆN HỮU MƯỜI TRƯỜNG HỢP NHƯ SAU:

1. Atthi dinnaṃ: Liễu tri rằng việc tạo ra Phước Báu ấy, thì có được đón nhận quả thiện hữu ích.

2. Atthi yiṭṭhaṃ: Liễu tri rằng những việc cúng dường ở cùng khắp, thì cũng có được đón nhận quả thiện hữu ích.

3. Atthi hutaṃ: Liễu tri rằng những việc nghênh tiếp đón chào, thì cũng có được đón nhận quả thiện hữu ích.

4. Atthi sukatadukkatānaṃ kammānaṃ phalaṃ vipāko: Liễu tri rằng những việc làm Thiện và làm Bất Thiện đây, thì cũng có việc được đón nhận quả dị thục theo cả hai đạo lộ, trực tiếp và gián tiếp.

5. Atthi ayaṃ loko: Liễu tri rằng đời sống này, là người đang hiện hữu ở ngay trong hiện tại đây, chỗ gọi với nhau là kiếp sống này ắt hẳn là hiện hữu, vì lẽ có việc tái sinh nối tiếp thêm nữa.

6. Atthi paro loko: Liễu tri rằng có đời sau, tức là có kiếp sống sẽ được nương sinh từ ở đời sống đang hiện bày ở trong hiện tại này, bởi vì một khi đã tử vong rồi thì có việc tái sinh lại nữa.

7. Atthi mātā: Liễu tri rằng việc tạo tác Thiện - Ác đối với người Mẹ, thì có việc được đón nhận quả báo ở trong thời vị lai.

8. Atthi pitā: Liễu tri rằng việc tạo tác Thiện – Ác đối với người Cha, thì có việc được đón nhận quả báo ở trong thời vị lai.

9. Atthi sattā opapātikā: Liễu tri rằng có loài Hữu Tình khởi sinh chỉ có một lần mà to lớn lên liền (Hóa Sinh), tức là có loài Hữu Tình Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Chư Thiên, Phạm Thiên, một cách xác thực.

10. Atthi loke samaṇabrahmaṇā sammaggatā sammāpaṭipannā, ye imañca lokaṃ parañca lokaṃ abhiññā sacchikatvā pavedenti: Liễu tri rằng bất luận những vị Sa Môn, Bà La Môn nào, với chính tự mình có được sự liễu tri đời này, đời sau, và rồi có khả năng chỉ dạy và dắt dẫn cho được liễu tri. Cũng có những vị Sa Môn, Bà La Môn đến với nhau trong tình thân ái đoàn kết, cùng có được chánh kiến và chánh hạnh. (Có nghĩa là ắt hẳn có người tu tập An Chỉ, Minh Sát Tuệ, đắc chứng Thiền Định, Thắng Trí, Đạo và Quả; và người thủ đắc giới tính thành bậc xuất gia, trau giồi Pháp Hành tốt đẹp và ưa thích, đều toàn là sự việc được nói đến làm thành Pháp chân thật, và chẳng phải tác hành chỉ là để mưu sinh, với bất luận trường hợp nào).

Ghi chú: Thập Chánh Kiến Tông Chỉ đây, là đối nghịch với Thập Vô Hữu Kiến.

Thập Chánh Kiến Tông Chỉ với mười điều như đã vừa đề cập đến ở tại đây, được ví như là dùng nước mưa để thử nghiệm một thí kim thạch, xem coi chất vàng ấy là thật hay giả; và dùng nước cường toan (**Acide**) để nhỏ vào bạc, vàng, hợp kim, rằng sẽ xem coi là nguyên chất hoặc không nguyên chất đến đâu như thế nào, thì Thập Chánh Kiến Tông Chỉ là công cụ dùng để trắc nghiệm, thẩm sát, kiểm tra tri kiến của mình là chân chánh, trung thực, hoàn hảo nương theo đây cho được trọn vẹn hết tất cả, hoặc vẫn chưa được như thế ấy. Do vậy, nếu nhỡ như tri kiến ấy nhận thấy vẫn chưa được trọn đủ hết cả mười điều, sẽ chỉ là có được hai hoặc ba điều ngần ấy thôi; và như vậy, thì vẫn chưa có thể liệt vào thành phần Chân Tri Chước Kiến có tri kiến chân chánh được. Vì lẽ phần đông con người thường hay có loại tri kiến chẳng có cẩn trọng, khôn khéo, kỹ lưỡng và sâu sắc. Khi đã có chánh tri kiến, đặc biệt chỉ riêng ở ba điều 1, 2 và 3 mà lại là loại tri kiến qua loa hời hợt; kể từ điều 4 trở đi thì lại cũng chẳng có nghĩ tưởng đến việc trông coi, nhìn thấy; và ở trong điều 1, 2 và 3 ấy, cho dù quả thật sẽ là loại chánh tri kiến đi nữa, nhưng loại chánh tri kiến ấy chỉ thấy là các việc tạo ra Phước Báu, các việc cúng dường, những việc mời mọc tiếp đón, với những

sự việc này có quả dị thục và là hữu ích, vì sẽ làm cho mình thành người nổi tiếng, có danh giá, làm thành chỗ yêu thương, mến mộ ca ngợi ở trong tầng lớp xã hội. Thực hiện việc liên lạc, lui tới hữu quan với nhau qua việc mưu sinh cho được an lạc thuận tiện, thuộc phần **Kim Thế Thụ Lãnh Quả Báo (Diṭṭhadhammavedanīyaphala – Hiện Báo Nghiệp Lực, Thụ Quả Báo Nhãn Tiền),** quả báo được đón nhận hiển nhiên thấy rành rành ngay trong kiếp sống này. Đối với **Lai Sinh Thụ Lãnh Quả Báo (Uppajja vedanīyaphala – Hậu Báo Nghiệp Lực),** sẽ được ứng đáp quả báo trong kiếp vị lai. Với **Hậu Hậu Thụ Lãnh Quả Báo (Aparāpariyavedanīyaphala – Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực),** sẽ được ứng đáp quả báo ở trong kiếp thứ ba trở đi, cho đến chứng đắc Níp Bàn, cũng chẳng hề có tư duy để nghĩ tưởng đến, thế thì làm sao để còn đề cập đến các điều khác được. Khi sẽ nói với nhau cho thật đúng đắn, dựa theo nền tảng của Thập Chánh Kiến Tông Chỉ một cách chân chánh, thì quả thật cũng vẫn không có trung thực, mà chỉ có trúng được một phần mà thôi. Sự việc là như vậy, đích thị cũng do bởi những hạng người này chẳng có **Tuệ Văn (Sutamayapaññā), Tuệ Tư (Cintāmayapaññā),** đã được thành tựu từ việc nghiên cứu học hỏi ở trong lãnh vực **Pháp Học (Pariyattidhamma),** hoặc không có **Tuệ Tu (Bhāvanāmayapaññā)** đã được thành tựu từ việc tiến tu lãnh vực **Minh Sát Tuệ Nghiệp Xứ (Vipassanākammaṭṭhāna)** ở trong Pháp Hành một cách chân chánh đó vậy.

Vì thế, tất cả những hàng cư sĩ tại gia hoặc các bậc xuất gia, tự bản thân cho dù sẽ có kiến thức hoặc chẳng có kiến thức ở trong các học thuật theo đạo lộ thế gian đi nữa; và nếu như tri kiến của mình vẫn chưa được chân chánh theo nền tảng của Thập Chánh Kiến Tông Chỉ, thì cần phải nên cố gắng nỗ lực hết mình thực hiện việc tu tập học hỏi ở trong lãnh vực Chánh Pháp của Pháp Học hoặc Pháp Hành, để ngõ hầu sẽ được sửa đổi, cải thiện, nâng cao tri kiến của mình cho thành tựu viên mãn chân chánh theo nền tảng của Thập Chánh Kiến Tông Chỉ mà đã có được trình bày đến rồi vậy. Người ấy chẳng có hoài công uổng phí ở nơi sản địa được sinh làm Người gặp được Giáo Pháp của Đức Phật, cùng với được xứng danh là **người Phật Tử (Buddhasāsanikajana)** đích thực chân chánh. Điều ấy được coi như đã là quả báo lãi nhuận và chẳng có lỗ vốn chút nào, và làm thành trú xứ an tâm cả với tài trí, cho đến cả sự hiện hành ở trong thế giới bên kia của chính mình. Lại nữa, người đã có chánh tri kiến với mọi trường hợp theo nền tảng của Thập Chánh Kiến Tông Chỉ ấy rồi, thì cũng coi như Tuệ Nghiệp Chủ đã có được sinh khởi đến với người ấy vậy. Và như thế, việc phóng khí Xả Thí, Trì Giới, Tiến Hóa Tu Tập của người ấy ắt hẳn là có quả báo cực đại, thật nhiều ân đức hữu ích, và bất khả tỷ giảo; cũng giống như việc ươm hạt giống bồ đề và trổ sinh lên cổ thụ bồ đề vậy. Tương phản với việc Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập của hạng người chẳng có Tuệ Nghiệp Chủ, thì thường có quả báo ít oi, có ân đức hy thiểu và bất túc; cũng giống như cổ thụ bồ đề mà lại trổ sinh ra quả hạt bồ đề vậy. Như thế, Ngài Đại Giáo Thọ Sư **Buddhaghosa** mới miêu tả Ân Đức của Tuệ Nghiệp Chủ để ở trong Bộ Chú Giải Xua Tan Mê Mờ, Xiển Minh Tứ Phần, điều 397 **(Catukkaniddesavaṇṇanā Sammohavinodanī Atthakathā)** nói rằng: **Imasmiṃ kammassakkatañāṇe ṭhatvā bāhuṃ dānaṃ datvā sīlaṃ pūretvā uposathaṃ samādiyitvā sukhena sukhaṃ sampattiyā sampattiṃ anubhavitvā nibbānaṃ pattānaṃ gaṇanaparicchedo natthi -**

Việc quy định về số lượng người đắc chứng Níp Bàn đã tuần tự tăng lên tiếp nối với nhau, sau khi họ đã thụ hưởng được tài sản hạnh phúc cùng cực, bởi do nương vào sự an trú ở trong Tuệ Nghiệp Chủ một cách kiên định, do đã thực hiện rất nhiều lần về Phước Báu, đã kiềm chế cẩn phòng ở trong Ngũ Giới, và ắt hẳn không cho phải bị đứt mất về việc thọ trì giới, về việc nguyện thọ trì Bát Quan Trai Giới ấy vậy.

TRÌNH BÀY CHI PHÁP CHÂN TRI CHƯỚC KIẾN TRONG CẢ BA SÁT NA TƯ TÂM SỞ

1. Chân Tri Chước Kiến ở trong sát na **Tư Tiền (Pubbacetanā)**, tức là 8 Tâm Đại Thiện **(Mahākusalacitta).**

2. Chân Tri Chước Kiến ở trong sát na **Tư Hiện (Muñcacetanā)**, tức là 4 Tâm Đại Thiện Tương Ưng Trí **(Mahākusalañnāṇasampayuttacitta).**

3. Chân Tri Chước Kiến ở trong sát na **Tư Hậu (Aparacetanā)**, tức là 8 tâm Đại Thiện.

Giải thích rằng: Người có tri kiến bất chánh, bất trung thực đối với Phật Giáo trong những sự việc, có việc tử; việc sinh; trú xứ địa giới thụ lãnh sự thống khổ có Địa Ngục, Ngạ Quỷ, **Atula**; trú xứ địa giới thụ hưởng sự an lạc có 6 tầng Thiên Giới. Nhân Loại chết đi rồi đi tái sinh thành loài Hữu Tình Bàng Sinh, hoặc được làm hạng Người khác. Loài Hữu Tình Bàng Sinh chết đi rồi đi tái sinh được làm thành Nhân Loại, hoặc được làm loài Hữu Tình Bàng Sinh khác. Tiếp đến, khi tự bản thân đã ý thức và liễu tri được rằng những tư duy và tri kiến của mình vẫn bất chánh, bất trung thực đối với Phật Giáo; thế là, tự bản thân sẽ cần phải thực hiện việc học hỏi nghiên cứu đến sự hiện hành của Tâm và Thân, để sẽ có được việc huấn tập tri kiến của mình cho được chân chánh đối với Phật Giáo. Sự việc bản thân đã đi đến ý thức và liễu tri được như vậy, đó là Chân Tri Chước Kiến ở trong sát na thuộc phần Tư Tiền.

Khi Tâm Thức đã có tư duy và tri kiến như vậy, thế rồi đã bắt đầu thực hiện việc học hỏi nghiên cứu đến sự hiện hành của các sự vật hữu sinh mạng và phi sinh mạng, đặc biệt chỉ chuyên ở trong điều Pháp làm thành nền tảng có liên quan với các sự việc này. Việc học hỏi từ từ khởi lên chỉ ở trong Thiện Ý, thế rồi tri kiến và sự nhận thức cũng dần dần tuần tự khởi lên, cho đến khi đã gặt hái được tri kiến và sự nhận thức một cách sáng tỏ rõ ràng trong các sự việc về việc tử, việc sinh, địa ngục, thiên giới, v.v. rằng các sự việc ấy đã là thực hư đến đâu, bất luận trường hợp nào cũng thấu đáo tường tận. Chính loại tri kiến sáng tỏ rõ ràng này, đó là Chân Tri Chước Kiến ở trong sát na thuộc phần Tư Hiện.

Tiếp sau đó, khi đã đón nhận sự hoan hỷ, có chánh kiến với sự học hỏi nghiên cứu một cách thiện hảo, dẫn đến thẩm sát sự hiện hành của bản thân rằng "Khi trước đây Ta đã có rất nhiều sai trái, nhận định sai trật, và đã tà kiến với mọi trường hợp. Đến bây giờ đây, Ta đã thực hiện cho tri kiến của mình được trở nên chân chánh tốt đẹp, phù hợp với huấn từ ở trong Phật Giáo một cách thiện hảo." Chính việc thẩm sát như vậy, đó là Chân Tri Chước Kiến ở trong sát na thuộc phần Tư Hậu. Với lý do này, Ngài Đại Giáo Thọ Sư **Buddhaghosa**

mới trình bày để ở trong Bộ Chú Giải **Atthasālinī**, Kệ Phúc Hành Tông (**Puññakiriya vatthādikathā**) nói rằng:

1. Diṭṭhum ujukaṃ karissāmīti cintenatopi tesaṃ yeva aṭṭhānaṃ aññatarena cinteti - Người có việc nghĩ suy rằng "Ta sẽ phải thực hiện tri kiến của Ta cho được đúng đắn chân chánh theo nền tảng Phật Giáo". Việc nghĩ suy ở thể loại này, là việc suy nghĩ với bất luận một trong 8 cái Tâm Đại Thiện. (Chân Tri Chước Kiến ở trong sát na thuộc phần Tư Tiền).

2. Diṭṭhuṃ ujukaṃ karonti pana catunnaṃ ñāṇasampayuttānaṃ aññatarena karoti - Còn người đang thực hiện tri kiến của mình cho được chân chánh đúng đắn với việc trau giồi Pháp Học hoặc Pháp Hành ấy, đích thị chính là việc thực hiện với bất luận với một trong 4 cái Tâm Đại Thiện Tương Ưng Trí ấy vậy. (Chân Tri Chước Kiến ở trong sát na thuộc phần Tư Hiện).

3. Diṭṭhiṃ me ujukā katāti paccavekkhanto aṭṭhānaṃ aññatarena paccavek khati - Người có việc thẩm sát phản cung tự tỉnh ở trong tri kiến của mình rằng "Ta đã thực hiện tri kiến cho được chân chánh đúng đắn tốt đẹp rồi." Việc thẩm sát phản kháng của người này, là việc thẩm sát với bất luận một trong 8 cái Tâm Đại Thiện. (Chân Tri Chước Kiến ở trong sát na thuộc phần Tư Hậu).

VIỆC TÓM LƯỢC THẬP PHÚC HÀNH TÔNG Ở TRONG PHẦN XẢ THÍ, TRÌ GIỚI, TU TẬP CÙNG VỚI LỜI GIẢI THÍCH

Ở trong mười điều Thập Phúc Hành Tông đấy; Hồi Hướng Phước Báu và Tùy Hỷ Công Đức, với hai thể loại này đã được liệt kê vào ở trong phần Xả Thí Thiện, gọi là **Phần Xả Thí (Dānamaya).** Cung Kính và Phụng Hành, với hai thể loại này đã được liệt kê vào ở trong phần Trì Giới Thiện, gọi là **Phần Trì Giới (Sīlamaya).** Thính Pháp, Thuyết Pháp và Chân Tri Chước Kiến, với cả ba thể loại này đã được liệt kê vào ở trong phần Tu Tập Thiện, gọi là **Phần Tu Tập (Bhāvanāmaya).** Tóm lại, Thập Phúc Hành Tông đã được làm thành với ba trường hợp, được có như vầy.

Giải thích rằng: Ở trong tất cả những Pháp Phúc Hành Tông này, thì Xả Thí Thiện là Pháp đối lập đối với **Tật Đố (Issā – Đố Kỵ),** là có sự bất duyệt ý ở trong tài sản hoặc ở trong Thiện Ân Đức của tha nhân. Và cũng là Pháp đối lập đối với **Lận Sắc (Macchariya – Bỏn Xẻn),** là có sự tăng tiu quý trọng ở trong tài sản của cải hoặc ở trong Thiện Ân Đức của mình. Như thế, nếu người sẽ thực hiện việc Phóng Khí Xả Thí, thì điều tiên quyết là sẽ cần phải khắc phục và chiến thắng với Tật Đố - Lận Sắc cho diệt mất đi, thì việc Phóng Khí Xả Thí mới sẽ được thành tựu. Chỗ được nói như vậy, vì nhỡ như khi nào Lận Sắc mà vẫn còn hiện hữu, thì đang khi thực hiện, sẽ phát sinh lên sự bất duyệt ý ở trong tài sản của cải của mình là sẽ phải bị hao hụt tổn phí đi. Và khi đã là như vậy, thì việc Phóng Khí Xả Thí cũng không thể nào sẽ được thành tựu. Do vậy, Xả Thí Thiện đây, mới thành Pháp đối lập với cả hai Pháp Tật Đố và Lận Sắc. Và như thế, một khi việc Phóng Khí Xả Thí đã được

thành tựu ở ngay trong sát na nào, thì ngay ở trong sát na ấy đã được gọi là việc diệt trừ cả hai Pháp Tật Đố và Lận Sắc chỉ vỏn vẹn một sát na.

Còn việc sinh khởi của cả hai điều, Hồi Hướng Phước Báu và Tùy Hỷ Công Đức đây, thì đích thị cũng tương tự với Xả Thí Thiện vậy. Sẽ nói rằng nếu người nào vẫn còn có Tật Đố, thì người ấy sẽ phát sinh lên việc bất duyệt ý ở trong sự việc tự ở nơi tha nhân đã được đón nhận Thiện Phước với sự an vui thuận lợi, và chẳng có điều chi vất vả khổ sở. Nếu vẫn còn có Lận Sắc, thì sẽ phát sinh lên sự bất duyệt ý ở trong sự việc sẽ hồi hướng chia cho Phước Báu đến với tha nhân. Khi đã là như vậy, thì Hồi Hướng Phước Báu Thiện cũng sẽ không thể nào được thành tựu. Và như thế, một khi Hồi Hướng Phước Báu đã được thành tựu ở ngay trong sát na nào, thì ngay ở trong sát na ấy cũng được gọi là đã thực hiện việc diệt trừ cả hai Pháp Tật Đố và Lận Sắc chỉ vỏn vẹn một sát na.

Ở khoảng giữa của sự việc Tùy Hỷ Công Đức với Tật Đố và Lận Sắc ấy, thì cũng tương tự như nhau. Sẽ nói rằng nếu như vẫn còn có Tâm nghĩ tưởng đến Tật Đố, ắt hẳn sẽ khởi sinh lên sự bất duyệt ý ở trong việc Phóng Khí Xả Thí, Trì Giới, Tiến Hóa Tu Tập của tha nhân; vả lại còn nhìn thấy sự hiện hành ấy, chỉ là một việc khoa trương. Khi là như vậy, thì sẽ không có Tâm nghĩ suy thiên hướng đến việc đón nhận phần Phước Báu mà người ta đã hồi hướng chia cho được. Nếu như vẫn còn có Lận Sắc, thì chỉ có sự tâng tiu quý trọng ở trong tài sản của cải của mình, và thế là cũng vẫn không thể nào thực hiện việc bắt chước làm theo với người hồi hướng phước báu ấy được. Do đó, mới không sẵn lòng đón nhận việc hồi hướng chia cho phần Phước Báu mà người ta đã thực hiện ở trong việc Phóng Khí Xả Thí đấy. Nếu như việc hồi hướng chia cho phần Phước Báu ấy, lại có liên quan với Trì Giới, Tu Tập mà tự bản thân vẫn chưa dứt bỏ sự khắn khít mảng vui ở trong các Cảnh, thì việc Trì Giới, Tiến Hóa Tu Tập cũng vẫn không thực hiện tương tự với người ta được. Chính vì lý do này, mới không có sự hoan hỷ đối với việc hồi hướng chia cho các phần Phước Báu ấy. Và cũng vì thế, một khi Tùy Hỷ Công Đức đã được thành tựu ở ngay trong sát na nào, thì ngay ở trong sát na ấy cũng được gọi là đã thực hiện việc diệt trừ cả hai Pháp Tật Đố và Lận Sắc chỉ vỏn vẹn một sát na. Do vậy, ở cả hai điều, Hồi Hướng Phước Báu và Tùy Hỷ Công Đức mới chỉ có duy nhất một thực tính là Xả Thí Thiện với nhau, và thành Pháp đối lập đối với Tật Đố - Lận Sắc. Và cũng chính bởi nguyên nhân này, Ngài Giáo Thọ mới sắp Tùy Hỷ Công Đức vào ở trong phần Xả Thí Thiện.

Lại nữa, trong việc hồi hướng chia cho phần Phước Báu ấy, thì người thực hiện việc hồi hướng chia cho thường khi cũng hội đủ với cả ba thể loại Thiện Sự, với cả hai thể loại cũng có, và cũng có duy nhất chỉ với một thể loại, tùy thuộc vào việc hồi hướng chia cho phần Phước Báu mà có liên quan với các Thiện Sự ấy. Còn đối với người hoan hỷ tán thành **(Anumodanā)** phần Phước Báu từ ở tha nhân ấy, thì chỉ có một thể loại duy nhất, ấy là Phần Xả Thí Thiện, chẳng phải như là người thực hiện việc hồi hướng và sẽ hồi hướng chia cho, mà sẽ hội đủ cả ba, hoặc hai, hoặc là chỉ có một. Giải thích rằng:

1. Người đã phóng khí xả thí, thọ trì giới luật, tiến hóa tu tập, thế rồi hồi hướng chia cho phần Phước Báu; hoặc đã thọ trì giới luật và tiến hóa tu tập, thế rồi hồi hướng chia cho phần Phước Báu; với người đã thực hiện việc hồi hướng chia cho phần Phước Báu ấy, thường

hội đủ cả ba thể loại Thiện Sự, ấy là **Phần Xả Thí Thiện (Dānamayakusala), Phần Trì Giới Thiện (Sīlamayakusala), Phần Tu Tập Thiện (Bhāvanāmayakusala).**

2. Người đã phóng khí xả thí, thọ trì giới luật, thế rồi hồi hướng chia cho phần Phước Báu; hoặc người đã thọ trì giới luật, thế rồi hồi hướng chia cho phần Phước Báu ấy, thường hội đủ cả hai thể loại Thiện Sự, ấy là Phần Xả Thí Thiện, và Phần Trì Giới Thiện.

3. Người đã phóng khí xả thí, tiến hóa tu tập, thế rồi hồi hướng chia cho phần Phước Báu ấy, thường hội đủ cả hai thể loại Thiện Sự, ấy là Phần Xả Thí Thiện, và Phần Trì Giới Thiện.

4. Người đã phóng khí xả thí, rồi đem hồi hướng chia cho phần Phước Báu ấy, thường chỉ được duy nhất một thể loại Thiện Sự, ấy là Phần Xả Thí Thiện mà thôi. Sự việc là như vậy, cũng vì việc hồi hướng chia cho phần Phước Báu, hoặc việc hoan hỷ tán thành **(Anumodanā)** phần Phước Báu ấy, chỉ được sắp vào một thể loại duy nhất ở trong Phần **Xả Thí Thiện.**

Cả hai Pháp, **Cung Kính (Apacāya)** và **Phụng Hành (Veyyāvacca)** đây, là thuộc **Nguyện Trì Giới Luật (Cārittasīla),** tức là việc cư xử đối đãi lễ độ với nhau một cách tốt đẹp của hàng cư sĩ tại gia và xuất gia, mà người mộ đạo có sự liễu tri một cách thiện hảo ở trong các sự kiện Phật Giáo. Vì thế, Ngài Giáo Thọ mới sắp vào ở trong phần **Trì Giới Thiện.**

Cả ba Pháp, Thính Pháp, Thuyết Pháp và Chân Tri Chước Kiến đây, là thực hiện những Thiện Sự để cho các Thiện Nghiệp Lực được phát triển tiến hóa thêm lên, như là việc tiến tu **An Chỉ (Samatha) - Minh Sát Tuệ (Vipassanā).** Vì thế, Ngài Giáo Thọ mới sắp vào ở trong phần **Tu Tập Thiện.** Và một trường hợp khác nữa:

VIỆC LIỆT KÊ THUYẾT PHÁP VÀ CHÂN TRI CHƯỚC KIẾN THEO PHẦN PHẬT NGÔN (BUDDHABHĀSITA) VÀ CHÚ GIẢI (ATTHAKATHĀ)

Việc thuyết giảng Phật Pháp, việc giảng dạy Giáo Pháp, với những thể loại này, cũng được sắp vào ở trong phần Xả Thí Thiện. Như Đức Phật Ngài đã lập ý khải thuyết rằng **Sabbadānaṃ dhammānaṃ jināti - Pháp Thí thù thắng hơn mọi thế gian thí - Dịch nghĩa là:** Pháp Thí ắt hẳn thù thắng hơn cả mọi xả thí. Còn Chân Tri Chước Kiến ấy, Ngài Đại Giáo Thọ Sư **Buddhaghosa** đã có trình bày để ở trong bài Kinh Phúng Tụng (**Saṅgītisutta,** # 33, Trường Bộ Kinh) của Bộ Chú Giải, thuộc Phẩm **Pāthikavagga** nói rằng: **Diṭṭhujukammaṃ sabbesaṃ niyama lakkhaṇaṃ** - Chân Tri Chước Kiến đây, là biểu tượng từ sự thành tựu viên mãn của hết tất cả Phúc Hành Tông. Có nghĩa, đích thị chính ngay Chân Tri Chước Kiến này, đã được sắp vào ở trong hết tất cả của các **Phần Xả Thí Thiện, Trì Giới Thiện, Tu Tập Thiện.** Ngài Giáo Thọ đã đề cập đến như vậy, cũng vì Chân Tri Chước Kiến này, đã được ví như một người ủng hộ về vật chất và tinh thần hậu thuẫn cho người tài công đã từng cầm lái con tàu cho được thường luôn chạy thẳng hướng như thế đấy. Nếu như thiếu mất đi người ủng hộ này rồi, thì con tàu sẽ không thể nào chạy được thẳng hướng vậy. Điều này như thế nào, thì với người thực hiện việc phóng khí xả thí,

trì giới, trau giồi tu tập, mà nhỡ như không có Chân Tri Chước Kiến này cùng vào phối hợp, thế thì việc trổ sinh quả báo của các việc Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập đây, sẽ không được thành tựu viên mãn; sẽ có việc sai sót, và chẳng có được y theo với việc sở cầu sở nguyện của mình. Sẽ nói rằng một khi đã được sinh làm Người, làm Chư Thiên; thì việc được sinh làm Người, làm Chư Thiên ấy, sẽ bị khiếm khuyết các Căn; hoặc chẳng là như thế, và khi đã hội đủ các Căn, thì sẽ sinh làm thành hạng người ngu lỗ vô tri, thiểu Trí, và sẽ thường luôn đón nhận sự thống khổ, điều bất hạnh ở trong các vấn đề về của cải tài sản. Khi đề cập đến phần Chi Pháp, thì Thiện Sự của những hạng người này, ấy là **Thiện Nhị Nhân Hạ Phẩm (Dvihetukakusalaomaka).**

Đối với Thiện Sự của người có được Chân Tri Chước Kiến này cùng vào phối hợp, thì thường trổ sinh quả báo cực đại to lớn, và có được y theo việc sở cầu sở nguyện của mình. Sẽ nói rằng một khi đã được sinh làm Người, làm Chư Thiên, thì sẽ sinh được làm Người, làm Chư Thiên thiện hảo, có đủ các Căn xinh đẹp, luôn có Chánh Niệm Tỉnh Giác, thông minh, sắc sảo tinh khôn; và thường luôn được đón nhận sự an vui về Thân, về Tâm ở trong các vấn đề về tài sản của cải. Khi đề cập đến phần Chi Pháp, thì Thiện Sự của những hạng người này, ấy là **Thiện Tam Nhân Thượng Phẩm (Ukkaṭṭha)** hoặc là ở bậc Hạ Phẩm, tức là **Thiện Tam Nhân Hạ Phẩm (Tihetukakusalaomaka).**

TRÌNH BÀY ỦY THÁC PHẨM VẬT (UPANIDHIBHAṆḌA), TỨC LÀ TÀI SẢN NÊN ỦY THÁC TÍCH LŨY TRONG UẨN GIỚI CỦA MÌNH ĐỂ CHỨNG ĐẮC NÍP BÀN

Tài sản nên được ủy thác tích lũy ở trong Uẩn Giới của mình, để sẽ làm thành tư lương đặng chứng đắc Níp Bàn, mà đã được gọi là **Ủy Thác Phẩm Vật (Upanidhibhaṇḍa)** đấy, hiện hữu với nhau ở trong 90 Pháp, ấy là **30 Thiện Hạnh (Sucarita), 30 Phúc Hành Tông (Puññakiriyavatthu – Phúc Nghiệp Sự),** và **30 Ba La Mật (Pāramī – Pháp Toàn Thiện),** gom lại thành 90 Pháp.

Cả hai thể loại Pháp, 30 Thiện Hạnh và 30 Phúc Hành Tông đây, đã được đề cập đến để ở trong phần trên. Còn 30 Pháp Toàn Thiện (Ba La Mật), tức là **10 Pháp Toàn Thiện Bậc Hạ (Hīnapāramī – Ty Liệt), 10 Pháp Toàn Thiện Bậc Trung (Majjhimapāramī – Trung Bình),** và **10 Pháp Toàn Thiện Bậc Thượng (Paṇītapāramī – Tinh Lương),** gom lại thành 30 Pháp. Ở trong 30 Pháp này, những Pháp Toàn Thiện được hoàn thành viên mãn với **Dục (Chanda), Cần (Viriya), Tâm (Citta), Thẩm (Vimaṃsa, Paññā),** đang khi năng lực hãy còn non yếu, thì được gọi là **Pháp Toàn Thiện Bậc Hạ (Hīnapāramī – Ty Liệt).** Những Pháp Toàn Thiện được hoàn thành viên mãn với Dục, Cần, Tâm, Thẩm, đang khi năng lực dũng mãnh vừa đủ, thì được gọi là **Pháp Toàn Thiện Bậc Trung (Majjhima pāramī – Trung Bình).** Những Pháp Toàn Thiện được hoàn thành viên mãn với Dục, Cần, Tâm, Thẩm, đang khi năng lực dũng mãnh cùng tột, thì được gọi là **Pháp Toàn Thiện Bậc Thượng (Paṇītapāramī – Tinh Lương).** [Như thế, 30 Pháp Toàn Thiện này, mới không có lập ý đến **10 Pháp Toàn Thiện Thông Thường (Sāmaññapāramī), 10 Pháp Toàn Thiện**

Cao Thượng (Upapāramī), 10 Pháp Toàn Thiện Tối Thượng (Paramatthapāramī), với bất luận trường hợp nào.]

Chín mươi Pháp **Ủy Thác Phẩm Vật (Upanidhibhaṇḍa)** đây, đã được trình bày để ở trong Bộ Phụ Chú Giải Chương Thứ Nhất - Túc Sinh Truyện – **(Ekanipātajatakaṭīkā)** nói rằng: **Samatiṃsa samatiṃsāni sucaritadhamma puññakariyavatthu pāramī yoti ime navutidhammā nibbānatthāya upanidhi bhaṇḍa nāma - Dịch nghĩa là:** Có 90 điều Phẩm Vật mà đã được gọi là **Ủy Thác Phẩm Vật (Upanidhibhaṇḍa)**, tức là tài sản nên ủy thác tích lũy ở trong Uẩn Giới của mình để chứng đắc Níp Bàn; ấy là Pháp Thiện Hạnh, Pháp Phúc Hành Tông (Phúc Nghiệp Sự), và Pháp Toàn Thiện; với từng mỗi Pháp có được 30, và gom lại thành 90 Pháp.

+ Giải thích ở trong phần **Pāḷi** với điều thứ mười bảy, chỗ nói rằng **Taṃ panetaṃ vīsatividhampi v.v. saṅkhaṃgacchati**.

Theo phần **Pāḷi** ở điều này là trình bày việc tổng hợp Dục Giới Nghiệp Lực **(Kāmāvacarakamma)**, ấy là **Tư Tâm Sở (Cetanācetasika)** hiện hữu ở trong 12 Tâm Bất Thiện, và 8 Tâm Đại Thiện. Hết cả thảy hai thể loại này được gọi với nhau là Dục Giới Nghiệp Lực. Vì thế, rằng khi tổng hợp lại theo phần **Chi Pháp (Aṅgadhamma)** thì mới có số lượng là 20 Dục Giới Nghiệp Lực. Tuy nhiên, rằng khi tổng hợp lại theo phần **Môn (Dvāra)** thì có được 3 trường hợp, ấy là: **1/** sinh khởi theo Lộ Thân Môn tác hành Thiện và Bất Thiện, **2/** sinh khởi theo Lộ Ngữ Môn tác hành Thiện và Bất Thiện, **3/** sinh khởi theo Lộ Ý Môn tác hành Thiện và Bất Thiện; khi tổng hợp lại thì có được 3 trường hợp ngần ấy vậy. Rằng khi tổng hợp lại theo phần **Sự Vụ (Kicca)** thì có được 30 Pháp; ấy là: **1/** Bất Thiện Sự Vụ có 10, tức là **Thập Ác Hạnh (Duccarita)**, **2/** Thiện Sự Vụ có 20, tức là **Thiện Nghiệp Đạo (Kusalakammapatha)**, hoặc **Thập Thiện Hạnh (Sucarita),** và **Thập Phúc Hành Tông (Thập Phúc Nghiệp Sự),** khi tổng hợp lại thì có được 20 Pháp.

Kết Thúc Nghiệp Lực Dục Giới

TRÌNH BÀY NGŨ THIỆN NGHIỆP LỰC HỮU SẮC GIỚI (RŪPĀVACARAKUSALAKAMMA)

+ Giải thích ở trong phần **Pāḷi** với điều thứ mười tám, chỗ nói rằng: **Rūpāvacara kusalaṃ pana manokammemeva v.v. jhānaṅgabhedena.**

Giải thích rằng: Việc sinh khởi Thiện Nghiệp Lực Hữu Sắc Giới đây, là sẽ khác biệt với việc sinh khởi của Thiện Nghiệp Lực Dục Giới. Tức là Thiện Nghiệp Lực Dục Giớiđây, là sẽ sinh khởi theo Lộ Thân Môn cũng được, Lộ Ngữ Môn cũng được, và Lộ Ý Môn cũng được. Vì thế, một khi nói theo phần Nghiệp Lực, thì có được ba thể loại, ấy là **Thân Hành Nghiệp Lực (Kāyakamma), Ngữ Hành Nghiệp Lực (Vācākamma),** và **Ý Hành Nghiệp Lực (Manokamma).** Còn Thiện Nghiệp Lực Hữu Sắc Giới đấy, thì sẽ không thể nào sinh khởi theo Lộ Thân Môn hoặc Lộ Ngữ Môn được, và một cách đặc biệt là, thường chỉ sinh khởi duy nhất theo Lộ Ý Môn ngần ấy thôi. Vì thế, một khi nói theo phần Nghiệp Lực, thì

duy nhất chỉ có Ý Hành Nghiệp Lực. Vì lẽ, Thiện Nghiệp Lực Hữu Sắc Giới mà chẳng có liên quan đến phần **Thắng Trí (Abhiññā)**, thì chẳng có nhiệm vụ trong việc tác hành làm cho cả hai **Sắc Biểu Tri (Viññattirūpa)** khởi sinh, tức là chẳng có khởi sinh việc hoạt động về Thân và Lời từ Thiện Hữu Sắc Giới ở phần chẳng có liên quan đến Thắng Trí vậy. Và như thế, Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** mới trình bày nói rằng: **Manokammameva** - Tức là duy nhất chỉ có Ý Hành Nghiệp Lực.

Một trường hợp khác nữa, việc sinh khởi của Thiện Nghiệp Lực Dục Giới ấy, thường là được sinh khởi theo rất nhiều đạo lộ. Sẽ đề cập đến là, được sinh khởi từ việc thọ trì giới luật cũng có, chỗ được gọi là **Phần Trì Giới (Sīlamaya);** được sinh khởi từ việc tiến hóa tu tập **An Chỉ Nghiệp Xứ (Samathakammaṭṭhāna)** và **Minh Sát Tuệ Nghiệp Xứ (Vipassanākammaṭṭhāna)** cũng có, chỗ được gọi là **Phần Tu Tập (Bhāvanāmaya).** Còn việc sinh khởi Thiện Nghiệp Lực Hữu Sắc Giới ấy, thường chỉ sinh khởi theo một đạo lộ duy nhất, ấy là việc tiến hóa tu tập với bất luận một trong 30 Nghiệp Xứ **(Kammaṭṭhāna)** của An Chỉ Nghiệp Xứ, chỗ được gọi **Phần Tu Tập.**

Vì thế, Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** mới trình bày nói rằng **Tañca bhāvanā mayaṃ** - Tức là Thiện Nghiệp Lực Hữu Sắc Giới này, thường được thành tựu viên mãn với **Phần Tu Tập.**

Một trường hợp khác nữa, Thiện Nghiệp Lực Dục Giới đây, cho dù có được thể loại **Ý Hành Nghiệp Lực (Manokamma)** ở **Phần Tu Tập (Bhāvanāmaya),** nghĩa là sinh khởi thành tựu viên mãn do bởi nương vào việc tiến hóa tu tập theo Lộ Ý Môn đi nữa, tuy nhiên cũng vẫn không có khả năng để đạt đến sự thành tựu viên mãn việc đắc chứng Thiền Định **(Appanāsamādhi)** được, tức là được **Nhập Thiền Định (Jhānasampatti);** mà thường chỉ được đạt đến phần **Chuẩn Bị Định (Parikammasamādhi),** và **Cận Hành Định (Upacāra samādhi),** đấy chỉ là những nấc thang đầu tiên của Nhập Thiền Định mà thôi. Còn Thiện Nghiệp Lực Hữu Sắc Giới ấy, thường là đạt đến sự thành tựu viên mãn việc đắc chứng Thiền Định. Có nghĩa là việc tiến hóa tu tập An Chỉ Nghiệp Xứ của vị **hành giả (Yogī)** ấy, nếu như vẫn chưa chứng đắc được Thiền Định, thì Thiện Hữu Sắc Giới cũng vẫn chưa được khởi sinh. Và nếu như Thiện Hữu Sắc Giới khởi sinh, ngụ ý nói đến, vị hành giả ấy đã đắc chứng được Thiền Định, thế là Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** mới trình bày nói rằng **Appanā pattaṃ - Nhập Định.**

Một trường hợp khác nữa, việc sinh khởi của Thiện Dục Giới thì có được số lượng là 8 cái Tâm. Ấy là bởi do việc phân loại có liên quan đến **Phần Thọ (Vedanābhedanaya),** hoặc có liên quan đến **Phần Trí Tuệ (Ñāṇabhedanaya),** hoặc có liên quan đến **Phần Dẫn Dụ (Saṅkhārabhedanaya)** [Như đã có được trình bày rõ ràng ở trong Tập I – Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp, ở Phần Tiểu Học] Còn việc sinh khởi Thiện Hữu Sắc Giới, là theo nền tảng của việc phân loại dựa theo **Chi Thiền (Aṅgajhāna),** mà đã được phân chia ra làm năm thể loại. Và khi tính theo việc phối hợp với Chi Thiền, thì có được như sau:

1. Có được 1 cái Tâm Thiện Hữu Sắc Giới phối hợp với năm Chi Thiền.
2. Có được 1 cái Tâm Thiện Hữu Sắc Giới phối hợp với bốn Chi Thiền.
3. Có được 1 cái Tâm Thiện Hữu Sắc Giới phối hợp với ba Chi Thiền.

4. Có được 1 cái Tâm Thiện Hữu Sắc Giới phối hợp với hai Chi Thiền, là Chi Lạc, và Chi Nhất Thống.

5. Có được 1 cái Tâm Thiện Hữu Sắc Giới phối hợp với hai Chi Thiền, là Chi Xả, và Chi Nhất Thống.

Tổng hợp số lượng Thiện Hữu Sắc Giới lại thì có được 5 cái Tâm, như đã được đề cập ở tại đây, là việc tính theo phần phân loại của Chi Thiền vào phối hợp.

Như thế, Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** mới trình bày nói rằng: **Jhānaṅgabhe dena pañcavidhaṃ hoti** - Tức là theo phân loại của Chi Thiền, thì có được năm thể loại.

TRÌNH BÀY TỨ THIỆN NGHIỆP LỰC VÔ SẮC GIỚI (ARŪPĀVACARAKUSALAKAMMA)

+ Giải thích ở trong phần **Pāḷi** với điều thứ mười chín, chỗ nói rằng **Tathā arūpāvacarakusalañca manokammaṃ v.v. ārammaṇabhedena catubbidhaṃ hoti.**

Giải thích rằng: Việc sinh khởi Thiện Nghiệp Lực Vô Sắc Giới đây, rằng theo Môn thì chỉ sinh khởi theo Lộ Ý Môn. Rằng theo Sự Vụ thì thường chỉ sinh khởi duy nhất trong sự việc làm cho thành tựu viên mãn với **Phần Tu Tập (Bhāvanāmaya).** Rằng theo **Phần Định (Samādhi),** thì cần phải đạt đến **Nhập Định (Appanāsamādhi),** và cũng tương tự với việc sinh khởi của Thiện Nghiệp Lực Hữu Sắc Giới. Như thế, Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** mới trình bày nói rằng: **Tathā arūpāvacarakusalañca manokammaṃ tampi bhāvanāmayaṃ appanāpattaṃ.**

Còn việc phân loại Thiện Nghiệp Lực Vô Sắc Giới đã được chia ra làm bốn ấy, là khác biệt với việc phân loại Thiện Nghiệp Lực Hữu Sắc Giới. Tức là Thiện Nghiệp Lực Hữu Sắc Giới ấy thì nương vào Chi Thiền để làm phương thức cho việc phân loại. Còn cả bốn Thiện Nghiệp Lực Vô Sắc Giới đây thì không thể nào phân loại theo phần Chi Thiền được, vì lẽ hết tất cả cũng có hai Chi Thiền tương tự, ấy là Chi Xả và Chi Nhất Thống. Còn việc phân loại ra làm bốn cái Tâm ấy, là việc hiện hành có liên quan với **Cảnh Nghiệp Xứ (Ārammaṇakammaṭṭhāna)** của những thể loại Tâm này. Sẽ nói rằng: Tâm Thiện sinh khởi với **Đề Mục Hoàn Tịnh Ý Tưởng Hư Không Chế Định (Kasiṇugghāṭi mākāsapaññatti),** cũng làm thành tên gọi của **Tâm Thiện Không Vô Biên Xứ (Ākāsānañcāyatana kusalacitta).** Tâm Thiện sinh khởi bởi do có Tâm Thiện Không Vô Biên Xứ làm Cảnh, cũng làm thành tên gọi của **Tâm Thiện Thức Vô Biên Xứ (Viññāṇañcā yatanakusalacitta).** Tâm Thiện sinh khởi bởi do có **Chế Định Thực Tính Vô Hữu (Natthibhāvapaññatti)** làm Cảnh, cũng làm thành tên gọi của **Tâm Thiện Vô Sở Hữu Xứ (Ākiñcaññāyatanakusala citta).** Tâm Thiện sinh khởi bởi do có Tâm Thiện Vô Sở Hữu Xứ làm Cảnh, cũng làm thành tên gọi của **Tâm Thiện Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ (Nevasaññānāsaññāyatanakusala citta).** Như vậy, với lý do này, Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** mới trình bày nói rằng: **Ārammaṇabhedena catubbidhaṃ hoti.**

Kết luận lại, từ ngữ nói rằng **Bhāvanāmayaṃ appanāttaṃ** – (Phần Tu Tập với Phần Đắc Định) đấy, là việc trình bày với lập ý để cho biết rằng tất cả chín Thiện Nghiệp Lực Đáo

Đại (**Mahaggatakusalakamma**) đây, đã được sinh khởi là cũng do nương vào việc tiến hóa tu tập An Chỉ Nghiệp Xứ, có việc thẩm thị **Cảnh Hoàn Tịnh (Ārammaṇa kasiṇa)**, v.v. Bởi thế cho nên, chỉ có duy nhất Phần Tu Tập, và không có Phần Xả Thí và Phần Trì Giới.

Nếu như có điều vấn hỏi đề cập đến để phản bác rằng, ở trong Chánh Tạng **Pāḷi** Bộ Kinh Vô Ngại Giải Đạo (**Paṭisambhidāmagga**) đã có trình bày nói rằng "Những thể loại Thiện Nghiệp Lực Đáo Đại này cũng được sắp vào Phần Trì Giới Thiện" như có phần **Pāḷi** đã hiện bày như sau: **Paṭhamajjhānena nīvaraṇānaṃ, dutiyena vitakkavicārānaṃ, tatiyena pītiyā, catutthena sukhadukkhānaṃ pahānaṃ sīlaṃ veramaṇi sīlaṃ cetanā sīlaṃ saṃvaro sīlaṃ avītikkamo sīlaṃ** - Việc phóng khí Triền Cái với Sơ Thiền, việc phóng khí Tầm Tứ với Nhị Thiền, việc phóng khí Hỷ với Tam Thiền, việc phóng khí Lạc Khổ với Tứ Thiền. Việc phóng khí những thể loại này đã được sắp vào phần **Phóng Khí Giới Luật (Pahāṇasīla), Tránh Khai Giới Luật (Veramaṇīsīla), Tư Tâm Sở Giới Luật (Cetanāsīla), Kiểm Thúc Giới Luật (Saṃvarasīla), Bất Vi Phạm Giới Luật (Avītik kamasīla).**

Giải đáp rằng, ở trong Chánh Tạng **Pāḷi** đã có trình bày thì quả là đúng thật, tuy nhiên đó là việc trình bày theo **Phần Thứ Yếu lòng vòng (Pariyāyanaya),** và chẳng phải là việc trình bày theo **Phần Chánh Yếu trọng tâm (Mukhayanaya).** Vì lẽ, những thể loại Thiện Nghiệp Lực Đáo Đại này đã được sinh khởi lên đấy, chẳng phải là do bởi nương vào việc thọ trì giới luật, mà thường sinh khởi là chỉ có duy nhất nương vào việc tiến hóa tu tập An Chỉ Nghiệp Xứ mà thôi. Đề cập đến điều này thì cũng ví như sẽ có lời nói rằng: "Đức Phật Ngài đã có lập ý làm cho Tỳ Khưu **Devadatta**, là kẻ mưu toan phản nghịch đối với Đức Phật, phải bị sa đọa vào Cõi Giới Địa Ngục." Mà chính do hành động tạo tác của Tỳ Khưu **Devadatta**, ấy là người dắt dẫn phải bị sa đọa vào Cõi Giới Địa Ngục vậy. Đối với Đức Phật, Ngài chỉ là một thành phần kết cấu ở trong việc làm cho Tỳ Khưu **Devadatta** tạo ra Bất Thiện Nghiệp Lực dẫn đến kết thành quả báo mà thôi.

Lại nữa, kể từ phần **Pāḷi** với điều thứ năm v.v. cho đến điều thứ hai mươi, chỗ nói rằng: **Tattha akusalaṃ kāyakammaṃ vacīkammaṃ manokammañceti kammadvāra vasena tividhaṃ hoti** v.v. cho đến **Tathā arūpāvacarakusalañca manokammaṃ tampi bhāvanāmayaṃ appanāpattaṃ ārammaṇabhedena catubbidhaṃ hoti** đấy, Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** đã có trình bày chỉ để cho được biết việc phân loại của Nghiệp Lực gồm có bốn, có Bất Thiện Nghiệp Lực v.v. bấy nhiêu thôi, và vẫn chưa có được trình bày đến phần **Trú Xứ Khai Quả (Pākaṭṭhāna)**, tức là Cõi Địa Giới làm thành trú xứ cho việc trổ sinh quả báo của hết cả những bốn thể loại Nghiệp Lực này.

Kể từ phần **Pāḷi** với điều thứ hai mươi mốt, có **Etthākusalakamma muddhaccara hitaṃ** v.v. cho đến phần **Pāḷi** với điều thứ hai mươi bảy, có **Tesaṃ dvādasa pākāni** v.v., thì với những điều này, Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** đã có trình bày một cách tuần tự đến phần **Trú Xứ Khai Quả (Pākaṭṭhāna),** tức là Cõi Địa Giới mà làm thành trú xứ cho việc trổ sinh quả báo của hết tất cả những bốn thể loại Nghiệp Lực ấy; và cũng như tiếp theo đây sẽ trình bày một cách giảng rộng với đầy đủ chi tiết như sau:

+ Giải thích ở trong phần **Pāḷi** với điều thứ hai mươi, chỗ nói rằng **Etthākusala kammamuddhaccarahitaṃ** v.v. cho đến **Yathāraham vipaccati** - Phần **Pāḷi** ở điều này đã trình bày đến Cõi Địa Giới mà làm thành trú xứ cho việc trổ sinh quả báo của Bất Thiện Nghiệp Lực, ấy là 11 Bất Thiện Nghiệp Lực [loại trừ Tư Tâm Sở Câu Hành Trạo Cử **(Uddhacca – Phóng Dật)**] thường trổ sinh quả báo **Tái Sinh (Paṭisandhi)** ở trong hết tất cả **Tứ Thống Khổ Địa Giới**. Có nghĩa là, người phải bị tái sinh ở trong hết tất cả những Tứ Cõi Thống Khổ đây, là cũng do nương vào một trong 11 Bất Thiện Nghiệp Lực này làm thành tác nhân; và còn Tư Tâm Sở Trạo Cử ấy, thì chẳng có nhiệm vụ làm trổ sinh quả báo Tái Sinh. Có nghĩa là, người đã tái sinh ở trong Tứ Thống Khổ Địa Giới, thì ắt hẳn chẳng phải bởi do nương vào Tư Tâm Sở Điệu Cử làm thành tác nhân. Đối với ở trong **Thời Chuyển Khởi (Pavattikāla – Thời Bình Nhật),** tức là thời gian tiếp nối từ Tái Sinh cho đến Tử Vong ấy, thì thường là hết tất cả 12 Bất Thiện Nghiệp Lực trổ sinh quả báo. Sẽ nói rằng, làm cho 7 Quả Dị Thục Bất Thiện, có việc nhìn thấy xấu ác, việc lắng nghe điều bất thiện, v.v. sinh khởi ở trong 11 Cõi Dục Giới, và 15 Cõi Sắc Giới [loại trừ Cõi **Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng (Asaññasattābhūmi)**].

Khi kết thúc theo phần **Pāḷi** ở điều này thì có được ý nghĩa là "Trú Xứ Khai Quả của những Bất Thiện Nghiệp Lực này, rằng theo Thời Tái Sinh, thì thường là Tứ Thống Khổ Địa Giới. Rằng theo Thời Chuyển Khởi, thì thường là ở trong 11 Cõi Dục Giới, và 15 Cõi Sắc Giới (ngoại trừ ra Cõi Vô Tưởng Hữu Tình Phạm Thiên Giới).

TRÌNH BÀY NGUYÊN NHÂN TRONG VIỆC TƯ TÂM SỞ CÂU HÀNH TRẠO CỬ KHÔNG CÓ KHẢ NĂNG TRỔ SINH QUẢ BÁO TRONG THỜI TÁI SINH

Người ta đã có nói rằng, cho dù là một con người có sự gan dạ dũng mãnh, và kiên cường đi nữa, tuy nhiên trong mỗi mọi việc quan trọng mà chỉ do mỗi một mình thực hiện, thì cũng chẳng thể nào thực hiện các công việc ấy cho được thành tựu viên mãn. Cũng giống như một vị tướng quân, cho dù có sức mạnh dũng mãnh và lòng quả cảm kiên cường đi nữa, thế rồi sẽ ra chỉ thị cho đội quân, mà chỉ có duy nhất một người một, để tiến lên chiến đấu với quân thù, thì cũng chẳng có thể nào đánh bại được kẻ địch. Mà thiết yếu cần phải có người tùy tùng đi theo cùng với chính mình để làm thành đội quân, thì mới có khả năng tiêu diệt quân thù được lận. Cũng tương tự như thế, ngay cả ở trong những công việc khác nữa, thì cho dù ở người có được đầy đủ kiến thức và tài năng đi nữa, thế nhưng chỉ có mỗi một mình tiến hành thực hiện, và chẳng có người nào tháp tùng theo phụ giúp thực hiện những nhiệm vụ của mình, thì cũng chẳng có thể nào sẽ hoàn thành những công việc ấy được. Điều này như thế nào, thì trong tất cả những 52 cái Tâm Sở ấy, Tư Tâm Sở đã được gọi là Tâm Sở có năng lực dũng mãnh kiên cường, và thù thắng hơn những cái Tâm Sở khác. Chẳng là như vầy, ở trong bất luận những công việc nào, mà tất cả loài Hữu Tình đã có tạo tác do bởi Thân, hoặc Lời, hoặc Ý đi nữa; thì đích thị chính cái Tư Tâm Sở này thường làm chủ vị sắp bày và đảm trách trong từng mỗi công việc ấy, vì do bởi, vừa thụ lãnh nhiệm vụ ở trong chức

vị làm thành **Nghiệp Lực – Kamma**, vả lại, vừa có bổn phận trổ sinh quả báo ở trong Thời Tái Sinh và Thời Chuyển Khởi trong thời vị lai.

Trong việc trổ sinh quả báo ở trong cả hai Thời, Thời Tái Sinh và Thời Chuyển Khởi đây, thì việc trổ sinh quả báo ở trong Thời Tái Sinh mới chính là điều trọng yếu. Vì lẽ cần phải thực hiện nhiệm vụ kiến tạo lên kiếp sống, kiến tạo lên đời sống, cho đặng hiện khởi làm thành Hữu Tình Bàng Sinh cũng có, hoặc làm Nhân Loại cũng có, hoặc làm Chư Thiên cũng có, ở trong các Cõi Giới ấy. Chính với lý do này, Tư Tâm Sở hình thành Chủ Nghiệp Lực đây, mới cần phải có các Tâm Sở khác hiện hữu và có năng lực thù thắng cùng vào giúp đỡ với nhau, mới có khả năng kiến tạo lên kiếp sống, kiến tạo lên đời sống, cho đặng hiện khởi lên, chỗ được gọi là trổ sinh quả báo ở trong Thời Tái Sinh. Nếu chẳng là như thế, thì cũng chẳng có khả năng để sẽ trổ sinh quả báo ở trong Thời Tái Sinh được, và chỉ có khả năng thực hiện nhiệm vụ ấy ở trong Thời Chuyển Khởi mà thôi. Thế mà, việc trổ sinh quả báo ở trong Thời Chuyển Khởi đây, lại chẳng phải là điều trọng yếu. Vì thế, một khi thẩm sát đến sự hiện hành của Tư Tâm Sở hiện hữu ở trong Tâm Câu Hành Trạo Cử, rằng sẽ có năng lực vừa đủ để sẽ trổ sinh quả báo ở trong Thời Tái Sinh được hay không; thì sẽ thấy được rằng Trạo Cử đây, mà chẳng có các Tâm Sở Bất Thiện khác với năng lực thù thắng, chẳng hạn bất luận là Tham, Sân, Kiến, Mạn, Tật, Lận, Nghi, cùng vào hỗ trợ đi theo nhiệm vụ của mình, vả lại có thể chỉ có **Tâm Sở Si Tứ Phần (Mohacatukacetasika)** là phần **Tâm Sở Bất Thiện Biến Hành (Akusalacetasikasāmaññā)** phối hợp phổ cập với tất cả Bất Thiện Sự Vụ mà thôi. Như thế, vì với lý do này, mới phán quyết được rằng Tư Tâm Sở Câu Hành Trạo Cử đây, mới không có khả năng trổ sinh quả báo ở trong Thời Tái Sinh được, và chỉ có thể trổ sinh quả báo ở trong Thời Chuyển Khởi thôi. Vì lẽ ấy, Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** mới trình bày nói rằng: **Etthākusalakamma muddhacca rahitaṃ v.v. yathārahaṃ vipaccati.**

Một trường hợp khác nữa, từ ngữ minh giải về Bất Thiện ở trong Bộ Chú Giải **Atthasālini** đã có trình bày nói rằng: Tư Tâm Sở hiện hữu ở trong **Tâm Tương Ưng Hoài Nghi (Vicikicchāsampayuttacitta)** thì không có phối hợp với **Thắng Giải (Adhimokkha),** mà lại có được khả năng trổ sinh quả báo ở trong Thời Tái Sinh. Thế thì, Tư Tâm Sở hiện hữu ở trong **Tâm Tương Ưng Trạo Cử (Uddhaccasampayuttacitta)** và lại có Thắng Giải vào phối hợp, thế mà tại sao lại không có khả năng trổ sinh quả báo ở trong Thời Tái Sinh được vậy ? Làm thế nào để sẽ hiểu biết được điều này đây ? Chính ở trong Bộ Chú Giải **Atthasālini** đã có lời giải đáp nói rằng: Tư Tâm Sở Tương Ưng Trạo Cử đây, cho dù bất luận trường hợp nào, chẳng là Pháp phải bị đoạn tận bởi do Tâm Đạo Thất Lai. Trong lời giải đáp này cũng đã giải thích được rằng: Nếu như Tư Tâm Sở Tương Ưng Trạo Cử mà có khả năng trổ sinh quả báo ở trong Thời Tái Sinh được đó, là chỉ sẽ trổ sinh quả báo ở trong Tứ Thống Khổ Địa Giới thôi. Khi đã là như vậy, thế thì bậc đã thành tựu Quả vị Thất Lai, ắt hẳn sẽ còn phải tái sinh ở trong Tứ Thống Khổ Địa Giới; vì lẽ vẫn chưa đoạn tận được Tâm Tương Ưng Trạo Cử. Vả lại, nếu đã là như vậy, thì trái với điều **Pāḷi** đã nói rằng: **Catūhāpāyehi ca vippamutto** - là "Bậc đã thành tựu Quả vị Thất Lai, ắt hẳn đã thoát miễn khỏi cả Tứ Thống Khổ Địa Giới ấy rồi" ấy mà Phật ngôn này thì không thể nào sai trật được

! Như thế, mới khẳng định rằng Tư Tâm Sở Tương Ưng Trạo Cử, cho dù có phối hợp với Thắng Giải đi nữa, cũng không có khả năng trổ sinh quả báo ở trong Thời Tái Sinh được.

Vấn đề này vẫn còn có thể khởi lên điều thắc mắc nữa là: Tư Tâm Sở Tương Ưng Trạo Cử đây, cho dù không thuộc vào ở trong nhóm Bất Thiện Pháp mà phải bị đoạn tận bởi do Đạo Thất Lai đi nữa; tuy vậy, cũng vẫn là thuộc vào ở trong nhóm Bất Thiện Pháp mà phải bị đoạn tận bởi do Đạo Vô Sinh. Vì thế, ở trong việc viện dẫn nói rằng: "Tư Tâm Sở Tương Ưng Trạo Cử không có khả năng trổ sinh quả báo ở trong Thời Tái Sinh được" vì lẽ không thuộc vào ở trong nhóm Bất Thiện Pháp mà phải bị đoạn tận bởi do Đạo Thất Lai ấy vậy. Lập luận biện giải đến đây ắt hẳn đã nhận thấy là bị lòng vòng, vậy sẽ có chứng cứ nào khác nữa để trình bày cho được hiểu biết hay không ? Điều này được giải đáp rằng "Có". Như đã có hiện hữu ở trong Kinh Tạng **Pāḷi Phát Thú (Paṭṭhāna)** trình bày đến vấn đề **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên (Nānakkhaṇikkammapaccaya).** Trong Duyên này, Đức Phật Ngài đã có lập ý khải thuyết tập hợp hết tất cả các Tư Tâm Sở có khả năng trổ sinh quả báo, hiện hữu ở trong Duyên này. Tức là khi đã lập ý trình bày phân tích phần **Giải Ngộ (Dassanatika)** bởi theo 24 Duyên, và khi đã lập ý trình bày đến Dị Thời Nghiệp Lực Duyên ấy, Đức Phật Ngài đã lập ý khải thuyết một cách riêng biệt về Pháp mà phải bị đoạn tận bởi do Đạo Thất Lai, và đã lập ý khải thuyết pha trộn lẫn nhau về Pháp phải bị đoạn tận do bởi tầng Đạo bậc cao và tầng Đạo bậc thấp, và chẳng có lập ý khải thuyết một cách riêng biệt về Pháp phải bị đoạn tận ở tầng Đạo bậc cao không thôi. Như đã hiện bày việc khải thuyết rằng: **Nānakkhaṇikā dassanena pahātabbā cetanā vipākā naṃ khandhānaṃ kaṭattā ca rūpānaṃ kamma paccayena paccayo - Dịch nghĩa là:** Tư Tâm Sở Bất Thiện bị đoạn tận bởi do Đạo Thất Lai sinh khởi khác biệt sát na, dị biệt với nhau về thời gian ấy, đã làm thành duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tứ Danh Uẩn Tái Sinh và Sắc Nghiệp Lực Tái Sinh bởi do mãnh lực Nghiệp Lực Duyên. Trong việc trình bày một cách riêng biệt về Pháp mà bị đoạn tận bởi do Đạo Thất Lai ấy, thì Tư Tâm Sở Tương Ưng Trạo Cử không có thuộc vào ở trong chỗ này. Như thế, mới biết được rằng: "Bậc đã thành tựu Quả vị Thất Lai cũng vẫn còn có Tư Tâm Sở Tương Ưng Trạo Cử, tuy nhiên bậc Quả Thất Lai ấy đã không còn đọa vào Tứ Thống Khổ Địa Giới." Với lý do này, mới khẳng định được rằng Tư Tâm Sở Tương Ưng Trạo Cử không có khả năng trổ sinh quả báo ở trong Thời Tái Sinh được, như đã vừa đề cập đến rồi vậy.

Lại nữa, Tư Tâm Sở Tương Ưng Trạo Cử đây, là Pháp phải bị đoạn tận bởi do Đạo Vô Sinh, thế nhưng ở trong đoạn trên đã có nói rằng: "Đức Phật Ngài đã không có lập ý khải thuyết một cách riêng biệt về Bất Thiện Pháp mà phải bị đoạn tận bởi do tầng Đạo bậc cao ấy," như thế sẽ nói "được hoặc không được" rằng Tư Tâm Sở Tương Ưng Trạo Cử đây, ngay cả ở trong Thời Chuyển Khởi cũng không có khả năng trổ sinh quả báo được ? Giải đáp rằng, nói như vậy là "không được", vì lẽ quả thật là, cho dù đã không có lập ý khải thuyết để ở trong phần Dị Thời Nghiệp Lực Duyên trong Bộ Phát Thú đi nữa, tuy nhiên đã có trình bày để ở trong phần **Vô Ngại Giải Phân Tích (Paṭisambhidāvibhaṅga)** thuộc Bộ thứ hai của Tạng Vô Tỷ Pháp, đã nói rằng: **Yasmiṃ samaye akusalaṃ cittaṃ uppannaṃ hoti v.v. upekkhā sahagataṃ uddhaccasampayuttaṃ rūpārammaṇaṃ vā v.v.**

dhammārammaṇaṃ vā, yaṃ yaṃ vā panārabbha, tasmiṃ samaye phasso hoti v.v. avikkhepo hoti, ime dhammā akusalā, imesu dhammesu ñāṇaṃ dhammapaṭisam bhidā. Tesaṃ vipāke ñāṇaṃ atthapaṭisambhidā.

Trong Chánh Tạng **Pāḷi** này, riêng ở trong điều đã có nói rằng: **Tesaṃ vipāke ñāṇaṃ atthapaṭisambhidā** ấy, **dịch là:** Liễu tri ở trong Quả Dị Thục Tâm Khởi Sinh Tương Ưng Trạo Cử, gọi là Nghĩa Lý Vô Ngại Giải. Như thế, qua điều này mới khẳng định được rằng Tư Tâm Sở Tương Ưng Trạo Cử đây, là có khả năng trổ sinh quả báo ở trong Thời Chuyển Khởi.

QUAN ĐIỂM CỦA TRƯỞNG LÃO BUDDHADATTA TRONG VẤN ĐỀ TƯ TÂM SỞ TƯƠNG ƯNG TRẠO CỬ VÀ LỜI QUYẾT ĐOÁN

Ở trong vấn đề này, Ngài Trưởng Lão đã có quan điểm rằng Tư Tâm Sở Tương Ưng Trạo Cử đây, nếu đã sinh ở trong bản tánh của hàng **Phàm Phu (Puthujjana)** thì ắt hẳn có khả năng trổ sinh quả báo ở cả hai Thời, Thời Tái Sinh và Thời Chuyển Khởi. Tuy nhiên, nếu đã sinh ở trong bản tánh của **Bậc Hữu Học (Sekkhapuggala)** thì không có khả năng trổ sinh quả báo ở cả hai Thời, Thời Tái Sinh và Thời Chuyển Khởi. Còn tất cả những Ngài Giáo Thọ Sư **Phụ Chú Giải (Anuṭīkācāriya)**, và Ngài **Giáo Thọ Sư Phụ Chú Giải Siêu Lý Giải Minh (Paramatthadīpanīṭīkācāriya)**, những Ngài **Giáo Thọ Sư Ngôn Ngữ Học (Bhāsāṭīkācariya)** đã phản bác quan điểm của Trưởng Lão **Buddhadatta** đây, vì có lập luận cũng tương tự như đã vừa trình bày đến rồi vậy. Tức là việc trổ sinh quả báo ở trong Thời Tái Sinh thì chẳng thể nào có được, và đã có được hiện hữu rõ ràng ở trong **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên (Nānakkhiṇikakammapaccaya)**. Còn việc trổ sinh quả báo ở trong Thời Chuyển Khởi thì đã có được hiện bày ở trong **Vô Ngại Giải Phân Tích (Paṭisambhidāvibhaṅga)** rồi.

Như thế, việc trổ sinh quả báo ở trong Thời Chuyển Khởi mới có được hết tất cả là 12 Tư Tâm Sở Bất Thiện. Chính vì lý do này, sự việc mà Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** đã có trình bày nói rằng **Pavattiyaṃ pana sabbampi dvādasavidhaṃ sattākusala vipākāni vipaccati** - đã được dịch là "Còn ở trong Thời Chuyển Khởi, hết tất cả 12 Bất Thiện Nghiệp Lực ấy đã làm cho 7 Quả Dị Thục Bất Thiện trổ sinh thành quả báo" mới được coi như là việc trình bày đúng đắn.

Chỗ nói rằng: **Sattākusalapākāni sabbatthāme kāmaloke rūpaloke ca yathā rahaṃ vipaccati** - mà dịch là "Cho 7 Quả Dị Thục Bất Thiện trổ sinh thành quả báo ở trong 11 Cõi Dục Giới và ở trong 15 Cõi Sắc Giới (loại trừ Cõi Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) vừa theo thích hợp." Ở tại đây, chỗ nói rằng **Sabbatthāme – trong mọi cách** cần phải hữu quan với từ ngữ **Kāmaloke – Cõi Dục Giới**; dịch là "ngay ở trong tất cả Cõi Dục Giới, tức là 11 Cõi Dục Giới", có nghĩa là việc trổ sinh quả báo của những Bất Thiện Nghiệp Lực này ở trong Thời Tái Sinh, cho dù quả thật là, chỉ sẽ trổ sinh quả báo ở trong Tứ Thống Khổ Địa Giới đi nữa; tuy nhiên ở trong Thời Chuyển Khởi thì thường trổ sinh quả báo phổ cập cả ở **Thiện Thú (Sugati)** và luôn cả ở **Khổ Thú (Duggati)** trong hết cả 11 Cõi Địa Giới ấy vậy.

Từ ngữ **Yathārahaṃ** đã được dịch là "vừa theo thích hợp" ấy, có nghĩa là vừa theo thích hợp đối với các Môn và các Cảnh. Giải thích rằng ở trong 11 Cõi Dục Giới ấy, thì có đủ cả Ngũ Môn, và như thế, hết tất cả 7 Quả Dị Thục Bất Thiện thường sinh khởi lên được. Còn ở trong Cõi Sắc Giới, thì chỉ có **Nhãn Môn (Cakkhudvāra)** và **Nhĩ Môn (Sotadvāra)**, còn **Tỷ Môn (Ghānadvāra)**, **Thiệt Môn (Jivhādvāra)**, và **Thân Môn (Kāyadvāra)**, cả ba Môn này thì không có; và như thế Bất Thiện Quả Dị Thục, Nhãn Thức, Nhĩ Thức, **Tiếp Thâu (Sampaṭicchana)**, **Thẩm Tấn (Santīraṇa)** tiếp thâu Cảnh Sắc, Cảnh Thinh ở phần Bất Thiện, thì thường được sinh khởi lên. Còn Quả Dị Thục Bất Thiện, Tỷ Thức, Thiệt Thức, Thân Thức có Cảnh Khí, Cảnh Vị, Cảnh Xúc ở phần Bất Thiện, thì thường là không có được sinh khởi. Chính vì thế mới sử dụng từ ngữ nói rằng **Yathārahaṃ vipaccati.**

+ Giải thích ở trong phần **Pāḷi** với điều thứ hai mươi mốt, chỗ nói rằng: **Kāmā vacarakusalampi kāmasugatiyameva** v.v. cho đến **Yathārahaṃ vipaccati** -

Phần **Pāḷi** ở điều này đã trình bày đến Cõi Giới mà làm thành trú xứ cho việc trổ sinh quả báo của Thiện Nghiệp Lực Dục Giới. Giải thích rằng, bởi do có Thập Phúc Hành Tông lập thành trú xứ kiến tạo lên những 8 Pháp Đại Thiện Nghiệp Lực này, thường trổ sinh quả báo cho 8 Tâm Đại Quả **(Mahāvipāka)**, 1 Tâm Thẩm Tấn Quả Dị Thục Thiện Xả Thọ **(Kusalavipākaupekkhāsantīraṇacitta)**, Sắc Nghiệp Lực **(Kammajarūpa)** sinh khởi ở trong Thời Tái Sinh, và chỉ ở trong Cõi Thiện Thú Dục Giới **(Kāmasugatibhūmi)** ngần ấy thôi. Ở trong số lượng của những 9 cái Tâm Tái Sinh này, thì 8 Tâm Đại Quả là quả báo Tái Sinh cho được sinh khởi phổ cập hết cả ở trong Thất Dục Giới Thiện Thú. Còn 1 Tâm Thẩm Tấn Quả Dị Thục Thiện Xả Thọ đây, là quả báo Tái Sinh đặc biệt chỉ sinh khởi ở trong Cõi Nhân Loại và Cõi Tứ Đại Thiên Vương thôi. Có nghĩa là người đã được thọ sinh làm Người và Chư Thiên ấy, thì thường là sinh khởi với mãnh lực từ ở bất luận một trong 8 cái Tâm Đại Thiện liên hệ với hết cả thảy Thập Phúc Hành Tông (Phúc Nghiệp Sự). Tuy nhiên tất cả những hạng Người và Chư Thiên ấy, thì có một số Người đã phải sinh ra với cảnh trạng bất hoàn hảo, phải bị khiếm khuyết dị tật, câm điếc, điên cuồng, ngu xuẩn, mù lòa, câm điếc, v.v. và có một số Người đã được sinh ra một cách hoàn hảo, không có bị khiếm khuyết dị tật bất luận một trường hợp nào. Và sự hiện hữu của một nhóm Chư Thiên ở tầng Tứ Đại Thiên Vương Thiên Vương ấy, thì cũng có cảnh trạng bất hoàn hảo, là có sự thiếu thốn khốn khổ ở trong các vấn đề sinh kế, vật thực và đời sống, luôn cả hình hài sắc tướng đáng kinh sợ, đáng ghê tởm, y như thể hạng Ngạ Quỷ; vả lại có một vài nhóm có lòng dạ tính khí hung tợn xấu ác. Một vài nhóm thì có cảnh trạng hoàn hảo, và có thân sắc hình hài diễm lệ xinh đẹp. Đối với các Chư Thiên ở năm tầng Thiên Giới cao hơn, thì có cảnh trạng hoàn hảo cả về đời sống và cả về thân sắc hình hài. Sự khác biệt với nhau của những hạng Người và Chư Thiên như đã vừa đề cập đến tại đây, chính là do sự khác biệt với nhau từ Tâm Tái Sinh. Tức là, với hạng Người và Chư Thiên bậc thấp mà có cảnh trạng bất hoàn hảo ấy, là cũng do có Tâm Thẩm Tấn Quả Dị Thục Thiện Xả Thọ **(Kusala vipākaupekkhāsantīraṇacitta)** làm thành Tâm Tái Sinh, hoặc gọi là Thiện Thú Tái Sinh Vô Nhân **(Sugatiahetukapaṭisandhi)**. Còn với hạng Người và Chư Thiên có cảnh trạng hoàn hảo, tuy nhiên chỉ khác biệt với nhau ở phần **Ân Đức Phẩm Vị (Guṇasampatti)**, tức

là **Ngũ Quyền Lực (Indriya)** có **Tín Quyền Lực (Saddhindriya)** v.v. là cũng do có bất luận một trong 8 cái Tâm Đại Quả ở phần Tương Ưng Trí, phần Bất Tương Ưng Trí, làm thành Tâm Tái Sinh, hoặc còn gọi là **Tái Sinh Hữu Nhân (Sahetuka paṭisandhi)**.

Đối với việc thụ lãnh quả báo ở trong Thời Chuyển Khởi từ 8 Đại Thiện Nghiệp Lực ấy, có được hiện hữu ở hai thể loại, ấy là: 1/ Quả Báo Hữu Nhân **(Sahetukaphala)** tức là 8 Tâm Đại Quả **(Mahāvipākacitta)**, và 2/ Quả Báo Vô Nhân **(Ahetukaphala)** tức là 8 Tâm Quả Dị Thục Thiện Vô Nhân **(Ahetukakusalavipāka)**. Trong cả hai thể loại quả báo này, thì 8 Tâm Đại Quả làm thành quả báo được đón nhận chỉ riêng ở trong **Thất Thiện Thú Dục Giới (Kāmasugatibhūmi)** vả lại có nhiệm vụ **Hữu Phần Sự Vụ (Bhavaṅgakicca)** và **Na Cảnh Sự Vụ (Tadārammaṇakicca)**. Còn 8 Tâm Quả Dị Thục Thiện Vô Nhân ấy, làm thành quả báo được đón nhận ở trong 11 Cõi Dục Giới và 15 Cõi Sắc Giới (loại trừ Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) vừa theo thích hợp đối với Môn và Cảnh, tức là ở trong Cõi Địa Giới mà có đủ cả các Môn thì cũng có đủ cả các Cảnh. Chính vì thế, Tâm Quả Dị Thục Thiện Vô Nhân cũng thường sinh khởi đủ cả 8 cái Tâm. Nếu như ở trong Cõi Địa Giới hoặc Người mà không có đủ các Môn thì cũng không đón nhận được đủ các Cảnh. Như thế, Tâm Quả Dị Thục Thiện Vô Nhân cũng thường nương theo Môn hiện hữu mà sinh khởi, và làm nhiệm vụ của Tâm Quả Dị Thục Thiện Vô Nhân; tức là có việc được nhìn thấy, được nghe, được ngửi, được nếm, được xúc chạm v.v. ở trong Cảnh tịnh hảo. Điều này trình bày cho được thấy rằng chẳng phải chỉ riêng ở trong các Cõi Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên ấy, thì mới được có việc thấy, việc được nghe, v.v. ở trong Cảnh tịnh hảo, mà chí đến ngay cả ở trong loài Hữu Tình sinh ở trong Tứ Thống Khổ Địa Giới cũng vẫn có cơ hội để sẽ được thấy, được nghe, v.v. ở trong Cảnh tịnh hảo. Tất cả sự việc này là cũng tùy thuộc vào **Hậu Hậu Thiện Nghiệp Lực (Aparāpariyakusalakamma)**, chẳng hạn như nhóm Hữu Tình Bàng Sinh có sự sống an lạc, được nhìn thấy, được lắng nghe, được ăn, v.v. là chỉ ở trong các sự vật tốt đẹp và luôn cả cũng có sắc tướng xinh đẹp; mà những sự vật đấy là Tâm Quả Dị Thục Thiện Vô Nhân, và **Sắc Nghiệp Lực (Kammajarūpa)**, Sắc Quý Tiết Duyên Nghiệp Lực **(Kammapaccayautujarūpa)** thuộc phần **Quả Báo Duyệt Ý (Iṭṭhārammaṇa)** ở trong Thời Chuyển Khởi. Đối với Tâm Quả Dị Thục Thiện Vô Nhân và Sắc Nghiệp Lực, Sắc Quý Tiết Duyên Nghiệp Lực thuộc phần Quả Báo Duyệt Ý ở trong Thời Chuyển Khởi của nhóm Người Thiện Thú Dục Giới **(Kāmasugati puggala)** và Phạm Thiên Sắc Giới **(Rūpa brahma)** ấy, thì đã rõ ràng rồi. Với lý do này, Ngài Trưởng Lão **Anuruddha** mới trình bày nói rằng: **Tathā pavattiyañca mahāvipākā ni, ahetukavipākāni pana aṭṭhapi sabbat thāme kāmaloke rūpaloke ca yathārahaṃ vipaccati.**

Trong từ ngữ đã nói rằng: **Tathā pavattiyañca mahāvipākāni** đây, nếu sẽ trình bày cho được đầy đủ thì phải trình bày là **Kāmāvacarakusalaṃ pavattiyañca mahā vipākāni kāmasugatiyameva janeti** có nghĩa Thiện Nghiệp Lực Dục Giới này, đã làm cho 8 Tâm Đại Quả sinh khởi làm thành quả báo ở trong Thời Chuyển Khởi, đặc biệt là chỉ ở trong Thất Thiện Thú Dục Giới thôi. Sự việc này cũng vì từ ngữ **Tathā** đấy là loại **Bất Phân Từ (Nipātapada)** dùng để chỉ cho biết được ý nghĩa của từ ngữ nói là **Kāmasugati yameva** và

Janeti, và từ ngữ nói là **Yathārahaṃ** trong phần **Pāḷi** của điều này cũng đã có lời giải thích tương tự với từ ngữ **Yathārahaṃ** trong phần **Pāḷi** điều thứ hai mươi mốt.

+ Giải thích ở trong phần **Pāḷi** với điều thứ hai mươi hai, hai mươi ba, hai mươi bốn, chỗ nói rằng **Tatthāme tihetukamukkaṭṭhaṃ kusalaṃ v.v. pavatte ca ahetuka vipākāneva vipaccati** - Ở trong phần **Pāḷi** của cả ba điều này đã trình bày đến việc phân loại Đại Thiện Nghiệp Lực ra làm nhiều thể loại với nhau, có **Tam Nhân Thượng Phẩm (Tihetukaukkaṭṭha)** v.v. và luôn cả đã trình bày đến quả báo của những Thiện Nghiệp Lực này theo riêng từng mỗi Thời, Thời Tái Sinh và Thời Chuyển Khởi.

Đại Thiện Nghiệp Lực đã vừa đề cập đến ở tại đây, khi phân loại bởi theo **Nhân (Hetu)** thì có được hai thể loại, ấy là: **1/ Thiện Tam Nhân (Tihetukakusala), 2/ Thiện Nhị Nhân (Dvihetukakusala).**

1/ Thiện Tam Nhân ấy, cho dù đang khi thực hiện các Thiện Sự, có **Xả Thí (Dāna), Trì Giới (Sīla), Tu Tập (Bhāvanā)** v.v. với Thân, với Lời, hoặc với Ý đi nữa, và Tâm Thiện của người tác hành ấy có được phối hợp với bất luận là **Tuệ Nghiệp Chủ (Kammas sakatāñāṇa)** hoặc **Minh Sát Trí (Vipassanāñāṇa);** và thể loại Thiện này cũng được gọi là Thiện Tam Nhân, tức là Thiện câu sinh với **Nhân Vô Tham (Alobhahetu), Nhân Vô Sân (Adosahetu), Nhân Vô Si (Amohahetu),** có Chi Pháp là 4 Tâm Đại Thiện Tương Ưng Trí **(Mahākusalañāṇasampayuttacitta).**

Sự hiện hành của Đại Thiện Nghiệp Lực đã phối hợp với Tuệ Nghiệp Chủ ấy, là bậc hữu trí liễu tri ở trong vấn đề Nghiệp Lực và Quả Báo của Nghiệp Lực rằng "tác hành Thiện ắt hẳn được đón nhận quả báo Thiện, tác hành Bất Thiện ắt hẳn phải bị đón nhận quả báo Bất Thiện" và tất cả những loài Hữu Tình ở trong thế gian này có Nghiệp Lực làm Trưởng (chủ vị), có Nghiệp Lực làm người sắp bày. Và một khi đã tạo tác xong rồi, thì nhất định là phải đón nhận quả báo nhanh hoặc chậm của các việc tạo tác ấy. Cũng ví như Ta lấy cục đá ném xuống ở trong lòng hồ nước, thì sẽ hiện khởi lên rằng, nước ấy sẽ tung tóe, sóng sánh, vung vãi lan tỏa ra thành một mặt phẳng rộng lớn, và khi đến tận ở nơi bờ hồ ấy, thì sẽ quay trở vào đến ngay chỗ mà Ta đã ném cục đá xuống vậy. Và nếu như cục đá ấy là loại nhỏ bé, thì độ tung tóe, vung vãi, rồi sẽ lan tỏa và quay trở lại một cách chầm chậm. Và nếu như cục đá ấy là loại to lớn, và cục đá ấy lại có nhiều trọng lực, thì độ tung tóe, vung vãi, rồi sẽ lan tỏa và quay trở lại một cách mau lẹ. Điều tỷ dụ so sánh này cho thấy rằng, việc tác hành Thiện hoặc Bất Thiện của tất cả loài Hữu Tình ấy, một khi đã tạo tác xong rồi, thì thường là chẳng mất đi đâu cả, và nhất định là phải đón nhận quả báo tương tự với việc tung tóe, vung vãi, lan tỏa ra, thế rồi quay trở lại đến nơi chỗ cũ, như thế ấy vậy. Đối với việc phải đón nhận quả báo nhanh hoặc chậm, thì cũng tùy thuộc vào nơi Tư Tâm Sở. Sự cần chuyên nỗ lực của người ấy thực hiện, và Ân Đức Phẩm Vị hoặc vị trí của người đón nhận hành động tạo tác; hoặc **Điều Giới Học (Sikkhāpada),** hoặc điều **Pháp Hành (Paṭipatti)** coi như là trú xứ của hành động tạo tác; và người có sự hiểu biết ngay chính ở trong vấn đề như đã vừa đề cập đến tại đây, thì đã được gọi là Bậc Hữu Tuệ Nghiệp Chủ. Và như thế, việc tác hành những Thiện Sự của nhóm người này mới được sắp vào ở trong phần **Thiện Tam Nhân (Tihetukakusala).**

Sự hiện hành của Đại Thiện Nghiệp Lực đã phối hợp với Minh Sát Tuệ ấy, là bậc hữu trí liễu tri rằng tất cả những sự vật ở trong thế gian này, cho dù là hữu sinh mạng hoặc vô sinh mạng đi nữa, thì cũng chỉ là hiện hữu ở hai thể loại Sắc với Danh, và Danh Sắc này cũng chỉ là vật vô thường, sinh rồi diệt một cách thường luôn, và tất cả đều là **Vô Thường (Anicca), Khổ Đau (Dukkha),** và **Vô Ngã (Anattā).** Bởi thế, trong việc thực hiện các Thiện Sự ấy, người cúng dường, hoặc **Bậc Thụ Thí Xả Nhân (Paṭigāhaka),** thường cũng chỉ là Sắc với Danh, và có thực tính sinh diệt, là Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã. Các sự vật làm thành vật phẩm cúng dường thì cũng chỉ là Sắc Pháp, và có thực tính sinh diệt, là Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã. Tâm Thiện sinh khởi đến với Ta thì cũng chỉ là Danh Pháp, và có thực tính sinh diệt, là Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã, tương tự như nhau. Tuy nhiên có điều khác biệt với nhau, ấy là cho dù Tâm Thiện đã sinh khởi lên và sẽ có sự diệt tắt ở trong từng mỗi sát na đi nữa, thế nhưng mãnh lực của các Thiện Sự ấy cũng chẳng có diệt mất đi được, thường là nối tiếp hiện hữu ở trong Uẩn Giới của người đã tác hành, chờ khi có được cơ hội ở trong thời gian nào tức thì trổ sinh quả báo cho hiện khởi lên ngay ở trong kiếp sống hiện tại và kiếp sống vị lai. Và ngay ở trong sát na mà Tâm Thiện đang sinh khởi, thì cũng làm cho người ấy có được Tâm thanh tịnh, Tâm an lạc, và chẳng khởi sinh sự sầu khổ. Cũng giống như người đã đồng ý bỏ tiền ra để mua nước tắm. Trong sát na đang tắm nước ấy, thì từng mỗi giọt nước ở trong cái thau tắm, cũng đã chảy xuống thấm vào ở trong lòng đất, và chẳng còn dư sót; cho dù là người tắm ấy cũng đã đồng ý để mà mua nước tắm mỗi ngày. Tất cả sự việc này là cũng do liễu tri được rằng, cho dù quả thật nước để mà tắm ấy sẽ chẳng có dính khắt ở trên cơ thể đi nữa, tuy nhiên nước ấy cũng có khả năng làm cho cơ thể được đón nhận sự mát mẻ tươi tỉnh, và luôn cả làm vệ sinh, tắm rửa các vật bẩn thỉu uế tạp đang dính khắt ở trong cơ thể cho được hết sạch đi. Điều này như thế nào, thì mãnh lực của Tâm Thiện đã sinh khởi rồi diệt đi ở trong từng mỗi sát na, cũng như thế ấy. Người đã có được sự liễu tri ở trong vấn đề như vừa đề cập đến ở tại đây, đã được gọi là Bậc Hữu Minh Sát Tuệ và hành động tạo tác các Thiện Sự của nhóm người này cũng được sắp vào ở trong phần **Thiện Tam Nhân (Tihetukakusala).**

Việc kiến tạo các Thiện Sự đã phối hợp với Minh Sát Tuệ ấy, thì đã được sắp vào loại Thiện thù thắng cùng tột. Như thế, tất cả các hàng Phật Tử, là những người cư sĩ tại gia và các bậc xuất gia, mới cần chuyên nỗ lực để sẽ làm cho việc thực hiện Thiện Sự của mình, cho làm thành Thiện phối hợp với Minh Sát Tuệ, hoặc Tuệ Nghiệp Chủ một cách thường luôn; và để cho được đón nhận **Quả Báo Cực Đại (Mahapphala), Quả Phước Báu Cự Đại (Mahānisaṅsa),** cả ở trong kiếp sống hiện tại và luôn cả những kiếp sống tiếp nối theo sau.

2/ Thiện Nhị Nhân ấy, là đang khi thực hiện các Thiện Sự, có **Xả Thí (Dāna), Trì Giới (Sīla), Tu Tập (Bhāvanā)** v.v. với Thân, với Lời, hoặc với Ý đi nữa, và Tâm Thiện của người tác hành ấy đã không có phối hợp với **Tuệ Nghiệp Chủ (Kammassakatāñāṇa)** hoặc **Minh Sát Trí (Vipassanāñāṇa),** bất luận là trường hợp nào. Thể loại Thiện này đã được gọi là Thiện Nhị Nhân, tức là Thiện chỉ câu sinh với **Nhân Vô Tham (Alobhahetu), Nhân Vô Sân (Adosahetu)** mà thôi, thiếu mất đi **Nhân Vô Si (Amohahetu),** và có Chi Pháp là 4 Tâm Đại Thiện Bất Tương Ưng Trí **(Mahākusalañāṇavippayuttacitta).**

Sự hiện hành của thể loại Đại Thiện này, là những việc làm Thiện ấy chẳng phải chỉ có riêng ở trong hàng Phật Tử, mà ngay cả những người ở trong các tôn giáo khác, hoặc một số người hoang dã kém văn minh, hoặc một vài nhóm Hữu Tình Bàng Sinh cũng có được sinh khởi loại Thiện này. Vì lẽ những việc làm Thiện đấy, chính là Thân Hành Thiện, Ngữ Hành Thiện và Ý Hành Thiện. Tuy nhiên, trong hành động tạo tác Thiện Sự của nhóm người như đã vừa đề cập đây, chẳng có việc thẩm sát liên quan với Tuệ Nghiệp Chủ hoặc Minh Sát Tuệ, bất luận là trường hợp nào. Tác hành chỉ nhắm vào lợi ích trước mắt, hoặc thực hiện theo bổn phận, hoặc theo phong tục tập quán, hoặc có người bắt buộc, cưỡng bức phải thực hiện. Y như trẻ con chẳng có sự hiểu biết về Nhân Quả của việc tạo ra Phước Báu, một khi người lớn chỉ bảo cho việc để bát, hoặc chỉ bảo cho việc lễ Phật tụng kinh, hoặc cho việc cúng dường vật dụng đến Chư Tăng, thì cũng thực hiện y theo người lớn đã chỉ bảo mà thôi.

Lại nữa, hành động tạo tác Thiện Sự của hạng người tuân theo Phật Giáo, và người thực hiện Thiện Sự ấy cũng chẳng phải là trẻ con, thế nhưng Tâm Thiện sinh khởi với người ấy lại là Thiện Nhị Nhân; tức là chỉ thuộc loại Thiện thông thường và có số lượng ít oi. Sự việc là như vậy, cũng vì nhóm người này chẳng có đủ kiến thức ở trong lãnh vực Phật Giáo, đặc biệt nhất là **Tạng Vô Tỷ Pháp (Abhidhamma)** và luôn cả tự bản thân cũng chẳng có quan tâm để cần chuyên nỗ lực cho được liễu tri ở trong nội dung chi tiết của Tạng Vô Tỷ Pháp này. Ngay cả trong sát na phóng khí xả thí, hoặc sát na xuất gia Tỳ Khưu, xuất gia Tu Nữ, hoặc sát na tiến tu **An Chỉ Nghiệp Xứ (Samathakammaṭṭhāna),** hoặc **Minh Sát Tuệ Nghiệp Xứ (Vipassanākammaṭṭhāna),** thì hầu hết trạng thái hiện hành của nhóm người này thường chỉ dính mắc với **Ái Dục (Taṇhā), Ngã Mạn (Māna), và Tà Kiến (Diṭṭhi).** Cho dù sẽ có dáng vẻ cử chỉ là lịch thiệp ngoan hiền đi nữa, thế nhưng đó chỉ là hiện hành dáng vẻ bề ngoài mà thôi. Rằng khi theo đường lối của Tạng Kinh thì sẽ nói là lịch thiệp ngoan hiền, tuy nhiên nếu nói theo đường lối của Tạng Vô Tỷ Pháp thì không kể là lịch thiệp ngoan hiền. Vì lẽ người ấy có tâm bị vẩn đục do bởi mãnh lực **Ái Dục (Taṇhā), Ngã Mạn (Māna),** và **Tà Kiến (Diṭṭhi).** Vì thế, hành động tạo tác Thiện Sự của người này mới sắp vào ở trong phần Thiện Nhị Nhân (**Dvihetukakusala**).

Phân Loại Thiện Tam Nhân Và Thiện Nhị Nhân Theo Thượng Phẩm Và Hạ Phẩm

Từng mỗi Thiện Tam Nhân và Thiện Nhị Nhân như đã vừa đề cập đến đây, được phân chia ra làm hai thể loại, ấy là:

Thiện Tam Nhân Bậc Thượng Phẩm, ấy là Thiện ở bậc cao thượng.

Thiện Tam Nhân Bậc Hạ Phẩm, ấy là Thiện ở hạng thấp kém.

Thiện Nhị Nhân Bậc Thượng Phẩm, ấy là Thiện ở bậc cao thượng.

Thiện Nhị Nhân Bậc Hạ Phẩm, ấy là Thiện ở hạng thấp kém.

Sự hiện hành của Thiện Tam Nhân và Thiện Nhị Nhân thuộc vào Thượng Phẩm ấy, là trước khi sẽ thực hiện hoặc sau khi đã thực hiện hoàn thành các Thiện Sự, có việc Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập, v.v. thì Tâm Thức của người thực hiện ấy không có Bất Thiện trộn lẫn vào. Có nghĩa là trước khi sẽ thực hiện, thì người ấy có sự quyết tâm và sẵn lòng để sẽ tác hành các việc làm Thiện ấy, một cách kiên định và bất thoái trước khó khăn, hoặc ngán ngẩm trước những gian khổ, mà bản thân đang hoặc sẽ phải hứng lãnh lấy trước mắt. Và như thế,

đã được gọi là **Tư Tiền (Pubbacetanā)** của người ấy hiện hành một cách thanh tịnh. Và một khi người ấy đã tác hành viên mãn một cách tốt đẹp các việc làm Thiện ấy, tức thời khởi sinh lên sự hoan hỷ duyệt ý, và chẳng còn nghĩ tưởng đến sự mệt nhọc và khó khổ, hoặc sự tổn công phí sức, bất luận là trường hợp nào. Chỉ có sự vui sướng ở trong lòng trong các việc làm Thiện mà mình đã được thực hiện thành tựu viên mãn y theo sở nguyện. Và như thế, đã được gọi là **Tư Hậu (Aparacetanā)** của người ấy hiện hành một cách thanh tịnh. Với lý do này, Xả Thí Thiện, Trì Giới Thiện hoặc Tu Tập Thiện khởi sinh đến với người ấy sẽ là Thiện Tam Nhân hoặc Thiện Nhị Nhân, và đã được sắp thành **Thiện Thượng Phẩm (Ukkaṭṭhakusala)** tức là Thiện ở bậc cao thượng.

Sự hiện hành của Thiện Tam Nhân và Thiện Nhị Nhân thuộc vào Hạ Phẩm ấy, là trước khi sẽ thực hiện hoặc sau khi đã thực hiện hoàn thành các Thiện Sự, có việc Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập, v.v. thì Tâm Thức của người thực hiện ấy có Bất Thiện trộn lẫn vào. Có nghĩa là trước khi sẽ thực hiện, thì người ấy không có sự quyết tâm và chẳng có sẵn lòng để sẽ tác hành các việc làm Thiện ấy. Giả như có thực hiện, thì ắt hẳn phải có sự cưỡng bức ép buộc, hoặc cũng có khi nhìn người khác họ thực hiện thì cũng đua tranh với họ, hoặc thực hiện để tầm cầu lợi ích cho riêng mình theo con đường thế gian. Và như thế, đã được gọi là **Tư Tiền (Pubbacetanā)** của người ấy hiện hành một cách bất tịnh. Và một khi người ấy đã đã tác hành viên mãn một cách tốt đẹp các việc làm Thiện ấy, thì chẳng có phát sinh **niềm hoan hỷ phỉ lạc (Pītisomanassa)**, mà trái lại chỉ có sự khổ sầu ưu não, bởi do việc nghĩ tưởng đến sự mệt nhọc khó khổ, hoặc nghĩ tưởng đến việc tốn hao bạc tiền đã chi dụng ở trong các việc làm Thiện ấy. Hoặc giả có sự tầm cầu lợi ích ở trong con đường thế gian, mà nhỡ như được thành tựu y theo sở nguyện thì cũng có khởi sinh lên sự hoan hỷ duyệt ý. Còn nhỡ như không được thành tựu y theo sở nguyện thì khởi sinh lên sự buồn lòng, và khổ tâm. Những thể loại này đã được gọi là **Tư Hậu (Aparacetanā)** của người ấy hiện hành một cách bất tịnh. Với lý do này, Xả Thí Thiện, Trì Giới Thiện hoặc Tu Tập Thiện khởi sinh đến với người ấy sẽ là Thiện Tam Nhân hoặc Thiện Nhị Nhân, và đã được sắp thành **Thiện Hạ Phẩm (Omakakusala)** tức là Thiện ở hạng thấp kém.

Trong cả hai thể loại Tư Tâm Sở, là **Tư Tiền (Pubbacetanā)** và **Tư Hậu (Apara cetanā)** làm thành dụng cụ phán quyết rằng các Thiện Sự ấy, sẽ là **Thiện Thượng Phẩm (Ukkaṭṭhakusala)** hoặc là **Thiện Hạ Phẩm (Omakakusala)** ấy, Tư Hiện rất là trọng yếu hơn Tư Tiền, vì lẽ Tư Hậu đó chính là Tư Tâm Sở sinh khởi sau khi đã tác hành các Thiện Sự ấy được thành tựu viên mãn. Với lý do này, cho dù Tư Tiền sẽ là bất tịnh đi nữa, tuy nhiên Tư Hậu lại thanh tịnh, cũng được sắp thành Thiện Thượng Phẩm; hoặc cho dù Tư Tiền thanh tịnh đi nữa, và nhỡ như Tư Hậu lại bất tịnh, thì Thiện Sự ấy cũng phải sắp thành Thiện Hạ Phẩm.

PHÂN LOẠI THIỆN THƯỢNG PHẨM VÀ THIỆN HẠ PHẨM THEO HẬU HẬU TƯ TÂM SỞ (APARĀPARACETANĀ)

Từ ngữ nói rằng **Aparāparacetanā - Tư Hậu Hậu** là Tư Tâm Sở sinh khởi sau khi đã tạo tác với thời gian lâu dài. Có nghĩa là Tư Tâm Sở Thiện hoặc Bất Thiện sinh khởi sau khi Tư Hậu đã sinh và đã ra đi rồi, trong khoảng thời gian một ngày, hoặc một tháng v.v. Những thể loại này đã được liệt vào loại Tư Hậu Hậu hết tất cả. Và Tư Hậu Hậu này, nếu là Thiện, tức là một khi truy niệm đến các việc phóng khí xả thí, trì giới, tiến hóa tu tập của mình đã có tác hành, cho dù đã trải qua với thời gian rất nhiều ngày, hoặc nhiều tháng rồi đi nữa, cũng vẫn phát sinh **niềm hoan hỷ phỉ lạc (Pītisomanassa)**, có niềm tịnh tín kiên định ở trong Thiện Sự của mình, và có Tuệ Tri điều lợi ích ở trong Thiện Sự của mình đang thường luôn khởi sinh. Chính loại Tư Hậu Hậu như vậy, là Thiện Ý và được sắp vào thể loại Thiện Thượng Phẩm. Nếu Tư Hậu Hậu là Bất Thiện, tức là một khi truy niệm đến các việc phóng khí xả thí, trì giới, tiến hóa tu tập của mình đã có tác hành; và đến thời gian nối tiếp, thì khởi sinh sự bất duyệt ý, buồn lòng, ưu não; hoặc khởi sinh sự hân hoan, mảng vui thích dính mắc với **Ái Dục (Taṇhā);** hoặc khởi sinh sự kiêu hãnh ở trong Tâm rằng Ta đã làm được Thiện Sự tốt hơn người khác, thế rồi khởi sinh **Ngã Mạn (Māna)**. Chính loại Tư Hậu Hậu như vậy, là Bất Thiện Ý và đã sắp vào thể loại Bất Thiện Hạ Phẩm. Và như thế, cả bốn thể loại, Tam Nhân Thượng Phẩm và Hạ Phẩm, Nhị Nhân Thượng Phẩm và Hạ Phẩm này, khi phân loại bởi theo **Tư Hậu Hậu (Aparāparacetanā)** thường hiện hữu được 8 thể loại, ấy là:

1. Thiện Tam Nhân Thượng Thượng Phẩm **(Tihetuka ukkaṭṭhukkaṭṭha kusala)**,
2. Thiện Tam Nhân Thượng Hạ Phẩm **(Tihetuka ukkaṭṭhomaka kusala)**,
3. Thiện Tam Nhân Hạ Thượng Phẩm **(Tihetuka omakukkaṭṭha kusala)**,
4. Thiện Tam Nhân Hạ Hạ Phẩm **(Tihetuka omakomaka kusala)**,
5. Thiện Nhị Nhân Thượng Thượng Phẩm **(Dvihetuka ukkaṭṭhukkaṭṭha kusala)**,
6. Thiện Nhị Nhân Thượng Hạ Phẩm **(Dvihetuka ukkaṭṭhomaka kusala)**,
7. Thiện Nhị Nhân Hạ Thượng Phẩm **(Dvihetuka omakukkaṭṭha kusala)**,
8. Thiện Nhị Nhân Hạ Hạ Phẩm **(Dvihetuka omakomaka kusala)**.

Sự hiện hành của những cả bốn Thiện Tam Nhân và cả bốn Thiện Nhị Nhân đây, có được như vầy:

+ Sát na **Tư Hiện (Muñcacetanā)** sinh khởi và câu sinh với Tam Nhân, gọi là **Thiện Tam Nhân (Tihetukakusala).**

+ Sát na **Tư Hậu (Aparacetanā)** hoặc Tư Hậu Hậu sinh khởi và hiện hành một cách thanh tịnh, chẳng có pha trộn với Bất Thiện, gọi là **Thượng Thượng Phẩm (Ukkaṭ ṭhukkaṭṭha).**

+ Sát na **Tư Hậu** sinh khởi là Thiện, nhưng mà Tư Hậu Hậu lại Bất Thiện, gọi là **Thượng Hạ Phẩm (Ukkaṭṭhomaka).**

+ Sát na Tư Hậu sinh khởi là Bất Thiện, nhưng mà Tư Hậu Hậu lại Thiện, gọi là **Hạ Thượng Phẩm (Omakukkaṭṭha).**

+ Sát na Tư Hậu sinh khởi là Bất Thiện, và Tư Hậu Hậu cũng Bất Thiện, gọi là **Hạ Hạ Phẩm (Omakomaka).**

+ Nếu trong sát na **Tư Hiện (Muñcacetanā)** sinh khởi và câu sinh với Nhị Nhân, thiếu mất Nhân Vô Si, gọi là **Thiện Nhị Nhân (Dvihetukakusala).**

Đối với sự hiện hành ở thể loại Thượng Thượng Phẩm v.v. thì cũng được hiện hành tương tự cùng một phương thức với nhóm Thiện Tam Nhân.

TRÌNH BÀY VIỆC TRỔ SINH QUẢ BÁO CỦA THIỆN TAM NHÂN THƯỢNG PHẨM (TIHETUKAUKKAṬṬHAKUSALA) v.v.

+ Việc trổ sinh quả báo của Thiện Tam Nhân ở trong Thời Tái Sinh, tức là cho 4 **Tâm Đại Quả Tương Ưng Trí (Mahāvipākañāṇasampayuttacitta)** làm thành **Tái Sinh Tam Nhân (Tihetukapaṭisandhi).** Lập ý đến, là cho được sinh làm Người hoặc Chư Thiên ở bậc cao thượng. Còn ở trong Thời Chuyển Khởi, thì cho được 8 Tâm Quả Thiện Vô Nhân và 8 Tâm Đại Quả, gom lại thành 16 quả báo. Lập ý đến, là một khi đã được sinh làm Người hoặc Chư Thiên ở bậc cao thượng rồi, thì thường được tiếp thâu những Cảnh tịnh hảo, có việc nhìn thấy, việc được lắng nghe, v.v.

+ Việc trổ sinh quả báo của cả hai thể loại: Thiện Tam Nhân Thượng Thượng Phẩm và Thiện Tam Nhân Thượng Hạ Phẩm đây, rằng một khi thể theo **Dĩ Pháp Bản Nguyện (Dhammādhiṭṭhāna)** thì thường cho trổ sinh quả bảo cũng tương tự với Thiện Tam Nhân Thượng Phẩm, ở cả hai Thời, Thời Tái Sinh và Thời Chuyển Khởi. Tuy nhiên, rằng một khi thể theo **Dĩ Nhân Bản Nguyện (Puggalādhiṭṭhāna)** thì có một vài sự khác biệt với nhau, tức là quả báo đã được đón nhận từ Thiện Tam Nhân Thượng Thượng Phẩm ắt hẳn cao quý hơn quả báo của Thiện Tam Nhân Thượng Phẩm. Còn quả báo đã được đón nhận từ Thiện Tam Nhân Thượng Hạ Phẩm đấy, ắt hẳn thấp kém hơn quả báo của Thiện Tam Nhân Thượng Phẩm.

+ Việc trổ sinh quả báo của cả hai thể loại: Thiện Tam Nhân Hạ Phẩm và Thiện Nhị Nhân Thượng Phẩm đây, ở trong Thời Tái Sinh cho được 8 Tâm Đại Quả Bất Tương Ưng Trí làm thành Tái Sinh Nhị Nhân. Lập ý đến, là cho được sinh làm Người hoặc Chư Thiên ở bậc trung. Còn ở trong Thời Chuyển Khởi đấy, thì cho được 8 Tâm Quả Thiện Vô Nhân và 4 Tâm Đại Quả Bất Tương Ưng Trí, gom lại thành 12 quả báo. Lập ý đến, một khi đã được sinh làm Người hoặc Chư Thiên ở bậc trung rồi, thì thường có được tiếp thâu các Cảnh tịnh hảo loại trung bình, có việc nhìn thấy, việc được lắng nghe, v.v.

+ Việc trổ sinh quả báo của cả ba thể loại: Thiện Tam Nhân Hạ Thượng Phẩm, Thiện Tam Nhân Hạ Phẩm, Thiện Nhị Nhân Thượng Thượng Phẩm, và Thiện Nhị Nhân Thượng Hạ Phẩm đây, rằng một khi thể theo **Dĩ Pháp Bản Nguyện (Dhammādhiṭṭhāna)** thì thường cho trổ sinh quả báo cũng tương tự với Thiện Tam Nhân Hạ Phẩm và Thiện Nhị Nhân Thượng Phẩm, ở cả hai Thời, Thời Tái Sinh và Thời Chuyển Khởi. Tuy nhiên, rằng một khi thể theo **Dĩ Nhân Bản Nguyện (Puggalādhiṭṭhāna)** thì có một vài sự khác biệt với nhau, tức là quả báo đã được đón nhận từ ở cả hai: Thiện Tam Nhân Hạ Thượng Phẩm và Thiện Nhị Nhân Thượng Thượng Phẩm đây, ắt hẳn có quả báo tốt hơn quả báo đã được đón nhận từ Thiện Tam Nhân Hạ Hạ Phẩm và Thiện Nhị Nhân Thượng Hạ Phẩm. Còn quả báo đã

được đón nhận từ ở cả hai: Thiện Tam Nhân Hạ Hạ Phẩm và Thiện Nhị Nhân Thượng Hạ Phẩm đây, ắt hẳn thấp kém hơn quả báo đã được đón nhận từ Thiện Tam Nhân Hạ Phẩm và Thiện Nhị Nhân Thượng Phẩm.

+ Việc trổ sinh quả báo của Thiện Nhị Nhân Hạ Phẩm ở trong Thời Tái Sinh cho được Tâm Quả Thẩm Tấn Thiện Xả Thọ làm thành Tái Sinh Vô Nhân. Lập ý đến, là cho được sinh làm Người hoặc Chư Thiên ở bậc thấp. Sẽ nói được là, cho được sinh làm Người bị dị tật, có điên cuồng, đui mù, câm điếc, v.v. hoặc cho làm thành hạng **Chư Thiên Thụ Khổ Nạn Giả Atula (Vinipātika Asurā)** đã được sắp vào ở trong nhóm Thiên Ma. Còn ở trong Thời Chuyển Khởi thì chỉ cho được 8 Tâm Quả Thiện Vô Nhân làm thành quả báo mà thôi. Lập ý đến có được tiếp thâu các Cảnh tốt thông thường, có việc nhìn thấy, việc được lắng nghe, v.v.

+ Việc trổ sinh quả báo của cả hai thể loại: Thiện Nhị Nhân Hạ Thượng Phẩm và Thiện Nhị Nhân Hạ Hạ Phẩm đây, rằng một khi thể theo **Dĩ Pháp Bản Nguyện (Dhammā dhiṭṭhāna)** thì thường cho trổ sinh quả báo cũng tương tự với Thiện Nhị Nhân Hạ Phẩm, ở cả hai Thời, Thời Tái Sinh và Thời Chuyển Khởi. Tuy nhiên, rằng một khi thể theo **Dĩ Nhân Bản Nguyện (Puggalādhiṭṭhāna)** thì có một vài sự khác biệt với nhau, tức là quả báo đã được đón nhận từ Thiện Nhị Nhân Hạ Thượng Phẩm đấy, ắt hẳn có quả báo tốt hơn quả báo của Thiện Nhị Nhân Hạ Phẩm; quả báo đã được đón nhận từ Thiện Nhị Nhân Hạ Hạ Phẩm ắt hẳn thấp kém hơn quả báo của Thiện Nhị Nhân Hạ Phẩm.

Lại nữa, tất cả những Thiện Pháp, có Thiện Tam Nhân Thượng Phẩm v.v. như đã vừa đề cập ở tại đây, nếu có được câu hành với bất luận một trong **Tứ Trưởng Pháp (Adhipatīdhamma)**, có **Dục (Chanda), Cần (Viriya), Tâm (Citta), Thẩm (Vimaṃsa, Paññā)** thì Thiện Pháp ấy cho quả phước báu dũng mãnh đặc thù hơn cả thể loại thông thường. Lập ý đến cho có được danh vị và quyền lực, có đông đủ tôi tớ người tùy tùng, có sắc da phu sắc xinh đẹp, có được sức khỏe và trường thọ, có được Niệm và Trí Tuệ viên mãn, vừa theo thích hợp đối với từng thể loại của các Thiện Pháp ấy.

+ Giải thích ở trong phần **Pāḷi** với điều thứ hai mươi lăm, hai mươi sáu, trình bày đến ý kiến của **Nhất Ban Giáo Sư (Kecī Acāriya)** nói rằng: **Asaṅkhāraṃ sasaṅkhāra** v.v. cho đến **Yathāsambhavamuddise.**

Việc trổ sinh quả báo của Thiện Dục Giới **(Kāmāvacarakusala)** có Thiện Tam Nhân Thượng Phẩm, v.v. như đã vừa đề cập rồi đấy, thuộc phần **Liên Hợp Kiến (Samānavāda – Nhất Trí Kiến),** tức là ý kiến thống nhất với nhau của tất cả các bậc Giáo Thọ có sự hiểu biết sâu rộng ở trong thực tính của Ngài Trưởng Lão **Anuruddha**, v.v. Đối với Nhất Ban Giáo Sư là ý kiến của một vài Ngài Giáo Thọ, tức là Ngài Trưởng Lão **Mahādatta** trú ngụ ở tại tịnh thất, **Ao Khổng Tước (Moravāme)** trong Đảo Quốc **Lankā**, đã nói rằng chủng loại Thiện Nghiệp Lực Vô Dẫn **(Asaṅkhārikakusalakamma)** thì không cho sinh khởi Quả Dị Thục Hữu Dẫn **(Sasaṅkhārika)** làm thành quả báo; và tương tự, Thiện Nghiệp Lực Hữu Dẫn **(Sasaṅkhārikakusalakamma)** cũng không cho sinh khởi quả báo là Quả Dị Thục Vô Dẫn. Như thế, nếu thể theo Nhất Ban Giáo Sư, khi tính số lượng Quả Dị Thục của Dục Giới Thiện thì thường có được như sau:

1. Hai cái Tâm Thiện Tam Nhân Thượng Phẩm Vô Dẫn cho trổ sinh quả báo 12 cái, ấy là 8 Tâm Quả Dị Thục Thiện Vô Nhân, 4 Tâm Đại Quả Vô Dẫn.

2. Hai cái Tâm Thiện Tam Nhân Thượng Phẩm Hữu Dẫn cho trổ sinh quả báo 12 cái, ấy là 8 Tâm Quả Dị Thục Thiện Vô Nhân, 4 Tâm Đại Quả Hữu Dẫn.

3. Hai cái Tâm Thiện Tam Nhân Hạ Phẩm Vô Dẫn, và hai cái Tâm Thiện Nhị Nhân Thượng Phẩm Vô Dẫn, kết hợp 4 cái này lại cho trổ sinh quả báo 10 cái, ấy là 8 Tâm Quả Dị Thục Thiện Vô Nhân, 2 Tâm Đại Quả Bất Tương Ưng Trí Vô Dẫn.

4. Hai cái Tâm Thiện Tam Nhân Hạ Phẩm Hữu Dẫn, và hai cái Tâm Thiện Nhị Nhân Thượng Phẩm Hữu Dẫn, kết hợp 4 cái này lại cho trổ sinh quả báo 10 cái, ấy là 8 Tâm Quả Dị Thục Thiện Vô Nhân, 2 Tâm Đại Quả Bất Tương Ưng Trí Hữu Dẫn.

5. Hai cái Tâm Thiện Nhị Nhân Hạ Phẩm Vô Dẫn, và hai cái Tâm Hữu Dẫn, kết hợp 4 cái này lại cho trổ sinh quả báo 8 cái, ấy là 8 Tâm Quả Dị Thục Thiện Vô Nhân.

(Đối với Quả Dị Thục Thiện Vô Nhân ấy, không được tính là Tâm Vô Dẫn hoặc Tâm Hữu Dẫn với bất luận trường hợp nào; vì thế mới làm thành quả báo của khắp mọi Thiện). Khi trình bày theo số lượng Quả Dị Thục Thiện Dục Giới, thể theo cả hai **Liên Hợp Kiến (Samānavāda – Nhất Trí Kiến)** và **Nhất Ban Kiến (Kecivāda)** đây, thì có được như sau:

Dục Giới Thiện (Kāmāvacarakusala)	**Số Lượng Quả Dị Thục Theo Liên Hợp Kiến**	**Số Lượng Quả Dị Thục Theo Nhất Ban Kiến**
Tam Nhân Thượng Phẩm Vô Dẫn: 2 Hữu Dẫn: 2	16	12
Tam Nhân Hạ Phẩm và Nhị Nhân Thượng Phẩm Vô Dẫn: 4 Hữu Dẫn: 4	12	10
Nhị Nhân Hạ Phẩm Vô Dẫn: 2 Hữu Dẫn: 2	8	8

TRÌNH BÀY LẬP LUẬN CỦA NHẤT BAN KIẾN (KECIVĀDA)

Trong sự việc Quả Dị Thục Vô Dẫn và Hữu Dẫn đấy, mà liên hệ với Nghiệp Lực làm thành **Tác Nhân (Hetu)**, và nếu Nghiệp Lực ấy là Vô Dẫn, thì Quả Dị Thục thụ lãnh ở trong các Kiếp sống nối tiếp, cũng hiện hành là Vô Dẫn. Cũng tương tự như vậy, nếu Nghiệp Lực ấy là Hữu Dẫn, thì Quả Dị Thục thụ lãnh ở trong các Kiếp sống nối tiếp, cũng hiện hành là Hữu Dẫn. Cũng ví như Ta soi gương hình bóng hiển lộ ở trong chiếc gương ấy cũng phải

giống với diện mạo của Ta. Nếu sắc diện của Ta đang yên lặng thì hình bóng của Ta ở trong chiếc gương ấy cũng hiển lộ yên lặng; nếu sắc diện của Ta có việc hoạt động thì hình bóng của Ta ở trong chiếc gương ấy cũng hoạt động. Chính với lý do này, Thiện Nghiệp Lực Vô Dẫn mới không cho trổ sinh quả báo thành Hữu Dẫn được, và chỉ phải trổ sinh quả báo là Vô Dẫn. Và Thiện Nghiệp Lực Hữu Dẫn cũng không cho trổ sinh quả báo là Vô Dẫn được, mà chỉ phải trổ sinh quả báo thành Hữu Dẫn mà thôi.

TRÌNH BÀY VIỆC QUYẾT ĐOÁN Ở TRONG NHẤT BAN KIẾN

Thể theo ý kiến của Ngài Trưởng Lão **Mahādatta** mà đã được gọi là bậc Nhất Ban Giáo Sư **(Kecī Acāriya)** đây, thì tất cả những Bậc Chú Giải Sư như có Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** v.v. đã không đồng thuận với ý kiến này, vì lẽ những Tâm Quả Dị Thục này, rằng một khi theo **Sự Vụ (Kicca – Nhiệm Vụ)** thì đã có được Tái Sinh Sự Vụ, Hữu Phần Sự Vụ, Tử Vong Sự Vụ, Na Cảnh Sự Vụ và **Kiến Sự Vụ (Dassanakicca – Sự Thấy),** v.v. cho đến Thẩm Tấn Sự Vụ. Và một khi sát na thực hiện nhiệm vụ ở chỗ Tái Sinh, Hữu Phần, Tử Vong đấy, thì cũng có bất luận một trong các **Nghiệp Lực (Kamma), Nghiệp Tướng (Kammanimitta)** và **Thú Tướng (Gatinimitta)** làm thành **Cảnh (Ārammaṇa).** Nếu những thể loại Cảnh này, sinh khởi bởi theo **Sự Nỗ Lực (Payoga)** của tự bản thân hoặc của bởi tha nhân, thế thì những thể loại Tâm Tái Sinh, Tâm Hữu Phần, Tâm Tử Vong đây, cũng sẽ phải là loại Tâm Hữu Dẫn. Nếu những thể loại đã là Cảnh Nghiệp, Cảnh Nghiệp Tướng và Cảnh Thú Tướng này đã sinh khởi, mà chẳng phải bởi do nương vào Sự Nỗ Lực bất luận là của tự bản thân hoặc của bởi tha nhân, thế thì những thể loại Tâm Tái Sinh, Tâm Hữu Phần, Tâm Tử Vong đây, cũng sẽ phải là loại Tâm Vô Dẫn. Như thế, cho dù quả thật những thể loại Tâm Tái Sinh, Tâm Hữu Phần, Tâm Tử Vong đây, đã là Quả Dị Thục của **Nghiệp Lực Quá Khứ (Atītakamma)** đi nữa, tuy nhiên sự thành Vô Dẫn hoặc Hữu Dẫn của những loại Tâm Quả Dị Thục này, thì cũng chẳng có liên quan chi đối với Nghiệp Lực Quá Khứ chút nào cả, mà chỉ có liên hệ với Sự Nỗ Lực của tự bản thân hoặc của tha nhân mà thôi.

Còn sự thành Vô Dẫn hoặc Hữu Dẫn của Tâm Quả Dị Thục làm nhiệm vụ Na Cảnh đấy, thì Ngài Phụ Chú Giải **Căn Gốc (Mūlaṭīkā)** đã có trình bày để ở trong **Bộ Quả Dị Thục Từ Giải (Vipākapadavaṇṇanā)** nói rằng: "Phần đa số là hiện hành liên hệ với cái Tâm Đồng Lực sinh trước", tức là cái Tâm Đồng Lực sinh khởi ấy đã là Vô Dẫn, thì cái Tâm Na Cảnh cũng sẽ là Vô Dẫn. Nếu cái Tâm Đồng Lực sinh khởi ấy đã là Hữu Dẫn, thì cái Tâm Na Cảnh cũng sẽ là Hữu Dẫn. Như thế, cho dù quả thật những thể loại Tâm Na Cảnh này, đã là Quả Dị Thục của Nghiệp Lực Quá Khứ đi nữa, tuy nhiên sự thành Vô Dẫn hoặc Hữu Dẫn của những loại Tâm Quả Dị Thục này, thì cũng chẳng có liên quan chi đối với Nghiệp Lực Quá Khứ chút nào cả, mà phần đa số là chỉ có liên hệ với Tâm Đồng Lực sinh trước mà thôi.

Đối với Tâm Nhãn Thức v.v. đấy, cho dù quả thật sẽ là Quả Dị Thục của Nghiệp Lực Quá Khứ đi nữa, tuy nhiên một khi sát na sinh khởi lên ấy, thì thường phải nương vào tác nhân trước mắt làm thành yếu tố trọng yếu; có nghĩa là Tâm Nhãn Thức thường sẽ sinh khởi

lên được, là cần phải nương vào bốn tác nhân, có **Nhãn Thanh Triệt (Cakkhupasāda), Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa), Ánh Sáng (Āloka),** và **Tác Ý (Manasikāra).** Một khi đã hội đủ cả những bốn tác nhân này rồi, thì Tâm Nhãn Thức tự sinh khởi lên theo lẽ thường nhiên, và sẽ chẳng có một ai điều khiển để làm cho khởi sinh lên được. Nếu đã không hội đủ cả bốn tác nhân này rồi, thì cũng không có một ai sẽ đi đến để điều khiển Tâm Nhãn Thức ấy sinh khởi lên được.

Vì thế, với bất luận là trường hợp nào, mới không thể nào nói được rằng Tâm Nhãn Thức v.v. sẽ là Vô Dẫn hoặc Hữu Dẫn. Còn Tâm Tiếp Thâu, Tâm Thẩm Tấn đây, cũng cần phải nương sinh theo Tâm Nhãn Thức v.v. mà hiện hành, là hiện hành thể theo thực tính của **Niêm Luật Tâm (Cittaniyāma).** Bởi thế, cũng tương tự như nhau, mới không có điều nào để sẽ nói rằng những thể loại Tâm Tiếp Thâu, và Tâm Thẩm Tấn này, là Vô Dẫn hoặc là Hữu Dẫn. Với lý do này, tất cả những bậc Giáo Thọ Sư có Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** v.v. mới định danh ý kiến Ngài Trưởng Lão **Mahādatta** rằng là **Nhất Ban Kiến (Kecivāda),** ấy là ý kiến vẫn chưa có thể đón nhận để làm thành cơ sở lý luận được.

+ Giải thích ở trong phần **Pāḷi** với điều thứ hai mươi bảy, v.v cho đến điều thứ ba mươi lăm, chỗ trình bày đến việc trổ sinh quả báo của Ngũ Thiện Nghiệp Lực Hữu Sắc Giới **(Rūpāvacarakusalakamma 5).**

Việc trình bày đến **Trú Xứ Khai Quả (Pākaṭṭhāna)** của Thiện Nghiệp Lực Hữu Sắc Giới đấy, là để cho được hiểu biết thể theo phần **Pāḷi** của Bộ Chú Giải Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp **(Abhidhammatthasaṅgaha)** đã có được trình bày để ở trong phần trên rồi. Còn sự hiện hành từ **Hạ Phẩm (Paritta – Yếu Kém), Trung Phẩm (Majjhima – Trung Bình), Thượng Phẩm (Paṇīta – Thanh Lương)** của Thiện Nghiệp Lực Hữu Sắc Giới ấy, thì thường hiện hành với hai thể loại mãnh lực, ấy là: **1/ Tứ Chi Trưởng Pháp (Aṅga Adhipati)** và **2/** việc **Nhập Thiền Định (Jhānasamāpatti).**

1/ Sự thành Hạ Phẩm, Trung Phẩm và Thượng Phẩm của Thiền Định có liên quan với Tứ Chi Trưởng Pháp, ấy là theo lẽ thường nhiên bậc tiến hóa **An Chỉ Tu Tập (Samathabhāvanā)** cho đến đắc Thiền Định đấy, thì bất luận một trong Tứ Trưởng, là **Dục (Chanda), Cần (Viriya), Tâm (Citta), Thẩm (Vimaṃsa, Paññā)** của bậc ấy sẽ phải đạt đến sự thành Trưởng Pháp; và một khi sát na Thiền Định sinh khởi lên, thì tất sẽ phải được phối hợp với bất luận một trong Tứ Trưởng, ở phần chỉ làm thành Trưởng Pháp của những Thiện Pháp đấy. Nếu chỉ hiện hành một cách thông thường, thì Thiền Định sinh khởi lên cũng chỉ là loại **Hạ Phẩm Thiền (Parittajhāna),** tức là có năng lực yếu kém. Nếu bất luận một trong Tứ Chi Trưởng Pháp này, có năng lực trung bình vừa phải, thì Thiền Định sinh khởi lên cũng chỉ là loại **Trung Phẩm Thiền (Majjhimajhāna),** tức là có năng lực trung bình vừa phải. Và nếu bất luận một trong Tứ Chi Trưởng Pháp này, có năng lực kiên cường, thì Thiền Định sinh khởi lên ắt phải là loại **Thanh Lương – Thượng Phẩm Thiền (Paṇītajhāna),** tức là có năng lực cao quý. Bởi thế, một khi **Bậc Phúc Lộc Thiền Giả (Jhānalābhīpuggala)** đã thọ sinh ở trong Cõi Phạm Thiên Giới nào rồi, thì thường là tùy thuộc vào thứ bậc Thiền Định cùng với năng lực của các tầng Thiền Định mà mình đã chứng đắc.

2/ Sự thành Hạ Phẩm, Trung Phẩm và Thượng Phẩm của Thiền Định có liên quan với việc Nhập Thiền Định, ấy là sau khi bậc Phúc Lộc Thiền Giả đã chứng đắc được Thiền Định, và nếu không có được Nhập Thiền Định một cách lâu dài, mà sẽ chỉ là trong một khoảnh khắc; thế là Thiền Định của mình đã chứng đắc ấy, đã được sắp thành thể loại Hạ Phẩm Thiền. Nếu Nhập Thiền Định có chừng mực vừa phải, thế thì Thiền Định đấy cũng sẽ thành thể loại Trung Phẩm Thiền. Nếu Nhập Thiền Định thường luôn với thời gian lâu dài, thì Thiền Định ấy đã được sắp vào thể loại Thanh Lương – Thượng Phẩm Thiền.

Sự thành Hạ Phẩm, Trung Phẩm và Thượng Phẩm của Thiền Định thể theo cả hai phần như đã vừa đề cập đến tại đây. Ở phần thứ nhất thì liên quan với Tứ Chi Trưởng Pháp dùng làm công cụ để xét đoán trong việc thọ sinh của bậc Phúc Lộc Thiền Giả ở trong các Cõi Hữu Sắc Giới. Chẳng hạn như bậc đã được chứng đắc tầng Sơ Thiền loại Hạ Phẩm thì thường đi tái sinh ở trong **Phạm Chúng Phạm Thiên Giới (Brahmapārisajjābhūmi).** Nếu đã được chứng đắc tầng Sơ Thiền loại Trung Phẩm thì thường đi tái sinh ở trong **Phạm Phụ Phạm Thiên Giới (Brahmapurohitābhūmi).** Và nếu đã được chứng đắc tầng Sơ Thiền loại Thượng Phẩm thì thường đi tái sinh ở trong **Đại Phạm Thiên Giới (Mahā brahmābhūmi)**, như vầy v.v.

Còn phần thứ hai thì liên quan với Việc Nhập Thiền Định dùng làm nền tảng trong việc tiến tu tầng Thiền Định cao hơn của bậc Phúc Lộc Thiền Giả cho được hiện khởi lên. Sẽ nói là một khi Bậc Phúc Lộc Sơ Thiền Giả lập nguyện tu tiến tiếp nối ở tầng Nhị Thiền, thì sẽ phải Nhập Sơ Thiền Định mà mình đã chứng đắc cho được thuần thục tinh thông, thấu đạt đến sự thành năm loại **cụm từ (Valī)**, thế là tầng Nhị Thiền mới sẽ khởi sinh lên được. Nếu tự bản thân không thẩm thấu được Sơ Thiền một cách thường luôn, thế thì tầng Sơ Thiền ấy được sắp thành loại Hạ Đẳng, và không có khả năng làm thành nền tảng để cho tầng Nhị Thiền được khởi sinh lên. Nếu Bậc Phúc Lộc Sơ Thiền Giả thường luôn thẩm thấu Sơ Thiền, nhưng vẫn chưa thấu đạt đến sự thành năm loại **cụm từ (Valī)**, thế là tầng Sơ Thiền ấy được sắp thành loại Trung Đẳng, và cũng tương tự như vậy, là cũng không có khả năng làm thành nền tảng để cho tầng Nhị Thiền được khởi sinh lên. Nếu Bậc Phúc Lộc Sơ Thiền Giả thường luôn thẩm thấu tầng Sơ Thiền, thấu đạt được sự làm thành năm loại **cụm từ (Valī)** một cách lâu dài, thế là tầng Sơ Thiền ấy đã được sắp thành loại Thượng Đẳng, và có khả năng làm thành nền tảng cho tầng Nhị Thiền được khởi sinh lên. Ở trong các tầng Thiền Định tiếp nối theo, thì cũng hiện hành tương tự cùng phương thức như nhau.

Lại nữa, cả hai Tâm Thiện Nhị Thiền và Tâm Thiện Tam Thiền cho được trổ sinh quả báo thọ sinh ở trong cả ba Cõi Nhị Thiền Phạm Thiên Giới **(Dutiyajjhānabhūmi)**, và đã có được giải thích ý nghĩa để ở trong điều **Pāḷi** thứ 12, thuộc Tái Sinh Tứ Phần **(Paṭi sandhicatukka)** nói rằng: **Tathādutiyajjhāna vipākaṃ tatiyajjhāna vipākañca dutiyaj jhānabhūmiyaṃ.**

+ Trong phần **Pāḷi** với điều thứ ba mươi sáu chỗ nói rằng: **Pañca majjhānaṃ bhāvetvā vehapphalesu** - mà đã được dịch là "Khi tiến hóa Ngũ Thiền rồi, thì thường trổ sinh quả báo cho đi tái sinh ở trong Quảng Quả Phạm Thiên Giới" đấy; điều này có nghĩa là Bậc Phúc Lộc Thiền Giả đã được chứng đắc Ngũ Thiền, cho dù sẽ là loại Hạ Phẩm, hoặc

Trung Phẩm, hoặc Thượng Phẩm đi nữa; thì thường chỉ đi tái sinh duy nhất ở trong Quảng Quả Phạm Thiên Giới, và có số lượng tuổi thọ đều bằng với nhau 500 Đại Kiếp. Điều này, rằng một khi thể theo **Địa Giới (Bhūmi)** và **Hạn Định Tuổi Thọ (Āyukhaya),** thì cho dù quả thật là quả báo cả ba bậc của tầng Ngũ Thiền này sẽ tương tự như nhau đi nữa, tuy nhiên quả báo cũng vẫn có sự khác biệt, ấy là một khi thể theo **Ân Đức Phẩm Vị (Guṇasampatti)** và **Thiên Sản Phẩm Vị (Dibbasampatti)** thì bậc đã được chứng đắc Ngũ Thiền loại Thượng Phẩm, thì thường có Ân Đức Phẩm Vị tức là quyền lực, và Thiên Sản Phẩm Vị cao hơn và thanh lương hơn loại Trung Phẩm và Hạ Phẩm. Bậc đã được chứng đắc Ngũ Thiền loại Trung Phẩm, thì thường có Ân Đức Phẩm Vị và Thiên Sản Phẩm Vị cao hơn và thanh lương hơn loại Hạ Đẳng. Và bậc đã được chứng đắc Ngũ Thiền loại Hạ Phẩm, thì thường có Ân Đức Phẩm Vị và Thiên Sản Phẩm Vị hiện hành một cách thông thường.

+ Trong phần **Pāḷi** với điều thứ ba mươi bảy, chỗ nói rằng: **Tadeva saññāvirāgaṃ bhāvetvā asaññasattesu** - mà đã được dịch là "Chính là khi tiến hóa Ngũ Thiền ấy, bằng cách xa lìa sự duyệt ý ở trong Tưởng (Tưởng Ly Ái Tu Tập) tức là Danh Pháp rồi, một khi trổ sinh quả báo thì thường đi tái sinh ở trong Vô Tưởng Hữu Tình Phạm Thiên Giới" đấy; điều này có nghĩa là **bậc Phàm Phu (Puthujjana)** ở Cõi Nhân Loại và Cõi Thiên Giới, sau khi đã được chứng đắc Tứ Thiền, thế rồi có việc thẩm sát nhìn thấy điều tác nghiệt bao khổ đau của Danh Pháp, tức thời có sự ưu sầu khổ não, sự buồn lòng, sự si mê lầm lạc, sự bất an v.v. Những sự việc này phát xuất chính từ sự truy niệm và sự liễu tri. Những sự việc truy niệm và liễu tri cũng ví như một vết thương ung nhọt hoặc một căn bệnh trầm trọng; và người đã vượt thoát khỏi bao khổ đau như đã vừa đề cập đến tại đây, thì sẽ nói được là bậc ấy đã đạt đến **Lập Kiến Níp Bàn (Diṭṭhadhammanibbāna – Kim Thế Níp Bàn, Hiện Tại Níp Bàn).** Một khi Bậc Phúc Lộc Thiền Giả đã có được tri kiến như vầy rồi, mới tư duy và thẩm sát đến điều tác nghiệt của những sự việc truy niệm và sự liễu tri này, rằng là **Saññāgaṇḍo saññārogo – Tưởng ung độc, Tưởng bệnh hoạn** - "Những sự việc truy niệm, sự liễu tri này ví như vết thương ung nhọt, ví như căn bệnh trầm trọng". Và sau khi đã nhận thức được điều tác nghiệt ấy, thế rồi Bậc Phúc Lộc Thiền Giả mới lập nguyện đến **Kiếp Sống (Bhava)** và **Chủng Tộc (Jāti)** đoạn lưu Danh Pháp, và khởi phát thẩm thị đề mục **Phong Hoàn Tịnh (Vāyokasiṇa)** để cho khởi sinh Ngũ Thiền.

Việc tu tập để xa lìa Danh Pháp đây, thì cho dù Bậc Phúc Lộc Tứ Thiền Giả sẽ làm thành tựu với việc thẩm thị bất luận đề mục **Hoàn Tịnh (Kasiṇa)** nào đi nữa, tuy nhiên một khi đã có lập nguyện để sẽ có được Kiếp Sống và Chủng Tộc đoạn lưu Danh Pháp, thì tất yếu phải có được việc thành tựu Ngũ Thiền và phải qua việc thẩm thị thường luôn về đề mục Phong Hoàn Tịnh. Có một vài Ngài Giáo Thọ Sư đã nói rằng thành tựu Ngũ Thiền qua việc thẩm thị đề mục **Hư Không Hoàn Tịnh (Ākāsakasiṇa)** cũng thường làm cho được thành tựu điều lợi ích tương tự như nhau. Khi Ngũ Thiền đã được sinh khởi lên rồi, thì Ngũ Thiền ấy, đã được gọi là câu sinh với **Tưởng Ly Ái Tu Tập (Saññāvirāga bhāvanā),** và một khi thọ mạng diệt lìa khỏi thế gian này rồi, thì thường đi tái sinh ở trong Hữu Tình Vô Tưởng Phạm Thiên Giới **(Asaññasattābhūmi)** qua việc tái sinh chỉ vỏn vẹn với Sắc Pháp, tức là chỉ có **Bọn Tổng Hợp Mạng Cửu (Jīvitanavakakalāpa).** Còn ở trong Thời Chuyển Khởi,

chính Bọn Tổng Hợp Mạng Cửu ấy, là **Chi Pháp (Aṅga)** bảo hộ kiếp sống, và khi Bọn Tổng Hợp Mạng Cửu tử vong thì cũng làm nhiệm vụ tử vong tương tự như nhau. Đối với thân sắc hình tướng của các Bậc Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng này thì có được **điệu bộ oai nghi (Ariyāpatha)** khác biệt nhau, tùy thuộc vào sát na thọ mạng diệt của Bậc Phúc Lộc Thiền Giả ấy, một khi tử vong ở trong oai nghi nào. Nếu ngồi mà tử vong, thì khi đi tái sinh làm thành Bậc Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng cũng ở trong oai nghi ngồi. Nếu đứng mà tử vong, thì khi đi tái sinh cũng ở trong oai nghi đứng; hoặc nếu nằm mà tử vong, thì khi đi tái sinh cũng ở trong oai nghi nằm, tương tự như vậy.

+ Giải thích ở trong phần **Pāḷi** với điều thứ ba mươi tám, chỗ nói rằng: **Anāgāmino pana suddhāvāsesu uppajjanti** - mà đã được dịch là: "Chỉ có Bậc Bất Lai một khi đã chứng đắc Ngũ Thiền rồi, thì thường đi tái sinh ở trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới."

Khi thẩm sát ý nghĩa riêng phần **Pāḷi** ở trong điều này, thì cũng làm cho có được sự hiểu biết ở cả hai khía cạnh, ấy là:

1/ Những Bậc đã thành tựu Quả vị Bất Lai, và một khi đã thọ mạng diệt lìa khỏi thế gian này rồi, thì đều hết cả thảy thường đi tái sinh ở trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới. Hoặc,

2/ Những Bậc đã thành tựu Quả vị Bất Lai đấy, cho dù đã được chứng đắc ở tầng Thiền Định nào đi nữa, và một khi đã mạng vong rồi, thì đều hết cả thảy cũng tương tự như nhau, là thường đi tái sinh ở trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới.

Tuy nhiên ở trong chỗ này, sẽ cần phải tuần tự thẩm sát ở trong khía cạnh của việc trình bày đến vấn đề các tầng **Thiền Định (Jhāna)** và **Địa Giới (Bhūmi)** như đã có được trình bày đi theo thứ tự ở trong phần trên, như sau:

+ Địa Giới đã là trú xứ cho việc trổ sinh quả báo của tầng Sơ Thiền, ấy là ba Cõi Sơ Thiền Phạm Thiên Giới.

+ Địa Giới đã là trú xứ cho việc trổ sinh quả báo của tầng Nhị Thiền và Tam Thiền, ấy là ba Cõi Nhị Thiền Phạm Thiên Giới.

+ Địa Giới đã là trú xứ cho việc trổ sinh quả báo của tầng Tứ Thiền, ấy là ba Cõi Tam Thiền Phạm Thiên Giới.

+ Địa Giới đã là trú xứ cho việc trổ sinh quả báo của tầng Ngũ Thiền, ấy là bảy Cõi Tứ Thiền Phạm Thiên Giới.

Tuy nhiên ở trong bảy Cõi Tứ Thiền Phạm Thiên Giới đã là quả báo của tầng Ngũ Thiền đây, lại có vị trí chẳng đồng đẳng với nhau, và đã được phân chia ra làm ba thể loại. Ấy là:

1.Với bậc đã được chứng đắc tầng Ngũ Thiền một cách thông thường, thì thường đi tái sinh ở trong **Quảng Quả Phạm Thiên Giới (Vehapphalābhūmi)** và chẳng có phân biệt với hạng loại **Người (Puggala)**, tức là hạng **Phàm Phu Tam Nhân (Tihetukaputhuj jhana)** cũng được, là ba **Bậc Quả Hữu Học (Phalasekkhapuggala)** cũng được.

2. Với bậc đã chứng được chứng đắc tầng Ngũ Thiền phối hợp với **Tưởng Ly Ái Tu Tập (Saññāvirāgabhāvanā)**, thì thường đi tái sinh ở trong **Hữu Tình Vô Tưởng Phạm Thiên Giới (Asaññasattābhūmi)**, và đặc biệt chỉ phải là hạng Phàm Phu Tam Nhân, vì lẽ

thường nhiên tất cả các Bậc Thánh Nhân thường không tiến hóa tầng Thiền Định phối hợp với Tưởng Ly Ái Tu Tập.

3. Còn năm Cõi Tứ Thiền Phạm Thiên Giới còn lại, đó chính là Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới, thì cho dù quả thật sẽ là quả báo của tầng Ngũ Thiền đi nữa, tuy nhiên một khi theo phân biệt hạng loại Người thì thường phát sinh với sự hạn định sẽ chỉ phải là Bậc Bất Lai, và ngoài ra hạng Bậc ấy rồi, thì không thể nào tái sinh ở trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới ấy được. Vì thế, Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** mới trình bày nói rằng: **Anāgāmino pana suddhāvāsesu uppajjanti** và câu văn **Pāḷi** ở điều này, nếu được trình bày một cách đầy đủ thì sẽ phải trình bày là: **Anāgāmino pana pañcamajjhānaṃ bhāvetvā suddhāvāsesu uppajjanti** có nghĩa là: "Chỉ có Bậc Bất Lai, bất luận khi nào đã tiến hóa và đã cho Ngũ Thiền được khởi sinh lên, thì thường đi tái sinh ở trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới."

Trong việc phân biệt hạng Người, thì Bậc sẽ được đi tái sinh ở trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới ấy, thiết yếu sẽ phải có Ân Đức Phẩm Vị. Có nghĩa vừa phải là Bậc Bất Lai, lại vừa phải chứng đắc Ngũ Thiền, và vừa phải có đủ cả Ngũ Quyền Lực, với bất luận một Quyền Lực nào ở trong năm thể loại ấy phải kiên cường thù thắng, thì mới sẽ được đi tái sinh ở trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới ấy được. Nếu Bậc Bất Lai đã được chứng đắc Ngũ Thiền, nhưng lại có Ngũ Quyền Lực hiện hành một cách thông thường, thì các Bậc Bất Lai ấy sẽ chỉ đi tái sinh ở trong **Quảng Quả Phạm Thiên Giới (Vehapphalābhūmi)**, và không thể nào tái sinh ở trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới, vì ở trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới này, thì khẳng định phải hiện hữu với bốn thể loại Ân Đức Phẩm Vị, ấy là:

1. Bậc đã được đi tái sinh bất luận ở một Cõi Giới nào trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới ấy rồi, thì thường sẽ không được đi tái sinh ở trong các Cõi Hữu Sắc Giới khác nữa, hoặc ở trong Cõi Vô Sắc Giới.

2. Thường sẽ không có tái sinh trở lại Cõi Giới mà mình đã thọ sinh.

3. Một khi thọ mạng diệt lìa khỏi Cõi Tịnh Cư Phạm Thiên Giới mà mình đã thọ sinh rồi, thì thường không đi thọ sinh ở trong Cõi Giới thấp hơn, mà phải đi thọ sinh ở trong Cõi Giới cao hơn.

4. Phải được thành tựu viên mãn Quả vị Vô Sinh chính ngay ở trong Cõi Tịnh Cư Phạm Thiên Giới ấy.

Đối với ở trong **Sắc Cứu Cánh Phạm Thiên Giới (Akaniṭṭhābhūmi)** ấy, thì lại có một điều Ân Đức Phẩm Vị đặc thù khác nữa, ấy là Bậc Bất Lai đang hiện hữu ở trong Sắc Cứu Cánh Phạm Thiên Giới này, sẽ phải được thành tựu viên mãn Quả vị Vô Sinh chính ngay ở trong Cõi Giới này vậy.

Lại nữa, việc đi thọ sinh ở trong Tịnh Cư Phạm Thiên Giới của Bậc Bất Lai Phúc Lộc Ngũ Thiền Giả có được tiêu chuẩn như sau:

1/ Nếu Bậc Bất Lai ấy có được **Tín Quyền Lực (Saddhindriya)** kiên định thù thắng hơn các Quyền Lực khác, thế rồi sẽ đi tái sinh trong **Vô Phiền Phạm Thiên Giới (Avihābhūmi).**

2/ Nếu Bậc Bất Lai ấy có được **Tấn Quyền Lực (Viriyindriya)** kiên định thù thắng hơn các Quyền Lực khác, thế rồi sẽ đi tái sinh trong **Vô Nhiệt Phạm Thiên Giới (Atappābhūmi).**

3/ Nếu Bậc Bất Lai ấy có được **Niệm Quyền Lực (Satindriya)** kiên định thù thắng hơn các Quyền Lực khác, thế rồi sẽ đi tái sinh trong **Thiện Hiện Phạm Thiên Giới (Sudassābhūmi).**

4/ Nếu Bậc Bất Lai ấy có được **Định Quyền Lực (Samādhindriya)** kiên định thù thắng hơn các Quyền Lực khác, thế rồi sẽ đi tái sinh trong **Thiện Kiến Phạm Thiên Giới (Sudassībhūmi).**

5/ Nếu Bậc Bất Lai ấy có được **Tuệ Quyền Lực (Paññindriya)** kiên định thù thắng hơn các Quyền Lực khác, thế rồi sẽ đi tái sinh trong **Sắc Cứu Cánh Phạm Thiên Giới (Akaniṭṭhābhūmi).**

[Xin xem lại Phần Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới, trong Tập II – Chương thứ V, Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp].

BẬC ĐÃ THÀNH TỰU QUẢ VỊ BẤT LAI, THÌ CÓ PHẢI SẼ ĐƯỢC THỌ SINH Ở TRONG PHẠM THIÊN GIỚI HAY KHÔNG ?

Hết cả thảy các Bậc đã được thành tựu viên mãn Quả vị Bất Lai, thì thường đi tái sinh ở trong Cõi Phạm Thiên Giới. Cho dù Bậc Bất Lai ấy sẽ là **Minh Sát Thiền Khô (Sukkhavipassaka)** đi nữa, tức là tiên khởi không có tu tập Thiền Định cho được sinh khởi lên; tuy nhiên một khi cận tử lâm chung, thì Thiền Định thường tự sinh khởi lên do bởi nương vào mãnh lực từ **Định Tâm (Samādhi).** Vì lẽ thường, một khi Thiền Định sẽ sinh khởi lên được, là cần phải nương vào Định Tâm làm thành năng lực trọng yếu; và Pháp nghịch của Định Tâm ấy, chính là **Tham Dục Triền Cái (Kāmachandanivaraṇa).** Với lý do này, bậc Bất Lai đã kiên quyết đoạn tận mọi **Dục Ái (Kāmarāga)** và tuyệt diệt kẻ thù của Định Tâm là Tham Dục Triền Cái. Vì thế, Định Tâm của tất cả các Bậc Bất Lai mới có được năng lực kiên định thù thắng và có khả năng làm cho Thiền Định tức thời được khởi sinh.

Giả như có lời vấn hỏi rằng: "Bậc Bất Lai Minh Sát Thiền Khô đã bị sát hại tử vong ngay trong sát na đang ngủ, thế thì Bậc Bất Lai ấy có làm cho Thiền Định sinh khởi lên được hay không ?" Điều này trả lời rằng: "Thiền Định ấy vẫn được sinh khởi lên, là vì với Bậc Bất Lai hằng thường luôn có Định Tâm, và Định Tâm này có rất nhiều năng lực đạt đến **Bậc Cận Định (Upacārasamādhi).**" Một trường hợp khác nữa là, Bậc đã đoạn tận mọi **Dục Ái (Kāmarāga)** đây, thì hằng luôn có Tâm nhàm chán đối với Cõi Giới còn dính líu với các **Cảnh Dục Trần (Kāmaguṇārammaṇa),** thường luôn thiên hướng đến Cõi Giới đoạn lưu khỏi mọi Cảnh Dục Trần. Bởi do thế, Bậc Bất Lai cho dù sẽ phải đột tử đi nữa, tuy nhiên trước khi Tâm Tử sẽ sinh khởi, thì Thiền Định thường luôn khởi sinh trước tử vong. Khi đã tử vong rồi, thì đi tái sinh ở trong Cõi Phạm Thiên Giới, tuy nhiên sẽ thọ sinh ở trong bậc Phạm Thiên nào thì cũng còn tùy thuộc vào tầng Thiền Định đã sinh khởi. Nếu Thiền Định

sinh khởi ấy là tầng Sơ Thiền thì sẽ đi thọ sinh ở trong Cõi Sơ Thiền Phạm Thiên Giới. Nếu là Nhị Thiền Định hoặc Tam Thiền Định thì sẽ đi thọ sinh ở trong Cõi Nhị Thiền Phạm Thiên Giới, v.v.

Lại nữa, nhóm Chư Thiên ở các tầng thượng giới, kể từ tầng Đao Lợi Thiên Giới v.v. trở đi, mà đã hoàn thành viên mãn Quả vị Bất Lai ấy, thì hằng thường luôn nhàm chán đến trú xứ của mình đang ở, vì đó đã là trú xứ bị đoanh vây bởi Cảnh Dục Trần. Vì thế, một khi đã thẩm sát đến **Thọ Mạng (Āyukhaya)** của mình, và nếu như Thọ Mạng của mình vẫn còn đang thọ mạng miên trường, thế rồi thực hiện việc **Quyết Định Tử Vong (Adhimutti maraṇa)**, tức là quyết định rằng: "Nguyện cho **Quả Dị Thục Danh Uẩn (Vipākanāma khandha)** và **Sắc Nghiệp Lực (Kammajarūpa)** của Tôi đây xin cho được ngừng sinh khởi tiếp nối thêm nữa." Và thế rồi, liền nín bặt hơi thở tử vong để được tái sinh ở trong Cõi Phạm Thiên Giới làm thành trú xứ tịnh chỉ xa lìa Cảnh Dục Trần. Vào ngay sát na cận tử ấy, thì Thiền Định tức thời sinh khởi đến với Bậc Bất Lai ấy, và Thiền Định sinh khởi đến với Bậc Bất Lai Thiền Khô này, đều được gọi là **Đạo Lực Viên Mãn Thiền Định (Maggasiddhi jhāna)** hết cả thảy.

GIẢI THÍCH TRONG PHẦN PĀLI ĐIỀU THỨ BA MƯƠI CHÍN, CHỖ TRÌNH BÀY ĐẾN VIỆC TRỔ SINH QUẢ BÁO TỨ THIỆN NGHIỆP LỰC VÔ SẮC GIỚI

Ở trong Tứ Thiện Nghiệp Lực Vô Sắc Giới đấy thì Không Vô Biên Xứ Thiện Nghiệp Lực thường trổ sinh quả báo cho Không Vô Biên Xứ Quả Dị Thục sinh trong Không Vô Biên Xứ Phạm Thiên Giới.

Thức Vô Biên Xứ Thiện Nghiệp Lực thường trổ sinh quả báo cho Thức Vô Biên Xứ Quả Dị Thục sinh trong Thức Vô Biên Xứ Phạm Thiên Giới.

Vô Sở Hữu Xứ Thiện Nghiệp Lực thường trổ sinh quả báo cho Vô Sở Hữu Xứ Quả Dị Thục sinh trong Vô Sở Hữu Xứ Phạm Thiên Giới.

Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Thiện Nghiệp Lực thường trổ sinh quả báo cho Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Quả Dị Thục sinh trong Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Phạm Thiên Giới.

Những sự việc này là việc giải thích đi theo tuần tự trong việc sinh khởi từ quả báo của Tứ Vô Sắc Giới Thiện Nghiệp Lực, như đã có phần **Pāḷi** trình bày là **Yathākkamaṃ uppajjanti.**

BẬC ĐÃ THỌ SINH TRONG TỨ THIỀN PHẠM THIÊN GIỚI, CÓ PHẢI LÀ BỞI DO MÃNH LỰC VIỆC TRỔ SINH QUẢ BÁO TÁI SINH CỦA THIỆN THẮNG TRÍ (KUSALĀBHIÑÑĀ) HAY KHÔNG ?

Điều này đã được giải thích là "Không có việc trổ sinh quả báo Tái Sinh của Thiện Thắng Trí." Là vì Thiện Thắng Trí đây, sinh khởi là sau khi đã được chứng đắc Ngũ Thiền

Định. Do đó, mới trú định: 1/ ở trong tiềm năng làm thành quả báo của Ngũ Thiền, và 2/ ở trong việc hoàn thành các Thắng Trí khác, có **Thiên Nhãn Thắng Trí (Dibbacakkhu Abhiññā)**, **Thiên Nhĩ Thắng Trí (Dibbasota Abhiññā)**, v.v. Những thể loại này cũng đã làm thành quả báo của Thiện Thắng Trí, đó là một loại quả báo cho việc thành tựu viên mãn hiển nhiên. Chính cả hai Nhân Quả này, đã trình bày cho được thấy rằng Thiện Thắng Trí đây không có việc trổ sinh quả báo Tái Sinh.

Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** đã có trình bày đến một loại tác nhân ở trong vấn đề này để trong Chương Phân Biệt Danh Sắc **(Nāmarūpaapariccheda)** [thuộc Ngũ Phân Biệt **(Pañcamapariccheda)**, Phần **Nghiệp Lực Phân Tích (Kammavibhāga)**, điều 41, câu kệ thứ 474] nói rằng:

Samānāsevane laddhe **Vijjamāne mahabbale**
Aladdhā tādisaṃ hetuṃ **Abhiññā na vipaccati**

"Thiện Đáo Đại đang khi có nhiều năng lực, bởi do đã được đón nhận **Trùng Dụng Duyên (Āsevanapaccaya)**, thế rồi mới trổ sinh quả báo cho sinh khởi. Thiện Thắng Trí ấy lại không có việc trổ sinh quả báo cho được sinh khởi, là vì không có được đón nhận tác nhân như đã vừa đề cập, ấy là Trùng Dụng Duyên."

Việc trình bày tác nhân của Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** đến việc Thiện Thắng Trí không có khả năng trổ sinh quả báo Tái Sinh, là vì không có đủ khả năng, là bởi do không có được đón nhận việc giúp đỡ ủng hộ với mãnh lực từ Trùng Dụng Duyên, thì cũng quả là không xác thực. Bởi vì ở trong việc Thiện Thắng Trí không có được đón nhận việc giúp đỡ ủng hộ với mãnh lực từ Trùng Dụng Duyên đấy, cũng chẳng phải là tác nhân trọng yếu ở trong lãnh vực của năng lực sẽ trổ sinh quả báo Tái Sinh. Vì theo lẽ thường ở trong **Lộ Trình Thắng Trí (Abhiññāvithī)** thì Thiện Thắng Trí chỉ sinh khởi duy nhất một lần một, tuy nhiên lại có khả năng làm cho các Thắng Trí khác được thành tựu viên mãn chính ngay ở trong sát na ấy.

Việc sinh khởi của Lộ Trình Thắng Trí có được như vầy, đó là:

1. Tâm Hữu Phần (Bhavaṅgacitta)
2. Tâm Hữu Phần Rúng Động (Bhavangacalanacitta)
3. Tâm Hữu Phần Dứt Dòng (Bhavangupacchedacitta)
4. Tâm Khai Ý Môn (Manodvāravajjanacitta)
5. Chuẩn Bị (Parikamma)
6. Cận Hành (Upacāra)
7. Thuận Tùng (Anuloma)
8. Chuyển Tộc (Gotrabhū)
9. Thắng Trí (Abhiññā)
10. Tâm Hữu Phần (Bhavaṅgacitta) tiếp diễn đi.

Mà cũng tương tự với việc sinh khởi của Tâm Thiền Định ở trong **Lộ Trình Sơ Khởi Thiền Định (Ādikammikajhānavithī)**, như sau:

1. Tâm Hữu Phần (Bhavaṅgacitta)

2. Tâm Hữu Phần Rúng Động (Bhavangacalanacitta)
3. Tâm Hữu Phần Dứt Dòng (Bhavangupacchedacitta)
4. Tâm Khai Ý Môn (Manodvāravajjanacitta)
5. Chuẩn Bị (Parikamma)
6. Cận Hành (Upacāra)
7. Thuận Tùng (Anuloma)
8. Chuyển Tộc (Gotrabhū)
9. Thiền Định (Jhāna – Appanā: Nhập Định)
10. Tâm Hữu Phần (Bhavaṅgacitta) tiếp diễn đi.

Ở trong Lộ Trình này, kể từ Chuẩn Bị v.v. cho đến Chuyển Tộc là **Đổng Lực Dục Giới (Kāmajavana).** Như thế, Tâm Chuyển Tộc mới không làm thành Trùng Dụng Duyên đối với Tâm Thiền Định được. Tuy nhiên Tâm Thiền Định này cũng vẫn có đủ năng lực để sẽ trổ sinh quả báo Tái Sinh được; cho dù sẽ không có được đón nhận việc giúp đỡ ủng hộ với mãnh lực Trùng Dụng Duyên đi nữa, cũng thường luôn có năng lực kiên định ở trong tiềm năng làm thành **Cực Trọng Nghiệp Lực (Garukakamma);** và như vậy sẽ thấy được rằng Bậc Bất Lai thuộc nhóm Minh Sát Thiền Khô ấy, một khi đến lúc cận tử thì Thiền Định thường luôn sinh khởi, và Tâm Thiền Định sinh khởi đây, cũng chỉ sinh khởi duy nhất một lần một, tương tự với Lộ Trình Sơ Khởi Thiền Định vậy. Bởi do thế, Tâm Thiền Định này cũng không có được đón nhận việc giúp đỡ ủng hộ từ Trùng Dụng Duyên với bất luận trường hợp nào, và quả nhiên Tâm Thiền Định này cũng vẫn có năng lực trổ sinh quả báo làm cho Bậc Bất Lai ấy được đi thọ sinh ở trong Cõi Hữu Sắc Giới.

NỮ GIỚI ĐÃ ĐƯỢC CHỨNG ĐẮC THIỀN ĐỊNH, MỘT KHI TỬ VONG SẼ ĐI THỌ SINH TRONG NHÓM PHẠM THIÊN NÀO ?

Sự sinh hoạt ở trong thế giới Phạm Thiên, tính kể từ Sơ Thiền Phạm Thiên Giới trở đi cho đến Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới, thì trong từng mỗi Phạm Thiên Giới ấy hiện hữu ba nhóm Phạm Thiên, tức là một nhóm Phạm Chúng Thiên, một nhóm Phạm Phụ Thiên, một nhóm Đại Phạm Thiên. Ở trong ba nhóm Phạm Thiên này, thì cả hai nhóm Phạm Chúng Thiên và Phạm Phụ Thiên đây, là bộc tòng của Đại Phạm Thiên.

Hàng nữ giới đã được chứng đắc Bát hoặc Cửu Thiền Định, cho dù sẽ là hạng Phàm Phu hoặc Bậc Thánh Nhân đi nữa, một khi đã đi thọ sinh ở trong bất luận một Cõi Phạm Thiên Giới nào rồi, thì sẽ không thể nào làm thành vị Đại Phạm Thiên được, mà chỉ có được là ở Bậc Phạm Chúng Thiên và Phạm Phụ Thiên mà thôi. Cũng tương tự với hàng nữ giới một khi đã được đi thọ sinh thành Chư Thiên, thì sẽ không thể nào làm thành Bậc Thiên Chủ Quản được, chẳng hạn như thành Ngài Thiên Chủ **Indra (Đế Thích)** hoặc thành Ngài Thiên Chủ **Yāmāra** được.

Vì thế, Ngài Chú Giải Sư đã có trình bày để ở trong Bộ Chú Giải Xua Tan Mê Mờ **(Sammohovinodanī)** và Bộ Chú Giải Tương Ưng Bộ Kinh **(Saṃyutta Atthakathā)** nói

rằng: **Itthiyopi pana ariyā ca anariyā api aṭṭha samāpatti lābhiniyo brahma pārisajjesuyeva nibbattanti** [Nội Dung Vô Tỷ Pháp Minh Nghĩa Phụ Chú Giải **(Abhidhammattha vibhāvinīṭīkā)** điều 186 có câu **Pāḷi** như vầy: **Itthiṃyopi pana ariyā vā anariyāvā aṭṭhasamāpattilābhiniyo**...] **Dịch nghĩa là:** Tất cả những hàng nữ giới đã được chứng đắc Bát Định đây, dù sẽ là Thánh Nhân hoặc Phàm Phu đi nữa, thì thường chỉ được đi thọ sinh làm thành vị Phạm Thiên thuộc hàng đồ chúng bộc tòng của vị Đại Phạm Thiên thôi.

Yaṃ itthī sakkattaṃ kareyya mārattaṃ kareyya brahmamattaṃ kareyya, netaṃ ṭhānaṃ vijjati, brahmamattanti mahābrahmattaṃ adhippetaṃ - Hàng nữ giới nào, dù cho có được nương vào bất luận một tác nhân nào đi nữa, cũng không thể nào đi thọ sinh làm thành Ngài Thiên Vương **Sakka (Đế Thích)** hoặc Ngài Thiên Vương **Yāmāra**, hoặc thành Ngài Đại Phạm Thiên được; với tác nhân ấy thì thường không thể có được. Chỗ nói rằng "thành vị Phạm Thiên ấy" lập ý đến Ngài Đại Phạm Thiên ấy vậy.

Từ ngữ nói rằng **Brahmapārisajjesu** ở trong câu **Pāḷi** điều thứ nhất đấy, thì Bậc Phạm Phụ Thiên cũng được sắp vào trong chỗ này, vì cũng tương tự như nhau, là Bậc Phạm Phụ Thiên đây cũng là đồ chúng bộc tòng của vị Đại Phạm Thiên. Với cả Đức Phật Ngài cũng đã từng lập ý gọi Bậc Phạm Phụ Thiên này là **Phạm Chúng Thiên (Brahamaparisā)**, là cũng có ý nghĩa đến Bậc Phạm Phụ Thiên này vậy.

Ở trong phần **Pāḷi** dẫn lộ thì Ngài đã trình bày một cách rõ ràng rằng: **Itthī mahā brahmā siyā, netaṃ ṭhānaṃ vijjati** - Nương vào bất luận một tác nhân nào, hàng nữ giới đã được chứng đắc Thiền Định thì đi thọ sinh thành bậc Đại Phạm Thiên, với tác ý ấy ắt hẳn là không có vậy. Trong câu **Pāḷi** này thì có sự rõ ràng là hàng nữ giới đã được chứng đắc Thiền Định thì không được thọ sinh thành Bậc Đại Phạm Thiên chỉ ngần ấy thôi. Điều này trình bày cho được thấy rằng thường chỉ đi thọ sinh thành Bậc Phạm Thiên ở trong hai nhóm còn lại. Lại nữa, ở trong sự việc hàng nữ giới không được đi thọ sinh thành Bậc Đại Phạm Thiên đấy; là cũng do bởi cả bốn tác nhân, ấy là Tứ Trưởng Pháp câu sinh với hàng nữ giới ấy thường không có năng lực dũng mãnh kiên cường tương tự với Tứ Trưởng Pháp mà sinh khởi với hàng nam nhân. Với lý do này, Thiền Định sinh khởi với hàng nữ giới ấy, cho dù sẽ là loại Thiền Định nào đi nữa, thì thường chỉ có được là **Bậc Hạ Phẩm Thiền Định (Parittajhāna)** hoặc **Bậc Trung Phẩm Thiền Định (Majjhimajhāna)** ngần ấy thôi, và không thể nào đạt đến Bậc Thượng Phẩm Thiền Định được. Vả lại một trường hợp khác nữa, là Nữ Giới đã được sắp thành loại giới tính thấp hơn là Nam Giới. Vì thế, dù ở Cõi Giới nào đi nữa, và không thể nào thọ sinh thành Bậc Đại Phạm Thiên được vậy.

TRÌNH BÀY VIỆC THỌ SINH BẬC PHÚC LỘC THIỀN GIẢ HIỆN HÀNH THEO MÃNH LỰC CỦA THAM ÁI (NIKANTITAṆHĀ) VÀ NGUYỆN VỌNG (CETOPAṆIDHI)

Trong phần **Pāḷi** đã được trình bày để ở đoạn trên có nói rằng: **Paṭhamajjhānaṃ parittaṃ bhāvetvā brahmapārisajjesu uppajjati** - v.v. mà đã được dịch là: Một khi đã

tiến hóa loại Sơ Thiền Hạ Phẩm, thì quả báo thường thọ sinh ở trong Cõi Phạm Chúng Thiên v.v. đấy; việc trình bày như vậy là việc trình bày lập ý đến sự hiện hành theo lẽ thường nhiên của các Thiền Định ấy. Tuy nhiên nếu bậc Phúc Lộc Thiền Giả đã có **Tham Ái (Nikantitaṇhā)** hoặc **Nguyện Vọng (Cetopaṇidhi)** thì việc đi thọ sinh ở trong các Cõi Giới cũng không thể nào xác định được, nó còn tùy thuộc vào Tham Ái hoặc Nguyện Vọng của mình. Từ ngữ nói rằng **Nikantitaṇhā** lập ý đến "Có sự dính mắc ở trong Cõi Giới mà mình đã có từng tái sinh đến, đã trải qua nhiều kiếp sống." Từ ngữ nói rằng **Cetopaṇidhi** lập ý đến "Có lập tâm ước nguyện ở trong các Cõi Giới ấy, đã hiện hành với mãnh lực của **Dục (Chanda)**," chẳng hạn như Bậc Phúc Lộc Thiền Giả, một khi đã là hạng Phàm Phu, và lúc cận tử lâm chung lại khởi sinh lên **Tham Ái (Nikantitaṇhā)** ở trong bất luận một Cõi Thiên Giới nào đó, thế rồi Thiền Định mà đã được chứng đắc bị tổn hại đi. Vì thế, khi đã tử vong thì chỉ đi tái sinh ở trong các Cõi Thiên Giới ấy, và không có được đi thọ sinh ở trong Cõi Phạm Thiên Giới.

Nhân Loại và Chư Thiên đã được thành đạt Bậc Thất Lai hoặc Bậc Nhất Lai, và một khi đã được chứng đắc Thiền Định rồi, thì thường không có Tham Ái hoặc Nguyện Vọng dính mắc với các **Cõi Thiện Dục Giới (Kāmasugatibhūmi)** ấy. Là vì **Thiền Định (Jhānasamādhi)** của Bậc Thánh Nhân này kiên cố vững chắc hơn Thiền Định của hạng Phàm Phu. Vì thế, Thiền Định mới không bị tổn hại, và các bậc này một khi đã tử vong, thì mới được đi thọ sinh ở bất luận một trong các Cõi Phạm Thiên Giới nào đó, tùy thuộc theo Thiền Định của mình, ngoại trừ ra Cõi Hữu Tình Vô Tưởng Phạm Thiên Giới và Cõi Tịnh Cư Phạm Thiên Giới. Vả lại, khi đã được thọ sinh thành bậc Phạm Thiên ấy, thì cho dù vẫn chưa được thành đạt Bậc Bất Lai đi nữa, cũng vẫn không tái sinh trở lại ở trong các Cõi Thiện Dục Giới đấy nữa. Với lý do này, cả hai nhóm **Thánh Phạm Thiên (Brah māriya)** đây, cũng còn được gọi là **Bậc Bất Lai Thiền Giả (Jhānānāgāmi).**

Hạng Phàm Phu, hoặc Bậc Thất Lai, hoặc Bậc Nhất Lai khi đã là Nhân Loại với Chư Thiên, và đã được chứng đắc Bát hoặc Cửu Thiền Định đấy, nếu có **Nguyện Vọng (Cetopaṇidhi)** ở trong bất luận một Cõi Phạm Thiên Giới nào, ngoại trừ Cõi Hữu Tình Vô Tưởng Phạm Thiên Giới và Cõi Tịnh Cư Phạm Thiên Giới, thế rồi khi đã tử vong thì cũng được đi thọ sinh ở trong Cõi Phạm Thiên Giới mà mình đã có ước nguyện.

Nhân Loại và Chư Thiên đã được thành đạt Bậc Bất Lai, và đã được chứng đắc Bát hoặc Cửu Thiền Định; vả lại nếu có Nguyện Vọng ở trong bất luận một Cõi Phạm Thiên Giới nào, ngoại trừ Cõi Hữu Tình Vô Tưởng Phạm Thiên Giới, thế thì cũng tương tự như vậy, là khi đã tử vong rồi cũng được đi thọ sinh ở trong Cõi Giới mà mình đã có ước nguyện. Tức là Bậc Bất Lai ấy, nếu đã có ước nguyện đi thọ sinh ở trong Cõi Sơ Thiền Phạm Thiên Giới, hoặc Cõi Tịnh Cư Phạm Thiên Giới, thế là cũng thường được đi thọ sinh ở trong Cõi Giới mà mình đã có ước nguyện vậy. Và như thế, Đức Thế Tôn Ngài mới lập ý khải thuyết rằng **Ijjhati bhikkhave sīlavato cetopaṇidhi visuddhattā** - Này tất cả Chư Tỳ Khưu, sự ước nguyện của bậc có Giới Đức thường là thành tựu, là vì làm thành sự lợi ích cho người có Tâm thanh tịnh.

Đối với các Bậc Thánh Phạm Thiên, đó đã là Bậc Thất Lai, và Bậc Nhất Lai đây, thì chẳng bảo rằng chỉ sẽ đi tái sinh ở trong Cõi Thiện Dục Giới, mà ngay cả ở trong các Cõi Phạm Thiên Giới bậc thấp hơn, cũng thường không có đi thọ sinh.

Bậc Bất Lai mà đã thọ sinh ở trong Cõi Tịnh Cư Phạm Thiên Giới, thì thường không có đi tái sinh ở trong Cõi Tịnh Cư Phạm Thiên Giới bậc thấp hơn, và cũng không tái sinh trở lại ở trong Cõi Giới mà mình đã từng có thọ sinh. Vì thế, khi vẫn chưa được thành đạt Quả vị Vô Sinh, thì thường cũng tuần tự thọ sinh thăng tiến lên các tầng bậc trên. Và nếu đã được thành đạt Quả vị Vô Sinh ở trong tầng bậc nào, thì thường cũng viên tịch Níp Bàn ở ngay trong tầng bậc ấy. Đối với Bậc Bất Lai đang thọ sinh ở trong Cõi Sắc Cứu Cánh Phạm Thiên Giới, thì thường không có việc chuyển đi đến các Cõi Giới khác được nữa, và luôn cả cũng không có việc tái sinh trở lại Cõi Giới ấy, mà quả quyết là phải viên tịch Níp Bàn chính ở ngay trong Cõi Giới ấy vậy.

Bậc Thất Lai, Bậc Nhất Lai và Bậc Bất Lai mà đã thọ sinh ở trong Cõi Quảng Quả Phạm Thiên Giới và Cõi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Phạm Thiên Giới đấy, một khi vẫn chưa được thành đạt Quả vị Vô Sinh, thì thường không tái sinh chuyển đi Cõi Giới khác, mà phải tái sinh trở lại ở trong Cõi Giới ấy cho đến khi sẽ được thành đạt Quả vị Vô Sinh. Và như thế, Ngài Phụ Chú Giải Sư mới trình bày để ở trong bộ Nội Dung Vô Tỷ Pháp Minh Nghĩa Phụ Chú Giải, điều 187 nói rằng:

1. Vehapphale akaniṭṭhe — Bhavagge ca patiṭṭhitā
Na punāññattha jāyanti — Sabbe ariyapuggalā.
2. Na puna tattha jāyanti — Sabbepi suddhavāsikā
Brahmalokagatā heṭṭhā — Ariyā noppajjareti.

Dịch nội dung chính ấy là:

1. Tất cả các Bậc Thánh Nhân thọ sinh trong các **Cõi Quảng Quả Phạm Thiên Giới (Vehapphalābhūmi)**, **Cõi Sắc Cứu Cánh Phạm Thiên Giới (Akaniṭṭhābhūmi)** và Cõi Giới cùng tột, tức là Cõi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Phạm Thiên Giới, thì thường không còn đi thọ sinh ở trong Cõi Giới nào khác nữa.

2. Hết cả thảy các Bậc Tịnh Cư Phạm Thiên cũng thường không tái sinh trở lại ở trong Cõi Giới mà mình đã từng thọ sinh. Bậc Thánh Nhân đã thọ sinh ở trong hết cả thảy các Cõi Phạm Thiên Giới, thì thường không có tái sinh ở trong Cõi Giới bậc thấp hơn.

GIẢI THÍCH TRONG KỆ TÓM TẮT (NIGAMANAGĀTHĀ) CÓ "ITTHAṂ MAHAGGATAṂ PUÑÑAṂ v.v."

Câu kệ này là câu kết thúc ở trong việc trình bày đến **Trú Xứ Khai Quả (Pākaṭṭhāna)**, là Cõi Giới làm thành trú xứ cho trổ sinh quả báo của cả Tứ Nghiệp Lực, gồm có Bất Thiện Nghiệp Lực, Dục Giới Thiện Nghiệp Lực, Hữu Sắc Giới Thiện Nghiệp Lực, Vô Sắc Giới Thiện Nghiệp Lực. Và chỗ đã được nói rằng: **Yathābhūmivavatthitaṃ, janeti sadisaṃ pākaṃ** - mà đã được dịch là: "thường trổ sinh quả báo cũng tương ứng với Thiện Sự của mình, tùy theo Cõi Địa Giới đã quy định" đấy, có nghĩa là:

+ Thiện Sơ Thiền thường cho Quả Dị Thục Sơ Thiền sinh khởi trong Sơ Thiền Phạm Thiên Giới.

+ Thiện Nhị Thiền thường cho Quả Dị Thục Nhị Thiền sinh khởi trong Nhị Thiền Phạm Thiên Giới.

+ Thiện Tam Thiền thường cho Quả Dị Thục Tam Thiền sinh khởi trong Nhị Thiền Phạm Thiên Giới.

+ Thiện Tứ Thiền thường cho Quả Dị Thục Tứ Thiền sinh khởi trong Tam Thiền Phạm Thiên Giới.

+ Thiện Ngũ Thiền thường cho Quả Dị Thục Ngũ Thiền sinh khởi trong Tứ Thiền Phạm Thiên Giới.

+ Thiện Không Vô Biên Xứ thường cho Quả Dị Thục Không Vô Biên Xứ sinh khởi trong Không Vô Biên Xứ Phạm Thiên Giới.

+ Thiện Thức Vô Biên Xứ thường cho Quả Dị Thục Thức Vô Biên Xứ sinh khởi trong Thức Vô Biên Xứ Phạm Thiên Giới.

+ Thiện Vô Sở Hữu Xứ thường cho Quả Dị Thục Vô Sở Hữu Xứ sinh khởi trong Vô Sở Hữu Xứ Phạm Thiên Giới.

+ Thiện Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ thường cho Quả Dị Thục Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ sinh khởi trong Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Phạm Thiên Giới.

Như đã được trình bày đến rồi vậy. Với lý do này, câu kệ đây cũng thành câu kệ đề cập đến phần kết luận của việc giải thích ở trong **Trú Xứ Khai Quả Tứ Phần (Pākaṭṭhāna catukka).**

GIẢI THÍCH ĐẶC BIỆT TRONG VIỆC TRỔ SINH QUẢ BÁO CỦA THIỀN NHỊ THIỀN VÀ THIỆN TAM THIỀN

Khi đã thẩm sát đến Cõi Giới làm thành trú xứ cho trổ sinh quả báo của Thiện Nhị Thiền với Thiện Tam Thiền thì đó chỉ là một Cõi Giới mà thôi. Như thế, khi được nói theo nền tảng, thì Bậc đã được chứng đắc Nhị Thiền loại Thanh Lương Thượng Phẩm, và khi đã tử vong thì được đi thọ sinh ở trong **Biến Quang Phạm Thiên Giới (Ābhassarābhūmi – Quang Âm Phạm Thiên Giới).** Bậc đã được chứng đắc Tam Thiền loại Hạ Phẩm, và khi đã tử vong thì chỉ được đi thọ sinh ở trong **Thiểu Quang Phạm Thiên Giới (Parittābhā bhūmi).** Như vậy quả thật đáng thắc mắc, là tại sao Bậc đã được chứng đắc Tam Thiền là tầng Thiền Định cao hơn Nhị Thiền, mà lại đón nhận quả báo thấp hơn Nhị Thiền, vì sao lại có sự việc như vậy ? Điều này đã được giải thích là do bởi Năng Lực và Ân Đức Phẩm Vị của Thiện Nhị Thiền với Thiện Tam Thiền, cả hai điều này có sự tương đồng với nhau, và khác biệt với nhau; là việc sinh khởi với việc diệt mất Chi Thiền. Đề cập là Thiền Định sinh khởi lần thứ hai mà đã được gọi là tầng Nhị Thiền, và có việc diệt mất **Chi Tầm (Vitakka).** Thiền Định sinh khởi lần thứ ba mà đã được gọi là tầng Tam Thiền, và có việc diệt mất **Chi Tứ (Vicāra).** Sự khác biệt với nhau như đã vừa đề cập ở tại đây, do đã được hiện hành bởi có liên quan với hạng Người chỉ ngần ấy thôi, chẳng phải khác biệt với nhau là do bởi Năng

Lực hoặc Ân Đức Phẩm Vị. Có nghĩa là Bậc Phúc Lộc Thiền Giả ấy, nếu đã là **Bậc Độn Căn (Mandapuggala)** thì việc sinh khởi của Thiền Định và việc diệt mất Chi Thiền cũng được chia ra làm hai thể loại Thiền Định, như đã được đề cập đến rồi vậy. Nếu Bậc Phúc Lộc Thiền Giả ấy đã là **Bậc Lợi Căn (Tikkhapuggala)** thì việc sinh khởi của Thiền Định và việc diệt mất Chi Thiền ấy, cũng chẳng có việc chia ra làm thành hai thời, tức là Thiền Định sinh khởi thành lần thứ hai, và gọi là Nhị Thiền đấy, có việc diệt mất một lượt cả hai Chi Tầm, Tứ. Thiền Định sinh khởi lần thứ ba, có chức năng diệt mất **Chi Hỷ (Pīti),** và gọi là Tam Thiền. Thiền Định sinh khởi lần thứ tư, có chức năng diệt mất **Chi Lạc (Sukha),** và gọi là Tứ Thiền. Coi như là chấm dứt và đã được gọi là Hữu Sắc Giới Thiền Định Tứ Phần. Với lý do này, Năng Lực và Ân Đức Phẩm Vị của Nhị Thiền và Tam Thiền mới không có sự khác biệt với nhau. Tuy nhiên, nếu Bậc Phúc Lộc Thiền Giả đã cùng là Bậc Độn Căn với nhau, với một người đã được chứng đắc Nhị Thiền loại Thượng Phẩm, và một người kia thì đã được chứng đắc Tam Thiền loại Thượng Phẩm, thế rồi cũng đã được cùng đi thọ sinh với nhau ở trong Biến Quang Phạm Thiên Giới. Như thế, tất cả các bậc Học Giả nên hiểu biết ý nghĩa nội dung chính như đã vừa đề cập ở tại đây.

Kết Thúc Việc Trình Bày Nghiệp Lực Tứ Phần Trong Chương Thứ Năm

NGHIỆP LỰC TỨ PHẦN (KAMMACATUKKA)
VẤN VÀ ĐÁP VỀ NGHIỆP LỰC TỨ PHẦN

1. Hỏi: Hãy trình bày danh xưng của 16 Nghiệp Lực theo riêng từng mỗi phần, và không cần trình bày ý nghĩa.

1. Đáp: Trình bày 16 Nghiệp Lực đi theo tuần tự như sau, là:

1. Xuất Sinh Nghiệp Lực (Janakakamma): Nghiệp Lực thường hay tác hành cho sinh khởi Quả Dị Thục **(Vipāka)**.

2. Bảo Hộ Nghiệp Lực (Upathambhakakamma): Nghiệp Lực thường hay giúp đỡ ủng hộ các Nghiệp Lực khác.

3. Chướng Ngại Nghiệp Lực (Upapīḷakakamma): Nghiệp Lực thường xâm nhiễu, cản trở các Nghiệp Lực khác.

4. Đoạn Diệt Nghiệp Lực (Upaghātakakamma): Nghiệp Lực thường thâm nhập vào tuyệt giao các Nghiệp Lực khác, hoặc cắt đứt Quả **(Phala)** của các Nghiệp Lực khác.

5. Cực Trọng Nghiệp Lực (Garukakamma): Nghiệp Lực một cách nghiêm trọng mà các Nghiệp Lực khác không có khả năng sẽ cấm chỉ được.

6. Cận Tử Nghiệp Lực (Āsannakamma): Nghiệp Lực tác hành vào lúc sẽ cận tử lâm chung.

7. Tập Quán Nghiệp Lực (Āciṇṇakamma): Nghiệp Lực đã từng quen, thường luôn tác hành.

8. Tích Lũy Nghiệp Lực (Kaṭattākamma): Nghiệp Lực tác hành tích lũy có chừng mực, vừa phải và không ngang bằng với cả ba Nghiệp ấy, hoặc Nghiệp Lực từng tác hành tích trữ ở trong kiếp vị lai.

9. Hiện Báo Nghiệp Lực (Diṭṭhadhammavedanīyakamma): Nghiệp Lực tác hành cho đón nhận Quả Báo ở trong kiếp sống hiện tại này.

10. Hậu Báo Nghiệp Lực (Upapajjavedanīyakamma): Nghiệp Lực tác hành cho đón nhận Quả Báo ở trong kiếp sống thứ hai.

11. Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực (Aparāpariyavedanīyakamma – Sinh Báo Nghiệp): Nghiệp Lực tác hành cho đón nhận Quả Báo ở trong kiếp sống thứ ba trở đi, cho đến khi sẽ viên tịch Níp Bàn.

12. Vô Hiệu Nghiệp Lực (Ahosikakamma): Nghiệp Lực không trổ sinh Quả Báo.

13. Bất Thiện Nghiệp Lực (Akusalakamma).

14. Dục Giới Thiện Nghiệp Lực (Kāmāvacarakusalakamma).

15. Hữu Sắc Giới Thiện Nghiệp Lực (Rūpāvacarakusalakamma).

16. Vô Sắc Giới Thiện Nghiệp Lực (Arūpāvacarakusalakamma).

2. Hỏi: Hãy trình bày **Xuất Sinh Xứ (Samuṭṭhāna)** làm thành tác nhân của Thập Bất Thiện Nghiệp Đạo đi theo thứ tự, và luôn cả phần **Pāḷi** và lời dịch.

2. Đáp: Tesu pāṇātipāto pharusavācā byāpādo ca dosamūlena jāyanti - Trong Thập Bất Thiện Nghiệp Lực ấy, thì việc sát tử, việc nói lời thô ác ngữ, việc cừu hận oán kết (Ý Cừu Hận); cả ba thể loại này thường khởi sinh là do bởi Tâm căn Sân.

Kāmesumicchācāro abhijjhā micchādiṭṭhi ca lobhamūlena - Tính dục tà hạnh, ý tham ác, ý tà kiến; cả ba thể loại này thường khởi sinh là do bởi Tâm căn Tham.

Sesāni cattāripi dvīhi mūlehi sambhavanti – Bốn Bất Thiện Nghiệp Lực còn lại, đó là việc thâu đạo, nói lời vọng ngôn, nói lời xúi xiểm ly gián, nói lời không có lợi ích, thì thường sinh khởi là do bởi Tâm căn Tham hoặc Tâm căn Sân.

3. Hỏi: a/. Hãy dịch các câu kệ ở các điều thứ 20 – 21 đã phân tích 20 Dục Giới Nghiệp Lực tác hành trổ sinh quả báo ở trong 11 Cõi Dục Địa Giới, ở cả hai Thời là Thời Tái Sinh và Thời Chuyển Khởi.

b/. Hãy dịch các câu kệ ở các điều thứ 22, 23, 24 đã trình bày việc phân tích quả báo của Đại Thiện Nghiệp Lực có Tam Nhân Thượng Phẩm v.v., ở cả hai Thời, Thời Tái Sinh và Thời Chuyển Khởi.

3. Đáp: a/. Etthākusalammamuddhaccarahitaṃ apāyabhūmiyaṃ paṭisan dhiṃ janeti, pavattiyaṃ pana sabbampi dvādasavidhaṃ sattākusalapākāni sabbatthāpi kāmeloke rūpaloke ca yathārahaṃ vipaccati - Trong bốn thể loại Nghiệp Lực ấy, 11 Bất Thiện Nghiệp Lực, loại trừ Bất Thiện Nghiệp Lực câu hành Trạo Cử **(Uddhacca sahagataakusalakamma)** ra, thì tác hành cho sinh khởi Tâm Tái Sinh và Tâm Sở cùng với Sắc Nghiệp Lực ở trong Tứ Thống Khổ Địa Giới. Tuy nhiên, ở trong Thời Chuyển Khởi (Thời Bình Nhật) thì hết tất cả 12 Bất Thiện Nghiệp Lực ấy tác hành cho trổ sinh 7 Quả Dị

Thục Bất Thiện **(Akusalavipāka)** làm thành quả báo ở trong hết tất cả 11 Cõi Dục Địa Giới và ở trong 15 Cõi Hữu Sắc Giới (trừ Cõi Hữu Tình Vô Tưởng Phạm Thiên Giới), vừa theo thích hợp.

Kāmāvacarakusalampi kāmasugatiyameva paṭisandhiṃ janeti, tathā pavattiyañca mahavipākāni ahetukavipākāni pana aṭṭhapi sabbatthāpi kāmeloke rūpaloke ca yathārahaṃ vipaccati - Đối với 8 Dục Giới Thiện Nghiệp Lực thì tác hành cho Tâm Tái Sinh, Tâm Sở và Sắc Nghiệp sinh khởi ở trong Thời Tái Sinh và chỉ ở trong **Thất Thiện Thú Dục Giới (Kāmasugatibhūmi)** thôi. Còn ở trong Thời Chuyển Khởi thì 8 Thiện Nghiệp Lực Dục Giới tác hành cho sinh khởi 8 Tâm Đại Quả làm thành quả báo duy nhất chỉ ở trong Thất Thiện Thú Dục Giới thôi. Nhưng lại tác hành cho sinh khởi 8 Tâm Quả Dị Thục Vô Nhân làm thành quả báo trong tất cả 11 Cõi Dục Địa Giới và trong 15 Cõi Hữu Sắc Giới (trừ Hữu Tình Vô Tưởng Phạm Thiên Giới) vừa theo thích hợp.

b/. Tatthāpi tihetukamukkaṭṭhaṃ kusalaṃ tihetukaṃ paṭisandhiṃ datvā pavatte soḷasa vipākāni vipaccati - Trong cả 8 Thiện Nghiệp Lực Dục Giới ấy, chủng loại Thiện Nghiệp Lực mà là Tam Nhân **Thượng Phẩm (Ukkaṭṭha)** ấy, thì thường tác hành trổ sinh Quả Báo Tái Sinh **(Phalapaṭisandhi)** làm thành Tam Nhân, rồi tác hành cho sinh khởi 16 Tâm Quả Dị Thục làm thành quả báo ở trong Thời Chuyển Khởi.

Tihetukamomakaṃ dvihetukamukkaṭṭhañca kusalaṃ dvihetukaṃ paṭi sandhiṃ datvā pavatte tihetukarahitāni dvādasa vipākāni vipaccati – Thiện Nghiệp Lực mà là Tam Nhân **Hạ Phẩm (Omaka)** và là Nhị Nhân Hạ Phẩm, với cả hai thể loại này, thì thường tác hành trổ sinh Quả Báo Tái Sinh làm thành chủng loại Nhị Nhân, rồi tác hành cho sinh khởi 12 Tâm Quả Dị Thục, trừ 4 Tâm Đại Quả Tương Ưng Trí, làm thành quả báo ở trong Thời Chuyển Khởi.

Dvihetukamomakaṃ pana kusalaṃ ahetukameva paṭisandhiṃ deti pavatte ca ahetukavipākāneva vipaccati - Còn Thiện Nghiệp Lực mà là Nhị Nhân Hạ Phẩm, thì thường trổ sinh Quả Báo Tái Sinh làm thành chủng loại đích thị chính là Quả Dị Thục Thiện Vô Nhân, rồi tác hành cho sinh khởi chỉ có 8 Tâm Quả Dị Thục Thiện Vô Nhân ngần chừng ấy, làm thành quả báo ở trong Thời Chuyển Khởi.

4. Hỏi: Hãy dịch tuần tự các câu kệ kể từ điều thứ 27 cho đến điều thứ 38 đã trình bày việc phân tích Ngũ Hữu Sắc Giới Thiện Nghiệp Lực tác hành trổ sinh quả báo trong 16 Cõi Hữu Sắc Giới.

4. Đáp: Rūpāvacarakusalaṃ pana paṭhamajjhānaṃ parittaṃ bhāvetvā brah mapārisajjesu uppajjati - Còn Thiện Nghiệp Lực Hữu Sắc Giới, một khi đã được tiến hóa Sơ Thiền ở mức độ bậc thấp (Hạ Phẩm) thường trổ sinh quả báo tái sinh trong Phạm Chúng Thiên Giới.

Tadeva majjhimaṃ bhāvetvā brahmapurohitesu - Chính là một khi đã được tiến hóa Sơ Thiền ở mức độ trung bình (Trung Phẩm) thường trổ sinh quả báo tái sinh trong Phạm Phụ Thiên Giới.

Paṇītaṃ bhāvetvā mahābrahmesu – Khi đã được tiến hóa Sơ Thiền ấy ở mức độ thanh lương (Thượng Phẩm) thường trổ sinh quả báo tái sinh trong Đại Phạm Thiên Giới.

Tathā dutiyajjhānaṃ tatiyajjhānañca parittaṃ bhavavetvā parittābhesu - Khi đã được tiến hóa Nhị Thiền hoặc Tam Thiền ở mức độ bậc thấp (Hạ Phẩm) thường trổ sinh quả báo tái sinh trong Thiểu Quang Phạm Thiên Giới.

Majjhimaṃ bhāvetvā appamāṇābhesu - Khi đã được tiến hóa Nhị Thiền hoặc Tam Thiền ở mức độ trung bình (Trung Phẩm) thường trổ sinh quả báo tái sinh trong Vô Lượng Quang Phạm Thiên Giới.

Paṇītaṃ bhāvetvā ābhassaresu - Khi đã được tiến hóa Nhị Thiền hoặc Tam Thiền ở mức độ bậc thanh lương (Thượng Phẩm) thường trổ sinh quả báo tái sinh trong Biến Quang Phạm Thiên Giới.

Catutthajjhānaṃ parittaṃ bhāvetvā parittasubhesu - Khi đã được tiến hóa Tứ Thiền ở mức độ bậc thấp thường trổ sinh quả báo tái sinh trong Thiểu Tịnh Phạm Thiên Giới.

Majjhimaṃ bhāvetvā appamāṇasubhesu - Khi đã được tiến hóa Tứ Thiền ở mức độ bậc trung thường trổ sinh quả báo tái sinh ở trong Vô Lượng Tịnh Phạm Thiên Giới.

Paṇītaṃ bhāvetvā subhakiṇhesu - Khi đã được tiến hóa Tứ Thiền ở mức độ bậc thanh lương, khi trổ sinh quả báo thường tái sinh trong Biến Tịnh Phạm Thiên Giới.

Pañcamajjhānaṃ bhāvetvā vehapphalesu – Khi đã được tiến hóa Ngũ Thiền thường trổ sinh quả báo tái sinh trong Quảng Quả Phạm Thiên Giới.

Tadeva saññāvirāgaṃ bhāvetvā asaññasattesu – Chính là khi đã được tiến hóa Ngũ Thiền ấy, bằng cách xa lìa sự duyệt ý ở trong Tưởng (Tưởng Ly Ái Tu Tập) tức là Danh Pháp rồi, một khi trổ sinh quả báo thường tái sinh trong Hữu Tình Vô Tưởng Phạm Thiên Giới.

Anāgāmino pana suddhāvāsesu uppajjanti – Chỉ có Bậc Bất Lai, một khi đã chứng đắc được Ngũ Thiền thường tái sinh trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới.

5. Hỏi: a/. Từ ngữ nói rằng **Kamma – Nghiệp Lực** trong Nghiệp Lực Tứ Phần đây, là có ý nghĩa chi ? Câu Chú Giải trình bày như thế nào ? Chi Pháp gồm những chi ?

b/. Nghiệp Lực Tứ Phần đây, Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** đã có trình bày phân tích Nghiệp Lực ra làm mấy nhóm ? Là những chi ? Và nhóm nào thì trình bày theo phần Kinh Tạng, và nhóm nào thì trình bày theo phần Vô Tỷ Pháp Tạng. Hãy trình bày đi theo thứ tự.

5. Đáp: a/. Từ ngữ nói rằng **Kamma** có ý nghĩa rằng việc tác hành liên quan với Thân, Ngữ, Ý, ở cả Lộ Trình Thiện và Lộ Trình Bất Thiện, gọi là **Nghiệp Lực.** Hoặc Pháp Chủng làm cho thành tựu của các việc tác hành ấy, gọi là **Nghiệp Lực.**

Như có câu Chú Giải nói rằng: **Karaṇaṃ = Kammaṃ** hoặc **Karonti etenāti = Kammaṃ** - Việc tác hành, gọi là Nghiệp Lực; hoặc, tất cả Chúng Hữu Tình thường tác hành do bởi nương vào Pháp Chủng ấy, vì thế Pháp Chủng ấy thành tác nhân làm cho thành tựu

các việc tác hành ấy, gọi là Nghiệp Lực. Tức là **Tư Tâm Sở (Cetanā)** hiện hữu ở trong **Tâm Bất Thiện (Akusalacitta)** và **Tâm Thiện Hiệp Thế (Lokīyakusalacitta).**

b/. Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** đã có trình bày Nghiệp Lực Tứ Phần này, và đã phân tích ra làm thành bộ Tứ Phần **(Catukka)**, đó là:

1. Sự Vụ Tứ Phần (Kiccacatukka): rằng theo Sự Vụ thì có bốn thể loại.

2. Tuần Tự Khai Quả Tứ Phần (Pākadānapariyāyacatukka): rằng theo tuần tự của việc trổ sinh quả báo thì có bốn thể loại.

3. Thời Gian Khai Quả Tứ Phần (Pākakālacatukka): rằng theo thời gian trổ sinh quả báo thì có bốn thể loại.

4. Trú Xứ Khai Quả Tứ Phần (Pākaṭṭhānacatukka): rằng theo trú xứ trổ sinh quả báo thì có bốn thể loại.

Trong cả Bộ Tứ Phần này, thì chỉ có duy nhất Trú Xứ Khai Quả Tứ Phần là được trình bày theo phần Vô Tỷ Pháp Tạng, đó là phần được đề cập đến một cách xác định. Còn cả ba phần còn lại của bộ Tứ Phần thì được trình bày theo phần Kinh Tạng, đó là phần được đề cập đến một cách bất định, chỉ là hiện hành theo phần đại đa số thôi.

6. Hỏi: Hãy trình bày ý nghĩa và luôn cả trình bày Chi Pháp của hết cả 16 điều Nghiệp Lực đi theo thứ tự.

6. Đáp: + Xuất Sinh Nghiệp Lực (Janakakamma) là loại Nghiệp Lực tác hành cho Quả Dị Thục và Sắc Nghiệp, luôn cả bọn Sắc Quý Tiết Duyên Nghiệp Lực được sinh khởi ở trong cả Thời Tái Sinh và Thời Chuyển Khởi. Chi Pháp ấy là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực, và 17 Hiệp Thế Thiện Nghiệp Lực.

+ Bảo Hộ Nghiệp Lực (Upatthambhakakamma) là loại Nghiệp Lực thường giúp đỡ bảo hộ các Nghiệp Lực khác, và việc nối tiếp sinh khởi của các Uẩn từ các Nghiệp Lực khác. Chi Pháp ấy là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực, và 8 Đại Thiện Nghiệp Lực.

+ Chướng Ngại Nghiệp Lực (Upapīḷakakamma) là loại Nghiệp Lực thường xâm nhiễu, và cản trở bức hại các Nghiệp Lực khác. Chi Pháp ấy là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực, và 8 Đại Thiện Nghiệp Lực.

+ Đoạn Diệt Nghiệp Lực (Upaghātakakamma) là loại Nghiệp Lực thường thâm nhập vào tuyệt giao các Nghiệp Lực khác, hoặc cắt đứt Hệ Quả **(Phala)** của các Nghiệp Lực khác. Chi Pháp ấy là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực, và 21 Thiện Nghiệp Lực.

+ Cực Trọng Nghiệp Lực (Garukakamma) là loại Nghiệp Lực một cách nghiêm trọng mà các Nghiệp Lực khác không có khả năng sẽ cấm chỉ được. Chi Pháp ấy là bốn Tâm Tương Ưng Kiến **(Diṭṭhisampayutta)** mà có liên quan với **Chuẩn Xác Tà Kiến Nghiệp Lực (Niyatamicchādiṭṭhikamma)** và hai Tâm căn Sân **(Dosamūla)** mà có liên quan với **Ngũ Nghịch Vô Gián Nghiệp Lực (Pañcānantariyakamma),** và 9 Tâm Thiện Nghiệp Lực Đáo Đại **(Mahaggatakusalakamma)**, kết hợp lại có 15.

+ Cận Tử Nghiệp Lực (Āsannakamma) là loại Nghiệp Lực tác hành vào lúc sẽ cận tử lâm chung. Chi Pháp ấy là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực (trừ Chuẩn Xác Tà Kiến và Ngũ Nghịch Vô Gián Nghiệp Lực), 8 Đại Thiện Nghiệp Lực (đối với Thiện Nghiệp Lực Đáo Đại

ấy thì không sắp vào trong chỗ này, vì lẽ chỉ ở mỗi một phía Cực Trọng Nghiệp Lực ngần ấy.)

+ **Tập Quán Nghiệp Lực (Āciṇṇakamma)** là loại Nghiệp Lực đã từng quen, thường luôn tác hành. Chi Pháp ấy là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực, và 8 Đại Thiện Nghiệp Lực.

+ **Tích Lũy Nghiệp Lực (Kaṭattākamma)** là loại Nghiệp Lực tác hành tích lũy có chừng mực, vừa phải và không ngang bằng với cả ba thể loại Nghiệp Lực ấy, hoặc Nghiệp Lực đã từng tác hành và tích trữ để ở trong kiếp vị lai. Chi Pháp ấy là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực, và 8 Đại Thiện Nghiệp Lực.

+ **Hiện Báo Nghiệp Lực (Diṭṭhakammavedanīyakamma)** là loại Nghiệp Lực tác hành cho phải được thụ lãnh quả báo ở trong bản ngã hiện bày ngay ở trong kiếp sống này. Chi Pháp ấy là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực, 8 Đại Thiện Nghiệp Lực, và Tư Tâm Sở ở trong cái Tâm Đổng Lực thứ nhất.

+ **Hậu Báo Nghiệp Lực (Upapajjavedanīyakamma)** là loại Nghiệp Lực tác hành cho phải được thụ lãnh quả báo ngay khi vào đến kiếp sống thứ hai kế liền với kiếp sống hiện tại. Chi Pháp ấy là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực, 8 Đại Thiện Nghiệp Lực, và Tư Tâm Sở ở trong cái Tâm Đổng Lực thứ bảy.

+ **Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực (Aparāpariyavedanīyakamma)** là loại Nghiệp Lực tác hành cho trổ sinh quả báo ở trong các kiếp sống khác khác, tính kể từ kiếp sống thứ ba trở đi cho đến Viên Tịch Níp Bàn. Chi Pháp ấy là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực, 8 Đại Thiện Nghiệp Lực, và Tư Tâm Sở ở trong cái Tâm Đổng Lực thứ hai cho đến cái thứ sáu.

+ **Vô Hiệu Nghiệp Lực (Ahosikamma)** là loại Nghiệp Lực đã hoàn mãn rồi, tuy nhiên quả báo của Nghiệp Lực ấy đâu có phải đã sinh khởi rồi đâu (Vô Hiệu Nghiệp Quả). Nghiệp Lực ấy đã hoàn mãn rồi, tuy nhiên quả báo của Nghiệp Lực ấy thì chẳng phải là đang sinh khởi **(Vô Tựu Nghiệp Quả).** Nghiệp Lực ấy đã hoàn mãn rồi, tuy nhiên quả báo của Nghiệp Lực ấy sẽ không sinh khởi **(Vô Hữu Nghiệp Quả).** Chi Pháp ấy là 29 Tư Tâm Sở Nghiệp Lực đã vượt qua việc trổ sinh quả báo.

+ **Bất Thiện Nghiệp Lực (Akusalakamma)** Chi Pháp ấy là Tư Tâm Sở hiện hữu ở trong 12 Tâm Bất Thiện, có liên quan với Thập Ác Hạnh, và Thập Bất Thiện Nghiệp Đạo.

+ **Thiện Nghiệp Lực Dục Giới (Kāmāvacarakusalakamma)** Chi Pháp ấy là Tư Tâm Sở hiện hữu ở trong 8 Tâm Đại Thiện, có liên quan với Thập Thiện Nghiệp Đạo, và Thập Phúc Hành Tông (Thập Phúc Nghiệp Sự).

+ **Thiện Nghiệp Lực Hữu Sắc Giới (Rūpāvacarakusalakamma)** Chi Pháp ấy là Tư Tâm Sở hiện hữu ở trong 5 Tâm Thiện Sắc Giới, có liên quan với Ngũ Hữu Sắc Giới Thiền Định.

+ **Thiện Nghiệp Lực Vô Sắc Giới (Arūpāvacarakusalakamma)** Chi Pháp ấy là Tư Tâm Sở hiện hữu ở trong 4 Tâm Thiện Vô Sắc Giới, có liên quan với Tứ Vô Sắc Giới Thiền Định.

7. **Hỏi:** Hãy trình bày Câu Chú Giải và ý nghĩa ở trong các câu như tiếp theo đây: **Xuất Sinh Nghiệp Lực (Janakakamma), Bảo Hộ Nghiệp Lực (Upatthambhakakam**

ma), Chướng Ngại Nghiệp Lực (Upapīḷakakamma), Đoạn Diệt Nghiệp Lực (Upaghātakakamma), Cực Trọng Nghiệp Lực (Garukakamma), Cận Tử Nghiệp Lực (Āsannakamma), Tập Quán Nghiệp Lực (Āciṇṇakamma), Tích Lũy Nghiệp Lực (Kaṭattākamma).

7. Đáp: Xuất Sinh Nghiệp Lực (Janakakamma): có câu Chú Giải đã trình bày nói rằng: **Vipākakkhandha kammajarūpāni jānatīti = Janakaṃ** - Bất luận Nghiệp Lực nào đã tác hành cho Danh Uẩn Quả Dị Thục và Sắc Nghiệp Lực sinh khởi, như thế Nghiệp Lực ấy gọi **Xuất Sinh Nghiệp Lực.**

+ Bảo Hộ Nghiệp Lực (Upatthambhakakamma): có câu Chú Giải đã trình bày nói rằng: **Kammantaraṃ vā kammanibbattakhandhasantānaṃ vā upatthambhetīti = Upatthambhakaṃ** - Bất luận Nghiệp Lực nào thường giúp đỡ bảo hộ các Nghiệp Lực khác, và việc nối tiếp sinh khởi của các Uẩn từ các Nghiệp Lực khác, như thế Nghiệp Lực ấy gọi **Bảo Hộ Nghiệp Lực.**

+ Chướng Ngại Nghiệp Lực (Upapīḷakakamma): Nghiệp Lực thường xâm nhiễu, và cản trở bức hại các Nghiệp Lực khác. Có câu Chú Giải trình bày nói rằng: **Kamman taraṃ vā kammanibbatta khandhasantānaṃ vā upapīḷetīti = Upapīḷakaṃ** - Bất luận Nghiệp Lực nào thường bức hại các Nghiệp Lực khác, và việc nối tiếp sinh khởi của Ngũ Uẩn từ nơi các Nghiệp Lực khác, như thế Nghiệp Lực ấy gọi **Chướng Ngại Nghiệp Lực.**

+ Đoạn Diệt Nghiệp Lực (Upaghātakakamma): Nghiệp Lực thường thâm nhập vào tuyệt giao các Nghiệp Lực khác, hoặc cắt đứt Quả báo **(Phala)** của các Nghiệp Lực khác. Có câu Chú Giải trình bày nói rằng: **Kammantaraṃ vā kamma nibbattakhandha santānaṃ vā upaghātetīti = Upaghātakaṃ** - Bất luận Nghiệp Lực nào thường thâm nhập vào tuyệt giao các Nghiệp Lực khác, và việc nối tiếp sinh khởi của Ngũ Uẩn từ các Nghiệp Lực khác, như thế Nghiệp Lực ấy gọi **Đoạn Diệt Nghiệp Lực.**

+ Cực Trọng Nghiệp Lực (Garukakamma): Nghiệp Lực một cách nghiêm trọng mà các Nghiệp Lực khác không có khả năng sẽ cấm chỉ được. Có câu Chú Giải đã có trình bày nói rằng: **Garu ! Karotīti = Karukaṃ** - Nghiệp Lực nào thường trổ sinh quả báo một cách cực kỳ nghiêm trọng, chính vì thế Nghiệp Lực ấy gọi tên **Cực Trọng Nghiệp Lực.** Hoặc một trường hợp khác nữa **Kammantarehi paṭibāhituṃ asakkuneyyuttā garukaṃ kammanti = Garukakammaṃ** - Nghiệp Lực mà cực kỳ nghiêm trọng là cũng do các Nghiệp Lực khác không có khả năng cấm chỉ việc trổ sinh quả báo, chính vì thế mới gọi tên là **Cực Trọng Nghiệp Lực.**

+ Cận Tử Nghiệp Lực (Āsannakamma): Nghiệp Lực tác hành vào lúc sẽ cận tử lâm chung. Có câu Chú Giải đã trình bày nói rằng: **Āsanne anussaritaṃ = Āsannaṃ (vā) Āsanne kataṃ = Āsannaṃ** - Nghiệp Lực truy niệm đến các sự vật tốt đẹp hoặc không tốt đẹp ở trong thời cận tử lâm chung, gọi là Cận Tử Nghiệp Lực (hoặc) Việc tạo tác Thiện hoặc Bất Thiện ở trong thời cận tử lâm chung, gọi là **Cận Tử Nghiệp Lực**.

+ Tập Quán Nghiệp Lực (Āciṇṇakamma): Nghiệp Lực đã từng quen, thường luôn tác hành. Có câu Chú Giải đã trình bày nói rằng: **Ācīyati punappunaṃ karīyatīti =**

Ācinnaṃ - Nghiệp Lực nào mà người cần phải tích lũy chất chứa hằng thường luôn, chính vì thế Nghiệp Lực ấy gọi là **Tập Quán Nghiệp Lực.**

+ Tích Lũy Nghiệp Lực (Kaṭattākamma): Nghiệp Lực tác hành tích lũy có chừng mực, vừa phải và không ngang bằng với cả ba thể loại Nghiệp Lực ấy, hoặc Nghiệp Lực đã từng tác hành và tích trữ để ở trong kiếp vị lai. Có câu Chú Giải đã trình bày nói rằng: **Kaṭattā eva kammanti = Kaṭattākammaṃ** - Việc tạo tác mà đã được gọi là Nghiệp Lực, là chỉ vì việc tác hành đã vừa chấm dứt xong, và chính vì thế mới được gọi là **Tích Lũy Nghiệp Lực.**

8. Hỏi: Bảo Hộ Nghiệp Lực, một khi phân theo các thể loại lớn thì có được bao nhiêu ? Là những chi ?

8. Đáp: Bảo Hộ Nghiệp Lực này, khi phân tích ra thì có được ba thể loại lớn, ấy là:

+ giúp đỡ ủng hộ Xuất Sinh Nghiệp Lực khi vẫn chưa có được cơ hội để trổ sinh quả báo thì cho có được cơ hội để trổ sinh quả báo,

+ giúp đỡ ủng hộ Xuất Sinh Nghiệp Lực đang có được cơ hội để trổ sinh quả báo thì cho có được năng lực mạnh mẽ trong việc trổ sinh quả báo ấy được thành tựu viên mãn, và

+ giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc nơi là Quả Dị Thục của Xuất Sinh Nghiệp Lực cho được phát triển và tồn tại lâu dài.

9. Hỏi: a/. Bảo Hộ Nghiệp Lực giúp đỡ ủng hộ Xuất Sinh Nghiệp Lực khi vẫn chưa có được cơ hội để trổ sinh quả báo thì cho có được cơ hội để trổ sinh quả báo đấy, có được mấy điều ? Là những chi ?

b/. Bảo Hộ Nghiệp Lực giúp đỡ ủng hộ Xuất Sinh Nghiệp Lực đang có được cơ hội để trổ sinh quả báo thì cho có được năng lực mạnh mẽ trong việc trổ sinh quả báo ấy được thành tựu viên mãn đấy, có được mấy điều ? Là những chi ?

c/. Bảo Hộ Nghiệp Lực giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc nơi là Quả Dị Thục của Xuất Sinh Nghiệp Lực cho được phát triển và tồn tại lâu dài đấy, có được mấy điều ? Là những chi ?

9. Đáp: a/. Bảo Hộ Nghiệp Lực giúp đỡ ủng hộ đối với Xuất Sinh Nghiệp Lực khi vẫn chưa có được cơ hội để trổ sinh quả báo thì cho có được cơ hội trổ sinh quả báo ấy, đem phân tích ra thì có được tám thể loại, đó là:

1. Thiện sinh khởi trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực trong kiếp sống quá khứ.

2. Thiện sinh khởi trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực trong kiếp sống hiện tại.

3. Bất Thiện sinh khởi trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực trong kiếp sống quá khứ.

4. Bất Thiện sinh khởi trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực trong kiếp sống hiện tại.

5. Thiện thường luôn sinh khởi trong Thời Bình Nhật ngay trong kiếp sống hiện tại giúp đỡ ủng hộ đối với Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực trong kiếp sống quá khứ.

6. Thiện thường luôn sinh khởi trong Thời Bình Nhật ngay trong kiếp sống hiện tại giúp đỡ ủng hộ đối với Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực trong kiếp sống hiện tại.

7. Bất Thiện thường luôn sinh khởi trong Thời Bình Nhật ngay trong kiếp sống hiện tại giúp đỡ ủng hộ đối với Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực trong kiếp sống quá khứ.

8. Bất Thiện thường luôn sinh khởi trong Thời Bình Nhật ngay trong kiếp sống hiện tại giúp đỡ ủng hộ đối với Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực trong kiếp sống hiện tại.

b/. Bảo Hộ Nghiệp Lực giúp đỡ ủng hộ Xuất Sinh Nghiệp Lực đang có được cơ hội để trổ sinh quả báo thì cho có được năng lực mạnh mẽ trong việc trổ sinh quả báo ấy được thành tựu viên mãn ấy, thì có được mười thể loại, đó là:

1. Thiện sinh khởi trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực trong kiếp sống quá khứ mà đang có cơ hội để trổ sinh quả báo.

2. Thiện sinh khởi trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực trong kiếp sống hiện tại mà đang có cơ hội để trổ sinh quả báo.

3. Bất Thiện sinh khởi trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực trong kiếp sống quá khứ mà đang có cơ hội để trổ sinh quả báo.

4. Bất Thiện sinh khởi trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực trong kiếp sống hiện tại mà đang có cơ hội để trổ sinh quả báo.

5. Thiện sinh khởi trong Thời Chuyển Khởi giúp đỡ ủng hộ đối với Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực trong kiếp sống quá khứ mà đang có cơ hội để trổ sinh quả báo.

6. Thiện sinh khởi trong Thời Chuyển Khởi giúp đỡ ủng hộ đối với Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực trong kiếp sống hiện tại mà đang có cơ hội để trổ sinh quả báo.

7. Bất Thiện sinh khởi trong Thời Chuyển Khởi giúp đỡ ủng hộ đối với Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực trong kiếp sống quá khứ mà đang có cơ hội để trổ sinh quả báo.

8. Bất Thiện sinh khởi trong Thời Chuyển Khởi giúp đỡ ủng hộ đối với Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực trong kiếp sống hiện tại mà đang có cơ hội để trổ sinh quả báo.

9. Thiện sinh khởi trong kiếp sống quá khứ giúp đỡ ủng hộ đối với Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực trong kiếp sống hiện tại mà đang có cơ hội để trổ sinh quả báo.

10. Bất Thiện sinh khởi trong kiếp sống quá khứ giúp đỡ ủng hộ đối với Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực trong kiếp sống hiện tại mà đang có cơ hội để cho trổ sinh quả báo.

c/. Bảo Hộ Nghiệp Lực giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc nơi là Quả Dị Thục của Xuất Sinh Nghiệp Lực cho được phát triển và tồn tại lâu dài, có được bảy thể loại, đó là:

1. Thiện đã từng tạo tác trong các kiếp sống trước, giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc sinh từ Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực.

2. Thiện đã từng tạo tác trong kiếp sống này giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc sinh từ Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực.

3. Bất Thiện đã từng tạo tác trong các kiếp sống trước, giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc sinh từ Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực.

4. Bất Thiện đã từng tạo tác trong kiếp sống này giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc sinh từ Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực.

5. Thiện đã từng tạo tác trong các kiếp sống trước, giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc sinh từ Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực.

6. Thiện đã từng tạo tác trong kiếp sống này giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc sinh từ Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực.

7. Bất Thiện đã từng tạo tác trong kiếp sống này giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc sinh từ Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực.

10. Hỏi: Việc bức hại của Chướng Ngại Nghiệp Lực, một khi phân theo các thể loại lớn một cách tóm lược, thì có được mấy điều ? Là những chi ?

10. Đáp: Việc bức hại của Chướng Ngại Nghiệp Lực, khi tóm lược lại thì có được ba thể loại, ấy là:

(1) Chướng Ngại Nghiệp Lực bức hại các Xuất Sinh Nghiệp Lực khác không cho có được cơ hội để trổ sinh quả báo,

(2) Chướng Ngại Nghiệp Lực bức hại các Xuất Sinh Nghiệp Lực khác đã có được cơ hội để trổ sinh quả báo thì cho có năng lực làm suy giảm xuống,

(3) Chướng Ngại Nghiệp Lực bức hại Danh Sắc sinh từ các Xuất Sinh Nghiệp Lực.

11. Hỏi: Cả ba thể loại Chướng Ngại Nghiệp Lực đây, khi phân tích ra ở trong từng mỗi thể loại thì có được bao nhiêu phân loại ? Là những chi ? Và cho dẫn chứng thí dụ bất luận một điều nào cũng được.

11. Đáp: (1) Chướng Ngại Nghiệp Lực bức hại các Xuất Sinh Nghiệp Lực khác không cho có được cơ hội để trổ sinh quả báo, có được hai phân loại, ấy là:

a/. Thiện tạo tác trong kiếp sống này, đã bức hại Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực không có được cơ hội để trổ sinh quả báo,

b/. Bất Thiện tạo tác trong kiếp sống này, đã bức hại Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực không cho có được cơ hội để trổ sinh quả báo.

(2) Chướng Ngại Nghiệp Lực bức hại các Xuất Sinh Nghiệp Lực khác đã có được cơ hội để cho trổ sinh quả báo cho có năng lực làm suy giảm xuống thì có được hai phân loại, đó là:

a/. Thiện tạo tác trong kiếp sống này, đã bức hại Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực đã có được cơ hội để trổ sinh quả báo thì cho có năng lực làm suy giảm xuống.

b/. Bất Thiện tạo tác trong kiếp sống này, đã bức hại Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực đã có được cơ hội để trổ sinh quả báo thì cho có năng lực làm suy giảm xuống.

(3) Chướng Ngại Nghiệp Lực bức hại Danh Sắc sinh từ các Xuất Sinh Nghiệp Lực, thì có được hai phân loại, đó là:

a/. Bất Thiện Chướng Ngại Nghiệp Lực bức hại Danh Sắc sinh từ Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực.

b/. Thiện Chướng Ngại Nghiệp Lực bức hại Danh Sắc sinh từ Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực.

Nêu lên thí dụ dẫn chứng với điều thứ hai thì chẳng hạn như người mà sinh ra thành người nghèo khổ, hoặc người ốm đau bệnh hoạn, có sự khổ sở vất vả, đã là thành quả trổ sinh từ Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực. Tuy nhiên người ấy lại thường luôn nỗ lực tinh cần tác hành Thiện Sự, thọ trì Giới Luật, vừa theo thích hợp đối với khả năng của mình. Tiếp đến về sau các sự khổ sở vất vả, với những thể loại như thế cũng tan biến đi, việc tìm kiếm miếng ăn nước uống cũng khởi sinh lên dễ dàng. Việc ốm đau bệnh hoạn đã từng có thì cũng gặp được thuốc tốt để chữa trị, và đã dẫn đến sự an vui thoải mái. Sự việc này cũng do bởi mãnh lực Thiện Chướng Ngại Nghiệp Lực đã từng có được kiến tạo khởi sinh lên, xâm nhiễu bức hại Danh Sắc sinh từ Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực, đề cập đến sự vất vả về Thân, vất vả về Tâm cho được diệt mất đi.

12. Hỏi: Ngài trình bày việc tiêu diệt của Đoạn Diệt Nghiệp Lực có được mấy điều? Là những chi ? Và khi phân tích ra ở trong từng mỗi thể loại thì có được bao nhiêu phân loại ? Luôn cả cho dẫn chứng thí dụ bất luận một điều nào cũng được.

12. Đáp: Việc tiêu diệt của Đoạn Diệt Nghiệp Lực có được hai thể loại, ấy là:

1. Tiêu diệt các Xuất Sinh Nghiệp Lực khác, để hoàn toàn không cho có được cơ hội trổ sinh quả báo (**Kammantara upaghātaka**).

2. Tiêu diệt Danh Sắc sinh từ các Xuất Sinh Nghiệp Lực khác để cho hoại diệt đi **(Kammanibbattakhandhasantāna upaghātaka)**.

1. Đoạn Diệt Nghiệp Lực tiêu diệt các Xuất Sinh Nghiệp Lực khác, để hoàn toàn không cho có được cơ hội trổ sinh quả báo, có được ba phân loại, đó là:

a/. Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực tiêu diệt Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực.

b/. Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực tiêu diệt Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực.

c/. Bất Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực tiêu diệt Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực.

2. Đoạn Diệt Nghiệp Lực tiêu diệt Danh Sắc sinh từ các Xuất Sinh Nghiệp Lực khác để cho hoại diệt đi, có được bốn phân loại, đó là:

a/. Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực tiêu diệt Danh Sắc ở phần Quả Dị Thục Bất Thiện.

b/. Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực tiêu diệt Danh Sắc ở phần Quả Dị Thục Thiện.

c/. Bất Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực tiêu diệt Danh Sắc ở phần Quả Dị Thục Thiện.

d/. Bất Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực tiêu diệt Danh Sắc ở phần Quả Dị Thục Bất Thiện.

(Nêu lên thí dụ dẫn chứng với điều thứ tư này) là Bất Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực tiêu diệt Danh Sắc ở phần Quả Dị Thục Bất Thiện, thì chẳng hạn như lẽ thường thì loài Hữu Tình Bàng Sinh có loài chó v.v. với xác thân và đời sống sự hiện hành của loài chó v.v. này thì được sắp là Quả Dị Thục Bất Thiện, chỉ trừ ra sự xinh đẹp của thân thể, và Tâm Nhãn Thức Quả Dị Thục Thiện v.v. mà sinh khởi ở trong sát na được nhìn thấy, được nghe, được

ngửi, được nếm, được tiếp xúc đụng chạm ở trong các vật tốt đẹp. Tiếp đến, con chó này khởi sinh việc phải đón nhận tác nhân bất hạnh như bị xe đụng chết, hoặc bị giết chết, bị rớt xuống nước chết, v.v. Việc tử vong của con chó như vậy là cũng do mãnh lực Bất Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực đã từng khởi sinh ở trong kiếp sống trước, hoặc trong kiếp sống này làm thành người tiêu diệt sự sống và xác thân ở phần Quả Dị Thục Bất Thiện.

13. Hỏi: Đoạn Diệt Nghiệp Lực tiêu diệt Danh Sắc ở phần Quả Dị Thục của các Nghiệp Lực khác, có được mấy thể loại ? Là những chi ? Luôn cả cho dẫn chứng thí dụ bất luận một điều nào cũng được.

13. Đáp: Lại nữa, Đoạn Diệt Nghiệp Lực tiêu diệt Danh Sắc ở phần Quả Dị Thục của các Nghiệp Lực khác, có được ba thể loại, ấy là:

1. Tiêu diệt Quả Dị Thục các Nghiệp Lực khác xong rồi, tự bản thân cũng không trổ sinh quả báo và cũng không cho có được cơ hội đối với các Xuất Sinh Nghiệp Lực khác cho trổ sinh quả báo.

2. Tiêu diệt Quả Dị Thục các Nghiệp Lực khác xong rồi, tự bản thân cho trổ sinh quả báo.

3. Tiêu diệt Quả Dị Thục các Nghiệp Lực khác xong rồi, cho có được cơ hội đối với các Xuất Sinh Nghiệp Lực khác để cho trổ sinh quả báo.

Nêu lên thí dụ dẫn chứng với điều thứ ba, thì chẳng hạn như Đức Vua **Bimbisāra**. Ở trong kiếp quá khứ đã từng đi giày vào trong khu vực của bảo tháp Đức Phật, mới phải bị thụ lãnh quả báo là bị rạch lồng bàn chân cho đến mạng vong. Tuy nhiên khi đã mạng vong rồi, các Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực khác, có được cơ hội để cho trổ sinh quả báo, và đã làm cho Đức Vua **Bimbisāra** được đi tái sinh làm thành Thiên Tử ở trong tầng Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới. Sự việc này là cũng do Bất Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực tiêu diệt Quả Dị Thục các Nghiệp Lực khác, và rồi lại cho có được cơ hội đối với các Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực khác để cho trổ sinh quả báo.

14. Hỏi: Hãy trình bày Tâm Thiện Siêu Thế có được sắp vào loại Cực Trong Nghiệp Lực hay không ? Và Cực Trọng Nghiệp Lực ở trong Nghiệp Lực Tứ Phần này, thì Ngài lập ý lấy loại Nghiệp Lực nào ?

14. Đáp: Đối với Thiện Siêu Thế Nghiệp Lực **(Lokuttarakusalakamma)** ấy, thì quả thật cũng chính là Cực Trọng Nghiệp Lực, tuy nhiên tại nơi đây là chỉ muốn hướng dẫn Nghiệp Lực mà sẽ trổ sinh quả báo ở trong kiếp sống thứ hai. Còn Thiện Siêu Thế Nghiệp Lực ấy lại không có nhiệm vụ để trổ sinh quả báo, mà chỉ có nhiệm vụ duy nhất là sẽ phá hủy việc tái sinh vừa theo thích hợp tương xứng với năng lực của mình mà thôi.

Lại nữa, Cực Trọng Nghiệp Lực là loại Nghiệp Lực nặng nề, cực kỳ nghiêm trọng, và có thể là Thiện Nghiệp Lực hoặc là Bất Thiện Nghiệp Lực. Nghiệp Lực này chắc chắn trổ sinh quả báo ngay trong kiếp sống hiện tiền, hoặc ở trong kiếp sống kế liền kiếp sống hiện tại. Ở tại đây, Nghiệp Lực mà đã được gọi tên là Cực Trọng Nghiệp Lực, lập ý đến Nghiệp Lực cực kỳ nghiêm trọng mà nhất định có khả năng để trổ sinh quả báo ngay ở trong

kiếp sống thứ hai nối tiếp kế liền với nhau. Các Nghiệp Lực khác không có khả năng để mà cấm hãm được.

15. Hỏi: Hãy trình bày việc trổ sinh quả báo có sự khác biệt với nhau của Ngũ Nghịch Vô Gián Nghiệp Lực gồm những chi ? Hãy trình bày theo thứ tự.

15. Đáp: Trong năm thể loại Ngũ Nghịch Vô Gián Nghiệp Lực đấy, thì Chia Rẽ Tăng Đoàn Nghiệp Lực là nghiêm trọng cùng tột. Nếu giả thiết như người nào đã tạo tác đủ cả năm thể loại Ngũ Nghịch Vô Gián Nghiệp Lực rồi, thì Chia Rẽ Tăng Đoàn Nghiệp Lực sẽ là người cho trổ sinh quả báo đến với người ấy. Còn các Cực Trọng Nghiệp Lực còn lại ấy, thì chỉ làm thành loại Nghiệp Lực giúp đỡ hỗ trợ ở trong việc làm cho trổ sinh quả báo của Chia Rẽ Tăng Đoàn Nghiệp Lực ngần ấy.

Nghiệp Lực nghiêm trọng tiếp sau từ Chia Rẽ Tăng Đoàn Nghiệp Lực đó chính là Chích Huyết Thân Phật Nghiệp Lực. Tiếp nối từ Chích Huyết Thân Phật thì đó là Sát Tử Vô Sinh Nghiệp Lực. Với hai Cực Trọng Nghiệp Lực này thường nghiêm trọng hơn cả các Nghiệp Lực còn lại. Còn Nghiệp Lực Sát Tử Mẫu Thân với Nghiệp Lực Sát Tử Phụ Thân, cả hai Nghiệp Lực này phải tùy hợp theo **Ân Đức Phẩm Vị (Guṇasampatti)**. Tức là, nếu như người Cha là người có đức hạnh, sống trong Giới Pháp, và người Mẹ thì không có đức hạnh, thế là Nghiệp Lực Sát Tử Phụ Thân thường nghiêm trọng hơn. Nếu như người Mẹ có đức hạnh, sống trong Giới Pháp, còn người Cha thì không có đức hạnh, thế là Nghiệp Lực Sát Tử Mẫu Thân thường nghiêm trọng hơn. Nếu như cả hai, người Mẹ và người Cha, đều có đức hạnh với nhau, hoặc cùng với nhau không có đức hạnh, thì Nghiệp Lực Sát Tử Mẫu Thân thường là nghiêm trọng hơn.

16. Hỏi: Hãy trình bày sự khác biệt giữa người có sự chú tâm sẽ sát tử người khác, nhưng lại sơ suất bị trúng vào người Mẹ người Cha mà phải mạng vong; thì trường hợp này sẽ phải liệt vào thành thể loại Nghiệp Lực Sát Tử Mẫu Thân hoặc Nghiệp Lực Sát Tử Phụ Thân, có được hay không ?

16. Đáp: Ở trong phần Chú Giải điều Bất Cộng Trụ thứ ba **(Tatiyapārājika attha kathā)** đã có trình bày nói rằng: "Người nào có sự chú tâm sẽ sát tử tha nhân, hoặc là sát tử loài Hữu Tình Bàng Sinh qua việc dùng súng hoặc là dao đi nữa; tuy nhiên ở trong việc sát tử ấy bất ngờ sơ suất lại trúng vào người Cha hoặc người Mẹ mà phải mạng vong, và người mà mình muốn sát tử thì lại không bị tử vong. Là như vậy, thì cũng vẫn phải tính là người ấy đã "Thâm Nhập Nghiệp Lực Sát Tử Mẫu Thân, Nghiệp Lực Sát Tử Phụ Thân" tương tự như nhau (là đã có Tư Tâm Sở)." Người chiến sĩ ra ở ngoài bãi chiến trường trông thấy người Cha của mình đi đến cùng với người lính phía bên thù địch, thì cũng chủ tâm sẽ bắn các binh lính ấy cùng với nghĩ suy rằng "nếu như các binh lính ấy đã bị bắn rồi, thì người Cha cũng sẽ được trốn thoát". Thế rồi đã thực hiện việc xạ thủ, nhưng bất chợt viên đạn lại trúng vào người Cha của mình và đã dẫn đến sự tử vong. Như vậy, hành động tạo tác của người chiến sĩ ấy có được sắp thành Vô Gián Nghiệp Lực hay không ? Ngài Chú Giải Sư nói rằng "không sắp thành Vô Gián Nghiệp Lực, nhưng vẫn được gọi là kẻ sát tử Phụ Thân."

17. Hỏi: Hãy trình bày sự khác biệt giữa việc trổ sinh quả báo của Bất Thiện Cực Trọng Nghiệp Lực và Thiện Cực Trọng Nghiệp Lực, và hãy chiết tự từ ngữ Ngũ Nghịch Vô Gián Nghiệp Lực và Chuẩn Xác Tà kiến, luôn cả ý nghĩa.

17. Đáp: Sự khác biệt giữa việc trổ sinh quả báo của Bất Thiện Cực Trọng Nghiệp Lực và Thiện Cực Trọng Nghiệp Lực, ấy là:

Bất Thiện Cực Trọng Nghiệp Lực đấy, cho dù tự bản thân không có cơ hội làm thành người cho trổ sinh quả báo, tuy nhiên cũng có khả năng làm thành Bảo Hộ Nghiệp Lực được. Còn Thiện Cực Trọng Nghiệp Lực đấy, một khi tự bản thân không có được cơ hội để cho trổ sinh quả báo, thì trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực, và không có khả năng để sẽ làm thành Bảo Hộ Nghiệp Lực được. Chính với lý do như đã vừa đề cập đến tại đây, Bất Thiện Cực Trọng Nghiệp Lực mới có tên gọi một cách đặc biệt là **Ngũ Nghịch Vô Gián Nghiệp Lực (Pañcānantariyakamma)** và **Chuẩn Xác Tà Kiến Nghiệp Lực (Niyatamicchādiṭṭhi kamma)**. Đối với Thiện Cực Trọng Nghiệp Lực ấy không có tên gọi một cách đặc biệt.

Khi phân tích theo phần chiết tự của Ngũ Nghịch Vô Gián Nghiệp Lực có được như vầy: **Pañca + Anantara + Iya + Kamma** - Với **Pañca** = 5, **Anantara** = kiếp sống không có khoảng cách xen kẽ ở trong tuần tự từ Tử (Vô Gián, kế liền), **Iya** = cho trổ sinh quả báo, **Kamma** = tác hành, hành động.

Khi kết hợp từ ngữ lại thành Ngũ Nghịch Vô Gián Nghiệp Lực,và được dịch nghĩa là "Năm thể loại tác hành trổ sinh quả báo một cách không có khoảng cách xen kẽ trong tuần tự từ việc tử vong". Vì thế, Ngài Phụ Chú Giải Sư đã có trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Anantara niyuttaṃ kammaṃ = Anantarariyakammaṃ** - Nghiệp Lực có liên quan đến việc cho trổ sinh quả báo trong kiếp sống mà không có khoảng cách xen kẽ ở trong tuần tự kể từ việc tử vong, gọi là Vô Gián Nghiệp Lực, Chuẩn Xác Tà Kiến Nghiệp Lực.

Khi chiết tự ra có được như vầy: **Niyata + Micchā + Diṭṭhi + Kamma** - Với **Niyata** = nhất định, chuẩn xác, **Micchā** = sai trật với chân lý, **Diṭṭhi** = việc nhìn thấy, **Kamma** = tác hành, hành động. Khi kết hợp từ ngữ lại thành Chuẩn Xác Tà Kiến Nghiệp Lực, và được dịch nghĩa là "Sự nhìn thấy sai trật với chân lý mà nhất định trổ sinh quả báo ở trong tuần tự kể từ việc tử vong".

Vì thế, Ngài Phụ Chú Giải Sư đã có trình bày câu Chú Giải nói rằng:

Micchā dassanaṃ = Micchādiṭṭhi - Việc nhìn thấy sai trật với Chân Lý, gọi là Tà Kiến. **Anantara bhave vipākadānato niyatā ca te micchādiṭṭhi cāti = Niyatamicchā diṭṭhi** - Pháp chủng nào nhất định ở trong việc làm cho trổ sinh quả báo đi theo tuần tự kể từ việc tử vong trong kiếp sống tiếp nối kế liền nhau mà không có khoảng cách xen kẽ, và có việc nhìn thấy sai trật với Chân Lý, như thế Pháp Chủng ấy gọi là Chuẩn Xác Tà Kiến.

18. Hỏi: Có người chú tâm sẽ sát tử Bậc Chánh Đẳng Giác cho đến phải mạng vong hay không ? Nếu có, thì xin hãy giải thích cùng với chứng giải cho được liễu tri với.

18. Đáp: Có người chú tâm sẽ sát tử Bậc Chánh Đẳng Giác với sự nỗ lực bất luận ở thể loại nào đi nữa, tuy nhiên Bậc Chánh Đẳng Giác vẫn không có thể đi đến mạng vong,

mà chỉ làm chảy máu thân của Ngài ngần ấy thôi. Tất cả sự việc này là cũng do bởi lẽ thường thì tất cả các Bậc Chánh Đẳng Giác ấy, sẽ không có điều nguy hại dẫn đến mạng vong do bởi nương vào việc tác hành của người khác. Tương xứng như Đức Phật Ngài lập ý khải thuyết rằng: **Buddhānaṃ jīvitassa nasakkā kenaci antarāyo kātuṃ** - Bất luận một người nào, cho dù sẽ là Nhân Loại hoặc là Chư Thiên đi nữa, sẽ tạo tác điều nguy hại đến mạng sống của tất cả các Bậc Chánh Đẳng Giác ấy, thì thường không thể nào sẽ thành tựu được, tuy nhiên ở trong sự việc ấy thì Bậc Chánh Đẳng Giác phải chịu thụ lãnh điều nguy hại ấy chỉ là việc chảy máu thân của Ngài, chẳng hạn như Tỳ Khưu **Devadatta** đã tạo tác đến Đức Phật Ngài, thì kẻ ấy cũng đã được gọi là Thâm Nhập Chích Huyết Thân Phật. Và Chích Huyết Thân Phật Nghiệp Lực này, cho dù sẽ không có thành tựu Lộ Trình **Sát Tử Nghiệp Đạo (Pāṇātipātakammapatha)** đi nữa, tuy nhiên cũng vẫn được thành tựu ở trong điều học **Cừu Hận Nghiệp Đạo (Byāpādakammapatha)** ở phần Ý Ác Hạnh **(Mano duccarita)**, là vì người ấy có Tư Tâm Sở **(Cetanā)** chủ tâm sẽ sát tử cho phải tử vong.

19. Hỏi: Hiện Báo Nghiệp Lực có được mấy thể loại ? Là những chi ? Hãy cho dẫn chứng thí dụ bất luận một điều nào cũng được.

19. Đáp: Hiện Báo Nghiệp Lực này có được hai thể loại, ấy là:

1.Nùng Hậu Hiện Báo Nghiệp Lực (Paripakkadiṭṭhadhammavedanīyakamma): Nghiệp Lực sẽ cho được đón nhận quả báo ngay ở trong kiếp sống hiện tại này khi đã vào đến sự già dặn chín muồi, tức là cho trổ sinh quả báo nội ở trong bảy ngày. Chẳng hạn như có tích truyện về một chàng thanh niên nghèo khổ có tên gọi là **Maha duggata (Đại Thống Khổ)** đã cúng dường phần thực phẩm đến Ngài Chánh Đẳng Giác **Kassapa**. Khi việc cúng dường đã được thành tựu viên mãn thì chính ngay ở trong bảy ngày ấy đã phát sinh lên giàu có và trở thành một vị bá hộ. Đức Vua Thiện Giác **(Suppabuddha)** là Phụ Vương của Tỳ Khưu **Devadatta** và của Nàng **Bimbā (Yasodhāra)** đã bị đất rút bởi do biểu lộ **việc vô lễ bất kính (Agāravo)** xua đuổi Bậc Chánh Đẳng Giác.

Kẻ ngu hãm hại Hiền Lương,
Tội ác trở lại hại người Ác Tâm.
Ví như gió ngược bụi trần,
Khổ đau dội lại muôn phần đắng cay.

2. Phi Nùng Hậu Hiện Báo Nghiệp Lực (Aparipakkadiṭṭhadhammavedanīya kamma): Nghiệp Lực sẽ cho được đón nhận quả báo ngay ở trong kiếp sống hiện tại này khi vẫn chưa đến sự già dặn chín muồi, tức là sẽ trổ sinh quả báo cho được hiện bày là sau khỏi bảy ngày.

20. Hỏi: Từ ngữ **Sampatti (An Hạnh)** và **Vipatti (Bất Hạnh),** với từng mỗi từ ngữ ấy có được mấy thể loại ? Là những chi ?

20. Đáp: Từ ngữ An Hạnh có được bốn thể loại, ấy là:

1. Trú Xứ An Hạnh (Gatisampatti) lập ý nói đến người đã được sinh ra hiện hữu ở trong Cõi Thiện Thú **(Sugatibhūmi)** có Nhân Loại, Chư Thiên và Phạm Thiên.

2. Thời Gian An Hạnh (Kālasampatti) lập ý nói đến thời kỳ nào mà con người đã sinh sống ở trong quốc độ có bậc Đại Vương là người có Chánh Kiến đang cai trị đất nước, và Phật Giáo vẫn còn đang duy trì hiện hữu, vẫn chưa có hoại diệt đi.

3. Kết Liên An Hạnh (Upadhisampatti) lập ý nói đến người mà đã được sinh ra có đã các bộ phận (các Căn) lớn nhỏ, tức là mắt, tai, v.v. ấy được tròn đủ hoàn hảo, không bị khiếm khuyết thiếu sót.

4. Cần Ích An Hạnh (Payogasampatti) lập ý nói đến người mà do nương vào sự tinh cần đúng đắn (Chánh Tinh Tấn), và sự nghĩ suy đúng đắn (Chánh Tư Duy), rồi thực hiện Thân Hành Nghiệp Lực, Ngữ Hành Nghiệp Lực, Ý Hành Nghiệp Lực ở phần **Thiện Hạnh (Sucarita),** không vi phạm Pháp Luật của nhà nước, và cũng không vi phạm nền tảng Chánh Pháp ở trong Phật Giáo.

Và từ ngữ Bất Hạnh có được bốn thể loại, ấy là:

1. Trú Xứ Bất Hạnh (Gativipatti) lập ý nói đến người đi thọ sinh ở trong Cõi Khổ Thú **(Duggatibhūmi)** có Hữu Tình Bàng Sinh, v.v.

2. Thời Gian Bất Hạnh (Kālavipatti) lập ý nói đến thời kỳ nào mà con người đã sinh sống ở trong quốc độ có vị Vua là người có Tà Kiến đang cai trị đất nước, và Phật Giáo đã suy giảm mất đi rồi.

3. Kết Liên Bất Hạnh (Upadhivipatti) lập ý nói đến con người đã được sinh ra nhưng lại khiếm khuyết thiếu sót các bộ phận (các Căn) lớn nhỏ.

4. Cần Ích Bất Hạnh (Payogavipatti) lập ý nói đến người do nương vào sự tinh cần tà vạy **(Tà Tinh Tấn)** và sự nghĩ suy tà vạy **(Tà Tư Duy),** rồi thực hiện Thân Hành Nghiệp Lực, Ngữ Hành Nghiệp Lực, Ý Hành Nghiệp Lực ở phần **Ác Hạnh (Duccarita),** vi phạm Pháp Luật của nhà nước, và vi phạm nền tảng Chánh Pháp ở trong Phật Giáo.

21. Hỏi: Hãy trình bày tác nhân làm cho quả báo của Xả Thí Thiện hiện bày ngay ở trong kiếp sống này thì sẽ phải được kết hợp với bao nhiêu Chi Pháp ? là những chi ?

21. Đáp: Trình bày tác nhân làm cho trổ sinh quả báo của Xả Thí Thiện hiện bày ngay ở trong kiếp sống này, thì đối với việc Xả Thí Thiện sẽ trổ sinh quả báo cho được làm thành Hiện Báo Nghiệp Lực ấy, là sẽ phải được kết hợp với bốn phần Chi Pháp, đó là:

1. Sự Vật Thành Tựu (Vatthusampadā): Bậc Thụ Thí Xả Nhân (Paṭiggāhaka) là bậc đón nhận xả thí ấy, phải là Bậc Bất Lai hoặc là Bậc Alahán Vô Sinh.

2. Duyên Sự Thành Tựu (Paccayasampadā): vật phẩm mà đem đi cúng dường ấy, phải là vật phẩm có được với **sự thanh khiết (Parisuddhi).**

3. Tư Tâm Sở Thành Tựu (Cetanāsampadā): người xả thí cúng dường phải được kết hợp với Tư Tâm Sở dũng mãnh kiên cường.

4. Ân Đức Thặng Thừa Thành Tựu (Guṇātirekasampadā): Bậc Bất Lai hoặc Bậc Alahán Vô Sinh là Bậc Thụ Thí Xả Nhân phải được kết hợp với Ân Đức một cách đặc biệt, ý nói đến là vừa mới xuất khỏi **Thiền Diệt (Nirodhasamāpatti).**

Khi hội đủ cả bốn trường hợp Chi Pháp như đã vừa đề cập đến, thì việc xả thí của người ấy được thành tựu viên mãn, làm thành Hiện Báo Nghiệp Lực, và cho được đón nhận quả báo trổ sinh liền tức thì ngay trong hiện tại.

22. Hỏi: Hãy trình bày quả báo đã được đón nhận từ Hiện Báo Nghiệp Lực ngay ở trong kiếp sống hiện tại này có hiện bày rõ ràng hay không ?

22. Đáp: Trả lời rằng "Có", tức là người đã có tạo tác Thiện Nghiệp Lực rồi, thì được đón nhận danh thơm tiếng tốt, được đón nhận lời ca ngợi tán thán, được đón nhận danh vị tước hiệu, buôn may bán đắt, có người thương yêu mến mộ, v.v. Và người đã có tạo tác Bất Thiện Nghiệp Lực rồi, thì phải đón nhận điều tác hại tội lỗi, bị đánh đập, bán buôn lỗ vốn, có người thù ghét, v.v. Tuy nhiên dù sao đi nữa, quả báo mà đón nhận từ Hiện Báo Nghiệp Lực đây, thường được đón nhận đặc biệt chỉ ngặt ở trong khoảng thời gian vẫn còn hiện hữu mạng sống mà thôi, và không có khả năng sẽ cho quả báo ở trong kiếp sống tiếp nối được.

Ai trước phóng dật, sau không phóng dật,
Sáng chói đời này, như trăng thoát mây.
Ai làm Ác Nghiệp, nhờ Thiện chận lại,
Sáng chói đời này, như trăng thoát mây.

23. Hỏi: Có bao nhiêu thể loại về danh xưng của Vô Hiệu Nghiệp Lực ? Là những chi ? Và Tư Tâm Sở hiện hữu ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ tư ở ngay chính giữa có danh xưng là chi ? Được dịch ra như thế nào ?

23. Đáp: Có ba thể loại về danh xưng của Vô Hiệu Nghiệp Lực, ấy là:

1.Vô Hiệu Nghiệp Quả (Nahosi kammavipāko): gọi là Nghiệp Lực vẫn chưa cho quả báo.

2. Vô Tựu Nghiệp Quả (Nabhavissati kammavipāko): gọi là Nghiệp Lực sẽ không thành tựu quả báo.

3. Vô Hữu Nghiệp Quả (Natthi kammavipāko): gọi là Nghiệp Lực không có quả báo.

Và Tư Tâm Sở hiện hữu ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ tư ở ngay chính giữa, có danh xưng là **Đồng Lực Tối Hạng (Sikhāpatta),** được dịch là "Cái Tâm Đồng Lực cao nhất". Và trong số lượng cả bảy cái Tâm Đồng Lực ấy, thì cái Tâm Đồng Lực thứ nhất đến cái Tâm thứ ba, gọi là Đồng Lực Khởi Lập (Khởi sinh lên) Tâm Đồng Lực thứ năm đến cái Tâm thứ bảy, thì gọi là Đồng Lực Hạ Lạc (Hạ giảm xuống).

24. Hỏi: Thiện Nghiệp Lực Đáo Đại được sắp vào trong thể loại Nghiệp Lực nào và khác biệt với loại Nghiệp Lực Dục Giới nào ? Và Thiện Nghiệp Lực Siêu Thế đã được sắp vào trong thể loại Nghiệp Lực nào ?

24. Đáp: Bậc đã chứng đạt được Thiền Định, và nếu như tầng Thiền Định ấy không bị hư hoại, khi mạng vong lìa khỏi kiếp sống này thì ắt hẳn là sẽ đi tái sinh một cách nhất định ở trong Cõi Phạm Thiên Giới tùy theo tầng Thiền Định mà mình đã chứng đạt được

vào ngay trong kiếp sống thứ hai, và chẳng có việc chờ đợi để trổ sinh quả báo ở trong kiếp sống thứ ba trở đi, tương tự với Tư Tâm Sở hiện hữu ở trong cái Tâm Đồng Lực Dục Giới thứ bảy vậy. Do đó, **Thiện Nghiệp Lực Đáo Đại (Mahaggatakusalakamma)** này mới được sắp vào ở trong Hậu Báo Nghiệp Lực.

Thiện Nghiệp Lực Đáo Đại khác biệt với Nghiệp Lực Dục Giới, đó là: Thiện Nghiệp Lực Đáo Đại thì thường luôn trổ sinh quả báo một cách đặc biệt là chỉ ở trong kiếp sống thứ hai mà thôi. Nếu không có cơ hội trổ sinh quả báo ở trong kiếp sống thứ hai thì tất phải trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực, cũng ví như cơm chín không được cất giữ lâu ngày, và nếu không có được ăn thì cơm chín ấy ắt sẽ bị thiu đi. Còn **Nghiệp Lực Dục Giới (Kāmāvacara kamma)**, loại trừ Tư Tâm Sở hiện hữu ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ nhất và cái Tâm thứ bảy ra ngoài, thì nếu như có được cơ hội ắt hẳn sẽ trổ sinh quả báo rất lâu dài, và không có việc trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực, cho đến khi người ấy sẽ đạt đến Viên Tịch Níp Bàn, cũng ví như lúa thóc thì được cất giữ lâu dài, và không có bị hư thúi.

Còn **Thiện Nghiệp Lực Siêu Thế (Lokuttarakusalakamma)** ấy, thì thường luôn có thực tính là Hiện Báo Nghiệp Lực, là bởi vì một khi Tâm Đạo đã sinh khởi lên và diệt đi, thì Tâm Quả ngay lập tức sinh khởi nối tiếp kế liền với nhau.

25. Hỏi: Từ ngữ nói rằng **Aparapariyavedanīya** khi chiết tự ra thì có được bao nhiêu từ ngữ ? Là những chi ? Hãy trình Câu Chú Giải rằng như thế nào ? (Lựa chọn bất luận điều nào cũng được) và khi phân tích kiếp sống theo sự việc được đón nhận quả báo của các Nghiệp Lực ấy thì gồm có được bao nhiêu thể loại ? Là những chi ?

25. Đáp: Từ ngữ nói rằng **Aparapariyavedanīya** ở tại đây, khi chiết tự ra có được ba từ ngữ, đó là: **Apara + Apara + Vedanīya, Apara** lập ý đến kiếp sống khác, **Apara** lập ý đến kiếp sống khác, **Vedanīya** lập ý đến quả báo mà phải được đón nhận. Tuy nhiên ở tại nơi đây, lập ý lấy Nghiệp Lực mà trổ sinh quả báo là việc trình bày theo **Phần Phạm Vi Quả Báo (Phalūpacāranaya)**. Khi kết hợp lại vào nhau thành Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực. Lập ý đến Nghiệp Lực mà trổ sinh quả báo ở trong các kiếp sống khác khác.

Như đã có được trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Aparapariyāya vedanīyaṃ phalaṃ etassāti = Aparapariyāyavedanīyaṃ** - Với Nghiệp Lực nào mà có quả báo mà phải được đón nhận ở trong các kiếp sống tính kể từ kiếp sống thứ ba trở đi, như thế Nghiệp Lực ấy mới gọi là Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực.

Việc trình bày câu Chú Giải như đã vừa đề cập đến tại đây, là việc trình bày cho hiểu biết được rằng khi phân tích kiếp sống theo sự việc được đón nhận quả báo của các Nghiệp Lực ấy, thì có được ba thể loại, ấy là:

1/ Hiện Báo kiếp sống tức là kiếp sống này,

2/ Hậu Báo kiếp sống tức là kiếp sống tới,

3/ Hậu Hậu Báo kiếp sống tức là kiếp sống thứ ba trở đi suốt trọn mãi cho đến kiếp sống cuối cùng là đạt đến việc Viên Tịch Níp Bàn.

26. Hỏi: Vô Hiệu Nghiệp Lực đã được dịch nghĩa như thế nào ? Có Chi Pháp là chi ? Hãy trình bày cho được liễu tri với. Và có bao nhiêu Chi Pháp để mà Bất Thiện Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực sẽ trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực ?

26. Đáp: Gọi là Vô Hiệu Nghiệp Lực đây, là cách nói đã được dựa theo phần Chánh Tạng **Pāḷi** của Bộ **Kinh Vô Ngại Giải Đạo (Paṭisambhidāmagga)** đã có trình bày để rằng: **Ahosikammaṃ nāhosi kammavipāko, ahosikammaṃ natthi kammavipāko, ahosi kammaṃ nabhavissati kammavipāko - Dịch nghĩa là:** Đối với Nghiệp Lực ấy đã hoàn mãn rồi, tuy nhiên quả báo của Nghiệp Lực ấy đâu có phải đã sinh khởi rồi đâu **(Vô Hiệu Nghiệp Quả).** Nghiệp Lực ấy đã hoàn mãn rồi, tuy nhiên quả báo của Nghiệp Lực ấy thì chẳng phải là đang sinh khởi **(Vô Tựu Nghiệp Quả).** Nghiệp Lực ấy đã hoàn mãn rồi, tuy nhiên quả báo của Nghiệp Lực ấy sẽ không sinh khởi **(Vô Hữu Nghiệp Quả).**

Như đã có trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Ahosi ca taṃ kammañcāti = Ahosikammaṃ - Dịch nghĩa là:** Nghiệp Lực gọi là Vô Hiệu cũng phải, làm thành Nghiệp Lực cũng phải, như thế Nghiệp Lực ấy mới gọi là Vô Hiệu Nghiệp Lực. Dịch nghĩa theo một cách khác nữa là: Nghiệp Lực nào đã tác hành hoàn mãn rồi cũng phải, làm thành Nghiệp Lực cũng phải, như thế Nghiệp Lực ấy mới gọi là Vô Hiệu Nghiệp Lực.

Giải thích rằng Vô Hiệu Nghiệp Lực này không có Chi Pháp một cách riêng biệt. Tức là Tư Tâm Sở hiện hữu ở trong cái Tâm Đổng Lực thứ nhất thì gọi là Hiện Báo Nghiệp Lực, Tư Tâm Sở hiện hữu ở trong cái Tâm Đổng Lực thứ bảy thì gọi là Hậu Báo Nghiệp Lực và Tư Tâm Sở hiện hữu ở trong năm Tâm Đổng Lực ngay chính giữa thì gọi là Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực; đích thị chính những thể loại này khi đến thời gian của mình đã hạn định mà vẫn chưa có được trổ sinh quả báo thì được gọi là Vô Hiệu Nghiệp Lực.

Bất Thiện Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực mà sẽ trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực được đó, thì cần phải liên hệ với người là chủ nhân của hành động tạo tác ấy, phải được kết hợp với Ngũ **Ân Đức Phẩm Vị (Guṇasamāpatti)** trong từng mỗi kiếp sống, tính kể từ kiếp sống thứ nhất trở đi. Đề cập đến rằng:

1. Tiền Phúc Thiện Hạnh (Pubbe ca katapuññatā): việc làm thành người đã từng có kiến tạo việc Thiện tích lũy để ở trong đời quá khứ.

2. Trú Xứ Thích Hợp (Paṭirūpadesavāsa): việc có được chỗ ở trong trú xứ kết hợp với điều **Giới Pháp (Sīladhamma).**

3. Thân Cận Hiền Triết (Sappurisūpanissaya): việc có được hội ngộ kết giao với các bậc hiền triết.

4. Thính Linh Chánh Pháp (Saddhammasavana): việc có được lắng nghe về Chánh Pháp.

5. Tự Lập Trường Chân Chánh (Attasammāpaṇidhi): việc tự đặt bản thân trong đường lối chân chánh (Bát Chánh Đạo).

Nếu được hiện hành như đã vừa đề cập đến ở tại đây, thì cũng có khả năng sẽ làm cho Bất Thiện Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực.

27. Hỏi: Nghiệp Lực, khi phân tích theo Cõi Địa Giới mà làm thành trú xứ chỗ ở trổ sinh quả báo thì có được bao nhiêu thể loại ? Là những chi ?

27. Đáp: Nghiệp Lực, khi tính theo Cõi Địa Giới **(Bhūmi)** mà làm thành trú xứ chỗ ở cho trổ sinh quả báo thì có được bốn thể loại, ấy là:

1. Bất Thiện Nghiệp Lực (Akusalakamma): tức là Tư Tâm Sở hiện hữu trong 12 Tâm Bất Thiện.

2. Thiện Nghiệp Lực Dục Giới (Kāmāvacarakusalakamma): tức là Tư Tâm Sở hiện hữu trong 8 Tâm Đại Thiện.

3. Thiện Nghiệp Lực Hữu Sắc Giới (Rūpāvacarakusalakamma): tức là Tư Tâm Sở hiện hữu trong 5 Tâm Thiện Sắc Giới.

4. Thiện Nghiệp Lực Vô Sắc Giới (Arūpāvacarakusalakamma): tức là Tư Tâm Sở hiện hữu trong 4 Tâm Thiện Vô Sắc Giới.

28. Hỏi: Từ ngữ nói rằng Nghiệp Môn, khi đã chiết tự ra thì có được bao nhiêu từ ngữ ? Là những chi ? Nghiệp Môn có được bao nhiêu thể loại ? Là những chi ?

28. Đáp: Từ ngữ nói rằng Nghiệp Môn khi được chiết tự ra có được hai từ ngữ, đó là: **Kamma + Dvāra. Kamma** lập ý đến "hành động tạo tác", **Dvāra** lập ý đến "làm thành tác nhân cho khởi sinh." Kết hợp hai từ ngữ vào với nhau thành **Kammadvāra (Nghiệp Môn)** lập ý đến "làm thành tác nhân cho khởi sinh việc tác hành."

Nghiệp Môn (Kammadvāra) có ba thể loại, đó là:

1.Thân Môn (Kāyadvāra): Thân Hành làm thành tác nhân cho khởi sinh việc tác hành, tức là Sắc Thân Biểu Tri **(Kāyaviññattirūpa)**.

2. Ngữ Môn (Vacīdvāra): Ngữ Hành làm thành tác nhân cho khởi sinh việc tác hành, tức là Sắc Ngữ Biểu Tri **(Vacīviññattirūpa)**.

3. Ý Môn (Manodvāra): Ý Hành làm thành tác nhân cho khởi sinh việc tác hành, tức là tất cả Tâm.

29. Hỏi: Hãy trình bày sự khác biệt giữa Tư Tâm Sở với Nghiệp Lực.

29. Đáp: Theo lẽ thường nhiên, tất cả chúng ta một khi sẽ tạo tác bất luận một sự việc nào đi nữa, thì cần phải tiên khởi sinh sự chủ tâm tác ý; tức là chủ tâm tác ý rằng Ta sẽ làm bất luận điều này điều nọ xong rồi mới sẽ làm, hoặc chủ tâm tác ý rằng Ta sẽ nói câu chuyện này câu chuyện nọ xong rồi mới sẽ nói, hoặc chủ tâm tác ý sẽ nghĩ tưởng đến câu chuyện này câu chuyện nọ rồi mới sẽ nghĩ tưởng đến. Khi là như vậy, những việc tạo tác của tất cả con người ta mới có sự chủ tâm tác ý, mà điều đó chính là Tư Tâm Sở thường luôn làm thành người dắt dẫn. Với lý do này, Đức Thế Tôn mới lập ý tuyên bố rằng: "Chính Tư Tâm Sở này gọi là Nghiệp Lực." Tuy nhiên cả hai, Tư Tâm Sở và Nghiệp Lực đây, ắt hẳn là có sự khác biệt với nhau, đó là Tư Tâm Sở thuộc loại **Tiền Đề Pháp (Pubbabhāgadhamma)**, tức là Pháp sinh trước Nghiệp Lực. Còn Nghiệp Lực là loại **Hậu Đề Pháp (Pacchābhāga dhamma),** tức là Pháp sinh đàng sau Tư Tâm Sở.

30. Hỏi: Hãy trình bày theo thứ tự về 276 thể loại Tư Tâm Sở hình thành việc trổ sinh quả báo trong kiếp sống thứ hai trở đi.

30. Đáp: Trình bày 276 thể loại Tư Tâm Sở trổ sinh quả báo kể từ trong kiếp sống thứ hai trở đi, ấy là 12 Tư Tâm Sở Bất Thiện, 8 Tư Tâm Sở Đại Thiện, kết hợp lại thành 20 Tư Tâm Sở đây, sinh khởi do bởi nương vào Lộ Thân Môn, có được 80, là:

a. Thân Hành Cơ Bản Tư Tâm Sở (Sayaṃkatamūlikacetanā): Tư Tâm Sở sinh khởi từ tự bản thân thực hiện, có được 20.

b. Mệnh Lệnh Cơ Bản Tư Tâm Sở (Āṇattikmūlalikacetanā): Tư Tâm Sở sinh khởi từ ở việc sai bảo tha nhân thực hiện, có được 20.

c. Lương Tri Cơ Bản Tư Tâm Sở (Sampajānamūlalikacetanā): Tư Tâm Sở sinh khởi từ việc tác hành do bởi liễu tri điều lợi ích và tác hại (Phước – Tội) của hành động ấy, có được 20.

d. Bất Lương Tri Cơ Bản Tư Tâm Sở (Asampajānamūlikacetanā): Tư Tâm Sở sinh khởi từ việc tác hành do bởi bất liễu tri điều lợi ích và tác hại (Phước – Tội) của hành động tạo tác ấy, có được 20.

Kết hợp ở phần Bất Thiện và Thiện Tư Tâm Sở sinh khởi theo Lộ Thân Môn thì có được 80 Bất Thiện và 80 Thiện, đồng tương tự như nhau. Còn Bất Thiện và Thiện Tư Tâm Sở sinh khởi theo Lộ Ý Môn có được 116, tức là: 12 Bất Thiện Tư Tâm Sở, 8 Đại Thiện Tư Tâm Sở, 9 Thiện Đáo Đại Tư Tâm Sở kết hợp lại thành 29. Và làm thành Thân Hành Căn Bản Tư Tâm Sở có 29, làm thành Mệnh Lệnh Căn Bản Tư Tâm Sở có 29, làm thành Lương Tri Căn Bản Tư Tâm Sở có 29, làm thành Bất Lương Tri Căn Bản Tư Tâm Sở có 29. Kết hợp lại thành 116.

+ Bất Thiện và Thiện Tư Tâm Sở sinh khởi theo Lộ Thân Môn có 80

+ Bất Thiện và Thiện Tư Tâm Sở sinh khởi theo Lộ Ngữ Môn có 80

+ Bất Thiện và Thiện Tư Tâm Sở sinh khởi theo Lộ Ý Môn có 80

Kết hợp lại thành 276 thể loại Tư Tâm Sở (đó là 116 + 80 + 80 + 80 = 276). Như Ngài Chú Giải Sư đã có trình bày để ở trong Bộ Chú Giải Tăng Chi Bộ Kinh nói rằng: **Iti sabbāpi tīsu dvāresu dvesatāni chasattati ca cetanā** - Như vậy, Tư Tâm Sở trổ sinh quả báo ở trong kiếp sống thứ hai, tính cho hết cả trong Tam Môn thì có số lượng 276."

31. Hỏi: Từ ngữ nói rằng **Sát Tử (Pāṇātipāta)** và **Nghiệp Đạo (Kammapatha)** đây, khi chiết tự có được bao nhiêu từ ngữ ? Là những chi ? Và người đã có chủ tâm để sát tử loài Hữu Tình cho phải tử vong, đã thành tựu Sát Tử Nghiệp Đạo ấy, thì sẽ cần phải phối hợp với bao nhiêu Chi Pháp (yếu tố) ? Là những chi ?

31. Đáp: Từ ngữ nói rằng **Sát Tử (Pāṇātipāta),** khi chiết tự có được hai từ ngữ, đó là **Pāṇa + Atipāta. Pāṇa** khi được nói theo **Thành Ngữ dân gian (Vohāranaya)** thì đó là "tất cả loài Hữu Tình". Khi nói theo **Thực Tính Siêu Lý (Paramattha sabhāvanaya)** thì đó là **Sắc Mạng Quyền Lực (Jīvitarūpa)** và **Tâm Sở Mạng Quyền (Jīvitindriya cetasika).** Từ ngữ nói rằng **Ati** ở trong câu **Atipāta** đó, khi dịch nghĩa có được hai thể loại ý chính, đó là **Sīghatattha** được dịch nghĩa là "một cách mau lẹ", **Atikkammattha** dịch

nghĩa là "việc xâm phạm bức hại". Từ ngữ nói rằng **Pāta** dịch nghĩa "cho đổ ngã, đọa lạc đi, mất đi". Khi kết hợp vào nhau thành **Pāṇātipāta** thì được dịch là "cho loài Hữu Tình hoặc mạng sống ấy phải bị mất đi một cách mau lẹ". Hoặc một phần khác được dịch là "việc xâm phạm bức hại loài Hữu Tình cho phải bị mất đi".

Từ ngữ nói rằng Nghiệp Đạo đây, đã được trích dẫn từ nơi từ ngữ **Pāḷi** là **Kamma patha.** Khi chiết tự có được hai từ ngữ, đó là **Kamma + Patha. Kamma** = hành động tạo tác, **Patha** = lộ đạo, con đường. Khi kết hợp vào nhau thành **Kammapatha (Nghiệp Đạo)** thì được dịch là "hành động tạo tác làm thành con đường cho đi đến Cõi Thống Khổ". Hành động tạo tác Bất Thiện mà sẽ thành Xâm Phạm hoặc Bất Xâm Phạm Nghiệp Đạo, thì cần phải tùy thuộc vào Chi Pháp Hình Thành, tức là Chi Pháp phối hợp ở trong hành động tạo tác ấy. Vì thế với hành động tạo tác Bất Thiện ở thể loại Sát Tử, đó đã là việc Xâm Phạm Nghiệp Đạo thì cần phải phối hợp với năm Chi Pháp (yếu tố), ấy là:

1. **Pāṇo**: Loài Hữu Tình có sinh mạng,

2. **Pāṇasaññitā**: Biết rằng loài Hữu Tình ấy có sinh mạng,

3. Sát Nhân Giả Tâm (Vadhakacittaṃ): Có Tâm nghĩ tưởng sẽ sát hại mạng sống ấy,

4. Nỗ Lực (Payogo): Thực hiện sự cố quyết để cho mạng vong,

5. Tenamaraṇaṃ: Loài Hữu Tình ấy phải mạng vong do bởi sự cố quyết ấy.

Khi hành động tạo tác hội đủ cả năm Chi Pháp (yếu tố) như đã vừa đề cập tại đây, coi như thế là người ấy đã tác hành Xâm Phạm Nghiệp Đạo. Thế nhưng, nếu như hành động tạo tác ấy đã không hội đủ cả năm yếu tố, thì cũng bất thành tựu một Nghiệp Đạo.

32. Hỏi: Có bao nhiêu thể loại **Nỗ Lực (Payoga)**, tức là sự cố gắng liên quan với Sát Tử ? Là những chi ?

32. Đáp: Sự Nỗ Lực (Payoga – Phấn Đấu) tức là sự cố gắng, và có được sáu thể loại, ấy là:

1. Tự Chế Thủ Công (Sāhatthika): Sự nỗ lực do tự bản thân thực hiện.

2. Mệnh Lệnh (Āṇattika): Sự nỗ lực bằng cách sai bảo để cho tha nhân thực hiện.

3. Phóng Khí (Nissaggiya): Sự nỗ lực với việc quăng ném vũ khí, liệng vũ khí, v.v.

4. Kiên Cố (Thāvara): Sự nỗ lực với việc tạo dựng các vật dụng sát hại một cách kiên cố, có việc đào hầm hố ngụy trang, làm ra con dao, làm sợi dây treo, v.v.

5. Ma Thuật (Vijjāmaya): Sự nỗ lực với việc sử dụng các loại thần chú và ma thuật.

6. Thần Lực (Iddhimaya): Sự nỗ lực với việc sử dụng thần thông ở phần Quyền Thuật Nghiệp Lực **(Kammajiddhi)** của mình, chẳng hạn như trừng mắt nhìn chằm bẳm, và gõ vào răng nanh của mình, v.v.

33. Hỏi: Việc tạo tác Sát Tử Nghiệp Đạo thuộc loại **Chuyên Nhất (Uddissa)** và **Bất Chuyên Nhất (Anuddissa)** ấy, có trạng thái tạo tác khác biệt như thế nào ?

33. Đáp: Trong cả hai thể loại **Nỗ Lực (Payoga),** đó là: **Tự Chế Thủ Công Nỗ Lực (Sāhatthikapayoga)** và **Phóng Khí Nỗ Lực (Nissaggiyapayoga)** đây, từng mỗi điều đã được chia ra làm hai thể loại, là:

1. Chuyên Nhất (Uddissa): Việc sát tử với sự chủ tâm.

2. Bất Chuyên Nhất (Anuddissa): Việc sát tử không có sự chủ tâm.

1.Việc sát tử với sự chủ tâm: chẳng hạn như có một con cò trắng đang đậu ở trên lưng trâu. Kẻ sát nhân có sự chủ tâm sẽ bắn con cò trắng ấy, thế rồi đã nã đạn và trúng cò trắng ấy dẫn đến tử vong. Như vậy, kẻ sát nhân coi như đã Xâm Phạm Nghiệp Đạo **(Kammapatha)**, và đã hoàn thành việc sát tử một cách trọn vẹn. Tuy nhiên, nếu như không bắn trúng cò trắng mà trái lại trúng phải trâu chết, như vậy kẻ sát nhân đã không thành tựu việc sát tử, bởi vì đã không hội đủ yếu tố **Nỗ Lực (Payoga),** đã thiếu mất ở trong điều **Vadhakacitta** (là có Tâm nghĩ tưởng sẽ sát hại mạng sống ấy, **Sát Nhân Giả Tâm**). Và sự Nỗ Lực tức là Tâm của người ấy đã không có chủ tâm sẽ sát tử trâu kia, và sự nỗ lực ở trong việc sát tử ấy cũng chẳng phải là sự nỗ lực để sẽ giết chết trâu. Ứng hợp như Ngài Giáo Sư **Buddhaghosa** đã có trình bày để ở trong bộ Chú Giải Chương Bất Cộng Trụ **(Pārājikakaṇḍa Atthakathā)** và bộ Chú Giải Tiểu Bộ Kinh **(Khuddakapāṭha Attha kathā)** nói rằng: **Uddissake yaṃ uddissa paharati tasseva maraṇena kammabaddho - Dịch nghĩa là:** Trong việc sát tử loài Hữu Tình một cách có sự chủ tâm ấy, đó là kẻ sát nhân có sự chú tâm để sát hại đối với bất luận một loài Hữu Tình nào, và nếu như chính ngay loài Hữu Tình ấy đã phải tử vong, thì mới sẽ phán quyết được rằng "đã thành tựu việc sát tử".

2. Việc sát tử không có sự chủ tâm: chẳng hạn như kẻ sát nhân đã có được trông thấy có rất nhiều loài Hữu Tình với số lượng nhiều hơn một, và như thế đã có việc định bụng để sát hại không có sự chủ tâm bất kể là một con nào, trúng vào bất luận con nào cũng được. Thế rồi đã bắn hoặc đánh, hoặc chém vào loài Hữu Tình ấy sẽ phải tử vong với bao nhiêu con cũng được. Như vậy, kẻ sát nhân coi như đã Xâm Phạm **Nghiệp Đạo (Kammapatha),** và đã hoàn thành việc sát tử một cách trọn vẹn. Nam nhân **K** đã có sự tức giận vào một con chó, và đã có sự chú tâm sẽ sát hại cho chết đi. Thế rồi đã đánh mạnh vào con chó ấy một cách dữ dội, ngẫu nhiên con chó ấy lại không phải chết mà chỉ có bị thương tích, và đã phải đón nhận sự đau đớn vô cùng. Tiếp đến, nam nhân **K** lại khởi sinh lên sự tức giận vào con chó ấy một lần nữa, tuy nhiên lần này không có sự chú tâm để sẽ sát hại, mà chỉ có việc đánh đập mà thôi. Thế rồi đã đánh mạnh vào, và con chó ấy đã phải đón nhận thêm nhiều thương tích. Vết thương mới đã bồi thêm vết thương cũ, đã làm thành tác nhân cho vết thương cũ trở nên trầm trọng thêm lên, và đã khiến cho con chó ấy phải tử vong. Như vậy tính được rằng nam nhân **K** đã Xâm Phạm **Nghiệp Đạo (Kammapatha),** đó là **Sát Tử Nghiệp Lực (Pāṇātipātakamma).** Nếu như con chó ấy đã chết do bởi việc bị đánh đập ở lần thứ hai, chỉ với việc bị đánh đập là chủ yếu, như vậy không tính được rằng nam nhân **K** đã Xâm Phạm Nghiệp Đạo, bởi vì không có Tư Tâm Sở sẽ sát hại cho phải chết đi.

34. Hỏi: Con trẻ là hàng Nhân Loại sát tử người Cha cùng là hàng Nhân Loại với nhau, tuy nhiên người Cha ấy đã chuyển đổi giới tính thành hàng Nữ Nhân ?

Con trẻ là Nhân Loại sát tử người Cha là loài Hữu Tình Bàng Sinh ? Con trẻ là loài Hữu Tình Bàng Sinh sát tử người Cha là hàng Nhân Loại ? Con trẻ là loài Hữu Tình Bàng Sinh sát tử người Cha cùng là loài Hữu Tình Bàng Sinh với nhau ? Việc tạo tác của con trẻ qua bốn trường hợp này, thì việc tác của trường hợp nào là Sát Phụ Nghiệp Lực ?

34. Đáp: Trường hợp con trẻ thứ nhất mà sát tử người Cha cùng là hàng Nhân Loại với nhau, cho dù người Cha ấy đã chuyển đổi giới tính trở thành nữ nhân đi nữa, thì hành động tạo tác ấy cũng vẫn sắp thành Nghiệp Lực Sát Tử Phụ Thân.

+ Còn hành động tạo tác của trường hợp con trẻ thứ 2 – 3 – 4 với người Cha, qua việc không cùng là hàng Nhân Loại với nhau ấy, thì sắp là bất thành Sát Phụ Nghiệp Lực, tuy nhiên cái Nghiệp Lực này cũng được tính là loại Nghiệp Lực nghiêm trọng xấp xỉ với Nghiệp Lực Sát Tử Phụ Thân.

35. Hỏi: Con trẻ sát tử Mẹ Cha mà không nhận thức được rằng ấy là Mẹ Cha của mình, và Mẹ Cha đã bị sát tử ấy cũng không nhận thức được rằng ấy là con trẻ của mình, như vậy sẽ sắp thành Vô Gián Nghiệp Lực hay không ? Luôn cả nêu lên cơ sở để dẫn chứng với.

35. Đáp: Điều này giải đáp rằng: "Cho dù sẽ không nhận thức được rằng ấy là người Mẹ, là người Cha và là con trẻ với nhau, tuy nhiên dựa theo thực tính thì quả thực là kẻ sát nhân và người bị sát hại cùng là Mẹ Cha và con trẻ với nhau, do vậy mới vẫn phải sắp thành Vô Gián Nghiệp Lực." Vì thế cho nên Bậc Đại Giáo Thọ Sư mới trình bày để trong Bộ Chú Giải Luật Đại Phẩm **(Vinayamahāvagga Atthakathā)** nói rằng: **Sace pi hi vesiyā putto hoti, ayaṃ ye pitāti najānāti, yassa sambhavena nibbatto pita so ce anena ghātito pitughātakotevva saṅkhayaṃ gacchati anantariyañca phusati - Dịch nghĩa rằng:** Cho dù sẽ là con trai của một nàng kỹ nữ mà không nhận thức được rằng nam nhân ấy là người Cha của mình đi nữa, tuy nhiên do căn cứ vào chất tinh dịch của người nam nào đã cho mình sự sản sinh thì chính vị nam nhân ấy đã là người Cha của mình. Nếu như người con trai ấy sát hại nam nhân mà đã cho mình sự sản sinh thì cũng bị liệt vào kẻ sát hại người Cha, và ắt hẳn dẫn đến thành Vô Gián Nghiệp Lực. Con trẻ sát hại người Cha, người Mẹ bởi do đã có sự hiểu biết sai lầm, do đã nghĩ rằng đó chỉ là loài Hữu Tình hoặc là kẻ đạo tặc, như vậy vẫn sắp thành Vô Gián Nghiệp Lực.

+ Chẳng hạn như tích truyện một nam nhân chủ tâm sẽ sát hại một con dê thường ưa thích lẻn đến ăn cây trồng của ông ta vào lúc giữa đêm khuya. Như thế trong một ngày, vào lúc nửa đêm đúng thời gian dê lại đến ăn, thì nam nhân ấy đã cầm súng ra để bắn dê, ấy mà bất chợt trong thời điểm ấy, người Mẹ hoặc người Cha của anh ta đang ngồi đúng ngay chỗ dê đã từng đi đến. Nam nhân ấy đã hiểu biết sai lầm để nghĩ rằng đó chỉ là dê đã đến, và vì lẽ lúc ấy đã là thời gian giữa đêm khuya việc nhìn thấy lại không được rõ ràng, nên đã bắn trúng vào người Cha hoặc người Mẹ phải tử vong.

+ Hoặc có một nam nhân chủ tâm sẽ sát hại kẻ đạo tặc lẻn vào trong khu vực nhà ở của mình giữa đêm khuya. Ngay khi vừa trông thấy cái bóng của người bước vào trong khu vực nhà ở, thì liền hiểu biết đó là kẻ đạo tặc, nên đã vội cầm lấy súng bắn đi, nhưng ngẫu nhiên người đã bị bắn ấy chẳng phải là kẻ đạo tặc, mà trái lại là người Cha hoặc người Mẹ của mình đã bị trúng đạn và phải tử vong, bởi do sự hiểu biết sai lầm của con trẻ. Vì thế, hành động tạo tác của cả hai nam nhân đã vừa đề cập ở tại đây, mới phải tính là đã dẫn đến thành Vô Gián Nghiệp Lực.

+ Người chiến sĩ ra ở ngoài bãi chiến trường trông thấy người Cha của mình đi đến cùng với người lính phía bên thù địch, thì cũng chủ tâm sẽ bắn các binh lính ấy cùng với nghĩ suy rằng "nếu như các binh lính ấy đã bị bắn rồi, thì người Cha cũng sẽ được trốn thoát". Thế rồi đã thực hiện việc xạ thủ, nhưng bất chợt viên đạn lại trúng vào người Cha của mình và đã dẫn đến sự tử vong. Như vậy, hành động tạo tác của người chiến sĩ ấy có được sắp thành Vô Gián Nghiệp Lực hay không? Ngài Chú Giải Sư nói rằng "không sắp thành Vô Gián Nghiệp Lực, nhưng vẫn được gọi là kẻ sát phụ."

Cả ba tích truyện đã được nêu lên để trình bày ở tại đây, là đã được trích ở trong Bộ Chú Giải Hoàn Bảo Tề Toàn **(Samantapāsādika Atthakathā)**.

36. Hỏi: Tội nhân phải thụ lãnh đến án tội tử hình. Trong sát na nhà chức trách dẫn tội nhân đến để thi hành án tử, thì đã có một người có tấm lòng bi mẫn đến khẩn cầu xin với nhà chức trách ấy, xin cho được giảm bớt tội từ việc tử hình cho xuống đến tội chỉ là việc tùng xẻo cắt tay chặt chân. Nhà chức trách đã thực hiện theo lời khẩn cầu ấy, và như vậy, kẻ khẩn cầu cho cắt tay chặt chân của tội nhân ấy sẽ phải là Bất Thiện hay không ?

36. Đáp: Giải đáp rằng "chẳng phải là Bất Thiện, mà trái lại là **Thiện Thí Sinh Mạng (Jīvitadānakusala).**" Vì thế cho nên Ngài Trưởng Lão **Nāgasena** mới đề cập để ở trong **Bộ Vua Milinda Sở Vấn Kinh (Milindapañhā)** nói rằng: **Na kiñci apuññaṃ āpajjeyya - Dịch nghĩa là:** Người ấy chẳng phải bị dẫn đến Bất Thiện Nghiệp chút nào cả.

37. Hỏi: Hãy trình bày câu kệ đã trình bày tác nhân đã làm cho người Mẹ hoài thai, và luôn cả lời dịch.

37. Đáp: Có tám tác nhân đã làm cho người Mẹ hoài thai, đó là:

Methunaṃ coḷagahaṇaṃ Saṃsaggo nābhyāmasanaṃ
Pānaṃ dassanaṃ savanaṃ Ghāyanaṃ gabbhahetavo

Dịch nghĩa là: Có tám tác nhân đã làm cho người Mẹ hoài thai, đó là:

+ Qua việc tính giao.
+ Bằng cách lấy vải thấm tinh dịch của người nam bỏ vào trong cửa sản môn.
+ Bằng cách người nam xúc chạm cơ thể.
+ Bằng cách người nam xoa vuốt cái rốn.
+ Bằng cách uống tinh dịch của người nam.
+ Bằng cách ngắm nhìn vào cơ thể của người nam.
+ Bằng cách lắng nghe âm thanh của người nam.

+ Bằng cách được ngửi mùi hơi của người nam.

[Trích ở trong bộ Chú Giải Hoàn Bảo Tề Toàn (**Samantapāsādika Atthakathā**)]

Việc đề cập ở tại đây, là trình bày cho được biết rằng: "Việc sản sinh của loài Hữu Tình ở trong thai phụ mãi cho đến thai bào đã được hiện bày, thì ngoài việc tương phối mầm giống của người nam ra, thì vẫn còn có thêm nhiều tác nhân khác nữa, để mà có khả năng làm cho loài Hữu Tình được sản sinh." Với lý do này mà trứng gà hoặc trứng vịt, cho dù đã không có được tương phối với con trống đi nữa, thì ắt hẳn cũng đã có loài Hữu Tình sản sinh rồi.

38. Hỏi: Từ ngữ nói rằng **Adinnadāna**, khi chiết tự thì có được bao nhiêu từ ngữ ? Là những chi ? Luôn cả ý nghĩa và trình bày Câu Chú Giải ở từng mỗi điều một.

38. Đáp: Từ ngữ nói rằng **Adinnadāna** đây, khi chiết tự có được ba từ ngữ, đó là: **A + Dinna + Ādāna. A** là từ ngữ phủ định, **Dinna** = vật chất của cải mà chủ nhân cho phép, **Ādāna** = nắm giữ lấy. Khi kết hợp vào nhau thành **Adinnadāna** thì được dịch là "cướp đoạt lấy vật chất của cải mà không có được chủ nhân cho phép, hoặc là chủ nhân thương yêu quý trọng." Từ ngữ **Adinna** là vật chất của cải mà không có được chủ nhân cho phép, hoặc chủ nhân thương yêu quý trọng, có ý nghĩa là "không có được cho phép qua việc viết ra bằng giấy tờ cho phép, hoặc được trao cho bằng tay, hoặc dùng hành động để biểu lộ cử chỉ cho được biết là đã cho phép, chẳng hạn như là ủn đẩy đến cho, dùng chân đẩy đến cho, gật gù cho phép, v.v. hoặc nói ra lời cho phép." Từ ngữ **Ādāna** là việc nắm giữ lấy, tức là ăn cắp, trấn lột, trộm cướp, chụp giựt, hăm dọa, lừa đảo, tráo đổi, v.v. Trình bày câu Chú Giải ở trong từ ngữ nói rằng **Adinnadāna: Na dinnaṃ = Adinnaṃ** - Vật chất của cải mà không có được chủ nhân cho phép, hoặc là chủ nhân thương yêu quý trọng, gọi là **Bất Khả Thí (Adinna).**

Adinnassa ādānaṃ = Adinnādānaṃ - Việc cướp đoạt lấy vật chất của cải mà không có được chủ nhân cho phép, gọi là **Thâu Đạo (Adinnādāna – Trộm Cắp).** Hoặc một phần khác nữa:

Adinnaṃ ādīyanti etenāti = Adinnādānaṃ - Tất cả Nhân Loại thường cướp đoạt lấy vật chất của cải mà chủ nhân thương yêu quý trọng với Pháp Chủng ấy, do đó Pháp Chủng làm thành tác nhân ở trong việc cướp đoạt lấy vật chất của cải mà chủ nhân thương yêu quý trọng ấy, gọi là **Thâu Đạo (Adinnādāna – Trộm Cắp).** Tức là Đạo Tặc Tư Tâm Sở **(Theyyacetanā – Cố Tặc Đạo Giả),** nghĩa là Tư Tâm Sở làm thành tác nhân ở trong việc trộm cắp tài sản. Đạo Tặc Tư Tâm Sở này có được hai thể loại **Nỗ Lực (Payoga – Phấn Đấu),** có được cả **Thân Nỗ Lực (Kāyapayoga)** là việc trộm cắp với tự thân tác hành và **Ngữ Nỗ Lực (Vācīpayoga)** là dùng lời nói để lừa đảo.

39. Hỏi: Việc tạo tác thể loại Bất Thiện Thâu Đạo hình thành việc Xâm Phạm Nghiệp Đạo ấy, cần phải với bao nhiêu Chi Pháp ? Là những chi ? Luôn cả hãy trình bày Chi Pháp Nỗ Lực với.

39. Đáp: Việc tạo tác thể loại Bất Thiện Thâu Đạo hình thành việc Xâm Phạm Nghiệp Đạo ấy, thì cần phải phối hợp với năm Chi Pháp, đó là:

1. Thủ Hộ Tha Nhân (Parapariggahitaṃ): Vật chất của cải mà có chủ nhân thủ hộ gìn giữ.

2. Tưởng Tri Thủ Hộ Tha Nhân (Parapariggahitasaññitā): Biết rằng vật chất của cải ấy có chủ nhân thủ hộ gìn giữ.

3. Đạo Tặc Tâm (Theyyacittaṃ): Có Tâm nghĩ tưởng sẽ trộm cắp,

4. Nỗ Lực (Payogo): Thực hiện sự cố quyết để trộm cắp,

5. Đạo Chích (Avahāro): Có được của cải ấy do bởi sự cố quyết.

Khi hành động tạo tác hội đủ cả năm Chi Pháp như đã vừa đề cập đến ở tại đây, coi như thế là người ấy đã tác hành Xâm Phạm Nghiệp Đạo rồi. Thế nhưng, nếu như hành động tạo tác ấy đã không hội đủ cả năm Chi Pháp, thì cũng bất thành tựu một Nghiệp Đạo.

Sự Nỗ Lực (Payoga – Phấn Đấu) tức là sự cố gắng, và có được sáu thể loại (tương tự Sự Nỗ Lực ở trong Sát Tử Nghiệp Lực), đó là:

1. Tự Chế Thủ Công (Sāhatthika): Trộm cắp do tự bản thân mình thực hiện.

2. Mệnh Lệnh (Āṇattika): Sai bảo để cho tha nhân trộm cắp, qua việc dùng lời nói hay là viết ra bằng giấy tờ.

3. Phóng Khí (Nissaggiya): Lén liệng bỏ vật chất của cải, chẳng hạn như lén lấy vật chất của cải mà phải bị nộp thuế đem liệng ra khỏi khu vực của mình.

4. Kiên Cố (Thāvara): Chỉ thị với đồng bọn nói rằng "nếu như bất luận thời gian nào mà có được cơ hội thì hãy nên cố gắng trộm lấy những của cải vật chất ấy cho sớm mau được thành công." Việc chỉ thị như vậy cũng được kể là đã thành tựu một thể loại Thâu Đạo Nghiệp Lực, cho dù sẽ mất thời gian dài bao nhiêu lâu đi nữa. Và được gọi là **Cử Liệt Thành Quả (Atthasādhaka),** tức là thường làm cho hoàn tất trong việc trộm lấy tài sản. Hoặc có Tư Tâm Sở sẽ làm hư hại tài sản của cải của tha nhân cho phải bị tổn thất đi, chẳng hạn như lấy vải bỏ vào trong thùng sắt có chứa dầu thô để cho vải ấy hút lấy dầu thô mà phải bị khô cứng đi.

5. Ma Thuật (Vijjāmaya): Sử dụng các loại thần chú và ma thuật làm cho chủ nhân tài sản ấy phải bị say đắm, mê mẩn, và chết lịm đi, để rồi cầm lấy những của cải tài sản ấy đem đến trao cho mình. Hoặc sử dụng câu thần chú thôi miên làm cho chủ nhân tài sản ấy phải bị ngủ thiếp đi và đi vào trộm lấy những tài sản ấy đi, v.v.

6. Thần Lực (Iddhimaya): Sử dụng các loại thần thông ở phần không có liên quan với Ma Thuật. Tuy nhiên người đã có thần thông đây, hẳn nhiên là không có thực hiện việc Thâu Đạo, là phần thuộc về **Thị Phi Thế Gian (Lokavajja),** nghĩa là tạo tác các điều xấu xa tội lỗi trong con đường thế tục. Chỉ thực hiện ở trong điều mà sử dụng hằng đem lại giá trị hữu ích, và vị chủ nhân ấy ắt hẳn cũng không có bất luận một sự thiệt hại nào.

40. Hỏi: Hãy phân tích vật chất có chủ đi theo một cách thứ tự, thì có được bao nhiêu thể loại ? Là những chi ? Và hãy trình bày việc trộm lấy ở thể loại nào thì có tội nhiều nhất và ít nhiều tội lỗi.

40. Đáp: Khi phân tích vật chất có chủ thì thường hiện hữu ở bốn thể loại, ấy là:

1. Cư Sĩ Hữu Sản (Gihisantaka): Tài sản ấy là của người cư sĩ tại gia.

2. Nhân Sĩ Hữu Sản (Puggalasantaka): Tài sản ấy là của bất luận một vị Tỳ Khưu hoặc của một vị Sa Di nào đó.

3. Quần Tập Hữu Sản (Gaṇasantaka): Tài sản ấy là của 2 – 3 vị Tỳ Khưu hoặc là của 2 – 3 vị Sa Di.

4. Tăng Đoàn Hữu Sản (Saṅghasantaka): Tài sản ấy là của Chư Tỳ Khưu kể từ 4 vị trở lên hoặc là của Chư Sa Di kể từ 4 vị trở lên.

Trong tất cả bốn thể loại của cải này, theo một cách trình tự có với nhau như sau:

+ Người nào trộm lấy tài sản ở thể loại Nhân Sĩ Hữu Sản thì thường là có tội nặng hơn thể loại Cư Sĩ Hữu Sản.

+ Người nào trộm lấy tài sản ở thể loại Quần Tập Hữu Sản thì thường là có tội nặng hơn thể loại Nhân Sĩ Hữu Sản.

+ Người nào trộm lấy tài sản ở thể loại Tăng Đoàn Hữu Sản thì thường là có tội nặng hơn thể loại Quần Tập Hữu Sản.

Một phần khác nữa, vật chất đã có chủ thì thường hiện hữu ở năm thể loại, đó là:

1. Phàm Phu Hữu Sản (Puthujjanasantaka): Tài sản ấy là của hạng Phàm Phu.

2. Thất Lai Hữu Sản (Sotāpannasantaka): Tài sản ấy là của Bậc Thất Lai.

3. Nhất Lai Hữu Sản (Sakadāgāmīsantaka): Tài sản ấy là của Bậc Nhất Lai.

4. Bất Lai Hữu Sản (Anāgāmīsantaka): Tài sản ấy là của Bậc Bất Lai.

5. Vô Sinh Hữu Sản (Arahantasantaka): Tài sản ấy là của Bậc Vô Sinh.

Phải bị thụ lãnh tội lỗi từ việc trộm lấy tài sản thì thường có nhiều ít là tùy theo trình tự ở thứ bậc. Đối với việc trộm lấy tài sản của Bậc Vô Sinh ấy thì ắt hẳn có nhiều tội lỗi hơn hết.

41. Hỏi: Hãy trình bày một cách trình tự về 25 thể loại của việc trộm cắp, đặc biệt chỉ riêng phần chánh yếu quan trọng.

41. Đáp: Có 25 Thể Loại Trộm Cắp Hình Thành Thâu Đạo Nghiệp Lực, đó là:

1. Các Cá Vật Phẩm có 5 phần (Nānābhaṇḍa Pañcaka): Có năm thể loại trong việc trộm lấy đủ các loại của cải tài sản, có cả sinh mạng và không có sinh mạng.

2. Nhất Cá Vật Phẩm có 5 phần (Ekabhaṇḍa Pañcaka): Có năm thể loại trong việc trộm lấy chỉ đặc biệt với vật thể hữu sinh mạng.

3. Tự Chế Thủ Công có 5 phần (Sāhatthika Pañcaka): Có năm thể loại trong việc trộm lấy với tự bản thân mình.

4. Tiền Lự Nỗ Lực có 5 phần (Pubbepayoga Pañcaka): Có năm thể loại hành động tạo tác hoàn thành Thâu Đạo Nghiệp Lực trước khi sẽ hạ thủ trộm lấy.

5. Đạo Tặc Cố Lực có 5 phần (Theyyāvahāra Pañcaka): Việc lừa đảo, tráo trác của cải tài sản, tạo ra hàng giả mạo lừa gạt, âm thầm đục tường khoét vách trộm cắp mà không cho chủ nhân hay biết; với những sự việc này có được năm thể loại.

Kết hợp lại, thì có được 25 thể loại của việc trộm cắp.

42. Hỏi: Trong nhóm **Đạo Tặc Cố Lực Ngũ Phần (Theyyāvahāra Pañcaka)** đây, thì Đạo Tặc Cố Lực có liên quan dính líu với việc gian lận, và Ngài đã được chia ra làm bao nhiêu thể loại ? Là những chi ?

42. Đáp: Trong nhóm **Đạo Tặc Cố Lực Ngũ Phần (Theyyāvahāra Pañcaka)** đây, có liên quan dính líu với việc gian lận, và đã được chia ra bốn thể loại, đó là:

1. Đẩu Xứng Gian Lận (Māṇakūṭa): sự gian lận liên quan với việc đong đếm vật phẩm hàng hóa qua việc sử dụng dụng cụ cân đo, như có bồ thúng, rá rổ, thùng sắt, v.v.

2. Thiên Bình Gian Lận (Tulakūṭa): sự gian lận liên quan với việc sử dụng cái cân.

3. Vật Phẩm Gian Lận (Kaṃsakūṭa): sự gian lận liên quan với việc tráo đổi vật phẩm hàng hóa, như có thau, chậu, chén, bát, đĩa, v.v.

4. Kim Tiền Gian Lận (Kahāpaṇakūṭa): sự gian lận liên quan với việc làm tiền bạc giả, làm giấy bạc giả.

43. Hỏi: Việc đấu xứng gian lận và thiên bình gian lận, ở từng mỗi điều ấy có được bao nhiêu thể loại ? Là những chi ?

43. Đáp: Đẩu Xứng Gian Lận đã được phân chia ra làm ba thể loại, đó là:

+ Hadayabheda – Để Hạ Thể Cách

+ Sīkhābheda - Thông Man Thể Cách

+ Rajjubheda – Trắc Lượng Thể Cách

Và Thiên Bình Gian Lận lại được phân chia ra làm bốn thể loại, đó là:

+ Rūpakūṭa – Tỷ Trọng Gian Lận

+ Aṅgakūṭa – Cân Lượng Gian Lận

+ Gahaṇakūṭa – Chiếm Lạm Gian Lận

+ Paṭicchannakūṭa - Ẩn Lậu Gian Lận

44. Hỏi: Từ ngữ nói rằng **Kāmesumicchārā**, khi chiết tự ra thì có được bao nhiêu từ ngữ ? Là những chi ? Và người tạo tác thể loại Bất Thiện Tính Dục Tà Hạnh hình thành Xâm Phạm Nghiệp Đạo ấy, thì cần phải phối hợp với bao nhiêu Chi Pháp ?

44. Đáp: Từ ngữ nói rằng **Kāmesumicchārā** đây, khi chiết tự có được ba từ ngữ, đó là: **Kāmesu + Micchā + Cara. Kāmesu** = Trong việc tính giao (**Kāmesūti methuna samācāresu – Tính Giao Phạm Dâm Hạnh), Micchā** = Hối Dâm, có nghĩa "chắc hẳn là bị tất cả các bậc Hiền Triết quở trách", **Cara** = Tác Hành (**Ekanta nindito lāmakācāro – Nhất Định Quở Trách Hối Dâm Hạnh).**

Khi kết hợp lại với nhau thành **Kāmesumicchāra** dịch nghĩa là "Sự tác hành hối dâm trong việc tính giao." Trình bày câu Chú Giải trong từ ngữ nói rằng **Kāmesu micchāra: Micchā caraṇaṃ = Micchācāro** - Sự tà hạnh, tức là sự tác hành hối dâm mà chắc hẳn bị tất cả các bậc Hiền Triết quở trách, gọi là Tà Hạnh.

Kāmesu micchācāro = Kāmesumicchācāro (Aluttasamāsa) – Sự tà hạnh tức là tác hành hối dâm trong việc tính giao mà chắc hẳn là bị tất cả các bậc Hiền Triết quở trách, được gọi là "Tính Dục Tà Hạnh". Hoặc một trường hợp khác nữa:

Kāmesu micchā caranti etenāti = Kāmesumicchācāro - Những người thường luôn tà hạnh trong việc tính giao với Pháp ấy, như thế Pháp mà thành tác nhân của sự tà hạnh trong việc tính giao ấy, được gọi là Tính Dục Tà Hạnh, tức là **Tư Tâm Sở Hối Dâm (Methunasavanacetanā)** phối hợp với **Tâm Đồng Lực Tham (Lobhajavana).**

Việc tạo tác thể loại Bất Thiện Tính Dục Tà Hạnh hình thành Xâm Phạm Nghiệp Đạo ấy, thì cần phải phối hợp với bốn Chi Pháp, ấy là:

1. Vật Thể Bất Khả Xâm Phạm (Agamaniyavatthu): Vật thể không nên dính líu vào hoặc liên quan đến.

2. Tâm Tư Kết Liên (Tasmiṃ sevanacittaṃ): Có tâm tư nghĩ tưởng sẽ tính giao ở trong vật thể ấy.

3. Nỗ Lực (Payogo): Có sự cố quyết để tính giao.

4. Đạo Hành Tạo Lập (Maggenamaggapaṭipatanti adhivāsaṃ): Có sự duyệt ý ở trong việc kết hợp đạo hành lẫn nhau.

Khi hành động tạo tác hội đủ cả bốn yếu tố như đã vừa đề cập đến ở tại đây, coi như thế là người ấy đã tác hành Xâm Phạm Nghiệp Đạo Tính Dục Tà Hạnh rồi. Thế nhưng, nếu như hành động tạo tác ấy đã không hội đủ cả bốn yếu tố, thì cũng bất thành tựu một Nghiệp Đạo.

45. Hỏi: Hãy trình bày hàng nữ giới mà nam nhân không nên dính líu vào có được bao nhiêu nhóm; và hàng nữ nhân nào khi đã xúc phạm rồi, nhưng vẫn không thành Xâm Phạm Tính Dục Tà Hạnh ? Và hàng nữ nhân nào đã xúc phạm và thành Xâm Phạm Tính Dục Tà Hạnh ?

45. Đáp: Có 20 nhóm người Nữ hoặc Nam không nên dính líu vào, đó là:

Mā – Pi – Māpi – Bha – Bhā – Nā – Go – Dhamma – Sa –

Sā Dha – Chan – Bho – Pa – O – O – Dha – Kamma – Dā – Muhā

1. Mẫu Thân Quản Hạt (Māturakkhitā): Người Nữ có người Mẹ trông nom, vì lẽ người Cha đã mất hoặc không được sống với người Mẹ.

2. Phụ Thân Quản Hạt (Piturakkhitā): Người Nữ có người Cha trông nom.

3. Phụ Mẫu Quản Hạt (Mātāpiturakkhitā): Người Nữ có Mẹ Cha trông nom. (Nếu như người Nữ chỉ có người Mẹ trông nom, thì người Nữ ấy không được gọi là Phụ Thân Quản Hạt. Nếu như người Nữ chỉ có người Cha trông nom, thì người Nữ ấy không được gọi là Mẫu Thân Quản Hạt. Nếu như người Nữ ấy có cả Mẹ và Cha trông nom, thì người Nữ ấy cũng không được gọi là Mẫu Thân Quản Hạt, và Phụ Thân Quản Hạt, vì lẽ ở trong thuộc diện Phụ Mẫu Quản Hạt, tức là có được cả hai người Mẹ và Cha trông nom).

4. Tỷ Muội Quản Hạt (Bhaginīrakkhitā): Người Nữ có người Chị gái trông nom, hoặc người Em gái thành người trông coi gìn giữ.

5. Huynh Đệ Quản Hạt (Bhāturakkhitā): Người Nữ có người Anh trai trông nom, hoặc người Em trai thành người trông coi gìn giữ.

6. Gia Quyến Quản Hạt (Nātirakkhitā): Người Nữ có quyến thuộc thành người trông nom.

7. Tông Môn Quản Hạt (Gottarakkhitā): Người Nữ có cùng một gia tộc với nhau, hoặc cùng một dòng giống với nhau, thành người trông nom. (Chỗ nói rằng "cùng một dòng giống với nhau làm thành người trông nom" lập ý đến người Nữ đang sinh sống ở ngoại quốc và ở trong sự trông nom của người đồng hương với mình, như có tòa đại sứ, v.v.)

8. Giới Pháp Quản Hạt (Dhammarakkhitā): Người Nữ có người đồng Phạm Hạnh tiến tu Giới Pháp với nhau, làm thành người trông nom. Chẳng hạn như người Nữ xuất gia làm Nữ Tu thì có vị Trưởng Chúng (Ni Trưởng) làm thành người trông nom, v.v. Vì thế cho nên ở trong bộ Phụ Chú Giải Cốt Yếu Giải Minh **(Sāratthadīpanīṭīkā)** đã có nói rằng: **Ekaṃ satthāraṃ uddissa pabbajitehīti iminā paṇḍaraṅga paribbājikā dayo dasseti - Dịch nghĩa là:** Ngài Chú Giải Sư đã có trình bày để được biết đến hạng **Nữ Tu Sĩ Lang Thang (Paribbājikā)** v.v. đã vấn mặc bạch y qua việc dùng từ ngữ nói rằng "Bậc đã xuất gia cống hiến bản thân mình đến Giáo Pháp của Đức Phật Chánh Đẳng Giác."

9. Quản Thúc (Saparidaṇḍā): Người Nữ đang bị nhà Vua hoặc người có quyền lực giam giữ. (Chẳng hạn như nhà chánh quyền đang giam giữ, không cho hành động theo ý muốn của mình).

10. Giám Hộ (Sārakkhā): Người Nữ đã có người cả quyết từ khi còn ở trong hoài thai (lệ tục tảo hôn) hoặc người Nữ là đôi lứa đã đính hôn. Cả hai nhóm người Nữ - Quản Thúc **(Saparidaṇḍā)** và Giám Hộ **(Sārakkhā)** đây, là hạng người Nữ đã không có được tự do, tức là đã có vị chủ nhân rồi. Nếu như tự bản thân lại ưa thích đem trao tặng xác thân cho đến nam nhân khác, thì chẳng khác gì tự bản thân đã trộm lấy của mình mà đã có chủ nhân tâng tiu quý trọng để đem cho đến người khác vậy. Như thế, người Nữ ấy coi như đã Xâm Phạm Tính Dục Tà Hạnh. Vì thế, Ngài Phụ Chú Giải Sư mới trình bày để ở trong bộ Phụ Chú Giải Thập Tam Chương **(Terasakaṇḍaṭīkā)** nói rằng: **Pacchimānaṃ dvinnaṃ ti sārakkhā saparidaṇḍānaṃ micchācāro hoti tāsaṃ sassāmikabhāvato - Dịch nghĩa là:** Hai hạng người Nữ ở đằng cuối, tức là Quản Thúc và Giám Hộ đây, nếu như đã đồng ý trao thân mình cho đến nam nhân khác thì coi như đã phạm Tà Hạnh, vì lẽ những hạng người Nữ này là người đã có chủ nhân rồi. Đối với người Nữ đã bị nhà nước trừng phạt giam giữ, và không được gọi là nhóm người Nữ thuộc diện Quản Thúc hoặc Giám Hộ, thì cho dù sẽ có nhà chức trách trông coi quản thúc và sự hiện hành cũng y như thể với nhóm người Nữ thuộc diện Mẫu Thân Quản Hạt, Phụ Thân Quản Hạt đi nữa, nếu là như thế mà nhóm người Nữ này sẽ đem trao thân mình đến nam nhân nào, thì cũng không coi đó là Xâm Phạm Tính Dục Tà Hạnh.

11. Kim Tiền Mại Hôn (Dhanakkītā): Người Nữ mà có người Nam đến mua, chẳng hạn như người Nữ đã đến từ ở nước ngoài lại không có thủy cước phí. Khi đã đi đến quyết định rồi, thì chủ tàu đã sắp bày việc bán đấu giá người Nữ ấy, và đã có người Nam đến xuất tiền ra giải cứu người Nữ ấy đi. Hoặc người Nữ đã có nô lệ phí do bởi Mẹ Cha đem gả bán

và có người Nam chủ nhân xuất tiền ra thanh toán để giải cứu người Nữ ấy đi, chẳng hạn như vầy; thế là nhóm người Nữ này đã được gọi là Kim Tiền Mại Hôn.

12. Đồng Thuận Trụ Hộ (Chandavāsinī): Người Nữ một cách tự nguyện đến ở với người Nam, chẳng hạn như người Nữ lân ái bất luận một người Nam nào đó mà Mẹ Cha đã bất duyệt ý gả cho. Người Nữ ấy đã bỏ trốn đi và ở với người Nam ấy; thế là nhóm người Nữ này đã được gọi là Đồng Thuận Trụ Hộ. Đối với người Nam lân ái nhóm người Nữ này để cho làm thành người vợ, thì không được gọi là Tính Dục Tà Hạnh.

13. Tài Sản Trụ Hộ (Bhogavāsinī): Người Nữ đồng ý làm vợ của người Nam do bởi lòng mong muốn ở trong tài sản của cải.

14. Y Phục Trụ Hộ (Paṭavāsinī): Người Nữ đồng ý làm vợ của người Nam do bởi lòng mong muốn ở trong vấn đề vấn mặc y phục.

15. Phong Tục Kết Hôn (Odapattaginī): Người Nữ làm vợ của người Nam với nghi thức của việc kết hôn bằng cách nắm lấy tay cô dâu và chú rể cho nhúng vào trong thau nước. Việc kết hôn theo nghi thức này, bậc Tôn Thượng phía cô dâu và chú rể đã cầm lấy tay của cô dâu và chú rể nhúng vào trong thau nước, và rồi ban lời chúc phúc đến cô dâu chú rể "xin được sống với sự tương thân tương ái thương yêu hòa hợp với nhau, xin đừng cho có sự chia rẽ cùng nhau giống như một với nước ở trong thau, xin sống tương hòa không có sự bất hòa sứt mẻ lẫn nhau." Đối với phụ nữ Thái Lan, ở trong việc kết hôn thì vị Trưởng Tộc đã thực hiện "Lễ Tăng Hội **(Saṅgha)** rót nước thành hôn lên trên tay của đôi tân hôn (sẽ bắt đầu vào lúc 4:00 PM)" ở trong nhóm người Nữ thuộc Phong Tục Kết Hôn.

16. Thoát Ly Giang Đài (Obhatasumbattā): Người Nữ làm vợ của người Nam bởi do người Nam ấy là vị cứu nhân cho thoát khỏi việc khuân vác hàng hóa đội ở trên đầu. Có ý nghĩa là nhóm người Nữ này là hạng người nghèo khổ đã vác đội hàng hóa đi bán buôn mỗi ngày. Một khi có người Nam phát sinh duyệt ý ở trong lòng với người Nữ ấy, đã tiếp đón và cấp dưỡng cho làm thành người vợ. Thế là người Nữ ấy coi như không còn phải vác đội hàng hóa đi bán nữa, và rồi, đã vứt bỏ đi hàng hóa đã chứa đựng ở trong các thùng chứa đựng.

17. Tù Binh (Dhajāhaṭā): Người Nữ đã là tù binh, rồi bắt làm vợ của người Nam ấy.

18. Nô Bộc Thê (Kammakārībhariyā): Người Nữ đã là kẻ làm thuê mướn công việc ở trong nhà, hoặc ở trong cửa hàng, hãng xưởng của người Nam ấy, và rồi người Nam ấy lấy làm vợ.

19. Nô Lệ Thê (Dāsībhariyā): Người Nữ đã là kẻ tôi tớ ở bên trong nhà của người Nam ấy, rồi người Nam ấy đã lấy làm vợ.

20. Tạm Bất Khả Cửu (Muhuttikā): Người Nữ làm vợ của người Nam chỉ trong chốc lát chứ không có lâu dài.

Người Nữ làm vợ của chín nhóm người Nam, gồm có **Kim Tiền Mại Hôn (Dhanakkītā)** v.v. cho đến **Nô Lệ Thê (Dāsībhariyā)** ấy, một khi vẫn còn ở với người Nam ấy thì vẫn được gọi là người vợ chính thức; tuy nhiên đối với **Tạm Bất Khả Cửu Thê**

(Muhuttikā) ấy, là hạng người vợ thuê mướn chỉ với thời gian là ba ngày, bảy ngày hoặc là một tháng mà thôi.

Trong tất cả những 20 nhóm người Nữ ấy, thì 8 nhóm người Nữ kể từ **Mẫu Thân Quản Hạt (Māturakkhitā)** v.v. cho đến **Giới Pháp Quản Hạt (Dhammarakkhitā)**, những nhóm này vẫn chưa có được người chồng làm chủ nhân ở trong xác thân của mình, và chính tự bản thân làm chủ quyền ở trong xác thân của mình. Một khi duyệt ý ở trong người Nam nào rồi, thì sẽ trao tặng xác thân cho đến người Nam ấy, và việc thực hiện như vậy không có sai phạm ở trong điều Tính Dục Tà Hạnh. Cho dù sẽ có Mẹ Cha, anh chị em quyến thuộc, v.v. là người trông nom gìn giữ đi nữa, thì cũng chẳng phải là chủ nhân xác thân, mà đó chỉ là người bảo hộ trông nom, và không cho người Nam được đến hành hạ bắt nạt ngần ấy mà thôi. Tuy nhiên cho dù như thế nào, cho dù sẽ không có tội ở trong con đường Đạo Pháp đi nữa, nhưng ắt hẳn sẽ có tội ở trong con đường Thế Gian. Tức là ắt hẳn phải bị khinh miệt, và bị quở trách đối với tha nhân, sẽ dẫn đến sự xấu hổ, sự khổ tâm buồn lòng ở trong bản thân, và sẽ làm phát sinh điều Bất Thiện cho thành tác nhân dẫn đến sa đọa vào trong **Thống Khổ Địa Giới (Apāyabhūmi).**

Đối với phía người Nam mà đã có dính líu cùng với chín nhóm người Nữ đã vừa đề cập đến ở tại đây, thì coi như đã là việc Xâm Phạm Giới Điều Tính Dục Tà Hạnh. Còn những 12 nhóm người Nữ còn lại, gồm có **Quản Thúc (Saparidaṇḍā)** v.v. cho đến **Tạm Bất Khả Cửu (Muhuttikā),** những hạng người Nữ này thì đã có chồng rồi, cho dù người Nữ thuộc nhóm **Tạm Bất Khả Cửu (Muhuttikā)** làm vợ của người Nam chỉ trong chốc lát chứ không có được lâu dài đi nữa, thì cũng coi giống như là đã có chồng vậy; và như thế, nếu như những nhóm người Nữ này ngoại tình người Chồng, tự trao thân cho người Nam khác; thế là đã xúc phạm rồi, và coi như đã Xâm Phạm Giới Điều Tính Dục Tà Hạnh rồi vậy.

Đối với người Nữ đã là thuộc nhóm kỷ nữ, nếu như có bất luận một người Nam nào đó đồng ý đi đến để đặt mua bằng cách đã trả tiền trước rồi, nhưng vẫn chưa được kết hợp cho hoàn thành chức nghiệp (chưa ngã ngũ việc ký kết hợp đồng), thì trong khoảng thời gian đó, nếu như người Nữ đó lại đồng ý đón nhận tiền thuê bao của với người Nam khác, thì coi như đã là việc Xâm Phạm Tính Dục Tà Hạnh rồi vậy.

Trong những 12 nhóm người Nữ này, chẳng phải chỉ sẽ nói rằng Xâm Phạm Tính Dục Tà Hạnh với người Nam khác, mà ngay cả sẽ Xâm Phạm với Hữu Tình Bàng Sinh là cũng không thể có được tương tự như nhau. Chẳng hạn như tích truyện về Hoàng Hậu **Mallikādevī** của Đức Vua **Pasenadikosala** đã xâm phạm tính dục với con chó ở trong buồng tắm, và khi mạng vong thì đã phải tái sinh ở trong **Vô Gián Đại Địa Ngục (Avīci mahānaraka).**

Đối với phía người Nam, nếu như đã có người vợ thuộc bất luận một trong những 10 nhóm vợ, gồm có **Kim Tiền Mại Hôn (Dhanakkītā)** v.v. cho đến **Tạm Bất Khả Cửu Thê (Muhuttikā)** ấy, hoặc đôi lứa đã đính hôn thuộc nhóm **Giám Hộ (Sārakkhā)**, thế rồi sẽ ngoại tình người vợ hoặc với người đã đính hôn của mình, lại đi xâm phạm tính dục với người Nữ đã là vợ của một tha nhân, hoặc là người đã đính hôn của người khác; thế là không thể được, nếu đã hành động thì cũng coi như đã Xâm Phạm Tính Dục Tà Hạnh.

Tóm lại, người Nam không thể hành xử Xâm Phạm Tính Dục ở trong hết cả 20 nhóm người Nữ ấy. Và 12 nhóm người Nữ, gồm có **Quản Thúc (Saparidaṇḍā)** v.v. cho đến **Tạm Bất Khả Cửu (Muhuttikā)**, thì với những hạng người Nữ này sẽ không thể tự trao thân cho đến người Nam khác được. Và 8 nhóm người Nữ, gồm có **Mẫu Thân Quản Hạt (Māturakkhitā)** v.v. cho đến **Giới Pháp Quản Hạt (Dhammarakkhitā)**, với những hạng người Nữ này, nếu như một cách tự nguyện trao thân cho đến người Nam thì cũng không có sai phạm điều Tính Dục Tà Hạnh.

46. Hỏi: Có bao nhiêu thể loại về Sự Vụ đã làm thành tựu qua việc uống rượu ? Và có bao nhiêu hạng loại Nhân Loại hiện hữu ở trong việc uống rượu ? Là những chi ?

46. Đáp: Việc uống rượu đã làm cho thành tựu hai thể loại Sự Vụ **(Kicca)**, ấy là:

1. Tái Sinh Xuất Sinh Sự Vụ (Paṭisandhijananakicca): Sự Vụ làm cho tái sinh ở trong Địa Ngục Địa Giới.

2. Nghiệp Lực Xuất Sinh Sự Vụ (Kammajananakicca): Sự Vụ làm cho thành tựu hành động tạo tác Ác Hạnh.

Trong cả hai thể loại Sự Vụ này, Nghiệp Lực Xuất Sinh Sự Vụ có năng lực dũng mãnh hơn Tái Sinh Xuất Sinh Sự Vụ, và có việc thúc đẩy lôi kéo cho tạo tác các **Tà Mạng Ác Hạnh (Duccaritadūrajīva).** Như thế, ở trong Chánh Tạng **Pāḷi** đã có trình bày để ở trong Túc Sinh Truyện Bình Nước (**Kumbhajataka**, số 512), đã có đề cập đến tác nhân làm cho phải sa đọa vào Địa Ngục Địa Giới bởi do hành động tạo tác ở phần Nghiệp Lực Xuất Sinh Sự Vụ rằng:

Yaṃ ve pivitvā duccaritaṃ caranti Kāyena vācāya ca cetasā ca
Nirayaṃ vajanti duccaritaṃ caritvā Tasmā puṇṇaṃ kumbhamimaṃ kiṇātha

Dịch nghĩa là: Này tất cả các Ngài, tất cả người dân đã uống rượu này vào rồi, thì đoan chắc hẳn là tạo tác Ác Hạnh với Thân, Lời và Ý. Một khi đã tạo tác Ác Hạnh rồi, thì những hạng người dân này, chẳng có nghi ngờ chi cả, ắt hẳn phải tái sinh ở trong Địa Ngục Địa Giới. Xin tất cả Quý Ngài hãy mua bình chứa đầy chất rượu cay có rất nhiều công dụng như đã vừa nói đến đây.

(Câu kệ này là kệ ngâm của Ngài Thiên Chủ **Indra** (Đế Thích) đã tự biến hóa ra thành một vị lái buôn bán rượu, đã xuống đến Cõi Nhân Loại và đã miêu tả công năng của loại rượu mạnh.)

"Bình không đựng lạc, chẳng dầu hương,
Chẳng phải mật ong, chẳng mía đường !
Song chuyện xấu ác không kể xiết,
Chứa đầy trong bụng quả bầu lường.
Ai uống, tội thay kẻ dại khờ,
Sẽ chìm trong hố thẳm đen dơ,
Đâm đầu trong vũng bùn ghê tởm,
Ăn phải vật xưa đã nguyện chừa.
Đại Đế, xin mua bình rượu nặng,

Đầy lên tận miệng, của nhà Ta.
Rượu vào, trí đảo lộn quay cuồng,
Như chú bò ăn cỏ lạc đường !
Tâm trí phiêu diêu, người lảo đảo,
Múa men ca hát suốt ngày trường.
Bình Ta đầy rượu tràn lên miệng,
Cực mạnh mua ngay, hỡi Đại Vương !
Người uống rượu trơ trẽn chạy rong,
Khắp thành, như Ẩn Sĩ trần truồng,
Đến khuya nằm nghỉ, liền đâm hoảng,
Quên cả thì giờ phải ngã lưng.
Bình rượu Ta đầy lên tận miệng,
Cực nồng, mua lấy, hỡi Quân Vương !
Bợm rượu, như người hoảng múa men,
Ngã nghiêng, dường chẳng đứng ngồi yên.
Tay chân run rẩy, đầu co giật,
Như nộm gỗ nhờ tay kéo lên,
Đại Đế, mua đi bình rượu đó,
Đầy lên tận miệng, rượu cay men.
Bợm rượu bị thiêu đốt ruột gan,
Hoặc làm mồi lũ chó rừng hoang,
Dấn thân tù ngục hay Thần Chết,
Còn phải chịu hao tốn bạc vàng !
Bình rượu Ta đầy lên tận miệng,
Cực nồng, mua lấy, hỡi Vương Quân !
Túy Ông mất hết vẻ thanh tao,
Trò chuyện những điều bẩn thỉu sao !
Ngồi đứng trần truồng cùng đám bạn,
Mọi đàng ô trọc, bệnh lao đao,
Bình Ta đầy rượu tràn lên miệng,
Cực mạnh, Quân Vương hãy lấy vào !
Kẻ uống thường hay thói tự cao,
Nhãn quang chẳng sáng suốt đâu nào.
"Thế gian của Ta", lòng thầm nghĩ,
Chẳng có Vua nào sánh kịp đâu !
Rượu nồng là thứ đại kiêu căng,
Ác Quỷ nhát gan tựa nhộng trần,
Kết hợp đánh nhau và phỉ báng,
Ấy nhà cho trộm, điếm dung thân !
Dù gia đình có thật giàu sang,

Hưởng thọ kho vô sống bạc vàng,
Giữ của trời cho phong phú nhất,
Rượu này cũng sẽ phá tan hoang !
Bạc vàng, đồ đạc ở trong nhà,
Đồng ruộng, trâu bò, thóc vựa kho,
Ta sợ tiêu vong vì rượu mạnh,
Là mầm suy sụp của toàn gia.
Túy Ông đầy nặng tính kiêu căng,
Phỉ báng cả hai bậc Lão Thân,
Thách đố bà con cùng máu huyết,
Dám làm ô uế mối hôn nhân !
Nữ nhân uống rượu cũng kiêu căng,
Phỉ báng Chồng mình lẫn Phụ Thân.
Bất chấp thanh danh nhà quý tộc,
iến thành nô lệ tính điên khùng.
Bợm rượu, gan liều dám sát nhân,
Sa Môn chân chính, Bà La Môn,
Rồi trong mọi Cõi Đời đau khổ,
Hối tiếc hành vi quá bạo tàn !
Rượu vào, phạm Ác Nghiệp ba phần:
Lời nói, việc làm, với ý tâm.
Địa Ngục chìm sâu đầy khổ não,
Vì hành động ác tạo sai lầm.
Có kẻ, người năn nỉ uổng công,
Dù đem dâng mấy đống vàng ròng,
Khi say, chúng dụ theo đường chúng,
Lời dối tuôn ra cũng sẵn lòng.
Ví người say giữ việc thông tin,
Gặp cảnh gian nguy đến đột nhiên,
Hãy ngắm ! Kẻ này thề thốt nặng:
"Việc này tâm trí chợt quên liền !"
Ngay người thanh lịch nhất, khi say
Cũng hóa ra phường tục tĩu ngay.
Đệ nhất túy nhân mà túy lúy,
Cũng huyên thuyên nói xuẩn ngu đầy !
Uống nhiều, nhịn đói, ngã chơi vơi,
Đất cứng trần là chỗ nghỉ ngơi,
Lúc nhúc trễn tơ như lũ lợn,
Chịu bao nhục nhã nhất trên đời.
Như bò, bị đánh ngã trên sàn,

La liệt nằm từng đống hỗn mang,
Ngọn lửa chứa trong men rượu nặng,
Sức người không thể sánh ngang bằng !
Mọi người kinh hoảng vội lùi ra,
Tránh độc dược kia tựa độc xà !
Dũng sĩ to gan nào giải khát,
Cho mình bằng rượu giết người ta ?
Ta chắc sau khi uống rượu nồng,
Anh Nha Tộc, với Vrish Ni cùng,
Lang thang bờ biển, rồi nhào xuống,
Vì chiếc chùy kia của họ hàng.
Tiên say bị đọa khỏi cung Trời,
Thần lực mất liền, Đại Đế ơi !
Ai muốn nếm mùi ghê tởm ấy,
Mua đi bình rượu của nhà tôi !
Chẳng phải sữa chua, mật ngọt đây,
Song Ngài luôn nhớ mãi từ nay.
Cái gì, chứa đựng trong bầu ấy,
Đại Đế, xin mua lấy rượu này !"

(Tích truyện này, Đức Phật lập ý khải thuyết nói đến việc uống rượu mạnh đã xâm phạm đến thanh danh và lương tâm của con người !)

"Ở đây không phải chốn vui cười,
Lửa dục đốt tan mọi cảnh đời,
Sao mãi chìm thân trong bóng tối,
Không tìm ngọn đuốc nẻo đường soi ?"

Đối với Tái Sinh Xuất Sinh Sự Vụ của việc uống rượu ấy, lập ý lấy **Tư Tiền (Pubba cetanā)**, tức là Tư Tâm Sở khởi sinh lên trước tác hành Tà Mạng Ác Hạnh **(Duccarita dūrajīva)**, với ý nghĩa chính là việc thúc đẩy lôi kéo cho tạo tác Ác Hạnh hữu quan đến việc uống rượu. Tuy nhiên điều này quả là bất định, là vì nếu như người đã có việc thúc đẩy lôi kéo khiến cho khởi sinh tạo tác Ác Hạnh, thế nhưng người ấy lại chẳng có tạo tác điều Ác Hạnh nào cả, thì coi như Tư Tiền ấy chẳng có khả năng dắt dẫn cho phải sa đọa vào Địa Ngục Địa Giới được. Nếu như người đã uống rượu vào, và rồi đi theo mãnh lực của Tư Tiền qua việc thúc đẩy lôi kéo để tạo tác Ác Hạnh, thế là chính Tư Tiền ấy có khả năng dắt dẫn cho phải sa đọa vào Địa Ngục Địa Giới, được tính kể từ kiếp sống thứ ba trở đi. Có nghĩa là việc uống rượu này, nếu như Tái Sinh Xuất Sinh Sự Vụ đã hoàn thành xong, thì coi như đã thành tựu Bất Thiện Nghiệp Đạo. Nếu như Tái Sinh Xuất Sinh Sự Vụ vẫn chưa hoàn thành xong, thì coi như vẫn chưa thành tựu Bất Thiện Nghiệp Đạo, và chính điều bất định là ở tại đây. Với lý do này, Đức Phật Ngài mới không có lập ý lấy việc uống rượu sắp vào ở trong Thập Bất Thiện Nghiệp Đạo.

Cũng như ở trong Bộ Chú Giải và Bộ Phụ Chú Giải Vô Ngại Giải Đạo **(Paṭisambhidāmagga Atthakathā ca Ṭīkā)** đã có trình bày nói rằng:

Kusalākusalā pi ca paṭisandhikanakāyeva kammapathāti vuttā, vuttā vasesā paṭisandhijanane anekantikattā kammapathāti na vuttā (Atthakathā).

Vuttāvasesāti surāpānādayo tabbirammaṇādayo ca (Ṭīkā).

Dịch nghĩa là: Chỉ có Thiện tức là Thân Thiện Hạnh v.v. và Bất Thiện có Thân Ác Hạnh v.v. mới làm cho khởi sinh Tái Sinh ngần ấy thôi. Nên khi nói rằng "làm thành Thiện và Bất Thiện Nghiệp Đạo" với Thiện tức là việc thoát khỏi việc uống rượu, v.v. và Bất Thiện tức là việc uống rượu, v.v. Còn những phần còn lại đã không có đề cập đến là Thiện và Bất Thiện Nghiệp Đạo, vì những thể loại Nghiệp Lực này là bất định ở trong việc trổ sinh quả báo Tái Sinh.

Từ ngữ **Vuttāvasesā** ấy, tức là việc uống rượu, hút thuốc phiện, đánh cờ bạc, xem hát tuồng biểu diễn, diễn tuồng hát, v.v. và việc thoát khỏi sự uống rượu, thoát khỏi hút thuốc phiện, thoát khỏi việc đánh cờ bạc, thoát khỏi việc diễn tuồng hát, thoát khỏi việc xem hát tuồng biểu diễn, v.v. Lại nữa, ở trong phần Chánh Tạng Luật **Pāḷi** và Chú Giải Ưng Đối Trị **(Pācittiya)** đã có trình bày nói rằng: **Surāmerayapāne pācittiyaṃ** – Việc uống rượu và chất say là phạm vào Tội Ưng Đối Trị (điều 51/92).

Acittakaṃ lokavajjaṃ akusalacittaṃ, majjapānaṃ sāmaṇerānaṃ pārājika vatthu - Việc uống rượu của vị Tỳ Khưu, cho dù rõ biết hay không rõ biết đi nữa, hẳn nhiên đã là phạm vào **Tội Ưng Đối Trị,** và tội lỗi ở trong con đường Thế Tục thì liên quan với Tâm Bất Thiện. Việc uống rượu của vị Sa Di, nếu như rõ biết đó là rượu thì có tội lên đến mức **Bất Cộng Trụ (Pārājika),** tức là bị tẫn xuất khỏi Đạo Hạnh Sa Di.

Việc uống rượu của tất cả Nhân Loại hiện hữu ở trong bốn thể loại, ấy là:

1. Uống rượu: hòa trộn ở trong thuốc hoặc ở trong vật thực.
2. Uống rượu: luôn luôn nghĩ rằng là thuốc.
3. Uống rượu: vì ưa thích.
4. Uống rượu: để cho Tâm táo tợn ở trong hành động tạo tác Ác Hạnh.

+ Việc uống rượu ở thể loại một và hai, thì thuộc Khinh Tội, vì có Tư Tâm Sở để sẽ chữa bệnh, là ở thể loại thứ nhất. Tuy nhiên ở thể loại thứ hai, nếu là vị Tỳ Khưu thì sẽ phạm vào Tội Ưng Đối Trị. Nếu là người cư sĩ thì sẽ đứt mất ngũ giới thuộc Giới Bổn cá nhân của hàng cư sĩ tại gia. Nếu là Bát Giới thì sẽ mất đi Bát Giới. Nếu là Sa Di thì sẽ mất đi Thập Giới. Như thế, người đã có chủ tâm tự trau giồi ở trong Giới Luật thì không nên uống rượu.

+ Việc uống rượu ở thể loại thứ ba thì thuộc Trọng Tội, vì sẽ thành kẻ **Tà Hạnh (Micchācāra)** ở trong **Cảnh Vị (Rasārammaṇa)** thuộc phần Tính Dục, với Trọng Tội là như thế, và người khác không thể nào biết được, chỉ có duy nhất là Bậc Chánh Đẳng Giác ngần ấy mà thôi. Và người đã có sự ưa thích uống rượu rồi, một khi đã uống được một lần hoặc hai lần, thì quả là khó để mà ngưng không thể uống nữa được, và lòng chỉ khao khát muốn được uống mãi mãi, thật khó mà dứt bỏ được.

47. Hỏi: Hãy trình bày các Câu Chú Giải của uống rượu (Ẩm Tửu) và chất say (Trầm Túy); và hãy trình bày các phân loại của uống rượu và chất say có được bao nhiêu thể loại ? Là những chi ?

47. Đáp: Trình bày các Câu Chú Giải và ý nghĩa cùng với việc phân loại đi theo tuần tự của rượu và chất say: **Suraṃ janetīti = Surā** - Vật thể nào thường làm cho kẻ ấy táo bạo đến mức liều lĩnh, như thế vật thể ấy gọi là Tửu Tinh **(Surā – Rượu Cốt).** Rượu Cốt hiện hữu năm thể loại, ấy là:

1. Phấn Tửu Tinh (Piṭṭhasurā): Rượu được làm với bột gạo tẻ.

2. Điểm Phẩm Tửu Tinh (Pūpasurā): Rượu được làm với bánh, như bánh rượu nếp.

3. Phạn Tửu Tinh (Odanasurā): Rượu được làm với cơm tẻ.

4. Phát Diếu Tửu Tinh (Kiṇṇapakkhittasurā): Rượu được làm với bột men rượu, chất men rượu cũ.

5. Quả Phẩm Tửu Tinh (Sambhārasaṃyuttasurā): Rượu được làm với trái quả, như trái nho. Được làm nhiều thứ trái quả kết hợp lại, như ngâm một trái cây lâu ngày để làm thành rượu nồng cay.

Medaṃ janetīti = Merayaṃ - Vật thể nào thường làm chếnh choáng ngà ngà say, như thế vật thể ấy gọi là **Trầm Túy (Meraya – Chất Say).** Trầm Túy hiện hữu năm thể loại, ấy là:

1. Hoa Mật Túy (Pupphāsava): Chất say được lấy từ những bông hoa để cho lên men.

2. Quả Phẩm Túy (Phalāsava): Chất say được lấy từ những trái cây để cho lên men.

3. Bồ Đào Túy (Madhavāsava): Chất say được lấy từ trái nho để cho lên men.

4. Giá Tương Túy (Guḷāsava): Chất say được lấy từ nước mía, nước đường để cho lên men.

5. Toan Dịch Túy (Sambhārasaṃyuttāsava): Chất say được lấy từ quả và bông me để cho lên men.

Cả hai thể loại rượu cốt và chất say này, cũng còn được gọi là **Majja – Ma Túy Vật** vì thành tác nhân làm cho người uống phải bị chếnh choáng ngà ngà say. Hoặc một phần khác nữa, thuốc phiện, cần sa v.v., ngoài ra rượu cốt và chất say, cũng được gọi là **Majja – Ma Túy Vật** vì những thể loại này làm cho người dùng vào phải bị lẩn tha lẩn thẩn. Như đã có trình bày để ở trong Bộ Chú Giải Tiểu Tụng Kinh **(Khuddakapāṭha Atthakathā)** và Bộ Chú Giải Đại Phẩm Tương Ưng **(Mahāvaggasampayutta Attha kathā)** nói rằng: **Majjanti tadeva ubhayaṃ, yaṃ vāpanaññampi surāsavavinimuttaṃ maddaniyaṃ** - Gọi là **Ma Túy Vật** đó chính là rượu cốt và chất say vậy. Hoặc một phần khác nữa là, vật thể nào - ngoài ra rượu cốt và chất say – mà có khả năng làm cho người dùng vào phải bị lẩn tha lẩn thẩn, vật thể ấy gọi là **Ma Túy Vật**.

48. Hỏi: Việc uống rượu và các chất say sẽ làm cho thành tựu việc Xâm Phạm Nghiệp Đạo đấy, thì sẽ cần phải phối hợp với bao nhiêu Chi Pháp ? Là những chi ? Và ở trong bộ

Chú Giải Kinh Tập, Ngài đã có trình bày đến bao nhiêu điều tác hại tội lỗi của việc uống rượu ?

48. Đáp: Có bốn Chi Pháp của việc uống rượu cốt và các chất say, ấy là:

1. Thực Tính Túy Tửu (Surāmerayabhāvo): Vật thể làm thành rượu cốt và chất say.

2. Dục Cầu Ẩm Tửu (Pivitukāmatā): Có sự mong mỏi sẽ uống vào.

3. Ẩm Tửu (Pivanaṃ): Thực hiện việc uống vào.

4. Tửu Ma (Maddavaṃ): Có trạng thái chếnh choáng ngà ngà say.

Lại nữa, ở trong Bộ Chú Giải Kinh Tập **(Suttanipāta Atthakathā)** đã có trình bày đến điều tác hại tội lỗi của việc uống rượu, nói rằng: **Yasmā pana majjapayī atthaṃ na jānāti, dhammaṃ na jānāti, mātupi antarāyaṃ karoti, pitupi buddhapaccekabuddha tathāgatasāvakānampi antarāyaṃ karoti, diṭṭhadhamme ca garahaṃ samparāye ca duggatiṃ aparāpariyāye ummādaṃ pāpuṇāti - Dịch nghĩa là:** Người thường luôn uống rượu thì hẳn nhiên bất liễu tri quả, bất liễu tri nhân, thường luôn tạo tác điều tổn hại đến với tài sản của cải, hoặc đến mạng sống xác thân của người Mẹ, người Cha, Bậc Chánh Đẳng Giác, Bậc Độc Giác, và Chư Thinh Văn Giác. Trong khoảng thời gian vẫn còn sinh mạng, với Hiện Báo Nghiệp Lực thì thường phải đón nhận những lời chê trách phê bình từ nơi các bậc Trí Giả và Chư Hiền Triết. Khi lìa khỏi cuộc đời này rồi, với Hậu Báo Nghiệp Lực thì thường phải bị sa đọa vào Khổ Thú Địa Giới. Đến kiếp sống thứ ba trở đi, với Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực thì kẻ ấy thành người có tâm thần bất định, tính khí thất thường và cuồng tâm loạn trí.

Với nguyên do như đã vừa đề cập ở tại đây, Ngài Đại Giáo Thọ Sư **Buddhaghosa** mới phân tích điều tác hại tội lỗi của việc uống rượu, đã nói rằng: **Apicettha surāmeraya majjapamādaṭṭhānameva mahāsāvajjaṃ na tathā pāṇātipātādayo kasmā manussa bhūtassapi ummattakabhāvasaṃvattanena ariyadhammantarāya karaṇato - Dịch nghĩa là:** Thành thật mà nói, khi nói đến đủ cả Ngũ Giới với việc uống rượu là tác nhân của sự phóng dật ắt hẳn có tội rất nhiều. Còn nói về Tứ Giới, từ điều Sát Tử v.v. thì những thể loại này không có nhiều tội giống như là việc uống rượu vậy, vì việc uống rượu và chất say đây, thường làm cho kẻ ấy phải bị si mê, đó đã là mối nguy hại đối với Đạo – Quả.

Chuyên cần là lộ miên trường,
Phóng dật là lộ đưa đường tử vong.
Chuyên cần quả bất tử vong,
Phóng dật như đã tiêu vong hẳn hòi.
Nếu biết tự thương cho mình,
Phòng lo kẻ trộm rập rình ngày đêm.
Năm canh sáu khắc chẳng quên,
Lòng luôn tỉnh thức kề bên trông chừng !

49. Hỏi: Từ ngữ nói rằng **Kāya – Xác Thân** ở trong Thân Hành Nghiệp Lực đây, có được mấy thể loại ? Là những chi ? Và từ ngữ **Musāvāda – Nói Dối** khi chiết tự ra thì có

được bao nhiêu từ ngữ ? Là những chi ? Và Vọng Ngữ cần phải phối hợp với bao nhiêu Chi Pháp ? Là những chi ?

49. Đáp: Từ ngữ **Kāya – Xác Thân** hiện hữu ba thể loại, ấy là:

1. Thân Thể Chất (Sasambhārakāya): tức là xác thân được phối hợp với 32 **Thể Chất (Koṭṭhāsa).**

2. Thân Thanh Triệt (Pasādakāya): tức là Thân Thanh Triệt (Thần kinh Thân) nương sinh vào Tâm Thân Thức **(Kāyaviññāṇacitta).**

3. Thân Hành Động (Copanakāya): tức là **Sắc Biểu Tri (Viññattirūpa)** câu sinh với **Phong Tố Chất (Vāyodhātu – Phong Đại)** làm cho việc hoạt động được khởi sinh

Từ ngữ nói rằng **Vọng Ngữ (Musāvāda – Nói Dối)** đây, khi chiết tự có được hai từ ngữ, đó là: **Musā + Vada. Musā - Vọng Ngữ** là **Không Biến Cách Trợ Từ (Nipāta pada)** trình bày đến điều chẳng có chân thật. Chẳng hạn như có người đến hỏi chúng ta là "có tiền không ?" Chúng ta lại trả lời rằng "không có". Hoặc ông ấy đến hỏi rằng "có vàng không ?" Chúng ta lại không có trả lời rằng "có tiền hoặc có vàng". Chính điều này trở thành sự nói dối, tức là lập ý đến sự việc chẳng có chân thật. Hoặc ở trong các câu chuyện mà chúng ta đã có được rõ biết, thế mà khi có người đến vấn hỏi, chúng ta lại phủ nhận nói rằng không biết. Hoặc chúng ta không biết nhưng lại trả lời rằng rõ biết về câu chuyện ấy. Chính điều này trở thành nói dối, tức là chẳng có ngay thật với lời mình nói.

Vāda – Ngôn Ngữ lập ý đến lời nói. Khi đã kết hợp vào nhau thành **Musāvāda – Vọng Ngữ** lập ý đến "lời nói chẳng đúng với sự thật". Như trình bày câu Chú Giải đã nói rằng: **Musā vadanti etenāti = Musāvādo** - Những người thường hay nói các sự việc của câu chuyện mà chẳng có thật, lại nói cho thành sự thật với Tư Tâm Sở ấy, như thế Tư Tâm Sở làm thành tác nhân của việc nói chẳng có chân thật ấy, gọi là **Vọng Ngữ.** Tức là **Visaṃvādana cetanā** – Tư Tâm Sở Tát Hoang, là Tư Tâm Sở làm cho người khác phải hiểu biết sai trật, đã được phối hợp với Tâm Đồng Lực Tham và Sân **(Lobha – Dosa Javana)** sinh ở trong Thân Môn và Ngữ Môn.

Việc nói vọng ngữ đây, theo phần nhiều là sử dụng đến lời nói, do đó mới được gọi là **Vọng Ngữ (Musāvāda).** Tuy nhiên, sử dụng bất luận một bộ phận nào của thân thể mà chẳng dính líu với ngôn từ, thì cũng được gọi là Vọng Ngữ tương tự như nhau. Điều phán sự để sẽ làm cho rõ biết được người này đã nói xong lời vọng ngữ hay không, tất yếu là phải được xét đoán phối hợp với cả bốn Chi Pháp. Nếu như việc nói ấy hội đủ cả bốn Chi thì đã thành sự Vọng Ngữ, và nếu như chẳng hội đủ cả bốn Chi ấy thì vẫn chưa được tính thành sự Vọng Ngữ.

Bốn Chi Pháp Của Vọng Ngữ, đó là:

1. Sự Vật (Atthavatthu): Sự vật hoặc câu chuyện chẳng có thật.

2. Tâm Tát Hoang (Visaṃvādanacittatā): Có Tâm sẽ nói dối.

3. Nỗ Lực (Payogo – Phấn Đấu): Với Thân hoặc với Lời nỗ lực nói dối đi theo ý định của mình.

4. Liễu Tri Nội Dung (Tadattha vijānanaṃ): Người khác có sự tin tưởng theo nội dung của việc nói dối ấy.

50. Hỏi: Nỗ Lực (Payoga) là sự cố gắng.

50. Đáp: Có bốn thể loại Nỗ Lực **(Payoga)** là sự cố gắng ở trong việc nói dối, ấy là:

1. Tự Chế Thủ Công (Sāhatthika): Chính tự mình cố gắng nói dối.

2. Mệnh Lệnh (Āṇattika): Sai bảo để cho tha nhân nói dối.

3. Phóng Khí (Nissaggiya): Viết ra câu chuyện không thật rồi đem bỏ lại cho tha nhân hiểu lầm sai trật, chẳng hạn như bỏ lại lá thư hoặc loan báo theo máy phát thanh.

4. Kiên Cố (Thāvara): Viết ra câu chuyện không thật rồi niêm yết tờ thông báo, hoặc khắc ghi lại, hoặc in lên thành sách, hoặc ghi âm lồng tiếng vào.

Trong cả bốn thể loại Nỗ Lực này, Tự Chế Thủ Công Nỗ Lực là trực tiếp nỗ lực, tức là hiện hành theo phần đa số. Còn ba Nỗ Lực còn lại ấy thì hiện hành theo phần chút ít.

51. Hỏi: Hãy trình bày Phi Thánh Ngôn Ngữ có được bao nhiêu thể loại ? Là những chi ? Luôn cả trình bày sự việc Chư Giác Hữu Tình (Bồ Tát) không nói lời vọng ngữ, và luôn cả trình bày với nền tảng ấy.

51. Đáp: Bát thể loại **Phi Thánh Ngôn Ngữ (Anariyavohāra),** ấy là:

1. Điều mình **không thấy,** nói rằng **THẤY.**
2. Điều mình **không được nghe,** nói rằng **ĐƯỢC NGHE.**
3. Điều mình **không gặp,** nói rằng **GẶP.**
4. Điều mình **không biết,** nói rằng **BIẾT.**
5. Điều mình **đã được thấy,** nói rằng **KHÔNG THẤY.**
6. Điều mình **đã được nghe,** nói rằng **KHÔNG ĐƯỢC NGHE.**
7. Điều mình **đã gặp,** nói rằng **KHÔNG GẶP.**
8. Điều mình **được biết,** nói rằng **KHÔNG BIẾT.**

(**GẶP** lập ý ở tại đây nói đến việc được ngửi mùi, được biết vị, được xúc chạm)

Đối với việc nói dối đã làm cho Tăng Đoàn phải bị chia rẽ với nhau **(Saṅgha bhedaka – Chia Rẽ Tăng Đoàn),** thì liệt vào loại Vọng Ngữ phần Cực Đại Tội của **Cực Trọng Nghiệp Lực (Garukakamma).** Trình bày Chư Giác Hữu Tình không nói lời Vọng Ngữ, ấy là: Lời nói vọng ngữ đã làm cho người khác hiểu nhầm lầm tin theo, và đã làm cho phát sinh sự tổn hại, đối với Chư Giác Hữu Tình (Bồ Tát) thường là không nói đến thể loại vọng ngữ mà đã làm cho phát sinh sự tổn hại đến cho người nghe.

Y như Chư Giác Hữu Tình đã có nói để ở trong Phẩm thứ Chín – Chương Một – Túc Sinh Truyện Hổ Thẹn **(Navanipāta Hirijātaka)** đã trình bày nói rằng: **Bodhisattassa hi ekaccesu ṭhānesu pāṇātipāto, adinnādanaṃ, kāmesu micchācāro, surāmeraya majjapānampi hotiyeva atthabhedaka visaṃvādanaṃ purakkhitvā musāvādo nāma na hoti - Dịch nghĩa là:** Trong một vài thể loại Bất Thiện Nghiệp Đạo, như là Sát Tử, Thâu Đạo, Tính Dục Tà Hạnh, Uống Rượu và Chất Say; với những thể loại này ắt hẳn còn sinh khởi đến Chư Giác Hữu Tình. Còn việc nói lời vọng ngữ có Tư Tâm Sở để sẽ làm cho tha nhân phải bị đón nhận sự tổn hại thì ắt hẳn là không bao giờ có.

[(Túc Sinh Truyện Hổ Thẹn, bài Kinh thứ 363). Với tích truyện này, khi Bậc Đạo Sư đang trú ngụ ở tại Kỳ Viên Tự, và đã có đề cập đến một phú thương là bạn hữu của Bá Hộ Cấp Cô Độc, sinh sống ở tại một biên địa, có nội dung như sau:

"Thuở xưa, có một vị thương gia ở thành **Bārānasī** được tin rằng những người hầu của một vị thương gia xa lạ bị cướp đoạt lấy hết tất cả tài sản, và sau khi đã vơ vét mọi thứ đã có, họ đã cùng rủ nhau bỏ trốn. Vị thương gia đã nói:

- Vì họ đã không làm điều mà họ phải làm cho những người xa lạ đã đến với họ, nên họ chẳng tìm thấy ai sẵn sàng đền đáp ân cho họ.

Nói như thế, ông đã đọc những câu kệ như sau:

Người nào dù được kính vì,
Khi làm phận tớ, lòng thì ghét Ta,
Chẳng làm việc tốt thiết tha,
Còn riêng lời nói rườm rà nhiêu khê.
Nên Ta quyết phải một bề,
Người nào như thế, chớ hề kết giao !
Một khi đã trót hứa vào,
Thực hành lời hứa làm sao vẹn tròn.
Việc nào chẳng thể làm xong,
Thì Ta từ chối, quyết không hứa gì.
Người khôn quay mặt ngoảnh đi,
Những khoa trương rỗng, đáng chi để lòng.
Một khi bạn đã một lòng,
Chẳng còn tranh chấp khi không cớ nào !
Chẳng hề kẻ vạch gắt gao,
Những điều lầm lỗi của nhau bao giờ.
Tin bạn ví tựa trẻ thơ,
Tin vào vú Mẹ chẳng ngờ chút chi!
Dù cho kẻ lạ nói chi,
Cũng chẳng mong muốn chia ly bạn lòng.
Tình bạn ai khéo vẹn tròn,
Hẳn đời tăng ích, cao khôn phước phần !
Những người hưởng thú tịnh an,
Uống vào hương vị Lý Chân ngọt ngào.
Riêng người ấy rõ biết sao,
Thoát dây buộc tội, thoát bao lụy phiền !

Và như thế, Bậc Đại Sĩ đã chán ngán tiếp giao với loại bằng hữu xấu ác **(phản bội và vong ân – Akataññū),** và do năng lực của sự độc cư, Ngài đã đưa Giáo Lý của Ngài lên đến tột đỉnh và đã dìu dắt chúng sinh đi đến Níp Bàn.]

52. Hỏi: Ly Gián Ngữ (Pisuṇavācā – Nói lời chia rẽ), khi chiết tự thì có được bao nhiêu từ ngữ ? Là những chi ? Hãy trình bày Chi Pháp của Ly Gián Ngữ, luôn cả việc phân tích Ly Gián Ngữ **(Pisuṇavācā)** theo phần **Cực Đại Tội (Mahāsāvajja)** và **Hy Thiểu Tội (Appasāvajja).**

52. Đáp: Ly Gián Ngữ (Pisuṇavācā – Nói lời chia rẽ), khi chiết tự có được hai từ ngữ, đó là: **Pisuṇa + Vācā. Pisuṇa** dịch nghĩa là "việc nghiền nát nhuyễn" hoặc "việc thực hiện cho tan rã tản mạn", **Vācā** dịch nghĩa là "ngôn từ, lời nói". Khi kết hợp vào nhau thành **Pisuṇavācā** dịch nghĩa là "lời nói nghiền nát sự đoàn kết, làm cho chia rẽ tản mạn". Trình bày câu Chú Giải đã nói rằng: **Pīsati sāmaggīṃ sañcuṇṇetīti = Pisuṇā** - Ngôn từ nào thường nghiền nát sự đoàn kết, và làm cho tan rã tản mạn đi; như thế ngôn từ ấy gọi là **Ly Gián Ngữ. Vadanti etāyāti = Vācā** - Những người thường nói với Tư Tâm Sở ấy, như thế Tư Tâm Sở làm thành tác nhân của việc nói ấy, gọi là **Ngôn Từ. Pisuṇā ca sā vācā cāti = Pisuṇavācā** - Lời nói nghiền nát sự đoàn kết, và làm cho tan rã tản mạn đi, cùng với Tư Tâm Sở làm thành tác nhân của việc nói ấy, như thế gọi là **Ly Gián Ngữ.**

Trình bày bốn Chi Pháp của Ly Gián Ngữ, ấy là:

1. Phá Liệt (Bhinditabbo): Người bị làm cho chia rẽ lẫn nhau.

2. Hủy Liệt (Bhedapurakkhāro): Có Tư Tâm Sở rắp tâm làm cho chia rẽ nhau.

3. Nỗ Lực (Payogo – Phấn Đấu): Có sự cố quyết làm cho chia rẽ lẫn nhau.

4. Liễu Tri Nội Dung (Tadattha jānanaṃ): Người nghe hiểu biết nội dung ấy.

Như có câu kệ trình bày nói rằng:

Pisuṇāya bhinditabbo Tappurapiyakamyatā
Vāyāmo jānanaṃ catu Bhinne kammapatho bhave

Dịch nghĩa là: Có bốn Chi Pháp của Ly Gián Ngữ, đó là:

1. Người bị làm cho chia rẽ lẫn nhau.
2. Có Tư Tâm Sở rắp tâm làm cho chia rẽ lẫn nhau, và có ý định để cho lân ái mình.
3. Có sự cố quyết làm cho chia rẽ lẫn nhau.
4. Người nghe hiểu biết nội dung ấy.

Một khi người đã bị xúi xiểm rồi phát sinh chia rẽ lẫn nhau, thì coi như đã Xâm Phạm Nghiệp Đạo. Trong câu kệ trình bày đến Chi Pháp thứ hai, chỗ nói rằng **Tappura piyakamyatā** là "có Tư Tâm Sở rắp tâm làm cho chia rẽ lẫn nhau, và có ý định để cho lân ái mình", với việc có Tư Tâm Sở rắp tâm làm cho chia rẽ lẫn nhau là điều chánh yếu. Còn việc có ý định làm cho lân ái mình, thì chẳng phải là điều chánh yếu, mà đó chỉ là trình bày cho biết rằng việc nói lời vọng ngữ của một vài người cũng có chủ tâm như vầy. Đối với Sự Nỗ Lực **(Payoga)** thì có được hai thể loại, đó là: **Thân Nỗ Lực (Kāyapayoga)** và **Ngữ Nỗ Lực (Vacīpayoga).**

Thân Nỗ Lực là việc xúi xiểm theo Lộ Thân Môn, có việc biểu lộ cử chỉ điệu bộ làm cho ở phía bên kia biết được chủ ý của mình. Lấy thí dụ như có một đôi vợ chồng, với người chồng ra đi làm việc, và người vợ lại lẻn đi đánh bài ở nhà hàng xóm láng giềng. Khi người chồng về lại nhà, và đã không nhìn thấy người vợ thì đi hỏi thân quyến của mình đang chung

sống ở trong nhà. Thân quyến ấy đã sẵn chẳng ưa thích gì người vợ này, sẵn lòng mong mỏi sẽ làm cho người chồng phát sinh bất hòa với người vợ, nhưng lại chẳng nói nên lời nào cả, mà chỉ dùng cử chỉ điệu bộ để cho biết rằng người vợ đã đi đánh bài ở nhà cạnh bên. Người chồng biết được và không hài lòng người vợ. Đến khi người vợ về đến thì phát sinh lên cãi cọ bất hòa với nhau. Việc biểu lộ cử chỉ điệu bộ xúi xiểm như vậy, đã được gọi là xúi xiểm theo Lộ Thân Môn.

Ngữ Nỗ Lực là việc xúi xiểm theo Lộ Ngữ Môn, là việc nói năng làm cho người ở cả hai phía phát sinh chia rẽ với nhau. Việc nói lời Ly Gián Ngữ đây, cho dù sẽ hội đủ cả bốn Chi Pháp đi nữa, thế nhưng, nếu như người đã bị xúi xiểm ấy, lại không có sự chia rẽ với nhau, và vẫn tiếp tục duy trì về Thân hòa hợp, Tâm hòa hợp lẫn nhau, thì không thể liệt người đã nói lời ấy là đã xâm Phạm Nghiệp Đạo.

Như Ngài Đại Chú Giải Sư **Buddhaghosa** đã có trình bày để ở trong Bộ Chú Giải **Aṭṭhasālinī** nói rằng: **Pare pana abhinne kammapathabheda natthi bhinneeva - Dịch nghĩa là:** Cho dù sẽ hội đủ cả bốn Chi Pháp đi nữa, nhưng một khi người ấy vẫn không có sự chia rẽ lẫn nhau, thì vẫn không có việc Xâm Phạm Nghiệp Đạo. Tuy nhiên, nếu như đã có việc chia rẽ lẫn nhau, thì lúc ấy mới coi như đã Xâm Phạm Nghiệp Đạo rồi vậy.

Việc phân tích **Ly Gián Ngữ (Pisuṇavācā)** theo phần **Cực Đại Tội (Mahāsāvajja)** và **Hy Thiểu Tội (Appasāvajja),** ấy là: Nếu như người bị xúi xiểm cho chia rẽ lẫn nhau là người không có Đức Hạnh, không sống ở trong **Giới Pháp (Sīladhamma)** thì người đã nói lời nói ấy sẽ có thể loại tội lỗi tác hại thuộc Hy Thiểu Tội, tức là có tội chút ít. Nếu như người đã bị xúi xiểm lại là người có Đức Hạnh, và đã sống ở trong Giới Pháp, thì người đã nói lời ấy sẽ có thể loại tội lỗi tác hại thuộc Cực Đại Tội, tức là có tội nhiều.

53. Hỏi: Từ ngữ nói rằng **Thô Ác Ngữ (Pharusavācā – Nói lời xấu ác),** khi chiết tự thì có được bao nhiêu từ ngữ ? Là những chi ? Và phối hợp với bao nhiêu Chi Pháp ? Là những chi ?

53. Đáp: Từ ngữ nói rằng **Thô Ác Ngữ (Pharusavācā – Nói lời xấu ác),** khi chiết tự có được hai từ ngữ, đó là: **Pharusa + Vācā. Pharusa** dịch nghĩa là "một cách thô ác", **Vācā** dịch nghĩa là "ngôn từ, lời nói". Khi kết hợp vào nhau thành **Pharusavācā** dịch nghĩa là "lời nói thô ác" tức là việc chửi mắng, việc nguyền rủa. Trình bày câu Chú Giải đã nói rằng: **Pharusaṃ karotīti = Pharusā** - Lời nói nào thường làm cho thành thô ác, như thế lời nói ấy gọi là Thô Ác Ngữ, tức là những việc chửi mắng, và việc nguyền rủa. Rằng theo phần Chi Pháp, tức là Tư Tâm Sở hiện hữu ở trong Tâm căn Sân, làm thành tác nhân của các việc chửi mắng, việc nguyền rủa.

Từ ngữ nói rằng **Pharusā**, khi nói theo câu Chú Giải đã có trình bày, tức là **Pharusaṃ karotīti = Pharusakaraṇā** tuy nhiên theo phần **Ngữ Pháp (Nirutti veyyā karaṇa)** thì đã xóa đi và đã lấy từ ngữ **Karanaṃ** ra, như thế mới chỉ còn lại là **Pharusā.** Một phần khác nữa, từ ngữ nói rằng **Pharusavācā** khi phân tích ra đã có được ba từ ngữ, đó là **Phara + Usa + Vācā, Phara** dịch là "lan tỏa", **Usa** dịch là "nóng nẩy, khốn khổ", **Vācā** dịch là "ngôn từ, lời nói".

Khi kết hợp vào nhau thì thành **Pharusavācā** dịch là "lời nói làm cho sự nóng nẩy khốn khổ lan tỏa đi". Như trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Hadayaṃ pharamānā usati dahatīti = Pharusā** - Lời nói nào thường làm cho sự nóng nẩy khốn khổ cho lan tỏa ở trong trái tim, như thế lời nói ấy gọi là Thô Ác Ngữ. **Pharusā ca sā vācā cāti = Pharusavācā** - Làm thành thô ác, một cách thô ác với lời nói, như thế mới gọi là "Thô Ác Ngữ" (Hoặc câu Chú Giải thứ hai được dịch nghĩa theo một cách khác nữa là) Với lời nói mà thường hay tạo tác sự nóng nẩy khốn khổ cho lan tỏa ở trong trái tim, như thế mới gọi là Thô Ác Ngữ.

Lời nói ở thể loại thô tục mà đã được gọi là Thô Ác Ngữ đây, người đã được nghe ấy không thể kiềm chế được việc làm thinh, chủ ý làm cho tâm thức của người đã được nghe phải bị bất an, có vẻ như đã bị răng cưa cắt chém vậy; như thế những lời chửi mắng hoặc các lời nguyền rủa ấy mới được gọi là Thô Ác Ngữ. Ở tại đây là cách thức nói theo phần **Khởi Nguyên (Mukhanaya)**, tức là việc nói một cách trực tiếp. Nếu nói theo **Chuyển Biến Lộ (Phalūpacāranaya)** là theo phần gián tiếp, chính Tư Tâm Sở Sân **(Dosacetanā)** được gọi là **Thô Ác (Pharusā)**, vì Tư Tâm Sở Sân này là **Tác Nhân (Hetu),** và việc chửi mắng, việc nguyền rủa ấy là **Hệ Quả (Phala).** Và rút lấy từ ngữ **Pharusā** làm thành tên gọi của lời nói thô ác, và đặt để vào ở trong Tư Tâm Sở Sân, mới gọi Tư Tâm Sở Sân này là Thô Ác **(Pharusā)**.

Có Ba Chi Pháp Của Thô Ác Ngữ, đó là:

1. Sân Cấu (Kopo): Có sự nổi giận.

2. Cấu Nạn (Upakuṭṭho): Có người bị chửi mắng.

3. Lỵ Mạ (Akkosanā): Nói lời chửi mắng.

Như có câu kệ trình bày nói rằng:

Pharusāya tayo kopo Upakuṭṭho akkosanā
Mammacchedakarā taggha Pharusā pharusā matā

Dịch nghĩa là: Có ba Chi Pháp của Thô Ác Ngữ, đó là 1/ Sự nổi giận, 2/ Có người bị chửi mắng, 3/ Nói lời chửi mắng. Bậc Trí Giả nên liễu tri loại Tư Tâm Sở Thô Ác có khả năng làm cho người nghe phải phát cáu, giống như ung nhọt đang mưng mủ đã phải đụng vào, bằng như thế ấy mới gọi là Thô Ác Ngữ.

Từ ngữ nói rằng **Mammacchedakarā** đây, là từ ngữ trình bày ý nghĩa cho được biết rằng loại Tư Tâm Sở này phải là loại Tư Tâm Sở Thô Ác. Như vậy, cho dù lời đã nói ra sẽ là lời lẽ tế nhị đi nữa, tuy nhiên nếu như đã có Tư Tâm Sở Thô Ác rồi, thì lời nói ra ấy cũng phải sắp tương tự như là loại Thô Ác Ngữ vậy. Lấy thí dụ như vị thẩm phán nói lời phán quyết xử tử hình với kẻ tử tội, thì cho dù ngay trong sát na nói ra ấy, là sẽ dùng ngôn từ lịch thiệp, có sắc diện tươi cười đi nữa, tuy nhiên với Tư Tâm Sở lập ý cho việc xử tử hình ấy rồi, thì Tư Tâm Sở cũng phải sắp vào loại thô ác. Thế là, lời nói đã nói ra ấy mới hoàn thành Nghiệp Đạo Thô Ác Ngữ.

Trong bộ Chú Giải **Aṭṭhasālinī** Ngài Giáo Thọ **Buddhaghosa** đã nói rằng Cha Mẹ chửi mắng nguyền rủa con trẻ hoặc Thầy Giáo Thọ chửi mắng môn đồ với tác ý tốt, và chẳng hề có bất luận một ý đồ xấu nào, và như thế, lời đã nói ra ấy cũng không sắp vào loại Thô

Ác Ngữ. Ngài Giáo Thọ đã nêu lên thí dụ dẫn chứng như người Mẹ ngăn cản đứa con trai không cho đi rong chơi ở trong chốn rừng già, tuy nhiên đứa con trai lại không vâng lời, đã chống lại và cứ đòi đi bằng được. Người Mẹ mới mắng chửi nguyền rủa rằng: "Ông mà chẳng có nghe lời tôi, và chống lại thì cầu xin cho trâu rừng húc toi mạng đi thôi !". Lời nguyền rủa của người Mẹ này chỉ là hiện hành với mãnh lực của sự bất duyệt ý ngần ấy thôi, và như thế, mới không sắp vào loại Thô Ác Ngữ.

Ngài Phụ Chú Giải Sư đã nói lời phản bác rằng: "Những lời chửi mắng, nguyền rủa của người Mẹ, người Cha, Tôn Sư, Giáo Thọ đấy, thế nhưng nếu như lời đã nói ra mà quả thật đã được phối hợp với sự nổi giận, thì ắt hẳn phải sắp vào loại Thô Ác Ngữ, vì lẽ đã hội đủ cả ba Chi Pháp, tuy nhiên chỉ có chút ít tội ngần ấy thôi."

Một vài nhà Chú Giải Sư đã nói rằng: "Việc nói lời Thô Ác Ngữ đây, là phải nói trước mắt người bị chửi mắng thì mới thành tựu Nghiệp Đạo." Tuy nhiên ở trong Bộ Phụ Chú Giải Trường Bộ Kinh **(Dīghanikāyaṭīkā)** và Bộ Phụ Chú Giải Trung Bộ Kinh **(Majjhimanikāyaṭīkā)** đã nói rằng: "Việc nói lời Thô Ác Ngữ, cho dù người bị chửi mắng ấy đã không có hiện diện hoặc giả đã chết mất đi rồi, thì việc nói ra lời ấy cũng vẫn thành tựu Nghiệp Đạo được. Viện dẫn rằng kẻ nhỏ nói lời xúc phạm đến với người lớn, như là người Mẹ, người Cha, Tôn Sư, Giáo Thọ, v.v. và tiếp đến kẻ ấy đã có hiểu biết trong sự sai trật của mình, mới thực hiện việc xưng tội sám hối đến những bậc ấy. Thế nhưng, cho dù các bậc ấy sẽ không có hiện diện trước mắt hoặc đã chết mất đi rồi, thì việc xưng tội sám hối của người ấy cũng hẳn nhiên là thành tựu quả phúc hữu ích, tức là tội lỗi ấy sẽ tan biến đi và trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực. Một khi, việc nói lời xưng tội sám hối mà người bị chửi mắng đang hiện diện trước mắt lại thản nhiên bỏ qua, thì ắt hẳn đã được thành tựu quả phúc hữu ích. Việc nói lời Thô Ác Ngữ mà không có người bị chửi mắng hiện diện trước mắt, thì tương tự hẳn nhiên là thành tựu Nghiệp Đạo."

54. Hỏi: Bậc Học Giả nên trình bày yếu tố thiết lập ra việc chửi mắng mà gọi là **Lỵ Mạ (Akkosanā)** ấy, có được bao nhiêu thể loại ? Là những chi ? Luôn cả trình bày Sự Nỗ Lực.

54. Đáp: Từ ngữ nói rằng **Akkosanā – Lỵ Mạ** tức là việc nói lời chửi mắng ấy, bậc Học Giả nên hiểu biết có đến mười thể loại yếu tố thiết lập ra việc chửi mắng, đó là: **Jāti nāma gotta kammaṃ, Sippaṃ ābādha liṅgikaṃ, Kilesāpatti akkoso, Dasamomasa vādakā.**

Có mười thể loại sử dụng lời chửi mắng, ấy là:

1. Chủng tộc thấp cao.

2. Tên gọi thấp cao.

3. Dòng giống thấp cao.

4. Việc làm thấp cao.

5. Kiến thức thấp cao.

6. Căn bệnh thấp cao.

7. Hình dạng tướng trạng thấp cao.

8. Phiền não.

9. Vi phạm tội thấp cao.

10. Lời chửi mắng thấp cao.

Có Hai Thể Loại Nỗ Lực **(Payoga)** Của Thô Ác Ngữ, đó là:

1. Thân Nỗ Lực (Kāyapayoga): Việc nói ra lời thô ác theo Lộ Thân Môn.

2. Ngữ Nỗ Lực (Vācīpayoga): Việc nói ra lời thô ác theo Lộ Ngữ Môn.

Việc nói lời thô ác theo Lộ Ngữ Môn hẳn đã rõ ràng rồi. Còn việc nói lời thô ác theo Lộ Thân Môn ấy, chẳng hạn như viết thư chửi mắng, hoặc trình bày các cử chỉ hành động thô tục, lỗ mãng; làm cho người nhìn thấy biết được sự sân cấu, sự xấu hổ, hoặc Tâm bất an.

55. Hỏi: Từ ngữ nói rằng **Hồ Ngôn Loạn Ngữ (Samphappalāpa – Hồ Loạn Thuyết Thoại, Ngữ Vô Loạn Thứ),** khi chiết tự thì có được bao nhiêu từ ngữ ? Luôn cả trình bày Chi Pháp của Hồ Ngôn Loạn Ngữ. Và từ ngữ nói rằng Ngôn Ngữ **(Vācā)** ở trong Ngữ Hành Nghiệp Lực có được bao nhiêu thể loại ? Là những chi ?

55. Đáp: Từ ngữ nói rằng **Hồ Ngôn Loạn Ngữ (Samphappalāpa – Hồ Loạn Thuyết Thoại, Ngữ Vô Loạn Thứ),** khi chiết tự có được hai từ ngữ, đó là: **Sampha + Palāpa. Sampha** dịch nghĩa là "việc phá hại sự lợi ích và sự an vui", **Palāpa** dịch nghĩa là "ngôn từ, việc nói ra lời". Khi kết hợp vào nhau thành **Samphapalāpa** dịch nghĩa là "việc nói ra lời làm phá hại đi sự lợi ích và sự an vui" tức là lời nói tầm quấy tầm quá.

Trình bày câu Chú Giải đã nói rằng: **Saṃhitasukhaṃ phalati vināsetīti = Samphaṃ** - Lời nói nào thường làm phá hại đi các sự lợi ích và các sự an vui, như thế, lời nói ấy gọi là Hồ Ngôn Loạn Ngữ.

Saṃ pubba phala dhātu kvi paccaya lapa la ca kvi = Samphaṃ

Samphaṃ panapanta etenāti = Samphappalāpo - Việc nói ra lời làm phá hại đi các sự lợi ích và các sự an vui với Tư Tâm Sở đó, vì thế Tư Tâm Sở làm thành tác nhân ở trong việc nói ra lời làm phá hại các sự lợi ích và các sự an vui, như thế mới gọi là Hồ Ngôn Loạn Ngữ.

Việc nói ra lời Hồ Ngôn Loạn Ngữ ấy, lập ý đến việc nói với nội dung tình tiết tầm sàm nhảm nhí, phù phiếm, tầm thường, không có căn bản, và chẳng có quan trọng. Chẳng hạn như kể chuyện phim ảnh, kể về các câu chuyện tuồng tích và truyện ký, ca kịch; hoặc nói những lời khôi hài đùa cợt; hoặc người đóng phim, diễn kịch, hát tuồng, và ca nhạc; hoặc nhà sáng tác viết ra các tích truyện tiểu thuyết. Với những thể loại này đã được liệt vào loại Hồ Ngôn Loạn Ngữ hết cả thảy, vì lẽ đã làm cho thính giả, độc giả chẳng được đón nhận bất luận sự lợi ích nào cả, nhất thời làm cho cứ mãi mê vui thích chỉ ngần ấy thôi, luôn cả đã làm mất đi biết bao điều lợi ích đáng lý là sẽ có được, nhưng rồi cũng đã làm mất đi hết cả. **Chi Pháp (Aṅgadhamma)** Hồ Ngôn Loạn Ngữ này, tức là **Tư Tâm Sở Bất Thiện (Akusalacetanā)** làm **Tác Nhân (Hetu)** của việc nói lời Hồ Ngôn Loạn Ngữ, còn lời lẽ đã nói ra ấy thì làm thành **Hệ Quả (Phala).** Tuy nhiên, rút lấy từ ngữ nói rằng Hồ Ngôn Loạn

Ngữ là tên gọi của Tư Tâm Sở dùng để gọi thành tên, đó là việc gọi tên theo Phần **Tiếp Cận (Ṇūpacāranaya)**, tức là gọi tên theo chỗ sát cận với **Tác Nhân (Hetu)**.

Có Hai Chi Pháp Của Hồ Ngôn Loạn Ngữ, đó là:

1. Tác Hành Vô Ích (Niratthakathāpurakkhāro): Chủ tâm nói ra lời chẳng hữu ích chi cả.

2. Vô Ích Sự (Kathanaṃ): Lời nói vô ích.

Như có câu kệ trình bày nói rằng:

Samphassa niratthakathā Puratā kathana duve
Parena gahiteyeva Hoti kammapatho na no

Dịch nghĩa là: Cả hai Chi Pháp của Hồ Ngôn Loạn Ngữ ấy, là: 1/ Chủ tâm nói ra lời chẳng hữu ích, 2/ Lời nói ấy đã được thốt ra. Khi thính giả hoặc độc giả đã tin vào lời nói ấy, thì ắt hẳn đã làm thành tựu Nghiệp Đạo. Nếu như thính giả hoặc độc giả chẳng có tin theo lời đã nói ra ấy, thì hẳn nhiên không thành tựu Nghiệp Đạo, duy nhất chỉ làm thành Hồ Ngôn Loại Ngữ ngần ấy thôi.

Người nói hoạt bát vui vẻ cười đùa, và đã nói câu chuyện tầm sàm nhảm nhí, chẳng có thật ở phần Hồ Ngôn Loạn Ngữ đây, thì sẽ có được sắp vào loại Vọng Ngữ hay không ? Điều này giải đáp rằng "không sắp vào loại Vọng Ngữ được !" là vì người nói đã không có sự chủ tâm để sẽ nói láo, và đó chỉ là cách nói lông bông ngần ấy mà thôi. Tuy nhiên, nếu như đã có phối hợp với sự chủ tâm để sẽ nói láo rồi, và thính giả lại lầm tin và tưởng là thật, thì mới sẽ sắp thành Vọng Ngữ.

Lời nói mà đã được sắp vào ở trong phần **Niratthakathā**, đó là lời nói chẳng hữu ích, phù phiếm, tầm thường, không có căn bản, và chẳng có quan trọng, đã được hiện hữu với 32 thể loại, và đích thị đã được gọi là **32 Vô Ích Ngôn Ngữ (Tiracchānakathā 32)** mà Đức Phật Ngài đã lập ý khải thuyết để ở trong Chánh Tạng **Pāḷi** của bài **Kinh Sa Môn Quả (Samaññaphalasutta)** thuộc Phẩm Giới Uẩn **(Sīlakhandhavagga):**

1. Vương Giả Ngôn Ngữ (Rājakathaṃ): Nói những câu chuyện có liên quan về Bậc Đại Vương, cho suốt đến cả Hoàng Tộc của Ngài.

2. Đạo Tặc Ngôn Ngữ (Corakathaṃ): Nói những câu chuyện về thâu đạo.

3. Đại Thần Ngôn Ngữ (Mahāmattakathaṃ): Nói câu chuyện về vị Quan Đại Thần thuộc Hoàng Triều Nội Các.

4. Binh Sĩ Ngôn Ngữ (Senākathaṃ): Nói câu chuyện về binh lính và cảnh sát.

5. Kinh Hãi Ngôn Ngữ (Bhayakathaṃ): Nói những câu chuyện về sự kinh sợ và hãi hùng.

6. Chiến Lược Ngôn Ngữ (Yuddhakathaṃ): Nói câu chuyện về chiến lược.

7. Thực Phẩm Ngôn Ngữ (Annakathaṃ): Nói những câu chuyện về thực phẩm, có cơm gạo và các món ăn, v.v.

8. Ẩm Liệu Ngôn Ngữ (Pānakathaṃ): Nói những câu chuyện về thức uống.

9. Y Phục Ngôn Ngữ (Vatthakathaṃ): Nói những câu chuyện về y phục và các đồ vấn mặc.

10. Thụy Miên Ngôn Ngữ (Sayanakathaṃ): Nói câu chuyện về ngủ nghỉ.

11. Hoa Đóa Ngôn Ngữ (Mālākathaṃ): Nói những câu chuyện về bông hoa.

12. Hương Phẩm Ngôn Ngữ (Gandhakathaṃ): Nói những câu chuyện về các mùi thơm.

13. Thân Quyến Ngôn Ngữ (Ñātikathaṃ): Nói chuyện về bà con họ hàng, quyến thuộc.

14. Giao Thông Ngôn Ngữ (Yānakathaṃ): Nói những câu chuyện về phương tiện giao thông, xe cộ, tàu bè, v.v.

15. Thôn Xã Ngôn Ngữ (Gāmakathaṃ): Nói những câu chuyện về làng mạc, thôn xóm.

16. Thị Trấn Ngôn Ngữ (Nigamakathaṃ): Nói những câu chuyện về khu dân cư, thị tứ.

17. Thành Thị Ngôn Ngữ (Nagarakathaṃ): Nói những câu chuyện về thành phố, tỉnh thành.

18. Xứ Sở Ngôn Ngữ (Janapadakathaṃ): Nói những câu chuyện về đất nước, quốc độ, biên thùy.

19. Nữ Giới Ngôn Ngữ (Itthikathaṃ): Nói câu chuyện về đàn bà, con gái.

20. Nam Giới Ngôn Ngữ (Purisakathaṃ): Nói câu chuyện về đàn ông, con trai.

21. Thanh Niên Ngôn Ngữ (Kumārakathaṃ): Nói câu chuyện về trai trẻ.

22. Thanh Nữ Ngôn Ngữ (Kumārīkathaṃ - Thanh Tân Ngôn Ngữ): Nói câu chuyện về gái thanh xuân, con gái còn trẻ tuổi.

23. Anh Dũng Ngôn Ngữ (Surakathaṃ): Nói câu chuyện về sự gan dạ kiên cường, dũng cảm.

24. Đạo Lộ Ngôn Ngữ (Visikhākathaṃ): Nói những câu chuyện về con đường, đường phố.

25. Mã Đầu Ngôn Ngữ (Kumbhaṭṭhānakathaṃ): Nói những câu chuyện về bờ sông, bến cảng.

26. Vong Thân Ngôn Ngữ (Pubbapetakathaṃ): Nói câu chuyện về thân quyến đã quá vãng.

27. Tạp Thoại Ngôn Ngữ (Nānattakathaṃ): Nói câu chuyện về trăm thứ khác nhau, linh tinh, lôi thôi.

28. Thế Gian Vụ Thuyết (Lokakkhāyikaṃ): Nói câu chuyện về thế gian và bậc kiến tạo thế gian.

29. Đại Dương Vụ Thuyết (Samuddakkhāyikaṃ): Nói câu chuyện về đại dương và bậc kiến tạo đại dương.

30. Thịnh Suy Ngôn Ngữ (Itivabhābhavakathaṃ): Nói những câu chuyện về sự thịnh vượng và sự suy bại.

31. Lâm Mãng Ngôn Ngữ (Araññakathaṃ): Nói những câu chuyện về rừng rậm, những cánh rừng già.

32. Sơn Hệ Ngôn Ngữ (Pabbatakathaṃ): Nói những câu chuyện về núi đồi, những dãy rặng núi.

Có bốn thể loại Ngôn Ngữ **(Vācā)**, ấy là:

1. Âm Thinh Ngôn Ngữ (Saddavācā): tức là âm thanh đã nói ra.

2. Kiểm Thúc Ngôn Ngữ (Viratīvācā): tức là việc ngăn trừ Ngữ Ác Hạnh **(Vacī duccarita)**.

3. Tư Tâm Sở Ngôn Ngữ (Cetanāvācā): tức là Tư Tâm Sở làm cho khởi sinh Sắc Ngữ Biểu Tri **(Vacīviññattirūpa)**.

4. Hành Động Ngôn Ngữ (Copanavācā): tức là cử chỉ hành động đặc thù hiện hành ở trong lời nói mà có khả năng làm cho người nghe hiểu biết y theo sở nguyện của mình được.

56. Hỏi: Lời nói khôi hài chẳng được gọi là **Hồ Ngôn Loạn Ngữ (Samphappalāpa – Hồ Loạn Thuyết Thoại, Ngữ Vô Loạn Thứ),** theo lời Phật Ngôn ở trong Chánh Tạng **Pāḷi** bài **Kinh Lục Xứ (Saḷāyatanā)** thuộc Tương Ưng Bộ Kinh thì Ngài đã khải thuyết đến vấn đề này khi nói rằng nhóm người này một khi đã mạng vong lìa khỏi cõi đời này rồi, thường phải đi tái sinh ở trong **Ngu Lạc Địa Ngục (Pahāsaniraya)** [Xin xem Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp – Chương V] là một phần của **Vô Gián Đại Địa Ngục (Avīci mahānaraka).** Như thế, quả thật khó được hiểu biết rằng Đức Thế Tôn lập ý thường luôn huấn giới Phật Ngôn này đến các **Bậc Hữu Học (Sāvaka)** với hàm ý như thế nào ?

57. Đáp: Lời nói chẳng hữu ích, phù phiếm, tầm thường, không có căn bản, và chẳng có quan trọng, đã được gọi là loại Hồ Ngôn Loạn Ngữ đây, thể theo phần đông là hiện bày đối với nhóm diễn viên tuồng đồ, như có phim ảnh, ca kịch, v.v. và nhà soạn tác ra những tiểu thuyết đọc cho vui chơi, chẳng có bất luận nền tảng đức hạnh **(Gati dhamma)** nào cả. Và nếu nói theo **Phật Ngôn (Buddhabhāsita)** ở trong Chánh Tạng **Pāḷi** bài **Kinh Lục Xứ (Saḷāyatanā)** thuộc Tương Ưng Bộ Kinh thì nhóm người này một khi đã mạng vong lìa khỏi cõi đời này rồi, thường phải đi tái sinh ở trong **Ngu Lạc Địa Ngục (Pahāsaniraya)**[Xin xem Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp – Chương V] là một phần của **Vô Gián Đại Địa Ngục (Avīcimahānaraka).** Như thế, Đức Thế Tôn mới lập ý thường luôn huấn giới đến các **Bậc Hữu Học (Sāvaka)** dạy rằng: **Dvinnaṃ vo bhikkhave sannipatitānaṃ dvayaṃ karaṇīyaṃ dhammī vā kathā tuṇhībhāvo vā** - Này tất cả Chư Tỳ Khưu, tất cả các ông một khi đã có việc hội hợp với nhau giữa hai người, thì có hai việc cần phải thực hành, là cùng luận đàm với nhau liên quan về Giáo Pháp, hoặc không là như thế, thì nên giữ sự im lặng của Bậc Thánh Nhân. (**Bài Kinh Thánh Cầu** # 26 – **Ariyapariyesanasutta** - thuộc Trung Bộ Kinh).

Trong Chi Pháp thứ hai, chỗ nói rằng **Kathanaṃ** đã trình bày đến phần **Nỗ Lực (Payoga)** mà lập ý chỉ đề cập duy nhất đến phần **Ngữ Nỗ Lực (Vacīpayoga)**, tuy nhiên nếu phải dùng chữ viết đặng viết ra lời lẽ thì cũng phải thành **Thân Nỗ Lực (Kāya payoga)** vậy. Thế nhưng, việc nói lời Hồ Ngôn Loạn Ngữ đây, thường thì đa phần phát sinh theo Lộ Ngữ Môn. Vì thế, Ngài Chú Giải Sư mới trình bày Chi Pháp thứ hai nói rằng **Kathanaṃ** là **nói**

ra lời và nếu sẽ nói tóm lại ở trong Hồ Ngôn Loạn Ngữ đây thì cũng sẽ có được cả hai thể loại Nỗ Lực, đó là Ngữ Nỗ Lực và Thân Nỗ Lực.

57. Hỏi: Hãy trình bày Chi Pháp của Ý Tham Ác, Ý Cừu Hận và Ý Tà Kiến, rằng theo từng mỗi thể loại có được bao nhiêu điều ? Là những chi ?

57. Đáp: Có hai Chi Pháp của Ý Tham Ác, ấy là:

1. Vật Phẩm Gia Tư (Parabhaṇḍa): Tư hữu của tha nhân.

2. Tư Lượng Chấp Chiếm (Attanopariṇāmanaṃ): Có Tâm nghĩ suy cho thành tài sản của riêng mình.

Có hai Chi Pháp của Ý Cừu Hận, ấy là:

1. Tha Nhân (Parasatta): Tha nhân.

2. Tư Lượng Hãm Hại (Vināsacintā): Nghĩ suy làm cho sự nguy hại khởi sinh.

Có hai Chi Pháp của Ý Tà Kiến, ấy là:

1. Nội Dung Huyễn Biến (Atthaparītatā): Nội dung đã chấp thủ ấy lại lầm lạc với sự thật.

2. Như Thực Liễu Tri (Tathābhāvupaṭṭhāna): Có quan điểm nhận thấy rằng đó là sự thật.

58. Hỏi: Tham có bao nhiêu thể loại ? Là những chi ? Và Tham ở phần Ý Tham Ác ấy, thì được sắp vào trong thể loại Tham nào ?

58. Đáp: Có hai thể loại Tham **(Lobha)**, ấy là:

1. Tham Hợp Pháp (Dhammiyalobha): Sự mãn ý dục đắc một cách hợp pháp, chính đáng.

2. Tham Bất Hợp Pháp (Adhammiyalobha): Sự mãn ý dục đắc một cách bất hợp pháp, bất chính đáng.

Đối với Tham **(Lobha)** mà thuộc Ý Tham Ác **(Abhijjhā)** đấy, đã ở trong nhóm Tham Bất Hợp Pháp.

59. Hỏi: Hãy trình bày 10 điều **Vô Hữu Kiến (Natthidiṭṭhi)** đã được trích ở trong Chánh Tạng **Pāḷi** ở bài Kinh Sa Môn Quả thuộc Phẩm Giới Uẩn, gồm có những chi ?

59. Đáp: Có Chánh Tạng **Pāḷi** ở bài **Kinh Sa Môn Quả (Samaññaphalasutta)** thuộc Phẩm Giới Uẩn **(Sīlakhandhavagga)** đã có trình bày đến quan kiến lầm lạc thuộc thể loại Vô Hữu Kiến nói rằng: **Natthi mahārāja dinnaṃ, natthi yitthaṃ, natthi hutaṃ, natthi sukata dukkhatānaṃ kammānaṃ phalaṃ vipāko, natthi ayaṃ loko, natthi paro loko, natthi mātā, natthi pitā, natthi sattā opapātikā, natthi loke samaṇa brahmaṇā sammaggatā sammāpaṭi pannā, ye imañ ca lokaṃ parañca lokaṃ abhiññā sacchikatvā pavedenti - Dịch nghĩa là:** Này Đại Vương, không có xả thí, không có tế lễ hy sinh, không có tế tự, không có Quả Dị Thục của các Nghiệp Thiện – Ác, không có đời này, không có đời

sau, không có Mẹ, không có Cha, không có loài Hữu Tình Hóa Sinh, ở trong đời không có các vị Sa Môn, các vị Bà La Môn chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình chứng tri giác ngộ đời này đời khác và truyền dạy lại.

Giải thích rằng:

1. Natthi dinnaṃ: Nhận thấy rằng việc đã tạo ra Thiện Phúc thì thường chẳng có được đón nhận quả báo nào cả.

2. Natthi yiṭṭhaṃ: Nhận thấy rằng những việc cúng dường, cũng chẳng có được đón nhận quả báo nào cả.

3. Natthi hutaṃ: Nhận thấy rằng những việc đón chào mời mọc tế tự, cũng chẳng có được đón nhận quả báo nào cả.

4. Natthi sukata dukkaṭānaṃ kammanaṃ phalaṃ vipāko: Nhận thấy rằng việc tạo tác Thiện – Ác Nghiệp cũng chẳng có được đón nhận quả dị thục nào cả, kể cả trực tiếp và gián tiếp.

5. Natthi ayaṃ loko: Nhận thấy rằng không có đời này, tức là người đang hiện hữu ở ngay trong hiện tại này mà lại gọi với nhau là không có đời này, vì lẽ chẳng có việc tái sinh nối tiếp thêm nữa.

6. Natthi paro loko: Nhận thấy rằng không có đời sau, tức là không có kiếp sống sẽ được nương sinh từ ở đời sống đang hiện bày ở trong hiện tại này, bởi vì một khi đã tử vong rồi thì cũng chẳng có việc tái sinh lại nữa.

7. Natthi mātā: Nhận thấy rằng việc tạo tác Thiện - Ác đối với người Mẹ, thường là chẳng có đón nhận quả báo nào cả.

8. Natthi pitā: Nhận thấy rằng việc tạo tác Thiện – Ác đối với người Cha, thường là chẳng có đón nhận quả báo nào cả.

9. Natthi sattā opapātikā: Nhận thấy rằng chẳng có loài Hữu Tình khởi sinh chỉ có một lần mà to lớn lên liền (Hóa Sinh), tức là không có loài Hữu Tình Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Chư Thiên, Phạm Thiên.

10. Natthi loke samaṇabrahmaṇā sammaggatā sammāpaṭipannā, ye imañca lokaṃ parañca lokaṃ abhiññā sacchikatvā pavedenti: Nhận thấy rằng thường là không có được bất luận vị Sa Môn, vị Bà La Môn nào, với chính tự mình có được sự liễu tri đời này, đời vị lai, và rồi có khả năng chỉ dạy và dắt dẫn cho được liễu tri. Cũng chẳng có được vị Sa Môn, vị Bà La Môn đến với nhau trong tình thân ái đoàn kết, cũng chẳng có được cùng chánh kiến và chánh hạnh. (Có nghĩa là chẳng có người nào tu tập An Chỉ, Minh Sát, đắc chứng Thiền Định, Thắng Trí, Đạo và Quả; mà sự thật những hành động tạo tác ấy, chỉ là để mưu sinh mà thôi.)

Người đã có Vô Hữu Kiến, là người đã có quan điểm phản bác về Quả Báo thì cũng chẳng khác chi phản bác luôn cả những mãnh lực của Tư Tâm Sở Thiện và Tư Tâm Sở Bất Thiện, mà đó chính là những tác nhân của các quả báo.

60. Hỏi: Hãy trình bày việc khởi sinh những Ác Hạnh bởi do nương vào Ý Ác Hạnh làm tác nhân.

60. Đáp: Trình bày việc khởi sinh những Ác Hạnh bởi do nương vào Ý Ác Hạnh **(Manoduccarita)** làm tác nhân:

+ Ý Tham Ác (Abhijjhā): là tác nhân đầu tiên làm cho Thâu Đạo, Tính Dục Tà Hạnh, Vọng Ngữ, Ly Gián Ngữ, Hồ Ngôn Loạn Ngữ, Tà Kiến đã được khởi sinh.

+ Ý Cừu Hận (Byāpāda): là tác nhân đầu tiên làm cho Sát Tử, Thâu Đạo, Vọng Ngữ, Ly Gián Ngữ, Thô Ác Ngữ, Hồ Ngôn Loạn Ngữ đã được khởi sinh.

+ Ý Tà Kiến (Micchādiṭṭhi): là tác nhân đầu tiên làm cho cả Thập Ác Hạnh đã được khởi sinh.

61. Hỏi: Hãy trình bày phương thức tính số lượng Ác Hạnh một cách đầy đủ, có được 30 hoặc 40.

61. Đáp: Trình bày một cách đầy đủ về phương thức tính số lượng Ác Hạnh: Những Thập Ác Hạnh này, một khi trọn đủ thì có được 30 hoặc 40 điều.

+ Có 30 điều, ấy là việc tạo tác từng mỗi một Ác Hạnh ấy, thì sẽ cần phải phối hợp với cả ba Tư Tâm Sở, ấy là:

1. Tư Tiền (Pubbacetanā): Tư Tâm Sở khởi sinh trước việc tạo tác.

2. Tư Hiện (Muñcacetanā): Tư Tâm Sở khởi sinh ngay trong sát na đang tạo tác.

3. Tư Hậu (Aparacetanā): Tư Tâm Sở khởi sinh ngay trong sát na đã tạo tác xong.

Như thế, từng mỗi điều của Thập Ác Hạnh phối hợp với cả ba Tư Tâm Sở mới thành 30 Ác Hạnh.

+ Có 40 điều, ấy là việc tạo tác từng mỗi điều Ác Hạnh, đã được chia ra thành bốn thể loại, ấy là:

1. Tự Chế Thủ Công Ác Hạnh (Sāhatthakaduccarita): Tự bản thân thực hiện.

2. Mệnh Lệnh Ác Hạnh (Āṇattikaduccarita): Sai bảo để cho tha nhân thực hiện.

3. Năng Lực Biểu Thị Ác Hạnh (Vaṇṇabhāsanaduccarita): Đề cập đến và trình bày sự lợi ích của việc tạo tác những Ác Hạnh ấy.

4. Lạc Sự Ác Hạnh (Samanuññāduccarita): Có sự hân hoan mãn ý ở trong việc tạo tác những Ác Hạnh ấy.

Vì thế, mười điều Ác Hạnh kết hợp với cả bốn phân loại ấy mới thành 40 điều Ác Hạnh.

62. Hỏi: Trong Thập Bất Thiện Nghiệp Đạo đấy, rằng khi phân tích theo Chi Pháp, theo nhóm Bọn, theo Cảnh, theo Căn Gốc, theo Thọ v.v. thì có được như thế nào ?

62. Đáp: Nên hiểu biết việc phân tích ở trong Thập Bất Thiện Nghiệp Đạo đã được dựa theo năm thể loại, đó là:

1/ Rằng theo Chi Pháp (Aṅgadhamma),

2/ Rằng theo Bộ Phận (Koṭṭhāsa),

3/ Rằng theo Cảnh (Ārammaṇa),

4/ Rằng theo Thọ (Vedanā),

5/ Rằng theo Căn (Mūla).

Tiếp theo đây, sẽ giải thích rộng rãi trong từng mỗi phần, như sau:

1. Chi Pháp (Aṅgadhamma): Rằng theo Chi Pháp, tức là **Tam Thân Ác Hạnh (Kāyaduccarita)** và **Tứ Ngữ Ác Hạnh (Vacīduccarita).** Kết hợp lại có được bảy thể loại và Chi Pháp ấy là **Tư Tâm Sở (Cetanācetasika).** Chi Pháp của Tam **Ý Ác Hạnh (Mano duccarita)** ấy là **Tâm Sở (Cetasika)** câu sinh với Tư Tâm Sở.

2. Bộ Phận (Koṭṭhāsa): Rằng theo Bộ Phận, tức là Tam Thân Ác Hạnh, Tứ Ngữ Ác Hạnh và Một Ý Tà Kiến. Cả tám thể loại này, đều gọi là **Nghiệp Đạo (Kammapatha),** và không gọi là **Căn Gốc (Mūla).** Cả hai thể loại, Ý Tham Ác và Ý Cừu Hận này, gọi là Nghiệp Đạo và gọi là Căn Gốc.

3. Cảnh (Ārammaṇa): Rằng theo Cảnh, tức là Sát Tử, Tính Dục Tà Hạnh, Ý Tà Kiến, cả ba thể loại này sinh khởi bởi do có **Pháp Hữu Vi (Saṅkhāradhamma – Pháp Hành)** làm Cảnh. [Một vài Chú Giải Sư đã nói rằng Tính Dục Tà Hạnh này sinh khởi do có **Hữu Tình Chế Định (Sattapaññatti)** làm Cảnh. Thô Ác Ngữ, Ý Cừu Hận, cả hai thể loại này sinh khởi do có Hữu Tình Chế Định làm Cảnh. Năm Bất Thiện Nghiệp Đạo còn lại, ấy là Thâu Đạo, Vọng Ngữ, Ly Gián Ngữ, Hồ Ngôn Loạn Ngữ và Ý Tham Ác, những thể loại này sinh khởi do có Pháp Hữu Vi và Hữu Tình Chế Định làm Cảnh.]

4. Thọ (Vedanā): Rằng theo Thọ, tức là Sát Tử, Thô Ác Ngữ, Ý Cừu Hận, cả ba thể loại này câu sinh với **Khổ Thọ (Dukkhavedanā).** Tính Dục Tà Hạnh, Ý Tham Ác, Ý Tà Kiến, cả ba thể loại này câu sinh với **Lạc Thọ (Sukhavedanā)** cũng có, hoặc với **Xả Thọ (Upekkhāvedanā)** cũng có. Bốn Bất Thiện Nghiệp Đạo còn lại, ấy là Thâu Đạo, Vọng Ngữ, Ly Gián Ngữ, Hồ Ngôn Loạn Ngữ, những thể loại này câu sinh với Lạc Thọ cũng có, Khổ Thọ cũng có, và Xả Thọ cũng có.

5. Căn Gốc (Mūla): Rằng theo Căn Gốc, tức là Sát Tử, Thô Ác Ngữ, cả hai thể loại này có Sân và Si làm Căn Gốc. Tính Dục Tà Hạnh, Ý Tà Kiến, cả hai thể loại này có Tham và Si làm Căn Gốc. Thâu Đạo, Vọng Ngữ, Ly Gián Ngữ, Hồ Ngôn Loạn Ngữ, cả bốn thể loại này, đôi khi có Tham và Si làm Căn Gốc; đôi khi có Sân và Si làm Căn Gốc. Ý Tham Ác và Ý Cừu Hận, cả hai thể loại này chỉ có duy nhất Si làm Căn Gốc. Việc trình bày phân tích theo Căn Gốc như đã vừa đề cập tại đây, là việc trình bày theo **Phần Biến Hành (Sādhāraṇanaya)** đã được đề cập đến để ở trong Bộ Chú Giải **Aṭṭhasālinī**.

Đối với việc trình bày Căn Gốc của Bất Thiện Nghiệp Đạo, chỗ đã được trình bày để ở trong **Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp (Abhidhammaṭṭhasaṅgaha): Tesaṃ pāṇāti pāto pharusavācā byāpādo ca dosamūlena jāyanti** v.v. là việc trình bày theo **Phần Bất Biến Hành (Asādhāraṇanaya)**, nghĩa là trình bày chẳng có trộn lẫn nhau.

63. Hỏi: Hãy trình bày Thập Thiện Nghiệp Lực Dục Giới, luôn cả trình bày phương thức tính số lượng Thập Thiện Nghiệp Lực một cách quảng nghĩa và đầy đủ, thì có phương thức được tính như thế nào ?

63. Đáp: Trình bày Thập Thiện Nghiệp Lực Dục Giới, như vầy:

I. Tam Thân Hành Nghiệp Lực, ấy là:

1. Sát Tử Kiềm Chế (Pāṇātipātavirati): Tự kiềm chế việc sát tử.

2. Thâu Đạo Kiềm Chế (Adinnādānavirati): Tự kiềm chế việc trộm cắp.

3. Tính Dục Tà Hạnh Kiềm Chế (Kāmesumicchācāravirati): Tự kiềm chế việc tà dâm.

II. Tứ Ngữ Hành Nghiệp Lực, ấy là:

1. Vọng Ngữ Kiềm Chế (Musāvādavirati): Tự kiềm chế nói lời giả dối.

2. Ly Gián Ngữ Kiềm Chế (Pisuṇavācāvirati): Tự kiềm chế nói lời xúi xiểm.

3. Thô Ác Ngữ Kiềm Chế (Pharusavācāvirati): Tự kiềm chế nói lời thô tục xấu ác.

4. Hồ Ngôn Loạn Ngữ (Samphappalāpavirati): Tự kiềm chế nói lời tầm sàm, nhảm nhí vô ích.

III. Tam Ý Hành Nghiệp Lực, ấy là:

1. Ý Bất Tham Ác (Anabhijjhā): Có việc lưu tâm kiểm ý để kiềm chế không cho khởi sinh Ý Tham Ác.

2. Ý Bất Cừu Hận (Abyāpāda): Có việc lưu tâm kiểm ý để kiềm chế không cho khởi sinh Ý Cừu Hận.

3. Chánh Kiến (Sammādiṭṭhi): Có sự nhìn thấy chân chánh.

Mười điều **Thiện Nghiệp Lực Dục Giới (Kāmāvacarakusalakamma)** như đã vừa đề cập đến ở tại đây, gọi là **Thập Thiện Nghiệp Đạo (Kusalakammapatha)**, hoặc cũng còn được gọi là **Thập Thiện Hạnh (Sucarita).** Những Thập Thiện Hạnh này, khi được tính một cách đầy đủ thì cũng có 30 hoặc 40 điều. Có 30 điều, nghĩa là từng mỗi hành động tạo tác về Thiện Hạnh ấy, sẽ phải được phối hợp với cả Tam **Tư Tâm Sở (Cetanā),** ấy là:

1. Tư Tiền (Pubbacetanā): Tư Tâm Sở khởi sinh trước việc tạo tác.

2. Tư Hiện (Muñcacetanā): Tư Tâm Sở khởi sinh ngay trong sát na đang tạo tác.

3. Tư Hậu (Aparacetanā): Tư Tâm Sở khởi sinh ngay trong sát na đã tạo tác xong.

Như thế, mười điều Thiện Hạnh được phối hợp với cả Tam Tư Tâm Sở, mới thành 30 điều.

+ Có 40 điều, ấy là việc tạo tác từng mỗi điều Thiện Hạnh, đã được chia ra thành bốn thể loại, ấy là:

1. Tự Chế Thủ Công Thiện Hạnh (Sāhatthakasucarita): Tự bản thân thực hiện.

2. Mệnh Lệnh Thiện Hạnh (Āṇattikasucarita): Sai bảo để cho tha nhân thực hiện.

3. Năng Lực Biểu Thị Thiện Hạnh (Vaṇṇabhāsanasucarita): Đề cập đến và trình bày sự lợi ích của việc tạo tác những Thiện Hạnh ấy.

4. Lạc Sự Thiện Hạnh (Samanuññāsucarita): Có sự hân hoan mãn ý ở trong việc tạo tác những Thiện Hạnh ấy.

64. Hỏi: Từ ngữ nói rằng **Thập Phúc Hành Tông (Puññakiriyāvatthu 10 – Thập Phúc Nghiệp Sự)** có nghĩa như thế nào ? Khi chiết tự thì có được bao nhiêu từ ngữ ? Là những chi ? Luôn cả trình bày Phúc Hành Tông theo phần Kinh Tạng và Vô Tỷ Pháp Tạng.

64. Đáp: Trình bày **Thập Phúc Hành Tông (Puññakiriyāvatthu 10 – Thập Phúc Nghiệp Sự),** như sau:

Từ ngữ nói rằng **Puññakiriyāvatthu** là từ ngữ **Pāḷi**, đã được dịch là "Thiện Sự cần phải thực hiện, vì tạo thành tác nhân để khởi sinh ra Quả Thiện." Khi phân tích từ ngữ ấy ra có được ba từ ngữ, đó là **Puñña + kiriya + vatthu. Puñña** nghĩa là "Thiện Sự ngõ hầu thanh lọc sự sầu bi nhiệt não"; **Kiriya** nghĩa là "nên thực hiện"; **Vatthu** nghĩa là "làm thành tác nhân, tác thành chỗ nương sinh của Quả Thiện". Như trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Attano santānaṃ punāti sodhetīti = Puññaṃ** - Hành động tạo tác nào thường thanh lọc bản tánh của mình cho được trong sạch tinh khiết, như thế hành động tạo tác ấy gọi là Phúc, tức là việc phóng khí xả thí, thọ trì giới luật, tiến hóa tu tập, v.v.

Sappurisehi kātabbanti = Kariyaṃ - Hành động tạo tác mà các bậc Hiền Triết nên thực hiện, nên kiến tạo; như thế hành động tạo tác ấy gọi là Hành Vi; tức là việc phóng khí xả thí, thọ trì giới luật, tiến hóa tu tập, v.v.

Te te ānisaṃsā vatsanti tiṭṭhanti etatthāti = Vatthu - Những quả phước báu thường hiện hữu ở trong hành động tạo tác nào, như thế hành động tạo tác ấy gọi là Tông Chỉ; tức là việc phóng khí xả thí, thọ trì giới luật, tiến hóa tu tập, v.v.

Kriyaṃ puññaṃ = Puññākriyaṃ - Thiện sự nào mà các bậc Hiền Triết nên thực hiện, gọi là Phúc Hành.

Puññakriyañca taṃ vatthucāti = Puññākriyavatthu - Hành động tạo tác ở phần thiện sự mà các bậc Hiền Triết nên thực hiện, và tác thành quả phước báu, như thế hành động tạo tác ấy gọi là Phúc Hành Tông (Phúc Nghiệp Sự); tức là việc phóng khí xả thí, thọ trì giới luật, tiến hóa tu tập, v.v.

+ Trình bày theo phần Kinh Tạng, thì **Thập Phúc Hành Tông (Dasa puññakiriya vatthu – Thập Phúc Nghiệp Sự)** có được số lượng 30 điều, đó là:

1. Thân Hành Xả Thí Nghiệp Lực (Kāyakammadāna),

2. Ngữ Hành Xả Thí Nghiệp Lực (Vacīkammadāna),

3. Ý Hành Xả Thí Nghiệp Lực (Manokammadāna) v.v. như đã vừa đề cập vậy.

+ Trình bày theo phần Vô Tỷ Pháp Tạng, thì Thập Phúc Hành Tông có được số lượng 11 hoặc 23, đó là:

1. Xả Thí có 1, tức là Ý Hành Xả Thí Nghiệp Lực ở phần Ý Bất Tham Ác **(Anabhijjhā)**.

2. Trì Giới có 2, tức là Thân Hành Trì Giới Nghiệp Lực, và Ngữ Hành Trì Giới Nghiệp Lực ở phần Tam Thân Hành Nghiệp Lực, và Tứ Ngữ Hành Nghiệp Lực.

3. Tu Tập, Cung Kính, Phụng Hành, từng mỗi điều này có được 1; tức là Ý Hành Nghiệp Lực ở phần Ý Bất Cừu Hận **(Abyāpāda)**, và Chánh Kiến.

4. Hồi Hướng, Tùy Hỷ Công Đức, từng mỗi điều này có được 1; tức là Ý Hành Nghiệp Lực ở phần Ý Bất Tham Ác, và Chánh Kiến.

5. Thính Pháp có 1, tức là Ý Hành Nghiệp Lực ở phần Chánh Kiến.

6. Thuyết Pháp có 1, tức là Ý Hành Nghiệp Lực ở phần Ý Bất Tham Ác, Ý Bất Cừu Hận, và Chánh Kiến.

7. Chân Tri Chước Kiến có 1, tức là Ý Hành Nghiệp Lực ở phần Chánh Kiến.

65. Hỏi: Một khi tổng kết lại, thì Xả Thí ở trong Phúc Hành Tông (Phúc Nghiệp Sự) đây, có được bao nhiêu thể loại ? Là những chi ?

65. Đáp: Một khi tổng kết lại, thì Xả Thí có được bốn thể loại, ấy là:

1. Tư Tâm Sở Xả Thí (Cetanādāna): tức là Tâm Sở Tư phối hợp với Đại Thiện, làm thành tác nhân của việc xả thí cho ra.

2. Vật Dụng Xả Thí (Vatthudāna): tức là Tứ Vật Dụng làm thành vật xả thí.

3. Vô Tham Xả Thí (Alobhadāna): tức là Tâm Sở Vô Tham phối hợp với Tâm Sở Tư làm thành tác nhân của việc xả thí cho ra.

4. Kiềm Chế Xả Thí (Viratidāna): tức là ba Tâm Sở Ngăn Trừ Phần có việc cấm chỉ Bất Thiện Ác Hạnh, làm thành tác nhân để cho tất cả loài Hữu Tình không phải bận tâm lo ngại ở trong việc sẽ làm phát sinh lên các điều tai họa, làm thành **Vô Úy Thí (Abhayadāna)** cả ở nội bộ và ngoại bộ.

66. Hỏi: Hãy trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu và Nhân Cần Thiết, luôn cả trình bày Pháp Đối Lập v.v. của Xả Thí Thiện.

66. Đáp: Trình bày Trạng Thái, Phận Sự, v.v. của Xả Thí Thiện

1. Trạng Thái (Lakkhaṇa): có việc phóng khí, làm trạng thái. **(Pariccāgalak - khaṇaṃ)**

2. Phận Sự (Rasa): có việc diệt trừ **Tham (Lobha),** làm phận sự. **(Lobhaviddhaṃ sanarasaṃ)**

3. Sự Thành Tựu (Paccuppaṭṭhāna): có sự sung túc trong kiếp sống và giải thoát khỏi kiếp sống, làm trạng thái hiện bày. **(Bhavavibhavasam pattipaccuppaṭṭhānaṃ)**

4. Nhân Cần Thiết (Padaṭṭhānaṃ): Tâm Sở Tín có thực tính tịnh tín ở trong sự việc khả tín, làm nhân cận. **(Saddheyyapadaṭṭhānaṃ)**

Trình Bày Pháp Đối Lập **(Paṭikkhepadhamma)** v.v. của Xả Thí Thiện:

1. Đối Lập Pháp (Paṭikkhepadhamma): Pháp do bởi Xả Thí Thiện mà phải bị diệt trừ, ấy là Tham **(Lobha).**

2. Chuẩn Hứa Pháp (Anuññātadhamma): Pháp đón nhận sự bằng lòng của Xả Thí Thiện cho được sinh khởi, ấy là Vô Tham **(Alobha).**

3. Xuất Sinh Pháp (Uppādetabbadhamma): Pháp do bởi Xả Thí Thiện làm cho được sinh khởi, ấy là ba bậc Đạo thấp và ba bậc Quả thấp [lập ý đến mãnh lực của Xả Thí Thiện làm thành **Mãnh Lực Bảo Hộ (Upathambhakasatti).**]

67. Hỏi: Ở trong phần Xả Thí Phúc Hành Tông, thì Ngài đã có trình bày đến rất nhiều nhóm loại; tuy nhiên riêng ở điều **Luân Hồi Xả Thí (Vaṭṭanissitadāna),** và **Níp Bàn Xả Thí (Vivaṭṭanissitadāna)** thì có ý nghĩa như thế nào ? Thể loại nào là **Xả Thí Ba La Mật (Dānapāramī),** thể loại nào là **Xả Thí Phổ Thông** ?

67. Đáp: 1. Luân Hồi Xả Thí (Vaṭṭanissitadāna): việc tạo ra phước báu với sự mong cầu tài sản của cải; tức là mong cầu cho được giàu có, thành bậc bá hộ đại phú; và

mong cầu **Thiên Hữu Sản (Bhavasampatti)**, tức là có sự mong cầu được sinh làm Người, làm thành Chư Thiên, và làm thành Phạm Thiên.

2. Níp Bàn Xả Thí (Vivaṭṭanissitadāna): việc tạo ra phước báu chẳng có sự mong cầu ở trong tài sản của cải, và Thiên Hữu Sản, chỉ mong cầu một trong các thể loại của **Tuệ Chánh Đẳng Giác (Sammāsambodhiñāṇa), Tuệ Độc Giác (Paccekañāṇa), Tuệ Chí Thượng Thinh Văn Giác (Aggasāvakabodhiñāṇa), Tuệ Đại Thinh Văn Giác (Mahāsāvakabodhiñāṇa),** và **Tuệ Thông Thường Thinh Văn Giác (Pakatisāvaka bodhiñāṇa)** với ngần ấy.

- Luân Hồi Xả Thí thì chẳng được gọi là Xả Thí Ba La Mật, đó chỉ là **Phổ Thông Thiện Thí (Dānakusalasāmañña),** một khi trổ sinh quả báo thì cũng cho có được sự an vui ở Cõi Nhân Loại, Cõi Thiên Giới chỉ với ngần ấy, và không thể nào sẽ giúp đỡ cho đắc chứng Đạo – Quả một cách mau lẹ được.

- Còn Níp Bàn Xả Thí thì được gọi là Xả Thí Ba La Mật, một khi trổ sinh quả báo thì được thụ hưởng sự an vui ở trong Cõi Người và Trời, và có khả năng cho đắc chứng Đạo – Quả một cách mau lẹ được.

68. Hỏi: Hãy trình bày ý nghĩa của các từ ngữ tiếp theo đây: **1/ Thường Xuyên Giới Luật (Niccasīla), 2/ Bất Thường Xuyên Giới Luật (Aniccasīla), 3/ Nguyện Trì Giới Luật (Cārittasīla), 4/ Ngăn Trừ Giới Luật (Vārittasīla).**

68. Đáp: Trình bày ý nghĩa của các từ ngữ tiếp theo đây:

1/. Thường Xuyên Giới Luật (Niccasīla) có nghĩa là Giới Luật nào một khi trí kính lễ đã hoàn thành xong cùng với Giới Luật ấy, mà đặc biệt chẳng phải có việc nguyện thọ trì lại lần nữa, và người ấy cũng cần phải tiên quyết thường luôn tuân thủ Giới Luật ấy một cách kiên định, vả lại nếu chẳng tuân thủ thì ắt hẳn sẽ có tội, như thế Giới Luật ấy được gọi là Thường Xuyên Giới Luật.

2/. Bất Thường Xuyên Giới Luật (Aniccasīla) có nghĩa là Giới Luật nào chẳng thọ trì thì chẳng có tội. Nếu nhỡ như có sự kỳ vọng, thì trước tiên sẽ phải có việc nguyện thọ trì Giới Luật ấy, như vậy Giới Luật ấy được gọi là Bất Thường Xuyên Giới Luật (còn gọi là **Hạn Định Giới Luật – Niyamasīla**).

Thường Xuyên Giới Luật là 227 và 331 điều giới luật, nơi mà Đức Thế Tôn đã lập ý trình bày để ở trong Tỳ Khưu Biệt Biệt Giải Thoát Giới và Tỳ Khưu Ni Biệt Biệt Giải Thoát Giới, ấy là Thường Xuyên Giới Luật của Tỳ Khưu và Tỳ Khưu Ni. Thập Chi Giới Luật và 75 điều Ưng Học Pháp ấy là Thường Xuyên Giới Luật của Sa Di và Sa Di Ni. Bát Quan Trai Giới là Thường Xuyên Giới Luật của Bạch Y Đạo Sĩ (Cận Sự Nam, Cận Sự Nữ, Bạch Y Cư Sĩ, gọi theo một cách khác nữa là Nữ Tu) và của tất cả các vị Đạo Sĩ. Ngũ Giới là Thường Xuyên Giới Luật của tất cả hàng cư sĩ tại gia.

Bất Thường Xuyên Giới Luật là việc tu tập **Điều Tiết Dục (Dhūtaṅga – Đầu Đà,** Pháp hành đạo nghiêm ngặt của các nhà sư, gồm có 13 Pháp, như sống độc cư rừng già, sống dưới cội cây, v.v.). Trong 13 Pháp Điều Tiết Dục Đầu Đà này là Bất Thường Xuyên Giới Luật của Tỳ Khưu, Tỳ Khưu Ni, Sa Di. Việc tu tập bất luận một trong các Pháp Điều Tiết

Dục và Thập Chi Giới Luật là Bất Thường Xuyên Giới Luật của tất cả các vị Bạch Y Đạo Sĩ và các vị Đạo Sĩ.

Bát Quan Trai Giới, Cửu Chi Giới Luật, Thập Chi Giới Luật, và tu tập Pháp Đầu Đà Điều Tiết Dục, Nhất Tọa Thụ Thực Đầu Đà **(Ekāsanikaṅgadhūtaṅga)**, Trì Bình Khất Thực Đầu Đà **(Pattapiṇḍikaṅgadhūtaṅga)** với những thể loại này là Bất Thường Xuyên Giới Luật của tất cả hàng cư sĩ tại gia.

3/ Nguyện Trì Giới Luật (Cārittasīla) có nghĩa không thực hiện thì không có tội. Nếu như đã có thực hiện thì sẽ có nhiều lợi ích to lớn, đó chính là Bất Thường Xuyên Giới Luật như đã vừa đề cập đến vậy.

4/. Ngăn Trừ Giới Luật (Vārittasīla) có nghĩa Giới Luật ấy cần phải thường luôn thực hiện, nếu không có thực hiện thì ắt hẳn có tội, đó chính là Thường Xuyên Giới Luật.

69. Hỏi: Việc nguyện thọ trì Giới Luật của hàng cư sĩ đấy, thì ngoài phần Ngũ Giới hoặc Bát Giới ra rồi, thì vẫn có các loại Giới Luật khác nữa hay không ? Nếu có, thì đó là những chi ?

69. Đáp: Việc nguyện thọ trì Giới Luật của hàng cư sĩ, ngoài Ngũ Giới và Bát Giới ra rồi, cũng vẫn có các loại Giới Luật khác nữa để sẽ được tuân thủ, chẳng hạn như:

1. Mạng Đệ Bát Giới Luật (Ājīvaṭṭhamakasīla): tức là ngăn trừ **Tam Thân Ác Hạnh (Kāyaduccarita), Tứ Ngữ Ác Hạnh (Vacīduccarita),** và kiêng tránh **Tà Mạng (Micchājīvā).**

2. Cửu Chi Bố Tát Trai Giới (Navaṅga Uposathasīla): đó chính là Bát Quan Trai Giới lại có thêm phần **Yathā balaṃ mettā sahagatena cetasā sabbā vantaṃ lokaṃ pharitvā viharāmi** – Với Tâm câu hữu Từ Ái biến mãn hết tất cả loài Hữu Tình và an trú Tôi xin truyền rải với Tâm Từ Ái cho đến hết tất cả loài Hữu Tình ở khắp mọi muôn phương.

3. Thập Chi Giới Luật (Dasaṅgasīla): đó chính là 10 điều giới luật mà vị Sa Di phải tuân thủ.

70. Hỏi: Hãy trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu và Nhân Cần Thiết, luôn cả trình bày Pháp Đối Lập v.v. của Trì Giới Thiện.

70. Đáp: Trình bày Trạng Thái, Phận Sự, v.v. và Pháp Đối Lập **(Paṭikkhepa dhamma)** v.v. của Trì Giới Thiện

1. Trạng Thái (Lakkhaṇa): có việc làm thành chỗ an trú của tất cả các Pháp Thiện, làm trạng thái. **(Patiṭṭhāpanalakkhaṇaṃ)**

2. Phận Sự (Rasa): có việc làm tổn hại của sự làm thành **người Phạm Giới Luật (Dussīla)**, làm phận sự. **(Dussasīlayaviddhaṃsanarasaṃ)**

3. Sự Thành Tựu (Paccuppaṭṭhāna): có sự tịnh khiết về Thân và Tâm, làm trạng thái hiện bày. **(Soceyyapaccuppaṭṭhānaṃ)**

4. Nhân Cần Thiết (Padaṭṭhānaṃ): hiện hữu với **Tàm - Quý,** làm nhân cận. **(Hiri ottappapadaṭṭhānaṃ)**

Trình Bày Pháp Đối Lập **(Paṭikkhepadhamma)** v.v. của Trì Giới Thiện.

1. Đối Lập Pháp (Paṭikkhepadhamma): Pháp do bởi Trì Giới Thiện mà phải bị **đoạn tận (Pahāna)**, ấy là **Sân (Dosa)** liên quan với việc gây tổn hại.

2. Chuẩn Hứa Pháp (Anuññātadhamma): Pháp đón nhận sự bằng lòng của Trì Giới Thiện cho được sinh khởi, ấy là **Vô Sân (Adosa)**, là sự bất tổn hại.

3. Xuất Sinh Pháp (Uppādetabbadhamma): Pháp do bởi Trì Giới Thiện làm cho được sinh khởi, ấy là ba bậc Đạo thấp và ba bậc Quả thấp [lập ý đến mãnh lực của Trì Giới Thiện làm thành **Mãnh Lực Bảo Hộ (Upathambhakasatti)**].

71. Hỏi: Hãy trình bày câu Chú Giải của từ ngữ **Bhāvanā** có ý nghĩa là chi ? Luôn cả trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu và Nhân Cần Thiết, cùng với cả trình bày Pháp Đối Lập v.v. của Tu Tập Thiện.

71. Đáp: Có câu Chú Giải nói rằng **Kusaladhamme bhāveti uppādeti vaḍḍhetīti = Bhāvanā** - Pháp chủng nào làm cho Thiện ở phần tinh lương được sinh khởi lần đầu tiên, và làm cho tiến hóa lên; như thế Pháp chủng ấy gọi là **Tu Tập.** Tức là **Tâm Khởi Sinh Đại Thiện (Mahākusalacittuppāda)** liên quan với việc tiến hóa **Tu Tập An Chỉ (Samathabhāvanā)** và **Tu Tập Minh Sát Tuệ (Vipassanābhāvanā)** trong khoảng thời gian vẫn đang còn **Chuẩn Bị Tu Tập (Parikammabhāvanā)** và **Cận Hành Tu Tập (Upacārabhāvanā).**

Từ ngữ **Bhāvanā**, đó chính là **Dhātu + Paccaya + Vibhatti** cả ba từ ngữ này kết hợp lại với nhau. **Dhātu** ấy là **Bhū, Paccaya** ấy là **Ṇe +Yu + Ā, Vibhatti** ấy là Si. **(Bhū + Ṇe + Yu + Ā + Si)** với **Bhū** dịch nghĩa là "kiếp sống", **Ṇe** "trừ ra", Yu dịch nghĩa là "vi hành", **Ā** "lúc ban đầu", **Si** "trừ ra". **(Bhā + Ana + Ā)** khi kết hợp lại với nhau thành **Bhāvanā.**

Trong câu Chú Giải này được chia ra làm hai phần, đó là:

1/ Kusaladhamme bhāveti uppādeti - thường làm cho Thiện ở phần tinh lương được sinh khởi lần đầu tiên.

2/ Kusaladhamme bhāveti vaḍḍheti - thường làm cho Thiện ở phần tinh lương sinh trưởng lên tới cực điểm.

Cả hai câu Chú Giải ở hai phần này, với phần thứ nhất lập ý đến Tâm Khởi Sinh Thiện sinh khởi lần đầu tiên từ việc **Thực Hành (Paṭipatti)**; ở phần thứ hai lập ý đến Tâm Khởi Sinh Thiện sinh khởi nối tiếp với nhau trong những lần về sau sau từ việc Thực Hành khi vẫn chưa đạt đến **Nhập Định (Appanā).**

Lại nữa, từ ngữ **Tu Tập (Bhāvanā)** ở trong phần Phúc Hành Tông ấy, là Ngài đang muốn trình bày đến vấn đề của Đại Thiện. Vì thế, Chi Pháp mới chỉ có duy nhất một thể loại là **Đại Thiện (Mahākusala).** Còn từ ngữ **Tu Tập (Bhāvanā)** ở trong Chương thứ chín phần **Tổng Hợp Nghiệp Xứ (Kammaṭṭhānasaṅgaha)**, ấy là Ngài trình bày đến vấn đề của **An Chỉ (Samatha)** và **Minh Sát Tuệ (Vipassanā).** Do đó, Chi Pháp mới sẽ là hết tất cả ở phần **Thiện Hiệp Thế** và **Siêu Thế (Lokiya – Lokuttarakusala)** tùy theo thích hợp. Như thế, Ngài Phụ Chú Giải mới nói rằng việc rèn luyện và đào tạo, việc tu học Pháp Luật **(Dhammavinaya)**, việc giảng dạy, việc tư duy thẩm sát cân nhắc ở trong các điều Pháp Bảo;

hoặc ở những thể loại của việc học hỏi, việc giảng dạy theo những kiến thức của con đường thế tục cũng chẳng có chi là tội lỗi. Hết tất cả đều thuộc về **Tu Tập (Bhāvanā)** ở phần Phúc Hành Tông cả thảy.

Trình Bày Trạng Thái, Phận Sự, v.v. và **Pháp Đối Lập (Paṭikkhepadhamma)** v.v. của Tu Tập Thiện

1. Trạng Thái (Lakkhaṇa): có việc làm cho Thiện được tăng trưởng tiến hóa lên, làm trạng thái. **(Kusalavaḍḍhāpanalakkhaṇaṃ)**

2. Phận Sự (Rasa): có việc đoạn tận Bất Thiện, làm phận sự. **(Akusalapahāna rasā)**

3. Sự Thành Tựu (Paccuppaṭṭhāna): có việc đạt đến đạo lộ thực hành liên quan với **Niệm (Sati)** của **Danh Thân (Nāmakāya), Sắc Thân (Rūpakāya),** làm trạng thái hiện bày. **(Sattācārokkammanapaccuppaṭṭhānaṃ)**

4. Nhân Cần Thiết (Padaṭṭhānaṃ): có việc chú tâm ở trong Cảnh với mãnh lực từ Tác Nhân Chân Như Thực Tính, làm nhân cận. **(Yoniso manasikārapadaṭṭhānaṃ - Như Lý Tác Ý – Tác Ý Khôn Khéo)**

Trình Bày Pháp Đối Lập **(Paṭikkhepadhamma)** v.v. của Tu Tập Thiện

1. Đối Lập Pháp (Paṭikkhepadhamma): Pháp do bởi Tu Tập Thiện mà phải bị **đoạn tận (Pahāna)**, ấy là **Si Mê (Moha).**

2. Chuẩn Hứa Pháp (Anuññātadhamma): Pháp đón nhận sự bằng lòng của Tu Tập Thiện cho được sinh khởi, ấy là **Vô Si (Amoha).**

3. Xuất Sinh Pháp (Uppādetabbadhamma): Pháp do bởi Tu Tập Thiện làm cho được sinh khởi, ấy là Đạo Vô Sinh, Quả Vô Sinh [là theo **Phần Thượng Phẩm (Ukkaṭṭha naya)**]

72. Hỏi: Từ ngữ **Apacāyana** có ý nghĩa là chi ? Có bao nhiêu thể loại, là những chi ? Và hạng Người xứng đáng phải được lễ phép tôn kính hiện hữu với nhau thì có được bao nhiêu thể loại, và đó là những thể loại nào ?

72. Đáp: Trình bày câu Chú Giải của từ ngữ nói rằng **Apacāyana**, ấy là: **Apacāyanti etenāti = Apacāyanaṃ** - Tất cả người ta thường thực hiện việc lễ phép kính trọng với Tư Tâm Sở Thiện, như thế Tư Tâm Sở Thiện làm thành tác nhân cho việc lễ phép kính trọng ấy, gọi là **Cung Kính.** Tức là Tư Tâm Sở ở trong Tâm Đại Thiện.

Giải thích rằng: Khi được hội kiến với Mẹ Cha, Ông Bà Nội, Ông Bà Ngoại, Tôn Sư, Giáo Thọ, Tỳ Khưu, Sa Di, thì thường là giơ tay lên thực hiện việc lễ kính; hoặc quỳ lạy, cúi đầu, bò đi tìm kiếm; hoặc đi đến nghênh tiếp với trạng thái phụ giúp đỡ đần, hoặc tiếp tay đỡ lấy các vật dụng từ các Ngài. Thực hiện những hành động ấy bằng cái Tâm trong sạch, chẳng có toan tính dụng ý ở trong bất luận vấn đề nào vì danh, vì lợi. Những việc tôn kính lễ bái này đều là **việc Cung Kính (Apacāyana)** hết cả thảy. Nếu nhỡ như thực hiện những việc này lại có dụng ý để sẽ có được lợi lộc, danh vị; thì việc thực hiện những việc tôn kính lễ bái ấy, đích thực chẳng phải là việc Cung Kính thực sự, mà đó chỉ là việc Cung Kính đã được pha trộn với mánh khóe lừa bịp.

Cung Kính có hai thể loại, là **Cung Kính Phổ Thông (Samañña Apacāyana)** và **Cung Kính Đặc Thù (Visesa Apacāyana).** Ở trong hai thể loại này, việc bày tỏ sự lễ phép tôn kính quý trọng đến Mẹ Cha, Ông Bà Nội, Ông Bà Ngoại, Tôn Sư, Giáo Thọ, với sự truy niệm nghĩ suy rằng "Ta đây có bổn phận để sẽ phải thực hiện việc lễ phép tôn kính đến các bậc này, vì lẽ các Ngài là hàng thân quyến gia tộc, bậc trưởng thượng, và bậc Tôn Sư Giáo Thọ của Ta.", làm như vậy, thì được gọi là **Cung Kính Phổ Thông**. Việc bày tỏ sự lễ phép tôn kính quý trọng ở trong Tam Bảo với sự truy niệm nghĩ suy đến những **Ân Đức** cao quý **(Guṇa)**, có **Bậc Ứng Cúng (Arahaṃ)** v.v. với mãnh lực từ Tâm Đại Thiện phối hợp với **Đức Tin (Saddhā)** và **Trí Tuệ (Paññā)** bằng cách thốt lên lời nói rằng **Buddhaṃ saranaṃ gacchāmi** - Con đem hết lòng thành kính xin Quy Y Phật v.v., làm như vậy, thì được gọi là **Cung Kính Đặc Thù.**

Hạng Người xứng đáng phải được lễ phép tôn kính, hiện hữu với nhau ở ba thể loại, đó là:

1. Bậc Ân Đức Trưởng Thượng (Guṇavuddhipuggala): là bậc trưởng thượng với mãnh lực từ **Giới Đức (Sīlaguṇa), Định Đức (Samādhiguṇa),** và **Tuệ Đức (Paññāguṇa).**

2. Bậc Niên Linh Trưởng Thượng (Vayavuḍḍhipuggala): là bậc trưởng thượng với mãnh lực từ nơi tuổi thọ.

3. Bậc Tộc Biểu Trưởng Thượng (Jātivuḍḍhipuggala): là bậc trưởng thượng với mãnh lực từ ở dòng dõi họ hàng.

73. Hỏi: Xin hãy trình bày **việc hoan hỷ tán thành (Anumodanā)** phần Phước Báu mà người ta đã có nói ra lời hồi hướng và chia cho, thì hiện hữu được bao nhiêu trường hợp ? Là những chi ?

73. Đáp: Việc hoan hỷ tán thành **(Anumodanā)** phần Phước Báu mà người ta đã có nói ra lời hồi hướng chia cho như vậy, mới sẽ được gọi là thành Tùy Hỷ Công Đức Thiện một cách xác thực. **Ân Đức (Patti – Ân Trạch)** (phần Phước Báu mà người ta đã có chia cho) hiện hữu ở hai trường hợp, đó là:

1. Chuyên Nhất Hồi Hướng Ân Đức (Uddissasikapatti): phần Phước Báu mà đã được người ta chia cho một cách chuyên nhất.

2. Bất Nhất Hồi Hướng Ân Đức (Anuddissasikapatti): phần Phước Báu mà đã được người ta chia cho một cách bất nhất.

Khi chiết tự từ ngữ theo phần Văn Phạm **Pāḷi** có được như vầy: **Uddissa + Ika + Patti = Uddissasikapatti, Uddissa** = sự chuyên nhất, **Ika** = có, **Patti** = Phước Thiện mà người ta chia cho. Khi kết hợp cả ba từ ngữ này vào với nhau thì sẽ dịch là "Phước Thiện mà người ta chia cho một cách chuyên nhất". **Na + Uddissa + Ika + Patti = Anuddissa sikapatti, Na** = không có, **Uddissa** = sự chuyên nhất, **Ika** = có, **Patti** = Phước Thiện mà người ta chia cho". Khi kết hợp cả bốn từ ngữ này vào với nhau sẽ dịch là "Phước Thiện mà người ta chia cho một cách không có sự chuyên nhất, (một cách bất nhất)."

Việc hồi hướng chia cho phần Phước Báu ở cả hai trường hợp này, với người đã được đón nhận phần Phước Báu thuộc thể loại Chuyên Nhất Hồi Hướng Ân Đức một khi đã thốt

ra lời nói rằng **Sādhu – Lành Thay** xong rồi, thì sẽ được đón nhận quả báo trổ sinh ngay tức thì. Chẳng hạn như nhóm Ngạ Quỷ đã là thân quyến với Đức Vua **Bimbisāra** từ ở trong kiếp quá khứ. Khi Đức Vua **Bimbisāra** đã lập ý kiến tạo lên ngôi **Trúc Lâm Tự (Veḷuvānārāma)** và đã cúng dường đến Bậc Chánh Đẳng Giác, thế rồi nhà vua ấy chẳng có lập ý hồi hướng phần Phước Báu một cách chuyên nhất cho đến những nhóm Ngạ Quỷ này đây, mà chỉ lập ý hồi hướng chia cho một cách bất nhất mà thôi. Vì thế, những nhóm Ngạ Quỷ này mới cùng rủ nhau khóc la thống thiết và cầu xin đến nhà vua đây. Khi trời chỉ vừa rạng sáng, nhà vua đã vội mau đến diện kiến Đức Chánh Đẳng Giác, đã bày tỏ sự tôn kính qua việc đảnh lễ, đã ngồi xuống ở một nơi thích hợp, và đã tác bạch vấn hỏi đến Đức Phật về câu chuyện đã được thấy được biết.

Đức Phật mới phán quyết bảo rằng: "Âm thanh của nhóm Ngạ Quỷ ấy là thân quyến, đã đến khóc la để cầu xin được phần Phước Báu, vì lẽ Đại Vương chẳng có lập ý hồi hướng hết tất cả phần Phước Báu mà mình đã có tạo ra, để cho đến bọn chúng một cách chuyên nhất. Những bọn chúng chú tâm chờ đợi đã rất lâu dài rồi, để sẽ được đón nhận phần Phước Báu từ ở Đại Vương." Thế là, Đức Vua **Bimbisāra** mới lập ý sắp bày việc tạo ra Phước Báu mới thêm một lần thứ hai nữa, và khi đã xong rồi thì liền lập ý hồi hướng phần Phước Báu ấy cho đến những nhóm Ngạ Quỷ một cách chuyên nhất. Về phía tất cả bọn Ngạ Quỷ, khi đã được đón nhận phần Phước Báu từ ở Đức Vua **Bimbisāra** đã lập ý hồi hướng chia cho một cách chuyên nhất, thì cùng rủ nhau đồng thanh thốt ra lời **Sādhu.** Quả Phước Báu tức thời hiện khởi lên qua việc đón nhận vật thực được thụ hưởng, và đã giảm vơi đi sự đói khát mà đã trải qua với thời gian rất lâu dài. Chính ở ngay trong sát na ấy, đã là thành tựu quả báo được đón nhận qua việc hiện bày rõ ràng từ việc hồi hướng phần Phước Báu một cách chuyên nhất.

Đối với người đã được đón nhận phần Phước Báu ở thể loại Bất Nhất Hồi Hướng Ân Đức, thì chẳng có được đón nhận quả báo hiện bày rõ ràng ở ngay lập tức, và chẳng giống với người đã được đón nhận phần Phước Báu thuộc thể loại Chuyên Nhất Hồi Hướng Ân Đức. Tuy nhiên cho dù sẽ là như thế nào đi nữa, từng mỗi ân đức từ **việc hoan hỷ tán thành (Anumodanā)** phần Phước Báu ở thể loại Bất Nhất Hồi Hướng Ân Đức của những nhóm Ngạ Quỷ ấy cũng vẫn chẳng mất mát đi đâu cả. Đến khi được đón nhận ở thể loại Bất Nhất Hồi Hướng Ân Đức vào bất luận thời gian nào rồi, thì chính ngay ở trong thời gian ấy, việc hoan hỷ tán thành phần Phước Báu ở thể loại Bất Nhất Hồi Hướng Ân Đức, sẽ đi vào ủng hộ sách tấn việc hoan hỷ tán thành phần Phước Báu ở thể loại Bất Nhất Hồi Hướng Ân Đức cho có được năng lực càng kiên cố vững vàng tức thì khởi sinh lên ở ngay trong sát na ấy.

Theo chỗ đã vừa đề cập đến ở tại đây, chỉ là lập ý đến những người đã quá vãng và đã đi thọ sinh làm thành một nhóm **Tha Hy Thí Mạng Ngạ Quỷ (Paradattujīvikapeta)** cùng với **Thụ Khổ Nạn Giả Atula (Vinipātika Asurā)** và lại có thêm một nhóm **Thiên Cung Ngạ Quỷ Atula (Vemānikapeta Asurā)** khác nữa, đó là một nhóm Thiên Chúng bậc thấp ở trong Cõi Tứ Đại Thiên Vương. Đối với trong quần thể nhân loại với nhau đây, thì cũng có **việc hoan hỷ tán thành (Anumodanā)** phần Phước Báu ở thể loại Chuyên Nhất Hồi Hướng Ân Đức, hoặc Bất Nhất Hồi Hướng Ân Đức cũng tương tự, thế nhưng quả báo

sẽ được đón nhận thì chẳng phải là cơm gạo bạc vàng, vật thực trong việc thọ dụng, chỗ ở nương trú, tương tự với hạng Ngạ Quỷ đã được đón nhận như thế; mà quả báo được đón nhận chỉ là việc hân hoan vui thích, rằng là người có Thiện Tâm với tấm lòng bao dung rộng lượng, làm thành chỗ yêu thương mong mỏi ở trong tất cả quần thể nhân loại. Và chính tự nơi mình cũng được đón nhận quả báo, ấy là có Tâm Thức an vui, không sầu bi ưu não; diện mạo xinh tươi, trong sáng, và chẳng có âu sầu u ám.

Phương thức hồi hướng và chia cho phần Phước Báu ở thể loại Chuyên Nhất Hồi Hướng Ân Đức, thì có được việc hồi hướng như vầy:

Idaṃ me puññaṃ mātāpitūacariyañātimittasamūhānaṃ demi - Xin hồi hướng hành động tác thành Phước Báu liên quan với Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập của Tôi đây, cầu chúc cho được đến Mẹ Cha, Tôn Sư Giáo Thọ, thân quyến, bằng hữu, đã quá vãng hoặc đang còn sinh mạng, đều với nhau hết cả thảy.

Đối với phương thức hồi hướng và chia cho phần Phước Báu ở thể loại Bất Nhất Hồi Hướng Ân Đức, thì có được phương thức hồi hướng như vầy:

Idaṃ me puññaṃ sabbasattānaṃ demi - Xin hồi hướng hành động tác thành Phước Báu liên quan với Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập của Tôi đây, cầu chúc cho đến tất cả Chúng Hữu Tình, đều với nhau hết cả thảy.

74. Hỏi: a/. Nghiệp vụ học thuật mà chẳng có tác hại tội lỗi đã được liệt kê vào ở trong phần Thuyết Pháp, thì có được bao nhiêu trường hợp ? Là những chi ?

b/. Hãy trình bày về phần Thuyết Pháp đạt được ân đức cực đại, và ân đức hy thiểu.

74. Đáp: a/. Nghiệp vụ học thuật mà chẳng tác hại tội lỗi hiện hữu với nhau ở ba trường hợp, đó là:

1. Nghệ Nghiệp Học Thuật (Sippāyatanavijjā): tức là học thuật cỡi ngựa, học thuật cỡi voi, và lái xe, v.v.

2. Kỹ Nghệ Học Thuật (Kammāyatanavijjā): tức là **khoa nông nghiệp (Kasi kamma), khoa thương nghiệp (Vāṇijayakamma), khoa thủ công nghiệp (Hattha kamma)** v.v.

3. Nghệ Thuật Học Thuật (Vijjāṭṭhānavijjā): tức là thiên văn học, chiêm tinh học, y học, ma thuật học, v.v.

Việc giảng dạy, việc hướng dẫn giải thích ở trong cả ba loại học thuật như đã vừa đề cập đến ở tại đây, tất cả Chư Tỳ Khưu Sa Di không được giảng dạy, có tội, vì chẳng phải là **Phận Sự Học Pháp (Ganthadhūra)** và **Phận Sự Hành Pháp (Vipassanādhūra)**, đó chỉ là nghiệp vụ học thuật vô tội đối với hàng cư sĩ tại gia mà thôi. Vì thế, đã là vị Tỳ Khưu, Sa Di, thì cần phải lánh xa việc giảng dạy, việc thuyết giảng ở trong những thể loại học thuật này.

b/. Thuyết Pháp Thiện (Dhammadesanākusala) mà có ân đức cực đại, ấy là bậc Thuyết Pháp với Tâm thanh tịnh, sẽ nói rằng chẳng có lập ý ở trong **lợi lộc (Lābha), tôn kính trọng đãi (Sakkāra), danh vọng (Yasa), thanh danh (Siloka)** bất luận trường hợp nào; chỉ có tác ý duy nhất kỳ vọng là sẽ cho thính giả được đón nhận sự lợi ích lưu truyền.

Việc Thuyết Pháp ở thể loại này, đã được liệt vào ở trong phần Thuyết Pháp Thiện trung thực và chân chánh, và lại có ân đức cực đại.

Còn Thuyết Pháp Thiện mà chỉ có hy thiểu ân đức, ấy là bậc Thuyết Pháp mà chẳng có Tâm thanh tịnh, chỉ lo mải dụng tâm kỳ vọng ở trong câu chuyện lợi lộc, tôn kính trọng đãi, danh vọng, và thanh danh, luôn cả với cái Tâm sẽ cho tất cả mọi người được biết rằng mình đây là một Bậc **Thuyết Pháp Giả (Dhammakathika)**, Tôn Sư, Giáo Thọ. Việc Thuyết Pháp ở thể loại này, đã được liệt vào ở trong phần Thuyết Pháp Thiện chẳng có trung thực và bất chánh, vả lại chỉ có hy thiểu ân đức.

Lại nữa, bậc Thuyết Pháp với Tâm Thức chẳng có thanh tịnh đây, nếu nhỡ như đang khi thuyết giảng mà có Tâm Thức sinh khởi thanh tịnh chỉ một sát na, sẽ nói rằng chẳng có việc kỳ vọng đến lợi lộc, tôn kính trọng đãi, danh vọng, và thanh danh, bất luận trường hợp nào; mà chỉ có tác ý duy nhất kỳ vọng là sẽ cho thính giả được đón nhận sự lợi ích lưu truyền. Như thế, việc Thuyết Pháp ở ngay trong sát na ấy cũng là Thuyết Pháp Thiện một cách trung thực và chân chánh, và cũng có ân đức như nhau. Cũng như Ngài Đại Giáo Thọ Sư **Buddhaghosa** đã có trình bày để ở trong bộ Chú Giải **Atthasālinī** (điều 203) nói rằng: **Eko evaṃ maṃ dhammakathikoti jānissantīti icchāya ṭhātvā lābha garuko hutvā deseti, taṃ na mahapphalaṃ** - Bất luận một người nào Thuyết Pháp với cái Tâm chẳng có thanh tịnh, đã đi với tư duy nghĩ rằng "Tất cả người ta thường sẽ hiểu biết về Ta, rằng Ta đây là bậc Thuyết Pháp Giả, luôn cả có việc kỳ vọng ở trong lợi lộc." Việc Thuyết Pháp ở thể loại này, thường là có quả báo ít oi, có ân đức hy thiểu và bất túc.

Eko attano paguṇaṃ dhamma apaccāsīsamāno vimuttāyatanasīsena paresaṃ deseti, idaṃ desanāmayaṃ puññakiriyāvatthu nāma - Bất luận một người nào Thuyết Pháp đến tất cả mọi người với cả sự hiểu biết, sự tinh thông thuần thục của mình, chẳng có việc kỳ vọng ở trong bất luận lợi lộc nào, và duy nhất chỉ hướng tâm kiên định cho đạt thành Quả vị Vô Sinh; như thế việc Thuyết Pháp ở thể loại này đã được gọi là hoàn thành Phúc Hành Tông (Phúc Nghiệp Sự) ở phần Thuyết Pháp Thiện một cách xác thực.

1. Lợi Lộc (Lābha): lập ý đến vật dụng mà người ta sắp bày cúng dường.

2. Tôn Kính Trọng Đãi (Sakkāra): lập ý đến việc được đón nhận sự tôn kính quý trọng.

3. Danh Vọng (Yasa): lập ý đến đồ chúng hoặc môn đồ.

4. Thanh Danh (Siloka): lập ý đến danh thơm tiếng tốt, danh tiếng.

75. Hỏi: Hãy trình bày Pháp làm thành duyên cho khởi sinh Tuệ Nghiệp Chủ đây, thì có được bao nhiêu trường hợp ? Là những chi ?

75. Đáp: Pháp làm thành duyên của Tuệ Nghiệp Chủ đây, hiện hữu với nhau ở ba trường hợp, ấy là:

1. Tuệ Văn (Sutamayapaññā): Tuệ sinh từ sự nghiên cứu học hỏi, làm thành nhân, làm thành duyên cho khởi sinh Tuệ Nghiệp Chủ.

2. Tuệ Tư (Cintāmayapaññā): Tuệ sinh từ sự nghĩ suy, thẩm sát ở trong sự hiện hữu của tất cả Chúng Hữu Tình; bởi theo những sự việc có bệnh, không có bệnh, sự khôn ngoan,

sự đần độn, hạnh phúc, khổ đau, trường thọ, đoản thọ, nghèo khổ, giàu có, v.v. làm thành nhân, làm thành duyên cho khởi sinh Tuệ Nghiệp Chủ.

3. Tuệ Tu (Bhāvanāmayapaññā): Tuệ sinh từ việc tiến tu Minh Sát Tuệ làm thành nhân, làm thành duyên cho khởi sinh Tuệ Nghiệp Chủ.

76. Hỏi: Hãy trình bày theo thứ tự về Chân Tri Chước Kiến, là sự tác hành tri kiến chân chánh, hiện hữu với Thập Chánh Kiến Tông Chỉ.

76. Đáp: Thập Chánh Kiến Tông Chỉ (Dasavatthukasammādiṭṭhi) hiện hữu mười trường hợp như sau:

1. Atthi dinnaṃ: Liễu tri rằng việc tạo ra Phước Báu ấy, thì có được đón nhận quả thiện hữu ích.

2. Atthi yiṭṭhaṃ: Liễu tri rằng những việc cúng dường ở cùng khắp, thì cũng có được đón nhận quả thiện hữu ích.

3. Atthi hutaṃ: Liễu tri rằng những việc nghênh tiếp đón chào, thì cũng có được đón nhận quả thiện hữu ích.

4. Atthi sukatadukkatānaṃ kammānaṃ phalaṃ vipāko: Liễu tri rằng những việc làm Thiện và làm Bất Thiện đây, thì cũng có việc được đón nhận quả dị thục theo cả hai đạo lộ, trực tiếp và gián tiếp.

5. Atthi ayaṃ loko: Liễu tri rằng đời sống này, là người đang hiện hữu ở ngay trong hiện tại đây, chỗ gọi với nhau là kiếp sống này ắt hẳn là hiện hữu, vì lẽ có việc tái sinh nối tiếp thêm nữa.

6. Atthi paro loko: Liễu tri rằng có đời sau, tức là có kiếp sống sẽ được nương sinh từ ở đời sống đang hiện bày ở trong hiện tại này, bởi vì một khi đã tử vong rồi thì có việc tái sinh lại nữa.

7. Atthi mātā: Liễu tri rằng việc tạo tác Thiện – Ác đối với người Mẹ, thì có việc được đón nhận quả báo ở trong thời vị lai.

8. Atthi pitā: Liễu tri rằng việc tạo tác Thiện – Ác đối với người Cha, thì có việc được đón nhận quả báo ở trong thời vị lai.

9. Atthi sattā opapātikā: Liễu tri rằng có loài Hữu Tình khởi sinh chỉ có một lần mà to lớn lên liền (Hóa Sinh), tức là có Chúng Hữu Tình Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Chư Thiên, Phạm Thiên, một cách xác thực.

10. Atthi loke samaṇabrahmaṇā sammaggatā sammāpaṭipannā, ye imañca lokaṃ parañca lokaṃ abhiññā sacchikatvā pavedenti: Liễu tri rằng bất luận những vị Sa Môn, Bà La Môn nào, với chính tự mình có được sự liễu tri đời này, đời sau, và rồi có khả năng chỉ dạy và dắt dẫn cho được liễu tri. Cũng có những vị Sa Môn, Bà La Môn đến với nhau trong tình thân ái đoàn kết, cùng có được chánh kiến và chánh hạnh. (Có nghĩa là ắt hẳn có người tu tập An Chỉ, Minh Sát Tuệ, đắc chứng Thiền Định, Thắng Trí, Đạo và Quả; và người thủ đắc giới tính thành bậc xuất gia, trau giồi Pháp Hành tốt đẹp và ưa thích, đều toàn là sự việc được nói đến làm thành Pháp chân thật, và chẳng phải tác hành chỉ là để mưu sinh, với bất luận trường hợp nào.)

Ghi chú: Thập Chánh Kiến Tông Chỉ đây, là đối nghịch với Thập Vô Hữu Kiến.

77. Hỏi: Hãy trình bày Chi Pháp của Chân Tri Chước Kiến ở trong cả ba sát na Tư Tâm Sở.

77. Đáp: Trình bày Chi Pháp của Chân Tri Chước Kiến ở trong cả ba sát na Tư Tâm Sở.

1. Chân Tri Chước Kiến ở trong sát na **Tư Tiền (Pubbacetanā)**, tức là 8 Tâm Đại Thiện **(Mahākusalacitta)**.

2. Chân Tri Chước Kiến ở trong sát na **Tư Hiện (Muñcacetanā)**, tức là 4 Tâm Đại Thiện Tương Ưng Trí **(Mahākusalañnāṇasampayuttacitta)**.

3. Chân Tri Chước Kiến ở trong sát na **Tư Hậu (Aparacetanā)**, tức là 8 tâm Đại Thiện.

78. Hỏi: Hãy cho các học giả trình bày việc tóm lược Thập Phúc Hành Tông ở trong phần Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập.

78. Đáp: Việc tóm lược Thập Phúc Hành Tông ở trong phần Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập, thì có được như sau:

Ở trong mười điều Thập Phúc Hành Tông đấy;

+ Hồi Hướng Phước Báu và Tùy Hỷ Công Đức, với hai thể loại này đã được liệt kê vào ở trong phần Xả Thí Thiện, gọi là **Phần Xả Thí (Dānamaya).**

+ Cung Kính và Phụng Hành, với hai thể loại này đã được liệt kê vào ở trong phần Trì Giới Thiện, gọi là **Phần Trì Giới (Sīlamaya).**

+ Thính Pháp, Thuyết Pháp và Chân Tri Chước Kiến, với cả ba thể loại này đã được liệt kê vào ở trong phần Tu Tập Thiện, gọi là **Phần Tu Tập (Bhāvanāmaya).**

Tóm lại, Thập Phúc Hành Tông đã làm thành với ba trường hợp, được có như vầy.

79. Hỏi: Ủy Thác Phẩm Vật (Upanidhibhaṇḍa), tức là tài sản nên ủy thác tích lũy ở trong Uẩn Giới của mình để chứng đắc Níp Bàn, hiện hữu với nhau có được bao nhiêu trường hợp ? Là những chi ? Có nền tảng trình bày để ở trong chỗ nào ?

79. Đáp: Trình bày **Ủy Thác Phẩm Vật (Upanidhibhaṇḍa)**, tức là tài sản nên ủy thác tích lũy ở trong Uẩn Giới của mình để chứng đắc Níp Bàn:

Tài sản nên được ủy thác tích lũy ở trong Uẩn Giới của mình, để sẽ làm thành tư lương đặng chứng đắc Níp Bàn, mà đã được gọi là **Ủy Thác Phẩm Vật (Upanidhi bhaṇḍa)** đấy, hiện hữu với nhau ở trong 90 Pháp, ấy là **30 Thiện Hạnh (Sucarita), 30 Phúc Hành Tông (Puññakiriyavatthu – Phúc Nghiệp Sự),** và **30 Ba La Mật (Pāramī – Pháp Toàn Thiện),** gom lại thành 90 Pháp.

Cả hai thể loại Pháp, 30 Thiện Hạnh và 30 Phúc Hành Tông đây, đã được đề cập đến để ở trong phần trên. Còn 30 Pháp Toàn Thiện (Ba La Mật), tức là 10 Pháp Toàn Thiện bậc Hạ **(Hīnapāramī – Ty Liệt Ba La Mật),** 10 Pháp Toàn Thiện bậc Trung **(Majjhima pāramī – Trung Bình Ba La Mật),** và 10 Pháp Toàn Thiện bậc Thượng **(Paṇītapāramī –**

Tinh Lương Ba La Mật), gom lại thành 30 Pháp. Ở trong 30 Pháp này, những Pháp Toàn Thiện được hoàn thành viên mãn với **Dục (Chanda), Cần (Viriya), Tâm (Citta), Thẩm (Vimaṃsa, Paññā),** đang khi năng lực hãy còn non yếu, thì được gọi là Pháp Toàn Thiện bậc Hạ **(Hīnapāramī – Ty Liệt Ba La Mật).** Những Pháp Toàn Thiện được hoàn thành viên mãn với Dục, Cần, Tâm, Thẩm, đang khi năng lực dũng mãnh vừa đủ, thì được gọi là Pháp Toàn Thiện bậc Trung **(Majjhimapāramī – Trung Bình Ba La Mật).** Những Pháp Toàn Thiện được hoàn thành viên mãn với Dục, Cần, Tâm, Thẩm, đang khi năng lực dũng mãnh cùng tột, thì được gọi là Pháp Toàn Thiện bậc Thượng **(Paṇītapāramī – Tinh Lương Ba La Mật).** [Như thế, 30 Pháp Toàn Thiện này, mới không có lập ý đến **10 Pháp Toàn Thiện Thông Thường (Sāmaññapāramī), 10 Pháp Toàn Thiện Cao Thượng (Upa pāramī), 10 Pháp Toàn Thiện Tối Thượng (Paramatthapāramī),** với bất luận trường hợp nào.] Chín mươi **Pháp Ủy Thác Phẩm Vật (Upanidhibhaṇḍa)** đây, đã được trình bày để ở trong bộ Phụ Chú Giải Chương Thứ Nhất - Túc Sinh Truyện – **(Ekanipātajataka ṭīkā)** nói rằng: **Samatiṃsa samatiṃsāni sucaritadhamma puññakariyavatthu pāramī yoti ime navutidhammā nibbānatthāya upanidhi bhaṇḍa nāma - Dịch nghĩa là:** Có 90 điều Phẩm Vật mà đã được gọi là **Ủy Thác Phẩm Vật (Upanidhibhaṇḍa),** tức là tài sản nên ủy thác tích lũy ở trong Uẩn Giới của mình để chứng đắc Níp Bàn; ấy là Pháp Thiện Hạnh, Pháp Phúc Hành Tông (Phúc Nghiệp Sự), và Pháp Toàn Thiện; với từng mỗi Pháp có được 30, và gom lại thành 90 Pháp.

80. Hỏi: Hãy phân tích 12 Bất Thiện Nghiệp Lực có khả năng sẽ trổ sinh quả báo ở trong Thời Tái Sinh, thì có được bao nhiêu ? Và không có được khả năng, là cái chi ?

80. Đáp: Trình bày đến Cõi Địa Giới mà làm thành trú xứ cho việc trổ sinh quả báo của Bất Thiện Nghiệp Lực, ấy là 11 Bất Thiện Nghiệp Lực [loại trừ Tư Tâm Sở Câu Hành Trạo Cử **(Uddhacca – Phóng Dật)**] thường trổ sinh quả báo **Tái Sinh (Paṭisandhi)** ở trong hết tất cả Tứ Thống Khổ Địa Giới. Có nghĩa là, người phải bị tái sinh trong hết tất cả những Tứ Cõi Thống Khổ đây, là cũng do nương vào một trong 11 Bất Thiện Nghiệp Lực này làm thành tác nhân; và còn Tư Tâm Sở Trạo Cử ấy thì chẳng có nhiệm vụ làm trổ sinh quả báo Tái Sinh. Có nghĩa là, người đã tái sinh ở trong Tứ Thống Khổ Địa Giới ắt hẳn chẳng phải bởi do nương vào Tư Tâm Sở Trạo Cử làm thành tác nhân. Đối với trong **Thời Chuyển Khởi (Pavattikāla – Thời Bình Nhật),** tức là thời gian tiếp nối từ Tái Sinh cho đến Tử Vong ấy thì thường là hết tất cả 12 Bất Thiện Nghiệp Lực trổ sinh quả báo. Sẽ nói rằng, làm cho 7 Quả Dị Thục Bất Thiện, có việc nhìn thấy xấu ác, việc lắng nghe điều bất thiện, v.v. sinh khởi ở trong 11 Cõi Dục Giới, và 15 Cõi Sắc Giới [loại trừ Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng Địa Giới **(Asaññasattābhūmi)**].

81. Hỏi: Hãy phân loại Thiện Tam Nhân và Thiện Nhị Nhân theo Thượng Phẩm và Hạ Phẩm; và hãy phân loại theo thứ tự về Thượng Phẩm và Hạ Phẩm theo Tư Hậu Hậu.

81. Đáp: Phân loại Thiện Tam Nhân và Thiện Nhị Nhân theo Thượng Phẩm và Hạ Phẩm. Từng mỗi Thiện Tam Nhân và Thiện Nhị Nhân như đã vừa đề cập đến đây, được phân chia ra làm hai thể loại, ấy là:

+ Thiện Tam Nhân Bậc Thượng Phẩm, ấy là Thiện ở bậc cao thượng.

+ Thiện Tam Nhân Bậc Hạ Phẩm, ấy là Thiện ở hạng thấp kém.

+ Thiện Nhị Nhân Bậc Thượng Phẩm, ấy là Thiện ở bậc cao thượng.

+ Thiện Nhị Nhân Bậc Hạ Phẩm, ấy là Thiện ở hạng thấp kém.

Và như thế, cả bốn thể loại, Tam Nhân Thượng Phẩm và Hạ Phẩm, Nhị Nhân Thượng Phẩm và Hạ Phẩm này, khi phân loại bởi theo Tư Hậu Hậu **(Aparāparacetanā)** thường hiện hữu được 8 thể loại, ấy là:

1. Thiện Tam Nhân Thượng Thượng Phẩm **(Tihetuka ukkaṭṭhukkaṭṭha kusala)**,
2. Thiện Tam Nhân Thượng Hạ Phẩm **(Tihetuka ukkaṭṭhomaka kusala)**,
3. Thiện Tam Nhân Hạ Thượng Phẩm **(Tihetuka omakukkaṭṭha kusala)**,
4. Thiện Tam Nhân Hạ Hạ Phẩm **(Tihetuka omakomaka kusala)**,
5. Thiện Nhị Nhân Thượng Thượng Phẩm **(Dvihetuka ukkaṭṭhukkaṭṭha kusala)**,
6. Thiện Nhị Nhân Thượng Hạ Phẩm **(Dvihetuka ukkaṭṭhomaka kusala)**,
7. Thiện Nhị Nhân Hạ Thượng Phẩm **(Dvihetuka omakukkaṭṭha kusala)**,
8. Thiện Nhị Nhân Hạ Hạ Phẩm **(Dvihetuka omakomaka kusala)**.

Sự hiện hành của cả bốn Thiện Tam Nhân và cả bốn Thiện Nhị Nhân đây, có được như vầy:

+ Sát na mà **Tư Hiện (Muñcacetanā)** sinh khởi và câu sinh với Tam Nhân, gọi là **Thiện Tam Nhân (Tihetukakusala).**

+ Sát na mà **Tư Hậu (Aparacetanā)** hoặc Tư Hậu Hậu sinh khởi và hiện hành một cách thanh tịnh, chẳng có pha trộn với Bất Thiện, gọi là **Thượng Thượng Phẩm (Ukkaṭṭhukkaṭṭha).**

+ Sát na mà Tư Hậu sinh khởi là Thiện, nhưng mà Tư Hậu Hậu lại Bất Thiện, gọi là **Thượng Hạ Phẩm (Ukkaṭṭhomaka).**

+ Sát na mà Tư Hậu sinh khởi là Bất Thiện, nhưng mà Tư Hậu Hậu lại Thiện, gọi là **Hạ Thượng Phẩm (Omakukkaṭṭha).**

+ Sát na mà Tư Hậu sinh khởi là Bất Thiện, và Tư Hậu Hậu cũng Bất Thiện, gọi là **Hạ Hạ Phẩm (Omakomaka).**

+ Nếu trong sát na mà **Tư Hiện (Muñcacetanā)** sinh khởi và câu sinh với Nhị Nhân, thiếu mất Nhân Vô Si, gọi là **Thiện Nhị Nhân (Dvihetukakusala).**

Đối với sự hiện hành ở thể loại Thượng Thượng Phẩm v.v. cũng được hiện hành tương tự cùng một phương thức với nhóm Thiện Tam Nhân.

82. Hỏi: Hãy trình bày số lượng Quả Dị Thục của Dục Giới Thiện, thể theo Liên Hợp Kiến và Nhất Ban Kiến; và cho lập thành bảng chính phương.

82. Đáp: Việc trổ sinh quả báo của **Thiện Dục Giới (Kāmāvacarakusala)** có Thiện Tam Nhân Thượng Phẩm v.v. như đã vừa đề cập rồi đấy, thuộc phần **Liên Hợp Kiến (Samānavāda – Nhất Trí Kiến),** tức là ý kiến thống nhất với nhau của tất cả các bậc Giáo Thọ có sự hiểu biết sâu rộng ở trong thực tính của Ngài Trưởng Lão **Anuruddha** v.v. Đối với Nhất Ban Giáo Sư là ý kiến của một vài Ngài Giáo Thọ, tức là Ngài Trưởng Lão

Mahādatta trú ngụ ở tại tịnh thất, **Ao Khổng Tước (Moravāpi)** trong Đảo Quốc **Lankā,** đã nói rằng chủng loại **Thiện Nghiệp Lực Vô Dẫn (Asaṅkhārikakusalakamma)** thì không cho sinh khởi Quả Dị Thục **Hữu Dẫn (Sasaṅkhārika)** làm thành quả báo; và tương tự, **Thiện Nghiệp Lực Hữu Dẫn (Sasaṅkhārikakusalakamma)** cũng không cho sinh khởi quả báo là Quả Dị Thục Vô Dẫn. Như thế, nếu thể theo Nhất Ban Giáo Sư, khi tính số lượng Quả Dị Thục của Dục Giới Thiện thì thường có được như sau:

1. Hai cái Tâm Thiện Tam Nhân Thượng Phẩm Vô Dẫn cho trổ sinh quả báo 12 cái, ấy là 8 Tâm Quả Dị Thục Thiện Vô Nhân, 4 Tâm Đại Quả Vô Dẫn.

2. Hai cái Tâm Thiện Tam Nhân Thượng Phẩm Hữu Dẫn cho trổ sinh quả báo 12 cái, ấy là 8 Tâm Quả Dị Thục Thiện Vô Nhân, 4 Tâm Đại Quả Hữu Dẫn.

3. Hai cái Tâm Thiện Tam Nhân Hạ Phẩm Vô Dẫn, và hai cái Tâm Thiện Nhị Nhân Thượng Phẩm Vô Dẫn, kết hợp 4 cái này lại cho trổ sinh quả báo 10 cái, ấy là 8 Tâm Quả Dị Thục Thiện Vô Nhân, 2 Tâm Đại Quả Bất Tương Ưng Trí Vô Dẫn.

4. Hai cái Tâm Thiện Tam Nhân Hạ Phẩm Hữu Dẫn, và hai cái Tâm Thiện Nhị Nhân Thượng Phẩm Hữu Dẫn, kết hợp 4 cái này lại cho trổ sinh quả báo 10 cái, ấy là 8 Tâm Quả Dị Thục Thiện Vô Nhân, 2 Tâm Đại Quả Bất Tương Ưng Trí Hữu Dẫn.

5. Hai cái Tâm Thiện Nhị Nhân Hạ Phẩm Vô Dẫn, và hai cái Tâm Hữu Dẫn, kết hợp 4 cái này lại cho trổ sinh quả báo 8 cái, ấy là 8 Tâm Quả Dị Thục Thiện Vô Nhân.

(Đối với Quả Dị Thục Thiện Vô Nhân ấy, không được tính là Tâm Vô Dẫn hoặc Tâm Hữu Dẫn với bất luận trường hợp nào; vì thế mới làm thành quả báo của khắp mọi Thiện). Khi trình bày theo số lượng Quả Dị Thục của Dục Giới Thiện, thể theo cả hai Liên Hợp Kiến **(Samānavāda** – Nhất Trí Kiến) và Nhất Ban Kiến **(Kecivāda)** đây, thì có được như sau:

Dục Giới Thiện (Kāmāvacarakusala)	**Số Lượng Quả Dị Thục Theo Liên Hợp Kiến**	**Số Lượng Quả Dị Thục Theo Nhất Ban Kiến**
Tam Nhân Thượng Phẩm Vô Dẫn: 2 Hữu Dẫn: 2	16	12
Tam Nhân Hạ Phẩm và Nhị Nhân Thượng Phẩm Vô Dẫn: 4 Hữu Dẫn: 4	12	10
Nhị Nhân Hạ Phẩm Vô Dẫn: 2 Hữu Dẫn: 2	8	8

83. Hỏi: Hãy trình bày theo thứ tự về Địa Giới làm thành trú xứ cho việc trổ sinh quả báo của Ngũ Thiện Thiền Sắc Giới.

83. Đáp: Tuần tự thẩm sát ở trong khía cạnh của việc trình bày đến vấn đề các tầng **Thiền Định (Jhāna)** và **Địa Giới (Bhūmi)** như đã có được trình bày đi theo thứ tự ở trong phần trên, như sau:

+ Địa Giới đã là trú xứ cho việc trổ sinh quả báo của tầng Sơ Thiền, ấy là ba Cõi Sơ Thiền Phạm Thiên Giới.

+ Địa Giới đã là trú xứ cho việc trổ sinh quả báo của tầng Nhị Thiền và Tam Thiền, ấy là ba Cõi Nhị Thiền Phạm Thiên Giới.

+ Địa Giới đã là trú xứ cho việc trổ sinh quả báo của tầng Tứ Thiền, ấy là ba Cõi Tam Thiền Phạm Thiên Giới.

+ Địa Giới đã là trú xứ cho việc trổ sinh quả báo của tầng Ngũ Thiền, ấy là bảy Cõi Tứ Thiền Phạm Thiên Giới.

84. Hỏi: Bậc sẽ được đi tái sinh ở trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới đấy, sẽ cần phải kết hợp với bao nhiêu Ân Đức Phẩm Vị ? Là những chi ? Và ở trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới có bao nhiêu Ân Đức Phẩm Vị kiên cường thù thắng ? Là những chi ?

84. Đáp: Anāgāmino pana pañcamajjhānaṃ bhāvetvā suddhāvāsesu uppajjan ti có nghĩa là: Chỉ có Bậc Bất Lai, bất luận khi nào đã tiến hóa và đã làm cho Ngũ Thiền được khởi sinh lên, thì thường đi tái sinh ở trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới.

Trong việc phân biệt hạng Người, thì bậc sẽ được đi tái sinh ở trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới ấy, thiết yếu sẽ phải có Ân Đức Phẩm Vị. Có nghĩa vừa phải là Bậc Bất Lai, lại vừa phải chứng đắc Ngũ Thiền, và vừa phải có đủ cả Ngũ Quyền Lực, với bất luận một Quyền Lực nào ở trong năm thể loại ấy phải kiên cường thù thắng, thì mới sẽ được đi tái sinh ở trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới ấy được. Nếu như Bậc Bất Lai đã được chứng đắc Ngũ Thiền, nhưng lại có Ngũ Quyền Lực hiện hành một cách thông thường, thì các Bậc Bất Lai ấy sẽ chỉ đi tái sinh ở trong **Quảng Quả Phạm Thiên Giới (Vehapphalā bhūmi)**, và không thể nào tái sinh trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới, vì ở trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới này, thì khẳng định phải hiện hữu với bốn thể loại Ân Đức Phẩm Vị, ấy là:

1. Bậc đã được đi tái sinh bất luận ở một Cõi Giới nào trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới ấy rồi, thì thường sẽ không được đi tái sinh ở trong các Cõi Hữu Sắc Giới khác nữa, hoặc ở trong Cõi Vô Sắc Giới.

2. Thường sẽ không có tái sinh trở lại Cõi Giới mà mình đã thọ sinh.

3. Một khi thọ mạng diệt lìa khỏi Cõi Tịnh Cư Phạm Thiên Giới mà mình đã thọ sinh rồi, thì thường không đi thọ sinh ở trong Cõi Giới thấp hơn, mà phải đi thọ sinh ở trong Cõi Giới cao hơn.

4. Phải được thành tựu viên mãn Quả vị Vô Sinh chính ngay ở trong Cõi Tịnh Cư Phạm Thiên Giới ấy.

Đối với ở trong **Sắc Cứu Cánh Phạm Thiên Giới (Akaniṭṭhābhūmi)** ấy, thì lại có một điều Ân Đức Phẩm Vị đặc thù khác nữa, ấy là Bậc Bất Lai đang hiện hữu ở trong Sắc

Cứu Cánh Phạm Thiên Giới này, sẽ phải được thành tựu viên mãn Quả vị Vô Sinh chính ngay ở trong Cõi Giới này vậy.

85. Hỏi: Bậc đã thành tựu viên mãn Quả vị Bất Lai, thì sẽ không được thọ sinh ở trong Cõi Phạm Thiên Giới hay không ?

85. Đáp: Không có. Là vì hết cả thảy các Bậc đã được thành tựu viên mãn Quả vị Bất Lai, thì thường đi tái sinh ở trong Cõi Phạm Thiên Giới. Cho dù Bậc Bất Lai ấy sẽ là **Minh Sát Tuệ Thiền Khô (Sukkhavipassaka)** đi nữa, tức là tiên khởi không có tu tập Thiền Định cho được sinh khởi lên; tuy nhiên một khi cận tử lâm chung, thì Thiền Định thường tự sinh khởi lên do bởi nương vào mãnh lực từ nơi **Định Tâm (Samādhi).** Vì lẽ thường, một khi Thiền Định sẽ sinh khởi lên được, là cần phải nương vào Định Tâm làm thành năng lực trọng yếu; và Pháp nghịch của Định Tâm ấy, chính là **Tham Dục Triền Cái (Kāma chandanivaraṇa)**. Với lý do này, Bậc Bất Lai đã kiên quyết đoạn tận mọi **Dục Ái (Kāma rāga)** và tuyệt diệt kẻ thù của Định Tâm là Tham Dục Triền Cái. Vì thế, Định Tâm của các Bậc Bất Lai mới có được năng lực kiên định thù thắng và có khả năng làm cho Thiền Định tức thời được khởi sinh.

Giả như có lời vấn hỏi rằng: "Bậc Bất Lai Minh Sát Tuệ Thiền Khô đã bị sát hại tử vong ngay trong sát na đang ngủ, thế thì Bậc Bất Lai ấy có làm cho Thiền Định sinh khởi lên được hay không ?" Điều này trả lời rằng: "Thiền Định ấy vẫn được sinh khởi lên, là vì với Bậc Bất Lai hằng thường luôn có Định Tâm, và Định Tâm này có rất nhiều năng lực đạt đến **Bậc Cận Hành Định (Upacārasamādhi).** Một trường hợp khác nữa là, Bậc đã đoạn tận mọi **Dục Ái (Kāmarāga)** đây, thì hằng luôn có Tâm nhàm chán đối với Cõi Giới còn dính líu với các **Cảnh Dục Trần (Kāmaguṇārammaṇa),** thường luôn thiên hướng đến Cõi Giới đoạn lưu khỏi mọi Cảnh Dục Trần. Bởi do thế, Bậc Bất Lai cho dù sẽ phải đột tử đi nữa, tuy nhiên trước khi Tâm Tử sẽ sinh khởi, thì Thiền Định thường luôn khởi sinh trước tử vong. Khi đã tử vong rồi, thì đi tục sinh ở trong Cõi Phạm Thiên Giới, tuy nhiên sẽ thọ sinh ở trong Bậc Phạm Thiên nào thì cũng còn tùy thuộc vào tầng Thiền Định đã sinh khởi. Nếu Thiền Định sinh khởi ấy là tầng Sơ Thiền thì sẽ đi thọ sinh ở trong Cõi Sơ Thiền Phạm Thiên Giới. Nếu là Nhị Thiền Định hoặc Tam Thiền Định thì sẽ đi thọ sinh ở trong Cõi Nhị Thiền Phạm Thiên Giới, v.v.

Lại nữa, nhóm Chư Thiên ở các tầng thượng giới, kể từ tầng Đao Lợi Thiên Giới v.v. trở đi, mà đã hoàn thành viên mãn Quả vị Bất Lai ấy, thì hằng thường luôn nhàm chán đến trú xứ của mình đang ở, vì đó đã là trú xứ bị đoanh vây bởi Cảnh Dục Trần. Vì thế, một khi đã thẩm sát đến **Thọ Mạng (Āyukhaya)** của mình, và nếu như Thọ Mạng của mình vẫn còn đang thọ mạng miên trường, thế rồi thực hiện việc **Quyết Định Tử Vong (Adhimuttimaraṇa),** tức là quyết định rằng: "Nguyện cho **Quả Dị Thục Danh Uẩn (Vipākanāmakhandha)** và **Sắc Nghiệp Lực (Kammajarūpa)** của Tôi đây xin cho được ngừng sinh khởi tiếp nối thêm nữa." Và thế rồi, liền nín bặt hơi thở tử vong để được tái sinh ở trong Cõi Phạm Thiên Giới làm thành trú xứ tịnh chỉ xa lìa Cảnh Dục Trần. Vào ngay sát na cận tử ấy, thì Thiền Định tức thời sinh khởi đến với Bậc Bất Lai ấy, và Thiền Định sinh

khởi đến với Bậc Bất Lai Thiền Khô này, đều được gọi là **Đạo Lực Viên Mãn Thiền Định (Maggasiddhijhāna)** hết cả thảy.

86. Hỏi: a/. Bậc đã thọ sinh ở trong Cõi Tứ Thiền Phạm Thiên Giới, có phải là bởi do mãnh lực việc trổ sinh quả báo Tái Sinh của Thiện Thắng Trí hay không ?

b/. Nữ Giới đã được chứng đắc Thiền Định, một khi tử vong thì sẽ đi thọ sinh ở trong nhóm Phạm Thiên nào ?

86. Đáp: a/. Không có. Điều này đã được giải thích là "Không có việc trổ sinh quả báo Tái Sinh của Thiện Thắng Trí." Là vì Thiện Thắng Trí đây, sinh khởi là sau khi đã được chứng đắc Ngũ Thiền Định. Do đó, mới trú định: 1/ ở trong tiềm năng làm thành quả báo của Ngũ Thiền, và 2/ ở trong việc hoàn thành các Thắng Trí khác, có **Thiên Nhãn Thắng Trí (Dibbacakkhu Abhiññā), Thiên Nhĩ Thắng Trí (Dibbasota Abhiññā),** v.v. Những thể loại này cũng đã làm thành quả báo của Thiện Thắng Trí, đó là một loại quả báo cho việc thành tựu viên mãn hiển nhiên. Chính cả hai Nhân Quả này, đã trình bày cho được thấy rằng Thiện Thắng Trí đây không có việc trổ sinh quả báo Tái Sinh.

Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** đã có trình bày đến một loại tác nhân ở trong vấn đề này để ở trong Chương Phân Biệt Danh Sắc **(Nāmarūpaapariccheda)** [thuộc Ngũ Phân Biệt **(Pañcamapariccheda)**, Phần Nghiệp Lực Phân Tích **(Kammavibhāga)**, điều 41, câu kệ thứ 474] nói rằng:

Samānāsevane laddhe **Vijjamāne mahabbale**
Aladdhā tādisaṃ hetuṃ **Abhiññā na vipaccati**

Thiện Đáo Đại đang khi có nhiều năng lực, bởi do đã được đón nhận **Trùng Dụng Duyên (Āsevanapaccaya),** thế rồi mới trổ sinh quả báo cho sinh khởi. Thiện Thắng Trí ấy lại không có việc trổ sinh quả báo cho được sinh khởi, là vì không có được đón nhận tác nhân như đã vừa đề cập, ấy là Trùng Dụng Duyên.

Việc trình bày tác nhân của Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** đến việc Thiện Thắng Trí không có khả năng trổ sinh quả báo Tái Sinh, là vì không có đủ khả năng, là bởi do không có được đón nhận việc giúp đỡ ủng hộ với mãnh lực từ Trùng Dụng Duyên, thì cũng quả là không xác thực. Bởi vì ở trong việc Thiện Thắng Trí không có được đón nhận việc giúp đỡ ủng hộ với mãnh lực từ Trùng Dụng Duyên đấy, cũng chẳng phải là tác nhân trọng yếu ở trong lãnh vực của năng lực sẽ trổ sinh quả báo Tái Sinh. Vì theo lẽ thường ở trong **Lộ Trình Thắng Trí (Abhiññāvithī),** thì Thiện Thắng Trí chỉ sinh khởi duy nhất một lần một, tuy nhiên lại có khả năng làm cho các Thắng Trí khác được thành tựu viên mãn chính ngay ở trong sát na ấy.

Việc sinh khởi của Lộ Trình Thắng Trí có được như vầy, đó là:

1. **Tâm Hữu Phần (Bhavaṅgacitta)**
2. **Tâm Hữu Phần Rúng Động (Bhavangacalanacitta)**
3. **Tâm Hữu Phần Dứt Dòng (Bhavangupacchedacitta)**
4. **Tâm Khai Ý Môn (Manodvāravajjanacitta)**
5. **Chuẩn Bị (Parikamma)**

6. Cận Hành (Upacāra)

7. Thuận Tùng (Anuloma)

8. Chuyển Tộc (Gotrabhū)

9. Thắng Trí (Abhiññā)

10. Tâm Hữu Phần (Bhavaṅgacitta) tiếp diễn đi.

Mà cũng tương tự với việc sinh khởi của Tâm Thiền Định ở trong **Lộ Trình Sơ Khởi Thiền Định (Ādikammikajhānavithī)**, như sau:

1. Tâm Hữu Phần (Bhavaṅgacitta)

2. Tâm Hữu Phần Rúng Động (Bhavangacalanacitta)

3. Tâm Hữu Phần Dứt Dòng (Bhavangupacchedacitta)

4. Tâm Khai Ý Môn (Manodvāravajjanacitta)

5. Chuẩn Bị (Parikamma)

6. Cận Hành (Upacāra)

7. Thuận Tùng (Anuloma)

8. Chuyển Tộc (Gotrabhū)

9. Thiền Định (Jhāna – Appanā: Nhập Định)

10. Tâm Hữu Phần (Bhavaṅgacitta) tiếp diễn đi.

Ở trong Lộ Trình này, kể từ Chuẩn Bị v.v. cho đến Chuyển Tộc là **Đổng Lực Dục Giới (Kāmajavana).** Như thế, Tâm Chuyển Tộc mới không làm thành Trùng Dụng Duyên đối với Tâm Thiền Định được. Tuy nhiên Tâm Thiền Định này cũng vẫn có đủ năng lực để sẽ trổ sinh quả báo Tái Sinh được; cho dù sẽ không có được đón nhận việc giúp đỡ ủng hộ với mãnh lực Trùng Dụng Duyên đi nữa, cũng thường luôn có năng lực kiên định ở trong tiềm năng làm thành **Cực Trọng Nghiệp Lực (Garukakamma);** và như vậy sẽ thấy được rằng Bậc Bất Lai thuộc nhóm Minh Sát Tuệ Thiền Khô ấy, một khi đến lúc cận tử thì Thiền Định thường luôn sinh khởi, và Tâm Thiền Định sinh khởi đây, cũng chỉ sinh khởi duy nhất một lần một, tương tự với Lộ Trình Sơ Khởi Thiền Định vậy. Bởi do thế, Tâm Thiền Định này cũng không có được đón nhận việc giúp đỡ ủng hộ từ Trùng Dụng Duyên với bất luận trường hợp nào, và quả nhiên Tâm Thiền Định này cũng vẫn có năng lực trổ sinh quả báo làm cho Bậc Bất Lai ấy được đi thọ sinh ở trong Cõi Hữu Sắc Giới.

b/. Sự sinh hoạt ở trong thế giới Phạm Thiên, tính kể từ Sơ Thiền Phạm Thiên Giới trở đi cho đến Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới, thì trong từng mỗi Phạm Thiên Giới ấy hiện hữu ba nhóm Phạm Thiên, tức là một nhóm Phạm Chúng Thiên, một nhóm Phạm Phụ Thiên, một nhóm Đại Phạm Thiên. Ở trong ba nhóm Phạm Thiên này, thì cả hai nhóm Phạm Chúng Thiên và Phạm Phụ Thiên đây, là bộc tòng của Đại Phạm Thiên. Hàng nữ giới đã được chứng đắc Bát hoặc Cửu Thiền Định, cho dù sẽ là hạng Phàm Phu hoặc bậc Thánh đi nữa, một khi đã đi thọ sinh ở trong bất luận một Cõi Phạm Thiên Giới nào rồi, thì sẽ không thể nào làm thành vị Đại Phạm Thiên được, mà chỉ có được là ở bậc Phạm Chúng Thiên và Phạm Phụ Thiên thôi. Cũng tương tự với hàng nữ giới một khi đã được đi thọ sinh thành Chư Thiên, thì sẽ không thể nào làm thành bậc Thiên Chủ Quản được, chẳng hạn như thành Ngài Thiên Chủ **Indra** (Đế Thích) hoặc thành Ngài Thiên Chủ **Yāmāra** được. Vì thế, Ngài

Chú Giải Sư đã có trình bày để ở trong Bộ Chú Giải Xua Tan Mê Mờ **(Sammohovinodanī)** và Bộ Chú Giải Tương Ưng Bộ Kinh **(Saṃyutta Atthakathā)** nói rằng: **Itthiyopi pana ariyā ca anariyā api aṭṭha samāpattilābhiniyo brahmapārisajjesu yeva nibbattanti** [Nội Dung Vô Tỷ Pháp Minh Nghĩa Phụ Chú Giải **(Abhidhammattha vibhāvinīṭīkā)** điều 186 có câu **Pāḷi** như vầy: **Itthiṃyopi pana ariyā vā anariyāvā aṭṭhasamāpattilābhiniyo** ...] **Dịch nghĩa là:** Tất cả những hàng nữ giới đã được chứng đắc Bát Định đây, dù sẽ là Thánh Nhân hoặc Phàm Phu đi nữa, thì thường chỉ được đi thọ sinh làm thành vị Phạm Thiên thuộc hàng đồ chúng bộc tòng của vị Đại Phạm Thiên thôi.

Yaṃ itthī sakkattaṃ kareyya mārattaṃ kareyya brahmamattaṃ kareyya, netaṃ ṭhānaṃ vijjati, brahmamattanti mahābrahmattaṃ adhippetaṃ - Hàng nữ giới nào, dù cho có được nương vào bất luận một tác nhân nào đi nữa, cũng không thể nào đi thọ sinh làm thành Ngài Thiên Vương **Sakka** (Đế Thích) hoặc Ngài Thiên Vương **Yāmāra**, hoặc thành Ngài Đại Phạm Thiên được; với tác nhân ấy thì thường không thể có được. Chỗ nói rằng "thành vị Phạm Thiên ấy" lập ý đến Ngài Đại Phạm Thiên ấy vậy.

Từ ngữ nói rằng **Brahmapārisajjesu** ở trong câu **Pāḷi** điều thứ nhất đấy, thì Bậc Phạm Phụ Thiên cũng được sắp vào trong chỗ này, vì cũng tương tự như nhau, là Bậc Phạm Phụ Thiên đây cũng là đồ chúng bộc tòng của vị Đại Phạm Thiên. Với cả Đức Phật Ngài cũng đã từng lập ý gọi bậc Phạm Phụ Thiên này là **Phạm Chúng Thiên (Brahamaparisā)**, là cũng có ý nghĩa đến bậc Phạm Phụ Thiên này vậy.

Ở trong phần **Pāḷi** dẫn lộ thì Ngài đã trình bày một cách rõ ràng rằng: **Itthī mahābrahmā siyā, netaṃ ṭhānaṃ vijjati** - Nương vào bất luận một tác nhân nào, hàng nữ giới đã được chứng đắc Thiền Định thì đi thọ sinh thành Bậc Đại Phạm Thiên, với tác ý ấy ắt hẳn là không có vậy. Trong câu **Pāḷi** này thì có sự rõ ràng là hàng nữ giới đã được chứng đắc Thiền Định thì không được thọ sinh thành Bậc Đại Phạm Thiên chỉ ngần ấy thôi. Điều này trình bày cho được thấy rằng thường chỉ đi thọ sinh thành Bậc Phạm Thiên ở trong hai nhóm còn lại.

Lại nữa, ở trong sự việc hàng nữ giới không được đi thọ sinh thành Bậc Đại Phạm Thiên đấy; là cũng do bởi cả bốn tác nhân, ấy là Tứ Trưởng Pháp câu sinh với hàng nữ giới ấy thường không có năng lực dũng mãnh kiên cường tương tự với Tứ Trưởng Pháp mà sinh khởi với hàng nam nhân. Với lý do này, Thiền Định sinh khởi với hàng nữ giới ấy, cho dù sẽ là loại Thiền Định nào đi nữa, thì thường chỉ có được là **Bậc Hạ Phẩm Thiền Định (Parittajhāna)** hoặc **Bậc Trung Phẩm Thiền Định (Majjhimajhāna)** ngần ấy thôi, và không thể nào đạt đến bậc Thượng Phẩm Thiền Định được. Vả lại một trường hợp khác nữa, là Nữ Giới đã được sắp thành loại giới tính thấp hơn là Nam Giới. Vì thế, dù ở Cõi Giới nào đi nữa, và không thể nào thọ sinh thành bậc Đại Phạm Thiên được vậy.

87. Hỏi: Bậc đã đắc chứng Thiền Định ở bậc cao, và khi cận tử lâm chung và rồi đã tử vong, thì sẽ phải đi tái sinh trở lại ở trong Cõi Địa Giới thấp hơn hay không?

87. Đáp: Trình bày việc thọ sinh của Bậc Phúc Lộc Thiền Giả hiện hành theo mãnh lực của **Tham Ái (Nikantitaṇhā)** và **Nguyện Vọng (Cetopaṇidhi).**

Trong phần **Pāḷi** đã được trình bày để ở đoạn trên có nói rằng: **Paṭhamajjhānaṃ parittaṃ bhāvetvā brahmapārisajjesu uppajjati** - v.v. mà đã được dịch là: Một khi đã tiến hóa loại Sơ Thiền Hạ Phẩm, thì quả báo thường thọ sinh ở trong Cõi Phạm Chúng Thiên. v.v. đấy; việc trình bày như vậy là việc trình bày lập ý đến sự hiện hành theo lẽ thường nhiên của các Thiền Định ấy. Tuy nhiên nếu bậc Phúc Lộc Thiền Giả đã có **Tham Ái (Nikantitaṇhā)** hoặc **Nguyện Vọng (Cetopaṇidhi),** thì việc đi thọ sinh ở trong các Cõi Giới cũng không thể nào xác định được, nó còn tùy thuộc vào Tham Ái hoặc Nguyện Vọng của mình. Từ ngữ nói rằng **Nikantitaṇhā** lập ý đến "Có sự dính mắc ở trong Cõi Giới mà mình đã có từng tái sinh đến, đã trải qua nhiều kiếp sống." Từ ngữ nói rằng **Cetopaṇidhi** lập ý đến "Có lập tâm ước nguyện ở trong các Cõi Giới ấy, đã hiện hành với mãnh lực của **Dục (Chanda),**" chẳng hạn như bậc Phúc Lộc Thiền Giả, một khi đã là hạng Phàm Phu, và lúc cận tử lâm chung lại khởi sinh lên **Tham Ái (Nikantitaṇhā)** ở trong bất luận một Cõi Thiên Giới nào đó, thế rồi Thiền Định mà đã được chứng đắc bị tổn hại đi. Vì thế, khi đã tử vong, thì chỉ đi tái sinh ở trong các Cõi Thiên Giới ấy, và không có được đi thọ sinh ở trong Cõi Phạm Thiên Giới.

Nhân Loại và Chư Thiên đã được thành đạt Bậc Thất Lai hoặc Bậc Nhất Lai, và một khi đã được chứng đắc Thiền Định rồi, thì thường không có Tham Ái hoặc Nguyện Vọng dính mắc với các **Cõi Thiện Dục Giới (Kāmasugatibhūmi)** ấy. Là vì Thiền Định **(Jhānasamādhi)** của Bậc Thánh Nhân này kiên cố vững chắc hơn Thiền Định của hạng Phàm Phu. Vì thế, Thiền Định mới không bị tổn hại, và các Bậc này một khi đã tử vong, thì mới được đi thọ sinh ở bất luận một trong các Cõi Phạm Thiên Giới nào đó, tùy thuộc theo Thiền Định của mình, ngoại trừ ra Cõi Vô Tưởng Hữu Tình Phạm Thiên Giới và Cõi Tịnh Cư Phạm Thiên Giới. Vả lại, khi đã được thọ sinh thành bậc Phạm Thiên ấy, thì cho dù vẫn chưa được thành đạt Bậc Bất Lai đi nữa, cũng vẫn không tái sinh trở lại ở trong các Cõi Thiện Dục Giới đấy nữa. Với lý do này, cả hai nhóm **Thánh Phạm Thiên (Brah māriya)** đây, cũng còn được gọi là Bậc Bất Lai Thiền Giả **(Jhānānāgāmi)**.

Hạng Phàm Phu, hoặc Bậc Thất Lai, hoặc Bậc Nhất Lai khi đã là Nhân Loại với Chư Thiên, và đã được chứng đắc Bát hoặc Cửu Thiền Định đấy, nếu có **Nguyện Vọng (Cetopaṇidhi)** ở trong bất luận một Cõi Phạm Thiên Giới nào, ngoại trừ Vô Tưởng Hữu Tình Phạm Thiên Giới và Tịnh Cư Phạm Thiên Giới, thế rồi khi đã tử vong thì cũng được đi thọ sinh ở trong Cõi Phạm Thiên Giới mà mình đã có ước nguyện.

Nhân Loại và Chư Thiên đã được thành đạt Bậc Bất Lai, và đã được chứng đắc Bát hoặc Cửu Thiền Định; vả lại nếu có Nguyện Vọng ở trong bất luận một Cõi Phạm Thiên Giới nào, ngoại trừ Vô Tưởng Hữu Tình Phạm Thiên Giới, thế thì cũng tương tự như vậy, là khi đã tử vong rồi cũng được đi thọ sinh ở trong Cõi Giới mà mình đã có ước nguyện. Tức là Bậc Bất Lai ấy, nếu đã có ước nguyện đi thọ sinh ở trong Sơ Thiền Phạm Thiên Giới, hoặc Tịnh Cư Phạm Thiên Giới, thế là cũng thường được đi thọ sinh ở trong Cõi Giới mà mình đã có ước nguyện vậy. Và như thế, Đức Thế Tôn Ngài mới lập ý khải thuyết rằng **Ijjhati bhikkhave sīlavato cetopaṇidhi visuddhattā** - Này tất cả Chư Tỳ Khưu, sự ước

nguyện của bậc Giới Đức Hiền Giả thường là thành tựu, là vì làm thành sự lợi ích cho người có Tâm thanh tịnh.

Đối với các Bậc Thánh Phạm Thiên, đó đã là Bậc Thất Lai, và Bậc Nhất Lai đây, thì chẳng bảo rằng chỉ sẽ đi tái sinh ở trong Cõi Thiện Dục Giới, mà ngay cả ở trong các Cõi Phạm Thiên Giới bậc thấp hơn, cũng thường không có đi thọ sinh.

Bậc Bất Lai đã thọ sinh ở trong Tịnh Cư Phạm Thiên Giới thường không có đi tái sinh trong Tịnh Cư Phạm Thiên Giới bậc thấp hơn, và cũng không tái sinh trở lại ở trong Cõi Giới mà mình đã từng có thọ sinh. Vì thế, khi vẫn chưa được thành đạt Quả vị Vô Sinh, thì thường cũng tuần tự thọ sinh thăng tiến lên các tầng bậc trên. Và nếu đã được thành đạt Quả vị Vô Sinh ở trong tầng bậc nào, thì thường cũng viên tịch Níp Bàn ở ngay trong tầng bậc ấy. Đối với Bậc Bất Lai đang thọ sinh ở trong Sắc Cứu Cánh Phạm Thiên Giới, thì thường không có việc chuyển đi đến các Cõi Giới khác được nữa, và luôn cả cũng không có việc tái sinh trở lại Cõi Giới ấy, mà quả quyết là phải viên tịch Níp Bàn chính ở ngay trong Cõi Giới ấy vậy.

Bậc Thất Lai, Bậc Nhất Lai và Bậc Bất Lai mà đã thọ sinh trong Quảng Quả Phạm Thiên Giới và Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Phạm Thiên Giới đấy, một khi vẫn chưa được thành đạt Quả vị Vô Sinh, thì thường không tái sinh chuyển đi Cõi Giới khác, mà phải tái sinh trở lại ở trong Cõi Giới ấy cho đến khi sẽ được thành đạt Quả vị Vô Sinh.

88. Hỏi: Hãy dịch nghĩa câu kệ như sau:

1.	**Vehapphale akaniṭṭhe**	**Bhavagge ca patiṭṭhitā**
	Na punāññattha jāyanti	**Sabbe ariyapuggalā.**
2.	**Na puna tattha jāyanti**	**Sabbepi suddhavāsikā**
	Brahmalokagatā heṭṭhā	**Ariyā noppajjareti.**

88. Đáp: Dịch nghĩa câu kệ này như sau:

1.	**Vehapphale akaniṭṭhe**	**Bhavagge ca patiṭṭhitā**
	Na punāññattha jāyanti	**Sabbe ariyapuggalā.**
2.	**Na puna tattha jāyanti**	**Sabbepi suddhavāsikā**
	Brahmalokagatā heṭṭhā	**Ariyā noppajjareti.**

Dịch nghĩa nội dung chính ấy là:

1. Hết cả thảy các Bậc Thánh Nhân đã thọ sinh ở trong cả ba **Cõi Cùng Tột Hữu (Bhavaggabhūmi)**, ấy là những Quảng Quả Phạm Thiên Giới, Sắc Cứu Cánh Phạm Thiên Giới, hoặc Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ này rồi, thì thường không còn đi thọ sinh ở trong các Cõi Giới khác được nữa.

2. Hết tất cả các vị Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên cũng không tái sinh trở lại Cõi Giới của mình đã từng thọ sinh. Tất cả các Bậc Thánh Nhân đã thọ sinh ở trong Cõi Phạm Thiên Giới rồi, thường không có thọ sinh ở trong Cõi Giới thấp hơn.

Kết Thúc Phần Vấn - Đáp Về Nghiệp Lực Tứ Phần

MARAṆUPPATTICATUKKA – TỬ VONG KHỞI SINH TỨ PHẦN
TRÌNH BÀY BỐN TRƯỜNG HỢP CỦA SỰ TỬ VONG

TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP PHẦN PĀLI NGỮ VÀ LỜI DỊCH ĐỂ HỌC THUỘC LÒNG

1. Āyukkhayena kammakkhayena ubhayakkhayena upacchedaka kammunā ceti catudhā maraṇuppatti nāma.

Tên gọi **Tử Vong Khởi Sinh (Maraṇuppatti)**, là nguyên nhân làm cho sự tử vong hiện bày, hiện hữu ở bốn thể loại, ấy là:

1. Thọ Mạng Diệt Tử Vong (Āyukkhayamaraṇa): chết vì hết Tuổi Thọ.

2. Nghiệp Lực Diệt Tử Vong (Kammakkhayamaraṇa): chết vì hết Nghiệp Lực.

3. Nhất Song Diệt Tử Vong (Ubhayakkhamaraṇa): chết vì hết Tuổi Thọ và hết Nghiệp Lực (cả hai).

4. Tiệt Quan Hệ Tử Vong (Upacchedakamaraṇa – Đình Chỉ Tử Vong): chết vì Nghiệp Lực xen vào cắt đứt mối quan hệ.

TRÌNH BÀY ĐIỀM TƯỚNG HIỆN KHỞI KHI CẬN TỬ LÂM CHUNG

2. Tathā ca marantānaṃ pana maraṇakāle yathārahaṃ abhimukhī bhūtaṃ bhavantare paṭisandhikhanakaṃ kammaṃ vā, taṃkammakaraṇakāle rūpādika mūpaladdhapubbamupakaraṇabhūtañca kammanimittaṃ vā, anantaramuppajja mānabhave upalabhitabbamupabhogabhūtañca gatinimittaṃ vā kammabalena channaṃ dvārānaṃ aññatarasmiṃ paccupaṭṭhāti.

Đối với người sẽ phải tử vong, và chính ngay trong lúc cận tử lâm chung do bởi bất luận một trong bốn tác nhân như thế; thì:

1. Thiện Nghiệp Lực (Kusalakamma) hoặc **Bất Thiện Nghiệp Lực (Aksala kamma)** mà đã làm cho khởi sinh tái sinh ở trong kiếp sống tới, hiện hành nổi trội lên như là việc tự biểu hiện rõ ràng trực tiếp, và đã đi đến hiện khởi tựa như ở ngay trước mắt; hoặc là,

2. Nghiệp Tướng (Kammanimitta) là Cảnh của Nghiệp Lực đã đi đến, có Cảnh Sắc, Cảnh Thinh v.v. đã từng được nhìn thấy, đã từng được nghe, v.v. mà hữu quan với hành động tạo tác của mình, và luôn cả công cụ hỗ trợ cho thành tựu ở trong hành động tạo tác của mình ngay ở trong sát na đã tạo tác ra Nghiệp Lực ấy; hoặc là,

3. Thú Tướng (Gatinimitta) đã làm thành Cảnh đáng sẽ phải thụ lãnh, và sẽ phải thụ lãnh an vui hoặc khổ đau ở ngay trong kiếp sống tới sẽ đi tái sinh; thì thường luôn hiện khởi lên ở bất luận một **Môn (Dvāra)** nào trong tất cả sáu Môn; với mãnh lực Nghiệp Lực thuận hợp với Cảnh; hoặc với mãnh lực Nghiệp Lực thuận hợp với loài Hữu Tình sẽ phải đi đến Thiện Thú và Khổ Thú.

SỰ HIỆN HÀNH DÒNG TÂM THỨC KHI CẬN TỬ LÂM CHUNG

3. Tato paraṃ tameva tathopaṭṭhitaṃ ārammaṇaṃ ārabbha vipacca mānakakammānūrūpaṃ parisuddhaṃ upakkiliṭṭhaṃ vā upalabhitabba bhavānu rūpaṃ tatthoṇataṃva cittasantānaṃ abhiṇhaṃ pavattati bāhullena.

Tiếp đến, y cứ theo những thể loại Cảnh, có Nghiệp, Nghiệp Tướng, và Thú Tướng mà đã đến hiện bày tùy thuận theo chính các trạng thái đấy; thì dòng tâm thức thường luôn trôi chảy ấy, hoặc thanh tịnh hoặc ưu não, cũng tùy thuận theo với Nghiệp Lực mà sẽ trổ sinh quả báo; và phần lớn có trạng thái hiện hành y như thể thiên hướng tâm phù hợp theo ở trong kiếp sống mà sẽ phải đi thọ sinh.

TRÌNH BÀY VIỆC HIỆN KHỞI NGHIỆP TƯỚNG THEO MỘT PHƯƠNG THỨC KHÁC

4. Tameva pana janakabhūtaṃ kammaṃ abhinavakaraṇavasena dvārappat taṃ hoti.

Hoặc theo một phương thức khác nữa; là chính do bởi Thiện Nghiệp Lực, Bất Thiện Nghiệp Lực mà làm cho khởi sinh việc tái sinh, thường hiện bày ở trong Lộ Ý Môn với mãnh lực làm cho mình tựa như tự tái tạo mới lại.

TRÌNH BÀY LỘ TRÌNH TÂM CẬN TỬ (MARAṆĀSANNAVITHĪ)

5. Paccāsannamaraṇassa tassa vīthicittāvasāne bhavaṅgakkhaye vā cavana vasena paccuppannabhavapariyosānabhūtaṃ cuticittaṃ uppajjitvā nirujjhanti.

Tâm Tử là Tâm cuối cùng của kiếp sống hiện tại, thường khởi sinh trong giai đoạn cuối của Lộ Trình Tâm đối với người sẽ tử vong; hoặc ngay trong khi Tâm Hữu Phần cũng vừa kết thúc và diệt mất với mãnh lực thực hiện nhiệm vụ chuyển di khỏi kiếp sống cũ.

TRÌNH BÀY VIỆC SINH KHỞI TÂM TÁI SINH TRONG KIẾP SỐNG MỚI

6. Tasmiṃ niruddhāvasāne tassānantarameva tathāgahitaṃ ārammaṇaṃ ārabbha savatthukaṃ avatthukameva vā yathārahaṃ avijjānusayaparikkhittena taṇhānusayamūlakena saṅkhārena janiyamānaṃ sampayuttehi pariggayha mānaṃ sahajātānamadhiṭṭhānabhāvena pubbaṅgabhūtaṃ bhavantara paṭisandhānavasena paṭisandhisaṅkhātaṃ mānasaṃ uppajjamānameva patiṭṭhāti bhavantare.

Khi Tâm Tử ấy vừa diệt mất, và chính ngay trong tuần tự một cách không gián đoạn của Tâm Tử, thì có một cái Tâm tên gọi là Tái Sinh, vì hữu quan với việc nối tiếp liền với nhau hai kiếp sống cũ và mới, hiện hữu ở một trong ba **Hành (Saṅkhāra)** có **Vô Minh Thụy Miên (Avijjānussaya)** làm vị thống lãnh và có **Ái Dục Thụy Miên (Taṇhānussaya)** làm thành nền tảng, thuận hợp theo với **Pháp Hành (Saṅkhāra)** ở phần Thiện và Bất Thiện đã

được sắp bày cho việc sinh khởi đây, tiếp thâu lấy Cảnh được gọi là Nghiệp, Nghiệp Tướng và Thú Tướng, ở ngay tại Tâm Đổng Lực Cận Tử Lục Môn **(Chadvārika maraṇāsannajavana)** thụ lãnh thể theo trạng thái đang hiện bày ở trong bất luận một Môn nào của những cả Lục Môn, cho dù có **Ý Vật (Hadayavatthu – Sắc Tâm Cơ)** làm thành chỗ y chỉ, hoặc không có Ý Vật làm chỗ nương nhờ đi nữa; và làm thành Tâm tương ưng với tất cả các Pháp thành đoàn tùy tùng vây quanh, có **Xúc (Phassa), Thọ (Vedanā)** v.v. Và luôn cả chính cái Tâm ấy làm Chủ Vị, là vì làm thành chỗ thiết lập cho **Tâm Sở (Cetasika)** và **Sắc Nghiệp Lực (Kammajarūpa)** cùng câu sinh với mình, tức thời sát na sinh khởi hiện hữu ở trong kiếp sống mới.

TRÌNH BÀY CẢNH CỦA TÂM TÁI SINH DỤC GIỚI (KĀMAPAṬISANDHICITTA)

7. Maraṇāsannavīthiyaṃ panettha mandappavattāni pañceva javanāni pāṭikaṅkhitabbāni, tasmā yadi paccuppannārammaṇesu āpāthagatesu dharantesveva maraṇaṃ hoti.

Giải thích rằng: Trong vấn đề tử vong và tái sinh đây, và đối với trong Lộ Trình Cận Tử, thì Tâm Đổng Lực có năng lực yếu kém, do vậy mới sinh khởi chỉ có được năm chặp Tâm thôi. Bởi do việc sinh khởi của những Tâm Đổng Lực này có năng lực giảm thiểu xuống, do đó giả như tử vong trong khi Cảnh Hiện Tại vẫn đang hiện bày trước mắt, và vẫn đang còn hiện hữu.

8. Tadā paṭisandhibhavaṅgānampi paccuppannārammaṇatā labbhatīti katvā kāmāvacarapaṭisandhiyā chadvāraggahitaṃ kammanimittaṃ gatinimittañca paccuppannamatītārammaṇaṃ upalabbhati.

Thì chính ngay trong lúc ấy, Cảnh của Tâm Tái Sinh và Tâm Hữu Phần sinh nối tiếp nhau (tối đa sáu chặp Tâm) cũng chính là Cảnh Hiện Tại tương tự như nhau. Vì lẽ ấy, Cảnh Nghiệp Tướng và Cảnh Thú Tướng của Tâm Đổng Lực Cận Tử Tái Sinh Dục Giới thụ lãnh với cả Lục Môn đây, là Cảnh Hiện Tại cũng được, hoặc là Cảnh Quá Khứ cũng được.

9. Kammaṃ pana atītameva, tañca manodvāraggahitaṃ, tāni pana sabbānipi parittadhammabhūtānevārammaṇāni.

Còn Cảnh Nghiệp của Tâm Tái Sinh Dục Giới đấy, duy nhất chỉ là Cảnh Quá Khứ, và phải được thụ lãnh bởi theo Tâm Đổng Lực Cận Tử ở trong Ý Môn. Khi đã tính theo Chi Pháp thì Cảnh Nghiệp, Cảnh Nghiệp Tướng, và Cảnh Thú Tướng của những Tâm Tái Sinh Dục Giới đây, hết tất cả thảy đều là Cảnh Pháp Dục Giới.

TRÌNH BÀY CẢNH CỦA TÂM TÁI SINH HỮU SẮC GIỚI (RŪPAPAṬISANDHICITTA) VÀ TÂM TÁI SINH VÔ SẮC GIỚI (ARŪPAPAṬISANDHICITTA)

10. Rūpāvacarapaṭisandhiyā pana paññattibhūtaṃ kammanimitta mevāram maṇaṃ hoti.

Còn Cảnh của Tâm Tái Sinh Hữu Sắc Giới đấy, duy nhất chỉ là Cảnh Nghiệp Tướng ở phần Chế Định.

11. Tathā arūpappaṭisandhiyā ca mahaggatabhūtaṃ paññattibhūtañca kamma nimittameva yathārahamārammaṇaṃ hoti.

Cùng thế ấy, Cảnh của Tâm Tái Sinh Vô Sắc Giới cũng có Cảnh tương tự, cũng là Cảnh Nghiệp Tướng ở phần Đáo Đại và Chế Định, phù hợp theo với tầng Thiền Định.

12. Asaññasattānaṃ pana jīvitanavakameva paṭisandhibhāvena, patiṭṭhāti, tasmā te rūpapaṭisandhiyā nāma.

Còn việc Tái Sinh của nhóm Vô Tưởng Hữu Tình Phạm Thiên, đích thị chính là bọn Tổng Hợp Mạng Cửu thường luôn hiện hữu làm thành việc tái sinh. Vì lẽ ấy, các bậc Vô Tưởng Hữu Tình Phạm Thiên đấy, mới được gọi là Bậc Hữu Sắc Pháp Tái Sinh (bậc có Sắc Pháp làm việc tái sinh).

13. Arūpā arūpapaṭisandhikā. Sesā rūpārūpapaṭisandhikā.

Tất cả các bậc Phạm Thiên Vô Sắc Giới đều là nhóm Phạm Thiên có Danh Pháp làm việc tái sinh (Bậc Hữu Danh Pháp Tái Sinh). Người Dục Giới và Người Hữu Sắc Giới còn lại, ngoài ra Bậc Vô Tưởng Hữu Tình Phạm Thiên và những Bậc Phạm Thiên Vô Sắc Giới ấy, là thuộc nhóm có cả hai thể loại Danh Pháp và Sắc Pháp làm việc tái sinh (Bậc Hữu Danh Sắc Tái Sinh).

TRÌNH BÀY TÂM TÁI SINH SINH KHỞI NỐI TIẾP TỪ TÂM TỬ

14.	**Heṭṭhimāruppavajjitā**	**Āruppacutiyā honti**
	Paramāruppasandhi ca	**Tathā kāmatihetukā**
	Rūpāvacaracutiyā	**Aheturahitā siyaṃ**
	Sabbā kāmatihetumhā	**Kāmesveva panetarā**

Sau khi bốn cái Tâm Tử Vô Sắc Giới sinh thì bốn cái Tâm Tái Sinh Vô Sắc Giới, loại trừ những Tâm Tái Sinh Vô Sắc Giới bậc thấp và bốn cái Tâm Tái Sinh Dục Giới Tam Nhân, thường được sinh khởi. Sau khi năm cái Tâm Tử Hữu Sắc Giới sinh thì 17 cái Tâm Tái Sinh, ngoài ra hai cái Tâm Tái Sinh Vô Nhân, thường được sinh khởi. Sau khi bốn cái Tâm Tử Dục Giới Tam Nhân sinh thì tất cả Tâm Tái Sinh, tức là 19 Tâm Tái Sinh Danh Pháp và 1 Tâm Tái Sinh Sắc Pháp thường được sinh khởi. Còn đàng sau từ các Tâm Tử còn lại, tức là 2 Tâm Tử Vô Nhân và 4 Tâm Tử Nhị Nhân sinh thì 10 Tâm Tái Sinh Dục Giới thường sinh khởi ở trong 11 Cõi Dục Giới chỉ ngần ấy thôi.

Ayamettha cutipaṭisandhikkamo.

Lời giải thích đã vừa đề cập đến ở tại đây, là đi theo tuần tự từ nơi việc sinh khởi của Tâm Tử và Tâm Tái Sinh ở trong Tổng Hợp Thoát Ly Lộ Trình.

VIỆC SINH KHỞI TÂM HỮU PHẦN VÀ TÂM TỬ

15. Iccevaṃ gahitapaṭisandhikānaṃ pana paṭisandhinirodhānantarato pabhuti tamevārammaṇamārabbhatadeva cittaṃ yāva cuticittuppādā asati vīthicittuppāde bhavassa aṅgabhāvena bhavaṅgasantatisaṅkhātaṃ mānasaṃ abbocchinnaṃ nadīsoto viya pavattati. Pariyosāne ca vacanavasena cuticittaṃ hutvā nirujjhati.

Theo như phần đã vừa đề cập đến, thì kể từ việc diệt mất của Tâm Tử một cách không gián đoạn của người bám giữ lấy việc Tái Sinh ở trong kiếp sống mới; vào sát na Tâm Lộ Trình không sinh, thì chính cái Tâm Tái Sinh ấy, tiếp thâu lấy Cảnh của Tâm Tái Sinh liền sinh khởi ở trong kiếp sống mới, quay trở lại làm thành cái Tâm được gọi là dòng **Tâm Hữu Phần (Bhavaṅgacitta)** liền sinh khởi không có gián đoạn, như là một Chi Phần **(Aṅga – Bộ Phận)** của kiếp sống, trọn suốt cho đến Tâm Tử lại sinh khởi lên, như dòng nước ở trong một con sông. Và trong chỗ chấm dứt của kiếp sống hiện tại, thì đích thị chính cái Tâm Hữu Phần tiếp thâu lấy Cảnh của Tâm Tái Sinh sinh khởi ở trong kiếp sống mới, tự quay trở lại làm thành Tâm Tử, với mãnh lực của việc chuyển di khỏi kiếp sống cũ, và rồi cũng diệt mất.

VIỆC LUÂN CHUYỂN TUẦN HOÀN TRONG VÒNG LUÂN HỒI

16. Tato parañca paṭisandhādayo rathacakkamiva yathākkamaṃ eva parivattantā pavattanti.

Sau khi Tâm Tử đã diệt mất rồi, thì tất cả các Tâm có Tâm Tái Sinh, v.v. sinh khởi nối tiếp với nhau, trình tự luân chuyển hết cả kiếp sống, làm nhiệm vụ Tái Sinh, Hữu Phần, Tử, tựa như bánh xe luân chuyển ấy vậy.

CÂU KỆ TRÌNH BÀY TÓM LƯỢC SỰ LUÂN CHUYỂN TRONG VÒNG LUÂN HỒI

17. Paṭisandhibhavaṅgavīthiyo Cuticeha tathā bhavantare Puna sandhi bhavaṅgamiccayaṃ Parivattati cittasantati.

Trong kiếp sống hiện tại này, Tâm Tái Sinh, Tâm Hữu Phần, Tâm Lộ Trình và Tâm Tử sinh khởi liên tục với nhau như thế nào; thì trong kiếp sống tới, dòng Tâm Thức có Tâm Tái Sinh, Tâm Hữu Phần, v.v. cũng sinh khởi luân chuyển nối tiếp với nhau cũng cùng một phương thức như thế ấy.

CÂU KỆ TRÌNH BÀY VIỆC CHỈ DẪN PHƯƠNG THỨC LÀM CHO TIỆT DIỆT VÒNG LUÂN HỒI

18. Paṭisaṅkhāya panetamaddhuvaṃ Adhigantvā padamaccutaṃ budhā susamucchinnasinehabandhanā Samamessanti cirāya subbatā.

Phương thức tu tập làm cho tiệt diệt vòng luân hồi hiện hữu như vầy: Bậc hữu trí một cách thường luôn là bậc đã được tái sinh với cả Tam Nhân, có sự hoan hỷ duyệt ý trau giồi tu tập; là thọ trì giới luật, thực hành **Điều Tiết Dục (Dhutaṅga – Hành Đầu Đà),** tiến tu **An Chỉ (Samādhi)** với một thời gian lâu dài, quán sát thẩm thấu được sự hiện hành của Tâm và Tâm Sở chỉ là vật không thường; thế rồi sẽ chứng ngộ đến Pháp bất diệt là Níp Bàn, do bởi Tuệ Đạo – Tuệ Quả, hoàn toàn tiệt diệt sợi dây triền phược, ấy là **Ái Dục (Taṇhā),** sẽ chứng đạt được an vui Níp Bàn tĩnh lặng, và đoạn lưu tất cả mọi **Pháp Hành (Saṅkhāradhamma)** một cách kiên định.

Iti Abhidhammatthasaṅgaha vīthimuttasaṅgahavibhāgo nāma pañcamo paricchedo.

Như vậy, Chương thứ Năm có tên gọi là Phân Tích Tổng Hợp Thoát Ly Lộ Trình ở trong bộ Kinh Chú Giải Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp đã được kết thúc chỉ gồm bấy nhiêu đây.

Kết Thúc Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp Phần Pāḷi
Và Lời Dịch Để Học Thuộc Lòng

----------00000----------

GIẢNG GIẢI TUẦN TỰ Ý NGHĨA THEO PHẦN PĀLI CỦA BỘ TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP TRONG PHẦN TỬ VONG KHỞI SINH TỨ PHẦN (MARAṆUPPATTICATUKKA)

GIẢI THÍCH TRONG PHẦN PĀLI VỚI ĐIỀU THỨ NHẤT: TRÌNH BÀY BỐN TRƯỜNG HỢP CỦA SỰ TỬ VONG

+ Giải thích ở trong phần **Pāḷi** với điều thứ nhất, trình bày bốn trường hợp của sự tử vong. Từ ngữ **Maraṇuppatticatukka – Tử Vong Khởi Sinh Tứ Phần**, khi chiết tự ra có được ba từ ngữ, đó là: **Maraṇa + Uppatti + Catukka. Maraṇa** = sự tử vong, **Uppatti** = việc sinh khởi, **Catukka** = có bốn. Khi kết hợp lại thành **Maraṇuppatticatukka** dịch nghĩa là "Việc sinh khởi của sự tử vong có bốn thể loại", chính là lập ý đến bốn nguyên nhân làm cho sự tử vong hiện khởi. Như trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Maraṇassa uppatti = Maraṇuppatti** - Việc hiện hành của sự tử vong, gọi là **Tử Vong Khởi Sinh. Catunnaṃ samāhāro = Catukkaṃ** - Việc kết hợp của bốn thể loại, gọi là Tứ Phần. Nguyên nhân làm cho sự tử vong hiện khởi ở bốn thể loại, ấy là:

1. Thọ Mạng Diệt Tử Vong (Āyukkhayamaraṇa): chết vì hết Tuổi Thọ

2. Nghiệp Lực Diệt Tử Vong (Kammakkhayamaraṇa): chết vì hết Nghiệp Lực.

3. Nhất Song Diệt Tử Vong (Ubhayakkhamaraṇa): chết vì hết Tuổi Thọ và hết Nghiệp Lực (cả hai).

4. Tiệt Quan Hệ Tử Vong (Upacchedakamaraṇa – Bất Đắc Kỳ Tử): chết vì Nghiệp Lực xen vào cắt đứt mối quan hệ.

Nếu sẽ nêu lên ví dụ để so sánh việc tử vong của tất cả Chúng Hữu Tình thì cũng tương tự như một ngọn đèn thắp sáng. Ngọn đèn này thường sẽ bị tắt đi do bởi một trong bốn nguyên nhân. Một là tắt đi do bởi tim đèn hết. Hai là tắt đi do bởi dầu nến hết. Ba là tắt đi do bởi cả hai tim và dầu nến hết. Bốn là tắt đi do bởi gió quạt hoặc thổi làm cho tắt đi. Ngọn đèn ấy được ví như mạng sống của tất cả Chúng Hữu Tình. Sự diệt tắt của ngọn đèn ấy cũng ví như sự diệt tắt của mạng sống, sự chấm dứt từng mỗi kiếp sống. Do đó, người chấm dứt mạng sống do bởi Thọ Mạng diệt, thì cũng giống như ngọn đèn diệt tắt là do bởi ở nơi tim hết nhưng mà dầu nến vẫn còn. Người chấm dứt mạng sống do bởi hết Nghiệp Lực ấy, thì cũng giống như ngọn đèn diệt tắt là do bởi ở nơi dầu nến hết nhưng mà tim vẫn còn. Người chấm dứt mạng sống do bởi cả hai, là hết Tuổi Thọ và Nghiệp Lực, thì cũng giống như ngọn đèn diệt tắt là do bởi ở nơi cả hai tim và dầu nến đều cùng hết. Người chấm dứt mạng sống do bởi tiếp xúc những **Tác Nhân Bất Tường (Upaddavahetu)** thì cũng giống như ngọn đèn diệt tắt là do bởi ở nơi bị gió quạt hoặc thổi làm tắt đi, mặc dù tim và dầu nến vẫn còn hiện hữu.

[**Chú thích**: "Chết là sự chấm dứt tạm thời của một hiện tượng tạm đình." Chết có nghĩa là sự chấm dứt **Sắc Mạng Quyền Lực (Jīvitindriyarūpa** – sự sống của phần cơ thể vật chất), **Hỏa Tố Chất (Tejodhātu = Usma**: chất ấm của nhiệt độ cơ thể) và **Tâm Thức (Viññāṇa)** của một chúng sinh trong một kiếp sống cá biệt.

Chết không có nghĩa là tuyệt diệt, đoạn diệt hẳn, và trở thành hư vô. Chết ở một nơi này, có nghĩa là sinh ở một nơi khác, cũng giống như một cách quy ước khi nói rằng mặt trời lặn ở một nơi này là mọc ở một nơi khác.]

1. Thọ Mạng Diệt Tử Vong (Āyukkhayamaraṇa): trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Āyuno khayaṃ = Āyukkhayaṃ** - Sự chấm dứt của thọ mạng, gọi là Thọ Mạng Diệt. **Āyukkhayena maraṇaṃ = Āyukkhayamaraṇaṃ** - Sự tử vong do bởi chấm dứt thọ mạng, gọi là Thọ Mạng Diệt Tử Vong.

Từ ngữ **Āyu** rằng khi theo **Phần Chánh Yếu (Mukhyanaya)** nghĩa là theo phần trực tiếp, tức là **Sắc Mạng Quyền Lực (Jīvitarūpa)**. Tuy nhiên ở tại đây, **Āyu** lập ý lấy **Thọ Mạng Diệt (Āyukkhaya)** là việc hạn độ về sự hiện hữu của Sắc Mạng Quyền Lực này. Việc trình bày theo **Phần Nền Tảng Thứ Yếu (Ṭhānayūpacāranaya)** là theo phần gián tiếp, chẳng hạn như nhóm Phạm Thiên, hoặc Chư Thiên, thì ai cũng có việc hạn độ về thọ mạng diệt của mỗi riêng mình, phù hợp theo Cõi Địa Giới mà mình sinh trú. Đối với Nhân Loại ở trong Cõi Nam Thiệm Bộ Châu đấy, thì hạn định thọ mạng diệt thường lên xuống bất định. Đến thời thọ mạng tăng trưởng thì cũng khởi lên đến tột đỉnh cả A Tăng Kỳ Kiếp. Đến thời thọ mạng thối giảm thì cũng hạ xuống thấp đến cả 10 tuổi thọ là thọ mạng diệt. Như đã có trình bày đầy đủ chi tiết trong **Tái Sinh Tứ Phần (Paṭisandhicatukka)** thì ngay trong thời buổi hiện tại đây, có mức hạn định 75 tuổi là thọ mạng diệt. Như thế, tất cả Chúng Hữu Tình ở trong thế gian này, cho dù mãnh lực Nghiệp Lực vẫn còn đang hiện hữu đi nữa, tuy nhiên đến khi hội đủ thọ mạng diệt thì đa phần cũng vẫn tử vong. Cũng có người có cao niên thọ

hơn cả mức hạn định của thọ mạng diệt, tuy nhiên quả thật là hiếm có. Những vị ấy phải có Nghiệp Quá Khứ liên quan đến việc chẳng có sát tử loài Hữu Tình, chẳng có hành hạ bức hại loài Hữu Tình, thế rồi đã giúp đỡ ủng hộ đời sống và thân mạng cho được tồn tại một cách đặc biệt. Hoặc chẳng là như thế, thì mãnh lực **Xuất Sinh Nghiệp Lực (Janakakamma – Nghiệp Tái Tạo)** cũng vẫn đang còn hiện hữu, và có **Hiện Tại Nghiệp Lực (Paccup pannakamma)** ở phần tịnh hảo, tức là việc thọ trì Ngũ Giới cho được thanh tịnh; hoặc có việc giữ gìn và săn sóc sức khỏe một cách tốt đẹp; và đích thị chính những nguyên nhân này đã giúp đỡ cho người ấy có được tuổi thọ lâu dài vượt hơn cả hạn định của thọ mạng diệt. Như ở trong thời buổi hiện tại đây, có người có cao niên thọ đến hơn cả 90 tuổi cũng vẫn đang còn hiện bày. Và ở trong thời kỳ của Đức Phật đấy, thì việc hạn độ thọ mạng diệt được ấn định là 100 tuổi thọ, tuy nhiên cũng vẫn có các bậc có cao niên thọ hơn cả 100 tuổi, và cũng vẫn hiện hữu ở rất nhiều vị, chẳng hạn như Ngài Trưởng Lão **Ānanda**, Ngài Trưởng Lão **Mahākassapa**, Bà **Visākhā**. Những vị này có cao niên thọ đến 120 tuổi. Ngài Trưởng Lão **Bākula** có đến 160 tuổi thọ. Tuy nhiên cho dù như thế nào đi nữa, thường thì không có đến gấp đôi của hạn định thọ mạng diệt ở trong từng mỗi thời kỳ.

[**Chú thích**: Lẽ thường được hiểu rằng cái chết một cách thường nhiên là do bởi tuổi già, thì có thể được liệt vào thể loại Thọ Mạng Diệt Tử Vong. Tuổi thọ ở mỗi Cõi Giới thường có sự khác biệt và chẳng có liên quan đến năng lực tiềm tàng ở trong **Xuất Sinh Nghiệp Lực (Janakakamma – Nghiệp Tái Tạo).** Tuy nhiên, một khi đến chặng cuối cùng của tuổi thọ thì ắt hẳn phải tử vong. Cũng có thể, khi năng lực của Xuất Sinh Nghiệp Lực quả thật cực kỳ dũng mãnh thì chính Nghiệp Lực này tự tái tạo trở lại để tiếp tục sống ở trong Cõi Giới ấy, hoặc ở trong một Cõi Giới cao hơn, chẳng hạn như trường hợp của các Chư Thiên.]

2. Nghiệp Lực Diệt Tử Vong (Kammakkhayamaraṇa): trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Kammassa khayo = Kammakkhayo** - Sự chấm dứt Nghiệp Lực, gọi là **Nghiệp Lực Diệt. Kammakkhayena maraṇaṃ = Kammakkhaya maraṇaṃ** - Việc tử vong do bởi chấm dứt Nghiệp Lực, gọi là **Nghiệp Lực Diệt Tử Vong.**

Từ ngữ **Kamma** ở trong chỗ này lập ý đến Xuất Sinh Nghiệp Lực có nhiệm vụ trổ sinh quả báo cho đi tái sinh ở trong các kiếp sống; và Bảo Hộ Nghiệp Lực có nhiệm vụ giúp đỡ ủng hộ cho Danh Sắc sinh từ Xuất Sinh Nghiệp Lực cho được hiện hữu ở trong các kiếp sống. Việc chấm dứt chính ở ngay cả hai Nghiệp Lực ấy như đã vừa đề cập ở tại đây, đích thị được gọi là Nghiệp Lực Diệt. Như thế, người đã thọ sinh do bởi mãnh lực của cả hai loại Nghiệp Lực này, mà hiện hữu chỉ có được một tháng, hoặc một năm, hoặc 5 năm, 10 năm, v.v. và không có thể hiện hữu cho đến sự hạn định thọ mạng diệt của người ấy được, làm thành nguyên nhân cho người ấy phải tử vong; và chính ở ngay trong sát na mà tuổi thọ chỉ có được một tháng, hoặc một năm, 5 năm, 10 năm, v.v. thì với những trường hợp này thường nói được rằng việc tử vong ấy là do bởi sự chấm dứt Nghiệp Lực, gọi là Nghiệp Lực Diệt Tử Vong. Có thể sánh tợ với ngọn lửa mà hết dầu nến, cho dù tim vẫn còn hiện hữu đi nữa, tuy nhiên ánh lửa cũng phải diệt tắt. Hơn nữa, việc trình bày đến sự tử vong của nhóm Chư

Thiên và Phạm Thiên, ở chỗ nói rằng **Phước Báu Diệt Tử Vong (Puññakkhayamaraṇa)** cũng lập ý đến đích thị chính là Nghiệp Lực Diệt Tử Vong.

[**Chú thích**: Lẽ thường, với những Tư Tưởng, Tư Tâm Sở, hoặc một ước nguyện nào thật dũng mãnh ở trong kiếp sống, trở lại nổi bật vượt trội hơn hẳn vào ngay lúc cận tử lâm chung, và tạo điều kiện cho sự tái sinh sắp đến. Trong chặp tư tưởng cuối cùng ấy có một năng lực đặc biệt. Khi năng lực của Xuất Sinh Nghiệp Lực ấy chấm dứt, thì những hoạt động cố hữu của hình thể vật chất mà sức sống thể hiện ở trong đó cũng cùng chấm dứt, cho dù vẫn chưa đến tuổi già phải Thọ Mạng Diệt Tử Vong.]

3. Nhất Song Diệt Tử Vong (Ubhayakkhayamaraṇa): trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Ubhayesaṃ khayo = Ubhayakkhayo** - Sự chấm dứt cả hai, Tuổi Thọ và Nghiệp Lực, gọi là **Nhất Song Diệt. Ubhayakkhayena maraṇaṃ = Ubhayakkhayamaraṇaṃ** - Sự tử vong do bởi chấm dứt cả hai, Tuổi Thọ và Nghiệp Lực, gọi là **Nhất Song Diệt Tử Vong.**

Sự tử vong ở thể loại này cũng lập ý đến người tử vong ấy có cao niên thọ mãi cho đến thọ mạng diệt và mãnh lực **Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực (Kusalajanakakamma)** hoặc **Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực (Akusalajanakakamma)** cũng vừa vặn kết thúc cùng với sự chấm dứt tuổi thọ; và như thế cũng có thể sánh tợ với ngọn lửa diệt tắt là do bởi ở nơi tim và dầu nến cùng đều hết với nhau. Điển hình chẳng hạn như người thọ sinh ở trong thời kỳ có hạn định tuổi thọ là 75 năm là thọ mạng diệt, và mãnh lực từ Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực của người ấy cũng cùng có mãnh lực tương tự như nhau là 75 năm. Khi người ấy có tuổi thọ vừa đến 75 rồi liền tử vong, thì cũng nói được rằng sự tử vong của người ấy là Nhất Song Diệt Tử Vong. Ngay cả nhóm Hữu Tình ở trong Cõi Thống Khổ Địa Giới thọ sinh từ mãnh lực Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực thì cũng tương tự như nhau. Chẳng hạn như thọ mạng diệt con chó có hạn độ được vào khoảng 10 đến 12 năm, và con chó thọ sinh ấy cũng có được mãnh lực Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực là 10 đến 12 năm; và như thế, giả như con chó này tử vong khi có tuổi thọ là 10 đến 12 năm, thì cũng nói được rằng việc tử vong con chó này là Nhất Song Diệt Tử Vong.

[**Chú thích**: Nếu một con người thọ sinh ở vào thời kỳ có tuổi thọ con người là 80; và người ấy tử vong vào lúc 80 tuổi do bởi năng lực của Xuất Sinh Nghiệp Lực chấm dứt, thì sự tử vong người ấy là do bởi sự chấm dứt đồng thời cả hai, Tuổi Thọ và Nghiệp Lực.]

4. Tiệt Quan Hệ Tử Vong (Upacchedakamaraṇa – Đình Chỉ Tử Vong): trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Upacchindatīti = Upacchedakaṃ** - Nghiệp Lực nào thường hay xen vào cắt đứt Dị Thục Quả và Sắc Nghiệp Lực đã được thọ sinh từ Xuất Sinh Nghiệp Lực, như thế, Nghiệp Lực ấy gọi là **Tiệt Quan Hệ.** Tức là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực, 8 Đại Thiện Nghiệp Lực, 1 Đạo Vô Sinh Nghiệp Lực.

Upacchedakakammunā maraṇaṃ = Upacchedakamaraṇaṃ - Việc tử vong do bởi Nghiệp Lực xen vào cắt đứt Dị Thục Quả và Sắc Nghiệp, gọi là **Tiệt Quan Hệ Tử Vong (Bất Đắc Kỳ Tử).**

Người có tuổi thọ khi vẫn chưa vào đến giới hạn thọ mạng, và mãnh lực Xuất Sinh Nghiệp Lực thì cũng vẫn chưa diệt mất, tuy nhiên với mãnh lực Bất Thiện Nghiệp Lực hoặc Thiện Nghiệp Lực đã có tạo tác ở trong kiếp trước, hoặc ở trong kiếp này đã xen vào cắt đứt

quan hệ cho người ấy phải sớm tử vong đi; mà có thể sánh tợ với ngọn lửa một khi tim cũng vẫn còn hiện hữu, và dầu nến thì cũng vẫn chưa diệt mất; thế nhưng, ngọn lửa ấy cứ vẫn diệt tắt do bởi các nguyên nhân khác, như bị gió thổi, hoặc bị nước tạt, hoặc bị một vật thể nào khác thổi tắt đi, v.v. gọi là Tiệt Quan Hệ Tử Vong.

Cả bốn thể loại của sự tử vong như đã vừa đề cập đến ở tại đây, với người tử vong do bởi Thọ Mạng Diệt Tử Vong, Nghiệp Lực Diệt Tử Vong, và Nhất Song Diệt Tử Vong, với cả ba thể loại này thì gọi là **Hợp Thời Tử Vong (Kālamaraṇa),** là vì việc tử vong ở thể loại này đã đến thời lúc. Còn người tử vong do bởi Tiệt Quan Hệ Tử Vong, gọi là **Phi Thời Tử Vong (Akālamaraṇa – Bất Đắc Kỳ Tử),** là vì việc tử vong vẫn chưa phải đến thời lúc. Sự tử vong ở thể loại Phi Thời Tử Vong đây, hiện hữu với nhau có rất nhiều thể loại, đó là:

1. **Jighacchāya pipāsāya Ahidaṭṭhā visena ca**
   Aggi uddhaka sattīhi Akāle tattha mīyati.
2. **Vāta pittehi semhena Sannipāta utūhi ca**
   Visamopakkama kammehi Akāle tattha mīyati.

1. Thường tử vong ở trong thời kỳ vẫn chưa phải đến thời lúc, do bởi bị đói bụng, khát nước; bị rắn cắn, bị đầu độc, bị lửa đốt cháy, bị chìm dưới nước, bị vũ khí sát hại.

2. Thường tử vong ở trong thời kỳ vẫn chưa phải đến thời lúc, do bởi cảm gió, bệnh tật; bệnh liên quan đến đàm suyễn; bệnh sốt rét; bệnh tổng hợp với 2 hoặc 3 thể loại dị ứng hợp chung vào nhau liên quan với gió, mật, đàm; bệnh liên quan với khí hậu thời tiết hoặc **Tiệt Quan Hệ Nghiệp Lực (Upacchedakakamma);** bởi do việc tái sinh của mình bất quân bình, bất hợp vệ sinh, mất thể lực bởi do sự nỗ lực của tự bản thân hoặc của tha nhân.

Cho dù sẽ dựa vào những nguyên nhân làm cho phải tử vong ở trong sát na vẫn chưa phải đến thời lúc như đã vừa đề cập ở tại đây đi nữa, tuy nhiên một khi thẩm sát quán thấy thì sự tử vong ở những thể loại này thường sẽ không thể nào loại trừ ra khỏi **Quá Khứ Nghiệp Lực (Atītakamma)** đi được; có nghĩa là sẽ phải có Nghiệp Lực Quá Khứ làm thành người ủng hộ và có tác nhân ở ngay trong lúc hiện tại làm thành người thụ lý. Như Đức Thế Tôn Ngài đã lập ý khải thuyết để ở trong Chánh Tạng **Pāḷi** Tương Ưng Bộ Kinh nói rằng: **Adhi mahārāja yo pubbe pare jighacchāya māreti, so bahūni vassasata sahassāni jigacchāya pīḷito chāto v.v. jighacchāyeva marati daharopi majjhimopi mahallakopī** - Này Đại Vương, ở trong thế gian này người nào đã từng làm cho người khác phải tử vong với việc đói cơm; thì đích thị chính người ấy, cho dù vẫn còn ở trong tuổi niên thiếu đi nữa, tuổi thanh xuân trai trẻ đi nữa, tuổi lão mại đi nữa, ắt phải bị thụ lãnh việc hành hạ bức hại với việc đói cơm và phải tử vong với việc việc đói khát ấy vậy. Là như vậy suốt cả trăm ngàn kiếp. Và người đã từng làm cho người khác phải tử vong với những sự việc khát nước, cho rắn cắn, đầu độc tố, lấy lửa thiêu đốt, nhấn chìm xuống nước, sát hại với việc sử dụng vũ khí, v.v. thì chính người ấy ắt phải bị tử vong cũng tương tự với việc khát nước, bị rắn cắn, bị đầu độc, bị lửa thiêu đốt, chìm dưới nước (chết đuối), và bị vũ khí sát hại. Và thường biểu lộ cho được thấy rằng những Phi Thời Tử Vong ấy, sẽ không thể nào loại trừ khỏi Quá Khứ Nghiệp Lực đi được. Với lý do này, tất cả các Ngài Giáo Thọ Sư có đầy đủ đức độ mới cùng nhau đi đến kết luận rằng " những sự tử vong thuộc thể loại Phi Thời Tử Vong đây, là

chết do bởi **Tiệt Quan Hệ Nghiệp Lực (Upacchedakakamma – Sát Nghiệp Lực, Đối Nghịch Nghiệp Lực).**

Căn bệnh tổng hợp là bệnh liên quan với gió, mật, và đàm, với cả ba thể loại hoặc hai thể loại này có trạng thái biến đổi dị ứng khác thường, và chính thể loại này gọi là **Bệnh Tổng Hợp (Sannipātaroga).** Bệnh liên quan với khí hậu thời tiết, gọi là **Bệnh Thời Khí (Utujaroga).** Bệnh liên quan với vật thực, gọi là **Bệnh Trúng Thực (Āhārajaroga).** Bệnh liên quan với tâm thức, gọi là **Bệnh Tâm Thần (Cittajaroga).** Bệnh liên quan với Nghiệp Lực, gọi là **Bệnh Nghề Nghiệp (Kammajaroga).** Những thể loại bệnh này cũng phải có trạng thái biến đổi hư hoại của nhóm gió, mật và đàm cũng cùng xen vào với nhau; tuy nhiên không thể gọi là Bệnh Tổng Hợp. Đối với những căn bệnh chẳng có liên quan với thời tiết, hoặc vật thực, hoặc tâm thức, hoặc nghiệp lực; tuy nhiên vẫn có trạng thái biến đổi hư hoại của một hoặc hai, ba thuộc các thể loại nhóm gió, mật, và đàm đây; thì cũng vẫn phải gọi tên riêng từng các căn bệnh ấy, tức là Bệnh Phong Khí, Bệnh Túi Mật, Bệnh Đàm Suyễn, Bệnh Tổng Hợp.

Từ ngữ **Visamopakkama** trong câu Kệ thứ hai đây, là hai từ ngữ kết hợp với nhau. Một từ ngữ là **Visama** = việc tái sinh của mình bất quân bình, bất hợp vệ sinh. Một từ ngữ là **Upakkama** = sự nỗ lực tự bản thân hoặc tha nhân. Việc tái sinh của mình bất quân bình, bất hợp vệ sinh, gọi là **Visama** đấy, là các Ngài Chú Giải cổ xưa nói rằng "Trí Tuệ là người bảo hộ sinh mạng". Thế nhưng, người ấy lại không có Trí Tuệ để sẽ giữ gìn thân thể cho có được khang kiện, cho có được mạng sống miên trường suốt trọn đến thọ mạng diệt. Sự việc mà tất cả Chúng Hữu Tình có được sức khỏe tốt đẹp, có được tuổi thọ lâu dài đấy, thì chẳng thể nào chỉ nương duy nhất vào Quá Khứ Nghiệp Lực là Nghiệp Lực cũ từ kiếp trước kia được; mà sẽ cần phải có việc nuôi dưỡng và giữ gìn thân thể với thực phẩm và thuốc men; lại nữa, luôn cả với việc rèn luyện những đại oai nghi cho hiện hành một cách quân bình, thì mới sẽ có thể giúp đỡ làm cho có được sức khỏe tốt đẹp, và cho có được tuổi thọ lâu dài suốt trọn đến thời thọ mạng diệt được. Vì rằng loài Hữu Tình có **Nghiệp Căn (Mūlakamma)** là Nghiệp Lực làm cho phát sinh năng lực kiên cường, để sẽ không thể nào làm bất luận một điều chi mà sẽ xâm hại và phá hủy mạng sống cho phải tử vong một khi vẫn chưa đến thời thọ mạng diệt được, thiệt quả là một việc khó khăn vô cùng. Cho dù có thể cũng có đi nữa, thế nhưng chỉ ở phần rất là ít oi và hy hữu, có thể nói là một trong số lượng trăm nghìn (1/100,000), số lượng triệu (1/1,000,000) thôi. Do đó, sự tử vong khắp tất cả những con người một khi vẫn chưa đến thời thọ mạng diệt đấy, là cũng do bởi chẳng có việc nuôi dưỡng và giữ gìn thân thể, chẳng có việc luân phiên thay đổi các đại oai nghi cho hiện hành một cách quân bình, để cho chúng hiện hành mặc cho dòng nghiệp lực muốn ra sao thì ra, cùng với mãnh lực của phiền não, tức là đôi khi cũng có và đôi khi cũng chẳng có sự hoan hỷ duyệt ý, cũng chẳng biết, cũng chẳng liễu tri bởi do nghĩ không đến, làm thành sự tử vong đã hiện hữu quả thật là rộng lớn.

Sự nỗ lực tự bản thân hoặc tha nhân, gọi là **Upakkama** đấy, và đối với sự nỗ lực tự bản thân, thì chẳng hạn như là thực hiện việc thắt cổ, bắn bỏ, nhảy xuống nước, nhịn ăn, uống thuốc độc. Đối với sự nỗ lực tha nhân, chẳng hạn như là bị kẻ thù sát hại mạng vong,

bị loài Hữu Tình thực hiện điều nguy hại dẫn đến phải tử vong, cũng có đôi khi bị Chư Thiên xuống tác hại dẫn đến phải tử vong, hoặc chụp bắt ăn cũng có. Sẽ nói rằng thân thể tất cả những con người và trú xứ là chỗ nương vào cây cối, núi đồi, mãi cho đến tận các thôn làng, tỉnh thành, và quốc độ. Những thể loại này đều hoàn toàn có Chư Thiên trông nom, giám hộ, gìn giữ, và luôn chực chờ mang lại sự an vui hạnh phúc đến mọi thời lúc. Như thế, một khi tất cả những con người chẳng có thực hiện việc hồi hướng phần Phước Báu, truyền rải Tâm Từ Ái cho đến Chư Thiên, và luôn cả tự bản thân cũng vẫn thường luôn thực hiện tạo tác chỉ ngặt ở trong con đường Ác Hạnh, Ác Mạng một cách luôn khi, đã dẫn đến làm cho tất cả các Chư Thiên ấy phát sinh lên sự bất toại ý. Thế là những Chư Thiên ấy cũng đã từ bỏ việc trông nom, giám hộ, gìn giữ; và để cho các hàng quỷ hung ác dữ tợn có được cơ hội xen vào thực hiện việc hành hạ bức hại và gây tổn thương đến cơ thể, mạng sống, tài sản của cải của những hạng người đó, cho đi đến sự sụp đổ điêu tàn với muôn vàn trường hợp. Hoặc chẳng là như thế, thì đích thị chính các vị Chư Thiên đã gìn giữ Nhân Loại và trú xứ ở buổi ban đầu ấy, tự thực hiện việc trừng phạt ấy đi. Còn giả như tất cả những con người có việc thực hiện hồi hướng phần Phước Báu, truyền rải Tâm Từ Ái cho đến tất cả những Chư Thiên ấy, và luôn cả tự bản thân cũng vẫn thực hành các Thiện Sự, có việc thọ trì Giới Pháp **(Sīladhamma)** một cách thường luôn, đã làm cho hết tất cả các Chư Thiên ấy phát sinh lên sự thương yêu và toại ý ở trong bản thân. Tất cả các Chư Thiên ấy đã cùng rủ nhau canh phòng, trông nom, gìn giữ tất cả những con người ấy cho được đón nhận sự an vui hạnh phúc, và chẳng cho có bất luận một điều nguy hại nào xen vào hành hạ và bức hại được.

Trong cả hai phân loại này, thì từng mỗi tai họa phát sinh lên hành hạ bức hại do từ nhóm Chư Thiên chẳng thực hiện việc trông nom gìn giữ đấy, có sự hiện hành như vầy: một khi Chư Thiên Thiện đã buông lơi bỏ mặc đến nhóm Nhân Loại ở trong bất luận thôn làng, tỉnh thành nào rồi, thì tất cả các Chư Thiên độc ác có được cơ hội xen vào chụp bắt ăn vừa theo sự thỏa mãn của mình, mà chẳng phải có sự e ngại kinh sợ với bất luận điều nào cả. Hơn nữa, lại thêm các Chư Thiên có tâm kết cột oán hận kể từ những kiếp trước kia, cũng có được cơ hội xen vào gây tổn thương và hành hạ bức hại. Còn **Quỷ Thần Dạ Xoa (Yakkhadevatā)** là loại dạ xoa yêu quái sống nương nhờ ở trong sông hồ, biển cả, đại dương; và một khi nhìn thấy thuyền bè lớn nhỏ qua lại bị chìm đắm xuống, thì cùng rủ nhau trá hình thành những con kình ngư, hoặc cá sấu, hoặc Long Vương, đi đến chụp bắt lấy những con người ấy ăn. Hàng dạ xoa yêu quái nương trú trong đầm sen ở rừng sâu và bóng mát; ác dạ xoa yêu quái nương trú ở trong cổ thụ của các Ngài Tứ Đại Thiên Vương đã cho phép, đã chụp bắt lấy Chúng Hữu Tình ấy rớt xuống ở trong đầm sen, hoặc trôi vào bên phía dưới trướng thuộc khu vực bóng mát của tàng cổ thụ mà có thể ăn được đấy; những dạ xoa ấy cũng có được cơ hội thực hiện việc dụ dỗ đánh lừa với hạng người chẳng có được Chư Thiên Thiện giám hộ, trông nom, gìn giữ ấy, cho đi vào bên phía trong khu vực của mình, và rồi đã bắt lấy ăn đi một cách dễ dàng. Lại còn thêm hai nhóm Chư Thiên độc ác khác nữa, đó là **Thiên Ác Dạ Xoa (Kumabhaṇḍadevatā)** nương trú ở ngoại vi tầng cầu thang thứ ba **Tu Di Sơn (Sineru)**, hoặc **Thiên Long Vương (Nāgadevatā)** nương trú ở dưới nền lục địa và ở dưới lòng đại dương. Ngoài ra cả hai loại này, cũng còn có rất nhiều các hàng quỷ hung

ác dữ tợn khác nữa, cũng đang chực chờ tìm kiếm cơ hội, đã tìm cách để sẽ xen vào mưu cầu chụp bắt lấy những con người mà Chư Thiên Thiện đã chẳng còn trông nom giám hộ, để mà ăn. Hàng **Càn Thát Bà Thiên (Gandhabbadevatā)** nương trú ở trong các lõi cây, cũng có được cơ hội phiến hoặc ám ảnh, và hành hạ bức hại với muôn vàn hình thức; làm cho phát sinh sự khiếp đảm, giật mình, kinh hoảng, đến nỗi trở thành người mất cả chánh niệm. Bất luận người nào đã bị tử vong do bởi các hàng Chư Thiên độc ác và các hàng quỷ hung ác dữ tợn, như Quỷ Thần Dạ Xoa, Thiên Ác Dạ Xoa, Long Vương, đã hành hạ bức hại, gây tổn thương và chụp bắt ăn, như đã vừa đề cập ở tại đây, ấy là việc tử vong do bởi từ sự nỗ lực của tha nhân.

Đối với người an trú trong **Thiện Hạnh (Sucarita)**, hằng luôn tư duy thuần thục chỉ ở trong việc Thiện Phước, và thường luôn hồi hướng phần Phước Báu, truyền rải Tâm Từ Ái cho đến tất cả các Chư Thiên; thì tất cả các Chư Thiên Thiện ấy cũng sẽ có lòng thương yêu lân mẫn và trông nom gìn giữ, để rồi ngăn ngừa chẳng cho các Chư Thiên độc ác và các hàng quỷ hung ác dữ tợn xen vào quấy rầy nhiễu loạn và tạo tác điều nguy hại. Một khi có thiên tai khởi sinh, hoặc có **Người Ngu Xuẩn Điên Rồ (Andhabāla)** đi đến gây điều tổn hại; thì cũng xen vào giúp đỡ, bảo vệ lấy để cho được thoát khỏi điều nguy hại một cách rất nhiệm mầu. Giả như vị cai quản đất nước hoặc bậc có quyền lực đã thực hiện việc hành hạ bức hại, gây tổn thương đến với người đã có được Chư Thiên thương yêu phù hộ, trông nom gìn giữ đấy, thì đoan chắc thật rằng ắt phải bị Chư Thiên thương yêu những người ấy, trừng phạt đến cá nhân những người đó cho phải thụ lãnh sự sụp đổ suy tàn. Hoặc chẳng là như thế, thì tất cả nhà cửa, cả hội đoàn, cả tỉnh thành, cả đất nước, với người chẳng có được Chư Thiên Thiện thương yêu, từng trông nom gìn giữ, thì sẽ phải bị các Chư Thiên độc ác và hàng quỷ hung ác dữ tợn thực hiện điều nguy hại. Hoặc người đã có được Chư Thiên Thiện thương yêu, bảo hộ, trông nom, gìn giữ, sẽ giúp đỡ cho thoát khỏi nạn thiên tai và thoát khỏi nạn **Người Ngu Xuẩn Điên Rồ (Andhabāla)** đi đến gây điều tổn hại. Và khi bị người cai quản đất nước, hoặc người có quyền lực thực hiện việc hành hạ bức hại, tác hại ưu não, thì cũng có được Chư Thiên Thiện đi đến trừng phạt với người ấy, với hội đoàn ấy, cho phải bị thụ lãnh sự sụp đổ suy tàn. Tất cả những sự việc này đã có được trình bày rõ ràng ở trong phần Giải Thích Phật Ngôn, và Chú Giải, có ở trong Túc Sinh Truyện, v.v.

Vì lẽ ấy, một khi đã thẩm sát đến việc tử vong con người ở trong thời buổi hiện tại này rồi, thì cũng sẽ nên thấy được rằng là việc tử vong bởi do sự nỗ lực tự bản thân và sự nỗ lực tha nhân, như có Chư Thiên, v.v. đây, hiện hữu với rất nhiều thể loại. Tuy vậy, người đã chết và người đang còn sống ở phía sau, cũng không thể nào thấu hiểu được một cách chính xác là do bởi bất luận nguyên nhân nào mà đã làm cho phát sinh về cả hai trường hợp sự tử vong này. Như thế, một khi sẽ thực hiện việc **Tự Vẫn Nghiệp Lực (Attavinipātakamma – Tự Sát Hại Mình)**, hoặc nhìn thấy người khác tự vẫn, thì cũng thường hay nghĩ suy hoặc hiểu biết cho rằng người vợ không tốt, người chồng không tốt, bán buôn lỗ lã, bệnh hoạn hành hạ, hoặc là do tình hình đất nước bị khuynh đảo. Thế nhưng, quả thực là những người tự vẫn đấy, hoàn toàn do bởi ở nơi Hiện Tại Nghiệp Lực, đích thị chính là hành động tạo tác của mình ở ngay trong kiếp hiện tại này hữu quan duy nhất theo một chiều phiền não phát

sinh; và chẳng có Quyền Lực **(Indrīya)** và Năng Lực **(Bala)** sẽ xen vào thực hiện việc giúp đỡ. Vì lẽ ấy, giả như tâm thức ấy có được cả năm Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ hình thành ra Quyền Lực và Lực đã đạt đến mức độ kiên cường một cách thiện hảo, đã thấm nhập vào và thực hiện việc thay thế lấy phiền não; thế là việc tự vẫn sẽ chẳng thể nào khởi sinh lên được, mà trái lại sẽ chuyển đổi lại thành một nhà học giả về Pháp Học, hoặc một hành giả về Pháp Hành, một vị tu sĩ, v.v. với cả sự tinh khiết và thanh cao đã phát sinh đến với mình, lại còn có cả sự quý kính và tôn trọng của người khác nữa. Đa phần khi có những tai họa khởi sinh đến với mình, hoặc nhìn thấy tha nhân phải bị thụ lãnh các điều tai họa; thì con người chẳng có việc nghĩ tưởng đến Hiện Tại Nghiệp Lực, tức là các hành động tạo tác của mình, và hành động tạo tác của người chết hiện hành chỉ ngặt thường luôn ở trong đường lối Ác Hạnh, Ác Mạng; mà trái lại cứ vẫn nghĩ tưởng và nhìn thấy nó hiện hành ở trong hình thức phiến diện hướng ngoại, là bị nạn đạo tặc, nạn thủy tai, nạn hỏa tai, nạn vua quan, nạn phong tai; là các tai họa phát sinh do bởi ở thú dữ, có rắn, hổ cọp, v.v. Sự việc hiện hành như vầy, cũng chính do bởi chẳng có việc thụ lãnh Giáo Pháp của Bậc Chánh Đẳng Giác với cả hai phần, Pháp Học hoặc Pháp Hành, đó vậy.

[**Chú thích**: Những hành động mạnh mẽ có thể đột nhiên cắt đứt ngang năng lực Xuất Sinh Nghiệp Lực, cho dù tuổi thọ vẫn chưa diệt mất. Ví như một mũi tên đã được bắn ra, tất phải đi đến tận cùng của lộ trình xạ tiễn. Thế nhưng, một năng lực dũng mãnh hơn đã có thể làm lệch đường bay của mũi tên, hoặc chận dứt ngang, và đã làm rơi mũi tên xuống mặt đất. Cùng thế ấy, một Nghiệp Lực dũng mãnh ở trong kiếp quá khứ đã có thể làm tan biến một tiềm năng của chặp tư tưởng có tác dụng **Xuất Sinh (Janaka)** vừa chấm dứt, và như thế, đã tiêu diệt mạng sống của một chúng sinh. Sự tử vong của Tỳ Khưu **Devadatta** là do bởi mãnh lực **Tiệt Quan Hệ Nghiệp Lực (Upacchedakakamma – Sát Nghiệp, Đối Nghịch Nghiệp Lực, Đình Chỉ Nghiệp Lực)** do chính bản thân đã tạo tác ngay ở trong kiếp sống hiện tiền.

Cả ba thể loại Tử Vong đầu tiên, thì được gọi chung là **Hợp Thời Tử Vong (Kālamaraṇa – Chết đúng thời);** và loại Tử Vong cuối cùng, được gọi là **Phi Thời Tử Vong (Akalamaraṇa – Chết không đúng thời, bất đắc kỳ tử).**

Có thể ví như một ngọn đèn dầu. Ngọn đèn có thể tắt là do bởi bốn lý do như sau: tim lụn, dầu cạn, với cả hai là vừa lụn tim và vừa cạn dầu, và một nguyên nhân từ ngoài xen vào, chẳng hạn như ngọn gió thổi phụt tắt đi. Sự tử vong một chúng sinh do bởi một trong bốn nguyên nhân, như vừa kể trên.]

THẨM ĐỊNH BỔ SUNG TRONG VIỆC TRÌNH BÀY VỀ TIỆT QUAN HỆ TỬ VONG (UPACCHEDAKAMARAṆA) CỦA NGÀI GIÁO THỌ MINH NGHĨA PHỤ CHÚ GIẢI (VIBHĀVAVINĪṬĪKĀCARIYA)

Idaṃ pana nerayikānaṃ uttarakuruvāsīnaṃ kesañci devānañca na hoti [trích ở trong điều 187 – Minh Nghĩa Phụ Chú Giải **(Vibhāvavinīṭīkā)**] Còn sự chết với Tiệt Quan Hệ Tử Vong đây, thường chẳng có đến với loài Hữu Tình ở trong Cõi Địa Ngục

(Nirayabhūmi), Bắc Câu Lư Châu **(Uttarakurudvīpa)**, và một vài nhóm Chư Thiên ngoài ra Địa Cư Thiên **(Bhumaṭṭhadevatā)**.

Ngài Giáo Thọ Minh Nghĩa Phụ Chú Giải đã đề cập đến như vậy đó, cũng có thể có hiện hành một cách đặc biệt chỉ ở trong Bắc Câu Lô Châu ngần ấy thôi. Đối với Cõi Địa Ngục và một vài nhóm Chư Thiên ngoài ra Địa Cư Thiên đấy, thì có thể nêu thí dụ dẫn chứng về Tiệt Quan Hệ Tử Vong như sau:

+ **Tiệt Quan Hệ Tử Vong ở trong Cõi Địa Ngục:** Một khi tất cả Chúng Hữu Tình đã được Ngài **Diêm Vương (Yamarāja)** thẩm tra hạch biện hầu để cho có việc giúp đỡ, thì loài Hữu Tình Địa Ngục ấy đã có được sự truy niệm nghĩ tưởng đến các Thiện Sự mà mình đã từng có kiến tạo để ở trong thời mà bản thân khi vẫn còn ở Nhân Loại, và tức thời liền tử vong; thế rồi tiếp nối đi tái sinh làm thành Nhân Loại, hoặc làm thành Chư Thiên. Đây là việc tử vong bởi do **Thiện Tiệt Quan Hệ Tử Vong (Kusalaupacchedakamaraṃ)**, tức là Danh – Sắc Thiện Nghiệp Lực **(Kusalakammataddarūpa – nāma)** sinh khởi từ Bất Thiện Nghiệp Lực làm cho phải mạng vong.

+ **Tiệt Quan Hệ Tử Vong ở trong Cõi Thiên Giới:** Có vị Địa Cư Thiên khi còn ít tuổi nương trú ở cây cối, rồi có một vị Tỳ Khưu chặt đốn cái cây đó đi và đã chém vị Thiên Tử ấy phải bị mạng vong, như có tích truyện đã trình bày để ở trong **Điều Giới Luật về Thảo Mộc (Bhūtagāmasikkhāpada)** của Tạng Luật. Như thế, Ngài Giáo Thọ Minh Nghĩa Phụ Chú Giải đã lập ý đến tích truyện này, mới nói rằng **Kesañci** không nói đến khắp cả Chư Thiên, là có việc miễn trừ. Việc miễn trừ của Ngài Giáo Thọ Minh Nghĩa Phụ Chú Giải đây, nếu giả như chỉ lập ý chỉ riêng nhóm Địa Cư Thiên như đã vừa đề cập đến thì cũng vẫn chưa đầy đủ, là vì vẫn còn có các vị Thiên Tử khác đã mạng vong do bởi Tiệt Quan Hệ Tử Vong, chẳng hạn như có một vài vị Thiên Tử cứ mãi mảng vui chơi với sự dính mắc cho đến nỗi quên cả việc ăn uống, tiếp đến sực nhớ đến việc đói mới vội đi thọ thực, thế nhưng đã không còn kịp, vì lẽ đã bị **Tiêu Hóa Nhiệt Khí (Pācakatejo: là nhiệt độ giúp tiêu hóa vật thực)** đã thiêu hủy trọn cả dạ dầy mãi cho đến tận cả ruột non lẫn ruột già, v.v. thế rồi tiêu hủy hết tất cả, và Chư Thiên đã mạng vong do bởi cứ mãi mảng vui như vậy, gọi là **Du Hý Hại Sự (Khiḍḍāpadosika).** Một vài vị Thiên Tử đã tử vong vì trái tim đã bị thiêu đốt do bởi lòng sân hận, vì sự khổ tâm khởi phát từ việc gây gỗ của nhóm Chúng Thiên với nhau, gọi là **Tâm Phiền Ý Loạn (Manopadosika).** Và ở trong bộ Chú Giải Tương Ưng Bộ Kinh Hảo Phạm Thiên **(Subrahmasaṃyutta Aṭṭhakathā)** đã có trình bày rằng 500 nàng Nhật Thiên Tử là tùy tùng của **Hảo Phạm Thiên Thiên Tử (Subrahmadevatā)** đang đi hái hoa ở trên cây và đã tử vong với mãnh lực Bất Thiện Tiệt Quan Hệ Nghiệp Lực. Sự tử vong thể loại này phát sinh từ sự mãi mảng vui chơi; lòng sân hận và sự khổ tâm. Cả hai trường hợp này đã có hiện hành ở trong cả Lục Dục Thiên Giới, chẳng hạn như việc thọ sinh ở trong Cõi Thiên Giới và Cõi Phạm Thiên Giới chẳng có sự kỳ vọng sẽ cho ở đến trọn đủ thọ mạng diệt, vì không thể thực hiện được việc kiến tạo **Pháp Toàn Thiện (Pāramī – Ba La Mật).** Thế rồi, đã có việc lập nguyện với việc tự sát hại mình, làm cho bản thân sẽ chết dần dần cùng với lời phát nguyện rằng: "Xin cho sinh mạng của tôi được diệt tắt ngay bây giờ". Sự tử vong của Bậc Giác Hữu Tình như vậy, gọi là **Quyết Định Tử Vong (Adhimutti**

kālakiriya - Sinh Mạng Diệt Độ) cùng với **Chí Nguyện Tâm Lực (Adhiṭṭhānacitta),** và với từ ngữ **Adhimutti - Quyết Định.**

GIẢI THÍCH Ý NGHĨA TỪ NGỮ KESAÑCI DEVĀNAṂ

Từ ngữ **Kesañci Devānaṃ** đây, có ý nghĩa cho được hiểu biết rằng "một vài vị Thiên Tử chẳng phải mạng chung do bởi Tiệt Quan Hệ Tử Vong", thế nhưng cũng vẫn có một số vị Thiên Tử đã mạng chung do bởi Tiệt Quan Hệ Tử Vong. Khi đã là như vậy, thì cũng nên trình bày đến loài Hữu Tình Bàng Sinh và Nhân Loại vào với nhau, và sẽ nói rằng: **Kesañci tiracchānañca kesañci manussānañca kesañca devānañca na hoti** - Vì cũng có một vài loài Hữu Tình Bàng Sinh và một vài con người ở Nhân Loại chẳng phải mạng chung do bởi Tiệt Quan Hệ Tử Vong, và mạng chung do bởi Tiệt Quan Hệ Tử Vong thì cũng vẫn có. Vì lẽ ấy, từ ngữ **Kesañci** là **Phân Biệt Từ (Visesanapada)** của **Devānaṃ** đây, cũng chẳng làm cho phát sinh lợi ích nào cả, mà trái lại đã làm cho việc cắt nghĩa càng rắc rối thêm lên.

Lại nữa, một khi sẽ tầm cầu lợi ích từ nơi từ ngữ **Kesañci Devānaṃ** với cả sự tôn kính và lòng sùng tín ở trong Trí Tuệ của Ngài Giáo Thọ Minh Nghĩa Phụ Chú Giải thì cũng có được tương tự, là vì sẽ làm cho thấu hiểu đến sự sinh hoạt của Chư Thiên, với cả Nhân Loại và chí đến cả loài Hữu Tình Bàng Sinh, thì cũng có việc khác biệt với nhau. Xin nói rằng việc thọ sinh, việc sinh sống, và việc tử vong của loài Hữu Tình Bàng Sinh và Nhân Loại; thì tất cả mọi con người đều đã được chứng kiến với nhau ở ngay trước mắt, và chẳng nhất thiết sẽ phải đem ra trình bày lại thêm lần nữa. Còn việc thọ sinh, việc sinh sống và việc tử vong của Chư Thiên đấy, loại trừ ra các **Bậc Phúc Lộc Thiền Giả (Jhānalābhī), Bậc Thắng Trí Giả (Abhiññālābhī)** và bậc có Tài Trí thù thắng hiệp thế, thì chẳng có một người nào sẽ có thể chứng kiến được, và sẽ làm cho phát sinh sự thắc mắc trong việc tử vong của các vị Chư Thiên. Cũng chính vì lý do này, mà Ngài Giáo Thọ Minh Nghĩa Phụ Chú Giải mới chỉ có trình bày để nói rằng: **Kesañci devānañca na hoti** - Có một vài vị Thiên Tử chẳng phải mạng vong do bởi Tiệt Quan Hệ Tử Vong, là vậy.

GIẢI THÍCH TRONG PHẦN PĀLI VỚI ĐIỀU THỨ HAI: TRÌNH BÀY ĐIỀM TƯỚNG HIỆN KHỞI KHI CẬN TỬ LÂM CHUNG

Tathā ca marantānaṃ pana v.v. aññatarasmiṃ paccupaṭṭhāti.

Đoạn văn **Pāḷi** này trình bày điềm tướng hiện khởi khi cận tử lâm chung. Lẽ thường, tất cả các loài Hữu Tình mà vẫn chưa chứng đắc Quả vị Vô Sinh, và sẽ còn là hàng Hữu Tình Địa Ngục, Ngạ Quỷ, **Atula**, Bàng Sinh đi nữa; hoặc là Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên đi nữa; thì một khi tử vong do bởi một trong bốn trường hợp, có Thọ Mạng Diệt, v.v., thì có một trong ba Điềm Tướng thường luôn hiện khởi trực diện ở ngay trước mắt trong bất luận một Môn nào của cả Lục Môn. Vì lẽ ấy, Ngài Giáo Thọ **Anuruddha** mới trình bày nói rằng: **Tathā ca marantānaṃ pana maraṇakāle kammaṃ vā, kammanimittaṃ vā, gatinimittaṃ vā, channaṃ dvārānaṃ aññatarasmiṃ paccupaṭṭhāti.**

+ **Tathā ca**: từ ngữ **Tathā** giải thích rằng: **Tehi catūhi pakārehi.** Từ ngữ **ca** thay cho từ ngữ **Eva.** Khi kết hợp lại thành **Tathā eva** nghĩa là **Tehi catūhi pakārehi eva** (người tử vong) chỉ với bốn trường hợp, có Thọ Mạng Diệt v.v. ngần ấy thôi; là việc trình bày cho hiểu biết rằng việc tử vong ngoài ra bốn trường hợp này, thì thường không có.

+ **Maraṇakāle:** từ ngữ **Maraṇakāle** là Thời Tử Vong đây, tức là thời gian cận tử, được tính kể từ một phút, hoặc một giờ đồng hồ, v.v. và chẳng phải là sát na của Tâm Tử khởi sinh chút nào cả. Rằng khi nói theo **Phần Cận Khởi Sinh (Samīpayūpacāranaya – Phần Trực Tiếp)** là nêu sát na Tâm ở vào **Thời Tử Vong (Maraṇakāla)** lên để cho vào trong thời cận tử. Rằng khi nói theo **Phần Lân Cận (Upacāranaya – Phần Gián Tiếp)** thì gọi là **Thời Cận Tử (Maraṇāsannakāla).** Bậc Chánh Đẳng Giác và các Ngài Chú Giải, Phụ Chú Giải đã trình bày ý nghĩa theo **Phần Lân Cận (Upacāranaya – Phần Gián Tiếp)** đây, đa phần hiện hữu ở trong Chánh Tạng **Pāḷi**, và Chú Giải, Phụ Chú Giải. Như thế, một khi sẽ thực hiện việc nghiên cứu tìm tòi học hỏi Giáo Pháp ở trong Phật Giáo cho được quãng khoát uyên bác một cách chân chánh đấy, thì cần phải nên nghiên cứu tìm tòi học hỏi đặc biệt duy nhất chỉ ở trong phần Chánh Tạng **Pāḷi**, và sẽ chẳng có con đường nào khác để cho được đón nhận sự hiểu biết quãng khoát một cách chân chánh được. Nhất thiết sẽ cần phải thực hiện việc nghiên cứu học hỏi về Tam Tạng ở phần Chú Giải và Phụ Chú Giải, cùng với việc được lắng nghe những lời giảng giải của các Ngài Giáo Thọ mà đã có được nền tảng tri thức một cách hoàn hảo đúng đắn, thì mới sẽ trợ giúp cho có được sự hiểu biết quãng khoát một cách chân chánh được. Sự việc đã như vậy, là cũng do Chánh Tạng **Pāḷi** chỉ trình bày rặt những nguyên tắc chánh yếu, và chẳng có được giải rộng thêm làm sáng tỏ ý nghĩa nội dung. Còn các Ngài Chú Giải đã có trình bày giảng giải ý nghĩa trong Chánh Tạng **Pāḷi** ở những phần nguyên tắc chánh yếu mà vẫn chưa có được giải rộng ra, để làm cho sáng tỏ tường tận, vả lại cùng với cả lời giải thích chỉ dẫn rõ ràng. Và kế tiếp, thì các Ngài Phụ Chú Giải cũng đã có giảng giải càng làm cho sáng tỏ thêm ý nghĩa ở trong các phần mà các Ngài Chú Giải vẫn chưa làm cho rõ ràng tường tận. Lại nữa, cả hai nhóm các Ngài Chú Giải và các Ngài Phụ Chú Giải đây, khi sẽ nói với nhau ở trong lãnh vực nền tảng tri thức thì cũng là thiện hảo, với cả ở trong lãnh vực hạnh kiểm và tính nết sở thích thì cũng quả là thiện hảo; và chẳng giống như chúng ta ở trong thời buổi này. Xin được nói đến bậc đã có được nền tảng tri thức một cách luyện đạt ở trong Luật Tạng, Kinh Tạng, Vô Tỷ Pháp Tạng và Văn Phạm **Pāḷi**, sự tu tập thúc liễm về Thân và Lời an trú ở trong điều giới luật một cách nghiêm mật; là **Bậc Chân Tu Hành Giả (Supapaṭipanna), Bậc Chính Trực Hành Giả (Ujupaṭipanna), Bậc Chính Đạo Hành Giả (Ñāyappaṭipanna), Bậc Chính Nghĩa Hành Giả (Sāmīcippaṭipanna);** thành chỗ đáng trọng vọng, đáng quý kính, đáng sùng tín, đáng quy ngưỡng phụng kính, đối với khắp tất cả các hàng Phật Tử. Tâm thức cao thâm, chẳng có ở dưới bất cứ một quyền lực nào của **Ái Dục (Taṇhā), Ngã Mạn (Māna), Tà Kiến (Diṭṭhi), và Tật Đố - Lận Sắc (Issā – Micchariya).** Tất cả sự việc này là cũng bởi vì có một số Ngài đã là Bậc Thánh Nhân, và lại có một số Ngài vừa là Bậc Thánh Nhân luôn cả là Bậc Phúc Lộc Thiền Giả - Bậc Thắng Trí Giả. Đối với một số Ngài, cho dù quả thật sẽ chẳng phải là Bậc Thánh Nhân và cũng chẳng phải là Bậc Phúc Lộc Thiền Giả - Bậc Thắng

Trí Giả đi nữa, tuy nhiên tâm thức của các Ngài ấy hằng bất biến ở trong Giới – Định – Tuệ; và chỉ thường luôn ở trong một chiều hướng của việc nghiên cứu Tam Tạng kinh điển, chẳng có một chút đoái hoài đến việc thế gian và các Cảnh Dục Trần nào cả. Vì thế, các bộ Chú Giải và Phụ Chú Giải mới có được nội dung kết hợp với các sự việc đáng xác tín, khả tín thực, tri thức đáng học hỏi và thật tuyệt vời, chẳng có điều chi sẽ cần phải sửa chữa và điều chỉnh lại nữa, vả lại chẳng có điều chi sẽ phải hư hại khả tích cả. Rằng sẽ được đem so sánh với một quyển sách đang được ưa chuộng và tín dụng đương đại đây, thì cũng vẫn phải thường luôn có việc sửa chữa và bổ sung. Vả lại, nương theo các khoa học gia thì sẽ không ngừng thực hiện việc nghiên cứu, tra lục và tân tạo mới lên hoài.

+ **Yathārahaṃ**: từ ngữ **Yathārahaṃ** dịch là "Ứng Cai" tùy theo thích hợp.

Từ ngữ "tùy theo thích hợp" đây, gồm có hai ý nghĩa, đó là:

1. Yathārahaṃ kammaṃ vā, kammanimittaṃ vā, gatinimittaṃ vā, paccu paṭṭhāti - Có nghĩa là: "Ở trong lúc cận tử lâm chung đấy, thì cả ba trường hợp điềm tướng này không thể bất câu hành hiện khởi trong cùng một thời điểm với nhau, và không thể có bất luận một điềm tướng nào trong cả thể loại này sẽ không hiện khởi lên được." Sẽ nói rằng, giả như Nghiệp Lực có được cơ hội, thế thì Cảnh Nghiệp sẽ hiện bày. Nếu giả như Nghiệp Tướng có được cơ hội, thế thì Cảnh Nghiệp Tướng sẽ hiện bày. Và nếu giả như Thú Tướng có được cơ hội, như thế, Cảnh Thú Tướng sẽ được hiện bày.

2. Yathārahanti sugatiduggati gāmīnaṃ arahānurūpaṃ paccupaṭṭhāti - Có nghĩa là: "Cả ba thể loại điềm tướng đây, thì bất luận một thể loại nào cũng thường hay hiện bày tùy theo thích hợp đối với người sẽ đi thọ sinh đến các Cõi Thiện Thú và Khổ Thú."

GIẢI THÍCH ĐIỀU THỨ NHẤT:

+ **Nghiệp Lực có cơ hội:** Việc sắp bày thôi thúc và dẫn dụ ở trong các sự việc tốt và xấu; đã hình thành ra Tư Tâm Sở Thiện và Bất Thiện đây, đều là những **Thực Tính Pháp (Sabhāvadhamma),** và các Pháp ấy chẳng phải bất luận là sắc màu, âm thanh, khí hơi, mùi vị, lạnh, nóng, mềm, cứng, lỏng, căng, nào cả. Vả lại sự việc này chẳng có hiện bày ở trong bất luận bộ phận nào của cơ thể, và chỉ có thể hiện bày duy nhất ở trong lộ trình tâm thức mà thôi. Vì thế, người đã có điều tốt, việc xấu, thì đa phần chỉ có hiện hữu ở trong lãnh vực tâm thức, mãi cho đến phút giây sẽ cận tử lâm chung, và sẽ chẳng có hiện bày ra ngoài theo lộ trình của Thân, và Lời. Như vậy, một khi đã thực hiện điều tốt, việc xấu do bởi Thân và Lời, mà chẳng có được hiện khởi lên, thế là Cảnh Nghiệp thường có cơ hội khởi sinh. Vả lại, có một số người trước kia đã có thực hiện việc xả thí, trì giới, tiến tu, nghiên cứu học hỏi; hoặc đã có thực hiện Ác Hạnh, Ác Mạng trước kia; thì sẽ làm cho tư duy nghĩ ngợi một cách thường luôn, suốt trọn thời gian lâu dài, rồi mới sẽ diệt mất. Nhóm người này, nếu như chẳng có được cơ hội sẽ thực hiện bất luận một điều nào qua bởi Thân và Lời, và mãi cho đến phút giây sẽ cận tử lâm chung, thì cũng tương tự như vậy, là Cảnh Nghiệp thường có được cơ hội để hiện bày.

[**Chú thích**: Nghiệp Lực có được cơ hội hiện khởi chỉ ngay ở tại Lộ Ý Môn. Một khi con người sắp cận tử lâm chung, thì Thiện Nghiệp Lực hoặc Bất Thiện Nghiệp Lực có thể hiện khởi ở ngay trước mắt Tâm Nhãn Thức của người ấy. Hành động này có thể là một

Thiện Cực Trọng Nghiệp Lực, chẳng hạn như một tầng Thiền Định đã có được chứng đắc. Hoặc một Bất Thiện Cực Trọng Nghiệp Lực, như hành động của Nghiệp Lực Sát Tử Phụ Thân, Nghiệp Lực Sát Tử Mẫu Thân, v.v. Các Nghiệp Lực này có năng lực dũng mãnh, cho đến nỗi đã làm lu mờ hết tất cả những Nghiệp Lực khác, và đã hiện khởi lên một cách mạnh mẽ ở ngay trước Tâm Nhãn Thức của người cận tử lâm chung. Nếu giả như không có các thể loại Cực Trọng Nghiệp Lực này, thì chặp tư tưởng lâm chung có thể duyên theo mãnh lực Nghiệp Lực vừa mới tạo tác, hoặc vừa mới sực nhớ đến với sát na ngay tức thời **(Āsannakamma – Cận Tử Nghiệp Lực).** Và nếu giả như, đó là một hành động thuộc về quá khứ, thì nói một cách chính xác, đó là chặp tư tưởng Thiện hoặc Bất Thiện kinh nghiệm trong lúc thực hiện hành động, bây giờ đã có dịp tái tạo hiện khởi mới trở lại.]

+ **Nghiệp Tướng có cơ hội:** Cả 6 Cảnh đã có được tiếp xúc liên quan với hành động tạo tác theo lộ trình Thân, Lời và Ý của mình; làm thành Cảnh Nghiệp Tướng. Và Cảnh Nghiệp Tướng này đã được hiện bày ở trong cả các lộ trình Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân và Ý Môn. Như thế, với người mà đa phần đã có thường luôn thực hiện rất lâu dài với Thân, Lời và Ý, ở trong việc xả thí, trì giới, tiến tu; hoặc sát sinh, thâu đạo, tà dâm, vọng ngữ, ẩm tửu; thì tiên khởi cũng chẳng thể nào nhận thức ra được với bất luận trường hợp nào, mà chỉ có thể nghĩ suy ra được là ở trong lúc nói năng, hoặc hành động tạo tác; cuối cùng rồi vấn đề đấy cũng sẽ đi đến tiếp xúc các sự việc ấy. Nhóm người này, cho dù ngay ở trong thời gian sẽ cận tử lâm chung, và sẽ chẳng có tạo tác bất luận vấn đề nào có liên quan với Thân, Lời và Ý đi nữa; tuy nhiên Cảnh Nghiệp Tướng cũng thường có được cơ hội để hiện bày.

[**Chú thích**: Nghiệp Tướng có được cơ hội hiện khởi ở ngay tại một trong cả Lục Môn. Là bất luận một dấu hiệu, hoặc biểu tượng về sắc màu, âm thanh, khí hơi, mùi vị, xúc chạm, hoặc một tư tưởng mà bản thân mình đã từng có, ngay vào lúc thực hiện các hành động ấy, tức là lúc tạo tác Nghiệp Lực. Chẳng hạn như con dao đối với người đồ tể, hoặc bệnh nhân đối với thầy thuốc, hoặc bông hoa đối với người Phật Tử tín tâm, v.v.]

+ **Thú Tướng có cơ hội:** Cả 6 Cảnh sẽ được hội kiến và thụ lãnh ở trong kiếp sống tới, làm thành Cảnh Thú Tướng. Và Cảnh Thú Tướng này hiện bày được cả ở trong Lục Môn. Như thế, người đã có Tư Tâm Sở Thiện hoặc Tư Tâm Sở Bất Thiện một cách dũng mãnh ngay trong sát na thực hiện Thiện Sự, hoặc Bất Thiện Sự, thì đã hình thành ra **Tư Hiện (Muñcacetanā),** và luôn cả những Pháp tùy tùng của Tư Tâm Sở Thiện hoặc Bất Thiện đây, cũng đã có được năng lực dũng mãnh như nhau. Tức là ngay ở trong sát na đang thực hiện Thiện Sự, như có việc xả thí, trì giới, tiến tu; thì có Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ, v.v. cũng đã hiện khởi một cách rõ ràng. Hoặc trong sát na đang tạo tác các Ác Hạnh, Ác Mạng, như có việc sát sinh, thâu đạo, thực hiện tà dâm, v.v. thì có Ái, Mạn, Kiến, Sân, Si, Tật, Lận, v.v. cũng hiện khởi một cách rõ ràng tương tự như nhau. Do vậy, nhóm người này ở ngay trong phút giây sẽ cận tử lâm chung, thì Thú Tướng thường có được cơ hội để hiện bày. Hoặc trong lúc sát na thực hiện điều tốt, việc xấu đấy; thì có cả hai Tư Tâm Sở, là Tư Tiền và Tư Hậu, đã sinh khởi lên mãi không ngừng. Đề cập đến là: nếu giả như sẽ thực hiện việc Thiện, thì sẽ tư duy nghĩ ngợi đến việc hoàn thành các công việc Thiện ấy, và kiến thị bằng hình ảnh (sắc tướng) có những cử chỉ hành động dính líu với việc tạo tác, việc nói năng của mình

và của các tha nhân, cho đến luôn cả các vật dụng dụng cụ có liên quan với việc xả thí, trì giới, tiến tu mà sẽ cần phải hiện hành các công việc này. Khi đã thực hiện hoàn thành rồi, thì cũng vẫn cứ tư duy nghĩ ngợi lại mãi đến các công việc ấy, và cũng khởi sinh sự hoan hỷ duyệt ý, được kiến thị bằng hình ảnh hiện bày ở trong tâm trí một cách rõ ràng mà chẳng có phai mờ. Và nếu như tạo tác điều bất thiện thì cũng giống như nhau. Tức là trước khi sẽ thực hiện việc đánh thuốc mê để ăn cắp, dụ dỗ lừa gạt, v.v. Trong các công việc ấy, nhóm người này cũng có tư duy nghĩ ngợi, lập kế hoạch liên quan với các công việc ấy cho được thành tựu, kiến thị bằng hình ảnh rằng sẽ phải thực hiện như vầy, như vầy, v.v. Khi đã thực hiện hoàn thành rồi, thì cũng vẫn cứ tư duy nghĩ ngợi lại mãi đến các công việc ấy, nhớ đến qua cử chỉ hành động, việc nói năng của mình và của các tha nhân, cho đến cả những vật dụng dụng cụ phối hợp trong các công việc ấy, cùng với sự hoan hỷ duyệt ý, được kiến thị bằng hình ảnh hiện bày ở trong tâm trí một cách rõ ràng mà chẳng có phai mờ. Như thế, sự hiện hành từ ở cả hai, Tư Tiền và Tư Hậu, như đã vừa đề cập đây; và vào thời gian sẽ cận tử lâm chung, thì Thú Tướng cũng thường có được cơ hội để hiện bày giống như vầy. Lại thêm một trường hợp nữa, ở trong lãnh vực việc Thiện ấy, thì trước khi sẽ thực hiện hoặc sau khi đã thực hiện xong, có một số người hoan hỷ nghĩ ngợi muôn vàn trường hợp ở trong các vấn đề về Nhân Sản, Thiên Sản, v.v. thì Thú Tướng của nhóm người này khi sẽ cận tử lâm chung, cũng thường có được cơ hội để hiện bày một cách tương tự như vậy.

[**Chú thích**: Thú Tướng thường luôn là sắc tướng, hiện khởi dưới hình thức chiêm bao. Có nghĩa là một vài dấu hiệu, hoặc biểu tượng của nơi chốn mà người sẽ cận tử lâm chung đi thọ sinh. Một diễn biến nhất định phải xảy ra cho người sắp cận tử lâm chung. Khi những chỉ dẫn về kiếp sống vị lai ấy khởi sinh mà không tốt, thì bản thân có thể gây ảnh hưởng cho nó trở thành tốt. Điều này có thể thực hiện được bằng cách ảnh hưởng đến Tâm thức của người cận tử, giúp cho người ấy tự tạo cho chính mình với những chặp tư tưởng có tánh cách thuần túy thiện lành, tác hành như một Cận Tử Nghiệp Lực, chống trả lại ảnh hưởng của Xuất Sinh Nghiệp Lực mà, nếu không là như vậy, thì sẽ là bất thiện. Và chính do Nghiệp Lực này sẽ tạo duyên cho kiếp sống tới khởi sinh. Những điềm tướng lâm chung này, có thể là lửa Địa Ngục, rừng núi đen thẳm, thai nhi của người sản phụ, tòa Thiên Cung ở trên Cõi Thiên Giới, v.v.

Tóm lại, Nghiệp Lực hiện khởi xuyên qua Ý Môn. Nghiệp Tướng, điềm tướng hoặc biểu tượng của Nghiệp Lực, có thể hiện khởi xuyên qua bất luận một Môn nào trong cả Lục Môn, tùy theo thích hợp. Thú Tướng, điềm tướng hoặc biểu tượng lâm chung, thường luôn là một dấu hiệu hoặc hiện tượng sắc tướng, hiện khởi như một giấc mơ.]

GIẢI THÍCH ĐIỀU THỨ HAI:

Chỗ đề cập đến bất luận một trong cả ba điềm tướng thường hiện bày tùy theo thích hợp đối với người sẽ đi thọ sinh đến các Cõi Thiện Thú và Cõi Khổ Thú đấy; có ý nghĩa là tất cả các bậc Vô Sinh trong thời gian sẽ viên tịch Níp Bàn, thì chẳng có bất luận một thể loại điềm tướng nào đi đến hiện bày. Sự việc là như vậy, cũng chính vì các Ngài đã chẳng còn có việc tái sinh lại nữa. Đối với loài Thống Khổ Hữu Tình, Nhân Loại, Chư Thiên, và Phạm Thiên; một khi vẫn còn là hàng Phàm Phu và bậc Thánh Hữu Học đấy, thế rồi trong

thời gian sẽ cận tử lâm chung thì thường luôn có bất luận một trong ba điềm tướng đi đến hiện bày. Vì lẽ, những hạng người này vẫn còn phải đi thọ sinh đến các Cõi Thiện Thú và Cõi Khổ Thú, tiếp đến lại vẫn còn chỉ vạch cho được biết rằng việc hiện bày từ ở cả ba điềm tướng đây, là chẳng có trạng thái biểu tượng giống nhau. Tất cả đều tùy thuộc vào người sẽ đi thọ sinh đến Cõi Thiện Thú và Cõi Khổ Thú. Sẽ nói rằng người nào sẽ đi thọ sinh ở Cõi Thiện Thú, thì người ấy thường có Nghiệp, Nghiệp Tướng, và Thú Tướng ở phần thiện hảo đi đến hiện bày. Còn người nào sẽ đi thọ sinh ở Cõi Khổ Thú, thì người ấy thường có Nghiệp, Nghiệp Tướng, và Thú Tướng ở phần bất thiện hảo đi đến hiện bày. Trạng thái, biểu tượng, và điềm tướng tốt và xấu như thế nào, thì sau này sẽ đề cập đến vậy. Sự việc nói rằng tất cả các Ngài Vô Sinh sẽ viên tịch Níp Bàn, và chẳng có bất luận một thể loại điềm tướng nào đi đến hiện bày, là vì tác hành của các Ngài chẳng còn làm thành tựu bất luận thể loại nào về Thiện Nghiệp Lực, hoặc Bất Thiện Nghiệp Lực; và chỉ có duy nhất gọi là tác hành theo bản tánh thường nhiên của Thân và Tâm khi vẫn còn hiện hành ở trong thế gian. Sự việc chẳng còn một tác hành nào cả để làm cho trổ sinh quả báo khởi sinh trong thời vị lai, gọi là **Duy Tác (Kiriyā).** Lại nữa, vấn đề những kiếp sống sẽ nối tiếp nhau ở trong thời vị lai đấy, là vấn đề của Thiện Nghiệp Lực và Bất Thiện Nghiệp Lực. Vì thế, một khi các Ngài đã chẳng còn có Thiện Nghiệp Lực và Bất Thiện Nghiệp Lực, thế là Cảnh Nghiệp mới chẳng có sắc tướng để sẽ đi đến hiện bày. Một khi Cảnh Nghiệp chẳng có sắc tướng để sẽ hiện bày, thế là những Cảnh khác khác đã có phối hợp ở trong mọi tác hành theo Lộ Thân, Lời và Ý được gọi là Cảnh Nghiệp Tướng đấy, cũng chẳng có sắc tướng để sẽ đi đến hiện bày như nhau. Tất cả sự việc này, vì lẽ các Cảnh khác khác đã có phối hợp ở trong mọi tác hành của tất cả các bậc Vô Sinh, đấy chẳng phải là Nghiệp Tướng, mà đó chỉ là **Duy Tác Điềm Tướng (Kiriyānimitta).** Còn Cảnh Thú Tướng đấy, là Cảnh sẽ phải xúc mục và thụ lãnh ở trong kiếp sống tới; thế nhưng, kiếp sống tới của tất cả các bậc Vô Sinh thì lại chẳng có, vì thế Cảnh Thú Tướng mới không có đi đến hiện bày. Khi đã là như vậy, thì cũng có khởi lên lời vấn hỏi rằng "Nếu chẳng có bất luận một thể loại nào ở trong cả ba loại điềm tướng này đi đến hiện bày, như thế ngay trong phút giây sẽ viên tịch Níp Bàn, thì tâm thức của tất cả các Bậc Vô Sinh chẳng có Cảnh nào hay sao ?" Giải đáp rằng "Có. Đó chính là 6 Cảnh ở phần Danh và Sắc, hoặc Chế Định mà các Ngài đã thường luôn có sự lưu tâm thẩm sát, đã làm thành Duy Tác Điềm Tướng đó vậy."

Giải thích rằng: Với những Bậc Vô Sinh **Minh Sát Thiền Khô (Sukkha vipassa ka)**, hoặc là các Bậc Vô Sinh **Phúc Lộc Thiền Giả (Jhānalābhīpuggala)** nhưng lại không nhập được Thiền Định trong phút giây sắp sửa viên tịch Níp Bàn, thì chính ngay với những 6 Cảnh ở phần Danh và Sắc, hoặc Chế Định mà các Ngài đã thường luôn có sự lưu tâm thẩm sát, đã làm thành Cảnh của Tâm Đồng Lực Cận Tử. Còn đối với một vài bậc Vô Sinh Phúc Lộc Thiền Giả, thì các Ngài sẽ viên tịch Níp Bàn là sau khi đã nhập được Thiền Định, và Cảnh của Nhập Thiền Định đấy, có đề mục **Hoàn Tịnh Chế Định (Kasiṇa paññatti), Sổ Tức Chế Định (Ānāpānapaññatti), Chúng Sinh Chế Định (Satta paññatti)** v.v. thì chính ngay những đề mục ấy, đã làm thành Cảnh của Tâm Đồng Lực Cận Tử, và Tâm Đồng Lực Cận Tử đấy, cũng chính là Tâm Nhập Thiền Định. Nếu như **Viên Tịch Níp Bàn**

(Parinibbāna) kể từ sau **Lộ Trình Thẩm Thị Phản Cung Tự Tỉnh (Paccavekkhaṇavīthi)** đã có việc thẩm sát các Chi Thiền rồi, thì chính ngay những Chi Thiền như có 2, 3, 4, 5 Chi ấy, đã làm thành Cảnh của Tâm Đồng Lực Cận Tử, và Tâm Đồng Lực Cận Tử đấy, cũng chính là Tâm Đồng Lực Phản Kháng, và đó cũng chính là Tâm Đồng Lực Đại Duy Tác vậy. Nếu như viên tịch Níp Bàn kể từ sau **Lộ Trình Thắng Trí (Abhiññāvīthi)** qua việc thực hiện **Thần Túc Thắng Trí (Iddhividha Abhiññā)** với xác thân **(Karajakāya)** có 32 thể trược phối hợp hoàn thành viên mãn ra các bộ phận lớn nhỏ; thì chính những thể loại này, đã làm thành Cảnh của Tâm Đồng Lực Cận Tử, và Tâm Đồng Lực Cận Tử đấy, cũng chính là **Chuẩn Bị (Parikamma), Cận Hành (Upacāra), Thuận Tùng (Anuloma), Chuyển Tộc (Gotrabhū),** và **Thắng Trí (Abhiññā),** và đó cũng đích thị là Tâm Đại Duy Tác và Tâm Duy Tác Ngũ Thiền Hữu Sắc Giới vậy. Còn Bậc Vô Sinh ở trong **Lộ Trình Đắc Đạo Tột Mạng (Jīvitasamasīsīvīthi),** là Bậc viên tịch Níp Bàn kể từ sau Lộ Trình Thẩm Thị sinh nối tiếp từ **Lộ Trình Đạo Vô Sinh (Arahatta maggavīthi)** đã diệt đi rồi; thì chính ngay bất luận một trong các Pháp là **Đạo (Magga), Quả (Phala), Níp Bàn (Nibbāna), Phiền Não (Kilesa)** đấy, đã làm thành Cảnh của Tâm Đồng Lực Cận Tử, và Tâm Đồng Lực Cận Tử này cũng đích thị là Tâm Đồng Lực Phản Kháng, vả lại cũng chính là Tâm Đồng Lực Đại Duy Tác vậy. Dựa vào những lý do như đã vừa đề cập ở tại đây, mà những thể loại Cảnh khác khác gọi là Cảnh Nghiệp, Cảnh Nghiệp Tướng, Cảnh Thú Tướng mới không có thể đi đến hiện bày ở trong Tâm Đồng Lực Cận Tử của tất cả các Bậc Vô Sinh được. Đối với Tâm viên tịch Níp Bàn tức là cái Tâm Tử đấy, chỉ có duy nhất một thể loại Cảnh với Tâm Tái Sinh, và Tâm Hữu Phần đã được tiếp thâu từ Tâm Đồng Lực Cận Tử ở trong kiếp sống trước khi sẽ cận tử lâm chung; theo như phần đã có đề cập đến để ở trong **Tái Sinh Tứ Phần (Paṭisandhi catukka)** nói rằng:

Paṭisandhi bhavaṅgañca Tathā vacanamānasaṃ
Ekameva tatheveka Visayañcekajātiyaṃ

"Trong một kiếp sống ấy, khi kết hợp cả ba thể loại này lại với nhau, đó là Tâm Tái Sinh, Tâm Hữu Phần và Tâm Tử thì chỉ là một thể loại Tâm duy nhất. Và Cảnh của Tâm Tái Sinh, Tâm Hữu Phần và Tâm Tử thì cũng chỉ có một thể loại duy nhất." [Xin xem lại Tập II – Chương V – Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp].

QUAN ĐIỂM MỘT VÀI NGÀI GIÁO THỌ LIÊN QUAN VỚI CẢNH TÂM TỬ VIÊN TỊCH NÍP BÀN CỦA BẬC CHÁNH ĐẲNG GIÁC VỚI CẢ VIỆC THẨM ĐOÁN

Một vài Ngài Giáo Thọ đã nói rằng **Tâm Tử Viên Tịch Níp Bàn (Parinibbānacuti citta)** của Bậc Chánh Đẳng Giác thì có Níp Bàn làm Cảnh, cùng với việc nêu lên chứng cứ đã trích dẫn ở trong bài **Kinh Đại Viên Tịch Níp Bàn (Mahāparinibbānasūtra, # 16)** thuộc **Trường Bộ Kinh (Dīghanikāya)** có đoạn **Pāḷi** nói rằng: **Anejo santimārabbha yaṃ kālamakarī muni.**

Theo đoạn **Pāḷi** này, thì từ ngữ **Santimārabbha** Ngài Giáo Thọ giải đáp rằng: **Anupādisesaṃ nibbānaṃ ārabbha paṭicca sandhāya** dịch nghĩa là "Nương vào việc đề khởi hướng đến Vô Dư Y Níp Bàn", là Níp Bàn chẳng còn dư sót Ngũ Uẩn. Còn Ngài Nhất Ban Giáo Thọ thì chẳng xem xét đến lời đề cập của Ngài Chú Giải Sư đã giải đáp để ở trong phần Chú Giải của bài Kinh Đại Viên Tịch Níp Bàn, do vậy mới hiểu ý nghĩa ở trong từ ngữ này là **Santiṃ ārammanaṃ katvā** - "Thực hiện Níp Bàn cho làm thành Cảnh", như thế một khi sẽ dịch nghĩa thì cần phải dịch là: "Bậc Đại Đạo Sư, bậc đoạn tận Ái Dục, đã lập ý nương vào việc đề khởi hướng đến Vô Dư Y Níp Bàn, rồi mới lập ý đến thời gian của viên tịch Níp Bàn." Đó là việc trình bày cho được hiểu biết rằng: "Trước khi sẽ viên tịch Níp Bàn, thì đã có lập ý thiên hướng đến Níp Bàn đoạn tiệt Ngũ Uẩn Phiền Não, xong rồi mới tiệt diệt Uẩn Níp Bàn," và chẳng có trình bày với bất luận trường hợp nào rằng là Tâm Tử Níp Bàn của Bậc Chánh Đẳng Giác thì có Níp Bàn làm thành Cảnh. Còn ở trong bộ Chú Giải Trưởng Lão Tăng Kệ **(Theragāthā Atthakathā)**, cho dù quả thật đã có giải đáp ở trong từ ngữ **Santimārabbha** rằng là **Santiṃ anupādisesaṃ nibbānaṃ ārammaṇaṃ katvā** - "Thực hiện Vô Dư Y Níp Bàn cho làm thành Cảnh", tuy nhiên cũng có thể lập ý là chỉ lấy riêng biệt về thời gian trước khi sắp sửa viên tịch Níp Bàn thì sẽ nhập vào Thiền Định, và lập ý thiên hướng ở trong **Cảnh Níp Bàn (Nibbānārammaṇa).** Khi đã nhập vào Thiền Định, thì cũng lập ý có các đề mục **Hoàn Tịnh Chế Định (Kasiṇapaññatti)** và **Pháp Đáo Đại (Mahaggatadhamma),** v.v. làm thành Cảnh. Khi xuất khỏi Thiền Định, thì cũng chính các Chi Thiền đấy, làm thành Cảnh ấy vậy.

Lại nữa, Ngài Nhất Ban Giáo Thọ đã giải nghĩa đoạn văn **Pāḷi** một cách sai trật như vậy đó, là cũng vì Ngài chẳng có ghi nhớ đến **Nhị Đề Cảnh Hy Thiểu (Parittārammaṇa tika)** đã trình bày rằng: **Katame dhammā parittārammaṇā ? Sabbo kāmāvacara vipāko kriyāmanodhātu kriyāhetukamanoviññāṇadhātu somanassasahagtā ime dhammā parittārammaṇāti** [Bộ Chú Giải của Bộ **Kinh Pháp Tụ (Dhammasaṅgaṇī Atthakathā)**] – "Nhóm Pháp nào có Pháp Dục Giới làm thành Cảnh ? 25 Tâm Quả Dị Thục Dục Giới, đó là: 15 Tâm Quả Dị Thục Vô Nhân, 8 Tâm Đại Quả, 1 Tâm Khai Ngũ Môn, 1 Tâm Tiếu Sinh; với những thể loại Pháp này có Pháp Dục Giới làm thành Cảnh." Pháp Dục Giới làm thành Cảnh của 25 Tâm này, tức là: 54 Tâm Dục Giới, 52 Tâm Sở, 28 Sắc Pháp, đã được sắp bày làm thành cả Lục Cảnh. Còn Níp Bàn, đấy là Pháp Siêu Thế. Trong tất cả những 25 cái Tâm này, thì Tâm Tử Níp Bàn của Bậc Chánh Đẳng Giác cũng được kết hợp vào với nhau, và chính Tâm Tử Níp Bàn của Bậc Chánh Đẳng Giác đấy, đích thị là một cái Tâm Đại Quả. Lẽ thường sự hiện hành của tất cả các Pháp Thực Tính đây, thì cũng thường hiện hành hoàn toàn theo thực tính của **Vô Ngã (Anatta).** Chẳng phải là, một khi sinh khởi với Nhân Loại, với Chư Thiên bậc thấp, hoặc với hàng Phàm Phu, thì có Pháp Dục Giới làm thành Cảnh. Và cũng chẳng phải là giả như sinh khởi với Nhân Loại, với Chư Thiên bậc cao, hoặc với Bậc Thánh Nhân, rồi thì có **Đáo Đại (Mahaggata), Siêu Thế (Lokuttara), Chế Định (Paññatti)** làm thành Cảnh. Chỉ có thể có một thể loại duy nhất Pháp Dục Giới làm thành Cảnh ngần ấy thôi, và cũng chẳng phải sinh khởi với bất luận hạng người nào. Và ngay trong sát na làm nhiệm vụ Tái Sinh, Hữu Phần, Tử, Na Cảnh, v.v. thì cũng vẫn có Pháp Dục Giới

làm thành Cảnh tương tự như nhau. Chính dựa vào lý do như đã vừa đề cập đây, mới thấy được rằng là Tâm Tử Viên Tịch Níp Bàn của Bậc Chánh Đẳng Giác mà sẽ có Níp Bàn làm thành Cảnh, thì quả thật chẳng thể nào có được việc hiện hành như vậy.

Abhimukhībhūtaṃ bhavantare paṭisandhikhanakaṃ kammaṃ vā paccupaṭṭhā ti - Thiện Nghiệp Lực hoặc Bất Thiện Nghiệp Lực đã làm cho khởi sinh tái sinh ở trong kiếp sống tới, hiện hành nổi trội lên như là việc tự biểu hiện rõ ràng trực tiếp, và đã đi đến hiện khởi tựa như tiền diện ở trong Lộ Ý Môn. Theo lẽ thường, tất cả Chúng Hữu Tình đều đã từng tạo tác hằng hà sa số Tội – Phước với Thân, Lời và Ý, ở đủ mọi thể loại với từng mỗi hạng người. Vì thế, trong Uẩn Giới của tất cả Chúng Hữu Tình này mới có Thiện - Bất Thiện Nghiệp Lực, mà gọi là **Bhavantare paṭisandhijanakaṃ kammaṃ** thường luôn ngủ ngầm chẳng bao giờ dứt lìa. Trong tất cả những thể loại Thiện – Bất Thiện Nghiệp Lực này, thì Thiện – Bất Thiện Nghiệp Lực mà có nhiệm vụ sắp bày cho việc thọ sinh ở trong kiếp thứ hai, hiện hữu được ở hai thể loại, đó là:

1/. Hậu Báo Nghiệp Lực (Upapajjavedanīyakamma) trong kiếp sống này, và

2/. Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực (Aparāpariyavedanīyakamma) trong các kiếp sống trước trước đó.

Lại thêm một trường hợp nữa, là ở trong hai thể loại này, hoặc là Hậu Báo Nghiệp Lực, hay là Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực đi nữa, mà rằng theo **Lộ Trình (Vithī),** rằng theo **Cảnh (Ārammaṇa),** rằng theo **Môn (Dvāra),** rằng theo **Sự Vụ (Kamma),** rằng theo **Thời Gian (Velā),** rằng theo **Oai Nghi (Iriyāpatha)** thì thường hiện hữu ở trong Uẩn Giới của từng mỗi người một cách hằng hà sa số không thể đếm siết được. Đề cập đến rằng khi tính theo Lộ Trình, có nghĩa là ở trong từng mỗi Lộ Trình Ý Môn thì có 1 Thiện – Bất Thiện Hậu Báo Nghiệp Lực, và 5 Thiện – Bất Thiện Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực. Rằng khi tính theo Cảnh, thì cả hai thể loại Thiện – Bất Thiện Nghiệp Lực này sinh khởi bởi do nương vào Cảnh Sắc cũng có, nương vào Cảnh Thinh, v.v. cho đến Cảnh Pháp cũng có. Rằng khi tính theo Môn, tức là làm cho thành tựu hành động tạo tác cả hai thể loại Thiện – Bất Thiện Nghiệp Lực này sinh khởi theo Lộ Thân Môn cũng có, Lộ Ngữ Môn cũng có, và Lộ Ý Môn cũng có. Rằng khi tính theo Sự Vụ, thì cả hai thể loại Thiện – Bất Thiện Nghiệp Lực này tác hành xả thí, trì giới, tiến tu cũng có; tạo tác sát tử, thâu đạo, v.v. cũng có. Rằng khi tính theo Thời Gian, thì cả hai thể loại Thiện – Bất Thiện Nghiệp Lực này sinh khởi vào buổi sáng cũng có, giữa ban ngày cũng có, lúc nửa đêm cũng có. Rằng khi tính theo Oai Nghi, thì cả hai thể loại Thiện – Bất Thiện Nghiệp Lực này sinh khởi ở trong lúc đang ngồi, nằm, đứng, đi cũng có. Như thế, mới nói được rằng hiện hữu ở trong Uẩn Giới của từng mỗi con người là vô số kể. Trong tất cả những thể loại Thiện – Bất Thiện Nghiệp Lực sinh khởi với muôn vàn trường hợp như đã được đề cập đến đây, với bất luận Thiện – Bất Thiện Nghiệp Lực nào có được cơ hội dắt dẫn cho đi tái sinh ở trong kiếp sống thứ hai, thì Thiện – Bất Thiện Nghiệp Lực ấy nương theo Lộ Ý Môn sẽ tự hiện hành cho nổi trội lên trực diện đối với người sắp cận tử; và chính Thiện – Bất Thiện Nghiệp Lực ấy được gọi là **Tiền Diện (Abhimukhībhūtaṃ).**

Điều này được ví như một người và hàng vạn người đã mua vé xổ số được bán ra trong cùng một lô xổ với nhau. Trong những người đã nắm giữ trong tay tờ vé số đều mong cầu sẽ được đoạt giải nhất, v.v. cho đến hết cả với con số cuối cùng. Khi đến thời gian sẽ dẫn đến hiện bày trò chơi quay số để biết những vé được trúng giải, thì chẳng phải sẽ dẫn đến hiện bày với khắp cả từng mỗi vé số, mà chỉ có thể dẫn đến hiện bày đặc biệt với vé số có con số trúng với con số đã được bắt thăm người ta đã đọc ra ngần ấy mà thôi. Điều này như thế nào, thì việc Hậu Báo Nghiệp Lực, hoặc Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực, với bất luận Thiện – Bất Thiện Nghiệp Lực nào nương theo Lộ Ý Môn, hiện hành cho nổi trội lên đối với người sắp cận tử; và chính Thiện – Bất Thiện Nghiệp Lực ấy được gọi là **Tiền Diện (Abhimukhībhūtaṃ)** như thế ấy.

Taṃ kammakaraṇakāle v.v. kammanimittaṃ - Đoạn văn **Pāḷi** này đã trình bày cho được biết đến bản thể Nghiệp Tướng. Nghiệp Tướng có nghĩa là Cảnh làm thành tác nhân của hành động tạo tác. Có câu Chú Giải nói rằng: **Kammassa nimittaṃ = Kamma nimittaṃ** - Cảnh làm thành tác nhân của hành động tạo tác, gọi là Nghiệp Tướng. Nghiệp Tướng đây, hiện hữu với nhau ở 6 thể loại, đó là: sắc, thinh, khí, vị, lạnh, nóng, mềm, cứng, lỏng, căng, danh - sắc thực tính, và chế định. Như Ngài Giáo Thọ **Anuruddha** trình bày rằng **Rūpādikaṃ** có Cảnh Sắc, v.v. Lục Cảnh như đã có đề cập tại đây, là chẳng phải sẽ lấy hết tất cả, mà chỉ có thể lấy đặc biệt ở phần 6 Cảnh có liên quan với tác hành của từng mỗi con người mình mà thôi. Vì lý do đó, Ngài Giáo Thọ **Anuruddha** mới trình bày nói rằng: **Taṃ kammakaraṇakāle** - "Trong thời gian mà mình tác hành với Thân, Lời và Ý", vả lại đã trình bày tiếp thêm phần **Pāḷi** nữa rằng: **Upaladdhapubbaṃ** và **Upakaraṇa bhūtaṃ** có nghĩa là những 6 Cảnh làm thành Nghiệp Tướng, hiện hữu với nhau ở hai thể loại, ấy là:

1/. Tiếp Thu (Upaladdhapubbaṃ),

2/. Phụ Trợ (Upakaraṇabhūtaṃ),

có nghĩa là những 6 Cảnh làm thành Nghiệp Tướng hiện hữu với nhau ở hai thể loại, đó là:

1/. Tiếp Thu Nghiệp Tướng (Upaladdhakammanimitta) và

2/. Phụ Trợ Nghiệp Tướng (Upakaraṇa kammanimitta).

Tiếp Thu Nghiệp Tướng tức là 6 Cảnh mà mình đã được xúc mục làm thành chủ vị ở trong sát na tạo tác. Phụ Trợ Nghiệp Tướng tức là 6 Cảnh mà mình đã được xúc mục, nhưng bất thành chủ vị, mà chỉ làm thành vật phụ trợ câu hành ở trong sát na tạo tác.

Như thế, một khi phân tích 6 Cảnh mà mình đã được xúc mục ở trong sát na tạo tác bởi theo việc làm thành chủ vị, thì gọi là Tiếp Thu Nghiệp Tướng; và bởi theo việc bất thành chủ vị, thì gọi là Phụ Trợ Nghiệp Tướng; có được như sau:

I. Bên phía Thiện:

1. Xả Thí (Dāna): Cúng dường Đức Phật và Chư Tăng, bỏ vật thực vào bình bát, làm Lễ Thí Tăng Y **Kaṭhina,** kiến tạo tu viện chùa chiền, thực phẩm thượng vị, Tỳ Khưu - Sa Di; đã làm thành Tiếp Thu Nghiệp Tướng. Ảnh tượng Đức Phật, bông hoa, hương đăng, mền chiếu, bệ đài, bàn ghế, cùng với cả người giúp đỡ, lu hũ, mâm khay; đã làm thành Phụ Trợ Nghiệp Tướng.

+ Vật thí cúng dường, và Tỳ Khưu – Sa Di là **Thụ Thí Xả Nhân (Paṭiggahaka);** đã làm thành Tiếp Thu Nghiệp Tướng. Việc trang hoàng tô điểm, nhạc cụ, khách khứa, người làm việc; đã làm thành Phụ Trợ Nghiệp Tướng.

+ Tu viện, chùa chiền, tự viện; đã làm thành Tiếp Thu Nghiệp Tướng. Vật liệu xây dựng, thợ mộc, thợ nề, cho đến tất cả những người có liên hệ ở trong việc phụ giúp các công việc này; đã làm thành Phụ Trợ Nghiệp Tướng.

2. Trì Giới (Sīla): Tỳ Khưu – Sa Di là vị truyền giới, việc phát ra lời truyền giới, việc thốt lên lời thọ trì giới của mình; đã làm thành Tiếp Thu Nghiệp Tướng. Vật lễ tôn kính cúng dường, cho đến cả con người và địa điểm trú xứ; đã làm thành Phụ Trợ Nghiệp Tướng.

+ Nếu giả như xuất gia thọ Giới Tử, Bát Vật Dụng của vị Tỳ Khưu (**Aṭṭhaparivāra** = 1. **Patto**: bình bát, 2. **Ticīvaraṃ**: tam y (tính 3), 5. **Kāyabandhanaṃ**: đai thắt lưng, 6. **Vāsi**: dao cạo, 7. **Sūci**: kim may, 8. **Parissāvanaṃ**: vải lọc nước), Tỳ Khưu Tăng, Chánh Điện, việc tụng đọc kinh, việc tụng tuyên ngôn (**Kammavācā**: đọc tuyên ngôn trong khi Tăng Sự); đã làm thành Tiếp Thu Nghiệp Tướng. Các vật dụng ngoài ra bát vật dụng của vị Tỳ Khưu, và các lễ vật cúng dường, cho đến cả con người đi đến trong công việc lễ hội, việc đón rước, đi nhiễu Phật hoặc bảo tháp, đội kèn; đã làm thành Phụ Trợ Nghiệp Tướng.

3. Tiến Tu (Bhāvanā): Nếu như tiến tu **Thiền An Chỉ (Samatha)** thì các Chi Nghiệp Xứ như có đề mục **Hoàn Tịnh (Kasiṇa)** v.v. cho đến cả oai nghi ngồi (Tọa Thiền) và các việc **Chuẩn Bị Tướng (Parikammanimitta), Cận Hành Tướng (Uggaha nimitta), Quang Tướng (Paṭibhāganimitta), Nhập Thiền Định (Appanājhāna),** các vị Thiền Sư đây; đã làm thành Tiếp Thu Nghiệp Tướng. Con người, trú xứ và các vấn đề khác, mà có liên quan với việc tiến tu Thiền An Chỉ; đã làm thành Phụ Trợ Nghiệp Lực.

+ Nếu như tiến tu Thiền Minh Sát Tuệ **(Vipassanā)** thì Danh – Sắc, các Tiểu – Đại Oai Nghi, Chánh Niệm – Tỉnh Giác, các vị Thiền Sư; đã làm thành Tiếp Thu Nghiệp Tướng. Các địa điểm trú xứ, và các vật dụng khác khác, cho đến cả con người, mà có liên quan ở trong việc tiến tu Thiền Minh Sát Tuệ đã làm thành Phụ Trợ Nghiệp Tướng.

+ Việc nghiên cứu học hỏi Giáo Pháp, kinh điển, bậc Giáo Thọ, việc đọc đi đọc lại, cho đến luôn cả các lời giảng giải; đã làm thành Tiếp Thu Nghiệp Tướng. Trú xứ, giảng đường, các đồ dùng vật dụng khác khác, mà có liên quan với việc học hỏi; đã làm thành Phụ Trợ Nghiệp Tướng.

II. Bên phía Bất Thiện:

1. Sát Tử (Pāṇātipāta): Loài Hữu Tình bị sát hại, bị đánh đập, cử chỉ hành động của mình; làm thành Tiếp Thu Nghiệp Tướng. Địa điểm trú xứ, các đồ dùng vật dụng khác khác, mà có liên quan với việc sát hại, thịt, da, xương, v.v.; làm thành Phụ Trợ Nghiệp Tướng.

2. Thâu Đạo (Adinnādāna): Những tài sản của cải, cử chỉ hành động của mình; làm thành Tiếp Thu Nghiệp Tướng. Trú xứ địa điểm, dụng cụ đồ nghề; làm thành Phụ Trợ Nghiệp Tướng.

3. Tính Dục Tà Hạnh (Kāmesumicchācāra): Tự bản thân và với người mà ta chung chạ; làm thành Tiếp Thu Nghiệp Tướng. Địa điểm trú xứ, việc thốt ra lời, v.v.; làm thành Phụ Trợ Nghiệp Tướng.

4. Vọng Ngữ (Musāvāda): Lời nói không chân thật, và các sự vật cũng không xác thực; đã làm thành Tiếp Thu Nghiệp Tướng. Người lắng nghe; đã làm thành Phụ Trợ Nghiệp Tướng.

5. Ẩm Tửu Trầm Túy (Surāmeraya): Tự ẩm tửu cùng với việc say xỉn; đã làm thành Tiếp Thu Nghiệp Tướng. Chai rượu bia với các món ăn nhấm nháp, bầu bạn và bà con thân thích, địa điểm trú xứ, cho đến luôn cả các vật dụng khác khác nữa; đã làm thành Phụ Trợ Nghiệp Tướng.

Tóm lại, trong cả hai thể loại điềm tướng, Tiếp Thu Nghiệp Tướng và Phụ Trợ Nghiệp Tướng đây, thì tất cả các sự vật hữu sinh mạng và phi sinh mạng hữu quan một cách trực tiếp với việc tác hành Thiện Sự hoặc Bất Thiện Sự; thì làm thành Tiếp Thu Nghiệp Tướng. Còn những sự vật khác khác, là các vật dụng phối hợp, hỗ trợ, và giúp đỡ đối với việc tác hành Thiện Sự hoặc Bất Thiện Sự, thì những thể loại này làm thành Phụ Trợ Nghiệp Tướng.

Anantaramuppajjamānabhave upalabhitabbamupabhogabhūtañca gatinimit tam - Đoạn văn **Pāḷi** này đã trình bày cho được biết đến bản thể Thú Tướng. Thú Tướng có nghĩa là Cảnh của kiếp sống sẽ đi đến. Đề cập đến là Cảnh sẽ được tiếp xúc, sẽ được thụ lãnh ở trong kiếp sống thứ hai. Có câu Chú Giải nói rằng: **Gatiyā nimittaṃ = Gatinimittaṃ** - Cảnh của kiếp sống nương trú vào, gọi là Thú Tướng. Thú Tướng đây, cũng có được những 6 Cảnh. Vả lại, cả sáu thể loại Cảnh này cũng chẳng phải là các Cảnh hữu quan với kiếp sống hiện tại, mà đó chỉ là những 6 Cảnh mà sẽ được gặp, sẽ được xúc mục, và sẽ được thụ lãnh ở trong kiếp sống (thứ hai) tới đây. Với lý do này, Ngài Giáo Thọ **Anuruddha** mới trình bày nói rằng: **Anantaramuppajjamānabhave** - Trong kiếp sống sẽ sinh khởi lên tiếp nối liền với kiếp sống hiện tại một cách không gián đoạn, và câu văn **Pāḷi** đề cập đến **Upalabhitabbamupabhogabhūtañca** đấy, đã trình bày cho được biết là Thú Tướng hiện hữu ở hai thể loại:

1/. Thu Dung Thú Tướng (Upalabhitabbagatinimitta) và

2/. Thụ Dụng Thú Tướng (Upabhogabhūtagatinimitta).

Từ ngữ **Pāḷi Bhūta** ở trong điều này, thì chẳng có chi đặc biệt cho việc giải thích. Từ ngữ **Pāḷi** này chỉ là **Liên Từ (Sandhipāda).** Như thế, khi cắt từ ngữ ra có được hai từ ngữ, ấy là: **1/. Upalabhitabbaṃ,** và **2/. Upabhogabhūtaṃ.**

Thu Dung Thú Tướng có nghĩa là những 6 Cảnh của kiếp sống mà sẽ phải xúc mục. Thụ Dụng Thú Tướng có nghĩa là những 6 Cảnh của kiếp sống mà sẽ phải được thụ hưởng. Như thế, khi kết hợp lời đề cập của Ngài Giáo Thọ **Anuruddha** thì có đoạn văn **Pāḷi** như sau: **Anantaraṃ uppajjamānabhave upalabhitabbaṃ upabhogabhūtañca gatinimit tam** thì cũng có được ý nghĩa là: Những 6 Cảnh của đời sống mà sẽ phải được tiếp xúc, sẽ được nhìn thấy, và sẽ phải được thụ lãnh ở trong kiếp sống tới, một cách không có khoảng cách gián đoạn. Câu **Pāḷi** này cũng có việc liên hệ với nhau như vầy: **Anantaraṃ** vào gặp **Uppajjamānabhave** vào gặp **Upalabhitabbaṃ**; và **Upabhogatabhūtaṃ** vào gặp **Gati nimittaṃ**. Đối với **Gatinimittaṃ** đấy, vào gặp **Paccupaṭṭhāti** lại là một **Động Từ (Akhyātakiriyāpada).**

Như thế, một khi sẽ phân tích những thể loại Thú Tướng này thể theo Thu Dung Thú Tướng và Thụ Dụng Thú Tướng thì sẽ có được như vầy:

+ **Người sẽ đi thọ sinh ở trong Cõi Phạm Thiên Giới** thì không có cả hai thể loại Thú Tướng này, mà chỉ có duy nhất là Chế Định Nghiệp Tướng và Đáo Đại Nghiệp Tướng. Nếu giả như sẽ đi thọ sinh ở trong Cõi Thiên Giới thì sẽ được trông thấy chiếc long xa, tòa Thiên Cung, Thiên Nam Tử, Thiên Nữ Tử, vật trang sức, hoa viên, ao hồ; và như thế, với những thể loại này đã làm thành Thu Dung Thú Tướng. Nếu như cảm thấy bản thân mình đang được ngồi ở trong chiếc long xa, hoặc đang được dạo chơi trong các địa điểm trú xứ cùng với sự vui mừng hớn hở ở trong lòng, hoặc đang được thọ Tiên Thực cùng chung với Thiên Nam Tử và Thiên Nữ Tử, hoặc đang mang những vật Thiên trang sức; và như thế, với những thể loại này đã làm thành Thụ Dụng Thú Tướng.

Nếu giả như sẽ đi thọ sinh thành Nhân Loại thì sẽ được trông thấy thai phụ, căn phòng, nhà cửa, vật dụng, đất nước, làng xã, con người; và như thế, với những thể loại đã làm thành Thu Dung Thú Tướng. Nếu như cảm thấy mình đang thọ thực ở trong chỗ này và chỗ nọ, hoặc đang ở trong trú xứ này và địa điểm nọ, hoặc đang nói chuyện hỏi han với bất luận một người nào, hoặc đang cùng phối hợp làm bất luận một công việc gì, hoặc y như là mình đang đi đầu thai vào ở trong thai bào vậy; và như thế, với những thể loại này đã làm thành Thụ Dụng Thú Tướng.

Nếu giả như sẽ đi thọ sinh thành loài Bàng Sinh, thì sẽ được nhìn thấy các loài Hữu Tình, có chó, chim, cá, bò, trâu, v.v. Địa điểm trú xứ mà các loài Hữu Tình Bàng Sinh nương trú, có cây cối, rừng rậm, v.v. đã làm thành Thu Dung Thú Tướng. Nếu như cảm thấy mình sẽ thành bất luận một nhóm Hữu Tình Bàng Sinh nào đó, hoặc đang chơi giỡn với những loài Hữu Tình Bàng Sinh đấy; đã làm thành Thụ Dụng Thú Tướng.

Nếu giả như sẽ đi thọ sinh thành Ngạ Quỷ và **Atula**, thì sẽ được nhìn thấy rừng rậm, vực thẳm, biển cả, sông nước, núi đồi tĩnh mịch lạnh lẽo và thật đáng rùng rợn khủng khiếp, nhóm Ngạ Quỷ, bọn **Atula**; và như thế, với những thể loại này đã làm thành Thu Dung Thú Tướng. Nếu như cảm thấy mình đang bước đi hoặc đang ở trong các địa điểm trú xứ như đã vừa đề cập đây, hoặc xác thân của mình đang hiện bày thật đáng ghê sợ kinh hãi, hoặc đang bị đói khát không có thực phẩm để sẽ được thọ thực, hoặc đang tìm kiếm nước và thực phẩm với trạng thái đói khát một cách cùng cực; và như thế, với những thể loại này đã làm thành **Thụ Dụng Thú Tướng**.

Nếu giả như sẽ đi thọ sinh ở trong Cõi Địa Ngục, thì sẽ được nhìn thấy dụng cụ hành hạ chém giết, chó, quạ, kên kên đáng kinh sợ, Ngài Diêm Vương, vị Chúa Ngục, cho đến luôn cả loài Hữu Tình Địa Ngục, cùng với các địa điểm trú xứ; và như thế, với những thể loại này đã làm thành Thu Dung Thú Tướng. Nếu như cảm thấy mình đang bị lôi kéo rên khóc, hoặc đang bị đánh đập, hoặc đang bị chó cắn xé ra, hoặc đang bị xiềng xích với những vật gông cùm, hoặc lui tới những địa điểm có người đang bị giam cầm xiềng xích, và có được việc xúc mục với vô số cảnh trạng khiếp đảm kinh hồn này, hoặc y như là mình đang bị thẩm tra hạch biện, hoặc thân thể có sự đau đớn vô cùng còn hơn là mình đang thọ cực hình; và như thế, với những thể loại này đã làm thành Thụ Dụng Thú Tướng.

THU DUNG THÚ TƯỚNG VÀ THỤ DỤNG THÚ TƯỚNG ĐÃ ĐƯỢC TRÌNH BÀY ĐỂ Ở TRONG BỘ ĐẠI PHỤ CHÚ GIẢI SIÊU LÝ GIẢI MINH (PARAMATTHADĪPANĪMAHĀṬĪKA)

Trong Bộ Đại Phụ Chú Giải Siêu Lý Giải Minh đã có trình bày cả hai Thú Tướng đây làm thành hai phần, ấy là:

1/. Phần thứ nhất đề cập đến Thu Dung Thú Tướng đấy ở phần **Khổ Thú Tướng (Dugatinimitta),** và Thụ Dụng Thú Tướng ở phần **Thiện Thú Tướng (Sugatinimitta).** Trong cả hai trường hợp này, những Cảnh có quan hệ với Tứ Cõi Thống Khổ, là thuộc Khổ Thú Tướng; và các Cảnh có quan hệ với Cõi Nhân Loại, Cõi Thiên Giới, Cõi Phạm Thiên Giới, là thuộc Thiện Thú Tướng.

2/. Phần thứ hai đề cập đến các Cảnh có quan hệ với xác thân, là thuộc Thu Dung Thú Tướng; và các Cảnh bất quan hệ với xác thân, mà chỉ sẽ làm cho phải thụ lãnh hạnh phúc – khổ đau, là thuộc Thụ Dụng Thú Tướng.

Cảnh có quan hệ với xác thân đấy, mà lập ý chỉ lấy các phần khác, như có vật trang sức, việc ăn mặc, các vật dụng dụng cụ, hiện hành theo Lộ Thân Môn ở cả phía Thiện và Bất Thiện. Cảnh bất quan hệ với xác thân, mà chỉ sẽ làm cho phải thụ lãnh hạnh phúc – khổ đau đấy, là lập ý lấy các sự vật chung quanh, như có thực phẩm cho việc ăn uống, vật phụ thuộc, bông hoa, hương phẩm, nhạc cụ, bến cảng bờ sông, thánh địa linh thiêng, việc tụng kinh Lễ Phật, học hỏi, nghiên cứu, Thính Pháp, và kẻ thù, dụng cụ tra tấn sát hại, vị Chúa Ngục, chó, quạ, nhóm Hữu Tình Địa Ngục, Ngạ Quỷ, **Atula**, Bàng Sinh, âm thanh la hét, lời đe dọa, kình cãi to tiếng, đánh đấm đâm chém lẫn nhau, khóc than rên rỉ, mùi xú khí, ngọn lửa, thực phẩm thối rữa, lửa bốc cháy, bị đánh đập, chìm dưới nước, ngã từ trên cao xuống.

BỆNH NHÂN ỐM NẶNG CÓ TRẠNG THÁI Y NHƯ NGẤT XỈU TRONG KHI CÓ THÚ TƯỚNG HIỆN BÀY

Một vài bệnh nhân ốm nặng có trạng thái y như thể ngất xỉu đi suốt trọn một sát na, bởi do có một vài thể loại Thú Tướng đã đi đến hiện bày. Trong thời điểm ấy, cảm giác tựa như ở trong một giấc mơ và cảm thấy mình đang đi lui tới ở trong những địa phận nương trú của nhóm Hữu Tình Thống Khổ, có Địa Ngục, Ngạ Quỷ, v.v. hoặc những địa phận nương trú của Nhân Loại, Chư Thiên, với đủ mọi trường hợp. Tức là được mục kích Hữu Tình Địa Ngục đang bị tra tấn, hành hạ khổ sở, cùng với địa điểm có Ngài Diêm Vương, và vị Chúa Ngục đang thi dĩ khốc hình. Được mục kích một nơi tĩnh mịch thật đáng rùng rợn, và được thấy phía sau một tòa nhà thật to có bếp chảo lửa đun nước đang sôi, và chính ngay ở trong lúc ấy, có một người to lớn với sự tức giận đối với bọn con trẻ, và đã ném quăng bất cứ đứa trẻ con nào vào ở trong nơi đó. Được mục kích một đám người lớn đứng chen chúc với nhau ở trong cái hố hết sức to lớn để được nhìn thấy. Hoặc chẳng là như thế, thì cũng được thấy

rõ một khu rừng già, một dãy núi to; được thấy vực thẳm, cây to có tán nhánh bao phủ dầy đặc tỏa xòe ra một vùng rộng lớn bao la; được thấy đủ mọi chủng loại Hữu Tình thật là kinh khiếp ghê sợ đến sởn tóc gáy. Đề cập đến là một vài bọn có thân hình cao lớn, một vài nhóm có thân hình to béo, một vài bọn có thân hình đen đũi và đầu to; một vài nhóm chỉ có thịt mà không có xương, hoặc chỉ có xương mà không có thịt, thế rồi tự bản thân đã được leo trèo dọc theo sườn núi, và đã mai phục để lén nhìn các loài Hữu Tình hung dữ khác đang hiện hành ở trong quả núi ấy với sự yếu đuối mệt lả, và đang có việc khát nước mới dự tính bò xuống đặng đi tìm nước để uống. Hoặc chẳng là như thế, thì cũng được nhìn thấy đất nước, thôn ấp, làng xã; hoặc thấy mình đã đi tìm kiếm anh em họ hàng quyến thuộc, bầu bạn đang ở vùng ngoại ô, ở nơi chốn cũ; có việc cấp dưỡng, và nói chuyện ân cần hỏi han lẫn nhau. Hoặc đã được trông thấy chiếc long xa, tòa thiên cung với Thiên Nữ, và bản thân mình cũng đã được du ngoạn ở trong các địa điểm ấy. Hoặc đã được trông thấy hoa viên, ao hồ, nhà thủy tạ, thánh địa linh thiêng. Hoặc đã được trông thấy những tòa thiên cung, với một vài thiên cung có Thiên Nam Tử, Thiên Nữ Tử đang nương trú, cũng có một vài thiên cung vẫn còn trống không, mới liền vấn hỏi và đã được biết câu chuyện, ấy là tòa thiên cung của một vị vẫn đang còn ở trong Cõi Nhân Loại mà đã phát sinh lên sẵn sàng, đặng chờ đợi đến khi thọ mạng diệt và lìa khỏi Cõi Nhân Loại, thế rồi sẽ được đi đến thọ hưởng Thiên Sản ở ngay trong tòa thiên cung này.

Sự hiện hành từ Thú Tướng đi đến hiện bày tựa như một giấc chiêm bao, với cả là người ốm nặng đấy cũng có trạng thái ví tựa như người bị ngất xỉu như đã vừa đề cập đến ở tại đây. Có một vài người thì cũng đã được nhìn thấy tương tự như thể đang ở trong trú xứ của mình. Có một vài người thì cũng đã được nhìn thấy là có người đến rủ rê dắt dẫn đi. Có một vài người thì cũng đã được nhìn thấy chỉ với tự bản thân đang du ngoạn vậy.

Sự hiện hành sai biệt ở đây, là do bởi có một vài người đã trải qua một khoảng thời gian độ 2 – 3 phút cũng có; 1 – 2 giờ đồng hồ cũng có; 1ngày, 2 ngày cũng có; như một nhóm người ở dân gian đã nói với nhau rằng "người chết đã được hồi sinh trở lại." (Với trường hợp hồi dương, sống trở về lại dương thế, của trạng thái vong dương, như là vã mồ hôi, lạnh toát cơ thể và tay chân lạnh ngắt, hơi thở nhẹ, mạch đập vi tế, v.v.)

Kammabalena - Với mãnh lực của Nghiệp Căn mà Bộ Kinh Chú Giải Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp đã nói rằng **Nghiệp Lực (Kammabalena)** đấy, có ý nghĩa việc hiện bày là bởi do bất cứ một điềm tướng nào đó, và chẳng cần bận tâm để nghĩ đến là do bởi một tác nhân nào cho phải rối trí vô ích; và đó chỉ là, chính sự hiện hành với mãnh lực của Nghiệp Căn mà đã có được cơ hội trổ sinh quả báo tái sinh ở trong kiếp sống thứ hai; vả lại Nghiệp Căn đã có được cơ hội trổ sinh quả báo tái sinh ở trong kiếp sống thứ hai đấy, là **Tập Quán Nghiệp Lực (Āciṇṇakamma)** cũng có, hoặc **Cận Tử Nghiệp Lực (Āsannakamma)** cũng có, hoặc **Tích Lũy Nghiệp Lực (Kaṭattākamma)** cũng có; hoặc tự truy niệm nghĩ tưởng đến cũng có. Nếu chẳng là như thế, thì có người đi đến nhắc bảo cho truy niệm nghĩ tưởng đến cũng có. Như thế, các Nghiệp Căn mà mình đã từng tạo tác tích niên lũy nguyệt rất lâu dài, mới đi đến hiện bày cho được thấy như chính mình đang tạo tác vậy, hoặc đến nỗi đã thốt ra những lời mê sảng kể lể dong dài các câu chuyện này nọ cũng có, hoặc biểu

lộ các cử chỉ điệu bộ hiện hành cũng có, để rồi đã làm thành Cảnh Nghiệp. Đôi khi cũng đã hiện bày thành những hình ảnh trạng lại như thể mình đã có tạo tác, đã làm thành Cảnh Nghiệp Tướng; tuy nhiên đôi khi cũng chẳng có việc nói mê sảng, và cũng chẳng có việc biểu lộ bất luận một cử chỉ điệu bộ nào, với luôn cả cũng chẳng việc hiện khởi thành hình ảnh trạng lại cho được nhìn thấy. Thế nhưng, cho dù bất luận một Cảnh Nghiệp nào ở trong cả ba thể loại này, thì cũng vẫn có mãnh lực đặng làm cho dòng tâm thức của người sắp cận tử lâm chung đấy có việc mê mờ mô hồ, buồn rầu ưu não, và bất an; hoặc lại hớn hở vui tươi, minh mẫn vả lại sáng suốt tinh tường; và như thế đã được sắp vào ở trong Cảnh Nghiệp đồng câu hành từ dòng tâm thức.

Channaṃ dvārānaṃ aññatarasmiṃ - Trong bất luận một Môn nào ở trong những cả 6 Môn đấy, có ý nghĩa việc hiện bày của cả ba điềm tướng này đây, là thường được hiện khởi ở bất luận một trong của các Môn, tức là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý đó vậy. Tức là điềm tướng làm thành Cảnh Nghiệp thì được sắp vào ở trong Lộ Ý Môn. Điềm tướng làm thành Nghiệp Tướng và Thú Tướng, với cả hai thể loại này đều hoàn toàn là hình ảnh của các điềm tướng đấy; có nghĩa là nếu như Cảnh Sắc Hiện Tại thì sẽ hiện khởi ở Lộ Nhãn Môn và Lộ Ý Môn; còn nếu như là Cảnh Sắc Quá Khứ thì chỉ sẽ hiện khởi ở Lộ Ý Môn. Các Cảnh Thinh, v.v. cho đến cả Cảnh Xúc thì cũng tương tự như nhau. Còn đối với Cảnh Pháp Tướng thì thường chỉ hiện khởi duy nhất ở Lộ Ý Môn. Lại nữa, thực tính của Thú Tướng đấy, thì cho dù quả thật sẽ được cả 6 Cảnh đi nữa, tuy nhiên phần nhiều thường chỉ là Cảnh Sắc và **Cảnh Pháp Chế Định (Paññattidhammārammaṇa)** mà có liên quan với các Cảnh Sắc ấy. Vì thế, trong những cả 6 Môn này, thì phần nhiều Thú Tướng thường hiện bày ở Lộ Nhãn Môn và Lộ Ý Môn.

Đoạn văn **Pāli** nói rằng **Kammabalena channaṃ dvārānaṃ aññatarasmiṃ paccupaṭṭhāti** đấy, có nội dung quan hệ với nhau như vầy: **Kammabalena** (do sức mạnh của Nghiệp Lực) làm tác nhân (**Hetu** - Nhân) ở trong **Paccupaṭṭhāti** (hiện khởi), **Paccupaṭṭhāti** (hiện khởi) thì làm quả báo (**Phala** - Quả); **Channaṃ** làm (**Visesana**: thuộc về **Phân Biệt Từ**) ở trong **Dvārānaṃ** (thuộc các Môn), **Dvārānaṃ** thì làm (**Visesana**: **Phân Biệt Từ**); **Channaṃ dvārānaṃ** làm (**Niddhāraṇa**: sự riêng biệt) ở trong **Aññata rasmiṃ, Aññatarasmiṃ** thì làm (**Niddhāraniya**: thuộc về sự riêng biệt); **Aññatarasmiṃ** làm (**Ādhāra**: căn cứ, việc chứa đựng) ở trong **Paccupaṭṭhāti, Paccupaṭṭhāti** thì làm việc tác hành của (**Ādhāra**: việc chứa đựng, căn cứ).

GIẢI THÍCH TRONG PHẦN PĀLI VỚI ĐIỀU THỨ BA: SỰ HIỆN HÀNH CỦA DÒNG TÂM THỨC KHI CẬN TỬ LÂM CHUNG

Tato paraṃ tameva tathopaṭṭhitaṃ v.v. abhiṇhaṃ pavattati bāhullena. Đoạn văn **Pāḷi** này trình bày đến sự hiện hành của dòng tâm thức khi cận tử lâm chung, và tiếp theo đây là sẽ được giải thích theo riêng từng các phần như sau:

Tato paraṃ tameva tathopaṭṭhitaṃ ārammaṇaṃ ārabbha cittasantānaṃ abhiṇhaṃ pavattati - Nối tiếp từ những thể loại Cảnh Nghiệp, Cảnh Nghiệp Tướng và

Cảnh Thú Tướng một khi đã hiện bày xong rồi; thì dòng tâm thức, do nương vào các Cảnh đã có hiện bày đấy, thường khởi sinh tùy thuận theo từng mỗi hiện trạng. Câu chuyện này một khi được nêu lên ví dụ để dẫn chứng, thì cũng ví như một người đang ngồi xem truyền hình với tâm chú mục vào các hình ảnh đang có hiện bày ở ngay trước mắt, và chẳng còn nghĩ tưởng đến một câu chuyện nào khác nữa, cho dù sẽ có người đi đến để hỏi chuyện này nọ; hoặc cũng chẳng có bỏ tâm lãng phí chỉ để thực hiện vào việc nói chuyện ấy vậy. Về phần tâm thức, thì cũng chẳng có mải mê hí hửng theo, duy chỉ có việc chú tâm vào trong hình ảnh mà mình đang xem ngần ấy mà thôi. Điều này như thế nào, thì dòng tâm thức của người sắp cận tử lâm chung, cho dù xác thân sẽ phải bị hành hạ khổ sở với việc đau nhức; và cho dù thỉnh thoảng cũng có đôi người đi đến nói năng, hoặc hỏi thăm an ủi, hoặc vỗ về chiều chuộng với đủ mọi trường hợp đi nữa; riêng về dòng tâm thức đấy, thì vẫn cứ mãi khắn khít dính chặt với từng chặp một vào ở trong điềm tướng đã có hiện bày.

Vipaccamānakakammānurūpaṃ parisuddhaṃ upakkiliṭṭhaṃ vā cittasantā naṃ abhiṇhaṃ pavattati - Tùy thuộc vào Nghiệp Căn mà sẽ trổ sinh quả báo, với dòng tâm thức thanh tịnh hoặc ưu não, đã thường luôn sinh khởi. Nghiệp Căn sẽ trổ sinh quả tái sinh đấy, giả như đã là Thiện rồi, thì dòng tâm thức cũng thường luôn thanh tịnh, và điềm tĩnh thanh thản. Nếu đã là Bất Thiện rồi, thì dòng tâm thức cũng thường hay mê mờ mô hồ, sầu khổ ưu não, và bồn chồn lo lắng. Sự hiện hành của dòng tâm thức như vầy thường luôn sinh khởi; do đó từ ngữ nói rằng "thường luôn" ở đây, có nghĩa là một khi dòng tâm thức của người sắp cận tử lâm chung đã được thanh tịnh đi rồi, thì cho dù xác thân sẽ phải thọ chứng bệnh nan y trầm kha, hoặc giả có người đi đến nói đủ mọi câu chuyện không tốt đi nữa, thì tâm thức của người ấy có thể bất an chỉ là trong tích tắc trọn một sát na ngần ấy thôi; và ngoài ra khỏi đó, thì cũng quay trở lại thanh thản trong sáng như lúc ban đầu. Giả như dòng tâm thức đã có sầu khổ ưu não đi rồi; thì cho dù xác thân chẳng có thọ căn bệnh nan y trầm trọng, và cho dù có cả con cháu, anh em họ hàng quyến thuộc chầu chực chăm sóc một cách tốt đẹp đi nữa, và cũng chẳng có nói bất luận một câu chuyện nào làm cho phải bực mình khó chịu, mà chỉ có ân cần ưu ái nói năng trong các câu chuyện tốt đẹp an lành; thế mà, với tất cả những sự việc như thế ấy cũng chỉ làm cho tâm thức được tươi tỉnh an tịnh, chỉ là trong tích tắc trọn một sát na ngần ấy mà thôi; và ngoài ra khỏi đó, thì cũng quay trở lại ưu sầu bất toại nguyện như lúc ban đầu.

Lại nữa, cả hai đoạn văn **Pāḷi** có **Tato paraṃ tameva tathopaṭṭhitaṃ āramma ṇaṃ** v.v. và **Vipaccamānakakammānurūpaṃ** v.v. đây, có nguyên nhân và kết quả tuần tự như vầy:

Một khi Nghiệp Căn đã là Thiện và sẽ trổ sinh quả tái sinh ở trong kiếp sống thứ hai, thì cả ba điềm đấy cũng đều là hảo điềm tướng. Khi đã có hảo điềm tướng rồi, thì dòng tâm thức khắn khít ở trong điềm tướng ấy thanh tịnh trong sáng. Một khi Nghiệp Căn đã là Bất Thiện và sẽ trổ sinh quả tái sinh ở trong kiếp sống thứ hai, thì dòng tâm thức sẽ khắn khít ở trong điềm tướng đấy cũng sầu khổ ưu não và bất thanh tịnh.

Dòng tâm thức thanh tịnh và sầu khổ ưu não liên quan từ hảo điềm tướng và điềm tướng bất tường, thì đã có tích truyện kể về nam cư sĩ **Dhammika** và Đức Vua **Duṭṭha**

gāmiṇi khi cận tử lâm chung đã có hảo điềm tướng đi đến hiện bày. Đề cập đến là, đã được trông thấy 6 cổ long xa từ cả 6 tầng Trời đi đến hiện bày ở ngay trước mắt trên giữa không trung; và đã được lắng nghe âm thanh hát vang mời thỉnh với nhau cho ngự trên chiếc long xa của mình, luôn cả đã được ngửi mùi hương thơm của các vật dụng trần thiết ở trên mỗi chiếc long xa. Sự hiện hành như vậy, là cũng chính do bởi Thiện Nghiệp Căn đã dắt dẫn cho đi tái sinh ở trong Cõi Thiên Giới. Vì thế, dòng tâm thức khắn khít ở ở trong Hảo Thú Tướng mới có sự thanh tịnh trong sáng; và khi đã vừa thọ mạng diệt rồi, thì cận sự nam **Dhammika**, hoặc Đức Vua **Duṭṭhagāmiṇi** đã được thọ sinh thành vị Thiên Tử ngự ở trên chiếc long xa đến từ **Đâu Suất Đà Thiên Giới (Tusitā).** Còn các chiếc long xa đến từ các Cõi Trời khác, cũng đã từ từ biến mất đi.

Nay vui, đời sau vui,
Làm thiện, hai đời vui.
Nó vui, nó an vui
Thấy nghiệp tịnh mình làm.
(P. C. 16)

Những ai tích trữ Thiện Căn,
Kiếp này, kiếp nữa, lòng hằng an vui.
Vui thay Thiện Phước nối đuôi,
Kế liền hai kiếp an vui vạn phần.
Đã gieo giống nào thì sẽ gặt quả tương xứng,
Hành Thiện sẽ thâu nhận quả an lành,
Hành Ác sẽ gặt quả dữ. Do vậy,
Hãy gieo Thiện Căn, ắt sẽ gặt hái Quả lành.

Đức Đại Vương **Hộ Pháp A Dục (Siridhammāsoka)**, đấng bảo hộ Pháp Bảo đã thực hiện việc trùng thuyết Tam Tạng kinh điển lần thứ III, vào Phật Lịch 305, và Ngài đã là bậc Bảo Hộ Pháp Bảo vô cùng vĩ đại ở trong Phật Giáo; tính kể từ khởi phát ngọc thể bất an mãi cho đến tiền diện lúc sắp băng hà mạng vong, Ngài đã lập ý với tâm trí thanh thản hảo vận liên đới với việc khắn khít ở trong hảo điềm tướng. Khi đến giai đoạn thật sự sắp sửa băng hà, thì trái lại đã phát sinh lên sự bất mãn ý, và đã hủy diệt đến tâm trí của một Đấng Quân Vương vĩ đại trị vì ở trong Cõi Nam Thiệm Bộ Châu; mà lúc bấy giờ chỉ có thể có chút thanh tịnh ngự trị chỉ bằng với một quả nang của cây bông vải mà thôi. Dòng tâm thức với sự sầu muộn của Tâm Sân đã làm thành Cảnh Nghiệp đi đến hiện bày ở trong tâm thức lúc sắp băng hà, và đã làm phát sinh thành một loài Ngạ Quỷ Trăn cho mãi đến khi Ngài Trưởng Lão Thái Tử **Mahinda**, là một bậc Vô Sinh đã phải thực hiện việc tế độ bằng cách tái tạo cho có sự truy niệm đến kiếp sống con người, và cho đến cả việc trùng thuyết Tam Tạng kinh điển mà trước kia khi vẫn còn ở Cõi Nhân Loại. Khi đã lập ý truy niệm lại được rồi, tức thì được thoát khỏi việc thành loài Ngạ Quỷ Trăn, và đã được đi thọ sinh ở trong Cõi Thiên Giới. Cuối cùng thì cũng sẽ được thành tựu viên mãn Quả vị Vô Sinh, như đã có tích truyện trình bày rõ ràng ở trong bộ Kinh Đại Chủng Tộc **(Mahāvaṅsa)**.

Lại nữa, người sắp cận tử lâm chung một khi đã có tâm thức sầu khổ ưu não do bởi Thú Tướng bất tường đi đến hiện bày rồi, và nếu như có người ở sát bên hoặc người kề cận có được nhìn thấy tỏ tường với cả sự hiểu biết ở trong phương thức cứu giải, thì cũng có khả năng sẽ chuyển đổi điềm tướng bất tường ấy cho được xoay trở lại thành hảo điềm tướng. Chẳng hạn như vị Tỳ Khưu là thân phụ của Ngài Trưởng Lão Vô Sinh **Soṇa** sinh sống ở trong Chùa **Soṇagiri** của Ngài. Đang khi vẫn còn khỏe mạnh thì thường chỉ ưa thích hành nghề ở trong lãnh vực của việc săn bắn, dù cho đã bị người con trai khuyên bảo và ngăn cấm biết là bao nhiêu, nhưng cũng vẫn không chịu từ bỏ; mãi cho đến khi đã già nua rồi, thì mới chịu đi xuất gia với vị Tỳ Khưu con trai của mình. Đến một lúc đã thọ bệnh trầm kha và tất sẽ phải mạng vong, thì Thú Tướng bất tường cũng đã đi đến hiện bày; tức là được trông thấy một con chó to lớn từ ở dưới chân núi nhảy vào cắn xé, mới liền cất tiếng khóc la ầm ĩ xin được cứu giúp từ nơi vị Tỳ Khưu con trai của mình. Về phía vị Tỳ Khưu hiếu tử cũng đã liễu tri được rằng đây là Thú Tướng có liên quan với Cõi Địa Ngục đã đi đến hiện bày đối với người Cha rồi, mới cho vị Sa Di đi hái bông hoa đến sắp bày để ở ngay trước ảnh tượng của Đức Thế Tôn, rồi mới khiêng người Cha vào đến nơi đó, bảo cho được biết rằng bông hoa này là để cúng dường đến Đức Thế Tôn, xin nguyện cho người Cha có được sự chú tâm vào việc cúng dường, rồi hướng tâm nghĩ đến Cửu Hồng Ân của Đức Phật. Người Cha cũng chịu làm theo chẳng chút cưỡng lại, và trong phút giây đó thì Thú Tướng liên quan đến Cõi Địa Ngục cũng liền diệt mất, và thay vào đó, Thú Tướng liên quan với Cõi Thiên Giới là nàng Thiên Nữ đã đi đến hiện bày. Vị Tỳ Khưu là thân phụ đã có sự hoan hỷ duyệt ý, và đã cất tiếng bảo với vị Tỳ Khưu hiếu tử rằng: "Cô ấy đi vào, hãy tránh ra cho họ đi vào với !" Khi tâm thức đã có sự hân hoan tươi tỉnh với **niềm hoan hỷ phỉ lạc (Pītisomanassa)** khởi sinh lên như vậy rồi, đến phút giây tử vong thì đã được thọ sinh về Cõi Thiên Giới.

ĐIỀU NGHI VẤN VÀ LỜI GIẢI THÍCH TRONG TÍCH TRUYỆN NÀY

Trong sát na đã được trông thấy nàng Thiên Nữ đấy, thì sự hoan hỷ hình thành ra Tham Ái đã được sinh khởi, như sẽ dẫn chứng cho được thấy từ lời nói rằng: "Cô ấy đi vào, hãy tránh ra cho họ đi vào với !" Khi tử vong thì liền đi thọ sinh ở trong Cõi Thiên Giới, như thế ở trong điều đã nói rằng: **Vipaccamānakakammānūrūpaṃ parisuddhaṃ upakkiliṭṭhaṃ vā** có ý nghĩa là nếu như Thiện Nghiệp Lực có cơ hội trổ sinh quả báo, thì dòng tâm thức của người cận tử lâm chung sẽ phải là thanh tịnh trong sáng. Nếu như Bất Thiện Nghiệp Lực có cơ hội trổ sinh quả báo, thì dòng tâm thức của người cận tử lâm chung sẽ phải là sầu khổ ưu não. Khi đã là như thế, thì dòng tâm thức của vị Tỳ Khưu làm thân phụ ấy có sự hoan hỷ trước nàng Thiên Nữ, chẳng phải là sự sầu khổ ưu não hay sao, cho nên mới được thọ sinh ở trong Cõi Thiên Giới ?

Điều này giải thích rằng nếu như Bất Thiện Nghiệp Lực có được cơ hội trổ sinh quả báo, thì dòng tâm thức của người cận tử lậm chung sẽ phải là sầu khổ ưu não đấy, là lập ý đến sự sầu khổ ưu não với những Phiền Não đã làm thành với thời gian trải qua nhiều phút giây, với nhiều giờ đồng hồ như vậy rồi, thì mới sẽ được gọi là **Upakkiliṭṭhaṃ**, tuy nhiên

dòng tâm thức của vị Tỳ Khưu làm thân phụ đấy, thì chỉ có Tâm thanh tịnh trong sáng liên quan với công việc Thiện Sự đã phát sinh lên trước lúc cận tử lâm chung được tạo thành với thời gian trải qua nhiều phút giây rồi. Còn dòng tâm thức có sự hoan hỷ trước nàng Thiên Nữ đấy, chỉ có được sinh khởi trọn một giây một thì liền tử vong; vì thế, sự hoan hỷ hình thành Tham Ái mới không đạt đến sự tác hành **Chấp Thủ (Upādāna)**, mà chỉ mới khởi sinh **Ái Dục (Taṇhā)** thôi. Với lý do này mới trở lại làm thành việc hỗ trợ, giúp đỡ và tạo cơ hội cho đối với Trì Giới Thiện được sinh khởi từ việc xuất gia; Xả Thí Thiện được sinh khởi từ việc cúng dường bông hoa, và Tu Tiến Thiện được sinh khởi từ việc hướng Tâm nghĩ đến Cửu Hồng Ân Đức Phật; vả lại luôn cả với việc chỉ dẫn Cõi Thiên Giới nhất định sẽ phải là trú xứ cho trổ sinh quả báo của những thể loại Thiện Nghiệp Lực đấy. Như đã có trình bày để ở trong bộ Vô Ngại Giải Đạo (**Paṭisambhidāmagga**, điều 266) rằng là: **Gatisampattiyā ñāṇasampayutte aṭṭhānnaṃ hetūnaṃ paccayā uppatti hoti** dịch nghĩa là: Tái Sinh sinh khởi ở trong Sinh Thú Phẩm Vị ở phần Tương Ưng Trí, là thường cho làm thành Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên; bởi do đã được đón nhận việc hỗ trợ từ tám tác nhân. Lý giải rằng người đã được thọ sinh làm thành Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên do được Tái Sinh **(Paṭisandhi)** với Tam Nhân **(Tihetuka)** là cũng do có tám tác nhân làm duyên giúp đỡ hỗ trợ, làm Hữu Nhân **(Sāhetuka)** cho được sinh khởi. Tám tác nhân ấy, tức là:

1. Ở trong sát na thực hiện việc **Phóng Khí Xả Thí (Pariccāgadāna), Thọ Trì Giới Luật (Sīla), Tiến Hóa Tu Tập (Bhāvanā)** kết hợp với **Nghiệp Chủ Trí Lực (Kammas sakatañāṇa)**, hoặc **Minh Sát Trí (Vipassanāñāṇa)** thì có được Tam Nhân (Vô Tham, Vô Sân, Vô Si).

2. Việc hoan hỷ duyệt ý ở trong **Xả Thí, Trì Giới, Tiến Tu** mà mình đã được thực hiện đấy, thì có được Nhị Nhân, là Vô Tham, và Vô Si.

3. Khi đã được **Tái Sinh (Paṭisandhi)** với Tam Nhân **(Tihetuka)** hình thành quả báo của những thể loại Thiện Sự này, cho được sinh khởi đấy, thì có được Tam Nhân. Kết hợp lại thành tám tác nhân.

Lại nữa, sự việc vị Tỳ Khưu làm thân phụ có sự hoan hỷ trước nàng Thiên Nữ, thế rồi cũng được đi thọ sinh ở trong Cõi Thiên Giới đấy, điều này có là việc mâu thuẫn trái ngược với **Phật Ngôn (Buddhabhāsita)** hay không ? Vì lẽ Đức Thế Tôn Ngài đã lập ý khải thuyết để ở trong bài **Kinh Hỏa Tai Toàn Bộ (Ādittapariyāyasutta**, Tương Ưng Bộ Kinh quyển II, Phẩm Lục Xứ **(Saḷāyatanavagga)**, điều 377 – 379) nói rằng: **Nimittas sādagathitaṃ vā bhikkhave viññāṇaṃ tiṭṭhamānaṃ tiṭṭheyya, anubyañjanassādaga thitaṃ vā, tasmiṃ ce kālaṃ kareyya, ṭhānametaṃ vijjati, yaṃ dvinnaṃ gatīnaṃ aññattaraṃ gatiṃ gaccheyya nirayaṃ vā tiracchānayoniṃ vā** - Này tất cả Chư Tỳ Khưu, dòng tâm thức có sự hoan hỷ dính mắc ở trong xác thân của ta và của người, mà gọi là **Trẫm Triệu (Nimitta)**, sinh khởi rồi an trú; hoặc dòng tâm thức có sự hoan hỷ dính mắc ở trong bộ phận lớn nhỏ của Ta và của người, mà gọi là **Phụ Kiện (Anubyañjana)**, sinh khởi rồi an trú. Này tất cả Chư Tỳ Khưu, nếu như người ấy tử vong ngay trong lúc có Ái Dục sinh khởi và an trú ấy, thì đáng phải đi đến bất luận một **Sinh Thú (Gati)** nào trong những cả hai Sinh Thú là Địa Ngục hoặc Bàng Sinh, và việc hiện hành như vậy thường không có được.

Như rùa dấu thân phần, trong cái mai của nó,
Cũng vậy, vị Tỳ Khưu, thâu nhiếp mọi tâm tư,
Không nương tựa một ai, không hại một người nào,
Hoàn toàn đạt tịch tịnh, không nói xấu một ai.
(Tương Ưng Bộ Kinh – Phẩm Lục Xứ, # 199, Con rùa)

Phật Ngôn này chẳng có việc mâu thuẫn trái ngược với bất luận một điều nào cả, bởi vì ngay khi thật sự sẽ mạng chung đấy, Tâm Đồng Lực Thiện có sự sùng tín ở trong Ân Đức của Tam Bảo, và việc cúng dường Đức Phật với bông hoa sinh khởi lại là đàng khác. Còn sự hoan hỷ trước nàng Thiên Nữ đấy, đã là việc khởi sinh trước lúc mạng chung. Lại nữa, sự hoan hỷ ở trong Cảnh đáng thương, sự hoan hỷ ở trong Cảnh đáng ghét, đáng sợ đấy, là thuộc lẽ thường nhiên hiện hữu đối với khắp cả mọi con người. Chỉ trừ phi đối với hạng người đặc biệt, đó là các bậc đang tiến tu Minh Sát Tuệ với Ngũ Quyền Lực kiên định, và các Bậc Bất Lai với cả các Bậc Vô Sinh ngần ấy thôi. Vì thế, nếu như Cảnh đáng thương, đáng hoan hỷ hoặc đáng ghét, đáng sợ đi đến hiện bày ở ngay trước mắt; tuy nhiên chẳng có màng đến sự hoan hỷ, sự bất mãn ý; luôn cả chẳng phải là hạng người đặc biệt hoặc bình thường, thì sự kiện đó chỉ có thể đối với hình nộm búp bê. Như vậy, nếu như con người vẫn có sự hoan hỷ, bất mãn ý; thì quả là hết tất cả mọi con người phải đi đến Cõi Thống Khổ với nhau rồi. Sau khi tử vong thì cũng chẳng có một ai sẽ được đi thọ sinh làm Người và Chư Thiên cả.

Một khi đã là như vậy, thì sẽ có rất ít Người và Chư Thiên ở trong Cõi Nhân Loại và Cõi Thiên Giới, thế nhưng sự kiện này chẳng có hiện hành như thế được; do vậy mới lập ý trình bày cho được thấy rằng sự hoan hỷ, sự bất mãn ý đấy, hiện hữu với nhau ở hai thể loại, ấy là:

1. Sự hoan hỷ, sự bất mãn ý có năng lực dắt dẫn cho đi đến Cõi Thống Khổ cũng có, hoặc

2. Chẳng có năng lực để sẽ dắt dẫn cho đi đến Cõi Thống Khổ cũng có.

Vả lại, sự kiện có năng lực dắt dẫn cho đi đến Cõi Thống Khổ đấy, thì phải làm cho Thân, Lời và Ý thành tựu ở trong Ác Hạnh, và Ác Mạng.

Về phần Phật Ngôn đấy, lập ý lấy việc tử vong một cách thông thường, hoặc tiếp xúc **Tác Nhân Bất Tường (Upaddavahetu),** thì dòng tâm thức của người trước lúc mạng chung có sự hoan hỷ, sự bất mãn ý khởi sinh, đến nỗi đã làm cho Thân, Lời và Ý đạt đến sự hoàn thành Ác Hạnh và Ác Mạng. Chẳng là như thế, thì cho dù sẽ có được Tâm Thiện sinh khởi bởi do có người đi đến giúp đỡ nhắc nhở cho truy niệm nghĩ tưởng đến Thiện Sự mà mình đã từng làm, hoặc cho truy niệm ở trong Ân Đức của Tam Bảo đi nữa; tuy nhiên dòng tâm thức mà đã có sự hoan hỷ, sự bất mãn ý như đã đề cập cứ vẫn mãi sinh khởi. Còn Tâm Thiện sinh khởi chỉ trọn một sát na đấy, thì cũng chẳng có khả năng để sẽ hủy diệt sự sầu khổ ưu não của dòng tâm thức cho được tịch diệt, và chính vì như thế, một khi đã mạng chung thì mới phải đi đến bất luận ở một trong các Cõi Thống Khổ.

Upalabhitabba bhavānurūpaṃ tatthoṇataṃva cittasantānaṃ abhiṇhaṃ pavattati - Dòng tâm thức thường luôn sinh khởi, có trạng thái hiện hành y như thể thiên hướng tâm phù hợp theo ở trong kiếp sống mà sẽ phải đi thọ sinh.

Giải thích rằng Tâm Thức của người sắp mạng chung, cho dù sẽ chấp thủ ở trong bất luận một điềm tướng nào đã đi đến hiện bày đi nữa, tuy nhiên dòng tâm thức ấy cũng không ngớt để tâm thiên hướng ở trong kiếp sống mà sẽ phải đi thọ sinh. Đề cập đến là, nếu sẽ đi thọ sinh ở trong Cõi Thiên Giới thì sẽ có tâm thiên hướng ở trong Cõi Thiên Giới. Nếu sẽ đi tái sinh làm Người thì cũng sẽ có tâm thiên hướng ở trong Cõi Nhân Loại. Nếu sẽ phải sinh ở trong bất luận một Cõi Thống Khổ nào thì cũng sẽ có tâm thiên hướng ở trong các Cõi Giới đấy. Ví dụ như một người sẽ đi ngoại quốc, hoặc đi ngoại ô ở các tỉnh thành; thì cho dù Thân và Lời có thực sự đang bận rối mù với bao khối công việc đi nữa, tuy nhiên dòng tâm thức ấy cũng vẫn thường luôn thiên hướng nghĩ tưởng đến đất nước hoặc tỉnh thành mà mình sẽ đi. Còn Bậc Vô Sinh khi sắp sửa viên tịch Níp Bàn, thì cho dù Tâm Thức sẽ có Cảnh ấy là Hiệp Thế, Siêu Thế hay là Chế Định đi nữa, thế nhưng dòng tâm thức của từng mỗi vị ấy thường luôn chỉ để tâm thiên hướng duy nhất ở trong Níp Bàn. Là như vậy cũng vì các Ngài chẳng còn có kiếp sống nối tiếp để sẽ phải đi thọ sinh. Như thế, ở trong bài **Kinh Đại Viên Tịch Níp Bàn (Mahāparinibbānasutta**, Đại Phẩm, điều 129) mới trình bày sự hiện hành từ dòng tâm thức của Bậc Chánh Đẳng Giác khi sắp sửa viên tịch Níp Bàn rằng là: **Anejo santimārabbha yaṃ kālamakarī muni** - Bậc Đại Đạo Sư, Bậc đoạn tận Ái Dục, đã lập ý nương vào việc đề khởi hướng đến Vô Dư Y Níp Bàn, rồi mới lập ý đến thời gian của viên tịch Níp Bàn.

Cittasantānaṃ abhiṇhaṃ pavattati bāhullena - Dòng tâm thức phần nhiều thường luôn sinh khởi. Từ ngữ **Bāhulena** (Phần đa số, phần nhiều) đấy, có ý nghĩa là các dòng tâm thức hiện hành với sự thanh tịnh hoặc sầu khổ, và có tâm thiên hướng ở trong kiếp sống mà sẽ phải đi thọ sinh đấy, là chỉ phần đa số chớ chẳng phải có hết tất cả. Điều đó tức là dòng tâm thức chỉ với người mạng chung có trạng thái ốm đau trải qua thời gian nhiều phút giây, nhiều giờ đồng hồ; hoặc nhiều ngày tháng mà thôi. Còn người mạng chung với trạng thái đột tử, chỉ trong nháy mắt liền tử vong; thì chẳng có các trạng thái hiện hành của dòng tâm thức theo như đã đề cập đến ở phần trên. Chẳng hạn như bị xe lửa cán, bị bom nổ, bị nhà đổ sập đè, bị bắn trong sát na vẫn còn đang ngủ, bị chém đứt cổ trong sát na chẳng hay hay biết. Vì thế, từ ngữ nói rằng **Bāhulena** (Phần đa số, phần nhiều) đây, là việc loại trừ ra dòng tâm thức của người mạng chung với trạng thái như đã vừa đề cập ở tại đây. Còn dòng tâm thức của hạng người này có thể hiện hành như vầy: là **Lộ Trình Ý Môn (Manodvāravithī)** sinh khởi tiếp thâu bất luận một trong cả ba thể loại điềm tướng, xong rồi liền diệt mất. Nối tiếp từ nơi đó, thì **Lộ Trình Thân Môn (Kāya dvāravithī)** sinh khởi tiếp thâu Cảnh Xúc là sự đau đớn, xong rồi cũng diệt mất. Nối tiếp sau đó, thì một **Lộ Trình Ý Môn Thu Dung Quá Khứ (Atītaggahaṇamano dvāravithī)** sinh khởi tiếp thâu Cảnh Xúc rồi diệt. Kế liền là **Lộ Trình Cận Tử Ý Môn (Māraṇā sannamanodvāravithī)** có bất luận một điềm tướng nào trong cả ba điềm tướng đấy, sinh khởi thành lần cuối cùng.

GIẢI THÍCH TRONG PHẦN PĀLI VỚI ĐIỀU THỨ TƯ: TRÌNH BÀY VIỆC HIỆN KHỞI CỦA NGHIỆP TƯỚNG THEO MỘT PHƯƠNG THỨC KHÁC

Tameva pana janakabhūtaṃ kammaṃ abhinavakaraṇavasena dvārappattaṃ hoti - Đoạn văn này trình bày việc hiện khởi của Nghiệp Tướng theo một phương thức khác nữa.

Việc hiện bày của cả hai phần Cảnh Nghiệp đây, quả thật có sự đặc biệt sai khác với nhau, ấy là: Phần thứ nhất trình bày rằng: **Abhimukhībhūtaṃ bhavantare paṭisandhi janakaṃ kammaṃ manodvāre paccupaṭṭhāti** - Thiện Nghiệp Lực, Bất Thiện Nghiệp Lực làm cho khởi sinh việc Tái Sinh ở trong kiếp sống tới, hiện hành nổi trội lên như là việc tự biểu hiện rõ ràng trực tiếp, và đã đi đến hiện khởi tựa như tiền diện ở trong Lộ Ý Môn. Phần thứ hai trình bày rằng: **Tameva pana janaka bhūtaṃ kammaṃ abhinava karaṇavasena dvārappattaṃ hoti** - Thiện Nghiệp Lực, Bất Thiện Nghiệp Lực làm cho khởi sinh việc Tái Sinh, thường là hiện bày ở trong Lộ Ý Môn với mãnh lực làm cho mình tựa như tự tái tạo mới lại. Như thế, sự đặc biệt sai khác giữa cả hai phần này là ở ngay chỗ **Abhimukhībhūtaṃ - Tiền Diện - "Tự trình bày cho nổi trội lên"**, và **Abhinavakaraṇa vasena - Do tái tạo mới lại - "Làm cho mình tương tợ như tự tái tạo mới lại".**

1. Việc hiện bày của Cảnh Nghiệp theo phần thứ nhất **Abhimukhībhūtaṃ (Tiền Diện)** đây, là việc hiện khởi với mãnh lực của **Hoài Cựu Tưởng (Pubbekatasasaññā – Tiền Sinh Tưởng)** là sự hồi tưởng nhớ lại ở trong nội tâm của mình về sự kiện hiện hành vào thời gian đã trải qua trước đây; chẳng hạn như bản thân mình đã từng có **niềm hoan hỷ phỉ lạc (Pītisomanassa)** ở trong sát na thực hiện việc xả thí, trì giới, tu tiến vào thời gian đã trải qua 10 – 15 năm rồi, thế mà cho đến bây giờ cũng vẫn còn hồi tưởng nhớ lại được các Thiện Hỷ Sự ấy; hoặc giả như đã từng khổ tâm buồn lòng ở trong sát na bị bỏng, hoặc bị lừa gạt với thời gian đã trải qua 10 – 20 năm rồi; hoặc đã từng căm giận bực tức với một người nào đó vào thời gian trước kia, và đến khi sắp sửa mạng chung thì bỗng chợt nhớ lại sự khổ tâm buồn lòng ấy, hoặc khởi lên sự căm tức giận dữ. Điều này được ví như một người cao niên lớn tuổi, đã ngẫm nghĩ liên tưởng đến tâm trí của mình vào thời gian lúc còn trai trẻ thanh xuân, đã có biết bao sự hân hoan vui mừng duyệt ý ở trong thời gian ấy, mà mãi đến bây giờ cũng vẫn còn ghi nhớ lại được. Việc hiện bày của Cảnh Nghiệp nương theo **Hoài Cựu Tưởng** ở phần **Abhimukhībhūtaṃ - Tiền Diện - "Tự trình bày cho nổi trội lên"** cũng dường như thế ấy. Còn người sắp mạng chung vẫn còn nhớ lại được trong các câu chuyện ở phía bên ngoài, như có các hành vi cử chỉ, của cải vật chất của con người, các vật dụng xung quanh, v.v. những thể loại này làm thành Cảnh Nghiệp Tướng.

2. Việc hiện bày của Cảnh Nghiệp theo phần thứ hai **Abhinavakaraṇavasena - Do tái tạo mới lại** đấy, là việc hiện khởi với mãnh lực của **Tương Phù Tưởng (Sampatikata saññā)** là sự hồi tưởng nhớ lại trong khoảnh khắc ở nội tâm của mình với sự kiện hiện hành na ná y như thể mình đang thực hiện vậy, chẳng hạn như bản thân đã từng có **niềm hoan hỷ phỉ lạc (Pītisomanassa)** ở trong sát na thực hiện việc xả thí, trì giới, tu tiến với thời gian đã

trải qua biết bao tháng năm dài, đến khi sắp sửa mạng chung thì niềm hoan hỷ phỉ lạc ấy lại khởi sinh lên na ná y như thể mình đang thực hiện việc xả thí, trì giới, tu tiến ấy vậy; hoặc sự khổ tâm buồn lòng lại khởi sinh lên na ná y như là mình đang bị bỏng, hoặc đang bị lừa gạt; hoặc sự căm giận bực tức lại khởi sinh lên na ná y như là mình đang kình cãi to tiếng với một người nào đó. Điều này được ví như sự vui thích lại khởi sinh lên ở trong tâm thức đối với người đang nằm ngủ chiêm bao lúc đêm khuya, bởi do trạng lại sự nô đùa phấn khích từ lúc ban chiều qua việc xem coi phim ảnh, ca kịch, và chơi thể thao.

GIẢI THÍCH TRONG PHẦN PĀLI VỚI ĐIỀU THỨ NĂM: TRÌNH BÀY LỘ TRÌNH CẬN TỬ (MARAṆĀSANNAVITHĪ)

Paccāsannamaraṇassa tassa vīthicittāvasāne v.v. cuticittaṃ uppajjitvā nirujjhanti - Đoạn văn này trình bày đến việc sinh khởi của Lộ Trình Cận Tử, là việc sinh khởi nối tiếp với nhau thành hàng dãy của Tâm thức khi sắp sửa mạng chung. Từ ngữ nói rằng **Paccāsannamaraṇassa** đây, lập ý đến người sẽ tử vong trong khoảnh khắc cuối cùng. Còn người sẽ tử vong ở trong khoảng 1 – 2 phút, hoặc 1 – 2 giờ đồng hồ, v.v. đó, thì chẳng phải là hạng **Người Cùng Tận Tử (Paccāsannamaraṇapuggala),** hoặc chẳng phải là hạng người sẽ mạng chung trong khoảnh khắc cuối cùng; mà đó chỉ là hạng người cận tử lâm chung, là người sắp sửa sẽ tử vong thông thường.

Từ ngữ nói rằng **Paccāsanna** ở trong từ ngữ này là một **Liên Từ (Sandhipada),** khi chiết tự ra có được hai từ ngữ, ấy là **Paṭi** và **Āsanna. Paṭi** = cuối cùng, sau cùng, chấm dứt; **Āsanna** = sát cận, kế cận, cận lân. Khi kết hợp lại thành **Paccāsanna** = cùng tận, tận rốt. Như thế, người sẽ tử vong ở trong khoảng 1 – 2 phút, hoặc 1 – 2 giờ đồng hồ, v.v. đấy, mới không được gọi là người Cùng Tận Tử, chỉ gọi là người Cận Tử, là người sắp sửa sẽ tử vong thôi. Vì thế, việc trình bày Lộ Trình Cận Tử ở trong đoạn văn **Pāḷi** này, chính là lập ý lấy **Lộ Trình Cùng Tận Tử (Paccāsannamaraṇavīthi)** đó vậy, chẳng phải lập ý lấy Lộ Trình sinh khởi đối với người sắp sửa sẽ tử vong ở trong khoảng 1 – 2 phút, hoặc 1 – 2 giờ đồng hồ, v.v., đó chỉ là Lộ Trình Cận Tử thông thường sinh khởi đối với người sắp sửa sẽ tử vong ở trong khoảng 1 – 2 phút, hoặc 1 – 2 giờ đồng hồ, v.v., đã được trình bày ở trong sự kiện về việc hiện bày của cả ba điềm tướng.

SỰ HIỆN HỮU VÀ THỜI TỐI HẬU CỦA KIẾP SỐNG HIỆN TIỀN

Việc sinh khởi tiếp nối của **Tâm Khởi Sinh Hữu Phần (Bhavaṅgacittuppāda)** và Sắc Nghiệp Lực không gián đoạn trong mỗi kiếp sống đấy, gọi là kiếp sống hiện tiền. Khi Tâm Khởi Sinh Hữu Phần chuyển đổi chức năng thành Tâm Tử và Sắc Nghiệp Lực cũng sinh khởi lần cuối cùng thì được gọi là sự hiện hữu của kiếp sống hiện tiền đấy đã chấm dứt. Như thế, Ngài Giáo Thọ **Anuruddha** mới trình bày Tâm Tử này là **Paccuppanna bhavapariyosānabhūtaṃ (Hiện Tiền Hữu Chung Kỳ Tử Vong)** là sự tử vong sau rốt của kiếp sống hiện tiền. Và việc sinh khởi của Tâm Tử hiện hữu ở hai trường hợp, ấy là: sinh

khởi ở chỗ tận cuối của Lộ Trình Tâm cũng có, hoặc sinh khởi khi cái Tâm Hữu Phần cuối cùng diệt mất. Chính vì lý do này, Ngài Giáo Thọ **Anuruddha** mới đề cập đến rằng **Vīthicittāvasāne bhavaṅgakkhaye** - Ở trong chỗ tận cuối của Lộ Trình Tâm, hoặc khi cái Tâm Hữu Phần cuối cùng diệt mất.

Trong hai trường hợp này, ấy là:

+ Có hai trường hợp Tâm Tử sinh khởi ở chỗ tận cuối của Lộ Trình Tâm:

1. 5 chặp Đổng Lực, 2 chặp Na Cảnh rồi Tâm Tử sinh khởi,

2. 5 chặp Đổng Lực rồi Tâm Tử sinh khởi.

+ Có hai trường hợp Tâm Tử sinh khởi khi Tâm Hữu Phần cuối cùng diệt mất:

1. 5 chặp Đổng Lực, 2 chặp Na Cảnh, 1 – 2 – 3 chặp Hữu Phần rồi Tâm Tử sinh khởi.

2. 5 chặp Đổng Lực, 1 – 2 – 3 chặp Hữu Phần rồi Tâm Tử sinh khởi.

Như thế, **Lộ Trình Cận Tử (Maraṇasannavīthi)** thuộc thể loại **Lộ Trình Cùng Tận Tử (Paccāsannamaraṇavīthi)** mới có được 4 phân loại, đó là:

1. Đổng Lực, Đổng Lực, Đổng Lực, Đổng Lực, Đổng Lực, Na Cảnh, Na Cảnh, Tử.
2. Đổng Lực, Đổng Lực, Đổng Lực, Đổng Lực, Đổng Lực, Tử.

1. Đổng Lực, Đổng Lực, Đổng Lực, Đổng Lực, Đổng Lực, Na Cảnh, Na Cảnh, Hữu Phần v.v. Tử.
2. Đổng Lực, Đổng Lực, Đổng Lực, Đổng Lực, Đổng Lực, Hữu Phần, v.v. Tử.

Chỗ nói rằng Tâm Hữu Phần sinh khởi 1 – 2 – 3 sát na đó, có nghĩa là cũng có khi Tâm Hữu Phần chỉ sinh 1 sát na rồi Tâm Tử sinh, hoặc cũng có khi Tâm Hữu Phần sinh được 2 sát na rồi Tâm Tử sinh, hoặc cũng có khi Tâm Hữu Phần sinh được 3 sát na rồi Tâm Tử sinh. Tất cả sự việc này là cũng do bởi liên quan từ Sắc Nghiệp Lực sinh khởi lần cuối cùng vậy. Tức là Sắc Nghiệp Lực sẽ phải đồng cùng diệt chung với Tâm Dị Thục Quả, và sẽ chẳng thể nào có được việc Tâm Dị Thục Quả sẽ phải diệt mất khi mà Sắc Nghiệp Lực vẫn còn hiện hữu; hoặc cũng tương tự như vậy, là khi Sắc Nghiệp Lực đã diệt hết tất cả rồi, thế nhưng, Tâm Dị Thục Quả vẫn đang còn sinh khởi được. Sự việc là như vậy, cũng vì trong lần đầu tiên Thiện Nghiệp Lực – Bất Thiện Nghiệp Lực kiến tạo kiếp sống cho được khởi sinh lên đó, thì Tâm Dị Thục Quả và Sắc Nghiệp Lực đã đồng câu sinh với nhau; và như thế khi đến khoảnh khắc chấm dứt của kiếp sống, thì Tâm Dị Thục Quả và Sắc Nghiệp Lực cũng phải đồng diệt với nhau. Sự việc này hiện hành thể theo **Pháp Niêm Luật (Dhammaniyāma: định luật của Chân Lý).** Cũng ví như ngọn lửa và ánh sáng có thực tính đồng sinh đồng diệt với nhau.

Cả bốn phân loại Lộ Trình này, người tử vong ở trong Cõi Dục Giới, và sẽ tái sinh trở lại ở trong Cõi Dục Giới nữa, thì có được cả 4 Lộ Trình. Còn người tử vong ở trong Cõi Dục Giới rồi sẽ tái sinh ở trong Cõi Phạm Thiên Giới, hoặc tử ở trong Cõi Phạm Thiên Giới và sẽ tái sinh ở trong Cõi Phạm Thiên Giới, hoặc tử ở trong Cõi Phạm Thiên Giới rồi sẽ tái sinh ở trong Cõi Dục Giới; cả ba nhóm này thì chỉ có được 2 Lộ Trình ở **Thời Kỳ Đổng Lực (Javanavāra)** mà thôi. Còn về 2 Lộ Trình ở **Thời Kỳ Na Cảnh (Tadārammaṇavāra)** đấy, thì chẳng có sinh. Sự việc 2 Lộ Trình ở Thời Kỳ Na Cảnh chẳng có sinh đối với cả ba nhóm

người ấy, là cũng vì một khi Na Cảnh sẽ phải sinh khởi thì cần phải hội đủ với cả ba yếu tố cơ bản, ấy là:

1/. Phải là Người Dục Giới,

2/. Phải có Đổng Lực Dục Giới,

3/. Phải có Cảnh Dục Giới.

Khi đã hội đủ cả ba yếu tố cơ bản này rồi, thì Na Cảnh sẽ sinh khởi lên được. Như trong phần **Pāḷi** của Bộ Chú Giải Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp đã có trình bày rằng:

Kāme javanasattālambanānaṃ niyame sati

Vibhūtetimahante ca tadārammaṇamī titaṃ

Nếu đã hội đủ cả ba Chi của Người Dục Giới, Đổng Lực Dục Giới và Cảnh Dục Giới này rồi, thì tất cả Ngài Giáo Thọ đã nói được rằng ở trong cả hai **Lộ Trình Cảnh Cực Minh Hiển (Ativibhūtārammavithī)** và **Lộ Trình Cảnh Cực Cự Đại (Atimahantārammaṇa vithī)** này tất phải có Na Cảnh. Như thế, cả ba nhóm người như đã vừa đề cập đây chẳng có hội đủ cả ba Chi Pháp, do vậy cả hai Lộ Trình ở Thời Kỳ Na Cảnh mới không có thể sinh khởi lên được. Tức là người tử vong ở trong Cõi Dục Giới rồi sẽ tái sinh ở trong Cõi Phạm Thiên Giới thì chỉ có được hai Chi, ấy là Đổng Lực Dục Giới và Người Dục Giới. Còn đối với Cảnh ấy là Chế Định hoặc Đáo Đại liên quan với Nghiệp Xứ, và người tử vong ở trong Cõi Phạm Thiên Giới rồi sẽ tái sinh ở trong Cõi Phạm Thiên Giới thì chỉ có được một Chi, ấy là Đổng Lực Dục Giới. Người tử vong ở trong Cõi Phạm Thiên Giới rồi sẽ tái sinh ở trong Cõi Dục Giới thì có được hai Chi, ấy là Cảnh Dục Giới và Người Phạm Thiên. Còn người tử vong ở trong Cõi Dục Giới rồi sẽ tái sinh ở trong Cõi Dục Giới thì phải hội đủ cả ba Chi, vì thế cả hai Lộ Trình ở Thời Kỳ Na Cảnh mới sinh khởi lên được.

[**Chú thích**: Duyên theo một trong những đối tượng Cảnh như vừa kể trên, một dòng tâm thức diễn tiến một cách trọn vẹn, cho dù sự tử vong có thể đến một cách đột ngột dường nào. Kinh sách ghi rằng chí đến sự tử vong ngẫu nhiên như trường hợp một con ruồi bay ngang hòn đe, đã bị búa của người thợ rèn đập nát, và trước khi thực sự mạng vong thì con ruồi cũng có trọn một dòng tâm thức.

Để cho dễ hiểu hơn, bây giờ chúng ta hãy suy niệm trong trường hợp của một người sắp cận tử lâm chung và việc tái sinh trở lại làm Nhân Loại. Cảnh của chặp tư tưởng cuối cùng là một Thiện Nghiệp Lực. Sát na Tâm Hữu Phần sinh khởi, rúng động trong một sát na, rồi diệt mất. Tức thời, chặp Tâm Khai Ý Môn khởi sinh, cũng rồi diệt mất. Tiếp đến, giai đoạn tâm lý vô cùng trọng yếu, tiến trình của dòng Tâm Đổng Lực, mà ở tại đây vì hãy yếu kém, chỉ diễn tiến ở trong năm chặp, thay vì sẽ là bảy chặp ở trong thời bình nhật. Vì lẽ ấy, chặp tư tưởng này không có năng lực tái tạo. Nhiệm vụ chánh yếu của Tâm Đổng Lực chỉ là làm điều hòa quân bình kiếp sống mới. **(Abhinavakaraṇavasena - Do tái tạo mới lại"- "Làm cho mình tương tợ như tự tái tạo mới lại").** Trong trường hợp đối tượng của tâm thức là **niềm hoan hỷ phỉ lạc (Pītisomanassa)**, thì Tâm của người này hiện khởi với một trạng thái thiện hảo, vô dẫn hoặc hữu dẫn, câu sinh Hỷ Thọ và tương ưng Trí. Tâm Na Cảnh làm nhiệm vụ ghi nhận hoặc nhận diện, có thể sinh khởi trong hai sát na kế liền

theo đó, hoặc có thể không. Sau cuối, đó là Tâm Tử sinh khởi, chặp tư tưởng tối hậu của một kiếp sống.

Có vài quan điểm sai lầm cho rằng chính Tâm Tử này tạo điều kiện cho sự tái sinh ở trong kiếp sống nối tiếp kế liền theo đó. Quả thật thì chẳng phải Tâm Tử, vì chính Tâm này không có nhiệm vụ đặc biệt nào cả, mà chính là những chặp Tâm Đổng Lực Cận Tử đã tạo điều kiện cho kiếp sống mới.

Với sự chấm dứt của Tâm Tử, thì sự tử vong mới thực sự xẩy diễn. Và vào lúc ấy, Tâm Thức và Sắc Vật Thực không còn tạo ra thêm các thể loại vật chất nữa. Chỉ còn duy nhất một thể loại thuần vật chất do Quý Tiết tạo nên, vẫn tiếp tục phát sinh cho đến khi cơ thể vật chất trở thành cát bụi.

Bấy giờ, liền tức khắc sau khi Tâm Tử vừa diệt mất, thì Tâm Tái Sinh liền sinh khởi nối tiếp. Sau đó, là 14 sát na Tâm Hữu Phần, một sát na Tâm Hữu Phần Rúng Động, và một sát na Tâm Hữu Phần Dứt Dòng. Kế tiếp, một sát na Tâm Khai Ý Môn diễn tiến sự ưa thích kiếp sống mới **(Bhavanikantijavana – Hữu Ái Đổng Lực).** Tiếp nối theo, Tâm Hữu Phần sinh khởi rồi diệt mất, và dòng tâm thức tiếp tục trôi chảy với trạng thái sinh diệt không gián đoạn.]

GIẢI THÍCH TRONG PHẦN PĀLI VỚI ĐIỀU THỨ SÁU: TRÌNH BÀY VIỆC SINH KHỞI CỦA TÂM TÁI SINH TRONG KIẾP SỐNG MỚI

Điều trọng yếu ở trong đoạn văn **Pāḷi** này là ở tại: **Tasmiṃ niruddhāvasāne tassānantarameva v.v. paṭisandhānavasena paṭisandhisaṅkhātaṃ mānasaṃ uppajja mānameva patiṭṭhāti bhavantare.** Còn đoạn văn ở ngay chính giữa, kể từ **tathāgahitaṃ ārammaṇaṃ v.v.** cho đến **bhavantara paṭisandhānavasena paṭisandhisaṅkhātaṃ mānasaṃ uppajjamānameva patiṭṭhāti bhavantare** đấy, là trình bày các sự hiện hành của Tâm Tái Sinh, ấy là việc tiếp thâu Cảnh do nương vào Nghiệp Lực làm cho khởi sinh, phần phụ thuộc, nhiệm vụ chức năng.

Điều trọng yếu ở đoạn văn **Pāḷi** trên, được dịch nghĩa là: Một khi Tâm Tử ấy vừa diệt mất, và chính ở ngay trong tuần tự một cách không gián đoạn của Tâm Tử ấy, một Tâm Tái Sinh tức thời sinh khởi ngay trong sát na kiếp sống mới được hiện hữu. Từ ngữ nói rằng **Tassānantarameva** - chính ngay trong tuần tự một cách không gián đoạn của Tâm Tử ấy. Từ ngữ này là từ ngữ đã hủy diệt **Trung Hữu Kiến (Antarabhavadiṭṭhi – Trung Ấm Kiến)** của **Người Trung Hữu Ngôn Kiến Luận (Antarabhavavādīpuggala).**

Antarabhavadiṭṭhi – Trung Hữu Kiến (Antara + Bhava + Diṭṭhi) (Khoảng giữa + Kiếp sống + Tà kiến) là có quan điểm cho rằng có một kiếp sống ở khoảng giữa Tử với Tái Sinh, hoặc có một kiếp sống ở khoảng giữa kiếp sống cũ với kiếp sống mới, gọi là **Trung Hữu (Antarabhava).**

Antarabhavavādī – Trung Hữu Ngôn Kiến Luận (Antara + Bhava + Vādī) (Khoảng giữa + Kiếp sống + Ngôn luận) là người thường luôn thốt ra lời tuyên bố nói rằng có một kiếp sống ở khoảng giữa Tử với Tái Sinh; hoặc có một kiếp sống ở khoảng giữa kiếp

sống cũ với kiếp sống mới, bởi vì Người Trung Hữu Ngôn Kiến Luận đấy có quan điểm cho rằng một khi tất cả Chúng Hữu Tình đã tử vong thì chẳng có đi tái sinh ngay lập tức vào trong kiếp sống mới, mà tạm thời dừng lại sinh sống ở trong một kiếp sống **Trung Hữu (Antarabhava),** chờ đợi cho đến khi người sẽ làm người Mẹ đã dứt kinh nguyệt bất tịnh, và người sẽ làm người Cha cùng tính giao với người Mẹ ước lượng khoảng độ 7 ngày cũng có, nhiều hơn 7 ngày cũng có, hoặc ít hơn 7 ngày cũng có. Trong khoảng thời gian tạm thời dừng lại sinh sống ở trong kiếp sống Trung Hữu đây, thì cũng có khả năng có được việc thấy biết, việc được lắng nghe, và việc đi lại ở trong các lãnh địa, tự hiển lộ sắc tướng cho được hiện bày, hoặc tàng hình biến mất, tương tự như là **Bậc Phúc Lộc Thắng Trí (Abhiññālābhī puggala)** vậy. Quan điểm và lời tuyên bố của hạng Người Trung Hữu Ngôn Kiến Luận như đã vừa đề cập rồi đây, là hoàn toàn sai trật với Sự Thật, mà sự thật là một khi Tâm Tử vừa diệt mất, thì tất cả các loài Hữu Tình liền mạng vong, và rồi Tâm Tái Sinh là kiếp sống mới ngay lập tức sinh khởi lên một cách không có gián đoạn thời gian. Và vì thế, Ngài Giáo Thọ **Anuruddha** mới dùng đến từ ngữ **Eva** cho kết hợp ở trong từ ngữ **Anantara** làm thành **Tassānantarameva** - chính ở ngay trong tuần tự một cách không gián đoạn của Tâm Tử ấy.

[**Chú thích**: Tà Kiến về **Ấm Hình Sở Thụ,** luận kiến rằng khoảng giữa hai kiếp sống, gọi là Trung Hữu, hoặc Trung Ấm. Ấm gọi là Ngũ Ấm, còn gọi là Ngũ Uẩn. Trong Kinh Đại Thừa Nghĩa Chương, quyển 8 có nói: "Mệnh báo kết thúc, gọi là Vô Hữu. Sau khi sinh, trước khi chết, gọi là Bản Hữu. Ấm hình sở thụ ở khoảng giữa hai thân mạng, gọi là Trung Hữu. Trong Trung Ấm Kinh còn chỉ bày các loại Kinh dùng để tụng đọc trong thời gian của Trung Ấm, hoặc Trung Hữu, trong 49 ngày sau khi chết].

Tathāgahitaṃ ārammaṇaṃ ārabbha paṭisandhisaṅkhātaṃ mānasaṃ - Lời giải thích ở trong câu **Pāḷi** này có như vầy: **Tathātena channaṃ dvārānaṃ aññatarasmiṃ paccupaṭṭhitākārena chadvārikajavanenagahitaṃ kamma kammanimitta gatinimitta sammattaṃ ārammaṇaṃ ārabbha paṭisandhi saṅkhātaṃ mānasaṃ** - Tâm Tái Sinh tiếp thâu lấy Cảnh được gọi là Nghiệp, Nghiệp Tướng, Thú Tướng mà Đồng Lực Cận Tử Lục Môn đã thụ lãnh thể theo trạng thái đang hiện bày ở trong bất luận một Môn nào của những cả Lục Môn.

Giải thích rằng Tâm Tái Sinh là tâm sinh khởi ở trong kiếp sống mới đây, thường luôn chỉ có một Cảnh duy nhất với Cảnh của Đồng Lực Cận Tử đã sinh khởi ở trong kiếp sống trước đó. Vì thế, nếu như Cảnh của Đồng Lực Cận Tử là Cảnh Nghiệp, thì Cảnh của Tâm Tái Sinh cũng sẽ là Cảnh Nghiệp như nhau. Nếu như là Cảnh Nghiệp Tướng hoặc Cảnh Thú Tướng, thì Cảnh của Tâm Tái Sinh cũng sẽ là Cảnh Nghiệp Tướng hoặc Cảnh Thú Tướng tương tự như nhau. Về phần Tâm Tử ở trong kiếp sống cũ sinh khởi ở trong Lộ Trình Cận Tử, thì cũng có cùng một Cảnh tương tự với Cảnh của Tâm Tái Sinh ở trong kiếp sống cũ đó vậy. Bởi do thế, việc chuyển đổi Cảnh, tức là cả ba điềm tướng đấy, ở trong khoảng thời gian của kiếp sống cũ với kiếp sống mới, thì cũng có thể chuyển đổi với nhau là ở chính ngay Tâm Tái Sinh.

Savatthukaṃ avatthukameva vā paṭisandhisaṅkhātaṃ mānasaṃ - Tâm Tái Sinh là Tâm có Ý Vật **(Hadayavatthu – Sắc Tâm Cơ)** làm thành chỗ y chỉ, hoặc không có Ý Vật

làm thành chỗ y chỉ đi nữa. Từ ngữ **Savatthukaṃ** tức là Tâm Tái Sinh sinh ở trong **Cõi Ngũ Uẩn (Pañcavokārabhūmi),** vì ở trong Cõi Ngũ Uẩn có **Sắc Tâm Cơ (Hadaya vatthurūpa)** làm thành chỗ nương sinh. Từ ngữ **Avatthukaṃ** tức là Tâm Tái Sinh sinh ở trong **Cõi Tứ Uẩn (Catuvokārabhūmi),** vì ở trong Cõi Tứ Uẩn không có Sắc Tâm Cơ làm thành chỗ nương sinh.

Avijjānusayaparikkhittena taṇhānusayamūlakena saṅkhārena janiya mānaṃ paṭisandhisaṅkhātaṃ mānasaṃ - Tâm Tái Sinh hiện hữu ở một trong ba **Hành (Saṅ khāra)**, có **Vô Minh Thụy Miên (Avijjānussaya)** làm vị thống lãnh, và có **Ái Dục Thụy Miên (Taṇhānussaya)** làm thành nền tảng, sắp bày cho việc sinh khởi. Chỗ nói rằng **Avijjānusayaparikkhittena saṅkhārena** - Bất luận một Hành nào ở trong cả ba Hành, có **Vô Minh Thụy Miên (Avijjānussaya)** làm vị thống lãnh đấy, là việc tạo tác với Thân, Lời và Ý của tất cả các loài Hữu Tình đã làm thành tựu các việc Phước – Tội, đã hình thành nên Hành; và tác hành việc sắp bày cho Tâm Tái Sinh được sinh khởi ở trong kiếp sống mới đấy, là sẽ cần phải có **Vô Minh (Avijjā)** thường luôn quan hệ dính líu vào. Nếu như người tạo tác mọi công việc mà chẳng có Vô Minh quan hệ dính líu vào, thì các việc tạo tác ấy cũng chẳng thể nào thành tựu các việc Phước – Tội, mà chỉ là hành động tạo tác suông thôi. Tức là mọi việc tạo tác cho được thành tựu hiện tiền trước mắt, cũng được ví như nữ giới khi vẫn còn kinh nguyệt bất tịnh và cùng nhau tính giao với người Chồng rồi, thì việc cùng nhau tính giao này đã thường làm cho phát sinh ra con trai và con gái. Một khi đã dứt sạch kinh nguyệt bất tịnh rồi, thì không thể nào có được ở trong việc cùng nhau tính giao để làm cho phát sinh ra con trai và con gái dường như thế nào; thì cũng tương tự như vậy, là việc tạo tác với Thân, Lời và Ý của người vẫn thường luôn có Vô Minh Thụy Miên quan hệ dính líu vào, đã làm cho thành tựu việc Phước – Tội, và với việc tạo tác của người chẳng có Vô Minh Thụy Miên thì không thể nào làm cho thành tựu việc Phước – Tội, cũng dường như thế ấy.

Việc thống lãnh Hành của Vô Minh đây, hiện hữu ở hai trường hợp, là bởi do **Thường Cận Y Duyên (Pakatūpanissayapaccaya)** với **Câu Sinh Duyên (Sahajāta paccaya).** Có nghĩa là nếu Hành ở bên phía Thiện, thì Vô Minh thống lãnh bởi do sự làm thành Thường Cận Y Duyên. Nếu Hành ở bên phía Bất Thiện, thì Vô Minh thống lãnh bởi do sự làm thành Câu Sinh Duyên. Như thế mới nói được rằng Vô Minh làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Thiện Hành, là với mãnh lực Thường Cận Y Duyên; và làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Bất Thiện Hành, là với mãnh lực Câu Sinh Duyên. Việc làm duyên giúp đỡ đối với Thiện Hành đấy vẫn đang là Thụy Miên. Còn việc làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Bất Thiện Hành thì chẳng phải là Thụy Miên, mà chỉ hình thành Vô Minh sinh khởi lên thôi. Như thế, sự việc mà Ngài Giáo Thọ **Anuruddha** trình bày nói rằng **Avijjānusaya parikkhittanaṃ** đây, nếu ở trong khía cạnh Thiện Hành, thì đó là việc trình bày một cách trực tiếp. Nếu ở trong khía cạnh Bất Thiện Hành, thì đó là việc trình bày một cách gián tiếp; và thể theo **Phần Tương Đồng (Sadisūpacāra),** có nghĩa là Vô Minh sinh khởi đây, cũng có cùng một thực tính tương đồng với Vô Minh ở phần Thụy Miên.

Taṇhānusayamūlakena saṅkhārena - Bất luận một Hành nào ở trong cả ba Hành, có **Ái Dục Thụy Miên (Taṇhānussaya)** làm thành nền tảng đấy, là việc tạo tác các sự việc

với Thân, Lời và Ý của tất cả Chúng Hữu Tình ở trong thế gian này, cho dù sẽ là các Thiện Sự, có xả thí, trì giới, tiến tu; hoặc cho dù sẽ là các Bất Thiện Sự, có việc sát tử, thâu đạo, v.v. đi nữa, thì đa phần thường luôn có sự mong cầu được báo đáp trả lại với mãnh lực của Ái Dục. Vì thế, khi sẽ nói một cách thẳng thắn trực tiếp rằng tất cả mọi con người ở trong thế gian này, nếu giả như chẳng có sự mong cầu được báo đáp trả lại với hiện thân của Ái Dục, thì quả là các sự việc theo đường lối của Thế Gian, dù cho sẽ thuộc về cá nhân riêng tư, hoặc cho dù sẽ thuộc về tập thể của cái chung đi nữa; và luôn cả các sự việc theo đường lối của Đạo Pháp khi vẫn còn dính líu với thế gian mà con người đang tiến bước đi một cách không ngừng nghỉ đấy, sẽ phải đình chỉ dừng lại hết tất cả, và sẽ không thể nào còn có thể tiến triển được nữa, vì lẽ chẳng có Ái Dục bảo dưỡng. Có lẽ chỉ còn lại các sự việc hiện hành theo đường lối của Đạo Pháp mà chẳng có dính líu với thế gian; tức là việc tiến tu Thiền Minh Sát Tuệ của một số vị Phàm Phu, việc tiến tu Thiền Minh Sát Tuệ của các Bậc Thánh Nhân, việc thẩm sát Đạo – Quả, Níp Bàn – Phiền Não, **việc Nhập Thiền Quả (Phalasamāpatti), việc Nhập Thiền Diệt (Nirodhasamāpatti)**, chỉ là bấy nhiêu ấy. Khi đã là như vậy, thì thế gian này sẽ hiu quạnh, khô khan, tâm tính sẽ thay đổi, và chẳng còn vui sướng thích thú. Giả như sẽ nêu lên một ví dụ, thì cũng ví như lẽ thường gió hiện hữu khắp cả mười phương, đột nhiên lại ngừng hẳn không còn có nữa, và bầu khí quyển có thể sẽ bị trống không chỉ khoảng độ một giờ đồng hồ, thế là tất cả Chúng Hữu Tình sẽ mạng vong hết cả thảy. Có lẽ chỉ còn lại các loài Hữu Tình đặc biệt nương trú ở dưới mặt đất, và dưới mặt nước mà thôi. Điều này là việc chỉ dẫn cho được thấy rằng mãnh lực của Ái Dục đây quả thật rộng lớn biết dường nào. Như thế, giả như mãnh lực của Ái Dục của từng mọi người có năng lực vừa phải, có phạm vi hạn độ, thì Ái Dục này sẽ dẫn đến điều lợi ích một cách to lớn. Nếu nhỡ như Ái Dục của từng mọi người có năng lực cực mãnh liệt, bất liễu tri định lượng, và đã vượt quá hạn độ, thì chỉ sẽ dẫn đến sự sụp đổ và nổi loạn khởi sinh, dẫn đến sự khốn khổ phương hại đến đoàn thể quốc gia, tôn giáo, luôn cả cá nhân và tập thể. Chính vì lý do này, Ngài Thiên Chủ **Sakka** mới khải vấn đến Bậc Chánh Đẳng Giác về sự rối loạn tan tác của Ái Dục như sau:

Antojaṭā bahijaṭā **Jaṭāya jaṭitā pajā**
Taṃ taṃ gotama pucchāmi **Ko imaṃ vijaṭaye jaṭaṃ**

Dịch nghĩa là: Kính bạch Đức **Sa Môn Gotama,** Ái Dục tợ như một mãnh lưới có thực tính quấy nhiễu cả nội bộ lẫn ngoại bộ của tất cả Chúng Hữu Tình. Tất cả Chúng Hữu Tình đã phải đón nhận sự nhiễu loạn mất cả trật tự đây, là cũng do bởi Ái Dục. Vì thế, kính bạch Ngài con xin được vấn hỏi rằng "Ai là người sẽ giải cứu khỏi sự nhiễu loạn của Ái Dục này được ?"

Chính vì lý do này, việc tác hành Thiện và việc tạo tác Bất Thiện của tất cả mỗi con người, gọi là **Hành (Saṅkhāra)** do bởi nương vào Vô Minh làm tác nhân đây, mới không thể nào miễn trừ khỏi Ái Dục được. Do vậy, Ngài Giáo Thọ **Anuruddha** mới nói rằng: **Taṇhānusayamūlakena saṅkhārena - Cả ba Hành có Ái Dục làm thành nền tảng.**

Sự việc Ái Dục làm thành nền tảng của cả ba Hành đây, hiện hữu ở 2 trường hợp, ấy là: Thường Cận Y và Câu Sinh. Nếu như Hành là **Sân Căn (Dosamūla), Si Căn (Moha**

mūla), Thiện Hiệp Thế (Lokiyakusala) được làm thành nền tảng, là cũng do bởi Thường Cận Y tác thành. Nếu như Hành là **Tham Căn (Lobhamūla)** được làm thành nền tảng, là cũng do bởi Câu Sinh tác thành. Như thế mới nói được rằng Ái Dục làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sân Căn, Si Căn, Thiện Hiệp Thế với mãnh lực của Thường Cận Y; và làm duyên giúp đỡ ủng hộ Tham Căn với mãnh lực của Câu Sinh. Việc làm thành duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sân Căn, Si Căn, Thiện Hiệp Thế đấy, thì vẫn đang còn là Thụy Miên. Còn việc làm thành duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tham Căn đấy, thì chẳng phải là Thụy Miên, mà đó chính là tự bản thân Tham khởi sinh. Như thế, sự việc Ngài Giáo Thọ **Anuruddha** trình bày nói rằng: **Taṇhānusayamūlakena** đây, nếu nhỡ như ở trong khía cạnh Sân Căn, Si Căn, Thiện Hiệp Thế, ấy là việc trình bày một cách trực tiếp. Nếu nhỡ như ở trong khía cạnh Tham Căn, ấy là việc trình bày một cách gián tiếp, thể theo Phần **Tương Đồng (Sadisūpacāra),** có nghĩa là Vô Minh sinh khởi đây, cũng có cùng một thực tính tương đồng với Vô Minh ở phần Thụy Miên.

Yathārahaṃ - Thuận hợp theo đối với **Hành (Saṅkhāra)** ở phần Thiện và Bất Thiện, giải thích rằng cả ba Hành sắp bày cho việc Tái Sinh sinh khởi đây, hiện hữu với nhau ở hai giai đoạn, ấy là:

1. Hành Thiện – Bất Thiện sinh khởi ở trong sát na thực hiện Thiện, thực hiện Bất Thiện khi vẫn đang còn ở giai đoạn bình thường;

2. Hành Thiện – Bất Thiện sinh khởi ở trong thời điểm cận tử khi chỉ có 5 chặp Đồng Lực.

(Cả hai trường hợp này, vào thời điểm cận tử mà khởi sinh có 5 chặp Đồng Lực đấy, thì đó chẳng phải chỉ có một Lộ Trình Tâm duy nhất ngần ấy thôi đã sinh khởi vào phút giây cuối cùng, mà đó phải là hàng chục Lộ Trình Tâm trước khi sẽ đến Lộ Trình Tâm cuối cùng). Trong cả hai giai đoạn này, thì Hành Thiện – Bất Thiện ở trong giai đoạn ban đầu đã sắp bày cho việc Tái Sinh sinh khởi ở trong kiếp sống mới, bởi theo sự tác thành của **Mãnh Lực Xuất Sinh (Janakasatti),** an trú ở trong vị trí của **Thường Cận Y (Pakatūpanissaya)** đặc biệt. Trong giai đoạn về sau đã sắp bày bởi theo sự tác thành **Trịch Khí (Khīpanaka)** (quẳng bỏ đi, liệng bỏ đi) của **Mãnh Lực Bảo Hộ (Upatham bhakasatti),** an trú ở trong vị trí của Thường Cận Y phổ thông.

Chỗ nói rằng: "có **Vô Minh Thụy Miên (Avijjānussaya)** làm vị thống lãnh, và có **Ái Dục Thụy Miên (Taṇhānussaya)** làm thành nền tảng, thuận hợp theo đối với **Hành (Saṅkhāra)** ở phần Thiện và Bất Thiện" đấy, thì việc thống lãnh và việc làm thành nền tảng của cả hai Vô Minh và Ái Dục, ở trong cả hai giai đoạn của Hành Thiện và Bất Thiện đây, thì không giống nhau. Như vậy, sẽ trình bày được là: Việc thống lãnh và việc làm thành nền tảng của cả hai Vô Minh và Ái Dục ở trong giai đoạn ban đầu của Hành Thiện và Bất Thiện đấy, là đã có được trình bày ở trong việc miêu tả nội dung của điều **Pāḷi** đã có nói rằng: **Avijjānusaya parikkhittena taṇhānusayamūlakena saṅkhārena janiya mānaṃ paṭisandhi saṅkhātaṃ mānasaṃ -**

Avijjā taṇhā saṅkhāra Sahajehi apāyinaṃ
Visayādīnavacchādaṃ Nāmanaṃ khipanaṃ pica,

Appahīnehi sesānaṃ Chādanaṃ nāmanaṃ pica,
Khipakāpana saṅkhārā Kusalāva bhavantiha.

Dịch nghĩa là:

+ Vô Minh, Ái Dục, và Hành cùng câu sinh với Đồng Lực Cận Tử của người sẽ đi thọ sinh ở trong những Cõi Thống Khổ đấy, thì thường được hiện hành ở ba trường hợp, ấy là:

1/. Che khuất tội lỗi của Cảnh điềm tướng, có Nghiệp, Nghiệp Tướng, v.v.

2/. Cho Thức Tái Sinh thiên hướng đi vào ở trong Cảnh điềm tướng, có Nghiệp, Nghiệp Tướng, v.v.

3/. Quăng bỏ Thức Tái Sinh cho đi vào ở trong Cảnh điềm tướng, có Nghiệp, Nghiệp Tướng, v.v.

+ Vô Minh và Ái Dục ngủ ngầm ở trong Uẩn Giới mà vẫn không dứt bỏ được của người sẽ đi thọ sinh ở trong những Cõi Thiện Thú đấy, thì thường được hiện hành ở hai trường hợp, ấy là:

1/. Che khuất tội lỗi của Cảnh điềm tướng, có Nghiệp, Nghiệp Tướng, v.v.

2/. Cho Thức Tái Sinh thiên hướng đi vào ở trong Cảnh điềm tướng, có Nghiệp, Nghiệp Tướng, v.v.

Còn người sẽ đi thọ sinh ở trong Cõi Thiện Thú, thì Hành thường quăng bỏ Thức Tái Sinh cho đi vào ở trong Cảnh điềm tướng, có Nghiệp, v.v., tức là chỉ có duy nhất một phía Thiện Hành mà thôi.

Trong cả hai câu kệ này, thì câu kệ thứ nhất có **Avijjā taṇhā** v.v. cho đến **Nāmanaṃ khipanaṃpica** đấy, đã trình bày đến Vô Minh Thụy Miên, Ái Dục Thụy Miên và Bất Thiện Hành cùng câu sinh với Đồng Lực Cận Tử làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Thức Tái Sinh của người sẽ đi thọ sinh ở trong Cõi Thống Khổ, có được giải thích rằng: Vô Minh Thụy Miên là người che khuất tội lỗi của Cảnh điềm tướng, có Nghiệp, v.v. đây, **rằng khi tính theo** Tác **Nhân (Hetu)** và **Duyên Sinh (Paccaya),** thì Vô Minh làm Thường Cận Y Năng Duyên, và Thức Tái Sinh làm Thường Cận Y Sở Duyên. Còn đối với Ái Dục Thụy Miên đấy, là thực tính thường nhiên thiên hướng đi ở trong Cảnh; do đó mới làm thành người làm cho Thức Tái Sinh hữu quan dính líu với bản thân thiên hướng đi ở trong bất luận một Cảnh điềm tướng nào mà đã đi đến hiện bày theo với bản thân. **Rằng khi tính theo Tác Nhân (Hetu)** và **Duyên Sinh (Paccaya),** thì Ái Dục làm Thường Cận Y Năng Duyên, và Thức Tái Sinh làm Thường Cận Y Sở Duyên. Hành Bất Thiện làm người quăng bỏ Thức Tái Sinh cho đi ở trong Cảnh đấy, chính là cho tiếp thâu bất luận một Cảnh nào đó mà đã đi đến hiện bày. **Rằng khi tính theo Tác Nhân (Hetu)** và **Duyên Sinh (Paccaya),** thì Hành Bất Thiện làm Thường Cận Y Năng Duyên, và Thức Tái Sinh làm Thường Cận Y Sở Duyên. Điều này nếu sẽ nêu lên ví dụ để dẫn chứng thì cũng giống như một nam nhân đang bị ba kẻ thù thực hiện việc xúm vào hành hung. Theo người thứ nhất thì làm việc bịt mắt; người thứ hai làm việc cưỡng bức cho đưa tay lên rồi bảo rằng sẽ cướp đoạt lấy của cải đang có ở ngay trước mắt; người thứ ba thì thúc đẩy xua đuổi đi. Điều này như thế nào, thì việc giúp đỡ ủng hộ giữa Vô Minh, Ái Dục và Hành Bất Thiện với Thức Tái Sinh cũng như thế ấy.

Đối với việc thống lãnh của Vô Minh, và việc làm thành nền tảng của Ái Dục từ nơi Hành Bất Thiện ở trong Đổng Lực Cận Tử đây, nếu như Đổng Lực Cận Tử là Tham Căn, thì Vô Minh và Ái Dục làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Hành Bất Thiện với mãnh lực **Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya).** Nếu nhỡ như Đổng Lực Cận Tử đã là Sân Căn và Si Căn rồi, thì Vô Minh làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Hành Bất Thiện với mãnh lực Câu Sinh Duyên, và Ái Dục làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Hành Bất Thiện với mãnh lực từ Thường Cận Y Duyên.

Câu kệ thứ hai có **Appahīnehi** v.v. cho đến **Kusalāva bhavantiha** đấy, đã trình bày đến Vô Minh Thụy Miên, Ái Dục Thụy Miên và Hành Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Thức Tái Sinh của người sẽ đi thọ sinh ở trong Cõi Thiện Thú, có được giải thích rằng: Vô Minh Thụy Miên làm người che khuất tội lỗi của Cảnh điềm tướng có Nghiệp, v.v đây, **rằng khi tính theo Tác Nhân (Hetu)** và **Duyên Sinh (Paccaya),** thì Vô Minh làm Thường Cận Y Năng Duyên, và Thức Tái Sinh làm Thường Cận Y Sở Duyên. Còn đối với Ái Dục Thụy Miên đấy, là thực tính thường nhiên thiên hướng đi ở trong Cảnh; do đó mới làm thành người làm cho Thức Tái Sinh hữu quan dính líu với bản thân thiên hướng đi ở trong bất luận một Cảnh điềm tướng nào mà đã đi đến hiện bày theo với bản thân. **Rằng khi tính theo Tác Nhân (Hetu)** và **Duyên Sinh (Paccaya),** thì Ái Dục làm Thường Cận Y Năng Duyên, và Thức Tái Sinh làm Thường Cận Y Sở Duyên. Hành Thiện làm người quăng bỏ Thức Tái Sinh cho đi ở trong Cảnh đấy, chính là cho tiếp thâu bất luận một Cảnh nào đó mà đã đi đến hiện bày. **Rằng khi tính theo Tác Nhân (Hetu)** và **Duyên Sinh (Paccaya),** thì Hành Thiện làm Thường Cận Y Năng Duyên, và Thức Tái Sinh làm Thường Cận Y Sở Duyên. Việc nêu lên ví dụ để dẫn chứng ở trong điều này, thì cũng tương tự với điều đã được đề cập đến rồi vậy.

Đối với việc thống lãnh của Vô Minh, và việc làm thành nền tảng của Ái Dục từ nơi Hành Thiện ở trong Đổng Lực Cận Tử đây, thì Vô Minh và Ái Dục làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Hành Thiện với mãnh lực Thường Cận Y Duyên; đích thị chính là việc thống lãnh và việc làm thành nền tảng của cả hai Vô Minh và Ái Dục ở trong Hành Thiện và Bất Thiện ở giai đoạn sau. Vì thế, Ngài Giáo Thọ **Anuruddha** mới nói được rằng **Yathā raham - Thuận hợp theo đối với Hành (Saṅkhāra) ở phần Thiện và Bất Thiện.**

Sampayuttehi pariggayhamānaṃ - Làm thành Tâm tương ưng với tất cả các Pháp thành đoàn tùy tùng vây quanh, có **Xúc (Phassa), Thọ (Vedanā)** v.v. có được giải thích rằng Thức Tái Sinh mà sinh khởi lên đây, là chẳng phải chỉ có một cái Tâm duy nhất, mà có cả các Tâm Sở thành đoàn tùy tùng vây quanh. Đề cập đến là đã được phối hợp thể theo với mãnh lực từ **Câu Sinh (Sahajāta), Hỗ Tương (Aññamaññā), Y Chỉ (Nissaya),** hiện hành thuận hợp theo đối với Tâm Tái Sinh ấy.

Sahajātānamadhiṭṭhānabhāvena pubbaṅgabhūtaṃ - Luôn cả chính cái Tâm ấy làm Chủ Vị, là vì làm thành chỗ thiết lập cho **Tâm Sở (Cetasika)** và **Sắc Nghiệp Lực (Kammajarūpa)** cùng câu sinh với mình. Có được giải thích rằng việc sinh khởi ở trong kiếp sống mới của cả ba Tâm Tái Sinh, Tâm Sở, và Sắc Nghiệp đây, cho dù quả thật sẽ được câu sinh với nhau, và chẳng có một ai sẽ là sinh trước, sẽ là sinh sau đi nữa, thế nhưng Tâm

Tái Sinh này đã được an trú bởi theo vị trí làm thành **Câu Sinh Y Duyên (Sahajāta nissayapaccaya)**, tức là làm thành chỗ nương sinh của các Pháp Câu Sinh, có Tâm Sở và Sắc Nghiệp Lực. Như thế, Ngài mới nói được rằng "là làm thành Chủ Vị."

Cả hai đoạn văn **Pāḷi**, có **Sampayuttehi pariggayhamānaṃ** và **Sahajātā nama dhiṭṭhānabhāvena pubbaṅgabhūtaṃ** đây, đã được trình bày cho được thấu hiểu đến sự trọng yếu của trạng thái liễu giải, tức là tri tường Cảnh đặc biệt, bởi vì Tâm Tái Sinh đây cũng có trạng thái liễu giải tương tự giống với các Tâm khác. Còn trạng thái của 52 Tâm Sở, có trạng thái của Xúc v.v. đây, thì lại có trạng thái bất tương đồng về nghĩa vị liễu giải. Tất cả sự việc này là cũng bởi giả như miễn trừ trạng thái liễu giải ra rồi, thì trạng thái của Xúc, v.v. chẳng thể nào khởi sinh lên được. Nêu ví dụ dẫn chứng như một chàng trai tuấn tú đã sinh ra ở trong đời, thì sẽ cần phải có các vật hữu sinh mạng, như có nam tính khí anh hùng, thông thái, có nữ anh thư, voi, ngựa, bá hộ giàu có, một cách đặc biệt thù thắng; và các vật phi sinh mạng, như có chỗ ở nương trú, vật trang sức, cây cối, cây bông hoa, một cách kỳ diệu đặc thù; làm thành những vật phụ kiện tháp tùng cùng câu sinh như thế nào, thì việc sinh khởi của Tâm Tái Sinh cũng cần phải có các Tâm Sở Xúc, v.v. là những Chi phần cùng phối hợp với nhau, và Sắc Nghiệp như có Sắc Tâm Cơ v.v. làm thành chỗ nương sinh, làm thành các phụ kiện cùng câu sinh lẫn nhau cũng như thế đấy.

Bhavantara paṭisandhānavasena paṭisandhisaṅkhātaṃ mānasaṃ - Tâm mà tên gọi là Tái Sinh, vì hữu quan với việc nối tiếp liền với nhau hai kiếp sống cũ và mới. Đoạn văn này trình bày đến **danh lộc vị (Nāmalābha),** là nguyên nhân của việc được gọi tên là Tái Sinh, hoặc trình bày đến **điềm tướng chuyển khởi (Pavattinimitta)** ý nghĩa là nguyên nhân từ ở việc hiện hành của Tâm gọi là Tái Sinh. Giải thích rằng khi kiếp sống cũ đã vừa chấm dứt, mà lại chẳng có Tâm Thức hoặc **Bọn Mạng Cửu Tổng Hợp (Jīvitanavaka kalāpa)** tiếp nối sinh khởi, và kiếp sống mới với đời sống mới cũng diệt mất luôn; thì sự hiện hành bởi do chẳng có Tâm Thức hoặc bọn Mạng Cửu Tổng Hợp tiếp nối sinh khởi như thế này đấy, miễn trừ với Bậc Vô Sinh ra rồi, thì các hạng người ngoài ra đó, sẽ là Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên, Phàm Phu hoặc Thánh Nhân đi nữa, ắt hẳn chẳng thể nào hiện hành được. Vì thế, một khi đã tử vong thì Thức Quả Dị Thục thường sinh khởi, làm nhiệm vụ nối tiếp liền với nhau hai kiếp sống cũ và mới. Như thế mới được gọi là **Thức Tái Sinh (Paṭisandhiviññāṇa – còn gọi là Thức Nối Liền).** Như đã có trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Bhavantaraṃ paṭisandahatīti = Paṭisandhi** - Thức Quả Dị Thục nào thường làm nhiệm vụ nối liền với kiếp sống mới, như thế Thức Quả Dị Thục ấy, gọi là Tái Sinh.

Uppajjamānameva patiṭṭhāti bhavantare - Tức thời sát na sinh khởi hiện hữu ở trong kiếp sống mới. Từ ngữ **Eva** ở trong **Uppajjamānameva** đây, là việc trình bày cho được thấu hiểu đến kiếp sống mới của Tâm Tái Sinh là ở trong **Sát Na Khởi Sinh (Uppādak khaṇa),** đó chính là sát na sinh của Tâm Tái Sinh đấy, đã làm việc sinh khởi của kiếp sống mới, và chẳng phải là sát na sinh của Tâm Tái Sinh vẫn đang là kiếp sống cũ. Tiếp đến khi **Sát Na Trụ (Ṭhītikhaṇa)** là sát na an trú của Tâm Tái Sinh mới sẽ làm thành kiếp sống mới, như vậy cũng chẳng phải luôn. Tuy nhiên tất cả mọi người trái lại hiểu biết rằng một khi tất cả Chúng Hữu Tình đã tử vong, thì vẫn chưa có đi tái sinh ở trong kiếp sống mới

ngay lập tức, vẫn đang còn đi tìm kiếm kiếp sống, mà đó là sự hiểu biết sai trật với Sự Thật. Sự hiện hành như vậy là cũng bởi vì những hạng người này chẳng có việc nghiên cứu học hỏi đến sự hiện hành ở trong các sự kiện Sinh – Trụ – Diệt của Ngũ Uẩn Danh Sắc một cách tốt đẹp. Một khi có được tiếp xúc với tác nhân ở bên ngoài thì sẽ dễ làm cho có sự hiểu biết sai lệch như thế ấy, đã thấm nhập quan kiến sai lầm về **Tà Thắng Giải (Micchādhimokkha – Mậu Chủng),** là sự quyết định sai lầm rằng tất cả Chúng Hữu Tình đã tử vong rồi, thì vẫn chưa có đi tái sinh. Sinh khởi quan kiến như vậy, là bởi do tác nhân ở bên ngoài đã làm cho có sự hiểu biết sai trật đây, hiện hữu với nhau ở hai trường hợp, ấy là:

1/. Một số người đã tử vong rồi, lại có thể đi đến tự biểu hiện cho người khác được trông thấy qua hình hài thân tướng, cử chỉ hành động, và cho đến cả vật trang sức sắc thân; cũng có thể hiện hành tương tự như khi vẫn còn hữu sinh mạng.

2/. Từ ngữ **Sambhavesī** ở trong bài Kinh Tụng Thất Kệ thuộc bổn của nhà nước dịch rằng: "Loài Hữu Tình đang đi lang thang tìm kiếm sinh thú". Khi từ ngữ đã được dịch như vậy, thì cho dù người hiểu biết về **Pāḷi**, hoặc không có hiểu biết về **Pāḷi** đi nữa, một khi đã đọc rồi thì ai ai cũng rủ nhau hiểu biết sai lệch rằng "loài Hữu Tình đã tử vong đấy vẫn đang còn tìm kiếm kiếp sống mới, vẫn chưa có được thọ sinh, loài Hữu Tình gọi là **Sambhavesī** (Đãi Xuất Sinh Hồn).

Sự thật về hai trường hợp tác nhân này, cũng được hiện hữu ở hai trường hợp, ấy là:

1/. Người đã tử vong rồi, lại có thể đi đến tự biểu hiện cho người khác được trông thấy đó, là chẳng phải chưa có đi thọ sinh; mà tất cả đều đã đi tái sinh ở trong kiếp sống mới hết cả rồi. Tuy nhiên việc tái sinh của những chúng sinh này, là chẳng phải được tái sinh ở trong chủng loại thông thường, mà chỉ là việc tái sinh một cách to lớn tức thì, và được gọi là **Chủng Loại Hóa Sinh (Opapātika).** Theo lẽ thường, chủng loại Hóa Sinh ấy có sự hiểu biết, sự ghi nhớ ở trong các câu chuyện của kiếp sống cũ mà chẳng có phai mờ, và vẫn hiện bày rõ ràng tốt đẹp. Như thế, khi tái sinh thành **Ngạ Quỷ (Peta)** ở trong thôn làng, hoặc thành **Thụ Khổ Nạn Giả Thiên (Vinipātikadevatā)** là hạng Chư Thiên ở tầng trời thấp, thì cả ba thể loại **Chấp Thủ (Upādāna)** có **Dục Thủ (Kāmupādāna), Kiến Thủ (Diṭṭhu pādāna)** và **Ngã Luận Thủ (Attavādūpādāna),** với sự nắm giữ chấp trước ở trong đời của kiếp sống cũ cũng tức thì được hiện bày, và thế rồi đã đi đến tự biểu hiện cho người khác được trông thấy. Nếu nhỡ như thành Ngạ Quỷ, thì cũng biểu hiện cho được trông thấy thật đáng kinh sợ. Nếu nhỡ như thành Thụ Khổ Nạn Giả Thiên, thì khi vẫn còn là Nhân Loại đã có đời sống ở thể loại nào, thì cũng sẽ biểu hiện cho được trông thấy ở dạng loại đó. Nếu nhỡ như người ấy đi tái sinh thành Hữu Tình Địa Ngục, **Atula**, Ngạ Quỷ, và trú ngụ ở cách xa khỏi Cõi Nhân Loại, thì việc **Chấp Thủ (Upādāna)** nắm giữ chấp trước ở trong đời sống hữu quan với kiếp sống cũ cho dù sẽ có sinh khởi đi nữa, tuy nhiên cũng vẫn không có cơ hội để sẽ đi đến tự biểu hiện cho người khác được trông thấy. Nếu đã là Chư Thiên ở tầng trời cao phối hợp với sự an lạc, thì việc Chấp Thủ nắm giữ chấp trước trong đời hữu quan với kiếp sống cũ, cũng vẫn không có cơ hội để sinh khởi lên được, và có thể chỉ có khởi sinh việc Chấp Thủ nắm giữ chấp trước trong đời sống hữu quan với kiếp sống mới tiếp nối theo.

2/. Loài Hữu Tình tên gọi là **Sambhavesī (Đãi Xuất Sinh Hồn)** đấy, tức là 4 Phàm Phu, 3 Bậc Hữu Học. Là như vậy cũng bởi vì việc tái sinh của những hạng người này vẫn chưa chấm dứt, còn phải tìm kiếm các kiếp sống nối tiếp. Từ ngữ **Sambhavesī (Đãi Xuất Sinh Hồn)** là từ ngữ đi đôi với từ ngữ **Bhūtā** mà đã được Đức Phật Ngài lập ý khải thuyết và có sự giải thích để ở trong bài **Kinh Từ Ái (Mettāsutta)** đã trình bày rằng:

Diṭṭhā vā yeva adiṭṭhā **Yeva dūre vasanti avidūre**
Bhūtā va sambhavesī va **Sabbasattā bhavantu sukhitattā.**

Dịch nghĩa là: Tất cả Chúng Hữu Tình nào mà Tôi đã từng được thấy đến (**Diṭṭhā vā – Hữu Kiến, Hữu Hình** hoặc) Tôi chưa từng được thấy đến đi nữa (**Adiṭṭhā vā – Vô Kiến, Vô Hình** hoặc), và Chúng Hữu Tình nào trú ngụ xa cách ở nơi Tôi (**Dūre vā – Dao Viễn** hoặc) ở gần với Tôi đi nữa (**Avidūre vā – Bất Dao Viễn** hoặc), và tất cả Chúng Hữu Tình đã xa lìa khỏi Phiền Não, nhưng vẫn còn phải đi thọ sinh ở trong các kiếp sống đi nữa, vả lại Phàm Phu và ba Bậc Hữu Học vẫn còn phải đi thọ sinh ở trong các kiếp sống nối tiếp đi nữa; xin cho hết tất cả những Chúng Hữu Tình đang hiện hữu ấy, cho có được sự an vui hạnh phúc.

QUAN ĐIỂM VỀ THƯỜNG KIẾN (SASSATADIṬṬHI) HOẶC ĐOẠN KIẾN (UCCHEDADIṬṬHI) VÀ CHÁNH KIẾN (SAMMĀDIṬṬHI) TRONG SỰ VIỆC SINH KHỞI TRONG KIẾP SỐNG MỚI CỦA TẤT CẢ CHÚNG HỮU TÌNH

Với các bậc Học Giả hoặc những người chẳng có học đi nữa, một khi đã được đọc hoặc đã được lắng nghe việc sinh khởi ở trong kiếp sống mới của tất cả Chúng Hữu Tình, như đã có trình bày rằng: **Tassānantarameva paṭisandhi saṅkhātaṃ mānasaṃ uppajjamānameva patiṭṭhāti bhavantare** - Chính ở ngay trong tuần tự một cách không gián đoạn của Tâm Tử ấy, tức thì Tâm Tái Sinh sinh trú ở trong sát na Sinh của kiếp sống mới và như vậy rồi, bởi do bất liễu tri mà Thường Kiến hoặc Đoạn Kiến sẽ thường hay sinh khởi ở trong tâm thức. Sự việc đã như vậy, là cũng do những hạng người này vẫn thường luôn có Thường Kiến với sự chấp trước ở trong Ngũ Uẩn Danh Sắc rằng là Ta và Của Ta.

Việc tái sinh thể theo Thường Kiến, ấy là một khi đã được đọc hoặc đã được lắng nghe sự việc sinh khởi ở trong kiếp sống mới của tất cả Chúng Hữu Tình, thì có quan điểm cho rằng Thân – Tâm sinh khởi ở trong kiếp sống mới, thì cũng vẫn duy trì đối với Thân – Tâm hiện hữu ở trong kiếp sống cũ này vậy. Quan điểm như vậy gọi là Thường Kiến, tức là quan điểm cho rằng cho dù Chúng Hữu Tình đã mạng vong rồi, tuy nhiên Danh Sắc của Chúng Hữu Tình ấy vẫn còn duy trì và tiếp tái sinh khởi ở trong kiếp sống mới một cách không gián đoạn. Còn về việc tái sinh thể theo Đoạn Kiến, thì có quan điểm cho rằng Thân – Tâm sinh khởi ở trong kiếp sống mới đấy, thì chẳng có quan hệ liên đới bất luận một trường hợp nào với Thân – Tâm ở trong kiếp sống cũ cả, và ngặt chỉ có việc nương nhờ vào người Mẹ người Cha mà đã được sinh ra. Quan điểm như vậy gọi là Đoạn Kiến, tức là quan điểm cho rằng Danh Sắc ở trong kiếp sống mới chẳng có quan hệ liên đới chi với Danh Sắc ở trong kiếp sống cũ.

Còn với người chẳng có chấp trước vào Thường Kiến, tức là tất cả các bậc Thánh Nhân, và người vẫn còn có **Hữu Thân Kiến (Sakkāyadiṭṭhi),** tuy nhiên lại có sự hiểu biết ở trong sự hiện hành của những thể loại Danh Sắc ấy. Một khi đã được đọc hoặc đã được lắng nghe sự việc tái sinh ở trong kiếp sống mới của tất cả Chúng Hữu Tình, thì quan điểm thuộc phần **Chánh Kiến (Sammādiṭṭhi)** hình thành bởi **Trí Tuệ (Paññā)** thường khởi sinh. Do được thấy rằng Danh Sắc sinh ở trong nội phần của Chúng Hữu Tình khi vẫn đang còn sinh mạng đấy; khi sinh khởi ở trong chỗ nào, vào sát na nào, thì cũng thường diệt mất ngay ở trong chỗ ấy, vào sát na ấy, và chẳng có việc lưu chuyển bằng cách sinh ở chỗ này lại diệt mất ở chỗ khác như vậy được. Như thế, khi tất cả Chúng Hữu Tình đã mạng chung rồi, thì Danh Sắc ở trong kiếp sống cũ cũng thường diệt mất chính ngay ở trong kiếp sống cũ, vả lại cũng chẳng có việc sinh nối tiếp liên đới đến ở trong kiếp sống cũ được nữa. Luôn cả cũng có việc nhận thức được rằng Danh Sắc sinh ở trong kiếp sống mới ấy, dù cho có thực sự chúng sẽ chẳng phải là Danh Sắc ở trong kiếp sống cũ đã sinh khởi nối tiếp liên đới với nhau đi nữa; tuy nhiên việc sinh khởi của Danh Sắc ở trong kiếp sống mới này, cũng có mối quan hệ liên đới tương tự từ nơi kiếp sống cũ ấy vậy. Như đã có trình bày để ở trong đoạn văn chỗ nói rằng: **Avijjānusayaparikkhittena taṇhānusaya mūlakena saṅkhārena** - ý nghĩa là việc sinh khởi của Thức Tái Sinh ở trong kiếp sống mới ấy, hẳn là có mối quan hệ liên đới với Pháp làm thành tác nhân ở trong kiếp sống cũ; tức là Vô Minh, Ái Dục và Hành. Như thế, khi sẽ so sánh thì cũng nên thấy được rằng tương tự với âm thanh đã phát vang lên, hoặc ngọn lửa nến được thắp lên, hoặc đóng dấu với con dấu. Giải thích rằng âm thanh phát vang lên đó, thì chẳng phải là âm thanh hiện khởi lên bởi do con người gọi to tiếng lên một cách trực tiếp, đó chỉ là âm thanh liên hệ từ ở âm thanh đã được phát vang lên mà thôi. Ngọn lửa nến được thắp lên, thì chẳng phải là ngọn lửa cũ có việc lưu chuyển theo ngọn lửa mới đi được, mà chỉ là nối tiếp liên đới từ nơi ngọn lửa cũ mà thôi. Cũng như vậy với việc đóng dấu con dấu, là chẳng phải con dấu dính chặt vào nhau, mà chỉ là liên quan với việc đóng dấu mà thôi.

LỜI PHẢN BÁC VÀ ĐIỀU THẨM ĐỊNH

Chỗ nói rằng Danh Sắc sinh khởi ở trong chỗ nào, vào sát na nào, thì cũng thường diệt mất ngay ở trong chỗ ấy, vào sát na ấy; sự việc này nếu sẽ nói với nhau là duy nhất chỉ có Danh Pháp thì chẳng có bất luận điều chi đáng sẽ phải nghi ngờ cả, bởi vì Danh Pháp có thực tính đặc biệt chỉ sinh ở trong nội phần vật hữu sinh mạng mà thôi, và cũng chẳng phải là Sắc Pháp. Tuy nhiên đối với Sắc Pháp đấy, thì đáng nghi ngờ rằng sẽ chẳng có được hiện hành như vậy, là vì có được trông thấy hình ảnh và có được lắng nghe âm thanh của tất cả mọi người và các sự vật đã hiện bày ở trong vô tuyến truyền hình.

Điều này giải thích rằng hết cả Ngũ Cảnh có Cảnh Sắc v.v. sinh khởi ở trong những vật hữu sinh mạng hoặc phi sinh mạng này đấy, thì một khi sinh khởi lại thường có thêm **Cảnh Thừa Kế (Santatiārammaṇa)** sinh nối tiếp hữu quan ở phía bên trong khu vực của từng mỗi Cảnh ban đầu. Tuy nhiên trong tất cả những Ngũ Cảnh này, thể loại Cảnh Sắc mà

có ánh sáng, và Cảnh Thinh, Cảnh Khí, Cảnh Xúc, với cả bốn Cảnh này thì một khi sinh khởi thường có **Cảnh Sắc Thừa Kế (Santatirūpārammaṇa), Cảnh Thinh Thừa Kế (Santatisaddārammaṇa), Cảnh Khí Thừa Kế (Santatigandhārammaṇa), Cảnh Xúc Thừa Kế (Santatiphoṭṭhabbārammaṇa)** nhất định sinh nối tiếp hữu quan với Cảnh ban đầu. Còn cả hai thể loại Cảnh, là Cảnh Sắc mà không có ánh sáng và Cảnh Vị đây, thì Cảnh Thừa Kế sinh nối tiếp hữu quan với mình, thì cũng có khi có hoặc cũng có khi không; thế nhưng, Cảnh Thừa Kế mà sinh nối tiếp hữu quan với Cảnh ban đầu ấy, thì có thực tính cực kỳ vi tế hơn Cảnh ban đầu gấp cả trăm lần. Chính vì lý do này, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân của hạng người bình thường mới không thể nào sẽ tiếp thâu lấy Cảnh ấy được; mà chỉ có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân của hạng Chư Thiên ở tầng trời cao mới có thể tiếp thâu lấy Cảnh ấy được. Tiếp đến thực hiện việc tích trữ Cảnh Thừa Kế với việc lưu truyền rộng ra cùng với Chi Phần phối hợp của các Cảnh ấy, có tia sáng kẽ hở hư không, gió, nước, sự cương kiện của Đất, thì mắt, tai, mũi, lưỡi, và thân của hạng người bình thường cũng tiếp thâu được, ngoài ra đây thì thực hiện việc lưu truyền khuếch tán rộng ra xa cũng vẫn được nữa. Như thế, mới thấy được rằng Cảnh hiện bày ở trong vô tuyến truyền hình đấy, chẳng phải là Cảnh ban đầu, mà đó chỉ là Cảnh Thừa Kế. Còn về phần Cảnh ban đầu ở trong chỗ nào thì cũng thường diệt mất ngay ở trong chỗ ấy.

GIẢI THÍCH TRONG PHẦN PĀLI VỚI ĐIỀU THỨ BẢY, THỨ TÁM VÀ THỨ CHÍN: TRÌNH BÀY CẢNH CỦA TÂM TÁI SINH DỤC GIỚI (KĀMAPAṬISANDHICITTA)

Điều **Pāḷi** này trình bày đến Cảnh của Tâm Tái Sinh Dục Giới cùng với việc sinh khởi của Tâm Đồng Lực khi cận tử lâm chung. Về phần nội dung của từng từ ngữ ở trong điều **Pāḷi** này đấy, có được như vầy: **Maraṇāsanna vīthiyaṃ** ở trong Lộ Trình Cận Tử. Chỗ nói rằng Lộ Trình Cận Tử ấy, cũng chẳng phải là Lộ Trình chỉ sinh khởi duy nhất ở lần cuối cùng, bởi vì từ ngữ **Maraṇasannavīthi** đây, dịch nghĩa là Lộ Trình sinh khởi sắp sửa sẽ tử vong. Như thế, khi sẽ nói theo số lượng, thì thường là có cả hàng chục hàng trăm Lộ Trình, và những Lộ Trình này cũng thường đều được gọi với nhau là Lộ Trình Cận Tử.

Khi sẽ trình bày Câu Chú Giải, thì cũng sẽ phải trình bày nói rằng: **Maraṇassa āsannaṃ = Maraṇāsannaṃ** - Kề bên của sự tử vong, gọi là Cận Tử. **Maraṇāsanna pavattāvīthi = Maraṇāsannavīthi, tissaṃ maraṇāsanna vīthiyaṃ** - Lộ Trình Tâm sinh khởi trong thời gian sắp sửa sẽ tử vong, gọi là **Lộ Trình Cận Tử.** Trong Lộ Trình Cận Tử đấy, từ ngữ nói rằng **Tissaṃ maraṇāsannavīthiyaṃ** - là **(Ādhāra: việc chứa đựng, căn cứ)** ở trong **(Pāṭikaṅkhitabbāna: việc mong mỏi, trông đợi).**

Mandappavattāni (Diễn tiến một cách yếu kém) bởi vì việc sinh khởi của những Tâm Đồng Lực này đang có năng lực giảm thiểu xuống (trong khi cận tử lâm chung); có Câu Chú Giải nói rằng:

Mandaṃ hutvā pavatti = Mandappavattaṃ - Năng lực của việc sinh khởi đang suy giảm, gọi là "diễn tiến yếu kém", tức là việc sinh khởi những Tâm Đồng Lực ấy **(Tāni**

mandappavattāni) đang yếu kém. Sự việc là như vậy, bởi vì năng lực của dòng tâm thức trong thời gian ấy đang yếu kém, luôn cả Sắc Tâm Cơ làm thành chỗ nương sinh của tất cả Tâm và Tâm Sở cũng có năng lực yếu kém. Trong sự việc dòng tâm thức đang có năng lực yếu giảm xuống, hoặc Sắc Tâm Cơ làm thành chỗ nương sinh của tất cả Tâm và Tâm Sở cũng đang có năng lực yếu giảm xuống theo; khi sẽ khai bộ xuất sinh xứ thì cũng chẳng phải kéo lôi đi xa ra, mà chỉ sẽ kéo lôi ở ngay trong chỗ cận kề, đó chính là thời gian cận tử lâm chung làm thành **Hữu Nhân (Sāhetuka).**

Chỗ nói rằng dòng tâm thức đang có năng lực yếu kém và chẳng có liên quan với tuổi thọ (Sinh - Trụ - Diệt) ấy, là vì sự việc này có thể hiểu được rằng Sinh – Trụ – Diệt của Tâm và Tâm Sở trong thời gian cận tử lâm chung ấy quá nhanh hơn cả việc Sinh – Trụ – Diệt ở trong Thời Bình Nhật **(Yāmapakati)**; chính vì lý do này, mới làm cho dòng tâm thức phải yếu giảm xuống. Nếu hiểu biết như vậy thì quả thật là một việc sai lầm, vì theo lẽ thông thường thì tuổi thọ của Tâm và Tâm Sở ở cả ba sát na (tiểu) Sinh – Trụ – Diệt đây, cho dù sẽ là **Thời Tái Sinh (Paṭisandhikāla),** hoặc **Thời Chuyển Khởi (Pavattikāla),** hoặc **Thời Tử Vong (Cutikāla)** đi nữa, cũng thường luôn giống với nhau hết cả thảy, chẳng có nhanh hơn và cũng chẳng có chậm hơn chi cả. Như thế, sự việc dòng tâm thức có trạng thái yếu giảm xuống mới chẳng có liên quan với tuổi thọ, mà có thể chỉ có liên quan với Thời Gian và Sắc Tâm Cơ.

+ Liên quan với Thời Gian, tức là khi ở Thời Bình Nhật, ngoài ra khỏi **Thời Cận Tử (Maraṇāsannakāla), Thời Sinh Sản (Atitaruṇakāla), Thời Bất Tri Giác (bất tỉnh, ngất xỉu) (Visaññībhūtakāla), Thời Hôn Mê (Mucchākāla),** thì sự sinh khởi của dòng tâm thức vào thời gian ấy có năng lực kiên cường. Còn Thời Gian Cận Tử, thời gian cận tử lâm chung v.v. được ví như sức nóng của mặt trời vào lúc rạng đông sáng với sức nóng vào buổi chiều tà.

+ Liên quan với Sắc Tâm Cơ, tức là thai nhi đang ở trong thai bào với các bộ phận sinh khởi vẫn chưa tròn đủ; chỗ gọi là Thời Sinh Sản, hoặc Thời Cận Tử có bất luận một tác nhân nào bức hại trái tim, chẳng hạn như những bệnh tim mạch trầm kha, hoặc chích thuốc mê; trong thời gian ấy, Sắc Tâm Cơ thường có năng lực yếu kém. Khi Sắc Tâm Cơ có năng lực yếu giảm xuống, thì Tâm và Tâm Sở nương vào Sắc Tâm Cơ đặng sinh khởi cũng thường có năng lực yếu giảm xuống theo, cũng ví như vận tốc của đoàn xe lửa chạy trên đường ray bị hư hỏng vậy.

NGUYÊN NHÂN SẮC TÂM CƠ CÓ NĂNG LỰC YẾU KÉM

Ở trong Thời Sinh Sản, Sắc Tâm Cơ có năng lực yếu kém, cũng vì thời gian ấy chính là Thời Sinh Sản, có nghĩa là thai nhi đang ở trong thai bào khi mà các bộ phận vẫn chưa sinh khởi cho được tròn đủ. Vào thời gian ấy, cơ thể có thực tính rất yếu kém, và vì thế, Sắc Tâm Cơ mới có năng lực yếu kém. Sắc Tâm Cơ có năng lực yếu kém trong khi mắc chứng bệnh tim mạch dị tật trầm kha, hoặc bị cho thuốc mê, là cũng do hữu quan với dị chứng bệnh trầm kha và thuốc mê ấy, làm thành tác nhân. Sắc Tâm Cơ có năng lực yếu kém trong thời

gian cận tử lâm chung, là cũng do thời gian cận tử lâm chung ấy, làm thành tác nhân. Có nghĩa là theo lẽ thông thường, thì Sắc Nghiệp Lực thường sinh khởi vào từng mỗi sát na Tâm, tuy nhiên vào thời gian cận tử lâm chung đấy, thì sẽ không thể đồng cùng câu sinh với từng mỗi sát na Tâm cho đến ngay cả lúc mạng chung được, là vì thường sẽ phải đồng cùng diệt mất với Tâm Tử, dù cho với bất kể hạng người nào. Như thế, việc sinh khởi của Sắc Nghiệp Lực vào thời gian cận tử lâm chung mới có số lượng rất ít nhưng lại diệt đi nhiều. Vì lý do này, Sắc Tâm Cơ mới có năng lực yếu giảm xuống. Khi Sắc Tâm Cơ có năng lực yếu giảm xuống do bởi các tác nhân như đã vừa đề cập đến, thì Tâm và Tâm Sở nương vào Sắc Tâm Cơ sinh khởi cũng có năng lực yếu giảm xuống theo cùng tương tự như nhau. Sau khi có việc mổ mắt xong, thì việc trông thấy thường không được rõ ràng lắm; sự việc như vậy là cũng vì vào thời gian ấy **Bọn Tổng Hợp Nhãn Thập (Cakkhudasakakalāpa)** sinh khởi chưa được tròn đủ lắm, khác biệt với việc trông thấy của người có đôi mắt tốt đẹp một cách bình thường.

DIỄN TIẾN MỘT CÁCH YẾU KÉM (MANDAPPAVATTĀNI) LÀ NHÂN QUẢ PHÂN BIỆT TỪ (HETUMANTAVISESANAPADA)

Từ ngữ **Mandappavattāni (Diễn tiến một cách yếu kém)** đã được dịch nghĩa rồi, hiện hữu ở hai thể loại nội dung, ấy là: **Phân Biệt Từ (Visesana)** với **Tác Nhân (Hetu). Mandappavattāni** - có năng lực yếu kém. Từ ngữ dịch nghĩa này trình bày nội dung là **Visesattha mandappavattāni** - Vì có năng lực yếu giảm xuống. Từ ngữ dịch nghĩa này đã trình bày nội dung là **Hetavattha** - Khi sẽ đề cập đến việc liên quan. **Mandappavattāni** được dịch nghĩa là **Visesattha** ở trong **Javanāni** - theo sự làm thành **Phân Biệt Từ (Visesana). Visesaya** được dịch nghĩa là **Hetavattha** đấy, ở trong **Pāṭikaṅkhitabbāni** - Việc mong mỏi, trông đợi; theo sự làm thành Tác Nhân thành Hệ Quả. Việc dịch nghĩa như vậy, là cũng vì từ ngữ **Mandappavattāni** này, là **Hetumantavisesanapada** - Tự ở trong bản thân Phân Biệt Từ này hiện hữu tác nhân, và tác nhân này mới được dịch nghĩa thành hai phần. Lại nữa, **Hetumantavisesanapada** đây, dù cho lời nói của con người có chung chung đi nữa cũng vẫn là hiện hữu; chẳng hạn như người Thầy đã nói rằng: "Em trai **Vīra** nhấc chín cái to bự ấy cho đến đây nha !" Người em trai **Vīra** sẽ trả lời là: "Em nhấc lên không nổi." Nếu thế, sẽ hỏi rằng: "Vì sao mới nhấc không nổi ?" Người em trai ấy sẽ trả lời là: "Chín cái này to bự và em thì vẫn còn bé !" Trong lời nói của người Thầy, thì người em trai là **Phân Biệt Từ (Visesana)** của **Vīra.** "To bự" là **Phân Biệt Từ (Visesana)** của "chín cái này". Trong câu lời trả lời của người em trai, thì lời nói "bởi vì to bự, hoặc bởi vì nhỏ bé" ở trong lời nói rằng "không nổi" làm thành Nhân Quả.

Pañceva javanāni pāṭikaṅkhitabbāni - Tâm Đổng Lực sinh khởi chỉ được năm chặp ngần ấy thôi. Tâm Đổng Lực sinh khởi chỉ được 5 chặp đấy, cũng vì đó là thời gian cận tử lâm chung, và lập ý chỉ lấy một thể loại duy nhất là Tâm Đổng Lực Dục Giới. Đối với **Đổng Lực Nhập Định (Appanājavana)** thì chẳng có liên quan. Theo lẽ thông thường, Tâm Đổng Lực Dục Giới sẽ cho được thành tựu ở trong việc nói năng và nghĩ suy, thì thường sẽ phải

sinh khởi đến 7 sát na, chỉ trừ với người có **Pháp Trí Tuệ Toàn Thiện (Paññāpāramī – Trí Tuệ Ba La Mật)** đôi khi sinh khởi chỉ có 6 sát na mà công việc cũng vẫn được hoàn thành. Đối với Bậc Chánh Đẳng Giác và Bậc Chí Thượng Thinh Văn Giác sinh khởi chỉ có 4 sát na, 5 sát na, và công việc cũng được thành tựu. Điều đã được nói ở tại đây, chẳng phải là hết tất cả mọi công việc, mà có thể chỉ đặc biệt hiện hành đối với những công việc ở trong trường hợp đặc biệt mà thôi, do bởi có **Niệm (Sati) – Tuệ (Paññā)** làm thành Trưởng (Chủ vị). Điều này có nghĩa là công việc được thành tựu từ 6 sát na Đồng Lực Bất Thiện có Niệm – Tuệ làm thành công cụ giúp đỡ ủng hộ; 6 sát na Đồng Lực Đại Thiện, 4 – 5 sát na Đồng Lực Đại Duy Tác có Niệm – Tuệ làm thành Trưởng. Với lý do này, Tâm Đồng Lực sinh khởi chỉ có được 5 chặp đối với người cận tử lâm chung đấy, và chớ có nói rằng chỉ là việc hoạt động của Thân và Lời, mà ngay cả việc nghĩ suy với tâm trí cũng chẳng có, tức là chấm dứt tất cả mọi sự nghĩ suy.

Tasmā yadi paccuppannārammaṇesu āpātamāgatesu dharantesveva maraṇaṃ hoti - Do đó, giả như tử vong trong khi Cảnh Hiện Tại vẫn đang hiện bày trước mắt, và vẫn còn đang hiện hữu. Nội dung chính của đoạn văn này có sự ước định ở trong câu chuyện của việc tử vong, để sẽ được thấu hiểu đến Cảnh của Tâm Tái Sinh và Tâm Hữu Phần sinh nối tiếp với nhau. Chỗ nói rằng Cảnh Hiện Tại đang hiện bày trước mắt và vẫn còn đang hiện hữu; lời đề cập này lập ý là chỉ lấy Cảnh Sắc Pháp, tức là màu sắc, âm thanh, khí hơi, mùi vị, xúc chạm; và chẳng phải lập ý lấy bất luận một trường hợp nào về Cảnh Danh Pháp, tức là sự hoan hỷ, sự thản nhiên, sự sùng tín, sự hiểu biết, v.v., chẳng vì Danh Pháp Hiện Tại là ở **Ngoại Bộ (Bahiddhā),** tức là sự hoan hỷ, sự thản nhiên, sự sùng tín, sự hiểu biết, v.v. sinh khởi ở trong nội phần của người khác đấy; thì cho dù thực sự sẽ là Cảnh của Đồng Lực Cận Tử đi nữa, tuy nhiên cũng không thể nào sẽ hiện hữu mãi cho đến tận Tâm Tử mới diệt mất. Đối với Pháp Hiện Tại đang khởi sinh ở trong nội tình bổn tánh của mình đây, cũng không thể nào sẽ là Cảnh của Đồng Lực Cận Tử được, mà có thể chỉ là Danh Pháp thuộc về quá khứ mà thôi.

Lại nữa, chỗ nói rằng "đặc biệt chỉ là Cảnh Sắc Hiện Tại" đấy, cũng vì hữu quan với tuổi thọ của Cảnh Sắc Pháp lâu dài hơn Cảnh Danh Pháp. Sẽ nói là trong khoảng thời gian Tâm và Tâm Sở sinh khởi, an trụ và diệt mất đi theo tuần tự cho đến tròn đủ 17 cái. Trong khoảng thời gian ấy tương đương với việc sinh khởi, an trụ và diệt mất của từng mỗi Sắc Pháp. Do đó, nếu như Cảnh là **Cảnh Cực Cự Đại (Atimahantārammaṇa)** và **Lộ Trình Na Cảnh (Tadārammaṇa),** thì chỉ Tâm Tái Sinh có Cảnh Hiện Tại. Nếu không có Na Cảnh, thì Tâm Tái Sinh với hai cái Tâm Hữu Phần nữa, có Cảnh Hiện Tại. Nếu là **Cảnh Cự Đại (Mahantārammaṇa)** thì chỉ Tâm Tái Sinh với Tâm Hữu Phần thứ nhất có Cảnh Hiện Tại. Trong Lộ Trình Cận Tử Ý Môn, có Cảnh là **Cảnh Cực Minh Hiển (Ativibhūtārammaṇa)** và Lộ Trình ấy có Na Cảnh, thì Tâm Tái Sinh với tối đa là 4 cái Tâm Hữu Phần nữa, có Cảnh Hiện Tại. Nếu không có Na Cảnh, thì Tâm Tái Sinh với tối đa là 6 cái Tâm Hữu Phần nữa, có Cảnh Hiện Tại. Nếu là **Cảnh Minh Hiển (Vibhūtārammaṇa)** thì Tâm Tái Sinh với tối đa là 6 cái Tâm Hữu Phần nữa, có Cảnh Hiện Tại tương tự như nhau.

Vì thế, Ngài Giáo Thọ **Anuruddha** mới trình bày tiếp theo rằng: **Tadā paṭisandhi bhavaṅgānampi paccuppannārammaṇatā labbhati** - Thì chính ngay trong lúc ấy, Cảnh của Tâm Tái Sinh và Tâm Hữu Phần sinh nối tiếp nhau (tối đa sáu chặp Tâm) cũng chính là Cảnh Hiện Tại tương tự như nhau. Còn Tâm Hữu Phần sinh khởi suốt trọn ở trong kiếp sống mới, trừ ra phần "tối đa sáu chặp Tâm Hữu Phần", hoặc với Tâm Tử sinh khởi lần cuối cùng ở trong kiếp sống mới, thì hoàn toàn có Cảnh là thuộc về Quá Khứ, và chẳng thể nào có được Cảnh Hiện Tại.

Iti katvā kāmāvacarapaṭisandhiyā v.v. cho đến tāni pana sabbānipi parittadhamma bhūtānevārammaṇāni.

Cả hai đoạn văn **Pāḷi** này đã được trình bày tóm tắt nội dung ở trong ý nghĩa của đoạn văn **Pāḷi** nói rằng: **Maraṇāsannavīthiyaṃ panetha** v.v. cho đến **Paccuppannārammaṇa tā labbhati** - Về phần lời dịch của đoạn văn **Pāḷi** này có nghĩa như vầy: "Vì lẽ ấy, Cảnh Nghiệp Tướng và Cảnh Thú Tướng của Tâm Đồng Lực Cận Tử Tái Sinh Dục Giới thụ lãnh với cả Lục Môn đây, là Cảnh Hiện Tại cũng được, hoặc là Cảnh Quá Khứ cũng được." Còn Cảnh Nghiệp của Tâm Tái Sinh Dục Giới đấy, duy nhất chỉ là Cảnh Quá Khứ, và phải được thụ lãnh bởi theo Tâm Đồng Lực Cận Tử ở trong Lộ Ý Môn. Khi đã tính theo Chi Pháp, thì Cảnh Nghiệp, Cảnh Nghiệp Tướng, và Cảnh Thú Tướng của những Tâm Tái Sinh Dục Giới đây, tất cả thảy đều là Cảnh Pháp Dục Giới.

Việc trình bày tóm tắt nội dung ở trong cả hai đoạn văn **Pāḷi** này có được như vầy: Trong những cả ba điềm tướng làm thành Cảnh của Tâm Tái Sinh Dục Giới đấy; thì cả hai Nghiệp Tướng và Thú Tướng, rằng khi tính theo Cảnh – Môn – Thời, thì có được cả 6 Cảnh, cả 6 Môn, và 2 Thời, là Hiện Tại và Quá Khứ; còn Vị Lai và Ngoại Thời **(Kālavimutta)** thì không có. Đề cập đến rằng nếu như Nghiệp Tướng hoặc Thú Tướng bất luận sẽ là một trong Ngũ Cảnh, thì Đồng Lực Cận Tử cũng sẽ tiếp thâu nương theo bất luận một trong những Ngũ Cảnh ấy, và Lộ Ý Môn. Còn khi tính theo Thời, nếu vẫn an trú hiện hữu cho đến tận Tâm Tử rồi mới diệt mất, thì tính là Hiện Tại. Nếu diệt mất trước Tâm Tử hoặc đồng cùng diệt với Tâm Tử, thì tính là Quá Khứ. Nếu là Cảnh Pháp, thì duy nhất chỉ tiếp thâu bởi theo Lộ Ý Môn; còn khi tính theo Thời, ấy là Hiện Tại cũng có, và Quá Khứ cũng có.

Với Cảnh Sắc Nghiệp Tướng và Thú Tướng, thì lập ý lấy bất luận một trong những thể loại về **Thủy Tố Chất (Āpo dhātu), Sắc Thanh Triệt (Pasādarūpa), Sắc Tính (Bhāvarūpa), Sắc Tâm Cơ (Hadayarūpa), Sắc Mạng Quyền Lực (Jīvitarūpa), Sắc Vật Thực (Āhārarūpa)** Nội – Ngoại Bộ. Tức là người tiến tu An Chỉ Nghiệp Xứ, hoặc Minh Sát Tuệ Nghiệp Xứ, hoặc Phạm Thiên sẽ đi tái sinh ở trong Cõi Dục Giới, thì có việc thẩm sát các bộ phận lớn nhỏ, hoặc cả Tứ Tố Chất. Khi sắp cận tử lâm chung, thì có việc thường luôn truy niệm và thẩm sát ở trong những thể loại này làm cho khởi sinh Cảnh Pháp Nghiệp Tướng. Đối với người sẽ đi tái sinh ở trong Cõi Thống Khổ, cũng do bởi Tham – Sân mà có việc truy niệm ở trong các bộ phận lớn nhỏ của mình và của tha nhân, làm cho khởi sinh Cảnh Pháp Nghiệp Tướng. Còn Cảnh Sắc Pháp Thú Tướng ấy, thì người sắp cận tử lâm chung có việc truy niệm ở trong các bộ phận lớn nhỏ, hoặc cả Tứ Tố Chất của vật hữu sinh mạng, làm thành Thú Tướng đang hiện bày ở ngay trước mắt. Vì thế, nếu như những Cảnh

Sắc Pháp này vẫn còn hiện hữu cho đến tận Tâm Tử mới diệt mất, thì Tâm Tái Sinh Dục Giới cũng có Cảnh Pháp Hiện Tại làm thành Cảnh. Nếu như diệt mất trước Tâm Tử, hoặc diệt cùng với Tâm Tử thì Tâm Tái Sinh Dục Giới có Cảnh Pháp Quá Khứ làm thành Cảnh.

Danh Nghiệp Tướng và Thú Tướng đấy, tức là bất luận một trong những trường hợp về sự hạnh phúc khổ đau, sự bình thản, sự ngốc nghếch, sự khôn ngoan, sự sùng tín, sự thương xót, v.v. Nghĩa là người sắp cận tử lâm chung mà có Danh Nghiệp Tướng hiện bày, thì ngay trong lúc ấy có trạng thái bồn chồn lo lắng ở trong các câu chuyện hạnh phúc và khổ đau, v.v. ở bất luận thể loại nào như đã vừa đề cập đến tại đây, thế rồi liền tử vong. Còn Danh Thú Tướng ấy, thì người sắp cận tử lâm chung có tâm thức truy niệm ở trong các câu chuyện hạnh phúc và khổ đau, v.v. như đã đề cập liên hệ với mình và tha nhân, mà có thực tính là bởi theo việc làm thành Thú Tướng đi đến hiện bày ở ngay trước mắt, thế rồi liền tử vong. Tâm Tái Sinh Dục Giới của hạng người này, thì chỉ có duy nhất Danh Nghiệp Tướng thuộc Quá Khứ làm thành Cảnh.

Một trường hợp khác nữa, là trong lúc sắp cận tử lâm chung ấy, cả 6 Cảnh liên quan với những sinh hoạt ở trong các kiếp sống trước kia, thế là cứ vẫn đi đến hiện bày tương tự như nhau; và như thế nếu như những thể loại Cảnh này đi đến hiện bày, thì Tâm Tái Sinh Dục Giới cũng có Nghiệp Tướng làm thành Cảnh. Đối với Cảnh Nghiệp ấy là Tư Tâm Sở Thiện – Bất Thiện đã từng sinh ở trong bổn tánh của người sắp cận tử lâm chung trong kiếp sống này hoặc trong kiếp sống trước; và như thế nếu như những thể loại Tư Tâm Sở Thiện – Bất Thiện này đã đi đến hiện bày ở trong lúc cận tử lâm chung, cũng làm thành Cảnh Pháp hiện bày ở Lộ Ý Môn, và duy nhất chỉ thuộc về Quá Khứ, chẳng có thể loại nào khác tương tự với Nghiệp Tướng và Thú Tướng trong bất luận trường hợp nào.

Lại nữa, Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp đã đề cập rằng: **Tāni pana sabbānipi parittādhammabhūtānevārammaṇāni** - có nghĩa là Cảnh của Tâm Tái Sinh Dục Giới như đã đề cập đây, bất luận sẽ là loại điềm tướng nào đi nữa, cũng phải là Pháp Dục Giới cả thảy, tức là màu sắc, âm thanh, khí hơi, mùi vị, xúc chạm và Thực Tính Pháp đều là Pháp Dục Giới cả. Còn Tâm Lộ Trình sinh khởi trước thời gian sắp cận tử lâm chung sẽ có được 7 chặp Đồng Lực đấy, thì có được cả hai là Pháp Dục Giới và Pháp Chế Định. Dù thế nào chăng nữa, cũng vẫn có thể là có sự riêng biệt đối với cả hai Cảnh Nghiệp Tướng và Cảnh Thú Tướng này. Còn việc làm thành Pháp Dục Giới của Cảnh Nghiệp đấy, đã hiện bày rõ ràng rồi và chẳng có điều chi đáng nghi ngờ cả, rằng là Pháp Chế Định hoặc Pháp Đáo Đại, với bất luận trường hợp nào.

Theo như phần đã đề cập rồi đây, là việc chỉ dẫn cho thấu hiểu được rằng Lộ Trình Cận Tử và Tâm Lộ Trình sinh khởi trước Lộ Trình Cận Tử chỉ có một chút ít với 5 chặp Đồng Lực của cả Dục Giới, Hữu Sắc Giới, Vô Sắc Giới. Những hạng Người sẽ tái sinh ở trong Cõi Dục Giới đây, thì duy nhất chỉ có Pháp Dục Giới làm thành Cảnh, và chẳng có Pháp Chế Định. Lại nữa, nội dung hữu quan với Cảnh của Tâm Tái Sinh Dục Giới, hoặc Cảnh của Lộ Trình Cận Tử và Tâm Lộ Trình sinh khởi trước Lộ Trình Cận Tử chỉ có một chút ít, và chỗ nói rằng "duy nhất chỉ là Pháp Dục Giới" đấy, cũng đã làm thành tựu theo như điều **Pāḷi** có nói rằng: **Tāni pana sabbānipi** v.v. duy nhất chính điều ấy thôi cũng đã là

việc giải thích cho được biết đến Cảnh trực tiếp và gián tiếp. Tức là Cảnh của Tâm Tái Sinh Dục Giới chỉ duy nhất là Pháp Dục Giới, điều ấy chỉ cho được biết một cách trực tiếp. Cảnh của Lộ Trình Cận Tử và Tâm Lộ Trình sinh khởi trước Lộ Trình Cận Tử chỉ có một chút ít, điều ấy chỉ cho được biết một cách gián tiếp. Là như vậy, cũng vì theo lẽ thông thường thì Tâm Tái Sinh Dục Giới đấy, có được tiếp thâu Cảnh chính từ nơi Đồng Lực Cận Tử trong kiếp sống trước ngay lúc cận tử lâm chung đấy thôi.

THẨM ĐỊNH NGHIỆP TƯỚNG HIỆN TẠI LÀ XÁC THỰC HAY NGỤY TẠO

Trong điều này làm cho được thấu hiểu với nhau là Đồng Lực Cận Tử và Tâm Tái Sinh Dục Giới đây, thì đôi khi cũng có Nghiệp Tướng Quá Khứ làm thành Cảnh, và đôi khi cũng có Nghiệp Tướng Hiện Tại làm thành Cảnh. Trong cả hai trường hợp này, nếu như Đồng Lực Cận Tử và Tâm Tái Sinh Dục Giới có Nghiệp Tướng Quá Khứ làm thành Cảnh rồi, thì dù cho như thế nào đi nữa cũng chẳng cần phải xem xét là xác thực hay ngụy tạo, bởi vì chỉ có một thể loại duy nhất là xác thực. Tiếp đến khi có Nghiệp Tướng Hiện Tại làm thành Cảnh rồi, thì mới phát sinh lên việc xem xét chỗ gọi là Nghiệp Tướng Hiện Tại này là thực hay giả. Sự việc như vậy cũng bởi vì từ ngữ nói rằng Nghiệp Tướng, dịch nghĩa là "Cảnh của Nghiệp làm thành vị chủ nhân cho Tâm Tái Sinh sinh khởi", tức là Thiện – Bất Thiện Nghiệp Lực sinh khởi trước thời gian sắp cận tử lâm chung; hoặc nhiều giờ đồng hồ, nhiều ngày trời, nhiều tháng dài, nhiều năm qua. Còn Thiện – Bất Thiện Nghiệp Lực ở trong Đồng Lực Cận Tử đấy, thì không thể nào sẽ cho Tâm Tái Sinh sinh khởi lên được. Như thế, chỗ nói rằng Tâm Tái Sinh Dục Giới và tối đa là 6 cái Tâm Hữu Phần nữa, có Nghiệp Tướng Hiện Tại làm thành Cảnh đấy, thì chỉ có một loại duy nhất là giả hoàn toàn. Sẽ nói là Cảnh làm thành Thực Nghiệp Tướng đấy, thì đã diệt mất đi rồi, có thể chỉ là Cảnh có cùng một thể loại với Cảnh đã làm thành Thực Nghiệp Tướng đấy thì vẫn đang còn hiện hữu. Do đó, Đồng Lực Cận Tử, Tâm Tái Sinh, và Tâm Hữu Phần mới có Cảnh Hiện Tại, và đích thị chính cái Cảnh này được gọi tên là Nghiệp Tướng Hiện Tại, mà hiện hành ở trong khía cạnh **Hiện Tại Thừa Kế (Santatipaccuppanna)** (vẫn còn hiện hữu bởi theo việc nối tiếp), và chẳng phải hiện hành ở trong khía cạnh **Sát Na Thừa Kế (Khaṇapaccuppanna).** Như sẽ đề cập để cho được thấy như vầy:

Người có niềm tin ở trong việc sinh rồi tử, luôn cả có việc liễu tri ở trong phương thức giúp đỡ cho người sẽ tử vong không phải đi đến nơi Khổ Thú; một khi đã được trông thấy rồi, thì người giúp đỡ chẳng có hy vọng là sẽ được qua khỏi, mới sắm sửa vật lễ cúng dường, đi đến đặt ngay trước mặt rồi bảo cho người ốm đau xem thấy, cùng với dẫn dắt cho thốt ra lời bày tỏ cúng dường đến Tam Bảo. Người giúp đỡ cũng trông coi lễ vật cúng dường theo như điều mà họ đã chỉ bảo rồi đấy, thì cũng đưa tay lên chấp kính lễ cùng với việc chú tâm cúng dường Tam Bảo với những lễ vật cúng dường. Với sự kính tin ở trong nhiều phút giây, hoặc với thời gian đưa tay lên chấp kính lễ, hoặc việc hướng tâm để cúng dường với những vật lễ cúng dường, đã là những Tâm Thiện được gọi là **Lũy Tích Thiện Hạnh (Kataupacitakusala)** nghĩa là Thiện Sự đã làm cho khởi sinh lúc ban đầu rồi lại phát sinh

nối tiếp nhau cho được thành tựu viên mãn; lại có sự hoan hỷ đối với với việc mình đã làm rồi đó, và dòng tâm thức của mình khởi sinh hiện hành theo lẽ thường nhiên của người có niềm tin đối với Phước – Tội. **Lũy Tích Thiện Hạnh (Kataupacitakusala)** đích thị chính là những Thiện Sự phát sinh từ việc trí kính lễ cúng dường Tam Bảo với những bông hoa, nhang đèn, và đã làm thành Thiện Nghiệp Lực có thể sắp bày cho Tâm Tái Sinh của người mệnh chung đi tái sinh ở trong kiếp sống mới, bởi vì Thiện Nghiệp Lực này an trú ở trong vị trí làm thành **Cận Tử Nghiệp Lực (Āsannakamma).** Còn bông hoa, nhang đèn ở nơi Lộ Nhãn Môn, Lộ Tỷ Môn, và Lộ Ý Môn của người sẽ mạng vong tiếp thâu ở trong sát na thực hiện việc cúng dường, làm thành Thực Nghiệp Tướng Hiện Tại ấy, thì sau đó đã đi đến trạng thái ốm đau cũng nặng xuống, các sự cảm giác ở trong cơ thể cũng tuần tự giảm dần xuống; tuy nhiên chỉ còn mắt, mũi, và tâm thức vẫn còn có thể tiếp thâu các Cảnh bông hoa, nhang đèn này, rồi cũng diệt mất. Tâm Tái Sinh ở trong kiếp sống mới cũng tiếp thâu bất luận một thể loại nào về Cảnh Sắc Hiện Tại, hoặc Cảnh Khí Hiện Tại mà Đồng Lực Cận Tử đã tiếp thâu và đã truyền tới. Tiếp đến, đích thị chính Cảnh Sắc hoặc Cảnh Khí đây, làm thành Ngụy Nghiệp Tướng Hiện Tại. Sẽ nói là việc làm thành Hiện Tại của Cảnh Thực đấy, nhưng chỗ gọi tên là Ngụy Nghiệp Tướng, là việc gọi thể theo **Phần Tương Đồng (Sadisūpacāra),** tức là việc nói nương theo sự hiện hành tương tự với Thực Nghiệp Tướng. Nếu người cận tử lâm chung có được lắng nghe việc Thuyết Pháp, tụng đọc Kinh; hoặc thẩm sát sự căng, sự nóng đang hiện hành ở trong bản thân mình; hoặc thẩm sát các bộ phận lớn nhỏ, có các việc thay đổi chuyển di đang cạn kiệt xuống dần trong việc hình thành Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã. Tiếp nối nơi đó, thì Đồng Lực Cận Tử, và Tâm Tái Sinh, Tâm Hữu Phần cũng tiếp thâu Cảnh Thinh Hiện Tại, ấy là những âm thanh thuyết giảng và tụng đọc Kinh; tiếp thâu Cảnh Xúc Hiện Tại, ấy là sự căng và sự nóng; tiếp thâu Cảnh Pháp Hiện Tại, ấy là các bộ phận lớn nhỏ. Các việc thay đổi chuyển động, rồi sự hiện hành của các Cảnh, với những thể loại này cũng có thể hiện hành ở trong cùng một phương thức tương tự như nhau, như đã đề cập rồi đấy.

Còn sự hiện hành của Bất Thiện Cận Tử Nghiệp Lực và Hiện Tại Nghiệp Tướng đấy, là như vầy:

Người đang hân hoan vui vẻ ở trong việc trông thấy, việc lắng nghe, việc ngửi mùi hơi; thì ngay trong sát na ấy, đã phát sinh lên **Tác Nhân Bất Tường (Upaddavahetu)** và dẫn đến sự tử vong; hoặc người có sự kình cãi, đánh đấm đâm chém, bắn lẫn nhau, và dẫn đến sự tử vong. Sự hân hoan vui vẻ, hoặc sự sầu khổ ưu não, những thể loại này đều là Cận Tử Nghiệp Lực đã làm cho người ấy phải tái sinh ở trong kiếp sống thứ hai. Đối với 6 Cảnh, tức là màu sắc của con người, chỗ ở trú xứ, vật trang sức, vật tiêu dùng, âm thanh nhạc cụ, ca hát, các mùi hơi, vị vật thực chua ngọt, sự nóng lạnh, và các cử chỉ hành động hoạt động trong sát na đang vui vẻ hân hoan; hoặc hai người cãi cọ tay đôi, dao, cây, súng, âm thanh mắng nhiếc thách đố, tranh cãi to tiếng với nhau, v.v. và các cử chỉ hành động hoạt động đi đến có việc đánh đấm, đan liếp, hoặc những thể loại này cũng làm thành Thực Nghiệp Tướng Hiện Tại. Tâm Đồng Lực Cận Tử cũng sinh khởi tiếp thâu bất luận một trong 6 Cảnh như đã vừa đề cập tại đây. Tâm Tái Sinh, Tâm Hữu Phần ở trong kiếp sống mới cũng tiếp thâu

bất luận một trong 6 Cảnh Hiện Tại mà Đổng Lực Cận Tử đã tiếp thâu và đã truyền tới. Như thế, mới nói rằng Tâm Tái Sinh, Tâm Hữu Phần có Nghiệp Tướng Hiện Tại làm thành Cảnh. Sự làm thành Cảnh Hiện Tại ấy một cách xác thực, tuy nhiên khi gọi tên Nghiệp Tướng, lại là giả tạo. Chỗ gọi tên là Ngụy Nghiệp Tướng ấy, là việc gọi thể theo **Phần Tương Đồng (Sadisūpacāra),** tức là việc nói nương theo sự hiện hành tương tự với Thực Nghiệp Tướng.

TÂM TÁI SINH, TÂM HỮU PHẦN CÓ NGHIỆP TƯỚNG LÀM THÀNH CẢNH HỮU QUAN DUY NHẤT BÊN PHÍA CẬN TỬ NGHIỆP LỰC

Theo như đã được đề cập đến rồi, trong sự việc Tâm **Đổng Lực Cận Tử Lục Môn (Chadvārikamaraṇāsannajavana)** có Nghiệp Tướng Hiện Tại làm thành Cảnh, hoặc Tâm Tái Sinh ở trong kiếp sống mới và Tâm Hữu Phần tối đa 6 cái mà có Nghiệp Tướng Hiện Tại làm thành Cảnh; những thể loại này hữu quan duy nhất một phía từ nơi **Cận Tử Nghiệp Lực (Āsannakamma),** và chẳng có liên hệ với bất luận một trong các Nghiệp Lực từ **Cực Trọng Nghiệp Lực (Garukakamma), Tập Quán Nghiệp Lực (Āciṇṇakamma), Tích Lũy Nghiệp Lực (Kaṭattākamma).** Có nghĩa là Tâm Tái Sinh sinh khởi ở trong kiếp sống mới, nếu đã là quả báo của Thiện – Bất Thiện Cận Tử Nghiệp Lực rồi, thì mới sẽ có Nghiệp Tướng Hiện Tại làm thành Cảnh được. Nếu đã là quả báo từ ở bất luận một trong các Nghiệp Lực từ Cực Trọng Nghiệp Lực, Tập Quán Nghiệp Lực, và Tích Lũy Nghiệp Lực, thì Tâm Tái Túc sẽ không có Nghiệp Tướng Hiện Tại được. Đối với Tâm Tái Sinh ở trong kiếp sống mới mà có Nghiệp Tướng Quá Khứ làm thành Cảnh đấy, thì Tâm Tái Sinh là quả báo của cả bốn loại Nghiệp Lực ấy vậy. Như Ngài Trưởng Lão Giáo Thọ **Ananda** đã có trình bày để ở trong bộ Liên Quan Tương Sinh Phân Tích **(Paṭicca samuppādavibhaṅga)** thuộc Căn Phụ Chú Giải **(Mūlaṭīkā)** nói rằng: **Pañcadvāre ca āpātamāgacchantaṃ paccuppannakammanimittaṃ āsanna kammārammaṇasantati yaṃ uppannaṃ taṃ sadisaṃ ca daṭṭhabbaṃ - dịch nghĩa là:** Nên được thấu hiểu Nghiệp Tướng Hiện Tại mà đi đến hiện bày ngay trước mắt ở trong Lộ Ngũ Môn là hiện hành ở trong việc nối tiếp từ Cảnh của Nghiệp Lực đã tạo tác trong Lộ Trình Cận Tử, tức là việc nối tiếp từ Cảnh của Cận Tử Nghiệp Lực và hiện hành tương tự với Thực Nghiệp Tướng.

Ghi chú: Trong chỗ này, cho dù Ngài Giáo Thọ Căn Phụ Chú Giải đã có trình bày sự hiện hành chỉ là ở trong Lộ Ngũ Môn đi nữa; thế nhưng, còn tất cả các Ngài Giáo Thọ khác cũng có đồng nhất quan điểm với nhau rằng hiện hành ở trong Lộ Ý Môn cũng được nữa. Tuy nhiên, Ngài Giáo Thọ Căn Phụ Chú Giải chỉ đề cập duy nhất về Lộ Ngũ Môn đấy, cũng bởi vì sự hiện hành của Nghiệp Tướng Hiện Tại ở Lộ Ngũ Môn đây, vì thường có được sự hiểu biết rõ ràng hơn là ở Lộ Ý Môn vậy.

TƯ TÂM SỞ HIỆN HỮU Ở TRONG ĐỔNG LỰC CẬN TỬ LỤC MÔN CHẲNG PHẢI LÀ XUẤT SINH NGHIỆP LỰC ?

Thiện – Bất Thiện tác hành cho thành tựu Xuất Sinh Nghiệp Lực; là làm cho phải đi tái sinh thành Hữu Tình Thống Khổ, cho làm thành Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên, suốt cho đến cả các bộ phận lớn nhỏ, của việc trông thấy, việc hoan hỷ và bất hoan hỷ, v.v. Đức Phật Ngài lập ý khải thuyết nguyên nhân của những thể loại Thiện – Bất Thiện Nghiệp Lực này là: **Katattāupacittā (Tác Hành Lũy Tích)** thường được dịch là "vì đã tác hành Thiện – Bất Thiện cho sinh khởi và cho phát triển", tức là Thiện – Bất Thiện Nghiệp Lực đây sinh khởi nối tiếp với nhau, có nghĩa là Thiện – Bất Thiện sinh khởi lần đầu tiên, thì gọi tên là "Thiện – Bất Thiện Hoàn Bị Nghiệp Lực" **(Katakamma).** Thiện – Bất Thiện sinh khởi nối tiếp với nhau, thì gọi tên là "Thiện – Bất Thiện Lũy Tích Nghiệp Lực" **(Upacita kamma).** Thông thường, Thiện – Bất Thiện đã là Hoàn Bị Nghiệp Lực đấy, loại trừ Đáo Đại Nghiệp Lực ra, thì Thiện – Bất Thiện Nghiệp Lực ngoài ra đấy, không có đủ năng lực để sẽ trổ sinh quả báo cho đi thọ sinh ở trong Thời Tái Sinh và Thời Chuyển Khởi được. Duy nhất chỉ có Thiện – Bất Thiện đạt đến Lũy Tích Nghiệp Lực, thì mới sẽ có đủ năng lực để sẽ trổ sinh quả báo cho thọ sinh ở trong Thời Tái Sinh và Thời Chuyển Khởi. Nếu như càng có sự hoan hỷ duyệt ý, đã hình thành cho Ái Dục được khởi sinh, thì đối với Thiện – Bất Thiện Tác Hành Lũy Tích Nghiệp Lực **(Kataupacitakamma)** này đây, đoan chắc sẽ vượt trội hơn Thiện – Bất Thiện Lũy Tích Nghiệp Lực **(Upacitakamma)** ấy rồi, và sẽ có được cơ hội trổ sinh quả báo ở trong Thời Tái Sinh và Thời Chuyển Khởi một cách xác thực.

Còn Tư Tâm Sở Thiện – Bất Thiện ở trong Đồng Lực Cận Tử Lục Môn đấy, thì cho dù quả thật đã làm cho khởi sinh Hoàn Bị Nghiệp Lực đi nữa, thế nhưng cũng vẫn chưa đạt đến sự hình thành Lũy Tích Nghiệp Lực, và luôn cả thiếu vắng sự làm thành Cảnh của Ái Dục, tức là chẳng có khởi sinh sự hoan hỷ duyệt ý đối với Nghiệp Lực này. Sự việc là như vậy, cũng bởi vì khi vừa chấm dứt từ ở Lộ Trình Cận Tử thì Tâm Tử cũng liền sinh; và như thế, Tư Tâm Sở Thiện – Bất Thiện hiện hữu ở trong Đồng Lực Cận Tử Lục Môn mới chẳng thành Xuất Sinh Nghiệp Lực được.

GIẢI THÍCH TRONG PHẦN PĀLI VỚI ĐIỀU THỨ MƯỜI: CÓ "RŪPĀVACARAPAṬISANDHIYĀ PANA" v.v. TRÌNH BÀY CẢNH CỦA TÂM TÁI SINH HỮU SẮC GIỚI (RŪPAPAṬISANDHICITTA)

Tâm Tái Sinh Hữu Sắc Giới hiện hữu với nhau ở 6 thể loại; là 5 Tâm Tái Sinh Danh Pháp tức là 5 Tâm Quả Dị Thục Hữu Sắc Giới, Tâm Sở phối hợp, và 1 Tái Sinh Sắc Pháp tức là **Tổng Hợp Mạng Cửu (Jīvitanavakakalāpa).** Tâm Tái Sinh Hữu Sắc Giới ở tại nơi đây lập ý chỉ lấy riêng phần Ngũ Tái Sinh Danh Pháp ngần ấy thôi. Những 5 Tâm Tái Sinh Danh Pháp này thường sinh khởi cho ở trong 15 Cõi Hữu Sắc Giới (trừ Cõi Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) trong sát na Thời Tái Sinh, và là quả báo sinh khởi từ 5 Tâm Thiện Thiền Hữu Sắc Giới (trừ Tâm Thiện Thắng Trí). Như thế, sự việc 5 Tâm Tái Sinh Hữu Sắc Giới sẽ có bất luận một loại điềm tướng nào cho làm thành Cảnh được đấy, thì cũng phải tùy thuộc vào chính ở nơi 5 Tâm Thiện Thiền Sắc Giới (trừ Thắng Trí) này.

Việc trổ sinh quả báo của 5 Tâm Thiện Thiền Hữu Sắc Giới đây, là khác biệt với việc trổ sinh quả báo của Bất Thiện Nghiệp Lực và Đại Thiện Nghiệp Lực. Sẽ đề cập đến là 5 Tâm Thiện Thiền Hữu Sắc Giới có việc trổ sinh quả báo ở trong Cõi Hữu Sắc Giới một cách xác thực, và hiện hành theo thứ tự của các tầng Trời. Vì lý do ấy, mới không có Cảnh làm thành Thú Tướng cho đối với 5 Tâm Tái Sinh Hữu Sắc Giới. Còn Bất Thiện Nghiệp Lực và Đại Thiện Nghiệp Lực đấy; **rằng khi tính theo** việc Tái Sinh thì Bất Thiện Nghiệp Lực trổ sinh quả báo ở trong Cõi Thống Khổ; Đại Thiện Nghiệp Lực thì trổ sinh quả báo một cách xác thực ở trong Cõi Thiện Thú Dục Giới. Thế nhưng, sự việc ấy cũng chẳng có quả quyết trổ sinh quả báo một cách xác định và hạn định Cõi Giới đi theo thứ tự giống với 5 Tâm Thiện Thiền Hữu Sắc Giới ấy được. Vì thế, Tâm Tái Sinh Dục Giới mới có được Thú Tướng làm thành Cảnh vậy.

Lại nữa, trong sự việc 5 Tâm Thiện Thiền Hữu Sắc Giới trổ sinh quả báo Tái Sinh một cách xác thực ở trong Cõi Hữu Sắc Giới theo thứ tự các tầng Trời đấy, cũng vì 5 Tâm Thiện Thiền Sắc Giới này là Cực Trọng Nghiệp Lực có **Nhập Định (Appanāsamādhi)** làm Chủ Vị; với cả làm thành Cảnh cho sinh khởi thì cũng phải là Cảnh một cách đặc biệt, tức là **Chế Định Nghiệp Xứ (Paññattikammaṭhāna)**, đối nghịch với việc sinh khởi của Bất Thiện – Thiện Nghiệp Lực thì có Cảnh bất định đối với chủ tâm tác ý, tức là **Như Lý (Yoniso – Khôn Khéo)** hoặc **Bất Như Lý (Ayoniso – Không Khôn Khéo).** Như thế, với người không chứng đắc Thiền Định khi cận tử lâm chung, thì Bất Thiện Nghiệp Lực và Đại Thiện Nghiệp Lực mà đã từng có tạo tác ở trong những thời gian trước, thường đi đến hiện bày ở Lộ Ý Môn, và đã làm cho dòng tâm thức hiện hành với sự sầu khổ, ưu não, buồn phiền; hoặc thanh tịnh, vui mừng phấn khởi. Còn với người đã đắc chứng Thiền Định vào lúc cận tử lâm chung, thì Bất Thiện Nghiệp Lực và Đại Thiện Nghiệp Lực mà đã từng có tạo tác ở trong những thời gian trước không có khả năng để sẽ đi đến hiện bày được, và chỉ có Chế Định Nghiệp Xứ mà mình đã từng có được tiến tu, vả lại Chế Định Nghiệp Xứ này chẳng phải là Cảnh Nghiệp với bất luận mọi trường hợp nào; mà chỉ có một thể loại duy nhất là Cảnh Pháp Nghiệp Tướng mà thôi. Vì thế, 5 Tâm Tái Sinh Sắc Giới đây, mới không có Nghiệp Lực làm thành Cảnh, và chỉ có một thể loại duy nhất là Cảnh Pháp Chế Định làm thành Nghiệp Tướng mà thôi. Vì lý do này, Ngài Giáo Thọ **Anuruddha** mới nói rằng: **Paññattibhūtaṃ kammanitta mevārammaṇaṃ hoti** - Chỉ có một thể loại duy nhất là Chế Định Nghiệp Xứ làm thành Nghiệp Tướng. Chế Định Nghiệp Xứ làm thành Nghiệp Tướng, tức là **Thập Hoàn Tịnh Chế Định (Kasiṇapaññatti), Thập Bất Tịnh Chế Định (Asubhapaññatti), Bộ Phận Chế Định (Koṭṭhāsapaññatti = Vavaṭṭhāna: Phân Biệt Chế Định), Sổ Tức Chế Định (Ānāpānapaññatti), Tứ Phạm Trú Hữu Tình Chế Định (Brahmasattapaññatti);** kết hợp thành 26 đề mục. Trong những 26 đề mục Chế Định này, thì Chế Định nào sẽ được làm thành Cảnh của 5 Tâm Tái Sinh Hữu Sắc Giới đây, cũng phải tùy thuộc vào 5 Tâm Thiện Thiền Hữu Sắc Giới. Theo như đã được đề cập rồi đây, cũng nên được thấy rằng Lộ Trình Cận Tử của Nhân Loại và Chư Thiên sẽ đi thọ sinh ở trong Cõi Hữu Sắc Giới, hoặc là Lộ Trình Cận Tử của Phạm Thiên Hữu Sắc Giới sẽ tái sinh trở lại ở trong Cõi Hữu Sắc Giới, thì những trường hợp này sẽ không thể nào có nhiều thể loại Cảnh

điểm tướng được, mà có thể chỉ có duy nhất một thể loại, đó là Cảnh Pháp Chế Định nhất định thường luôn làm Nghiệp Tướng. Còn nói về Thời Gian sẽ đi đến hiện bày một cách rõ ràng, thì ấy là **Ngoại Thời (Kālavimutti)**; đối nghịch với Lộ Trình Cận Tử của Người Dục Giới sẽ tái sinh ở trong Cõi Dục Giới, và Lộ Trình Cận Tử của Người Sắc Giới đi thọ sinh ở trong Cõi Dục Giới là sẽ có Cảnh điểm tướng không rõ ràng.

GIẢI THÍCH TRONG PHẦN PĀLI VỚI ĐIỀU THỨ MƯỜI MỘT: CÓ "TATHĀ ARŪPAPAṬISANDHIYĀ CA" v.v. TRÌNH BÀY CẢNH CỦA TÂM TÁI SINH VÔ SẮC GIỚI (ARŪPAPAṬISANDHICITTA)

Tâm Tái Sinh Vô Sắc Giới hiện hữu với nhau ở 4 thể loại, đó chính là 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới ấy vậy. Từ ngữ nói rằng **Tathā** ở trong chỗ này dịch nghĩa là "tương tự, giống nhau" là **Bất Phân Từ (Nipāta: tiền trí từ, trạng từ)** thể loại tỷ giảo. Từ ngữ trình bày đến sự việc tương tự giống nhau, có nghĩa là chẳng phải chỉ có Tâm Tái Sinh Hữu Sắc Giới mới có Nghiệp Tướng làm thành Cảnh, mà ngay cả Tâm Tái Sinh Vô Sắc Giới cũng có Nghiệp Tướng làm thành Cảnh tương tự như nhau; và chẳng có Nghiệp hoặc Thú Tướng làm thành Cảnh được. Việc quán sát đến nguyên nhân hiện hành như vậy đấy, cũng tương tự cùng một phương thức với việc quán sát ở trong Cảnh của Tâm Tái Sinh Hữu Sắc Giới ấy vậy.

Nghiệp Tướng của Tâm Tái Sinh Vô Sắc Giới đây, hiện hữu ở hai trường hợp; là:

1/. Đáo Đại Nghiệp Tướng (Mahaggatakammanimitta), tức là Tâm Thiện Thiền Không Vô Biên Xứ, và Tâm Thiện Thiền Vô Sở Hữu Xứ đã có từng sinh khởi ở trong bổn tánh của mình trong kiếp sống trước kia;

2/. Chế Định Nghiệp Tướng, tức là Hư Không Chế Định cùng với việc hủy bỏ khỏi Cửu Hoàn Tịnh ra khỏi đề mục **Hư Không Hoàn Tịnh (Ākāsakasiṇa),** và **Vô Sở Hữu Chế Định (Natthibhāvapaññatti)** là sự chẳng có từ Thiền Không Vô Biên Xứ làm thành Cảnh của Thiền Thức Vô Biên Xứ. Vì thế, Ngài Giáo Thọ **Anuruddha** mới nói rằng: **Mahaggatabhūtaṃ paññattibhūtañca.**

Từ ngữ **Yathārahaṃ (Thuận hợp theo)** dịch là "phù hợp theo với tầng Thiền Định". Chỗ nói rằng 4 Tâm Tái Sinh Vô Sắc Giới có Nghiệp Tướng là Đáo Đại và Chế Định làm thành Cảnh đấy; chẳng là cả 4 Tâm Tái Sinh Vô Sắc Giới đây, đôi khi cũng có Pháp Đáo Đại làm thành Cảnh mà sinh khởi, đôi khi thì cũng có Pháp Chế Định làm thành Cảnh rồi sinh khởi, là như vậy cũng không thể được; tuy nhiên có thể lập ý lấy các sự hiện hành một cách riêng biệt của riêng từng mỗi người. Đề cập đến là Tâm Quả Dị Thục Không Vô Biên Xứ có Hư Không Chế Định làm thành Cảnh mà sinh khởi. Tâm Quả Dị Thục Thức Vô Biên Xứ có Tâm Thiện Thiền Không Vô Biên Xứ làm thành Cảnh mà sinh khởi. Tâm Quả Dị Thục Vô Sở Hữu Xứ có Vô Sở Hữu Chế Định làm thành Cảnh mà sinh khởi. Tâm Quả Dị Thục Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ có Tâm Thiện Thiền Vô Sở Hữu Xứ làm thành Cảnh mà sinh khởi. Như thế, Ngài Giáo Thọ **Anuruddha** mới nói rằng **Yathārahaṃ (Thuận hợp theo)** "phù hợp theo với tầng Thiền Định".

GIẢI THÍCH TRONG PHẦN PĀLI VỚI ĐIỀU THỨ MƯỜI HAI: CÓ "AÑÑASATTĀNAṂ PANA" v.v. TRÌNH BÀY ĐẾN TÂM TÁI SINH CỦA NHÓM PHẠM THIÊN VÔ TƯỞNG (ASAÑÑASATTABRAHMA)

Cho dù bậc đã đắc chứng Ngũ Thiền Hữu Sắc Giới với việc tiến tu **Thập Hoàn Tịnh (Kasiṇa)**, hoặc **Sổ Tức Niệm (Ānāpānasati)**, hoặc **Hành Xả Phạm Trú (Upekkhā brahmavihāra)** đi nữa, nếu nhỡ như bên trong nội tâm của bậc đã tiến tu ấy chẳng có sự hoan hỷ duyệt ý ở trong việc nghĩ tưởng truy niệm đến, tức là Danh Pháp mà được gọi là Ngũ Thiền Định đây, đã được thành tựu với mãnh lực từ **Tưởng Ly Ái Tu Tập (Saññā virāgabhāvanā)**. Lý do này, khi bậc Phúc Lộc Thiền Giả đây mạng chung thì sẽ đi thọ sinh ở trong Cõi Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, và duy nhất chỉ có Sắc Pháp Tái Sinh; tức là **Tổng Hợp Mạng Cửu (Jīvitanavakakalāpa)**, và chẳng có Danh Pháp Tái Sinh. Vì thế, Ngài Giáo Thọ **Anuruddha** mới nói rằng: **Jīvitanavakameva paṭisandhibhāvena patiṭṭhāti.**

Lại nữa, trong Lộ Trình Cận Tử của vị sẽ đi thọ sinh ở trong Cõi Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng đấy, thì Cảnh Pháp Chế Định Nghiệp Tướng cũng có thể đang hiện bày; thế nhưng, khi đến giai đoạn sinh khởi trong Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng Phạm Thiên Giới rồi, thì Cảnh này đã không còn hiện bày nữa, bởi vì không có Danh Pháp Tái Sinh.

GIẢI THÍCH TRONG PHẦN PĀLI VỚI ĐIỀU THỨ MƯỜI BA: CÓ "TASMĀ TE RŪPAPAṬISANDHIKĀ NĀMA" TRÌNH BÀY PHÂN TÍCH VIỆC TÁI SINH THEO DANH PHÁP (NĀMA) VÀ SẮC PHÁP (RŪPA)

Từ ngữ **Tasmā te rūpapaṭisandhikā nāma** hoặc **Āruppā arūpapaṭisandhikā** và **Sesārūpapaṭisandhikā** có ở trong phần **Pāḷi** điều thứ mười ba đây, là việc trình bày phân tích việc Tái Sinh theo sự làm thành Sắc Pháp và Danh Pháp. Tức là tất cả vị Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng thì có Sắc Pháp làm việc Tái Sinh. Khi sắp bày theo Uẩn thì duy nhất chỉ là Sắc Uẩn, vì thế Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng Phạm Thiên Giới mới gọi là **Cõi Nhất Uẩn (Ekavokārabhūmi)**. Tất cả các vị Phạm Thiên Vô Sắc Giới thì có Danh Pháp làm việc Tái Sinh. Khi sắp bày theo Uẩn thì có được Tứ Danh Uẩn, vì thế Cõi Vô Sắc Giới mới gọi là **Cõi Tứ Danh Uẩn (Catuvokārabhūmi)**. Người sinh ở trong 26 Cõi Giới còn lại, có Sắc và Danh làm việc Tái Sinh. Khi sắp bày theo Uẩn thì có được Ngũ Uẩn, vì thế 4 Cõi Thống Khổ, 7 Cõi Thiện Dục Giới, 15 Cõi Hữu Sắc Giới (trừ Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng Phạm Thiên Giới) mới gọi là **Cõi Ngũ Uẩn (Pañcavokārabhūmi)**.

GIẢI THÍCH TRONG PHẦN PĀLI VỚI ĐIỀU THỨ MƯỜI BỐN: CÓ ĀRŪPAPACUTIYĀ HONTI v.v. TRÌNH BÀY ĐẾN VIỆC TÁI SINH SINH KHỞI NỐI TIẾP TỪ TỬ VONG

Kệ ngôn thứ nhất có **Āruppacutiyā honti** v.v. cho đến **Tathā kāmatihetukā** đấy, có nghĩa là khi tất cả các vị Phạm Thiên Vô Sắc Giới mạng chung rồi, thì tái sinh trở lại làm thành vị Phạm Thiên Vô Sắc Giới ở trong Cõi Giới ấy cũng được, hoặc sẽ sinh ở trong Cõi Giới cao hơn cũng được. Tuy nhiên không có việc sinh ở trong các Cõi Giới thấp hơn, nếu chẳng là thế, hoặc sẽ đi thọ sinh làm thành Nhân Loại hoặc Chư Thiên có được việc Tái Sinh với Tam Nhân. Tại đây là việc đề cập bởi theo **Dĩ Nhân Bản Nguyện (Puggalā dhiṭṭhāna)** là dựa theo lời dịch ở phần **Dĩ Pháp Bản Nguyện (Dhammādhiṭṭhāna)** như đã có trình bày rồi đấy. Chỗ nói rằng: **Heṭṭhimāruppa vajjitā** - Trừ Tâm Tái Sinh Vô Sắc Giới bậc thấp hơn đấy, là cũng vì thông thường người sẽ đi thọ sinh làm thành vị Phạm Thiên Vô Sắc Giới, thì cần phải nương vào Tâm Ngũ Thiền Hữu Sắc Giới Cơ Bản tiên khởi; thế nhưng khi đã thọ sinh làm thành vị Phạm Thiên Không Vô Biên Xứ rồi, thì tất cả các Tâm Thiền Hữu Sắc Giới cùng với Cảnh của các Tâm Thiền ấy cũng hoại diệt đi. Nếu sẽ phải thọ sinh làm thành vị Phạm Thiên Thức Vô Biên Xứ, thì cần phải nương vào Tâm Thiền Không Vô Biên Xứ Cơ Bản tiên khởi. Khi đã được thọ sinh làm thành vị Phạm Thiên Thức Vô Biên Xứ rồi, thì Tâm Thiền Không Vô Biên Xứ cùng với Cảnh của Tâm Thiền ấy cũng hoại diệt đi, và hiện hành cứ như vậy mãi cho đến làm thành vị Phạm Thiên Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Như thế, khi Tâm Thiền bậc thấp đã không còn hiện hữu ở bên trong nội tâm rồi, thì ắt hẳn không còn thọ sinh ở trong Cõi Giới bậc thấp được nữa; chẳng hạn như vị Phạm Thiên Không Vô Biên Xứ mạng chung rồi, thì sẽ tái sinh trở lại làm thành vị Phạm Thiên Không Vô Biên Xứ cũng được, hoặc sẽ thọ sinh làm thành vị Phạm Thiên ở ba tầng bậc cao hơn cũng được, tùy thuộc vào Tâm Thiền đang hiện hữu. Nếu không có bất luận một Tâm Thiền Vô Sắc Giới nào rồi, thì sẽ phải đi thọ sinh làm thành Nhân Loại hoặc Chư Thiên, và sẽ không được thọ sinh làm thành vị Phạm Thiên Hữu Sắc Giới được, bởi vì không có Tâm Thiền Hữu Sắc Giới và Cảnh của Tâm Thiền Hữu Sắc Giới. Vị Phạm Thiên Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ mạng chung rồi, thì tái sinh trở lại làm thành vị Phạm Thiên Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ cũng được nữa, một khi Tâm Thiền Định ấy vẫn đang còn hiện hữu. Nếu nhỡ như không có Tâm Thiền Định ấy rồi, thì cũng sẽ phải đi thọ sinh làm thành Nhân Loại, hoặc Chư Thiên; và sẽ không được việc thọ sinh làm thành vị Phạm Thiên Vô Sắc Giới bậc thấp hơn, bởi vì không có Tâm Thiền Vô Sắc Giới bậc thấp và Cảnh của Tâm Thiền ấy. Vì thế, Ngài Giáo Thọ **Anuruddha** mới nói rằng **Heṭṭhimāruppa vajjitā** - Trừ Tâm Tái Sinh Vô Sắc Giới bậc thấp hơn. Lại nữa, chỗ nói rằng **Kāmatihetukā honti** - Bốn cái Tâm Tái Sinh Dục Giới Tam Nhân thường sinh khởi đấy, có nghĩa là nếu nhỡ như sẽ đi thọ sinh ở trong Cõi Thiện Dục Giới, và sẽ không làm thành Người Vô Nhân hoặc Nhị Nhân, mà có thể duy nhất chỉ là nhóm Người Tam Nhân. Tất cả sự việc này, cũng bởi vì **Tâm Đại Thiện Cận Hành Tu Tập (Upacārabhāvanāmahākusala)** sinh trước Tâm Thiền Vô Sắc Giới ấy, là Tâm Đại Thiện Hữu Nhân Thượng Phẩm **(Hetuukakaṭṭhamahākusala)** và ở trong bổn tánh của người ấy cũng không có Tâm Đại Thiện Hữu Nhân Thượng Phẩm nào khác sinh trước Tâm Thiền Vô Sắc Giới ấy. Vả lại ở trong bổn tánh của người ấy cũng không có Tâm Đại Thiện nào khác sẽ tiến hóa tương đương với Tâm Đại Thiện Cận Hành Tu Tập này. Vì thế, Ngài Phụ Chú Giải mới nói rằng:

Uparūparīaruppā Na āyūhanti heṭṭhimaṃ
Balittācupacārassa Tihetukāva yoniyo

Dịch nghĩa là Tất cả Phạm Thiên Vô Sắc Giới thọ sinh ở những tầng bậc trên đây, thì chẳng cần nỗ lực tiến tu ở tầng Thiền Định bậc thấp (như thế mới không có việc thọ sinh ở trong Cõi Giới bậc thấp). Những Tâm Tái Sinh Dục Giới Tam Nhân ấy thường luôn sinh khởi (Tâm Tái Sinh Vô Nhân và Nhị Nhân thì không có được sinh khởi) bởi vì Tâm Đại Thiện Cận Hành Tu Tập có nhiều năng lực.

Kệ ngôn thứ hai có **Rūpāvacaracutiyā** (Tử vong từ Cõi Sắc Giới) v.v. đây, có ba phần nội dung với nhau; tức là:

1. **Rūpāvacaracutiyā aheturahitā siyuṃ** (Tử vong từ Cõi Sắc Giới thì sẽ tái sinh làm thành Người Vô Nhân).

2. **Sabbākāmatihetumhā siyuṃ** (Hữu Tình với Tam Nhân có thể tái sinh ở mọi Cõi Giới).

3. **Kāmesveva panetarā siyuṃ** (Các Hữu Tình khác (Vô Nhân và Nhị Nhân) được tái sinh ở Cõi Dục Giới).

+ Ở phần nội dung thứ nhất nói rằng: **Rūpāvacaracutiyā aheturahitā siyuṃ** (Tử vong từ ở Cõi Sắc Giới, thì sẽ tái sinh làm thành Người Vô Nhân) đấy, có nghĩa là tất cả các vị Phạm Thiên Hữu Sắc Giới mạng chung rồi, sẽ tái sinh trở lại Cõi Giới ấy cũng được, hoặc sẽ thọ sinh ở trong Cõi Hữu Sắc Giới tầng bậc thấp và bậc cao cũng được, hoặc ở trong Cõi Vô Sắc Giới cũng được, tùy thuộc Tâm Thiền Định đang hiện hữu. Nếu không có Tâm Thiền Hữu Sắc Giới, hoặc Tâm Thiền Vô Sắc Giới, thì sẽ thọ sinh làm thành Nhân Loại hoặc Chư Thiên ở hạng Nhị Nhân và Tam Nhân. Tuy nhiên sẽ không đi tái sinh làm thành Hữu Tình Thống Khổ; hoặc Nhân Loại và Chư Thiên với Tái Sinh Vô Nhân. Tại đây, là việc đề cập bởi theo **Dĩ Nhân Bản Nguyện (Puggalādhiṭṭhāna)** dựa theo lời dịch ở phần **Dĩ Pháp Bản Nguyện (Dhammādhiṭṭhāna)** như đã có trình bày rồi đấy. Việc loại trừ Tái Sinh Vô Nhân ra đấy, là cũng vì thông thường tất cả các vị Phạm Thiên Hữu Sắc Giới, cho dù sẽ không có được Tâm Thiền Hữu Sắc Giới, hoặc Tâm Thiền Vô Sắc Giới đi nữa, thế nhưng chẳng có việc sinh khởi từ **Pháp Triền Cái (Nīvaraṇa),** và chỉ đang có **Thân Hành Thiện Nghiệp Lực (Kusalakāyakamma), Ngữ Hành Thiện Nghiệp Lực (Kusalavacīkamma)** thì chính vì lý do đó, Bất Thiện Nghiệp Lực và Thiện Nghiệp Lực trước trước sẽ dắt dẫn cho phát sinh làm thành Tái Sinh Vô Nhân mới không có cơ hội để sẽ trổ sinh quả báo được; và chỉ có thể là Thiện Tam Nhân và Thiện Nghiệp Lực Nhị Nhân Thượng Phẩm cũ và mới, có được cơ hội dắt dẫn cho phát sinh làm thành Tái Sinh Tam Nhân và Nhị Nhân. Vì thế, Ngài Giáo Thọ **Anuruddha** mới nói rằng **Aheturahitā siyuṃ**- thì sẽ tái sinh làm thành Người Vô Nhân.

Lại nữa, việc trình bày Tâm Tái Sinh sinh nối tiếp từ Tâm Tử Hữu Sắc Giới của Bộ Chú Giải Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp đây, chẳng là việc trình bày đến Tâm Tái Sinh sinh nối tiếp từ Tâm Tử Hữu Tình Vô Tưởng với bất luận trường hợp nào. Sự việc là như vậy, cũng bởi vì Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng đây chỉ có Sắc Pháp, và không có Tâm Thiền Định; chính vì vậy, khi đến thời cận tử lâm chung thì cũng sẽ phải nhất định đi thọ

sinh ở trong Cõi Dục Giới. Như thế, việc sinh khởi từ Tâm Tái Sinh trong Cõi Dục Giới của vị Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng đây cũng chẳng có chi khác biệt từ các vị Phạm Thiên khác khác, là cũng đã được đi thọ sinh ở trong Cõi Dục Giới. Lý do này, Ngài Giáo Thọ **Anuruddha** mới không trình bày đến việc suy đoán được rằng Tâm Tái Sinh sinh nối tiếp từ Tâm Tử Vô Tưởng Hữu Tình, tức là việc diệt mất lần cuối cùng của Tổng Hợp Mạng Cửu, và đó cũng chính là 8 Tâm Đại Quả ấy vậy.

Theo như chỗ đã nói rằng tất cả các vị Phạm Thiên Hữu Sắc Giới và Vô Sắc Giới một khi mạng chung rồi nếu nhỡ như không có Tâm Thiền Định, thì cũng sẽ phải đi thọ sinh ở trong Cõi Dục Giới đấy, là có thể chỉ có riêng biệt đối với hạng Phàm Phạm Thiên mà thôi. Đối với tất cả các vị Thánh Phạm Thiên, thì cho dù là Bậc Thất Lai đi nữa cũng không quay trở lại tái sinh ở trong Cõi Dục Giới, bởi vì nhất định sẽ phải chứng đắc được tầng Thiền Định gọi là tầng **Thiền Định Bất Lai (JhānaAnāgāmī).** Và vị Thánh Phạm Thiên ở trong Cõi Hữu Sắc Giới này, một khi đã thọ sinh ở trong Cõi Giới tầng bậc cao rồi, thì cũng không có việc đi thọ sinh ở trong Cõi Hữu Sắc Giới tầng bậc thấp hơn. Tất cả sự việc này, là cũng vì vị Thánh Phạm Thiên ấy không có việc thối giảm tầng Thiền Định ở bậc cao với bất luận trường hợp nào, mà trái lại duy nhất chỉ có được việc chứng đắc với các tầng Thiền Định nối tiếp cao hơn. Sự hiện hành của Bậc Thánh Nhân ở trong Cõi Phạm Thiên Giới như đã có được đề cập rồi đấy, thì sẽ nên hiểu biết từ ở cả hai câu kệ ngôn đã có trình bày nói rằng:

1. Vehapphale akaniṭṭhe Bhavagge ca patiṭṭhitā
Na punāññattha jāyanti Sabbe ariyapuggalā.
2. Na puna tattha jāyanti Sabbepi suddhavāsikā
Brahmalokagatā heṭṭhā Ariya nopapajjareti.

1. Hết cả thảy các Bậc Thánh Nhân đã thọ sinh ở trong cả ba **Cõi Cùng Tột Hữu (Bhavaggabhūmi)**, ấy là những Cõi Quảng Quả Phạm Thiên Giới, Cõi Sắc Cứu Cánh Phạm Thiên Giới, hoặc Cõi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ này rồi, thì thường không còn đi thọ sinh ở trong các Cõi Giới khác được nữa.

2. Hết tất cả các vị Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên cũng không tái sinh trở lại Cõi Giới của mình đã từng thọ sinh. Tất cả các Bậc Thánh Nhân đã thọ sinh ở trong Cõi Phạm Thiên Giới rồi, thường không có thọ sinh ở trong Cõi Giới thấp hơn.

+ Ở phần nội dung thứ hai nói rằng: **Sabbākāmatihetumhā siyuṃ** (Hữu Tình với Tam Nhân có thể tái sinh ở mọi Cõi Giới) đấy, chẳng là đề cập bởi theo Dĩ Nhân Bản Nguyện thì có nghĩa là một khi Nhân Loại và Chư Thiên có được Tái Sinh Tam Nhân và đã mạng chung rồi; nếu như có được Thiền Định, thì sẽ thọ sinh ở trong 20 Cõi Phạm Thiên Giới có Danh Pháp Tái Sinh, Sắc Pháp Tái Sinh, hoặc có cả Danh – Sắc Pháp Tái Sinh, phù hợp theo tầng Thiền Định ấy, và tùy theo Phàm Phu hoặc Thánh Nhân. Nếu nhỡ như không có Thiền Định, thì sẽ thọ sinh ở trong 11 Cõi Dục Giới, bởi theo sự việc làm thành Chư Thiên, Nhân Loại, hoặc làm thành Hữu Tình Địa Ngục, Ngạ Quỷ, **Atula**, Bàng Sinh; làm thành Tái Sinh Tam Nhân, Tái Sinh Nhị Nhân, hoặc Tái Sinh Vô Nhân; tùy thuộc vào Thiện Nghiệp Lực, Bất Thiện Nghiệp Lực mà mình đã từng tạo tác tích trữ lấy và có được cơ hội trổ sinh quả báo. Khi tổng kết lại thì có thể có ý nghĩa là Nhân Loại, Chư Thiên có được Tái Sinh Tam

Nhân, và đến khi mạng chung thì có thể đi thọ sinh ở trong khắp mọi Cõi Giới mà chẳng có ngoại lệ, vì đã có được Tái Sinh nối tiếp hiện hành phù hợp theo hết cả 20 Cõi Giới ấy. Có được sự hiện hành như vậy, là cũng do bởi hạng Người này nếu đã có thực hành **Minh Sát Tuệ Tu Tập (Vipassanābhāvanā)** thì cũng sẽ được thành Bậc Thánh Nhân; nếu đã có trau giồi **An Chỉ Tu Tập (Samathabhāvanā)** thì cũng sẽ được thành bậc Phúc Lộc Thiền Giả, bậc Thắng Trí Hành Giả. Nếu chỉ có tác hành việc Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập một cách thông thường, thì sẽ được làm thành Nhân Loại và Chư Thiên ở bậc trung, bậc cao, hoặc là bậc thấp. Nếu đã có tạo tác Ác Hạnh, Ác Mạng, thì sẽ được làm thành Hữu Tình Địa Ngục, Ngạ Quỷ, **Atula**, Bàng Sinh; tùy theo thích hợp với tâm thức của mình hiện hành nương theo việc tiếp xúc giao tế, vừa thể theo tộc tính, dòng giống, và chủng loại; hoặc đã có được giáo dục.

+ Ở phần nội dung thứ ba nói rằng: **Kāmesveva panetarā siyuṃ** (Các Hữu Tình khác (Vô Nhân và Nhị Nhân) được tái sinh ở Cõi Dục Giới) đấy, rằng khi đề cập theo Dĩ Nhân Bản Nguyện thì có được ý nghĩa là một khi Nhân Loại và Chư Thiên đã có Tái Sinh Nhị Nhân với Vô Nhân; hoặc là Hữu Tình Địa Ngục, Ngạ Quỷ, **Atula**, Bàng Sinh đã có Tái Sinh Vô Nhân, và đã mạng chung, thì đặc biệt thường chỉ được thọ sinh ở trong 11 Cõi Dục Giới mà thôi; với sự làm thành Nhân Loại, Chư Thiên ở bậc cao, bậc trung, bậc thấp; hoặc làm thành Hữu Tình Thống Khổ. Sự việc Tái Sinh Tam Nhân, Tái Sinh Nhị Nhân, hoặc Tái Sinh Vô Nhân đều tùy thuộc vào Thiện – Bất Thiện Nghiệp Lực mà mình đã từng có tạo tác và có được cơ hội trổ sinh quả báo.

Về việc hạng Người này chỉ có được thọ sinh ở trong 11 Cõi Dục Giới đấy, là cũng vì trong tất cả những hạng Người này, cho dù đã là Nhân Loại hoặc Chư Thiên và quả thật sẽ có được cơ hội để trau giồi An Chỉ Tu Tập, và Minh Sát Tuệ Tu Tập đi nữa, thế nhưng cũng không có khả năng để sẽ hoàn thành Quả vị Bậc Thánh Nhân, Bậc Phúc Lộc Thiền Giả, hoặc là Bậc Thắng Trí Hành Giả được; và có thể chỉ sẽ là hạng Phàm Phu từ thuở ban sơ cho đến lúc tử vong. Đối với Hữu Tình Thống Khổ thì nào có đủ Chánh Niệm và Trí Tuệ để sẽ trau giồi An Chỉ Tu Tập, và Minh Sát Tuệ Tu Tập được; và như thế một khi đã tử vong rồi, mới chỉ có thể đi tái sinh ở trong 11 Cõi Dục Giới ấy mà thôi. Lý do này, Ngài Giáo Thọ **Anuruddha** mới sử dụng từ ngữ nói rằng **Evaṃ** kết hợp vào ở trong từ ngữ **Kāmesu** rồi đã trình bày là **Kāmesveva.**

GIẢI THÍCH TRONG PHẦN PĀLI VỚI ĐIỀU THỨ MƯỜI LĂM: CÓ ICCEVAṂ GAHITAPAṬISANDHIKĀNAṂ PANA v.v. TRÌNH BÀY ĐẾN VIỆC SINH KHỞI TÂM HỮU PHẦN VÀ TÂM TỬ TRONG KHOẢNG GIỮA TỪNG MỖI KIẾP SỐNG SAU KHI TÂM TÁI SINH ĐÃ SINH KHỞI

Trong phần **Pāḷi** ở điều này, nội dung chánh yếu là ở ngay chỗ trình bày rằng: **Tamevārammaṇamārabbha tadevacittaṃ bhavaṅgasantatisaṅkhātaṃ mānasaṃ (hutvā) pavattati cuticittaṃ hutvā nirujjhati** - Chính ngay cái Tâm Tái Sinh ấy, tiếp thâu lấy Cảnh của Tâm Tái Sinh liền sinh khởi ở trong kiếp sống mới, quay trở lại làm thành cái

Tâm được gọi là dòng **Tâm Hữu Phần (Bhavaṅgacitta)** liền sinh khởi lên không có khoảnh khắc gián đoạn, như là một **Chi Phần (Aṅga – Bộ Phận)** của kiếp sống, và cũng quay trở lại làm thành Tâm Tử sinh khởi lên, rồi cũng diệt mất."

Từ ngữ **Tadevacittaṃ** ấy là **Taṃ + Eva + Cittaṃ** - Chính cái Tâm Tái Sinh ấy, là từ ngữ mà Ngài Giáo Thọ **Anuruddha** đề cập thể theo Phần **Tương Đồng (Sadisūpacāra),** tức là việc nói thể theo phần nương vào sự hiện hành tương tự với nhau. Tất cả là như vậy, cũng vì cái Tâm sinh khởi sau khi Tâm Tái Sinh đã diệt mất, là chỉ có Tâm Hữu Phần mà thôi, và thường luôn sinh khởi nối tiếp với nhau với số lượng là 15 hoặc 16 sát na. Tuy nhiên Tâm Hữu Phần sinh khởi đây, khi nói theo về **Cõi Giới (Bhūmi), Chủng Loại (Jāti), Phối Hợp (Sampayoga), Cảm Thọ (Vedanā), Dẫn Dụ (Saṅkhāra)** thì cũng tương tự giống với Tâm Tái Sinh mọi trường hợp. Đề cập đến là Tâm Tái Sinh là Dục Giới, thì Tâm Hữu Phần cũng là Dục Giới; là Quả Dị Thục Hữu Nhân, hoặc Quả Dị Thục Vô Nhân, thì Tâm Hữu Phần cũng là Quả Dị Thục Hữu Nhân, hoặc Quả Dị Thục Vô Nhân tương tự như nhau. Nếu là Bất Tương Ưng Trí, thì Tâm Hữu Phần cũng là Bất Tương Ưng Trí. Nếu câu sinh với Hỷ Thọ, hoặc Xả Thọ, thì tương tự Tâm Hữu Phần cũng câu sinh với Hỷ Thọ, hoặc Xả Thọ. Nếu là Vô Dẫn thì Tâm Hữu Phần cũng là Vô Dẫn.

Lý do này, mới nói rằng ở trong sát na Tâm Hữu Phần sinh khởi đấy, thì cho dù thực sự là Tâm Tái Sinh đã diệt mất đi rồi, tuy nhiên Tâm Hữu Phần này cũng có sự hiện hành tương tự giống với Tâm Tái Sinh mọi trường hợp. Vì thế, Ngài Giáo Thọ **Anuruddha** mới nói được rằng: **Tadevacittaṃ** - Chính cái Tâm Tái Sinh ấy.

Như sẽ nên nhận thấy được ý nghĩa từ ở điều tỷ giảo khi nói rằng: "Hãy dùng lấy thuốc bổ đã cho ngày hôm qua đi"; việc tỷ giảo ở điều này, là "thuốc bổ ngày hôm qua đấy, đã được thọ dụng rồi"; tuy nhiên "thuốc bổ đã cho để dùng lấy" là lập ý chỉ lấy duy nhất loại thuốc bổ mà đã được dùng vào ngày hôm qua mà thôi.

Từ ngữ **Tamevārammaṇamārabbha** - là **Taṃ + Eva + Ārammaṇaṃ + Ārabbha** - tiếp thâu lấy Cảnh của Tâm Tái Sinh ấy có nghĩa nếu như Tâm Tái Sinh có Thiện Nghiệp Lực, hoặc Bất Thiện Nghiệp Lực làm thành Cảnh, thì Tâm Hữu Phần sinh cho đến trọn kiếp sống và Tâm Tử cũng có Thiện Nghiệp Lực hoặc Bất Thiện Nghiệp Lực làm thành Cảnh tương tự như nhau. Nếu có Cảnh Sắc Nghiệp Tướng, hoặc Cảnh Thinh Nghiệp Tướng làm thành Cảnh; thì Tâm Hữu Phần sinh cho đến trọn kiếp sống và Tâm Tử cũng có Cảnh Sắc Nghiệp Tướng, hoặc Cảnh Thinh Nghiệp Tướng làm thành Cảnh tương tự như nhau. Nếu có Cảnh Sắc Thú Tướng, hoặc Cảnh Thinh Thú Tướng làm thành Cảnh; thì Tâm Hữu Phần sinh cho đến trọn kiếp sống và Tâm Tử cũng có Cảnh Sắc Thú Tướng, hoặc Cảnh Thinh Thú Tướng tương tự như nhau. Sự hiện hành của Tâm Hữu Phần có Cảnh tương tự với Tâm Tái Sinh đó, được tính kể từ Tâm Tái Sinh đã diệt mất của người sinh ở trong kiếp sống mới cho đến Tâm Tử khởi sinh. Vì thế, Ngài Giáo Thọ **Anuruddha** mới nói rằng: **Gahitapaṭisandhikānaṃ paṭisandhinirodhānan tarato pabhuti yāva cuticittuppādā** - Kể từ việc diệt mất của Tâm Tái Sinh bởi không có khoảnh khắc gián đoạn của người đã được tiếp thâu lấy Cảnh của Tâm Tái Sinh ở trong kiếp sống mới cho trọn suốt đến Tâm Tử khởi sinh.

Từ ngữ **Bhavaṅgasantatisaṅkhātaṃ mānasaṃ hutvā pavattati** - Quay trở lại làm thành cái Tâm gọi là dòng tâm thức Hữu Phần sinh khởi có nghĩa là việc sinh khởi nối tiếp với nhau của Tâm Quả Dị Thục và Sắc Nghiệp Lực cho đến trọn suốt từng mỗi kiếp sống, đích thị chính là tự tái tạo bản thân ở trong từng mỗi kiếp sống của tất cả Chúng Hữu Tình. Như thế, một khi Tâm Quả Dị Thục sinh khởi bởi sự làm thành Tâm Tái Sinh ở trong từng mỗi kiếp sống, cũng chẳng phải là không chấm dứt, vả lại sẽ phải khởi sinh tiếp nối qua việc chuyển đổi làm thành Tâm Hữu Phần. Việc chuyển đổi thành Tâm Hữu Phần, là cũng chỉ sinh khởi của Tâm Tái Sinh này vẫn còn đang hiện hành khi mà Tâm Lộ Trình vẫn chưa có khởi sinh. Đến khi Tâm Lộ Trình khởi sinh rồi thì Tâm Hữu Phần cũng đình chỉ lại. Vì thế, Ngài Giáo Thọ **Anuruddha** mới nói rằng: **Asati vīthicittuppāde bhavassa aṅgabhāvena** - Khi sát na Tâm Lộ Trình chưa khởi sinh, sự làm thành **Chi Phần (Aṅga – Bộ Phận)** của kiếp sống (sinh khởi).

Lại nữa, chỗ nói rằng việc sinh khởi của Tâm Hữu Phần ở trong sát na mà Tâm Lộ Trình vẫn chưa sinh đấy, cũng chẳng phải chỉ là 1 sát na, hoặc 2 sát na bấy nhiêu đây thôi, ngặt nỗi việc sinh khởi phải là hằng hà sa số sát na như thể một dòng sông. Vì thế, Ngài Giáo Thọ **Anuruddha** mới nói rằng: **Abbocchinnaṃ nadīsoto viyapavattati** - sinh khởi không gián đoạn tựa như dòng nước trong một con sông.

SỰ HIỆN HÀNH Ở TRONG SÁT NA TÂM LỘ TRÌNH SINH KHỞI VÀ TÂM HỮU PHẦN SINH KHỞI

Theo lẽ thường nhiên tất cả mỗi con người có cảm giác là được thấy, được nghe, v.v. cho đến cả các việc đã được tư duy nghĩ ngợi; thì chính ngay trong sát na đó, là hoàn toàn Tâm Lộ Trình đã sinh khởi hết cả thảy. Đề cập là Tâm Lộ Trình đấy, đích thị chính là người được thấy, là người được nghe, suốt trọn cho đến là người tư duy nghĩ ngợi; chẳng phải Tâm Hữu Phần là người được thấy, là người được nghe, là người tư duy nghĩ ngợi với bất luận trường hợp nào. Cho dù sự việc ấy có thực là trong khi sát na đang thấy, đang đọc, đang nghe, đang tư duy nghĩ ngợi, đã là Tâm Lộ Trình đang sinh khởi; thế mà trong thời gian ấy, Tâm Hữu Phần cũng vẫn có thể sinh khởi xen kẽ đi trong khoảng giữa của Lộ Trình này với Lộ Trình kế tương tự như nhau, chẳng phải chỉ có duy nhất Tâm Lộ Trình sinh khởi không thôi. Tất cả sự việc này, là cũng vì Tâm Lộ Trình hữu quan với những việc được thấy, việc được nghe, việc tư duy nghĩ ngợi đây, làm thành Tâm Đồng Lực có định chuẩn sinh khởi chỉ từng mỗi trọn một sát na, rồi cũng phải có Tâm Hữu Phần hình thành ở Lộ Ý Môn sinh khởi đi xen kẽ với nhau; và sẽ không thể nào chỉ có đơn thuần Tâm Lộ Trình sinh nối tiếp với nhau một cách không gián đoạn như là ở **Lộ Trình Nhập Định (Samāpattivithī)** được.

Lý do này, mới suy đoán được rằng Tâm Lộ Trình thì có Tâm Đồng Lực định chuẩn, và Tâm Hữu Phần thì xen kẽ, đã làm cho có sự cảm giác được khởi sinh lên làm thành nguyện vọng cá nhân **(Puggalādhiṭṭhāna - Dĩ Nhân Bản Nguyện).** Còn Lộ Trình Nhập Định là Lộ Trình có số lượng Tâm Đồng Lực bất định chuẩn, và không có những Tâm Hữu Phần này xen kẽ, thì ắt hẳn không làm cho khởi sinh lên sự cảm giác đặng làm thành Dĩ

Nhân Bản Nguyện được. Việc suy đoán bởi do đưa nguyên nhân lên như đã vừa đề cập, ấy là một trường hợp **Hữu Nhân (Sāhetu – có nguyên nhân).** Trong sự việc Lộ Trình Đổng Lực Dục Giới, thì đã có sự cảm giác làm thành được Dĩ Nhân Bản Nguyện, tuy nhiên ở Lộ Trình Nhập Định, thì chẳng có sự cảm giác để làm thành Dĩ Nhân Bản Nguyện.

Lại nữa, chỗ nói rằng sát na Tâm Hữu Phần chẳng có sinh khởi các sự cảm giác hữu quan với việc được thấy, việc được nghe, cho đến cả việc tư duy nghĩ ngợi đấy, thì cũng nên nhận thức một cách rõ ràng là chỉ ở trong sát na của giấc ngủ say, vì lẽ thường người đang ngủ say thì Tâm Lộ Trình không sinh, và chỉ có duy nhất Tâm Hữu Phần là sinh khởi. Vả lại Tâm Hữu Phần này cũng tiếp thâu lấy Cảnh cũ ở trong kiếp sống trước, và chẳng có tiếp thâu lấy Cảnh mới ở trong kiếp sống hiện tại này. Như thế, một khi đã ngủ say rồi, nếu nhỡ như chẳng có để ý đến hạn độ ghi nhớ trước khi đi ngủ hoặc sau khi thức dậy; thì cho dù sẽ ngủ chỉ độ chừng 5 phút thôi, thì lại hiểu rằng cả giờ đồng hồ; hoặc ngủ cả nhiều giờ đồng hồ, thì lại hiểu rằng chỉ trong một chốc lát thôi. Có sự việc này, là cũng vì chính cái Tâm Hữu Phần ấy đã tự biểu thị hiển lộ ra rằng "chẳng có bao giờ tiếp thâu bất luận một câu chuyện nào hữu quan với kiếp sống hiện tại này cả."

Từ ngữ **Cuticittaṃ hutvā nirujjhati** – là Tâm Tử đã diệt mất rồi, đích thị chính là cái Tâm có thực tính tương tự với Tâm Tái Sinh ấy vậy. Khi chấm dứt của kiếp sống hiện tại, thì quay trở lại làm thành Tâm Tử bởi qua việc chuyển di kiếp sống đang hiện sinh. Vì thế, Ngài Giáo Thọ **Anuruddha** mới nói rằng: **Pariyosāne ca vacanavasena** - Trong chỗ tối hậu của kiếp hiện sinh với mãnh lực của việc chuyển di khỏi kiếp sống cũ (là Tâm Tử đã diệt mất rồi) đây, là việc trình bày cho được biết rằng trong từng mỗi kiếp sống của tất cả Chúng Hữu Tình, thì Tâm Tái Sinh sinh khởi ở trong đoạn đầu của kiếp sống, Tâm Hữu Phần thì sinh khởi ở đoạn giữa của kiếp sống, và Tâm Tử thì sinh khởi ở trong đoạn cuối của kiếp sống. Cả ba thể loại này có cùng một thực tính như nhau, hoặc sẽ nói rằng cùng một cái Tâm như nhau, và ý nghĩa này cũng tương tự với điều đã trình bày để ở trong Tái Sinh Tứ Phần **(Paṭisandhicatukka)** là:

Paṭisandhi bhavaṅgañca Tathā vacanamānasaṃ
Ekameva tatheveka - Visayañcekajātiyaṃ

"Có ba thể loại Tâm không chuyển đổi thành một thể loại khác, và luôn hiện hữu suốt trong kiếp sống của từng mỗi con người, ấy là: Tâm Tái Sinh, Tâm Hữu Phần và Tâm Tử." [Xin xem lại Tập II – Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp – Chương V].

GIẢI THÍCH TRONG PHẦN PĀLI VỚI ĐIỀU THỨ MƯỜI SÁU: CÓ TATO PARAÑCA v.v. TRÌNH BÀY ĐẾN VIỆC LUÂN CHUYỂN TUẦN HOÀN TRONG VÒNG LUÂN HỒI

Trong phần **Pāḷi** ở điều này lập ý đến sự hiện hành từ Danh Pháp của tất cả các hạng **Phàm Phu (Puthujjana)** và **Bậc Thánh Hữu Học (Sekkhapuggala),** là sau khi Tâm Tử đã diệt mất rồi, thì tất cả các Tâm có Tâm Tái Sinh, v.v. sinh khởi nối tiếp với nhau, trình tự luân chuyển hết cả kiếp sống, làm nhiệm vụ Tái Sinh, Hữu Phần, Tử, tựa như bánh xe luân

chuyển ấy vậy. Còn tất cả các Bậc Vô Sinh, là sau khi Tâm Tử đã diệt mất rồi, thì chẳng còn có sự hiện hành của Danh Pháp bởi theo sự làm thành Tái Sinh, Hữu Phần và Tử lại nữa, và chỉ là sự diệt mất tương tự như sự diệt tắt của ngọn đèn vậy.

GIẢI THÍCH TRONG PHẦN PĀLI VỚI ĐIỀU THỨ MƯỜI BẢY: CÓ "PAṬISANDHIBHAVAṄGAVITHĪYO" v.v. ẤY LÀ KỆ NGÔN TRÌNH BÀY TÓM LƯỢC SỰ LUÂN CHUYỂN TRONG VÒNG LUÂN HỒI

Trong phần **Pāḷi** ở điều thứ mười bảy này, là câu kệ ngôn trình bày tóm lược nội dung của cả hai **Chương (Pariccheda)** là Chương IV và V, hoặc sẽ gọi là **Kệ Tóm Tắt (Nigāmagāthā)** là kệ ngôn đề cập đến sự kết thúc của Chương IV và V cũng được, vì trong Chương IV ấy, đoạn văn cuối cùng đã có trình bày rằng: **Iccevaṃ chadvārikacittappavattati yathāsambhavaṃ bhavaṅgantaritā yāvatā yukamabbocchinnā pavattati** - Theo như phần đã được trình bày rồi đấy, thì sự hiện hành của Tâm Lộ Trình sinh khởi trong cả Lục Môn, do bởi có Tâm Hữu Phần sinh khởi xen kẽ một cách liên tục vào Tâm Lộ Trình, diễn tiến không gián đoạn đi suốt hết mạng sống vừa theo thích hợp của việc được sinh khởi trong từng mỗi Môn. [Xin xem lại Tập I – Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp – Chương IV] Trong Chương V ấy, đoạn văn cuối cùng đã có trình bày rằng: **Tato parañca paṭisandhidhādayo rathacakkamiva yathākkamaṃ eva pari vattantā pavattanti** - Sau khi Tâm Tử đã diệt mất rồi, thì tất cả các Tâm có Tâm Tái Sinh, v.v. sinh khởi nối tiếp với nhau, trình tự luân chuyển hết cả kiếp sống, làm nhiệm vụ Tái Sinh, Hữu Phần, Tử, tựa như bánh xe luân chuyển ấy vậy, là việc tóm lược nội dung tối hậu một cách thông thường, được gọi là **Cuṇṇiya – Đoản Văn Chương:** đoạn văn có từng phần từng đoạn, và vẫn chưa được kết liên vào nhau. Lý do này, Ngài Giáo Thọ **Anuruddha** mới đem cả hai nội dung này kết liên vào nhau cho viết thành một kệ ngôn, và đã đặt ở đoạn văn cuối cùng của Chương V thêm một lần nữa vậy.

Còn đoạn văn ở trong **Kệ Tóm Tắt (Nigāmagāthā)** đây, cũng tương tự như ở phần **Pāli** điều thứ 16, chỉ lập ý đến tất cả các hạng Phàm Phu và các Bậc Thánh Hữu Học vẫn còn phải luân chuyển ở trong cả 31 Cõi Giới, vì lẽ Bậc đã Viên Tịch Níp Bàn thì chẳng còn Danh Pháp hiện hành bởi theo sự làm thành **Tâm Thoát Ly Lộ Trình (Vithīmutta citta)** và luôn cả **Tâm Lộ Trình (Vithīcitta)** cũng không còn hiện hữu.

GIẢI THÍCH TRONG PHẦN PĀLI VỚI ĐIỀU THỨ MƯỜI TÁM: CÓ "PAṬISAṄKHĀYA PANETAMADDHUVAṂ" v.v. ẤY LÀ KỆ NGÔN TRÌNH BÀY VIỆC CHỈ DẪN PHƯƠNG THỨC LÀM CHO TIỆT DIỆT VÒNG LUÂN HỒI

Kệ ngôn này gọi là **Tối Hậu Kệ Ngôn (Aparantikāgāthā)** là câu kệ có nội dung bổ túc ngoài ra nội dung của Chương V. Khi quán sát xem xét nội dung ở trong câu kệ này rồi, thì cũng nên được biết đến Trí Tuệ thù thắng và Tâm Trí của Ngài Giáo Thọ **Anuruddha**

đã câu hành một cách rõ ràng với Từ - Bi - Hỷ đối với tất cả mọi người, quả thật đáng tôn kính và quý ngưỡng vô cùng đến nơi Ngài, luôn cả việc phối hợp với lời Chú Giải một cách đầy đủ cùng với phụ âm một cách trau chuốt hoa mỹ, vì lẽ đã làm cho các độc giả phát sinh sự hiểu biết tương tự nhất một như thể Ngài Giáo Thọ **Anuruddha** đã tự độc thoại cho mình vậy. Ngoài ra đấy, tất cả cũng vẫn là những kệ ngôn yếu giảng đã làm cho phát khởi đức tin, trau giồi tiến tu Pháp Hành an trú ở trong **Tam Học (Sikkhā: Giới Học – Định Học – Tuệ Học),** chẳng phải chỉ có đơn thuần sự ghi nhớ suông không thôi.

Trong Tối Hậu Kệ Ngôn này có ba từ ngữ quan trọng, ấy là **Buddhā, samaṃ, essanti** - bậc Trí Giả là bậc đã Tái Sinh với tất cả Tam Nhân, sẽ được chứng ngộ đến Pháp vị Níp Bàn là Pháp an vui tuyệt đối, và đoạn lưu Pháp Hành. **Buddhā** là **Vuttakattupada**, **Samaṃ** là **Avuttakammapada, Essanti** là **Ākhayātakiriyā kattuvācaka.** Trong chỗ này, bậc có **Tuệ Tái Sinh (Paṭisandhipaññā)** được gọi là **Bậc Giác Giả (Buddhā),** còn bậc có **Tuệ Chuyển Khởi (Pavattipaṭisandhi)** cho dù thực sự cũng sẽ được gọi là Bậc Giác Giả tuy nhiên chẳng phải đã ngụ ý đến.

Lại nữa, chỗ nói rằng bậc có Tuệ Tái Sinh sẽ đạt đến Pháp vị Níp Bàn an vui tuyệt đối, và đoạn lưu Pháp Hành đấy, là chẳng phải hiện hành hết cả thảy, mà chỉ có thể đặc biệt đối với vị có việc tiến tu Pháp Hành một cách tốt đẹp, cho đến cả phóng khí tiệt diệt Ái Dục Triền Phược, thì mới sẽ đạt đến Quả vị Níp Bàn được. Vì thế, Ngài Giáo Thọ **Anuruddha** mới nói rằng: **Sabbatā susamucchinna sinehabandhanā** - nghĩa là tất cả các bậc có Tuệ Tái Sinh có sự hoan hỷ duyệt ý trau giồi tu tập; là thọ trì Giới Luật, thực hành **Điều Tiết Dục (Dhutaṅga – Hành Đầu Đà),** tiến tu **An Chỉ (Samādhi)** và nhổ tiệt gốc các Pháp Triền Phược, ấy là Ái Dục cho hoại diệt đi, thế rồi sẽ chứng ngộ đạt đến Pháp bất diệt là Níp Bàn tĩnh lặng, và chặt đứt tất cả mọi **Pháp Hành (Saṅkhāradhamma)** một cách kiên định.

Mới có câu vấn hỏi rằng: "Tất cả các bậc có Tuệ Tái Sinh có sự hoan hỷ duyệt ý trau giồi tu tập, là thọ trì Giới Luật, v.v. đây; nếu sẽ tu tập với cả hai Giới Học và Định Học đây một cách bình thường, vả lại chỉ với thời gian một chút ít thôi, thì sẽ có đủ năng lực để sẽ làm cho Minh Sát Tuệ phát sinh lên được hay không ?" Giải đáp là "Không được !" Chính vì lý do như vậy, Ngài Giáo Thọ **Anuruddha** mới trình bày **Tác Hành Phân Biệt Từ (Kiriyāvisesana)** lấy ở phía trước là **Virāya** – việc tu tập cần phải một thời gian lâu dài. Đối với bậc có Tuệ Tái Sinh mà sẽ đạt đến Pháp vị Níp Bàn, thì cũng phải liên quan tới việc nhổ tiệt gốc Pháp Triền Phược, ấy là Ái Dục đã làm thành hữu nhân. Sự việc bậc có Tuệ Tái Sinh mà đã trau giồi tiến tu an trú ở trong Giới Luật – Thiền Định với một thời gian lâu dài, và do bởi nương vào bất luận một tác nhân nào đó, mà đã làm cho nhổ tiệt được gốc Ái Dục, hoặc mới sẽ hiện hành được như vậy. Vì lý do này, Ngài Giáo Thọ **Anuruddha** mới trình bày rằng **Adhigantvā padamaccutaṃ (Adhigantvā padaṃ accu taṃ)** – Vì đã chứng ngộ đạt đến Pháp bất diệt là Níp Bàn bởi do Tuệ Đạo – Tuệ Quả có nghĩa là việc nhổ tiệt gốc Ái Dục được đấy, là cũng vì hữu quan với việc đã được giác ngộ đạt đến Pháp vị Níp Bàn bởi do Tuệ Đạo – Tuệ Quả làm thành tác nhân.

Khi đã là như vậy thì có thêm một vấn đề tiếp nữa là tất cả các bậc có Tuệ Tái Sinh đã an trú ở trong Giới Luật – Thiền Định với một thời gian lâu dài, chứng ngộ đạt đến Pháp

bất diệt là Níp Bàn bởi do Tuệ Đạo – Tuệ Quả, thế rồi đã nhổ tiệt gốc Ái Dục được đấy, là cũng phải do nương vào bất luận một tác nhân nào đó, mới chứng ngộ được Níp Bàn. Vì thế, Ngài Giáo Thọ **Anuruddha** mới đến trình bày đến nguyên nhân của điều này là: **Paṭisaṅkhāya panetamaddhuvaṃ (Paṭisaṅkhāya pana etaṃ addhuvaṃ)** - Quán sát thẩm thấu đến sự hiện hành của Tâm và Tâm Sở chỉ là vật vô thường có nghĩa là việc chứng ngộ đạt đến Níp Bàn bởi do Tuệ Đạo – Tuệ Quả đấy, đó là kết quả do nương vào việc thẩm sát sự hiện hành của Tâm và Tâm Sở chỉ là vật vô thường, đã làm thành nguyên nhân. Khi tóm lược lại ở trong **Tối Hậu Kệ Ngôn** (**Aparantikāgāthā**) đây, có được ý nghĩa là tất cả các bậc có Tuệ Tái Sinh và đã có trau giồi tiến tu một cách tốt đẹp, an trú ở trong Giới Luật, Thiền Định với một thời gian lâu dài; thực hiện việc tiến tu Minh Sát Tuệ cho đạt đến **Giản Trạch Trí (Paṭisaṅkhārañāṇa – Quyết Ly Trí)** đã quán thấy được Tâm và Tâm Sở chỉ là vật vô thường; chứng ngộ đến Pháp bất diệt là Níp Bàn bởi do Tuệ Đạo – Tuệ Quả theo một cách tuần tự; và đã nhổ tiệt được Pháp Triền Phược là Ái Dục. Trong những phút giây cuối cùng của kiếp sống hiện tại, thì ắt hẳn sẽ chứng đạt được an vui Viên Tịch Níp Bàn, là Pháp tĩnh lặng và đoạn lưu tất cả mọi **Pháp Hành (Saṅkhāra dhamma)** một cách kiên định.

Việc Miêu Tả Nội Dung Trong Phần "Tử Vong Khởi Sinh Tứ Phần" Đã Được Kết Thúc Chỉ Là Bấy Nhiêu Đây, Vào Ngày Thứ 29 Tháng 12 Phật Lịch 2506

PARAMATTHAJOTIKANĀMABHĀSĀṬĪKĀYAṂ
VĪTHIMUTTASAṄGAHASSAATTHAVAṆṆANĀ NIṬṬHITĀ

Việc Miêu Tả Nội Dung Của Tổng Hợp Thoát Ly Lộ Trình – Là Chương Thứ V Trong Ngôn Từ Phụ Chú Giải Danh Xưng Chánh Pháp Quang Minh Đã Được Kết Thúc Chỉ Là Bấy Nhiêu Đây

****

KỆ TÓM TẮT (NIGAMAKATHĀ)

Ettāvatāca dhammācariyotiladdhalañchakena Saddhammajotikanāmena mayā Rakkhaṅghositāramakārāpite Abhidhammamahavidyālaye padhānācariya gaṇapāmokkha bhāvena sattavidhāni vācana racana muddana pañhābyākāpayana pakāsaniyapaṇṇadāna desantarābhidhammika Abhi dhammakathikapesana Vidyālayapapancanādisāsanakiccāni vinā rājūpatthambhanā katāni ceva vahitāni ca imasmiṃ soḷasamavassike sampati chādhikapañcasatadvasahasse saṃvacchare pana māgasiramāsajuṇhapakkha cuddasamadivase suriyacāre imaṃ vīthimutta saṅgahassa atthavaṇṇanaṃ ṭīkākāraṃ sabbākārena niṭṭhāpitaṃ.

Thể theo phần nội dung đã được tuần tự trình bày ở tại đây, Bần Đạo có danh xưng ở trong xã hội là Ngài Chánh Pháp Quang Minh (**Saddhammajotika**) chức vị là **Pháp Sư** (**Dhammācariya**), ở vị trí là **Giáo Sư Hiệu Trưởng** (**Padhānācariya**) kiêm **Khoa Trưởng**

(**Gaṇapāmokkha**) Khoa Vô Tỷ Pháp tại Trường Đại Học Vô Tỷ Pháp, đang trú ngụ tại **Chung Cáo Thị Tu Viện (Rakkhaṅghositārama)**, tỉnh lỵ **Dhonpuri**, và đã thực hiện với việc đảm trách bảy Giáo Vụ, có: **1/.** Việc giảng dạy, **2/.** Việc soạn tác Kinh điển, **3/.** Việc sắp xếp in ấn, **4/.** Việc coi thi cuối năm, **5/.** Việc phát bằng tốt nghiệp (dưới Đại Học), **6/.** Việc điều động thuyên chuyển Giáo Thọ đi giảng dạy theo từng các Học Khu, **7/.** Việc mở rộng Học Viện, và hoàn toàn chẳng có liên hệ với việc bảo trợ về phía nhà nước bất luận trường hợp nào, trên mọi lĩnh vực.

Vào năm Phật Lịch 2506, là năm thứ 16 mà Bần Đạo đã thực hiện việc miêu tả nội dung của **Tổng Hợp Thoát Ly Lộ Trình** ra thành Ngôn Từ Phụ Chú Giải (quyển thứ 21) đã được thành tựu một cách viên mãn, và kết thúc vào Chủ Nhật, Ngày 14 Âm Lịch, Tháng Hai Âm Lịch, Năm Mão.

LỜI SỞ NGUYỆN (PARĀRATHANĀ)

Idaṃ me puññaṃ sabbaññutañāṇassa paccayo hotu

Nguyện tất cả các Thiện Phúc của Bần Đạo đã có được tác hành thành tựu viên mãn, xin cho được làm thành mãnh lực duyên **Trí Hạnh (Paññādhika)** của Bậc **Tuệ Toàn Giác (Sabbaññutañāṇa) (Ngài Saddhammajotika Dhammācariya)**.

----------00000----------

TỬ VONG KHỞI SINH TỨ PHẦN (MARAṆUPPATTICATUKKA)

VẤN VÀ ĐÁP VỀ TỬ VONG KHỞI SINH TỨ PHẦN (CHƯƠNG THỨ NĂM – PHẦN III)

1. Hỏi: a/. Từ ngữ **Maraṇuppatticatukka** chiết tự được bao nhiêu từ ngữ ? Là những chi ? Luôn cả trình bày ý nghĩa và câu Chú Giải.

b/. Hãy trình bày nguyên nhân đã làm cho sự tử vong hiện bày với 4 thể loại, luôn cả trình bày điều ví dụ so sánh cho được thấy với.

1. Đáp: a/. Từ ngữ **Maraṇuppatticatukka** – Tử Vong Khởi Sinh Tứ Phần khi chiết tự ra thì có được ba từ ngữ, đó là: **Maraṇa + Uppatti + Catukka. Maraṇa** = sự tử vong, **Uppatti** = việc sinh khởi, **Catukka** = có bốn. Khi kết hợp lại thành **Maraṇuppatti catukka** - dịch nghĩa là: Việc sinh khởi của sự tử vong có bốn thể loại, chính là lập ý đến bốn nguyên nhân làm cho sự tử vong hiện khởi. Như trình bày câu Chú Giải nói rằng:

Maraṇassa uppatti = Maraṇuppatti - Việc hiện hành của sự tử vong, gọi là Tử Vong Khởi Sinh. **Catunnaṃ samāhāro = Catukkaṃ** - Việc kết hợp của bốn thể loại, gọi là Tứ Phần. Nguyên nhân làm cho sự tử vong hiện khởi ở bốn thể loại, ấy là:

1. Thọ Mạng Diệt Tử Vong (Āyukkhayamaraṇa): chết vì hết Tuổi Thọ

2. Nghiệp Lực Diệt Tử Vong (Kammakkhayamaraṇa): chết vì hết Nghiệp Lực.

3. Nhất Song Diệt Tử Vong (Ubhayakkhamaraṇa): chết vì hết Tuổi Thọ và hết Nghiệp Lực (cả hai).

4. Tiệt Quan Hệ Tử Vong (Upacchedakamaraṇa – Bất Đắc Kỳ Tử): chết vì Nghiệp Lực xen vào cắt đứt mối quan hệ.

b/. Nếu sẽ nêu lên ví dụ để so sánh việc tử vong của tất cả Chúng Hữu Tình thì cũng tương tự như một ngọn đèn thắp sáng. Ngọn đèn này thường sẽ bị tắt đi do bởi một trong bốn nguyên nhân. Một là tắt đi do bởi tim đèn hết. Hai là tắt đi do bởi dầu nến hết. Ba là tắt đi do bởi cả hai tim và dầu nến hết. Bốn là tắt đi do bởi gió quạt hoặc thổi làm cho tắt đi. Ngọn đèn ấy được ví như mạng sống của tất cả Chúng Hữu Tình. Sự diệt tắt của ngọn đèn ấy cũng ví như sự diệt tắt của mạng sống, sự chấm dứt từng mỗi kiếp sống. Do đó, người chấm dứt mạng sống do bởi Thọ Mạng diệt, thì cũng giống như ngọn đèn diệt tắt là do bởi ở nơi tim hết nhưng mà dầu nến vẫn còn. Người chấm dứt mạng sống do bởi hết Nghiệp Lực ấy, thì cũng giống như ngọn đèn diệt tắt là do bởi ở nơi dầu nến hết nhưng mà tim vẫn còn. Người chấm dứt mạng sống do bởi cả hai, là hết Tuổi Thọ và Nghiệp Lực, thì cũng giống như ngọn đèn diệt tắt là do bởi ở nơi cả hai tim và dầu nến đều cùng hết. Người chấm dứt mạng sống do bởi tiếp xúc những **Tác Nhân Bất Tường (Upaddavahetu)** thì cũng giống như ngọn đèn diệt tắt là do bởi ở nơi bị gió quạt hoặc thổi làm tắt đi, mặc dù tim và dầu nến vẫn còn hiện hữu.

2. Hỏi: Hãy dịch câu kệ trình bày điềm tướng hiện khởi lên khi sắp cận tử lâm chung.

2. Đáp: Trình bày điềm tướng hiện khởi lên khi sắp cận tử lâm chung:

Tathā ca marantānaṃ pana maraṇakāle yathārahaṃ abhimukhī bhūtaṃ bhavantare paṭisandhikhanakaṃ kammaṃ vā, taṃkammakaraṇakāle rūpādika mūpaladdhapubbamupakaraṇabhūtañca kammanimittaṃ vā, anantara muppaj jamānabhave upalabhitabbamupabhogabhūtañca gatinimittaṃ và kammabalena channaṃ dvārānaṃ aññatarasmiṃ paccupaṭṭhāti.

Đối với người sẽ phải tử vong, và chính ngay trong lúc cận tử lâm chung do bởi bất luận một trong bốn tác nhân như thế; thì:

1. Thiện Nghiệp Lực (Kusalakamma) hoặc **Bất Thiện Nghiệp Lực (Aksalakam ma)** đã làm cho khởi sinh tái sinh ở trong kiếp sống tới, hiện hành nổi trội lên như là việc tự biểu hiện rõ ràng trực tiếp, và đã đi đến hiện khởi tựa như ở ngay trước mắt; hoặc là,

2. Nghiệp Tướng (Kammanimitta) là Cảnh của Nghiệp Lực đã đi đến, có Cảnh Sắc, Cảnh Thinh v.v. đã từng được nhìn thấy, đã từng được nghe, v.v. mà hữu quan với hành động tạo tác của mình, và luôn cả công cụ hỗ trợ cho thành tựu ở trong hành động tạo tác của mình ngay ở trong sát na đã tạo tác ra Nghiệp Lực ấy; hoặc là,

3. Thú Tướng (Gatinimitta) đã làm thành Cảnh đáng sẽ phải thụ lãnh, và sẽ phải thụ lãnh an vui hoặc khổ đau ở ngay trong kiếp sống tới sẽ đi tái sinh; thì thường luôn hiện khởi lên ở bất luận một **Môn (Dvāra)** nào trong tất cả sáu Môn; với mãnh lực Nghiệp Lực thuận hợp với Cảnh; hoặc với mãnh lực Nghiệp Lực thuận hợp với loài Hữu Tình sẽ phải đi đến Thiện Thú và Khổ Thú.

3. Hỏi: Hãy trình bày câu kệ qua việc Tâm Tái Sinh sinh khởi nối tiếp từ Tâm Tử, luôn cả với lời dịch nghĩa.

3. Đáp: Trình bày câu kệ qua việc Tâm Tử sinh khởi nối tiếp từ Tâm Tử:

Heṭṭhimāruppavajjitā	**Āruppacutiyā honti**
Paramāruppasandhi ca	**Tathā kāmatihetukā**
Rūpāvacaracutiyā	**Aheturahitā siyaṃ**
Sabbā kāmatihetumhā	**Kāmesveva panetarā**

Sau khi bốn cái Tâm Tử Vô Sắc Giới sinh thì bốn cái Tâm Tái Sinh Vô Sắc Giới, loại trừ những Tâm Tái Sinh Vô Sắc Giới bậc thấp và bốn cái Tâm Tái Sinh Dục Giới Tam Nhân, thường được sinh khởi. Sau khi năm cái Tâm Tử Hữu Sắc Giới sinh thì 17 cái Tâm Tái Sinh, ngoài ra hai cái Tâm Tái Sinh Vô Nhân, thường được sinh khởi. Sau khi bốn cái Tâm Tử Dục Giới Tam Nhân sinh thì tất cả Tâm Tái Sinh, tức là 19 Tâm Tái Sinh Danh Pháp và 1 Tâm Tái Sinh Sắc Pháp thường được sinh khởi. Còn đàng sau từ ở các Tâm Tử còn lại, tức là 2 Tâm Tử Vô Nhân và 4 Tâm Tử Nhị Nhân sinh thì 10 Tâm Tái Sinh Dục Giới thường sinh khởi ở trong 11 Cõi Dục Giới chỉ ngần ấy mà thôi.

4. Hỏi: Hãy dịch nghĩa câu **Pāḷi** trình bày việc sinh khởi của Tâm Hữu Phần và Tâm Tử: **Iccevaṃ gahitapaṭisandhikānaṃ pana paṭisandhinirodhānantarato pabhuti tamevārammaṇamārabbhatadeva cittaṃ yāva cuticittuppādā asati vīthicittuppāde bhavassa aṅgabhāvena bhavaṅgasantatisaṅkhātaṃ mānasaṃ abbocchinnaṃ nadīsoto viya pavattati. Pariyosāne ca vacanavasena cuticittaṃ hutvā nirujjhati.**

4. Đáp: Theo như phần đã vừa đề cập đến, thì kể từ việc diệt mất của Tâm Tử một cách không gián đoạn của người bám giữ lấy việc Tái Sinh ở trong kiếp sống mới; vào sát na Tâm Lộ Trình không sinh, thì chính cái Tâm Tái Sinh ấy, tiếp thâu lấy Cảnh của Tâm Tái Sinh liền sinh khởi ở trong kiếp sống mới, quay trở lại làm thành cái Tâm được gọi là dòng **Tâm Hữu Phần (Bhavaṅgacitta)** liền sinh khởi không có gián đoạn, như là một **Chi Phần (Aṅga – Bộ Phận)** của kiếp sống, trọn suốt cho đến Tâm Tử lại sinh khởi lên, như dòng nước ở trong một con sông. Và trong chỗ chấm dứt của kiếp sống hiện tại, thì đích thị chính cái Tâm Hữu Phần tiếp thâu lấy Cảnh của Tâm Tái Sinh sinh khởi ở trong kiếp sống mới, tự quay trở lại làm thành Tâm Tử, với mãnh lực của việc chuyển di khỏi kiếp sống cũ, và rồi cũng diệt mất.

5. Hỏi: Hãy dịch câu kệ trình bày việc chỉ dẫn phương thức làm cho tiệt diệt vòng luân hồi.

5. Đáp: Dịch nghĩa câu kệ trình bày việc chỉ dẫn phương thức làm cho tiệt diệt vòng luân hồi, ấy là:

Paṭisaṅkhāya panetamaddhuvaṃ	**Adhigantvā padamaccutaṃ budhā**
Susamucchinnasinehabandhanā	**Samamessanti cirāya subbatā.**

Phương thức tu tập làm cho tiệt diệt vòng luân hồi hiện hữu như vầy:

Bậc hữu trí một cách thường luôn là bậc đã được tái sinh với cả Tam Nhân, có sự hoan hỷ duyệt ý trau giồi tu tập; là thọ trì giới luật, thực hành **Điều Tiết Dục (Dhutaṅga – Hành Đầu Đà),** tiến tu **An Chỉ (Samādhi)** với một thời gian lâu dài, quán sát thẩm thấu được sự hiện hành của Tâm và Tâm Sở chỉ là vật không thường; thế rồi sẽ chứng ngộ đến Pháp bất diệt là Níp Bàn, do bởi Tuệ Đạo – Tuệ Quả, hoàn toàn tiệt diệt sợi dây triền phược, ấy là **Ái Dục (Taṇhā),** sẽ chứng đạt được an vui Níp Bàn tĩnh lặng, và đoạn lưu tất cả mọi **Pháp Hành (Saṅkhāradhamma)** một cách kiên định.

6. Hỏi: a/. Hãy trình bày câu Chú Giải, luôn cả lời dịch nghĩa ở trong các từ ngữ tiếp theo đây: **Āyukkhayamaraṇa, Kammakkhayamaraṇa, Ubhayakkha maraṇa, Upacchedakamaraṇa.**

b/. Trong cả bốn thể loại tử vong này, thì sự tử vong ở thể loại nào được liệt vào hạng Hợp Thời Tử Vong, và sự tử vong ở thể loại nào thì sắp vào hạng Phi Thời Tử Vong.

6. Đáp: a/. 1. **Thọ Mạng Diệt Tử Vong (Āyukkhayamaraṇa):** trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Āyuno khayaṃ = Āyukkhayaṃ** - Sự chấm dứt của thọ mạng, gọi là Thọ Mạng Diệt. **Āyukkhayena maraṇaṃ = Āyukkhayamaraṇaṃ** - Sự tử vong do bởi chấm dứt thọ mạng, gọi là Thọ Mạng Diệt Tử Vong.

2. Nghiệp Lực Diệt Tử Vong (Kammakkhayamaraṇa): trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Kammassa khayo = Kammakkhayo** - Sự chấm dứt của Nghiệp Lực, gọi là Nghiệp Lực Diệt. **Kammakkhayena maraṇaṃ = Kammakkhayamaraṇaṃ** - Việc tử vong do bởi chấm dứt của Nghiệp Lực, gọi là Nghiệp Lực Diệt Tử Vong.

3. Nhất Song Diệt Tử Vong (Ubhayakkhayamaraṇa): trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Ubhayesaṃ khayo = Ubhayakkhayo** - Sự chấm dứt của cả hai, Tuổi Thọ và Nghiệp Lực, gọi là Nhất Song Diệt. **Ubhayakkhayena maraṇaṃ = Ubhayakkhayamaraṇaṃ** - Sự tử vong do bởi chấm dứt của cả hai, Tuổi Thọ và Nghiệp Lực, gọi là Nhất Song Diệt Tử Vong.

4. Tiệt Quan Hệ Tử Vong (Upacchedakamaraṇa – Đình Chỉ Tử Vong): trình bày câu Chú Giải nói rằng: **Upacchindatīti = Upacchedakaṃ** - Nghiệp Lực nào thường hay xen vào cắt đứt Dị Thục Quả và Sắc Nghiệp Lực đã được thọ sinh từ Xuất Sinh Nghiệp Lực, như thế, Nghiệp Lực ấy gọi là Tiệt Quan Hệ. Tức là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực, 8 Đại Thiện Nghiệp Lực, 1 Đạo Vô Sinh Nghiệp Lực.

Upacchedakakammunā maraṇaṃ = Upacchedakamaraṇaṃ - Việc tử vong do bởi Nghiệp Lực xen vào cắt đứt Dị Thục Quả và Sắc Nghiệp Lực, gọi là Tiệt Quan Hệ Tử Vong (Bất Đắc Kỳ Tử).

b/. Cả bốn thể loại của sự tử vong như đã vừa đề cập đến ở tại đây, với người tử vong do bởi Thọ Mạng Diệt Tử Vong, Nghiệp Lực Diệt Tử Vong, và Nhất Song Diệt Tử Vong, với cả ba thể loại này thì gọi là **Hợp Thời Tử Vong (Kālamaraṇa),** là vì việc tử vong ở thể loại này đã đến thời lúc. Còn người tử vong do bởi Tiệt Quan Hệ Tử Vong, gọi là **Phi Thời Tử Vong (Akālamaraṇa – Bất Đắc Kỳ Tử),** là vì việc tử vong vẫn chưa phải đến thời lúc.

7. Hỏi: Hãy trình bày câu kệ biểu thị sự tử vong ở thể loại Phi Thời Tử Vong cho được biết với.

7. Đáp: Sự tử vong ở thể loại Phi Thời Tử Vong đây, hiện hữu với nhau có rất nhiều thể loại, đó là:

1. Jighacchāya pipāsāya — Ahidaṭṭhā visena ca
Aggi uddhaka sattīhi — Akāle tattha mīyati.
2. Vāta pittehi semhena — Sannipāta utūhi ca
Visamopakkama kammehi — Akāle tattha mīyati.

1. Thường tử vong ở trong thời kỳ vẫn chưa phải đến thời lúc, do bởi bị đói bụng, khát nước; bị rắn cắn, bị đầu độc, bị lửa đốt cháy, bị chìm dưới nước, bị vũ khí sát hại.

2. Thường tử vong ở trong thời kỳ vẫn chưa phải đến thời lúc, do bởi cảm gió, bệnh tật; bệnh liên quan đến đàm suyễn; bệnh sốt rét; bệnh tổng hợp với 2 hoặc 3 thể loại dị ứng hợp chung vào nhau liên quan với gió, mật, đàm; bệnh liên quan với khí hậu thời tiết hoặc **Tiệt Quan Hệ Nghiệp Lực (Upacchedakakamma);** bởi do việc tái sinh của mình bất quân bình, bất hợp vệ sinh, mất thể lực bởi do sự nỗ lực của tự bản thân hoặc của tha nhân.

8. Hỏi: Trong từ ngữ thẩm định **Yathārahaṃ** này, hãy trình bày cả ba điềm tướng hiện khởi trong lúc cận tử lâm chung, rằng sẽ sinh khởi đồng câu hành cùng một thời điểm với nhau có được hay không ?

8. Đáp: Yathārahaṃ: từ ngữ **Yathārahaṃ** dịch là **Ứng Cai** tùy theo thích hợp. Từ ngữ "tùy theo thích hợp" đây, gồm có hai ý nghĩa, đó là:

1. Yathārahaṃ kammaṃ vā, kammanimittaṃ vā, gatinimittaṃ vā, paccupaṭṭhāti - Có nghĩa là: Ở trong lúc cận tử lâm chung đấy, thì cả ba trường hợp điềm tướng này không thể bất câu hành hiện khởi trong cùng một thời điểm với nhau, và không thể có bất luận một điềm tướng nào trong cả thể loại này sẽ không hiện khởi lên được. Sẽ nói rằng, giả như Nghiệp Lực có được cơ hội, thế thì Cảnh Nghiệp sẽ hiện bày. Nếu giả như Nghiệp Tướng có được cơ hội, thế thì Cảnh Nghiệp Tướng sẽ hiện bày. Và nếu giả như Thú Tướng có được cơ hội, như thế, Cảnh Thú Tướng sẽ được hiện bày.

2. Yathārahanti sugatiduggati gāmīnaṃ arahānurūpaṃ paccupaṭṭhāti - Có nghĩa là: Cả ba thể loại điềm tướng đây, bất luận một thể loại nào cũng thường hay hiện bày tùy theo thích hợp đối với người sẽ đi thọ sinh đến các Cõi Thiện Thú và Khổ Thú.

9. Hỏi: Từ ngữ **Nghiệp Tướng (Kammanimitta)** có nghĩa là chi ? Có bao nhiêu thể loại ? Là những chi ? Luôn cả nêu ví dụ so sánh cho được thấy rõ với (Bên phía Thiện hoặc Bất Thiện cũng được)

9. Đáp: Từ ngữ Nghiệp Tướng có nghĩa là Cảnh làm thành tác nhân của hành động tạo tác, hiện hữu với nhau ở hai thể loại, ấy là:

1. Tiếp Thu (Upaladdhapubbaṃ),

2. Phụ Trợ (Upakaraṇabhūtaṃ),

có nghĩa là 6 Cảnh làm thành Nghiệp Tướng hiện hữu với nhau ở hai thể loại, đó là:

1. Tiếp Thu Nghiệp Tướng (Upaladdhakammanimitta) và

2. Phụ Trợ Nghiệp Tướng (Upakaraṇakammanimitta).

Tiếp Thu Nghiệp Tướng tức là 6 Cảnh mà mình đã được xúc mục làm thành chủ vị ở trong sát na tạo tác. Phụ Trợ Nghiệp Tướng tức là 6 Cảnh mà mình đã được xúc mục, nhưng bất thành chủ vị, mà chỉ làm thành vật phụ trợ câu hành ở trong sát na tạo tác.

Như thế, một khi phân tích 6 Cảnh mà mình đã được xúc mục ở trong sát na tạo tác bởi theo việc làm thành chủ vị, thì gọi là Tiếp Thu Nghiệp Tướng; và bởi theo việc bất thành chủ vị, thì gọi là Phụ Trợ Nghiệp Tướng; có được như sau:

I. Bên phía Thiện:

1. Xả Thí (Dāna): Cúng dường Đức Phật và Chư Tăng, bỏ vật thực vào bình bát, làm Lễ Thí Tăng Y **Kaṭhina,** kiến tạo tu viện chùa chiền, thực phẩm thượng vị, Tỳ Khưu - Sa Di; đã làm thành Tiếp Thu Nghiệp Tướng. Ảnh tượng Đức Phật, bông hoa, hương đăng, mền chiếu, bệ đài, bàn ghế, cùng với cả người giúp đỡ, lu hũ, mâm khay; đã làm thành Phụ Trợ Nghiệp Tướng.

+ Vật thí cúng dường, và Tỳ Khưu – Sa Di là **Thụ Thí Xả Nhân (Paṭiggahaka);** đã làm thành Tiếp Thu Nghiệp Tướng. Việc trang hoàng tô điểm, nhạc cụ, khách khứa, người làm việc; đã làm thành Phụ Trợ Nghiệp Tướng.

+ Tu viện, chùa chiền, tự viện; đã làm thành Tiếp Thu Nghiệp Tướng. Vật liệu xây dựng, thợ mộc, thợ nề, cho đến tất cả những người có liên hệ ở trong việc phụ giúp các công việc này; đã làm thành Phụ Trợ Nghiệp Tướng.

2. Trì Giới (Sīla): Tỳ Khưu – Sa Di là vị truyền giới, việc phát ra lời truyền giới, việc thốt lên lời thọ trì giới của mình; đã làm thành Tiếp Thu Nghiệp Tướng. Vật lễ tôn kính cúng dường, cho đến cả con người và địa điểm trú xứ; đã làm thành Phụ Trợ Nghiệp Tướng.

+ Nếu giả như xuất gia thọ Giới Tử, **Bát Vật Dụng** của vị Tỳ Khưu (**Aṭṭha parivāra** = 1. **Patto**: bình bát, 2. **Ticīvaraṃ**: tam y (tính 3), 5. **Kāyabandhanaṃ**: đai thắt lưng, 6. **Vāsi**: dao cạo, 7. **Sūci**: kim may, 8. **Parissāvanaṃ**: vải lọc nước), Tỳ Khưu Tăng, Chánh Điện, việc tụng đọc kinh, việc tụng tuyên ngôn (**Kammavācā**: đọc tuyên ngôn trong khi Tăng Sự); đã làm thành Tiếp Thu Nghiệp Tướng. Các vật dụng ngoài ra bát vật dụng của vị Tỳ Khưu, và các lễ vật cúng dường, cho đến cả con người đi đến trong công việc lễ hội, việc đón rước, đi nhiễu Phật hoặc bảo tháp, đội kèn; đã làm thành Phụ Trợ Nghiệp Tướng.

3. Tiến Tu (Bhāvanā): Nếu như tiến tu Thiền **An Chỉ (Samatha)** thì các Chi Nghiệp Xứ như có đề mục **Hoàn Tịnh (Kasiṇa),** v.v. cho đến cả oai nghi ngồi (Tọa Thiền) và các việc **Chuẩn Bị Tướng (Parikammanimitta), Cận Hành Tướng (Uggahanimit ta), Quang Tướng (Paṭibhāganimitta), Nhập Thiền Định (Appanājhāna),** các vị Thiền Sư đây; đã làm thành Tiếp Thu Nghiệp Tướng. Con người, trú xứ và các vấn đề khác, mà có liên quan với việc tiến tu Thiền An Chỉ; đã làm thành Phụ Trợ Nghiệp Lực.

+ Nếu như tiến tu Thiền **Minh Sát Tuệ (Vipassanā)** thì Danh – Sắc, các Tiểu – Đại Oai Nghi, Chánh Niệm – Tỉnh Giác, các vị Thiền Sư; đã làm thành Tiếp Thu Nghiệp Tướng.

Các địa điểm trú xứ, và các vật dụng khác khác, cho đến cả con người, mà có liên quan ở trong việc tiến tu Thiền Minh Sát Tuệ; đã làm thành Phụ Trợ Nghiệp Tướng.

+ Việc nghiên cứu học hỏi Giáo Pháp, kinh điển, bậc Giáo Thọ, việc đọc đi đọc lại, cho đến luôn cả các lời giảng giải; đã làm thành Tiếp Thu Nghiệp Tướng. Trú xứ, giảng đường, các đồ dùng vật dụng khác khác, mà có liên quan với việc học hỏi; đã làm thành Phụ Trợ Nghiệp Tướng.

II. Bên phía Bất Thiện:

1. Sát Tử (Pāṇātipāta): Loài Hữu Tình bị sát hại, bị đánh đập, cử chỉ hành động của mình; làm thành Tiếp Thu Nghiệp Tướng. Địa điểm trú xứ, các đồ dùng vật dụng khác khác, mà có liên quan với việc sát hại, thịt, da, xương, v.v.; làm thành Phụ Trợ Nghiệp Tướng.

2. Thâu Đạo (Adinnādāna): Những tài sản của cải, cử chỉ hành động của mình; làm thành Tiếp Thu Nghiệp Tướng. Trú xứ địa điểm, dụng cụ đồ nghề; làm thành Phụ Trợ Nghiệp Tướng.

3. Tính Dục Tà Hạnh (Kāmesumicchācāra): Tự bản thân và với người mà ta chung chạ; làm thành Tiếp Thu Nghiệp Tướng. Địa điểm trú xứ, việc thốt ra lời, v.v.; làm thành Phụ Trợ Nghiệp Tướng.

4. Vọng Ngữ (Musāvāda): Lời nói không chân thật, và các sự vật cũng không xác thực; đã làm thành Tiếp Thu Nghiệp Tướng. Người lắng nghe; đã làm thành Phụ Trợ Nghiệp Tướng.

5. Ẩm Tửu Trầm Túy (Surāmeraya): Tự ẩm tửu cùng với việc say xỉn; đã làm thành Tiếp Thu Nghiệp Tướng. Chai rượu bia với các món ăn nhấm nháp, bầu bạn và bà con thân thích, địa điểm trú xứ, cho đến luôn cả các vật dụng khác khác nữa; đã làm thành Phụ Trợ Nghiệp Tướng.

Tóm lại, trong cả hai thể loại điềm tướng, Tiếp Thu Nghiệp Tướng và Phụ Trợ Nghiệp Tướng đây, thì tất cả các sự vật hữu sinh mạng và phi sinh mạng hữu quan một cách trực tiếp với việc tác hành Thiện Sự hoặc Bất Thiện Sự; thì làm thành Tiếp Thu Nghiệp Tướng. Còn những sự vật khác khác, là các vật dụng phối hợp, hỗ trợ, và giúp đỡ đối với việc tác hành Thiện Sự hoặc Bất Thiện Sự, thì những thể loại này làm thành Phụ Trợ Nghiệp Tướng.

10. Hỏi: Từ ngữ **Thú Tướng (Gatinimitta)** có nghĩa là chi ? Có bao nhiêu thể loại ? Là những chi ? Luôn cả nêu ví dụ so sánh cho được thấy rõ với (Bên phía Thiện hoặc Bất Thiện cũng được)

10. Đáp: Từ ngữ Thú Tướng có nghĩa là Cảnh của kiếp sống sẽ đi đến. Đề cập đến là Cảnh sẽ được tiếp xúc, sẽ được thụ lãnh ở trong kiếp sống thứ hai, gọi tên là Thú Tướng và hiện hữu ở hai thể loại:

1/. Thu Dung Thú Tướng (Upalabhitabbagatinimitta) và

2/. Thụ Dụng Thú Tướng (Upabhogabhūtagatinimitta).

Thu Dung Thú Tướng có nghĩa là những 6 Cảnh của kiếp sống mà sẽ phải xúc mục. Thụ Dụng Thú Tướng có nghĩa là những 6 Cảnh của kiếp sống mà sẽ phải được thụ hưởng. Như thế, một khi sẽ phân tích những thể loại Thú Tướng này thể theo Thu Dung Thú Tướng

và Thụ Dụng Thú Tướng thì sẽ có được như vầy: Nếu giả như sẽ đi thọ sinh ở trong Cõi Thiên Giới, thì sẽ được trông thấy chiếc long xa, tòa Thiên Cung, Thiên Nam Tử, Thiên Nữ Tử, vật trang sức, hoa viên, ao hồ; và như thế, với những thể loại này đã làm thành Thu Dung Thú Tướng. Nếu như cảm thấy bản thân mình đang được ngồi ở trong chiếc long xa, hoặc đang được dạo chơi trong các địa điểm trú xứ cùng với sự vui mừng hớn hở ở trong lòng, hoặc đang được thọ Tiên Thực cùng chung với Thiên Nam Tử và Thiên Nữ Tử, hoặc đang mang những vật Thiên trang sức; và như thế, với những thể loại này đã làm thành Thụ Dụng Thú Tướng.

11. Hỏi: Hãy trình bày câu kệ biểu thị sự hiện hành của dòng tâm thức khi sắp cận tử lâm chung, luôn cả lời dịch nghĩa.

11. Đáp: Câu kệ trình bày sự hiện hành của dòng Tâm Thức khi cận tử lâm chung, cùng với lời dịch nghĩa: **Tato paraṃ tameva tathopaṭṭhitaṃ ārammaṇaṃ ārabbha vipacca mānaka kammānūrūpaṃ parisuddhaṃ upakkiliṭṭhaṃ vā upalabhitabba bhavānu rūpaṃ tatthoṇataṃva cittasantānaṃ abhiṇhaṃ pavattati bāhullena.**

Tiếp đến, y cứ theo những thể loại Cảnh, có Nghiệp, Nghiệp Tướng, và Thú Tướng mà đã đến hiện bày tùy thuận theo chính các trạng thái đấy; thì dòng tâm thức thường luôn trôi chảy ấy, hoặc thanh tịnh hoặc ưu não, cũng tùy thuận theo với Nghiệp Lực mà sẽ trổ sinh quả báo; và phần lớn có trạng thái hiện hành y như thể thiên hướng tâm phù hợp theo ở trong kiếp sống mà sẽ phải đi thọ sinh.

12. Hỏi: Hãy trình bày sự khác biệt giữa Thu Dung Thú Tướng (**Upalabhi abbagatinimitta**) và Thụ Dụng Thú Tướng (**Upabhogabhūtagatinimitta**) trong Bộ Đại Phụ Chú Giải Siêu Lý Giải Minh mà Ngài Phụ Chú Giải đã đề cập đến.

12. Đáp: Thu Dung Thú Tướng và Thụ Dụng Thú Tướng đã được trình bày để ở trong bộ Đại Phụ Chú Giải Siêu Lý Giải Minh (**Paramatthadīpanīmahāṭīka**): Trong Bộ Đại Phụ Chú Giải Siêu Lý Giải Minh đã có trình bày cả hai Thú Tướng đây làm thành hai phần, ấy là:

1/. Phần thứ nhất đề cập đến Thu Dung Thú Tướng đấy ở phần **Khổ Thú Tướng (Dugatinimitta)**, và Thụ Dụng Thú Tướng ở phần **Thiện Thú Tướng (Sugatinimitta).** Trong cả hai trường hợp này, những Cảnh có quan hệ với Tứ Cõi Thống Khổ, là thuộc Khổ Thú Tướng; và các Cảnh có quan hệ với Cõi Nhân Loại, Cõi Thiên Giới, Cõi Phạm Thiên Giới, là thuộc Thiện Thú Tướng.

2/. Phần thứ hai đề cập đến các Cảnh có quan hệ với xác thân, là thuộc Thu Dung Thú Tướng; và các Cảnh bất quan hệ với xác thân, mà chỉ sẽ làm cho phải thụ lãnh hạnh phúc – khổ đau, là thuộc Thụ Dụng Thú Tướng.

13. Hỏi: Người sắp cận tử lâm chung có tâm thức sầu khổ ưu não vì điềm tướng bất tường đã đi đến hiện bày; nếu nhỡ như người ở sát cạnh bên hoặc người đã mục xúc rõ biết việc, sẽ có phương thức giải cứu được hay không ? Nếu được, xin nêu ví dụ để dẫn chứng.

13. Đáp: Người sắp cận tử lâm chung một khi đã có tâm thức sầu khổ ưu não do bởi Thú Tướng bất tường đã đi đến hiện bày rồi, và nếu như có người ở sát bên hoặc người kề cận có được nhìn thấy tỏ tường với cả sự hiểu biết ở trong phương thức cứu giải, thì cũng có khả năng sẽ chuyển đổi điềm tướng bất tường ấy cho được xoay trở lại thành hảo điềm tướng. Chẳng hạn như vị Tỳ Khưu là thân phụ của Ngài Trưởng Lão Vô Sinh **Soṇa** sinh sống ở trong Chùa **Soṇagiri** của Ngài. Đang khi vẫn còn khỏe mạnh thì thường chỉ ưa thích hành nghề ở trong lãnh vực của việc săn bắn, dù cho đã bị người con trai khuyên bảo và ngăn cấm biết là bao nhiêu, nhưng cũng vẫn không chịu từ bỏ; mãi cho đến khi đã già nua rồi, thì mới chịu đi xuất gia với vị Tỳ Khưu con trai của mình. Đến một lúc đã thọ bệnh trầm kha và tất sẽ phải mạng vong, thì Thú Tướng bất tường cũng đã đi đến hiện bày; tức là được trông thấy một con chó to lớn từ ở dưới chân núi nhảy vào cắn xé, mới liền cất tiếng khóc la ầm ĩ xin được cứu giúp từ ở vị Tỳ Khưu con trai của mình. Về phía vị Tỳ Khưu hiếu tử cũng đã liễu tri được rằng đây là Thú Tướng có liên quan với Cõi Địa Ngục đã đi đến hiện bày đối với người Cha rồi, mới cho vị Sa Di đi hái bông hoa đến sắp bày để ở ngay trước ảnh tượng của Đức Thế Tôn, rồi mới khiêng người Cha vào đến nơi đó, bảo cho được biết rằng bông hoa này là để cúng dường đến Đức Thế Tôn, xin nguyện cho người Cha có được sự chú tâm vào việc cúng dường, rồi hướng tâm nghĩ đến Cửu Hồng Ân của Đức Phật. Người Cha cũng chịu làm theo chẳng chút cưỡng lại, và trong phút giây đó thì Thú Tướng liên quan đến Cõi Địa Ngục cũng liền diệt mất, và thay vào đó, Thú Tướng liên quan với Cõi Thiên Giới là nàng Thiên Nữ đã đi đến hiện bày. Vị Tỳ Khưu là thân phụ đã có sự hoan hỷ duyệt ý, và đã cất tiếng bảo với vị Tỳ Khưu hiếu tử rằng: "Cô ấy đi vào, hãy tránh ra cho họ đi vào với !" Khi tâm thức đã có sự hân hoan tươi tỉnh với **niềm hoan hỷ phỉ lạc (Pītisomanassa)** khởi sinh lên như vậy rồi, đến phút giây tử vong thì đã được thọ sinh về Cõi Thiên Giới.

14. Hỏi: Hãy trình bày khoảng thời gian khác biệt giữa **Lộ Trình Cận Tử (Maraṇasannavithī)** với **Lộ Trình Cùng Tận Tử (Paccāsannamaraṇavīthi);** và hãy trình bày Lộ Trình Cùng Tận Tử này có được bao nhiêu Lộ Trình ? Là nhưng chi ?

14. Đáp: Lộ Trình Cận Tử (thông thường) hoặc Người sẽ tử vong, lập ý lấy Người sẽ tử vong ở trong khoảng 1 – 2 phút, hoặc 1 – 2 giờ đồng hồ, v.v. đấy, mới không được gọi là người Cùng Tận Tử, chỉ gọi là người Cận Tử, là người sắp sửa sẽ tử vong mà thôi. Vì thế, việc trình bày Lộ Trình Cận Tử ở trong đoạn văn **Pāḷi** này, chính là lập ý lấy **Lộ Trình Cùng Tận Tử (Paccāsannamaraṇavīthi)** đó vậy, chẳng phải lập ý lấy Lộ Trình sinh khởi đối với người sắp sửa sẽ tử vong ở trong khoảng 1 – 2 phút, hoặc 1 – 2 giờ đồng hồ, v.v., đó chỉ là Lộ Trình Cận Tử thông thường sinh khởi đối với người sắp sửa sẽ tử vong ở trong khoảng 1 – 2 phút, hoặc 1 – 2 giờ đồng hồ, v.v., đã được trình bày ở trong sự kiện về việc hiện bày của cả ba điềm tướng. Trong hai trường hợp này, ấy là:

+ Có hai trường hợp Tâm Tử sinh khởi ở chỗ tận cuối của Lộ Trình Tâm, tức là:

1. 5 chặp Đổng Lực, 2 chặp Na Cảnh rồi Tâm Tử sinh khởi,
2. 5 chặp Đổng Lực rồi Tâm Tử sinh khởi.

+ Có hai trường hợp Tâm Tử sinh khởi khi Tâm Hữu Phần cuối cùng diệt mất:

1. 5 chặp Đổng Lực, 2 chặp Na Cảnh, 1 – 2 – 3 chặp Hữu Phần rồi Tâm Tử sinh khởi.

2. 5 chặp Đổng Lực, 1– 2 – 3 chặp Hữu Phần rồi Tâm Tử sinh khởi.

Như thế, **Lộ Trình Cận Tử (Maraṇasannavīthi)** thuộc thể loại **Lộ Trình Cùng Tận Tử (Paccāsannamaraṇavīthi)** mới có được 4 phân loại, đó là:

1. Đổng Lực, Đổng Lực, Đổng Lực, Đổng Lực, Đổng Lực, Na Cảnh, Na Cảnh, Tử.
2. Đổng Lực, Đổng Lực, Đổng Lực, Đổng Lực, Đổng Lực, Tử.

1. Đổng Lực, Đổng Lực, Đổng Lực, Đổng Lực, Đổng Lực, Na Cảnh, Na Cảnh, Hữu Phần v.v. Tử.
2. Đổng Lực, Đổng Lực, Đổng Lực, Đổng Lực, Đổng Lực, Hữu Phần, v.v. Tử.

15. Hỏi: Tất cả mọi người thường hiểu biết sai trật ở trong câu chuyện về Tử Vong, câu chuyện về Sinh Khởi, **Tà Thắng Giải (Micchādhimokkha – Mậu Chủng),** là quyết định sai lầm rằng tất cả Chúng Hữu Tình đã tử vong rồi, và vẫn chưa có đi tái sinh. Tác nhân ở bên ngoài đã làm cho có sự hiểu biết sai trật thì có được bao nhiêu trường hợp ? Là những chi ?

15. Đáp: Tất cả mọi người hiểu biết sai trật rằng một khi tất cả Chúng Hữu Tình đã tử vong, thì vẫn chưa có đi tái sinh ở trong kiếp sống mới ngay lập tức, vẫn đang còn đi tìm kiếm kiếp sống, mà đó là sự hiểu biết sai trật với Sự Thật (Chân Lý). Sự hiện hành như vậy là cũng bởi vì những hạng người này chẳng có việc nghiên cứu học hỏi đến sự hiện hành ở trong các sự kiện Sinh – Trụ - Diệt của Ngũ Uẩn Danh Sắc một cách tốt đẹp. Một khi có được tiếp xúc với tác nhân ở bên ngoài thì sẽ dễ làm cho có sự hiểu biết sai lệch như thế ấy, đã thấm nhập quan kiến sai lầm về **Tà Thắng Giải (Micchādhimokkha – Mậu Chủng),** là sự quyết định sai lầm rằng tất cả Chúng Hữu Tình đã tử vong rồi, thì vẫn chưa có đi tái sinh. Sinh khởi quan kiến như vậy, là bởi do tác nhân ở bên ngoài đã làm cho có sự hiểu biết sai trật đây, hiện hữu với nhau ở hai trường hợp, ấy là:

1/. Một số người đã tử vong rồi, lại có thể đi đến tự biểu hiện cho người khác được trông thấy qua hình hài thân tướng, cử chỉ hành động, và cho đến cả vật trang sức sắc thân; cũng có thể hiện hành tương tự như khi vẫn còn hữu sinh mạng.

2/. Từ ngữ **Sambhavesī** ở trong bài Kinh Tụng Thất Kệ thuộc bổn của nhà nước dịch rằng: "Loài Hữu Tình đang đi lang thang tìm kiếm sinh thú". Khi từ ngữ đã được dịch như vậy, thì cho dù người hiểu biết về **Pāḷi**, hoặc không có hiểu biết về **Pāḷi** đi nữa, một khi đã đọc rồi thì ai ai cũng rủ nhau hiểu biết sai lệch rằng "loài Hữu Tình đã tử vong đấy vẫn đang còn tìm kiếm kiếp sống mới, vẫn chưa có được thọ sinh, loài Hữu Tình gọi là **Sambhavesī** (Đãi Xuất Sinh Hồn).

16. Hỏi: Hữu Tình được gọi là **Sambhavesī** (Đãi Xuất Sinh Hồn) đấy, lập ý đến những hạng loại Hữu Tình nào ?

16. Đáp: Sự thật về hai trường hợp tác nhân này, cũng được hiện hữu ở hai trường hợp, ấy là:

1/. Người đã tử vong rồi, lại có thể đi đến tự biểu hiện cho người khác được trông thấy đó, là chẳng phải chưa có đi thọ sinh; mà tất cả đều đã đi tái sinh ở trong kiếp sống mới hết cả rồi. Tuy nhiên việc tái sinh của những chúng sinh này, là chẳng phải được tái sinh ở trong chủng loại thông thường, mà chỉ là việc tái sinh một cách to lớn tức thì, và được gọi là Chủng Loại **Hóa Sinh (Opapātika).** Theo lẽ thường, chủng loại Hóa Sinh ấy có sự hiểu biết, sự ghi nhớ ở trong các câu chuyện của kiếp sống cũ mà chẳng có phai mờ, và vẫn hiện bày rõ ràng tốt đẹp. Như thế, khi tái sinh thành **Ngạ Quỷ (Peta)** ở trong thôn làng, hoặc thành **Thụ Khổ Nạn Giả Thiên (Vinipātikadevatā)** là hạng Chư Thiên ở tầng trời thấp, thì cả ba thể loại **Chấp Thủ (Upādāna)** có **Dục Thủ (Kāmupādāna), Kiến Thủ (Diṭṭhu pādāna)** và **Ngã Luận Thủ (Attavādūpādāna),** với sự nắm giữ chấp trước ở trong đời của kiếp sống cũ cũng tức thì được hiện bày, và thế rồi đã đi đến tự biểu hiện cho người khác được trông thấy. Nếu nhỡ như thành Ngạ Quỷ, thì cũng biểu hiện cho được trông thấy thật đáng kinh sợ. Nếu nhỡ như thành Thụ Khổ Nạn Giả Thiên, thì khi vẫn còn là Nhân Loại đã có đời sống ở thể loại nào, thì cũng sẽ biểu hiện cho được trông thấy ở dạng loại đó. Nếu nhỡ như người ấy đi tái sinh thành Hữu Tình Địa Ngục, Atula, Ngạ Quỷ, và trú ngụ ở cách xa khỏi Cõi Nhân Loại, thì việc **Chấp Thủ (Upādāna)** nắm giữ chấp trước ở trong đời sống hữu quan với kiếp sống cũ cho dù sẽ có sinh khởi đi nữa, tuy nhiên cũng vẫn không có cơ hội để sẽ đi đến tự biểu hiện cho người khác được trông thấy. Nếu đã là Chư Thiên ở tầng trời cao phối hợp với sự an lạc, thì việc Chấp Thủ nắm giữ chấp trước trong đời hữu quan với kiếp sống cũ, cũng vẫn không có cơ hội để sinh khởi lên được, và có thể chỉ có khởi sinh việc Chấp Thủ nắm giữ chấp trước trong đời sống hữu quan với kiếp sống mới tiếp nối theo.

2/. Loài Hữu Tình tên gọi là **Sambhavesī (Đãi Xuất Sinh Hồn)** đấy, tức là 4 Phàm Phu, 3 Bậc Hữu Học. Là như vậy cũng bởi vì việc tái sinh của những hạng người này vẫn chưa chấm dứt, còn phải tìm kiếm các kiếp sống nối tiếp. Từ ngữ **Sambhavesī (Đãi Xuất Sinh Hồn)** là từ ngữ đi đôi với từ ngữ **Bhūtā** mà đã được Đức Phật Ngài lập ý khải thuyết và có sự giải thích để ở trong bài **Kinh Từ Ái (Mettāsutta).**

17. Hỏi: a/. Nguyên nhân làm cho Sắc Tâm Cơ có năng lực yếu kém, và sinh khởi ở trong những thời điểm nào ?

b/. Hãy thẩm định Nghiệp Tướng Hiện Tại là xác thực hoặc ngụy tạo cho được nhận thức với rằng là thể loại Hiện Tại nào ?

17. Đáp: a/. Nguyên nhân Sắc Tâm Cơ có năng lực yếu kém:

Ở trong Thời Sinh Sản, Sắc Tâm Cơ có năng lực yếu kém, cũng vì thời gian ấy chính là Thời Sinh Sản, có nghĩa là thai nhi đang ở trong thai bào khi mà các bộ phận vẫn chưa sinh khởi cho được tròn đủ. Vào thời gian ấy, cơ thể có thực tính rất yếu kém, và vì thế, Sắc Tâm Cơ mới có năng lực yếu kém. Sắc Tâm Cơ có năng lực yếu kém trong khi mắc chứng bệnh tim mạch dị tật trầm kha, hoặc bị cho thuốc mê, là cũng do hữu quan với dị chứng bệnh trầm kha và thuốc mê ấy, làm thành tác nhân. Sắc Tâm Cơ có năng lực yếu kém trong thời gian cận tử lâm chung, là cũng do thời gian cận tử lâm chung ấy, làm thành tác nhân. Có nghĩa là theo lẽ thông thường, thì Sắc Nghiệp Lực thường sinh khởi vào từng mỗi sát na

Tâm, tuy nhiên vào thời gian cận tử lâm chung đấy, thì sẽ không thể đồng cùng câu sinh với từng mỗi sát na Tâm cho đến ngay cả lúc mạng chung được, là vì thường sẽ phải đồng cùng diệt mất với Tâm Tử, dù cho với bất kể hạng người nào. Như thế, việc sinh khởi của Sắc Nghiệp Lực vào thời gian cận tử lâm chung mới có số lượng rất ít nhưng lại diệt đi nhiều. Vì lý do này, Sắc Tâm Cơ mới có năng lực yếu giảm xuống. Khi Sắc Tâm Cơ có năng lực yếu giảm xuống do bởi các tác nhân như đã vừa đề cập đến, thì Tâm và Tâm Sở nương vào Sắc Tâm Cơ sinh khởi cũng có năng lực yếu giảm xuống theo cùng tương tự như nhau. Sau khi có việc mổ mắt xong, thì việc trông thấy thường không được rõ ràng lắm; sự việc như vậy là cũng vì vào thời gian ấy **Bọn Tổng Hợp Nhãn Thập (Cakkhudasakakalāpa)** sinh khởi chưa được tròn đủ lắm, khác biệt với việc trông thấy của người có đôi mắt tốt đẹp một cách bình thường.

b/. Thẩm định Nghiệp Tướng Hiện Tại là xác thực hay ngụy tạo:

Trong điều này làm cho được thấu hiểu với nhau là Đổng Lực Cận Tử và Tâm Tái Sinh Dục Giới đây, thì đôi khi cũng có Nghiệp Tướng Quá Khứ làm thành Cảnh, và đôi khi cũng có Nghiệp Tướng Hiện Tại làm thành Cảnh. Trong cả hai trường hợp này, nếu như Đổng Lực Cận Tử và Tâm Tái Sinh Dục Giới có Nghiệp Tướng Quá Khứ làm thành Cảnh rồi, thì dù cho như thế nào đi nữa cũng chẳng cần phải xem xét là xác thực hay ngụy tạo, bởi vì chỉ có một thể loại duy nhất là xác thực. Tiếp đến khi có Nghiệp Tướng Hiện Tại làm thành Cảnh rồi, thì mới phát sinh lên việc xem xét chỗ gọi là Nghiệp Tướng Hiện Tại này là thực hay giả. Sự việc như vậy cũng bởi vì từ ngữ nói rằng Nghiệp Tướng, dịch nghĩa là "Cảnh của Nghiệp làm thành vị chủ nhân cho Tâm Tái Sinh sinh khởi", tức là Thiện – Bất Thiện Nghiệp Lực sinh khởi trước thời gian sắp cận tử lâm chung; hoặc nhiều giờ đồng hồ, nhiều ngày trời, nhiều tháng dài, nhiều năm qua. Còn Thiện – Bất Thiện Nghiệp Lực ở trong Đổng Lực Cận Tử đấy, thì không thể nào sẽ cho Tâm Tái Sinh sinh khởi lên được. Như thế, chỗ nói rằng Tâm Tái Sinh Dục Giới và tối đa là 6 cái Tâm Hữu Phần nữa, có Nghiệp Tướng Hiện Tại làm thành Cảnh đấy, thì chỉ có một loại duy nhất là giả hoàn toàn. Sẽ nói là Cảnh làm thành Thực Nghiệp Tướng đấy, thì đã diệt mất đi rồi, có thể chỉ là Cảnh có cùng một thể loại với Cảnh đã làm thành Thực Nghiệp Tướng đấy thì vẫn đang còn hiện hữu. Do đó, Đổng Lực Cận Tử, Tâm Tái Sinh, và Tâm Hữu Phần mới có Cảnh Hiện Tại, và đích thị chính cái Cảnh này được gọi tên là Nghiệp Tướng Hiện Tại, mà hiện hành ở trong khía cạnh **Hiện Tại Thừa Kế (Santatipaccuppanna)** (vẫn còn hiện hữu bởi theo việc nối tiếp), và chẳng phải hiện hành ở trong khía cạnh **Sát Na Thừa Kế (Khaṇapaccuppanna)**.

Kết Thúc Tử Vong Khởi Sinh Tứ Phần
Kết Thúc Phần Vấn - Đáp Về Tử Vong Khởi Sinh Tứ Phần
(Tập II – Chương V)
KẾT THÚC CHƯƠNG THỨ V – TỔNG HỢP THOÁT LY LỘ TRÌNH

----------00000----------

PHỤ LỤC

BÀI CẦU NGUYỆN CHƯ THIÊN (I)

(Do Ngài Đại Trưởng Lão **TỊNH SỰ** Soạn Tác)

Chí thành miệng vái tâm cầu,
Chư Thiên lớn nhỏ bất câu bậc nào,
Bốn tầng Sắc Giới rộng cao,
Xin nghe hiểu biết hiện vào trợ duyên.
Đặng tâm sáng kiến phát liền,
Biết nơi đáng sắp bày tuyên vừa người,
Dầu ai cản sái luận dư,
Chuyển lòng tinh tấn ngăn trừ sự lui.
Chư Thiên Dục Giới hưởng vui,
Vừa nghe cầu khẩn, tạm ngừng xét qua,
Từ Trời Tha Hóa cao xa,
Đến Cung Đao Lợi bao la năm tầng,
Giàu lòng bác ái thọ xưng,
Thấy đều bố cáo chuyển luân sắp bày.
Vị nào hoan hỷ cầu đây,
Ra ân trợ giúp chẳng chầy mau xong.
Hiện nay con rất hết lòng,
Mong cho Thiên Tướng oai phong bốn Ngài,
Thường luôn an lạc vui thay,
Tránh xa khổ não hằng ngày tiến lên,
Đặng ngôi Nguyên Soái vững bền,
Lòng Từ ủng hộ các nền Giáo Chân,
Chẳng nài khó nhọc ra ân,
Chúng con hữu sự có nhân nên cầu.
Vì e công chuyện trễ lâu,
Làm cho nhiều kẻ hao sầu thân tâm.
Nhờ Ngài xuống lệnh quyền thâm,
Chư Thiên lòng tốt quang lâm giúp thành.
Rất là ân trọng cao thanh,
Chúng con hồi hướng Phước lành kính dâng,
Chư Thiên lớn nhỏ các tầng,
Tùy hỷ công đức đồng mừng trợ chuyên.
Nương theo căn bản Ba Li,
Hết lòng cúng vái trong khi hữu cầu,
Tâm thành tưởng đến như chầu,

Trước sau chủ nguyện chẳng lâu ứng cùng.
Chúng con lễ vật phụng cung,
Khẩn cầu cho đặng theo trung thuật trần.
Mong nhờ Tứ Đại Thiên Vương,
Oai thần chuyển hóa tùy phương giúp thành.
Kính cầu Tứ Đại Thiên Vương,
Chúng con hữu sự nhờ nương Quý Ngài.
Cho bậc đủ sức giúp ngay,
Đặng mau thành tựu việc này đội ân.

BÀI CẦU TĂNG TRƯỞNG THIÊN VƯƠNG

Nguyện cầu Tăng Trưởng Thiên Vương,
Hoan tâm nhân loại Nam Phương Châu này.
Thời kỳ tai nạn lắm thay,
Nhiều điều khổ sở hiện nay thêm hoài.
Nhứt là giặc giã hằng ngày,
Làm cho dân chúng phải rày tử oan.
Những người còn lại nào an,
Nghèo khổ thiếu thốn đa đoan lắm bề.
Lại thêm chứng dịch đáng ghê,
Sau giây chết chóng khổ bề thuốc men.
Ngoài ra lại có bệnh soàn,
Hoặc do chất độc lắm phương nhiễm truyền.
Thất mùa, thất rẫy, thất vườn,
Bán buôn eo hẹp lắm thường hỏa tai.
Biết bao khổ sở khó bài,
Chỉ còn cầu nguyện đến Ngài Thiên Vương.
Hết lòng mong mỏi tứ phương,
Muốn Ngài trọn đặng thường thường an vui.
Xa lìa khổ não không sầu,
Hỷ xả oan trái còn đâu hại mà.
Chúng con có dạ thiết tha,
Nguyện cầu sớm đặng tránh xa nạn này.
Nhờ ân xuống đức cao dầy, Hộ trì tất cả từ đây hết nàn.

BÀI CẦU NGUYỆN CHƯ THIÊN (II)

Thỉnh cầu tất cả Chư Thiên,
Tột cùng Sắc Giới khắp miền nhân gian,

Chư Thiên lớn nhỏ các hàng,
Mỗi từng Trời cả đến sang chứng này.
Chư Thiên ở chốn gần đây,
Hoặc nơi xa cách Đông, Tây các miền.
Ở nơi cung điện động tiên,
Núi dài núi nhọn đất liền hư không,
Ở theo nhà cửa hay đồng,
Nương cây bóng mát hoặc sông hoặc rừng,
Cù lao hòn biển mênh mông,
Cùng nơi rẫy bái hư không giảng từng.
Bao nhiêu tất cả đã xưng,
Từ bi đến chứng cúng dưng yêu cầu.
Giúp con các sự chẳng lâu,
Đặng như ý muốn sẽ hầu đội ân.

THẬP CHÁNH KIẾN (SAMMÀDIṬṬHI 10)

Mười điều Chánh Kiến nên làm,
Nương theo tiến hóa Phước linh phát vào.
Một tin Phước Thí về sau,
Chắc rằng cho Quả hoặc mau hoặc chầy.
Hai tin Nghiệp Phước trước – nay,
Giới cùng Tịnh Huệ hành rày Quả cao.
Ba tin Tâm sạch làu làu,
Tâm tốt Quả tốt thế nào chẳng sai.
Bốn tin Thiện Ác cả hai,
Tạo chi gặp nấy không ai khỏi gì.
Năm tin hành động điều chi,
Tội Phước hai lẽ cũng thì do Ta.
Sáu tin hiếu thảo Mẹ Cha,

Cố nhiên Quả Phước phát ra cho mình.
Bảy tin Ngạ Quỷ Ngục Hình,
Chư Thiên, Phạm Chúng Hữu Tình Tứ sinh.
Tám tin hiện thế phải dành,
Đời này do bởi Tư Hành hiện đây.
Chín tin hậu thế sau này,
Vị Lai còn Nghiệp thời thay nối đời.
Mười tin đủ bậc cao vời,
Người tu đắc Quả có lời Phật Ngôn.

Ai ai xin ráng bảo tồn,
Noi gương Chánh Kiến trí khôn lợi mình.

THẬP PHÁP Y (NƯƠNG NHỜ)

Mười điều nương đỗ đặng nhờ,
Ai tu cũng phải bao giờ tìm luôn.
Một là Giữ Giới làm nguồn,
Trau giồi Thân Ngữ luôn luôn tốt hoài.
Hai là Nghe đặng nhiều thay,
Thành người thông thái biết rầy cao xa.
Ba là có Bạn Tốt mà,
Giúp nhau lợi ích trợ qua tu hành.
Bốn là Dễ Dạy khéo lanh,
Nghe theo Giáo Hóa lòng đành trọn vâng.
Năm là Siêng Sắn rất cần,
Tương tế cùng bạn trong phần xuất gia.
Sáu là không thích Pháp Tà,
Rất ưa Pháp Chánh những mà đúng chân.
Bảy là Tinh Tấn cao hơn,
Tứ Cần thường giữ làm nhân Níp Bàn.
Tám là Tri Túc tự an,
Mặc, ăn, thuốc, ở, theo đàng có ra.
Chín là Chánh Niệm cho già,
Mỗi khi làm nói điều mà biết theo.
Mười là Trí Huệ chẳng nghèo,
Thấu đáo thực tướng rành theo Pháp Hành.
Muốn cho giải thoát Tử Sinh,
Phải nhờ mười Pháp trợ thành đến nơi.

THẬP KHỔ NÃO (DUKKHA 10)

Trong đời khổ sở biết bao,
Cõi nào cũng có người nào cũng mang.
Mười điều khổ não chứa chan,
Tỏ bày thức tỉnh mở đàng xét suy.
Một là trạng thái bất kỳ,
Sinh già với chết chẳng vì một ai.
Hai là tom góp khổ thay,
Buồn rầu nhiều cảnh đêm ngày khóc than.

Ba là thường trực khổ tràng,
Nóng nực lạnh lẽo bởi mang thân này.
Bốn là khổ bệnh chẳng chầy,
Bất hòa tứ đại nổi gây tật nguyền.
Năm là nóng nẩy khổ duyên,
Việc chi rắc rối chẳng yên như thường.
Sáu là khổ quả bất lương,
Bởi Nghiệp chẳng tốt vấn vương chịu hoài.
Bảy là xen trộn cả hai,
Khổ Lạc nhị chủng đi hoài cận lân.
Tám là sự khổ vì ăn,
Tìm tòi nuôi miệng đa phần hơn chi.
Chín là khổ giặc nặng nguy,
Tìm đường chạy trốn có gì là hơn.
Mười là Khổ Uẩn hằng cơn,
Năm ấm sinh diệt các đơn đổi dời.

THẬP PHÚC HÀNH TÔNG (Puññākiriyavatthu 10)

Mười điều hạnh phúc tâm lành,
Nhân vui tiến hóa nên hành tốt thay.
Một là Bố Thí giúp rầy,
Cúng dường cho trợ cách bày rộng tâm.
Hai là Trì Giới thật nhằm,
Ngăn ngừa tội ác lỗi lầm ít sinh.
Ba là Tu Tiến chánh thanh,
Tịnh tuệ các Pháp lối hành rộng cao.
Bốn là Cung Kính cùng nhau,
Lễ phép khiêm nhượng hợp vào tục nghi.
Năm là lựa chọn điều gì,
Chánh Tà trúng trật biết thì mới xong.
Sáu là Hồi Hướng chư vong,
Hoặc cùng cho Phước người đồng hiện nay.
Bảy là Tùy Hỷ vui thay,
Thấy nghe công đức đặng hay như làm.
Tám là Thính Pháp càng ham,
Phát sinh tịnh tuệ hằng kham tỏ tường.
Chín là Thuyết Pháp chánh phương,
Như phun châu ngọc phô trương lợi người.
Mười là tạo Chánh Kiến như,

Rọi đèn khai sáng để trừ tối tăm.
Mấy điều gọi Phước chớ lầm,
Sự vật trợ giúp cho Tâm sạch thường.

THẬP PHƯỚC LUÂN HỒI

Mười điều cần nhứt chúng sinh,
Ở trong ba Cõi vòng quanh Luân Hồi.
Một là Tình Mẹ thương ôi,
Nhớ ơn nhũ bộ đền bồi sao xong !
Hai là Nghĩa Phụ mênh mông,
Công lao cúc dục nhọc lòng gian nan.
Ba là Chồng Vợ đôi đàng,
Mặc dù y phục nghĩa mang nặng nề.
Bốn là Nhi Tử thường lề,
Có ra thì phải lo bề dưỡng nuôi.
Năm là Dòng Họ tới lui,
Bà con cũng phải khổ vui cảm tình.
Sáu là thân thiết Bạn mình,
Sinh tử hoạn nạn giữ gìn tương giao.
Bảy là Của Cải dường bao,
Hoặc nhiều hay ít tâm nào rảnh đâu.
Tám là Lộc thiểu bất câu,
Có lòng thọ hưởng nhiều sâu trong đời.
Chín là Chức Phận cao nơi,
Ham theo quyền tước khó rồi mê danh.
Mười là Dục Lạc sẵn dành,
Làm cho dễ nhiễm tu hành khó hơn.
Người đời đâu khỏi các nhân,
Ai mà có trí tìm Nhân Níp Bàn.

Đặng thân Nhân Loại rất là may,
Gặp Phật ra đời cũng mấy ai,
Thính Pháp văn kinh đâu phải dễ,
Hiểu lời Phật dạy mới người hay.
Thế gian bảy báu lợi thường đời,
Chỉ giúp cho ta đến dứt hơi,
Pháp Phật hộ trì vô lượng kiếp,
Đến cùng tận khổ mới là thôi.
Đời là Người Cõi với hành vi,

Rốt ráo Níp Bàn chẳng có chi.
Tính kể bao lâu hoài chớ hết,
Được mà tận thế đó toàn vui.
Tìm tòi học hỏi lợi cho ta,
Hiểu biết rồi, phân lẻ Chánh Tà,
Phật Ngữ nay còn lưu đủ Tạng,
Giáo truyền chỉnh đốn chấp sai ngoa.

THẬP ĐỨC TÀI THIỆN TÍN

Mười điều công đức gia tài,
Của người thiện tín hằng ngày quý trau.
Một là đồng chịu cùng nhau,
Khổ vui chẳng bỏ việc nào với Tăng.
Hai là Thân Ngữ nói năng,
Các điều hành động ở ăn đàng hoàng.
Ba là trọng Pháp như vàng,
Làm chi thời cũng nương đàng y Kinh.
Bốn là vui dạ sẵn gìn,
Tùy theo sức có lòng tin cúng dường.
Năm là cần mẫn cho thường,
Học trong Phật Giáo theo đường Pháp cao.
Sáu là Chánh Kiến hằng trau,
Xét theo lý Pháp nâng cao tinh thần.
Bảy là xa lánh tín xằng,
Điềm cho hay trước với phần hên xui.
Tám là dầu thác vẫn vui,
Không đành tín ngưỡng tới lui đạo ngoài.
Chín là đoàn kết chớ phai,
Xả giao bạn Pháp thường hoài hòa nhau.
Mười là chẳng dối chút nào,
Quy y Tam Bảo Phước cao quý mầu.
Khuyên cùng thiện tín đâu đâu,
Thấy đều học biết sẽ hầu lợi chung.

----------00000----------

LỜI PHỤC NGUYỆN CỦA BIÊN TẬP VIÊN

Với tài trí bất khả tỷ giảo của Ngài Đại Trưởng Lão **SADDHAMMA JOTIKA** đã hình thành trí tuệ sắc bén, soạn tác bộ sách Chú Giải này, luôn cả toàn bộ Tạng Vô Tỷ Pháp vô cùng quý báu. Tất cả Nhân Thiên kính cung trí kính lễ ân đức sâu dầy của Ngài Đại Trưởng Lão.

Ngưỡng mong trí tuệ đặc thù mà Ngài có được, xin được thâm nhập và khải trí vào sở học sở cầu Kỷ Hạ, và vun bồi Tam Thập Pháp Ba La Mật hạnh Trí Tuệ xuyên suốt cho đến ngày chứng đắc Quả vị Chánh Đẳng Giác.

Ngưỡng mong công đức biên tập Bộ sách Chú Giải **Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp** (Tập II – Chương Thứ Năm), hội túc duyên Phước Báu to lớn, xin thành tâm chấp thủ trí kính lễ và kính dâng Quả Phước Báu thanh cao này hướng đến hai bậc Ân Sư, Ngài Đại Trưởng Lão **TỊNH SỰ (SANTAKICCO MAHĀ THERA),** và Ngài Đại Trưởng Lão **SIÊU VIỆT (ULĀRO MAHĀ THERA)** với tất cả lòng thành kính của con.

Ngưỡng mong công đức biên tập Bộ sách Chú Giải **Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp** (Tập II – Chương Thứ Năm), hội đủ túc duyên Phước Báu to lớn, xin thành kính dâng Quả Phước thanh cao này hướng đến Song Thân trí kính của con (Cha: Lê Văn Bé / Mẹ: Võ Thị Lý), đến Cô Tư Tu Nữ Phạm Thị Yên kính thương (Chùa Siêu Lý – Phú Định – Quận 6), đến Cô Tu Nữ Tịnh Nhẫn **Khantimā** (Lê Thị Phương Thảo - Virginia), đến Cô Diệu Pháp (thế danh là Vũ Thị Phương, Annapolis – Maryland), đến tất cả Chư Thiên hoan hỷ thùy từ hộ trì Chánh Pháp, đến tất cả những bậc Hữu Ân Phật Tử đã ủng hộ cho việc đánh máy, điều chỉnh, bổ túc với tất cả những kỷ năng kỳ công và phát hành bộ sách Chú Giải **Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp** (Tập II – Chương Thứ Năm), và chí đến toàn thể quý Phật Tử hữu duyên trong Chánh Pháp luôn được an vui trong Cảnh Quả Phước như ý nguyện mong cầu, đồng nhau cả thảy.

Ngưỡng mong ÂN ĐỨC PHÁP BẢO luôn mãi được tồn tại lâu dài cho đến năm ngàn năm, đem lợi lạc thù thắng vi diệu đến tất cả Chư Thiên, Chư Phạm Thiên, Nhân Loại và tất cả chúng sinh.

(Anumodanā, Anumodanā, Anumodanā).

Với tấm lòng Từ Ái,
Mettāparamatthapāramī

Hết lòng cẩn kính,
Bhikkhu PASĀDO

Sādhu, Sādhu, Sādhu

----------00000----------

Bố Thí, Pháp Thí vô song
Hương thơm thù thắng chẳng đồng Pháp Hương.
Bậc Trí biết cách cúng dường
Kiên trì chân chánh, con đường phúc vinh.
In this world, there are three things of value for one who gives…
Before giving, the mind of the giver is happy.
While giving, the mind of the giver is peaceful.
After giving, the mind of the giver is uplifted.
A 6.37

****

Gió Từ quét sạch rừng phiền não,
Mưa Pháp trôi đùa áng lợi danh.

----------00000----------

SABBADĀNAṂ DHAMMĀNAṂ JINĀTI
PHÁP THÍ THÙ THẮNG HƠN MỌI THẾ GIAN THÍ

----------00000----------

VÔ NHÂN KÍCH XÚC ĐẠO QUẢ NAN THÀNH
Không Người Công Kích - Đạo Quả Khó Thành

----------00000----------

"Trắc ẩn chi Tâm,
Nhân chi đoan dã,
Tu ố chi Tâm,
Nghĩa chi đoan dã."
"Có lòng trắc ẩn là nguồn gốc con người,
Có biết xấu hổ là nguồn gốc nghĩa khí !"

Đạo tất kiên Tâm,
Kiên Tâm tất Đạo thành.
Kiến công huân tảo hồi trình,
Tốc tiến am tu chân thân,
Nhất nhật phi thăng,

Tiên ban liệt danh.

Khi tin Đạo phải dâng lòng thành,

Sự nghiệp huy hoàng ắt vượng thân.

Nhưng hãy xây Chùa sớm tụng niệm,

Phi thân tiên vị với biệt danh.

----------00000----------

Sādhu, Sādhu, Sādhu.

Lành thay, Lành thay, Lành thay.

CẢM TÁC ĐỀ THI

Thu vãng phù dung đoạt lợi tranh,

Tinh thần dụng tận vạn thiên thiên,

Hóa tài hao tán giai nhân mệnh,

Cốt nhục oan cừu mạc oán thiên !

Nhạn quá quan san dong dực quyện,

Hoa khai hàn lĩnh nhất chi tiên,

Đáo đầu phùng đắc dương sơ hữu,

Ngã diệc lăng vân thượng bích thiên.

Bình sinh từ thiện lạc thiên chân,

Mao tiết lưu phương cập hậu côn,

Thân hữu kỷ đa vinh hiển sự,

Trùng trùng điệp điệp báo Hoàng Ân.

Long xà đáo xứ thị quy kỳ,

Vạn lý giang san bất cái di,

Thiên bạn chi lan hương ánh nhật,

Phi phàm trực hướng cửu thiên thời !

✿✿✿✿✿✿✿✿✿✿✿✿✿✿✿✿✿✿✿✿✿✿✿✿✿✿✿✿

CATUDDISA SAṄGHA VIHĀRA
BAN TU THƯ TỨ PHƯƠNG TĂNG TỰ
5044 OLD SHIPPS STORE ROAD. BEALETON, VA. 22712

PHƯƠNG DANH THÍ CHỦ CÚNG DƯỜNG ẤN TỐNG KINH SÁCH
(NAVA LOKUTTARAKAMMA DĀNA)
(CỬU THÍ NGHIỆP LỰC SIÊU THẾ: 4 ĐẠO – 4 QUẢ - NÍP BÀN)

Tu Viện Linh Ứng	**$1,000.00**
Sư Minh Hạnh	**$1,100.00**
Sư Minh Phước	**$200.00**
Bhikkhuni Thích Nữ Thể Độ (Hằng Tâm)	**$1,000.00**
Ni Sư Nhuận Đạt	**$50.00**
Sư Cô Liên Trường	**$22.50**
Sư Cô Như Tâm	**$200.00**
Tu Nữ Khantimā Tịnh Nhẫn	**$1,600.00**
[Xin hồi hướng Cửu Huyền Thất Tổ, Ông Bà Lê Chư, Nguyễn Thị Cho, Phạm Lợi, Nguyễn Thị Cúc, Ông Nội Lê Huyến, Bà Nội Phạm Thị Mịn, Ông Ngoại Phạm Hữu Hương, Bà Ngoại Nguyễn Thị Long, Bác Lê Xuyến, Chú Lê Dứt va các Cô Lê Thị Hòa, Lê Thị Bé, Lê Thị Xíu, Lê Thị Ngọt, Lê Thị Diệu, Lê Thị Như (Diệu Thiện)].	
Cô Lê Ngọc Sương (Nguyên Diệu)	**$500.00**
Cô Nguyễn Thị Tâm	**$150.00**
Cô Nguyễn Thị Mai	**$400.00**
Cô Mindy Nguyễn (Mettā) & Anh Trương Văn Nhân (Thiện Nhân)	**$800.00**
Cô Nguyễn Thị Tâm (Tâm Đức)	**$200.00**
[Xin hồi hướng cho Cha Nguyễn Trọng Sang (Tâm Trọng), Mẹ Phạm Thị Định (Nguyên Tâm), Chồng Nguyễn Huy Quang (Minh Huy)].	
Cô Nguyễn Thị Mai (Tâm Hạnh)	**$100.00**
Cô Nguyễn Thị Như Khuê (Diệu Bảo)	**$200.00**
[Xin hồi hương Chồng Đỗ Khắc Hoành (Thiện Hùng)].	
Tammy Trinh (Diệu Trường)	**$100.00**
Gđ. Trương Thùy Oanh & Dương Thái Bình	**$2,900.00**
Dương Khánh Jeffrey	**$100.00**
Dương Thùy Lynne	**$100.00**
Gđ. Trương Hoàng Chương & Tường Vân	**$200.00**
Gđ. Trương Thị Thùy Cơ	**$100.00**
Gđ. Phi Trương & Hảo Trương	**$50.00**

Gđ. Thùy Cơ & Đức Diện	**$50.00**
Anh Thư & Thu Thảo	**$50.00**
Hồ Thu Phương	**$50.00**
Nguyễn Thị Thu Hằng	**$400.00**
Cô Angie Dương (Hạnh Từ) & Hùng X. Cao	**$700.00**
Grace Cao (Hạnh Duyên)	**$50.00**
Gđ. Hạnh Trí, Hạnh Từ, Hạnh Bi, Hạnh Duyên	**$1,000.00**
Cô Bích Võ	**$100.00**
Cô Võ Thanh Minh	**$500.00**
Công Tằng Hoa / Công Tằng Huyền	**$1,700.00**
[Xin hồi hướng Ông Hoàng Xuân Định (Tâm Minh)].	
Cô Bửu Hương Brewster (Bình Ngọc)	**$800.00**
Cô Ruth Nga Nguyễn	**$1,200.00**
Cô Lạc Mãn	**$500.00**
Gđ. Thiện Kim & Diệu Mỹ & Cháu Yên So	**$700.00**
Bác Sỹ Hoàng Đình Hiển & Cô Thanh Tịnh (France)	**€350.00**
Nguyễn Thị Kim Lan	**$300.00**
Gđ. Lê Văn Định & Phạm Thị Nga	**$200.00**
Gđ. Lê Văn Hướng	**$100.00**
Gđ. Lê Thị Lý (Đức Ngọc)	**$300.00**
Gđ. Lê Ái Cơ & Phạm Hữu Đạt	**$600.00**
[Xin hồi hướng Cha Mẹ Phạm Ngọc Bá, Đặng Thị Sang và xin chia Quả Phước Báu đến các con Phạm Hữu Thiện & Thomas Phạm Hữu Tín].	
Gđ. Lê Thị Phượng & Thạch Xuân	**$1,300.00**
[Xin hồi hướng Cha Mẹ Thạch Niên, Nguyễn Thị Giác và xin chia Quả Phước Báu đến các con Thạch Thiện Tâm & Thạch Thiện Trí].	
Gđ. Thomas Lê Văn Thông & Võ Nhật Viên	**$2,250.00**
[Xin chia Quả Phước Báu đến các con Josiah Francis Lê, Peter Francis Lê].	
Gđ. Lê Tâm Trọng Nghĩa & Bùi Thị Thu Cúc	**$300.00**
Lê Thị Minh Trang & Lê Minh Nghiêm	**$400.00**
Bà Selina Lee	**$1,000.00**
Cô Lê Thị Kim Dung	**$300.00**
Cô Lê Thị Kim Loan	**$100.00**
Gđ. Trịnh Thị Hằng (Trí Hà)	**$400.00**
[Xin hồi hướng Cha Trịnh Đức Tiến (Tuệ Uyển) & Mẹ Vũ Thị Nga (Diệu Hoàng)]	
Gđ. Trung Nghĩa Theofilos	**$100.00**
Nguyễn Thị Tường An	**$100.00**
Gđ. Cô Cannie Thạch	**$460.00**
Cô Thanh	**$100.00**
Cô Nguyễn Kim Yến	**$40.00**

Cô Cintā Huỳnh Kim Chi	**$290.00**
Cô Huỳnh Ngọc Đính & Nguyễn Huỳnh Việt Khôi	**$1,000.00**
Cô Huỳnh Ngọc Mai & Thiện Chơn	**$700.00**
Châu Thị Bé	**$50.00**
Châu Tường An	**$100.00**
Nguyễn Ngọc Đông Phương	**$100.00**
Gđ. Anh Tâm Đoàn (Tâm Lực) & Lệ Quyên	**$1,560.00**
Gđ. Nguyễn Long Châu	**$100.00**
Vivian Đoàn	**$100.00**
Andy Đoàn	**$100.00**
Gđ. Cô Huỳnh Ngọc Lan & Sujātā Nguyễn Hồng Ân	**$600.00**
Gđ. Huỳnh Vũ	**$700.00**
Gđ. Huỳnh Phong	**$500.00**
Lưu A Xây	**$150.00**
Gđ. Trần Đỗ Kim Anh & Trần Quang Nghĩa	**$700.00**
Cô Nguyễn Thị Tư (Diệu Hồng)	**$100.00**
Gđ. Tôn Nữ Các Phương (Tâm Thiện) & Phạm Quang	**$2,500.00**
[Xin hồi hướng cho Cậu Út Nguyễn Văn Hương].	
Gđ. Anh Phương Phạm & Chị Diệp (Hạnh Ngọc)	**$300.00**
[Xin hồi hướng cho Ba Nguyễn Văn Thiệu (Nguyên Thiện), Mẹ Hà Thị Em (Nguyên Giác), Ba Phạm Đình Thành, Mẹ Lý Thị Tư (Tâm Hỷ)].	
Gđ. Tôn Thất Ban & Nguyễn Thị Mận	**$400.00**
Cô Trần Thị Phương Trân (Diệu An)	**$1,000.00**
Nguyễn Thị Mê Linh & Leilani & Thiên Nhi Phạm	**$100.00**
Cô Ngọc (Bạn Cô Tâm Thiện)	**$500.00**
Gđ. Trần Thị Lệ Hoa & Trần Thị Ngọc Hân	**$1,000.00**
Trần Thị Ngọc Hạnh	**$1,000.00**
[Xin hồi hướng cho Cha Trần Văn Nam, Mẹ Nguyễn Thị Phương (Đức Trí)].	
Nhóm Phật Tử Đạo Tràng Từ Nghiêm, Germany	
[Đinh Thị Xuân Thảo (Tịnh Hạnh), Lý Tùng Phương (Tịnh Phước)	
Nguyễn Mai (An Khang), Nguyễn Thị Tuyết (Hạnh Giác),	
Thu Cromme (Thế An), Nguyễn Thanh Thủy (Tuệ Giới),	
Lương Ngọc Yến (Pháp Nguyên), Nguyễn Thị Ngọc Thanh (Từ Diễm),	
Nguyễn Thị Hiếu, Trần Xuân Hạnh, Huỳnh Thúc Trần]	**$3,000.00**
Anh Lý Tùng Phương (Tịnh Phước) (Germany)	**€800.00**
Cô Lý Hồng Liên & Lê Xuân Tảo	**$100.00**
Gđ. Anh Nông Văn Khải & Tường Vân	**$500.00**
Gđ. Lý Thủy Tiên & Phan Văn Hội	**$1,500.00**
Nhóm bạn Cô Lý Thủy Tiên trong tiệm Angles Nail (Maryland)	**$370.00**
Gđ. Cô Nguyễn Thị Thu Hằng & Chồng Võ Nguyễn Ngọc Bảo Jimmy	

& Con Võ Nguyễn Gia Bảo Jason **$500.00**

[Xin hồi hướng Mẹ Nguyễn Thị Hạnh (Diệu Đức) và Cầu An Ba Nguyễn Văn Xinh (Thiện Nhân)].

Gđ. Nguyễn Ngọc Kim Thư & Lê Quang San **$100.00**

[Xin hồi hướng Cha Nguyễn Ngọc Thăng (Minh Quang) và Cầu An Mẹ Nguyễn Thị Bạch)].

Gđ. Cô Thu Hồng Lương (Hoa Huệ) (South Carolina) **$4,185.00**

Bà Nguyễn Thị Tám (Huệ Tâm) **$200.00**

Trần Quý (Diệu Tâm) **$200.00**

Bà Trương Thị Sự (Thanh Ngọc) **$200.00**

Hà Thị Song Hương (Diệu Lan) **$100.00**

Nguyễn Thị Thu Thảo (Diệu Hiếu) **$50.00**

Nguyễn Thanh Tâm (Trí Tâm) **$40.00**

Cô Mai Nguyễn (Tâm Hiền) **$150.00**

Cô Laura Nguyễn **$2,000.00**

[Xin hồi hướng cho Ba Nguyễn Duật (Nguyên Đa), Mẹ Trần Thị Cam (Nguyên Lành), Bà Nội Nguyễn Thị Chải (Quảng Hồng), Em Nguyễn Kim Doanh (Phúc Kính)].

Gđ. Cô Nguyễn Ngọc Hoa (Tịnh Nhân) & Anh Nguyễn Đức **$1,400.00**

[Xin hồi hướng cho Cha Nguyễn Văn Thức, Ba Nguyễn Văn Hưng, Mẹ Nguyễn Ngọc Tiên, Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Thiện Nhựt, Nguyễn Thiện Minh, Nguyễn Thiện Hoàng, Nguyễn Hưng Quốc, Nguyễn Hưng Gia].

Nguyễn Văn Charles **$100.00**

Gđ. Phạm Bá Tình (Tâm Nhiệt) & Phạm Cẩm Vân (Diệu Giác)
Trương Thiên Phú & Trương Thiên Kim **$3,500.00**

[Xin hồi hướng cho Cha Mẹ Phạm Bá Giáp, Nguyễn Thị Hớn, Nguyễn Thị Rớt, Trương Ấn, Trần Thị Thương, Trương Hoàng Phiên, Anh Phạm Bá Bộ].

Cô Kim Phạm (Tịnh Tâm) **$1,000.00**

Gđ. Andy Từ, Linh Châu & Kendy Từ **$300.00**

Gđ. Huỳnh Ngọc Tây (Minh Phương) & Huỳnh Lan (Diệu Tuyết) **$600.00**

[Xin hồi hướng cho Cha Trần Văn Dậu, Trần Văn Bảy, Trần Văn Nhiều, Bà Đinh Thị Kiếm, Dương Thị Hên, Trần Thị Hai và Cha Huỳnh Ngọc Đảnh].

Gđ. Huỳnh Thị Diễm Trang & Lê Quốc Bảo **$200.00**

Gđ. Huỳnh Thị Ngọc Bích & Lai Ngọc Cường **$200.00**

Gđ. Tony Huỳnh Ngọc Anh & Nguyễn Thị Yến **$200.00**

Gđ. Nguyễn Thị Minh Hạnh **$500.00**

Gđ. Nguyễn Quang Dũng & Từ Thị Trần **$500.00**

Gđ. Peter Trần & Trần Kim Thanh **$200.00**

Gđ. Chú Trần Tiêu (Thiện Trí) **$300.00**

Gđ. Đào Thị Diễm Tuyết (Nhị Tường) & Tạ Quang Sơn **$300.00**

[Xin hồi hướng Mẹ Ngô Thị Kim Xuân, và Cầu An cho Chồng Tạ Quang Sơn].

Vân Hồng Diệu Tường	**$50.00**
Cát Tường	**$50.00**
Thanh Trúc	**$50.00**
Mỹ Hạnh	**$100.00**
Nguyên Giang	**$25.00**
Silavati Nhi & Nun Sona	**$25.00**
Châu Nguyễn	**$25.00**
Diệu An	**$25.00**
Bác Diệu Huy	**$50.00**
Gđ. Mai Thanh Hiền (Từ Phong) & Mai Thanh Hoàng	**$111.00**
Gđ. Anh Việt Đỗ & Nguyễn Thanh Tuyền	**$4,050.00**
[Xin hồi hướng Bà Ngô Thị Kim Xuân, Cửu Huyền Thất Tổ Nội Ngoại Hai Bên, Ông Ngoại Lê Trung Nghĩa, Cậu Út Lê Hữu Khoa, Cậu Bảy Lê Khanh].	
Gđ. Cô Cannie Thạch & Thạch Hoàn Vũ	**$560.00**
[Xin hồi hướng cho Thạch Sáu, Thạch Thị Sáu, Thạch Thị Còn, Thạch Thị Sang, Triệu Vân Minh, Thạch Thị Huông].	
Bác Hoàng Thịnh (Lam Phương)	**$100.00**
Gđ. Cô Trần Thị Phương (Tịnh Từ) & Michael Harding	**$4,000.00**
(Xin hồi hướng Ông Nội Trần Văn Quới, Bà Nội Lê Thị Lập, Ông Ngoại Trần Văn Cự, Bà Ngoại Nguyễn Thị Liễu, Cha Trần Văn Sanh, Mẹ Trần Thị Sum (Diệu Đức).	
Gđ. Lawrence Thomas, Sương Thomas & Nguyễn Hồng Đức	**$500.00**
Hội Gia Long Alumnae Association	**$1,400.00**
[Xin hồi hướng cho Cụ Bà Trần Thị Sum (Diệu Đức)].	
Gđ. Bích Huệ & Kim Dung (Gia Long)	**$200.00**
Giáo Sư Nguyễn Kim Oanh	**$100.00**
Nguyễn Thị Chiêu	**$100.00**
Gđ. Ngọc Dung Mireau & Ronald Mireau	**$300.00**
Chiến	**$50.00**
Phương Mai	**$45.00**
Như Mỹ	**$22.50**
Trần Quốc Sứ	**$100.00**
Trần Quốc Hưng	**$100.00**
Hồ Thị Cẩm Nhung	**$100.00**
Trần Phương Trúc	**$100.00**
Phạm Thảo Khánh Mai	**$50.00**
Gđ. Hùng Phạm, Thảo Trần, Khánh Phạm & Mai Phạm	**$100.00**
Cô Tâm Hạnh (Nguyễn Thị Mai)	**$50.00**
Phạm Thảo Bảo Khánh	**$50.00**
Gđ. Ánh Điền	**$200.00**
Gđ. Trần Thị Thuận (Cát Tường)	**$1,000.00**

[Xin cầu an cho con Huỳnh Thị Thuận An].

Cô Tiến Ngọc	**$200.00**
Cô Long Châu	**$100.00**
Cô Đông Phương	**$100.00**
Dì Bảy Tồn	**$100.00**
Nguyễn Bảo Lộc	**$100.00**
Gđ. Bạn Hữu Cô Trần Thị Phương	**$1,960.00**

(Xin hồi hướng Cụ Bà Trần Thị Sum (Diệu Đức)

Gđ. Lý Kim Hà	**$100.00**
Bùi T. Dung	**$100.00**
Anh Đỗ	**$100.00**
Gđ. Phương Hà & Luân Đỗ	**$200.00**
Gđ. Mai Queen	**$200.00**
Anh Nhân Trần	**$100.00**
Đoàn Bạch Phượng	**$67.50**
Đoàn Bích Hằng	**$45.00**
Diệu Tịnh	**$100.00**
Lê Linh	**$45.00**
Thu Dung	**$45.00**
Phương Mai	**$45.00**
Như Mỹ	**$22.50**
Trước Ngô	**$30.00**
Tuyết Nguyễn	**$50.00**
Tâm Nguyễn	**$50.00**
Tiana Ngô	**$127.50**
Đinh Thị Như Nguyện (Minh Tâm)	**$700.00**
Gđ. Nhiêu và Vũ	**$600.00**
Gđ. Lê Ngô Thủy Mai (Chân Hạnh)	**$300.00**

[Xin hồi hướng cho Bà Diệp Xảo Hiền, Mẹ Diệp Lệ Quân (Hoa Quý), Cậu Ngô Đoan Hùng (Minh Trung) và Cầu An cho Ba Lê Ngô Đoan Tâm, và các Em Lê Ngô Kim Thanh, Lê Ngô Thành Đông (Khánh Lễ), Ông Trần Hen và Dì Diệp Huệ Kim].

Gđ. Phạm Hữu Phát (Tấn) (Tâm An)	**$400.00**
Cô Phạm Thị Kim Huệ (Tâm Huệ)	**$50.00**
Phúc Minh, Chơn Hạnh, Thanh Chơn	**$350.00**

[Xin hồi hướng cho Phạm Hoàng Ngọc, Trần Thị Liên và Cầu An cho Trần Lạc].

Icchitaṃ patthitaṃ tumhaṃ khippameva samijhatu.

May whatever you wish or quickly come to be.

Cầu xin các Quả lành mà Quí Phật Tử đã mong mỏi,

xin cho được thành tựu một cách mau lẹ.

Sādhu ! Sādhu ! Sādhu !
Lành Thay ! Lành Thay ! Lành Thay !

****

Kinh Sách đã được in ấn và phát hành:

1) ÂN ĐỨC TAM BẢO (500 QUYỂN)
2) NHỮNG PHÁP THOẠI NGÀI TRƯỞNG LÃO JATILA (1000 QUYỂN)
3) CHÚ GIẢI BỘ PHÁP TỤ - PHÂN TÍCH (1000 QUYỂN)
4) TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP
- ❖ TẬP I – CHƯƠNG I, II & III (1000 QUYỂN) – TỔNG HỢP TÂM, TÂM SỞ & LINH TINH
- ❖ TẬP II – CHƯƠNG IV (200 QUYỂN) – LỘ TRÌNH TÂM
- ❖ TẬP II – CHƯƠNG IV (TÁI BẢN LẦN THỨ II) (50 QUYỂN)
- ❖ TẬP III – CHƯƠNG V (QUYỂN I – QUYỂN II – QUYỂN III (100 QUYỂN)) – TỔNG HỢP THOÁT LY LỘ TRÌNH
- ❖ TẬP IV – CHƯƠNG VI & VII – TỔNG HỢP PHÂN TÍCH SẮC PHÁP (100 QUYỂN)
- ❖ TẬP V – CHƯƠNG VIII (QUYỂN I – QUYỂN II) – LIÊN QUAN TƯƠNG SINH (100 QUYỂN)

5) GIÁO ÁN TRƯỜNG BỘ KINH (1000 QUYỂN)
6) GIÁO ÁN TRUNG BỘ KINH – TẬP I (500 QUYỂN)
7) GIÁO ÁN KINH PHÁP CÚ – TẬP I (TÁI BẢN LẦN THỨ II) (500 QUYỂN)
8) GIÁO ÁN KINH PHÁP CÚ – TẬP II (TÁI BẢN LẦN THỨ II) (500 QUYỂN)
9) KINH KIẾT TƯỜNG (500 QUYỂN)
10) KINH KIẾT TƯỜNG – TÁI BẢN (200 QUYỂN)
11) KINH ĐẠI PHÁT THÚ (TRỌN BỘ: TẬP I – TẬP V, 200 QUYỂN)
12) AN TỊNH THÙ THẮNG ĐẠO (200 QUYỂN)
13) BIÊN NIÊN SỬ CHƯ PHẬT – TẬP I (300 QUYỂN)
14) BIÊN NIÊN SỬ CHƯ PHẬT – TẬP I – PHẦN I – CHÚ MINH I (200 QUYỂN)
15) BIÊN NIÊN SỬ CHƯ PHẬT – TẬP I – PHẦN I – CHÚ MINH II (200 QUYỂN)
16) GIÁO KHOA THƯ TỨ PHÁP SIÊU LÝ (100 QUYỂN)
17) PHẬT ĐẠO ĐƯA TỚI SỰ BÌNH AN VÀ NIỀM HẠNH PHÚC (100 QUYỂN)
18) SƯU TẬP PHÁP I - NGHIỆP, PHƯỚC, BALAMẬT (200 QUYỂN)
19) SƯU TẬP PHÁP II – NHÂN SINH TRÍ TUỆ (100 QUYỂN)
20) SƯU TẬP PHÁP III – PHÁP SIÊU LÝ - PHÁP CHẾ ĐỊNH (100 QUYỂN)
21) SƯU TẬP PHÁP IV – Ý NGHĨA LỄ DONTĀ VÀ LỄ KAṬHINA (100 QUYỂN)
22) SƯU TẬP PHÁP V - Ý NGHĨA LỄ THƯỢNG NGUYÊN & LỄ TAM HỢP (100 QUYỂN)
23) TRÍCH GIẢI KINH PHÁP CÚ (100 QUYỂN)
24) MỘT SỰ TU TẬP 300 GIÂY HOẶC MỘT PHƯƠNG PHÁP HÀNH THIỀN "NĂM PHÚT" (100 QUYỂN)
25) QUÁ TRÌNH THIỀN TUỆ GIÁC & MỘC DỤ KINH (50 QUYỂN)
26) TRI THỨC VỀ CÁC MỘNG CẢNH & TỨ SINH HOẠT BỔ PHẨM (100 QUYỂN).
27) BIÊN NIÊN SỬ CHƯ PHẬT – TẬP I – PHẦN I – CHÚ MINH III (100 QUYỂN)
28) TRÍCH GIẢI KINH PHÁP CÚ & ĐẠO LỘ ĐẾN NIBBĀNA (100 QUYỂN)
29) PHƯỚC BÁU - THIỆN CÔNG ĐỨC (100 QUYỂN)
30) XIỂN THUẬT PHÂN TÍCH KINH (100 QUYỂN)
31) CHÁNH TẠNG VÔ TỶ PHÁP **(Abhidhamma Piṭaka)**
- ❖ PHÁT THÚ – Quyển Thứ 40 (100 QUYỂN) & TÁI BẢN (100 QUYỂN- LẦN II)
- ❖ PHÁT THÚ- Quyển Thứ 40-41/45 (100 QUYỂN)

32) NHỮNG PHÁP THOẠI NGÀI KUṆDALA (100 QUYỂN)
33) CHÚ GIẢI PHÁT THÚ – CHÁNH TẠNG(Quyển Thứ 85/91)(100QUYỂN)
34) PHẬT GIÁO VỊ SƠ HỌC GIẢ (100 QUYỂN)
35) ĐẠO HÀNH THỰC TIỄN LAI ĐÁO NÍP BÀN (100 QUYỂN)

36) CHÚ GIẢI PHÁT THÚ - CHÁNH TẠNG (Quyển Thứ 86-87/91)(100 QUYỂN)
37) TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP – TẬP II – QUYỂN V (100 QUYỂN)

Kinh sách sắp được in ấn và sẽ phát hành:

- ❖ VÔ TỶ PHÁP VỊ CHƯ THIỀN GIẢ (100 QUYỂN)
- ❖ TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP – TẬP VI – CHƯƠNG IX - SAMĀDHIKAMMAṬṬHANA & VIPASSANĀKAMMAṬṬHANA (100 QUYỂN)
- ❖ CHÚ GIẢI THANH TỊNH ĐẠO (100 QUYỂN)(THÁI NGỮ - ANH NGỮ)
- ❖ CHÚ GIẢI ĐẠI NIỆM XỨ (100 QUYỂN)
- ❖ CHÁNH TẠNG VÔ TỶ PHÁP **(Abhidhamma Piṭaka)**

1) PHÁP TỤ & CHÚ GIẢI (100 QUYỂN)
2) PHÂN TÍCH & CHÚ GIẢI (100 QUYỂN)

- ❖ GIÁO ÁN TRUNG BỘ KINH – TẬP II (500 QUYỂN)
- ❖ GIÁO ÁN TRUNG BỘ KINH – TẬP III (500 QUYỂN)
- ❖ GIÁO ÁN KINH PHÁP CÚ – TẬP III (TÁI BẢN LẦN THỨ II)(500 QUYỂN)
- ❖ TIẾN TRÌNH THIỀN MINH SÁT TUỆ (100 QUYỂN)
- ❖ GIỚI ĐỨC HIỀN GIẢ KINH (100 QUYỂN)

****